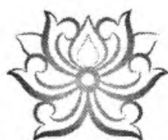
TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

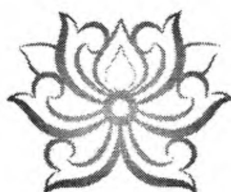
TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

11

TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ
11

HỢP PHẦN
(Khandhaka)

TẬP YẾU
(Parivāra)



Việt dịch
Tỳ-khưu INDACANDA

 NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC



HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT

- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ



•Cố vấn
- Hòa thượng VIÊN MINH
- Hòa thượng Tiến sĩ THIỆN TÂM

•Trưởng ban
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

•Phó Trưởng ban
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN

•Tổng Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ

•Phó Tổng Biên tập
- Thượng tọa GIÁC GIỚI

•Thư ký Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG

•Ủy viên Biên tập
- Thượng tọa Thạc sĩ GIÁC TRÍ
- Thượng tọa Tiến sĩ BỬU HIỀN
- Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
- Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY

•Trưởng ban Tài chánh
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身，處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác.

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心，以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

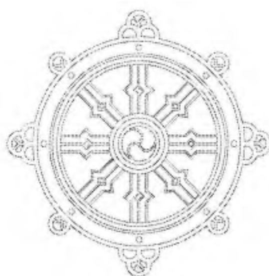
Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự."

Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)



LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律藏, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論藏, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giáo Việt Nam).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma*, S. *Abhidharma*, H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc lầu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại thí chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Pháp Hoa*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn, Đại Tập*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v…

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 6 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải*, *Phân tích đạo*, *Thánh nhân ký sự*, *Phật sử*, *Hạnh tạng* và *Milinda vấn đạo*.

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大藏經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海蔵) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大蔵經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjirō, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nālandā nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất gần một nửa chặng đường phiên dịch.

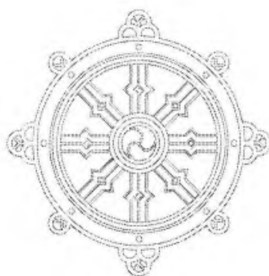
Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau; đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)



LỜI NÓI ĐẦU

T***am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiều thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjirō, Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,...

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, một số rào cản ngôn ngữ trong các để bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng

thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

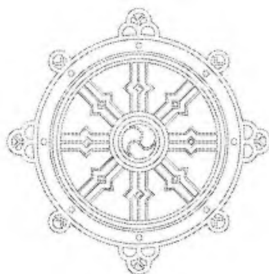
Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)



MỤC LỤC

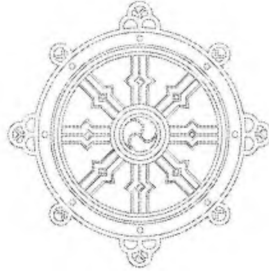
ĐẠI PHẨM
(*MAHĀVAGGA*)



TIỂU PHẨM
(*CULLAVAGGA*)



TẬP YẾU
(*PARIVĀRA*)



BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bvs.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvsA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải*)
CNidA.	*Cūḷaniddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Tiểu nghĩa thích / Chú giải Tiểu diễn giải*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
ItA.	*Itivuttaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện Tiền thân*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)

Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī* (*Giải nghi*)
Kv.	*Kathāvatthu* (*Luận sự / Những điểm dị biệt*)
M.	*Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*)
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trung bộ*)
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa* (*Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan*)
Mhvs.	*Mahāvaṃsa* (*Đại sử*)
Miln.	*Milindapañha* (*Mi-tiên vấn đáp / Milinda vấn đạo*)
MNid.	*Mahāniddesa* (*Đại nghĩa thích / Đại diễn giải*)
MNidA.	*Mahāniddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diễn giải*)
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā* (*Phụ chú giải Kinh Trung bộ*)
Mv.	*Mahāvagga* (*Đại phẩm*)
Nid.	*Niddesa* (*Nghĩa thích / Diễn giải*)
NidA.	*Niddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải*)
Netti.	*Nettipakaraṇa* (*Chỉ đạo luận / Cẩm nang học Phật*)
Paṭ.	*Paṭṭhāna* (*Duyên hệ*)
Pe.	*Peṭakopadesa* (*Chú thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng*)
Ps.	*Paṭisambhidāmagga* (*Vô ngại giải đạo / Phân tích đạo*)
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā* (*Chú giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo*)
Pug.	*Puggalapaññatti* (*Nhân thi thiết*)
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā* (*Chú giải Nhân thi thiết*)
Pv.	*Petavatthu* (*Ngạ quỷ sự / Chuyện Ngạ quỷ*)
PvA.	*Petavatthu Aṭṭhakathā* (*Chú giải Ngạ quỷ sự / Chú giải Chuyện Ngạ quỷ*)
S.	*Saṃyutta Nikāya* (*Kinh Tương ưng bộ*)
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tương ưng bộ*)
Sn.	*Suttanipāta* (*Kinh tập*)
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh tập*)
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Thag.	*Theragāthā* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā* (*Chú giải Trưởng lão Tăng kệ*)
Thīg.	*Therīgāthā* (*Trưởng lão Ni kệ*)

ThīgA. *Therīgāthā Aṭṭhakathā* (*Chú giải Trưởng lão Ni kệ*)

Thūvs. *Thūpavaṃsa* (*Biên niên sử chùa tháp Tích Lan*)

Ud. *Udāna* (*Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ*)

UdA. *Udāna Aṭṭhakathā*
(*Chú giải Kinh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ*)

Uj. *Upāsakajanālaṅkāra* (*Ưu-bà-tắc trang nghiêm*)

Vbh. *Vibhaṅga* (*Phân tích*)

VbhA. *Vibhaṅga Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phân tích*)

Vin. *Vinaya Piṭaka* (*Luật tạng*)

VinA. *Vinaya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Luật tạng*)

Vism. *Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo*)

Vv. *Vimānavatthu* (*Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung*)

VvA. *Vimānavatthu Aṭṭhakathā*
(*Chú giải Thiên cung sự / Chú giải Chuyện Thiên cung*)

Yam. *Yamaka* (*Song đối*)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy. *Divyāvadāna* (*Thiên cung sự*)

Mhvu. *Mahāvastu* (*Đại sự*)

MPS. *Mahāparinirvānasūtra* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS. *Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti)

BD. *Book of Discipline* (*Luật tạng*)

BI. *Buddhist India* (*Phật giáo Ấn Độ*)

BPE. *Buddhist Manual of Psychological Ethics* (*Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo*)

Cpd. *Compendium of Philosophy* (*Cương yếu Triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha*)

DB. *Dialogues of the Buddha* (*Kinh Trường bộ*)

Expos. *Expositor* (*Chú giải Pháp tụ*)

GS. *Gradual Sayings* (*Kinh Tăng chi bộ*)

KS.	*Kindred Sayings* (*Kinh Tương ưng bộ*)
MB.	*A Manual of Buddhism* (*Cẩm nang Phật giáo*)
MLS.	*Middle Length Sayings* (*Kinh Trung bộ*)
QKM.	*Questions of King Milinda* (*Milinda vấn đạo*)
PC.	*Points of Controversy* (*Những điểm dị biệt*)
Pss. Breth.	*Psalms of the Brethren* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
Pss. Sis.	*Psalms of the Sisters* (*Trưởng lão Ni kệ*)
SBB.	*Sacred Books of the Buddhists* (*Thánh điển Phật giáo*)
SBE.	*The Sacred Books of the East* (*Thánh điển phương Đông*)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT

TTTĐPGVN.	*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*
TTPV.	*Tam tạng Pāḷi-Việt*

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T.	*Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經)
N.	*Nam truyền Đại tạng kinh* (南傳大藏經)
Biệt Tạp.	*Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng./ EĀ.	*Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經, *Ekottarikāgama*)
Tạp./ SĀ.	*Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經, *Saṃyuktāgama*)
Trung./ MĀ.	*Trung A-hàm kinh* (中阿含經, *Mādhyamāgama*)
Trường./ DĀ.	*Trường A-hàm kinh* (長阿含經, *Dīrghāgama*)

TỪ ĐIỂN

BHSD.	*Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary* (*Từ điển Phật giáo Sanskrit hỗn hợp*)
CPD.	*Critical Pāli Dictionary* (*Từ điển Biện giải Pāli*)
DPPN.	*Dictionary of Pāli Proper Names* (*Từ điển Danh từ riêng Pāli*)
EB.	*Encyclopaedia of Buddhism* (*Bách khoa Từ điển Phật giáo*)
EPD.	*English-Pāli Dictionary* (*Từ điển Anh - Pāli*)
ERE.	*Encyclopedia of Religion and Ethics* (*Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức*)
PED.	*Pāli-English Dictionary* (*Từ điển Pāli - Anh*)
PQĐTĐ.	*Phật Quang đại từ điển*

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

CST.	Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6)
PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
VRI.	Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

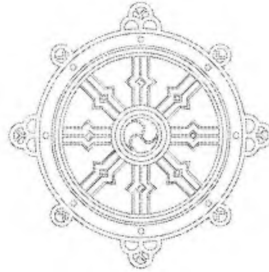
Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	P.	Tiếng Pāli
H.	Tiếng Hán	E.	Tiếng Anh
TTL.	trước Tây lịch	DL.	Dương lịch
PL.	Phật lịch	tr.	trang
Sđd.	Sách đã dẫn	NXB.	Nhà xuất bản
nt.	như trên		
HT.	Hòa thượng	TT.	Thượng tọa
ĐĐ.	Đại đức	NS.	Ni sư
SC.	Sư cô	TS.	Tiến sĩ
ThS.	Thạc sĩ	ND.	Người dịch
BBT.	Ban Biên tập		

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini)	Công nguyên
BC. (Before Christ)	trước Công nguyên
Cf. (confer)	Tham chiếu, so sánh
ed. (by)	biên tập (bởi)
edn. (edition)	ấn bản
etc. (et cetera)	vân vân… (v.v…)
f./ ff. (following pages)	trang kế tiếp / các trang kế tiếp
fig.	hình minh họa
ibid. (ibidem)	cùng trang đã dẫn / như trên
n. (note)	chú thích
op. cit (opere citato)	sách đã dẫn
p./ pp. (page/ pages)	trang / các trang

tr. (by)	dịch bởi
trans. (translation)	bản dịch
v. (verse)	bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn
vol./ vols. (volume/ volumes)	tập, quyển / các tập, các quyển



DẪN LUẬN
LUẬT TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

Trong ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* này, bản *Luật tạng Pāli* được chọn in là bản dịch của Thượng tọa Indacanda (Chánh Thân) được dịch Việt vào tháng 10-2003 và hiệu đính vào tháng 9-2004.

Để giúp độc giả hiểu rõ về *Luật tạng Pāli* của Thượng Tọa bộ so với Luật tạng của năm trường phái Luật học[1] Phật giáo hiện còn lưu trữ bằng Hán văn trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經, *Taishō Shinshū Daizōkyō*), tôi khái quát về sáu trường phái Luật Phật giáo, giới thiệu về cấu trúc và nội dung của *Luật tạng Pāli* cũng như một số thuật ngữ Luật học Phật giáo thông dụng.

I. CÁC TRƯỜNG PHÁI LUẬT PHẬT GIÁO

Ngoài *Luật tạng Pāli* còn gọi là *Luật Thượng Tọa bộ* (*Theravāda Vinaya*, 上座部律), có năm trường phái Luật Phật giáo hiện vẫn còn các bản văn lưu hành thuộc các trường phái Phật giáo tiêu biểu gồm: (i) *Luật tứ phần* (*Cāturvargīya Vinaya*,[2] 四分律)[3] của Pháp Tạng bộ (Dharmaguptaka, 法藏部); (ii) *Luật Di-sa-tắc bộ hòa-ê ngũ phần* (*Mahīśāsaka Vinaya*, 彌沙塞部和醯五分律), gọi tắt là *Luật ngũ phần* (*Pañcavargika Vinaya*, 五分律)[4] của Hóa Địa bộ (Mahīśāsaka, 化地部); (iii) *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* (*Mahāsāṃghika Vinaya*, 摩訶僧祇律) gọi tắt là *Luật Tăng-kỳ* (僧祇律)[5] của Đại Chúng bộ (Mahāsāṃghika, 大眾部); (iv) *Luật thập tụng* (*Daśa-bhāṇavāra Vinaya*, 十誦律),[6] còn gọi là *Luật Tát-bà-đa bộ thập tụng* (薩婆多部十誦律)[7] của Thuyết

---

[1] Xem bảng đối chiếu chi tiết giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ với 5 trường phái Luật Phật giáo trong *Giới bổn Tỳ-kheo của Luật tứ phần*, Thích Nhật Từ dịch và chú thích (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021), tr. 72-89.

[2] Các thuật ngữ *Cāturvargīya Vinaya*, *Pañcavargika Vinaya*, *Daśa-bhāṇavāra Vinaya* do dịch giả đời sau dịch từ chữ Hán sang Sanskrit. Cho đến ngày nay, các học giả chưa tìm ra bộ gốc có các thuật ngữ Sanskrit này.

[3] *Tứ phần luật* (四分律) được đánh số trong *Đại Chánh* là *T.*1428-34.

[4] *Di-sa-tắc ngũ phần luật* (彌沙塞五分律) được đánh số trong *Đại Chánh* là *T.*1421-24.

[5] *Ma-ha Tăng-kỳ luật* (摩訶僧祇律) được đánh số trong *Đại Chánh* là *T.*1425-27.

[6] *Thập tụng luật* (十誦律) được đánh số trong *Đại Chánh* là *T.*1435-41.

[7] Theo *Xuất tam tạng ký tập* 出三藏記集 (*T.*55. 2145.3. 0020a13).

Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvāstivāda, 說一切有部); (v) *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*, 根本說一切有部律)[8] gọi tắt là *Luật Căn Hữu bộ* (根有部律) hay *Luật Căn Hữu* (根有律) thuộc Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Mūlasarvāstivāda, 根本說一切有部).

Tại Trung Quốc, *Luật tứ phần*, *Luật ngũ phần*, *Luật thập tụng*, *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* được phổ biến rộng rãi và được gọi là bốn bộ Luật lớn (四大律典). Trong thời đại Nam Bắc triều (南北朝, 420-589), *Luật thập tụng* và *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* là hai bộ thịnh hành nhất, đặc biệt là ở Giang Nam (江南). Trong thời Tùy Đường (隋唐, 581-907), *Luật tứ phần* thịnh hành nhất tại Trung Quốc.

Trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新修大藏經) gọi tắt là *Đại Chánh tạng* (大正藏) hiện còn lưu giữ các bản văn của năm trường phái Luật và một phần của Luật Theravāda cũng như một số bản văn Luật thuộc Phật giáo Đại thừa. Nếu *Luật tạng Thượng Tọa bộ* đại diện Phật giáo Thượng Tọa bộ (P. Theravāda, S. Sthaviravāda, 上座部) còn gọi là Phật giáo Nguyên thủy tại Việt Nam thì *Luật tứ phần* đại diện cho Luật tạng được áp dụng phổ biến tại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Triều Tiên.

Luật tạng Thượng Tọa bộ là bộ Luật Phật giáo đầu tiên được biên tập thành văn bản viết vào thế kỷ I TTL, đang khi các bản văn *Luật tứ phần*, *Luật ngũ phần*, *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* và *Luật thập tụng* được dịch sang Hán văn trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ V. Riêng bộ *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*) được dịch sang tiếng Trung Quốc vào đầu thế kỷ VIII và sang tiếng Tây Tạng vào đầu thế kỷ IX.

1. *Luật tạng Pāli* (*Vinaya Piṭaka*, 律藏) của Thượng Tọa bộ có 5 tập: (i) *Phân tích Giới* (*Suttavibhaṅga*, 經分別, *Kinh phân biệt*)[9] gồm *Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo* (*Mahāvibhaṅga*, 大分別, *Đại phân biệt*); (ii) *Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo* (經分別)[10] gồm 227 điều giới tiếp theo, và *Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo-ni* (比丘尼分別) gồm 311 điều giới; (iii) *Đại phẩm* (*Mahāvagga*, 大品) gồm 10 chương; (iv) *Tiểu phẩm* (*Cullavagga*, 小品)[11] gồm 12 chương; (v) *Tập yếu* (*Parivāra*, 附随, Phụ tùy)[12] trình bày các tiêu đề giới luật dưới hình thức vấn đáp.

---

[8] *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (根本說一切有部律) được đánh số trong *Đại Chánh* là T.1442-59.

[9] Bản Trung văn của Diệu Thông về *Kinh phân biệt* (經分別): http://tripitaka.cbeta.org/N01n0001 hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-1-Han-Yuan-Hen.html (truy cập ngày 26-02-2022).

[10] Bản Trung văn của Diệu Thông về *Kinh phân biệt* (經分別) tiếp theo: http://tripitaka.cbeta.org/N02n0001 hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-2-Han-Yuan-Hen.html (truy cập 26-02-2022).

[11] Bản Trung văn của Diệu Thông về *Hợp phần* (犍度): http://tripitaka.cbeta.org/N04n0001 hoặc https:// dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-4-Han-Yuan-Hen.html (truy cập ngày 26-02-2022).

[12] Bản Trung văn của Diệu Thông về *Tập yếu* (附随, Phụ tùy): http://tripitaka.cbeta.org/N05n0001 hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-5-Han-Yuan-Hen.html (truy cập ngày 26-02-2022).

2. *Luật tứ phần* (*Cāturvargīya Vinaya*, 四分律) hay *Luật Pháp Tạng bộ* (*Dharmagupta Vinaya*, 法藏部戒律), thuộc Pháp Tạng bộ hay còn gọi là *Luật Đàm-vô-đức* (曇無 德律), có nghĩa đen là "*Luật tạng bốn phần*", gồm 60 tập, do Phật-đà-da-xá (Buddhayaśa, 佛陀耶舍) dịch vào khoảng năm 408-13 và Trúc Phật Niệm (竺 佛念) dịch vào khoảng năm 412-13, thuộc triều đại Hậu Tần (後秦, 384-417). Về sau, tại Trung Quốc, *Luật tứ phần* là bản văn được Luật tông (律宗), một trong mười tông phái của Phật giáo Hán truyền (漢傳佛教) chọn làm bản Luật để nghiên cứu, hành trì. Chính vì thế, Luật tông còn được gọi là "Tứ phần luật tông" (四分律宗) hoặc "Nam Sơn luật tông" (南山律宗).

Sở dĩ có tên gọi là *Luật tứ phần* là vì *Luật Pháp Tạng bộ* có cấu trúc gồm 4 phần. Phần thứ nhất giới thiệu chi tiết về 250 điều giới Tỳ-kheo (比丘), gồm 21 quyển đầu (từ quyển 1-21). Phần thứ hai trình bày 348 điều giới Tỳ-kheo-ni (比丘尼) và 4 chủ đề (犍度) quan trọng như tiếp nhận giới (受戒), đọc giới (說戒), an cư (安居), tự tứ (自恣), gồm 16 quyển kế (từ quyển 22-37). Phần thứ ba nói về 15 chủ đề (犍度) gồm phép tự tứ (tiếp theo), da thuộc (皮革), y (衣), thuốc (藥), y công đức (迦絺那衣), Câu-thiểm-di (拘睒彌), Chiêm-ba (瞻波), quở trách (呵責), người (人), phú tàng (覆藏), giá (遮), phá Tăng (破僧), dứt tranh chấp (滅諍), Tỳ-kheo-ni (比丘尼) và pháp (法), gồm 12 quyển (từ 38-49). Phần thứ tư đề cập về 50 chủ đề khác bao gồm phòng xá (房舍), hỗn hợp (雜), đại hội biên tập 500 người (五百集法), đại hội biên tập 700 người (七百集法), Điều bộ Tỳ-ni (調部毘尼) và Tỳ-ni tăng nhất (毘尼增一) gồm 11 quyển.

3. *Luật thập tụng* (*Daśa-bhāṇavāra Vinaya*, 十誦律), còn gọi là *Luật Tát-bà-đa bộ thập tụng* (薩婆多部十誦律), có nghĩa đen là bộ Luật mười lần trì tụng (*Ten Recitations Vinaya*) trong 90 ngày của mùa an cư thuộc lần biên tập đầu tiên sau khi đức Phật nhập Đại Niết-bàn. Tuy nhiên, cách giải thích trên cũng chưa có phần thuyết phục hoàn toàn, vì chữ "tụng" này đồng nghĩa như chữ "phần", nên bộ Luật này còn được dịch là *Luật mười phần*. Đây là bộ *Luật tạng của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (*Sarvāstivāda Vinaya*, 說一切有部律), gồm 61 tập được ngài Công Đức Hoa (Puṇyatāra, 功德華)[13] truyền miệng bản Sanskrit và ngài Cưu-ma-la-thập (Kumārajīva, 鳩摩羅什, 344-413) dịch sang Hán văn trong triều đại Hậu Tần (後秦, 399-413).

Theo *Xuất tam tạng ký tập* (出三藏記集), ngài Cưu-ma-la-thập cung thỉnh ngài Puṇyatāra đến Trường An (長安) truyền bá Luật học. Vào ngày 17-10-404, hơn 600 Sa-môn đã đến chùa Trường An Trung (長安中寺) nghe ngài Puṇyatāra trùng tuyên Luật, ngài Cưu-ma-la-thập dịch ra Hán văn. Mới hoàn thành được 2/3 công trình phiên dịch thì ngài Puṇyatāra viên tịch.[14]

[13] Puṇyatāra (功德華) thường được phiên âm là Phất-nhã-đa-la (弗若多羅) hay Bất-nhã-đa-la (不若多罗) là người Kashmir (罽賓).

[14] Tham chiếu: *Xuất tam tạng ký tập* 出三藏記集 (*T*.55. 2145.3. 0020a29-b02): "羅什法師於長安逍遙園三千僧中共譯出之. 始得二分餘未及竟. 而多羅亡."

Cũng theo *Xuất tam tạng ký tập* (出三藏記集), tập 3, để hoàn tất dịch phẩm này, ngài Huệ Viễn (慧遠, 334-417) thỉnh ngài Đàm-ma-lưu-chi (曇摩流支, S. Dharmaruci) người Nam Ấn đến Trường An mang theo bản chép tay bản Luật Sanskrit phần còn lại và thỉnh ngài Cưu-ma-la-thập tiếp tục dịch sang Hán văn. Khi dịch tổng cộng được 58 quyển, chưa kịp xuất bản thì ngài Cưu-ma-la-thập viên tịch. Ngài Tỳ-ma-la-xoa (卑摩羅叉, S. Vimalākṣa) đã mang bản thảo đến chùa Thạch Nhuận (石澗寺) ở Thọ Xuân (壽春), nay là huyện An Vi Thọ (安徽壽) dịch thêm *Thiện tụng Tỳ-ni tự* (善誦毗尼序) còn gọi là *Tỳ-ni tụng* (毗尼誦) gồm 3 quyển. Sau đó chỉnh lý *Luật thập tụng* thành 61 quyển.

4. ***Luật ngũ phần*** (五分律), gọi đủ là *Luật Di-sa-tắc bộ hòa-ê ngũ phần* (*Mahīśāsaka Vinaya*, 彌沙塞部和醯五分律), còn gọi là *Luật Di-sa-tắc* (彌沙塞律) có cấu trúc gồm 5 phần. Đây là Luật tạng của Hóa Địa bộ (S. Mahīśāsaka, P. Mahiṃsāsaka, 化地部), do Phật-đà-thập (佛陀什, S. Buddhajīva) người Kashmir (罽賓) và Sa-môn Trí Nghiêm (沙門智嚴)[15] dịch năm 423 hoặc 424 tại chùa Long Quang (龍光寺) ở Dương Đô (楊都). Theo *Cao Tăng Pháp Hiển truyện*,[16] bộ Luật này được ngài Pháp Hiển (法顯, 337-422) mang từ Tích Lan (Sri Lanka) về Đông Tấn vào năm 413.

5. ***Luật Ma-ha Tăng-kỳ*** (*Mahāsāṃghika Vinaya*, 摩訶僧祇律), gọi tắt là *Luật Tăng-kỳ* (僧祇律), là Luật tạng của Đại Chúng bộ, do ngài Phật-đà-bạt-đà-la (佛馱跋陀羅, S. Buddhabhadra, 359-429) và ngài Pháp Hiển (法顯) dịch, gồm 40 quyển, vào tháng 11 năm Nghĩa Hy thứ 12, tức là năm 416, trong triều đại Đông Tấn (東晉, 317-420).[17]

6. ***Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ*** (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*, 根本說一切有部律) hay *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da* (根本說一切有部毘奈耶) của bộ phái Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Mūlasarvāstivāda, 根本說一切有部) do ngài Nghĩa Tịnh (義淨, 635-713) chủ biên bản dịch vào thế kỷ VIII thuộc nhà Đường (唐代, 618-907), Trung Quốc, gồm 200 quyển, vẫn chưa hoàn tất. Ấn bản bằng tiếng Tây Tạng của ngài Thắng Hữu (勝友, S. Jinamitra) được dịch vào thế kỷ VIII-IX được xem là bản dịch hoàn chỉnh nhất của bộ Luật này và được các trường phái Phật giáo Tây Tạng (藏傳佛教) sử dụng thống nhất.[18]

---

[15] Có giả thuyết thay thế ngài Trí Thắng (智勝) với ngài Đạo Sanh (道生, 355-434).

[16] *Cao Tăng Pháp Hiển truyện* 高僧法顯傳 (*T*.51. 2085. 0865c24): 法顯住此國二年更求得彌沙塞律藏本.

[17] Theo *Khai Nguyên Thích giáo lục*, quyển 3: 摩訶僧祇四十卷 (或云三十卷梵本是法顯於摩竭提國將來義熙十二年十一月於鬪場寺共法顯出見竺道祖錄祐在顯錄據共譯故耳). Niên hiệu Nghĩa Hy (義熙) chỉ có 14 năm, năm thứ 14 tức là năm 418.

[18] Tuy thông tin *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* được cho là Luật tạng của Phật giáo Tây Tạng, nhưng khi so sánh bản luật trong Hán tạng và bản Tạng ngữ ngày nay cũng có sự khác biệt giữa nhóm Điều nên học (*Sekhiyā*).

Về cấu trúc, *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* được phân làm 4 phần: (i) Phân biệt luật (S. *Vinaya-vibhaṅga*, 毘奈耶分別, Tỳ-nại-da phân biệt); (ii) Sự việc của luật (S. *Vinaya-vastu*, 毘奈耶事, Tỳ-nại-da sự); (iii) Tạp sự của luật (S. *Vinaya-kṣudraka*, 毘奈耶雜事, Tỳ-nại-da tạp sự); (iv) Các phần tăng theo pháp số của luật (S. *Vinayottaragrantha*, 毘奈耶上分, Tỳ-nại-da thướng phần).

Phần sự việc của luật (S. *Vinaya-vastu*), theo bản Sanskrit hiện nay, bao gồm 17 phần như sau: (i) Gia nhập Tăng đoàn (S. *pravrajyā*); (ii) Lễ thuyết giới (S. *Poṣadha*, Bố-tát); (iii) Lễ an cư mùa mưa (S. *Varṣā*); (iv) Lễ Tự tứ cuối mùa an cư (S. *Pravāraṇā*); (v) Sử dụng dép và các đồ vật làm bằng da (S. *carma*); (vi) Thuốc thang (S. *bhaiṣajya*); (vii) Các loại y (S. *cīvara*); (viii) Y công đức (S. *kaṭhina*); (ix) Tranh chấp của Tăng đoàn tại Kauśāmbī (S. Kauśāmbī); (x) Biểu quyết Tăng đoàn (S. *karma*); (xi) Kỷ luật trong Tăng đoàn (S. *pāṇḍulohitaka*); (xii) Cách phạt người phạm tội Tăng tàn (S. *pudgala*); (xiii) Nguyên tắc ứng xử biệt trú (S. *pārivāsika*); (xiv) Đình chỉ lễ Bố-tát (S. *poṣadhasthāpana*); (xv) Thủ tục giải quyết tranh chấp (S. *adhikaraṇa*); (xvi) Phá hòa hợp Tăng (S. *Saṃghabheda*); (xvii) Trú xứ và đồ vật (S. *śayanāsana*).

II. LUẬT TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG

1. Về cấu trúc và số tập

Luật tạng (P=S. *Vinaya-piṭaka*, 律藏) được phiên âm trong Hán văn là *Tỳ-nại-da tạng* (毘奈耶藏), là tuyển tập các quy định về giới luật Phật giáo (佛教戒律) được đức Phật chế định cho người xuất gia. Giới luật được hình thành từ cuộc sống của Tăng đoàn, liên hệ đến các phương diện sinh hoạt nên được xem là nơi nương tựa của Tăng đoàn.

Về cấu trúc trong ấn bản Pāli, Luật tạng gồm có 3 phần chính: (i) *Phân tích Giới bổn* (*Suttavibhaṅga*, 經分別); (ii) *Hợp phần* (*Khandhaka*) thường được phiên âm là "Kiền-độ" (犍度) và dịch nghĩa là "Thiên chương" (篇章); (iii) *Tập yếu* (*Parivāra*) còn được dịch là "Phụ tùy" (附隨).

Về số tập, 3 phần của Luật tạng chia làm 5 tập: (i) *Phân tích Giới bổn* (*Suttavibhaṅga*, 經分別, Kinh phân biệt), với 227 điều, gồm *Phân tích Giới Tỳ-kheo* (*Bhikkhuvibhaṅga*) từ phần *Pārājika* đến *Nissaggiya*; (ii) *Phân tích Giới Tỳ-kheo* (*Bhikkhuvibhaṅga*) tiếp theo cho đến hết, và *Phân tích Giới Tỳ-kheo-ni* (*Bhikkhunivibhaṅga*, 比丘尼分別) gồm 311 điều; (iii) *Đại phẩm* (*Mahāvagga*, 大品) gồm 10 chương; (iv) *Tiểu phẩm* (*Cullavagga*, 小品) gồm 12 chương; (v) *Tập yếu* (*Parivāra*, 附随, Phụ tùy) trình bày các tiêu đề giới luật dưới hình thức vấn đáp.

Bản Hán dịch được nhà xuất bản Diệu Lâm (妙林) thuộc chùa Nguyên Hanh (元亨寺) ấn hành vào năm 1990 trong *Đại tạng kinh Nam truyền* (南傳

大藏經), gồm 5 tập, được xem là bản dịch tương đối trung thành với ấn bản Pāli của Hội Thánh điển Pāli (Pali Text Society).

Tạng Luật Pāli do Thượng tọa Indacanda dịch tiếng Việt vào tháng 10-2003 và hiệu đính vào tháng 9-2004, lúc đầu được phổ biến tại trang nhà tamtangpaliviet.net[19] gồm có 9 tập: (i) *Phân tích Giới Tỳ-kheo* I; (ii) *Phân tích Giới Tỳ-kheo* II; (iii) *Phân tích Giới Tỳ-kheo-ni*; (iv) *Đại phẩm* I; (v) *Đại phẩm* II; (vi) *Tiểu phẩm* I; (vii) *Tiểu phẩm* II; (viii) *Tập yếu* I; (ix) *Tập yếu* II.

2. *Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo* (*Bhikkhu Pātimokkha vibhaṅga*)

Giới bổn Tỳ-kheo (比丘戒本) còn gọi là *Kinh giới Tỳ-kheo* (比丘戒經) là bản văn gồm 227 giới điều đối với *Luật Thượng Tọa bộ* (*Theravāda Vinaya*),[20] 250 điều của Tỳ-kheo đối với *Luật tứ phần* (*Dharmaguptaka Vinaya*), 251 điều đối với *Luật ngũ phần* (*Mahīśāsaka Vinaya*), 218 điều đối với *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* (*Mahāsāṃghika Vinaya*), 263 điều đối với *Luật thập tụng* (*Sarvāstivāda Vinaya*) và 249 điều đối với *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*) theo bản Hán văn, 257 điều theo bản Tây Tạng và 263 điều theo bản Sanskrit.

BẢNG ĐỐI CHIẾU GIỚI TỲ-KHEO CỦA CÁC PHÁI LUẬT

	Luật Pāli	***Luật tứ phần***	***Luật ngũ phần***	***Luật Tăng-kỳ***	***Luật thập tụng***	***Luật Căn Bản Hán văn***	***Luật Căn Bản Tây Tạng***	***Giải thoát giới kinh***	***Bản tiếng Phạn***
Trục xuất (*Pārājika*)	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Tăng tàn (*Saṅghādisesa*)	13	13	13	13	13	13	13	13	13
Không xác định (*Aniyata*)	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Ưng xả đối trị (*Nissaggiya Pācittiya*)	30	30	30	30	30	30	30	30	30

---

19 https://www.tamtangpaliviet.net/VHoc/VHoc_CBDM.htm (truy cập ngày 10-01-2021).

20 Xem chi tiết 227 giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ đối chiếu với 5 trường phái Luật Phật giáo trong quyển Lý Phụng My, *Nghiên cứu giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ: Đối chiếu với năm phái Luật Phật giáo*, Thích Nhật Từ dịch (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021), tr. 69-501.

Ưng đối trị (*Pācittiya*)	92	90	91	92	90	90	90	90	90
Ưng phát lộ (*Pāṭidesanīya*)	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Điều nên học (*Sekhiya*)	75	100	100	66	113	99	107	96	113
Dứt tranh chấp (*Adhikaraṇasamathā*)	7	7	7	7	7	7	7	7	7
Tổng số giới	**227**	**250**	**251**	**218**	**263**	**249**	**257**	**264**	**263**

3. *Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo-ni* (*Bhikkhunī Pātimokkha vibhaṅga*)

Giới bổn Tỳ-kheo-ni (比丘尼戒本) còn gọi là *Kinh giới Tỳ-kheo-ni* (比丘尼戒經), là bản văn có 311 giới điều theo *Luật Thượng Tọa bộ* (*Theravāda Vinaya*),[21] 348 điều của Tỳ-kheo-ni theo *Luật tứ phần* (*Dharmaguptaka Vinaya*), 380 điều đối với *Luật ngũ phần* (*Mahīśāsaka Vinaya*), 290 điều đối với *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* (*Mahāsāṃghika Vinaya*), 354 điều đối với *Luật thập tụng* (*Sarvāstivāda Vinaya*) và 361 điều đối với *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*).

BẢNG ĐỐI CHIẾU GIỚI TỲ-KHEO-NI CỦA CÁC PHÁI LUẬT

	Luật Pāli	***Luật tứ phần***	***Luật ngũ phần***	***Luật Tăng-kỳ***	***Luật thập tụng***	***Luật Căn Bản***
Trục xuất (*Pārājika*)	8	8	8	8	8	8
Tăng tàn (*Saṅghādisesa*)	17	17	17	19	17	20
Ưng xả đối trị (*Nissaggiya Pācittiya*)	30	30	30	30	30	33
Ưng đối trị (*Pācittiya*)	166	178	210	141	178	180
Ưng phát lộ (*Pāṭidesanīya*)	8	8	8	8	8	11

[21] Xem chi tiết 311 giới Tỳ-kheo-ni của Thượng Tọa bộ trong Phụ lục "Giới Tỳ-kheo-ni của Thượng Tọa bộ bằng tiếng Việt, Pāli và Trung văn" trong quyển *Giới bổn Tỳ-kheo-ni của Luật tứ phần*, Thích Nhật Từ dịch và chú thích (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021), tr. 94-180.

Điều nên học (*Sekhiya*)	75	100	100	77	106	102
Dứt tranh chấp (*Adhikaraṇasamathā*)	7	7	7	7	7	7
Tổng số giới	**311**	**348**	**380**	**290**	**354**	**361**

4. *Đại phẩm* (*Mahāvagga*, 大品)

Đại phẩm (*Mahāvagga*, 大品) là phần đầu của bộ *Hợp phần* (*Khandhaka*, 犍度) gồm có 10 chương.

(i) Chương quan trọng (*Mahākhandhaka*, 大犍度, Đại kiền-độ) gồm các quy định về xuất gia và thọ giới.

(ii) Chương lễ đọc giới (*Uposathakkhandhaka*, 布薩犍度, Bố-tát kiền-độ) gồm các quy định về cách xác định ranh giới (*sīmā*), sám hối, đọc giới.

(iii) Chương an cư mùa mưa (*Vassūpanāyikakkhandhaka*, 入雨安居犍度, Nhập vũ an cư kiền-độ) gồm các quy định về việc tu tập và hành đạo trong an cư mùa mưa.

(iv) Chương tự tứ (*Pavāraṇākkhandhaka*, 自恣犍度, Tự tứ kiền-độ) gồm các quy định về việc Tỳ-kheo tự sám hối khi kết thúc an cư mùa mưa.

(v) Chương da thú (*Cammakkhandhaka*, 皮革犍度, Bì cách kiền-độ) gồm các quy định về dép và các vật dụng được làm bằng da thú.

(vi) Chương dược phẩm (*Bhesajjakkhandhaka*, 藥犍度, Dược kiền-độ) gồm các quy định về dược phẩm, thực vật và cách chữa một số bệnh thông thường.

(vii) Chương y công đức (*Kaṭhinakkhandhaka*, 迦絺那衣犍度, Ca-hy-na y kiền-độ) gồm các quy định về y công đức khi kết thúc an cư mùa mưa gồm cách may, cách sử dụng và ý nghĩa.

(viii) Chương về y (*Cīvarakkhandhaka*, 衣犍度, Y kiền-độ) gồm các quy định về pháp phục của Tăng đoàn.

(ix) Chương Chiêm-ba (*Campeyyakkhandhaka*, 瞻波犍度, Chiêm-ba kiền-độ) gồm các quy định về các hoạt động hợp pháp và phi pháp của Tăng đoàn ở Campā.

(x) Chương Câu-thiệm-di (*Kosambakakkhandhaka*, 拘睒弥犍度, Câu-thiệm-di kiền-độ) gồm các quy định về phá hòa hợp Tăng của một số Tỳ-kheo ở Kosambī.

5. *Tiểu phẩm* (*Cullavagga*, 小品)

Tiểu phẩm (*Cullavagga*, 小品) là phần cuối của bộ *Hợp phần* (*Khandhaka*, 犍 度) gồm có 12 chương.

(i) Chương hành sự (*Kammakkhandhaka*, 羯摩犍度, Yết-ma kiền-độ) gồm các quy định về hành sự như khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo do không thừa nhận tội, không sửa lỗi và không bỏ ác kiến.

(ii) Chương biệt trú (*Parivāsakkhandhaka*, 别住犍度, Biệt trú kiền-độ) gồm các quy định trị phạt Tỳ-kheo phạm tội Tăng tàn, gồm ở riêng (*Parivāsa*), ý hỷ (*Mānatta*), giải tội (*Abbhāna*) và phục hồi tư cách Tăng sĩ.

(iii) Chương tích lũy tội (*Samuccayakkhandhaka*, 集犍度, Tập kiền-độ) gồm các quy định về trị phạt Tỳ-kheo tiếp tục phạm tội đang trong giai đoạn biệt trú do vi phạm tội Tăng tàn.

(iv) Chương dứt tranh chấp (*Samathakkhandhaka*, 滅諍犍度, Diệt tránh kiền-độ) gồm các quy định về 7 phương pháp dứt tranh chấp trong Tăng đoàn.

(v) Chương các việc nhỏ (*Khuddakavatthukkhandhaka*, 小犍度, Tiểu kiền-độ) gồm các quy định về các sinh hoạt thường nhật của Tăng đoàn như đắp y, vật dụng, thuyết pháp.

(vi) Chương dụng cụ ngồi và nằm (*Senāsanakkhandhaka*, 卧坐具犍度, Ngọa tọa cụ kiền-độ) gồm các quy định về các dụng cụ ngồi, dụng cụ nằm, xây dựng, quản lý tự viện.

(vii) Chương chia rẽ Tăng đoàn (*Saṅghabhedakkhandhaka*, 破僧犍度, Phá Tăng kiền-độ) gồm các quy định về việc chia rẽ Tăng đoàn của Devedatta và cách khắc phục.

(viii) Chương phận sự (*Vattakkhandhaka*, 儀法犍度, Nghi pháp kiền-độ) gồm các quy định về 14 phận sự của người xuất gia như khất thực, ở nhà ăn, sử dụng nhà tắm, nhà vệ sinh, quan hệ thầy trò,...

(ix) Chương đình chỉ thuyết giới (*Pātimokkhaṭṭhapanakkhandhaka*, 遮說戒犍度, Giá thuyết giới kiền-độ) gồm các quy định về việc đình chỉ thuyết Giới bổn nhằm loại bỏ các Tăng sĩ phạm giới, giữ gìn sự thanh tịnh của Tăng đoàn.

(x) Chương Tỳ-kheo-ni (*Bhikkhunikkhandaka*, 比丘尼犍度, Tỳ-kheo-ni kiền-độ) quy định về 8 điều cung kính và 24 điều trở ngại của Ni giới.

(xi) Chương 500 Thánh Tăng kết tập kinh điển lần 1 (*Pañcasatikakkhandhaka*, 五百結集犍度, Ngũ bách kết tập kiền-độ) gồm các thông tin về lần biên tập kinh điển thứ nhất với sự tham dự của 500 A-la-hán.

(xii) Chương 700 Thánh Tăng kết tập kinh điển lần 2 (*Sattasatikkhandhaka*, 七百結集犍度, Thất bách kết tập kiền-độ) gồm các thông tin về lần biên tập kinh điển thứ hai với sự tham dự của 700 A-la-hán.

6. *Tập yếu* (*Parivāra*, 附随, Phụ tùy)

Tập yếu là phần phụ lục trong Luật tạng gồm 19 chương nhằm giải đáp các câu hỏi về giới luật được đề cập trong *Giới bổn Tỳ-kheo*, *Giới bổn Tỳ-kheo-ni*, *Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*.

(i) Chương giải thích về các điều luật của Tỳ-kheo (*Mahāvibhaṅga*, 大分別, Đại phân biệt), giải đáp về 227 giới Tỳ-kheo liên quan các tội Trục xuất, Tăng tàn, Không xác định, Ưng xả đối trị, Ưng đối trị, Ưng phát lộ, Điều nên học và Bảy cách dứt tranh chấp.

(ii) Chương giải thích về các điều luật Tỳ-kheo-ni (*Bhikkhunivibhaṅga*, 比丘尼分別, Tỳ-kheo-ni phân biệt), giải đáp về 311 giới Tỳ-kheo-ni liên quan các tội Trục xuất, Tăng tàn, Ưng xả đối trị, Ưng đối trị, Ưng phát lộ, Điều nên học và Bảy cách dứt tranh chấp.

(iii) Chương tình huống phạm giới (*Samuṭṭhānasīsasaṅkhepa*, 等起, Đẳng khởi) giải đáp về nguyên nhân phạm giới, tình huống phạm giới do thân, do miệng và do ý.

(iv) Chương nguyên nhân phạm giới và cách dứt tranh chấp (*Samathabheda*, 无問省略和滅諍分解, Vô gián tỉnh lược hòa diệt tránh phân giải) giải đáp về các trường hợp phạm giới, 6 nguyên nhân tranh chấp, 18 sự chia rẽ, 6 nguồn sanh tội và 4 cách dứt tranh chấp.

(v) Chương về hợp phần (*Khandhakapucchāvāra*, 問犍度, Vấn kiền-độ) giải đáp về các tội trong chương trong *Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*.

(vi) Chương tăng theo bậc (*Ekuttarikanaya*, 增一法, Tăng nhất pháp) giới thiệu các nhóm pháp từ 1 đến 11 được nêu trong *Kinh phân biệt* và *Hợp phần*.

(vii) Chương Bố-tát (*Uposathādipucchāvissajjanā*, 布薩解答以及制戒義利, Bố-tát giải đáp dĩ cập chế giới nghĩa lợi) giải đáp về lễ đọc giới và 10 lợi ích của chế định giới luật.

(viii) Chương thi kệ (*Gāthāsaṅgaṇika*, 迦陀集, Ca-đà tập) gồm tuyển tập các bài thi kệ về các điều nên học của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

(ix) Chương giải thích về tranh chấp (*Adhikaraṇabheda*, 諍事分解, Tránh sự phân giải) giải thích về 4 tranh chấp và 7 cách dứt trừ.

(x) Chương thi kệ khác (*Aparagāthāsaṅgaṇika*, 別伽陀集, Biệt già-đà kệ) gồm tuyển tập các bài thi kệ khác kết tội, thái độ của người cáo tội, người ngu dốt, người vô liêm sỉ và người thông thái về tội.

(xi) Chương cáo tội (*Codanākaṇḍa*, 呵責品, Ha trách phẩm) giải thích về cách cáo tội, xét xử và làm lễ đọc giới.

(xii) Chương tranh chấp phụ (*Cullasaṅgāma*, 小諍, Tiểu tránh) giải thích về sự phạm tội, các tranh chấp trong Tăng đoàn về phạm tội và các điều học.

(xiii) Chương tranh chấp chính (*Mahāsaṅgāma*, 大諍, Đại tránh) giải thích về tranh chấp về phạm tội, cách xét xử, điều nên làm.

(xiv) Chương y công đức (*Kaṭhinabheda*, 迦絺那衣, Ca-hy-na y) giải đáp về y công đức, tiếp nhận y và hiệu lực của y.

(xv) Chương năm điều của Ưu-bà-ly (*Upālipañcaka*, 優婆离五法, Ưu-bà-ly ngũ pháp) đức Phật giải đáp về 5 câu hỏi của Tôn giả Upāli về những vấn đề trong *Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*.

(xvi) Chương nguồn sinh tội (*Atthāpattisamuṭṭhāna*, 等起, Đẳng khởi) giải đáp về vô ý phạm tội và nguồn gốc của tội Trục xuất (giống chương I, II, III).

(xvii) Chương thi kệ phần 2 (*Dutiyagāthāsaṅgaṇika*, 第二伽陀集, Đệ nhị già-đà tập) giải đáp về 6 tội của thân, các tội của miệng và 12 tội Tăng tàn.

(xviii) Chương thi kệ xuất mồ hôi (*Sedamocanagāthā*, 發汗谒, Phát hãn kệ) gồm tuyển tập các thi kệ về các tội Trục xuất, Không ở chung, Tăng tàn và các tội liên quan.

(xix) Chương 5 điều (*Pañcavagga*, 五品, Ngũ phẩm) giải thích 4 biểu quyết Tăng đoàn, 2 lợi ích và 9 cách tổng hợp.

III. CÁC THUẬT NGỮ LUẬT QUAN TRỌNG

Trục xuất (*Pārājika*, 滅擯): Thường phiên âm là "Ba-la-di" (波羅夷), dịch là "cực ác" (極惡), "chặt đầu" (đoạn đầu, 斷頭), "vứt bỏ" (khí vô dư, 棄無餘), hay "không ở chung" (bất cộng trụ, 不共住), gồm 4 điều giới nặng nhất, theo đó, Tăng sĩ nào vi phạm sẽ bị trục xuất trọn đời khỏi Tăng đoàn và không còn cơ hội phục hồi tư cách Tăng sĩ nữa. Bên Tăng có 4 giới, đang khi bên Ni có 8 giới trục xuất bao gồm: (i) Quan hệ tình dục với người hoặc động vật; (ii) Trộm cắp tài sản; (iii) Giết người, xúi giục, đồng lõa, ủng hộ giết người; (iv) Tuyên bố lừa dối rằng mình là Thánh nhân, chứng đắc thiền định; (v) Tiếp xúc cơ thể người nam; (vi) Cho người nam chạm cơ thể; (vii) Che giấu đồng tu phạm tội Trục xuất; (viii) Đi theo thầy Tăng bị tố giác.

Tăng tàn (*Saṅghādisesa*, 僧残): Thường phiên âm là "Tăng-già-bà-thi-sa" (僧伽婆尸沙) gồm 13 tội nặng đối với Tăng, trong đó, 9 giới đầu, hễ phạm là thành tội, còn 4 giới sau, sau ba lần khuyên mà không buông bỏ, mới tính phạm tội. Bất kỳ Tăng sĩ nào vi phạm tội Tăng tàn đã làm tư cách Tăng sĩ của mình bị tàn phế (tàn mệnh, 殘命) hoặc "tàn khuyết bất toàn" (殘缺不全), tức bị sứt mẻ, không còn trọn vẹn phẩm chất Tỳ-kheo. 13 giới Tăng tàn đối với Tăng bao gồm: (i) Thủ dâm xuất tinh; (ii) Chạm thân người nữ; (iii) Nói lời dâm dục; (iv) Đòi hiến dâm dục; (v) Làm người mai mối; (vi) Làm thất quá mức quy định và không do chư Tăng chỉ định; (vii) Không thỉnh chỉ định từ chư Tăng; (viii) Vu khống phỉ báng; (ix) Phỉ báng một chiều; (x) Phá hòa hợp Tăng; (xi) Hỗ trợ phá Tăng; (xii) Hoen ố tín đồ; (xiii) Ngoan cố chống cự. Bên Tỳ-kheo-ni có 17 giới Tăng tàn, bao gồm 13 điều của Tăng và thêm các giới sau đây: (xiv) Cùng người làm ác; (xv) Khuyên đừng tách chúng; (xvi) Bỏ Ba ngôi báu; (xvii) Cho rằng Ni đoàn còn si mê. Muốn phục hồi tư cách Tăng sĩ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm giới Tăng tàn phải bị phạt sống biệt trú bằng với thời gian giấu tội, chịu phép "Ý hỷ" (*Mānatta*, 意喜) trong 6 ngày

dành cho chư Tăng và đối với chư Ni thì 14 ngày để chứng minh sự tiến bộ của bản thân. Phép làm xóa tội, Tỳ-kheo phải có sự chứng minh của 20 vị Tỳ-kheo, đang khi Tỳ-kheo-ni phải có 20 vị Tỳ-kheo, cùng với 20 Tỳ-kheo-ni mới được xem là hợp lệ.

Chưa xác định (*Aniyata*, 不定): Chỉ áp dụng với Tăng, không áp dụng với Ni, gồm hai trường hợp: Tăng sĩ ngồi một mình với phụ nữ ở chỗ có thể hành dâm, nhưng chưa thể xác định giới nào đã phạm, cho đến khi có người chân thật làm chứng thuyết phục và chính Tăng sĩ đó thừa nhận mình vi phạm tội Trục xuất hay tội Tăng tàn.

Ưng xả đối trị (*Nissaggiya Pācittiya*, 舍懺): Thường phiên âm là "Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề" (尼薩耆波逸提) được dịch là "Xả đọa" (捨墮) trong Hán tạng hay "Ưng xả đối trị" (應捨對治) trong Luật Nam tông. Tăng sĩ nào vi phạm 1 trong 30 điều giới này thì các vật dụng không được phép giữ hoặc giữ sai phép sẽ bị Tăng đoàn tịch thu, tức phải xả bỏ các vật dụng (捨), đồng thời phải sám hối lỗi này với Tỳ-kheo khác.

Ưng đối trị (*Pācittiya*, 懺悔): Thường phiên âm là "Ba-dật-đề" (波逸提), "Ba-dạ-đề" (波夜提), "Ba-dật-để-ca" (波逸底迦) và được dịch là "Đơn đọa" (單墮) hay "Ưng đối trị" (應對治) gồm 90 lỗi nhỏ. Tăng sĩ nào vi phạm các điều giới này chỉ cần sám hối trước Tỳ-kheo khác là hết tội.

Ưng phát lộ (*Pāṭidesanīya*, 應發露): Thường được dịch là "hối quá" (悔過) hay "tự ưng phát lộ" (自應發露), gồm 4 lỗi; theo đó, Tăng sĩ vi phạm phải tự nói lỗi trước Tỳ-kheo để được thứ lỗi và làm mới. Bốn lỗi này gồm: (i) Ăn đồ của Ni; (ii) Ăn các thức ăn Ni chỉ bảo; (iii) Ăn của tín chủ nghèo; (iv) Ăn ở chỗ đáng sợ.

Điều nên học (*Sekhiya* hay *Sikkhākaraṇīya*, 学法): Thường được dịch là "Chúng học pháp" (眾学法) hay "Ưng học pháp" (應学法) gồm 100 điều nên học liên hệ đến oai nghi của Tăng sĩ, mặc pháp phục, ăn uống, vệ sinh cá nhân, tôn kính tháp, xá-lợi và cách thuyết pháp cho người tại gia.

Dứt tranh chấp (*Adhikaraṇasamathā dhammā*, 滅諍): Thường được dịch là "Diệt tránh" (滅諍) gồm 7 nguyên tắc hòa giải và kết thúc tranh chấp: (i) Nguyên tắc hai bên có mặt; (ii) Nguyên tắc đương sự nhớ lại; (iii) Nguyên tắc không còn tâm thần; (iv) Nguyên tắc tự trình bày tội; (v) Nguyên tắc điều tra vết tội; (vi) Nguyên tắc phục tùng số đông; (vii) Nguyên tắc như cỏ che đất.

Thâu-lan-giá (*Thullaccaya*, 偷蘭遮): Tội thô (粗罪) hay tội nặng (重罪), chỉ đứng sau tội Trục xuất và tội Tăng tàn về mức độ nghiêm trọng.

Đột-kiết-la (突吉羅, S. *Duṣkṛta*, P. *Dukkaṭa*): Thường được dịch là "Ác tác" (悪作) hay "Ác hành" (悪行) tức làm các hành vi xấu, không phù hợp với phẩm hạnh Tỳ-kheo.

Ác ngữ (*Dubbhāsita*, 悪語): Còn gọi là "Ác thuyết" (悪説), "Ác khẩu" (悪口), "Hoại thoại" (壞話) gồm những lời nói xấu, mắng nhiếc, thuộc loại tội nhẹ (輕罪).

Biệt trú (*Parivāsa*, 別住): Không được sống chung với Tăng đoàn, hình thức trị phạt bước đầu đối với Tỳ-kheo phạm 1 trong 13 giới Tăng tàn bằng với thời gian phạm giới này. Sau đó, người phạm giới phải chịu phép "Ý hỷ" (意喜) trong 6 ngày, để chứng minh sự tiến bộ, theo đó, 20 thành viên Tăng đoàn hoan hỷ làm phép giải tội.

Bố-tát (*Uposatha*, 布薩): Lễ đọc Giới bổn trong ngày trăng tròn và ngày đầu tháng. Rằm và mùng một là "ngày đọc giới" (說戒日) để Tăng đoàn được tăng trưởng điều lành (trưởng tịnh, 長淨), do vậy, Tăng đoàn và Ni đoàn ở mỗi trú xứ phải hội tụ về địa điểm riêng của mỗi bên, làm lễ đọc giới. Tại các chùa Bắc tông, ngoài việc đọc giới xuất gia, còn đọc tám giới (bát quan trai giới, 八齋戒) cho Phật tử tại gia nên "Bố-tát" còn được dịch không sát nghĩa là "ngày trai" (齋日), "ngày trai giới" (齋戒日), "ngày tuân thủ tám giới" (遵守八戒日).

Hết tội (*Abbhāna*, 出罪): Còn gọi là phép xá tội (拔除罪法), giải tội, xuất tội, là sự công bố Tỳ-kheo phạm giới Tăng tàn đã hết tội, sau khi Tỳ-kheo này đã tuân thủ hình phạt "Không sống chung với Tăng đoàn" (Biệt trú), chịu phép "Ý hỷ" (意喜) trong 6 ngày, có tiến bộ thật sự và Tăng đoàn hài lòng về sự tiến bộ đó. Phép làm giải tội để phục hồi (*abbhāna*) tư cách Tăng sĩ buộc phải hội đủ 20 Tỳ-kheo làm yết-ma hết tội (出罪羯磨).

Tự tứ (*Pavāraṇā*, 自恣): Thỉnh cầu (*pavāreti*, 邀請) chỉ lỗi (非) giữa các thành viên Tăng đoàn trong ngày kết thúc an cư mùa mưa (雨安居) để giúp Tăng đoàn giữ giới thanh tịnh, hòa hợp, tiến bộ trong học Phật và tu Phật.

Ý hỷ (*Mānatta*, 意喜): Thường được phiên âm là "Ma-na-đỏa" (摩那埵), là hình thức phạt Tỳ-kheo phạm giới Tăng tàn "Không được sống chung với Tăng đoàn" (Biệt trú, 別住) phải nỗ lực tự hối lỗi, ít nhất trong 6 ngày để chứng minh sự tiến bộ, theo đó, 20 thành viên Tăng đoàn hoan hỷ làm lễ xá tội.

Xả giới (捨戒): Bỏ các giới đã tiếp nhận (捨棄所受的戒), còn gọi là "xả giới hoàn tục" (捨戒還俗), có nghĩa là "bỏ giới Tăng sĩ làm người tại gia." Có hai trường hợp xả giới. Trường hợp thứ nhất là người xả giới do không muốn tu nữa nên tình nguyện xả giới, trở về đời sống tại gia; đến thời điểm đó hoàn toàn không hề phạm giới Trục xuất hay Tăng tàn. Trường hợp thứ hai là người phạm tội Trục xuất nên bị Tăng đoàn buộc phải xả giới, vĩnh viễn mất tư cách làm Tăng sĩ.

***

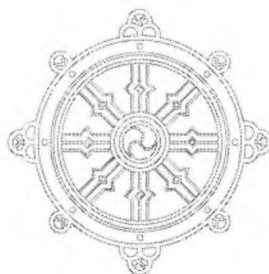
Bản dịch tiếng Việt của Thượng tọa Indacanda về *Luật tạng Pāli* đóng góp to lớn vào việc hoàn thành ấn bản Tam tạng Pāli của Thượng Tọa bộ tại Việt Nam.

Nhờ dịch trực tiếp từ bản Pāli trong ấn bản Tam tạng Tích Lan,[22] có tham khảo bản dịch tiếng Anh của bà I. B. Horner,[23] bản dịch tiếng Việt của Hòa thượng Hộ Tông và Hòa thượng Bửu Chơn, tôi tin rằng bản dịch của Thượng tọa Indacanda trung thành với nguyên tác Pāli, văn phong tiếng Việt trong sáng rõ ràng.

Dịch phẩm này giúp người đọc hiểu rõ nguyên nhân chế giới, tình huống phạm giới, tình huống không phạm giới, cách sám hối, nhờ đó giữ gìn chánh niệm, tỉnh thức, làm chủ các giác quan trong đi, đứng, nằm, ngồi; không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; giữ giới thanh tịnh, trang nghiêm; xả bỏ tâm tham ái, sân hận, si mê; trở thành bậc chân Tăng, chân Ni trong hiện tại và trở thành bậc tiệm cận Thánh nhân, đạt được giác ngộ, giải thoát trong tương lai.

Thành kính tán dương công đức của Thượng tọa Indacanda khi đồng ý cho Ban Biên tập giới thiệu dịch phẩm này trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, đồng thời hồi hướng công đức đến tất cả người Việt Nam được trải nghiệm chân lý Phật, sống an vui, hạnh phúc trong cuộc đời.

Chùa Giác Ngộ, *26-02-2022*
TT.TS. THÍCH NHẬT TỪ
(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển PGVN)



22 Xem https://tipitaka.wordpress.com/2007/05/21/buddhajayanthi-edition; https://www.ancient-buddhist-texts.net/Buddhist-Texts/V6-Patimokkha-BJT/index.htm#Preface.

23 Có thể tham khảo trọn bộ 6 quyển của *Luật tạng Pāli* qua bản dịch của I. B. Horner, *The Book of the Discipline*. (Oxford: The Pali Text Society, 2004).
Tập 1: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.01.horn.pts.pdf
Tập 2: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.02.horn.pts.pdf
Tập 3: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.03.horn.pts.pdf
Tập 4: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.04.horn.pts.pdf
Tập 5: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.05.horn.pts.pdf
Tập 6: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.06.horn.pts.pdf

TẠNG LUẬT
(*VINAYAPIṬAKA*)

ĐẠI PHẨM
(*MAHĀVAGGA*)

LỜI GIỚI THIỆU

Mahāvagga (*Đại phẩm*) và *Cullavagga* (*Tiểu phẩm*) thuộc *Vinayapiṭaka* (*tạng Luật*) gồm các vấn đề có liên quan với nhau đã được sắp xếp thành từng chương. Tên gọi chung cho hai phẩm này là *Khandhaka.* Chúng tôi tạm gọi tên là bộ *Hợp phần*; *Khandha* có nghĩa là khối, nhóm, uẩn, ... Tiếp vĩ ngữ "*ka*" trong trường hợp này có ý nghĩa là thuộc về, có liên quan, ...

Mahāvagga (*Đại phẩm*) được chia làm mười chương:

1. Chương 1 nói về sự khởi đầu của giáo pháp được tính từ lúc đức Thế Tôn chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng giác và bao gồm quá trình hình thành nghi thức cho xuất gia và tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu cùng một số vấn đề liên quan đến việc huấn luyện các vị xuất gia.

2. Chương 2 giảng giải về lễ *Uposatha* với nguyên nhân ban đầu là lời thỉnh cầu của đức Vua Seniya Bimbisāra và nhiều vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc lễ như việc ấn định ranh giới (*sīmā*) và nhà hành lễ *Uposatha*, việc sám hối, việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), v.v... Việc gìn giữ sự hợp nhất của hội chúng là điểm được nhấn mạnh ở chương này.

3. Chương 3 giảng giải về việc vào mùa [an cư] mưa. Tuy chỉ được ghi lại trong hai tụng phẩm nhưng nội dung của chương này trình bày những sự việc có liên quan đến 1/3 thời gian sống và tu tập của vị Tỳ-khưu. Chương này cần được xem xét kỹ lưỡng vì có những tư liệu mới chưa được trình bày trong các tài liệu về Luật đã được phổ biến.

4. Chương 4 giảng giải về lễ *Pavāraṇā* (Tự tứ), tức là một trong những hình thức góp ý nhau về đời sống tu tập có liên quan đến giới luật. Hành sự của lễ *Pavāraṇā* tuy chỉ được tiến hành một lần trong năm sau ba tháng cư trú mùa mưa nhưng có tầm quan trọng tương đương với lễ *Uposatha*, nhằm bảo tồn sự trong sạch, đồng thời tính hợp nhất của hội chúng.

5. Chương 5 nói về da thú có liên quan đến đời sống của các vị Tỳ-khưu, ví dụ như giày dép, v.v... Câu chuyện xuất gia của thanh niên Soṇa Koḷivisa ở đầu chương giới thiệu về sự nỗ lực tinh tấn của vị Tỳ-khưu trẻ tuổi này, dẫu rằng do chính sự tinh tấn quá mức này đã là chướng ngại cho sự chứng đắc của vị ấy nhưng cũng là một ví dụ để chúng ta thấy được động cơ tu tập của các vị xuất gia vào thời đức Phật còn tại tiền.

6. Chương 6 nói về dược phẩm và các cách thức chữa bệnh. Chương này gồm có 4 tụng phẩm đề cập đến cách thức chữa trị một số bệnh thông thường,

về một số quy định đã được áp dụng trong thời kỳ khó khăn về vật thực, về đức tin vững chắc của nữ cư sĩ Suppiyā, về vấn đề thọ dụng cá và thịt trong Phật giáo, ngoài ra còn có câu chuyện về kỹ nữ Ambapālī và một số vấn đề khác vẫn còn có được sự ứng dụng thực tiễn trong thời hiện tại.

7. Chương 7 giảng giải về lễ dâng y *Kaṭhina*. Đây là cuộc phước thí có tầm vóc quan trọng vì sự thành tựu của *Kaṭhina* không những có ảnh hưởng đến phước báu của người thí chủ mà còn có liên quan đến sự tu tập của các vị Tỳ-khưu. Sự giảng giải chi tiết với những sự việc tương phản của chương này có lẽ không ngoài mục đích trình bày một số điểm tế nhị cần đến sự chú tâm suy xét.

8. Chương 8 là chương về y phục giảng giải về loại y và các vấn đề có liên quan về nhiều phương diện. Điểm thú vị ở chương này là tụng phẩm mở đầu với câu chuyện về thầy thuốc Jīvaka Komārabhacca và tài năng chữa bệnh của vị này, đáng ngạc nhiên là việc giải phẫu ở đầu và ở bụng đã được tiến hành vào thời gian cách đây hơn 2.500 năm.

9. Chương 9 được đặt tên theo một sự kiện xảy ra ở Campā nêu lên một tiền lệ không tốt đẹp về việc sử dụng sức mạnh tập thể để áp đặt hành phạt sai trái lên cá nhân. Thời bấy giờ còn có đức Phật là vị quan tòa để phân xử, trong thời hiện tại trách nhiệm xem xét lại sự việc được trao cho các hội chúng Tỳ-khưu ở những trú xứ khác nếu có sự thỉnh cầu. Các điều giảng giải trong chương này không ngoài việc trình bày khuôn mẫu trong việc tiến hành các hành sự, khả năng thực hiện của hội chúng đối với các loại hành sự khác nhau tùy thuộc vào số lượng Tỳ-khưu hiện diện, và một số nguyên tắc cần được áp dụng để bảo đảm tính chất đúng Pháp đúng Luật của hành sự. Các hành sự của hội chúng cùng với việc thu hồi các hành sự ấy cũng được trình bày ở chương này gồm có: hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và ba loại hành sự án treo.

10. Chương thứ 10 nói về sự việc chia rẽ hội chúng ở Kosambī từ lúc khởi đầu đến hồi kết thúc. Mầm mống chia rẽ trong câu chuyện này chỉ là một sự tranh cãi về một điều Luật không quan trọng, từ sự xung đột cá nhân đã lan rộng đến tập thể và trở nên căng thẳng không những đưa đến ẩu đả giữa các Tỳ-khưu mà còn khiến cho đức Phật đã bỏ đi vào rừng sâu sống với sự phục vụ của voi và khỉ. Yếu tố đưa đến việc giải quyết sự chia rẽ này là hành động tẩy chay tích cực của các cư sĩ ở thành Kosambī, cuối cùng sự tranh tụng được giải quyết do sự phục thiện của vị Tỳ-khưu sai trái. Câu chuyện về Hoàng tử Dīghāvu và nếp sống sinh hoạt của ba vị Đại đức Anuruddha, Nandiya, Kimbila nhằm đề cao sự sống chung hòa ái và không thù hận lẫn nhau là yếu tố quan trọng cần được xây dựng và duy trì trong đời sống tập thể.

***

Bản dịch này được hoàn thành là một sự nỗ lực học tập của bản thân. Chúng tôi cố ý ghi lại lời văn tiếng Việt rất gần với cấu trúc Pāli nhằm phục vụ các độc

giả đang tiến hành nghiên cứu lời dạy của đức Phật dựa vào văn bản gốc. Tài liệu này sẽ giảm bớt nỗi khó nhọc trong việc tra cứu từ điển, đồng thời gợi ý cho quý vị phương thức giải quyết một số cấu trúc của câu văn Pāli. Các độc giả đã học xong phần văn phạm Pāli sơ cấp được khuyến khích nên đọc tài liệu này đối chiếu với văn bản gốc, tức là *Vinayapiṭaka*. Kiến thức về văn phạm Pāli của quý vị sẽ được trau giồi thêm mỗi khi đối diện vấn đề. Đối với quý độc giả phổ thông, hy vọng lời văn tiếng Việt tạm đủ phần trong sáng để giúp quý vị hiểu được vấn đề đang được trình bày. Xin quý vị lượng thứ về văn phong tiếng Việt vì việc đó nằm ngoài mục tiêu của chúng tôi. Ngưỡng mong sẽ nhận được những lời chỉ dạy của các bậc cao minh và các sự khuyến khích góp ý của quý độc giả. Xin quý vị email về: dinda@u.washington.edu.

Bản dịch của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pāli La-tinh từ *Compact Disk BUDSIR IV* của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan.

Động cơ chính cho việc thực hiện bản dịch *Đại phẩm* (*Mahāvagga*) này nhờ vào sự khuyến khích và góp ý của các vị: Hòa thượng Khánh Hỷ, Thượng tọa Giác Nguyên, Thượng tọa Chánh Kiến, Đại đức Tiến sĩ Trí Quảng, Đại đức Tâm An, Sư cô Liễu Pháp, Dr. Bình Anson, Đạo hữu Lương Xuân Lộc, bà Diệu Đài, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian. Không có sự khích lệ của quý vị, bản dịch này không thể hoàn thành. Phước báu này hoàn toàn thuộc về các vị. Mong sao các ước nguyện của quý vị sẽ được thành tựu như ý và nhanh chóng y như việc chúng tôi đã hoàn tất bản dịch này.

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về *CD Tam tạng BUDSIR IV*, Thượng tọa Bodhinando (Canada), Đại đức Hộ Phạm, Đại đức Giác Hạnh và Sư cô Nguyên Hương về *CD Tam tạng Chaṭṭha Saṅgāyana* và các bản dịch Anh ngữ, cũng như những sự động viên và ý kiến đóng góp trong thời gian chúng tôi thực hiện bản dịch này.

Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tăng chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua.

Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tấn hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp.

Colombo, ngày 27 tháng 10 năm 2003

Bhikkhu Indacanda

(Trương Đình Dũng)

(*Hiệu đính lần thứ nhất hoàn tất ngày 05-9-2004*)

I. CHƯƠNG TRỌNG YẾU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā, nơi cội cây Bồ-đề và vừa mới thành tựu quả vị Chánh đẳng giác.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã ngồi với thế kiết-già ở cội cây Bồ-đề trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

3. Khi ấy, vào canh một của đêm, đức Thế Tôn đã suy nghiệm về sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng:

4. "Vô minh duyên cho các hành [sanh khởi], các hành duyên cho thức [sanh khởi], thức duyên cho danh sắc [sanh khởi], danh sắc duyên cho sáu xứ [sanh khởi], sáu xứ duyên cho xúc [sanh khởi], xúc duyên cho thọ [sanh khởi], thọ duyên cho ái [sanh khởi], ái duyên cho thủ [sanh khởi], thủ duyên cho hữu [sanh khởi], hữu duyên cho sanh [sanh khởi], sanh duyên cho lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

5. Nhưng chính do sự diệt tận hoàn toàn không còn tham ái của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành, do sự diệt tận của các hành [đưa đến] sự diệt tận của thức, do sự diệt tận của thức [đưa đến] sự diệt tận của danh sắc, do sự diệt tận của danh sắc [đưa đến] sự diệt tận của sáu xứ, do sự diệt tận của sáu xứ [đưa đến] sự diệt tận của xúc, do sự diệt tận của xúc [đưa đến] sự diệt tận của thọ, do sự diệt tận của thọ [đưa đến] sự diệt tận của ái, do sự diệt tận của ái [đưa đến] sự diệt tận của thủ, do sự diệt tận của thủ [đưa đến] sự diệt tận của hữu, do sự diệt tận của hữu [đưa đến] sự diệt tận của sanh, do sự diệt tận của sanh [đưa đến] lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não bị diệt tận. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này."

6. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn đang tinh cần tham thiền thì tất cả điều nghi hoặc của vị ấy được rũ sạch, từ đó nhận biết rằng [mọi] việc là có nguyên nhân."

7. Sau đó, vào canh giữa của đêm, đức Thế Tôn đã suy nghiệm về sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng: "Vô minh duyên cho các hành [sanh khởi], các hành duyên cho thức [sanh khởi], thức duyên cho danh sắc [sanh khởi], danh sắc duyên cho sáu xứ [sanh khởi], ...(nt)... Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này. ...(nt)... là sự diệt tận [của toàn bộ khổ uẩn này]."

8. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy rồi, chính vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn đang tinh cần tham thiền thì tất cả điều nghi hoặc của vị ấy được rũ sạch, từ đó đã hiểu được sự tiêu hoại của các duyên."

9. Sau đó, vào canh cuối của đêm, đức Thế Tôn đã suy nghiệm về sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng: "Vô minh duyên cho các hành [sanh khởi], các hành duyên cho thức [sanh khởi], thức duyên cho danh sắc [sanh khởi], danh sắc duyên cho sáu xứ [sanh khởi], ...(nt)... Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này. ...(nt)... là sự diệt tận [của toàn bộ khổ uẩn này]."

10. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn đang tinh cần tham thiền, trong khi đánh tan binh đội của Ma vương, [vị ấy] hiển hiện tợ như ánh mặt trời đang rọi sáng không gian."

Dứt phần giảng về sự giác ngộ.

*****

1. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy, rồi từ cội cây Bồ-đề đã đi đến cây si của những người chăn dê,[1] sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết-già ở cội cây si của những người chăn dê trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Khi ấy, có vị Bà-la-môn nọ thuộc nhóm chuyên luyện về âm "hum, hum" đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, vị Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Này Ngài Gotama, [khả năng] đến đâu [mới gọi] là Bà-la-môn? Việc trở thành Bà-la-môn có bao nhiêu điều kiện?"

3. Sau khi hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Vị Bà-la-môn nào có ác pháp đã được ngăn trừ, là vị không làm tiếng 'hum hum', đã thoát khỏi điều ô nhiễm, có bản thân đã được thu thúc, là vị thông thạo các bộ Vệ-đà, sống theo đời Phạm hạnh; vị ấy có thể thuyết giảng một cách đúng đắn lời nói của Phạm thiên; vị ấy không có khuyết điểm về bất cứ điều gì ở trên thế gian."

Dứt phần giảng về [cội cây si của những] người chăn dê.

*****

---

[1] Cây si của những người chăn dê (Ajapālanigrodhạ): Bản dịch tiếng Anh của Rhys Davids và Hermann Oldenberg dẫn chứng tài liệu và giải thích rằng: 1. Các người chăn dê dùng bóng mát của cây si (Nigrodha) để nghỉ ngơi nên được gọi là cây si của những người chăn dê. 2. Cây si đã được một đứa bé chăn dê trồng trong thời gian Bồ-tát Siddhattha hành khổ hạnh 6 năm.

1. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy rồi từ cội cây si của những người chăn dê đã đi đến cây Mucalinda, sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết-già ở cội cây Mucalinda trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Vào lúc bấy giờ, có đám mây đen lớn sái mùa xuất hiện. Trong bảy ngày, trời mưa, có gió lạnh và đầy mây.

3. Khi ấy, rồng chúa Mucalinda đã rời khỏi chỗ ngụ của mình, dùng đuôi quấn quanh cơ thể của đức Thế Tôn bảy vòng và phồng lớn mang rồi duy trì ở phía trên đầu của đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Chớ để đức Thế Tôn bị lạnh, chớ để đức Thế Tôn bị nóng, chớ để đức Thế Tôn bị xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát."

4. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, rồng chúa Mucalinda sau khi biết rằng bầu trời đã trở nên trong sáng và mây đã tan nên đã nới lỏng thân khỏi cơ thể của đức Thế Tôn, rồi thay đổi hình dạng của chính bản thân và biến thành hình dạng của người thanh niên, đứng ở phía trước đức Thế Tôn, tay chắp lại, bày tỏ thái độ cung kính đến đức Thế Tôn.

5. Sau khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Sự sống cách ly là an lạc đối với vị hoan hỷ đang xem xét pháp đã được nghe. Sự không oán hận, không hãm hại mạng sống chúng sanh là niềm hạnh phúc ở trên đời.

Việc dứt được ái tình, sự vượt lên trên các dục là niềm an lạc ở trên đời. Và điều gì là sự thoát ra khỏi tự ngã, điều ấy chính là sự an lạc tối thượng."

Dứt phần giảng về cây Mucalinda.

*****

1. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy, rồi từ cội cây Mucalind đã đi đến cây Rājāyatana, sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết-già ở cội cây Rājāyatana trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Vào lúc bấy giờ, có các thương buôn Tapassu và Bhallikā đang đi đường xa từ Ukkalā đến khu vực ấy. Khi ấy, vị thiên thần là thân quyến cùng huyết thống của các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã nói với các thương buôn Tapassu và Bhallikā điều này:

– Này các bác, đức Thế Tôn này đang ngự ở cội cây Rājāyatana, là vị đầu tiên được hoàn toàn giác ngộ. Hãy đi và bày tỏ lòng thành kính đến đức Thế Tôn ấy với bánh bột gạo và mật viên. Điều ấy sẽ đem lại cho các bác sự lợi ích và sự an vui lâu dài.

3. Khi ấy, các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã mang theo bánh bột gạo và mật viên đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên của chúng tôi. Điều ấy sẽ đem lại cho chúng tôi sự lợi ích và sự an vui lâu dài.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Các đức Như Lai không thọ lãnh ở [hai] tay, vậy Ta nên thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên bằng vật gì?" Khi ấy, bốn vị Đại Thiên vương dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn, nên đã dâng lên đức Thế Tôn bốn cái bình bát làm bằng đá từ bốn phương [nói rằng]: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên ở đây." Đức Thế Tôn đã thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên trong bình bát mới làm bằng đá,[2] và sau khi thọ lãnh đã thọ dụng.

5. Sau đó, các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn và giáo pháp. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Và họ đã trở thành những nam cư sĩ đọc hai câu [nương nhờ][3] đầu tiên ở thế gian.

Dứt phần giảng về cây Rājāyatana.

*****

1. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy, rồi từ cội cây Rājāyatana đã đi đến cây si của những người chăn dê. Ở nơi ấy, đức Thế Tôn ngụ tại cội cây si của những người chăn dê.

2. Sau đó, trong khi đức Thế Tôn đang thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Pháp này đã được Ta chứng ngộ là [Pháp] thâm sâu, khó lĩnh hội, khó nhận thức, thanh tịnh, cao quý, vượt trên lý luận, tinh tế, sẽ được hiểu biết bởi các bậc trí. Tuy nhiên, chúng sanh này có sự thỏa thích trong ngũ dục, được thỏa thích trong ngũ dục, được vui sướng trong ngũ dục. Quả vậy, đối với chúng sanh có sự thỏa thích trong ngũ dục, được thỏa thích trong ngũ dục, được vui sướng trong ngũ dục thì vấn đề này khó lĩnh hội, tức là tính chất của duyên và sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện. Còn có vấn đề này còn khó lĩnh hội hơn nữa, tức là sự yên lặng của tất cả các hành, sự dứt

---

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng đức Phật đã chú nguyện thành một bình bát mới từ 4 bình bát bằng đá ấy (*VinA*. V. 960).

[3] Nghĩa là đi đến nương nhờ đức Thế Tôn và đi đến nương nhờ Giáo pháp, vì Hội chúng Tỳ-khưu vào lúc bấy giờ chưa được hình thành (ND).

bỏ tất cả mầm mống của sự tái sanh, sự diệt tận ái, sự không còn dục tình, sự tịch diệt, Niết-bàn. Hơn nữa, nếu Ta thuyết giảng giáo pháp và những người khác không thể hiểu được Ta, điều ấy sẽ đem lại sự mệt mỏi cho Ta, điều ấy sẽ đem lại sự phiền toái cho Ta."

3. Rồi những lời kệ kỳ diệu này chưa từng được nghe trước đây trong thời quá khứ đã hiện khởi đến đức Thế Tôn: "[Pháp này] đã được Ta chứng đắc một cách khó khăn, giờ đây khỏi phải thuyết giảng. Pháp này không dễ dàng được hiểu thấu đáo bởi những kẻ chìm đắm trong ái dục và sân hận. [Pháp này] đi ngược dòng [đời], tinh tế, thâm sâu, khó lĩnh hội, vi diệu, những kẻ thỏa thích ái dục, bị che phủ bởi tăm tối dày đặc, không thể nhận thức được."

4. Trong khi đắn đo, cân nhắc như thế ấy, tâm của đức Thế Tôn thiên về [khuynh hướng] không ra sức nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Khi ấy, vị Phạm thiên Sahampati dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã khởi ý điều này: "Như thế này thì thế gian bị tiêu diệt! Như thế này thì thế gian bị hủy hoại! Bởi vì tâm của đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri thiên về [khuynh hướng] không ra sức nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp."

5. Sau đó, cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, vị Phạm thiên Sahampati đã biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra ở phía trước đức Thế Tôn. Khi ấy, Phạm thiên Sahampati đã đắp thượng y một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, rồi chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng giáo pháp, xin đấng Thiện Thệ hãy thuyết giảng giáo pháp. Có những hạng người sanh lên có tầm nhìn ít bị vấy bụi, sẽ là những người hiểu được giáo pháp, [nhưng] do việc không nghe giáo pháp sẽ bị tha hóa.

Phạm thiên Sahampati đã nói điều ấy, sau khi nói điều ấy còn nói thêm điều khác nữa:

– Trước đây, ở trong xứ Magadha đã xuất hiện pháp không thanh tịnh, được nghĩ ra bởi những người có sự ô nhiễm. Xin Ngài hãy mở ra cánh cửa bất tử này. Hãy [để cho chúng sanh] lắng nghe giáo pháp đã được chứng ngộ bởi bậc Vô Nhiễm.

Như người đứng trên tảng đá ở đỉnh đầu của ngọn núi, cũng giống như người nhìn xem nhân loại ở xung quanh, tương tợ như thế ấy, hỡi bậc Trí, Ngài hãy bước lên tòa lâu đài được xây bằng giáo pháp. Hỡi bậc Thông Hiểu Rộng là bậc đã thoát khỏi buồn đau, xin Ngài hãy nhìn xuống xem nhân loại bị đắm chìm trong sầu khổ, bị hành hạ bởi sự sanh và sự già.

Hỡi vị Anh Hùng, người đã chiến thắng trận đấu, xin Ngài hãy đứng lên. Hỡi người hướng dẫn đoàn xe, vị không vướng nợ nần, xin Ngài hãy du hành

ở thế gian. Xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng giáo pháp, sẽ có nhiều người hiểu được.

6. Sau đó, khi đã hiểu được yêu cầu của vị Phạm thiên, đức Thế Tôn thuận theo lòng thương tưởng chúng sanh đã dùng Phật nhãn quán xét thế gian. Trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đức Thế Tôn đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [và nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác.

Cũng giống như ở hồ sen xanh, hoặc ở hồ sen hồng, hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước và tồn tại không bị thấm nước; tương tợ như thế, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [và nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác; sau khi nhìn thấy, đã nói với vị Phạm thiên Sahampati bằng bài kệ này: "Các cánh cửa bất tử đã được mở ra cho những người có sự lắng nghe. Hãy khiến chúng từ bỏ tà tín. Này Phạm thiên, với suy nghĩ về việc tổn hại, Ta đã không thuyết giảng pháp cao quý tuyệt vời cho nhân loại."

Khi ấy, vị Phạm thiên Sahampati [nghĩ rằng]: "Ta đã tạo ra cơ hội cho đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp" nên đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh và đã biến mất ngay tại chỗ ấy.

Dứt phần giảng về sự thỉnh cầu của vị Phạm thiên.

*****

1. Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng?" Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vị Āḷāra Kālāma này là vị sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, đã lâu nay có bản thể bị ít ô nhiễm, hay là Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến Āḷāra Kālāma trước tiên? Vị ấy sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng." Khi ấy, có vị thiên thần không hiện hình đã thông báo đến đức Thế Tôn rằng:

– Bạch Ngài, vị Āḷāra Kālāma đã từ trần được bảy ngày rồi.

Và trí của đức Thế Tôn cũng đã khởi lên rằng: "Vị Āḷāra Kālāma đã từ trần được bảy ngày rồi." Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vị Āḷāra Kālāma thuộc hạng người cao cả, bởi vì nếu nghe được giáo pháp này, vị ấy có thể hiểu được một cách thật nhanh chóng."

2. Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng?" Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vị Uddaka Rāmaputta này là vị sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, lâu nay đã có bản thể bị ít ô nhiễm, hay là Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến Uddaka Rāmaputta trước tiên? Vị ấy sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng." Khi ấy, có vị thiên thần không hiện hình đã thông báo đến đức Thế Tôn rằng:

– Bạch Ngài, vị Uddaka Rāmaputta đã từ trần vào đêm qua.

Và trí của đức Thế Tôn cũng đã khởi lên rằng: "Vị Uddaka Rāmaputta đã từ trần vào đêm qua." Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vị Uddaka Rāmaputta thuộc hạng người cao cả, bởi vì nếu nghe được giáo pháp này vị ấy có thể hiểu được một cách thật nhanh chóng."

3. Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng?" Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Các Tỳ-khưu nhóm năm vị có nhiều công đức đối với Ta, các vị này đã phục vụ Ta trong khi Ta có sự nỗ lực quyết tâm,[4] hay là Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến các Tỳ-khưu nhóm năm vị trước tiên?" Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Giờ đây, các Tỳ-khưu nhóm năm vị này trú ngụ ở nơi nào?" Với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, đức Thế Tôn đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm năm vị đang trú ngụ tại thành Bārāṇasī, ở Isipatana, nơi vườn Nai. Sau đó, khi đã ngự tại Uruvelā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Bārāṇasī.

4. Đạo sĩ lõa thể Upaka đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đường xa, ở khoảng giữa Gayā và cội Bồ-đề, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này đạo hữu, các giác quan của đạo hữu được trầm tĩnh, màu da được thanh tịnh và trong sáng. Này đạo hữu, vì ai mà đạo hữu đã xuất gia? Ai là thầy của đạo hữu? Đạo hữu ưa thích pháp của vị nào?

Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ lõa thể Upaka bằng những lời kệ này:

"Ta là bậc Vượt Trên Tất Cả, là người hiểu biết toàn bộ, không còn bị vướng mắc trong tất cả các pháp, đã dứt bỏ tất cả, đã được giải thoát trong việc đoạn tận tham ái, sau khi tự mình chứng đắc thì ai có thể chỉ dạy [được Ta]?

---

[4] Đức Thế Tôn đề cập đến sự phục vụ của 5 vị này trong thời gian Ngài hành khổ hạnh 6 năm. Điểm cần lưu ý là đức Thế Tôn dùng từ "Bhikkhu" dịch là "Tỳ-khưu" để gọi 5 vị này, dầu các vị chưa trở thành đệ tử và chưa tu tập theo giáo pháp của Ngài (ND).

Không có ai là thầy của Ta, người tương đương với Ta không tìm thấy, trong thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của Ta.

Bởi vì Ta là bậc A-la-hán, bậc Vô Thượng Sư ở trên đời. Chỉ mình Ta là bậc Chánh Đẳng Giác, Ta có được trạng thái mát mẻ, Niết-bàn.

Ta đi đến thành Kāsī để chuyển vận bánh xe giáo pháp. Ta sẽ đánh lên tiếng trống bất tử ở thế gian đang bị tối tăm."

– Này đạo hữu, theo như đạo hữu cho biết thì đạo hữu xứng đáng là bậc Chiến Thắng Vô Biên.

[Đức Phật đáp lại rằng:]

– Này Upaka, quả vậy, tương đương với Ta là các bậc Chiến Thắng đã đạt đến việc đoạn tận các lậu hoặc. Ta đã chiến thắng các ác pháp, vì thế Ta là bậc Jina.

5. Khi được nói như thế, đạo sĩ lõa thể Upaka đã nói rằng: "Này đạo hữu, có thể là như vậy." Rồi đã gục gặc cái đầu, rẽ sang con đường khác và bỏ đi.

6. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Bārāṇasī, Isipatana, nơi vườn Nai và đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm năm vị. Các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy các vị đã bàn bạc với nhau rằng: "Này các vị, Sa-môn Gotama ấy đang đi đến. Ông ta là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực và đã quay trở lại cuộc sống sung túc. Ông ta không đáng để đảnh lễ, không đáng để đứng dậy, y bát của ông ta không đáng để đón nhận; tuy nhiên chỗ ngồi nên được xếp đặt, nếu ông ta muốn thì ông ta cứ việc ngồi."

7. Nhưng khi đức Thế Tôn càng đi đến gần các Tỳ-khưu nhóm năm vị, thì các Tỳ-khưu nhóm năm vị ấy đã không thể tuân theo điều thỏa thuận của họ. Trong khi không tuân theo, họ đã đi ra tiếp đón đức Thế Tôn, một vị đã nhận lấy y bát của đức Thế Tôn, một vị đã sắp đặt chỗ ngồi, một vị đã đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã rửa hai chân. Tuy nhiên, các vị vẫn xưng hô với đức Thế Tôn bằng tên và bằng tiếng gọi "Đạo hữu."

Khi được gọi như thế, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vị điều này:

– Này các Tỳ-khưu, chớ xưng hô với Như Lai bằng tên và bằng tiếng gọi "Đạo hữu." Này các Tỳ-khưu, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỳ-khưu, hãy lắng tai nghe, Ta sẽ giảng dạy pháp bất tử đã đạt được, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp. Trong khi thực hành theo như đã được giảng dạy thì chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh. Vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà.

8. Khi được nói như thế, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này Đạo hữu Gotama, thậm chí với hạnh kiểm ấy, bằng sự thực hành ấy, bằng việc theo đuổi khổ hạnh ấy còn không đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến xứng đáng với bậc Thánh, còn giờ đây là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực và đã quay trở lại cuộc sống sung túc, làm thế nào Đạo hữu lại đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến xứng đáng với bậc Thánh?

Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vị điều này:

– Này các Tỳ-khưu, Như Lai không phải là kẻ lợi dưỡng, không bỏ dở dang việc nỗ lực và đã không quay trở lại cuộc sống sung túc. Này các Tỳ-khưu, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỳ-khưu, hãy lắng tai nghe, Ta sẽ giảng dạy pháp bất tử đã đạt được, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp. Trong khi thực hành theo như đã được giảng dạy thì chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh. Vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà.

Đến lần thứ nhì, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này: ...(nt)... Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vị điều này: ...(nt).

Đến lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này Đạo hữu Gotama, thậm chí với hạnh kiểm ấy, bằng sự thực hành ấy, bằng việc theo đuổi khổ hạnh ấy còn không đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến, xứng đáng với bậc Thánh, còn giờ đây là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực và đã quay trở lại cuộc sống sung túc, làm thế nào Đạo hữu lại đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến, xứng đáng với bậc Thánh?

9. Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vị rằng:

– Này các Tỳ-khưu, các vị có nhận biết rằng điều này đã không được Ta nói ra như vậy trước đây hay không?

– Bạch Ngài, điều này đúng là không có [nói].[5]

– Này các Tỳ-khưu, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỳ-khưu, hãy lắng tai nghe, Ta sẽ giảng dạy pháp bất tử đã đạt được, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp. Trong khi thực hành theo như đã được giảng dạy thì chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm

[5] Lúc này, 5 vị không gọi đức Phật là "*Āvuso*" nữa, mà gọi là "*Bhante*", tỏ ý tôn trọng (ND).

hạnh. Vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà.

Đức Thế Tôn đã có thể thuyết phục các Tỳ-khưu nhóm năm vị. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã lắng nghe đức Thế Tôn, đã lắng tai, đã thiết lập tâm hướng đến trí chứng ngộ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu nhóm năm vị rằng:

10. – Này các Tỳ-khưu, đây là hai cực đoan mà bậc xuất gia không nên thực hành: Đây là sự say đắm về dục lạc trong các dục, kém cỏi, thô thiển, tầm thường, không cao thượng, không đem lại lợi ích và đây là sự gắn bó với việc hành hạ bản thân, đau khổ, không cao thượng, không đem lại lợi ích. Này các Tỳ-khưu, sau khi không tiếp cận cả hai cực đoan ấy, lối thực hành trung đạo đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng,[2] dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn.

11. Này các Tỳ-khưu, lối thực hành trung đạo ấy đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn là thế nào? Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là sự hiểu biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, lời nói chân chánh, nghề nghiệp chân chánh, nuôi mạng chân chánh, tinh tấn chân chánh, ghi nhớ chân chánh, định tâm chân chánh. Này các Tỳ-khưu, lối thực hành trung đạo ấy đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng,[6] dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn.

12. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ: Sanh cũng là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng là khổ, chết cũng là khổ, sự gắn bó với những gì không ưa thích cũng là khổ, sự chia lìa với những gì ưa thích cũng là khổ, không đạt được điều ước muốn cũng là khổ; một cách tóm tắt, năm sự bám víu ở các uẩn là khổ.

13. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là nguyên nhân của khổ. Điều ấy chính là ái đưa đến tái sanh, liên kết với khoái lạc và say đắm, có sự thỏa thích ở nơi này nơi khác, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

14. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt khổ. Điều ấy là sự dứt bỏ, sự dứt ra khỏi, sự giải thoát, sự không còn chỗ nương tựa, sự diệt tận và dứt bỏ lòng say đắm không còn dư sót của chính ái ấy.

15. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ. Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là sự hiểu biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, ...(nt)... định tâm chân chánh.

16. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng tức là sự khổ." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt)... "Đây là chân lý cao thượng, tức là

[6] Dịch sát nghĩa sẽ là "có sự tạo ra con mắt, có sự tạo ra trí tuệ" (ND).

sự khổ cần được hiểu rõ.” Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “...(nt)... đã được hiểu rõ.”

17. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là nguyên nhân của khổ.” Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt)... “Đây là chân lý cao thượng, tức là nguyên nhân của khổ cần được dứt bỏ.” Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “...(nt)... đã được dứt bỏ.”

18. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt khổ.” Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt)... “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt khổ cần được chứng ngộ.” Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, ...(nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “...(nt)... đã được chứng ngộ.”

19. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, ...(nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ.” Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt)... “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ cần được tu tập.” Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “...(nt)... đã được tu tập.”

20. Này các Tỳ-khưu, và cho đến khi nào tri kiến thấy đúng thực chất của Ta về ba luân [vòng xoay] và mười hai thể [tính chất], về bốn chân lý cao thượng này chưa được thực sự thanh tịnh; này các Tỳ-khưu, cho đến khi ấy, Ta chưa công bố là Ta đã hoàn toàn giác ngộ về Vô thượng Chánh đẳng giác ở trong thế gian tính luôn cõi của chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người.

21. Và này các Tỳ-khưu, bởi vì tri kiến thấy đúng thực chất của Ta về ba luân và mười hai thể ở bốn chân lý cao thượng này đã được thực sự thanh tịnh; này các Tỳ-khưu, khi ấy Ta đã công bố là Ta đã hoàn toàn giác ngộ về Vô thượng Chánh đẳng giác ở trong thế gian tính luôn cõi của chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người. Hơn nữa, trí tuệ và sự thấy biết của Ta đã sanh khởi: “Sự giải thoát tâm của Ta là không thể thay đổi, đây là lần sanh cuối cùng, giờ đây không còn tái sanh nữa.”

22. Hơn nữa, trong khi bài kinh này được thuyết giảng, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Koṇḍañña: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

23. Hơn thế nữa, khi bánh xe pháp được chuyển vận bởi đức Thế Tôn, chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lời rằng: "Bánh xe pháp vô thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận ở Bārāṇasī, tại Isipatana, nơi vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời."

24. Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ...(nt)... Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên ở cõi Đạo-lợi đã đồn đãi lời rằng: ...(nt)... chư thiên ở cõi Dạ-ma, ...(nt)... chư thiên ở cõi Đẩu-suất, ...(nt)... chư thiên ở cõi Hóa Lạc, ...(nt)... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại, ...(nt)... chư thiên thuộc hàng Phạm thiên đã đồn đãi lời rằng: "Bánh xe pháp vô thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận ở Bārāṇasī tại Isipatana, nơi vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời."

25. Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên. Và mười ngàn thế giới này đã bị lay chuyển, rung động, chấn động. Và ánh sáng tuyệt vời không thể đo lường đã hiện ra ở thế gian, vượt quá năng lực siêu phàm của chư thiên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng rằng: "Koṇḍañña đã hiểu được! Koṇḍañña đã hiểu được!" Bởi thế, chính từ "Aññākoṇḍañña"[7] này đã trở thành tên gọi của Đại đức Koṇḍañña.

26. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Đại đức Aññākoṇḍañña đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của vị Đại đức ấy.

27. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy các vị Tỳ-khưu còn lại bằng bài pháp thoại. Khi ấy, trong lúc được giáo huấn, được giảng dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Vappa và Đại đức Bhaddiya: "Điều gì có bản tánh

[7] "*Aññākoṇḍañña*" = *Aññā* + *koṇḍañña*, nghĩa là "Koṇḍañña đã hiểu." Tên gọi này được phát xuất từ lời nói của đức Phật: "*Aññāsi vata bho Koṇḍañño. Aññāsi vata bho Koṇḍañño*" (ND).

được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

28. Sau đó, với bữa ăn đã được mang lại, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy các vị Tỳ-khưu còn lại bằng bài pháp thoại. Nhóm sáu vị sống bằng vật mà ba vị Tỳ-khưu đi khất thực và mang về.

29. Khi ấy, trong lúc được giáo huấn, được giảng dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Mahānāma và Đại đức Assaji: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

30. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu nhóm năm vị rằng:

– Này các Tỳ-khưu, sắc là vô ngã.[8] Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu sắc này là ngã thì sắc này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: "Sắc của ta hãy là như vầy, sắc của ta đừng trở thành như vầy." Này các Tỳ-khưu, chính vì sắc là vô ngã, do đó, sắc đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: "Sắc của ta hãy là như vầy, sắc của ta đừng trở thành như vầy."

31. Này các Tỳ-khưu, thọ là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu thọ này là ngã thì thọ này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: "Thọ của ta hãy là như vầy, thọ của ta đừng trở thành như vầy."

[8] Tốt hơn nên dịch là "sắc không phải là ngã" hoặc "sắc không phải là ta" (ND).

Này các Tỳ-khưu, chính vì thọ là vô ngã, do đó, thọ đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: "Thọ của ta hãy là như vầy, thọ của ta đừng trở thành như vầy."

32. Này các Tỳ-khưu, tưởng là vô ngã. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, các hành là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu các hành này là ngã thì các hành này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: "Các hành của ta hãy là như vầy, các hành của ta đừng trở thành như vầy." Này các Tỳ-khưu, chính vì các hành là vô ngã, do đó, các hành đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: "Các hành của ta hãy là như vầy, các hành của ta đừng trở thành như vầy."

33. Này các Tỳ-khưu, thức là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu thức này là ngã thì thức này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở thức [theo ý muốn] rằng: "Thức của ta hãy là như vầy, thức của ta đừng trở thành như vầy." Này các Tỳ-khưu, chính vì thức là vô ngã, do đó, thức đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở thức [theo ý muốn] rằng: "Thức của ta hãy là như vầy, thức của ta đừng trở thành như vầy."

34. Này các Tỳ-khưu, các vị nghĩ gì về sắc ấy, là thường hay vô thường?

– Bạch Ngài, là vô thường.

– Vậy cái gì [đã] là vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?

– Bạch Ngài, là khổ.

– Vậy cái gì [đã] là vô thường, khổ, có trạng thái thay đổi, có phải là hợp lý khi quán xét về cái ấy rằng: "Cái này là của ta, cái này là ta, cái này là tự ngã của ta?"

– Bạch Ngài, điều ấy không [hợp lý].

– Này các Tỳ-khưu, thọ ...(nt)... tưởng ...(nt)... các hành ...(nt)... thức là thường hay vô thường?

– Bạch Ngài, là vô thường.

– Vậy cái gì [đã] là vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?

– Bạch Ngài, là khổ.

– Vậy cái gì [đã] là vô thường, khổ, có trạng thái thay đổi, có phải là hợp lý khi quán xét về cái ấy rằng: "Cái này là của ta, cái này là ta, cái này là tự ngã của ta?"

– Bạch Ngài, điều ấy không hợp lý.

35. – Này các Tỳ-khưu, như thế, trong trường hợp này, bất cứ sắc nào thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, là trong thân, hay ngoài thân, thô kệch, hay vi tế, kém cỏi, hay cao quý, ở xa, hay ở gần, nên thấy được toàn bộ sắc ấy đúng như bản chất thật sự bằng trí tuệ chân chánh [như vầy]: "Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải là tự ngã của ta." Bất cứ thọ nào

...(nt)... bất cứ tưởng nào ...(nt)... bất cứ các hành nào ...(nt)... bất cứ thức nào thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, là trong thân, hay ngoài thân, thô kệch, hay vi tế, kém cỏi, hay cao quý, ở xa hay ở gần, nên thấy được toàn bộ thức ấy đúng như bản chất thật sự bằng trí tuệ chân chánh [như vầy]: "Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải là tự ngã của ta."

36. Này các Tỳ-khưu, trong khi thấy được như thế, vị Thánh đệ tử có sự học hỏi không còn hứng thú trong sắc, không còn hứng thú trong thọ, không còn hứng thú trong tưởng, không còn hứng thú trong các hành, không còn hứng thú trong thức; trong khi không còn hứng thú, vị ấy không còn say đắm; do không còn say đắm, vị ấy được giải thoát; trong khi được giải thoát, trí khởi lên rằng: "Đã được giải thoát." Vị ấy biết được rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đối với bản thể [A-la-hán] này nữa."

37. Đức Thế Tôn đã giảng về điều ấy. Được hoan hỷ, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã vô cùng thích thú với lời dạy của đức Thế Tôn. Hơn thế nữa, trong khi bài kinh này được thuyết giảng, tâm của các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

38. Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có sáu vị A-la-hán.

Tụng phẩm thứ nhất.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, ở Bārāṇasī có người con trai gia đình danh giá tên Yasa, là con trai nhà đại phú, có vóc dáng mảnh mai. Chàng trai có ba tòa lâu đài: Một dành cho mùa lạnh, một dành cho mùa nóng, một dành cho mùa mưa. Vào bốn tháng mùa mưa, ở trong tòa lâu đài dành cho mùa mưa, trong lúc được phục vụ bởi các nữ công tấu nhạc, chàng không bước xuống phía dưới của tòa lâu đài.

2. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa là người được thừa hưởng, được sở hữu năm phần dục lạc,[9] trong lúc đang được phục vụ, chàng trai đã thiếp ngủ trước rồi đám người hầu cũng đã thiếp ngủ. Và cây đèn dầu được đốt trọn đêm.

3. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa đã thức dậy trước và đã nhìn thấy đám hầu thiếp của mình đang ngủ, cây đàn ở khuỷu tay của nàng nọ, cái trống con ở cổ của nàng kia, cái trống ở đùi của nàng khác, nàng nọ có [đầu tóc] xổ ra, nàng kia nhểu nước dãi, các nàng khác thì nói lảm nhảm, chàng nghĩ rằng bãi tha ma đã đến ở trong tầm tay. Sau khi nhìn thấy, chàng trai đã thấy rõ được điều bất lợi và đã lập tâm ở sự chán nản.

4. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa đã thốt lên lời cảm thán rằng: "Thật là chán nản! Thật là khổ sở!"

---

[9] Khoái lạc sanh lên do 5 giác quan: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân (ND).

5. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã mang vào đôi hài bằng vàng ròng và đi đến cánh cửa lớn của dinh thự. Các phi nhân đã mở cánh cửa ra [nghĩ rằng]: "Chớ có ai gây trở ngại đến việc rời nhà xuất gia, sống không nhà của người con trai gia đình danh giá Yasa."

6. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi đến cổng thành phố. Các phi nhân đã mở cánh cửa ra [nghĩ rằng]: "Chớ có ai gây trở ngại đến việc rời nhà xuất gia, sống không nhà của người con trai gia đình danh giá Yasa."

7. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi đến Isipatana, chỗ vườn Nai. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, sau khi thức dậy trong đêm, vào lúc hừng sáng, đang đi kinh hành ở ngoài trời, đức Thế Tôn đã nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã rời đường kinh hành và ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, ở không xa đức Thế Tôn, người con trai gia đình danh giá Yasa đã thốt lên lời cảm thán rằng: "Thật là chán nản! Thật là khổ sở!"

8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với người con trai gia đình danh giá Yasa điều này:

– Này Yasa, việc này không chán nản, việc này không khổ sở. Này Yasa, hãy đến và ngồi xuống. Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp cho ngươi.

Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa [nghĩ rằng]: "Nghe nói việc này không chán nản, việc này không khổ sở" nên mừng rỡ phấn chấn, rồi đã cởi ra đôi hài bằng vàng ròng và đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi người con trai gia đình danh giá Yasa đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến người con trai gia đình danh giá Yasa. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được người con trai gia đình danh giá Yasa có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến người con trai gia đình danh giá Yasa: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

9. Sau đó, mẹ của người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi lên tòa lâu đài, trong khi không nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa, nên đã đi đến gặp người gia chủ đại phú, sau khi đến đã nói với người gia chủ đại phú điều này:

– Gia chủ ơi, không có nhìn thấy con trai ông là Yasa.

Khi ấy, người gia chủ đại phú đã phân công cho các sứ giả phi ngựa bốn phương, còn chính bản thân đã đi đến Isipatana, chỗ vườn Nai. Người gia chủ

đại phú đã nhìn thấy dấu vết [in xuống đất] của đôi hài bằng vàng ròng, sau khi nhìn thấy đã đi theo chính dấu vết ấy. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người gia chủ đại phú từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Hay là Ta nên thi triển thần thông để cho người gia chủ đại phú ngồi ở đây không thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở đây." Rồi đức Thế Tôn đã thi triển thần thông như thế ấy.

10. Sau đó, người gia chủ đại phú đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, vậy chớ đức Thế Tôn có thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa không?

– Này gia chủ, như thế thì ông hãy ngồi xuống đi. Có lẽ khi ông ngồi xuống ở đây, ông có thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở đây.

11. Khi ấy, người gia chủ đại phú [nghĩ rằng]: "Nghe nói khi ta ngồi xuống ở chính nơi đây, ta sẽ nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở đây" nên mừng rỡ, phấn chấn, rồi đã đảnh lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi người gia chủ đại phú đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến người gia chủ đại phú. ...(nt)... không còn cần sự trợ duyên của người khác, [người gia chủ đại phú] đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Và ông ta đã trở thành vị nam cư sĩ đọc ba câu [nương nhờ][10] đầu tiên ở thế gian.

12. Sau đó, trong khi giáo pháp đang được giảng giải cho người cha thì người con trai gia đình danh giá Yasa, trong khi quán sát bản chất như đã được thấy, như đã được biết, tâm của vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Trong khi giáo pháp đang được giảng giải cho người cha thì người con trai gia đình danh giá Yasa, trong khi quán sát bản chất như đã được thấy, như đã được biết, tâm của vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Người con trai gia đình danh giá Yasa quả không thể nào quay trở lại đời sống thấp kém để thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia, hay là Ta nên thu hồi sự thi triển thần thông ấy?"

[10] Vị nam cư sĩ đọc 3 câu (*tevāciko*): Lúc bấy giờ, trên thế gian này đã có 6 vị Tỳ-khưu A-la-hán, tức là Hội chúng Tỳ-khưu đã hiện hữu. Vì thế, khi đi đến nương nhờ vào Ba ngôi báu, người gia chủ này đã đọc 3 câu nương nhờ là "Con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn. Con đây xin đi đến nương nhờ Giáo pháp. Con đây xin đi đến nương nhờ Hội chúng Tỳ-khưu" (ND).

13. Sau đó, đức Thế Tôn đã thu hồi sự thi triển thần thông ấy. Người gia chủ đại phú đã nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi, sau khi nhìn thấy, đã nói với người con trai gia đình danh giá Yasa điều này:

– Này Yasa yêu quý, mẹ của con đã phải than vãn và sầu muộn. Hãy đem lại cho mẹ cuộc sống.

14. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa đã ngước nhìn đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với người gia chủ đại phú điều này:

– Này gia chủ, ngươi nghĩ gì về việc ấy [là việc] người con trai gia đình danh giá Yasa đã thấy, đã biết được pháp bằng trí của vị Hữu học, bằng sự hiểu biết của vị Hữu học cũng giống ngươi vậy? Chàng trai ấy trong khi quán sát bản chất như đã được thấy, như đã được biết, tâm đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Này gia chủ, có thể nào Yasa quay trở lại đời sống thấp kém để thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia hay không?

– Bạch Ngài, điều ấy không thể nào.

– Này gia chủ, người con trai gia đình danh giá Yasa quả đã thấy, đã biết được pháp bằng trí của vị Hữu học, bằng sự hiểu biết của vị Hữu học cũng giống ngươi vậy. Chàng trai ấy trong khi quán sát bản chất như đã được thấy, như đã được biết, tâm đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Này gia chủ, Yasa không thể nào quay trở lại đời sống thấp kém để thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia.

15. – Bạch Ngài, thật là lợi ích cho người con trai gia đình danh giá Yasa! Thật khéo thành tựu cho người con trai gia đình danh giá Yasa! Như là việc tâm của người con trai gia đình danh giá Yasa đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa thọ trai ngày mai, cùng với người con trai gia đình danh giá Yasa là Sa-môn hầu cận.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

16. Khi ấy, người gia chủ đại phú hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi người gia chủ đại phú ra đi không lâu, người con trai gia đình danh giá Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của Đại đức ấy.

Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có bảy vị A-la-hán.

Dứt sự xuất gia của Yasa.

*****

1. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của người gia chủ đại phú cùng với Đại đức Yasa là Sa-môn hầu cận, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người mẹ và người vợ cũ của Đại đức Yasa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến các người nữ ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được các người nữ ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến các người nữ ấy: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các người nữ ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! ...(nt)... Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nữ cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Và các người nữ ấy đã trở thành những nữ cư sĩ đọc ba câu đầu tiên ở thế gian.

2. Sau đó, khi đã tự tay làm hài lòng, toại ý đức Thế Tôn và Đại đức Yasa với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người mẹ, người cha và người vợ cũ của Đại đức Yasa đã ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người mẹ, người cha và người vợ cũ của Đại đức Yasa bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

3. Bốn người bạn tại gia của Đại đức Yasa [tên] Vimala, Subāhu, Puṇṇaji, Gavampati là những người con trai của các gia đình đại phú và khá giả ở thành Bārāṇasī đã nghe được rằng: “Nghe nói người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa và rời nhà xuất gia, sống không nhà.” Sau khi nghe, các người ấy đã khởi ý điều này: “Pháp và Luật ấy chắc chắn không phải là tầm thường! Việc xuất gia ấy không phải là tầm thường khi mà người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa và rời nhà xuất gia, sống không nhà!” Các người ấy đã đi đến gặp Đại đức Yasa, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Yasa rồi đứng một bên. Khi ấy, Đại đức Yasa đã dẫn bốn người bạn tại gia ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, bốn người bạn tại gia này của con [tên] Vimala, Subāhu, Puṇṇaji, Gavampati là những người con trai của các gia đình đại phú và khá giả ở thành Bārāṇasī. Xin đức Thế Tôn hãy giáo huấn và giảng dạy cho những người này.

4. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy cho các vị Tỳ-khưu ấy bằng bài pháp thoại. Trong khi được giáo huấn, được giảng dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại, tâm của các vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có mười một vị A-la-hán.

Dứt sự xuất gia của bốn người bạn tại gia.

*****

1. Những người bạn tại gia của Đại đức Yasa có số lượng năm mươi [người] là những người con trai của các gia đình kỳ cựu và các gia đình kế tự trong xứ sở đã nghe rằng: "Nghe nói người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa và rời nhà xuất gia, sống không nhà." Sau khi nghe, các người ấy đã khởi ý điều này: "Pháp và Luật ấy chắc chắn không phải là tầm thường! Việc xuất gia ấy không phải là tầm thường khi mà người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa và rời nhà xuất gia, sống không nhà!" Các người ấy đã đi đến gặp Đại đức

Yasa, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Yasa rồi đứng một bên. Khi ấy, Đại đức Yasa đã dẫn các người bạn tại gia có số lượng là năm mươi [người] ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, những người bạn tại gia này của con có số lượng năm mươi [người] là những người con trai của các gia đình đầu tiên hoặc kế tục trong xứ sở. Xin đức Thế Tôn hãy giáo huấn và giảng dạy cho những người này.

2. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. ...(nt)... khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy cho các vị Tỳ-khưu ấy bằng bài pháp thoại. Trong lúc được giáo huấn, được giảng dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại, tâm của các vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có sáu mươi mốt vị A-la-hán.

3. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta đã thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Này các Tỳ-khưu, các ngươi cũng đã thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Này các Tỳ-khưu, hãy cất bước du hành vì lợi ích của nhiều người, vì an lạc của nhiều người, vì lòng thương xót thế gian, vì sự tiến hóa, sự lợi ích, sự an vui của chư thiên và nhân loại, chớ đi hai người chung một [đường]. Này các Tỳ-khưu, hãy thuyết giảng giáo pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Có những hạng người sanh lên bị ít ô nhiễm sẽ là những người

hiểu được giáo pháp, [nhưng] do việc không nghe giáo pháp sẽ bị tha hóa. Này các Tỳ-khưu, Ta cũng sẽ đi đến ngôi làng của Senāni ở Uruvelā cho việc thuyết giảng giáo pháp.

4. Sau đó, Ma vương tội lỗi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn bằng những lời kệ này:

– Ngài đã bị trói buộc bởi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ngài đã bị trói buộc bởi sự trói buộc lớn lao. Này vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta!

[Đức Thế Tôn đáp lại rằng:]

– Ta đã được thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ta đã được thoát khỏi sự trói buộc lớn lao. Này kẻ gây tử vong, ngươi đã bị thua rồi.

– Sự trói buộc này, có sự di chuyển ở khoảng không và hoạt động ở trong tâm. Ta sẽ trói buộc Ngài lại bằng vật ấy. Này vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta!

– Các sắc, các thinh, các hương, các vị và các xúc là các niềm thích thú của tâm. Sự mong muốn của Ta ở điều ấy đã không còn. Này kẻ gây tử vong, ngươi đã bị thua rồi.

Khi ấy, Ma vương tội lỗi [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã nhận ra ta rồi! Đấng Thiện Thệ đã nhận ra ta rồi!" nên xấu hổ, bực bội, rồi đã biến mất ngay tại chỗ ấy.

Dứt phần giảng về Ma vương là phần thứ mười một.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên, [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia, sẽ cho họ tu lên bậc trên." Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hiện nay, các vị Tỳ-khưu thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên [nghĩ rằng]: 'Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia và sẽ cho họ tu lên bậc trên.' Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc; hay là Ta nên cho phép các vị Tỳ-khưu rằng: 'Này các Tỳ-khưu, kể từ nay, ở trong mọi phương, ở trong mọi xứ sở, chính các ngươi hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên.'"

2. Sau đó, vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại, đã thuyết pháp thoại, rồi đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ở đây, trong lúc Ta thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hiện nay, các vị Tỳ-khưu thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên [nghĩ rằng]: 'Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia, sẽ cho họ tu lên bậc trên.' Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu, luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc; hay là Ta nên cho phép các vị Tỳ-khưu rằng: 'Này các Tỳ-khưu, kể từ nay ở trong mọi phương, ở trong mọi xứ sở, chính các ngươi hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên.'"

3. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép "kể từ nay ở trong mọi phương, ở trong mọi xứ sở, chính các ngươi hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên." Và này các Tỳ-khưu, nên cho xuất gia như vầy, nên cho tu lên bậc trên như vầy: Trước tiên, nên bảo cạo bỏ râu tóc, bảo khoác lên các tấm vải màu ca-sa, bảo đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các vị Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và nên bảo rằng: "Ngươi hãy nói như vầy:

Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ [Tôi xin quy y Phật].

Tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ [Tôi xin quy y Pháp].

Tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ [Tôi xin quy y Tăng].[11]

Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ.

Lần thứ nhì, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ.

Lần thứ nhì, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ.

Lần thứ ba, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ.

Lần thứ ba, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ.

Lần thứ ba, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ."

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sự xuất gia, sự tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ này.

Dứt phần giảng về sự xuất gia, sự tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ là phần thứ mười hai.

*****

[11] *Saṅgha*: Được dịch âm thành Tăng-già, nói ngắn gọn là Tăng. *Saṅgha* có ý nghĩa thông thường là hội chúng, tập thể, v.v... và được thiêng liêng hóa khi đề cập đến 3 ngôi Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Điều cần lưu ý ở đây là từ "*Saṅgha*" cũng được dùng cho Tỳ-khưu-ni: *Bhikkhunīsaṅgha* = hội chúng Tỳ-khưu-ni, Tỳ-khưu-ni Tăng (tương tợ như ở *bhikkhusaṅgha* = hội chúng Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Tăng). Tuy nhiên, hiện nay có khuynh hướng dùng chữ "Tăng" chỉ dành riêng cho phái nam, ví dụ như: "Tứ chúng gồm có Tăng, Ni, thiện nam, tín nữ", hoặc "Kính bạch chư Đại đức Tăng, Ni" hoặc bình dân hơn như "ông Tăng, bà Ni", v.v... Chữ "Tăng" này chỉ tương đương với từ "*Bhikkhu*" (Tỳ-khưu) chứ không phải là "*Saṅgha*" như ở trên (ND).

1. Sau đó, khi đã sống qua mùa mưa, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta có các sự tác ý đúng đắn, có các sự tinh tấn chân chánh đúng đắn, đã đạt đến sự Giải thoát vô thượng, đã chứng ngộ sự Giải thoát vô thượng. Này các Tỳ-khưu, ngay cả các ngươi cũng có các sự tác ý đúng đắn, có các sự tinh tấn chân chánh đúng đắn, [các ngươi] hãy đạt đến sự Giải thoát vô thượng, hãy chứng ngộ sự Giải thoát vô thượng.

2. Sau đó, Ma vương tội lỗi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn bằng bài kệ này:

– Ngài đã bị trói buộc bởi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ngài đã bị trói buộc bởi sự trói buộc của tử thần. Này vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta!

[Đức Thế Tôn đáp lại rằng:]

– Ta đã được thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ta đã được thoát khỏi sự trói buộc của tử thần. Này kẻ gây tử vong, ngươi đã bị thua rồi.

Khi ấy, Ma vương tội lỗi [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã nhận ra ta rồi! Đấng Thiện Thệ đã nhận ra ta rồi!" nên xấu hổ, bực bội, rồi đã biến mất ngay tại chỗ ấy.

3. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Uruvelā. Khi ấy, đức Thế Tôn đã rời đường lộ đi đến khu rừng rậm nọ, sau khi đến đã đi sâu vào trong khu rừng rậm ấy và đã ngồi xuống ở gốc cây nọ.

4. Vào lúc bấy giờ, những người bạn thuộc nhóm các vương tử có số lượng ba mươi [người] cùng với những người vợ đang du ngoạn ở trong khu rừng rậm ấy. Một người không có vợ. Cô gái điếm đã được dẫn đến cho nhu cầu của vị ấy. Rồi trong khi những người ấy đang lơ đễnh du ngoạn, cô gái điếm ấy đã cầm lấy gói đồ rồi tẩu thoát.

5. Sau đó, những người bạn ấy trong lúc giúp đỡ bạn bè, trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy, trong khi lang thang ở khu rừng rậm ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy, đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, vậy chớ đức Thế Tôn có nhìn thấy người đàn bà không?

– Này các vương tử, các vị có chuyện gì với người đàn bà?

– Bạch Ngài, ở đây, chúng tôi là những người bạn thuộc nhóm các vương tử có số lượng ba mươi [người] đã cùng với những người vợ du ngoạn ở trong khu rừng rậm này. Một người không có vợ. Cô gái điếm đã được dẫn đến cho nhu cầu của vị ấy. Bạch Ngài, rồi trong khi chúng tôi đang lơ đễnh du ngoạn, cô gái điếm ấy đã cầm lấy gói đồ rồi tẩu thoát. Bạch Ngài, là những người bạn trong lúc giúp đỡ bạn bè, trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy, chúng tôi đây lang thang đi đến khu rừng rậm này.

6. – Này các vương tử, các vị nghĩ thế nào về việc các vị nên tìm kiếm người đàn bà và việc các vị nên tìm kiếm lấy chính mình, đối với các vị việc nào quan trọng hơn?

– Bạch Ngài, đối với chúng tôi, việc chúng tôi nên tìm kiếm lấy chính mình là việc quan trọng hơn.

– Này các vương tử, chính vì việc ấy, các vị hãy ngồi xuống, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp cho các vị.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi những người bạn thuộc nhóm các vương tử ấy đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

7. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến các vị ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được các vị ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến các vị ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

Dứt câu chuyện về những người bạn thuộc nhóm các vương tử.

Tụng phẩm thứ nhì.

*****

1. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Uruvelā. Vào lúc bấy giờ, có ba vị đạo sĩ bện tóc đang cư trú ở Uruvelā là Uruvelakassapa, Nadīkassapa và Gayākassapa.

Trong số các vị ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của năm trăm đạo sĩ bện tóc.

Đạo sĩ bện tóc Nadīkassapa là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của ba trăm đạo sĩ bện tóc. Đạo sĩ bện tóc Gayākassapa là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của hai trăm đạo sĩ bện tóc.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã đi đến khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa, sau khi đến đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, nếu không trở ngại cho ngươi thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa.

– Này vị Đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. [Tuy nhiên] ở đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại Ngài được.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, nếu không trở ngại cho ngươi thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa.

– Này vị Đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. [Tuy nhiên] ở đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại Ngài được.

Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, nếu không trở ngại cho ngươi thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa.

– Này vị Đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. [Tuy nhiên] ở đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại Ngài được.

– Biết đâu nó có thể không hại Ta. Này Kassapa, ngươi hãy cho phép [Ta cư ngụ] nhà thờ lửa đi.

– Này vị Đại Sa-môn, Ngài hãy cư ngụ một cách thoải mái.

Sau đó, đức Thế Tôn đã đi vào nhà thờ lửa, sắp đặt tấm thảm trải bằng cỏ rồi ngồi xuống, xếp [chân] thế kiết-già, giữ thân thẳng, tập trung niệm ở phía trước.

3. Khi ấy, con rồng ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đi vào, sau khi nhìn thấy trở nên bực bội nên đã phun khói. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Có lẽ Ta không nên làm thương tổn đến lớp vỏ, làn da, thịt, gân, xương, tủy của con rồng này mà chỉ nên dùng lửa [của Ta] làm cho lửa [của nó] bị kiệt quệ thôi." Sau đó, đức Thế Tôn đã thi triển phép thần thông có hình thức như thế và đã phun khói. Khi ấy, con rồng không chịu nổi sự khổ sở nên đã phun ra lửa. Đức Thế Tôn cũng đã nhập thiền đề mục lửa và đã phun ra lửa. Trong khi cả hai đều có trạng thái rực sáng, ngôi nhà thờ lửa như là bị đốt cháy, bị phát cháy, có trạng thái rực sáng. Khi ấy, những đạo sĩ bện tóc ấy đã vây xung quanh nhà thờ lửa và nói như vầy:

– Quả thật vị Đại Sa-môn có vóc dáng xinh đẹp đã bị con rồng hãm hại!

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đức Thế Tôn đã không làm thương tổn đến lớp vỏ, làn da, thịt, gân, xương, tủy của con rồng này mà đã dùng lửa [của Ngài] làm cho lửa [của nó] bị kiệt quệ, rồi bỏ vào trong bình bát và đưa cho đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa xem [nói rằng]:

– Này Kassapa, đây là con rồng của ngươi. Lửa của nó đã bị lửa [của Ta] làm cho kiệt quệ.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy đã dùng lửa [của vị ấy] làm cho lửa của con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp bị kiệt quệ, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

4. Ở Nerañjarā, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rằng:

– Này Kassapa, nếu không trở ngại cho ngươi thì đêm nay hãy để Ta ngụ ở nơi thờ phụng lửa.

– Này vị Đại Sa-môn, quả chẳng có trở ngại cho tôi. Chỉ vì muốn được yên tâm mà tôi ngăn cản Ngài. Nơi đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại Ngài được.

– Biết đâu nó có thể không hại Ta. Này Kassapa, ngươi hãy cho phép [Ta cư ngụ] nhà thờ lửa đi.

Sau khi biết được điều ấy là "đã được cho phép", Ngài đã đi vào, không khiếp đảm, đã lìa nỗi sợ hãi.

Thấy vị ẩn sĩ đã đi vào, con rồng chúa có ý bực bội, đã phun khói. Vị Chúa của loài người, với tâm hòa dịu, với ý cao cả, tại nơi đó cũng đã phun khói.

Và không nén được nỗi bực tức, con rồng chúa đã phun lửa như là cơn hỏa hoạn. Vị Chúa của loài người, thiện xảo về các đề mục lửa, tại nơi đó cũng đã phun lửa.

Trong khi cả hai đều có trạng thái rực sáng, các đạo sĩ bện tóc đã vây xung quanh nhà thờ lửa và nói rằng:

– Đương nhiên là vị Đại Sa-môn có vóc dáng xinh đẹp bị con rồng hãm hại!

Rồi đêm đã qua đi, các ngọn lửa của rồng chúa chẳng còn, còn các ngọn lửa của vị có thần lực vẫn tồn tại và có nhiều màu sắc.

Các ngọn lửa nhiều màu sắc từ cơ thể của vị Aṅgīrasa có các màu sắc trong suốt, xanh, đỏ, tím, vàng.

Sau khi đặt con rồng vào bình bát, Ngài đã đưa ra cho vị Bà-la-môn xem:

– Này Bà-la-môn, đây là con rồng của ngươi. Lửa của nó đã bị kiệt quệ vì ngọn lửa [của Ta].[12]

---

[12] Ngài Buddhaghosa cho biết đây là các lời kệ được lưu truyền về sau này (*VinA*. V. 971).

5. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa vô cùng hoan hỷ với sự kỳ diệu thần thông này của đức Thế Tôn nên đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, hãy cư ngụ ngay tại đây, tôi có thức ăn trường kỳ cho Ngài.

Điều kỳ diệu thứ nhất.

*****

6. Sau đó, đức Thế Tôn đã cư ngụ trong khu rừng rậm nọ, không xa khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa. Khi ấy, vào lúc đêm khuya, bốn vị Đại Thiên vương có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở bốn phương, giống như là những khối lửa khổng lồ.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa-môn, trong lúc đêm khuya, những ai có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp Ngài, sau khi đến đã đảnh lễ Ngài rồi đứng ở bốn phương, giống như là những khối lửa khổng lồ vậy?

– Này Kassapa, các vị ấy là bốn vị Đại Thiên vương đã đi đến gặp Ta để nghe pháp.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả bốn vị Đại Thiên vương còn đi đến gặp để nghe pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ nhì.

*****

7. Sau đó, trong lúc đêm khuya, vị chúa của chư thiên Sakka có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa-môn, trong lúc đêm khuya, người nào có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp Ngài, sau khi đến đã đảnh lễ Ngài rồi

đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa vậy?

– Này Kassapa, vị ấy là chúa của chư thiên Sakka đã đi đến gặp Ta để nghe pháp.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả chúa của chư thiên Sakka còn đi đến gặp để nghe pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ ba.

*****

8. Sau đó, trong lúc đêm khuya, vị Phạm thiên Sahampati có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa.

9. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa-môn, trong lúc đêm khuya, người nào có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp Ngài, sau khi đến đã đảnh lễ Ngài rồi đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa vậy?

– Này Kassapa, vị ấy là Phạm thiên Sahampati đã đi đến gặp Ta để nghe pháp.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị Phạm thiên Sahampati còn đi đến gặp để nghe pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ tư.

*****

10. Vào lúc bấy giờ, buổi đại lễ cúng tế của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đến. Và toàn bộ dân chúng ở Aṅga và Magadha đem lại nhiều thức ăn loại cứng, loại mềm với ý định tham dự. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Giờ đây, buổi đại lễ cúng tế của ta đã đến, toàn bộ dân chúng ở Aṅga và Magadha sẽ đem lại nhiều thức ăn loại cứng, loại mềm và tham dự.

Nếu vị Đại Sa-môn thực hiện sự kỳ diệu của thần thông trước đám đông thì lợi lộc và sự trọng vọng sẽ tăng trưởng cho vị Đại Sa-môn, còn lợi lộc và sự trọng vọng của ta sẽ bị giảm đi; vậy thì vị Đại Sa-môn không thể đi đến vào ngày mai."

11. Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa nên đã đi đến xứ Kuru ở phương Bắc, từ nơi ấy đã đem lại đồ ăn khất thực và đã thọ thực ở hồ Anotatta, rồi đã nghỉ trưa ở ngay tại nơi ấy.

12. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa-môn, việc gì khiến Ngài đã không đi đến ngày hôm qua? Tuy nhiên, chúng tôi cũng có nhớ đến Ngài rằng: "Việc gì khiến vị Đại Sa-môn không đi đến?" Phần chia về thức ăn loại cứng và loại mềm đã được để dành cho Ngài.

13. – Này Kassapa, thế không phải ngươi đã khởi ý điều này: "Giờ đây, buổi đại lễ cúng tế của ta đã đến, toàn bộ dân chúng ở Aṅga và Magadha sẽ đem lại nhiều thức ăn loại cứng, loại mềm và tham dự. Nếu vị Đại Sa-môn thực hiện sự kỳ diệu của thần thông trước đám đông thì lợi lộc và sự trọng vọng sẽ tăng trưởng cho vị Đại Sa-môn, còn lợi lộc và sự trọng vọng của ta sẽ bị giảm đi; vậy thì vị Đại Sa-môn không thể đi đến vào ngày mai."

14. Này Kassapa, Ta đây dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của ngươi nên đã đi đến xứ Kuru ở phương Bắc, từ nơi ấy, đã đem lại đồ ăn khất thực và đã thọ thực ở hồ Anotatta, rồi đã nghỉ trưa ở ngay tại nơi ấy.

15. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy còn biết được tâm bằng tâm, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ năm.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, có vải *paṃsukūla*[13] đã phát sanh đến đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể giặt vải *paṃsukūla* ở đâu?" Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã dùng tay đào thành cái hồ nước, rồi nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy giặt vải *paṃsukūla* ở đây." Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể nhồi vải *paṃsukūla* ở nơi vật gì?" Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã mang lại tảng đá lớn rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

[13] Vải *paṃsukūla*: Chủ yếu là vải quấn thây người chết, được đem bỏ ở bãi tha ma, hoặc là vải nhặt ở các đống rác. Ở một vài chỗ, chúng tôi đã dịch là "vải dơ bị quăng bỏ" (ND).

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhồi vải *paṃsukūla* ở đây.

Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Vậy Ta có thể nắm vào vật gì và bước lên?” Khi ấy, vị thiên thần ngụ ở cây Kakudha dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã uốn cong cành cây xuống [nói rằng]:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nắm vào đây và bước lên.

Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Vậy Ta có thể phơi khô vải *paṃsukūla* ở nơi vật gì?” Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã mang lại tảng đá lớn, rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy phơi khô vải *paṃsukūla* ở đây.

2. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa-môn, có phải trước kia, cái hồ nước này không có ở đây, giờ cái hồ nước này lại có ở đây? Trước kia, hòn đá này không được đem lại, do ai mà hòn đá này đã được đem lại? Trước kia, cành của cây Kakudha này không bị uốn cong xuống, giờ cành cây này đây đã bị uốn cong xuống?

3. – Này Kassapa, trường hợp này là vải *paṃsukūla* đã được phát sanh đến Ta. Ta đây đã khởi ý điều này: “Vậy Ta có thể giặt vải *paṃsukūla* ở đâu?” Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Ta nên đã dùng tay đào thành cái hồ nước rồi nói với Ta điều này: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy giặt vải *paṃsukūla* ở đây.” Cái hồ này đây đã được đào bằng bàn tay bởi hạng không phải là người. Này Kassapa, Ta đây đã khởi ý điều này: “Vậy Ta có thể nhồi vải *paṃsukūla* ở nơi vật gì?” Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Ta nên đã mang lại tảng đá lớn: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhồi vải *paṃsukūla* ở đây.” Hòn đá này đây đã được đem lại bởi hạng không phải là người. Này Kassapa, Ta đây đã khởi ý điều này: “Vậy Ta có thể nắm vào vật gì và bước lên?” Khi ấy, vị thiên thần ngụ ở cây Kakudha dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Ta nên đã uốn cong cành cây xuống: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nắm vào đây và bước lên.” Cây Kakudha này đây là vật để tay nắm vào. Này Kassapa, Ta đây đã khởi ý điều này: “Vậy Ta có thể phơi khô vải *paṃsukūla* ở nơi vật gì?” Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Ta nên đã mang lại tảng đá lớn: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy phơi khô vải *paṃsukūla* ở đây.” Hòn đá này đây đã được đem lại bởi hạng không phải là người.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị chúa của chư thiên Sakka còn phải phục vụ, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

4. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

– Này Kassapa, ngươi hãy đi rồi Ta đến.

Sau khi bảo vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đi, Ngài đã hái trái cây từ cây Jambu,[14] do cây Jambu mà Jambudīpa[15] được biết tiếng, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi trong nhà thờ lửa, sau khi nhìn thấy, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, Ngài đã đi đến bằng con đường nào? Tôi đã ra đi trước Ngài, vậy mà Ngài đây đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa.

– Này Kassapa, trong trường hợp này, sau khi bảo ngươi đi, Ta đã hái trái cây từ cây Jambu, do cây Jambu mà Jambudīpa được biết tiếng, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Này Kassapa, trái cây Jambu này đạt được màu sắc, đạt được hương thơm, đạt được mùi vị, nếu ngươi thích thì hãy ăn đi.

– Này vị Đại Sa-môn, thôi đi. Chính Ngài đã mang nó lại thì chính Ngài hãy ăn nó.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì sau khi bảo ta đi trước, vị ấy đã hái trái cây từ cây Jambu, do cây Jambu mà Jambudīpa được biết tiếng, rồi đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

5. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

– Này Kassapa, ngươi hãy đi rồi Ta đến.

Sau khi bảo vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đi, Ngài đã hái trái xoài không xa cây Jambu, do cây Jambu mà Jambudīpa được biết tiếng, ...(nt)... trái Āmalakī không xa cây Jambu, ...(nt)... trái Harītakī không xa cây Jambu, ...(nt)... đã đi đến cõi trời Đạo-lợi hái bông hoa của cây san hô, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi trong nhà thờ lửa, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

---

[14] Trái Jambu giống trái mận (miền Nam) hoặc đào đỏ (miền Trung) nhưng nhỏ hơn (ND).

[15] Jambudīpa, dịch là đảo Jambu, tức là bán đảo Ấn Độ (ND).

– Này vị Đại Sa-môn, Ngài đã đi đến bằng con đường nào? Tôi đã ra đi trước Ngài vậy mà Ngài đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa.

– Này Kassapa, trong trường hợp này, sau khi bảo ngươi đi, Ta đã đi đến cõi trời Đạo-lợi hái bông hoa của cây san hô, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Này Kassapa, bông hoa của cây san hô này đạt được màu sắc, đạt được hương thơm.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì sau khi bảo ta đi trước, vị ấy đã đi đến cõi trời Đạo-lợi hái bông hoa của cây san hô, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

6. Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy có ước muốn thờ phụng lửa, không thể chẻ nhỏ các thanh củi được. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị Đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào chẻ nhỏ các thanh củi được!" Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, hãy khiến các thanh củi được chẻ nhỏ.

– Này vị Đại Sa-môn, hãy khiến chúng được chẻ nhỏ.

Ngay lập tức, năm trăm thanh củi đã được chẻ nhỏ. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các thanh củi cũng không chẻ nhỏ được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

7. Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy có ước muốn thờ phụng lửa, không thể đốt lên ngọn lửa được. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị Đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào đốt lên ngọn lửa được!" Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, hãy khiến các ngọn lửa được đốt lên.

– Này vị Đại Sa-môn, hãy khiến chúng được đốt lên.

Ngay lập tức, năm trăm ngọn lửa đã được đốt lên. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các ngọn lửa cũng không đốt lên được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

8. Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy, sau khi thờ phụng lửa, không thể dập tắt ngọn lửa được. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị Đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào dập tắt các ngọn lửa được!" Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, hãy khiến các ngọn lửa được dập tắt.

– Này vị Đại Sa-môn, hãy khiến chúng được dập tắt.

Ngay lập tức, năm trăm ngọn lửa đã được dập tắt. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các ngọn lửa cũng không dập tắt được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

9. Vào lúc bấy giờ, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo, vào lúc tuyết rơi, các vị đạo sĩ bện tóc ấy hụp xuống và trồi lên trong dòng sông Nerañjarā, rồi lại thực hiện những hành động trồi lên hụp xuống. Khi ấy, đức Thế Tôn đã làm hiện ra các chảo lửa có số lượng năm trăm cái ở chỗ các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã lội lên và sưởi ấm. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị Đại Sa-môn cho nên các chảo lửa này đã được hiện ra." Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy còn làm hiện ra các chảo lửa nhiều đến mức này, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

10. Vào lúc bấy giờ, có đám mây đen lớn sái mùa đã đổ mưa tạo thành trận lũ lụt lớn. Trong khu vực nào đức Thế Tôn cư ngụ thì nước không tràn đến khu vực ấy. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Hay là Ta nên đẩy nước ra xung quanh rồi đi kinh hành ở khoảng giữa, trên mặt đất có phủ lớp đất bụi?" Sau đó, đức Thế Tôn đã đẩy nước ra xung quanh rồi đi kinh hành ở khoảng giữa, trên mặt đất có phủ lớp đất bụi. Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa [nghĩ rằng]: "Chỉ mong sao vị Đại Sa-môn không bị nước cuốn trôi đi!", rồi đã cùng nhiều vị đạo sĩ bện tóc đi thuyền đến khu vực đức Thế Tôn cư ngụ. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi kinh hành ở khoảng giữa, trên mặt đất có phủ lớp đất bụi sau khi đã đẩy nước ra xung quanh, sau khi nhìn thấy, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, Ngài có đây không?

– Này Kassapa, có Ta đây.

Đức Thế Tôn đã bay lên không trung và đứng xuống ở chiếc thuyền. Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả nước [lũ] cũng không làm gì được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Đã lâu nay, kẻ rồ dại này chỉ khởi ý rằng: 'Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.' Hay là Ta nên làm cho vị đạo sĩ bện tóc này phải nao núng? " Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, ngươi chẳng phải là A-la-hán và cũng chẳng đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Thậm chí ngươi cũng không có đường lối thực

hành để ngươi có thể trở thành A-la-hán hoặc đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán.

12. Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không?

– Này Kassapa, ngươi là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của năm trăm đạo sĩ bện tóc. Ngươi hãy thông báo đến các vị ấy. Các vị ấy sẽ làm theo cách các vị ấy suy tính. Các vị suy tính như thế nào thì các vị sẽ làm như thế ấy.

13. Sau đó, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp các đạo sĩ bện tóc ấy, sau khi đến đã nói với các đạo sĩ bện tóc ấy điều này:

– Này các ông, ta muốn thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn. Các ông suy tính như thế nào thì các ông hãy làm như thế ấy.

– Ngài ơi, chúng tôi có niềm tin với vị Đại Sa-môn đã lâu nay. Nếu ngài thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn, hết thảy tất cả chúng tôi sẽ thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn.

14. Sau đó, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

15. Đạo sĩ bện tóc Nadīkassapa đã nhìn thấy các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa ở dòng nước đang trôi chảy, sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: "Chớ có việc gì nguy hiểm xảy ra cho anh trai của ta!", rồi đã phái các đạo sĩ bện tóc [nói rằng]: "Các vị hãy đi và tìm hiểu xem các anh trai của ta [thế nào]." Còn bản thân cùng với ba trăm đạo sĩ bện tóc đã đi đến gặp Đại đức Uruvelakassapa, sau khi đến đã nói với Đại đức Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, điều này là tốt hơn hay sao?

– Này đệ, đúng vậy. Điều này là tốt hơn.

Sau đó, các đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau

khi đến đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

16. Đạo sĩ bện tóc Gayākassapa đã nhìn thấy các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa ở dòng nước đang trôi chảy, sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: “Chớ có việc gì nguy hiểm xảy ra cho các anh trai của ta!” rồi đã phái các đạo sĩ bện tóc [nói rằng]: “Các vị hãy đi và tìm hiểu xem các anh trai của ta [thế nào].” Còn bản thân cùng với hai trăm đạo sĩ bện tóc đã đi đến gặp Đại đức Uruvelakassapa, sau khi đến đã nói với Đại đức Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, điều này là tốt hơn hay sao?

– Này đệ, đúng vậy. Điều này là tốt hơn.

17. Sau đó, các đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

Do nguyện lực của đức Thế Tôn, năm trăm thanh củi đã không chẻ ra được rồi đã được chẻ ra, các ngọn lửa đã không đốt lên được rồi đã được đốt lên, đã không dập tắt được rồi đã được dập tắt, năm trăm chảo lửa đã được làm hiện ra. Theo cách thức ấy, có ba ngàn năm trăm điều kỳ diệu.

18. Sau đó, khi đã ngự tại Uruvelā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía đỉnh Gayā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn vị Tỳ-khưu, hết thảy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Tại nơi đó, ở Gayā, đức Thế Tôn ngự tại đỉnh Gayā cùng với một ngàn vị Tỳ-khưu. Tại nơi đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, tất cả đều bị cháy rực. Và này các Tỳ-khưu, cái gì là tất cả đều bị cháy rực? Này các Tỳ-khưu, mắt bị cháy rực, các sắc bị cháy rực, sự

nhận thức của mắt bị cháy rực, sự tiếp xúc của mắt bị cháy rực, tức là sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của mắt là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc cũng đều bị cháy rực. Bị cháy rực bởi điều gì? Ta nói rằng: "Bị cháy rực bởi lửa tham, bởi lửa sân, bởi lửa si. Bị cháy rực bởi sanh, bởi già, bởi chết, bởi những nỗi buồn rầu, bởi những điều ta thán, bởi những nỗi khổ đau, bởi những sự bất mãn, bởi những điều thất vọng."

Tai bị cháy rực, các âm thanh bị cháy rực, ...(nt)... Mũi bị cháy rực, các mùi bị cháy rực, ...(nt)... Lưỡi bị cháy rực, các vị nếm bị cháy rực, ...(nt)... Thân bị cháy rực, các sự xúc chạm bị cháy rực, ...(nt)… Ý bị cháy rực, các pháp bị cháy rực, sự nhận thức của ý bị cháy rực, sự tiếp xúc của ý bị cháy rực, tức là sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của ý là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc cũng đều bị cháy rực. Bị cháy rực bởi điều gì? Ta nói rằng: "Bị cháy rực bởi lửa tham, bởi lửa sân, bởi lửa si. Bị cháy rực bởi sanh, bởi già, bởi chết, bởi những nỗi buồn rầu, bởi những điều ta thán, bởi những nỗi khổ đau, bởi những sự bất mãn, bởi những điều thất vọng." Này các Tỳ-khưu, trong khi nhìn thấy như thế, vị Thánh đệ tử có sự học hỏi không còn hứng thú đến mắt, không còn hứng thú đến các sắc, không còn hứng thú đến sự nhận thức của mắt, không còn hứng thú đến sự tiếp xúc của mắt, tức là không còn hứng thú đến sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của mắt là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc.

[Vị ấy] không còn hứng thú đến tai, không còn hứng thú đến các âm thanh, ...(nt)... không còn hứng thú đến mũi, không còn hứng thú đến các mùi, ...(nt)... không còn hứng thú đến lưỡi, không còn hứng thú đến các vị nếm, ...(nt)... không còn hứng thú đến thân, không còn hứng thú đến các sự xúc chạm, ...(nt)... không còn hứng thú đến ý, không còn hứng thú đến các pháp, không còn hứng thú đến sự nhận thức của ý, không còn hứng thú đến sự tiếp xúc của ý, tức là không còn hứng thú đến sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của ý là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc; trong khi không còn hứng thú, vị ấy không còn tham ái; do không còn tham ái, vị ấy được giải thoát; trong khi được giải thoát, trí khởi lên rằng: "Đã được giải thoát." Vị ấy biết được rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đối với bản thể [A-la-hán] này nữa."

19. Và trong khi bài kinh này được thuyết giảng, tâm của một ngàn vị Tỳ-khưu ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Dứt phần giảng về "Bị cháy rực."

Dứt tụng phẩm "Sự kỳ diệu ở Uruvelā" là thứ ba.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại Uruvelā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn vị Tỳ-khưu, hết thảy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó, ở thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Laṭṭhi, nơi điện thờ Suppatiṭṭha. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe được rằng: "Chắc chắn là Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, đã ngự đến thành Rājagaha và trú ở thành Rājagaha, tại khu rừng Laṭṭhi, nơi điện thờ Suppatiṭṭha. Tiếng tăm tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vầy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy, với thắng trí của mình, sau khi chứng ngộ đã công bố về thế gian này, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Vị ấy thuyết giảng giáo pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy!"

2. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha được tháp tùng bởi một trăm hai mươi ngàn[16] Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Còn một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy, một số đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi ngồi xuống một bên, một số đã chắp tay cúi chào đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số đã xưng tên họ trước đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số có thái độ im lặng rồi ngồi xuống một bên.

3. Khi ấy, một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn thực hành Phạm hạnh theo Uruvelakassapa, hay là Uruvelakassapa thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn?" Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy nên đã nói với Đại đức Uruvelakassapa bằng bài kệ này:

4. – Kẻ trú ở Uruvelā, người giáo huấn các đạo sĩ khổ hạnh, sau khi thấy điều gì, mà đã từ bỏ ngọn lửa? Này Kassapa, Ta hỏi ngươi điều này: "Tại sao việc thờ lửa của ngươi bị từ bỏ?"

---

[16] Một trăm hai mươi ngàn (*dvādasanahuta* = *dvādasa* + *nahuta* = 12 *nahuta*). Ngài Buddhaghosa giải thích: 1 *nahuta* = 10.000, như vậy 12 *nahuta* = 120.000 (*VinA*. V. 972). Trong khi đó, từ điển *A Dictionary of the Pali Language* của Robert Caesar Childers ghi: 1 *nahuta* = $10.000.000^4$, tức là 28 con số không (0) sau con số một, như thế 12 *nahuta* là một con số quá lớn, không hợp lý trong trường hợp này.

– Việc cúng tế đề cập đến các hình ảnh, các âm thanh, các mùi vị, dục lạc và đàn bà. Sau khi nhận biết rằng "việc ấy là ô nhiễm" trong các mầm mống tái sanh, vì thế con đã không thích thú các việc hy sinh [hay] các việc cúng tế.

[Đức Thế Tôn nói với Kassapa:]

– Và ở đây, tâm của ngươi đã không thích thú đối với các hình ảnh, các âm thanh và các mùi vị, như thế thì giờ đây, ở thế giới nhân thiên [cái gì] là được tâm thích thú? Này Kassapa, hãy nói với Ta về điều ấy.

– Sau khi đã nhìn thấy đạo lộ thanh tịnh, không mầm mống tái sanh, không có gì [về tham ái], không bị trói buộc trong dục lạc và hiện hữu, không còn những thứ khác [sanh, lão, tử, v.v...], không thể đạt đến bằng đường lối nào khác, vì thế con đã không thích thú các việc hy sinh [hay] các việc cúng tế.

5. Sau đó, Đại đức Uruvelakassapa đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử. Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.

Khi ấy, một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy đã khởi ý điều này: "Uruvelakassapa thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn." Sau đó, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy nên đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy có đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đứng đầu: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Mười ngàn người đã tuyên bố bản thân là cư sĩ.

6. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trước đây khi còn là hoàng tử, trẫm đã có năm điều ước nguyện, giờ đây các điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. Bạch Ngài, trước

đây, khi còn là hoàng tử, trẫm đã khởi ý điều này: "Ước gì họ tấn phong ta làm vua!" Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ nhất của trẫm; giờ đây, điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đi vào vương quốc của ta đây!" Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ nhì của trẫm; giờ đây, điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì ta được tỏ lòng tôn kính đến đức Thế Tôn ấy!" Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ ba của trẫm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì đức Thế Tôn ấy thuyết giảng giáo pháp cho ta!" Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ tư của trẫm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì ta có thể hiểu được giáo pháp của đức Thế Tôn ấy!" Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ năm của trẫm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. Bạch Ngài, trước đây khi còn là hoàng tử, trẫm đã có năm điều ước nguyện này; giờ đây các điều ấy đã được thành tựu cho trẫm.

7. Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, trẫm đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận trẫm là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời trẫm về bữa thọ trai vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

8. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho người chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi sai người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Rājagaha cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn vị Tỳ-khưu, hết thảy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Vào lúc bấy giờ, chúa của chư thiên, Sakka đã biến thành hình dáng của người thanh niên đi phía trước hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, ngâm nga những lời kệ này:

9. "Vị đã tự rèn luyện, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được rèn luyện, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Vị đã được thanh tịnh, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được thanh tịnh, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Vị đã được tự do, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được tự do, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Vị đã tự vượt qua, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được vượt qua, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Đấng Thập Trú,[17] Thập Lực, bậc thông hiểu mười pháp[18] và đã thành đạt mười điều,[19] đức Thế Tôn ấy được tháp tùng bởi một ngàn vị, đã đi vào thành Rājagaha."

Dân chúng sau khi nhìn thấy chúa của chư thiên, Sakka đã nói như vầy: "Chàng thanh niên trẻ này thật đẹp trai! Chàng thanh niên trẻ này thật duyên dáng! Chàng thanh niên trẻ này thật đáng tin! Chàng thanh niên trẻ này là thuộc về ai vậy?" Khi được nói như thế, chúa của chư thiên, Sakka đã nói với đám người ấy bằng bài kệ này:

"Vị nào là bậc trí tuệ, đã được rèn luyện về mọi mặt, là vị trong sạch, không có đối thủ, là bậc A-la-hán, đấng Thiện Thệ ở thế gian, ta là người phục vụ cho vị ấy."

10. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến tư dinh của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đức vua đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn nên ngụ ở nơi nào đây? Đối với Ngài, chỗ ấy không nên xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít âm thanh, ít tiếng ồn, gió bị hạn chế, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh." Rồi đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã khởi ý điều này: "Khu vườn Veḷuvana này của chúng ta là không xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít âm thanh, ít tiếng ồn, gió bị hạn chế, tách biệt với dân

[17] Đấng Thập Trú (Dasavāso): Là vị có sự cư trú trong 10 pháp của bậc Thánh. HT. Thích Minh Châu dịch là "Mười Thánh cư" (xin xem *Kinh Trường bộ*, *Kinh Phúng tụng*, phần 10 pháp, hoặc *Kinh Tăng chi bộ*, chương 10 pháp, phẩm 2).

[18] Thông hiểu mười pháp (*dasadhammavidū*): Là vị thông hiểu về 10 đường lối tạo nghiệp (liên quan đến thân có 3, liên quan đến khẩu có 4 và liên quan đến ý có 3).

[19] Thành đạt 10 điều (*dasabhi cupeto*): Là thành tựu 10 pháp của bậc Vô học gồm có: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát (*Kinh Tăng chi bộ*, chương 10 pháp, phẩm 11). Ba điều này đã được triển khai dựa vào lời giải thích ngắn gọn của *Chú giải* (*VinA*. V. 973).

chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh, hay là ta nên dâng khu vườn Veḷuvana đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu?"

11. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cầm lấy bình nước làm bằng vàng rưới nước lên đức Thế Tôn [nói rằng]: "Bạch Ngài, trẫm dâng khu vườn Veḷuvana này đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu." Đức Thế Tôn đã thọ lãnh khu vườn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ nhận] khu vườn."

12. Vào lúc bấy giờ, vị du sĩ Sañjaya cư trú tại thành Rājagaha cùng với tập thể du sĩ đông đảo gồm có hai trăm năm mươi vị du sĩ. Vào lúc bấy giờ, Sāriputta và Moggallāna thực hành Phạm hạnh theo du sĩ Sañjaya. Họ đã giao ước với nhau rằng: "Người nào chứng đạt sự bất tử trước phải thông báo cho vị kia hay." Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Assaji đã mặc y, cầm y bát đi vào thành Rājagaha để khất thực. Vị ấy có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được sự ngưỡng mộ khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi.

13. Du sĩ Sāriputta đã nhìn thấy Đại đức Assaji là vị có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được sự ngưỡng mộ khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi, đang đi khất thực trong thành Rājagaha. Sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: "Đây chính là vị Tỳ-khưu trong số các vị thật sự là A-la-hán trên thế gian, hoặc là đã đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Hay là ta nên đến gần vị Tỳ-khưu này và hỏi rằng: 'Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào?' hoặc là 'Ai là thầy của Đại đức?' hoặc là 'Đại đức ưa thích pháp của vị nào?'"

14. Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã khởi ý điều này: "Không phải lúc để hỏi vị Tỳ-khưu này, vị ấy đã đi vào xóm nhà và đang đi khất thực. Hay là ta nên đi sát theo sau vị Tỳ-khưu này là vị biết đạo lộ đang được học tập bởi những kẻ mong cầu sự lợi ích?" Sau đó, khi đã đi khất thực ở trong thành Rājagaha xong, Đại đức Assaji đã cầm lấy đồ ăn khất thực đi trở về. Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã đi đến gần Đại đức Assaji, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với Đại đức Assaji, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, du sĩ Sāriputta đã nói với Đại đức Assaji điều này: "Thưa Đại đức, các giác quan của ngài thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào? Ai là thầy của Đại đức? Đại đức ưa thích pháp của vị nào?"

15. – Này đạo hữu, có vị Đại Sa-môn con trai dòng Sakya, từ dòng họ Sakya đã xuất gia. Ta đã được xuất gia có liên quan đến đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy là Đạo sư của ta và ta ưa thích pháp của đức Thế Tôn ấy.

– Vị Đạo sư của Đại đức đã thuyết về điều gì? Đã giảng về điều gì?

– Này đạo hữu, ta là vị mới tu, được xuất gia chưa bao lâu, vừa mới đến với Pháp và Luật này, ta không thể thuyết giảng giáo pháp một cách chi tiết cho đạo hữu được; tuy nhiên, ta sẽ nói cho đạo hữu ý nghĩa một cách tóm tắt.

Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã nói với Đại đức Assaji điều này:

– Thưa Đại đức, hãy là vậy đi. Xin hãy nói ít hoặc nhiều, xin hãy giảng thuần ý nghĩa cho tôi. Tôi chỉ cần ý nghĩa thôi, ngài nói nhiều từ làm chi?

Khi ấy, Đại đức Assaji đã nói với du sĩ Sāriputta lời dạy này thuộc về giáo pháp:

"*Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thế.*"

Sau đó, khi đã nghe được lời dạy thuộc về giáo pháp này thì pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến du sĩ Sāriputta: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

"Đây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi mà đã thấu triệt được Niết-bàn không sầu muộn [là pháp] đã không được nhìn thấy, đã trôi qua hàng vạn kiếp."

16. Sau đó, du sĩ Sāriputta đã đi đến gặp du sĩ Moggallāna. Du sĩ Moggallāna đã nhìn thấy du sĩ Sāriputta từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với du sĩ Sāriputta điều này:

– Này bạn, các giác quan của bạn thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Này bạn, chắc hẳn là bạn đã chứng đạt sự bất tử?

– Này bạn, đúng vậy. Tôi đã chứng đạt sự bất tử.

– Này bạn, bạn đã chứng đạt sự bất tử bằng cách như thế nào?

– Này bạn, ở đây, tôi đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu Assaji là vị có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được sự ngưỡng mộ khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi, đang đi khất thực trong thành Rājagaha. Sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: "Đây chính là vị Tỳ-khưu trong số các vị thật sự là A-la-hán trên thế gian, hoặc là đã đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Hay là ta nên đến gần vị Tỳ-khưu này và hỏi rằng: 'Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào?' hoặc là 'Ai là thầy của Đại đức?' hoặc là 'Đại đức ưa thích pháp của vị nào?'" Này bạn, khi ấy, tôi đây đã khởi ý điều này: "Không phải lúc để hỏi vị Tỳ-khưu này, vị ấy đã đi vào xóm nhà và đang đi khất thực, hay là ta nên đi sát theo sau vị Tỳ-khưu này là vị biết đạo lộ đang được học tập bởi những kẻ mong cầu sự lợi ích?"

17. Này bạn, sau khi đi khất thực ở trong thành Rājagaha xong, vị Tỳ-khưu Assaji đã cầm lấy đồ ăn khất thực đi trở về. Này bạn, khi ấy, tôi đã đi đến gần vị Tỳ-khưu Assaji, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với vị Tỳ-khưu Assaji, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Này bạn, khi đã đứng một

bên, tôi đã nói với vị Tỳ-khưu Assaji điều này: "Thưa Đại đức, các giác quan của ngài thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào? Ai là thầy của Đại đức? Đại đức ưa thích pháp của vị nào?"

"Này đạo hữu, có vị Đại Sa-môn con trai dòng Sakya, từ dòng họ Sakya đã xuất gia. Ta đã được xuất gia có liên quan đến đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy là Đạo sư của ta và ta ưa thích pháp của đức Thế Tôn ấy."

"Vị Đạo sư của Đại đức đã thuyết về điều gì? Đã giảng về điều gì?"

"Này đạo hữu, ta là vị mới tu, được xuất gia chưa bao lâu, vừa mới đến với Pháp và Luật này, ta không thể thuyết giảng giáo pháp một cách chi tiết cho đạo hữu được; tuy nhiên, ta sẽ nói cho đạo hữu ý nghĩa một cách tóm tắt."

"Xin hãy nói ít hoặc nhiều, xin hãy giảng thuần ý nghĩa cho tôi. Tôi chỉ cần ý nghĩa thôi, ngài nói nhiều từ làm chi?"

Này bạn, khi ấy, vị Tỳ-khưu Assaji đã nói với tôi lời dạy khái quát về giáo pháp:

"Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thế."

Sau đó, khi đã nghe được lời dạy khái quát này về giáo pháp thì pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến du sĩ Moggallāna: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

"*Đây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi mà đã thấu triệt được Niết-bàn không sầu muộn [là pháp] đã không được nhìn thấy, đã trôi qua hàng vạn kiếp*."

18. Sau đó, du sĩ Moggallāna đã nói với du sĩ Sāriputta điều này:

– Này bạn, chúng ta hãy đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng ta.

– Này bạn, hai trăm năm mươi du sĩ này sống ở đây đang nương tựa vào chúng ta và đang trông nom chúng ta, chúng ta hãy thông báo đến các vị ấy, các vị suy tính như thế nào thì các vị sẽ làm như thế ấy.

19. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp các vị du sĩ ấy, sau khi đến đã nói với các vị du sĩ ấy điều này:

– Này các đạo hữu, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng tôi.

– Chúng tôi sống ở đây nương tựa vào các Đại đức và đang trông nom các Đại đức, nếu các Đại đức sẽ thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn hết thảy tất cả chúng tôi sẽ thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn.

Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp du sĩ Sañjaya, sau khi đến đã nói với du sĩ Sañjaya điều này:

– Này Đại đức, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng tôi.

– Này các Đại đức, thôi đủ rồi. Chớ có đi. Chính tất cả ba chúng ta sẽ quản trị nhóm người này.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Sāriputta và Moggallāna đã nói với du sĩ Sañjaya điều này:

– Này Đại đức, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng tôi.

– Này các Đại đức, thôi đủ rồi. Chớ có đi. Chính tất cả ba chúng ta sẽ quản trị nhóm người này.

20. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đưa hai trăm năm mươi du sĩ ấy đi đến Veḷuvana. Về phần du sĩ Sañjaya, ngay tại chỗ ấy máu nóng đã ứa ra từ miệng.

Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Sāriputta và Moggallāna từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, họ là hai người bạn, Kolita và Upatissa, đang đi đến. Họ sẽ trở thành một cặp đệ tử của Ta, một cặp [đệ tử] xuất sắc, đứng đầu.

Khi hai vị có lãnh vực trí tuệ thâm sâu, [đã chứng] Niết-bàn vô thượng, đã được giải thoát, còn chưa đến được Veḷuvana, bậc Đạo sư đã nói với các vị [Tỳ-khưu] ấy rằng: "Họ là hai người bạn, Kolita và Upatissa, đang đi đến. Họ sẽ trở thành một cặp đệ tử của Ta, một cặp [đệ tử] xuất sắc, đứng đầu."

21. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống đê đầu đảnh lễ ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến! Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

22. Vào lúc bấy giờ, những người con trai gia đình danh giá ở xứ Magadha là những người có nhiều tiếng tăm thực hành Phạm hạnh theo đức Thế Tôn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Sa-môn Gotama đã tạo ra khuynh hướng không con cái, Sa-môn Gotama đã gây nên cảnh vợ không chồng, Sa-môn Gotama đã gây nên sự đổ vỡ của các gia đình. Hiện nay, cùng với ông ta, một ngàn vị đạo sĩ bện tóc đã xuất gia, hai trăm năm mươi du sĩ này của Sañjaya đã xuất gia, và những người con trai gia đình danh giá này ở xứ Magadha là những người có nhiều tiếng tăm đang thực hành Phạm hạnh theo Sa-môn Gotama." Hơn nữa, khi gặp các vị Tỳ-khưu họ đã quở trách bằng bài kệ này:

"Quả là vị Đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ, Sañjaya giờ đây sẽ dẫn người nào đi?"

23. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, tiếng đồn đãi ấy sẽ không tồn tại lâu, sẽ tồn tại chỉ được bảy ngày, khi trải qua bảy ngày thì sẽ biến mất. Này các Tỳ-khưu, chính vì việc ấy, những người nào quở trách các ngươi bằng bài kệ này:

"Quả là vị Đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ, Sañjaya giờ đây sẽ dẫn người nào đi?"

Các ngươi hãy quở trách lại họ bằng bài kệ này:

"Đúng vậy, các bậc Đại Hùng, các đức Như Lai dẫn dắt bằng Chánh pháp. Những người có sự nhận thức thì có điều ganh tị gì với những vị đang dẫn đi bằng Chánh pháp?"

Vào lúc bấy giờ, dân chúng khi gặp các vị Tỳ-khưu đã quở trách bằng bài kệ này:

"Quả là vị Đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ, Sañjaya giờ đây sẽ dẫn người nào đi?"

Các vị Tỳ-khưu đã quở trách lại những người ấy bằng bài kệ này:

"Đúng vậy, các bậc Đại Hùng, các đức Như Lai dẫn dắt bằng Chánh pháp. Những người có sự nhận thức thì có điều ganh tị gì với những vị đang dẫn đi bằng Chánh pháp?"

24. Dân chúng nghĩ rằng: "Nghe nói các Sa-môn Thích tử dẫn dắt bằng Chánh pháp không phải bằng phi Pháp." Tiếng đồn ấy đã tồn tại chỉ có bảy ngày, sau khi trải qua bảy ngày, đã biến mất.

Dứt sự xuất gia của Sāriputta và Moggallāna.
Dứt tụng phẩm thứ tư.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu không có thầy tế độ, trong khi không được giáo huấn và không được giảng dạy nên mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực. Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn.

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở

ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn giống như các Bà-la-môn trong bữa ăn của các Bà-la-môn vậy?"

3. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các vị Tỳ-khưu lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn vậy?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn, có đúng không vậy?

5. – Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

6.[20] Sau đó, khi đã khiển trách các vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị thầy tế độ. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ sẽ gợi lên ở người đệ tử[21] tâm của người con và người đệ tử sẽ gợi lên ở vị thầy tế độ tâm của người cha. Như thế, trong khi sống cùng nhau, có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ nên được xác định như vầy: [Người đệ tử] nên đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con." [Vị thầy tế độ nên nói rằng:] "Tốt rồi!" hay là "Được nhẹ nhàng rồi!" hay là "Đúng rồi!" hay là "Được phù hợp rồi!" hay là "Hãy làm cho thành tựu với sự hoan hỷ!" [Nếu] vị [thầy tế độ] bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói thì vị thầy tế độ đã được xác định. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, vị thầy tế độ đã không được xác định.

9. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với vị thầy tế độ. Đây là bổn phận đúng đắn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng và nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất.

10. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên, nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy tế độ muốn có vị Sa-môn hầu cận đi theo, [người đệ tử] nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, gấp y hai lớp thành nếp rồi đắp lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm lấy, rồi nên đi theo làm vị Sa-môn hầu cận cho thầy tế độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi.

[20] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 7, 8) nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

[21] *Saddhivihārika* dịch sát theo từ là "vị sống chung trú xá."

11. Khi thầy tế độ đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy tế độ có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng, nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa."[22] Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

12. Nếu có đồ ăn khất thực và thầy tế độ có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

13. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

14. Nếu thầy tế độ có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy tế độ, nên nhận lấy y và để xuống một bên, nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

15. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Khi đã tắm xong nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy tế độ. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên

---

[22] Nếu gấp đôi y lại sẽ có đường gấp ở chính giữa, và trong khi thường xuyên làm như vậy thì phần chính giữa này sẽ bị sờn. Cách gấp y như vầy để hạn chế điều ấy (*VinA*. V. 979).

đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Nếu có ý muốn thỉnh [thầy] đọc tụng, nên thỉnh [thầy] đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo.

16. Ở trú xá nào thầy tế độ cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

17. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực hiện, nên rưới nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm."

18. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

19. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

20. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

21. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

22. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy.

23. Nếu thầy tế độ bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho thầy tế độ?"

24. Nếu thầy tế độ xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy tế độ về lại [hình phạt] ban đầu?"

25. Nếu thầy tế độ xứng đáng hình phạt *Mānatta*, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho thầy tế độ?"

26. Nếu thầy tế độ xứng đáng sự giải tội, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy tế độ?"

27. Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với thầy tế độ, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy tế độ có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

28. Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, người đệ tử nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ được giặt?" Nếu y của thầy tế

độ cần phải may, người đệ tử nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy tế độ cần phải nấu, người đệ tử nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy tế độ được nấu?" Nếu y của thầy tế độ cần phải nhuộm, người đệ tử nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên nhuộm bằng cách đảo tới đảo lui cho khéo léo, không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

29. Không có phép của thầy tế độ, không nên cho bình bát đến người khác, không nên thọ lãnh bình bát của người khác, không nên cho y đến người khác, không nên thọ lãnh y của người khác, không nên cho vật dụng đến người khác, không nên thọ lãnh vật dụng của người khác, không nên cạo tóc cho người khác, không nên bảo người khác cạo tóc, không nên kỳ cọ người khác, không nên bảo người khác kỳ cọ, không nên hầu hạ người khác, không nên bảo người khác hầu hạ, không nên làm Sa-môn hầu cận cho người khác, không nên nhận người khác làm Sa-môn hầu cận, không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác, không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại.

30. Chưa xin phép thầy tế độ, không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy tế độ bị bệnh nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục.

Dứt phận sự đối với thầy tế độ.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với người đệ tử. Đây là bổn phận đúng đắn trong trường hợp này: Này các Tỳ-khưu, thầy tế độ nên quan tâm đến người đệ tử, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự giảng dạy.

2. Nếu thầy tế độ có bình bát và người đệ tử không có bình bát, thầy tế độ nên cho bình bát đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến đệ tử?"

3. Nếu thầy tế độ có y và người đệ tử không có y, thầy tế độ nên cho y đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến đệ tử?"

4. Nếu thầy tế độ có vật dụng và người đệ tử không có vật dụng, thầy tế độ nên cho vật dụng đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến đệ tử?"

5. Nếu người đệ tử bị bệnh, [vị thầy tế độ] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người đệ tử đã uống cháo xong, nên trao nước [rửa], nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm

trầy, rồi đem cất. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

6. Nếu người đệ tử có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vị ấy sắp trở về", nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

7. Nếu có đồ ăn khất thực và người đệ tử có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Khi người đệ tử ăn xong, nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng.

8. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống, không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

9. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người đệ tử có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

10. Nếu người đệ tử có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi nên để xuống một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho người đệ tử. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

11. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người đệ tử. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của người đệ tử. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người đệ tử

về nước uống. Ở trú xá nào người đệ tử cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ.

12. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

13. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên, nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rưới nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm."

14. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

15. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

16. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây

nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

17. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

18. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy.

19. Nếu người đệ tử bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho đệ tử?"

20. Nếu người đệ tử xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa đệ tử về lại [hình phạt] ban đầu?"

21. Nếu người đệ tử xứng đáng hình phạt *Mānatta*, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho đệ tử?"

22. Nếu người đệ tử xứng đáng sự giải tội, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho đệ tử?"

24.[23] Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với đệ tử, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để đệ tử có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

25. Nếu y của người đệ tử cần phải giặt, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên giặt như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử

[23] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 23) nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

được giặt?" Nếu y của người đệ tử cần phải may, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử được may?" Nếu thuốc nhuộm của người đệ tử cần phải nấu, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của đệ tử được nấu?" Nếu y của người đệ tử cần phải nhuộm, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nhuộm như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người đệ tử bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục."

Dứt phận sự đối với đệ tử.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các người đệ tử không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy tế độ. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các người đệ tử lại không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy tế độ?"

2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các người đệ tử không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy tế độ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, người đệ tử không nên không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy tế độ; vị nào không thực hành đúng đắn thì phạm tội *Dukkaṭa.*

[Các người đệ tử] vẫn không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đuổi đi người [đệ tử] không thực hành phận sự đúng đắn. Và này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi như vầy: "Ta đuổi ngươi đi", hay là "Đừng có quay trở lại đây", hay là "Hãy đem đi y bát của ngươi", hay là "Ta không giúp đỡ ngươi nữa." [Nếu] vị [thầy tế độ] bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói thì người đệ tử đã bị đuổi đi. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói thì người đệ tử không bị đuổi đi.

3. Vào lúc bấy giờ, những người đệ tử bị đuổi đi đã không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xin lỗi.

Các người [đệ tử] vẫn không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, người [đệ tử] bị đuổi đi không nên không xin lỗi; vị nào không xin lỗi thì phạm tội *Dukkaṭa.*

4. Vào lúc bấy giờ, khi được xin lỗi, các vị thầy tế độ không tha thứ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tha thứ.

Các vị [thầy tế độ] vẫn không tha thứ. Những người đệ tử bỏ đi, [hoặc] hoàn tục, [hoặc] theo ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được xin lỗi không nên không tha thứ; vị nào không tha thứ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy tế độ đuổi đi những người [đệ tử] thực hành phận sự đúng đắn, không đuổi đi những người [đệ tử] không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người [đệ tử] thực hành phận sự đúng đắn; vị nào đuổi đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và này các Tỳ-khưu, không nên không đuổi đi người [đệ tử] không thực hành phận sự đúng đắn; vị nào không đuổi đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện.[24] Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố này.

7. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố này.

8. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này.

9. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này.

10. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố này.

11. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế

[24] Ngài Buddhaghosa giải thích là sự rèn luyện về tâm từ (*VinA*. V. 983).

độ, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố này.

12. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ [tên Rādha] đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã không ưng thuận cho người ấy xuất gia. Người ấy trong khi không đạt được sự xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu đã trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

13. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người Bà-la-môn ấy ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, sau khi nhìn thấy, đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, việc gì khiến người Bà-la-môn ấy ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân vậy?

– Bạch Ngài, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã không ưng thuận cho người ấy xuất gia. Người ấy trong khi không đạt được sự xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu đã trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

14. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, có vị nào nhớ được điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy?

Khi được nói như vậy, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con nhớ được điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy.

– Này Sāriputta, ngươi nhớ được điều tốt đẹp gì của người Bà-la-môn ấy?

– Bạch Ngài, trường hợp này là khi con đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, người Bà-la-môn ấy đã sai người cho một muỗng vật thực. Bạch Ngài, đó là điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy mà con nhớ được.

– Này Sāriputta, tốt lắm, tốt lắm! Này Sāriputta, bởi vì những người tốt là những người biết ơn và nhớ ơn đã thọ. Này Sāriputta, chính vì điều ấy, ngươi hãy cho người Bà-la-môn ấy xuất gia và tu lên bậc trên.

– Bạch Ngài, con cho người Bà-la-môn ấy xuất gia và tu lên bậc trên như thế nào?

15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, việc tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ [tam quy] đã được Ta cho phép, kể từ nay Ta hủy bỏ việc ấy. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tu lên bậc trên bằng hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Và này các Tỳ-khưu, nên cho tu lên bậc trên như vầy, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

16. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp

cho hội chúng, hội chúng nên cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

17. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

18. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

19. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

20. Vị tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ thực hiện hành động sai trái liền ngay sau khi được tu lên bậc trên. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, chớ có hành động như thế, điều ấy không được phép.

Vị ấy đã nói như vầy:

– Tôi đâu có thỉnh cầu các Đại đức rằng: "Các Đại đức hãy cho tôi tu lên bậc trên." Tại sao các ngài khi chưa được tôi thỉnh cầu mà đã cho tu lên bậc trên?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không thỉnh cầu; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép, ban phép tu lên bậc trên đối với người đã thỉnh cầu. Và này các Tỳ-khưu, nên được thỉnh cầu như vầy:

Vị có ý muốn tu lên bậc trên ấy nên đi đến hội chúng Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các vị Tỳ-khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói với hội chúng như vầy: "Bạch các ngài, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, vì lòng thương xót, xin hội chúng hãy tế độ tôi." Nên được thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Vị tên [như vầy] thỉnh cầu hội

chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Vị tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Vị tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

22. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Rājagaha, sự tuần tự của các bữa trai phạn gồm các thức ăn hảo hạng được tiến hành đều đặn. Khi ấy, có người Bà-la-môn nọ đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử này?"

23. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Khi người ấy đã được xuất gia, sự tuần tự của các bữa ăn đã hết. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, hãy đến. Hôm nay, chúng ta sẽ đi khất thực.

Vị ấy đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, tôi đã không xuất gia vì nguyên nhân này: "Ta sẽ đi khất thực." Nếu các vị cho tôi thì tôi sẽ ăn, nếu các vị không cho tôi thì tôi sẽ hoàn tục.

– Này Đại đức, có phải ngài đã xuất gia vì nguyên nhân của bao tử?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

24. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vầy vì nguyên nhân của bao tử?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

25. – Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đã xuất gia vì nguyên nhân của bao tử, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vầy vì nguyên nhân của bao tử? Này kẻ rồ dại, sự việc này

không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

26. – Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đang ban phép tu lên bậc trên chỉ dẫn về bốn pháp nương nhờ: Việc xuất gia nương vào thức ăn do khất thực, trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là bữa ăn dâng hội chúng, bữa ăn được chỉ định, sự mời thỉnh, bữa ăn theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng.

Việc xuất gia nương vào y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ, trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là [y làm bằng] sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố.

Việc xuất gia nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động.

Việc xuất gia nương vào dược phẩm là nước tiểu gia súc trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía.

Dứt tụng phẩm về phận sự đối với thầy tế độ là thứ năm.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, có chàng thanh niên nọ đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã chỉ dẫn cho chàng trai về các pháp nương nhờ trước. Chàng trai đã nói như vầy:

– Thưa các ngài, nếu khi tôi đã được xuất gia, các ngài mới chỉ dẫn về các pháp nương nhờ thì tôi còn có thể thích thú. Thưa các ngài, giờ đây, tôi sẽ không xuất gia. Đối với tôi, các pháp nương nhờ là ghê tởm đáng ghét.

2. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên chỉ dẫn về các pháp nương nhờ trước; vị nào chỉ dẫn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ dẫn về các pháp nương nhờ liền ngay sau khi đã được tu lên bậc trên.

3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm hai vị, nhóm ba vị. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm ít hơn mười vị; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm mười vị hoặc nhóm trên mười vị.

4. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu chỉ được một năm, hai năm đã cho đệ tử tu lên bậc trên. Ngay cả Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta, được một năm đã cho người đệ tử tu lên bậc trên. Khi đã sống qua mùa [an cư] mưa là được

hai năm, vị ấy đã đưa người đệ tử được một năm đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các Tỳ-khưu đi đến.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ có khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con đi đường xa ít có mệt nhọc.

6. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời, các vị mới hỏi; biết đúng thời, các vị vẫn không hỏi; có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích; khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các Tỳ-khưu với hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết giảng giáo pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử."

7. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta điều này:

– Này Tỳ-khưu, ngươi được bao nhiêu năm?

– Bạch Thế Tôn, con được hai năm.

– Còn vị Tỳ-khưu này được bao nhiêu năm?

– Bạch Thế Tôn, được một năm.

– Vị Tỳ-khưu này là gì của ngươi?

– Bạch Thế Tôn, là đệ tử của con.

8. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao [trong khi] ngươi còn cần được những người khác giáo huấn giảng dạy lại nghĩ đến giáo huấn giảng dạy người khác? Này kẻ rồ dại, ngươi trở thành đa đoan quá nhanh chóng, tức là việc kết nạp đồ chúng. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị dưới mười năm không nên ban phép tu lên bậc trên; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị mười năm hoặc trên mười năm được ban phép tu lên bậc trên.

9. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: "Ta được mười năm! Ta được mười năm!" rồi ban phép tu lên bậc trên. [Các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát

hiện, những thầy tế độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiều được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện.

10. Có vị nọ trước đây theo ngoại đạo, trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc giáo pháp, đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của chính ngoại đạo ấy.

11. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: 'Ta được mười năm! Ta được mười năm!' rồi ban phép tu lên bậc trên khiến [các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy tế độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiều được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện?"

12. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị Tỳ-khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: "Ta được mười năm! Ta được mười năm!" rồi ban phép tu lên bậc trên khiến [các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy tế độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiều được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện, có đúng không vậy?

13. – Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy là ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lại [nghĩ rằng]: 'Ta được mười năm! Ta được mười năm!' rồi ban phép tu lên bậc trên khiến [các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt ...(nt)... và các đệ tử trí tuệ được phát hiện? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm không nên ban phép tu lên bậc trên; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực với mười năm hoặc trên mười năm được ban phép tu lên bậc trên.

14. Vào lúc bấy giờ, trong khi các vị thầy tế độ rời đi, hoàn tục, từ trần, qua bên nhóm khác, các Tỳ-khưu trở thành không có thầy dạy học và trong khi không được giáo huấn, không được giảng dạy [nên đã] mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực.

15. Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, ở phía trên thức ăn có hương vị, ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu

cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn.

16. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực. Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, ở phía trên thức ăn có hương vị, ở phía trên thức uống, các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực, các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn giống như các Bà-la-môn trong bữa ăn của các Bà-la-môn vậy?"

17. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

18. – Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị thầy dạy học. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học sẽ gợi lên ở người học trò tâm của người con và người học trò sẽ gợi lên ở vị thầy dạy học tâm của người cha. Như thế, trong khi sống cùng nhau có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này.

19. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sống nương nhờ mười năm và vị mười năm được ban cho sự nương nhờ. Và này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học nên được xác định như vầy: [Người học trò] nên đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy dạy học của con. Con sẽ sống nương nhờ vào Đại đức. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy dạy học của con. Con sẽ sống nương nhờ vào Đại đức. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy dạy học của con. Con sẽ sống nương nhờ vào Đại đức." [Vị thầy dạy học nên nói rằng]: "Tốt rồi!" hay là "Được nhẹ nhàng rồi!" hay là "Đúng rồi!" hay là "Được phù hợp rồi!" hay là "Hãy làm cho thành tựu với sự hoan hỷ!" [Nếu] vị [thầy dạy học] bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói thì vị thầy dạy học đã được xác định. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, vị thầy dạy học đã không được xác định.

20. Này các Tỳ-khưu, người học trò nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với vị thầy dạy học. Đây là bổn phận đúng đắn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất.

21. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy dạy học có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy dạy học muốn có Sa-môn hầu cận đi theo, vị ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm lấy, rồi nên đi theo làm Sa-môn hầu cận cho thầy dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi.

22. Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng, nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

23. Nếu có đồ ăn khất thực và thầy dạy học có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Khi thầy ăn xong, nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng, nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

24. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy dạy học có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [thầy dạy học] có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

25. Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy dạy học, nên nhận lấy y và để xuống một bên, nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi

chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

26. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Nếu có ý muốn thỉnh [thầy] đọc tụng, nên thỉnh [thầy] đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo.

27. Ở trú xá nào thầy dạy học cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

28. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào, rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rưới nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm."

29. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và đồ trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi rồi đem vào trong và

để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

30. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

31. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

32. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

33. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy.

34. Nếu thầy dạy học bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho thầy dạy học?"

35. Nếu thầy dạy học xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy dạy học về lại [hình phạt] ban đầu?"

36. Nếu thầy dạy học xứng đáng hình phạt *Mānatta*, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho thầy dạy học?"

37. Nếu thầy dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy dạy học?"

38. Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy dạy học, người học trò

nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với thầy dạy học, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

39. Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được giặt?" Nếu y của thầy dạy học cần phải may, người học trò nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy dạy học cần phải nấu, người học trò nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học được nấu?" Nếu y của thầy dạy học cần phải nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

40. Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cọ người khác. Không nên bảo người khác kỳ cọ. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm Sa-môn hầu cận cho người khác. Không nên nhận người khác làm vị Sa-môn hầu cận. Không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác. Không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại.

41. Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục.

Dứt phận sự đối với thầy dạy học.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với người học trò. Đây là bổn phận đúng đắn trong trường hợp này: Này các Tỳ-khưu, thầy dạy học nên quan tâm đến người học trò, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự giảng dạy.

2. Nếu thầy dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?"

3. Nếu thầy dạy học có y và người học trò không có y, thầy dạy học nên cho y đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến học trò?"

4. Nếu thầy dạy học có vật dụng và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trò?"

5. Nếu người học trò bị bệnh, [vị thầy dạy học] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất.

6. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vị ấy sắp trở về", nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng, nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

7. Nếu có đồ ăn khất thực và người học trò có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người học trò về nước uống. Khi người học trò ăn xong nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng.

8. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

9. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [người học trò] có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

10. Nếu người học trò có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi để xuống một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ

cọ cho người học trò. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

11. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người học trò. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của người học trò. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người học trò về nước uống.

12. Ở trú xá nào người học trò cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào, rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc.

13. Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rưới nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc.

14. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây].

15. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi rồi đem vào

trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

16. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

17. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

18. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy.

19. Nếu người học trò bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho học trò?"

20. Nếu người học trò xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa học trò về lại [hình phạt] ban đầu?"

21. Nếu người học trò xứng đáng hình phạt *Mānatta*, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho học trò?"

22. Nếu người học trò xứng đáng sự giải tội, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho học trò?"

23. Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với học trò, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành

sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để học trò có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

24. Nếu y của người học trò cần phải giặt, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên giặt như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được giặt?" Nếu y của học trò cần phải may, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được may?" Nếu thuốc nhuộm của người học trò cần phải nấu, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò được nấu?" Nếu y của người học trò cần phải nhuộm, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nhuộm như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục.

Dứt phận sự đối với học trò.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các người học trò không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy dạy học. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, người học trò nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy dạy học; vị nào không thực hành đúng đắn thì phạm tội *Dukkaṭa*.

[Các người học trò] vẫn không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đuổi đi người [học trò] không thực hành phận sự đúng đắn. Và này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi như vầy: "Ta đuổi ngươi đi", hay là "Đừng có quay trở lại đây", hay là "Hãy đem đi y bát của ngươi", hay là "Ta không giúp đỡ ngươi nữa." [Nếu] vị [thầy dạy học] bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói, thì người học trò đã bị đuổi đi. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói thì người học trò không bị đuổi đi.

2. Vào lúc bấy giờ, những người học trò bị đuổi đi không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xin lỗi.

Các người [học trò] vẫn không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, người [học trò] bị đuổi đi không nên không xin lỗi; vị nào không xin lỗi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vào lúc bấy giờ, trong khi được xin lỗi, các vị thầy dạy học không tha thứ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tha thứ.

Các vị [thầy dạy học] vẫn không tha thứ. Những người học trò rời đi, [hoặc] hoàn tục, [hoặc] theo ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong khi được xin lỗi không nên không tha thứ; vị nào không tha thứ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy dạy học đuổi đi những người [học trò] thực hành phận sự đúng đắn, không đuổi đi những người [học trò] không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người [học trò] thực hành phận sự đúng đắn; vị nào đuổi đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, không nên không đuổi đi người [học trò] không thực hành phận sự đúng đắn; vị nào không đuổi đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

6. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

7. Này các Tỳ-khưu, người học trò là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người học trò là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này.

8. Này các Tỳ-khưu, người học trò là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người học trò là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này.

9. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

10. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nể nang,

có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

11. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: "Ta được mười năm! Ta được mười năm!" rồi ban cho sự nương nhờ. [Các trường hợp] những thầy dạy học ngu dốt và các học trò sáng trí được phát hiện, những thầy dạy học thiếu kinh nghiệm và các học trò có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy dạy học nghe ít và các học trò nghe nhiều được phát hiện, những thầy dạy học trí kém và các học trò trí tuệ được phát hiện.

12. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: 'Ta được mười năm! Ta được mười năm!' rồi ban cho sự nương nhờ khiến [các trường hợp] những thầy dạy học ngu dốt và các học trò sáng trí được phát hiện, những thầy dạy học thiếu kinh nghiệm và các học trò có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy dạy học nghe ít và các học trò nghe nhiều được phát hiện, những thầy dạy học trí kém và các học trò trí tuệ được phát hiện?"

13. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm không nên ban cho sự nương nhờ; vị nào ban cho thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực với mười năm hoặc trên mười năm được ban cho sự nương nhờ.

Dứt tụng phẩm về phận sự đối với thầy dạy học là thứ sáu.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, trong khi các vị thầy dạy học và thầy tế độ rời đi, hoàn tục, từ trần, chuyển qua nhóm khác, các vị Tỳ-khưu không biết các trường hợp đình chỉ sự nương nhờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ: Thầy tế độ rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh [đuổi đi] là thứ năm. Này các Tỳ-khưu, đây là năm trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ.

2. Này các Tỳ-khưu, đây là sáu trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy dạy học: Thầy dạy học rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh [đuổi đi] là thứ năm, hoặc đã được gặp lại thầy tế độ. Này các Tỳ-khưu, đây là sáu trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy dạy học.

3. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uẩn, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uẩn, thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

5. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân không thành tựu Vô học giới uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân không thành tựu Vô học định uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uẩn; bản thân không thành tựu Vô học tuệ uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

6. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân thành tựu Vô học giới uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân thành tựu Vô học định uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uẩn; bản thân thành tựu Vô học tuệ uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

7. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới,[25] bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh,[26] bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan,[27] ít học hỏi, trí kém. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], không biết về sự phạm tội, không biết cách thoát khỏi tội. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], biết về sự phạm tội, biết cách thoát khỏi tội. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

---

[25] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng tăng thượng giới (*adhisīla*) gồm có 4 tội *Pārājika* và 13 tội *Saṅghādisesa*. (*VinA*. V. 989).

[26] Tăng thượng hạnh (*ajjhācāra*) là các tội khác thuộc về 5 nhóm tội còn lại (*Sđd.*).

[27] Tri kiến cực đoan (*atidiṭṭhi*) là từ bỏ chánh kiến và chấp nhận hữu biên kiến (*Sđd.*). Xem phần giải thích về hữu biên kiến (*antaggāhikādiṭṭhi*) trong *Paṭisambhidāmagga* (*Phân tích đạo*), *TTTĐPGVN*, tập 8, tr. 888-92; *TTPV*, tập 37, tr. 286-95.

13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản,[28] để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh,[29] để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật,[30] để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều học và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục

[28] Ngài Buddhaghosa giải thích về các điều học thuộc về phận sự căn bản (*ābhisamācārikā sikkhā*) là các phận sự được quy định ở trong *Khandhaka*, tức là *Mahāvagga* (*Đại phẩm*) và *Cullavagga* (*Tiểu phẩm*) (*VinA*. V. 990).

[29] Còn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh (*ādibrahmacariyikā sikkhā*) là phần quy định dành cho bậc Hữu học, tức là hai phần Giới bổn (*Pātimokkha*) đã được quy định cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni (*Sđd.*).

[30] Hướng dẫn về Thắng pháp là có khả năng hướng dẫn về sự phân biệt danh sắc, và hướng dẫn về Thắng luật là hướng dẫn về toàn bộ tạng Luật (*Sđd.*).

vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

Dứt mười sáu nhóm năm của phần "Nên ban phép tu lên bậc trên."

*****

1. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uẩn, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

2. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uẩn, thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

3. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân không thành tựu Vô học giới uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân không thành tựu Vô học định uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uẩn; bản thân không thành tựu Vô học tuệ uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân thành tựu

Vô học giới uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân thành tựu Vô học định uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uẩn; bản thân thành tựu Vô học tuệ uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

5. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

6. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

7. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng để phục vụ, hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], không biết về tội, không biết cách thoát khỏi tội, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị

Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], biết về tội, biết cách thoát khỏi tội, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo

được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

Dứt mười bốn nhóm sáu
của phần "Nên ban phép tu lên bậc trên."
*****

1. Vào lúc bấy giờ, có người trước đây theo ngoại đạo, trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc giáo pháp, đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của chính ngoại đạo ấy. Người ấy đã quay trở lại lần nữa và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, người nào trước đây theo ngoại đạo, trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc giáo pháp, đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của chính ngoại đạo ấy, người ấy đi đến thì không nên cho tu lên bậc trên.

2. Này các Tỳ-khưu, còn có hạng người khác, trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi sự xuất gia trong Pháp và Luật này, mong mỏi việc tu lên bậc trên, nên ban cho vị ấy bốn tháng *Parivāsa*.[31] Này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Trước tiên, nên bảo cạo bỏ râu tóc, bảo khoác lên các tấm vải màu ca-sa, bảo đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các vị Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và nên bảo rằng: "Ngươi hãy nói như vầy: 'Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ.'"

3. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo ấy nên đi đến hội chúng, nên đắp thượng y một bên vai, nên đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng bốn tháng *Parivāsa*." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba.

4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Vị

---

[31] *Parivāsa*: Trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa* có che giấu, muốn được trong sạch trở lại phải xin hành phạt cũng có tên là *Parivāsa*. Tuy có tên gọi giống nhau nhưng phận sự thực hành không giống nhau (ND).

ấy thỉnh cầu hội chúng bốn tháng *Parivāsa*. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo bốn tháng *Parivāsa*. Đây là lời đề nghị.

5. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng bốn tháng *Parivāsa*. Hội chúng ban cho vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, bốn tháng *Parivāsa*. Đại đức nào đồng ý việc ban cho bốn tháng *Parivāsa* đến vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

6. Bốn tháng *Parivāsa* đã được hội chúng ban cho vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

7. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế này là người đạt yêu cầu, như thế này là người không đạt yêu cầu. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế nào là người không đạt yêu cầu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp người trước đây theo ngoại đạo đi vào làng quá sớm và trở về quá trễ. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

8. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo lai vãng với đĩ điếm, hoặc lai vãng với góa phụ, hoặc lai vãng với gái lỡ thời, hoặc lai vãng với người vô căn, hoặc lai vãng với Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

9. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những công việc lớn nhỏ gì đó cần phải làm đối với các vị có Phạm hạnh. Trong những trường hợp ấy, người trước đây theo ngoại đạo lại không khéo léo, không năng động, không có sự tìm tòi cách giải quyết các vấn đề ấy, không đủ khả năng làm, không đủ khả năng hướng dẫn [người khác làm]. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

10. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo không có ước muốn mãnh liệt đối với việc đọc tụng, đối với việc học hỏi, đối với tăng thượng giới, đối với tăng thượng tâm, đối với tăng thượng tuệ.[32] Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

11. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời chê bai nói về vị thầy, về quan điểm, về điều mong mỏi, về điều khao khát, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với

---

[32] Ngài Buddhaghosa giải thích về tăng thượng giới (*adhisīla*) là Giới bổn (*Pātimokkha*), tăng thượng tâm (*adhicitta*) là sự tu tập các loại định hợp thế, tăng thượng tuệ (*adhipaññā*) là sự tu tập [các tâm] đạo siêu thế (*VinA*. V. 993).

lời chê bai nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời khen ngợi nói về vị thầy, về quan điểm, về điều mong mỏi, về điều khao khát, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời khen ngợi nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, đây là điểm chủ yếu trong việc không đạt yêu cầu của người trước đây theo ngoại đạo. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo đã đi đến [nếu] là người không đạt yêu cầu như thế ấy thì không nên cho tu lên bậc trên.

12. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế nào là người đạt yêu cầu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp người trước đây theo ngoại đạo đi vào làng không quá sớm và trở về không quá trễ. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

13. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo không lai vãng với đĩ điếm, không lai vãng với góa phụ, không lai vãng với gái lỡ thời, không lai vãng với người vô căn, không lai vãng với Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

14. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những công việc lớn nhỏ gì đó cần phải làm đối với các vị có Phạm hạnh. Trong những trường hợp ấy, người trước đây theo ngoại đạo là khéo léo, năng động, có sự tìm tòi cách giải quyết các vấn đề ấy, có đủ khả năng làm, có đủ khả năng hướng dẫn [người khác làm]. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

15. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo có ước muốn mãnh liệt đối với việc đọc tụng, đối với việc học hỏi, đối với tăng thượng giới, đối với tăng thượng tâm, đối với tăng thượng tuệ. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

16. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời chê bai nói về vị thầy, về quan điểm, về điều mong mỏi, về điều khao khát, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời chê bai nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời khen ngợi nói về vị thầy, về quan điểm, về điều mong mỏi, về điều khao khát, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời khen ngợi nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, đây là điểm chủ yếu trong việc đạt yêu cầu của người trước đây theo ngoại đạo. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo đã đi đến [nếu] là người đạt yêu cầu như thế ấy thì nên cho tu lên bậc trên.

17. Này các Tỳ-khưu, nếu người trước đây theo ngoại đạo là trần truồng đi đến, y là trách nhiệm thuộc về thầy tế độ, cần được tìm kiếm. Nếu người có tóc chưa được cắt đi đến thì hội chúng nên được thông báo về việc cạo tóc. Này các Tỳ-khưu, những người nào là các vị thờ lửa, là các đạo sĩ bện tóc, [nếu] các vị ấy đã đi đến thì nên cho tu lên bậc trên, không cần ban cho *Parivāsa* đến những người ấy. Lý do của điều ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, những người ấy là những người thuyết về nghiệp, là những người thuyết về nhân quả. Này các Tỳ-khưu, nếu người trước đây theo ngoại đạo là người thuộc dòng Sakya đi đến, [nếu] người ấy đã đi đến thì nên cho tu lên bậc trên, không cần ban cho *Parivāsa* đến người ấy. Này các Tỳ-khưu, Ta ban cho đặc ân ngoại lệ này đến các thân quyến.

Dứt phần giảng về người trước đây theo ngoại đạo.
Tụng phẩm thứ bảy.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, có năm thứ bệnh phát triển rộng khắp trong dân chúng xứ Magadha là bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh. Những người mắc phải năm thứ bệnh đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca và nói như vầy:

– Thưa thầy, tốt đẹp thay, thầy hãy điều trị cho chúng tôi.

– Các ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị [các ngài] được.

– Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và chúng tôi sẽ là đầy tớ của thầy. Tốt đẹp thay, thầy hãy điều trị cho chúng tôi.

– Các ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị [các ngài] được.

2. Khi ấy, những người dân ấy đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là chúng ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử? Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu sẽ chăm sóc [chúng ta] và Jīvaka Komārabhacca sẽ điều trị."

3. Sau đó, những người dân ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho họ xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Và chính các Tỳ-khưu đã chăm sóc họ và Jīvaka Komārabhacca đã điều trị.

4. Vào lúc bấy giờ, trong lúc chăm sóc nhiều Tỳ-khưu bị bệnh, các vị Tỳ-khưu sống có nhiều sự xin xỏ, có nhiều sự yêu cầu: "Hãy bố thí vật thực dành cho người bệnh, hãy bố thí vật thực dành cho người chăm sóc bệnh, hãy bố thí dược phẩm dành cho người bệnh." Ngay cả Jīvaka Komārabhacca, trong lúc điều trị nhiều Tỳ-khưu bị bệnh, đã xao lãng phận sự nào đó đối với đức vua.

5. Và có người đàn ông nọ cũng mắc phải năm thứ bệnh, đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca và đã nói điều này:

– Thưa thầy, tốt đẹp thay, thầy hãy điều trị cho tôi.

– Ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị [ngài] được.

– Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và tôi sẽ là đầy tớ của thầy. Tốt đẹp thay, thầy hãy điều trị cho tôi.

– Ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị [ngài] được.

6. Khi ấy, người đàn ông ấy đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử? Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu sẽ chăm sóc [ta] và Jīvaka Komārabhacca sẽ điều trị; khi khỏi bệnh, ta đây sẽ hoàn tục."

7. Sau đó, người đàn ông ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Và chính các Tỳ-khưu đã chăm sóc người ấy và Jīvaka Komārabhacca đã điều trị. Người ấy khi khỏi bệnh đã hoàn tục.

8. Jīvaka Komārabhacca đã nhìn thấy người đàn ông hoàn tục ấy, sau khi nhìn thấy đã nói với người đàn ông ấy điều này:

– Thưa ngài, có phải ngài đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu không?

– Thưa thầy, đúng vậy.

– Thưa ngài, điều gì khiến ngài đã làm việc như thế?

9. Khi ấy, người đàn ông ấy đã kể lại sự việc ấy cho Jīvaka Komārabhacca. Jīvaka Komārabhacca phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao các Đại đức lại cho người bị mắc phải năm thứ bệnh xuất gia?

10. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức không cho người bị mắc phải năm thứ bệnh xuất gia.

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

12. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho người bị mắc phải năm chứng bệnh xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

13. Vào lúc bấy giờ, vùng biên địa của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bị [trộm cướp] dấy loạn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho các quan đại thần lãnh đạo quân đội rằng:

– Này các khanh, hãy đi và thu hồi lại vùng biên địa.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã đáp lại đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

14. Khi ấy, các chiến sĩ danh tiếng lẫy lừng đã khởi ý điều này: "Là những người say mê chiến trận, trong khi đi [đánh trận], chúng ta tạo nghiệp ác và gây ra nhiều điều bất thiện. Với phương kế gì chúng ta có thể tránh được việc ác và có thể làm việc lành?"

15. Khi ấy, các chiến sĩ ấy đã khởi ý điều này: "Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp, nếu chúng ta có thể xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử, như vậy chúng ta có thể tránh được việc ác và có thể làm việc lành."

16. Sau đó, các chiến sĩ ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho họ xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã hỏi các binh sĩ của đức vua rằng:

– Này các khanh, sao các chiến sĩ tên [như vầy] và tên [như vầy] lại không hiện diện?

– Thưa Tướng quân, các chiến sĩ tên [như vầy] và tên [như vầy] đã xuất gia nơi các vị Tỳ-khưu.

Các quan đại thần lãnh đạo quân đội phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho binh sĩ của đức vua xuất gia?" Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã trình sự việc ấy lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

17. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã hỏi các quan đại thần phụ trách tòa án rằng:

– Này các khanh, người cho binh sĩ của đức vua xuất gia phạm vào điều gì?

– Tâu Bệ hạ, đầu của thầy tế độ nên bị chặt đi, lưỡi của vị đọc tuyên ngôn nên bị rút ra, một phần xương sườn của nhóm [các vị chứng minh] nên bị bẻ gãy.

18. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn

điều này: "Bạch Ngài, có những vị vua không có đức tin, không có mộ đạo, những vị ấy có thể hãm hại các Tỳ-khưu chỉ vì chuyện không đáng gì. Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức không cho binh sĩ của đức vua xuất gia."

19. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

20. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho binh sĩ của đức vua xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

21. Vào lúc bấy giờ, kẻ cướp có mang chuỗi ngón tay[33] đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng khi nhìn thấy trở nên sợ hãi, hoảng hốt, bỏ chạy, rẽ sang hướng khác, quay mặt chỗ khác, đóng cửa lại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp có mang biểu tượng xuất gia?" Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ cướp có mang biểu tượng xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

22. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: "Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau."

23. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ sau khi thực hiện vụ trộm đã bị giam trong ngục. Người ấy đã phá ngục tẩu thoát và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng sau khi nhìn thấy đã nói như vầy: "Chính người này là kẻ cướp phá ngục. Nào, chúng ta hãy dẫn gã ấy đi." Một số người đã nói như vầy: "Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau.'"

---

[33] *Coro aṅgulimālo*: Mới xem qua dễ lầm tưởng với kẻ cướp tên Aṅgulimāla trong bài kệ tụng về Tám Phật Lực. Dịch giả I. B. Horner đã nêu lên điều này với lý do không có chữ "*nāma*" (tên là) hoặc "*iti*" như thường được dùng trong trường hợp danh từ riêng; hơn nữa, ở đây vị này được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu, còn vị kia được xuất gia theo lối "*ehi bhikkhu*" với đức Phật. Thêm vào đó, sự biến đổi từ nữ tánh sang nam tánh của *mālā* trong cụm từ "*aṅgulimālo*" xác định đây là trường hợp "*bahubbīhi*" làm phận sự của tính từ (ND).

24. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp phá ngục xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ cướp phá ngục xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

25. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ sau khi thực hiện vụ trộm đã tẩu thoát và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Người ấy đã bị cáo thị tầm nã ở hoàng cung rằng: "Được nhìn thấy tại đâu thì được giết tại đấy." Dân chúng đã nói như vầy: "Chính người này là kẻ cướp bị cáo thị tầm nã. Nào, chúng ta hãy giết gã ấy đi." Một số người đã nói như vầy: "Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau.'"

26. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp bị cáo thị tầm nã xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ cướp bị cáo thị tầm nã xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

27. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bị xử hình phạt đánh bằng roi đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

28. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bị xử hình phạt đóng dấu đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

29. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ là kẻ thiếu nợ đã bỏ trốn và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những người chủ nợ đã nhìn thấy và nói như vầy: "Chính người này là kẻ thiếu nợ của chúng ta. Nào, chúng ta hãy dẫn gã ấy đi." Một số người đã nói như vầy: "Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những

người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau.'"

30. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ thiếu nợ xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ thiếu nợ xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

31. Vào lúc bấy giờ, có người nô tỳ nọ đã bỏ trốn và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những người chủ đã nhìn thấy và nói như vầy: "Chính người này là kẻ nô tỳ của chúng ta. Nào chúng ta hãy dẫn gã ấy đi." Một số người đã nói như vầy: "Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau.'"

32. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ nô tỳ xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ nô tỳ xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

33. Vào lúc bấy giờ, có người thợ bạc bị sói đầu nọ, sau khi cãi vã với cha mẹ đã đi đến tu viện và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Sau đó, cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy, trong khi tìm kiếm người thợ bạc bị sói đầu ấy, đã đi đến tu viện và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: "Thưa các ngài, vậy chớ các ngài có nhìn thấy người trai trẻ hình dáng như thế này không?" Các vị Tỳ-khưu trong khi không biết nên đã nói rằng: "Chúng tôi không biết", trong khi không nhìn thấy nên đã nói rằng: "Chúng tôi không nhìn thấy."

34. Sau đó, cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy, trong lúc tìm kiếm người thợ bạc bị sói đầu ấy, nhìn thấy [người ấy] đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những Sa-môn Thích tử này thật vô liêm sỉ, giới hạnh xấu xa, là những kẻ nói láo, trong khi biết lại nói rằng: 'Chúng tôi không biết', trong khi nhìn thấy lại nói rằng: 'Chúng tôi không nhìn thấy.' Người trai trẻ này đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu."

35. Các Tỳ-khưu đã nghe được cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thông báo đến hội chúng về việc cạo tóc.

36. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có nhóm mười bảy thiếu niên là bạn bè. Thiếu niên Upāli là thủ lãnh của họ. Khi ấy, cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Có phương kế gì để sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc?"

37. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli có thể học chữ viết, như thế sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc."

38. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học chữ viết thì các ngón tay sẽ bị đau. Nếu Upāli có thể học tính toán, như thế, sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc."

39. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học tính toán thì ngực sẽ bị đau. Nếu Upāli có thể học hội họa, như thế sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc."

40. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học hội họa thì các con mắt sẽ bị đau. Còn những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, nếu Upāli có thể xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử, như thế sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc."

41. Thiếu niên Upāli đã nghe được cuộc nói chuyện trao đổi ấy của cha mẹ. Sau đó, thiếu niên Upāli đã đi đến gặp những thiếu niên ấy, sau khi đến đã nói với những thiếu niên ấy điều này: "Này các bạn, hãy đi. Chúng ta sẽ xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử."

42. Sau đó, những thiếu niên ấy, từng người một đã đi đến gặp cha mẹ của mình và đã nói điều này: "Hãy cho phép con rời nhà xuất gia, sống không nhà." Khi ấy, cha mẹ của những thiếu niên ấy [nghĩ rằng]: "Tất cả những đứa trẻ này có ước muốn giống nhau, có ý định tốt đẹp" nên đã chấp thuận. Chúng đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho chúng xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Những thiếu niên ấy, trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã khóc lóc: "Hãy cho cháo, hãy cho thức ăn, hãy cho vật nhai."

43. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Sư đệ, hãy chờ đến khi trời sáng, nếu có cháo thì các đệ sẽ húp cháo, nếu có thức ăn thì các đệ sẽ ăn, nếu có vật nhai thì các đệ sẽ nhai; còn nếu không có cháo, hoặc thức ăn, hoặc vật nhai thì các đệ sẽ ăn sau khi đi khất thực."

44. Trong khi được nói như thế bởi các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu [thiếu niên] ấy vẫn khóc lóc: "Hãy cho cháo, hãy cho thức ăn, hãy cho vật nhai", rồi đại tiện, tiểu tiện ở chỗ nằm ngồi.

45. Đức Thế Tôn, trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã nghe tiếng của các đứa trẻ, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rằng: "Này Ānanda, tiếng của các đứa trẻ ấy là gì vậy?"

46. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu trong khi biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đến hai mươi tuổi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy trong khi biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đến hai mươi tuổi? Này các Tỳ-khưu, người chưa đến hai mươi tuổi không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người, thuộc về cơ thể đã sanh khởi.

47. Này các Tỳ-khưu, người đã được hai mươi tuổi, có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, người chưa đến hai mươi tuổi, trong khi biết, không nên cho tu lên bậc trên; vị nào cho tu lên bậc trên thì nên được hành xử theo pháp.[34]

48. Vào lúc bấy giờ, có gia đình nọ bị chết bởi bệnh dịch hạch. Người cha và người con trai của gia đình ấy là [những người] còn sót lại. Họ đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu rồi đi khất thực chung với nhau. Khi ấy, lúc đồ ăn khất thực được bố thí đến người cha, đứa trẻ ấy đã chạy lại gần và nói điều này: "Cha yêu quý, hãy cho con với. Cha yêu quý, hãy cho con với." Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những Sa-môn Thích tử này không có Phạm hạnh. Đứa trẻ này đã được sanh ra bởi Tỳ-khưu-ni."

49. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đứa trẻ dưới mười lăm tuổi không nên cho xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

50. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ có đức tin mộ đạo của Đại đức Ānanda bị chết bởi bệnh dịch hạch. Và có hai đứa trẻ trai là [những người] còn sót lại. Khi nhìn thấy các vị Tỳ-khưu, chúng theo thói quen được phép trước đây đã chạy đến gần. Các Tỳ-khưu đã đuổi [chúng] đi. Trong khi bị các vị Tỳ-khưu đuổi đi, chúng đã khóc.

---

[34] Liên quan đến tội *Pācittiya* 65 về cho tu lên bậc trên người kém hai mươi tuổi (ND).

51. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Đứa trẻ dưới mười lăm tuổi không nên cho xuất gia'; và những đứa trẻ này dưới mười lăm tuổi, vậy bằng phương cách gì để những đứa trẻ này không thể bị tiêu hoại đây?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, những đứa trẻ ấy có khả năng để đuổi các con quạ bay đi không?

– Bạch Thế Tôn, chúng có khả năng.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xuất gia đứa trẻ dưới mười lăm tuổi là trẻ [có thể] đuổi được quạ.

52. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya có hai Sa-di là Kaṇṭaka và Mahaka. Chúng đã làm điều tồi bại với nhau. Các vị Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Sa-di lại thực hành điều sai trái có hình thức như thế ấy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, một vị không nên để cho hai Sa-di phục vụ; vị nào để cho phục vụ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

53. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã sống mùa mưa ở ngay tại nơi ấy, trong thành Rājagaha, mùa lạnh ở tại nơi ấy, mùa nóng ở tại nơi ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các hướng đi của các Sa-môn Thích tử bị tắt nghẽn, tăm tối. Các hướng đi không còn được các vị này nhận ra nữa."

54. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, hãy đi, cầm lấy chìa khóa, và thông báo cho các vị Tỳ-khưu ở dãy phòng rằng: "Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn ra đi, du hành ở đến núi Dakkhiṇāgiri.[35] Đại đức nào có ý thích thì hãy đi."

– Bạch Thế Tôn, xin vâng.

Nghe theo lời đức Thế Tôn, Đại đức Ānanda đã cầm lấy chìa khóa và đã thông báo cho các vị Tỳ-khưu ở dãy phòng rằng:

– Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn ra đi, du hành đến núi Dakkhiṇāgiri. Đại đức nào có ý thích thì hãy đi.

Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức Ānanda, đức Thế Tôn đã quy định là sống nương nhờ mười năm, vị mười năm được cho nương nhờ. Và [nếu] chúng tôi đi đến nơi ấy thì sự nương nhờ sẽ cần được xác định [ở nơi ấy]. Và việc cư trú sẽ là ngắn ngủi và sẽ

[35] *Dakkhiṇāgiri* nghĩa là "ngọn núi ở phía Nam." Tuy nhiên, ở phía Nam của thành Rājagaha có ngọn núi tên là Dakkhiṇāgiri, vì là địa danh cho nên giữ nguyên không dịch (ND).

quay trở về lại, rồi sự nương nhờ sẽ cần được xác định lại. Nếu các thầy tế độ hoặc thầy dạy học của chúng tôi sẽ đi thì chúng tôi cũng sẽ đi, nếu các thầy tế độ hoặc thầy dạy học của chúng tôi sẽ không đi thì chúng tôi cũng sẽ không đi. Này Đại đức Ānanda, tâm tư nhẹ nhàng là điều sẽ được nhận biết ở chúng tôi.

55. Sau đó, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến núi Dakkhiṇāgiri với hội chúng Tỳ-khưu là nhóm số lượng ít ỏi. Sau đó, khi đã ngự tại núi Dakkhiṇāgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã quay trở về lại thành Rājagaha. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: "Này Ānanda, vì sao Như Lai đã ra đi, du hành đến núi Dakkhiṇāgiri với hội chúng Tỳ-khưu là nhóm số lượng ít ỏi?" Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực sống nương nhờ năm năm, vị không có kinh nghiệm thì trọn đời.

56. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: Là vị không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uẩn, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

57. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uẩn, thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

58. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

59. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

60. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

61. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri

kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

62. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

63. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng đối với vị này; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

64. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

65. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

66. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ: Là vị không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uẩn, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

67. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ: Là vị thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uẩn, thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

68. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

69. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực

tinh tấn, có niệm được thiết lập, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

70. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

71. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

72. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng đối với vị này; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

73. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

Dứt tụng phẩm "Không phải lo sợ" là thứ tám.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Kapilavatthu. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Kapilavatthu.

2. Tại nơi đó, giữa dân chúng dòng Sakya, đức Thế Tôn ngự ở thành Kapilavatthu, tại tu viện Nigrodha. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư dinh của Suddhodana dòng Sakya,[36] sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

[36] Suddhodana dòng Sakya tức là đức Vua Tịnh Phạn dòng Thích-ca. Tịnh Phạn là từ dịch nghĩa của *Suddhodana* (*Suddha* = trong sạch + *odana* = cơm). Thích-ca là từ dịch âm của Sakya. Một số tên gọi khác cũng đã được dịch âm như là Sĩ-đạt-ta (Siddhattha), Da-du-đà-la (Yasodharā), La-hầu-la (Rāhula), Ma-da (Mayā), Kiều-đàm-di (Gotamī) (ND).

3. Khi ấy, Hoàng hậu, mẹ của Rāhula đã nói với Hoàng tử Rāhula điều này:

– Này Rāhula, người kia là cha của con. Hãy đi và cầu xin phần thừa kế.

Khi ấy, Hoàng tử Rāhula đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng ở phía trước đức Thế Tôn [nói rằng]:

– Này vị Sa-môn, bóng che của Ngài thật an lạc.

4. Sau đó, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Khi ấy, Hoàng tử Rāhula đã theo sát phía sau đức Thế Tôn [nói rằng]:

– Này vị Sa-môn, hãy ban cho con phần thừa kế. Này vị Sa-môn, hãy ban cho con phần thừa kế.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Sāriputta rằng:

– Này Sāriputta, như thế thì ngươi hãy cho Hoàng tử Rāhula xuất gia.

– Bạch Ngài, con cho Hoàng tử Rāhula xuất gia như thế nào?

5. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc xuất gia Sa-di bằng ba sự đi đến nương nhờ [tam quy]. Và này các Tỳ-khưu, nên cho xuất gia như vầy: Trước tiên, nên cho cạo bỏ râu tóc, cho choàng lên các tấm vải màu ca-sa, cho đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các vị Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và nên bảo rằng: "Ngươi hãy nói như vầy: Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc xuất gia Sa-di bằng ba sự đi đến nương nhờ này.

6. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã cho Hoàng tử Rāhula xuất gia. Sau đó, Suddhodana dòng Sakya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Suddhodana dòng Sakya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trẫm thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn.

– Này vị Gotama, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước muốn.

– Bạch Ngài, điều ấy là hợp lý, điều ấy không bị chê trách.

– Này vị Gotama, xin hãy nói.

– Bạch Ngài, khi đức Thế Tôn đã xuất gia, đau khổ đã khởi lên ở trẫm không phải là ít, tương tự như vậy trong việc Nandā,[37] [nhưng là sự đau khổ] vô

[37] Nandā là con trai của đức Vua Suddhodana và bà Mahāpajāpatī Gotamī, tức em cùng cha khác mẹ với đức Phật (ND).

cùng mãnh liệt trong việc Rāhula. Bạch Ngài, lòng thương yêu đối với người con trai cắt vào da, sau khi cắt vào da, nó cắt vào lớp da trong; sau khi cắt vào lớp da trong, nó cắt vào thịt; sau khi cắt vào thịt, nó cắt vào gân; sau khi cắt vào gân, nó cắt vào xương; sau khi cắt vào xương, nó đạt đến tủy xương rồi trú [ở đó]. Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức không nên cho người con trai chưa được phép của cha mẹ xuất gia.

7. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Suddhodana dòng Sakya bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Suddhodana dòng Sakya đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

8. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho người con trai chưa được phép của cha mẹ xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Dứt phần giảng về câu chuyện của Rāhula.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Kapilavatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự ở Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Đại đức Sāriputta đã gởi đứa trẻ trai đến Đại đức Sāriputta [nói rằng]: "Xin ngài Trưởng lão hãy cho đứa trẻ này xuất gia."

2. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Một vị không nên để cho hai Sa-di phục vụ' và ta đây đã có Sa-di Rāhula. Vậy ta nên thực hành như thế nào?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực một mình được để cho hai Sa-di phục vụ, hoặc để cho nhiều [Sa-di] phục vụ với số lượng mà vị ấy vẫn có đủ khả năng để giáo huấn và giảng dạy.

3. Sau đó, các vị Sa-di đã khởi ý điều này: "Chúng ta có bao nhiêu điều học? Và chúng ta nên học tập về vấn đề gì?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mười điều học đến các Sa-di và [cho phép] các Sa-di học tập về các điều học ấy: Việc tránh xa sự giết hại mạng sống, việc tránh xa sự lấy vật không được cho, việc tránh xa điều phi Phạm hạnh [sự hành dâm], việc tránh xa sự nói dối, việc tránh xa trường hợp dể duôi uống chất say là rượu và chất lên men, việc tránh xa sự ăn phi thời, việc tránh xa sự múa hát đờn và xem trình diễn, việc tránh xa trường hợp đeo vòng hoa

thoa vật thơm và tô điểm bằng đồ trang sức, việc tránh xa chỗ nằm ngồi cao và rộng lớn, việc tránh xa sự thọ lãnh vàng bạc. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mười điều học này đến các Sa-di và [cho phép] các Sa-di học tập về các điều học này.

4. Vào lúc bấy giờ, các Sa-di sống không tôn kính, không vâng lời, có lối cư xử không hòa nhã đối với các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Sa-di lại sống không tôn kính, không vâng lời, có lối cư xử không hòa nhã đối với các Tỳ-khưu?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực thi hình phạt đối với vị Sa-di có năm yếu tố: Là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc; ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được sự lợi ích; ra sức làm cho các Tỳ-khưu không có chỗ ngụ; mắng nhiếc, giễm pha các Tỳ-khưu; chia rẽ các Tỳ-khưu [này] với các Tỳ-khưu [khác]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực thi hình phạt đối với vị Sa-di có năm yếu tố này.

5. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Hình phạt gì nên được thực hiện?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện sự ngăn cấm.

6. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu thực hiện sự ngăn cấm toàn bộ khu vực tu viện của hội chúng đối với các Sa-di. Các Sa-di trong khi không thể đi vào tu viện nên rời đi, hoàn tục, chuyển sang ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện sự ngăn cấm toàn bộ khu vực tu viện của hội chúng; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện sự ngăn cấm ở chỗ [Tỳ-khưu] sinh sống hoặc ở chỗ [Tỳ-khưu] lui tới.

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu thực hiện sự ngăn cấm thức ăn theo đường miệng đối với các Sa-di. Dân chúng trong lúc làm nước cháo và bữa ăn dâng hội chúng, nói với các Sa-di như vầy: "Này các ngài, hãy đến và húp cháo. Này các ngài, hãy đến và thọ dụng bữa ăn." Các vị Sa-di nói như vầy: "Này các đạo hữu, không thể được. Các Tỳ-khưu đã thực hiện sự ngăn cấm." Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Đại đức lại thực hiện sự ngăn cấm thức ăn theo đường miệng đối với các Sa-di?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện sự ngăn cấm thức ăn theo đường miệng; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Dứt câu chuyện về hình phạt.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không hỏi các vị thầy tế độ lại thực hiện sự ngăn cấm đối với các Sa-di. Các vị thầy tế độ tìm kiếm [hỏi rằng]: "Vì sao các Sa-di của chúng tôi lại không được nhìn thấy?" Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thực hiện sự ngăn cấm." Các vị thầy tế độ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không hỏi chúng tôi lại thực hiện sự ngăn cấm đối với các Sa-di của chúng tôi?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chưa hỏi các vị thầy tế độ không nên thực hiện sự ngăn cấm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã dụ dỗ các Sa-di của các Tỳ-khưu trưởng lão. Các vị Trưởng lão bị mệt nhọc trong khi tự mình lấy gỗ chà răng và nước súc miệng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên dụ dỗ tập thể của vị khác; vị nào dụ dỗ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vào lúc bấy giờ, Sa-di tên Kaṇṭaka của Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã làm nhơ Tỳ-khưu-ni tên Kaṇṭakī. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Sa-di lại thực hành điều sai trái có hình thức như thế?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trục xuất Sa-di có mười yếu tố này: Là kẻ giết hại mạng sống, là kẻ lấy vật không được cho, là kẻ phi Phạm hạnh [hành dâm], là kẻ nói dối, là kẻ uống chất say, là kẻ phỉ báng đức Phật, phỉ báng Giáo pháp, phỉ báng Hội chúng, là kẻ có tri kiến sai trái, là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trục xuất vị Sa-di có mười yếu tố này.

4. Vào lúc bấy giờ, có người vô căn nọ đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Người ấy đi đến gặp các vị Tỳ-khưu trẻ rồi nói như vầy: "Này các Đại đức, hãy đi đến. Hãy làm điều nhơ nhớp với tôi." Các vị Tỳ-khưu đuổi đi: "Này kẻ vô căn, tiêu mất đi! Này kẻ vô căn, biến mất đi! Ai mà cần đến ngươi?" Bị các Tỳ-khưu xua đuổi, người ấy đi đến gặp các Sa-di to bự lớn xác rồi nói như vầy: "Này các Đại đức, hãy đi đến. Hãy làm điều nhơ nhớp với tôi." Các vị Sa-di đuổi đi: "Này kẻ vô căn, tiêu mất đi! Này kẻ vô căn, biến mất đi! Ai mà cần đến ngươi?"

5. Người ấy khi bị các vị Sa-di xua đuổi lại đi đến gặp những người chăn voi, những người giữ ngựa rồi nói như vầy: "Này các đạo hữu, hãy đi đến. Hãy làm điều nhơ nhớp với tôi." Những người chăn voi, những người giữ ngựa đã làm điều nhơ nhớp. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những Sa-môn Thích tử này là những kẻ vô căn. Những người nào trong bọn họ không phải là những kẻ vô căn thì những người ấy làm điều nhơ nhớp với những kẻ vô căn. Như vậy, chính tất cả những người này không có Phạm hạnh."

6. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người chăn voi, những người giữ ngựa phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ vô căn chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (1)

7. Vào lúc bấy giờ, có người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến nọ, là người mảnh mai. Khi ấy, người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến ấy đã khởi ý điều này: "Ta là người mảnh mai, không đủ khả năng để đạt đến tài sản chưa có, hoặc làm tăng trưởng tài sản đã có, với phương kế gì để ta có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc?"

8. Rồi người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến ấy đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên tự mình chuẩn bị y bát, cạo bỏ râu tóc, khoác lên các mảnh vải màu ca-sa, đi đến tu viện và chung sống với các Tỳ-khưu?"

9. Sau đó, người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến ấy, đã tự mình chuẩn bị y bát, cạo bỏ râu tóc, khoác lên các mảnh vải màu ca-sa, đi đến tu viện và đảnh lễ các vị Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, Đại đức được bao nhiêu năm?

– Được bao nhiêu năm? Này các Đại đức, điều ấy là gì vậy?

– Này Đại đức, ai là thầy tế độ của Đại đức?

– Thầy tế độ? Này các Đại đức, điều ấy là gì vậy?

Các vị Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Upāli điều này:

– Này Đại đức Upāli, hãy thẩm tra người đã xuất gia này đi.

10. Sau đó, người con trai của gia đình bị khánh tận không còn thân quyến ấy, trong khi đang được Đại đức Upāli thẩm tra, đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upāli đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu][38] chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các Tỳ-khưu, kẻ đã đi theo ngoại đạo chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (2-3)

11. Vào lúc bấy giờ, có con rồng nọ lo ngại, xấu hổ và chán ghét với sự xuất thân là loài rồng. Sau đó, con rồng ấy đã khởi ý điều này: "Với phương kế gì ta có thể hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và có thể thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng?" Khi ấy, con rồng ấy đã khởi ý điều này:

---

[38] "*Theyyasaṃvāsaka*" nghĩa là kẻ sống chung theo lối trộm cắp. *Chú giải* đề cập 3 loại "*theyyasaṃvāsaka*": "*Liṅgatthenaka*" (kẻ trộm tướng mạo) nghĩa là kẻ tự mình xuất gia rồi đi đến tu viện và không biết gì về các điều quy định, "*saṃvāsatthenaka*" (kẻ trộm trong việc cộng trú) nghĩa là vị Sa-di đã hoàn tục rồi đi đến tu viện nói dối là Tỳ-khưu và có biết về các điều quy định, hạng thứ ba "*ubhayatthenaka*" (kẻ trộm theo cả hai cách) nghĩa là kẻ tự mình xuất gia rồi đi đến tu viện và có biết về các điều quy định (*VinA*. V. 1016-17).

"Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và có thể thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng."

12. Sau đó, con rồng ấy với hình dáng của người thanh niên đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các vị Tỳ-khưu đã cho người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Vào lúc bấy giờ, con rồng ấy cùng với vị Tỳ-khưu khác ngụ trong trú xá ở chỗ giáp ranh. Khi ấy, trong đêm vào lúc hừng sáng, vị Tỳ-khưu ấy thức dậy và đi kinh hành ở ngoài trời.

13. Sau đó, trong khi vị Tỳ-khưu ấy đã đi ra ngoài, con rồng ấy hết lo âu nên đã chìm vào giấc ngủ. Toàn bộ trú xá đã bị tràn ngập bởi [thân của] con rồng và các vòng thân còn ló ra khỏi các cửa sổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi vào trú xá", trong lúc đẩy cánh cửa đã nhìn thấy toàn bộ trú xá bị tràn ngập bởi [thân của] con rồng và các vòng thân đang ló ra khỏi các cửa sổ, sau khi nhìn thấy [trở nên] sợ hãi và đã kêu thét lên. Các vị Tỳ-khưu đã chạy lại và nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, vì sao Đại đức lại kêu thét lên vậy?

– Này các Đại đức, toàn bộ trú xá này bị tràn ngập bởi [thân của] con rồng và các vòng thân còn ló ra khỏi các cửa sổ.

14. Khi ấy, con rồng ấy sau khi thức giấc bởi tiếng động ấy đã ngồi xuống trên chỗ ngồi của mình. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này đệ, ngươi là ai vậy?

– Thưa các ngài, tôi là rồng.

– Này đệ, vì sao ngươi lại biến thành hình dạng như thế này?

15. Khi ấy, con rồng ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và nói với con rồng ấy điều này:

– Các ngươi là loài rồng không có được pháp tiến bộ trong Pháp và Luật này. Này rồng, ngươi hãy đi đi. Và hãy tiến hành *Uposatha*[39] vào ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày thứ tám của mỗi nửa tháng ở ngay nơi ấy, như thế, ngươi sẽ hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và sẽ thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng.

16. Khi ấy, con rồng ấy [nghĩ rằng]: "Nghe nói ta không có được pháp tiến bộ trong Pháp và Luật này" [trở nên] đau khổ, rầu rĩ, trong khi đang trào ra nước mắt đã khóc rống lên rồi bỏ đi. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

---

[39] Vào các ngày này, các cư sĩ thường thọ trì 8 giới hoặc 10 giới một ngày đêm (ND).

– Này các Tỳ-khưu, đây là hai lý do đưa đến việc hiện ra bản thể thật của loài rồng, là khi nó thực hiện việc lứa đôi với rồng cái và khi nó hết lo âu rồi chìm vào giấc ngủ. Này các Tỳ-khưu, hai lý do này đưa đến việc hiện ra bản thể thật của loài rồng. Này các Tỳ-khưu, loài thú chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (4)

17. Vào lúc bấy giờ, có người thanh niên nọ là kẻ đã đoạt đi mạng sống của người mẹ. Người ấy lo ngại, xấu hổ và chán ghét với hành động ác độc ấy. Sau đó, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Với phương kế gì ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy?" Khi ấy, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy."

18. Sau đó, người thanh niên ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Upāli điều này:

– Này Đại đức Upāli, cũng trước đây, con rồng với hình dáng của người thanh niên đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Này Đại đức Upāli, hãy thẩm tra người thanh niên này.

19. Sau đó, trong khi được Đại đức Upāli thẩm tra, người thanh niên ấy đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upāli đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ giết mẹ chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (5)

20. Vào lúc bấy giờ, có người thanh niên nọ là kẻ đã đoạt đi mạng sống của người cha. Người ấy lo ngại, xấu hổ và chán ghét với nghiệp ác ấy. Sau đó, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Với phương kế gì ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy?" Khi ấy, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy."

21. Sau đó, người thanh niên ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Upāli điều này:

– Này Đại đức Upāli, cũng trước đây, con rồng với hình dáng của người thanh niên đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Này Đại đức Upāli, hãy thẩm tra người thanh niên này.

22. Sau đó, trong khi được Đại đức Upāli thẩm tra, người thanh niên ấy đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upāli đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ giết cha chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (6)

23. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa từ Sāketa đến thành Sāvatthi. Giữa đường bọn cướp đã xuất hiện; chúng đã cướp bóc một số Tỳ-khưu và đã giết chết một số Tỳ-khưu. Các binh lính của đức vua phát xuất từ thành Sāvatthi đã bắt được một số kẻ cướp. Một số kẻ cướp đã tẩu thoát. Những kẻ tẩu thoát ấy đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những kẻ nào đã bị bắt thì bị đưa đi tử hình.

24. Những kẻ đã được xuất gia ấy đã nhìn thấy những kẻ cướp ấy đang bị đưa đi tử hình, sau khi nhìn thấy đã nói như vầy: "May mắn thay chúng ta đã tẩu thoát, nếu hôm nay chúng ta bị bắt, chúng ta cũng có thể bị giết y như thế này." Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị đã nói điều gì vậy?" Khi ấy, những kẻ đã được xuất gia ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị A-la-hán. Này các Tỳ-khưu, kẻ giết A-la-hán chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (7)

25. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu-ni đi đường xa từ Sāketa đến thành Sāvatthi. Giữa đường, bọn cướp đã xuất hiện; chúng đã cướp bóc một số Tỳ-khưu-ni, đã làm nhơ nhớp một số Tỳ-khưu-ni. Các binh lính của đức vua phát xuất từ thành Sāvatthi đã bắt được một số kẻ cướp. Một số kẻ cướp đã tẩu thoát. Những kẻ tẩu thoát ấy đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những kẻ nào đã bị bắt thì bị đưa đi tử hình.

26. Những kẻ đã được xuất gia ấy đã nhìn thấy những kẻ cướp ấy đang bị đưa đi tử hình, sau khi nhìn thấy đã nói như vầy: "May mắn thay chúng ta đã tẩu thoát. Nếu hôm nay chúng ta bị bắt, chúng ta cũng có thể bị giết y như thế này." Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị đã nói điều gì vậy?" Khi ấy, những kẻ đã được xuất gia ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các Tỳ-khưu, kẻ làm chia rẽ hội chúng chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các Tỳ-khưu, kẻ làm chảy máu [đức Phật] chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (8-9-10)

27. Vào lúc bấy giờ, có người lưỡng căn nọ[40] đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Người ấy hành động [như người nam] rồi bảo [người nam khác] hành động [với mình]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[40] Người có cả hai bộ phận sinh dục nam và nữ (ND).

– Này các Tỳ-khưu, người lưỡng căn chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (11)

Dứt mười một câu chuyện về người chưa được tu lên bậc trên.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có thầy tế độ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với hội chúng là thầy tế độ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với hội chúng là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với nhóm [hai hoặc ba vị Tỳ-khưu] là thầy tế độ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với nhóm [hai hoặc ba vị Tỳ-khưu] là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với kẻ vô căn là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ đã đi theo ngoại đạo là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với loài thú là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ giết mẹ là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ giết cha là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ giết A-la-hán là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ chia rẽ hội chúng là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ làm chảy máu [đức Phật] là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ lưỡng căn là thầy tế độ.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

5. – Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với kẻ vô căn là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ đã đi theo ngoại đạo là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với loài thú là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết mẹ là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết cha là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết A-la-hán là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ chia rẽ hội chúng là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ làm chảy máu [đức Phật] là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ lưỡng căn là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (4-14)

6. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có bình bát. Các vị đi khất thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có bình bát; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (15)

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có y. Các vị lõa thể đi khất thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có y; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (16)

8. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có y và bình bát. Các vị lõa thể đi khất thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có y và bình bát; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (17)

9. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với bình bát [mượn] của người đã được yêu cầu [trước]. Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại bình bát. Các vị đi khất thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với bình bát mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (18)

10. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với y [mượn] của người đã được yêu cầu [trước]. Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại y. Các vị lõa thể đi khất thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với y mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (19)

11. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với y và bình bát [mượn] của người đã được yêu cầu [trước]. Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại y và bình bát. Các vị lõa thể đi khất thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với y và bình bát mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (20)

Dứt hai mươi trường hợp không nên cho tu lên bậc trên.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho người bị đứt cánh tay xuất gia. ...(nt)... cho người bị đứt bàn chân xuất gia. ... cho người bị đứt cánh tay và bàn chân xuất gia. ... cho người bị sứt tai xuất gia. ... cho người bị sứt mũi xuất gia. ... cho người bị sứt tai và mũi xuất gia. ... cho người bị đứt ngón tay xuất gia. ... cho người bị đứt móng tay xuất gia. ... cho người bị đứt gân chân xuất gia. ... cho người có bàn tay dính liền giống cánh dơi xuất gia. ... cho người gù lưng xuất gia. ... cho người lùn tịt xuất gia. ... cho người có bướu cổ xuất gia. ... cho người bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia. ... cho người bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia. ... cho người bị cáo thị tầm nã xuất gia. ... cho người phù chân voi xuất gia. ... cho người có bệnh kinh niên trầm trọng xuất gia. ... cho người bôi nhọ tập thể xuất gia. ... cho người chột mắt xuất gia. ... cho người có tứ chi bị co rút xuất gia. ... cho người què xuất gia. ... cho người bị liệt nửa thân xuất gia. ... cho người đi khập khiễng xuất gia. ... cho người già yếu xuất gia. ... cho người mù xuất gia. ... cho người câm xuất gia. ... cho người điếc xuất gia. ... cho người mù và câm xuất gia. ... cho người mù và điếc xuất gia. ... cho người câm và điếc xuất gia. ... cho người mù câm điếc xuất gia.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, không nên cho người bị đứt cánh tay xuất gia. ...(nt)... Không nên cho người bị đứt bàn chân xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt cánh tay và bàn chân xuất gia. ... Không nên cho người sứt tai xuất gia. ... Không nên cho người bị sứt mũi xuất gia. ... Không nên cho người bị sứt tai và mũi xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt ngón tay xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt móng tay xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt gân chân xuất gia. ... Không nên cho người có bàn tay dính liền giống cánh dơi xuất gia. ... Không nên cho người gù lưng xuất gia. ... Không nên cho người lùn tịt xuất gia. ... Không nên cho người có bướu cổ xuất gia. ... Không nên cho người bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia. ... Không nên cho người bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia. ... Không nên cho người bị cáo thị tầm nã xuất gia. ... Không nên cho người phù chân voi xuất gia. ... Không nên cho người có bệnh trầm trọng kinh niên xuất gia. ... Không nên cho người bôi nhọ tập thể xuất gia. ... Không nên cho người chột mắt xuất gia. ... Không nên cho người có tứ chi bị co rút xuất gia. ... Không nên cho người què xuất gia. ... Không nên cho người bị liệt nửa thân xuất gia. ... Không nên cho người đi khập khiễng xuất gia. ... Không nên cho người già yếu xuất gia. ... Không nên cho người mù xuất gia. ... Không nên cho người câm xuất gia. ... Không nên cho người điếc xuất gia. ... Không nên cho người mù và câm xuất gia. ... Không nên cho người mù và điếc xuất gia. ... Không nên cho người câm và điếc xuất gia. ... Không nên cho người mù câm điếc xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Dứt ba mươi hai trường hợp không nên cho xuất gia.
Dứt tụng phẩm "Phần thừa kế" là thứ chín.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm sỉ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm sỉ; vị nào ban cho thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sống [với pháp] nương nhờ vào những vị không có liêm sỉ. Chẳng bao lâu sau, các vị ấy cũng trở thành các Tỳ-khưu ác xấu, không có liêm sỉ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sống [với pháp] nương nhờ vào những vị không có liêm sỉ; vị nào sống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm sỉ và không nên sống [với pháp] nương nhờ vào những vị không có liêm sỉ', vậy làm thế nào chúng ta biết được [vị nào] là có liêm sỉ hoặc không có liêm sỉ?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chờ đợi bốn năm ngày đến khi [xác định rằng]: "Ta biết được bản chất của vị Tỳ-khưu."

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ du hành đường xa trong xứ Kosala. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ', và ta là cần có sự nương nhờ nhưng đang du hành đường xa, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu đang du hành đường xa trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ.

4. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu du hành đường xa trong xứ Kosala. Họ đã đi đến gần trú xứ nọ. Tại đó, một vị Tỳ-khưu đã bị lâm bệnh. Khi ấy, vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ' và ta là cần có sự nương nhờ nhưng bị bệnh, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ.

5. Khi ấy, vị Tỳ-khưu chăm sóc vị bị bệnh ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ', và ta là cần có sự nương nhờ nhưng vị Tỳ-khưu này thì bị bệnh, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu chăm sóc vị bị bệnh trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ [dầu] được yêu cầu.[41]

[41] Được vị bị bệnh yêu cầu là hãy sống nương nhờ vào vị ấy (*VinA*. V. 1032).

6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trú ngụ ở rừng. Và ở chỗ trú ngụ ấy có được sự thoải mái cho vị ấy [trong việc tiến tu]. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ', và ta là cần có sự nương nhờ nhưng ta trú ngụ ở trong rừng. Và ở chỗ trú ngụ này có được sự thoải mái cho ta [trong việc tiến tu], vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu ở rừng đang quan tâm đến việc trú ngụ thoải mái trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ [nghĩ rằng]: "Khi nào có vị ban pháp nương nhờ thích đáng đi đến thì ta sẽ sống nương nhờ vào vị ấy."

7. Vào lúc bấy giờ, có người có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Mahākassapa. Khi ấy, Đại đức Mahākassapa đã phái sứ giả đến gặp Đại đức Ānanda nhắn rằng: "Ānanda hãy đi đến và đọc tuyên ngôn cho người này." Đại đức Ānanda đã nói như vầy:

– Tôi không thể nêu lên tên của ngài Trưởng lão, ngài Trưởng lão là bậc Trưởng thượng của tôi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tuyên ngôn với tên của dòng họ.

8. Vào lúc bấy giờ, có hai người có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Mahākassapa. Họ tranh cãi rằng: "Tôi sẽ tu lên bậc trên trước, tôi sẽ tu lên bậc trên trước." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hai [người] trong một lần tuyên ngôn.

9. Vào lúc bấy giờ, có những người có ý muốn tu lên bậc trên với nhiều vị Trưởng lão. Họ tranh cãi rằng: "Tôi sẽ tu lên bậc trên trước tiên, tôi sẽ tu lên bậc trên trước tiên." Các vị Trưởng lão đã nói như vầy: "Này các Đại đức, chúng ta hãy thực hiện hết thảy tất cả trong một lần tuyên ngôn đi." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hai hoặc ba [người] trong một lần tuyên ngôn. Và điều ấy là với cùng một thầy tế độ chứ không phải với thầy tế độ khác nhau.

10. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Kumārakassapa là hai mươi [tuổi] tính theo thai bào đã được tu lên bậc trên. Sau đó, Đại đức Kumārakassapa đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi', và ta là hai mươi [tuổi] tính theo thai bào đã được tu lên bậc trên, vậy thì ta đã được tu lên bậc trên hay là chưa được tu lên bậc trên?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi tâm đầu tiên sanh khởi trong bụng của người mẹ thì thức đầu tiên đã xuất hiện; do điều ấy nên chính thời điểm đó là sự sanh ra

của người ấy. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho tu lên bậc trên người hai mươi [tuổi] tính theo thai bào.

11. Vào lúc bấy giờ, các vị đã tu lên bậc trên được phát hiện là có [liên quan đến] bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đang ban phép tu lên bậc trên được hỏi về mười ba pháp chướng ngại. Và này các Tỳ-khưu, nên hỏi như vầy: "Ngươi có các bệnh như vầy không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Ngươi là loài người? Ngươi là người nam? Ngươi là người được tự do [không phải nô lệ]? Ngươi không bị thiếu nợ? Ngươi không phải là lính của đức vua? Ngươi đã được cha mẹ cho phép? Ngươi đã tròn hai mươi tuổi? Ngươi có đầy đủ y bát không? Ngươi tên gì? Vị thầy tế độ của ngươi tên gì?"

12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu hỏi các pháp chướng ngại đến các người có ý muốn tu lên bậc trên chưa được giảng dạy trước. Các người có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy trước rồi hỏi các pháp chướng ngại sau.

Các vị giảng dạy ngay tại chỗ ấy, ở giữa hội chúng. Như thế ấy, các người có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy ở một góc rồi hỏi các pháp chướng ngại ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên giảng dạy như vầy: Trước tiên, nên bảo chọn vị thầy tế độ. Sau khi đã bảo chọn vị thầy tế độ rồi, nên chỉ dẫn về y và bình bát: "Đây là bình bát của ngươi, đây là y hai lớp, đây là thượng y, đây là y nội. Hãy đi đến đứng ở chỗ trống đàng kia."

13. Các vị [Tỳ-khưu] ngu dốt, thiếu kinh nghiệm giảng dạy. Những người có ý muốn tu lên bậc trên do được giảng dạy tồi nên đã bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị [Tỳ-khưu] ngu dốt, thiếu kinh nghiệm không nên giảng dạy; vị nào giảng dạy thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực được giảng dạy.

14. Những vị [Tỳ-khưu] chưa được chỉ định vẫn giảng dạy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không được chỉ định không nên giảng dạy; vị nào giảng dạy thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy đối với vị đã được chỉ định. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

15. Và thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ giảng dạy cho người tên [như vầy]." Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

16. Và thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị tên [như vầy] sẽ giảng dạy cho người tên [như vầy]." Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

17. Vị Tỳ-khưu đã được chỉ định ấy nên đi đến gần người có ý muốn tu lên bậc trên và nên nói như vầy: "Này người tên [như vầy], hãy lắng nghe. Đối với ngươi, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: 'Đúng'; nếu không đúng, nên nói: 'Không đúng'. Chớ nên bối rối, chớ nên mắc cỡ. Các vị sẽ hỏi ngươi như vầy: 'Ngươi có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Ngươi là loài người? Ngươi là người nam? Ngươi là người được tự do [không phải nô lệ]? Ngươi không thiếu nợ? Ngươi không phải là lính của đức vua? Ngươi đã được cha mẹ cho phép? Ngươi đã tròn hai mươi tuổi? Ngươi có đầy đủ y bát không? Ngươi tên gì? Vị thầy tế độ của ngươi tên gì?'"

18. Họ đi đến chung [cùng một lúc].

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi đến chung [cùng một lúc]. Vị giảng dạy nên đi đến trước và thông báo cho hội chúng:

19. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Tôi đã giảng dạy cho người ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng thì người tên [như vầy] có thể đi đến." Và nên nói rằng: "Ngươi hãy đi đến."

20. Nên bảo [người ấy] đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên:

21. "Bạch các ngài, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch các ngài, lần thứ ba tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót."

22. Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp

cho hội chúng, tôi sẽ hỏi người tên [như vầy] về các pháp chướng ngại.” “Này người tên [như vầy], hãy lắng nghe. Đối với ngươi, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: ‘Đúng’; nếu không đúng, nên nói: ‘Không đúng’. Ngươi có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Ngươi là loài người? Ngươi là người nam? Ngươi là người được tự do [không phải nô lệ]? Ngươi không thiếu nợ? Ngươi không phải là lính của đức vua? Ngươi đã được cha mẹ cho phép? Ngươi đã tròn hai mươi tuổi? Ngươi có đầy đủ y bát không? Ngươi tên gì? Vị thầy tế độ của ngươi tên gì?”

23. Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy], là người trong sạch về các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

24. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy], là người trong sạch về các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

25. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy], là người trong sạch về các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

26. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy], là người trong sạch về các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

27. Người tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự tu lên bậc trên.

*****

1. Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày [giờ] nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, bốn pháp nương nhờ nên được chỉ dạy:

2. "Việc xuất gia nương vào thức ăn do khất thực; trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là bữa ăn dâng hội chúng, bữa ăn được chỉ định, sự mời thỉnh, bữa ăn theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng. (1)

3. Việc xuất gia nương vào y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ; trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là [y làm bằng] sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố. (2)

4. Việc xuất gia nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây; trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động. (3)

5. Việc xuất gia nương vào dược phẩm là nước tiểu gia súc; trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật, đường mía." (4)

Dứt bốn pháp nương nhờ.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu sau khi cho tu lên bậc trên, vị Tỳ-khưu nọ đã bỏ lại [vị ấy] mỗi một mình rồi ra đi. Sau đó, trong khi đang đi chỉ mỗi một mình, giữa đường vị ấy đã gặp lại người vợ cũ. Cô ta đã nói như vầy:

– Nay chàng đã xuất gia rồi sao?

– Đúng vậy, tôi đã xuất gia.

– Đối với các vị xuất gia, việc đôi lứa là khó đạt được. Hãy đến và thực hiện việc đôi lứa đi.

Vị ấy sau khi thực hiện việc đôi lứa với nàng ta đã đi về trễ. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này Sư đệ, vì sao Sư đệ đã đi về trễ như vậy?" Khi ấy, vị ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho người cộng sự và chỉ dạy bốn điều không nên làm ngay sau khi cho tu lên bậc trên:

2. "Vị đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên thực hành việc đôi lứa, thậm chí với loài thú cái. Vị Tỳ-khưu nào thực hiện việc đôi lứa thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như người đàn ông đã bị chặt đầu không thể sống với việc gắn lại cái đầu ấy vào thân; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu sau khi thực hiện việc đôi lứa thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (1)

3. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên lấy vật không được cho được xem là sự trộm cắp, thậm chí có liên quan đến cọng cỏ. Vị Tỳ-khưu nào lấy vật không được cho là một *pāda* hoặc tương đương một *pāda* hoặc hơn một *pāda* được xem là sự trộm cắp thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như chiếc lá vàng đã lìa khỏi cành không thể trở lại màu xanh; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu sau khi lấy vật không được cho là một *pāda* hoặc tương đương một *pāda* hoặc hơn một *pāda* được xem là sự trộm cắp thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (2)

4. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên tước đoạt lấy mạng sống của chúng sanh một cách cố tình, thậm chí có liên quan đến loài kiến, mối. Vị Tỳ-khưu nào tước đoạt lấy mạng sống khỏi cơ thể con người một cách cố tình, thậm chí có liên quan đến việc phá thai thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như tảng đá lớn đã bị vỡ làm hai mảnh không gắn liền lại được; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu sau khi tước đoạt lấy mạng sống khỏi cơ thể con người một cách cố tình thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (3)

5. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên khoe khoang về pháp của bậc thượng nhân, thậm chí [nói rằng]: 'Tôi thỏa thích trong ngôi nhà trống vắng.' Vị Tỳ-khưu nào có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, rồi khoe khoang về pháp của bậc thượng nhân [mà bản thân] không có, không thực chứng, là pháp thiền, hoặc là pháp giải thoát, hoặc là sự nhập định, hoặc là sự chứng đắc, hoặc là đạo, hoặc là quả thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ngọn không thể đâm chồi lại được nữa; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, sau khi khoe khoang về pháp của bậc thượng nhân [mà bản thân] không có, không thực chứng thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết đời." (4)

Dứt bốn điều không nên làm.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là người bị án treo về việc không nhìn nhận tội đã hoàn tục. Vị ấy đã quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là người bị án treo về việc không nhìn nhận tội lại hoàn tục. Vị ấy quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vầy: "Ngươi sẽ nhìn nhận tội ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ nhìn nhận" thì nên cho xuất gia. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không nhìn nhận" thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: "Ngươi sẽ nhìn nhận tội ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ nhìn nhận" thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không nhìn nhận" thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: "Ngươi sẽ nhìn nhận tội ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ nhìn nhận" thì nên phục hồi. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không nhìn nhận" thì không nên phục hồi. Sau khi đã phục hồi, nên nói rằng: "Ngươi nhìn nhận tội ấy?" Nếu vị ấy nhìn nhận thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không nhìn nhận thì trong khi đạt được sự hợp nhất [của hội chúng] nên phạt án treo lại. Nếu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung [với vị ấy].

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là người bị án treo về việc không sửa chữa lỗi lại hoàn tục. Vị ấy quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vầy: "Ngươi sẽ sửa chữa lỗi ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ sửa chữa" thì nên cho xuất gia. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không sửa chữa" thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: "Ngươi sẽ sửa chữa lỗi ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ sửa chữa" thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không sửa chữa" thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: "Ngươi sẽ sửa chữa lỗi ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ sửa chữa" thì nên phục hồi. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không sửa chữa" thì không nên phục hồi. Sau khi đã phục hồi, nên nói rằng: "Ngươi sửa chữa lỗi ấy?" Nếu vị ấy sửa chữa thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không sửa chữa thì trong khi đạt được sự hợp nhất [của hội chúng] nên phạt án treo lại. Nếu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung [với vị ấy].

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là người bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục. Vị ấy quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vầy: "Ngươi sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ từ bỏ" thì nên cho xuất gia. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không từ bỏ" thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: "Ngươi sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ từ bỏ" thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không từ bỏ" thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: "Ngươi sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ từ bỏ" thì nên phục hồi. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không từ bỏ" thì không nên

phục hồi. Sau khi đã phục hồi, nên nói rằng: "Ngươi từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu vị ấy từ bỏ thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không từ bỏ thì trong khi đạt được sự hợp nhất [của hội chúng] nên phạt án treo lại. Nếu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung [với vị ấy].

Chương "Trọng yếu" là thứ nhất.

*****

Trong chương này có một trăm bảy mươi hai sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Luật, về các ý nghĩa quan trọng, là nguồn đem đến sự an lạc cho các Tỳ-khưu hiền thiện, có sự ngăn chặn các ước muốn về việc ác và có sự khiêm nhường trong những việc ra sức.

Và còn là sự nâng đỡ của giáo pháp, là hành xứ của các đấng Toàn Tri và các bậc Chiến Thắng, là lãnh vực không xa lạ, được an toàn, đã khéo được quy định, không có điều nghi hoặc.

Tương tợ như người làm điều lợi ích, [vị Tỳ-khưu] tốt thực hành một cách đúng đắn về Luật ở bộ *Hợp phần* [*Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*], luôn cả bộ *Tập yếu* và các tiêu đề [bộ *Đại phân tích*].

2. Người không hiểu biết về loài bò không chăn giữ đàn bò được. Như vậy, trong khi không biết giới, làm sao vị ấy có thể gìn giữ sự thu thúc?

3. Cho đến khi Kinh và Vi diệu pháp bị quên lãng mà Luật chưa bị tiêu hoại thì giáo pháp vẫn còn tồn tại.

4. Vì điều đó, với việc kết tập là nguyên nhân, tôi sẽ tuần tự nói về phần tóm lược theo như sự hiểu biết, xin các vị hãy lắng nghe tôi nói.

5. Câu chuyện, phần duyên khởi, tội vi phạm, phương thức và luôn cả phần trùng lặp, không giản lược phần ấy là việc làm vụng về, các vị hãy hiểu rõ điều ấy đúng theo phương pháp.

6. Sự giác ngộ và cội cây Rājayatana, cội cây người chăn dê, vị Sahampati, đấng Phạm thiên, vị Aḷāra và vị Uddaka, [năm] Tỳ-khưu và ẩn sĩ Upaka.

7. Koṇḍañña, Bhaddiya, Vappa, Mahānāma và Assaji, Yasa, bốn [người bạn], năm mươi [người bạn], Ngài đã phái đi tất cả, [việc xuất gia ở] các phương.

8. Câu chuyện với các Ma vương và ba mươi [vị vương tử], ba đạo sĩ bện tóc ở Uruvelā, nhà thờ lửa, vị Đại vương Sakka, Phạm thiên và toàn thể [dân chúng].

9. Y *paṃsukūla*, hồ nước, tảng đá và [cành cây] Kakudha, khối đá [phơi y], trái Jambu, trái xoài, trái Āmalakī và Ngài đã mang lại bông hoa san hô.

10. Này Kassapa, hãy chẻ ra, hãy đốt lên và hãy dập tắt đi. Các vị hụp [xuống nước], chảo lửa, đám mây đen, [đỉnh] Gayā, [khu rừng] Laṭṭhi và vua xứ Magadha.

11. Rồi Upatissa và Kolita danh tiếng đã xuất gia. Các vị mặc y luộm thuộm, [cho phép] việc đuổi đi và vị Bà-la-môn bị ốm o cằn cỗi.

12. Vị làm hành động sai trái, [vì] bao tử, chàng trai trẻ, hội chúng [là mười vị]. [Bao nhiêu] năm, với các vị ngu dốt, trong khi [thầy] ra đi, mười năm, việc nương nhờ.

13. Các vị không thực hành, để đuổi đi, các vị ngu dốt, sự đình chỉ, năm, sáu [yếu tố], vị nào là ngoại đạo, lõa thể, tóc chưa cắt, đạo sĩ bện tóc và dòng Sakya.

14. Ở xứ Magadha, năm thứ bệnh, một [trường hợp], [lính của] đức vua, và [kẻ cướp đeo] ngón tay và vua xứ Magadha đã cho phép, kẻ [phá] ngục, án ghi, bị phạt roi.

15. Các dấu hiệu, kẻ nợ và nô tỳ, kẻ sói đầu, [thiếu niên] Upāli, bệnh dịch, gia đình có đức tin, Sa-di Kaṇṭaka và luôn cả chuyện bị tắt nghẽn [hướng đi].

16. Về việc nương nhờ, đứa trẻ trai, các điều học, chúng sống và điều gì nữa? [Việc ngăn cấm] toàn bộ, [thức ăn theo đường] miệng, các thầy tế độ, việc dụ dỗ, chuyện Kaṇṭaka.

17. Kẻ vô căn, trộm [tướng mạo], chuyển sang [ngoại đạo], con rồng và [kẻ giết] mẹ, cha, A-la-hán, [làm nhơ] Tỳ-khưu-ni, chia rẽ, [làm chảy] máu và kẻ lưỡng căn.

18. Thầy tế độ không có, với hội chúng, hoặc nhóm, kẻ vô căn, không bình bát, không y, hoặc cả hai, với đồ mượn là ba.

19. Các người [bị đứt] bàn tay, bàn chân, bàn tay và bàn chân, lỗ tai và lỗ mũi, hoặc cả hai điều ấy, các ngón, móng tay và gân chân, tay có màng, gù lưng và người lùn.

20. Người bị bướu cổ và luôn cả người bị đóng dấu, bị phạt roi, bị tầm nã, phù chân voi, bệnh nặng, kẻ bôi nhọ hội chúng, người chột mắt và bị bệnh co rút, là tương tợ như thế.

21. Người què và luôn cả người bị liệt nửa thân, người có tướng đi khập khiễng, người già yếu, người mù, người câm, người điếc, người mù và câm là ở nơi ấy.

22. Người mù và điếc đã được nói đến, luôn cả người bị câm và điếc, người bị mù câm điếc và việc nương nhờ của những kẻ không liêm sỉ.

23. Có thể sống và đi đường xa là tương tợ, với vị yêu cầu, những người mong muốn, hãy đi đến, chúng tranh cãi, với cùng thầy tế độ, vị Kumārakassapa.

24. Và được thấy những vị đã tu lên bậc trên bị khổ sở vì các thứ bệnh, chưa được giảng dạy, các vị bị bối rối, việc giảng dạy ở ngay chính nơi ấy.

25. Rồi ở nơi hội chúng, kẻ ngu, chưa được chỉ định, cùng một lúc, xin hãy tế độ, sự tu lên bậc trên, pháp nương nhờ, mỗi một mình, ba [trường hợp].

Dứt phần tóm lược của chương "Trọng yếu."

--ooOoo--

II. CHƯƠNG UPOSATHA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở núi Gijjhakūṭa. Vào lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần các vị ấy để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng.

2. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hiện nay, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần các vị ấy để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng. Hay là các ngài Đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng?"

3. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

4. – Bạch Ngài, trường hợp trẫm trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hiện nay, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần các vị ấy để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng. Hay là các ngài Đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng?" Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

6. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy và nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng."

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng", nên sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng, các vị ấy ngồi im lặng. Dân chúng đi đến gần các vị ấy để nghe pháp. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng, lại ngồi im lặng giống như là các con heo đần độn vậy? Sao các vị đã tụ hội lại mà không chịu giảng pháp?"

8. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

9. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng pháp sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng.

10. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hay là Ta nên cho phép các vị ấy việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) gồm các điều học đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu, việc ấy sẽ là hành sự *Uposatha* cho các vị ấy?"

11. Sau đó vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh, rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp Ta trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hay là Ta nên cho phép các vị ấy việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) gồm các điều học đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu, việc ấy sẽ là hành sự *Uposatha* cho các vị ấy?" Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Và này các Tỳ-khưu, nên đọc tụng như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

12. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Phận sự trước tiên của hội chúng là gì? Các Đại đức hãy tuyên bố sự trong sạch rồi tôi sẽ đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Hết thảy tất cả các vị hiện diện [chúng ta] hãy nghiêm chỉnh lắng nghe và hãy chú tâm đến điều ấy. Nếu vị nào có phạm tội, vị ấy nên bày tỏ; vị không có phạm tội thì nên im lặng. Do thái độ im lặng, tôi sẽ nhận biết về các Đại đức rằng: '[Các vị] được trong sạch.' Giống như đối với mỗi lần được hỏi đến thì có câu trả lời; tương tợ như thế, trong hội chúng như thế này [câu hỏi] được thông báo đến lần thứ ba. Trong khi đang được thông báo đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu nào nhớ ra mà không bày tỏ tội đang có thì vị ấy cố tình nói dối. Bạch chư Đại đức, việc cố tình nói dối là pháp chướng ngại đã được đức Thế Tôn đề cập đến; do đó, vị Tỳ-khưu bị phạm tội mà nhớ ra và có ý muốn được trong sạch thì nên bày tỏ ra tội đang có. Bởi vì khi [tội] đã được bày tỏ thì vị ấy sẽ được thoải mái."

13. *Pātimokkha*: Điều này là đầu tiên, điều này là lối đưa vào, điều này là đứng đầu của các thiện pháp, do đó được gọi là "*Pātimokkha*."

14. Các Đại đức: Điều này là lời nói quý mến, điều này là lời nói kính trọng, điều này là lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng, tức là "các Đại đức."

15. Tôi sẽ đọc tụng: Tôi sẽ chỉ ra, tôi sẽ giảng, tôi sẽ cho biết, tôi sẽ bày ra, tôi sẽ khai triển, tôi sẽ phân tích, tôi sẽ làm rõ ràng, tôi sẽ cho thấy rõ.

16. Điều ấy nghĩa là Giới bổn (*Pātimokkha*) được nói đến.

17. Hết thảy tất cả các vị hiện diện: Trong hội chúng ấy cho đến các vị Trưởng lão, các vị mới tu, hoặc các vị trung niên, các vị này được gọi là "hết thảy tất cả các vị hiện diện."

18. [Chúng ta] hãy nghiêm chỉnh lắng nghe: Sau khi định thần, sau khi chú tâm, sau khi tập trung tất cả tâm ý.

19. [Chúng ta] hãy chú tâm: [Chúng ta] hãy chăm chú với tâm trú vào một điểm, với tâm không bị xao lãng, với tâm không bị rối loạn.

20. Nếu vị nào có phạm tội: Bất cứ tội nào thuộc nhóm năm tội hoặc bất cứ tội nào thuộc nhóm bảy tội của vị Trưởng lão, của vị mới tu, hoặc của vị trung niên.

21. Vị ấy nên bày tỏ: Vị ấy nên trình báo, vị ấy nên khai ra, vị ấy nên làm rõ ràng, vị ấy nên cho thấy rõ ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân.

22. Không có phạm tội nghĩa là vị ấy không phạm tội, hoặc là sau khi phạm tội đã được thoát khỏi tội.

23. Nên im lặng: Nên ưng thuận, không nên phát biểu.

24. Tôi sẽ nhận biết rằng: "[Các vị] được trong sạch": Tôi sẽ biết được, tôi sẽ ghi nhận.

25. Giống như đối với mỗi lần được hỏi đến thì có câu trả lời: Giống như việc một người được một người khác hỏi thì nên trả lời, tương tợ như thế đối với hội chúng ấy, điều cần được biết là "vị ấy hỏi tôi." **Hội chúng như thế này** nghĩa là hội chúng các Tỳ-khưu được nói đến.

26. Được thông báo đến lần thứ ba: Được thông báo một lần, được thông báo đến lần thứ nhì, được thông báo đến lần thứ ba.

27. [Vị ấy] nhớ ra: [Vị ấy] đang biết được, đang nhận ra được.

28. Tội đang có nghĩa là tội đã vi phạm, hoặc là tội sau khi đã vi phạm còn chưa được thoát ra.

29. Không bày tỏ: [Vị ấy] không trình báo, không khai ra, không làm rõ ràng, không cho thấy rõ ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân.

30. Vị ấy cố tình nói dối: Là điều gì trong việc cố tình nói dối? Là đã làm điều sai trái.

31. Pháp chướng ngại đã được đức Thế Tôn đề cập đến: Chướng ngại của điều gì? Là chướng ngại cho việc chứng đắc sơ thiền; chướng ngại cho việc chứng đắc nhị thiền; chướng ngại cho việc chứng đắc tam thiền; chướng ngại cho việc chứng đắc tứ thiền; chướng ngại cho việc chứng đắc của các thiền, của các sự giải thoát, của các sự thể nhập định, của các sự xuất ly, của các sự ra khỏi [luân hồi], của các sự tịch tịnh, của các thiện pháp.

32. Do đó: Vì nguyên nhân ấy.

33. [Với] vị nhớ ra được: [Với] vị đang biết được, [với] vị đang nhận ra được.

34. Có ý muốn được trong sạch: Có sự mong muốn được thoát ra, có sự mong muốn được làm cho trong sạch.

35. Tội đang có nghĩa là tội đã vi phạm, hoặc là tội sau khi đã vi phạm còn chưa được thoát ra.

36. Nên bày tỏ ra: Nên được bày tỏ ra ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân.

37. Bởi vì khi [tội] đã được bày tỏ thì vị ấy sẽ được thoải mái: Thoải mái của điều gì? Là sự thoải mái trong việc chứng đắc sơ thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đắc nhị thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đắc tam thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đắc tứ thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đắc của các thiền, của các sự giải thoát, của các sự thể nhập vào các tầng định, của các sự xuất ly, của các sự ra khỏi [luân hồi], của các sự tịch tịnh, của các thiện pháp.

38. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) hàng ngày. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) hàng ngày; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) vào ngày *Uposatha*.

39. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đã được đức Thế Tôn cho phép vào ngày *Uposatha*" nên đã đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ba lần trong nửa tháng vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của nửa tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ba lần trong nửa tháng; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một lần vào ngày mười bốn hoặc ngày mười lăm của nửa tháng.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) theo tập thể, nghĩa là theo từng tập thể riêng của mình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) theo tập thể, nghĩa là theo từng tập thể riêng của mình; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hành sự *Uposatha* hợp nhất.

41. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định 'hành sự *Uposatha* hợp nhất', vậy sự hợp nhất có phạm vi đến tận đâu, cho đến phạm vi một trú xứ hay toàn bộ trái đất?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sự hợp nhất cho đến phạm vi một trú xứ.

42. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Mahākappina ngụ tại Rājagaha ở Maddakucchi, nơi vườn Nai. Khi ấy, Đại đức Mahākappina trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta nên đi [tham dự] lễ *Uposatha* hay là không nên đi, ta nên đi [tham dự] hành sự của hội chúng hay là không nên đi, trong khi ta đã được thanh tịnh với sự thanh tịnh tối thượng?"

43. Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Đại đức Mahākappina, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, [đức Thế Tôn] đã biến mất tại núi Gijjhakūṭa rồi hiện ra trước mặt Đại đức Mahākappina ở Maddakucchi, nơi vườn Nai. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Đại đức Mahākappina đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Mahākappina đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Mahākappina điều này:

44. – Này Kappina, có phải ngươi trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta nên đi [tham dự] lễ *Uposatha* hay là không nên đi, ta nên đi [tham dự] hành sự của hội chúng hay là không nên đi, trong khi ta đã được thanh tịnh với sự thanh tịnh tối thượng?"

– Bạch Ngài, đúng vậy.

– Nếu các ngươi là những người có Phạm hạnh không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường lễ *Uposatha* thì còn ai sẽ trọng vọng, sẽ cung kính, sẽ sùng bái, sẽ cúng dường lễ *Uposatha* nữa? Này người có Phạm hạnh, ngươi hãy đi [tham dự] lễ *Uposatha*, chớ có không đi. Ngươi hãy đi [tham dự] hành sự của hội chúng, chớ có không đi.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Mahākappina đã đáp lời đức Thế Tôn.

45. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Đại đức Mahākappina bằng bài pháp thoại, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại

cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, [đức Thế Tôn] đã biến mất trước mặt Đại đức Mahākappina ở Maddakucchi nơi vườn Nai rồi hiện ra tại núi Gijjhakūṭa.

46. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép 'sự hợp nhất cho đến phạm vi một trú xứ', vậy [phạm vi của] một trú xứ là đến tận đâu?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ấn định ranh giới. Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Trước tiên, các điểm mốc cần được định danh: Điểm mốc là ngọn núi, điểm mốc là tảng đá, điểm mốc là khu rừng, điểm mốc là cội cây, điểm mốc là đường đi, điểm mốc là gò mối, điểm mốc là con sông, điểm mốc là vũng nước. Sau khi định danh các điểm mốc, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

47. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là [khu vực] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Hội chúng ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là [khu vực] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*. Đại đức nào đồng ý việc ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là [khu vực] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Ranh giới với các điểm mốc ấy đã được hội chúng ấn định là [khu vực] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

48. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép việc ấn định ranh giới" rồi ấn định các ranh giới quá rộng lớn bốn do-tuần,[1] năm do-tuần, sáu do-tuần. Các vị Tỳ-khưu đi [tham dự] lễ *Uposatha* đi đến trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, đi đến khi vừa mới được đọc tụng xong, [hoặc] đã trú ngụ ở khoảng giữa [đường đi]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên ấn định ranh giới quá rộng lớn bốn do-tuần, năm do-tuần, hoặc sáu do-tuần; vị nào ấn định thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ấn định ranh giới tối đa ba do-tuần.

49. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ấn định ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông. Trong khi đi đến lễ *Uposatha*, các vị Tỳ-khưu đã bị cuốn trôi đi, các bình bát cũng đã bị cuốn trôi đi, các y cũng đã bị cuốn trôi đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[1] Theo từ điển *Pali-English Dictionary* của Hội Pali Text Society thì 1 *yojana* có chiều dài khoảng 7 *miles*, từ điển của Childers thì 12 *miles*. Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* cho biết là 10 *miles* tức vào khoảng 16km (ND).

– Này các Tỳ-khưu, không nên ấn định ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông; vị nào ấn định thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, ở nơi nào có thuyền bè thường trực hoặc có cầu cố định, Ta cho phép ấn định ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông theo hình thức như thế.

50. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở dãy phòng. Do chưa được quy định trước nên các vị Tỳ-khưu vãng lai không biết được: "Hôm nay, lễ *Uposatha* sẽ được thực hiện ở đâu?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở dãy phòng chưa được quy định trước; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện lễ *Uposatha* sau khi chỉ định nhà hành lễ *Uposatha* tùy theo hội chúng mong muốn là trú xá, hoặc nhà một mái, hoặc tòa nhà dài, hoặc khu nhà lớn, hoặc hang động. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

51. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên [như vầy] làm nhà hành lễ *Uposatha*. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên [như vầy] làm nhà hành lễ *Uposatha*. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định trú xá tên [như vầy] làm nhà hành lễ *Uposatha* xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Trú xá tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định làm nhà hành lễ *Uposatha*. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

52. Vào lúc bấy giờ, trong trú xứ nọ có hai nhà hành lễ *Uposatha* được chỉ định. Các Tỳ-khưu tụ hội ở cả hai nơi [nghĩ rằng]: "Lễ *Uposatha* sẽ được thực hiện ở đây. Lễ *Uposatha* sẽ được thực hiện ở đây." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên chỉ định hai nhà hành lễ *Uposatha* ở trong một trú xứ; vị nào chỉ định thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sau khi hủy bỏ một rồi thực hiện lễ *Uposatha* ở một nơi [còn lại]. Và này các Tỳ-khưu, nên hủy bỏ như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

53. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ nhà hành lễ *Uposatha* tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng hủy bỏ nhà hành lễ *Uposatha* tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc hủy bỏ nhà hành lễ *Uposatha* tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Nhà hành lễ *Uposatha* tên [như vầy] đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

54. Vào lúc bấy giờ, ở tại trú xứ nọ, nhà hành lễ *Uposatha* được ấn định quá nhỏ. Vào ngày *Uposatha*, có đại chúng Tỳ-khưu đã tụ hội lại. Các vị Tỳ-khưu đã ngồi xuống ở khu vực không được ấn định và nghe Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Lễ *Uposatha* nên được thực hiện sau khi chỉ định nhà hành lễ *Uposatha*’, còn chúng ta đây đã ngồi ở khu vực không được ấn định và nghe Giới bổn (*Pātimokkha*), như thế thì lễ *Uposatha* của chúng ta đã được thực hiện hay đã không được thực hiện?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị ngồi ở khu vực đã được ấn định hay không được ấn định và lắng nghe Giới bổn (*Pātimokkha*) thì từ chỗ đó lễ *Uposatha* của vị ấy đã được thực hiện. Này các Tỳ-khưu, như thế thì hội chúng mong muốn mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* rộng tới mức nào thì hội chúng hãy ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* rộng tới mức ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Trước tiên, các điểm mốc cần được định danh. Sau khi định danh các điểm mốc, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

55. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* với các điểm mốc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Hội chúng ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* với các điểm mốc ấy. Đại đức nào đồng ý việc ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* với các điểm mốc ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* với các điểm mốc ấy đã được hội chúng ấn định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

56. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* các vị Tỳ-khưu mới tu đã tụ hội trước tiên [nghĩ rằng]: “Các vị Trưởng lão vẫn chưa có đến” nên đã bỏ đi. Lễ *Uposatha* đã bị thiếu sót. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu trưởng lão tụ hội trước nhất vào ngày lễ *Uposatha*.

57. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có nhiều trú xứ là cùng chung ranh giới. Các vị Tỳ-khưu ở đó tranh cãi rằng: “Lễ *Uposatha* hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi. Lễ *Uposatha* hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp có nhiều trú xứ là cùng chung ranh giới và các vị Tỳ-khưu ở đó tranh cãi rằng: "Lễ *Uposatha* hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi. Lễ *Uposatha* hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi."

Này các Tỳ-khưu, toàn bộ tất cả các Tỳ-khưu ấy nên tụ hội lại một chỗ rồi thực hiện lễ *Uposatha*, nơi nào có vị Tỳ-khưu trưởng lão cư ngụ thì nên tụ hội ở nơi ấy rồi thực hiện lễ *Uposatha*. Và lễ *Uposatha* không được thực hiện bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

58. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Mahākassapa từ Andhakavinda đang đi đến lễ *Uposatha* ở thành Rājagaha, trên đường đi, trong khi vượt qua con sông đã suýt bị nước cuốn trôi.[2] Các y của vị ấy bị ướt. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Mahākassapa điều này:

– Thưa ngài, vì sao các y của ngài bị ướt?

– Này các Đại đức, trường hợp tôi từ Andhakavinda đang đi đến lễ *Uposatha* ở thành Rājagaha, trên đường đi, trong khi vượt qua con sông, tôi đã suýt bị nước cuốn trôi; vì thế các y của tôi bị ướt.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* thì hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y.[3] Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

59. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, hội chúng ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Đại đức nào đồng ý việc ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

---

[2] Theo ngài Buddhaghosa, từ chỗ ngài Mahākassapa trú ngụ đến thành Rājagaha là 3 *gāvuta* (1 *gāvuta* = 1/4 *yojana*), như vậy vào khoảng 12km. Trong thành Rājagaha có 18 trú xá lớn nhưng có cùng chung một ranh giới do ngài Sāriputta thực hiện. Và Veḷuvana là chỗ các vị Tỳ-khưu ở trong ranh giới ấy tụ hội để thực hiện lễ *Uposatha*. Con sông được đề cập tên là Sippinī, phát xuất từ núi Gijjhakūṭa và có dòng chảy rất mạnh (*VinA*. V. 1049).

[3] Ranh giới không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y (*ticīvarena avippavāsā sīmā*): *Avippavāso* (sự không xa lìa) = (từ phủ định) *a* + *vippavāso* (sự xa cách, sự vắng mặt). Nếu dịch sát từ sẽ là "ranh giới không xa lìa ba y" như bản dịch tiếng Anh của học giả I. B. Horner sẽ khiến cho ý nghĩa bị lầm lẫn. Mặt khác, nếu nói theo thói quen là "*sīmā* xa lìa tam y, *sīmā* được phép xa lìa tam y" cũng không chính xác vì đã bỏ rơi tiếp đầu ngữ phủ định "*a*". Muốn giải thích trường hợp này, phải trở lại điều học *Nissaggiya Pācittiya* thứ 2: "*... ce bhikkhu ticīvarena vippavaseyya...*" và xem "*vippavāsa*" có ý nghĩa một cách tổng quát là "sự phạm tội vì xa lìa ba y." Và "*a+vippavāsa*" sẽ trở thành "không có sự phạm tội vì xa lìa ba y" ở trong ranh giới ấy. Cũng cần nói thêm là việc "không bị phạm tội vì xa lìa ba y" và việc "được phép xa lìa ba y" có sự khác biệt rõ rệt về ý nghĩa (ND).

Ranh giới ấy đã được hội chúng ấn định là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

60. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Sự ấn định về việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y đã được đức Thế Tôn cho phép" nên để các y trong xóm nhà. Các y ấy bị mất, bị cháy, bị chuột gặm nhấm. Các vị Tỳ-khưu trở nên ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, vì sao các vị ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm?

– Này các Đại đức, trường hợp chúng tôi [nghĩ rằng]: "Sự ấn định về việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã để các y trong xóm nhà. Các y ấy đã bị mất, đã bị cháy, đã bị chuột gặm nhấm; do đó, chúng tôi trở nên ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* thì hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

61. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, hội chúng ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Đại đức nào đồng ý việc ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Ranh giới ấy đã được hội chúng ấn định là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

62. Này các Tỳ-khưu, trong khi ấn định ranh giới, trước tiên nên ấn định ranh giới đồng cộng trú, sau đó nên ấn định việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Này các Tỳ-khưu, trong khi hủy bỏ ranh giới, trước tiên nên hủy bỏ việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, sau đó nên hủy bỏ ranh giới đồng cộng trú. Và này các Tỳ-khưu, việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y nên được hủy bỏ như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

63. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y nào đã được hội chúng ấn định, nếu là thời điểm thích hợp

cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y nào đã được hội chúng ấn định, hội chúng hủy bỏ việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y ấy. Đại đức nào đồng ý sự hủy bỏ việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y ấy đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

64. Và này các Tỳ-khưu, ranh giới đồng cộng trú nên được hủy bỏ như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ ranh giới ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, hội chúng hủy bỏ ranh giới đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* ấy. Đại đức nào đồng ý việc hủy bỏ của ranh giới đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Ranh giới đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* ấy đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

65. Này các Tỳ-khưu, khi ranh giới chưa được ấn định, chưa được thiết lập, vị [Tỳ-khưu] sống nương tựa vào ngôi làng hoặc thị trấn nào, trong trường hợp ấy, ranh giới làng của ngôi làng ấy, hoặc ranh giới thị trấn của thị trấn ấy là [ranh giới] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*.

66. Này các Tỳ-khưu, nếu ở nơi không phải là làng, ở trong rừng, trong trường hợp ấy, [khu vực] bảy *abbhantara*[4] ở xung quanh là [ranh giới] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*.

67. Này các Tỳ-khưu, toàn bộ dòng sông không phải là ranh giới, toàn bộ biển cả không phải là ranh giới, toàn bộ hồ thiên nhiên không phải là ranh giới. Này các Tỳ-khưu, trong dòng sông, trong biển cả, trong hồ thiên nhiên, [khu vực] do việc ném nước ra xung quanh của người đàn ông [có sức mạnh] trung bình là [ranh giới] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* trong trường hợp ấy.

---

[4] *Abbhantara*: Ngài Buddhaghosa giải thích 1 *abbhantara* là 28 *hattha* (*VinA*. V. 1052). Từ điển của Childers giải thích *hattha* là chiều dài tính từ cùi chỏ của cánh tay đến đầu ngón tay út. Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* của Thanissaro Bhikkhu cho biết khoảng cách của 7 *abbhantara* = 98m. Như vậy, có thể kết luận là 1 *abbhantara* = 14m, 1 *hattha* = 0,5m. Chừa ra khoảng cách giữa các ranh giới: Theo ngài Buddhaghosa, khoảng cách xung quanh được chừa ra giữa các ranh giới là khoảng cách của một cánh tay (*VinA*. V. 1056).

68. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư làm ranh giới [mới] gối lên ranh giới [đã có]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào đã được ấn định trước, ranh giới ấy của các vị ấy là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào được ấn định sau, ranh giới ấy của các vị ấy là sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Này các Tỳ-khưu, không nên làm ranh giới [mới] gối lên ranh giới [đã có]; vị nào làm gối lên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

69. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư làm ranh giới [mới] trùm lên ranh giới [đã có]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào đã được ấn định trước, ranh giới ấy của các vị ấy là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào được ấn định sau, ranh giới ấy của các vị ấy là sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Này các Tỳ-khưu, không nên làm ranh giới [mới] trùm lên ranh giới [đã có]; vị nào làm trùm lên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị ấn định ranh giới được ấn định ranh giới sau khi đã chừa ra khoảng cách giữa các ranh giới.

70. Sau đó, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ *Uposatha*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ *Uposatha*.

71. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu hành sự *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là bốn hành sự *Uposatha*: Hành sự *Uposatha* sai Pháp theo phe nhóm, hành sự *Uposatha* sai Pháp có sự hợp nhất, hành sự *Uposatha* đúng Pháp theo phe nhóm, hành sự *Uposatha* đúng Pháp có sự hợp nhất.

72. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* sai Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

73. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* sai Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

74. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* đúng Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

75. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* đúng Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu, nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức

như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế được Ta cho phép. Này các Tỳ-khưu, do đó, ở đây, chúng ta sẽ thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế tức là "đúng Pháp có sự hợp nhất." Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập theo đúng như thế.

76. Sau đó, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*): Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) thứ nhất.

77. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) thứ nhì.

78. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *Saṅghādisesa*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) thứ ba.

79. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *Saṅghādisesa*, sau khi đọc tụng hai điều *Aniyata*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) thứ tư.

80. [Đọc tụng] một cách chi tiết là cách thứ năm. Này các Tỳ-khưu, đây là năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*).

81. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt" rồi mọi lúc đều đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

82. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong nước Kosala, vào ngày *Uposatha* có sự sợ hãi vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu không thể đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách chi tiết. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt khi có sự nguy hiểm.

83. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt ngay cả khi không có sự nguy hiểm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt khi không có sự nguy hiểm; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt khi có sự nguy hiểm. Đây là mười sự nguy hiểm trong trường hợp ấy: Sự nguy

hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm cho mạng sống, sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt trong những [trường hợp] nguy hiểm có hình thức như thế và [đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)] một cách chi tiết khi không có sự nguy hiểm.

84. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp ở giữa hội chúng khi không được thỉnh mời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không được thỉnh mời không nên thuyết pháp ở giữa hội chúng; vị nào thuyết pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão đích thân thuyết pháp hoặc thỉnh mời vị khác.

85. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi chưa được chỉ định vẫn hỏi Luật ở giữa hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không được chỉ định không nên hỏi Luật ở giữa hội chúng; vị nào hỏi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị được chỉ định hỏi Luật ở giữa hội chúng.

86. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

87. Thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi vị tên [như vầy] về Luật." Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

88. Thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị tên [như vầy] sẽ hỏi vị tên [như vầy] về Luật." Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

89. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu hiền thiện đã được chỉ định rồi hỏi Luật ở giữa hội chúng. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã được chỉ định quan sát tập thể và cân nhắc từng cá nhân rồi mới hỏi Luật ở giữa hội chúng.

90. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trả lời về Luật ở giữa hội chúng dầu không được chỉ định. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không được chỉ định không nên trả lời về Luật ở giữa hội chúng; vị nào trả lời thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã được chỉ định trả lời về Luật ở giữa hội chúng.

91. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

92. Thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ trả lời khi được vị tên [như vầy] hỏi về Luật."

Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

93. Thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị tên [như vầy] sẽ trả lời khi được vị tên [như vầy] hỏi về Luật."

Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

94. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu hiền thiện đã được chỉ định trả lời Luật ở giữa hội chúng. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã được chỉ định quan sát tập thể và cân nhắc từng cá nhân rồi mới trả lời về Luật ở giữa hội chúng.

95. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư buộc tội vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên buộc tội vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước; vị nào buộc tội thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc tội sau khi đã thỉnh ý trước rằng: "Này Đại đức, hãy cho phép. Tôi muốn nói với ngài."

96. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu thỉnh ý trước các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rồi buộc tội. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, mặc dầu đã thỉnh ý rồi, Ta cho phép cân nhắc về nhân vật [ấy] rồi mới buộc tội.

97. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Các vị Tỳ-khưu hiền thiện [sẽ] thỉnh ý chúng ta trước tiên" liền ngay trước đó [đã] thỉnh ý [để buộc tội] các vị Tỳ-khưu trong sạch không phạm tội khi không có sự việc, không có nguyên do. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thỉnh ý [để buộc tội] các vị Tỳ-khưu trong sạch không phạm tội khi không có sự việc, không có nguyên do; vị nào thỉnh ý thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cân nhắc về nhân vật [ấy] trước rồi mới thỉnh ý [để buộc tội].

98. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện hành sự sai Pháp ở giữa hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự sai Pháp; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Các vị vẫn thực hiện hành sự sai Pháp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong khi hành sự sai Pháp đang được tiến hành, Ta cho phép phản đối.

99. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu hiền thiện phản đối trong khi hành sự sai Pháp đang được tiến hành bởi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bày tỏ quan điểm.

Các vị bày tỏ quan điểm trong sự hiện diện của chính các vị kia. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phản đối với bốn năm vị, bày tỏ quan điểm với hai ba vị, còn một vị thì khẳng định rằng: "Tôi không đồng ý việc này."

100. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở giữa hội chúng cố ý không cho nghe được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên cố ý làm cho không nghe được; vị nào làm cho không nghe được thì phạm tội *Dukkaṭa*.

101. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi là vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) của hội chúng có giọng [nói] như loài quạ. Khi ấy, Đại đức Udāyi đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) nên làm cho nghe được', còn ta có giọng [nói] như loài quạ, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) nỗ lực [nghĩ rằng]: "Bằng cách nào ta có thể làm cho [các vị] nghe được?" Đối với vị đang nỗ lực thì vô tội.

102. Vào lúc bấy giờ, Devadatta đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở hội chúng có sự hiện diện của cư sĩ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở hội chúng có sự hiện diện của cư sĩ; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

103. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở giữa hội chúng dầu không được mời thỉnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không được mời thỉnh không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở giữa hội chúng; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Giới bổn (*Pātimokkha*) là trách nhiệm của vị Trưởng lão.

Dứt tụng phẩm về các ngoại đạo.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến Codanāvatthu. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Codanāvatthu. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã trú ngụ ở Codanāvatthu. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ có nhiều vị Tỳ-khưu cư ngụ. Ở đó, vị Tỳ-khưu trưởng lão là người ngu dốt, thiếu kinh nghiệm. Vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*).

2. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Giới bổn (*Pātimokkha*) là trách nhiệm của vị Trưởng lão', và vị Trưởng lão này của chúng ta thì ngu dốt, thiếu kinh nghiệm, không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ở nơi đó vị Tỳ-khưu nào kinh nghiệm, có năng lực thì Giới bổn (*Pātimokkha*) là trách nhiệm của vị ấy.

3. Vào lúc bấy giờ, vào ngày lễ *Uposatha,* tại trú xứ nọ có nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm cư ngụ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Các vị ấy đã thỉnh mời vị Trưởng lão rằng: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy đã nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Các vị đã thỉnh mời vị Trưởng lão thứ nhì: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng đã nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Các vị đã thỉnh mời vị Trưởng lão thứ ba: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng đã nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Bằng chính phương thức ấy, các vị đã thỉnh mời đến vị mới tu của hội chúng: "Xin Đại đức hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng đã nói như vầy: "Thưa các ngài, tôi không làm được."

4. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Uposatha,* tại trú xứ nọ có nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm cư ngụ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Các vị ấy thỉnh mời vị Trưởng lão rằng: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Các vị thỉnh mời đến vị Trưởng lão thứ nhì: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Các vị thỉnh mời đến vị Trưởng lão thứ ba: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Bằng chính phương thức ấy, các vị thỉnh mời đến vị mới tu của hội

chúng: “Xin Đại đức hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*).” Vị ấy cũng nói như vầy: “Thưa các ngài, tôi không làm được.”

Này các Tỳ-khưu, ngay trong hôm ấy, một vị Tỳ-khưu nên được các vị Tỳ-khưu ấy phái đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: “Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về.”

5. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: “Nên được phái đi bởi vị nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ-khưu mới tu.

Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không đi; vị nào không đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Sau đó, khi đã ngự tại Codanāvatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã trở về lại thành Rājagaha. Vào lúc bấy giờ, dân chúng hỏi các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực rằng: “Thưa ngài, là ngày thứ mấy của nửa tháng?” Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: “Này các đạo hữu, chúng tôi không biết.” Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này không biết đến việc tính toán [ngày] của nửa tháng thì những người này còn biết được điều tốt đẹp gì khác nữa đây?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép học cách tính toán [ngày] của nửa tháng.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: “Vị nào nên học cách tính toán [ngày] của nửa tháng?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép toàn bộ tất cả đều học cách tính toán [ngày] của nửa tháng.

7. Vào lúc bấy giờ, dân chúng hỏi các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực rằng: “Thưa ngài, có đến bao nhiêu vị Tỳ-khưu?” Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: “Này các đạo hữu, chúng tôi không biết.” Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này không biết lẫn nhau thì những người này còn biết được điều tốt đẹp gì khác nữa đây?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đếm số các vị Tỳ-khưu.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: “Khi nào thì nên đếm số các vị Tỳ-khưu?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha,* Ta cho phép hoặc là đếm số bằng cách gọi tên, hoặc là cho rút thẻ.

8. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu không biết: “Hôm nay là ngày lễ *Uposatha*” nên đi khất thực ở làng xa. Các vị ấy trở lại trong khi Giới bổn

(*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, trở lại khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa mới đọc tụng xong. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thông báo: "Hôm nay là ngày lễ *Uposatha*."

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Nên được thông báo bởi vị nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão thông báo vào lúc sáng sớm.

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Trưởng lão nọ vào lúc sáng sớm đã không nhớ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thông báo vào lúc thọ thực.

Ngay cả vào lúc thọ thực, vị ấy cũng đã không nhớ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lúc nào nhớ thì thông báo vào lúc ấy.

10. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, nhà hành lễ *Uposatha* bị rác bẩn. Các Tỳ-khưu vãng lai phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại không quét nhà hành lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép quét nhà hành lễ *Uposatha.*

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên quét nhà hành lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ-khưu mới tu.

Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không quét. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không quét; vị nào không quét thì phạm tội *Dukkaṭa.*

11. Vào lúc bấy giờ, chỗ ngồi không được xếp đặt trong nhà hành lễ *Uposatha*. Các Tỳ-khưu ngồi trên nền nhà. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xếp đặt chỗ ngồi trong nhà hành lễ *Uposatha.*

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên xếp đặt chỗ ngồi trong nhà hành lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ-khưu mới tu.

Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không xếp đặt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không xếp đặt; vị nào không xếp đặt thì phạm tội *Dukkaṭa.*

12. Vào lúc bấy giờ, trong nhà hành lễ *Uposatha* không có đèn. Trong bóng tối, các vị Tỳ-khưu đạp nhầm cơ thể và luôn cả y nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thắp sáng đèn trong nhà hành lễ *Uposatha*.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên thắp sáng đèn trong nhà hành lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ-khưu mới tu.

Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không thắp sáng đèn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không thắp sáng đèn; vị nào không thắp sáng đèn thì phạm tội *Dukkaṭa*.

13. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, các Tỳ-khưu thường trú không đem lại nước uống, không đem lại nước rửa. Các Tỳ-khưu vãng lai phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu thường trú không đem lại nước uống, không đem lại nước rửa?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đem lại nước uống, nước rửa.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên đem lại nước uống, nước rửa?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ-khưu mới tu.

Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không đem lại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không đem lại; vị nào không đem lại thì phạm tội *Dukkaṭa*.

14. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lên đường đi xa đã không xin phép các vị thầy tế độ và thầy dạy học. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lên đường đi xa không xin phép các vị thầy tế độ và thầy dạy học. Này các Tỳ-khưu, các vị thầy tế độ và thầy dạy học nên hỏi các vị ấy rằng: "Các ngươi sẽ đi đâu? Các ngươi sẽ đi với ai?"

15. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm ấy nêu ra các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm khác, này các Tỳ-khưu, các vị thầy tế độ và thầy dạy học không nên cho phép; nếu các vị cho phép thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và này các Tỳ-khưu, [nếu] các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm ấy không được các vị thầy tế độ và thầy dạy học cho phép mà vẫn đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm sống tại trú xứ nọ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Nơi ấy có vị Tỳ-khưu khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nọ nên được các vị Tỳ-khưu ấy tiếp đón nồng hậu, nên được quan tâm, nên được chăm sóc, nên được đem lại bột tắm, đất sét [để tắm], gỗ chà răng, nước rửa mặt. Nếu các vị không tiếp đón nồng hậu, quan tâm, chăm sóc, đem lại bột tắm, đất sét [để tắm], gỗ chà răng, nước rửa mặt thì phạm tội *Dukkaṭa*.

17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm sống tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha*. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy ngay trong hôm ấy nên phái một vị Tỳ-khưu đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nơi nào có các vị biết về lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), toàn bộ tất cả các vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến trú xứ ấy; nếu các vị không đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

18. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm cư trú mùa mưa tại trú xứ nọ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy ngay trong hôm ấy nên phái một vị Tỳ-khưu đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên phái đi một vị Tỳ-khưu trong thời hạn bảy ngày [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì các Tỳ-khưu ấy không nên cư trú mùa mưa tại trú xứ ấy. Nếu các vị ấy cư trú thì phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện lễ *Uposatha*.

Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu bị bệnh. Vị ấy không đến.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được trao ra sự trong sạch. Và này các Tỳ-khưu, nên trao ra như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Tôi xin trao ra sự trong sạch. Hãy chuyển đạt sự trong sạch của tôi. Hãy thông báo về sự trong sạch của tôi." [Nếu] vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói thì sự trong sạch đã được trao ra. [Nếu] vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói thì sự trong sạch đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy đến giữa hội chúng rồi thực hiện lễ *Uposatha*. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu chăm sóc bệnh khởi ý như vầy: "Nếu chúng ta di chuyển vị bị bệnh, dời khỏi vị trí thì bệnh sẽ trầm trọng hơn, hoặc sẽ gây tử vong", này các Tỳ-khưu, không nên di chuyển vị bị bệnh khỏi vị trí. Hội chúng nên đi đến và thực hiện lễ *Uposatha* ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện lễ *Uposatha* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

20. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch từ chính chỗ ấy ra đi [đến nơi khác] thì sự trong sạch nên được trao ra đến vị khác. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ngay tại chỗ ấy hoàn tục, từ trần, được biết là vị [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là loài thú, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn thì sự trong sạch nên được trao ra đến vị khác.

21. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ở khoảng giữa đường lại ra đi [đến nơi khác] thì sự trong sạch vẫn chưa được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ở khoảng giữa đường lại hoàn tục, từ trần, ...(nt)... được biết là kẻ lưỡng căn thì sự trong sạch vẫn chưa được chuyển đạt.

22. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi ra đi [đến nơi khác] thì sự trong sạch đã được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi hoàn tục, từ trần, ...(nt)... được biết là kẻ lưỡng căn thì sự trong sạch đã được chuyển đạt.

23. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo, rồi lơ đễnh nên không thông báo, rồi nhập định nên không thông báo thì sự trong sạch đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt sự trong sạch không bị phạm tội.

24. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo thì sự trong sạch đã được chuyển đạt, và vị chuyển đạt sự trong sạch bị phạm tội *Dukkaṭa*.

25. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện hành sự.

Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu bị bệnh. Vị ấy không đến.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được trao ra sự tùy thuận. Và này các Tỳ-khưu, nên trao ra như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: “Tôi xin trao ra sự tùy thuận. Hãy chuyển đạt sự tùy thuận của tôi. Hãy thông báo về sự tùy thuận của tôi.” [Nếu] vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói thì sự tùy thuận đã được trao ra. [Nếu] vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói thì sự tùy thuận đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy đến giữa hội chúng rồi thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu chăm sóc bệnh khởi ý như vầy: “Nếu chúng ta di chuyển vị bị bệnh dời khỏi chỗ thì bệnh sẽ trầm trọng hơn hoặc sẽ gây tử vong”, này các Tỳ-khưu, không nên di chuyển vị bị bệnh dời khỏi chỗ. Hội chúng nên đi đến và thực hiện hành sự ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện hành sự bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

26. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận từ chính chỗ ấy ra đi [đến nơi khác] thì sự tùy thuận nên được trao ra đến vị khác. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận ngay tại chỗ ấy hoàn tục, từ trần, được biết là vị [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là loài thú, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn thì sự tùy thuận nên được trao ra đến vị khác.

27. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận ở khoảng giữa đường lại ra đi [đến nơi khác] thì sự tùy thuận vẫn chưa được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận ở khoảng giữa đường lại hoàn tục, từ trần, ...(nt)... được biết là kẻ lưỡng căn thì sự tùy thuận vẫn chưa được chuyển đạt.

28. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi ra đi [đến nơi khác] thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi hoàn tục, từ trần, ...(nt)... được biết là kẻ lưỡng căn thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt.

29. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo, rồi lơ đễnh nên không thông báo, rồi nhập định nên không thông báo thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt sự tùy thuận không bị phạm tội.

30. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo, thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt và vị chuyển đạt sự tùy thuận bị phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào ngày lễ *Uposatha,* vị trao ra sự trong sạch [đồng thời] trao ra sự tùy thuận [phòng khi] hội chúng có hành sự cần được thực hiện.

31. Vào lúc bấy giờ, nhằm ngày lễ *Uposatha*, các thân quyến đã nắm giữ lại vị Tỳ-khưu nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Uposatha*, các thân quyến nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. Các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ *Uposatha* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra sự trong sạch xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Uposatha* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], vẫn không nên thực hiện lễ *Uposatha* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Uposatha*, các đức vua nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. ...(nt)... Các kẻ trộm cướp nắm giữ ...(nt)... Những kẻ bất lương nắm giữ ...(nt)... Những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. Những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này trong chốc lát đến khi nào vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ *Uposatha* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc

ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra sự trong sạch xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Uposatha* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được [như thế], vẫn không nên thực hiện lễ *Uposatha* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy tụ hội lại, hội chúng có việc cần phải làm.

Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu tên Gagga bị điên. Vị ấy không đến.

34. – Này các Tỳ-khưu, đây là hai trường hợp bị điên. Có vị Tỳ-khưu điên có khi nhớ đến lễ *Uposatha* có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ và có vị hoàn toàn không nhớ. [Có vị] có khi đi đến lễ *Uposatha* có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến và có vị không bao giờ đi đến.

35. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị bị điên nào có khi nhớ đến lễ *Uposatha* có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ; có khi đi đến lễ *Uposatha* có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến, này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến vị bị điên có hình thức như thế. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

36. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này bị điên, có khi nhớ đến lễ *Uposatha* có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ; có khi đi đến lễ *Uposatha* có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến Tỳ-khưu Gagga là vị bị điên - vị Tỳ-khưu Gagga có thể nhớ đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga vẫn có thể thực hiện lễ *Uposatha*, vẫn có thể thực hiện hành sự của hội chúng. Đây là lời đề nghị.

37. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này bị điên, có khi nhớ đến lễ *Uposatha* có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ; có khi đi đến lễ *Uposatha* có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến. Hội chúng ban cho sự

đồng ý về bệnh điên đến Tỳ-khưu Gagga là vị bị điên - vị Tỳ-khưu Gagga có thể nhớ đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ *Uposatha*, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến Tỳ-khưu Gagga là vị bị điên - vị Tỳ-khưu Gagga có thể nhớ đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ *Uposatha*, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

38. Sự đồng ý về bệnh điên đã được hội chúng ban đến Tỳ-khưu Gagga là vị bị điên - vị Tỳ-khưu Gagga có thể nhớ đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ *Uposatha*, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

39. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* có bốn vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Nên thực hiện lễ *Uposatha*' và chúng ta là bốn người. Vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đối với bốn vị.

40. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đối với bốn vị và chúng ta là ba người. Vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Các vị Tỳ-khưu ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

41. "Xin các Đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ *Uposatha* [vào ngày mười lăm]. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch [với nhau]." Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Này các Sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi

nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Này các Sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.'"

42. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.'"

43. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* có hai vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đối với bốn vị, [cho phép] thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị và chúng ta là hai người. Vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với hai vị. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị Tỳ-khưu mới tu như vầy: "Này Sư đệ, tôi được trong sạch, Sư đệ hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Này Sư đệ, tôi được trong sạch, Sư đệ hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Này Sư đệ, tôi được trong sạch, Sư đệ hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.'"

44. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị Tỳ-khưu trưởng lão như vầy: "Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.'"

45. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* có một vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đối với bốn vị, [cho phép] thực hiện lễ *Uposatha*, bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị, [cho phép] thực hiện lễ *Uposatha*, bày tỏ sự trong sạch đối với hai vị và ta chỉ có một mình. Vậy ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

46. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* có một vị Tỳ-khưu cư ngụ. Này các Tỳ-khưu, chỗ nào các vị Tỳ-khưu thường quay trở về là ở giảng đường, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, vị Tỳ-khưu ấy nên quét khu vực ấy, nên đem lại nước uống, nước rửa, nên sắp đặt chỗ ngồi, nên thắp sáng đèn, rồi nên ngồi xuống. Nếu có các Tỳ-khưu khác đi đến thì nên thực hiện lễ *Uposatha* với các vị ấy; nếu không có ai đi đến thì nên chú nguyện rằng: "Hôm nay là lễ *Uposatha* của tôi", nếu không chú nguyện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

47. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có bốn vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt sự trong sạch của một vị rồi đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) bởi ba vị; nếu các vị đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt sự trong sạch của một vị rồi thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch bởi hai vị; nếu các vị thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có hai vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt sự trong sạch của một vị rồi chú nguyện bởi một vị; nếu chú nguyện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị phạm tội vào ngày lễ *Uposatha*. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị bị phạm tội không nên tiến hành lễ *Uposatha*' và ta thì bị phạm tội. Vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

49. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị phạm tội vào ngày lễ *Uposatha*. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin thú nhận tội ấy." Vị kia nên nói rằng: "[Đại đức] có thấy [tội ấy] không?" "Thưa có, tôi thấy." "[Đại đức] hãy thu thúc trong tương lai."

50. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có nghi ngờ về sự phạm tội vào ngày lễ *Uposatha*. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy]. Khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi, khi ấy tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên lắng nghe Giới bổn (*Pātimokkha*), nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

51. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trình báo tội [đã phạm] giống nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không được trình báo tội [đã phạm] giống nhau; vị nào trình báo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

52. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không được ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau; vị nào ghi nhận thì phạm tội *Dukkaṭa*.

53. Vào lúc bấy giờ, trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, có vị Tỳ-khưu nọ nhớ ra tội. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị bị phạm tội không nên tiến hành lễ *Uposatha*' và ta thì bị phạm tội. Vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

54. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu nhớ ra tội trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên

nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vầy: "Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy]. Sau khi đứng dậy khỏi đây, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên lắng nghe Giới bổn (*Pātimokkha*), nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

55. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có nghi ngờ về sự phạm tội trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vầy: "Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy]. Khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi, khi ấy tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên lắng nghe Giới bổn (*Pātimokkha*), nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

56. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên trình báo tội [đã phạm] giống nhau, không nên ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau' và toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau. Vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

57. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha*, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Này các Tỳ-khưu, ngay trong hôm ấy, các vị Tỳ-khưu ấy nên phái một vị Tỳ-khưu đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của Đại đức." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

58. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, khi nào [hội chúng] nhìn thấy vị Tỳ-khưu khác trong sạch không phạm tội, khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy trong sự hiện diện của vị ấy." Nói xong thì lễ *Uposatha* nên được tiến hành, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

59. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha*, toàn bộ hội chúng có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau, khi nào dứt khỏi hoài nghi khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì lễ *Uposatha* nên được tiến hành, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

60. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, khi đã vào mùa an cư mưa, hội chúng đã phạm tội giống nhau. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên

phái một vị Tỳ-khưu ngay trong hôm ấy, đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của Đại đức." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên phái đi một vị Tỳ-khưu trong thời hạn bảy ngày [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của Đại đức."

61. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Hội chúng ấy không biết tên và loại của tội ấy. Ở đó, có vị Tỳ-khưu khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Có vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

62. – Thưa Đại đức, vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên gì?

Vị ấy đã nói như vầy: "Này Đại đức, vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên này. Này Đại đức, ngươi đã phạm tội tên này, ngươi hãy sửa chữa tội ấy." Vị nọ đã nói như vầy: "Thưa Đại đức, không phải chỉ mình tôi đã phạm tội ấy. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội ấy." Vị ấy đã nói như vầy: "Này Đại đức, người khác phạm tội hay không phạm tội thì điều gì sẽ xảy ra cho ngươi? Này Đại đức, ngươi hãy tự thoát khỏi tội của bản thân mình đi."

63. Khi ấy, vị Tỳ-khưu nọ sau khi đã sửa chữa tội ấy theo lời khuyên của vị Tỳ-khưu ấy rồi đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu kia, sau khi đến đã nói với các vị Tỳ-khưu kia điều này: "Này các Đại đức, nghe nói vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên này. Này các Đại đức, các vị đã phạm tội tên này, các vị hãy sửa chữa tội ấy." Khi ấy, các vị Tỳ-khưu kia đã không muốn sửa chữa tội ấy theo lời khuyên của vị Tỳ-khưu nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

64. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Hội chúng ấy không biết tên và loại của tội ấy. Ở đó, có vị Tỳ-khưu khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Có vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến nói với vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Thưa Đại đức, vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên gì?" Vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên này. Này Đại đức, ngươi đã phạm tội tên này, ngươi hãy sửa chữa tội ấy." Vị nọ nói như vầy: "Thưa Đại đức, không phải chỉ mình tôi đã phạm tội ấy. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội ấy." Vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, người khác phạm tội hay không phạm tội thì điều gì sẽ xảy ra cho ngươi? Này Đại đức, ngươi

hãy tự thoát khỏi tội của bản thân mình đi." Này các Tỳ-khưu, nếu sau khi sửa chữa tội theo lời khuyên của vị Tỳ-khưu ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu kia, sau khi đến đã nói với các vị Tỳ-khưu kia như vầy: "Này các Đại đức, nghe nói vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên này. Này các Đại đức, các vị đã phạm tội tên này, các vị hãy sửa chữa tội ấy." Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu kia sửa chữa tội ấy theo lời khuyên của vị Tỳ-khưu nọ, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị không chịu sửa chữa, vị Tỳ-khưu nọ không nên khuyên các vị Tỳ-khưu ấy [vì họ] không có mong muốn.

Dứt tụng phẩm Codanāvatthu.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều vị Tỳ-khưu thường trú đã tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy đã không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi đã thực hiện lễ *Uposatha* và đã đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đã đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (1)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (2)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn

(*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (3)

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (4)

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (5)

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (6)

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (7)

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết

rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (8)

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (9)

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (10)

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (11)

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là

đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (12)

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (13)

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (14)

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (15)

Dứt mười lăm trường hợp vô tội.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn ...(nt)... [có số lượng] tương đương ...(nt)... [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp
là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn ...(nt)... [có số lượng] tương đương ...(nt)... [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến", [nghĩ rằng]: "Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến", [nghĩ rằng]: "Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến", [nghĩ rằng]: "Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến", [nghĩ rằng]: "Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn ...(nt)... [có số lượng] tương đương ...(nt)... [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp bỏ qua sự ngần ngại.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn

(*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng:

"Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã

đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya.*

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya.*

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya.*

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya.*

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya.*

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

Dứt mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ.

Dứt hai mươi lăm nhóm ba.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không biết rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới, ...(nt)... Các vị ấy không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới, ...(nt)... Các vị ấy không nghe rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không nghe rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Theo phương thức của một trăm bảy mươi lăm nhóm ba về vị thường trú với vị thường trú, về vị vãng lai với vị thường trú, về vị thường trú với vị vãng lai, về vị vãng lai với vị vãng lai, bằng cách thức thêm vào những phần tương tợ thì tạo ra được bảy trăm nhóm ba.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười bốn là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười bốn là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số

lượng] nhiều hơn và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Uposatha*. Nếu [có số lượng] tương đương và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Uposatha*. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn và các vị vãng lai không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú; các vị thường trú nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Uposatha*.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các Tỳ-khưu thường trú [như là] giường ghế, nệm gối được sắp xếp cẩn thận; nước uống, nước rửa khéo được bố trí, phòng ốc được quét dọn sạch sẽ, sau khi nhìn thấy khởi lên nghi ngờ: "Có các Tỳ-khưu thường trú hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Thullaccaya*.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nghe được sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các Tỳ-khưu thường trú [như là] tiếng bước chân của những vị đang đi kinh hành, tiếng học bài, tiếng đằng hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe, khởi lên nghi ngờ: "Có các Tỳ-khưu thường trú hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ

thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Thullaccaya*.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] bình bát khác lạ, y khác lạ, vật lót ngồi khác lạ, sự vung vãi nước rửa các bàn chân, sau khi nhìn thấy khởi lên nghi ngờ: "Có các vị Tỳ-khưu vãng lai hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Thullaccaya*.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nghe được sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] tiếng bước chân của các vị đang đi đến, tiếng động gây nên bởi các đôi dép, tiếng đằng hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe, khởi lên nghi ngờ: "Có các vị Tỳ-khưu vãng lai hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Thullaccaya*.

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ-khưu thường trú thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì vô tội.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ-khưu thường trú thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ-khưu vãng lai thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì vô tội.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ-khưu vãng lai thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội.

14. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

15. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

16. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

17. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

18. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

19. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

20. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

21. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

22. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

23. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

24. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

25. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

26. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

27. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

28. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

29. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

30. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ

có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

31. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

32. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

33. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

34. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, vị Tỳ-khưu từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

35. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, vị Tỳ-khưu từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

36. Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống, có vị Tỳ-khưu-ni; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

37. Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống, có cô Ni tu tập sự ...(nt)... có vị Sa-di ...(nt)... có vị Sa-di-ni ...(nt)... có người đã xả bỏ sự học tập ...(nt)... có vị đã phạm tội cực nặng; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

38. Không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội; vị nào đọc tụng thì nên được hành xử theo pháp.

39. Không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ...(nt)... đến hội chúng đã ngồi xuống, có vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác; vị nào đọc tụng thì nên được hành xử theo pháp.

40. Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống, có kẻ vô căn; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

41. Không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống có kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)... có kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt)... có loài thú ...(nt)... có kẻ giết mẹ ...(nt)... có kẻ giết cha ...(nt)... có kẻ giết A-la-hán ...(nt)... có kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni ...(nt)... có kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt)... có kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... có kẻ lưỡng căn; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

42. Này các Tỳ-khưu, không nên tiến hành lễ *Uposatha* với việc trao ra sự trong sạch của vị hành *Parivāsa*, trừ phi tập thể còn chưa đứng lên.

43. Này các Tỳ-khưu, không nên tiến hành lễ *Uposatha* không nhằm ngày *Uposatha*, trừ phi vào lúc hợp nhất hội chúng.

Dứt chương *Uposatha* là thứ nhì.

Tụng phẩm thứ ba.

*****

Trong chương này có tám mươi sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Những người ngoại đạo và đức Vua Bimbisāra, [cho phép] tụ hội, [ngồi] im lặng, [giảng] giáo pháp, nơi thanh vắng, Giới bổn (*Pātimokkha*), [đọc tụng] hàng ngày, rồi một lần.

2. Tùy theo tập thể, của các vị hợp nhất, có sự hợp nhất và ở Maddakucchi, ranh giới lớn, dòng sông, ở dãy phòng, tại hai chỗ và các [ranh giới] nhỏ.

3. Các vị mới tu và ở Rājagaha nữa, ranh giới với sự không xa lìa, điều làm trước trong việc ấn định ranh giới và điều làm sau trong việc hủy bỏ ranh giới.

4. Ranh giới làng là không ấn định, ở sông, ở biển, ở ao hồ, việc ném ra bụm nước, các vị làm gối lên và tương tợ như thế ấy, các vị làm trùm lên.

5. Bao nhiêu cách hành sự? Việc đọc tụng, các kẻ lục lâm và lúc không có, Pháp, Luật, các vị hăm dọa, lại thêm sự hăm dọa vì Luật.

6. Việc kết tội, khi đã thỉnh ý, việc phản đối [hành sự] sai Pháp, bốn năm vị, các vị khác bày tỏ [quan điểm], nếu cố ý [không cho nghe], trong sự nỗ lực.

7. Có sự hiện diện của cư sĩ, các vị chưa được mời thỉnh ở Codanā, vị không biết, nhiều vị không biết, ngay trong hôm ấy và các vị không đi.

8. [Là ngày] thứ mấy? Có bao nhiêu? [Khất thực] ở vùng xa và đã không nhớ để thông báo, có rác bẩn, chỗ ngồi, đèn, [đi] phương xa, vị khác là vị nghe nhiều.

9. Ngay hôm ấy, lễ *Uposatha* của mùa [an cư] mưa, trong sạch và hành sự, các thân quyến, vị Gagga, [lễ *Uposatha* của] bốn, ba, hai, một vị, sự phạm tội, tội đồng phạm, đã nhớ ra.

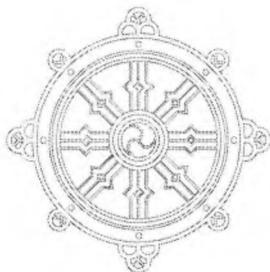
10. Toàn bộ hội chúng có sự nghi ngờ, các vị không biết, vị nghe nhiều, [có số lượng] nhiều hơn, tương đương, ít hơn, tập thể và khi chưa đứng lên.

11. Một số đã đứng lên, tất cả [đã đứng lên], các vị biết và có sự nghi ngờ, có sự ngần ngại rằng: "Vẫn là được phép", trong khi biết, trong khi nhìn thấy và các vị nghe được.

12. Về vị vãng lai với vị thường trú, thêm nữa là ngày mười bốn và mười lăm, ngày đầu tháng, ngày mười lăm, hiện tướng và việc đồng cộng trú, ở cả hai [trường hợp].

13. Vị thực hành *Parivāsa*, không nhằm ngày *Uposatha*, trừ phi vào lúc hợp nhất hội chúng. Những điều tóm tắt được chia chẻ này là đầu mối làm rõ các sự việc.

--ooOoo--



III. CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.

2. Vào lúc bấy giờ, việc cư trú mùa mưa chưa được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu.

3. Trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa.

4. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa? Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi. Ngay cả các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết tồi tệ vẫn bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa. Ngay cả những con chim này sau khi làm tổ trên các ngọn cây cũng bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa. Còn các Sa-môn Thích tử này lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa. Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi."

5. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

6. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

7. Khi ấy, đức Thế tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa.

8. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Khi nào thì nên vào mùa [an cư] mưa?"

9. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa trong mùa mưa.

10. Sau đó, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu thời điểm vào mùa [an cư] mưa?"

11. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là hai thời điểm vào mùa [an cư] mưa: Thời điểm trước và thời điểm sau. Thời điểm trước thì nên vào nhằm ngày kế của [ngày trăng tròn] tháng Āsāḷha, thời điểm sau thì nên vào khi [ngày trăng tròn] tháng

Āsāḷha đã trôi qua một tháng.[1] Này các Tỳ-khưu, đây là hai thời điểm vào mùa [an cư] mưa.

12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đã vào mùa [an cư] mưa vẫn đi du hành trong mùa [an cư] mưa.

13. Dân chúng lại phàn nàn, phê phán, chê bai giống y như thế: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa? Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi. Ngay cả các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết tồi tệ vẫn bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa. Ngay cả những con chim này sau khi làm tổ trên các ngọn cây cũng bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa; còn các Sa-môn Thích tử này lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa. Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi."

14. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đã vào mùa [an cư] mưa vẫn đi du hành trong mùa [an cư] mưa?"

15. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

16. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, sau khi đã vào mùa [an cư] mưa, không nên không cư trú ba tháng thuộc thời điểm trước hoặc ba tháng thuộc thời điểm sau và không nên ra đi, du hành; vị nào ra đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không chịu vào mùa [an cư] mưa.

18. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên không vào mùa [an cư] mưa; vị nào không vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có ý định không vào mùa [an cư] mưa nên cố tình bỏ đi khỏi chỗ trú ngụ vào ngày [đầu tiên] của thời điểm vào mùa [an cư] mưa.

20. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vào ngày [đầu tiên] của thời điểm vào mùa [an cư] mưa, vị có ý định không vào mùa [an cư] mưa không nên cố tình bỏ đi khỏi chỗ trú ngụ; vị nào bỏ đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

---

[1] Tính theo âm lịch của Việt Nam, nếu không có tháng nhuần thì thời điểm trước là ngày 16 tháng 6, thời điểm sau là ngày 16 tháng 7 (ND).

21. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý định dời lại mùa [an cư] mưa nên đã phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Nếu các ngài Đại đức có thể vào mùa [an cư] mưa nhằm vào ngày rằm sắp đến?"

22. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thuận theo các vị vua.

23. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

24. Vào lúc bấy giờ, ở trong xứ Kosala, trú xá được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi nam cư sĩ Udena.

25. Vị ấy đã phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng:

– Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu.

26. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã quy định rằng: "Sau khi đã vào mùa [an cư] mưa, không nên không an cư ba tháng thuộc thời điểm trước hoặc ba tháng thuộc thời điểm sau và không nên ra đi du hành." Nam cư sĩ Udena hãy chờ đợi trong khi các Tỳ-khưu sống mùa [an cư] mưa, khi đã sống qua mùa [an cư] mưa rồi [các vị] sẽ đi đến. Nếu vị ấy có việc cấp bách cần làm thì hãy cho thiết lập trú xá trong sự hiện diện của các Tỳ-khưu thường trú ở ngay tại nơi ấy.

27. Nam cư sĩ Udena phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao các ngài Đại đức khi đã được tôi phái người đi [thỉnh mời] lại không đi đến? Chính tôi là người thí chủ, là người phục vụ và là người hộ độ hội chúng mà.

28. Các Tỳ-khưu đã nghe được nam cư sĩ Udena phàn nàn, phê phán, chê bai.

29. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi khi được thỉnh mời với công việc, có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người này, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe

pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

31. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhà một mái được cho xây... tòa nhà dài được cho xây... khu nhà lớn được cho xây... hang động được cho xây... phòng ở được cho xây... cổng ra vào được cho xây... nhà phục vụ được cho xây... nhà đốt lửa được cho xây... nhà làm thành được phép được cho xây... nhà vệ sinh được cho xây... đường kinh hành được cho xây... gian nhà ở đường kinh hành được cho xây... giếng nước được cho xây... gian nhà ở giếng nước được cho xây... phòng tắm hơi được cho xây... gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây... hồ trữ nước được cho xây... mái che được cho xây... tu viện được cho xây... khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho nhiều vị Tỳ-khưu ...(nt)... dành cho một vị Tỳ-khưu bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

33. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều vị

Tỳ-khưu-ni... dành cho một vị Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều cô Ni tu tập sự ... dành cho một cô Ni tu tập sự... dành cho nhiều vị Sa-di... dành cho một vị Sa-di... dành cho nhiều vị Sa-di-ni... dành cho một vị Sa-di-ni bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

34. Này các Tỳ-khưu, trường hợp căn nhà được cho xây... phòng ngủ được cho xây... kho chứa đồ được cho xây... tháp ngắm được cho xây... tòa nhà bốn góc được cho xây... cửa hiệu được cho xây... gian hàng được cho xây... tòa nhà dài được cho xây... khu nhà lớn được cho xây... hang động được cho xây... phòng ở được cho xây... cổng ra vào được cho xây... nhà phục vụ được cho xây... nhà đốt lửa được cho xây... nhà bếp được cho xây... nhà vệ sinh được cho xây... đường kinh hành được cho xây... gian nhà ở đường kinh hành được cho xây... giếng nước được cho xây... gian nhà ở giếng nước được cho xây... phòng tắm hơi được cho xây... gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây... hồ trữ nước được cho xây... mái che được cho xây... khu vườn được cho xây... khuôn viên của khu vườn được cho xây dựng vì nhu cầu của bản thân bởi vị nam cư sĩ... hoặc có đám cưới của con trai... hoặc có đám cưới của con gái... hoặc vị ấy bị bệnh... hoặc vị ấy đọc lại bài kinh nổi tiếng. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Các vị sẽ học bài kinh này trước khi bài kinh này bị quên lãng." Hoặc vị ấy có công việc gì khác cần phải làm. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

35. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nữ cư sĩ. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi

được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nữ cư sĩ. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

37. Này các Tỳ-khưu, trường hợp căn nhà được cho xây, phòng ngủ được cho xây, kho chứa đồ được cho xây, tháp ngắm được cho xây, tòa nhà bốn góc được cho xây, cửa hiệu được cho xây, gian hàng được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà bếp được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, khu vườn được cho xây, khuôn viên của khu vườn được cho xây dựng dành cho nhiều vị Tỳ-khưu... dành cho một vị Tỳ-khưu... dành cho hội chúng Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều vị Tỳ-khưu-ni... dành cho một vị Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều cô Ni tu tập sự... dành cho một cô Ni tu tập sự... dành cho nhiều vị Sa-di... dành cho một vị Sa-di... dành cho nhiều vị Sa-di-ni... dành cho một vị Sa-di-ni... vì nhu cầu của bản thân bởi vị nữ cư sĩ. Hoặc có đám cưới của con trai. Hoặc có đám cưới của con gái. Hoặc vị ấy bị bệnh. Hoặc vị ấy đọc lại bài kinh nổi tiếng. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Các vị sẽ học bài kinh này trước khi bài kinh này bị quên lãng." Hoặc người nữ ấy có công việc gì khác cần phải làm. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

38. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị Tỳ-khưu... dành cho hội chúng bởi vị Tỳ-khưu-ni... dành cho hội chúng bởi cô Ni tu tập sự... dành cho

hội chúng bởi vị Sa-di... dành cho hội chúng bởi vị Sa-di-ni... dành cho nhiều vị Tỳ-khưu... dành cho một vị Tỳ-khưu... dành cho hội chúng Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều vị Tỳ-khưu-ni... dành cho một vị Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều cô Ni tu tập sự... dành cho một cô Ni tu tập sự... dành cho nhiều vị Sa-di... dành cho một vị Sa-di... dành cho nhiều vị Sa-di-ni... dành cho một vị Sa-di-ni... vì nhu cầu của bản thân bởi vị Sa-di-ni. Nếu cô ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

39. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Vị ấy đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu."

40. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, Ta cho phép đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người này, Ta cho phép đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

41. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

42. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Tỳ-khưu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có sự bực bội đã sanh khởi đến tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm dịu đi sự bực bội, hoặc ta sẽ nhờ người làm dịu đi, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

43. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Tỳ-khưu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có nỗi nghi hoặc đã sanh khởi đến tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt

[nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho tan biến nỗi nghi hoặc, hoặc ta sẽ nhờ người làm cho tan biến, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

44. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có tà kiến sanh khởi đến vị Tỳ-khưu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có tà kiến đã sanh khởi đến tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ phân giải tà kiến, hoặc ta sẽ nhờ người phân giải, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

45. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội nặng và là xứng đáng hình phạt *Parivāsa*. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi đã phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho hình phạt *Parivāsa*, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

46. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực cho việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

47. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt *Mānatta*. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng hình phạt *Mānatta*. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho hình phạt *Mānatta*, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

48. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là xứng đáng sự giải tội. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng sự giải tội. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc giải tội, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

49. Này các Tỳ-khưu, trường hợp hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đến vị Tỳ-khưu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hội chúng có ý định thực hiện hành sự đến tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự hoặc đổi sang [hình phạt] nhẹ hơn?" Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

50. Hoặc là khi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đã được tiến hành đến vị ấy. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hội chúng đã thực hiện hành sự đến tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để vị ấy có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự ấy?" Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

51. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

52. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Tỳ-khưu-ni. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có sự bực bội đã sanh khởi đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm dịu đi sự bực bội, hoặc ta sẽ nhờ người làm dịu đi, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị Ni ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

53. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Tỳ-khưu-ni. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có nỗi nghi hoặc đã sanh khởi đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho tan biến nỗi nghi hoặc, hoặc ta sẽ nhờ người làm cho tan biến, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị Ni ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

54. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có tà kiến sanh khởi đến vị Tỳ-khưu-ni. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có tà kiến đã sanh khởi đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ phân giải tà kiến, hoặc ta sẽ nhờ người phân giải, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị Ni ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

55. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu-ni phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Mānatta*. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi đã phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Mānatta*. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho hình phạt *Mānatta*." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

56. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu-ni là xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực cho việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

57. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu-ni là xứng đáng sự giải tội. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng sự giải tội. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc giải tội." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

58. Này các Tỳ-khưu, trường hợp hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đến vị Tỳ-khưu-ni. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hội chúng có ý định thực hiện hành sự đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự hoặc đổi sang [hình phạt] nhẹ hơn?" Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

59. Hoặc là khi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đã được tiến hành đến vị Ni ấy. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hội chúng đã thực hiện hành sự đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu,

với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để vị ấy có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự ấy?" Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

60. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Ni tu tập sự bị bệnh. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

61. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Ni tu tập sự. ...(nt)... có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Ni tu tập sự. ...(nt)... có tà kiến sanh khởi đến vị Ni tu tập sự. ...(nt)... các điều học của vị Ni tu tập sự bị gián đoạn. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Các điều học của tôi bị gián đoạn. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc thọ trì các điều học." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Ni tu tập sự có ý muốn được tu lên bậc trên. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn được tu lên bậc trên. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc tu lên bậc trên, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

63. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di bị bệnh. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

64. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Sa-di. ... có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Sa-di. ... có tà kiến sanh khởi đến vị Sa-di. ... vị Sa-di có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp

các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ hỏi hoặc ta sẽ chỉ dạy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

65. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di có ý muốn được tu lên bậc trên. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn được tu lên bậc trên. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc tu lên bậc trên, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

66. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di-ni bị bệnh. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

67. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Sa-di-ni. ...(nt)... có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Sa-di-ni. ...(nt)... có tà kiến sanh khởi đến vị Sa-di-ni. ...(nt)... vị Sa-di-ni có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ hỏi hoặc ta sẽ chỉ dạy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

68. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di-ni có ý muốn thọ trì điều học. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn thọ trì điều học. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc thọ trì các điều học." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

69. Vào lúc bấy giờ, người mẹ của vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Bà ấy đã nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người con trai."

70. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người thì nên đi

khi được thỉnh mời, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Và đây là mẹ của ta, lại bị bệnh. Và bà không phải là nữ cư sĩ. Vậy ta nên thực hành như thế nào?"

71. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, mẹ và cha thì được đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người này thì được đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

72. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người mẹ của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu bà ấy nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người con trai." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

73. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người cha của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu ông ấy nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của đứa con trai." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

74. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người anh [em] trai của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp người anh [em] trai [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Anh [em] trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người anh [em] trai." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

75. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người chị [em] gái của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu cô ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Anh [em] trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người anh [em] trai." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

76. Này các Tỳ-khưu, trường hợp thân quyến của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của Đại đức." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

77. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người phụ giúp công việc cho vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

78. Vào lúc bấy giờ, trú xá lớn của hội chúng bị sụp đổ. Có nam cư sĩ nọ đã cho xẻ một số gỗ ở trong rừng. Người ấy đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Nếu các Đại đức có thể cho chuyển đi số gỗ ấy thì tôi sẽ dâng số gỗ ấy đến các Đại đức." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi với công việc cần phải làm của hội chúng. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

Dứt tụng phẩm về việc cư trú mùa mưa.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala, các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi các thú dữ. Chúng đã vồ lấy, chúng đã giết hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi các thú dữ. Chúng vồ lấy, chúng giết hại. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi các loài rắn. Chúng cắn, chúng giết hại. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi những kẻ trộm cướp. Chúng cướp đoạt, chúng đánh đập. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi các yêu tinh. Chúng nhập vào [thân], đoạt lấy thần trí. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngôi làng mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị lửa đốt cháy. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc bởi đồ ăn khất thực. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ trú ngụ mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị lửa đốt cháy. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc về chỗ trú ngụ. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngôi làng mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị nước ngập. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc bởi đồ ăn khất thực. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ trú ngụ mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị nước ngập. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc về chỗ trú ngụ. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

9. Vào lúc bấy giờ, ngôi làng mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa ở tại trú xứ nọ đã di chuyển vì bọn trộm cướp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đến ngôi làng.[2]

Ngôi làng đã bị tách ra làm hai. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đến nhóm đông hơn.

Nhóm đông hơn không có đức tin, không lòng mộ đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đến nhóm có đức tin, có lòng mộ đạo.

10. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala, các vị Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa đã không nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa, không nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng, [nhưng] không nhận được các thức ăn thích hợp. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

[2] Nếu ngôi làng di chuyển không xa thì vẫn nên cư trú tại chính trú xá ấy và đi đến chỗ ở mới của ngôi làng để khất thực, nếu xa thì có thể đi theo trường hợp bảy ngày, nếu không thể làm vậy thì có thể trú ngụ cùng dân làng tại chỗ ở mới (*VinA*. V. 1070).

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng, nhận được các thức ăn thích hợp, [nhưng] không nhận được các dược phẩm thích hợp. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng, nhận được các thức ăn thích hợp, nhận được các dược phẩm thích hợp, [nhưng] không nhận được người phục vụ phù hợp. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người phụ nữ thỉnh mời vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: "Thưa ngài, hãy đến, tôi cho ngài vàng khối, hoặc tôi cho ngài vàng ròng, hoặc tôi cho ngài ruộng, hoặc tôi cho ngài vườn, hoặc tôi cho ngài bò đực, hoặc tôi cho ngài bò cái, hoặc tôi cho ngài tôi trai, hoặc tôi cho ngài tớ gái, hoặc tôi cho ngài con gái ruột để làm vợ, hoặc tôi trở thành vợ của ngài, hoặc tôi đưa đến cho ngài người vợ khác." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. [Việc này] cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp cô gái điếm thỉnh mời ...(nt)... cô gái lỡ thời thỉnh mời ...(nt)... kẻ vô căn thỉnh mời ...(nt)... các thân quyến thỉnh mời ...(nt)... các vị vua thỉnh mời ...(nt)... những kẻ trộm cướp thỉnh mời ...(nt)... những kẻ vô lại thỉnh mời vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa rằng: "Thưa ngài, hãy đến, chúng tôi cho ngài vàng khối, hoặc chúng tôi cho ngài vàng ròng, hoặc chúng tôi cho ngài ruộng, hoặc chúng tôi cho ngài vườn, hoặc chúng tôi cho ngài bò đực, hoặc chúng tôi cho ngài bò cái, hoặc chúng tôi cho ngài tôi trai, hoặc chúng tôi cho ngài tớ gái, hoặc chúng tôi cho ngài con gái ruột để làm vợ, hoặc chúng tôi đưa đến cho ngài người vợ khác." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. [Việc này] cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhìn thấy của cải chôn giấu không có chủ. Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. [Việc này] cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhìn thấy nhiều vị Tỳ-khưu đang ra sức chia rẽ hội chúng. Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng. Hội chúng chớ có bị chia rẽ trong khi ta còn hiện diện" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

18. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu ra sức chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng. Hội chúng chớ có bị chia rẽ trong khi ta còn hiện diện" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

19. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu ra sức chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu ấy là những người bạn của ta. Ta sẽ nói với họ rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

20. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu ra sức chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu ấy không phải là những người bạn của ta. Tuy nhiên, những người bạn của những người ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với những người bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những người ấy rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

21. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu đã chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu ấy là những người bạn của ta. Ta sẽ nói với họ rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

22. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu đã chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên, những người bạn của những người ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với những người bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những người ấy rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

23. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu-ni ra sức chia rẽ hội

chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu-ni ấy là những người bạn của ta, ta sẽ nói với các cô ấy rằng: 'Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

24. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu-ni ra sức chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu-ni ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên các cô bạn của những cô ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với các cô bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những cô ấy rằng: 'Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu-ni ấy là những người bạn của ta, ta sẽ nói với các cô ấy rằng: 'Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu-ni ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên các cô bạn của những cô ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với các cô bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những cô ấy rằng: 'Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có vui mừng với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định vào mùa [an cư] mưa ở khu rào gia súc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa ở khu rào gia súc.

Khu rào gia súc di chuyển. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép di chuyển theo khu rào gia súc.

28. Vào lúc bấy giờ, khi việc vào mùa [an cư] mưa đang đến gần, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định đi theo đoàn xe tải. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa ở trong xe tải.

29. Vào lúc bấy giờ, khi việc vào mùa [an cư] mưa đang đến gần, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định đi theo chiếc thuyền. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa ở trong chiếc thuyền.

30. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở trong bộng cây. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là các yêu tinh." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở trong bộng cây; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa ở trên chạc ba của cây. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là các người săn thú." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở trên chạc ba của cây; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

32. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở ngoài trời. Trong khi trời mưa, các vị chạy đến gốc cây, đến hốc cây nimba. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở ngoài trời; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

33. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa không có chỗ trú ngụ nên bị khó nhọc bởi vì sự lạnh, bởi vì sự nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không có chỗ trú ngụ không nên vào mùa [an cư] mưa; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

34. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở nhà quàng tử thi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những người thiêu xác chết." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở nhà quàng tử thi; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

35. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở chiếc lọng che. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những người chăn bò." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở chiếc lọng che; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

36. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở trong vại đất nung. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở trong vại đất nung; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

37. Vào lúc bấy giờ, hội chúng ở thành Sāvatthi thực hiện điều thỏa thuận là "không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mưa." Người cháu trai của bà Visākhā, mẹ của Migāra, đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này đạo hữu, hội chúng thực hiện điều thỏa thuận là "không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mưa." Này đạo hữu, hãy chờ đến khi các vị Tỳ-khưu trải qua mùa [an cư] mưa; khi đã trải qua mùa [an cư] mưa, các vị sẽ cho xuất gia.

38. Sau đó, khi đã trải qua mùa [an cư] mưa, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với người cháu trai của bà Visākhā, mẹ của Migāra điều này:

– Này đạo hữu, giờ đây, hãy đi đến và hãy xuất gia.

Người ấy đã nói như vầy:

– Thưa các ngài, nếu tôi đã được xuất gia thì tôi còn có thể vui thích. Thưa các ngài, giờ đây, tôi sẽ không xuất gia.

Bà Visākhā, mẹ của Migāra phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các ngài Đại đức lại thực hiện điều thỏa thuận có hình thức như vầy: 'Không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mưa', có khi nào mà giáo pháp lại không được thực hành?"

39. Các Tỳ-khưu đã nghe được bà Visākhā, mẹ của Migāra phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện điều thỏa thuận có hình thức như vầy: "Không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mưa." Vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

40. Vào lúc bấy giờ, chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã được Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya nhận lời cho thời điểm trước.

41. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vào khoảng giữa đường, vị ấy đã nhìn thấy hai trú xứ có nhiều y. Vị ấy đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ này, như thế có nhiều y sẽ được phát sanh đến ta?"

42. Vị ấy đã sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ ấy. Đức Vua Pasenadi xứ Kosala phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao ngài Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của chúng tôi lại nuốt lời? Không phải rằng đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao?"

43. Các Tỳ-khưu đã nghe được đức Vua Pasenadi xứ Kosala phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời? Không phải rằng đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao?"

44. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya rằng:

– Này Upananda, nghe nói ngươi sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

45. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vào khoảng giữa đường, vị ấy nhìn thấy hai trú xứ có nhiều y. Vị ấy khởi ý như vầy: "Hay là ta nên sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ này, như thế có nhiều y sẽ được phát sanh đến ta?" Vị ấy sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ ấy. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

46. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng.[3] Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

47. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

48. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

[3] Tức là ngày 16 tháng 6 theo âm lịch của Việt Nam nếu không có tháng nhuần. Việc tính âm lịch theo nửa tháng trăng hiện đang được sử dụng ở một số quốc gia (ND).

49. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

50. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá [thời hạn] bảy ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

51. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khưu, thời điểm trước của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

52. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước lễ *Pavāraṇā*, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại,[4] này các Tỳ-khưu, thời điểm trước của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

53. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

54. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc

[4] "*... na vā āgaccheyya*" là "không có thể trở lại" không nên hiểu "có thể không trở lại" (ND).

cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá [thời hạn] bảy ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khưu, thời điểm trước của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

55. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày lễ *Pavāraṇā*, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại, này các Tỳ-khưu, thời điểm trước của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

56. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

57. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

58. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

59. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

60. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ

Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá [thời hạn] bảy ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

61. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày trăng tròn tháng *Kattika* là ngày lễ hội *Cātumāsinī*,[5] vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại, này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

63. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

64. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá [thời hạn] bảy ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

[5] Tức là rằm tháng Mười âm lịch (ND).

65. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày trăng tròn tháng *Kattika* là ngày lễ hội *Cātumāsinī*, vị ấy ra đi do công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại, này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

Dứt chương "Vào mùa mưa" là thứ ba.

*****

Trong chương này có năm mươi hai sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. [Cho phép] vào mùa [an cư mưa] và luôn cả khi nào? Bao nhiêu [thời điểm] và trong mùa [an cư] mưa, các vị không muốn và cố tình [bỏ đi], [muốn] dời lại, người nam cư sĩ.

2. Vị bị bệnh, mẹ và cha, anh [em] trai và thân quyến, người làm công việc cho các Tỳ-khưu, trú xá, các thú dữ và các loại rắn nữa.

3. Những kẻ trộm cướp, luôn cả các yêu tinh, với cả hai đều bị cháy, vì nước ngập, [ngôi làng] đã di chuyển, nhóm đông hơn và các thí chủ.

4. [Thức ăn] thô thiển hoặc hảo hạng, dược phẩm thích hợp, với người phục vụ, phụ nữ, gái điếm, cô gái lỡ thời, kẻ vô căn và bởi thân quyến.

5. Đức vua, các kẻ cướp, bọn bất lương, của cải chôn giấu và các sự chia rẽ với tám trường hợp, bãi nhốt thú và đoàn xe tải, chiếc thuyền, ở bộng cây và ở chạc ba cây.

6. Sự cư trú mùa mưa ở ngoài trời và với vị không chỗ trú ngụ, các nhà quàng tử thi, ở chiếc lọng che và các vị vào mùa [an cư] mưa ở vại đất nung.

7. Điều thỏa thuận, sau khi nhận lời và các lễ *Uposatha* ở bên ngoài, các thời điểm trước và các thời điểm sau nên kết hợp theo cách thức như thế.

8. Vị ra đi không vì công việc cần thiết, và có công việc cần thiết là tương tợ như thế ấy, sau khi sống hai ba ngày và bởi công việc trong bảy ngày.

9. Và bảy ngày sắp đến, vị có thể trở lại, hoặc không có thể. Về các khoảng giữa ở phần tóm lược các sự việc thì nên xem xét đường lối của mạch văn.

--ooOoo--

IV. CHƯƠNG PAVĀRAṆĀ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala.

2. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, vậy bằng phương thức nào có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?"

3. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Nếu chúng ta có thể không nói với nhau và cũng không chuyện trò, vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn có thể ăn; nếu không muốn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh, hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước trống trơn, vị ấy có thể đem [nước] lại. Nếu vị ấy không làm nổi, có thể ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và có thể đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó lại có thể phát ra lời nói. Như thế, chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực."

4. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã không nói với nhau và cũng không chuyện trò. Vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước trống trơn, vị ấy đem [nước] lại. Nếu không làm nổi, vị ấy ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó mà phát ra lời nói.

5. Điều này đã trở thành thông lệ của các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa là đi đến để diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy khi đã sống qua mùa [an cư] mưa với thời gian ba tháng đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía thành Sāvatthi. Tuần tự, các vị đã đi đến Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

6. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các vị Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này: "Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có phải đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực không?"

7. – Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực.

8. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai mới hỏi và không có liên quan đến lợi ích thì không [hỏi], khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề.

9. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu với hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết giảng giáo pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử."

10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực là như thế nào?

11. – Bạch Ngài, trường hợp chúng con gồm nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở xứ Kosala. Bạch Ngài, chúng con đây đã khởi ý điều này: "Chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, vậy bằng phương thức nào có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?"

12. Bạch Ngài, chúng con đây đã khởi ý điều này: "Nếu chúng ta có thể không nói với nhau và cũng không chuyện trò, vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn có thể ăn; nếu không muốn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc

lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước trống trơn, vị ấy có thể đem [nước] lại. Nếu vị ấy không làm nổi, có thể ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và có thể đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó lại có thể phát ra lời nói. Như thế, chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực."

13. Bạch Ngài, sau đó, chúng con đã không nói với nhau và cũng không chuyện trò. Vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước trống trơn, vị ấy đem [nước] lại. Nếu không làm nổi, vị ấy ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó mà phát ra lời nói. Bạch Ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực là như thế.

14. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống một cách không thoải mái lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải mái." Này các Tỳ-khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống với lối sống chung của loài thú lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải mái." Này các Tỳ-khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống với lối sống chung của loài cừu lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải mái." Này các Tỳ-khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống với lối cộng trú của những kẻ lười biếng lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải mái." Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là sự hành trì như kẻ câm. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là sự hành trì như kẻ câm; vị nào thọ trì thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, đối với các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa, Ta cho phép thỉnh cầu dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ. Việc ấy sẽ giúp cho các ngươi có được sự hài hòa với nhau, có được sự thoát ra khỏi tội và có được sự tôn vinh Luật. Và này các Tỳ-khưu, nên thỉnh cầu như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có

năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hôm nay là ngày lễ *Pavāraṇā*.[1] Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

15. Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Này các Sư đệ, tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

16. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu hội chúng ...(nt)... Bạch các ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi yên trên chỗ ngồi trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại ngồi yên trên chỗ ngồi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu?"

18. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi yên trên chỗ ngồi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại ngồi yên trên chỗ ngồi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu?

19. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

---

[1] *Pavāraṇā*: Là danh từ có ý nghĩa là "sự thỉnh cầu", và còn là tên của buổi lễ dành cho các Tỳ-khưu đã hoàn tất mùa [an cư] mưa thời điểm trước. Lễ này đã được dịch là Tự tứ. Ở ngữ cảnh này, chúng tôi mạn phép giữ nguyên từ Pāli cho tên của cuộc lễ. Còn *Pavāreti* là động từ. Chúng tôi sẽ dịch theo hai lối là "thỉnh cầu" hoặc "tiến hành lễ *Pavāraṇā*" tùy theo ngữ cảnh.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên ngồi yên trên chỗ ngồi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu; vị nào ngồi yên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép toàn bộ tất cả ngồi chồm hổm để thỉnh cầu.

20. Vào lúc bấy giờ, có vị Trưởng lão nọ già yếu ngồi chồm hổm [nghĩ rằng]: "Đến khi tất cả thỉnh cầu xong", trong lúc chờ đợi bị ngất xỉu ngã xuống.

21. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi chồm hổm trong khoảng thời gian chờ đợi cho đến khi thỉnh cầu, sau khi thỉnh cầu thì được ngồi xuống trên chỗ ngồi.

22. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu lễ *Pavāraṇā*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ *Pavāraṇā*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ *Pavāraṇā*.

23. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu hành sự *Pavāraṇā*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là bốn hành sự *Pavāraṇā*: Hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp theo phe nhóm, hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp có sự hợp nhất, hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp theo phe nhóm, hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp có sự hợp nhất.

24. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

27. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu, nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế được Ta cho phép.

28. Này các Tỳ-khưu, do đó, ở đây chúng ta sẽ thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế tức là "đúng Pháp có sự hợp nhất." Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập theo đúng như thế.

29. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện lễ *Pavāraṇā*.

30. Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu bị bệnh. Vị ấy không đến.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được trao ra lời thỉnh cầu. Và này các Tỳ-khưu, nên trao ra như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Tôi xin trao ra lời thỉnh cầu. Hãy chuyển đạt lời thỉnh cầu của tôi. Hãy thông báo lời thỉnh cầu của tôi. Hãy thỉnh cầu vì sự lợi ích của tôi."

[Nếu] vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói thì lời thỉnh cầu đã được trao ra. [Nếu] vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói thì lời thỉnh cầu đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy đến giữa hội chúng rồi nên thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu chăm sóc bệnh khởi ý như vầy: "Nếu chúng ta di chuyển vị bị bệnh dời khỏi vị trí thì bệnh sẽ trầm trọng hơn hoặc sẽ gây tử vong", này các Tỳ-khưu, không nên di chuyển vị bị bệnh khỏi vị trí. Hội chúng nên đi đến và thực hiện lễ *Pavāraṇā* ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

31. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu từ chính chỗ ấy ra đi [đến nơi khác] thì lời thỉnh cầu nên được trao ra đến vị khác. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu ngay tại chỗ ấy hoàn tục,... từ trần,... được biết là vị [xuống] Sa-di,... được biết là người đã xả bỏ sự học tập,... được biết là vị phạm tội cực nặng,... được biết là vị bị điên,... được biết là bị loạn trí,... được biết là bị thọ khổ hành hạ,... được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội,... được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi,... được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác,... được biết là kẻ vô căn,... được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu],... được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo,... được biết là loài thú,... được biết là kẻ giết mẹ,... được biết là kẻ giết cha,... được biết là kẻ giết A-la-hán,... được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni,... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng,... được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật],... được biết là kẻ lưỡng căn thì lời thỉnh cầu nên được trao ra đến vị khác.

32. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu ở khoảng giữa đường lại ra đi [đến nơi khác] thì lời thỉnh cầu vẫn chưa được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu ở khoảng giữa đường lại hoàn tục,... từ trần,... được

biết là vị [xuống] Sa-di,... được biết là người đã xả bỏ sự học tập,... được biết là vị phạm tội cực nặng,... được biết là vị bị điên,... được biết là bị loạn trí,... được biết là bị thọ khổ hành hạ,... được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội,... được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi,... được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác,... được biết là kẻ vô căn,... được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu],... được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo,... được biết là loài thú,... được biết là kẻ giết mẹ,... được biết là kẻ giết cha,... được biết là kẻ giết A-la-hán,... được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni,... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng,... được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật],... được biết là kẻ lưỡng căn thì lời thỉnh cầu vẫn chưa được chuyển đạt.

33. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi ra đi [đến nơi khác] thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi hoàn tục,... từ trần,... được biết là vị [xuống] Sa-di,... được biết là người đã xả bỏ sự học tập,... được biết là vị phạm tội cực nặng,... được biết là vị bị điên,... được biết là bị loạn trí,... được biết là bị thọ khổ hành hạ,... được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội,... được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi,... được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác,... được biết là kẻ vô căn,... được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu],... được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo,... được biết là loài thú,... được biết là kẻ giết mẹ,... được biết là kẻ giết cha,... được biết là kẻ giết A-la-hán,... được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni,... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng,... được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật],... được biết là kẻ lưỡng căn thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt.

34. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt lời thỉnh cầu không bị phạm tội. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi lơ đễnh ...(nt)... rồi nhập định nên không thông báo, thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt lời thỉnh cầu không bị phạm tội.

35. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt và vị chuyển đạt lời thỉnh cầu bị phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào ngày lễ *Pavāraṇā* vị trao ra lời thỉnh cầu [đồng thời] trao ra sự tùy thuận [phòng khi] hội chúng có hành sự cần được thực hiện.

36. Vào lúc bấy giờ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, các thân quyến đã nắm giữ lại vị Tỳ-khưu nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, các thân quyến nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. Các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này trong chốc lát, đến khi nào

vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra lời thỉnh cầu xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], vẫn không nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

37. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, các đức vua nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. ...(nt)... các kẻ trộm cướp nắm giữ ...(nt)... những kẻ bất lương nắm giữ ...(nt)... những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. Những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra lời thỉnh cầu xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các đạo hữu, các người hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được [như thế], vẫn không nên thỉnh cầu bởi hội chúng theo phe nhóm; nếu vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

38. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có năm vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*' và chúng ta là năm người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị.

39. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có bốn vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị và chúng ta là bốn người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị. Và này các Tỳ-khưu, nên thỉnh cầu như vầy: Các vị Tỳ-khưu ấy nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

40. "Xin các Đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ *Pavāraṇā*. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, chúng ta nên thỉnh cầu lẫn nhau." Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Sư đệ, tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)... Này các Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa."

41. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị các Tỳ-khưu ấy như vầy: "Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)... Bạch các ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa."

42. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị và chúng ta là ba người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vị. Và này các Tỳ-khưu, nên thỉnh cầu như vầy: Các vị Tỳ-khưu ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

43. "Xin các Đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ *Pavāraṇā*. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, chúng ta nên thỉnh cầu lẫn nhau." Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị các Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Sư đệ, tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)... Này các Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

44. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa

chữa. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)... Bạch các ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

45. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có hai vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vị và chúng ta là hai người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với hai vị. Và này các Tỳ-khưu, nên thỉnh cầu như vầy: Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị Tỳ-khưu mới tu như vầy: "Này Sư đệ, tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

46. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị Tỳ-khưu trưởng lão như vầy: "Bạch ngài, tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

47. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có một vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với hai vị và ta chỉ có một mình, vậy ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có một vị Tỳ-khưu cư ngụ. Này các Tỳ-khưu, chỗ nào các vị Tỳ-khưu thường quay trở về là ở giảng đường, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, vị Tỳ-khưu ấy nên quét khu vực ấy, nên đem lại nước uống, nước rửa, nên sắp đặt chỗ ngồi, nên thắp sáng đèn, rồi nên ngồi xuống. Nếu có các Tỳ-khưu khác đi đến thì nên

thực hiện lễ *Pavāraṇā* với các vị ấy; nếu không có ai đi đến thì nên chú nguyện rằng: "Hôm nay là lễ *Pavāraṇā* của tôi." Nếu không chú nguyện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có năm vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt lời thỉnh cầu của một vị, rồi thỉnh cầu hội chúng bởi bốn vị. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có bốn vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt lời thỉnh cầu của một vị, rồi thỉnh cầu lẫn nhau bởi ba vị. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt lời thỉnh cầu của một vị, rồi thỉnh cầu lẫn nhau bởi hai vị. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có hai vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt lời thỉnh cầu của một vị, rồi chú nguyện bởi một vị. Nếu chú nguyện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị phạm tội vào ngày lễ *Pavāraṇā*. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị bị phạm tội không nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*' và ta thì bị phạm tội; vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị phạm tội vào ngày lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin thú nhận tội ấy." Vị kia nên nói rằng: "[Đại đức] có thấy [tội ấy] không?" "Thưa có, tôi thấy." "[Đại đức] hãy thu thúc trong tương lai."

49. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có nghi ngờ về sự phạm tội vào ngày lễ *Pavāraṇā*. Này cácTỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy], khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi khi ấy, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì lễ *Pavāraṇā* nên được tiến hành, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Pavāraṇā* chỉ vì nguyên nhân ấy.

50. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong lúc đang được thỉnh cầu thì nhớ ra tội. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị bị phạm tội không nên thỉnh cầu' và ta thì bị phạm tội; vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu trong lúc đang được thỉnh cầu thì nhớ ra tội. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vầy: "Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], sau khi đứng dậy khỏi đây, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên thỉnh cầu, nhưng không nên làm chướng ngại cho việc thỉnh cầu chỉ vì nguyên nhân ấy. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu trong lúc đang được thỉnh cầu thì có nghi ngờ về sự

phạm tội. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vầy: "Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy], khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi khi ấy, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên thỉnh cầu, nhưng không nên làm chướng ngại cho việc thỉnh cầu chỉ vì nguyên nhân ấy.

51. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên trình báo tội [đã phạm] giống nhau, không nên ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau' và toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?"

52. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Này các Tỳ-khưu, ngay trong hôm ấy, các vị Tỳ-khưu ấy nên phái một vị Tỳ-khưu đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy, hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của Đại đức." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

53. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, khi nào [hội chúng] nhìn thấy vị Tỳ-khưu khác trong sạch không phạm tội, khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy trong sự hiện diện của vị ấy." Nói xong thì lễ *Pavāraṇā* nên được tiến hành, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Pavāraṇā* chỉ vì nguyên nhân ấy.

54. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, toàn bộ hội chúng có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau, khi nào [hội chúng] dứt khỏi hoài nghi, khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì lễ *Pavāraṇā* nên được tiến hành, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Pavāraṇā* chỉ vì nguyên nhân ấy.

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều vị Tỳ-khưu thường trú đã tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy đã không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đã đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (1)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (2)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (3)

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (4)

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (5)

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện

lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (6)

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (7)

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (8)

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (9)

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (10)

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã

thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (11)

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (12)

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (13)

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (14)

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (15)

Dứt mười lăm trường hợp vô tội.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực

hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đến. ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp
là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, ...(nt)... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." [Nghĩ rằng]: "Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng:

"Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." [Nghĩ rằng]: "Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." [Nghĩ rằng]: "Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." [Nghĩ rằng]: "Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, ...(nt)... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp "bỏ qua sự ngần ngại."

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các

vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (4)

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (5)

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (6)

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi

tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (7)

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (8)

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (9)

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (10)

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (11)

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến.

Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya.* (12)

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā.* Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya.* (13)

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā.* Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya.* (14)

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā.* Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya.* (15)

Dứt mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ.

Dứt hai mươi lăm nhóm ba.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không biết rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới, ...(nt)... Các vị ấy không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới, ...(nt)... Các vị ấy không nghe rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không nghe rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Theo phương thức của một trăm bảy mươi lăm nhóm ba về vị

thường trú với vị thường trú, về vị vãng lai với vị thường trú, về vị thường trú với vị vãng lai, về vị vãng lai với vị vãng lai, bằng cách thức thêm vào những phần tương tợ thì tạo ra được bảy trăm nhóm ba.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười bốn là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười bốn là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Nếu [có số lượng] tương đương và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn và các vị vãng lai không mong muốn, thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú; các vị thường trú nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các vị Tỳ-khưu thường trú [như là] giường, ghế, nệm, gối được sắp xếp cẩn thận; nước uống, nước rửa khéo được bố trí; phòng ốc được quét dọn sạch sẽ, sau khi nhìn thấy, khởi lên nghi ngờ: "Có các Tỳ-khưu thường trú hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn

thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Thullaccaya*.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nghe được sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các vị Tỳ-khưu thường trú [như là] tiếng bước chân của những vị đang đi kinh hành, tiếng học bài, tiếng đằng hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe khởi lên nghi ngờ: "Có các Tỳ-khưu thường trú hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Thullaccaya*.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] bình bát khác lạ, y khác lạ, vật lót ngồi khác lạ, sự vung vãi nước rửa các bàn chân, sau khi nhìn thấy, khởi lên nghi ngờ: "Có các vị Tỳ-khưu vãng lai hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Thullaccaya*.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nghe được sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] tiếng bước chân của các vị đang đi đến, tiếng động gây nên bởi các đôi dép, tiếng đằng hắng, tiếng hắt

hơi, sau khi nghe, khởi lên nghi ngờ: "Có các vị Tỳ-khưu vãng lai hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Thullaccaya*.

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ-khưu thường trú thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì vô tội.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ-khưu thường trú thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác lại không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ-khưu vãng lai thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì vô tội.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ-khưu vãng lai thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội.

14. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

15. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

16. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

17. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

18. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

19. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

20. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

21. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

22. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

23. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

24. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

25. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

26. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

27. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

28. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

29. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

30. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

31. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

32. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

33. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

34. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, vị Tỳ-khưu từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

35. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, vị Tỳ-khưu từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ

hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.”

36. Này các ...(nt)..., không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị Tỳ-khưu-ni; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

37. Này các ...(nt)..., không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có cô Ni tu tập sự ...(nt)... có vị Sa-di ...(nt)... có vị Sa-di-ni ...(nt)... có người đã xả bỏ sự học tập ...(nt)... có vị đã phạm tội cực nặng; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

38. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội; vị nào thỉnh cầu thì nên được hành xử theo pháp.

39. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ...(nt)... có vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác; vị nào thỉnh cầu thì nên được hành xử theo pháp.

40. Này các Tỳ-khưu, không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có kẻ vô căn; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

41. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)... có kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt)... có loài thú ...(nt)... có kẻ giết mẹ ...(nt)... có kẻ giết cha ...(nt)... có kẻ giết A-la-hán ...(nt)... có kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni ...(nt)... có kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt)... có kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... có kẻ lưỡng căn; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

42. Này các Tỳ-khưu, lễ *Pavāraṇā* không nên tiến hành với việc trao ra sự trong sạch của vị hành *Parivāsa*, trừ trường hợp tập thể còn chưa đứng lên.

43. Này các Tỳ-khưu, không nên tiến hành lễ *Pavāraṇā* không nhằm ngày *Pavāraṇā*, trừ phi vào lúc hợp nhất hội chúng.

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala, vào ngày lễ *Pavāraṇā* đã có sự sợ hãi vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu đã không thể thỉnh cầu ba lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu hai lần đọc.

Đã có sự sợ hãi dữ dội hơn vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu đã không thể thỉnh cầu hai lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu một lần đọc.

Đã có sự sợ hãi dữ dội hơn vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu đã không thể thỉnh cầu một lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu [cùng một lượt] theo sự đồng năm tu.

2. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý rằng: "Trong khi những người này còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Trong khi những người này còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt)... một lần đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu."

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, trong khi các vị Tỳ-khưu đang giảng pháp ...(nt)... trong khi các vị chuyên về Kinh đang trùng tụng về Kinh ...(nt)... trong khi các vị chuyên về Luật đang hỏi về Luật ...(nt)... trong khi các vị Pháp sư đang thảo luận về Pháp ...(nt)... trong khi các vị Tỳ-khưu đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Trong khi các vị Tỳ-khưu đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy đêm nay sẽ hừng sáng." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi các vị Tỳ-khưu đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc, thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt)... một lần đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu."

4. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Hội chúng Tỳ-khưu đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Hội chúng Tỳ-khưu đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu

hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng Tỳ-khưu đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt)... một lần đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu."

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có sự nguy hiểm từ đức vua ...(nt)... có sự nguy hiểm vì trộm cướp ...(nt)... có sự nguy hiểm vì hỏa hoạn ...(nt)... có sự nguy hiểm vì nước ngập ...(nt)... có sự nguy hiểm vì loài người ...(nt)... có sự nguy hiểm vì phi nhân ...(nt)... có sự nguy hiểm vì thú dữ ...(nt)... có sự nguy hiểm vì rắn ...(nt)... có sự nguy hiểm cho mạng sống ...(nt)... có sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Đây là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và điều này sẽ là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Đây là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và điều này sẽ là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt)... một lần đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu.'"

6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư là những vị có phạm tội tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị có phạm tội không nên thỉnh cầu; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, vị nào có phạm tội mà thỉnh cầu thì Ta cho phép buộc tội vị ấy sau khi đã thỉnh ý trước.

7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi được thỉnh ý trước đã không muốn để cho thỉnh ý. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đình chỉ sự thỉnh cầu đối với vị không cho thỉnh ý. Và này các Tỳ-khưu, nên đình chỉ như vầy: Vào ngày lễ *Pavāraṇā* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong khi nhân vật ấy có hiện diện ở giữa hội chúng nên trình lên rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] có phạm tội. Tôi đình chỉ sự thỉnh cầu của vị ấy. Không nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của vị ấy." Sự thỉnh cầu đã được đình chỉ.

8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Trước hết, các vị Tỳ-khưu hiền thiện sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu của chúng ta" nên ra tay trước, đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị Tỳ-khưu trong sạch không phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân. Các vị cũng đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị đã thỉnh cầu xong. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị Tỳ-khưu trong sạch không phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân; vị nào đình chỉ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và này các Tỳ-khưu, không nên đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị đã thỉnh cầu xong; vị nào đình chỉ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

9. Này các Tỳ-khưu, như vầy là sự thỉnh cầu bị đình chỉ, như vầy là không bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, thế nào là sự thỉnh cầu không bị đình chỉ? Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu với ba lần đọc, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, đã hoàn tất thì sự thỉnh cầu không bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu hai lần đọc, nếu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu một lần đọc, nếu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu [đọc một lượt] theo sự đồng năm tu, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, đã hoàn tất thì sự thỉnh cầu không bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, như thế là sự thỉnh cầu không bị đình chỉ.

10. Này các Tỳ-khưu, thế nào là sự thỉnh cầu bị đình chỉ? Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu ba lần đọc, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, [nhưng] chưa được hoàn tất thì sự thỉnh cầu bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu hai lần đọc, nếu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu một lần đọc, nếu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu [đọc một lượt] theo sự đồng năm tu, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, [nhưng] chưa được hoàn tất thì sự thỉnh cầu bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, như thế là sự thỉnh cầu bị đình chỉ.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vị] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi." Sau khi đã răn đe rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vị] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi." Sau khi đã răn đe rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có

sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vị] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi." Sau khi đã răn đe rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vị] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi." Sau khi đã răn đe rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vị] sáng trí, có kinh nghiệm, có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi." Vị [đình chỉ] ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này, Đại đức đình chỉ vị này do điều gì? Đại đức đình chỉ do sự hư hỏng về giới, đình chỉ do sự hư hỏng về hạnh kiểm, đình chỉ do sự hư hỏng về tri kiến?"

16. Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng về giới, hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng về tri kiến." Vị ấy nên được nói như sau: "Vậy vị Đại đức có biết sự hư hỏng về giới không, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không, có biết sự hư hỏng về tri kiến không?" Nếu vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về tri kiến." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, điều gì là sự hư hỏng về giới, điều gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về tri kiến?"

17. Nếu vị ấy nói như vầy: "Bốn *Pārājika*, mười ba *Saṅghādisesa*, đó là sự hư hỏng về giới. Tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, tội *Dukkaṭa*, tội *Dubbhāsita*, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, tri kiến cực đoan, đó là sự hư hỏng về tri kiến." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này, có phải Đại đức đình chỉ do đã được thấy, đình chỉ do đã được nghe, đình chỉ do sự nghi ngờ?"

18. Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ do đã được thấy, hoặc là tôi đình chỉ do đã được nghe, hoặc là tôi đình chỉ do sự nghi ngờ." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, Đại đức đã thấy gì? Đại đức đã thấy thế

nào? Đại đức đã thấy khi nào? Đại đức đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy vị này đang phạm *Pārājika*, đã thấy đang phạm *Saṅghādisesa*, đã thấy đang phạm tội *Thullaccaya*... tội *Pācittiya*... tội *Pāṭidesanīya*... tội *Dukkaṭa*... tội *Dubbhāsita*? Và Đại đức đã ở đâu, và vị Tỳ-khưu này đã ở đâu, và Đại đức đã làm gì, và vị Tỳ-khưu này đã làm gì?"

19. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, tuy nhiên tôi đình chỉ sự thỉnh cầu do đã được nghe." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, Đại đức đã nghe gì? Đại đức đã nghe thế nào? Đại đức đã nghe khi nào? Đại đức đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội *Pārājika*?' Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội *Saṅghādisesa*?' Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội *Thullaccaya*... tội *Pācittiya*... tội *Pāṭidesanīya*... tội *Dukkaṭa*... tội *Dubbhāsita*?' Có phải Đại đức đã nghe từ vị Tỳ-khưu, đã nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, đã nghe từ cô Ni tu tập sự, đã nghe từ vị Sa-di, đã nghe từ vị Sa-di-ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư sĩ, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?'"

20. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi đình chỉ sự thỉnh cầu do sự nghi ngờ." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, Đại đức nghi ngờ gì, nghi ngờ như thế nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải Đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội *Pārājika*?' Có phải Đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội *Saṅghādisesa*?' Có phải Đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội *Thullaccaya*... tội *Pācittiya*... tội *Pāṭidesanīya*... tội *Dukkaṭa*... tội *Dubbhāsita*?' Có phải Đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ cô Ni tu tập sự, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Sa-di, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Sa-di-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại thần của đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo, nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?'"

21. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, hơn nữa tôi cũng không biết do điều gì tôi đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này." Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội không làm thỏa mãn tâm của các vị đồng Phạm hạnh thông minh bằng lời đối đáp thì vừa đủ cho lời nói rằng: "Vị bị buộc tội là không đáng khiển trách." Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội làm thỏa mãn tâm của các vị đồng Phạm hạnh thông minh bằng lời đối đáp thì vừa đủ cho lời nói rằng: "Vị bị buộc tội là đáng khiển trách."

22. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội thú nhận là [vị kia] đã bị bôi nhọ với tội *Pārājika* không có căn cứ, sau khi khép [vị buộc tội] vào tội

Saṅghādisesa rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội thú nhận là [vị kia] đã bị bôi nhọ với tội *Saṅghādisesa* không có căn cứ, sau khi cho hành xử [vị buộc tội] theo pháp rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội thú nhận là [vị kia] đã bị bôi nhọ với tội *Thullaccaya*,... với tội *Pācittiya*,... với tội *Pāṭidesanīya*,... với tội *Dukkaṭa*,... với tội *Dubbhāsita* không có căn cứ, sau khi cho hành xử [vị buộc tội] theo pháp rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

23. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu bị buộc tội thú nhận rằng: "Đã phạm tội *Pārājika*", sau khi trục xuất rồi, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu bị buộc tội thú nhận rằng: "Đã phạm tội *Saṅghādisesa*", sau khi khép vào tội *Saṅghādisesa* rồi, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu bị buộc tội thú nhận rằng: "Đã phạm tội *Thullaccaya*... tội *Pācittiya*... tội *Pāṭidesanīya*... tội *Dukkaṭa*... tội *Dubbhāsita*", sau khi cho hành xử [vị ấy] theo pháp rồi, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

24. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu phạm tội *Thullaccaya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Saṅghādisesa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Thullaccaya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu phạm tội *Thullaccaya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Thullaccaya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Pācittiya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Saṅghādisesa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Pācittiya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị

ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Pācittiya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Pācittiya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Pāṭidesanīya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Saṅghādisesa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Pāṭidesanīya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

27. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Dukkaṭa*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Saṅghādisesa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã

được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Dukkaṭa*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

28. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Dubbhāsita*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Saṅghādisesa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Dubbhāsita*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

29. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị Tỳ-khưu nêu lên ở giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự việc này được biết và nhân sự thì không [biết]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ sự việc rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*." Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, đức Thế Tôn đã quy định lễ *Pavāraṇā* là của các vị trong sạch. Nếu sự việc này được biết và nhân vật thì không [biết] thì ngay bây giờ, Đại đức hãy nói về việc ấy."

30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị Tỳ-khưu nêu lên ở giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật này được biết và sự việc thì không [biết]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ nhân vật rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*." Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, đức Thế Tôn đã quy định lễ *Pavāraṇā* là của các vị trong sạch và của các sự hợp nhất. Nếu nhân vật này được biết và sự việc thì không [biết] thì ngay bây giờ, Đại đức hãy nói về việc ấy."

31. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu nêu lên ở giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự việc này và nhân vật được biết. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ sự việc và nhân vật rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*." Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, đức Thế Tôn đã quy định lễ *Pavāraṇā* là của các vị trong sạch và của các sự hợp nhất. Nếu sự việc và nhân vật được biết thì ngay bây giờ, Đại đức hãy nói về việc ấy." Này các Tỳ-khưu, nếu sự việc được biết trước ngày lễ *Pavāraṇā*, còn nhân vật [được biết] sau đó thì thích hợp cho lời nói. Này các Tỳ-khưu, nếu nhân vật được biết trước ngày lễ *Pavāraṇā*, còn sự việc [được biết] sau đó thì thích hợp cho lời nói. Này các Tỳ-khưu, nếu sự việc và nhân vật được biết trước ngày lễ *Pavāraṇā* và khi lễ *Pavāraṇā* đã được thực hiện, nếu khơi lại việc ấy thì phạm tội *Pācittiya* về việc bươi móc.[2]

32. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala. Ở khu vực lân cận của các vị ấy, có những Tỳ-khưu khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng [cũng] đã vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: "Khi các vị Tỳ-khưu ấy đã sống qua mùa [an cư] mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu [của các vị ấy] vào ngày lễ *Pavāraṇā*." Các vị Tỳ-khưu ấy đã nghe được rằng: "Nghe nói ở khu vực lân cận của chúng ta, có những Tỳ-khưu khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng [cũng] đã vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: 'Khi các vị Tỳ-khưu ấy đã sống qua mùa [an cư] mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị ấy vào ngày lễ *Pavāraṇā*', vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

33. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết, vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ. Ở khu vực lân cận của các vị ấy, có những Tỳ-khưu khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng [cũng] vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: "Khi các vị Tỳ-khưu ấy đã sống qua mùa [an cư] mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị ấy vào ngày lễ *Pavāraṇā*." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các vị Tỳ-khưu ấy thực hiện hai hay

[2] Liên quan đến tội *Pācittiya* 63 về việc khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp (ND).

ba lễ *Uposatha* vào ngày mười bốn [nghĩ rằng]: "Làm thế nào chúng ta có thể tiến hành lễ *Pavāraṇā* sớm hơn các vị Tỳ-khưu ấy?"

34. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy đi đến chỗ trú xứ ấy, này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu thường trú ấy nên tụ hội lại thật nhanh chóng và tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā* nên nói rằng: "Này các Đại đức, chúng tôi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, các Đại đức hãy làm theo như điều mà các vị suy nghĩ."

35. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy đi đến trú xứ ấy không báo trước, này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu thường trú ấy nên sắp đặt chỗ ngồi, nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đi ra đón, nên rước y và bình bát, và nên hỏi ý về nước uống. Sau khi xem chừng các vị ấy rồi, nên đi ra khỏi ranh giới và nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā* nên nói rằng: "Này các Đại đức, chúng tôi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, các Đại đức hãy làm theo như điều mà các vị suy nghĩ." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các vị Tỳ-khưu thường trú ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu thường trú kinh nghiệm, có năng lực: "Xin các Đại đức thường trú hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, giờ đây, chúng ta nên tiến hành lễ *Uposatha*, chúng ta nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Chúng ta có thể tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào hạ huyền tới."[3]

36. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Đại đức, tốt đẹp thay các vị hãy tiến hành lễ *Pavāraṇā* với chúng tôi ngay hôm nay." Các vị Tỳ-khưu ấy nên nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của chúng tôi. Chúng tôi không thể thỉnh cầu cho đến lúc ấy."

37. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy cư ngụ cho đến thời gian ấy, này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu thường trú ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu thường trú kinh nghiệm, có năng lực: "Xin các Đại đức thường trú hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, giờ đây chúng ta nên tiến hành lễ *Uposatha*, chúng ta nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Chúng ta có thể tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tới."

38. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Đại đức, tốt đẹp thay các

[3] Ngày này chính là ngày cuối tháng âm lịch của Việt Nam, tức là ngày 29 hoặc 30 (ND).

vị hãy tiến hành lễ *Pavāraṇā* với chúng tôi ngay hôm nay." Các vị Tỳ-khưu ấy nên nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của chúng tôi. Chúng tôi không thể thỉnh cầu cho đến lúc ấy."

39. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy cư ngụ cho đến ngày trăng tròn ấy, này các Tỳ-khưu, toàn bộ tất cả các vị Tỳ-khưu ấy nên tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến, tức là ngày lễ hội *Cātumāsinī* cho dầu không muốn.

40. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị bị bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị không bệnh, vị ấy nên được nói như vầy: "Đại đức đang bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chịu đựng được sự thẩm vấn. Này Đại đức, hãy chờ đến khi Đại đức hết bệnh. Khi hết bệnh thì Đại đức sẽ buộc tội nếu mong muốn." Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội *Pācittiya* về việc không tôn trọng.[4]

41. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị không bị bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị bị bệnh, vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chịu đựng được sự thẩm vấn. Này Đại đức, hãy chờ cho đến khi vị Tỳ-khưu này hết bệnh. Rồi Đại đức sẽ buộc tội vị không bệnh nếu mong muốn." Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội *Pācittiya* về việc không tôn trọng.

42. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị bị bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị bị bệnh, vị ấy nên được nói như vầy: "Các Đại đức đang bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chịu đựng được sự thẩm vấn. Này Đại đức, hãy chờ đến khi các vị hết bệnh. Rồi khi không bệnh, Đại đức sẽ buộc tội vị không bệnh nếu mong muốn." Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội *Pācittiya* về việc không tôn trọng.

43. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị không bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị không bệnh. Cả hai nên được hội chúng thẩm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, cho hành xử theo pháp, rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

44. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala. Trong khi các vị ấy sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta

---

[4] Liên quan đến tội *Pācittiya* 54 về sự không tôn trọng (ND).

tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā*, các vị Tỳ-khưu sẽ ra đi, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] trú ngụ thoải mái này; vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

45. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp có nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ. Trong khi các vị ấy sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā*, các vị Tỳ-khưu sẽ ra đi, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] trú ngụ thoải mái này."

46. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các vị Tỳ-khưu ấy thực hiện việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā*. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Toàn bộ tất cả [các vị ấy] nên tụ hội lại một chỗ. Sau khi đã tụ hội lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

47. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā*, các vị Tỳ-khưu sẽ ra đi, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] trú ngụ thoải mái này. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā*. Bây giờ, chúng ta nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và nên tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến, tức là ngày lễ hội *Cātumāsinī*. Đây là lời đề nghị.

48. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā*, các vị Tỳ-khưu sẽ ra đi, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] trú ngụ thoải mái này. Hội chúng thực hiện việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā*, bây giờ sẽ tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến, tức là ngày lễ hội *Cātumāsinī*. Đại đức nào đồng ý thực hiện việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā*, bây giờ [hội chúng] sẽ tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến, tức là ngày lễ hội *Cātumāsinī* xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

49. Việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā* đã được hội chúng thực hiện. Bây giờ, [hội chúng] sẽ tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến, tức là ngày lễ

hội *Cātumāsinī*. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

50. Này các Tỳ-khưu, khi việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā* đã được các vị Tỳ-khưu ấy thực hiện, nếu có vị Tỳ-khưu nọ nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi muốn ra đi, du hành ở trong xứ sở. Tôi có công việc cần làm ở trong xứ sở." Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, tốt lắm! Hãy thực hiện lễ *Pavāraṇā* rồi hãy đi."

51. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu ấy trong khi đang thỉnh cầu lại đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu khác. Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, Đại đức không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của tôi, tôi sẽ không thỉnh cầu cho đến lúc ấy." Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu ấy trong khi đang thỉnh cầu, có vị Tỳ-khưu khác đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu ấy. Cả hai nên được hội chúng thẩm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, rồi cho hành xử theo pháp.

52. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu ấy sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở trong xứ sở lại quay trở về trú xứ ấy trước ngày trăng tròn tháng *Kattika*, tức là ngày lễ hội *Cātumāsinī*. Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang thỉnh cầu, có vị Tỳ-khưu nọ đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu ấy. Vị nọ nên được nói như vầy: "Này Đại đức, Đại đức không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của tôi. Tôi đã thỉnh cầu rồi." Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang thỉnh cầu, vị Tỳ-khưu ấy đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu khác. Cả hai nên được hội chúng thẩm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, cho hành xử theo pháp, rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

Dứt chương *Pavāraṇā* là thứ tư.

*****

Trong chương này có bốn mươi sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. [Các vị] đã sống qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kosala đã đi diện kiến bậc Đạo sư, sự sống chung như loài thú một cách không thoải mái, về sự hài hòa với nhau.

2. Trong khi đang cầu thỉnh [ngồi yên] ở chỗ ngồi và có hai [ngày lễ], hành sự, vị bị bệnh, các thân quyến, rồi đức vua, bọn cướp, lũ bất lương, các kẻ đối nghịch Tỳ-khưu cũng giống y như thế.

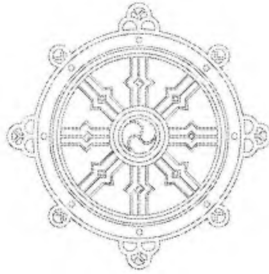
3. Năm, bốn, ba, hai, một vị, bị phạm tội, có sự nghi ngờ, vị đã nhớ lại, tất cả hội chúng có sự nghi ngờ, nhiều hơn, tương đương và ít hơn.

4. Các vị thường trú, ngày mười bốn, đặc điểm, các vị đồng cộng trú, cả hai, nên đi đến, không với vị Ni đã ngồi xuống, về việc bày tỏ sự tùy thuận, lễ *Pavāraṇā*.

5. Vì đám lục lâm, [đêm] đã tàn, đám mây đen, các điều nguy hiểm và sự thỉnh cầu, các vị không để cho thỉnh ý, trước chúng ta, đã không bị đình chỉ và của vị Tỳ-khưu.

6. Và do điều gì? Và thế nào? Do đã thấy, do đã nghe, do sự nghi ngờ, vị kết tội và vị bị kết tội, tội *Thullaccaya*, sự việc, [gây ra] sự xung đột, lễ *Pavāraṇā* và sự hoãn lại, không có quyền hành, [hội chúng] nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

--ooOoo--



V. CHƯƠNG DA THÚ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở núi Gijjhakūṭa. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cai trị vương quốc bằng quyền thống lãnh tối cao trong tám mươi ngàn ngôi làng. Vào lúc bấy giờ, ở xứ Campā, người con trai nhà đại phú tên Soṇa Koḷivīsa là người [có vóc dáng] mảnh mai. Ở hai lòng bàn chân của vị ấy có các sợi lông mọc. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha sau khi cho triệu tập tám mươi ngàn người trưởng làng ấy lại vì công việc cần làm nào đó rồi đã phái sứ giả đến gặp Soṇa Koḷivīsa [nói rằng]: "Soṇa hãy đến. Trẫm muốn sự đi đến của Soṇa."

2. Khi ấy, cha mẹ của Soṇa Koḷivīsa đã nói với Soṇa Koḷivīsa điều này: "Này Soṇa yêu quý, đức vua có ý muốn xem hai bàn chân của con. Này Soṇa yêu quý, con chớ có duỗi thẳng hai bàn chân về hướng đức vua. Con hãy ngồi với thế kiết-già ở phía trước đức vua, khi con đã ngồi xuống thì đức vua sẽ thấy được hai bàn chân của con."

3. Rồi họ đã đưa Soṇa Koḷivīsa đi bằng kiệu. Sau đó, Soṇa Koḷivīsa đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã cung kính chào đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha rồi đã ngồi với thế kiết-già ở phía trước đức vua. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nhìn thấy các lông mọc ở hai lòng bàn chân của Soṇa Koḷivīsa.

4. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã chỉ bảo về các điều lợi ích trong thời hiện tại đến tám mươi ngàn người trưởng làng ấy rồi giải tán [nói rằng]: "Này các khanh, ở đây các khanh đã được ta chỉ bảo về các điều lợi ích trong đời hiện tại. Các khanh hãy đi đến và hầu cận đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy sẽ giảng dạy cho chúng ta về các điều lợi ích trong đời vị lai." Sau đó, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đến núi Gijjhakūṭa.

5. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sāgata là thị giả của đức Thế Tôn. Khi ấy, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đến gặp Đại đức Sāgata, sau khi đến đã nói với Đại đức Sāgata điều này:

– Thưa ngài, tám mươi ngàn người trưởng làng này đi đến đây để diện kiến đức Thế Tôn. Thưa ngài, tốt đẹp thay nếu chúng tôi có thể diện kiến đức Thế Tôn.

– Này quý vị, nếu vậy thì các vị hãy ở ngay tại đây trong chốc lát, chờ tôi báo cho đức Thế Tôn biết.

6. Sau đó, Đại đức Sāgata đã biến mất ở nơi bậc cấp trước tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đang chăm chú nhìn, rồi đã hiện ra ở trước đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tám mươi ngàn người trưởng làng này đi đến đây để diện kiến đức Thế Tôn. Bạch Ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy suy nghĩ về thời điểm của việc ấy.

7. – Này Sāgata, nếu vậy thì ngươi hãy sắp đặt chỗ ngồi ở nơi có bóng râm của trú xá.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Sāgata nghe theo đức Thế Tôn, đã cầm lấy chiếc ghế rồi biến mất ở trước đức Thế Tôn và hiện ra ở bậc cấp trước tám mươi ngàn người trưởng làng đang chăm chú nhìn, rồi đã sắp đặt chỗ ngồi ở nơi có bóng râm của trú xá.

8. Sau đó, đức Thế Tôn đã từ trú xá đi ra và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được sắp đặt ở nơi có bóng râm của trú xá. Khi ấy, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9. Sau đó, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy chỉ hướng tâm đến chính Đại đức Sāgata, còn đức Thế Tôn thì không được như thế. Khi ấy, đức Thế Tôn đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của tám mươi ngàn người trưởng làng ấy nên đã bảo Đại đức Sāgata rằng:

– Này Sāgata, nếu vậy thì ngươi hãy phô bày sự diệu kỳ của thần thông là pháp thượng nhân nhiều hơn nữa.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Đại đức Sāgata nghe theo đức Thế Tôn, đã bay lên không trung, đi qua lại ở khoảng không trên bầu trời, rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống, rồi phun khói, rồi phát sáng, rồi biến mất.

10. Sau đó, khi đã phô bày sự diệu kỳ của thần thông là pháp thượng nhân, theo nhiều cách ở khoảng không trên bầu trời, Đại đức Sāgata đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử. Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.

11. Khi ấy, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy [nghĩ rằng]: “Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Bởi vì vị đệ tử còn có đại thần lực như thế này, đại oai lực như thế này, ắt hẳn vị Đạo sư sẽ còn hơn thế nữa!” Rồi đã hướng tâm đến chính đức Thế Tôn, còn Đại đức Sāgata thì không được như thế.

12. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của tám mươi ngàn người trưởng làng ấy rồi đã thuyết pháp theo thứ lớp. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

13. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như

tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến tám mươi ngàn người trưởng làng ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

14. Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là những nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

15. Khi ấy, Soṇa Koḷivīsa đã khởi ý điều này: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch, hay là ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà?"

16. Sau đó, khi đã được hoan hỷ, đã được hài lòng với lời giảng dạy của đức Thế Tôn, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi tám mươi ngàn người trưởng làng ra đi không lâu, Soṇa Koḷivīsa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Soṇa Koḷivīsa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch Ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy cho con xuất gia.

Rồi Soṇa Koḷivīsa đã đạt được sự xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn, đã đạt được sự tu lên bậc trên.

17. Và khi đã được tu lên bậc trên không bao lâu, Đại đức Soṇa sống ở khu rừng Sīta. Trong khi vị ấy đang đi kinh hành với sự tinh tấn nỗ lực quá mức, các bàn chân đã bị rách. Đường kinh hành trở nên vấy đầy máu như là chỗ giết trâu bò.

18. Sau đó, Đại đức Soṇa trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta là một trong số các vị đệ tử của đức Thế Tôn sống có sự tinh tấn nỗ lực, nhưng tâm của ta vẫn còn chấp thủ và không được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Hơn nữa, ở gia đình của ta lại có các tài sản, có thể thọ dụng những tài sản [ấy] và làm các việc phước báu. Hay là ta nên quay về cuộc sống thấp kém rồi thọ dụng những tài sản [ấy] và làm các việc phước báu?"

19. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Đại đức Soṇa, rồi cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, Ngài đã biến mất tại núi Gijjhakūṭa và hiện ra ở khu rừng Sīta.

20. Sau đó, trong khi cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đi dạo quanh các chỗ trú ngụ, đức Thế Tôn đã đi đến gần đường kinh hành của Đại đức Soṇa. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đường kinh hành của Đại đức Soṇa bị vấy đầy máu, sau khi nhìn thấy, đã nói với các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, đường kinh hành này của vị nào lại bị vấy đầy máu, giống như là chỗ giết trâu bò vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức Soṇa trong khi đi kinh hành với sự tinh tấn nỗ lực quá mức nên hai bàn chân đã bị rách. Đường kinh hành bị vấy đầy máu này là của vị ấy, giống như là chỗ giết trâu bò vậy.

21. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến trú xá của Đại đức Soṇa, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Đại đức Soṇa đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Soṇa đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Soṇa điều này:

– Này Soṇa, có phải ngươi trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta là một trong số các vị đệ tử của đức Thế Tôn sống có sự tinh tấn nỗ lực, nhưng tâm của ta vẫn còn chấp thủ và không được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Hơn nữa, ở gia đình của ta lại có các tài sản, có thể thọ dụng những tài sản [ấy] và làm các việc phước báu; hay là ta nên quay về cuộc sống thấp kém rồi thọ dụng những tài sản [ấy] và làm các việc phước báu?"

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

22. – Này Soṇa, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Có phải trước đây, khi còn là kẻ tại gia, ngươi rành rẽ về âm điệu của sợi dây ở đàn vīṇā?[1]

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Soṇa, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn vīṇā của ngươi là quá căng, phải chăng vào lúc ấy cây đàn vīṇā của ngươi có được âm sắc, hoặc thích hợp để sử dụng?

[1] Vīṇā là một loại đàn dây có hình dáng tương tợ như đàn tỳ-bà (ND).

– Bạch Ngài, điều ấy không đúng.

– Này Soṇa, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn vīṇā của ngươi là quá chùng, phải chăng vào lúc ấy cây đàn vīṇā của ngươi có được âm sắc, hoặc thích hợp để sử dụng?

– Bạch Ngài, điều ấy không đúng.

– Này Soṇa, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn vīṇā của ngươi không là quá căng và cũng không là quá chùng, được đặt vào mức độ trung hòa, phải chăng vào lúc ấy cây đàn vīṇā của ngươi có được âm sắc, hoặc thích hợp để sử dụng?

– Bạch Ngài, đúng vậy.

23. – Này Soṇa, tương tợ y như thế, sự tinh tấn nỗ lực quá mức đưa đến sự loạn động, sự tinh tấn quá uể oải đưa đến sự biếng nhác. Này Soṇa, do đó ở đây, ngươi phải xác định mức đều đều của sự tinh tấn, phải thấu triệt sự cân bằng của các quyền và ở đó ngươi phải nắm giữ ấn chứng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Soṇa đã trả lời đức Thế Tôn.

24. Sau đó, khi đã giáo huấn cho Đại đức Soṇa bằng lời giáo huấn ấy, rồi cũng giống như một người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, tại khu rừng Sīta, đức Thế Tôn đã biến mất trước mặt Đại đức Soṇa rồi hiện ra ở núi Gijjhakūṭa.

25. Sau đó, Đại đức Soṇa đã xác định mức đều đều của sự tinh tấn, đã thấu triệt sự cân bằng của các quyền, và ở đó đã nắm giữ được ấn chứng. Khi ấy, Đại đức Soṇa trong khi sống một mình, tách biệt, không lười biếng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm, nên chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, nhờ vào thắng trí của mình đã chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà. Vị ấy biết được rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã sống, việc cần làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đối với bản thể [A-la-hán] này nữa." Và trong số các vị A-la-hán đã có thêm một vị nữa là Đại đức Soṇa.

26. Sau đó, khi đã chứng đạt quả vị A-la-hán, Đại đức Soṇa đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên công bố trí chứng ngộ này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn?" Khi ấy, Đại đức Soṇa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Soṇa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

27. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nào là bậc A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm, gánh nặng đã được đặt xuống, mục đích tốt đẹp đã đạt được, sự ràng buộc vào hiện hữu đã được diệt

tận, đã được giải thoát nhờ vào trí chứng ngộ chân chánh, vị ấy đã thành tựu sáu việc: Vị ấy đã thành tựu sự xuất ly, vị ấy đã thành tựu sự viễn ly, vị ấy đã thành tựu sự không hãm hại, vị ấy đã thành tựu sự diệt tận của chấp thủ, vị ấy đã thành tựu sự diệt tận của luyến ái, vị ấy đã thành tựu sự không còn si mê.

28. Bạch Ngài, ở đây có thể một vị Đại đức nào đó sẽ khởi ý như vầy: "Không lẽ vị Đại đức này đã thành tựu sự xuất ly chỉ hoàn toàn nhờ vào đức tin?" Bạch Ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm xong, không còn quán xét đến việc cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của [việc] đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự xuất ly, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự xuất ly, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự xuất ly.

29. Bạch Ngài, ở đây có thể một vị Đại đức nào đó sẽ khởi ý như vầy: "Không lẽ vị Đại đức này đã thành tựu sự viễn ly trong khi còn thèm muốn lợi lộc, sự trọng vọng và sự tôn vinh?" Bạch Ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm xong, không còn quán xét đến việc cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của [việc] đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự viễn ly, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự viễn ly, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự viễn ly.

30. Bạch Ngài, ở đây, có thể một Đại đức nào đó sẽ khởi ý như vầy: "Không lẽ Đại đức này đã thành tựu sự không hãm hại trong khi lìa bỏ cốt lõi, quay về với sự bám víu vào giới cấm và nghi thức?" Bạch Ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm xong, không còn quán xét đến việc cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của [việc] đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự không hãm hại, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự không hãm hại, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự không hãm hại. ...(nt)... Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ. ...(nt)... Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái. ...(nt)... Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự không còn

si mê, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự không còn si mê, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự không còn si mê.

31. Bạch Ngài, đối với vị Tỳ-khưu có tâm đã được hoàn toàn giải thoát, nếu các hình dáng được nhận biết bởi mắt, dầu cho nổi bật, đi vào nhãn giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy, bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy. Nếu các âm thanh được nhận thức bởi tai... các mùi hương được nhận thức bởi mũi... các vị nếm được nhận thức bởi lưỡi... các sự xúc chạm được nhận thức bởi thân... các pháp được nhận thức bởi ý, dầu cho nổi bật, đi vào ý giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy, bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động, và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy.

32. Bạch Ngài, cũng giống như hòn núi đá không có kẽ nứt, không có lỗ hổng, liền lặn một khối, nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng Đông cũng không thể làm nó rung chuyển, không thể làm lay động, không thể làm chấn động. Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng Tây... Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng Bắc... Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng Nam cũng không thể làm nó rung chuyển, không thể làm lay động, không thể làm chấn động. Bạch Ngài, tương tợ như thế, đối với vị Tỳ-khưu có tâm đã được hoàn toàn giải thoát, nếu các hình dáng được nhận thức bởi mắt, dầu cho nổi bật, đi vào nhãn giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy, bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy. Nếu các âm thanh được nhận thức bởi tai... các mùi hương được nhận thức bởi mũi... các vị nếm được nhận thức bởi lưỡi... các sự xúc chạm được nhận thức bởi thân... các pháp được nhận thức bởi ý, dầu cho nổi bật, đi vào ý giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy.

33. *Đối với vị có tâm đã thành tựu sự xuất ly và sự viễn ly, đã thành tựu sự không hãm hại và có sự đoạn tận của chấp thủ, có tâm đã thành tựu sự đoạn tận tham ái và sự không si mê, sau khi thấy được sự sanh lên của các xứ (sáu giác quan và các đối tượng của chúng), tâm (của vị ấy) được hoàn toàn giải thoát một cách đúng đắn.*

34. *Đối với vị Tỳ-khưu đã được hoàn toàn giải thoát một cách đúng đắn, có tâm thanh tịnh ấy, thì không có sự tích lũy của [việc] đã làm, việc cần làm không được biết đến.*

35. *Giống như núi đá liền lặn một khối, không lay chuyển bởi gió, tương tợ như thế, hết thảy các sắc, các vị, các thinh, các hương, các xúc, các pháp được ưa thích và không được ưa thích không làm chấn động tâm đã được bền vững, đã được giải thoát của vị như thế ấy và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy.*

36. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, những người con trai của các gia đình danh tiếng công bố sự chứng ngộ như thế ấy. Kết quả đã được nói lên còn bản thân là không nêu ra. Hơn nữa, trong trường hợp này, Ta nghĩ rằng có một số kẻ rồ dại công bố trí chứng ngộ như là đùa giỡn, những kẻ ấy sau này bị lâm vào cảnh tiêu hoại.

37. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Soṇa rằng:

– Này Soṇa, ngươi là người [có vóc dáng] mảnh mai. Này Soṇa, đối với ngươi, Ta cho phép [sử dụng] dép loại một lớp.

– Bạch Ngài, con đã từ bỏ số tiền vàng gồm tám mươi xe hàng với bầy voi gồm bảy con và đã rời nhà xuất gia, sống không nhà. Bạch Ngài, giờ đây nếu con sẽ mang dép loại một lớp, sẽ có những người nói về con rằng: "Soṇa Koḷivīsa đã từ bỏ số tiền vàng gồm tám mươi xe hàng với bầy voi gồm bảy con và đã rời nhà xuất gia, sống không nhà. Giờ đây, chính vị ấy lại bám víu vào những đôi dép loại một lớp." Nếu đức Thế Tôn cho phép hội chúng Tỳ-khưu thì con sẽ sử dụng; nếu đức Thế Tôn không cho phép hội chúng Tỳ-khưu thì con cũng sẽ không sử dụng.

38. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dép loại một lớp. Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép loại hai lớp, không nên mang những đôi dép loại ba lớp, không nên mang những đôi dép loại nhiều lớp; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

39. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép toàn màu xanh, ...(nt)... mang những đôi dép toàn màu vàng, mang những đôi dép toàn màu đỏ [máu], mang những đôi dép toàn màu tím, mang những đôi dép toàn màu đen, mang những đôi dép nhuộm toàn màu đỏ tía, mang những đôi dép nhuộm toàn màu hồng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

40. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép toàn màu xanh, ...(nt)... không nên mang những đôi dép toàn màu vàng, không nên mang những đôi dép toàn màu đỏ [máu], không nên mang những đôi dép toàn màu tím, không nên mang những đôi dép toàn màu đen, không nên mang những đôi dép nhuộm toàn màu đỏ tía, không nên mang những đôi dép nhuộm toàn màu hồng; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

41. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép có dây buộc màu xanh, ...(nt)... mang những đôi dép có dây buộc màu vàng, mang những đôi dép có dây buộc màu đỏ [máu], mang những đôi dép có dây buộc màu tím, mang những đôi dép có dây buộc màu đen, mang những đôi dép có

dây buộc nhuộm màu đỏ tía, mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu hồng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

42. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu xanh, ...(nt)... không nên mang những đôi dép có dây buộc màu vàng, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu đỏ [máu], không nên mang những đôi dép có dây buộc màu tím, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu đen, không nên mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu đỏ tía, không nên mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu hồng; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

43. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép phủ gót chân, ...(nt)... mang những đôi dép trùm đến gối, mang những đôi dép trùm đến ống chân, mang những đôi dép lót bông gòn, mang những đôi dép giống cánh của gà gô, mang những đôi dép có gắn sừng cừu, mang những đôi dép có gắn sừng dê, mang những đôi dép có gắn đuôi bọ cạp, mang những đôi dép có khâu lông công, mang những đôi dép đủ các loại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

44. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép phủ gót chân, ...(nt)... không nên mang những đôi dép trùm đến gối, không nên mang những đôi dép trùm đến ống chân, không nên mang những đôi dép lót bông gòn, không nên mang những đôi dép giống cánh của gà gô, không nên mang những đôi dép có gắn sừng cừu, không nên mang những đôi dép có gắn sừng dê, không nên mang những đôi dép có gắn đuôi bọ cạp, không nên mang những đôi dép có khâu lông công, không nên mang những đôi dép đủ các loại; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

45. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép được viền quanh bằng da sư tử, ...(nt)... mang những đôi dép được viền quanh bằng da cọp, mang những đôi dép được viền quanh bằng da beo, mang những đôi dép được viền quanh bằng da hươu, mang những đôi dép được viền quanh bằng da rái cá, mang những đôi dép được viền quanh bằng da mèo, mang những đôi dép được viền quanh bằng da sóc, mang những đôi dép được viền quanh bằng da cú mèo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

46. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da sư tử, ...(nt)... không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da cọp, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da beo, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da hươu, không nên mang những đôi dép

được viền quanh bằng da rái cá, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da mèo, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da sóc, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da cú mèo; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

47. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực với vị Tỳ-khưu nào đó làm Sa-môn hầu cận. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đi khập khiễng theo sát phía sau đức Thế Tôn.

48. Có nam cư sĩ nọ sau khi mang vào đôi dép loại nhiều lớp đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã tháo đôi dép ra rồi đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đi đến gần vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy rồi nói điều này:

– Thưa ngài, vì sao ngài đi khập khiễng?

– Này đạo hữu, hai bàn chân tôi bị rách.

– Thưa ngài, hãy nhận lấy đôi dép.

– Này đạo hữu, thôi đi. Những đôi dép có nhiều lớp đã bị đức Thế Tôn cấm đoán.

[Đức Thế Tôn đã nói rằng:]

– Này Tỳ-khưu, ngươi hãy thọ lãnh đôi dép ấy.

49. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dép loại nhiều lớp đã bị bỏ đi. Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép loại nhiều lớp còn mới; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

50. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đi kinh hành ngoài trời, không mang dép. Các Tỳ-khưu trưởng lão [nghĩ rằng]: "Bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép" nên đi kinh hành cũng không mang dép.

51. Trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép, trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang dép. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép, trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang dép?"

52. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép và trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang dép, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

53. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép và trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, những kẻ rồ dại ấy lại đi kinh hành có mang dép? Này các Tỳ-khưu, ngay cả những người tại gia choàng vải trắng, vì lý do nghề nghiệp để nuôi mạng vẫn sống có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa đối với các vị thầy.

54. Này các Tỳ-khưu, ở đây các ngươi hãy làm rạng rỡ việc các ngươi đang được xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vầy, sao các ngươi có thể sống không có sự tôn kính, không có sự phục tùng, không có sự cư xử hài hòa đối với các vị thầy dạy học, đối với các vị tương đương thầy dạy học, đối với các vị thầy tế độ, đối với các vị tương đương thầy tế độ?

55. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị thầy dạy học, các vị tương đương thầy dạy học, các vị thầy tế độ, các vị tương đương thầy tế độ đang đi kinh hành không mang dép, không nên đi kinh hành có mang dép; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trong khuôn viên tu viện không nên mang dép; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

56. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh khối u ở bàn chân. Các Tỳ-khưu khiêng vị Tỳ-khưu ấy đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các Tỳ-khưu ấy đang khiêng vị Tỳ-khưu ấy đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện, sau khi nhìn thấy, đã đi đến gần các Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này có bệnh gì vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh khối u ở bàn chân. Chúng con khiêng vị này đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.

57. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị có các bàn chân bị đau, hoặc có các bàn chân bị rách, hoặc có bệnh khối u ở bàn chân được mang dép.

58. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bước lên giường ghế với các bàn chân chưa rửa khiến y và chỗ nằm ngồi bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mang dép khi nghĩ rằng: "Bây giờ ta sẽ bước lên giường hoặc ghế."

59. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi đi đến nhà hành lễ *Uposatha*, cũng như đến cuộc hội họp vào ban đêm đã đạp nhằm gốc cây, [đạp nhằm] gai nhọn khiến các bàn chân bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong khuôn viên tu viện, Ta cho phép sử dụng dép, cây đuốc, cây đèn và cây gậy để chống.

60. Vào lúc bấy giờ, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời, trong khi nói to giọng, lớn tiếng, với âm thanh ồn ào về chuyện nhảm nhí có tính chất đa dạng như là chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, chuyện quan đại thần, chuyện quân đội, chuyện ghê rợn, chuyện chiến tranh, chuyện cơm ăn, chuyện nước uống, chuyện vải vóc, chuyện giường nằm, chuyện vòng hoa, chuyện hương thơm, chuyện thân quyến, chuyện xe cộ, chuyện làng xóm, chuyện thị trấn, chuyện thành thị, chuyện quốc gia, chuyện đàn bà, chuyện đàn ông, chuyện người hùng, chuyện đường sá, chuyện kho tàng, chuyện ma quỷ, chuyện linh tinh, chuyện tiên đoán về thế gian, chuyện tiên đoán về biển cả, chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy, các vị vừa giẫm đạp giết chết côn trùng vừa làm cho các Tỳ-khưu bị hư hoại thiền định.

61. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng lại mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời, còn nói to giọng, lớn tiếng, với âm thanh ồn ào về chuyện nhảm nhí có tính chất đa dạng như là chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, ...(nt)..., chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy, các vị vừa giẫm đạp giết chết côn trùng vừa làm cho các Tỳ-khưu bị hư hoại thiền định?"

62. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng lại mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời, còn nói to giọng, lớn tiếng, với âm thanh ồn ào về chuyện nhảm nhí có tính chất đa dạng như là chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, ...(nt)... chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy, các vị vừa giẫm đạp giết chết côn trùng vừa làm cho các Tỳ-khưu bị hư hoại thiền định, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

63. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang các đôi guốc gỗ; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

64. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bārāṇasī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bārāṇasī. Tại nơi ấy, trong thành Bārāṇasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, ở chỗ vườn Nai.

65. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Những đôi guốc gỗ đã bị đức Thế Tôn cấm đoán" nên đã cho chặt những cây thốt nốt còn

non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt. Những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho chặt những cây thốt nốt còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt, khiến những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa? Các Sa-môn Thích tử hãm hại mạng sống của loài có một giác quan."

66. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã cho chặt những cây thốt nốt còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt, khiến những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

67. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại kia lại cho chặt những cây thốt nốt còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt, khiến những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa. Này các Tỳ-khưu, bởi vì dân chúng nghĩ rằng có mạng sống ở trong thân cây. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

68. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt đã bị đức Thế Tôn cấm đoán" nên đã cho chặt những cây tre còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre. Những cây tre còn non bị chặt trở nên héo úa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Sa-môn Thích tử lại cho chặt những cây tre còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre, khiến những cây tre còn non bị chặt trở nên héo úa? Các Sa-môn Thích tử hãm hại mạng sống của loài có một giác quan."

69. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

70. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bhaddiya. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bhaddiya. Tại nơi ấy, trong thành Bhaddiya, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Jātiyā.

71. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu ở Bhaddiya sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vị tự làm

và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ.

72. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu ở Bhaddiya lại sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

73. – Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu ở Bhaddiya sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

74. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: "Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Chúng làm và bảo người làm giày bằng cỏ, chúng làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, chúng làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, chúng làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, chúng làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, chúng làm và bảo người làm giày bằng len. Chúng xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ?

75. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang giày làm bằng cỏ, không nên mang giày làm bằng cỏ tranh, không nên mang giày làm bằng cỏ sậy, không nên mang giày làm bằng cây dừa nước, không nên mang giày làm bằng lá cây kamala, không nên mang giày làm bằng len, không nên mang giày làm bằng vàng, không nên mang giày làm bằng bạc, không nên mang giày làm bằng ngọc mani, không nên mang giày làm bằng ngọc bích, không nên mang giày làm bằng pha lê, không nên mang giày làm bằng đồng thau, không nên mang giày làm bằng thủy tinh, không nên mang giày làm bằng thiếc, không nên mang giày làm bằng chì, không nên mang giày làm bằng đồng đỏ; vị nào mang thì phạm

tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, không nên mang bất cứ loại giày nào dùng cho việc đi lại; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại giày đặt ở chỗ nhất định, không thể chuyển dịch là giày ở nhà tiểu, giày ở nhà tiêu,[2] giày ở chỗ súc miệng.

76. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bhaddiya theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi ấy, trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

77. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nắm lấy các sừng của những con bò cái đang lội qua sông Aciravatī, các vị nắm lấy các lỗ tai, các vị nắm lấy cổ, các vị nắm lấy đuôi, các vị cỡi lên lưng, các vị sờ vào bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm, các vị dìm nước các con bò cái tơ và giết chết.

78. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại nắm lấy các sừng của những con bò cái đang lội qua sông Aciravatī, các vị nắm lấy các lỗ tai, các vị nắm lấy cổ, các vị nắm lấy đuôi, các vị cỡi lên lưng, các vị sờ mó bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm, các vị dìm nước các con bò cái tơ và giết chết giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?"

79. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

80. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên nắm lấy các sừng, không nên nắm lấy các lỗ tai, không nên nắm lấy cổ, không nên nắm lấy đuôi, không nên cỡi lên lưng của những con bò cái; vị nào cỡi lên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không nên sờ mó bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm; vị nào sờ mó thì phạm tội *Thullaccaya*. Không nên giết chết những con bò cái tơ; vị nào giết chết thì nên hành xử theo pháp.[3]

81. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe được kéo bởi các con bò cái với người nam đánh xe ngồi ở giữa, hoặc được kéo bởi các con bò đực với người nữ đánh xe ngồi ở giữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như lễ hội ở vùng Gaṅgā và Mahī vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên di chuyển bằng xe; vị nào di chuyển thì phạm tội *Dukkaṭa*.

---

[2] Giày ở nhà tiểu và giày ở nhà tiêu được đề cập ở *Cullavagga* (*Tiểu phẩm*) và được ghi nghĩa Việt là bục tiểu tiện và bục đại tiện. Xem tr. 749-51 trong tập này; *TTPV*, tập 7, tr. 107-09.

[3] Liên quan đến tội *Pācittiya* 61 về cố ý [giết] sinh vật (ND).

82. Vào lúc bấy giờ, ở trong xứ Kosala có vị Tỳ-khưu nọ đang đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, ở giữa đường bị bệnh. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã rời đường đi và ngồi xuống ở gốc cây nọ.

83. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã nói điều này:

– Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?

– Này các đạo hữu, tôi sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.

– Thưa ngài, hãy đến đây, chúng ta sẽ cùng đi.

– Này các đạo hữu, tôi không thể [đi được]. Tôi bị bệnh.

– Thưa ngài, hãy đến đây. Hãy leo lên xe.

– Này các đạo hữu, thôi đi. Xe đã bị đức Thế Tôn cấm đoán.

Trong lúc ngần ngại, vị ấy đã không leo lên xe.

84. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] xe đối với vị bị bệnh.

85. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: “Vậy được kéo bởi con cái? Hay được kéo bởi con đực?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép được kéo bởi con đực, [hoặc] xe kéo bằng tay.

86. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã bị khó chịu dữ dội hơn nữa vì sự dằn xóc của xe. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kiệu khiêng, ghế khiêng.

87. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu.

88. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

89. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn đã bị đức Thế Tôn cấm đoán" nên sử dụng những tấm da thú lớn là da sư tử, da cọp, da beo. Các tấm da được cắt theo kích thước của giường, chúng được cắt theo kích thước của ghế, chúng được xếp đặt ở giường phía bên trong, chúng được xếp đặt ở giường phía bên ngoài, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên trong, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên ngoài. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng những tấm da thú lớn là da sư tử, da cọp, da beo; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

90. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Những tấm da thú lớn đã bị đức Thế Tôn cấm đoán" nên sử dụng những tấm da bò. Những tấm da bò được cắt theo kích thước của giường, chúng được cắt theo kích thước của ghế, chúng được xếp đặt ở giường phía bên trong, chúng được xếp đặt ở giường phía bên ngoài, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên trong, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên ngoài.

91. Có vị Tỳ-khưu xấu xa nọ thường hay lui tới với người cư sĩ xấu xa nọ. Khi ấy vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu xấu xa ấy đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến nhà ở của người cư sĩ xấu xa ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau đó, người cư sĩ xấu xa ấy đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu xấu xa ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu xấu xa ấy rồi ngồi xuống một bên.

92. Vào lúc bấy giờ, người cư sĩ xấu xa ấy có con bê còn nhỏ, đẹp dáng, đáng nhìn, xinh xắn, có nhiều màu như là con beo con vậy. Khi ấy, vị Tỳ-khưu xấu xa ấy chăm chú nhìn con bê con ấy một cách kỹ lưỡng. Sau đó, người cư sĩ xấu xa ấy đã nói với vị Tỳ-khưu xấu xa ấy điều này:

– Thưa ngài, vì sao ngài lại chăm chú nhìn con bê con ấy một cách kỹ lưỡng vậy?

– Này đạo hữu, Ta có việc cần dùng với da của con bê này.

Khi ấy, người cư sĩ xấu xa ấy đã giết chết con bê ấy, lột tấm da, rồi dâng cho vị Tỳ-khưu xấu xa ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu xấu xa ấy đã dùng y hai lớp che đậy tấm da ấy rồi ra đi.

93. Khi ấy, con bò cái ấy nhớ đến con bê nên đã đi theo phía sau vị Tỳ-khưu xấu xa ấy. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, vì sao con bò cái này cứ đi theo phía sau Đại đức vậy?

– Này các Đại đức, tôi cũng không biết vì sao con bò cái này cứ đi theo phía sau tôi nữa?

94. Vào lúc bấy giờ, y hai lớp của vị Tỳ-khưu xấu xa ấy đã bị vấy máu. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này Đại đức, còn cái y hai lớp này của Đại đức,

nó đã bị cái gì vậy?" Khi ấy, vị Tỳ-khưu xấu xa ấy đã kể lại sự việc ấy cho các vị Tỳ-khưu.

– Này Đại đức, có phải Đại đức đã xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống? Không phải sự giết hại mạng sống đã bị đức Thế Tôn khiển trách bằng nhiều phương cách và việc từ bỏ giết hại mạng sống đã được khen ngợi hay sao?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi vị Tỳ-khưu xấu xa ấy rằng:

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đã xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

95. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống? Không phải sự giết hại mạng sống đã bị Ta khiển trách bằng nhiều phương cách và việc từ bỏ giết hại mạng sống đã được khen ngợi hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống, vị nào xúi giục thì nên được hành xử theo pháp.[4] Và này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng da bò; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng bất cứ loại da nào; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

96. Vào lúc bấy giờ, giường và ghế của dân chúng được độn lót bằng da và được phủ bằng da. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi lên chỗ đã được làm sẵn bởi cư sĩ nhưng không được nằm lên.

97. Vào lúc bấy giờ, các trú xá được buộc lại bằng những sợi dây da. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi lên vật được buộc lại [bởi các dây da].

98. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi vào làng có mang những đôi dép. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[4] Có thể phạm tội *Pārājika* 3 nếu liên quan đến nhân mạng, hoặc tội *Pācittiya* 11, 61, 62 nếu liên quan đến các sinh vật lớn nhỏ khác (ND).

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi vào làng có mang dép; vị nào đi vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

99. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh không thể đi vào làng không có dép. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh đi vào làng có mang dép.

100. Lúc bấy giờ, Đại đức Mahākaccāyana ngụ trong xứ Avanti, ở thành Kuraraghara, tại núi Papāta. Vào lúc bấy giờ, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa là người hộ độ cho Đại đức Mahākaccāyana.

101. Khi ấy, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã đi đến gặp Đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã nói với Đại đức Mahākaccāyana điều này:

– Thưa ngài, theo như con hiểu về pháp đã được ngài Đại đức Mahākaccāyana thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Thưa ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia.

– Này Soṇa, việc ấy là khó làm để thực hành Phạm hạnh, ngủ một mình, ăn một bữa cho đến trọn đời. Này Soṇa, vậy thì ở ngay chỗ này, là người tại gia, ngươi hãy thực tập lời dạy của chư Phật tức là [thực hành] Phạm hạnh, ngủ một mình, ăn một bữa trong khoảng thời gian quy định.

102. Khi ấy, ước muốn xuất gia của nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã được dịu đi. Đến lần thứ nhì, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa ...(nt)... Đến lần thứ ba, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã đi đến gặp Đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã nói với Đại đức Mahākaccāyana điều này:

– Bạch ngài, theo như con hiểu về pháp đã được ngài Đại đức Mahākaccāyana thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm, đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Bạch ngài, xin ngài Đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia.

Khi ấy, Đại đức Mahākaccāyana đã cho nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa xuất gia.

103. Vào lúc bấy giờ, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Khi ấy, Đại đức Mahākaccāyana trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn đã triệu tập được hội chúng Tỳ-khưu gồm mười vị từ nơi này nơi khác, rồi đã cho Đại đức Soṇa tu lên bậc trên.

104. Sau đó, khi đã sống qua mùa [an cư] mưa, Đại đức Soṇa trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta đã

được nghe về đức Thế Tôn ấy là 'vị như vầy và như vầy' nhưng ta chưa được nhìn thấy tận mặt. Vậy ta nên đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy nếu thầy tế độ cho phép ta."

105. Sau đó, vào lúc chiều tối, Đại đức Soṇa đã xuất khỏi thiền tịnh rồi đi đến gặp Đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Soṇa đã nói với Đại đức Mahākaccāyana điều này:

– Thưa ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta đã được nghe về đức Thế Tôn ấy là vị như vầy và như vầy, nhưng ta chưa được nhìn thấy tận mặt. Vậy ta nên đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, nếu thầy tế độ cho phép ta." Thưa ngài, con có thể đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, nếu thầy tế độ cho phép con?

– Này Soṇa, tốt lắm, tốt lắm. Này Soṇa, ngươi hãy đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy. Này Soṇa, ngươi sẽ thấy đức Thế Tôn ấy dễ mến, đáng tin, có giác quan thanh tịnh, có tâm ý thanh tịnh, đã đạt đến mức tột đỉnh trong sự thu thúc và tĩnh lặng, là đấng Voi Chúa đã được huấn luyện, đã được hộ trì, có giác quan đã được kiểm soát.

106. Này Soṇa, nếu vậy thì ngươi hãy đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn với lời của ta rằng: "Bạch Ngài, thầy tế độ của con là Đại đức Mahākaccāyana xin đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn." Rồi ngươi hãy nói như vầy: "Bạch Ngài, xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Con trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn mới triệu tập được hội chúng Tỳ-khưu gồm mười vị từ nơi này nơi khác và đã thành tựu việc tu lên bậc trên. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép việc tu lên bậc trên bằng nhóm [có nhân sự] ít hơn.

107. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị giẫm đạp bởi móng chân bò. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép [sử dụng] dép có nhiều lớp.

108. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép việc tắm thường xuyên.

109. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Bạch Ngài, cũng giống như ở các xứ ở trung tâm, [các loại cỏ] eragu, moragu, majjāru, jantu [là các vật dùng để trải lót], bạch Ngài, tương tợ như thế, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót.

110. Bạch Ngài, hiện nay dân chúng dâng y đến các vị Tỳ-khưu đã đi ra khỏi ranh giới [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng y này cho vị tên [như vầy].' Các vị ấy sau khi trở lại thông báo [cho các Tỳ-khưu] rằng: 'Này các Đại đức, y đã được dâng cho các Đại đức bởi những người tên [như vầy].' Các vị ấy trong lúc ngần ngại, không ưng thuận [nói rằng]: 'Chớ để chúng tôi bị phạm tội *Nissaggiya*.' Có lẽ đức Thế Tôn nên chỉ dẫn cách thức về y."

111. – Bạch Ngài, xin vâng.

Sau khi đáp lời Đại đức Mahākaccāyana, Đại đức Soṇa đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Mahākaccāyana, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía thành Sāvatthi.

112. Theo tuần tự, vị ấy đã đi đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho vị Tỳ-khưu vãng lai này.

113. Khi ấy, Đại đức Ānanda [suy nghĩ rằng]: "Liên quan đến vị nào mà đức Thế Tôn ra lệnh cho ta rằng: 'Này Ānanda, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho vị Tỳ-khưu vãng lai này'? Có phải đức Thế Tôn muốn ngụ trong cùng một trú xá với vị Tỳ-khưu ấy? Có phải đức Thế Tôn muốn ngụ trong cùng một trú xá với Đại đức Soṇa?" rồi đã sắp đặt chỗ trú ngụ cho Đại đức Soṇa trong trú xá đức Thế Tôn đang ngự.

114. Sau đó, khi đã trải qua gần trọn đêm ở ngoài trời, đức Thế Tôn đã đi vào trú xá. Đại đức Soṇa sau khi trải qua gần trọn đêm ở ngoài trời cũng đã đi vào trú xá.

115. Sau đó, trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn sau khi thức dậy đã yêu cầu Đại đức Soṇa rằng:

– Này Tỳ-khưu, mong rằng có bài pháp [nào đó] khởi đến cho ngươi để thuyết giảng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Sau khi đáp lời đức Thế Tôn, Đại đức Soṇa đã thuyết lại đầy đủ toàn bộ phẩm Nhóm Tám một cách mạch lạc.

116. Sau đó, vào lúc kết thúc việc thuyết lại một cách mạch lạc của Đại đức Soṇa, đức Thế Tôn đã khen ngợi rằng:

– Này Tỳ-khưu, tốt lắm, tốt lắm. Này Tỳ-khưu, phẩm Nhóm Tám đã được ngươi khéo học tập, khéo suy nghĩ, khéo ghi nhớ. Ngươi có giọng nói êm dịu, rõ ràng, không có khó nghe, làm rõ được ý nghĩa. Này Tỳ-khưu, ngươi [xuất gia] được bao nhiêu năm?

– Bạch đức Thế Tôn, con được một năm.

– Này Tỳ-khưu, tại sao ngươi thực hiện [việc tu lên bậc trên] chậm trễ như vậy?

– Bạch Ngài, từ lâu con đã thấy được sự tai hại trong các dục, nhưng vì cuộc sống tại gia có nhiều cản trở, có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm.

117. Sau đó, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở thế gian, sau khi hiểu được pháp không đưa đến tái sanh, bậc Thánh không thích thú điều ác, vị trong sạch không thích thú điều ác."

118. Khi ấy, Đại đức Soṇa [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn hoan hỷ với ta, lúc này chính là lúc của việc mà thầy tế độ ta đã căn dặn kỹ càng" nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở bàn chân của đức Thế Tôn rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thầy tế độ của con là Đại đức Mahākaccāyana xin đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn và nói như vầy:

119. "Bạch Ngài, xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Con trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn mới triệu tập được hội chúng Tỳ-khưu gồm mười vị từ nơi này nơi khác và đã thành tựu việc tu lên bậc trên. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép việc tu lên bậc trên bằng nhóm [có nhân sự] ít hơn.

120. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị giẫm đạp bởi móng chân bò. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép [sử dụng] dép có nhiều lớp.

121. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép việc tắm thường xuyên.

122. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Bạch Ngài, cũng giống như ở các xứ ở trung tâm, [các loại cỏ] eragu, moragu, majjāru, jantu [là các vật dùng để trải lót], bạch Ngài, tương tợ như thế, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót.

123. Bạch Ngài, hiện nay dân chúng dâng y đến các vị Tỳ-khưu đã đi ra khỏi ranh giới [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng y này cho vị tên [như vầy].' Các vị ấy sau khi trở lại thông báo [cho các Tỳ-khưu] rằng: 'Này các Đại đức, y đã được dâng cho các Đại đức bởi những người tên [như vầy].' Các vị ấy trong lúc ngần ngại không nhận [nói rằng]: 'Chớ để chúng tôi bị phạm tội *Nissaggiya.*' Có lẽ đức Thế Tôn nên chỉ dẫn cách thức về y."

124. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa, Ta cho phép việc tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị rành rẽ về Luật.

125. Trong trường hợp ấy, các xứ này là thuộc vùng biên địa: Ở hướng Đông có thị trấn tên là Kajaṅgala, xa hơn chỗ đó là Mahāsālā, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng Đông Nam, có con sông tên là Salalavatī, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng Nam, có thị trấn tên là Setakaṇṇika, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng Tây, có làng Bà-la-môn tên là Thūṇa, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng Bắc, có ngọn núi tên là Usīraddhaja, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Này các Tỳ-khưu, trong các xứ thuộc vùng biên địa như thế Ta cho phép việc tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị rành rẽ về Luật.

126. Này các Tỳ-khưu, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị giẫm đạp bởi móng chân bò. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dép có nhiều lớp trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa.

127. Này các Tỳ-khưu, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc tắm thường xuyên trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa.

128. Này các Tỳ-khưu, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Này các Tỳ-khưu, cũng giống như ở các xứ ở trung tâm, [các loại cỏ] eragu, moragu, majjāru, jantu [là các vật dùng để trải lót], này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa.

129. Này các Tỳ-khưu, trường hợp dân chúng dâng y đến các vị Tỳ-khưu đã đi ra khỏi ranh giới [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y này cho vị tên [như vầy]." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ưng thuận, khi nào chưa đến tay thì chưa tính việc đếm [ngày đã cất giữ] ấy.

Dứt chương "Da thú" là thứ năm.

*****

Trong chương này có sáu mươi ba sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Vua xứ Magadha và Soṇa Koḷivīsa, tám mươi ngàn vị trưởng làng, [Đại đức] Sāgata ở Gijjhakūṭa đã phô bày nhiều pháp thượng nhân.

2. Việc xuất gia, [các bàn chân] đã bị rách do nỗ lực, cây đàn vīṇā, [dép] một lớp, màu xanh, màu vàng, màu đỏ [máu], màu tím và luôn cả màu đen nữa.

3. Màu đỏ tía, màu hồng và đã cấm đoán dây buộc, [dép] phủ gót chân, trùm gối, trùm ống chân, lót bông gòn, giống cánh gà, gắn sừng cừu và dê.

4. [Dép có gắn] đuôi bọ cạp, lông công và đủ các loại, [dép] được viền bằng da sư tử, cọp và beo, hươu, rái cá và mèo, sóc, cú mèo.

5. [Bàn chân] bị rách, đôi dép, bị khối u, chưa được rửa, [đạp nhằm] gốc cây, [âm thanh] ồn ào, [dép làm bằng lá] cây thốt nốt, cây tre và cỏ, cỏ tranh, cỏ sậy và dừa nước.

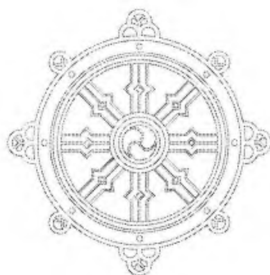
6. [Dép làm bằng] lá cây kamala, sợi len, vàng, bạc, ngọc ma-ni, ngọc bích, pha lê, đồng thau và thủy tinh, thiếc, chì và đồng đỏ.

7. Bò cái, xe, vị bị bệnh, được kéo bằng bò đực, ghế nệm, các chỗ nằm, da thú lớn, với các da bò và kẻ ác.

8. Của các cư sĩ, được buộc dây da, các vị đi vào, các vị bị bệnh, Đại đức Mahākaccāyana, vị Soṇa, Nhóm Tám một cách mạch lạc.

9. Việc tu lên bậc trên với năm vị, dép có nhiều lớp, việc tắm thường xuyên, đã cho phép thảm bằng da, không tính việc đếm ngày. Vị Lãnh Đạo đã ban năm điều đặc ân này cho Trưởng lão Soṇa.

--ooOoo--



VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, điều gì khiến các vị Tỳ-khưu trong lúc này lại ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân vậy?

2. – Bạch Ngài, trong lúc này, các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

3. Sau đó, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Trong lúc này, các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Vậy Ta nên cho phép các vị Tỳ-khưu loại dược phẩm gì mà chính loại dược phẩm ấy tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian, lại có thể dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường?"

4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Năm loại dược phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía là các loại dược phẩm tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian và được dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ Ta nên cho phép các Tỳ-khưu được thọ lãnh năm loại dược phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thời?"

5. Sau đó, vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ở đây, trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng Ta có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Trong lúc này các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Vậy Ta nên cho phép loại dược phẩm gì cho các Tỳ-khưu, mà chính loại dược phẩm ấy tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian, lại có thể dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường?"

6. Này các Tỳ-khưu, Ta đây đã khởi ý điều này: "Năm loại dược phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía là các loại dược phẩm tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian và được dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ Ta nên cho phép các Tỳ-khưu được thọ lãnh năm loại dược phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thời?" Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh năm loại dược phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời.[1]

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhận lãnh năm loại dược phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời. Các vị đã không ăn các loại thức ăn thô thông thường và [ăn] các loại [thức ăn] có dầu mỡ còn ít hơn nữa. Các vị ấy không những đã bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu ấy, lại thêm vào việc không chịu thu nạp thức ăn này nữa. Vì hai điều ấy, các vị càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa.

8. Đức Thế Tôn đã nhận thấy các vị Tỳ-khưu ấy càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, trong lúc này, điều gì khiến các vị Tỳ-khưu càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa?

9. – Bạch Ngài, lúc này các vị Tỳ-khưu nhận lãnh năm loại dược phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời. Các vị đã không ăn các loại thức ăn thô thông thường và [ăn] các loại [thức ăn] có dầu mỡ còn ít hơn nữa. Các vị ấy không những đã bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu ấy, lại thêm vào việc không chịu thu nạp thức ăn này nữa. Vì hai điều ấy, các vị càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa.

10. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh năm loại dược phẩm này và thọ dụng đúng thời luôn cả phi thời.

11. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại mỡ [thú vật]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng chung với dầu ăn các dược phẩm là các loại mỡ [thú vật] như: Mỡ gấu, mỡ cá, mỡ cá sấu, mỡ heo rừng, mỡ lừa đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời, đã được trộn chung đúng thời. Này các Tỳ-khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh phi thời, đã được nấu phi thời, đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm ba tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu phi thời và đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm

[1] Trong trường hợp liên quan đến vật thực, đúng thời là trước ngọ, phi thời là sau ngọ cho đến rạng đông của ngày kế (ND).

hai tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời và đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời và đã được trộn chung đúng thời, vị thọ dụng [vật ấy] vô tội.

12. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các rễ cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các rễ cây như: Củ nghệ, củ gừng, rễ cây vacaṃ, rễ cây vaca trắng, rễ cây ngải cứu, rễ cây kaṭukarohiṇī, rễ loại cây có mùi thơm usīra, rễ loại cỏ có mùi thơm bhaddamuttaka, hoặc có các dược phẩm là các rễ cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

13. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm dạng bột là các loại rễ cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cối đá xay và cối đá xay loại nhỏ.

14. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại nước sắc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại nước sắc như: Nước sắc của cây nimba, nước sắc của cây kuṭaja, nước sắc của loại dưa dài paṭola, nước sắc của loại dây leo phaggava, nước sắc của cây nattamāla, hoặc có các dược phẩm là các loại nước sắc khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

15. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại lá cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại lá cây như: Lá cây nimba, lá cây kuṭaja, lá cây của loại dưa dài paṭola, lá cây húng quế, lá cây bông vải, hoặc có các dược phẩm là các loại lá cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

16. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại trái cây như: Trái cây viḷaṅga, hạt tiêu dài, hạt tiêu đen, trái cây harītaka, trái cây vibhītaka, trái cây āmalaka, trái cây goṭṭha hoặc có các dược phẩm là các loại trái cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

17. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các loại nhựa cây làm dược phẩm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các loại nhựa cây làm dược phẩm như: Hiṃgu, nhựa cây hiṃgu, mủ cây hiṃgu, các loại sản phẩm từ mủ cây là taka, takapatti, takapaṇṇi, nhựa thông, hoặc có các dược phẩm là các loại nhựa cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

18. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại muối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại muối như: Muối biển, muối đen, muối ở đá, muối nấu ăn, muối mỏ, hoặc có các dược phẩm là các loại muối khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Vào lúc bấy giờ, thầy tế độ của Đại đức Ānanda là Đại đức Belaṭṭhisīsa có bệnh ghẻ sần sùi. Các y của vị ấy bị dính vào thân vì chất máu mủ. Các vị Tỳ-khưu liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra.

20. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này có bệnh gì vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh ghẻ sần sùi. Các y bị dính vào thân vì chất máu mủ, chúng con liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra.

21. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại bột tắm đến vị có ghẻ ngứa, hoặc có nhọt, hoặc có vết thương chảy mủ, hoặc có ghẻ sần sùi, hoặc cơ thể có mùi hôi; và phân bò, đất sét, chất màu đã được nấu đến vị không bị bệnh. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cối giã và chày.

22. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại bột tắm đã được rây mịn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái rây bột tắm.

Có nhu cầu về hạt rất mịn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái rây bằng vải.

23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh liên quan đến phi nhân. Các vị thầy dạy học và thầy tế độ, trong khi chăm sóc vị ấy đã không thể làm khỏi bệnh. Vị ấy sau khi đi đến lò mổ heo đã ăn thịt sống và đã uống máu tươi. Bệnh liên quan đến phi nhân ấy của vị ấy đã giảm bớt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thịt sống [và] máu tươi ở bệnh liên quan đến phi nhân.

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ở mắt. Các Tỳ-khưu đã khiêng vị ấy và đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.

25. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy đang khiêng vị Tỳ-khưu ấy đưa ra bên ngoài, cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này có bệnh gì vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh ở mắt. Chúng con khiêng vị này và đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.

26. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc bôi: Thuốc bôi màu đen, thuốc bôi loại tinh chất, thuốc bôi vào tai, bột phấn đỏ, muội đèn.

Có nhu cầu về bột mịn để làm thuốc bôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] gỗ đàn hương, gỗ có mùi hương tagara, gỗ trầm, gỗ cây tālīsa, loại cỏ có mùi thơm bhaddamuttaka.

27. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu để các loại thuốc bôi được nghiền nát ở trong các tô nhỏ và trong các chén. Chúng đã bị rác cỏ, bụi bặm rơi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hộp chứa thuốc bôi.

28. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các hộp chứa thuốc bôi đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các hộp chứa thuốc bôi đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [hộp chứa thuốc bôi] làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng ống sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

29. Vào lúc bấy giờ, các hộp chứa thuốc bôi không được đậy lại. Chúng đã bị rác cỏ, bụi bặm rơi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy.

Nắp đậy bị rơi xuống.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [nắp đậy] với sợi chỉ rồi buộc vào hộp chứa thuốc bôi.

Hộp chứa thuốc bôi bị bung ra.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khâu lại bằng sợi chỉ.

30. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu dùng ngón tay bôi thuốc. Các con mắt bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] que bôi thuốc.

31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các que bôi thuốc đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các que bôi thuốc đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, ...(nt)... làm bằng vỏ sò.

32. Vào lúc bấy giờ, que bôi thuốc bị rơi trên mặt đất và trở nên sần sùi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hộp đựng que bôi thuốc.

33. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu mang theo hộp chứa thuốc bôi và que bôi thuốc bằng tay. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng các hộp chứa thuốc bôi.

Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ thắt lại.

34. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị nóng ở đầu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [bôi] dầu ở trên đầu.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] việc chữa trị ở mũi.

Mũi bị chảy nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái muỗng đặt ở mũi.

35. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các muỗng đặt ở mũi đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các muỗng đặt ở mũi đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, ...(nt)... làm bằng vỏ sò.

[Hai lỗ] mũi đã không được nhỏ đồng đều. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái muỗng đặt ở mũi loại kép.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hít khói.

Các vị sau khi đốt cháy sợi bấc rồi hít khói vào. Cổ họng bị [lửa] đốt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ống dẫn khói.

36. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các ống dẫn khói đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các ống dẫn khói đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, ...(nt)... làm bằng vỏ sò.

37. Vào lúc bấy giờ, các ống dẫn khói không có nắp đậy, các sinh vật nhỏ đi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy.

38. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu mang theo các ống dẫn khói bằng tay. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng các ống dẫn khói.

Chúng bị cọ xát với nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đôi.

Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ thắt lại.

39. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị bệnh gió. Các thầy thuốc đã nói như vầy: "Dầu cần được nấu." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc nấu dầu.

Rượu mạnh cần được thêm vào trong dầu nấu ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thêm rượu mạnh vào trong dầu nấu.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nấu các loại dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh. Các vị uống các thứ ấy và bị say. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên uống dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh; vị nào uống thì nên được hành xử theo pháp.[2] Này các Tỳ-khưu, trong loại dầu nấu nào [đã được thêm vào rượu mạnh] mà màu sắc, mùi và vị của rượu mạnh không nhận ra được, Ta cho phép uống dầu được thêm vào rượu mạnh loại như thế.

41. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu có nhiều dầu nấu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Nên thực hành như thế nào với các thứ dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xác định làm thuốc thoa.

42. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha có nhiều dầu đã được nấu. Đồ chứa dầu không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bình chứa: Bình chứa bằng đồng, bình chứa bằng gỗ, bình chứa làm bằng trái cây.

43. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị phong thấp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc điều trị bằng hơi nóng.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hơi nóng của nhiều loại lá cây." [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nhiều hơi nóng." [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước nấu của nhiều loại lá cây [rắc lên thân]." [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] bể nước lớn [để ngâm mình].

44. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị thấp khớp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trích máu.

---

[2] Liên quan đến tội *Pācittiya* 51 (ND).

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trích máu rồi lấy ra bằng ống sừng.

45. Vào lúc bấy giờ, các bàn chân của Đại đức Pilindivaccha bị nứt nẻ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc bôi bàn chân.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép áp dụng phương pháp phòng ngừa.

46. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị mụt nhọt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc mổ xẻ.

Có nhu cầu về nước làm đông máu. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước làm đông máu." Có nhu cầu về thuốc cao làm từ mè. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc cao làm từ mè." Có nhu cầu về vải cầm máu. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vải cầm máu." Có nhu cầu về vải băng vết thương. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vải băng vết thương." Vết thương gây ngứa. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rắc lên với bột mù-tạt." Vết thương bị làm mủ. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc xông khói." Thịt ở vết thương bị lồi lên [như cây gai]. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cắt bằng mảnh sứ tẩm muối." Vết thương không liền lại. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dầu xức vết thương." Dầu bị chảy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] băng vải và tất cả các cách chữa trị vết thương.

47. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị rắn cắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bố thí bốn loại vật dơ có tính quan trọng là phân, nước tiểu, tro và đất sét.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "[Bốn vật này] là không [cần phải] được thọ lãnh hay cần phải được thọ lãnh?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh nếu có người làm thành được phép, nếu không có người làm thành được phép thì tự mình thu nhặt và thọ dụng.

48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị uống nhằm thuốc độc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống phân.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu khởi ý điều này: "[Phân] là không [cần phải] được thọ lãnh hay cần phải được thọ lãnh?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị ấy thọ lãnh trong khi làm ra vật ấy [trong khi đại tiện], khi việc thọ lãnh ấy đã được thực hiện, không cần phải bảo thọ lãnh lại lần nữa.

49. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh yểm bùa [bệnh gây ra bởi do người vợ]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống nước bùn lấy từ đất dính ở lưỡi cày vừa mới cày đất lên.

50. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh trĩ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống nước tro của cơm khô.

51. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh vàng da. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống [hợp chất] nước tiểu và trái harīṭaka.

52. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ngoài da. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] mỡ có mùi thơm.

53. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có cơ thể bị tiết ra dịch chất dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống thuốc xổ.

Có nhu cầu về nước cháo trắng. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước cháo trắng." Có nhu cầu về nước đậu mugga chưa lược bỏ xác. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước đậu mugga chưa lược bỏ xác." Có nhu cầu về nước đậu mugga đã lược bỏ xác. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước đậu mugga đã lược bỏ xác." Có nhu cầu về nước luộc thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước luộc thịt.

54. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi ở thành Rājagaha. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này:

– Thưa ngài, ngài Trưởng lão cho làm cái gì vậy?

– Tâu Đại vương, tôi có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi.

– Thưa ngài, ngài có nhu cầu về người giúp việc tu viện không?

– Tâu Đại vương, người giúp việc tu viện chưa được cho phép bởi đức Thế Tôn.

– Thưa ngài, chính vì việc đó, ngài hãy hỏi đức Thế Tôn rồi báo cho trẫm biết.

– Tâu Đại vương, xin vâng.

Đại đức Pilindivaccha đã đáp lời đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

55. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Pilindivaccha chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

56. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã phái sứ giả đi đến gặp đức Thế Tôn [thưa rằng]:

– Bạch Ngài, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý muốn ban cho người giúp việc tu viện. Bạch Ngài, vậy nên thực hành như thế nào?

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép người giúp việc tu viện.

57. Đến lần thứ nhì, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này:

– Thưa ngài, người giúp việc tu viện có được đức Thế Tôn cho phép không?

– Tâu Đại vương, đã được rồi.

– Thưa ngài, như vậy thì trẫm sẽ ban cho ngài người giúp việc tu viện.

58. Sau đó, khi đã hứa với Đại đức Pilindivaccha về người giúp việc tu viện, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã không ghi nhớ. Một thời gian sau, khi đã phục hồi lại ký ức, đức vua đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng:

– Này khanh, người giúp việc tu viện đã được trẫm hứa với ngài Đại đức, người giúp việc tu viện ấy đã được ban cho chưa?

– Tâu Bệ hạ, người giúp việc tu viện chưa được ban đến ngài Đại đức.

– Này khanh, tính đến nay là đã bao lâu rồi?

Khi ấy, viên quan đại thần ấy sau khi tính đếm số lượng đêm rồi đã tâu với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, năm trăm đêm.

– Này khanh, như vậy thì hãy ban cho ngài Đại đức năm trăm người giúp việc tu viện.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi vị quan đại thần ấy đã vâng lệnh đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha và dâng đến Đại đức Pilindivaccha năm trăm người giúp việc tu viện. Một ngôi làng riêng biệt đã được thiết lập. Họ đã gọi ngôi làng ấy là "ngôi làng của những người giúp việc tu viện." Họ cũng đã gọi ngôi làng ấy là "ngôi làng Pilindi."

59. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha là vị thường hay tới lui trong ngôi làng ấy. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilindi để khất thực.

60. Vào lúc bấy giờ, trong ngôi làng ấy có lễ hội. Những đứa trẻ nhỏ được trang điểm, đeo vòng hoa và chơi đùa. Khi ấy, trong khi đi khất thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilindi, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

61. Vào lúc bấy giờ, đứa bé gái con của người đàn bà giúp việc tu viện ấy nhìn thấy những đứa trẻ con khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc:

– Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức.

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này:

– Vì sao đứa bé gái này khóc vậy?

– Thưa ngài, đứa bé gái này nhìn thấy những đứa trẻ con khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên oà khóc: "Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức." Chúng tôi lâm cảnh khó khăn, lấy đâu ra vòng hoa, lấy đâu ra đồ trang sức?

62. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã nhặt lấy một nắm cỏ nọ rồi nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này:

– Vậy hãy đội nắm cỏ này lên đầu đứa bé gái kia đi.

Khi ấy, người đàn bà giúp việc tu viện ấy đã cầm lấy nắm cỏ ấy rồi đội lên đầu đứa bé gái ấy. Vòng cỏ ấy đã trở thành vòng hoa bằng vàng ròng, đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Dân chúng đã trình báo lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha rằng:

– Tâu Bệ hạ, trong nhà của người giúp việc tu viện kia có vòng hoa bằng vàng ròng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của Bệ hạ cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho lệnh bắt giữ gia đình người giúp việc tu viện ấy.

63. Đến lần thứ nhì, vào buổi sáng Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilindi để khất thực. Trong khi đi khất thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilindi, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã hỏi những người hàng xóm rằng:

– Gia đình người giúp việc tu viện này đã đi đâu?

– Thưa ngài, bọn họ đã bị đức vua ra lệnh bắt giữ vì nguyên nhân vòng hoa bằng vàng ròng ấy.

64. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến ngự viện của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đức vua đã ngồi xuống một bên, Đại đức Pilindivaccha đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Đại vương, vì sao gia đình người giúp việc tu viện lại bị ra lệnh bắt giữ?

– Thưa ngài, trong nhà của người giúp việc tu viện ấy có vòng hoa bằng vàng ròng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của trẫm cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

65. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chú nguyện rằng: "Cung điện của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha là vàng ròng"; cung điện ấy đã trở thành hoàn toàn làm bằng vàng ròng.

– Tâu Đại vương, do đâu Bệ hạ lại có nhiều vàng ròng đến thế này?

– Thưa ngài, trẫm đã hiểu rồi. Việc này là năng lực thần thông của ngài Đại đức.

Rồi [đức vua] đã ra lệnh thả gia đình người giúp việc tu viện ấy. Dân chúng [đồn rằng]: "Nghe nói ngài Đại đức Pilindivaccha đã phô bày điều kỳ diệu của thần thông là pháp thượng nhân trước triều thần có cả đức vua nữa!" nên đã hoan hỷ, có niềm tin cao độ, rồi đã đem đến dâng Đại đức Pilindivaccha năm loại dược phẩm như là "bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía."

66. Và theo lẽ tự nhiên, Đại đức Pilindivaccha trở thành người thọ lãnh năm loại dược phẩm. Đại đức phân phát cho hội chúng vật đã được thọ lãnh. Và hội chúng của vị ấy trở nên dư dả. Họ chứa đầy vật đã được thọ lãnh vào các hũ và các chum rồi cất đi. Họ chứa đầy các túi lọc nước và các túi xách rồi treo lên ở các cửa sổ. Các dược phẩm ấy đã bị rỉ xuống chảy ra và vẫn còn y nguyên. Các trú xá đã có các con chuột xuất hiện rải rác rồi tràn ngập. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này là những người tích trữ đồ đạc trong nhà giống như là đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha vậy."

67. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại chấp nhận sự thặng dư như thế này?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu chấp nhận sự thặng dư như thế ấy, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, các loại dược phẩm thích hợp cho các Tỳ-khưu bị bệnh như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, sau khi thọ lãnh chúng nên thọ dụng trong thời hạn tích trữ tối đa là bảy ngày; nếu vượt quá thời hạn ấy thì nên được hành xử theo pháp.[3]

Tụng phẩm về "Dược phẩm đã được cho phép" là phần thứ nhất.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvatthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha.

2. Trên đường đi, Đại đức Kaṅkhārevata[4] đã nhìn thấy lò nấu đường và đã bước xuống. Sau khi nhìn thấy [những người thợ] bỏ bột mì và tro vào trong mật đường, vị ấy [nghĩ rằng]: "Mật đường trộn với vật thực là không được phép, [vì thế] đường không được thọ dụng lúc phi thời", trong lúc ngần ngại nên cùng với tập thể không thọ dụng đường. Thậm chí nhiều vị nghĩ rằng nên nghe theo vị ấy rồi cũng không thọ dụng đường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vì mục đích gì mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường vậy?

– Bạch Thế Tôn, vì mục đích kết tinh.

– Này các Tỳ-khưu, nếu vì mục đích kết tinh mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường, [hỗn hợp] ấy kết thành khối vẫn gọi là "đường" vậy. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng đường một cách thoải mái.

3. Trên đường đi, Đại đức Kaṅkhārevata đã nhìn thấy cây đậu mugga[5] sinh trưởng ở bãi phân. Sau khi nhìn thấy, vị ấy [nghĩ rằng]: "Các hạt đậu mugga là không được phép, dầu cho đã được nấu chín, các hạt đậu mugga vẫn sinh trưởng" trong lúc ngần ngại nên cùng với tập thể không thọ dụng đậu mugga. Thậm chí nhiều vị nghĩ rằng nên nghe theo vị ấy rồi cũng không thọ dụng đậu mugga. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, dầu cho đã được nấu chín, đậu mugga vẫn sinh trưởng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng đậu mugga một cách thoải mái.

---

[3] Liên quan đến tội *Nissaggiya Pācittiya* 23 (ND).

[4] Kaṅkhārevata. "*Kaṅkhā*" có nghĩa là sự hoài nghi, sự nghi ngờ, sự không chắc chắn. Dựa vào nội dung, có thể suy luận rằng đây là biệt hiệu của vị Tỳ-khưu tên Revata; như thế, tên vị ấy có thể dịch là "Revata đa nghi" (ND).

[5] Đậu mugga: Không rõ loại đậu này là loại đậu gì? Ngài Buddhaghosa giải thích: "Chính vì đã được nấu chín nên chúng vẫn được phép" (*VinA*. V. 1092). Chúng tôi không nghĩ ra được loại hạt gì đã được nấu chín, đã được ăn vào, và trải qua quá trình tiêu hóa rồi được thải ra theo đường phân mà vẫn có thể nảy mầm và mọc thành cây.

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh đau bụng bão. Vị ấy đã húp cháo chua có muối. Bệnh đau bụng bão ấy của vị ấy đã được thuyên giảm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng cháo chua có muối đối với vị bị bệnh, đối với vị không bệnh thì đã được pha trộn với nước như là thức uống.

5. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó ở Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bị bệnh đau bụng bão.

6. Khi ấy, Đại đức Ānanda [nghĩ rằng]: "Trước đây, bệnh đau bụng bão của đức Thế Tôn được dịu đi nhờ cháo gồm có ba thứ" nên đã đích thân đi xin mè, gạo lức và đậu mugga rồi tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đích thân nấu ở bên trong và đã đem đến dâng lên đức Thế Tôn: "Xin Thế Tôn hãy húp cháo gồm có ba thứ."

7. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu vì hai lý do: "Hoặc là chúng ta sẽ thuyết pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử."

8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, cháo này từ đâu vậy?

9. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này Ānanda, vì sao ngươi lại nghĩ đến việc đa đoan như thế này? Này Ānanda, vật đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên] là không được phép, vật đã được nấu ở bên trong là không được phép, vật đã được tự mình nấu là không được phép. Này Ānanda, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng [vật] đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu thì phạm ba tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được những người khác nấu thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên ngoài [khuôn viên], đã được tự mình nấu thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu

thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên ngoài, đã được những người khác nấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên trong, đã được những người khác nấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được tự mình nấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được những người khác nấu thì vô tội.

10. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Việc tự mình nấu đã được đức Thế Tôn cấm đoán" nên đã ngần ngại trong việc nấu lại lần nữa [hâm nóng thức ăn]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nấu [lại] vật thực đã được nấu.

11. Vào lúc bấy giờ, thành Rājagaha bị khó khăn về vật thực. Dân chúng đã đem đến tu viện muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực cứng. Các vị Tỳ-khưu đã tích trữ các thức ấy ở bên ngoài. Các con thú hoang ăn mất đi, những kẻ trộm lấy đi, những người chuyên ăn vật thực thừa mang đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tích trữ ở bên trong.

Sau khi tích trữ ở bên trong, các vị cho nấu ở bên ngoài. Những người chuyên ăn vật thực thừa vây quanh. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng không được an toàn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nấu ở bên trong.

Trong thời gian khó khăn về vật thực, người làm thành được phép [các món vật thực] đã mang đi các phần nhiều hơn và dâng cho các vị Tỳ-khưu phần ít hơn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tự mình nấu. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [vật] đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu.

12. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kāsi đang đi đến Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Trên đường đi, các vị đã không được đầy đủ theo như nhu cầu về vật thực dầu là tầm thường hay hảo hạng. Và đã có nhiều vật ăn được là trái cây nhưng lại không có người làm [cho trái cây ấy] thành được phép. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy với vóc dáng mệt mỏi đã đi đến Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

13. Điều này đã trở thành thông lệ đối với chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này các Tỳ-khưu, các ngươi từ đâu đến vậy?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Bạch Ngài, trường hợp chúng con khi đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kāsi và đang đi đến Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Trên đường đi, chúng con đã không đạt được sự đầy đủ theo như nhu cầu về vật thực dầu là tầm thường hay hảo hạng, và có nhiều vật ăn được là trái cây nhưng lại không có người làm thành được phép; vì thế, chúng con đã đi đường xa đến với vóc dáng mệt mỏi.

14. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ở nơi nào thấy trái cây có thể ăn được và không có người làm thành được phép thì tự mình nhặt lấy, mang đi, đến khi gặp được người làm thành được phép thì đặt [trái cây] trên mặt đất, bảo [người ấy] trao lại, rồi thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên.

15. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ thâu hoạch mè mới và mật đường mới. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên dâng mè mới và mật đường mới đến hội chúng có đức Phật đứng đầu?" Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, người Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu." Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã ra đi.

16. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người Bà-la-môn ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của người Bà-la-môn ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

17. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời bình bát, người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên. Khi người ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người Bà-la-môn ấy bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

18. Sau đó, khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: "Hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu đã được ta thỉnh mời vì

mục đích của những thứ này: 'Ta sẽ dâng mè mới và mật đường mới', nhưng ta đã quên dâng chúng rồi. Hay là ta sẽ cho người mang mè mới và mật đường mới bằng các vại và các hũ đến tu viện vậy?"

19. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã cho người mang mè mới và mật đường mới bằng các vại và các hũ đến tu viện rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, người Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài Gotama, hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu đã được tôi thỉnh mời vì mục đích của những thứ này: "Ta sẽ dâng mè mới và mật đường mới", nhưng tôi đã quên dâng chúng. Bạch Ngài Gotama, xin hãy thọ lãnh mè mới và mật đường mới của tôi.

– Này Bà-la-môn, như vậy thì ngươi hãy dâng đến các vị Tỳ-khưu đi.

20. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã ăn xong, khi được yêu cầu thì được thọ dụng vật không phải còn thừa và đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong.

21. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Tỳ-khưu Upananda, con trai dòng Sakya đã cho người đem lại vật thực loại cứng nhằm dâng đến hội chúng [dặn dò] rằng: "Nên trình cho ngài Đại đức Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng."

22. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã đi vào làng để khất thực.

23. Khi ấy, những người ấy sau khi đi đến tu viện đã hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Thưa các ngài, ngài Đại đức Upananda ở đâu vậy?

– Này các đạo hữu, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya này đã đi vào làng để khất thực.

– Thưa các ngài, vật thực loại cứng này nên được trình cho ngài Đại đức Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, như vậy thì sau khi thọ lãnh, các ngươi hãy để riêng ra đến khi Upananda trở về.

24. Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya sau khi đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn rồi về lại trong ngày.

25. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã ăn xong và đã ngăn [vật thực] được thọ dụng vật không phải còn thừa đã được thọ lãnh trước bữa ăn.

26. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

27. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sāriputta bị bệnh sốt toàn thân.

28. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp Đại đức Sāriputta, sau khi đến đã nói với Đại đức Sāriputta điều này:

– Này Đại đức Sāriputta, trước đây bệnh sốt toàn thân của Đại đức được dịu đi nhờ vào thứ gì?

– Này Đại đức, tôi nhờ vào các củ sen và các cọng sen.

29. Sau đó, giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, Đại đức Mahāmoggallāna đã biến mất tại Jetavana rồi hiện ra ở bờ hồ sen Mandākinī.

30. Có con long tượng nọ đã nhìn thấy Đại đức Mahāmoggallāna từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này:

– Thưa ngài, xin ngài Đại đức Mahāmoggallāna hãy đến. Thưa ngài, xin hoan nghênh ngài Đại đức Mahāmoggallāna. Thưa ngài, ngài Đại đức có nhu cầu gì? Tôi sẽ dâng vật gì?

– Này đạo hữu, ta có nhu cầu về các củ sen và các cọng sen.

31. Khi ấy, con long tượng ấy đã ra lệnh cho con long tượng khác rằng: "Này bạn, như vậy bạn hãy dâng đến ngài Đại đức các củ sen và các cọng sen theo như nhu cầu." Sau đó, con long tượng ấy đã lội xuống hồ sen Mandākinī, dùng vòi nhổ củ sen và cọng sen rồi rửa sạch sẽ, sau khi rửa xong đã buộc lại thành bó rồi đi đến gặp Đại đức Mahāmoggallāna.

32. Khi ấy, giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, Đại đức Mahāmoggallāna đã biến mất tại bờ hồ sen Mandākinī rồi hiện ra ở Jetavana.

33. Con long tượng ấy cũng đã biến mất tại bờ hồ sen Mandākinī và hiện ra ở Jetavana. Khi ấy, con long tượng ấy sau khi đã dâng đến Đại đức Mahāmoggallāna các củ sen và các cọng sen rồi, đã biến mất tại Jetavana và hiện ra ở bờ hồ sen Mandākinī.

34. Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã đem lại các củ sen và các cọng sen cho Đại đức Sāriputta. Khi ấy, vào lúc Đại đức Sāriputta đã thọ dụng các củ

sen và các cọng sen, bệnh sốt toàn thân đã được thuyên giảm. Nhiều củ sen và cọng sen còn thừa lại.

35. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã ăn xong và đã ngăn [vật thực] được thọ dụng vật không phải còn thừa đã được mọc ở rừng [hoặc] đã được mọc ở hồ nước.

36. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi được phát sanh nhiều trái cây có thể ăn được. Và người làm [cho trái cây ấy] thành được phép là không có. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ dụng trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng trái cây không có hột, hoặc không còn hột, [cho dù] chưa được làm trở thành đúng phép.

37. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvatthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh lở loét. Thầy thuốc Ākāsagotta thực hiện công việc mổ xẻ. Sau đó, đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã đi đến trú xá của vị Tỳ-khưu nọ. Thầy thuốc Ākāsagotta đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài Gotama, xin hãy lại đây. Xin hãy nhìn xem hậu môn của vị Tỳ-khưu này, giống như là miệng của con kỳ nhông vậy."

39. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Kẻ rồ dại này [muốn] đùa cợt Ta!" rồi từ chính nơi ấy, đã quay trở về, rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, có phải trong trú xá kia có vị Tỳ-khưu bị bệnh?

– Bạch Thế Tôn, thưa có.

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy bị bệnh gì?

– Bạch Ngài, Đại đức ấy bị bệnh lở loét. Thầy thuốc Ākāsagotta thực hiện công việc mổ xẻ.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại ấy lại cho người thực hiện công việc mổ xẻ ở chỗ kín [của cơ thể]? Này các Tỳ-khưu, da ở chỗ kín thì mỏng, vết thương khó liền da, dao khó điều khiển. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho người thực hiện việc mổ xẻ ở chỗ kín [của cơ thể]; vị nào cho người thực hiện thì phạm tội *Thullaccaya*.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán việc mổ xẻ" nên đã cho người thực hiện việc bơm thụt. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại cho người thực hiện việc bơm thụt?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

41. – Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cho người thực hiện việc bơm thụt, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho người thực hiện việc mổ xẻ hoặc việc bơm thụt xung quanh chỗ kín [của cơ thể] hai lóng tay; vị nào cho người thực hiện thì phạm tội *Thullaccaya*.

42. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bārāṇasī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bārāṇasī. Tại nơi đó, trong thành Bārāṇasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, ở vườn Nai.

43. Vào lúc bấy giờ, trong thành Bārāṇasī có nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā. Cả hai đều mộ đạo, là thí chủ, là người phục vụ, là người hộ độ hội chúng. Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đi đến tu viện rồi đi từ trú xá này đến trú xá khác, từ phòng này đến phòng khác và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Thưa các ngài, vị nào bị bệnh? Vật gì cần được mang lại? Cho vị nào?

44. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã uống thuốc xổ. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này:

– Này chị gái, tôi đã uống thuốc xổ. Tôi có nhu cầu về nước luộc thịt.

– Thưa ngài, tốt lắm. [Nước luộc thịt] sẽ được mang lại.

Sau khi về nhà, nàng đã bảo người giúp việc rằng:

– Này chú em, hãy đi và tìm [mua] loại thịt đã được làm sẵn.

– Thưa cô chủ, xin vâng.

Rồi người đàn ông ấy nghe theo nữ cư sĩ Suppiyā, trong khi đi rảo khắp cả thành Bārāṇasī vẫn không thấy loại thịt đã được làm sẵn. Sau đó, người đàn ông ấy đã đi đến gặp nữ cư sĩ Suppiyā, sau khi đến đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này:

– Thưa cô chủ, không có thịt đã được làm sẵn. Hôm nay là ngày kiêng sát sanh.

45. Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đã khởi ý điều này: "Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy mà không có được nước luộc thịt thì bệnh sẽ trầm trọng hơn, hoặc sẽ chết. Đối với

ta, việc ta đã hứa mà không cho người đem lại là việc không thích đáng", nên đã cầm lấy con dao găm cắt lìa miếng thịt ở đùi rồi trao cho người tớ gái [nói rằng]: "Này em, sau khi chuẩn bị miếng thịt này, ở trú xá kia có vị Tỳ-khưu bị bệnh, hãy dâng đến vị ấy. Và ai hỏi ta thì hãy báo cho biết là 'cô chủ bị bệnh.'" Rồi nàng đã lấy thượng y quấn quanh đùi, đi vào phòng trong và nằm xuống trên giường.

46. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã trở về nhà và hỏi người tớ gái rằng:

– Suppiyā đâu rồi?

– Thưa ông chủ, bà nằm ở phòng trong.

Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya đã đi đến gặp nữ cư sĩ Suppiyā, sau khi đến đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này:

– Vì sao nàng lại nằm vậy?

– Thiếp bị bệnh.

– Nàng bị bệnh gì vậy?

Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đã kể lại sự việc ấy cho nam cư sĩ Suppiya.

47. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya [nghĩ rằng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Nàng Suppiyā này có niềm tin, mộ đạo đến thế. Bởi vì ngay cả các phần thịt của chính bản thân còn được dứt bỏ, thì đối với nàng còn có vật gì khác nữa sẽ là không thể bố thí?" rồi đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

48. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Suppiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh và ra đi.

49. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, nam cư sĩ Suppiya đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của nam cư sĩ Suppiya, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

50. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi nam cư sĩ Suppiya đã đứng một bên, đức Thế Tôn đã nói với nam cư sĩ Suppiya điều này:

– Suppiyā đâu rồi?

– Bạch Thế Tôn, nàng bị bệnh.

– Như vậy thì [nàng] hãy đi đến.

– Bạch Thế Tôn, nàng không đủ sức.

– Như vậy thì hãy ẵm rồi đưa [nàng] lại.

Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã ẵm và đưa nữ cư sĩ Suppiyā lại. Đối với nàng, với ánh nhìn của đức Thế Tôn, ngay tức thời, vết thương lớn đã được liền lại, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc.

51. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā [nghĩ rằng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì ở đây, với ánh nhìn của đức Thế Tôn, ngay tức thời, vết thương lớn đã được liền lại, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc" nên mừng rỡ, phấn chấn, rồi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, họ đã ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, tạo niềm phấn khởi cho nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

52. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị nào đã yêu cầu nữ cư sĩ Suppiyā về thịt?

Khi được nói như thế, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chính con đã yêu cầu nữ cư sĩ Suppiyā về thịt.

– Này Tỳ-khưu, có phải [thịt] đã được đem đến?

– Bạch Thế Tôn, [thịt] đã được đem đến.

– Này Tỳ-khưu, có phải ngươi đã thọ dụng?

– Bạch Thế Tôn, con đã thọ dụng.

– Này Tỳ-khưu, thế ngươi có suy xét [là thịt gì] hay không?

– Bạch Thế Tôn, con đã không suy xét [là thịt gì].

53. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi chưa suy xét mà lại thọ dụng thịt? Này kẻ rồ dại, ngươi đã thọ dụng thịt người. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, có những người có niềm tin, mộ đạo, ngay cả các phần thịt của chính bản thân còn được những người này dứt bỏ. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt người; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Thullaccaya*. Và này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt khi chưa suy xét; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

54. Vào lúc bấy giờ, các con voi của đức vua bị chết. Trong thời kỳ khó khăn về vật thực, dân chúng ăn thịt voi. Họ bố thí thịt voi đến các vị Tỳ-khưu

đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng thịt voi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt voi? Các con voi là biểu tượng của hoàng gia, nếu đức vua biết, ngài sẽ không hoan hỷ với các vị ấy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt voi; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

55. Vào lúc bấy giờ, các con ngựa của đức vua bị chết. Trong thời kỳ khó khăn về vật thực, dân chúng ăn thịt ngựa. Họ bố thí thịt ngựa đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng thịt ngựa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt ngựa? Các con ngựa là biểu tượng của hoàng gia, nếu đức vua biết, ngài sẽ không hoan hỷ với các vị ấy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt ngựa; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

56. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực dân chúng ăn thịt chó. Họ bố thí thịt chó đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng thịt chó. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt chó? Loài chó thì ghê tởm và đáng ghét." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt chó; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

57. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực dân chúng ăn thịt rắn. Họ bố thí thịt rắn đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng thịt rắn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt rắn? Loài rắn thì ghê tởm và đáng ghét."

58. Vua của loài rắn là Suphassa cũng đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Suphassa vua của loài rắn đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có những loài rắn không có đức tin, không có lòng ngưỡng mộ, chúng có thể hãm hại các vị Tỳ-khưu dầu là việc không đáng. Bạch Ngài, thật tốt đẹp thay các ngài Đại đức chớ nên thọ dụng thịt rắn.

59. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Suphassa, vua của loài rắn bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Suphassa, vua của loài rắn đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

60. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lí do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt rắn; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

61. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con sư tử rồi ăn thịt sư tử. Họ bố thí thịt sư tử đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt sư tử rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con sư tử vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt sư tử; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

62. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con hổ rồi ăn thịt hổ. Họ bố thí thịt hổ đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt hổ rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con hổ vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt hổ; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

63. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con beo rồi ăn thịt beo. Họ bố thí thịt beo đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt beo rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con beo vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt beo; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

64. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con gấu rồi ăn thịt gấu. Họ bố thí thịt gấu đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt gấu rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con gấu vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt gấu; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

65. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con chó sói rồi ăn thịt chó sói. Họ bố thí thịt chó sói đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt chó sói rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con chó sói vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt chó sói; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Tụng phẩm Suppiya là phần thứ nhì.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía Andhakavinda cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

2. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trong xứ sở cho người chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng rồi lần lượt nối đuôi theo sau

hội chúng Tỳ-khưu, có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: "Khi nào chúng tôi đến phiên, khi ấy chúng tôi sẽ thực hiện bữa trai phạn" và số lượng người ăn thức ăn còn thừa là năm trăm người.

3. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Andhakavinda. Khi ấy, có người Bà-la-môn nọ không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: "Hơn hai tháng nay, ta đã theo sau hội chúng Tỳ-khưu có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: 'Khi nào ta đến phiên, khi ấy ta sẽ thực hiện bữa trai phạn' và phiên của ta không được thành tựu. Mà ta thì đơn chiếc và nhiều công việc gia đình đã bị ta bỏ bê. Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?" Sau đó, người Bà-la-môn ấy trong khi nhìn xem ở nhà ăn đã không thấy hai món là cháo và mật viên.

4. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ở đây, tôi không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: "Hơn hai tháng nay, ta đã theo sau hội chúng Tỳ-khưu có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: Khi nào ta đến phiên, khi ấy ta sẽ thực hiện bữa trai phạn và phiên của ta không được thành tựu. Mà ta thì đơn chiếc và nhiều công việc gia đình đã bị ta bỏ bê. Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?" Thưa ngài Ānanda, trong khi nhìn xem ở nhà ăn, tôi đây đã không thấy hai món là cháo và mật viên. Thưa ngài Ānanda, nếu tôi chuẩn bị sẵn sàng cháo và mật viên thì Ngài Gotama có thọ nhận của tôi hay không?

– Này ông Bà-la-môn, như thế thì tôi sẽ hỏi đức Thế Tôn.

5. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn.

– Này Ānanda, như vậy thì bảo ông ta hãy chuẩn bị sẵn sàng.

– Này ông Bà-la-môn, như vậy thì ông hãy chuẩn bị sẵn sàng.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người Bà-la-môn ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng nhiều cháo và mật viên, rồi đem dâng đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài Gotama, xin hãy thọ lãnh cháo và mật viên của tôi.

– Này Bà-la-môn, như thế thì hãy dâng đến các vị Tỳ-khưu.

Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh, hãy thọ dụng.

6. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều cháo và mật viên. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên. Khi người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: "Này Bà-la-môn, đây là mười điều lợi ích của cháo. Mười điều ấy là gì? Trong khi bố thí cháo, [người ấy] bố thí tuổi thọ, bố thí sắc đẹp, bố thí sự an lạc, bố thí sức mạnh, bố thí sự

sáng suốt, những người đã húp cháo dứt hẳn cơn đói, chận đứng cơn khát, điều hòa gió, làm sạch bàng quang và làm tiêu hóa phần [vật thực] còn lại chưa tiêu. Này Bà-la-môn, đây là mười điều lợi ích của cháo.

7. Người nào bố thí cháo một cách trân trọng và hợp thời đến các vị đã được thu thúc, [sống nhờ] vật thực được bố thí bởi những kẻ khác, [người ấy] cho đến vị này mười điều lợi ích là tuổi thọ và sắc đẹp, sự an vui và sức mạnh.

8. Nhờ đó, sự sáng suốt được sanh khởi cho vị này, khiến xua đi cơn đói, cơn khát, [điều hòa] gió, làm trong sạch bàng quang, làm tiêu hóa vật đã được ăn vào. Dược phẩm này đã được ngợi khen bởi đấng Thiện Thệ.

9. Chính vì điều ấy, người tầm cầu sự an vui đang ước nguyện về các sự an lạc thuộc cõi trời, hoặc đang ước muốn về sự phồn vinh của nhân loại nên thường xuyên bố thí cháo thật đầy đủ."

10. Khi ấy, sau khi nói lời tùy hỷ đến người Bà-la-môn ấy bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ dụng] cháo và mật viên."

11. Dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn cho phép cháo và mật viên đến các Tỳ-khưu." Vào buổi sáng sớm, họ đã chuẩn bị sẵn sàng cháo đặc và mật viên. Các Tỳ-khưu vào buổi sáng sớm được thỏa mãn với cháo đặc và mật viên nên không thọ thực được như ý ở chỗ thọ thực.

12. Vào lúc bấy giờ, hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, đã được vị quan đại thần nọ mới có đức tin thỉnh mời vào ngày hôm sau. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên chuẩn bị sẵn sàng một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt cho một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu, rồi sẽ dâng đến cứ mỗi một vị Tỳ-khưu là mỗi một đĩa thịt?" Sau đó, khi trải qua đêm ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư dinh của vị quan đại thần mới có đức tin ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

13. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy phục vụ các Tỳ-khưu ở trong nhà ăn. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi.

– Thưa các ngài, chớ có thọ lãnh chỉ chút ít thôi [vì nghĩ rằng]: "Vị quan đại thần này mới có đức tin." Tôi đã chuẩn bị nhiều vật thực loại cứng, loại mềm và một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt, tôi sẽ dâng đến mỗi một vị Tỳ-khưu là mỗi một đĩa thịt. Thưa các ngài, xin hãy thọ lãnh theo như ước muốn.

– Này đạo hữu, không phải vì lý do ấy mà chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít; tuy nhiên vào sáng sớm, chúng tôi đã được bồi bổ với cháo đặc và mật viên rồi, cho nên chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít.

14. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Đại đức đã được tôi thỉnh mời lại thọ dụng cháo đặc của người khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?" Rồi trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muốn lăng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi."

15. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã ngồi xuống một bên. Khi vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho vị quan đại thần mới có đức tin ấy bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

16. Khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã khởi lên nỗi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: "Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Là việc ta đã trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muốn lăng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị Tỳ-khưu [nói rằng]: 'Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi.' Ta đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?"

17. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, ở đây, khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, con đã khởi lên nỗi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: 'Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Là việc ta đã trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muốn lăng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị Tỳ-khưu [nói rằng]: Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi. Ta đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?' Bạch Ngài, con đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?"

– Này đạo hữu, kể từ lúc ngươi thỉnh mời hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu cho ngày hôm sau, từ lúc ấy ngươi đã tạo ra được nhiều phước báu. Kể từ lúc mỗi một miếng cơm của ngươi được mỗi một vị Tỳ-khưu thọ lãnh, từ lúc ấy ngươi đã tạo ra được nhiều phước báu. Các cõi trời đã được thành tựu cho ngươi rồi.

18. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy [nghĩ rằng]: "Nghe nói ta có được điều lợi ích! Nghe nói ta đã đạt được điều tốt! Nghe nói ta đã tạo ra được nhiều phước báu! Nghe nói các cõi trời đã được thành tựu cho ta!" nên mừng rỡ, phấn chấn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác; vị nào thọ dụng thì nên được hành xử theo pháp.[6]

19. Sau đó, khi đã ngự tại Andhakavinda theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

20. Vào lúc bấy giờ, Belaṭṭha Kaccāna đang đi đường xa từ thành Rājagaha đến Andhakavinda cùng với năm trăm xe hàng, toàn bộ đều chất đầy các hũ mật đường. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Belaṭṭha Kaccāna từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã rời đường lộ và ngồi xuống ở gốc cây nọ.

21. Sau đó, Belaṭṭha Kaccāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Belaṭṭha Kaccāna đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con muốn dâng đến mỗi một vị Tỳ-khưu một hũ mật đường.

– Này Kaccāna, như vậy thì ngươi hãy mang lại chỉ một hũ mật đường thôi.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã cầm lấy chỉ một hũ mật đường rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, hũ mật đường đã được mang lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy dâng mật đường đến các vị Tỳ-khưu.

– Bạch Ngài, xin vâng.

---

[6] Liên quan đến tội *Pācittiya* 33.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi dâng mật đường đến các vị Tỳ-khưu rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được dâng đến các vị Tỳ-khưu và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy dâng mật đường đến các vị Tỳ-khưu theo như ước muốn.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi dâng mật đường đến các vị Tỳ-khưu theo như ước muốn rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được dâng đến các vị Tỳ-khưu theo như ước muốn và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy làm cho các vị Tỳ-khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã làm cho các vị Tỳ-khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường. Một số các vị Tỳ-khưu đã chứa đầy các bình bát, đã chứa đầy các túi lọc nước và luôn cả các túi xách.

22. Rồi Belaṭṭha Kaccāna sau khi đã làm cho các vị Tỳ-khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, các vị Tỳ-khưu đã được thỏa mãn với nhiều mật đường và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi đã cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được cho đến những người ăn vật thực còn thừa và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa theo như ước muốn.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi đã cho mật đường đến những người ăn thức ăn còn thừa theo như ước muốn rồi, đã nói đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được cho đến những người ăn thức ăn còn thừa theo như ước muốn và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường. Một số người ăn thức ăn còn thừa đã chứa đầy các lọ, các bình, đã chứa đầy các giỏ và dùng luôn cả phần y ở phía trước [đã được buộc lại].

23. Rồi Belaṭṭha Kaccāna sau khi đã làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường rồi, đã nói đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, những người ăn thức ăn còn thừa đã được thỏa mãn với nhiều mật đường và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, Ta không thấy người nào trong thế gian tính luôn cõi của chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người mà đường này khi được người ấy ăn vào có thể đem lại sự tiêu hóa tốt đẹp, ngoại trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai. Này Kaccāna, chính vì điều ấy, ngươi hãy đổ bỏ đường ấy ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn đã đổ mật đường ấy xuống nước không có sinh vật. Khi ấy, mật đường ấy khi được đổ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói. Cũng giống như lưỡi cày đã được nung đỏ trọn ngày, khi được bỏ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói; tương tợ như thế, mật đường ấy khi được đổ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói.

24. Khi ấy, Belaṭṭha Kaccāna trở nên hoảng hốt, lông dựng đứng lên, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Belaṭṭha Kaccāna đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Belaṭṭha Kaccāna. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được Belaṭṭha Kaccāna có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Belaṭṭha Kaccāna: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

25. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã

thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Belaṭṭha Kaccāna đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: 'Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng'; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời."

26. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi ấy, trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Rājagaha, mật đường được dồi dào. Các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Mật đường đã được đức Thế Tôn cho phép đến chính vị bị bệnh, không cho đối với vị không bị bệnh", trong lúc ngần ngại, không thọ dụng mật đường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mật đường đối với vị bị bệnh và nước [có pha] mật đường đối với vị không bị bệnh.

27. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Pāṭaligāma[7] cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Pāṭaligāma. Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Pāṭaligāma." Sau đó, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đã ngồi xuống một bên. Khi các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời [trú tại] nhà nghỉ trọ cùng với hội chúng Tỳ-khưu." Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

28. Khi ấy, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã trải thảm toàn bộ nhà nghỉ trọ với thảm trải, cho sắp đặt các chỗ ngồi, cho bố trí lu nước, thắp sáng cây đèn dầu, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nhà nghỉ trọ đã trải thảm toàn bộ với thảm trải, các chỗ ngồi đã được cho sắp đặt, lu nước đã được cho bố trí, cây đèn dầu đã được thắp sáng.

---

[7] Pāṭaligāma là một làng (*gāma*) thuộc xứ Magadha, nay là thành phố Patna, Ấn Độ (ND).

Bạch Ngài, bây giờ là thời điểm của việc gì xin đức Thế Tôn hãy suy tính về việc ấy.

Sau đó, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi cùng với đại chúng Tỳ-khưu đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã rửa sạch hai bàn chân rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ cột nhà ở chính giữa, mặt nhìn về hướng Đông. Hội chúng Tỳ-khưu cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía Tây, mặt nhìn về hướng Đông và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn. Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía Đông, mặt nhìn về hướng Tây và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn.

29. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma rằng:

– Này các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Năm điều ấy là gì? Này các cư sĩ, ở đây, kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới gánh chịu sự mất mát lớn về tài sản do nguyên nhân xao lãng. Đây là điều tai hại thứ nhất của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiếng đồn xấu xa của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới lan rộng. Đây là điều tai hại thứ nhì của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới đi vào tập thể nào khác, dầu là tập thể những người Sát-đế-ly, dầu là tập thể những người Bà-la-môn, dầu là tập thể các gia chủ, dầu là tập thể các Sa-môn, kẻ ấy đi vào thiếu sự tự chủ và trở nên bối rối. Đây là điều tai hại thứ ba của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới bị mê muội khi từ trần. Đây là điều tai hại thứ tư của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Đây là điều tai hại thứ năm của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới.

30. Này các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Năm điều ấy là gì? Này các cư sĩ, người giữ giới có sự thành tựu về giới thành tựu số lượng lớn về tài sản do nguyên nhân không xao lãng. Đây là điều lợi ích thứ nhất của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiếng đồn tốt đẹp của người giữ giới có sự thành tựu về giới lan rộng. Đây là điều lợi ích thứ nhì của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới đi vào tập thể nào khác, dầu là tập thể những người Sát-đế-ly, dầu là tập thể những người Bà-la-môn, dầu là tập thể các gia chủ, dầu là tập thể các Sa-môn, người ấy đi vào có sự tự chủ và không có bối rối. Đây là điều lợi ích thứ ba của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới không bị mê muội khi từ trần. Đây là điều

lợi ích thứ tư của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào chốn an vui, cõi trời, cõi người. Đây là điều lợi ích thứ năm của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới.

31. Sau đó, khi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma bằng bài pháp thoại đến tận đêm khuya, đức Thế Tôn đã giải tán [bảo rằng]:

– Này các cư sĩ, đêm đã khuya. Bây giờ là thời điểm của việc gì thì các ngươi hãy suy tính về việc ấy.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma nghe theo đức Thế Tôn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma ra đi không lâu, đức Thế Tôn đã đi vào ngôi nhà trống vắng.

32. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji. Và đức Thế Tôn, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt xa loài người, đã nhìn thấy nhiều vị trời đang chiếm giữ các khu vực ở Pāṭaligāma. Các vị trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào, thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực lớn ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực trung bình ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực kém ở khu vực đó cho xây các dinh thự.

33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, những ai là người cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma vậy?

– Bạch Ngài, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji.

– Này Ānanda, cũng giống như là đã thỉnh ý với chư thiên ở cõi Tāvatiṃsa, này Ānanda, tương tợ như thế, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji. Này Ānanda, ở đây, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trên loài người, Ta đã nhìn thấy nhiều vị trời đang chiếm giữ các khu vực ở trong Pāṭaligāma. Các vị trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào, thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực lớn ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào, thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực trung bình ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực

kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực kém ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Này Ānanda, cho đến tận lãnh thổ của những người Ariyan và đến tận con đường của những nhà thương buôn, Pāṭaliputta này sẽ trở thành thành phố hàng đầu, là nơi bốc dở các loại hàng hóa. Này Ānanda, thành Pāṭaliputta sẽ xảy ra ba tai họa hoặc do lửa, hoặc do nước, hoặc do sự chia hai từ trong nội bộ.

34. Sau đó, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Xin Ngài Gotama hãy nhận lời chúng tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu." Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha sau khi hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã ra đi.

35. Sau đó, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến nơi phân phối thức ăn của Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

36. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, hai vị quan đại thần đã ngồi xuống một bên. Khi Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến hai vị quan đại thần bằng những lời kệ này:

37. "Ở tại khu vực nào, chỗ trú ngụ được sắp đặt cho các bậc có bản chất sáng suốt, tại nơi ấy, sau khi dâng thức ăn đến các vị có giới thu thúc, hành Phạm hạnh.

38. Nên tỏ sự kính trọng đến chư thiên đã ngụ ở nơi ấy. Chư thiên ấy, được cúng dường, sẽ cúng dường người ấy, được tôn kính, sẽ tôn kính người ấy.

39. Do đó, chư thiên thương mến người ấy, như người mẹ thương xót đứa con trai ruột thịt. Được chư thiên thương mến, người ấy sẽ luôn luôn gặp được các điều tốt lành."

40. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã đi theo phía sau đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Hôm nay, Sa-môn Gotama đi ra bằng cửa thành nào thì cửa thành ấy sẽ có tên là cửa thành

Gotama, và băng qua sông Gaṅgā bằng bến tàu nào thì bến tàu ấy sẽ có tên là bến tàu Gotama." Sau đó, cửa thành nào mà đức Thế Tôn đã đi ra, cửa thành ấy đã có tên là cửa thành Gotama. Rồi đức Thế Tôn đã đi đến sông Gaṅgā. Vào lúc bấy giờ, sông Gaṅgā luôn tràn đầy, mấp mé bờ khiến chim quạ có thể uống nước. Dân chúng, một số đi kiếm thuyền, một số đi kiếm xuồng, một số buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia.

41. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy những người ấy, một số đang đi kiếm thuyền, một số đang đi kiếm xuồng, một số đang buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia. Sau khi nhìn thấy, cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, đức Thế Tôn đã biến mất tại bờ bên này của sông Gaṅgā và hiện ra đứng ở bờ bên kia cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, khi đã biết sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

42. – Những người băng qua biển cả ao hồ, sau khi xây dựng cây cầu vượt qua các hồ nhỏ. [Trong khi] người còn đang buộc chiếc bè nhỏ thì các bậc trí đã vượt qua [bờ kia].

43. Sau đó, đức Thế Tôn đã ngự đến Koṭigāma. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn ngụ tại Koṭigāma. Ở đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, do sự không giác ngộ, không thấu triệt được bốn chân lý cao thượng, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các ngươi đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Bốn điều ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, do sự không giác ngộ, không thấu triệt được chân lý cao thượng của khổ, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các ngươi đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. ...(nt)... Chân lý cao thượng của nguồn gốc sanh khởi của khổ, ...(nt)... Chân lý cao thượng của sự chấm dứt của khổ, ...(nt)... Chân lý cao thượng của sự thực hành đưa đến sự chấm dứt của khổ, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các ngươi đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Này các Tỳ-khưu, chân lý cao thượng của khổ này đây đã được giác ngộ, đã được thấu triệt; chân lý cao thượng của nguồn gốc sanh khởi của khổ đã được giác ngộ, đã được thấu triệt; chân lý cao thượng của sự chấm dứt của khổ đã được giác ngộ, đã được thấu triệt; chân lý cao thượng của sự thực hành đưa đến sự chấm dứt của khổ đã được giác ngộ, đã được thấu triệt, [thì] nỗi khao khát về sự tái sanh đã được cắt đứt, lối đưa đến sự tái sanh đã cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

44. "Do không nhìn thấy đúng theo bản thể của bốn chân lý cao thượng, nên bị luân hồi dài thăm thẳm trong những lần tái sanh kiếp này kiếp khác.

45. Khi những điều này đây đã được nhìn thấy thì lối dẫn đi tái sanh không còn, nguồn sanh khổ đã đoạn, giờ đây không còn tái sanh nữa."

46. Nàng kỹ nữ Ambapālī đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Koṭigāma." Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī đã cho thắng [ngựa vào] những

cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe lộng lẫy, sau đó rời khỏi thành Vesālī với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn. Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, nàng đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi nàng đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho nàng kỹ nữ Ambapālī bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, nàng kỹ nữ Ambapālī đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của con." Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

47. Các vị dòng dõi Licchavi ở Vesālī đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Koṭigāma." Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ở Vesālī đã cho thắng [ngựa vào] những cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe vô cùng lộng lẫy, sau đó rời khỏi thành Vesālī với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu xanh, có vẻ bên ngoài màu xanh, y phục màu xanh, đồ trang sức màu xanh. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu vàng, có vẻ bên ngoài màu vàng, y phục màu vàng, đồ trang sức màu vàng. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu đỏ, có vẻ bên ngoài màu đỏ, y phục màu đỏ, đồ trang sức màu đỏ. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu trắng, có vẻ bên ngoài màu trắng, y phục màu trắng, đồ trang sức màu trắng.

48. Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī di chuyển đối đầu gọng xe với gọng xe, càng xe với càng xe, bánh xe với bánh xe, trục bánh xe với trục bánh xe của các vương tử rất trẻ tuổi dòng Licchavi. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã nói với nàng kỹ nữ Ambapālī điều này:

– Này nàng Ambapālī, vì sao nàng lại di chuyển đối đầu gọng xe với gọng xe, càng xe với càng xe, bánh xe với bánh xe, trục bánh xe với trục bánh xe của các vương tử rất trẻ tuổi dòng Licchavi của chúng tôi vậy?

– Này các cậu công tử, chính là vì tôi đã thỉnh mời được hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.

– Này nàng Ambapālī, hãy nhường lại cho chúng tôi bữa thọ trai ấy với giá một trăm ngàn.

– Này các cậu công tử, cho dù các cậu chịu nhường lại thành Vesālī luôn cả dân cư cho tôi, tôi cũng không chịu nhường lại bữa thọ trai.

49. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã búng ngón tay [nói rằng]: "Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi! Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi!"

50. Sau đó, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị dòng dõi Licchavi ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chư thiên ở cõi Tāvatiṃsa chưa được các Tỳ-khưu nhìn thấy trước đây. Này các Tỳ-khưu, hãy nhìn tập thể các vị dòng dõi Licchavi. Này các Tỳ-khưu, hãy nhìn tập thể các vị dòng dõi Licchavi. Này các Tỳ-khưu, hãy so sánh tập thể các vị dòng dõi Licchavi với tập thể chư thiên cõi Tāvatiṃsa.

51. Khi ấy, sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi họ đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các vị dòng dõi Licchavi ấy bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã nói đã với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của chúng tôi.

– Này các vị Licchavi, Ta đã nhận lời nàng kỹ nữ Ambapālī về bữa thọ trai vào ngày mai rồi.

Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã búng ngón tay [nói rằng]: "Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi! Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi!" Sau đó, khi đã được hoan hỷ và thỏa mãn với lời nói của đức Thế Tôn, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

52. Sau đó, khi đã ngự tại Koṭigāma như ý thích, đức Thế Tôn đã đi đến Nātikā. Tại nơi ấy, ở Nātikā, đức Thế Tôn ngự tại Giñjakāvasatha (căn nhà bằng gạch). Sau đó, khi trải qua đêm ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm trong khu vườn của mình rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ dâng cúng vật thực của nàng kỹ nữ Ambapālī, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

53. Sau đó, nàng kỹ nữ Ambapālī đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, nàng đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nàng kỹ nữ Ambapālī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con xin dâng khu vườn Ambavana (vườn xoài) này đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận khu vườn.

54. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho nàng kỹ nữ Ambapālī bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến Mahāvana. Tại nơi ấy, ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra.

Tụng phẩm Licchavi là thứ ba.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng đã tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp rồi tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức.

2. Vào lúc bấy giờ, Tướng quân Sīha là đệ tử của Nigaṇṭha đã ngồi xuống ở tập thể ấy. Khi ấy, Tướng quân Sīha đã khởi ý điều này: "Không còn nghi ngờ gì nữa, đức Thế Tôn ấy phải là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính bởi vì các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng này khi tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp đều tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức như thế; có lẽ ta nên đi đến để diện kiến đức Thế Tôn là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy?"

3. Sau đó, Tướng quân Sīha đã đi đến gặp Nigaṇṭha Nāṭaputta,[8] sau khi đến đã đảnh lễ Nigaṇṭha Nāṭaputta rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha đã nói với Nigaṇṭha Nāṭaputta điều này:

– Thưa ngài, tôi muốn đi đến để diện kiến Sa-môn Gotama.

– Này Sīha, ngươi là người theo thuyết hành động, sao lại đi đến diện kiến Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động? Này Sīha, chính Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.

Khi ấy, ước muốn đi đến để diện kiến đức Thế Tôn của Tướng quân Sīha đã được lắng dịu đi.

4. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng đã tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp rồi tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức. Đến lần thứ ba Tướng quân Sīha đã khởi ý điều này: "Không còn nghi ngờ gì nữa, đức Thế Tôn ấy phải là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính bởi vì các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng này khi tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp đều tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương

[8] Một trong 6 vị đứng đầu 6 nhóm ngoại đạo thời đó (ND).

thức như thế. Những người Nigaṇṭha dầu có được hỏi ý kiến hay không được hỏi ý kiến thì sẽ làm được điều gì đối với ta? Có lẽ ta không cần hỏi ý kiến các Nigaṇṭha và nên đi đến để diện kiến đức Thế Tôn là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy?"

5. Sau đó, vào lúc xế trưa, Tướng quân Sīha cùng với năm trăm cỗ xe đã rời thành Vesālī để diện kiến đức Thế Tôn. Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, Tướng quân Sīha đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tôi được nghe rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." Bạch Ngài, những người nào đã nói như vầy: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy", bạch Ngài, phải chăng những người ấy nói đúng về đức Thế Tôn, không gièm pha đức Thế Tôn với sự sai trái và tuyên bố về pháp phù hợp với pháp [của Ngài] không? Và phải chăng bất cứ người nào sống theo pháp có lời nói hợp với giáo lý đều không phải là đối tượng để chê bai? Bạch Ngài, chúng tôi thật tình không có ý lên án đức Thế Tôn.

6. – Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

7. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

8. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

9. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

10. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

11. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

12. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

13. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

14. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta giảng về không hành động của thân làm ác, của miệng nói ác, của ý nghĩ ác; Ta giảng về không hành động của các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

15. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta giảng về hành động của thân làm thiện, của miệng nói thiện, của ý nghĩ thiện; Ta giảng về hành động của các thiện pháp dưới nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

16. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta giảng về sự đoạn diệt của luyến ái, của sân, của si; Ta giảng về sự đoạn diệt của các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

17. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta ghê tởm với việc làm ác của thân, với lời nói ác của miệng, với suy nghĩ ác của ý; Ta giảng pháp về điều ghê tởm trong sự tạo thành các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

18. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì

Ta giảng pháp về sự cách ly đối với luyến ái, đối với sân, đối với si; Ta giảng pháp về sự cách ly đối với các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

19. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, Ta giảng về các pháp ác và bất thiện là việc làm ác của thân, lời nói ác của miệng, suy nghĩ ác của ý cần được thiêu đốt. Này Sīha, người nào có các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ấy là "người thiêu đốt." Này Sīha, các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt của Như Lai đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

20. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của người nào, tức là sự tái sanh và hiện hữu lần nữa đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ấy là "người thoát khỏi bào thai." Này Sīha, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của Như Lai, tức là sự hiện hữu lần nữa và là sự tái sanh đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

21. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta là người tự tin, Ta giảng về sự tự tin với sự tự tin tối thượng và huấn luyện các đệ tử với điều ấy. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

22. Khi được nói như thế, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

23. – Này Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp.

– Bạch Ngài, với lời nói này của đức Thế Tôn, con càng thêm hoan hỷ và phấn khởi; bởi vì đức Thế Tôn đã nói với con như vầy: "Này Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp." Bạch Ngài, bởi vì các ngoại đạo sau khi thâu nhận con làm đệ tử có thể vác cờ đi khắp cả Vesālī [rêu rao] rằng: "Tướng quân Sīha đã trở thành đệ tử của chúng tôi!" thế mà đức Thế Tôn đã nói với con như vầy: "Này Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp." Bạch Ngài, lần thứ nhì con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

24. – Này Sīha, lâu nay gia đình ông là nguồn nước cho những người Nigaṇṭha, vì thế đối với những người ấy, ông nên suy nghĩ đến vật thực cần được bố thí khi họ đi đến.

– Bạch Ngài, với lời nói này của đức Thế Tôn, con càng thêm hoan hỷ và phấn khởi bởi vì đức Thế Tôn đã nói với con như vầy: "Này Sīha, lâu nay gia đình ông là nguồn nước cho những người Nigaṇṭha, vì thế đối với những người ấy, ông nên suy nghĩ đến vật thực cần được bố thí khi họ đi đến."

25. Bạch Ngài, con đã được nghe điều này, Sa-môn Gotama đã nói như vầy: "Vật bố thí chỉ nên dâng đến Ta thôi, vật bố thí không nên dâng đến những người khác. Vật bố thí chỉ nên dâng đến các đệ tử của Ta thôi, vật bố thí không nên dâng đến các đệ tử của những người khác. Đã dâng đến riêng Ta thôi thì có quả báo lớn, đã dâng đến những người khác thì không có quả báo lớn. Đã dâng đến các đệ tử của Ta thôi thì có quả báo lớn, đã dâng đến các đệ tử của những người khác thì không có quả báo lớn", thế mà đức Thế Tôn lại khuyến khích con việc bố thí cho những người Nigaṇṭha. Bạch Ngài, tuy nhiên, trong trường hợp này, chúng con sẽ biết thời điểm. Bạch Ngài, lần thứ ba con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

26. Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Tướng quân Sīha. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được Tướng quân Sīha có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Tướng quân Sīha: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

27. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, Tướng quân Sīha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

28. Sau đó, Tướng quân Sīha đã ra lệnh cho người đàn ông nọ rằng:

– Này ngươi, hãy đi và tìm [mua] loại thịt đã được làm sẵn.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Tướng quân Sīha đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư dinh của Tướng quân Sīha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

29. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người Nigaṇṭha, từ đường phố [này] đến đường phố [khác], từ giao lộ [này] đến giao lộ [khác], huơ tay kêu gào rằng: "Hôm nay, Tướng quân Sīha đã giết con thú lớn và làm bữa trai phạn cho Sa-môn Gotama. Sa-môn Gotama trong khi biết điều ấy, vẫn thọ dụng thịt đã được làm có liên quan [đến mình]; [đó là] nghiệp có tính cách liên đới."

30. Sau đó, có người đàn ông nọ đã đi đến gặp Tướng quân Sīha, sau khi đến đã thì thầm vào tai của Tướng quân Sīha rằng:

– Thưa Tướng quân, ngài có biết không? Những người Nigaṇṭha ấy, từ đường phố [này] đến đường phố [khác], từ giao lộ [này] đến giao lộ [khác], huơ tay kêu gào rằng: "Hôm nay, Tướng quân Sīha đã giết con thú lớn và đã làm bữa trai phạn cho Sa-môn Gotama. Sa-môn Gotama trong khi biết điều ấy, vẫn

thọ dụng thịt đã được làm có liên quan [đến mình]; [đó là] nghiệp có tính cách liên đới."

31. – Ông bạn ơi, thôi đi! Đã từ lâu nay, các ngài Đại đức ấy có ý muốn phỉ báng đức Phật, có ý muốn phỉ báng Giáo pháp, có ý muốn phỉ báng Hội chúng. Nhưng các ngài Đại đức ấy không lượng sức, phí công, láo khoét, trong khi vu khống với điều không thật mà vẫn không làm tổn hại được đức Thế Tôn ấy. Và chúng tôi, cho dầu vì lý do sống còn, cũng không cố ý tước đoạt mạng sống của chúng sanh.

32. Sau đó, Tướng quân Sīha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, Tướng quân Sīha đã ngồi xuống một bên. Khi Tướng quân Sīha đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Tướng quân Sīha bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

33. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trong khi biết thịt được làm [giết] có liên quan [đến bản thân] thì không nên thọ dụng; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ dụng] cá và thịt có được ba điều tuyệt đối thanh tịnh: Không được thấy, không được nghe, không nghi ngờ.[9]

34. Vào lúc bấy giờ, thành Vesālī có sự sung túc về vật thực, các vụ mùa tốt đẹp, vật thực kiếm được dễ dàng, sự sinh sống được dễ dàng bằng sự mót nhặt hoặc sự tốt bụng [của người khác].

35. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khưu trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên, [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, phải chăng ngay cả hôm nay, các Tỳ-khưu vẫn còn thọ dụng những thứ ấy?"

36. Sau đó, vào lúc chiều tối, khi xuất khỏi thiền tịnh, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khưu trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên,

---

[9] Nếu cá và thú ấy bị giết với sự xác định là sẽ làm thức ăn cho một cá nhân nào đó thọ dụng thì cá nhân người ấy không nên ăn (ND).

đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, phải chăng ngay cả hôm nay, các Tỳ-khưu vẫn còn thọ dụng những thứ ấy?

– Bạch đức Thế Tôn, các vị vẫn thọ dụng.

37. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khưu trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên, [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, kể từ hôm nay Ta hủy bỏ những điều ấy. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước; vị nào thọ dụng thì nên được hành xử theo pháp.

38. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trong xứ sở cho người chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng rồi đánh xe quây thành vòng tròn ở phía bên ngoài cổng lớn của tu viện và chờ đợi [nghĩ rằng]: "Khi nào chúng tôi nhận được phiên, chúng tôi sẽ thực hiện bữa trai phạn." Và có đám mây đen lớn kéo đến.

39. Khi ấy, những người ấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ở đây, nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng đã được chất trong các xe hàng và chúng đang còn đó. Giờ có đám mây đen lớn kéo đến. Thưa ngài Ānanda, vậy chúng tôi nên thực hành như thế nào?

40. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, như thế thì hội chúng hãy chỉ định trú xá ở ven rào là khu vực làm thành được phép; hãy tích trữ vật mà hội chúng mong muốn ở nơi ấy, [có thể] là trú xá, hoặc nhà một mái, hoặc tòa nhà dài, hoặc khu nhà lớn, hoặc hang động. Và này các Tỳ-khưu, nên được chỉ định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên [như vầy] là khu vực làm thành được phép. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên [như vầy] là khu vực làm thành được phép. Đại đức nào đồng ý việc chỉ

định trú xá tên [như vầy] là khu vực làm thành được phép xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Trú xá tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là khu vực làm thành được phép. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

41. Vào lúc bấy giờ, ngay tại chỗ đã được chỉ định là khu vực làm thành được phép, dân chúng nấu các loại cháo, nấu các món thức ăn, chuẩn bị các món súp, băm các thứ thịt, chẻ những thanh củi.

42. Sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn đã nghe tiếng ồn ào, tiếng ầm ĩ, tiếng kêu của những con quạ, sau khi nghe đã hỏi Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, tiếng ồn ào, tiếng ầm ĩ ấy, tiếng kêu của những con quạ là gì vậy?

– Bạch Ngài, hiện nay dân chúng nấu các loại cháo, nấu các món thức ăn, chuẩn bị các món súp, băm các thứ thịt, chẻ những thanh củi ngay tại chỗ đã được chỉ định là khu vực làm thành được phép; bạch Thế Tôn, đó chính là tiếng ồn ào, tiếng ầm ĩ, tiếng kêu của những con quạ.

43. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng khu vực làm thành được phép đã được chỉ định; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại khu vực làm thành được phép là loại do sự công bố, loại do sự ngẫu nhiên và loại có liên quan gia chủ.

44. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Yasoja bị bệnh. Các dược phẩm thuộc về nhu cầu của vị ấy được mang đến. Các vị Tỳ-khưu đã tích trữ chúng ở bên ngoài [khuôn viên]. Các con thú hoang đã ăn đi. Những kẻ trộm đã lấy đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sử dụng khu vực làm thành được phép đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bốn loại khu vực làm thành được phép là loại do sự công bố, loại do sự ngẫu nhiên, loại có liên quan đến gia chủ và loại đã được chỉ định.

Tụng phẩm Sīha là thứ tư.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Meṇḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vầy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi, vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa.

2. Người vợ có năng lực thần thông như vầy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *āḷhaka* và có một phần súp, nàng phân phát thức ăn cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết.

3. Cậu con trai có năng lực thần thông như vầy: Sau khi cầm cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, cậu ta trả lương sáu tháng cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền].

4. Cô con dâu có năng lực thần thông như vầy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, nàng cho nô tỳ, người làm công và người hầu lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn.

5. Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện.

6. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe rằng: "Nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Meṇḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vầy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. Người vợ có năng lực thần thông như vầy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *āḷhaka* và có một phần súp, nàng phân phát thức ăn cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết. Cậu con trai có năng lực thần thông như vầy: Sau khi cầm cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, cậu ta trả lương sáu tháng cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền]. Cô con dâu có năng lực thần thông như vầy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, nàng cho nô tỳ, người làm công và người hầu lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn. Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện."

7. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng:

– Này khanh, nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Meṇḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vầy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. Người vợ ...(nt)... Cậu con trai ...(nt)... Cô con dâu ...(nt)... Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện. Này khanh, hãy đi! Hãy biết rằng đích thân trẫm xem xét như thế nào thì ngươi sẽ xem xét như thế ấy!

8. – Tâu Đại vương, xin tuân lệnh!

Rồi viên quan đại thần ấy nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân gồm bốn loại binh chủng đã khởi hành đi thành phố Bhaddiya, tuần tự đã đến thành phố Bhaddiya gặp gia chủ Meṇḍaka, sau khi đến đã nói với gia chủ Meṇḍaka điều này:

– Này gia chủ, chính ta đã được đức vua ra lệnh rằng: "Này khanh, nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Meṇḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vầy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa, rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. ...(nt)... Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện. Này khanh, hãy đi và tìm hiểu. Đích thân trẫm xem xét như thế nào thì ngươi sẽ xem xét như thế ấy." Này gia chủ, hãy cho chúng ta nhìn thấy năng lực thần thông của ngươi.

9. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa.

10. – Này gia chủ, năng lực thần thông của ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của vợ ngươi.

Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã ra lệnh cho người vợ rằng:

– Như vậy thì nàng hãy phân phát thức ăn cho đội quân gồm bốn loại binh chủng đi.

Khi ấy, sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *āḷhaka* và có một phần súp, người vợ của gia chủ Meṇḍaka đã phân phát thức ăn cho đội quân gồm bốn loại binh chủng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết.

11. – Này gia chủ, năng lực thần thông của vợ ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của con trai ngươi.

Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã ra lệnh cho người con trai rằng:

– Như vậy thì con hãy trả lương sáu tháng cho đội quân gồm bốn loại binh chủng đi.

Khi ấy, sau khi cầm một cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, người con trai của gia chủ Meṇḍaka đã trả lương sáu tháng cho đội quân gồm bốn loại binh chủng; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền].

12. – Này gia chủ, năng lực thần thông của con trai ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của con dâu ngươi.

Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã ra lệnh cho người con dâu rằng:

– Như vậy thì con hãy cho đội quân gồm bốn loại binh chủng lương thực sáu tháng đi.

Khi ấy, sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, người con dâu của gia chủ Meṇḍaka, nàng đã cho đội quân gồm bốn loại binh chủng lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn.

13. – Này gia chủ, năng lực thần thông của con dâu ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của người tớ trai của ngươi.

– Thưa ngài, năng lực thần thông của người tớ trai của tôi sẽ được nhìn thấy ở ngoài ruộng.

– Này gia chủ, thôi đi. Năng lực thần thông của người tớ trai của ngươi cũng đã được nhìn thấy rồi.

14. Sau đó, viên quan đại thần ấy cùng với đội quân gồm bốn loại binh chủng đã quay trở về lại thành Rājagaha, rồi đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

15. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Bhaddiya cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

16. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Bhaddiya. Tại nơi đó ở Bhaddiya, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Jātiyā.

17. Gia chủ Meṇḍaka đã nghe rằng: "Quả thật Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, nay đã ngự đến Bhaddiya và ngụ tại khu rừng Jātiyā. Tiếng đồn tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vầy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này tính luôn cõi chư thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người. Vị ấy thuyết giảng pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy."

18. Sau đó, gia chủ Meṇḍaka đã cho thắng [ngựa vào] những cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe lộng lẫy, sau đó rời khỏi Bhaddiya với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn.

19. Nhiều du sĩ ngoại đạo đã nhìn thấy gia chủ Meṇḍaka từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với gia chủ Meṇḍaka điều này:

– Này gia chủ, ngươi đi đâu vậy?

– Thưa các ngài, tôi đi để diện kiến đức Thế Tôn là Sa-môn Gotama.

– Này gia chủ, ngươi là người theo thuyết hành động, sao lại đi đến diện kiến Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động? Này gia chủ, chính

Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.

20. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã khởi ý điều này: "Theo như cách những người du sĩ ngoại đạo này ganh tị thì quả nhiên không còn nghi ngờ về đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác." Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, gia chủ Meṇḍaka đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi gia chủ Meṇḍaka đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến gia chủ Meṇḍaka. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

21. Khi đức Thế Tôn biết được gia chủ Meṇḍaka có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Meṇḍaka: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

22. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Meṇḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

23. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Meṇḍaka đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

24. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của gia chủ Meṇḍaka, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

25. Sau đó, người vợ của gia chủ Meṇḍaka cùng với con trai, con dâu và người tớ trai đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

26. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

27. Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là những cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

28. Sau đó, gia chủ Meṇḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Meṇḍaka đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Meṇḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con xin dâng vật thực thường xuyên đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu cho đến khi nào đức Thế Tôn còn ngụ tại Bhaddiya.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Meṇḍaka bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

29. Sau đó, khi đã ngự tại Bhaddiya theo như ý thích, đức Thế Tôn không thông báo cho gia chủ Meṇḍaka rồi đã ra đi, du hành về phía Aṅguttarāpa cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

30. Gia chủ Meṇḍaka đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đang đi du hành về phía Aṅguttarāpa cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu."

31. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã ra lệnh cho những người nô lệ và những người làm công rằng:

– Này các người, như thế thì hãy chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng rồi hãy đi đến. Và một ngàn hai trăm năm mươi người chăn bò hãy lấy ra một ngàn hai trăm năm mươi con bò cái rồi hãy đi đến. Nơi nào chúng ta gặp được đức Thế Tôn, chúng ta sẽ dâng sữa tươi để [Ngài] thọ dụng.

32. Sau đó, gia chủ Meṇḍaka đã gặp được đức Thế Tôn ở khu rừng vắng trên đường đi. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Meṇḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

33. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Meṇḍaka đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng, loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

34. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ cúng dường thức ăn của gia chủ Meṇḍaka, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

35. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã ra lệnh cho một ngàn hai trăm năm mươi người chăn bò rằng:

– Này các người, như vậy thì hãy dắt mỗi một con bò cái đến đứng gần mỗi một vị Tỳ-khưu. Chúng ta sẽ dâng sữa tươi để [các vị] thọ dụng.

36. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và sữa tươi. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh sữa.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.

37. Sau đó, gia chủ Meṇḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và sữa tươi. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Meṇḍaka đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Meṇḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có những con đường, những khu rừng vắng, ít nước, ít vật thực, công việc không được thuận tiện nếu đi không có vật thực đi đường. Bạch Ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép vật thực đi đường đến các vị Tỳ-khưu.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Meṇḍaka bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

38. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sản phẩm từ bò là sữa tươi, sữa đông, sữa bơ, bơ đặc, bơ lỏng. Này các Tỳ-khưu, có những con đường, những khu rừng vắng, ít nước, ít vật thực, công việc không được thuận tiện nếu đi không có vật thực đi đường. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tầm cầu vật thực đi đường là gạo lức với vị có nhu cầu về gạo lức, đậu mugga với vị có nhu cầu về đậu mugga, đậu māsa với vị có nhu cầu về đậu māsa, muối với vị có nhu cầu về muối, đường với vị có nhu cầu về đường, dầu ăn với vị có nhu cầu về dầu ăn, bơ lỏng với vị có nhu cầu về bơ lỏng. Này các Tỳ-khưu, có những người dân có niềm tin, mộ đạo, những người này để tiền vàng ở tay của người làm thành được phép [nói rằng]: "Hãy dâng đến ngài Đại đức vật đã làm trở thành được phép từ vật này." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chấp nhận vật đã làm trở thành được phép từ điều ấy, nhưng này các Tỳ-khưu, Ta không nói rằng: "Vàng và bạc có thể được chấp nhận, có thể được tầm cầu bởi bất cứ cách thức nào."

39. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Āpaṇa. Đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nghe rằng: "Quả thật Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, nay đã ngự đến Bhaddiya và ngụ tại Āpaṇa. Tiếng đồn tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vầy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người. ...(nt)... Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy."

40. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã khởi ý điều này: "Ta nên cho người đem đến cho Sa-môn Gotama vật gì đây?" Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã khởi ý điều này: "Những người ẩn sĩ trước đây là Bà-la-môn, là những người làm ra chú thuật, là những người sử dụng chú thuật, những người ấy có hình thức chú thuật cổ điển đã được đọc tụng, đã được nói ra, đã được thực hiện mà những người Bà-la-môn hiện nay cũng đọc tụng theo hình thức ấy, nói ra theo hình thức ấy, giảng giải theo điều đã được giảng giải, nói lại điều đã được nói, [các vị ấy] như là Aṭṭaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu đã không ăn vào buổi tối, đã kiêng cữ việc ăn phi thời, các vị ấy chấp nhận các thức uống như thế này. Sa-môn Gotama cũng không ăn vào buổi tối và kiêng cữ việc ăn phi thời nên Sa-môn Gotama cũng xứng đáng được chấp nhận các thức uống như thế này"

nên đã cho chuẩn bị sẵn sàng nhiều thức uống và cho người đem đi bằng những giỏ mang sau vai, rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Xin Ngài Gotama hãy thọ lãnh thức uống của tôi.

– Này Keṇiya, như vậy thì hãy dâng cho các Tỳ-khưu.

Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.

41. Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều loại thức uống. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã ngồi xuống một bên. Khi đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đạo sĩ bện tóc Keṇiya bằng bài pháp thoại.

42. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

– Này Keṇiya, hội chúng Tỳ-khưu rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và ngươi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn.

Đến lần thứ nhì, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài Gotama, dầu cho hội chúng Tỳ-khưu rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và [dầu cho] tôi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

– Này Keṇiya, hội chúng Tỳ-khưu rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và ngươi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn.

Đến lần thứ ba, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài Gotama, dầu cho hội chúng Tỳ-khưu rất đông có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và [dầu cho] tôi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Keṇiya hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

43. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do, ấy nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen,

nước dâu. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt trái cây, ngoại trừ nước cốt của ngũ cốc. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt của lá cây, ngoại trừ nước cốt của rau cải nấu chín. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt của bông hoa, ngoại trừ nước cốt của bông cây cam thảo. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nước cốt của cây mía.

44. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm tại khu ẩn cư của mình, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Keṇiya, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

45. Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã ngồi xuống một bên. Khi đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến đạo sĩ bện tóc Keṇiya đang ngồi một bên bằng những lời kệ này:

(i) "Các việc cúng tế có sự cúng dường lửa là đứng đầu, kinh cổ Sāvittī là đứng đầu về niêm luật, đức vua là đứng đầu loài người, biển cả đứng đầu các con sông.

(ii) Mặt trăng đứng đầu các vì sao, mặt trời đứng đầu các vật tỏa sáng. Đối với những người mong mỏi phước đang cúng dường thì hội chúng là đứng đầu."

46. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến đạo sĩ bện tóc Keṇiya bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, khi đã ngự tại Āpaṇa theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

47. Những người dân Malla ở Kusinārā đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu." Họ đã ra quy định là "ai không thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, hình phạt dành cho người này là năm trăm [tiền]."

48. Vào lúc bấy giờ, Roja, người Malla là bạn của Đại đức Ānanda. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Kusinārā. Khi ấy, những người dân Malla ở Kusinārā đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.

49. Sau đó, khi đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, Roja, người Malla đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi Roja, người Malla đã đứng một bên, Đại đức Ānanda đã nói với Roja, người Malla điều này:

– Này bạn Roja, thật là tuyệt vời khi bạn đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.

– Thưa ngài Ānanda, tôi không có nhiều niềm tin đối với đức Phật, Giáo pháp hay Hội chúng. Chỉ vì thân quyến đã ra quy định là "ai không thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, hình phạt dành cho người này là năm trăm [tiền]." Thưa ngài Ānanda, chính vì nỗi lo sợ về hình phạt của thân quyến nên tôi đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.

50. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã không được hoan hỷ [nghĩ rằng]: "Vì sao Roja, người Malla lại nói như thế?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, Roja này người Malla được nổi tiếng, là người có danh tiếng. Những người có danh tiếng như thế nếu có được niềm tin trong Pháp và Luật này sẽ có sự thuận lợi lớn. Bạch Ngài, thật tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy làm như thế nào đó để Roja, người Malla có thể an trú niềm tin vào Pháp và Luật này.

– Này Ānanda, điều ấy không phải là việc khó làm đối với đức Như Lai, như là việc Roja, người Malla có thể an trú niềm tin vào Pháp và Luật này.

51. Sau đó, đức Thế Tôn đã phát ra luồng tâm bác ái đến Roja, người Malla rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào trú xá. Khi ấy, bị xúc chạm bởi luồng tâm bác ái của đức Thế Tôn, cũng giống như con bê con [đi tìm] bò mẹ; tương tợ như thế, Roja, người Malla đi đến trú xá này đến trú xá khác, phòng này đến phòng khác và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Thưa ngài, bây giờ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy đang ngụ ở đâu vậy, bởi vì chúng tôi có ý muốn diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác ấy?

– Này đạo hữu Roja, là trú xá có cánh cửa đóng lại kia. Hãy đi đến với sự nhẹ nhàng và chớ có vượt qua [cánh cửa], hãy bước vào hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cài cửa, rồi đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho đạo hữu.

52. Sau đó, Roja, người Malla đã đi đến trú xá có cánh cửa đóng lại kia với sự nhẹ nhàng, không có vượt qua [cánh cửa], rồi bước vào hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cài cửa. Đức Thế Tôn đã mở cánh cửa ra. Khi ấy, Roja, người Malla đã bước vào trú xá, đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Roja, người Malla đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Roja, người Malla. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

53. Khi đức Thế Tôn biết được Roja, người Malla có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn

vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Roja, người Malla: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

54. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Roja, người Malla đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt đẹp thay nếu các ngài Đại đức có thể thọ lãnh vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh của riêng mình con thôi, không phải của người khác.

– Này Roja, nếu những người đã thấy được pháp với trí tuệ của vị Hữu học, với tầm nhìn của vị Hữu học như là ngươi đây thì những người ấy cũng khởi ý như vầy: "Đương nhiên, các ngài Đại đức có thể thọ lãnh vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh của riêng mình chúng ta thôi, không phải của người khác." Này Roja, chính vì điều ấy các vị [Tỳ-khưu] sẽ thọ lãnh của chính ngươi và của những người khác nữa.

55. Vào lúc bấy giờ, ở Kusinārā, sự dâng vật thực theo tuần tự của các bữa ăn hảo hạng đã được xác lập. Khi ấy, Roja, người Malla đã không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?" Sau đó, Roja, người Malla trong khi nhìn xem ở nhà ăn đã không thấy hai món là rau xanh và bánh bột. Khi ấy, Roja, người Malla đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ở đây, trong khi tôi không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?" Thưa ngài Ānanda, rồi trong khi nhìn xem ở nhà ăn, tôi đây đã không thấy hai món là rau xanh và bánh bột. Thưa ngài Ānanda, nếu tôi chuẩn bị sẵn sàng rau xanh và bánh bột, đức Thế Tôn có thể nhận lãnh của tôi không?

– Này Roja, như thế thì tôi sẽ hỏi đức Thế Tôn.

56. Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, như thế thì [Roja] hãy chuẩn bị sẵn sàng.

– Này Roja, như thế thì bạn hãy chuẩn bị sẵn sàng.

57. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Roja, người Malla đã cho chuẩn bị sẵn sàng rau cải và bánh bột, rồi đã đem dâng đến đức Thế Tôn.

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhận lãnh rau cải và bánh bột.

– Này Roja, như vậy thì hãy dâng cho các vị Tỳ-khưu.

Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.

58. Sau đó, Roja, người Malla đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều rau cải và bánh bột. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, Roja, người Malla đã ngồi xuống một bên. Khi Roja, người Malla đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Roja, người Malla bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

59. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại rau xanh và tất cả các loại bánh bột.

60. Sau đó, khi đã ngự tại Kusinārā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

61. Vào lúc bấy giờ, có vị xuất gia lúc tuổi già nọ, trước đây là thợ cạo, ngụ tại Ātumā. Vị ấy có hai người con trai ăn nói ngọt ngào, khôn ngoan, khéo léo, thiện nghệ trong nghề thợ cạo từ thầy của họ. Vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.”

62. Khi ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã nói với hai người con trai ấy rằng:

– Này hai con thương, nghe nói đức Thế Tôn đi đến Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. Này hai con thương, hai con hãy đi và mang theo thùng dao cạo, hãy viếng từng nhà với thùng và bao bị, hãy gom góp muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng; chúng ta sẽ thực hiện việc dâng cúng cháo đến đức Thế Tôn khi Ngài đi đến.

– Thưa cha, xin vâng.

Rồi hai người con trai ấy nghe theo vị xuất gia lúc tuổi già ấy, mang theo thùng dao cạo đi viếng từng nhà với thùng và bao bị trong lúc gom góp muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng. Dân chúng sau khi nhìn thấy hai người con trai ăn nói ngọt ngào, khôn ngoan ấy, dầu không có ý muốn thuê làm cũng bảo chúng làm và sau khi bảo chúng làm, lại còn thưởng rất nhiều. Khi ấy, hai người con trai ấy đã gom góp nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng.

63. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Ātumā. Tại nơi ấy, ở Ātumā, đức Thế Tôn ngự tại Bhusāgāra.

64. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng rất nhiều cháo, rồi đã đem dâng đến đức Thế Tôn.

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh cháo của con.

65. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến

lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu vì hai lý do: "Hoặc là chúng ta sẽ thuyết pháp, hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử."

66. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị xuất gia lúc tuổi già ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, cháo này từ đâu vậy?

Khi ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại bảo các vị xuất gia làm việc không được phép? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên bảo các vị xuất gia làm việc không được phép; vị nào bảo làm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, vị trước đây là thợ cạo không nên mang theo thùng dao cạo; vị nào mang theo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

67. Sau đó, khi đã ngự tại Ātumā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi ấy, ở thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngụ tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

68. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Sāvatthi, nhiều loại vật thực cứng là trái cây được phát sanh. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Loại vật thực cứng là trái cây nào được cho phép, loại nào không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại vật thực cứng là trái cây.

69. Vào lúc bấy giờ, các hạt giống của hội chúng được gieo trồng trên vùng đất của cá nhân, các hạt giống của các cá nhân được gieo trồng trên vùng đất của hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các hạt giống của hội chúng đã được gieo trồng trên vùng đất của cá nhân, nên được thọ dụng sau khi đã trao cho phần chia. Các hạt giống của các cá nhân đã được gieo trồng trên vùng đất của hội chúng, nên được thọ dụng sau khi đã trao cho phần chia.

70. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu khởi lên sự phân vân về vấn đề này, về vấn đề nọ: "Điều nào đã được đức Thế Tôn cho phép, điều nào đã không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cấm rằng: "Điều này không được phép" và điều ấy phù hợp với điều không được phép và trái nghịch với điều được phép, đối với các ngươi, điều ấy là không được phép. Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cấm rằng: "Điều này không được phép" và điều ấy phù hợp

với điều được phép và trái nghịch với điều không được phép, đối với các ngươi, điều ấy là được phép. Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cho phép rằng: "Điều này được phép" và điều ấy phù hợp với điều không được phép và trái nghịch với điều được phép, đối với các ngươi, điều ấy là không được phép. Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cho phép rằng: "Điều này được phép" và điều ấy phù hợp với điều được phép và trái nghịch với điều không được phép, đối với các ngươi, điều ấy là được phép.

71. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vật dùng đến hết đêm [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ là được phép hay là không được phép? Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ là được phép hay là không được phép? Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng trong bảy ngày là được phép hay là không được phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vật dùng đến hết đêm [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Này các Tỳ-khưu, vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong đêm, không được phép khi đêm đã trôi qua. Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong đêm, không được phép khi đêm đã trôi qua. Này các Tỳ-khưu, vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng trong bảy ngày [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong bảy ngày, không được phép khi bảy ngày đã trôi qua.

Dứt chương "Dược phẩm" là thứ sáu.

*****

Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Vào mùa thu, vào lúc phi thời nữa, mỡ thú vật, các loại rễ cây, với các loại bột nghiền, các loại nước sắc, lá cây, trái cây, nhựa cây và muối gồm sáu loại.

2. Bột tắm, cái rây bột và thịt sống, thuốc bôi, bột nghiền nát, hộp thuốc bôi đặc biệt, không được đậy lại, que bôi thuốc, hộp đựng que bôi thuốc.

3. Túi đựng, có dây mang vai, sợi chỉ, dầu xoa ở đầu và lỗ mũi, cái muỗng đặt ở mũi và ống dẫn khói, nắp đậy, túi kép.

4. Và rượu trong các loại dầu nấu, được thêm vào quá nhiều, thuốc thoa, bình chứa, hơi nóng và của nhiều loại lá cây, nhiều hơi nóng và nước nấu của nhiều loại lá cây là tương tợ.

5. Bể nước ngâm và trích máu, ống sừng, thuốc cao bôi chân, sự phòng ngừa, dao mổ và nước làm đông máu, cao hạt mè, vải cầm máu.

6. Vải băng vết thương và bột mù-tạt, việc xông khói, mảnh sứ, dầu xức vết thương, băng vải, vật dơ và việc thọ lãnh.

7. [Uống] phân, trong lúc làm và đất ở lưỡi cày, nước tro, [hợp chất] nước tiểu và trái hariṭakī, [mỡ có] mùi thơm và luôn cả thuốc xổ, nước súp không chất béo, thêm chút ít chất béo.

8. Nước luộc thịt, hang núi, tu viện, năm trăm người, đường, đậu mugga và cháo chua, tự mình nấu, nấu lại.

9. Ngài đã cho phép lần nữa, vào lúc khó khăn về vật thực và trái cây, mè và vật nhai, trước bữa ăn, bệnh sốt toàn thân và được lấy hết hột, bệnh lở loét.

10. Và công việc bơm thụt, nàng Suppiyā, lại thêm chuyện thịt người, voi, ngựa và chó nhà, rắn, sư tử và beo.

11. Và thịt gấu rừng, chó sói, chờ đến phiên và cháo, [đức tin] còn non trẻ, thêm chuyện nữa về đường, vị quan Sunīdha, nhà nghỉ trọ.

12. Sông Gaṅgā, làng Koṭi, sự thuyết giảng về chân lý, nàng Ambapālī và các vị Licchavi, đã được làm có liên quan [đến người thọ dụng], lúc vật thực dễ dàng, Ngài cũng đã ngăn cấm lại.

13. Đám mây đen, vị Yasoja và Meṇḍaka, sản phẩm từ loài bò và vật thực đi đường, đạo sĩ Keṇiya, nước xoài, nước mận, chuối có hột, không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen.

14. Nước dâu, rau xanh và bánh bột, người thợ cạo ở Ātumā, ở Sāvatthi, trái cây, hột giống, thuộc về trường hợp nào và [vật thực] liên quan đến thời gian.

--ooOoo--

VII. CHƯƠNG KAṬHINA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu xứ Pāvā có số lượng là ba mươi, tất cả là các vị chuyên ngụ ở rừng, tất cả là các vị chuyên đi khất thực, tất cả là các vị mặc y may từ vải dơ bị quăng bỏ, tất cả là các vị chỉ sử dụng ba y. Trong khi đang đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, do việc vào mùa [an cư] mưa đã đến gần nên các vị đã không thể thành tựu việc vào mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi. Các vị đã vào mùa [an cư] mưa ở Sāketa, vào khoảng giữa lộ trình.

3. Các vị đã sống qua mùa [an cư] mưa với vẻ phiền muộn [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn ngự rất gần chúng ta, cách đây chỉ sáu do-tuần, vậy mà chúng ta không được diện kiến đức Thế Tôn."

4. Sau đó, khi đã sống qua mùa [an cư] mưa trong thời gian ba tháng, khi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, trong lúc trời còn đang mưa, trong khi có sự gom tụ nước lại thành vũng bùn lầy, các vị Tỳ-khưu ấy với các y bị đẫm nước và có dáng điệu mệt mỏi đã đi đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

5. Điều này đã trở thành thông lệ đối với chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đã sống qua mùa [an cư] mưa có được thoải mái, có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau không? Và các ngươi có không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực không?

6. – Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con đã sống qua mùa [an cư] mưa có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực. Bạch Ngài, trường hợp chúng con là các Tỳ-khưu xứ Pāvā có số lượng là ba mươi, trong khi đang đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, do việc vào mùa [an cư] mưa đã đến gần nên các vị đã không thể thành tựu việc vào mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi. Chúng con đã vào mùa [an cư] mưa ở Sāketa, vào khoảng giữa lộ trình. Bạch Ngài, chúng con đây đã sống qua mùa [an cư] mưa với vẻ phiền muộn [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn ngự rất gần chúng ta, cách đây chỉ sáu do-tuần, vậy mà chúng ta không được diện kiến đức Thế Tôn." Bạch Ngài, sau khi đã sống qua

mùa [an cư] mưa trong thời gian ba tháng, khi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, trong lúc trời còn đang mưa, trong khi có sự gom tụ nước lại thành vũng bùn lầy, chúng con đã đi đường xa đến với các y bị đẫm nước và có dáng vẻ mệt mỏi.

7. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thành tựu *Kaṭhina* đến các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa. Này các Tỳ-khưu, khi các ngươi có *Kaṭhina* đã được thành tựu, năm điều này sẽ trở thành được phép: Việc ra đi không phải báo, việc ra đi không mang theo [đủ ba y], sự thọ thực thành nhóm, [được sử dụng nhiều] y theo như nhu cầu, sự phát sanh về y tại nơi ấy sẽ là của các vị ấy. Này các Tỳ-khưu, khi các ngươi có *Kaṭhina* đã được thành tựu, năm điều này sẽ được phép đối với các ngươi.

8. Và này các Tỳ-khưu, *Kaṭhina* nên được thành tựu như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vải *Kaṭhina* này đã được phát sanh đến hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên trao vải *Kaṭhina* này đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để thành tựu *Kaṭhina*. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vải *Kaṭhina* này đã được phát sanh đến hội chúng. Hội chúng trao vải *Kaṭhina* này đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để thành tựu *Kaṭhina*. Đại đức nào đồng ý việc trao vải *Kaṭhina* này đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để thành tựu *Kaṭhina* xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vải *Kaṭhina* này đã được hội chúng trao đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để thành tựu *Kaṭhina*. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

9. Này các Tỳ-khưu, như vầy là *Kaṭhina* được thành tựu, như vầy là không được thành tựu. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là *Kaṭhina* không được thành tựu? *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn đánh dấu về chiều dài, chiều rộng. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn giặt. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn tính toán về y năm điều, hoặc bảy điều, hoặc chín điều, v.v... *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn cắt theo sự đã tính toán. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn kết chỉ tạm. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may lại theo đường chỉ lược cho chắc. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn gắn miếng vải làm dấu. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may chắc chắn. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn làm miếng vải viền. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn làm đường viền quanh. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn đắp thêm một lớp nữa. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn nhuộm. *Kaṭhina* không được thành tựu do sự ra dấu hiệu gợi ý để thí

chủ dâng. *Kaṭhina* không được thành tựu do sự giảng giải về *Kaṭhina* rồi kêu gọi. *Kaṭhina* không được thành tựu với y được mượn tạm thời. *Kaṭhina* không được thành tựu với sự tích trữ. *Kaṭhina* không được thành tựu do sự hủy bỏ vì để qua đêm. *Kaṭhina* không được thành tựu với sự không làm thành được phép tức là không làm dấu hoại y. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là y hai lớp. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là thượng y [y vai trái]. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là y nội. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là năm điều hoặc nhiều hơn năm điều, không được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kaṭhina* không được thành tựu trừ phi do sự thành tựu bởi cá nhân. Nếu *Kaṭhina* đã được thành tựu đúng đắn nhưng vị tùy hỷ việc ấy đứng ngoài ranh giới, như vậy *Kaṭhina* vẫn không được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, như thế ấy là *Kaṭhina* không được thành tựu.

[Hai mươi bốn điều kiện]

*****

10. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là *Kaṭhina* được thành tựu? *Kaṭhina* được thành tựu với [vải] mới [chưa được sử dụng]. *Kaṭhina* được thành tựu với [vải] được xem như mới. *Kaṭhina* được thành tựu với vải áo choàng cũ. *Kaṭhina* được thành tựu với vải dơ bị quăng bỏ. *Kaṭhina* được thành tựu với vải đã được bỏ ở trước cửa tiệm, có người nhặt lấy rồi đem dâng. *Kaṭhina* được thành tựu với sự không ra dấu hiệu gợi ý để thí chủ dâng. *Kaṭhina* được thành tựu không do sự giảng giải về *Kaṭhina* rồi kêu gọi. *Kaṭhina* được thành tựu với sự làm không phải là với y được mượn tạm thời. *Kaṭhina* được thành tựu với sự không tích trữ. *Kaṭhina* được thành tựu do không để qua đêm. *Kaṭhina* được thành tựu với sự làm thành được phép tức là làm dấu hoại y. *Kaṭhina* được thành tựu với y hai lớp. *Kaṭhina* được thành tựu với thượng y [y vai trái]. *Kaṭhina* được thành tựu với y nội. *Kaṭhina* được thành tựu với y là năm điều hoặc nhiều hơn năm điều, được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kaṭhina* được thành tựu do sự thành tựu bởi cá nhân. Nếu *Kaṭhina* đã được thành tựu đúng đắn và vị tùy hỷ việc ấy đứng trong ranh giới, như vậy *Kaṭhina* được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, như thế ấy là *Kaṭhina* được thành tựu.

[Mười bảy điều kiện]

*****

1. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là *Kaṭhina* hết hiệu lực? Này các Tỳ-khưu, đây là tám điều tiêu đề về sự hết hiệu lực của *Kaṭhina*: "Do sự ra đi, do [y] được hoàn tất, do tự mình dứt khoát, do bị mất, do nghe được [tin], do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một lúc."

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y đã được làm xong, ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Sự việc ra đi là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi."[1] Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" rồi chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (6)

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (7)

Dứt nhóm bảy về "cầm lấy."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y đã được làm xong, ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Sự việc ra đi là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

---

[1] Vấn đề thu hồi *Kaṭhina* được ghi lại ở điều *Pācittiya* 30 của Tỳ-khưu-ni, xem *Bhikkhunīvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni*), *TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 454-55; *TTPV*, tập 3, tr. 204-07.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (6)

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (7)

Dứt nhóm bảy về "mang theo."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (6)

Dứt nhóm sáu về "cầm lấy."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về"

và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (6)

Dứt nhóm sáu về "mang theo."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

[Nhóm ba về "cầm lấy" 1]

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (6)

[Nhóm ba về "cầm lấy" 2]

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (7)

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (8)

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (9)

[Nhóm ba về "cầm lấy" 3]

10. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (10)

11. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (11)

12. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (12)

13. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (13)

14. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (14)

15. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (15)

[Nhóm sáu về "cầm lấy"]

Dứt nhóm mười lăm về "cầm lấy."

*****

16. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. ...(nt)... (Tương tợ như ở trường hợp "cầm lấy", nên giải thích chi tiết như thế).

[Nhóm mười lăm về "mang theo" được giản lược]

*****

17. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (Tương tợ như ở trường hợp "mang theo", nên giải thích chi tiết như thế).

[Nhóm mười lăm về "cầm lấy y chưa làm xong" được giản lược]

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong

khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

[Nhóm ba về “mang theo y chưa làm xong” 1]

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không trở về.” Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây.” Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không trở về.” Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa.” Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không trở về.” Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây.” Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (6)

[Nhóm ba về “mang theo y chưa làm xong” 2]

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: “Ta sẽ trở về” và vị ấy cũng không khởi ý rằng: “Ta sẽ không trở về.” Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.” Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (7)

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: “Ta sẽ trở về” và vị ấy cũng không khởi ý rằng: “Ta sẽ không trở về.” Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.” Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (8)

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: “Ta sẽ trở về” và vị ấy cũng không khởi ý rằng: “Ta sẽ không trở về.” Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.” Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (9)

[Nhóm ba về “mang theo y chưa làm xong” 3]

10. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (10)

11. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (11)

12. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (12)

13. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (13)

14. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (14)

15. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (15)

[Nhóm sáu về "mang theo y chưa làm xong"]

[Nhóm mười lăm về "mang theo y chưa làm xong"]

Dứt tụng phẩm "cầm lấy."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

10. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

11. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

12. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

Dứt nhóm mười hai về "không như ý mong mỏi."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm

mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bởi vì *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bởi vì *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bởi vì *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như

vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bởi vì *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

10. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

11. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

12. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu.

Dứt nhóm mười hai về "như ý mong mỏi."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì

niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

10. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

11. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

12. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm

đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

Dứt nhóm mười hai về "có công việc cần làm."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: "Này các Đại đức, phần chia về y của tôi đâu?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, đây là phần chia về y của ngài. Ngài sẽ đi đâu vậy?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị Tỳ-khưu ở đó sẽ làm y cho tôi." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, được rồi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi ...(nt)... Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi ...(nt)... Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: "Này các Đại đức, phần chia về y của tôi đâu?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, đây là phần chia về y của ngài." Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Giữa đường đi, các vị Tỳ-khưu hỏi vị ấy rằng: "Này Đại đức, ngài sẽ đi đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị Tỳ-khưu ở đó sẽ làm y cho tôi." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, được rồi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vị du hành phương xa

ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: "Này các Đại đức, phần chia về y của tôi đâu?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, đây là phần chia về y của ngài." Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Giữa đường đi, các vị Tỳ-khưu hỏi vị ấy rằng: "Này Đại đức, ngài sẽ đi đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị Tỳ-khưu ở đó sẽ làm y cho tôi." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, được rồi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi ...(nt)... "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: "Này các Đại đức, phần chia về y của tôi đâu?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, đây là phần chia về y của ngài." Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Khi đã đi đến trú xứ kia, vị ấy đã khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi ...(nt)... "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi ...(nt)... "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

Dứt nhóm chín về "chưa thâu thập."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở

nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Khi vị ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Khi vị ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Khi vị ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" rồi chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở

nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu.

Dứt nhóm năm về "vị có sự trú ngụ thoải mái."

*****

1. Này các Tỳ-khưu, đây là hai điều vướng bận [và] hai điều không vướng bận của *Kaṭhina*. Và này các Tỳ-khưu, hai điều vướng bận của *Kaṭhina* là gì? Sự vướng bận về trú xứ và sự vướng bận về y. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là sự vướng bận về trú xứ? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu hoặc là cư ngụ tại trú xứ ấy hoặc là ra đi với sự mong mỏi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự vướng bận về trú xứ. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là sự vướng bận về y? Này các Tỳ-khưu, trường hợp y của vị Tỳ-khưu chưa được làm, hoặc là chưa được làm xong, hoặc là niềm mong mỏi về y chưa bị tan vỡ. Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự vướng bận về y. Này các Tỳ-khưu, đây là hai điều vướng bận của *Kaṭhina*.

2. Và này các Tỳ-khưu, hai điều không vướng bận của *Kaṭhina* là gì? Sự không vướng bận về trú xứ và sự không vướng bận về y. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là sự không vướng bận về trú xứ? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu ra đi từ trú xứ ấy với sự buông bỏ, với sự từ bỏ, với sự dứt bỏ, với sự không quan tâm [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự không vướng bận về trú xứ. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là sự không vướng bận về y? Này các Tỳ-khưu, trường hợp y của vị Tỳ-khưu đã được làm xong, hoặc bị mất, hoặc bị hư hỏng, hoặc bị cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y bị tan vỡ. Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự không vướng bận về y. Này các Tỳ-khưu, đây là hai điều không vướng bận của *Kaṭhina*.

Dứt chương *Kaṭhina* là thứ bảy.

*****

Trong chương này có mười hai sự việc.
Một trăm mười tám phần mở đầu đã được giản lược.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Ba mươi vị Tỳ-khưu xứ Pāvā đã trú ở Sāketa với tâm phiền muộn. Trải qua mùa [an cư] mưa, các vị đã đi diện kiến đấng Chiến Thắng với các y bị đẫm nước.

2. Đây là câu chuyện của *Kaṭhina* và năm điều sẽ trở thành được phép: [Ra đi] không phải báo, không mang theo [đủ ba y], tương tợ như thế ấy là việc thọ thực thành nhóm.

3. Và [được sử dụng nhiều y] theo như nhu cầu, sự phát sanh [về y] sẽ là của các vị đã được thành tựu. Lời đề nghị và như vầy là được thành tựu, như vầy là không được thành tựu.

4. Việc được đánh dấu và luôn cả việc giặt, việc tính toán và việc cắt, việc kết chỉ tạm, việc may thêm, việc gắn miếng vải làm dấu, việc may chắc chắn, liên quan đến miếng vải viền.

5. Đường viền quanh, đắp lớp nữa, việc nhuộm, dấu hiệu gợi ý, lời giảng giải, mượn tạm thời, sự tích trữ, việc để qua đêm, chưa được phép, trừ ra ba y ấy.

6. Ngoại trừ y năm điều, hoặc nhiều hơn, với việc đã được cắt, có sự kết lại, không [thành tựu] trừ phi là cá nhân, được làm đúng đắn, vị đứng ngoài ranh tùy hỷ, *Kaṭhina* là không thành tựu, đã được thuyết giảng như thế bởi đức Phật.

7. [Vải] không bị dơ, xem như không bị dơ, tấm choàng cũ, vải quăng bỏ và vải bỏ ở cửa tiệm, không ra dấu hiệu, việc thuyết giảng, không mượn tạm thời và không tích trữ.

8. Không để qua đêm, việc đánh dấu đã làm và tương tợ như thế với ba y, năm điều hoặc nhiều hơn thế, đã được cắt, việc kết lại đã được làm.

9. Việc thành tựu do cá nhân, [được làm] đúng đắn, vị đứng trong ranh giới tùy hỷ, như thế là sự thành tựu của *Kaṭhina*, tám tiêu đề của sự thu hồi.

10. Các vị ra đi, sự hoàn tất và sự tự mình dứt khoát, việc bị mất, sự nghe được [tin], sự đổ vỡ của niềm mong mỏi, ranh giới, sự thu hồi là thứ tám.

11. Cầm lấy y đã làm, vị đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở lại", sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy là liên quan đến sự ra đi.

12. Cầm lấy y [chưa làm] đi ra khỏi ranh giới, vị ấy đã suy nghĩ điều này: "Ta sẽ nhờ làm và sẽ không trở lại", trong việc được hoàn tất là sự thu hồi *Kaṭhina*.

13. Cầm lấy, ở ngoài ranh giới, không có ý định: "Ta sẽ không trở về", sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy là liên quan đến việc tự mình dứt khoát.

14. Cầm lấy y ra đi khỏi ranh giới đã suy nghĩ điều này: "Ta sẽ nhờ làm và sẽ không trở về", trong khi làm [y] của vị ấy bị mất, sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy là liên quan đến sự bị mất.

15. Cầm lấy [y] rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về" rồi nhờ làm y ở bên ngoài, với y đã được làm xong, rồi nghe tin *Kaṭhina* ở nơi kia đã được thu hồi, sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy là liên quan đến việc nghe.

16. Cầm lấy [y] rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về" rồi nhờ làm y ở bên ngoài, với y đã được làm xong, chờ đợi ở bên ngoài, sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy là liên quan đến sự vượt qua ranh giới.

17. Cầm lấy [y] rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về" rồi nhờ làm y ở bên ngoài, với y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về" đã đến thời của việc

thu hồi *Kaṭhina*, sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy sanh lên đồng một lượt với các vị Tỳ-khưu.

18. Cầm lấy và mang theo, có bảy và bảy phương thức đường lối, những trường hợp ra đi với y chưa làm xong là không có đường lối ở nhóm sáu.

19. Cầm lấy [y] rồi đi ra khỏi ranh [giới], sanh khởi ý rằng: "Ta sẽ nhờ làm" có ba điều này: Sự làm xong, sự tự mình dứt khoát và sự bị mất.

20. Cầm lấy [y và nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về, ta làm ở bên ngoài ranh giới" có ba điều này: Sự làm xong, sự tự mình dứt khoát và sự bị mất. Do còn chưa quyết định vị ấy cũng không khởi ý, có ba đường lối hướng dẫn ở bên dưới.

21. Cầm lấy [y] và ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta làm ở bên ngoài ranh giới" vị nhờ làm [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về" khi việc hoàn tất là sự thu hồi về *Kaṭhina*.

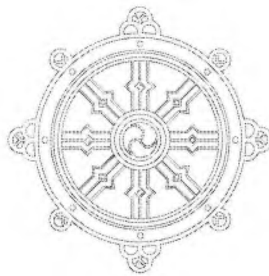
22. Sự tự mình dứt khoát, sự bị mất, nghe được [tin], sự vượt qua ranh giới, được sanh khởi đồng thời cùng với các vị Tỳ-khưu, như vầy là mười lăm đường lối.

23. Mang theo [y] chưa được làm xong cũng tương tợ như là mang theo, bốn trường hợp này đây, toàn bộ có mười lăm đường lối.

24. Không như ý mong mỏi, như ý mong mỏi và có công việc cần làm, chúng là ba điều, nên hiểu việc ấy theo sự hướng dẫn là ba lượt, mỗi lượt là mười hai, mười hai.

25. Và chưa thâu thập là chín ở nơi này, thoải mái có năm phương thức ở nơi kia, điều vướng bận, điều không vướng bận, sự tóm tắt đã được thực hiện theo sự hướng dẫn.

--ooOoo--



VIII. CHƯƠNG Y PHỤC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, thành Vesālī được phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng và có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lầu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen. Và có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ.

2. Khi ấy, viên thị trưởng thành Rājagaha đã đi đến Vesālī do công việc cần thiết nào đó. Viên thị trưởng thành Rājagaha đã nhìn thấy thành Vesālī là phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng, có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lầu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen, có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ.

3. Sau đó, khi đã hoàn tất công việc cần làm ấy ở Vesālī, viên thị trưởng thành Rājagaha đã quay về lại thành Rājagaha và đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, thành Vesālī là phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng, có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lầu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen, có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ. Tâu Bệ hạ, tốt đẹp thay nếu chúng ta cũng có thể đào tạo kỹ nữ.

– Này khanh, như thế thì khanh hãy tìm người con gái tương tợ rồi hãy đào tạo nàng trở thành kỹ nữ như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có người con gái tên Sālavatī là người xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất.

Khi ấy, viên thị trưởng thành Rājagaha đã đào tạo người con gái Sālavatī thành kỹ nữ. Sau đó chẳng bao lâu, nàng kỹ nữ Sālavatī đã trở nên có tài năng về múa, hát và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh và nàng qua đêm với giá đến một trăm tiền.

5. Sau đó chẳng bao lâu, nàng kỹ nữ Sālavatī đã mang thai. Khi ấy, nàng kỹ nữ Sālavatī đã khởi ý điều này: "Đàn bà mang thai đâu còn được đàn ông ưa thích. Nếu có người biết về ta rằng: 'Kỹ nữ Sālavatī mang thai' thì toàn bộ sự trọng vọng đối với ta đều sẽ mất. Hay là ta nên cáo bệnh?" Sau đó, nàng kỹ nữ Sālavatī đã bảo người gác cổng rằng:

– Này chú em gác cổng, chớ để bất cứ người đàn ông nào vào. Và ai hỏi ta thì cho hay rằng: "Bị bệnh."

– Thưa cô chủ, xin vâng.

Người gác cổng ấy đã đáp lại nàng kỹ nữ Sālavatī. Sau đó, đến lúc phát triển đầy đủ của bào thai ấy, nàng kỹ nữ Sālavatī đã sanh ra đứa bé trai. Khi ấy, nàng kỹ nữ Sālavatī đã bảo người tớ gái rằng:

– Này em, giờ hãy đặt đứa bé trai này vào trong giỏ đan cũ kỹ rồi mang đi quăng bỏ ở đống rác.

– Thưa cô chủ, xin vâng.

Rồi người tớ gái ấy nghe theo nàng kỹ nữ Sālavatī đã đặt đứa bé trai ấy vào trong giỏ đan cũ kỹ rồi mang đi quăng bỏ ở đống rác.

6. Vào lúc bấy giờ, vị vương tử tên Abhaya trong khi đi phục vụ đức vua vào lúc sáng sớm đã nhìn thấy đứa bé trai ấy đang bị bầy quạ bu quanh, sau khi nhìn thấy đã hỏi mọi người rằng:

– Này các khanh, vật gì bị bầy quạ bu quanh vậy?

– Thưa ngài, đứa bé trai.

– Này các khanh, còn sống không?

– Thưa ngài, còn sống.

– Này các khanh, như thế thì hãy mang đứa bé trai ấy về hậu cung của chúng ta và giao cho các vú nuôi chăm sóc.

– Thưa ngài, xin vâng.

Rồi những người ấy nghe theo Vương tử Abhaya đã mang đứa bé trai ấy về hậu cung của Vương tử Abhaya rồi giao cho các vú nuôi [nói rằng]: "Các người hãy chăm sóc." Lời đã nói về đứa bé là "còn sống" nên họ đã đặt tên đứa bé là "Jīvaka" (người đang sống). Và bởi vì "được nuôi dưỡng bởi vị vương tử" nên đã được đặt tên là "Komārabhacca."

7. Sau đó chẳng bao lâu, Jīvaka Komārabhacca đã đạt đến tuổi hiểu biết. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp Vương tử Abhaya, sau khi đến đã nói với Vương tử Abhaya điều này:

– Thưa ngài, ai là mẹ của con, ai là cha của con?

– Này Jīvaka con, ta cũng không biết mẹ của con; tuy nhiên, ta là cha của con vì con đã được ta nuôi dưỡng.

Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Với kẻ không có nghề nghiệp thì các gia đình vương giả này quả là không dễ gì để sống nhờ vả. Hay là ta nên học lấy nghề nghiệp?"

8. Vào lúc bấy giờ, có người thầy thuốc tiếng tăm lẫy lừng sống ở Takkasilā. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca không xin phép Vương tử Abhaya đã đi đến Takkasilā gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này:

– Thưa thầy, con muốn học nghề.

– Này Jīvaka con, như vậy thì con có thể học.

9. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca học nhiều, học nhanh chóng, tiếp thâu tốt đẹp và đối với anh ta điều đã được học thì không quên đi. Sau đó, khi trải qua bảy năm Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Ta học nhiều, học nhanh chóng, tiếp thâu tốt đẹp và đối với ta điều đã được học thì không quên đi. Và trong khi ta đã học được bảy năm rồi mà đích cuối cùng của nghề này vẫn không được biết đến, vậy thì khi nào đích cuối cùng của nghề này mới được biết đến?"

10. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này:

– Thưa thầy, con học nhiều, học nhanh chóng, tiếp thâu tốt đẹp và đối với con điều đã được học thì không quên đi. Và trong khi con đã học được bảy năm rồi mà đích cuối cùng của nghề này vẫn không được biết đến, vậy thì khi nào đích cuối cùng của nghề này mới được biết đến?

– Này Jīvaka con, như vậy thì con hãy cầm lấy cái thuổng đi dạo xung quanh Takkasilā một do-tuần, nếu con thấy được bất cứ vật gì không phải là dược phẩm thì hãy đem vật ấy về.

– Thưa thầy, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo người thầy thuốc ấy, đã cầm lấy cái thuổng, trong khi đi dạo xung quanh Takkasilā một do-tuần, đã không nhìn thấy bất cứ vật gì không phải là dược phẩm.

11. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này:

– Thưa thầy, trong khi đi dạo xung quanh Takkasilā một do-tuần, con đã không thấy được bất cứ vật gì không phải là dược phẩm.

– Này Jīvaka con, con đã học xong. Bấy nhiêu đó đã đủ cho cuộc sống của con rồi.

Rồi [người thầy thuốc ấy] đã trao cho Jīvaka Komārabhacca chút ít [tiền] dự phòng đi đường.

12. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca sau khi nhận lấy chút ít [tiền] dự phòng đi đường rồi đã ra đi về phía thành Rājagaha. Sau đó, vào khoảng giữa cuộc hành trình, ở Sāketa chút ít [tiền] dự phòng đi đường ấy đã hết. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Những con đường này hoang vắng, ít nước, ít thức ăn, không có [tiền] dự phòng đi đường không phải dễ dàng để đi, hay là ta nên kiếm [tiền] dự phòng đi đường?"

13. Vào lúc bấy giờ, ở Sāketa có người vợ của nhà đại phú bị bệnh đau đầu đã bảy năm. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi vào Sāketa và hỏi dân chúng rằng:

– Này các người, ai bị bệnh? Tôi chữa trị cho ai đây?

– Này ông thầy, người vợ nhà đại phú kia bị bệnh đau đầu đã bảy năm. Này ông thầy, hãy đi và chữa trị cho người vợ nhà đại phú.

14. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến tư gia của vị đại phú, sau khi đến đã bảo người gác cổng rằng:

– Này chú gác cổng, hãy đi và báo cho người vợ nhà đại phú rằng: "Thưa bà, người thầy thuốc đã đến. Ông ấy có ý muốn gặp bà."

– Thưa thầy, xin vâng.

Rồi người gác cổng ấy nghe theo Jīvaka Komārabhacca, đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã nói với người vợ nhà đại phú điều này:

– Thưa bà, người thầy thuốc đã đến. Ông ấy có ý muốn gặp bà.

– Này chú gác cổng, người thầy thuốc ra làm sao?

– Thưa bà, còn trẻ lắm.

– Này chú gác cổng, thôi đi! Thầy thuốc còn trẻ lắm thì sẽ làm được gì cho ta? Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi.

15. Sau đó, người gác cổng ấy đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, người vợ nhà đại phú đã nói như vầy: "Này chú gác cổng, thôi đủ rồi! Thầy thuốc còn trẻ lắm thì sẽ làm được gì cho ta? Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi."

16. – Này chú gác cổng, hãy đi và báo cho người vợ nhà đại phú rằng: "Thưa bà, người thầy thuốc đã nói như vầy: 'Thưa bà, bà không phải đưa trước vật gì. Khi nào khỏi bệnh, khi ấy bà muốn cho vật gì thì bà cứ việc cho vật ấy.'"

– Thưa thầy, xin vâng.

Rồi người gác cổng ấy nghe theo Jīvaka Komārabhacca, đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã nói với người vợ nhà đại phú điều này:

– Thưa bà, người thầy thuốc đã nói như vầy: "Thưa bà, bà không phải đưa trước vật gì. Khi nào khỏi bệnh, khi ấy bà muốn cho vật gì thì bà cứ việc cho vật ấy."

– Này chú gác cổng, như thế thì hãy để người thầy thuốc đi đến.

– Thưa bà, xin vâng.

Rồi người gác cổng ấy nghe theo người vợ nhà đại phú, đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, người vợ nhà đại phú cho gọi thầy.

17. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người vợ nhà đại phú rồi nói với người vợ nhà đại phú điều này:

– Thưa bà, tôi cần một bụm tay bơ lỏng.

Khi ấy, người vợ nhà đại phú đã bảo người trao cho Jīvaka Komārabhacca một bụm tay bơ lỏng. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nấu sôi bụm tay bơ lỏng ấy với nhiều loại dược phẩm rồi bảo người vợ nhà đại phú nằm ngửa ở trên cái giường nhỏ và cho vào theo đường mũi. Sau đó, bơ lỏng đã được cho vào theo đường mũi ấy đã đi ra theo đường miệng. Khi ấy, người vợ nhà đại phú đã nhổ bơ lỏng ấy vào vật đựng rồi bảo người tớ gái rằng:

– Này em, hãy thu hồi lại bơ lỏng này bằng lớp gòn.

18. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ lạ! Bà chủ nhà này thật là hà tiện! Bởi vì thứ bơ lỏng chỉ đáng quăng bỏ này còn được bảo thu hồi lại bằng lớp gòn! Và nhiều thứ thuốc vô cùng quý giá của ta đã được sử dụng, rồi bà này sẽ cho ta vật thưởng công là cái gì đây?"

19. Khi ấy, sau khi xem xét sự biến đổi diện mạo của Jīvaka Komārabhacca, người vợ nhà đại phú ấy đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, sao thầy có vẻ lo âu vậy?

– Trong trường hợp này, tôi đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ lạ! Bà chủ nhà này thật là hà tiện! Bởi vì thứ bơ lỏng chỉ đáng quăng bỏ này còn được bảo thu hồi lại bằng lớp gòn! Và nhiều thứ thuốc vô cùng quý giá của ta đã được sử dụng, rồi bà này sẽ cho ta vật thưởng công là cái gì đây?"

– Thưa thầy, chúng tôi được gọi là gia chủ, hiểu về điều này là sự tiết kiệm. Bơ lỏng ấy là thuốc xoa chân rất tốt cho các tôi tớ và các người làm công, hay là dầu cho việc đốt đèn. Thưa thầy, thầy chớ có lo âu. Vật thưởng công cho thầy sẽ không phải bỏ phí.

20. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã trị dứt chứng bệnh đau đầu bảy năm của người vợ nhà đại phú chỉ bằng mỗi một việc làm ở mũi. Sau đó, người vợ nhà đại phú được khỏi bệnh, đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn. Người con trai [nghĩ rằng]: "Mẹ ta đã khỏi bệnh!" nên đã thưởng cho Jīvaka

Komārabhacca bốn ngàn. Người con dâu [nghĩ rằng]: "Mẹ chồng ta đã khỏi bệnh!" nên đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn. Người gia chủ đại phú [nghĩ rằng]: "Vợ ta đã khỏi bệnh!" nên đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn, đứa tôi trai, [đứa tớ gái] và chiếc xe ngựa.

21. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy mười sáu ngàn ấy, đứa tôi trai, đứa tớ gái và chiếc xe ngựa rồi ra đi đến thành Rājagaha. Theo tuần tự, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến thành Rājagaha gặp Vương tử Abhaya, sau khi đến đã nói với Vương tử Abhaya điều này:

– Thưa ngài, đây là công việc đầu tiên của con gồm có mười sáu ngàn, đứa tôi trai, đứa tớ gái và chiếc xe ngựa. Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lấy cho việc đã nuôi dưỡng con.

– Này Jīvaka con, thôi đi, hãy để cho chính con. Con hãy cho xây tư thất ở hậu cung của chính chúng ta.

– Thưa ngài, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo Vương tử Abhaya đã cho xây tư thất ở hậu cung.

22. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bị bệnh rò rỉ. Các vải choàng đều bị lấm lem bởi máu. Các vương phi sau khi nhìn thấy trêu ghẹo rằng: "Bữa nay, Chúa công tới chu kỳ. Kinh nguyệt của Chúa công đã có. Chẳng bao lâu Chúa công sẽ sanh con." Vì chuyện ấy, đức vua bị xấu hổ.

23. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Vương tử Abhaya điều này:

– Này khanh Abhaya, trẫm có bệnh giống như vầy. Các vải choàng đều bị lấm lem bởi máu. Các vương phi sau khi nhìn thấy trêu ghẹo rằng: "Bữa nay, Chúa công tới chu kỳ. Kinh nguyệt của Chúa công đã có. Chẳng bao lâu Chúa công sẽ sanh con." Này khanh Abhaya, người nào có thể chữa trị cho trẫm thì hãy tìm thầy thuốc hạng như thế ấy.

– Tâu Bệ hạ, Jīvaka này của thần là thầy thuốc trẻ, giỏi giang, cậu ta sẽ chữa trị cho Bệ hạ.

– Này khanh Abhaya, như thế thì hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka. Vị ấy sẽ chữa trị cho trẫm.

24. Sau đó, Vương tử Abhaya đã truyền lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng:

– Này Jīvaka con, hãy đi và chữa trị cho đức vua.

– Thưa ngài, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo Vương tử Abhaya sau khi nhét dược phẩm vào trong móng tay rồi đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, chúng ta hãy xem bệnh.

25. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã trị dứt căn bệnh rò rỉ của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha chỉ bằng mỗi một liều thuốc thoa. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha được khỏi bệnh, đã cho người trang điểm năm trăm người nữ với tất cả các đồ trang sức, xong bảo tháo ra, cho chất thành đống, rồi đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Này khanh Jīvaka, tất cả các đồ trang sức này từ năm trăm người nữ là của khanh.

– Tâu Bệ hạ, thôi đi, chỉ xin Bệ hạ hãy nhớ cho chức vụ của thần.

– Này khanh Jīvaka, như vậy thì khanh hãy phục vụ trẫm, các cung phi và hội chúng có đức Phật đứng đầu.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Jīvaka Komārabhacca đã trả lời đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

26. Vào lúc bấy giờ, có nhà đại phú ở thành Rājagaha bị bệnh đau đầu đã được bảy năm. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Hơn nữa, ông ta đã bị các thầy thuốc từ chối. Một số thầy thuốc đã nói như vầy: "Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết." Một số thầy thuốc đã nói như vầy: "Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết."

27. Khi ấy, vị thị trưởng thành Rājagaha đã khởi ý điều này: "Người gia chủ đại phú này có nhiều cống hiến cho đức vua và cho thị trấn nữa. Tuy nhiên, ông ta đã bị các thầy thuốc từ chối. Một số thầy thuốc đã nói như vầy: 'Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết.' Một số thầy thuốc đã nói như vầy: 'Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết.' Và thầy thuốc Jīvaka này của đức vua là trẻ tuổi, giỏi giang, hay là chúng ta nên cầu xin đức vua phái thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho người gia chủ đại phú vậy?"

28. Sau đó, viên thị trưởng thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, người gia chủ đại phú này có nhiều cống hiến cho đức vua và cho thị trấn nữa. Tuy nhiên, ông ta đã bị các thầy thuốc từ chối. Một số thầy thuốc đã nói như vầy: "Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết." Một số thầy thuốc đã nói như vầy: "Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết." Tâu Bệ hạ, tốt đẹp thay xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho người gia chủ đại phú.

Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng:

– Này khanh Jīvaka, hãy đi và chữa trị cho người gia chủ đại phú.

29. – Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp người gia chủ đại phú, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người gia chủ đại phú rồi đã nói với người gia chủ đại phú điều này:

– Này gia chủ, nếu tôi chữa cho ông khỏi bệnh, vật thưởng công cho tôi sẽ là cái gì đây?

– Thưa thầy, tất cả tài sản sẽ là của thầy và tôi sẽ là đầy tớ của thầy.

– Này gia chủ, vậy ông có thể nằm một bên hông trong bảy tháng không?

– Thưa thầy, tôi có thể nằm một bên hông trong bảy tháng.

– Này gia chủ, vậy ông có thể nằm bên hông kia trong bảy tháng không?

– Thưa thầy, tôi có thể nằm bên hông kia trong bảy tháng.

– Này gia chủ, vậy ông có thể nằm ngửa trong bảy tháng không?

– Thưa thầy, tôi có thể nằm ngửa trong bảy tháng.

30. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã bảo người gia chủ đại phú nằm xuống trên cái giường nhỏ, sau khi buộc chặt vào cái giường nhỏ rồi đã cắt làn da đầu, tách đôi vết mổ, rồi lôi ra hai con sâu đưa cho mọi người thấy [nói rằng]:

– Các người có thể nhìn xem hai con sâu một nhỏ một lớn này. Các vị thầy nào đã nói như vầy: "Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết", các vị ấy đã nhìn thấy con sâu lớn này trong năm ngày nữa sẽ xâm nhập bộ não của người gia chủ đại phú; do sự xâm nhập vào bộ não mà người gia chủ đại phú sẽ phải chết. Các vị thầy ấy đã nhìn thấy đúng. Còn các vị thầy nào đã nói như vầy: "Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết", các vị ấy đã nhìn thấy con sâu nhỏ này trong bảy ngày nữa sẽ xâm nhập bộ não của người gia chủ đại phú; do sự xâm nhập vào bộ não mà người gia chủ đại phú sẽ phải chết. Các vị thầy ấy đã nhìn thấy đúng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca đã khép lại vết mổ, khâu lại làn da đầu, rồi bôi thuốc mỡ vào.

31. Sau đó, khi trải qua bảy ngày, người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, tôi không thể nằm một bên hông trong bảy tháng.

– Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: "Thưa thầy, tôi có thể nằm một bên hông trong bảy tháng" hay sao?

– Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm một bên hông trong bảy tháng.

– Này gia chủ, như thế thì ngươi hãy nằm bên hông kia trong bảy tháng.

32. Sau đó, khi trải qua bảy ngày, người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, tôi không thể nằm bên hông kia trong bảy tháng.

– Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: "Thưa thầy, tôi có thể nằm bên hông kia trong bảy tháng" hay sao?

– Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm bên hông kia trong bảy tháng.

– Này gia chủ, như thế thì ngươi hãy nằm ngửa trong bảy tháng.

33. Sau đó, khi trải qua bảy ngày, người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, tôi không thể nằm ngửa trong bảy tháng.

– Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: "Thưa thầy, tôi có thể nằm ngửa trong bảy tháng" hay sao?

– Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm ngửa trong bảy tháng.

– Này gia chủ, nếu tôi không nói điều ấy thì ông không thể nằm được chừng này. Hơn nữa, tôi đã tính trước và biết rằng: "Với ba lần bảy ngày, người gia chủ đại phú sẽ khỏi bệnh." Này gia chủ, hãy đứng dậy, ông đã khỏi bệnh. Ông hãy biết vật thưởng công cho tôi là cái gì?

– Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và tôi là đầy tớ của thầy.

– Này gia chủ, thôi đi. Ông chớ có cho tôi tất cả tài sản và chớ có là đầy tớ của tôi. Hãy trao cho đức vua một trăm ngàn và tôi một trăm ngàn.

Sau đó, người gia chủ đại phú được khỏi bệnh, đã trao cho đức vua một trăm ngàn và Jīvaka Komārabhacca một trăm ngàn.

34. Vào lúc bấy giờ, người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī trong lúc chơi giỡn trò nhào lộn bị bệnh xoắn ruột. Vì thế, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Do đó, cậu ấy trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

35. Khi ấy, nhà đại phú thành Bārāṇasī đã khởi ý điều này: "Con trai ta có chứng bệnh như thế này. Vì thế, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Do đó, con trai ta trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Hay là ta nên đi đến thành Rājagaha cầu xin đức vua phái thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho con trai của ta vậy?"

36. Sau đó, nhà đại phú ở Bārāṇasī đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, con trai thần có chứng bệnh như thế này. Vì thế, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không

tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Do đó, con trai thần trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Tâu Bệ hạ, tốt lành thay, xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho con trai của thần.

37. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng:

– Này khanh Jīvaka, hãy đi. Sau khi đi đến Bārāṇasī khanh hãy chữa trị cho con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, đã đi Bārāṇasī gặp người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī rồi bảo mọi người tránh đi, dùng màn che vây kín lại, cột chặt [người con trai] vào cây cột nhà, bảo người vợ đứng ở phía trước, rồi cắt làn da ở bụng, lấy ruột ra, đưa cho người vợ thấy [nói rằng]:

– Hãy nhìn xem bệnh của tướng công bà. Vì điều này mà ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Vì điều này, người này trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

Rồi Jīvaka Komārabhacca đã gỡ rối phần ruột bị xoắn, đặt các thứ ruột vào trở lại, khâu lại làn da bụng, rồi bôi thuốc mỡ vào.

38. Sau đó cũng chẳng bao lâu, người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī đã được khỏi bệnh. Khi ấy, nhà đại phú ở Bārāṇasī [nghĩ rằng]: "Con trai ta đã được khỏi bệnh" rồi đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca mười sáu ngàn. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy mười sáu ngàn ấy rồi quay trở về lại thành Rājagaha.

39. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pajjota bị bệnh vàng da. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Sau đó, đức Vua Pajjota đã phái sứ giả đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha [nói rằng]:

– Quả là tôi bị bệnh như thế này. Tâu Bệ hạ, tốt đẹp thay, xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka. Vị ấy sẽ chữa trị cho tôi.

40. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng:

– Này khanh Jīvaka, hãy đi. Sau khi đi đến Ujjenī, khanh hãy chữa trị cho đức Vua Pajjota.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi Ujjenī gặp đức Vua Pajjota, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của đức Vua Pajjota rồi đã nói điều này:

– Tâu Bệ hạ, thần sẽ đun sôi bơ lỏng và Bệ hạ sẽ uống thứ ấy.

– Này khanh Jīvaka, thôi đi. Ngươi hãy làm khỏi bệnh bằng cách nào mà có thể không dùng bơ lỏng. Đối với ta, bơ lỏng ghê tởm và không thích hợp.

41. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Bệnh của vị vua này là như thế ấy; không dùng bơ lỏng không thể nào làm khỏi bệnh được. Hay là ta nên nấu sôi bơ lỏng có màu cam, có hương của cam và có vị của cam?" Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nấu sôi bơ lỏng có màu cam, có hương của cam và có vị của cam với nhiều loại dược phẩm.

42. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Đối với vị vua này, bơ lỏng đã được uống vào, trong khi được tiêu hóa, sẽ làm ợ chua. Vị vua này thì tàn bạo có thể cho người giết ta, hay là ta nên hỏi phòng xa trước?"

43. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Vua Pajjota, sau khi đến đã nói với đức Vua Pajjota điều này:

– Tâu Bệ hạ, những người thầy thuốc chúng tôi nhổ các thứ rễ cây, thâu hoạch các thứ dược phẩm vào thời điểm thích hợp. Tốt đẹp thay, xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho các trạm xe và các cổng thành rằng: "Jīvaka muốn đi bằng xe nào thì hãy để cho đi bằng xe đó, muốn đi ra bằng cổng nào thì hãy để cho đi ra bằng cổng đó, muốn đi ra lúc nào thì hãy cho đi ra lúc đó, muốn đi vào lúc nào thì hãy cho đi vào lúc đó."

44. Sau đó, đức Vua Pajjota đã ra lệnh cho các trạm xe và các cổng thành rằng: "Jīvaka muốn đi bằng xe nào thì hãy để cho đi bằng xe đó, muốn đi ra bằng cổng nào thì hãy để cho đi ra bằng cổng đó, muốn đi ra lúc nào thì hãy cho đi ra lúc đó, muốn đi vào lúc nào thì hãy cho đi vào lúc đó."

45. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pajjota có con voi cái tên là Bhaddavatikā có thể đi năm mươi do-tuần. Rồi Jīvaka Komārabhacca đã đem lại bơ lỏng cho đức Vua Pajjota [nói rằng]:

– Xin Bệ hạ hãy uống cam.

Sau đó, khi đã cho đức Vua Pajjota uống bơ lỏng xong, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến chuồng voi và tẩu thoát khỏi thành phố bằng con voi cái Bhaddavatikā.

46. Sau đó, khi đã được đức Vua Pajjota uống vào và trong khi tiêu hóa, bơ lỏng ấy đã làm ợ chua. Khi ấy, đức Vua Pajjota đã nói với mọi người điều này:

– Này các khanh, Jīvaka xảo trá đã làm cho trẫm phải uống bơ lỏng. Chính vì thế, các khanh hãy truy nã thầy thuốc Jīvaka.

– Tâu Bệ hạ, thầy thuốc đã tẩu thoát khỏi thành phố bằng con voi cái Bhaddavatikā rồi.

47. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pajjota có nam nô lệ tên là Kāka đã được sanh ra có nguồn gốc phi nhân có thể đi sáu mươi do-tuần. Khi ấy, đức Vua Pajjota đã ra lệnh cho nô lệ Kāka rằng:

– Này khanh Kāka, hãy đi và hãy bảo thầy thuốc Jīvaka rằng: "Thưa thầy, đức vua bảo đem thầy quay trở về." Này khanh Kāka, bọn người gọi là thầy thuốc này vô cùng quỷ quyệt. Khanh chớ có nhận lấy bất cứ vật gì từ ông ta.

48. Sau đó, vào khoảng giữa đường đi tại thành Kosambī, người nô lệ Kāka đã bắt gặp Jīvaka Komārabhacca đang dùng điểm tâm. Khi ấy, người nô lệ Kāka đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, đức vua bảo đem thầy quay trở về.

– Này chú em Kāka, hãy chờ cho ta ăn. Này chú em Kāka, ngươi cũng nên ăn đi.

– Thưa thầy, thôi đi. Tôi đã được đức vua ra lệnh rằng: "Này khanh Kāka, bọn người gọi là thầy thuốc này vô cùng xảo trá. Khanh chớ có nhận lấy bất cứ vật gì từ ông ta."

49. Vào lúc bấy giờ, Jīvaka Komārabhacca đã dùng móng tay khảy lấy [chút] dược phẩm rồi ăn trái cây āmalaka và uống nước. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã nói với nô lệ Kāka điều này:

– Này chú em Kāka, ngươi hãy ăn trái cây āmalaka và nên uống nước.

Khi ấy, nô lệ Kāka [nghĩ rằng]: "Thầy thuốc này ăn trái cây āmalaka và uống nước. Xem ra không có điều gì là quỷ quyệt cả" rồi đã ăn nửa trái āmalaka và uống nước. Khi người nô lệ ấy vừa ăn vào nửa phần của trái āmalaka ấy liền bị ói ra ngay tại chỗ ấy.

50. Khi ấy, nô lệ Kāka đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, tôi có còn mạng sống không?

– Này chú em Kāka, chớ có sợ. Rồi chính ngươi sẽ được khỏi bệnh. Còn đức vua thì tàn bạo, đức vua ấy cũng có thể ra lệnh giết ta; vì thế ta không quay trở lại.

Sau khi bảo nô lệ Kāka dẫn đi con voi cái Bhaddavatikā, Jīvaka Komārabhacca đã ra đi về phía thành Rājagaha, tuần tự đã đi đến thành Rājagaha gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã trình sự việc ấy cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

– Này khanh Jīvaka, khanh đã làm tốt lắm, là việc khanh đã không quay trở về. Đức vua ấy tàn bạo cũng có thể ra lệnh giết khanh.

51. Sau đó, đức Vua Pajjota được khỏi bệnh, đã phái sứ giả đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca [nói rằng]:

– Jīvaka, hãy đi đến. Trẫm sẽ ban đặc ân.

– Thưa ngài, thôi đi. Chỉ xin đức vua nhớ cho chức vụ của thần.

52. Vào lúc bấy giờ, có xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi được phát sanh đến đức Vua Pajjota. [Đây] là loại tốt nhất, thượng hạng, nổi tiếng, cao quý và sang trọng trong vô số các loại vải, trong vô số các xấp vải đôi, trong hàng trăm xấp vải đôi, trong hàng ngàn xấp vải đôi, trong hàng trăm ngàn xấp vải đôi. Sau đó, đức Vua Pajjota đã phái người đem xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi ấy ban cho Jīvaka Komārabhacca.

53. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi này đã được đức Vua Pajjota gởi đến cho ta, là loại tốt nhất, thượng hạng, nổi tiếng, cao quý và sang trọng trong vô số các loại vải, trong vô số các xấp vải đôi, trong hàng trăm xấp vải đôi, trong hàng ngàn xấp vải đôi, trong hàng trăm ngàn xấp vải đôi; không ai xứng đáng với vật này, ngoại trừ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, hay là đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha."

54. Vào lúc bấy giờ, cơ thể của đức Thế Tôn bị tiết ra dịch chất dơ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo với Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, cơ thể của Như Lai bị tiết ra dịch chất dơ. Như Lai muốn uống liều thuốc xổ.

55. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Này đạo hữu Jīvaka, cơ thể của Như Lai bị tiết ra dịch chất dơ. Như Lai muốn uống liều thuốc xổ.

– Thưa ngài Ānanda, như thế thì ngài hãy thoa dầu nơi cơ thể của đức Thế Tôn một vài ngày.

56. Sau đó, khi đã thoa dầu nơi cơ thể của đức Thế Tôn một vài ngày, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Này đạo hữu Jīvaka, cơ thể của Như Lai đã được thoa dầu, đạo hữu hãy suy nghĩ xem bây giờ là thời điểm của việc gì.

57. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Đối với ta, quả là không thích đáng, là việc ta có thể dâng đức Thế Tôn liều thuốc xổ thô tháo", nên đã dùng ba nắm sen và nhiều loại dược phẩm trộn lẫn nhau rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã dâng lên đức Thế Tôn một nắm sen [nói rằng]:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hít vào nắm sen thứ nhất này, liều này sẽ làm đức Thế Tôn xổ mười lần.

Rồi đã dâng đức Thế Tôn nắm sen thứ nhì [nói rằng]:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hít vào nắm sen thứ nhì này, liều này sẽ làm đức Thế Tôn xổ mười lần.

Rồi đã dâng đức Thế Tôn nắm sen thứ ba [nói rằng]:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hít vào nắm sen thứ ba này, liều này sẽ làm đức Thế Tôn xổ mười lần.

[Rồi nghĩ rằng:] "Như thế, đức Thế Tôn sẽ có liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần." Sau đó, khi đã dâng đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần, Jīvaka Komārabhacca đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

58. Khi ấy, trong lúc đang đi ra khỏi cổng ra vào, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Ta đã dâng lên đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần. [Do] cơ thể của đức Như Lai đã bị tiết ra dịch chất dơ nên sẽ không làm đức Thế Tôn xổ đầy đủ ba mươi lần mà chỉ làm đức Thế Tôn xổ hai mươi chín lần. Tuy nhiên, khi đức Thế Tôn đã được xổ, Ngài sẽ tắm. Và khi đã được tắm, liều thuốc sẽ làm đức Thế Tôn xổ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn sẽ có được liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần."

59. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Jīvaka Komārabhacca nên đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, ở đây, trong lúc đang đi ra khỏi cổng ra vào, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Ta đã dâng lên đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần. [Do] cơ thể của đức Như Lai đã bị tiết ra dịch chất dơ nên sẽ không làm đức Thế Tôn xổ đầy đủ ba mươi lần mà chỉ làm đức Thế Tôn xổ hai mươi chín lần. Tuy nhiên, khi đức Thế Tôn đã được xổ, Ngài sẽ tắm; và khi đã được tắm, liều thuốc sẽ làm đức Thế Tôn xổ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn sẽ có được liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần." Này Ānanda, như thế thì ngươi hãy chuẩn bị sẵn sàng nước nóng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Đại đức Ānanda, nghe theo đức Thế Tôn, đã chuẩn bị sẵn sàng nước nóng.

60. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn đã được xổ chưa?

– Này Jīvaka, Ta đã được xổ.

– Bạch Ngài, ở đây, trong lúc đang đi ra khỏi cổng ra vào, con đã khởi ý điều này: "Ta đã dâng lên đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần. [Do] cơ thể của đức Như Lai đã bị tiết ra dịch chất dơ nên sẽ không làm đức Thế Tôn xổ đầy đủ ba mươi lần mà chỉ làm đức Thế Tôn xổ hai mươi chín lần. Tuy nhiên, khi đức Thế Tôn đã được xổ, Ngài sẽ tắm. Và khi đã được tắm, liều thuốc sẽ làm đức Thế Tôn xổ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn sẽ có được liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần." Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy tắm, xin đấng Thiện Thệ hãy tắm.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã tắm nước nóng. Khi đã được tắm, [liều thuốc] đã làm đức Thế Tôn xổ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn đã có được liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần.

61. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, cho đến khi cơ thể của đức Thế Tôn trở lại bình thường, cần kiêng đồ khất thực là nước trái cây.

62. Sau đó chẳng bao lâu, cơ thể của đức Thế Tôn đã được bình thường. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn.

– Này Jīvaka, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước muốn.

– Bạch Ngài, điều ấy là hợp lý, điều ấy không bị chê trách.

– Này Jīvaka, hãy nói đi.

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là vị sử dụng y may từ vải bị quăng bỏ và hội chúng Tỳ-khưu [cũng vậy]. Bạch Ngài, xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi này của con đã được Vua Pajjota gởi đến, là loại tốt nhất, thượng hạng, nổi tiếng, cao quý và sang trọng trong vô số các loại vải, trong vô số các xấp vải đôi, trong hàng trăm xấp vải đôi, trong hàng ngàn xấp vải đôi, trong hàng trăm ngàn xấp vải đôi. Bạch Ngài, xin Ngài thọ nhận xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi này của con và cho phép y của gia chủ[1] đến hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi.

63. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

64. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép y của gia chủ. Vị nào thích thì hãy là vị sử dụng y may từ vải bị quăng bỏ, vị nào thích thì hãy chấp nhận y của gia chủ. Và này các Tỳ-khưu, Ta ngợi khen sự biết đủ [dầu] với loại này hay loại kia."

65. Rồi dân chúng ở thành Rājagaha đã nghe được rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các Tỳ-khưu." Và những người dân ấy đã trở nên mừng rỡ, phấn chấn [nghĩ rằng]: "Giờ đây, chúng ta sẽ dâng các vật thí, chúng ta sẽ làm các việc phước thiện, bởi vì đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các vị Tỳ-khưu." Và chỉ trong một ngày, ở thành Rājagaha, nhiều ngàn y đã được phát sanh.

---

[1] Y của gia chủ (*gahapaticīvaraṃ*) được ngài Buddhaghosa giải thích: "Y được dâng bởi các gia chủ" (*VinA*. V. 1119).

66. Rồi dân chúng trong nước đã nghe được rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các vị Tỳ-khưu." Và những người dân ấy đã trở nên mừng rỡ, phấn chấn [nghĩ rằng]: "Giờ đây, chúng ta sẽ dâng các vật thí, chúng ta sẽ làm các việc phước thiện, bởi vì đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các vị Tỳ-khưu." Và chỉ trong một ngày, ở trong nước, nhiều ngàn y đã được phát sanh.

67. Vào lúc bấy giờ, có tấm vải choàng được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tấm vải choàng.

Có tấm vải choàng bằng tơ lụa được phát sanh.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tấm vải choàng bằng tơ lụa.

Có tấm choàng lông được phát sanh đến hội chúng.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tấm choàng lông.

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, đức vua xứ Kāsi đã gởi đến Jīvaka Komārabhacca tấm mền len trị giá nửa *kāsi*[2] [hoặc] tương đương với nửa *kāsi*. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy tấm mền len trị giá nửa *kāsi* ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tấm mền len này của con trị giá nửa *kāsi* [hoặc] tương đương với nửa *kāsi* đã được đức vua xứ Kāsi gởi đến. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lãnh tấm mền, điều ấy sẽ đem lại sự lợi ích và sự an lạc lâu dài cho con.

Đức Thế Tôn đã thọ lãnh tấm mền len.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm mền len.

4. Vào lúc bấy giờ, có các y đủ loại phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Loại y nào đã được đức Thế Tôn cho phép, loại nào không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích một *kāsi* trị giá một ngàn (*VinA*. V. 1119).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố.

5. Vào lúc bấy giờ, những vị Tỳ-khưu nào chấp nhận y của gia chủ, những vị ấy trong lúc ngần ngại, không chấp nhận loại vải dơ bị quăng bỏ [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn cho phép chỉ một loại y chứ không phải hai." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị chấp nhận y của gia chủ, chấp nhận luôn cả loại vải dơ bị quăng bỏ. Này các Tỳ-khưu, Ta ngợi khen sự biết đủ với cả hai loại ấy.

6. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số Tỳ-khưu đã đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số Tỳ-khưu đã không chờ đợi. Những vị Tỳ-khưu đi vào bãi tha ma đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Những vị Tỳ-khưu không chờ đợi đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.

Những vị kia đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không chờ đợi?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép không chia phần cho các vị không chờ đợi nếu không muốn.

7. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số Tỳ-khưu đã đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số Tỳ-khưu đã chờ đợi. Những vị Tỳ-khưu đi vào bãi tha ma đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Những Tỳ-khưu chờ đợi đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.

Những vị kia đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không đi vào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chia phần cho các vị đã chờ đợi cho dầu không muốn.

8. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số Tỳ-khưu đã đi vào bãi tha ma trước để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số Tỳ-khưu đã đi vào sau. Những vị Tỳ-khưu đi vào bãi tha ma trước đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Những vị Tỳ-khưu đi vào sau đã không nhặt được. Những vị ấy đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.

Những vị kia đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã đi vào sau?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép không chia phần cho các vị đi vào sau nếu không muốn.

9. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Các vị đã đi vào bãi tha ma cùng một lúc để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số vị Tỳ-khưu đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Một số vị Tỳ-khưu đã không nhặt được. Những vị Tỳ-khưu không nhặt được đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.

Những vị kia đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không nhặt được?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chia phần cho các vị đi vào cùng một lúc cho dầu không muốn.

10. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Các vị đã thỏa thuận với nhau rồi đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số vị Tỳ-khưu đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Một số vị Tỳ-khưu đã không nhặt được. Những vị Tỳ-khưu không nhặt được đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.

Những vị kia đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không nhặt được?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chia phần cho các vị đi vào sau khi đã thỏa thuận cho dầu không muốn.

11. Vào lúc bấy giờ, dân chúng cầm y đi đến tu viện. Trong khi không gặp được vị có trách nhiệm tiếp nhận nên họ mang về. Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị tiếp nhận y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [vật] đã được tiếp nhận hay chưa được tiếp nhận.

12. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu

kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị tiếp nhận y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

13. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu là các vị tiếp nhận y, sau khi thọ lãnh y, bỏ ngay tại chỗ ấy rồi ra đi. Y bị mất. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị cất giữ y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [vật] đã được cất giữ hay chưa được cất giữ.

14. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị cất giữ y. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị cất giữ y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị cất giữ y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị cất giữ y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

15. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu là các vị cất giữ y, cất giữ y ở mái che, ở gốc cây, ở hốc cây nimba. Các y bị gặm nhấm bởi các con chuột và loài mối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định nhà kho chứa đồ thuộc loại nào mà hội chúng thích, [có thể] là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hoặc hang động.

16. Và này các Tỳ-khưu, nên được chỉ định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên [như vầy] là nhà kho chứa đồ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên [như vầy] là nhà kho chứa đồ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định trú xá tên [như vầy] là nhà kho chứa đồ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Trú xá tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là nhà kho chứa đồ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

17. Vào lúc bấy giờ, y ở trong nhà kho chứa đồ của hội chúng không được bảo quản. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị quản lý nhà kho là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [vật] đã được bảo quản hay không được bảo quản. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: "...(nt)... Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị quản lý nhà kho. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

18. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bãi nhiệm vị quản lý nhà kho. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bãi nhiệm vị giữ nhà kho; vị nào bãi nhiệm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Vào lúc bấy giờ, trong nhà kho chứa đồ của hội chúng, y được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hội chúng chia phần theo sự hiện diện.

20. Vào lúc bấy giờ, toàn thể hội chúng trong lúc chia phần y đã gây ra cảnh náo động. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị chia y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [y] đã được phân chia hay chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: "...(nt)... Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị chia y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

21. Sau đó, các Tỳ-khưu là các vị chia y đã khởi ý điều này: "Y nên được chia như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trước tiên phân loại, phỏng định giá trị, làm cho đồng đều [giá trị], đếm số Tỳ-khưu, gom lại thành nhóm, rồi xác định phần chia về y.

22. Khi ấy, các Tỳ-khưu là các vị chia y đã khởi ý điều này: "Phần chia về y có nên được cho đến các Sa-di hay không?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho các Sa-di một nửa của phần chia về y.

23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn vượt qua [sông hoặc đoạn đường hoang vắng] với phần chia của bản thân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trao cho phần chia của bản thân đến vị đang [chuẩn bị] vượt qua [sông hoặc đoạn đường hoang vắng].

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn vượt qua [sông hoặc đoạn đường hoang vắng] với phần chia nhiều hơn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trao cho phần chia nhiều hơn khi vật đền bù được trao lại.

25. Sau đó, các Tỳ-khưu là các vị chia y đã khởi ý điều này: "Phần chia về y nên được trao cho như thế nào, theo thứ tự đi đến hay là theo thâm niên?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bốc thăm để làm hoan hỷ các vị không được phần.

26. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhuộm y với phân bò và đất sét đỏ. Y có màu sắc xấu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sáu loại thuốc nhuộm: Thuốc nhuộm từ rễ cây, thuốc nhuộm từ thân cây, thuốc nhuộm từ vỏ cây, thuốc nhuộm từ lá cây, thuốc nhuộm từ bông hoa, thuốc nhuộm từ trái cây.

27. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhuộm y với nước lạnh. Y có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nồi nhuộm loại nhỏ để nấu thuốc nhuộm.

Thuốc nhuộm bị tràn ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc vòng đế tròn [ở bên trong nồi thuốc nhuộm].

28. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu không biết thuốc nhuộm đã được nấu hay chưa được nấu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhỏ giọt vào trong nước hoặc ở bề lưng của móng tay.

29. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu khi đổ thuốc nhuộm ra, cái nồi bị xoay tròn. Cái nồi bị bể. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cái môi múc thuốc nhuộm, cái gàu có cán.

30. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu không có cái thùng để nhuộm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chậu nhuộm, lu nhuộm.

31. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu vò nhồi y trong cái đĩa, trong bình bát. Y đã bị thủng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép máng nhuộm.

32. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu trải y ra ở nền đất. Y bị lấm bụi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thảm cỏ.

Thảm cỏ bị mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sào máng y, dây treo y.

Các vị treo cao lên ở giữa. Thuốc nhuộm chảy ra hai bên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc ở các góc [y].

Góc [y] bị sờn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sợi chỉ ở các góc [y].

Thuốc nhuộm chảy ở một bên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhuộm bằng cách đảo y trở qua rồi đảo y trở lại và không được bỏ đi khi nước chưa ngừng nhỏ giọt.

33. Vào lúc bấy giờ, y bị cứng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngâm trong nước.

34. Vào lúc bấy giờ, y bị thô nhám. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đập bằng bàn tay.

35. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc các y ca-sa màu ngà voi chưa được cắt. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc các y chưa được cắt; vị nào mặc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

36. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến Dakkhiṇāgiri. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy mảnh ruộng ở Magadha được kết nối bằng những khoảnh vuông vức, được kết nối bằng những đường biên xung quanh, được kết nối bằng những đường biên ngắn ở giữa, được kết nối bằng những mảnh vuông ở chỗ giao nhau, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, ngươi có nhìn thấy mảnh ruộng ở Magadha của chúng ta được kết nối bằng những khoảnh vuông vức, được kết nối bằng những đường biên xung quanh, được kết nối bằng những đường biên ngắn ở giữa, được kết nối bằng những mảnh vuông ở chỗ giao nhau không?

– Bạch Ngài, thưa có.

– Này Ānanda, ngươi có khả năng tạo nên các y có kiểu mẫu như thế cho các vị Tỳ-khưu không?

– Bạch Thế Tôn, con có khả năng.

37. Sau đó, khi đã ngự tại Dakkhiṇāgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã quay trở về lại thành Rājagaha. Khi ấy, Đại đức Ānanda sau khi tự mình tạo nên

các y cho nhiều vị Tỳ-khưu đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin Thế Tôn hãy nhìn xem các y con đã tự mình tạo nên.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ānanda thật sáng trí. Này các Tỳ-khưu, Ānanda có đại trí tuệ bởi vì vị ấy hiểu ý nghĩa một cách đầy đủ của điều đã được Ta nói ra một cách vắn tắt. Vị ấy làm được dải nối theo chiều dọc [của y], vị ấy làm được dải nối theo chiều ngang [của y], vị ấy làm được mảnh lớn thuộc dải điều [của y], vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc dải điều [của y], vị ấy làm được mảnh lớn thuộc dải điều giữa [của y], vị ấy làm được mảnh lớn thuộc các dải điều bên [của y], vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc dải điều giữa [của y], vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc các dải điều kế [của y], vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc hai dải điều biên [của y], [như thế y] sẽ được cắt ra, sần sùi khi được ráp lại, phù hợp với Sa-môn, không còn được mong mỏi bởi những kẻ đối nghịch. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép y hai lớp đã được cắt ra, thượng y đã được cắt ra, y nội đã được cắt ra [rồi ráp lại].

38. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến thành Vesālī. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy nhiều vị Tỳ-khưu ôm đồm với các chiếc y đang đi đường xa giữa Rājagaha và Vesālī, các vị đã làm cuộn y ở trên đầu, các vị đã làm cuộn y ở vai, các vị đã làm cuộn y ở hông. Sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Những kẻ rồ dại này đã xoay xở được nhiều y thật nhanh chóng, hay là Ta nên xác định sự hạn chế về y, [và] nên quy định sự giới hạn về y?"

39. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó, ở Vesālī, đức Thế Tôn ngụ tại điện thờ Gotamaka. Vào lúc bấy giờ, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời điểm tuyết rơi, đức Thế Tôn đã ngồi ở ngoài trời vào ban đêm chỉ với một y; đức Thế Tôn đã không có cảm giác lạnh. Khi canh đầu đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã trùm lên y thứ nhì; đức Thế Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh giữa đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã trùm lên y thứ ba; đức Thế Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh cuối đã qua, hừng đông đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã trùm lên y thứ tư; đức Thế Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Những vị nào là con trai của các nhà danh giá xuất gia ở trong Pháp và Luật này thường bị ảnh hưởng bởi sự lạnh và khiếp sợ sự lạnh, những vị ấy có thể tồn tại với ba y, hay là Ta nên xác định sự hạn chế về y, nên quy định sự giới hạn về y cho các Tỳ-khưu, [và] nên cho phép ba y?"

40. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ở đây, trong khi đi trên đoạn đường xa giữa Rājagaha và Vesālī, Ta đã nhìn thấy nhiều vị Tỳ-khưu ôm đồm với các chiếc y đang đi ngược chiều, các vị đã làm cuộn y ở trên đầu, các vị đã làm cuộn y ở vai, các vị đã làm cuộn y ở hông. Sau khi nhìn thấy, Ta đã khởi ý điều này: "Những kẻ rồ dại này đã xoay xở được nhiều y thật mau mắn, hay là Ta nên xác định sự hạn chế về y, [và] nên quy định sự giới hạn về y?"

41. Này các Tỳ-khưu, ở đây, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời điểm tuyết rơi, Ta đã ngồi ở ngoài trời vào ban đêm chỉ với một y, Ta đã không có cảm giác lạnh. Khi canh đầu đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở Ta. Ta đã trùm lên y thứ nhì, Ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh giữa đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở Ta. Ta đã trùm lên y thứ ba, Ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh cuối đã qua, hừng đông đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở Ta. Ta đã trùm lên y thứ tư, Ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi ấy, Ta đã khởi ý điều này: "Những vị nào là con trai của các nhà danh giá xuất gia ở trong Pháp và Luật này thường bị ảnh hưởng bởi sự lạnh và khiếp sợ sự lạnh, những vị ấy có thể tồn tại với ba y, hay là Ta nên xác định sự hạn chế về y, nên quy định sự giới hạn về y cho các Tỳ-khưu, [và] nên cho phép ba y?" Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba y gồm có y *Saṅghāṭi* hai lớp, thượng y một lớp, và y nội một lớp.

42. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép ba y", rồi đi vào làng với ba y nọ, mặc ở tu viện với ba y khác và đi xuống tắm với ba y khác nữa. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng y phụ trội?"

43. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do, ấy nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cất giữ y phụ trội, vị nào cất giữ thì nên được hành xử theo pháp.[3]

44. Vào lúc bấy giờ, có y phụ trội được phát sanh đến Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda có ý định dâng y ấy đến Đại đức Sāriputta. Và Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không được cất giữ y phụ trội.' Và y phụ trội này đã được phát sanh đến ta. Và ta có ý muốn dâng y này đến Đại đức Sāriputta mà Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa. Vậy ta nên thực hành như thế nào?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[3] Liên quan đến tội *Nissaggiya Pācittiya* thứ nhất (ND).

– Này Ānanda, bao lâu nữa Sāriputta sẽ đi đến đây?

– Bạch Thế Tôn, ngày thứ chín hoặc ngày thứ mười.

45. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cất giữ y phụ trội tối đa mười ngày."

46. Vào lúc bấy giờ, có y phụ trội phát sanh đến các Tỳ-khưu. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Nên thực hành như thế nào đối với các y phụ trội?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chú nguyện để dùng chung y phụ trội.

47. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bārāṇasī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bārāṇasī. Tại nơi đó, ở Bārāṇasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, nơi vườn Nai.

48. Vào lúc bấy giờ, y nội của vị Tỳ-khưu nọ bị rách. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép ba y gồm có y *Saṅghāṭi* hai lớp, thượng y một lớp và y nội một lớp. Và y nội này của ta bị rách, hay là ta nên đắp thêm miếng vá, như thế xung quanh sẽ là hai lớp và ở giữa là một lớp?" Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đắp thêm miếng vá. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đang đắp thêm miếng vá, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, ngươi làm gì vậy?

– Bạch Thế Tôn, con đắp thêm miếng vá.

– Này Tỳ-khưu, thật tốt thay, thật tốt thay! Này Tỳ-khưu, thật tốt thay việc ngươi đắp thêm miếng vá!

49. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khi vải còn mới hoặc được xem như mới thì y *Saṅghāṭi* là hai lớp, thượng y là một lớp và y nội là một lớp. Khi các lớp vải đã bị sờn bởi thời gian thì y *Saṅghāṭi* là bốn lớp, thượng y là hai lớp và y nội là hai lớp. Nên thực hiện việc nỗ lực [tìm kiếm] vải dơ bị quăng bỏ hay [được bỏ rơi] ở các cửa tiệm theo như nhu cầu. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [đắp] miếng vá, [dùng] chỉ mạng, [đắp chồng] lớp nữa, miếng vá nhỏ và việc may lại cho chắc chắn.

50. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

51. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi bà Visākhā, mẹ của Migāra đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà bằng bài pháp thoại.

52. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

53. Vào lúc bấy giờ, khi trải qua đêm ấy có đám mây lớn khắp cả bốn châu đã đổ mưa xuống. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trời mưa ở Jetavana như thế nào thì trời mưa ở bốn châu như thế ấy. Này các Tỳ-khưu, hãy để cho thân thể ướt đẫm nước mưa, đây là trận mưa lớn khắp cả bốn châu lần cuối cùng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn, có các y đã được cất đi, rồi để cho thân thể ướt đẫm nước mưa.

54. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra sau khi cho chuẩn bị sẵn sàng vật thực hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi đã bảo người tớ gái rằng:

– Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: "Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong."

– Thưa bà, xin vâng.

Rồi người tớ gái nghe theo bà Visākhā, mẹ của Migāra đã đi đến tu viện và nhìn thấy các vị Tỳ-khưu, có các y đã được cất đi, đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa. Sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa" rồi đã đi đến gặp bà Visākhā, mẹ của Migāra sau khi đến đã nói với bà Visākhā, mẹ của Migāra điều này:

– Thưa bà, không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa.

55. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là các ngài Đại đức có các y đã được cất đi và để cho thân thể ướt đẫm nước mưa! Cô gái đần độn này đây đã nghĩ rằng: 'Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa'", nên đã bảo người tớ gái lần nữa rằng:

– Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: "Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong."

56. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy sau khi làm cho mát mẻ các phần thân thể, có cơ thể khoẻ khoắn, đã cầm lấy các y rồi đi vào trú xá của mình.

57. Sau đó, người tớ gái ấy đã đi đến tu viện, trong khi không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu [nên nghĩ rằng]: "Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, tu viện thì trống không" rồi đã đi đến gặp bà Visākhā, mẹ của Migāra, sau khi đến đã nói với bà Visākhā mẹ của Migāra điều này:

– Thưa bà, không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, tu viện thì trống không.

58. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là các ngài Đại đức sau khi làm cho mát mẻ các phần thân thể, có cơ thể khoẻ khoắn, nên đã cầm lấy các y rồi đi vào trú xá của mình. Cô gái đần độn này đây đã nghĩ rằng: 'Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, tu viện thì trống không'", nên đã bảo người tớ gái lần nữa rằng:

– Này em, hãy đi. Sau khi đi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: "Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong."

59. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy sẵn sàng y bát. Đã đến thời điểm của bữa ăn.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Các vị Tỳ-khưu ấy đã đáp lời đức Thế Tôn.

60. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, đức Thế Tôn đã biến mất tại Jetavana rồi hiện ra ở cổng nhà của bà Visākhā, mẹ của Migāra. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

61. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra [nghĩ rằng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì trong khi các cơn lũ đang dâng tới mức đầu gối, trong khi các cơn lũ đang dâng lên tới hông thế mà không một vị Tỳ-khưu nào có các bàn chân hoặc các y bị ướt!" nên mừng rỡ, phấn chấn, rồi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, bà đã ngồi xuống một bên.

62. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con thỉnh cầu đức Thế Tôn tám điều ước muốn.

– Này Visākhā, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước muốn.

– Bạch Ngài, các điều ấy là hợp lý, các điều ấy không bị chê trách.

– Này Visākhā, hãy nói đi.

– Bạch Ngài, con muốn dâng vải choàng tắm mưa đến hội chúng, dâng bữa ăn dành cho vị vãng lai, dâng bữa ăn dành cho vị xuất hành, dâng bữa ăn dành cho vị bị bệnh, dâng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dâng dược phẩm dành cho vị bị bệnh, dâng cháo hàng ngày, dâng vải choàng tắm đến hội chúng Tỳ-khưu-ni đến trọn đời.

63. – Này Visākhā, trong khi thấy rõ sự hữu dụng gì mà bà lại thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn?

– Bạch Ngài, ở đây, con đã bảo người tớ gái rằng: "Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: 'Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.'" Khi ấy, người tớ gái ấy đã đi đến tu viện và nhìn thấy các vị Tỳ-khưu, có các y đã được cất đi, đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa. Sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa" rồi đã đi đến gặp con, sau khi đến đã nói với con điều này: "Thưa bà, không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa." Bạch Ngài, sự trần truồng là không tinh khiết, ghê tởm, bị lên án. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng vải choàng [tắm] mưa đến trọn đời.

64. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu vãng lai không rành rẽ đường sá, không rành rẽ khu vực, đi khất thực trong lúc đang mệt nhọc. Vị ấy sau khi thọ thực bữa ăn dành cho vị vãng lai của con được rành rẽ đường sá, được rành rẽ khu vực, sẽ đi khất thực trong khi không còn mệt nhọc. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị vãng lai đến trọn đời.

65. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu là vị xuất hành, trong khi tìm kiếm vật thực cho mình sẽ bị trễ đoàn lữ hành, hoặc sẽ đến nơi [mà vị ấy] có ý muốn đi đến vào lúc trời tối, sẽ phải đi đường xa trong lúc đang mệt nhọc. Vị ấy sau khi thọ thực bữa ăn dành cho vị xuất hành của con sẽ không bị trễ đoàn lữ hành, sẽ không đến nơi [mà vị ấy] có ý muốn đi đến vào lúc trời tối, sẽ đi đường xa trong khi không mệt nhọc. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị xuất hành đến trọn đời.

66. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu bị bệnh trong khi không nhận được các thức ăn thích hợp, bệnh tình sẽ trầm trọng, hoặc sẽ chết đi. Trong khi vị ấy thọ dụng bữa ăn dành cho vị bị bệnh của con, bệnh tình sẽ không trầm trọng, sẽ không chết đi. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị bị bệnh đến trọn đời.

67. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu là vị chăm sóc bệnh, trong khi tìm kiếm thức ăn cho mình sẽ đem lại bữa ăn của vị bệnh lúc mặt trời đã lên

[cao], sẽ làm lỡ bữa ăn. Vị ấy sau khi thọ dụng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh của con sẽ đem lại thức ăn của vị bệnh lúc đúng thời, sẽ không làm lỡ bữa ăn. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh đến trọn đời.

68. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu bị bệnh trong khi không nhận được các loại dược phẩm thích hợp, bệnh tình sẽ trầm trọng, hoặc sẽ chết đi. Trong khi vị ấy thọ dụng dược phẩm dành cho vị bị bệnh của con, bệnh tình sẽ không trầm trọng, sẽ không chết đi. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng dược phẩm dành cho vị bị bệnh đến trọn đời.

69. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, ở Andhakavinda, trong khi thấy rõ mười điều lợi ích, đức Thế Tôn đã cho phép [thọ dụng] cháo. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng cháo hàng ngày đến trọn đời.

70. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, các Tỳ-khưu-ni tắm trần truồng với các cô điếm ở một bãi tắm của sông Aciravatī. Bạch Ngài, các cô điếm ấy đã chế giễu các Tỳ-khưu-ni rằng: "Các bà Đại đức ơi, các bà được cái gì với việc thực hành Phạm hạnh trong lúc còn trẻ trung vậy? Chớ không phải là các dục lạc nên được hưởng thụ hay sao? Khi nào trở nên già cả, khi ấy các bà sẽ thực hành Phạm hạnh, như thế các bà sẽ vớ được cả hai điều lợi." Bạch Ngài, khi bị các cô điếm chế giễu, các Tỳ-khưu-ni ấy đã mắc cỡ. Bạch Ngài, sự trần truồng của phụ nữ là không tinh khiết, ghê tởm, bị lên án. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng Tỳ-khưu-ni vải choàng tắm đến trọn đời.

71. – Này Visākhā, trong khi thấy rõ lợi ích gì mà bà lại thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn?

– Bạch Ngài, ở đây các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa ở các phương sẽ đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn. Các vị ấy sau khi đi đến gặp đức Thế Tôn sẽ hỏi rằng: "Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần. Cõi tái sanh của vị ấy là gì? Cảnh giới kế tiếp của vị ấy là gì?" Đức Thế Tôn sẽ tuyên bố vị ấy ở quả vị Nhập lưu, hoặc ở quả vị Nhất lai, hoặc ở quả vị Bất lai, hoặc ở phẩm vị A-la-hán. Con sẽ đi đến gặp các vị ấy và hỏi rằng: "Thưa các ngài, có phải vị Đại đức ấy trước đây đã đi đến Sāvatthi?" Nếu các vị trả lời con rằng: "Vị Tỳ-khưu ấy trước đây đã đi đến Sāvatthi." Trường hợp ấy, con sẽ đi đến kết luận là "chắc chắn rằng vị Đại đức ấy đã thọ dụng hoặc là vải choàng [tắm] mưa, hoặc là bữa ăn dành cho vị vãng lai, hoặc là bữa ăn dành cho vị xuất hành, hoặc là bữa ăn dành cho vị bị bệnh, hoặc là bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, hoặc là dược phẩm dành cho vị bị bệnh, hoặc là cháo hàng ngày của con." Trong khi nhớ lại điều ấy, sự hân hoan sẽ được sanh khởi ở con đây, do sự hân hoan mà hỷ sẽ được sanh khởi, do tâm có hỷ mà thân sẽ khinh an, do thân

được khinh an con sẽ cảm giác sự an lạc, do có sự an lạc tâm sẽ được định, điều ấy sẽ có ở con là sự tu tập về căn quyền, sự tu tập về lực, sự tu tập về giác chi. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ lợi ích này mà con thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn.

72. – Này Visākhā, thật tốt lắm, thật tốt lắm! Này Visākhā, thật tốt thay trong khi thấy rõ lợi ích này mà bà thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn. Này Visākhā, Ta cho phép bà tám điều ước muốn.

73. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ cho bà Visākhā, mẹ của Migāra bằng những lời kệ này:

"Trong khi bố thí cơm nước, người nữ nào được hân hoan, được thành tựu về giới, là đệ tử của đấng Thiện Thệ, sau khi chế ngự sự bỏn xẻn, rồi dâng cúng vật thí, [là yếu tố] dẫn đến cõi trời, xua tan sầu muộn, đem lại sự an lạc.

Sau khi đạt tuổi thọ của cõi trời, cô ấy đi vào đạo lộ không bợn nhơ, không nhiễm ô. Với ước muốn về phước báu, cô ấy có được sự an lạc, không có bệnh, vui hưởng dài lâu ở hội chúng nơi thiên đình."

74. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ cho bà Visākhā, mẹ của Migāra bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vải choàng tắm mưa, bữa ăn dành cho vị vãng lai, bữa ăn dành cho vị xuất hành, bữa ăn dành cho vị bị bệnh, bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dược phẩm dành cho vị bị bệnh, cháo hàng ngày, vải choàng tắm đến hội chúng Tỳ-khưu-ni.

Dứt tụng phẩm Visākhā.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao, khiến chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc đang đi dạo quanh các trú xá cùng với Đại đức Ānanda là Sa-môn hầu cận đã nhìn thấy chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, tại sao chỗ nằm ngồi này bị lấm lem?

– Bạch Ngài, hiện nay các vị Tỳ-khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao. Bạch đức Thế Tôn, do đó chỗ nằm ngồi này bị lấm lem vì chất dơ.

– Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao vì các vị ấy có niệm bị xao lãng,

không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Này Ānanda, các vị Tỳ-khưu nào có niệm được thiết lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch của các vị ấy không bị xuất ra. Này Ānanda, các vị nào dầu là phàm nhân đã xa lìa sự tham đắm trong các dục, tinh dịch của các vị ấy không bị xuất ra. Này Ānanda, tinh dịch của vị A-la-hán có thể bị xuất ra là điều không có thực tế, không có cơ sở.

3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do, ấy nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ở đây trong lúc đang đi dạo quanh các trú xá cùng với Ānanda là Sa-môn hầu cận, Ta đã nhìn thấy chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ, sau khi nhìn thấy đã hỏi Ānanda rằng: "Này Ānanda, tại sao chỗ nằm ngồi này bị lấm lem?" "Bạch Ngài, hiện nay các vị Tỳ-khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, rồi tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao. Bạch đức Thế Tôn, do đó chỗ nằm ngồi này đã bị lấm lem vì chất dơ." "Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, bởi vì đối với các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, trong khi rơi vào giấc ngủ, tinh dịch của họ bị xuất ra do chiêm bao. Này Ānanda, các vị Tỳ-khưu nào có niệm được thiết lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch của các vị ấy không bị xuất ra. Này Ānanda, ngay cả các vị nào dầu là phàm nhân đã xa lìa sự tham đắm trong các dục, tinh dịch của các vị ấy cũng không bị xuất ra. Này Ānanda, tinh dịch của vị A-la-hán có thể bị xuất ra là điều không có thực tế, không có cơ sở."

4. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ: [Vị ấy] ngủ khổ sở, thức dậy khổ sở, thấy điều ác xấu trong khi ngủ, chư thiên không hộ trì, tinh dịch bị xuất ra. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ.

5. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều thuận lợi của vị có niệm được thiết lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ: [Vị ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không thấy điều ác xấu trong khi ngủ, chư thiên hộ trì, tinh dịch không bị xuất ra. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều thuận lợi của vị có niệm được thiết lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vật lót ngồi để bảo vệ cơ thể, để bảo vệ y, để bảo vệ chỗ nằm ngồi.

6. Vào lúc bấy giờ, vật lót ngồi[4] quá nhỏ nên không bảo vệ được toàn bộ chỗ nằm ngồi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị mong muốn tấm trải nằm lớn chừng nào thì được làm tấm trải nằm lớn chừng ấy.

---

[4] Được dịch là vật lót ngồi thay vì tọa cụ, và tấm trải nằm thay vì ngọa cụ (ND).

7. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Belaṭṭhisīsa, thầy tế độ của Đại đức Ānanda, có bệnh ghẻ sần sùi. Các y bị dính vào thân vì chất máu mủ của vị ấy. Các vị Tỳ-khưu liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra.

8. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này bị bệnh gì vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức này bị bệnh ghẻ sần sùi, các y bị dính vào thân vì chất máu mủ, chúng con liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra.

9. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] y đắp ghẻ đối với vị nào bị ghẻ ngứa, hoặc bị nhọt, hoặc có vết thương chảy mủ, hoặc bị ghẻ sần sùi.

10. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã cầm cái khăn lau mặt đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin hãy thọ lãnh cái khăn lau mặt của con vì điều ấy đem lại sự lợi ích và sự an vui lâu dài cho con.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái khăn lau mặt.

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Visākhā, mẹ của Migāra bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

12. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khăn lau mặt.

13. Vào lúc bấy giờ, Roja, người Malla là bạn của Đại đức Ānanda. Tấm vải dệt bằng sợi lanh của Roja, người Malla đã bị rơi xuống ở cánh tay của Đại đức Ānanda. Và Đại đức Ānanda có nhu cầu về vải dệt bằng sợi lanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lấy do sự thân thiết [đồ vật] của người có năm yếu tố: Là vị đồng quan điểm, thân thiết đã được nói trước, [vị ấy] còn sống và vị lấy biết được rằng: "Khi được ta lấy thì vị ấy sẽ hoan hỷ." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lấy do sự thân thiết [đồ vật] của người có năm yếu tố này.

14. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu có được đầy đủ ba y và còn có nhu cầu về các đồ lọc nước và các túi mang. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép miếng vải phụ tùng.

15. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Các vật nào đã được đức Thế Tôn cho phép như là 'ba y', hoặc là 'vải choàng tắm mưa', hoặc là 'vật lót ngồi', hoặc là 'tấm trải nằm', hoặc là 'y đắp ghẻ', hoặc là 'khăn lau mặt', hoặc là 'miếng vải phụ tùng', tất cả các thứ ấy nên được chú nguyện để dùng riêng hay là nên được chú nguyện để dùng chung?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chú nguyện để dùng riêng ba y không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng vải choàng tắm mưa trong bốn tháng của mùa mưa, sau đó chú nguyện để dùng chung vào các tháng khác, chú nguyện để dùng riêng vật lót ngồi không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng tấm trải nằm không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng y đắp ghẻ lúc còn bị bệnh, sau đó chú nguyện để dùng chung vào lúc khác, chú nguyện để dùng riêng khăn lau mặt không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng miếng vải phụ tùng không được chú nguyện để dùng chung.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Y nên được chú nguyện để dùng chung [có kích thước] tối thiểu là bao nhiêu?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chú nguyện để dùng chung y [có kích thước] tối thiểu với chiều dài là tám ngón tay, với chiều rộng là bốn ngón tay theo ngón tay tiêu chuẩn.

16. Vào lúc bấy giờ, y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ của Đại đức Mahākassapa là nặng nề [do việc đắp lên miếng vá ở các chỗ bị sờn]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] việc mạng bằng chỉ.

[Y] có góc bị thừa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cắt góc bị thừa.

Các mối chỉ bị xổ ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép gắn vào miếng vải viền, [làm] đường biên xung quanh.

Vào lúc bấy giờ, các mảnh vải của y hai lớp bị bung ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm đường may ngang dọc.

17. Vào lúc bấy giờ, trong lúc y của vị Tỳ-khưu nọ đang được làm, toàn bộ các mảnh cắt không đủ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hai [y] được cắt, một [y] không cắt.

Hai [y] được cắt, một [y] không cắt là không đủ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hai [y] không cắt, một [y] được cắt.

Hai [y] không cắt, một [y] được cắt là không đủ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đặt vào miếng vải khác loại. Và này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng toàn bộ [ba y] không cắt; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

18. Vào lúc bấy giờ, có nhiều y được phát sanh đến vị Tỳ-khưu nọ. Và vị ấy có ý muốn cho đến cha mẹ y ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong khi nói là "cha mẹ" thì chúng ta có thể nói điều gì? Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho đến cha mẹ. Và này các Tỳ-khưu, không nên cho vật bố thí vì đức tin đến đối tượng không xứng đáng; vị nào cho đến đối tượng không xứng đáng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã để lại y hai lớp trong khu rừng Andhavana rồi đi vào làng để khất thực với y nội và thượng y. Những kẻ trộm đã lấy trộm y ấy. Vị Tỳ-khưu ấy trở thành ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, vì sao ngài lại trở thành ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm?

– Này các Đại đức, trường hợp này là tôi đã để lại y ở trong khu rừng Andhavana rồi đi vào làng để khất thực với y nội và thượng y. Những kẻ trộm đã lấy trộm y ấy, vì thế tôi trở thành ăn mặc bê bối y phục luộm thuộm.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi vào làng với y nội và thượng y; vị nào đi vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

20. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Ānanda vì thiếu sự ghi nhớ nên đã đi vào làng để khất thực với y nội và thượng y. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Này Đại đức Ānanda, không phải đức Thế Tôn đã quy định rằng: "Không nên đi vào làng với y nội và thượng y" hay sao? Này Đại đức, vì sao ngài đã đi vào làng với y nội và thượng y?

– Này các Đại đức, đúng vậy. Đức Thế Tôn quy định rằng: "Không nên đi vào làng với y nội và thượng y." Hơn nữa, tôi đã đi vào [làng] với sự thiếu ghi nhớ.

21. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y hai lớp: Vị bị bệnh, hoặc là sự quy định về mùa mưa,[5] hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vị có *Kaṭhina* đã được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y hai lớp.

---

[5] Ngài Buddhaghosa giải thích là trong bốn tháng mùa mưa (*VinA*. V. 1129).

22. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại thượng y: Vị bị bệnh, hoặc là sự quy định về mùa mưa, hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vị có *Kaṭhina* đã được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại thượng y.

23. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y nội: Vị bị bệnh, hoặc là sự quy định về mùa mưa, hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vị có *Kaṭhina* đã được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y nội.

24. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại vải choàng [tắm] mưa: Vị bị bệnh, hoặc là vị đi ra khỏi ranh giới, hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vải choàng [tắm] mưa không được làm hoặc được làm chưa hoàn tất. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại vải choàng [tắm] mưa.

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ sống mùa [an cư] mưa có một mình. Ở đó, dân chúng đã dâng các y [nói rằng]: "Chúng tôi dâng đến hội chúng." Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy khởi đã ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Hội chúng tối thiểu là nhóm bốn vị' và ta chỉ có mỗi một mình. Và các người này đã dâng các y [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng đến hội chúng', hay là ta nên đem các y thuộc về hội chúng này đến Sāvatthi?" Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã cầm lấy các y ấy đi đến Sāvatthi và trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, các y ấy là của chính ngươi cho đến khi hết hiệu lực của *Kaṭhina*.

26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sống mùa [an cư] mưa chỉ mỗi một mình. Ở đó, dân chúng dâng các y [nói rằng]: "Chúng tôi dâng đến hội chúng." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các y ấy là của chính vị ấy cho đến khi hết hiệu lực của *Kaṭhina*.

27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ sống ngoài mùa [an cư] mưa có một mình. Ở đó, dân chúng đã dâng các y [nói rằng]: "Chúng tôi dâng đến hội chúng." Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Hội chúng ít nhất là nhóm bốn vị' và ta chỉ có mỗi một mình. Và các người này đã dâng các y [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng đến hội chúng', hay là ta nên đem các y thuộc về hội chúng này đến Sāvatthi?" Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã cầm lấy các y ấy đi đến Sāvatthi và trình sự việc ấy đến các vị Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chia ra bởi hội chúng đang hiện diện.

28. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sống ngoài mùa [an cư] mưa có một mình. Ở đó, dân chúng dâng các y [nói rằng]: "Chúng tôi dâng đến hội chúng." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu ấy chú nguyện các y ấy rằng: "Những y này là của tôi." Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi y ấy chưa được chú nguyện thành của vị Tỳ-khưu ấy thì có vị Tỳ-khưu khác đi đến, nên trao

cho phần chia đồng đều nhau. Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi y ấy đang được chia bởi các vị Tỳ-khưu ấy nhưng chưa được bốc thăm thì có vị Tỳ-khưu khác đi đến, nên trao cho phần chia đồng đều nhau. Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi y ấy đang được chia bởi các vị Tỳ-khưu ấy và đã được bốc thăm thì có Tỳ-khưu khác đi đến, không cần trao cho phần chia nếu không thích.

29. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Trưởng lão là anh em: Đại đức Isidāsa và Đại đức Isibhadda đã sống qua mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi rồi đã đi đến trú xứ là ngôi làng nọ. Dân chúng [nghĩ rằng]: "Đã lâu lắm các Trưởng lão mới ghé đến" rồi đã thực hiện các bữa thọ trai cùng với các y. Các Tỳ-khưu thường trú đã hỏi hai vị Trưởng lão rằng:

– Thưa các ngài, những y thuộc hội chúng này đã được phát sanh nhờ vào các Trưởng lão, các Trưởng lão sẽ hoan hỷ phần chia hay không?

Hai vị Trưởng lão đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, theo như chúng tôi biết về pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn thì các y này là thuộc về chính các vị cho đến khi *Kaṭhina* hết hiệu lực.

30. Vào lúc bấy giờ, có ba vị Tỳ-khưu sống mùa [an cư] mưa ở trong thành Rājagaha. Ở đó, dân chúng dâng các y [nói rằng]: "Chúng tôi dâng đến hội chúng." Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Hội chúng ít nhất là nhóm bốn vị' và chúng ta chỉ có ba vị. Và các người này dâng các y [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng đến hội chúng', vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?"

31. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Trưởng lão là Đại đức Nīlavāsī, Đại đức Sāṇavāsī, Đại đức Gopaka, Đại đức Bhagu và Đại đức Phaḷikasandāna cư ngụ ở Pāṭaliputta tại tu viện Kukkuṭa. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến Pāṭaliputta và hỏi các vị Trưởng lão. Các vị Trưởng lão đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, theo như chúng tôi biết về pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn thì các y ấy là thuộc về chính các vị cho đến khi *Kaṭhina* hết hiệu lực.

32. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã sống qua mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi, rồi đã đi đến trú xứ là ngôi làng nọ. Ở đó, các Tỳ-khưu đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy đã nói như vầy:

– Này Đại đức, các y thuộc về hội chúng này sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?

– Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.

Sau khi nhận phần y từ nơi đó, vị ấy đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói như vầy:

– Này Đại đức, các y thuộc về hội chúng này sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?

– Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.

Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, vị ấy đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói như vầy:

– Này Đại đức, các y thuộc về hội chúng này sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?

– Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.

Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, vị ấy đã cầm lấy gói y lớn rồi quay trở về lại Sāvatthi.

33. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức Upananda, ngài có phước lớn. Nhiều y đã được phát sanh đến ngài.

– Này các Đại đức, phước của tôi là do đâu? Ở đây, tôi đã sống qua mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi rồi đã đi đến trú xứ là ngôi làng nọ. Ở đó, các Tỳ-khưu đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy đã nói với tôi như vầy: "Này Đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?" "Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận." Sau khi nhận phần y từ nơi đó, tôi đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các vị Tỳ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói với tôi như vầy: "Này Đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?" "Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận." Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, tôi đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các vị Tỳ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói với tôi như vầy: "Này Đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?" "Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận." Tôi đã nhận phần y từ nơi đó nữa, như thế mà nhiều y đã được phát sanh đến tôi.

34. – Này Đại đức Upananda, có phải ngài đã sống mùa [an cư] mưa ở một nơi và chấp nhận phần y ở một nơi khác?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã sống mùa [an cư] mưa ở một nơi lại chấp nhận phần y ở một nơi khác?"

35. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi đã sống mùa [an cư] mưa ở một nơi và chấp nhận phần y ở một nơi khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sống mùa [an cư] mưa ở một nơi lại chấp nhận phần y ở một nơi khác? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị sống mùa [an cư] mưa ở nơi khác không nên chấp nhận phần y ở nơi khác; vị nào chấp nhận thì phạm tội *Dukkaṭa*.

36. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya một mình đã sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ [nghĩ rằng]: "Như vầy nhiều y sẽ được phát sanh đến ta." Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Phần chia về y nên được cho đến Đại đức Upananda con trai dòng Sakya như thế nào?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, hãy cho đến kẻ rồ dại phần của một người.

37. Này các Tỳ-khưu, trường hợp một vị Tỳ-khưu sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ [nghĩ rằng]: "Như vầy, nhiều y sẽ được phát sanh đến ta." Nếu vị ấy sống chỗ này một nửa [thời gian] chỗ kia một nửa [thời gian] thì nên cho phần chia về y gồm một nửa của nơi này, một nửa của nơi kia, hoặc ở chỗ nào vị ấy sống nhiều hơn thì phần chia về y nên được cho từ chỗ đó.

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh kiết lỵ. Vị ấy nằm dài ở đống phân và nước tiểu của chính mình, bị lem luốc. Khi ấy, trong lúc đi dạo quanh các trú xá cùng với Đại đức Ānanda là Sa-môn hầu cận, đức Thế Tôn đã đi đến trú xá của vị Tỳ-khưu ấy.

39. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đang nằm dài ở đống phân và nước tiểu của chính mình, bị lem luốc, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, ngươi bị bệnh gì?

– Bạch Thế Tôn, con bị bệnh kiết lỵ.

– Này Tỳ-khưu, ngươi có người phục vụ không?

– Bạch Thế Tôn, không có.

– Vì sao các Tỳ-khưu lại không phục vụ ngươi?

– Bạch Ngài, con là người không có làm gì cho các Tỳ-khưu, do đó các Tỳ-khưu không phục vụ con.

40. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, hãy đi và mang nước lại. Chúng ta sẽ tắm cho vị Tỳ-khưu này.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn, đã mang nước lại. Đức Thế Tôn đã xối nước. Đại đức Ānanda đã rửa ráy toàn bộ. Rồi đức Thế Tôn đã đỡ phần đầu, Đại đức Ānanda ở phần chân, đã nâng lên và đặt ở trên giường.

41. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại rồi hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, có phải có vị Tỳ-khưu ở trú xá đàng kia bị bệnh?

– Bạch Thế Tôn, thưa có.

– Này các Tỳ-khưu, vị ấy bị bệnh gì?

– Bạch Ngài, Đại đức ấy bị bệnh kiết lỵ.

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có người phục vụ không?

– Bạch Thế Tôn, không có.

– Vì sao các Tỳ-khưu không phục vụ vị ấy?

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu ấy là người không có làm gì cho các Tỳ-khưu, do đó các Tỳ-khưu không phục vụ vị ấy.

42. – Này các Tỳ-khưu, các ngươi không có mẹ, không có cha là những người có thể phục vụ các ngươi. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không phục vụ lẫn nhau thì giờ đây ai sẽ phục vụ đây? Này các Tỳ-khưu, vị nào có thể phục vụ Ta [bằng sự thực hành theo lời giáo huấn và giảng dạy của Ta], vị ấy có thể phục vụ người bệnh.[6] Nếu có thầy tế độ, thầy tế độ nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có thầy dạy học, thầy dạy học nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có đệ tử, người đệ tử nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có học trò, người học trò nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có vị đồng thầy tế độ, vị đồng thầy tế độ nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có vị đồng thầy dạy học, vị đồng thầy dạy học nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu không có thầy tế độ, hoặc thầy dạy học, hoặc người đệ tử, hoặc người học trò, hoặc vị đồng thầy tế độ, hoặc vị đồng thầy dạy học, hội chúng nên phục vụ; nếu không phục vụ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

43. Này các Tỳ-khưu, người bệnh là khó phục vụ [là vị] có năm yếu tố: Là người có hành động không có lợi ích; không biết sự vừa phải trong việc có lợi ích; không quen dùng dược phẩm; không nói rõ ràng về bệnh tình đúng theo thực trạng như [bệnh] đang gia tăng là "[bệnh] gia tăng", [bệnh] đang giảm là "[bệnh] giảm", [bệnh] ổn định là "[bệnh] ổn định" cho người phục vụ bệnh nhân có sự mong muốn điều tốt đẹp; có bản tánh không chịu đựng được các cảm thọ khổ, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, người bệnh có năm yếu tố này là khó phục vụ.

---

[6] "*Yo bhikkhave maṃ upaṭṭhaheyya, so gilānaṃ upaṭṭhaheyyā'ti*": Câu này được dịch sát theo từ sẽ là "Này các Tỳ-khưu, vị nào có thể phục vụ Ta, vị ấy có thể phục vụ người bệnh." Tuy nhiên ngài Buddhaghosa giải thích ý nghĩa của câu trên như sau: "*Yo bhikkhave maṃ upaṭṭhaheyya, so gilānaṃ upaṭṭhaheyyā'ti yo maṃ ovādānusāsanīkaraṇena upaṭṭhaheyya, so gilānaṃ upaṭṭhaheyya; mama ovādakārakena gilāno upaṭṭhātabbotiayamevettha attho. Bhagavato ca gilānassa ca upaṭṭhānaṃ ekasadisan ti evaṃ pan'ettha attho na gahetabbo*" (*VinA*. V. 1132): "'Vị nào có thể phục vụ Ta bằng sự thực hành theo lời giáo huấn và giảng dạy, vị ấy có thể phục vụ người bệnh.' Ở đây điều này có ý nghĩa là 'người bệnh nên được phục vụ bởi người thực hành theo lời giáo huấn của Ta.' Hơn nữa, không nên hiểu ý nghĩa của trường hợp này như vầy: 'Sự phục vụ đến đức Thế Tôn và đến người bệnh là tương tợ như nhau.'"

44. Này các Tỳ-khưu, người bệnh là dễ phục vụ là vị có năm yếu tố: Là người có hành động có lợi ích; biết sự vừa phải trong việc có lợi ích; quen dùng dược phẩm; nói rõ ràng về bệnh tình đúng theo thực trạng như [bệnh] đang gia tăng là "[bệnh] gia tăng", [bệnh] đang giảm là "[bệnh] giảm", [bệnh] ổn định là "[bệnh] ổn định" cho người phục vụ bệnh nhân có sự mong muốn điều tốt đẹp; có bản tánh chịu đựng được các cảm thọ khổ, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, người bệnh có năm yếu tố này là dễ phục vụ.

45. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân không thích hợp để phục vụ người bệnh là vị có năm yếu tố: Là vị không có khả năng để phân phát thuốc men; không biết điều gì có lợi ích và điều gì không có lợi ích, đem đến điều không có lợi ích và loại bỏ điều có lợi ích; phục vụ người bệnh vì mục đích tài vật và không có tâm từ; ghê tởm việc dọn dẹp nước tiểu, phân, nước dãi, vật nôn mửa; không có khả năng để chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người bệnh bằng bài pháp thoại lúc này lúc khác. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân có năm yếu tố này là không thích hợp để phục vụ người bệnh.

46. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân thích hợp để phục vụ người bệnh là vị có năm yếu tố: Là vị có khả năng để phân phát thuốc men; biết điều gì có lợi ích và điều gì không có lợi ích, loại bỏ điều không có lợi ích và đem đến điều có lợi ích; có tâm từ và phục vụ người bệnh không vì mục đích tài vật; không ghê tởm việc dọn dẹp nước tiểu, phân, nước dãi, vật nôn mửa; có khả năng để chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người bệnh bằng bài pháp thoại lúc này lúc khác. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân có năm yếu tố này là thích hợp để phục vụ người bệnh.

47. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu đi đường xa trong xứ sở Kosala. Hai vị ấy đã đi đến trú xứ nọ. Ở đó, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã bàn bạc điều này: "Này Đại đức, việc phục vụ người bệnh đã được đức Thế Tôn khen ngợi. Này Đại đức, vậy chúng ta hãy phục vụ vị Tỳ-khưu này." Các vị ấy đã phục vụ vị kia. Trong khi được các vị ấy phục vụ, vị kia đã từ trần.

48. Sau đó, các Tỳ-khưu đã cầm lấy y bát của vị Tỳ-khưu kia đi đến Sāvatthi và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên, các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh ba y và bình bát thông qua hội chúng.

49. Và này các Tỳ-khưu, nên được ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu phục vụ người bệnh ấy nên đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy." Hội

chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy. Hội chúng cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đại đức nào đồng ý việc cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Ba y và bình bát này đã được hội chúng cho đến các vị phục vụ người bệnh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

50. Vào lúc bấy giờ, có vị Sa-di nọ từ trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đối với vị Sa-di khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh y và bình bát thông qua hội chúng.

51. Và này các Tỳ-khưu, nên được ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu phục vụ người bệnh ấy nên đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, vị Sa-di tên [như vầy] đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ấy." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Sa-di tên [như vầy] đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Sa-di tên [như vầy] đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ấy. Hội chúng cho y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đại đức nào đồng ý việc cho y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Y và bình bát này đã được hội chúng cho đến các vị phục vụ người bệnh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

52. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ và vị Sa-di đã phục vụ vị bị bệnh. Trong khi được các vị ấy phục vụ, vị kia đã từ trần. Khi ấy, vị Tỳ-khưu phục vụ người bệnh ấy đã khởi ý điều này: "Phần chia về y nên được cho đến vị Sa-di là vị phục vụ người bệnh như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho đến vị Sa-di là vị phục vụ người bệnh phần chia đồng đều.

53. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng đã từ trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên, các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này

các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh ba y và bình bát thông qua hội chúng, [cho phép] hội chúng đang hiện diện phân chia đồ đạc loại nhẹ và vật dụng loại nhẹ ở nơi ấy, [cho phép] đồ đạc loại nặng và vật dụng loại nặng ở nơi ấy là của hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai,[7] không được phân tán, không được phân chia.

54. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ sau khi làm trở thành trần truồng đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, sự trần truồng này đưa đến sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn theo nhiều phương thức. Bạch Ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép sự trần truồng đến các Tỳ-khưu.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi lại thực hành nghi thức của ngoại đạo là sự lõa thể? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hành nghi thức của ngoại đạo là sự lõa thể; vị nào thực hành thì phạm tội *Thullaccaya*.

55. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ che thân bằng cỏ kusa ...(nt)... che thân bằng vỏ cây ...(nt)... che thân bằng tấm ván gỗ ...(nt)... che thân bằng mền dệt bằng tóc ...(nt)... che thân bằng mền dệt bằng lông ngựa ...(nt)... che thân bằng cánh chim cú ...(nt)... che thân bằng da linh dương rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, [việc che thân bằng] da linh dương này đưa đến sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn theo nhiều phương thức. Bạch Ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép [việc che thân bằng] da linh dương đến các Tỳ-khưu.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi lại mặc da linh dương vốn là biểu tượng của ngoại đạo? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

[7] *Āgatānāgata = āgata + anāgata*: Đã đi đến và chưa đi đến, được dịch thoát nghĩa là hiện tại và vị lai (ND).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc da linh dương vốn là biểu tượng của ngoại đạo; vị nào mặc thì phạm tội *Thullaccaya.*

56. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ mặc [y làm bằng] sợi của cây akka, ...(nt)... mặc [y làm bằng] sợi của cây makaci rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người thường ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, [y làm bằng] sợi của cây makaci này đưa đến sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép [y làm bằng] sợi của cây makaci đến các Tỳ-khưu.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi lại mặc [y làm bằng] sợi của cây makaci? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc [y làm bằng] sợi của cây makaci; vị nào mặc thì phạm tội *Dukkaṭa.*

57. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc các y toàn màu xanh, ... mặc các y toàn màu vàng, ... mặc các y toàn màu đỏ [máu], ... mặc các y toàn màu tím, ... mặc các y toàn màu đen, ... mặc các y toàn màu đỏ tía, ... mặc các y toàn màu hồng, ... mặc các y không cắt đường viền, ... mặc các y có đường viền rộng, ... mặc các y có đường viền vẽ bông hoa, ... mặc các y có đường viền vẽ hình rắn hổ mang, ... mặc áo choàng ngắn, ... mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây tirīṭaka, ... mang khăn xếp đội đầu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mang khăn xếp đội đầu giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?"

58. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc các y toàn màu xanh, không nên mặc các y toàn màu vàng, không nên mặc các y toàn màu đỏ [máu], không nên mặc các y toàn màu tím, không nên mặc các y toàn màu đen, không nên mặc các y toàn màu đỏ tía, không nên mặc các y toàn màu hồng, không nên mặc các y không cắt đường viền, không nên mặc các y có đường viền rộng, không nên mặc các y có đường viền vẽ bông hoa, không nên mặc các y có đường viền vẽ hình rắn hổ mang, không nên mặc áo choàng ngắn, không nên mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây tirīṭaka, không nên mang khăn xếp đội đầu; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa.*

59. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh lại ra đi, hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn.

60. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh lại ra đi, nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện.

61. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh lại hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, thì hội chúng là chủ quản.

62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh thì được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện.

63. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn, thì hội chúng là chủ quản.

64. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia lại ra đi, nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện.

65. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia lại hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, thì hội chúng là chủ quản.

66. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia thì được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về

việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện.

67. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh, nhưng chưa phân chia được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn, thì hội chúng là chủ quản.

68. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở một nhóm [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến hội chúng." [Y] ấy là của hội chúng.

69. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở chính nhóm ấy [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến hội chúng." [Y] ấy là của hội chúng.

70. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở một nhóm [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến nhóm." [Y] ấy là riêng của nhóm.

71. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở chính nhóm ấy [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến nhóm." [Y] ấy là riêng của nhóm.

72. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y đã được phát sanh nhưng chưa chia phần thì hội chúng bị chia rẽ. Nên chia đồng đều cho tất cả.

73. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Revata gởi y cho Đại đức Sāriputta qua tay của vị Tỳ-khưu nọ [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị Trưởng lão." Sau đó, ở khoảng giữa đường đi, vị Tỳ-khưu ấy đã lấy y ấy do sự thân thiết với Đại đức Revata. Sau đó, Đại đức Revata đã đích thân đi đến Đại đức Sāriputta và hỏi rằng:

– Thưa ngài, tôi đã gởi y cho ngài Trưởng lão. Y ấy đã đến chưa?

– Này Sư đệ, ta không nhìn thấy y ấy.

Sau đó, Đại đức Revata đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, tôi đã gởi y của ngài Trưởng lão qua tay của Đại đức. Y ấy đâu rồi?

– Thưa Đại đức, tôi đã lấy y ấy do sự thân thiết với Đại đức.

74. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi đi; [y] đã được lấy đúng đắn. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy sai trái.

75. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi đi; [y] đã được lấy đúng đắn.

76. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Vị gởi [y] đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị [gởi] ấy; [y] đã được xác định đúng đắn. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy sai trái.

77. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Vị sẽ nhận [y] đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị [đã từ trần] ấy; [y] đã được xác định sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi; [y] đã được lấy đúng đắn.

78. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Cả hai đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị gởi đi; [y] đã được xác định đúng đắn. Vị ấy xác định y của người đã chết là thuộc về vị sẽ nhận; [y] đã được xác định sai trái.

79. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi; [y] đã được lấy sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy đúng đắn.

80. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy đúng đắn. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi; [y] đã được lấy sai trái.

81. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Vị gởi [y] đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị ấy; [y] đã được xác định sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy đúng đắn.

82. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Vị sẽ nhận [y] đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc

về vị ấy; [y] đã được xác định đúng đắn. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi; [y] đã được lấy sai trái.

83. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Cả hai đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị gởi đi; [y] đã được xác định sai trái. Vị ấy xác định y của người đã chết là thuộc về vị sẽ nhận; [y] đã được xác định đúng đắn.

84. Này các Tỳ-khưu, có tám tiêu đề về việc phát sanh y: [Thí chủ] dâng trong ranh giới, dâng theo sự thỏa thuận, dâng theo sự thông báo về vật thực, dâng đến hội chúng, dâng đến cả hai hội chúng [Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], dâng đến hội chúng đã sống qua mùa [an cư] mưa, dâng sau khi đã thông báo, dâng đến cá nhân.

85. [Thí chủ] dâng trong ranh giới: Có bao nhiêu vị Tỳ-khưu đang ở trong ranh giới thì nên được chia bởi các vị ấy.

86. [Thí chủ] dâng theo sự thỏa thuận: Nhiều trú xứ có sự thọ lãnh chung, khi được dâng ở một trú xứ thì được dâng cho tất cả.

87. [Thí chủ] dâng theo sự quy định về vật thực: Các sự hộ độ thường xuyên được thực hiện đến hội chúng ở nơi nào thì dâng ở nơi ấy.

88. [Thí chủ] dâng đến hội chúng thì nên được chia phần bởi hội chúng đang hiện diện.

89. [Thí chủ] dâng đến cả hai hội chúng: Dầu cho có nhiều Tỳ-khưu mà có một Tỳ-khưu-ni cũng nên được chia một nửa. Dầu cho có nhiều Tỳ-khưu-ni mà có một Tỳ-khưu cũng nên được chia một nửa.

90. [Thí chủ] dâng đến hội chúng đã sống qua mùa [an cư] mưa: Có bao nhiêu vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa ở trú xứ ấy thì nên được chia bởi các vị ấy.

91. [Thí chủ] dâng sau khi đã thông báo về cháo, hoặc về bữa ăn, hoặc về vật thực cứng, hoặc về y, hoặc về chỗ trú ngụ, hoặc về dược phẩm.

92. [Thí chủ] dâng đến cá nhân và [nói rằng]: "Tôi dâng y này đến vị tên [như vầy]."

Dứt chương "Y phục" là thứ tám.

*****

Trong chương này có chín mươi sáu sự việc

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Viên thị trưởng thành Rājagaha đã nhìn thấy nàng kỹ nữ ở Vesālī, sau khi trở về lại thành Rājagaha đã báo điều ấy đến đức vua.

2. Người con trai của nàng Sālavatī chính là con [nuôi] của Abhaya. Được hỏi bởi vị vương tử là "còn sống không?" nên gọi tên là "Jīvaka."

3. Chính người ấy đã đi đến thành Takkasilā, đã học xong trở thành đại y sĩ, đã tiêu trừ bệnh đã bảy năm bằng việc làm ở mũi.

4. [Jīvaka] đã trị dứt bệnh rò rỉ của đức vua bằng liều thuốc thoa. [Đức vua bảo:] "Hãy phục vụ cho trẫm, các cung phi, đức Phật và hội chúng."

5. Và nhà đại phú thành Rājagaha, chứng xoắn ruột đã được chữa trị. [Jīvaka] đã tiêu trừ bệnh trầm trọng của đức Vua Pajjota bằng việc uống bơ lỏng.

6. Chức vụ và xấp vải xứ Sivi, [Jīvaka] đã bảo thoa dầu cho [cơ thể] bị tiết ra dịch chất dơ, liều thuốc xổ ba mươi lần với ba nắm sen.

7. Khi [đức Phật] đã trở lại bình thường, [Jīvaka] đã thỉnh cầu điều ước muốn. Và Ngài đã thọ nhận xấp vải xứ Sivi. Và đức Như Lai đã cho phép y là vật thí của gia chủ.

8. Ở xứ sở Rājagaha nhiều y đã được phát sanh. Tấm vải choàng, luôn cả tấm vải choàng bằng tơ lụa, tấm choàng lông, [tấm mền len] trị giá nửa *kāsi*.

9. Và nhiều [y] đủ loại, sự biết đủ, về các vị không chờ và các vị chờ, vào trước tương tợ vào sau, sự thỏa thuận, họ đã mang về lại.

10. Kho chứa và không được bảo quản, các vị bãi nhiệm cũng tương tợ y như thế, được dồi dào và cảnh náo động, nên chia như thế nào, nên cho như thế nào.

11. Của bản thân, với phần nhiều hơn, phần chia [về y], nên cho thế nào? Với phân và nước lạnh, để trào ra, vị không biết.

12. Trong khi đổ ra và chậu nhuộm, trong cái đĩa và ở nền đất, loài mối, ở giữa, chúng bị sờn, một bên và với [y] bị cứng.

13. [Các y] bị thô, không cắt, được kết nối bằng những khoảnh vuông vức. Ngài đã nhìn thấy các vị ôm đồm [với các y]. Sau khi suy xét, đấng Hiền Sĩ dòng Sakya đã cho phép ba y.

14. Với y phụ trội khác, đã được phát sanh và luôn cả y bị rách. [Mây đen] bốn châu lục, bà [Visākhā] đã thỉnh cầu điều ước muốn để được dâng vải choàng [tắm] mưa.

15. Vị vãng lai, vị xuất hành, vị bị bệnh và vị nuôi bệnh, dược phẩm, cháo thường xuyên và vải choàng tắm [các Ni]. [Thức ăn] hảo hạng, [vật lót ngồi] quá nhỏ.

16. Ghẻ sần sùi, [khăn lau] mặt, sợi lanh, được đầy đủ, việc chú nguyện, tối thiểu, đã được làm, là nặng nề, có góc bị thừa, chỉ bị xổ ra.

17. [Các mảnh vải] bị bung ra, làm không đủ, vải khác loại và có nhiều [y], rừng Andhavana, thiếu sự ghi nhớ, một mình, mùa [an cư] mưa và trong mùa khác.

18. Hai vị là anh em, ở Rājagaha, vị Upananda, lại ở hai nơi, bệnh kiết ly, vị bị bệnh, cả hai vị và luôn cả các vật thuộc về vị bệnh.

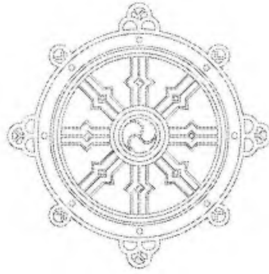
19. Vị lõa thể, cỏ kusa, vỏ cây, tấm ván gỗ và mền dệt bằng tóc, lông ngựa và cánh chim cú, da linh dương, sợi của cây akka.

20. Sợi của cây makaci, màu xanh và màu vàng, màu đỏ [máu] và màu tím, màu đen, màu đỏ tía, màu hồng và đường viền không cắt là tương tợ.

21. Đường viền rộng, vẽ bông hoa, rắn hổ mang, áo choàng ngắn, sợi vỏ cây và khăn xếp đội đầu, khi chưa được phát sanh, vị ra đi, cho đến phần hội chúng bị chia rẽ.

22. Họ dâng đến nhóm, đến hội chúng, Đại đức Revata đã gởi đi, vị lấy do thân thiết, vị chú nguyện, tám tiêu đề về y.

--ooOoo--



IX. CHƯƠNG CAMPĀ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Campā, ở bờ hồ sen Gaggarā. Vào lúc bấy giờ, ở xứ sở Kāsi có ngôi làng tên là Vāsabha. Ở đó có vị Tỳ-khưu tên Kassapagotta, là vị thường trú, gắn bó với truyền thống, đã có sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để các vị Tỳ-khưu hiền thiện chưa đi đến có thể đi đến, các vị Tỳ-khưu hiền thiện đã đến rồi có thể sống thoải mái, và trú xứ này có thể đạt được sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển?"

2. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu trong khi đi du hành ở xứ Kāsi đã đến trú ngụ tại làng Vāsabha. Tỳ-khưu Kassapagotta đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp xếp chỗ ngồi, đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đi ra đón, tiếp rước y bát, hỏi dâng nước uống, thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của các vị ấy], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa.

3. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu thường trú này tốt thật! Vị ấy đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng ta], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này các Đại đức, vậy thì chúng ta hãy sắp xếp việc định cư ngay tại nơi đây, ở làng Vāsabha." Sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã sắp xếp việc định cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vāsabha.

4. Khi ấy, Tỳ-khưu Kassapagotta đã khởi ý điều này: "Sự mệt nhọc vì việc đi đến của các vị Tỳ-khưu vãng lai này [nay] đã được lắng dịu. Các vị này [trước đây] không biết các chỗ đi khất thực, bây giờ các vị này đây biết các chỗ đi khất thực. Thật khó khăn khi phải thực hiện sự nỗ lực trọn đời cho những người khác gia tộc, và sự gợi ý [yêu cầu] lại không được mọi người hoan hỷ. Hay là ta sẽ không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa?" Vị ấy đã không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa.

5. Sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, trước đây, vị Tỳ-khưu thường trú này đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng ta], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Bây giờ, vị này đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này các Đại đức, giờ đây vị Tỳ-khưu thường trú này đã trở nên hư hỏng. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy phạt án treo vị Tỳ-khưu thường trú."

6. Sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã tụ họp lại và đã nói với Tỳ-khưu Kassapagotta điều này:

– Này Đại đức, trước đây, chính Đại đức đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng tôi], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Hiện nay, Đại đức đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội. Đại đức có nhận thấy tội ấy không?

– Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.

7. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã phạt án treo vị Tỳ-khưu Kassapagotta về việc không nhìn nhận tội. Khi ấy, Tỳ-khưu Kassapagotta đã khởi ý điều này: "Thật sự ta không hiểu được sự việc này: Điều ấy là tội hay không phải tội, ta có phạm tội hay không phạm, và ta đã bị án treo hay không bị án treo, đúng Pháp hay không đúng Pháp, có thể sửa đổi hay không thể sửa đổi, đáng được duy trì hay không đáng được duy trì? Hay là ta nên đi Campā và hỏi đức Thế Tôn về sự việc này?"

8. Sau đó, Tỳ-khưu Kassapagotta đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát ra đi về phía Campā. Tuần tự, vị ấy đã đến Campā gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các vị Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Tỳ-khưu Kassapagotta điều này:

– Này Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này Tỳ-khưu, ngươi từ đâu đến vậy?

10. – Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, con đi đường xa ít có mệt nhọc. Bạch Ngài, trong xứ sở Kāsi có ngôi làng tên là Vāsabha. Ở đó, con là vị thường trú, gắn bó với truyền thống, đã có sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để các vị Tỳ-khưu hiền thiện chưa đi đến có thể đi đến, các vị Tỳ-khưu hiền thiện đã đến rồi có thể sống thoải mái, và trú xứ này có thể đạt được sự lớn mạnh, sự tăng trưởng và sự phát triển?"

11. Bạch Ngài, sau đó có nhiều vị Tỳ-khưu trong khi đi du hành ở xứ sở Kāsi đã đến trú ngụ tại làng Vāsabha. Bạch Ngài, con đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp xếp chỗ ngồi, đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đi ra tiếp rước y bát, dâng nước uống, thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của các vị ấy], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa.

12. Bạch Ngài, khi ấy, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu thường trú này tốt thật! Vị ấy đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng ta], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề

cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này các Đại đức, vậy thì chúng ta hãy sắp xếp việc định cư ngay tại nơi đây, ở làng Vāsabha." Bạch Ngài, sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã sắp xếp việc định cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vāsabha.

13. Bạch Ngài, khi ấy, con đây đã khởi ý điều này: "Sự mệt nhọc vì việc đi đến của các vị Tỳ-khưu vãng lai này [nay] đã được lắng dịu. Các vị này [trước đây] không biết các chỗ đi khất thực, bây giờ các vị này đây biết các chỗ đi khất thực. Thật khó khăn khi phải thực hiện sự nỗ lực trọn đời cho những người khác gia tộc, và sự gợi ý [yêu cầu] lại không được mọi người hoan hỷ. Hay là ta sẽ không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa?" Bạch Ngài, con đây đã không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa.

14. Bạch Ngài, sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, trước đây, chính vị Tỳ-khưu thường trú này đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng ta] và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Bây giờ, vị này đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này các Đại đức, giờ đây vị Tỳ-khưu thường trú này đã trở nên hư hỏng. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy phạt án treo vị Tỳ-khưu thường trú."

15. Bạch Ngài, sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã tụ họp lại và đã nói với con điều này: "Này Đại đức, trước đây, Đại đức đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng tôi] và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Bây giờ, Đại đức đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội. Đại đức có nhận thấy tội ấy không?" "Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy."

16. Bạch Ngài, khi ấy, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến con. Bạch Ngài, con đây đã khởi ý điều này: "Thật sự ta không hiểu được sự việc này: Điều ấy là tội hay không phải tội, ta có phạm tội hay không phạm, và ta đã bị án treo hay không bị án treo, đúng Pháp hay không đúng Pháp, có thể sửa đổi hay không thể sửa đổi, đáng được duy trì hay không đáng được duy trì? Hay là ta nên đi Campā và hỏi đức Thế Tôn về sự việc này?" Bạch Thế Tôn, con từ nơi đó đi đến.

17. – Này Tỳ-khưu, việc ấy là vô tội, việc ấy không phải là tội. Ngươi là không có tội, ngươi không có phạm tội. Ngươi là không bị án treo, ngươi không có bị án treo. Ngươi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này Tỳ-khưu, ngươi hãy đi và hãy sắp xếp việc định cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vāsabha.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi vị Tỳ-khưu Kassapagotta nghe theo đức Thế Tôn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi về làng Vāsabha.

18. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã khởi lên nỗi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: "Thật là bất lợi cho chúng ta, thật là không có lợi ích cho chúng ta, rồi chúng ta sẽ gặt quả xấu, rồi chúng ta sẽ không được quả tốt, là việc chúng ta đã phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy đi Campā và trình báo tội lỗi là tội lỗi, ở nơi đức Thế Tôn."

19. Sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát ra đi về hướng Campā. Theo tuần tự, các vị ấy đã đến Campā gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

20. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này các Tỳ-khưu, các ngươi từ đâu đi đến vậy?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con đi đường xa ít có mệt nhọc. Bạch Ngài, trong xứ sở Kāsi có ngôi làng tên là Vāsabha. Bạch Thế Tôn, chúng con từ nơi đó đi đến.

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạt án treo vị Tỳ-khưu thường trú có phải không?

– Bạch Thế Tôn, thưa phải.

– Này các Tỳ-khưu, dựa trên cơ sở gì vậy, dựa vào nguyên nhân gì vậy?

– Bạch Thế Tôn, không có cơ sở, không có nguyên nhân.

21. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Vì sao những kẻ rồ dại các ngươi lại phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội; vị nào phạt án treo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

22. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở các bàn chân của đức Thế Tôn, rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy chúng con, khiến chúng con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên chúng con đã phạt án

treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội. Bạch Ngài, đối với chúng con đây, xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi là tội lỗi hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

– Này các Tỳ-khưu, đúng như vậy. Tội lỗi đã chiếm ngự lấy các ngươi, khiến các ngươi như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên các ngươi đã phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội. Và này các Tỳ-khưu, chính từ việc đó, các ngươi đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, chúng ta ghi nhận điều ấy cho các ngươi. Này các Tỳ-khưu, chính điều này là sự tiến bộ trong Luật của bậc Thánh: "Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai."

23. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở Campā thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; chỉ một vị phạt án treo một vị, chỉ một vị phạt án treo hai vị, chỉ một vị phạt án treo một số vị, chỉ một vị phạt án treo hội chúng; chỉ hai vị phạt án treo một vị, chỉ hai vị phạt án treo hai vị, chỉ hai vị phạt án treo một số vị, chỉ hai vị phạt án treo hội chúng; chỉ một số vị phạt án treo một vị, chỉ một số vị phạt án treo hai vị, chỉ một số vị phạt án treo một số vị, chỉ một số vị phạt án treo hội chúng; hội chúng cũng phạt án treo hội chúng.

24. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu ở Campā lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; chỉ một vị phạt án treo một vị, chỉ một vị phạt án treo hai vị, chỉ một vị phạt án treo một số vị, chỉ một vị phạt án treo hội chúng; chỉ hai vị phạt án treo một vị, chỉ hai vị phạt án treo hai vị, chỉ hai vị phạt án treo một số vị, chỉ hai vị phạt án treo hội chúng; chỉ một số vị phạt án treo một vị, chỉ một số vị phạt án treo hai vị, chỉ một số vị phạt án treo một số vị, chỉ một số vị phạt án treo hội chúng; hội chúng cũng phạt án treo hội chúng?"

25. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu ở Campā thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, ...(nt)... hội chúng cũng phạt án treo hội chúng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

26. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không

nên làm. Vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, ...(nt)... hội chúng cũng phạt án treo hội chúng?

27. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại và bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nếu là hành sự phe nhóm sai Pháp thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất sai Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Hội chúng cũng phạt án treo hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện.

28. Này các Tỳ-khưu, đây là bốn loại hành sự: Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp.

29. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự phe nhóm sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất sai Pháp, có bản chất phe nhóm, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được Ta cho phép.

30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự hợp nhất sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được Ta cho phép.

31. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự phe nhóm đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất phe nhóm, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được Ta cho phép.

32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự hợp nhất đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất đúng Pháp, có bản chất hợp nhất, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, hành sự như thế nên được thực hiện và hành sự như thế được Ta cho phép. Này các Tỳ-khưu, do đó ở đây, chúng ta sẽ thực hiện hành sự như thế, tức là "có sự hợp nhất đúng Pháp." Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập theo đúng như thế.

33. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố, thực hiện hành sự thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị, thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị và thiếu cả lời tuyên bố; thực hiện hành sự nghịch với Pháp, thực hiện hành sự nghịch với Luật, thực hiện hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo sư; thực hiện hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì.

34. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố, thực hiện hành sự thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị, thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị và thiếu luôn lời tuyên bố; thực hiện hành sự nghịch với Pháp, thực hiện hành sự nghịch với Luật, thực hiện hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo sư; thực hiện hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì?"

35. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, ...(nt)... thực hiện hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

36. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại và bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nếu là hành sự phe nhóm sai Pháp thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất sai Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là thiếu lời đề nghị

có lời tuyên bố thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là thiếu lời đề nghị và thiếu luôn lời tuyên bố thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với Luật không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo sư không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì thì không là hành sự và không nên thực hiện.

37. Này các Tỳ-khưu, đây là sáu loại hành sự: Hành sự sai Pháp, hành sự phe nhóm, hành sự hợp nhất, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp.

38. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự sai Pháp? Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với một lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

39. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với hai lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

40. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

41. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với hai tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

42. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với một lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

43. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với hai lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

44. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với ba lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

45. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với bốn lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

46. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

47. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với hai tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

48. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với ba tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

49. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với bốn tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự sai Pháp.

50. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự phe nhóm? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm.

51. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm.

52. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm.

53. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm.

54. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm.

55. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự phe nhóm.

56. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự hợp nhất? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất.

57. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị

cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự hợp nhất.

58. Này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy chưa đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

59. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

60. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

61. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn, hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy chưa đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

62. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

63. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn, hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

64. Này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn, hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp.

65. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp.

66. Này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự hợp nhất đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] xác định lời đề nghị trước và thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất đúng Pháp.

67. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ-khưu] xác định lời đề nghị trước và thực hiện hành sự với ba tuyên ngôn hành sự sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự hợp nhất đúng Pháp.

68. Có năm hội chúng: Hội chúng Tỳ-khưu với nhóm bốn vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm năm vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm mười vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm hai mươi vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm trên hai mươi vị.

69. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm bốn vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ ba hành sự: Tu lên bậc trên, lễ *Pavāraṇā* và sự giải tội.

70. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm năm vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ hai hành sự: Tu lên bậc trên ở các xứ sở ở trung tâm và sự giải tội.

71. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm mười vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ một hành sự là sự giải tội.

72. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm hai mươi vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự.

73. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm trên hai mươi vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự.

74. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm bốn vị có vị thứ tư là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm bốn vị có vị thứ tư là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... có vị thứ tư là Sa-di, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và

không nên thực hiện. Có vị thứ tư là Sa-di-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị đã xả bỏ sự học tập, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị phạm tội cực nặng, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ vô căn, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ đã đi theo ngoại đạo, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là loài thú, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ giết mẹ, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ giết cha, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ giết A-la-hán, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ chia rẽ hội chúng, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ làm chảy máu [đức Phật], mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ lưỡng căn, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị không đồng cộng trú, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư đứng ở ranh giới khác, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư đứng trên không trung nhờ vào thần thông, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Nếu hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ tư, thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm bốn vị.

*****

75. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm năm vị có vị thứ năm là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm năm vị có vị thứ năm là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... có vị thứ năm là Sa-di, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là Sa-di-ni, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị đã xả bỏ sự học tập, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị bị phạm tội cực nặng, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị bị án treo về

việc không sửa chữa lỗi, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ vô căn, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ đã đi theo ngoại đạo, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là loài thú, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ giết mẹ, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ giết cha, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ giết A-la-hán, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ chia rẽ hội chúng, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ làm chảy máu [đức Phật], mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ lưỡng căn, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị không đồng cộng trú, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm đứng ở ranh giới khác, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm đứng trên không trung nhờ vào thần thông, mà thực hiện hành sự ...(nt)... Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ năm, thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm năm vị.

*****

76. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm mười vị có vị thứ mười là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm mười vị có vị thứ mười là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ mười, thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm mười vị.

*****

77. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị có vị thứ hai mươi là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị có vị thứ hai mươi là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... có vị thứ hai mươi là Sa-di, mà thực hiện hành sự…(nt)... có vị thứ hai mươi là Sa-di-ni, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị đã xả bỏ sự học tập, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị bị phạm tội cực nặng, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ vô căn, mà thực hiện hành sự...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ trộm tướng

mạo [Tỳ-khưu], mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ đã đi theo ngoại đạo mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là loài thú mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ giết mẹ mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ giết cha, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ giết A-la-hán, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ chia rẽ hội chúng, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ làm chảy máu [đức Phật], mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ lưỡng căn, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị không đồng cộng trú, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi đứng ở ranh giới khác, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi đứng trên không trung nhờ vào thần thông, mà thực hiện hành sự ...(nt)... Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ hai mươi, thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm hai mươi vị.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị đang chịu hình phạt *Parivāsa* là vị thứ tư mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị thứ tư là vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị thứ tư là vị xứng đáng hình phạt *Mānatta* mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị thứ tư là vị đang chịu hình phạt *Mānatta* mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị thứ tư là vị xứng đáng sự giải tội mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

2. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của một hạng người có giá trị, của một hạng người không có giá trị. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người nào không có giá trị? Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa

hội chúng của vị Tỳ-khưu-ni không có giá trị. Này các Tỳ-khưu, của cô Ni tu tập sự ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của Sa-di ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của Sa-di-ni ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị đã xả bỏ sự học tập ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị phạm tội cực nặng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị điên ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị loạn trí ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị thọ khổ hành hạ ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ vô căn ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của loài thú ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ giết mẹ ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ giết cha ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ giết A-la-hán ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ lưỡng căn ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị không đồng cộng trú ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị đứng ở ranh giới khác ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị đứng trên không trung nhờ vào thần thông ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, vị nào mà hội chúng [đang] thực hiện hành sự cho, sự phản đối giữa hội chúng của vị ấy không có giá trị. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của những hạng người này không có giá trị.

3. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người nào có giá trị? Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng có giá trị là [sự phản đối] của vị Tỳ-khưu trong sạch, đồng cộng trú, đứng chung ranh giới, cho dù vị ấy chỉ báo cho vị Tỳ-khưu kế bên biết. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người này có giá trị.

4. Này các Tỳ-khưu, đây là hai trường hợp mời ra. Này các Tỳ-khưu, có người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra, một vị đã được mời ra đúng, một vị đã bị mời ra sai.

5. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra, thì [vị ấy] đã bị mời ra sai? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị trong sạch, không có phạm tội, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã bị mời ra sai. Này các Tỳ-khưu, vị này được gọi là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã bị mời ra sai.

6. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã được mời ra đúng? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã được mời ra đúng. Này các Tỳ-khưu, vị này được gọi là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã được mời ra đúng.

7. Này các Tỳ-khưu, đây là hai trường hợp nhận vào.[1] Này các Tỳ-khưu, có người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy, một vị đã được nhận vào đúng, một vị đã được nhận vào sai.

8. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào sai? Này các Tỳ-khưu, kẻ vô căn không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào sai. Này các Tỳ-khưu, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, loài thú ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ giết mẹ ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ giết cha ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ giết A-la-hán ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ lưỡng căn không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào sai. Này các Tỳ-khưu, các vị này được gọi là những người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào các vị ấy thì [các vị ấy] đã được nhận vào sai.

9. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào đúng? Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt cánh tay không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy, thì [vị ấy] đã được nhận vào đúng. Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt bàn chân ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt cánh tay và bàn chân ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị sứt tai ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị sứt mũi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị sứt tai và mũi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt ngón tay ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt móng tay ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt gân chân ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị có bàn tay dính liền giống cánh dơi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị gù lưng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị lùn tịt ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị có bướu cổ ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị hình phạt đóng dấu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị hình phạt đánh bằng roi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị cáo thị tầm nã ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị phù chân voi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị bệnh trầm trọng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bôi nhọ tập thể ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị chột mắt ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị tứ chi bị co rút ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị què ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị liệt nửa thân ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị đi khập khiễng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị già yếu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị mù ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị câm ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị điếc ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị mù và câm ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị mù và điếc ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị câm và điếc ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị mù câm và điếc không đáng để được sự nhận vào. Nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào đúng. Này các Tỳ-khưu, các vị này được gọi là những người

[1] Sự nhận vào (*osāraṇaṃ*): Đề cập đến việc nhận vào trong trường hợp cho tu lên bậc trên (*VinA*. V. 1147).

không đáng để được sự nhận vào. Nếu hội chúng nhận vào các vị ấy thì [các vị ấy] đã được nhận vào đúng.

Tụng phẩm làng Vāsabha là phần thứ nhất.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?" Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội] hay là về việc không sửa chữa [lỗi]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội] hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được sửa chữa, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến

ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa [lỗi] hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tội cần phải được sửa chữa, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội], hay là về việc không sửa chữa [lỗi], hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?" Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, đúng vậy, tôi có nhận thấy." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, đúng vậy, tôi sẽ sửa chữa." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, đúng vậy, tôi sẽ từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, đúng vậy, tôi có nhận thấy. Đúng vậy, tôi sẽ sửa chữa. Đúng vậy, tôi sẽ từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội], hay là về việc không sửa chữa [lỗi], hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?" Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội; [như vậy] là hành sự đúng Pháp.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; [như vậy] là hành sự đúng Pháp.

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; [như vậy] là hành sự đúng Pháp.

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội], hay là về việc không sửa chữa [lỗi], hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự đúng Pháp.

16. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

17. – Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, bạch Ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

– Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ...(nt)... thực hiện không có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành

sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, [...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên], bạch Ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

18. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ...(nt)... thực hiện không có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, [...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên], này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

19. – Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

– Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ...(nt)... thực hiện có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,

...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

20. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ...(nt)... thực hiện có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng.

21. – Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

– Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo, thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

22. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng, đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa*

đến vị xứng đáng hành sự án treo, thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

23. – Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

– Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

24. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành

sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng.

25. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

26. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng với cách hành xử

Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

27. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất [ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ] đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... đến vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... đến vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

28. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

Tụng phẩm về những câu hỏi của Upāli là thứ nhì.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

2. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện

hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

3. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

4. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

5. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

7. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

8. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

9. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

10. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

12. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

13. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

14. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

15. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

17. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

18. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

19. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

20. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

21. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

22. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

23. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

24. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực

hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

25. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

27. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên tương tợ phần dưới].

28. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

29. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi theo phe nhóm sai Pháp, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu mắng nhiếc, nói xấu các gia chủ. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này mắng nhiếc, nói xấu các gia chủ, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

31. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

33. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo, về việc không nhìn nhận tội đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo, về việc không nhìn nhận tội đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

34. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

35. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không muốn từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này không muốn từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

37. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

38. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

39. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

40. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

41. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

42. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

43. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

44. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

45. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

46. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

47. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

48. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

49. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

50. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

51. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

52. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

53. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng

thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

54. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

55. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

56. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

57. Nếu ở đó, các Tỳ-khưu bàn như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

58. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

59. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

60. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

61. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành

sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

63. Nếu ở đó, các Tỳ-khưu bàn như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

64. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

65. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

66. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

67. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

68. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy.

69. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

70. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi

hành sự chỉ dạy sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

71. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi.

72. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

73. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

74. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải.

75. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự hòa giải cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

76. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự hòa giải sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự hòa giải cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

77. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

78. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

79. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

80. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

81. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

82. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

83. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

84. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy

thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

85. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

86. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

87. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

88. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

89. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

90. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

91. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

92. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

93. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

94. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

95. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

96. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

97. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

98. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

99. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

100. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành

sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

101. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

102. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

103. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu mắng nhiếc, nói xấu các gia chủ. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này mắng nhiếc, nói xấu các gia chủ, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe

nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

104. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

105. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

106. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không muốn từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này không muốn từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

107. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

108. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

109. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

110. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

111. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ

ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

112. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

113. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng

Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

114. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

115. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

116. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

117. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

Dứt chương Campā là thứ chín.

*****

Trong chương này có ba mươi sáu sự kiện.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Đức Thế Tôn đã ngự ở xứ Campā, câu chuyện làng Vāsabha, vị đã thực hiện sự nỗ lực liên quan đến điều mong muốn của các vị vãng lai.

2. Sau khi biết rằng: "Các vị đã biết làm", từ đó đã không thể hiện sự nỗ lực. [Nghĩ rằng]: "Vị không làm bị treo tội", vị ấy đã đi đến gặp đấng Chiến Thắng.

3. Hành sự phe nhóm sai Pháp và hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

4. Hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, một vị treo tội mỗi một vị và một vị treo tội hai vị, [treo tội] một số vị, chỉ một vị treo tội cả hội chúng.

5. Hai vị cũng vậy, một số vị cũng thế và hội chúng treo tội hội chúng. Bậc Toàn Tri Cao Quý sau khi nghe được đã cấm đoán: "Là sai Pháp."

6. Về hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố và thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị.

7. Và thiếu cả hai phần, lại còn không thuộc về Pháp, không theo Luật, nghịch với bậc Đạo sư, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì.

8. [Hành sự] sai Pháp phe nhóm, có sự hợp nhất, hai có vẻ đúng Pháp và đức Như Lai cho phép về [hành sự] đúng Pháp có sự hợp nhất.

9. Nhóm bốn vị, nhóm năm vị, nhóm mười vị, hai mươi vị và nhóm hơn hai mươi vị, hội chúng có năm hình thức như thế.

10. Trừ ra sự tu lên bậc trên và hành sự *Pavāraṇā*, cùng với hành sự giải tội, là thuộc về hành sự với nhóm bốn vị.

11. Trừ đi hai hành sự là việc tu lên bậc trên ở các xứ trung tâm và sự giải tội, còn tất cả hành sự là thuộc về hành sự liên quan đến nhóm năm vị.

12. Trừ ra mỗi sự giải tội, là các Tỳ-khưu nào thuộc nhóm có mười vị. Hội chúng hai mươi vị là nhóm thực hiện tất cả các hành sự, có liên quan đến hành sự ở tất cả các nơi.

13. Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, vị đã xả bỏ [sự học tập], vị phạm tội cực nặng, vị bị án treo về việc không nhận thấy tội.

14. [Vị bị án treo] về việc không sửa chữa [lỗi], về tà kiến, kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], ngoại đạo, loài thú, kẻ giết mẹ và cha.

15. [Kẻ giết] A-la-hán, làm nhơ Tỳ-khưu-ni, chia rẽ, làm chảy máu [đức Phật], kẻ lưỡng căn, vị thuộc nhóm cộng trú khác, ở ranh giới khác, với thần thông.

16. Vị mà hội chúng thực hiện hành sự. Hai mươi bốn việc này là đã bị cấm đoán bởi đấng Toàn Giác bởi vì các việc này là không đầy đủ nhóm.

17. Hoặc là vị đang chịu hình phạt *Pārivāsa* là vị thứ tư mà ban cho hình phạt *Pārivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hình phạt *Mānatta*, sự giải tội, thì không phải là hành sự và không phải là việc làm.

18. Vị xứng đáng sự đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hình phạt *Mānatta*, và luôn cả vị xứng đáng sự giải tội, không thể là những vị thực hiện hành sự, năm hạng đã được bậc Toàn Giác giảng giải.

19. Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di và Sa-di-ni, vị đã xả bỏ [điều học], vị phạm tội cực nặng, vị bị điên, bị loạn trí, bị thọ khổ hành hạ, không nhìn nhận tội.

20. Vị không sửa chữa [lỗi], về tà kiến, kẻ vô căn, luôn cả kẻ lưỡng căn, vị thuộc nhóm cộng trú khác, về ranh giới, ở không trung và hành sự là của vị này.

21. Sự phản đối của mười tám hạng người này là không có giá trị, sự phản đối của vị Tỳ-khưu trong sạch là có giá trị.

22. Đối với vị trong sạch, là đã bị mời ra sai, còn vị ngu si là đã được mời ra đúng. Kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], kẻ đi theo ngoại đạo, thú vật.

23. Kẻ giết mẹ, cha, A-la-hán, kẻ làm ô uế, chia rẽ hội chúng, luôn cả kẻ làm chảy máu [đức Phật] và kẻ nào là lưỡng căn.

24. Mười một hạng người này không đáng sự nhận vào. [Kẻ có] cánh tay, bàn chân, hoặc cả hai, lỗ tai, lỗ mũi, hoặc cả hai [bị đứt].

25. Kẻ có ngón tay, móng và gân, tay liền ngón, gù lưng và lùn tịt, có bướu cổ, bị đóng dấu, roi vọt, kẻ bị cáo thị tầm nã và kẻ có chân bị phù.

26. Kẻ có bệnh trầm trọng, bôi nhọ tập thể, bị chột mắt và tứ chi bị co rút, bị què, bị liệt nửa thân, đi khập khiễng, già yếu, bị mù, câm và điếc.

27. Bị mù và câm, bị mù và điếc, luôn cả bị câm và điếc, bị mù câm và điếc, các trường hợp này là ba mươi hai không thiếu sót.

28. Việc nhận vào của các vị ấy đã được đấng Toàn Giác giảng giải. [Tội] cần phải nhìn nhận, cần phải sửa đổi, [tà kiến] cần phải từ bỏ không tìm thấy.

29. Các hành sự án treo dành cho vị ấy có bảy trường hợp là sai Pháp. Đã vi phạm, rồi chấp nhận, cũng có bảy trường hợp sai Pháp.

30. Đã vi phạm, không chấp nhận, có bảy hành sự hoàn toàn đúng Pháp. Có sự hiện diện, có sự tra hỏi, với sự thú nhận là các nguyên nhân.

31. Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, khi không điên cuồng, theo tội, khiển trách và chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo và hình phạt *Parivāsa*.

32. Việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hình phạt *Mānatta*, sự giải tội, sự tu lên bậc trên là tương tợ như thế ấy, việc khác lại thực hiện cho tội khác, mười sáu trường hợp này là sai Pháp.

33. Việc ấy thì hành xử việc ấy, việc ấy cho vị ấy, mười sáu trường hợp này là hoàn toàn đúng Pháp. Nếu thay đổi lại từng điều một thì mười sáu trường hợp này là sai Pháp.

34. Theo nguồn gốc ấy từng đôi từng đôi [áp dụng] cho vị ấy, thì chúng cũng là mười sáu trường hợp đúng Pháp. Về sự luân phiên theo từng nguồn gốc một, đấng Chiến Thắng đã nói: "Là sai Pháp."

35. Hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách cho vị gây nên các sự xung đột, là hành sự phe nhóm sai Pháp nên vị ấy đã đi đến trú xứ khác.

36. Tại đó, họ đã thực hiện [hành sự] khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất đến vị ấy. Ở một nơi khác, họ đã thực hiện [hành sự] khiển trách theo phe nhóm đúng Pháp đến vị ấy.

37. Tương tợ, họ đã thực hiện [hành sự] có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm rồi có sự hợp nhất, sai Pháp có sự hợp nhất và đúng Pháp theo phe nhóm nữa.

38. Và có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm và luôn cả các trường hợp này có sự hợp nhất. Sau khi thực hiện theo từng nguồn gốc một, vị có sự khéo léo có thể buộc thành sự luân phiên.

39. Sự chỉ dạy là dành cho vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, về [hành sự] xua đuổi đối với vị làm hư hỏng các gia đình và thực hiện hành sự hòa giải đến vị mắng nhiếc.

40. Về vị không nhìn nhận [tội] và không sửa chữa [lỗi], và vị nào không từ bỏ tà kiến, hành sự án treo của các vị ấy đã được giảng giải bởi vị Hướng Dẫn Đoàn Xe.

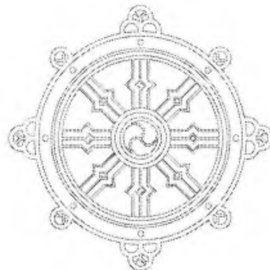
41. Các câu hỏi về các hành sự hướng dẫn ở phần trên nên áp dụng vào hành sự khiển trách. Đối với chính những điều ấy, vị làm bổn phận nghiêm chỉnh đúng đắn, đã thỉnh cầu.

42. Sự thu hồi đối với các hành sự ấy và với phần hướng dẫn hành sự ở dưới, về các hành sự ở nơi này ở nơi kia và [hội chúng] ngụ ở nơi đó tranh cãi.

43. Chưa được làm và luôn cả đã được làm sai, cần phải được làm lại và cũng trong việc thu hồi hành sự, các Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

44. Sau khi nhìn thấy sự hư hỏng, sự khiếm khuyết, [và] sự thành tựu hành sự, bậc Đại Hiền Sĩ đã nói về sự thu hồi, ví như nhà phẫu thuật chỉ dạy về phương thuốc trị bệnh.

--ooOoo--



X. CHƯƠNG KOSAMBĪ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là có tội, còn các vị Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là vô tội.

2. Vị ấy, vào một lúc khác, có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các vị Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

3. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?

– Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.

4. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy sau khi đạt được sự hợp nhất đã phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy về việc không nhìn nhận tội.

5. Và vị Tỳ-khưu ấy là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập.

6. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết và đã nói điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi." Rồi vị Tỳ-khưu ấy đã có được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết về cùng phe.

7. Vị ấy cũng đã phái sứ giả đến gặp các vị Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết thuộc các xứ sở [nói rằng]: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi." Rồi vị Tỳ-khưu ấy đã có được các vị Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết trong xứ sở về cùng phe.

8. Sau đó, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ban án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Vị Tỳ-khưu ấy không phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy không bị án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là bị án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì."

9. Khi được nói như thế, các Tỳ-khưu ban án treo đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khưu ấy là phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là không bị án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Đại đức, các vị chớ có ủng hộ, chớ có theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo ấy."

10. Trong khi được các Tỳ-khưu ban án treo nói như thế, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy cũng đã ủng hộ và đã theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo ấy y như thế.

11. Sau đó, có vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trường hợp có vị Tỳ-khưu nọ đã phạm tội. Vị ấy đã có quan điểm về tội ấy là có tội, còn các vị Tỳ-khưu khác đã có quan điểm về tội ấy là vô tội.

12. Vị ấy, vào một lúc khác đã có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các vị Tỳ-khưu khác đã có quan điểm về tội ấy là có tội.

13. Bạch Ngài, khi ấy các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?" "Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy."

14. Bạch Ngài, sau đó các vị Tỳ-khưu ấy đã đạt được sự hợp nhất và đã phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy về việc không nhìn nhận tội.

15. Và bạch Ngài, vị Tỳ-khưu ấy là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập.

16. Bạch Ngài, khi ấy vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết và đã nói điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi."

17. Bạch Ngài, rồi vị Tỳ-khưu ấy đã có được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết về cùng phe.

18. Vị ấy cũng đã phái sứ giả đến gặp trực tiếp các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết thuộc các xứ sở [nói rằng]: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi."

19. Bạch Ngài, rồi vị Tỳ-khưu ấy đã có được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết trong xứ sở về cùng phe.

20. Bạch Ngài, sau đó các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ban án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Vị Tỳ-khưu ấy không phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy không bị án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là bị án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì."

21. Bạch Ngài, khi được nói như thế, các Tỳ-khưu ban án treo đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khưu ấy là phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là không bị án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Đại đức, chớ có ủng hộ, chớ có theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo ấy."

22. Bạch Ngài, trong khi được các Tỳ-khưu ban án treo nói như thế, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy cũng đã ủng hộ và đã theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo y như thế.

23. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Hội chúng Tỳ-khưu đã bị chia rẽ! Hội chúng Tỳ-khưu đã bị chia rẽ!" rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến gặp các vị Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

24. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ban án treo điều này:

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi chớ có nghĩ rằng trong trường hợp [lập luận rằng]: "Là rõ ràng đối với chúng ta! Là rõ ràng đối với chúng ta!" thì có thể ban án treo đến vị Tỳ-khưu.

25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

26. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy nghĩ về vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Vị Đại đức này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta phạt án treo vị Tỳ-khưu này về việc không nhìn nhận tội, chúng ta sẽ không hành lễ *Uposatha* với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ hành lễ *Uposatha* không có vị Tỳ-khưu này; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng."

27. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu quan tâm về sự chia rẽ không nên phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khưu ấy.

28. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội, vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

29. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy nghĩ về vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Vị Đại đức này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta sẽ phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không hành lễ *Pavāraṇā* với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ hành lễ *Pavāraṇā* không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không làm hành sự của hội chúng với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ làm hành sự của hội chúng không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không ngồi chung chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ ngồi ở chỗ ngồi không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không ngồi ăn cháo với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ ngồi ăn cháo không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không ngồi trong nhà ăn với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ ngồi trong nhà ăn không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không trú trong một mái che với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ trú trong một mái che không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên không với vị Tỳ-khưu này; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng."

30. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu quan tâm về sự chia rẽ không nên phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khưu ấy.

31. Sau đó, khi đã giảng giải sự việc ấy cho các Tỳ-khưu ban án treo, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

32. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo điều này:

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi sau khi phạm tội chớ có nghĩ là không cần phải sửa chữa lỗi [cho rằng]: "Chúng tôi không phạm! Chúng tôi không phạm!"

33. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội, vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

34. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu ấy nghĩ về các Tỳ-khưu kia như vầy: "Các vị Đại đức này là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập, không thể nào vì nguyên nhân là ta hay vì nguyên nhân là vị khác [mà các vị ấy] bị chi phối bởi sự ưa thích, bởi sự sân hận, bởi sự si mê, bởi sự sợ hãi. Nếu các vị Tỳ-khưu này phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến ta, các vị sẽ không hành lễ

Uposatha với ta, các vị sẽ hành lễ *Uposatha* không có ta; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng."

35. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu quan tâm về sự chia rẽ nên trình báo tội ấy vì niềm tin của các vị khác.

36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

37. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu ấy nghĩ về các Tỳ-khưu kia như vầy: "Các vị Đại đức này là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập, không thể nào vì nguyên nhân là ta hay vì nguyên nhân là vị khác mà [các vị ấy] bị chi phối bởi sự ưa thích, bởi sự sân hận, bởi sự si mê, bởi sự sợ hãi. Nếu các vị Tỳ-khưu này phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến ta, các vị sẽ không hành lễ *Pavāraṇā* với ta, các vị sẽ hành lễ *Pavāraṇā* không có ta, các vị sẽ không làm hành sự của hội chúng với ta, các vị sẽ làm hành sự của hội chúng không có ta, các vị sẽ không ngồi chung chỗ ngồi với ta, các vị sẽ ngồi ở chỗ ngồi không có ta, các vị sẽ không ngồi ăn cháo với ta, các vị sẽ ngồi ăn cháo không có ta, các vị sẽ không ngồi trong nhà ăn với ta, các vị sẽ ngồi trong nhà ăn không có ta, các vị sẽ không trú trong một mái che với ta, các vị sẽ trú trong một mái che không có ta, các vị sẽ không thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên với ta, các vị sẽ thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên không có ta; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng."

38. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu quan tâm về sự chia rẽ nên trình báo tội ấy vì niềm tin của các vị khác.

39. Sau đó, khi đã giảng giải sự việc ấy cho các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo đã tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới.

41. Còn các Tỳ-khưu ban án treo đi ra khỏi ranh giới rồi mới tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng.

42. Sau đó, có vị Tỳ-khưu nọ là vị ban án treo đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới. Bạch Ngài, còn

chúng con là các Tỳ-khưu ban án treo thì đi ra khỏi ranh giới rồi mới tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng.

43. – Này Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới, các hành sự ấy của các vị ấy sẽ là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì theo như lời đề nghị và các lời tuyên bố đã được ta quy định. Này Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ban án treo các ngươi tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới, các hành sự ấy của các ngươi sẽ là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì theo như lời đề nghị và các lời tuyên bố đã được ta quy định. Nguyên nhân của việc ấy là gì? Các vị Tỳ-khưu ấy là không đồng cộng trú với các ngươi và các ngươi là không đồng cộng trú với các vị ấy.

44. Này Tỳ-khưu, có hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội], hoặc về việc không sửa chữa [lỗi], hoặc về việc không từ bỏ [tà kiến ác]. Này Tỳ-khưu, đây là hai nền tảng của việc không đồng cộng trú.

45. Này Tỳ-khưu, có hai nền tảng của việc đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phục hồi cho vị đã bị án treo về việc không nhìn nhận [tội], hoặc về việc không sửa chữa [lỗi], hoặc về việc không từ bỏ [tà kiến ác]. Này Tỳ-khưu, đây là hai nền tảng của việc đồng cộng trú.

46. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà, rồi thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, rồi thực hiện sự va chạm bằng tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà, lại thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, lại thực hiện sự va chạm bằng tay nữa?"

Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà lại thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, lại thực hiện sự va chạm bằng tay nữa?"

47. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)..., có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, khi hội chúng bị chia rẽ, trong khi hành xử sai Pháp đưa đến việc không hài hòa thì nên ngồi xuống chỗ ngồi [nghĩ rằng]: "Dầu gì đi

nữa, chúng ta sẽ không thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp với nhau, chúng ta sẽ không thực hiện sự va chạm bằng tay." Này các Tỳ-khưu, khi hội chúng bị chia rẽ, trong khi hành xử đúng Pháp đưa đến việc hài hòa, thì nên ngồi xuống chỗ ngồi kế cận nhau.

48. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận ở giữa hội chúng, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Các vị ấy không thể giải quyết được sự tranh tụng ấy. Khi ấy, có vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, ở đây, các Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận ở giữa hội chúng, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Các vị ấy không thể giải quyết được sự tranh tụng ấy. Bạch Ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn vì lòng thương xót hãy đi đến gặp các Tỳ-khưu ấy.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

49. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, thôi đủ rồi. Chớ có [gây ra] sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận nữa.

Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ là vị nói sai Pháp đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận, bằng sự tranh luận này.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, thôi đủ rồi. Chớ có [gây ra] sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận nữa.

Đến lần thứ nhì, vị Tỳ-khưu là vị nói sai Pháp ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận, bằng sự tranh luận này.

50. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trong thời quá khứ, ở thành Bārāṇasī, đức vua của xứ Kāsi tên Brahmadatta là giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, có binh lực vĩ đại, nhiều xe cộ, lãnh thổ rộng lớn, có các kho hàng và vựa lúa đầy ắp.

51. Còn đức vua xứ Kosala tên Dīghīti thì nghèo, có ít tài sản, ít của cải, có binh lực kém, ít xe cộ, lãnh thổ bé, có các kho hàng và vựa lúa không đầy.

52. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dàn trận đội quân gồm bốn loại binh chủng và nghênh chiến với đức Vua Dīghīti xứ Kosala.

53. Này các Tỳ-khưu, đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nghe rằng: "Nghe nói đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dàn trận đội quân gồm bốn loại binh chủng và nghênh chiến với ta."

54. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi là giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, có binh lực vĩ đại, nhiều xe cộ, lãnh thổ rộng lớn, có các kho hàng và vựa lúa đầy ắp. Còn ta thì nghèo, có ít tài sản, ít của cải, có binh lực kém, ít xe cộ, lãnh thổ bé, có các kho hàng và vựa lúa không đầy. Ta không có khả năng để chịu đựng chỉ một cuộc tấn công của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, hay là ta nên tẩu thoát khỏi thành phố trước?"

55. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã đem theo hoàng hậu và tẩu thoát khỏi thành phố trước.

56. Này các Tỳ-khưu, sau đó, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã chiến thắng và đã làm chủ binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của đức Vua Dīghīti xứ Kosala.

57. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ đã ra đi về phía thành Bārāṇasī, theo tuần tự đã đến được thành Bārāṇasī. Này các Tỳ-khưu, tại đó ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārāṇasī, đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ ngụ trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ.

58. Này các Tỳ-khưu, sau đó chẳng bao lâu, hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã mang thai. Nàng khởi lên niềm khao khát có hình thức như vầy: Nàng mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm.

59. Này các Tỳ-khưu, khi ấy hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nói với đức Vua Dīghīti xứ Kosala điều này: "Tâu Bệ hạ, thiếp đang mang thai. Thiếp đây khởi lên niềm khao khát có hình thức như vầy: Thiếp mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm." "Này ái hậu, trong lúc chúng ta đang lâm cảnh khốn cùng thì lấy đâu ra đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và nước rửa đao kiếm." "Tâu Bệ hạ, nếu không đạt được thì thiếp sẽ chết mất."

60. Này các Tỳ-khưu, vào lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi là bạn của đức Vua Dīghīti xứ Kosala.

61. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã đi đến gặp vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Này bạn, người bạn gái của bạn đang mang thai. Nàng khởi lên niềm khao khát có hình thức như vầy: Nàng mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm." "Tâu Bệ hạ, như thế thì chúng ta hãy gặp hoàng hậu."

62. Này các Tỳ-khưu, khi ấy hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã đi đến gặp vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi. Này các Tỳ-khưu, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nhìn thấy hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay cúi chào hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala và đã ba lần thốt lên lời cảm hứng rằng: "Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Tâu Hoàng hậu, xin chớ lo âu, vào lúc mặt trời mọc Hoàng hậu sẽ được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm."

63. Này các Tỳ-khưu, sau đó vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã đi đến gặp đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, theo như các điềm báo hiệu cho thấy: Ngày mai, vào lúc mặt trời mọc, đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, hãy đứng ở trên đất bằng và các đao kiếm hãy được rửa."

64. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: "Này các khanh, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự đã nói như thế nào thì các khanh hãy làm theo như thế ấy."

65. Này các Tỳ-khưu, rồi vào lúc mặt trời mọc, hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm.

66. Này các Tỳ-khưu, sau đó khi bào thai ấy đã được phát triển đầy đủ, hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã sanh ra người con trai. Họ đã đặt tên cho đứa bé là Dīghāvu. Này các Tỳ-khưu, sau đó chẳng bao lâu, Hoàng tử Dīghāvu đã đạt được sự hiểu biết.

67. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Nếu người này biết được chúng ta thì sẽ ra lệnh giết chết luôn cả ba. Hay là ta nên cho Hoàng tử Dīghāvu sống ở bên ngoài thành phố?"

68. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã cho Hoàng tử Dīghāvu sống ở bên ngoài thành phố. Này các Tỳ-khưu, sau đó chẳng bao lâu, Hoàng tử Dīghāvu trong khi sống ở bên ngoài thành phố đã học được tất cả các tài nghệ.

69. Này các Tỳ-khưu, vào lúc bấy giờ, người thợ hớt tóc của đức Vua Dīghīti xứ Kosala sống [dưới quyền] của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi. Này các Tỳ-khưu, người thợ hớt tóc của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nhìn thấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đang sống ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārāṇasī, trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ; sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đang sống ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārāṇasī, trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ."

70. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: "Này các khanh, như thế thì hãy dẫn đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đến." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, rồi những người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dẫn đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đến.

71. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: "Này các khanh, như thế thì hãy trói chặt đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ bằng dây thừng chắc chắn, với cánh tay ở phía sau, cạo trọc đầu, rồi dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi, sau khi đưa đi ra bằng cổng thành phía Nam, hãy chặt thành bốn khúc tại phía Nam của thành phố, rồi quăng bỏ các phần ấy ở bốn hướng."

72. "Tâu Bệ hạ, xin vâng." Này các Tỳ-khưu, rồi những người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, đã trói chặt đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ bằng dây thừng chắc chắn, với cánh tay ở phía sau, cạo trọc đầu, rồi dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi.

73. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Mẹ và cha của ta được nhìn thấy đã lâu lắm rồi, hay là ta nên gặp mẹ và cha?"

74. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào thành Bārāṇasī và nhìn thấy mẹ và cha bị trói chặt cánh tay ở phía sau bằng dây thừng chắc chắn, bị cạo trọc đầu và đang bị dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp mẹ và cha.

75. Này các Tỳ-khưu, đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nhìn thấy Hoàng tử Dīghāvu từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với Hoàng tử Dīghāvu

điều này: "Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu."

76. Này các Tỳ-khưu, khi được nói như thế, những người ấy đã nói với đức Vua Dīghīti xứ Kosala điều này: "Đức Vua Dīghīti xứ Kosala này là người điên nên nói nhảm. Ai là Dīghāvu của ông ta? Ông ta đã nói với ai như vậy: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu'?" "Này các khanh, ta không là người điên. Ta không nói nhảm. Hơn nữa, người nào thông thái thì người ấy sẽ hiểu rõ."

77. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ nhì ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ ba, những người ấy đã nói với đức Vua Dīghīti xứ Kosala điều này: "Đức Vua Dīghīti xứ Kosala này là người điên nên nói nhảm. Ai là Dīghāvu của ông ta? Ông ta đã nói với ai như vậy: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu'?" "Này các khanh, ta không là người điên. Ta không nói nhảm. Hơn nữa, người nào thông thái thì người ấy sẽ hiểu rõ."

78. Này các Tỳ-khưu, sau đó những người ấy khi đã dẫn đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi rồi đã đưa đi ra bằng cổng thành phía Nam, chặt thành bốn khúc tại phía Nam của thành phố, quăng bỏ các phần ấy ở bốn hướng, ổn định lại hàng ngũ, rồi đã bỏ đi.

79. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào thành Bārāṇasī đem lại rượu và cho các người lính gác uống. Đến khi những người lính đã bị say và té xuống thì Hoàng tử Dīghāvu đã tự mình gom góp các thanh củi, thực hiện giàn hỏa táng, rồi đặt thi thể của mẹ và cha lên giàn hỏa táng, châm lửa, chắp tay lên và hướng vai phải nhiễu quanh giàn hỏa thiêu ba vòng.

80. Này các Tỳ-khưu, vào lúc bấy giờ, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đi đến nơi sân thượng ở phần trên tòa lâu đài. Này các Tỳ-khưu, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nhìn thấy Hoàng tử Dīghāvu chắp tay lên và đang hướng vai phải nhiễu quanh giàn hỏa thiêu ba vòng, sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn rằng người đàn ông này là thân quyến hoặc là có cùng huyết thống với đức Vua Dīghīti xứ Kosala. Hừ, chẳng có ích lợi gì cho ta. Bởi vì chẳng có người nào sẽ nói cho ta hay!"

81. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào rừng và than van khóc lóc cho đến nguôi ngoai, rồi đã lau khô nước mắt, trở vào thành Bārāṇasī, đi đến chuồng voi ở cạnh hoàng cung và đã nói với người thầy huấn luyện voi điều này: "Thưa thầy, tôi muốn học nghề." "Này chàng trai trẻ mến, như thế thì ngươi cứ việc học."

82. Này các Tỳ-khưu, sau đó Hoàng tử Dīghāvu, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi.

83. Này các Tỳ-khưu, rồi đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã nghe tiếng ca hát với giọng du dương và tiếng đánh đàn ở nơi chuồng voi nên đã hỏi mọi người rằng: "Này các khanh, người nào sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi?"

84. "Tâu Bệ hạ, chàng trai trẻ học trò của người thầy huấn luyện voi kia, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi." "Này các khanh, như thế thì hãy dẫn chàng trai trẻ ấy đến." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, rồi các người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã đưa Hoàng tử Dīghāvu lại.

85. "Này khanh, chàng trai trẻ, có phải khanh sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi?" "Tâu Bệ hạ, thưa phải." "Này khanh, chàng trai trẻ, như thế thì khanh hãy ca hát với giọng du dương và hãy đánh đàn đi." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi và có ý định làm [đức vua] hài lòng nên đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn. "Này khanh chàng trai trẻ, khanh hãy hầu hạ ta." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, Hoàng tử Dīghāvu đã đáp lời đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi.

86. Này các Tỳ-khưu, sau đó Hoàng tử Dīghāvu đã trở thành người thức dậy trước và đi ngủ sau, là người sẵn sàng làm mọi việc, có hành động chiều chuộng, có nói lời êm dịu đối với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi.

87. Này các Tỳ-khưu, sau đó chẳng bao lâu, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã bổ nhiệm Hoàng tử Dīghāvu vào vai trò cận thần thân thiết.

88. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này khanh, chàng trai trẻ, như vậy thì khanh hãy thắng [ngựa] vào xe, chúng ta sẽ đi săn thú." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã thắng [ngựa] vào xe rồi đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, xe đã được thắng [ngựa] vào, xin Bệ hạ hãy suy nghĩ bây giờ là thời điểm của việc gì."

89. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã bước lên xe. Hoàng tử Dīghāvu đã điều khiển xe và đã điều khiển xe như thế nào đó để đội quân lính đã đi theo hướng khác, còn chiếc xe theo hướng khác.

90. Này các Tỳ-khưu, sau đó, khi đã đi xa, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này khanh, chàng trai trẻ, hãy dừng xe lại. Trẫm đã mệt và sẽ nằm xuống."

91. "Tâu Bệ hạ, xin vâng." Này các Tỳ-khưu, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, đã dừng xe lại và ngồi xuống với thế kiết-già ở trên mặt đất.

92. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã kê đầu lên bắp vế của Hoàng tử Dīghāvu và nằm xuống. Đức vua đang mệt mỏi nên chỉ trong chốc lát đã rơi vào giấc ngủ.

93. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Mẹ và cha của ta đã bị người này giết. Đây quả là thời điểm của việc này là việc ta có thể thanh toán mối thù hận" rồi đã rút gươm ra khỏi vỏ.

94. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Vào lúc chết, cha của ta đã nói với ta rằng: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.' Đối với ta, việc này không thích đáng là việc ta có thể làm trái lời dạy của cha" nên đã tra gươm vào vỏ.

95. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ nhì ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ ba, Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Mẹ và cha của ta đã bị người này giết. Đây quả là thời điểm để ta có thể thanh toán mối thù hận" rồi đã rút gươm ra khỏi vỏ. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ ba, Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Vào lúc chết, cha của ta đã nói với ta rằng: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.' Đối với ta, việc này không thích đáng là việc ta có thể làm trái lời dạy của cha" nên lại tra gươm vào vỏ.

96. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác, đã tức thời chồm dậy.

97. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, vì sao Bệ hạ lại trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác và tức thời chồm dậy?" "Này khanh, chàng trai trẻ, ở đây, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala là Hoàng tử Dīghāvu đã dùng gươm tấn công ta trong giấc ngủ mơ. Vì thế trẫm trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác và đã tức thời chồm dậy."

98. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã dùng bàn tay trái mân mê đầu của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi và dùng bàn tay phải rút gươm ra rồi nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, thần chính là Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala. Bệ hạ là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng tôi. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng tôi đã bị Bệ hạ chiếm đoạt. Mẹ và cha của tôi đã bị Bệ hạ giết. Đây quả là thời điểm của việc này là việc thần có thể thanh toán mối thù hận."

99. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã quỳ mọp xuống để đầu ở hai bàn chân của Hoàng tử Dīghāvu và đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này Dīghāvu yêu quý, hãy ban cho trẫm mạng sống. Này Dīghāvu yêu quý, hãy ban cho trẫm mạng sống." "Sao thần lại có khả năng để ban cho Bệ hạ mạng sống được. Chính Bệ hạ mới có thể ban cho thần mạng sống?" "Này Dīghāvu yêu quý, như thế thì khanh hãy ban cho trẫm mạng sống và trẫm sẽ ban mạng sống cho khanh."

100. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi và Hoàng tử Dīghāvu đã ban mạng sống cho nhau. Họ đã nắm lấy bàn tay và đã thực hiện lời thề không phản bội nhau.

101. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này Dīghāvu yêu quý, như thế thì khanh hãy thắng [ngựa] vào xe, chúng ta sẽ đi." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, đã thắng [ngựa] vào xe rồi đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, xe đã được thắng [ngựa] vào, xin Bệ hạ hãy suy nghĩ bây giờ là thời điểm của việc gì."

102. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã bước lên xe và Hoàng tử Dīghāvu đã điều khiển xe, và đã điều khiển xe theo như thế nào đó để chẳng bao lâu sau, gặp lại đội quân lính.

103. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã đi vào thành Bārāṇasī, cho triệu tập các viên quan đại thần cố vấn lại và đã nói điều này: "Này các khanh, nếu các khanh có thể nhìn thấy Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala thì các khanh nên làm gì người ấy?"

104. Một số vị quan đã nói như vầy: "Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai tay. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai chân. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai tay và hai chân. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo hai tai. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo lỗ mũi. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo hai tai và lỗ mũi. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt đầu."

105. "Này các khanh, đây chính là Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala. Không được làm bất cứ điều gì đến người này. Người này đã ban cho trẫm mạng sống và trẫm đã ban mạng sống cho người này."

106. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này Dīghāvu yêu quý, điều mà cha của khanh vào lúc chết đã nói rằng: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu', cha của khanh đã ám chỉ điều gì vậy?"

107. "Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có xa' [ý là] 'Chớ có gây thù hận lâu dài.' Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có xa.' Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có gần' [ý là] 'Chớ có mau chóng gây đổ vỡ với bạn bè.' Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có gần.' Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu' [ý là] 'Mẹ và cha của thần đã bị Bệ hạ giết.' Như thế, nếu thần có thể tước đoạt mạng sống của Bệ hạ thì những người mong mỏi sự lợi ích cho Bệ hạ có thể tước đoạt mạng sống của thần, rồi những người mong mỏi sự lợi ích cho thần, có thể tước đoạt mạng sống của những người ấy; như vậy thù hận ấy không thể giải quyết bằng thù hận. Giờ đây, Bệ hạ đã ban mạng sống cho thần và thần đã ban mạng sống cho Bệ hạ; như vậy thù hận ấy đã được giải quyết bằng sự không thù hận. Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.'"

108. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã khởi ý điều này: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Hoàng tử Dīghāvu này thật sáng trí bởi vì hiểu được ý nghĩa một cách chi tiết của điều đã được người cha nói ra một cách vắn tắt" rồi đã trả lại binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng, vựa lúa của người cha và còn ban cho người con gái [của mình] nữa.

109. Này các Tỳ-khưu, ngay chính những người ấy là các vị vua đã cầm lấy gậy, đã cầm lấy gươm mà còn có sự kham nhẫn và khoan dung như thế ấy. Này các Tỳ-khưu, ở đây, các ngươi hãy làm rạng rỡ việc các ngươi đang được xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy, các ngươi hãy nên bày tỏ sự kham nhẫn và lòng khoan dung.

110. Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, thôi đủ rồi. Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự lý luận, chớ có sự tranh luận nữa.

111. Đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu là vị nói sai Pháp ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện

tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận và bằng sự tranh luận này.

112. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Những kẻ rồ dại này đã tới mức tận cùng, những kẻ này không dễ gì mà nhắc nhở" rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Tụng phẩm Dīghāvu là phần thứ nhất.

*****

1. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Kosambī để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Kosambī, trên đường khất thực trở về sau bữa ăn, đức Thế Tôn đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, rồi chỉ đứng giữa hội chúng nói lên những lời kệ này:

2. "Trong đám người ồn ào náo nhiệt, không kẻ nào nghĩ là mình ngu. Hơn thế nữa, trong khi hội chúng đang bị chia rẽ, không người nào khác đã biết đến.

3. Lời nói của bậc Trí đã bị hoàn toàn quên hẳn, chúng nói đủ mọi thứ chuyện. Có miệng há rộng theo như chúng muốn, chúng bị [sự náo động] lôi kéo đi mà chẳng biết.

4. Nó đã sỉ nhục tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những ai ấp ủ điều ấy, sự thù hận của những người ấy không được lặng yên.

5. Nó đã sỉ nhục tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những ai không ấp ủ điều ấy, sự thù hận ở những người ấy được lặng yên.

6. Ở thế gian này, các sự thù hận không bao giờ được lặng yên bởi sự hận thù và chúng được lặng yên bởi sự không thù hận; điều này là quy luật cổ xưa.

7. Và những người khác không nhận thức được, ở đây chúng ta nên tự kiềm chế. Và những người nào nhận thức được điều ấy, từ đó mà các sự tranh chấp được lặng yên.

8. Đối với những kẻ đang xâm chiếm lãnh thổ là những kẻ đã chặt đứt xương [thịt], đã đoạt mạng sống, đã cướp bóc ngựa, bò, tài sản, mà còn có sự hòa hợp đối với chúng, vì sao các người lại không thể có được?

9. Nếu có thể đạt được người bạn khôn ngoan là bậc trí tuệ sống tốt lành làm người đồng hành thì sau khi vượt qua mọi hiểm nạn, có thể đi với người ấy [một cách] hoan hỷ có niệm.

10. Nếu không thể có được người bạn khôn ngoan là bậc trí tuệ sống tốt lành làm người đồng hành thì giống như vị vua từ bỏ quốc độ đã chinh phục, hãy nên sống một mình như là voi Mātaṅga [sống] ở trong rừng.

11. Sống một mình là tốt hơn, không có tình bằng hữu ở kẻ ngu. Một mình hãy sống và không nên làm các điều ác, ít ham muốn như là voi Mātaṅga [sống] ở trong rừng."

12. Khi ấy, đức Thế Tôn chỉ đứng giữa hội chúng đã nói lên những lời kệ này rồi đi đến ngôi làng Bālakaloṇakāra.

13. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Bhagu đang trú tại ngôi làng Bālakaloṇakāra.

14. Đại đức Bhagu đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp đặt chỗ ngồi, đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đã đi ra đón và tiếp rước y bát. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn, sau khi ngồi xuống đã rửa hai bàn chân.

15. Đại đức Bhagu đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Bhagu đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Bhagu điều này:

– Này Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có tốt đẹp không? Việc đi khất thực có khỏi bị khó nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, việc đi khất thực không có bị khó nhọc.

16. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Đại đức Bhagu bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến khu vườn cây Pācīnavaṃsa.

17. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila trú tại khu vườn cây Pācīnavaṃsa.

18. Người giữ vườn đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này ông Sa-môn, chớ có đi vào khu vườn cây này. Ở đây, có ba người con trai gia đình danh giá và có tính tự trọng trú ngụ. Chớ có gây phiền nhiễu đến họ.

19. Đại đức Anuruddha đã nghe được người giữ vườn đang căn dặn đức Thế Tôn, sau khi nghe được đã nói với người giữ vườn điều này:

– Này đạo hữu giữ vườn, chớ ngăn cản đức Thế Tôn. Bậc Đạo sư của chúng tôi là đức Thế Tôn đã đến.

20. Sau đó, Đại đức Anuruddha đã đi đến gặp Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila, sau khi đến đã nói với Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila điều này:

– Các Đại đức hãy đi ra. Các Đại đức hãy đi ra. Bậc Đạo sư của chúng ta là đức Thế Tôn đã đến.

21. Khi ấy, Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila đã đi ra đón đức Thế Tôn, một vị đã nhận lấy y và bình bát của đức Thế Tôn, một vị đã sắp xếp chỗ ngồi, một vị đã mang lại nước rửa chân, ghế kê chân và tấm chà chân. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn, sau khi ngồi xuống đã rửa hai bàn chân.

22. Rồi các vị Đại đức ấy đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đã ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Anuruddha đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Anuruddha điều này:

– Này các vị Anuruddha, các ngươi sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Việc đi khất thực có khỏi bị khó nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, việc đi khất thực không có bị khó nhọc.

– Này các vị Anuruddha, các ngươi sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, có được trạng thái như sữa với nước, có nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến không?

– Bạch Thế Tôn, chắc chắn là vậy! Chúng con sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến.

– Này các vị Anuruddha, các ngươi sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến là như thế nào?

23. – Bạch Ngài, ở đây, con khởi ý như vầy: "Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta khi ta sống với các vị đồng Phạm hạnh như thế này!" Bạch Ngài, đối với các Đại đức này, sự thân thiện của con đây qua thân nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, sự thân thiện qua khẩu nghiệp, ...(nt)... sự thân thiện qua ý nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, và bạch Ngài, con đây đã khởi ý như vầy: "Hay là ta nên buông rơi tâm của ta và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này?" Bạch Ngài, rồi con đây đã buông rơi tâm con và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này. Bạch Ngài, chúng con tuy có các thân khác nhau nhưng con nghĩ rằng chỉ có một tâm.

24. Rồi Đại đức Nandiya ...(nt)... Rồi Đại đức Kimbila cũng đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, ở đây, con cũng khởi ý như vầy: "Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta khi ta sống với các vị đồng Phạm hạnh như thế này!" Bạch Ngài, đối với các Đại đức này, sự thân thiện của con đây qua thân nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, sự thân thiện qua khẩu nghiệp, ...(nt)... sự thân thiện qua ý nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, và bạch Ngài, con đây đã khởi ý như vầy: "Hay là ta nên buông rơi tâm của ta và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này?" Bạch Ngài, rồi con đây đã buông rơi tâm con và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này. Bạch Ngài, chúng con tuy có các thân khác nhau nhưng con nghĩ rằng chỉ có một tâm. Bạch Ngài, chúng con sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến là như thế ấy.

25. – Này các vị Anuruddha, các ngươi sống có ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm hay không?

– Bạch Ngài, chắc chắn là vậy! Chúng con sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm.

26. – Này các vị Anuruddha, các ngươi sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm là như thế nào?

27. – Bạch Ngài, ở đây, vị nào trong chúng con đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực đã được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy đem [nước] lại. Nếu vị ấy không làm nổi, thì mời vị thứ hai lại với sự ra hiệu bằng tay và [chúng con] đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay. Bạch Ngài, nhưng không vì lý do đó mà chúng con nói ra lời. Bạch Ngài, cứ mỗi năm ngày, chúng con ngồi lại cho việc thảo luận giáo pháp trọn đêm. Bạch Ngài, chúng con sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm là như thế.

28. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi, du hành về phía Pārileyyaka. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Pārileyyaka. Tại nơi đó, ở Pārileyyaka đức Thế Tôn sống trong khu rừng cây được bảo vệ, dưới gốc cây Sāla xinh đẹp.

29. Khi ấy, đức Thế Tôn trong khi thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Trước đây, Ta đã sống không thoải mái, bị quấy rầy bởi các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy, là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Bây giờ, Ta đây sống thoải mái, thoải mái, một mình, không người thứ hai, thoát khỏi các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng."

30. Cũng có con long tượng nọ sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được nó bẻ gãy lượt này lượt khác. Và nó uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi nó vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân.

31. Khi ấy, con long tượng ấy đã khởi ý điều này: "Ta sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân. Hay là ta nên sống một mình, tách ra khỏi đám đông?"

32. Sau đó, con long tượng ấy đã tách khỏi bầy, đi đến Pārileyyaka, chỗ khu rừng cây được bảo vệ, nơi gốc cây Sāla xinh đẹp, kề cận đức Thế Tôn; sau khi đến nó đã dùng vòi phục vụ đức Thế Tôn nước uống, nước rửa và dọn dẹp cây cỏ.

33. Khi ấy, con long tượng ấy đã khởi ý điều này: "Trước đây, ta đã sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và đã nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta đã uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái đã chạy lại cọ xát vào thân. Bây giờ, ta đây sống thoải mái, thoải mái, một mình, không kẻ thứ hai, thoát khỏi các con voi đực, các con voi cái, các con voi tơ và các con voi bé."

34. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi nhận biết sự tách ly của bản thân đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của con long tượng ấy, rồi vào lúc ấy đã thốt lên lời cảm hứng rằng: "Tâm của con long tượng, là con voi có ngà dài, cùng với chúa loài người có tâm được tương đồng về việc một mình vui thích ở khu rừng."

35. Sau đó, khi đã ngự tại Pārileyyaka theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

36. Khi ấy, các cư sĩ ở Kosambī đã khởi ý điều này: "Các ngài Tỳ-khưu ở Kosambī này là những người đã làm nhiều điều không lợi ích cho chúng ta. Đức Thế Tôn bị quấy rầy bởi các vị này nên đã bỏ đi. Vậy thì chúng ta không nên đảnh lễ các ngài Tỳ-khưu ở Kosambī nữa, không nên đứng dậy, không nên thực hiện việc chắp tay và hành động thích hợp, không nên trọng vọng, không nên cung kính, không nên sùng bái, không nên cúng dường, không nên bố thí đồ ăn khất thực cho các vị đi đến; như thế ấy, các vị này trong khi không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường bởi chúng ta, và khi đã không còn được trọng vọng, các vị hoặc là sẽ bỏ đi, hoặc là sẽ hoàn tục, hoặc là sẽ có niềm tin nơi đức Thế Tôn."

37. Sau đó, các cư sĩ ở Kosambī đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không thực hiện việc chắp tay và hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường, không bố thí đồ ăn khất thực cho các vị đi đến.

38. Khi ấy, các Tỳ-khưu ở Kosambī trong khi không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường bởi các cư sĩ ở Kosambī, và khi đã không còn được trọng vọng nữa, [các vị ấy] đã nói như vầy: "Này các Đại đức, vậy thì chúng ta nên đi Sāvatthi và giải quyết sự tranh tụng này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn."

39. Sau đó, các Tỳ-khưu ở Kosambī đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát đi đến thành Sāvatthi.

40. Đại đức Sāriputta đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi."

41. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này Sāriputta, như thế thì ngươi hãy duy trì theo sự đúng Pháp.

– Bạch Ngài, con nên hiểu đúng Pháp và sai Pháp như thế nào?

42. – Này Sāriputta, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Sāriputta, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm tội", tuyên bố phạm tội là "vô tội"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sót"; tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Này Sāriputta, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

43. Này Sāriputta, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Sāriputta, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", tuyên bố Pháp là "Pháp"; tuyên bố phi Luật là "phi Luật", tuyên bố Luật là "Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "vô tội", tuyên bố phạm

tội là "phạm tội"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ", tuyên bố tội nặng là "tội nặng"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư sót"; tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa." Này Sāriputta, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

44. Rồi Đại đức Mahāmoggallāna đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi." ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākassapa đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākaccāna đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākoṭṭhita đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākappina đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahācunda đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Anuruddha đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Revata đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Upāli đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Ānanda đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Rāhula đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi."

45. Khi ấy, Đại đức Rāhula đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Rāhula đã nói với đức Thế tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này Rāhula, như thế thì ngươi hãy duy trì theo sự đúng Pháp.

– Bạch Ngài, con nên hiểu đúng Pháp và sai Pháp như thế nào?

46. – Này Rāhula, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Rāhula, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm tội", tuyên bố phạm tội là "vô tội"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sót"; tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Này Rāhula, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

47. Này Rāhula, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Rāhula, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", tuyên bố Pháp là "Pháp"; tuyên bố phi Luật là "phi Luật", tuyên bố Luật là "Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "vô tội", tuyên bố phạm tội là "phạm tội"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ", tuyên bố tội nặng là "tội nặng"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư sót"; tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa." Này Rāhula, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

48. Rồi bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi."

49. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, bà đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này Gotamī, như thế thì bà hãy nghe pháp ở cả hai bên; sau khi nghe pháp ở cả hai bên, các Tỳ-khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì bà hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỏi, điều khao khát và ý định của các vị ấy. Và bất cứ điều gì hội chúng Tỳ-khưu-ni cần trông đợi từ hội chúng Tỳ-khưu thì nên trông đợi tất cả các điều ấy từ các vị nói đúng Pháp mà thôi.

50. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi."

51. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này gia chủ, như thế thì ngươi hãy nên dâng vật thí cả hai bên; sau khi dâng vật thí rồi hãy nghe pháp cả hai bên; sau khi nghe pháp cả hai bên, các Tỳ-khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỏi, điều khao khát và ý định của các vị ấy.

52. Rồi bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi."

53. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này bà Visākhā, như thế thì ngươi hãy nên dâng vật thí cả hai bên; sau khi dâng vật thí rồi hãy nghe pháp cả hai bên; sau khi nghe pháp cả hai bên, các Tỳ-khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỏi, điều khao khát và ý định của các vị ấy.

54. Sau đó, theo tuần tự các Tỳ-khưu ở Kosambī đã đến được thành Sāvatthi.

55. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đã đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên tiến hành về chỗ trú ngụ cho các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này Sāriputta, như thế thì nên cho chỗ trú ngụ được cách biệt.

– Bạch Ngài, nếu không được cách biệt thì nên thực hành như thế nào?

– Này Sāriputta, như thế thì nên làm thành cách biệt rồi giao cho. Này Sāriputta, nhưng Ta không nói rằng: "Có thể xâm phạm chỗ trú ngụ của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn vì một lý do nào đó." Vị nào xâm phạm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

– Bạch Ngài, nên thực hành như thế nào về tài vật?

– Này Sāriputta, tài vật nên được chia phần đồng đều cho tất cả.

56. Sau đó, vị Tỳ-khưu bị án treo ấy trong khi suy xét về Pháp và Luật đã khởi ý điều này: "Điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Ta bị phạm [tội], ta không phải là không phạm [tội]. Ta bị án treo, ta không phải là không bị án treo. Ta đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì."

57. Khi ấy, vị Tỳ-khưu bị án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: “Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Tôi bị phạm [tội], tôi không phải là không phạm [tội]. Tôi bị án treo, tôi không phải là không bị án treo. Tôi đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Xin các Đại đức hãy đến và phục hồi cho tôi.”

58. Khi ấy, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đưa vị Tỳ-khưu bị án treo ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu bị án treo này đã nói như vầy: “Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Tôi bị phạm [tội], tôi không phải là không phạm [tội]. Tôi bị án treo, tôi không phải là không bị án treo. Tôi đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Xin các Đại đức hãy đến và phục hồi cho tôi.” Bạch Ngài, giờ nên được thực hành như thế nào?

– Này các Tỳ-khưu, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khưu ấy bị phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy bị án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là không bị án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, bởi vì vị Tỳ-khưu ấy đã phạm [tội], đã bị án treo và nhìn nhận. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy hãy phục hồi cho vị Tỳ-khưu ấy.

59. Sau đó, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã phục hồi cho vị Tỳ-khưu bị án treo ấy, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ban án treo điều này:

– Này các Đại đức, trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy.

60. Sau đó, các Tỳ-khưu ban án treo ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu ban án treo ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã nói như vầy: “Này các Đại đức, trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy.” Bạch Ngài, giờ nên được thực hành như thế nào?

– Này các Tỳ-khưu, bởi vì vị Tỳ-khưu ấy đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên được tiến hành như vầy: Toàn bộ tất cả gồm các vị bị bệnh và không bị bệnh nên tụ hội lại một chỗ và không một ai được phép gởi lời tùy thuận. Sau khi đã tụ hội lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

61. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Hội chúng tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Đại đức nào đồng ý việc tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy đã được hội chúng thực hiện, sự bất đồng trong hội chúng đã được dàn xếp, sự chia rẽ hội chúng đã được dàn xếp. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Lập tức sau đó, lễ *Uposatha* nên được tiến hành, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng.

62. Sau đó, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định nguyên nhân không đúng rồi tiến hành sự hợp nhất hội chúng; bạch Ngài, có phải sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp?

– Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định không đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, sự hợp nhất hội chúng ấy là sai Pháp.

– Bạch Ngài, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; bạch Ngài, có phải sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp?

– Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp.

63. – Bạch Ngài, sự hợp nhất hội chúng có bao nhiêu loại?

– Này Upāli, sự hợp nhất hội chúng có hai loại. Này Upāli, có sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ và có loại vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ.

64. Này Upāli, thế nào là sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ? Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định không đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, việc này gọi là sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ.

65. Này Upāli, thế nào là sự hợp nhất hội chúng vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ? Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, việc này gọi là sự hợp nhất hội chúng vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ. Này Upāli, đây là hai sự hợp nhất hội chúng.

66. Sau đó, Đại đức Upāli đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên cúi chào đức Thế Tôn, rồi trình lên đức Thế Tôn những lời kệ này:

67. "Trong các phận sự thuộc về hội chúng, trong các cuộc thảo luận, trong những việc điều tra về những vấn đề đã sanh khởi, ở đây, người như thế nào là người đem lại nhiều lợi ích? Ở đây, vị Tỳ-khưu như thế nào là xứng đáng việc chủ trì?"

68. "Trước tiên về mặt giới hạnh, là vị không bị chê bai, có hành động đã được suy xét, có giác quan khéo được canh phòng. Về nguyên tắc thì những kẻ đối nghịch không thể bôi nhọ bởi vì điều gì mà họ có thể nói về vị ấy, thì vị này chẳng có điều ấy.

69. Vị như thế đứng vững trong sự thanh tịnh của giới, là người có niềm tự tín, nói năng có tính thuyết phục, vị đi vào hội chúng không run, không sợ hãi, không bỏ rơi ý nghĩa trong khi nói về đề tài liên quan.

70. Tương tợ y như thế, khi được hỏi câu hỏi ở các hội chúng, vị ấy không ngần ngại và cũng không mắc cỡ, trong khi nói lời giải thích xứng đáng, đúng lúc, con người khôn ngoan làm hài lòng hội chúng các bậc tri thức.

71. Vị ấy có sự tôn kính các Tỳ-khưu trưởng thượng và có niềm tin đối với vị thầy của mình, có khả năng cân nhắc, rành rẽ về điều nên nói, là vị rành rẽ về yếu điểm của những kẻ đối nghịch.

72. Vì thế, những kẻ đối nghịch lâm vào thế yếu và đám đông người tuân theo sự chỉ dạy. Trong khi nắm giữ sự suy luận của mình, vị ấy không bỏ quên niềm tin tưởng của mình và không gây tổn hại trong khi trả lời câu hỏi.

73. Có khả năng trong các công việc đưa tin, có sự ghi nhớ tốt, đúng theo lời các vị đã nói với vị ấy về các phận sự của hội chúng. Được phái đi bởi nhóm các Tỳ-khưu, trong khi thực hiện lời dặn dò, không vì điều ấy mà suy nghĩ rằng: 'Ta làm công việc.'

74. Khi bị phạm tội về các sự việc dầu là thế nào chăng nữa, theo đó có phương thức thoát khỏi tội. Vị ấy khéo được truyền thừa cả hai *Bộ Phân tích* ấy, là vị biết về đường lối thoát khỏi tội.

75. Trong khi phân xử các sự việc, vị ấy áp dụng sự mời ra và người bị mời ra là đúng theo sự việc. Sự phục hồi là dành cho người đã trải qua việc ấy. Vị ấy cũng biết luôn cả điều ấy, là vị biết về *Bộ Phân tích.*

76. Vị ấy có sự tôn kính các Tỳ-khưu trưởng thượng, các vị mới tu, các vị Trưởng lão và các vị trung niên. Người thực hiện việc lợi ích cho nhiều người ở đây là bậc sáng trí. Vị Tỳ-khưu như thế ấy xứng đáng việc chủ trì ở đây."

Dứt chương Kosambī là thứ mười.

*****

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Bậc Chiến Thắng cao quý ở tại Kosambī, sự tranh luận về việc không nhìn nhận tội, trong trường hợp nào [hội chúng] có thể phạt án treo thì trong trường hợp ấy [vị bị án treo] nên trình báo tội vì niềm tin [của các vị khác].

2. Bên trong ranh giới, ở chính tại nơi ấy, luôn cả [ngôi làng] Bālaka, từ vườn cây [Pācīna], khu rừng Pārileyyā và thành Sāvatthi, vị Sāriputta và vị Kolita.

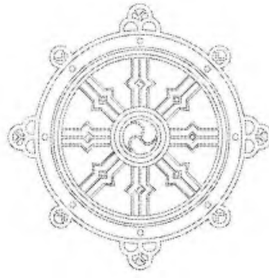
3. Vị Mahākassapa, vị Kaccāna, vị Koṭṭhita và vị Kappina, vị Mahācunda, vị Anuruddha và cả hai vị Revata và Upāli.

4. Vị Ānanda và luôn cả vị Rāhula nữa, vị Ni Gotamī, ông Anāthapiṇḍika và bà Visākhā mẹ của Migāra, ... và chỗ trú ngụ được cách biệt, nên cho tài vật đồng đều.

5. Không vị nào được gởi trao sự tùy thuận, được vấn hỏi bởi vị Upāli, vị [Tỳ-khưu] không bị chê trách về tăng thượng giới, sự hợp nhất trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

--ooOoo--

ĐẠI PHẨM ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ



TẠNG LUẬT
(*VINAYAPIṬAKA*)

TIỂU PHẨM
(*CULLAVAGGA*)

LỜI GIỚI THIỆU

Cullavagga (*Tiểu phẩm*) là phần thứ nhì của bộ *Khandhaka* (*Hợp phần*) thuộc *Vinayapiṭaka* (*tạng Luật*). Cũng tương tợ như *Mahāvagga* (*Đại phẩm*), *Cullavagga* (*Tiểu phẩm*) gồm các vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành từng chương, cụ thể gồm có 12 chương:

1. Chương đầu là chương Hành sự đề cập đến bảy loại hành sự nhằm mục đích nhắc nhở và cảnh tỉnh vị Tỳ-khưu có những hành vi không đúng với Pháp, không đúng với Luật hầu tạo điều kiện cho vị ấy có cơ hội phục thiện và sửa đổi. Bảy hành sự ấy là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và 3 loại hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

2. Chương 2 giảng giải về cách thức phục hồi cho vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa* (Tăng tàn) từ lúc khởi đầu cho đến khi kết thúc trải qua các giai đoạn *Parivāsa*, *Mānatta*, *Mūlāya Paṭikassanaṃ* nếu vi phạm lại tội ấy hoặc tội tương tợ trong thời gian thực thi hành phạt, và cuối cùng là phần giải tội *Abbhāna* để phục hồi phẩm vị trước đây cho vị Tỳ-khưu phạm tội.

3. Chương 3 giảng giải về các trường hợp đặc biệt của vị Tỳ-khưu trong khi đang thực thi các hành phạt để thoát khỏi tội *Saṅghādisesa* lại tiếp tục vi phạm tội ấy nữa hoặc các tội tương tợ cùng nhóm.

4. Chương 4 giảng giải về bảy cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp đối với bốn loại tranh tụng, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

5. Chương 5 là chương các Tiểu sự đề cập đến nhiều vấn đề có liên quan đến sự sinh hoạt hàng ngày của vị Tỳ-khưu về nhiều khía cạnh khác nhau như cách phục sức, thuyết Pháp, các vật dụng, v.v...

6. Chương 6 là chương Sàng tọa thuật lại việc dâng cúng 60 trú xá đầu tiên của một nhà đại phú ở thành Rājagaha cho đến sự cúng dường một tu viện hoàn chỉnh của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) và các vấn đề liên quan như việc xây dựng, cách thức sử dụng, và các sự phân công trong việc quản lý tu viện.

7. Chương 7 là chương Chia rẽ hội chúng bắt đầu với câu chuyện dài giới thiệu sự sinh hoạt trong một gia đình tiêu biểu của dòng họ Sākya (Thích-ca)

tiếp đến sự xuất gia của sáu thanh niên thuộc dòng họ này trong đó có Devadatta về sau là người khởi xướng và tiến hành việc chia rẽ hội chúng. Chương này được kết thúc với những câu hỏi của Trưởng lão Upāli để xác định những điểm khác biệt giữa sự bất đồng trong hội chúng là việc thường xảy ra trong tập thể và sự chia rẽ hội chúng là việc có tính chất nghiêm trọng. Nghiệp quả xấu dành cho kẻ chia rẽ hội chúng và phước báu của vị làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ cũng được đề cập đến ở chương này.

8. Chương 8 giảng giải về 14 phận sự trong đời sống xuất gia. Cuộc sống của vị Tỳ-khưu được mô tả đầy đủ trong chương này bắt đầu với phận sự của vị Tỳ-khưu vãng lai, thường trú, hoặc chuẩn bị ra đi, luôn cả phận sự của vị Tỳ-khưu đối với chỗ trú ngụ ở trong rừng hoặc ở trong tu viện. Các phận sự thường nhật như đi khất thực, phận sự ở nhà ăn, tùy hỷ phước báu của thí chủ, việc sử dụng nhà tắm, nhà vệ sinh đều được mô tả chi tiết. Ngoài ra còn quy định các phận sự tương tác giữa thầy tế độ và thầy dạy học đối với các đệ tử hoặc học trò có liên hệ nữa. Cuộc sống chung có được tốt đẹp hay không chính là do sự nhận thức và thực hành các phận sự này của hàng xuất gia điển hình là các vị Tỳ-khưu.

9. Chương 9 là chương Đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*), trình bày nguyên do việc đức Thế Tôn đã thuyết giảng về tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả để so sánh với tính chất đặc biệt của Pháp và Luật mà Ngài đã tuyên thuyết, đồng thời có liên quan đến việc giao phó trách nhiệm đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu kể từ thời điểm ấy trở đi. Phương thức đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) nhằm để bảo vệ sự trong sạch của hội chúng bằng cách loại ra những Tỳ-khưu phạm tội nhưng vẫn che giấu hoặc tỏ ra không hay biết. Đặc biệt chương này còn đề cập đến nhiều chi tiết tế nhị trong việc khiển trách tội của vị Tỳ-khưu nguyên cáo và thái độ thích hợp của vị Tỳ-khưu bị cáo hầu giữ được hòa khí của hai bên.

10. Chương 10 đề cập việc xuất gia của Tỳ-khưu-ni với đầy đủ chi tiết bắt đầu với việc cầu xin xuất gia của bà Mahāpajāpati Gotamī sau đó đã được tu lên bậc trên do sự chấp thuận tám trọng pháp, kế đến là năm trăm công nương dòng Sākya được xuất gia với hội chúng Tỳ-khưu, tiếp nữa là tiến trình tu lên bậc trên với cả hai hội chúng: với hội chúng Tỳ-khưu-ni trước rồi với hội chúng Tỳ-khưu sau. Trong trường hợp đặc biệt, hành sự tu lên bậc trên ở hội chúng Tỳ-khưu có thể được tiến hành với sự hiện diện của vị Tỳ-khưu-ni là người đại diện. Ngoài ra, một số vấn đề nảy sinh có tính cách cá biệt của phái nữ cũng được kết tập ở chương này. Nghiên cứu kỹ lưỡng về chương này có thể nắm được nét chung về sự sinh hoạt của Tỳ-khưu-ni vào thời bấy giờ.

11. Chương 11 nói về cuộc kết tập Tam tạng lần thứ nhất ở Ấn Độ. Ngoài những sử liệu liên quan đến công việc kết tập lời dạy của đức Phật gồm có phần duyên khởi, việc chuẩn bị và tiến hành, chương này còn đề cập đến lời tuyên

bố của Đại đức Purāṇa về việc vị ấy chỉ ghi nhận những lời dạy do chính bản thân đã được nghe trực tiếp từ kim khẩu của đức Thế Tôn, về việc các vị trưởng lão quyết định không thêm vào và không bỏ bớt bất cứ điều học nào, sự tuân thủ của Đại đức Ānanda đối với các bậc Trưởng lão, và cách thức áp dụng hình phạt *Brahma* (Phạm-đàn).

12. Chương 12 nói về lần kết tập Tam tạng lần thứ nhì ở Ấn Độ với phần duyên khởi ở Vesālī vào khoảng 100 năm sau khi đức Phật Vô dư Niết-bàn. Các chi tiết về tiến trình vận động của cả hai phe trong cuộc tranh tụng này giúp cho độc giả biết được vài nét khái quát trong đời sống sinh hoạt tinh thần vào thời bấy giờ. Đây là sự kiện chia phe nhóm thứ hai sau lần ở Kosambī được ghi chép lại, tiếc rằng sử liệu này dừng ở thời điểm kết thúc của lần kết tập này mà không tiết lộ thêm chi tiết nào về sự phân chia tông phái về sau này.

***

Chúng tôi khởi đầu việc nghiên cứu phần Pāli văn của Tam tạng với tập *Cullavagga* (*Tiểu phẩm*) do nhu cầu tìm tòi tư liệu dẫn chứng về sự hình thành tu viện thời đức Phật. Chúng tôi chợt nảy ra ý kiến ghi lại bằng tiếng Việt ngõ hầu giúp cho độc giả người Việt có cơ hội biết thêm về những lời dạy cao quý của đức Phật trong những trang sách còn được khép lại. Việc này đã đem lại cho chúng tôi niềm hoan hỷ khi nghĩ rằng việc học tập của bản thân có thể đem lại phần nào lợi ích cho người khác. Phần lời Việt được hoàn tất trong thời gian khoảng gần hai tháng. Thời gian đó quá ngắn đối với số lượng công việc quá lớn lao trong lúc vừa phải đọc sách tham khảo, tra cứu từ điển, và thực hiện việc ghi lại bằng máy vi tính. Lời văn tiếng Việt được chúng tôi sử dụng rất gần với cấu trúc của câu văn Pāli nhằm làm nổi bật cấu trúc văn phạm của loại ngôn ngữ này theo phong cách cổ điển đã được đa số các nhà học giả phương Tây áp dụng. Điều này sẽ thuận tiện cho việc hiệu đính về sau và có thể hữu ích cho các độc giả đang nghiên cứu lời dạy của đức Phật dựa vào văn bản gốc.

Do những vấn đề đã trình bày ở trên, chúng tôi mong mỏi sẽ nhận được những lời chỉ dạy của các bậc cao minh và các sự khuyến khích góp ý của quý độc giả. Tuy đã nỗ lực kiểm tra lại nhiều lần nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, xin quý độc giả đánh dấu cho những điểm cần sửa chữa và tùy duyên chuyển đến chúng tôi qua địa chỉ email: dinda@u.washington.edu để chúng tôi dễ dàng trong việc hiệu đính hầu đem lại lợi ích thiết thực chung cho tất cả. Xin thành tâm cảm tạ.

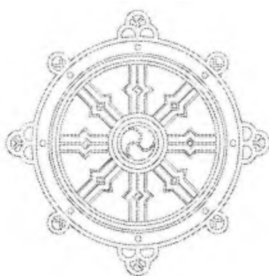
Bản dịch của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pāli La-tinh từ *Compact Disk BUDSIR IV* của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Phần mục lục chúng tôi thực hiện theo các chữ số đánh dấu ở đầu mỗi vấn đề; trình bày theo cách này sẽ giúp quý vị tiết kiệm được thời gian trong việc xác định vấn đề cần tham khảo.

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về *CD Tam tạng BUDSIR IV*, Thượng tọa Bodhinando (Canada), Đại đức Hộ Phạm, Đại đức Giác Hạnh, và Đại đức Tâm An về *CD Tam Tạng Chattha Saṅgāyana* và các bản dịch Anh ngữ cũng như những sự động viên và ý kiến đóng góp trong thời gian chúng tôi thực hiện bản dịch này.

Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tăng chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua.

Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp.

Colombo, ngày 15 tháng 9 năm 2003
Bhikkhu Indacanda
(Trương Đình Dũng)
(*Hiệu đính lần thứ nhất hoàn tất ngày 30-7-2004*)



I. CHƯƠNG HÀNH SỰ

1. HÀNH SỰ KHIỂN TRÁCH

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Chính vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka,[1] bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: "Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài." Vì thế mà những sự xung đột chưa sanh liền sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận,

---

[1] Hai vị này là 2 trong 6 vị đứng đầu nhóm Lục Sư. Thứ tự được trình bày là 2 vị Paṇḍuka và Lohitaka ở Sāvatthi, Mettiya và Bhummajaka ở Rājagaha, Assaji và Punabbasuka ở vùng núi Kīṭā.

nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: "Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài"; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy, bản thân vốn là những kẻ thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những kẻ thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: "Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài"; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

3. Sau đó, khi đã khiển trách các vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, các Tỳ-khưu Paṇḍuka và Lohitaka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

4. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung

đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn

vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện,[2] được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được,[3] được thực hiện với tội đã được sám hối. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

5. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này

---

[2] Được thực hiện thiếu sự hiện diện (*asammukhā kataṃ*) được giải thích là "được thực hiện không có sự hiện diện của hội chúng, của Pháp, của Luật và của vị bị khiển trách" (*VinA*. VI. 1155). Ở chương IV, có đề cập chi tiết về việc này bắt đầu từ trang 396.

[3] Là tội *Pārājika* hoặc tội *Saṅghādisesa* (*VinA*. VI. 1155).

các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

6. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

7. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

8. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

9. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

10. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

11. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

12. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

Dứt mười hai hành sự sai Pháp.

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

5. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

6. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

7. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

8. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực

hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

9. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

10. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

11. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

12. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai hành sự đúng Pháp.

*****

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh,

vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan.[4] Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khưu này.

5. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khưu này.

6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khưu này.

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn.

*****

MƯỜI TÁM PHẬN SỰ

1-18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu bị thực hiện hành sự khiển trách nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni,

---

[4] Theo *Chú giải*: Tăng thượng giới (*adhisīla*) gồm có 4 tội *Pārājika* và 13 tội *Saṅghādisesa*, tăng thượng hạnh (*ajjhācāra*) là các tội khác thuộc về 5 nhóm tội của Giới bổn (*Pātimokkha*), tà kiến cực đoan (*atidiṭṭhi*) là từ bỏ chánh kiến và chấp nhận hữu biên kiến (*VinA*. V. 989). Xem phần giải thích về "hữu biên kiến" (*Antaggāhikādiṭṭhi*) trong *Paṭisambhidāmagga* (*Phân tích đạo*), *TTTĐPGVN*, tập 8, tr. 888-92; *TTPV*, tập 37, tr. 286-95.

không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

Dứt mười tám phận sự.

*****

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy:

– Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, chúng tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ chúng tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi.

*****

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi.

*****

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, chúng tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ chúng tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt)... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

2. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự

thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự khiển trách là thứ nhất.

--ooOoo--

2. HÀNH SỰ CHỈ DẠY

1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Seyyasaka là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt *Parivāsa*, trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *Mānatta*, trong khi giải tội.

2. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Seyyasaka lại là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], lại sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt *Parivāsa*, trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *Mānatta*, trong khi giải tội?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Seyyasaka là kẻ ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt *Parivāsa*, trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *Mānatta*, trong khi giải tội, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

4. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại ấy, lại là kẻ ngu si, khờ khạo, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], lại sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt *Parivāsa*, trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *Mānatta*, trong khi giải tội?

5. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka rằng: "Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ." Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Seyyasaka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

6. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt *Parivāsa*, trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *Mānatta*, trong khi giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ.' Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt *Parivāsa*, trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình

phạt *Mānatta*, trong khi giải tội. Hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ.' Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Đại đức Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt *Parivāsa*, trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *Mānatta*, trong khi giải tội. Hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ.' Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Đại đức Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự chỉ dạy đối với Đại đức Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ' đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

8. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

Dứt mười hai hành sự sai Pháp thuộc hành sự chỉ dạy.

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

8. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai hành sự đúng Pháp thuộc hành sự chỉ dạy.

*****

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

5. Này các Tỳ-khưu, Hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự chỉ dạy.

*****

MƯỜI TÁM PHẬN SỰ

1-18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu bị thực hiện hành sự chỉ dạy nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự chỉ dạy.

*****

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka rằng: "Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ." Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị ấy trong khi thân cận, trong khi quan hệ, trong khi gần gũi bạn tốt, trong khi nhờ họ đọc tụng, trong khi đặt câu hỏi đã trở thành vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ các đầu đề, là vị sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy:

– Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi.

*****

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi.

*****

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Seyyasaka ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt).

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy

đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự chỉ dạy là thứ nhì.

--ooOoo--

3. HÀNH SỰ XUA ĐUỔI

[Hành vi sai trái của các vị nhóm Assaji và Punabbasuka]

1. Vào lúc bấy giờ, các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực.

2. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình.

3. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm.

Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cùng với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang ca hát, ca hát cùng với người nữ đang ca hát, tấu đàn cùng với người nữ đang ca hát, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang tấu đàn, ca hát cùng với người nữ đang tấu đàn, tấu đàn cùng với người nữ đang tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui đùa, ca hát cùng với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa.

Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi, chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: “Này cô em, hãy nhảy ở đây này”, họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách.

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kāsi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kīṭāgiri. Khi ấy, vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu ấy đã mặc y, cầm y bát và đi vào vùng Kīṭāgiri để khất thực. Vị ấy có phong cách chững chạc, mắt nhìn xuống, với vẻ chăm chú khi đi tới, bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi.

5. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã nói như vầy:

– Người này là ai mà xem ra vô cùng yếu ớt, xem ra vô cùng lười biếng, xem ra vô cùng ngớ ngẩn vậy? Khi gã đi đến, ai mà chịu bố thí đồ ăn đây? Trong khi các ngài thuộc nhóm Assaji và Punabbasuka của chúng ta thì lịch thiệp, thân thiện, nói năng hòa nhã, luôn cười xã giao, luôn mời mọc đến thăm viếng, không có ngớ ngẩn, khuôn mặt lại rạng rỡ, luôn mở đầu câu chuyện; chính vì thế, đồ ăn khất thực nên được cúng dường đến các ngài.

6. Có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đang đi khất thực ở vùng Kīṭāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy và nói điều này:

– Thưa ngài, đồ khất thực có nhận được chưa vậy?

– Này đạo hữu, đồ khất thực chưa có nhận được.

– Thưa ngài, xin hãy đến. Chúng ta sẽ đi về nhà.

7. Rồi nam cư sĩ ấy đã dẫn vị Tỳ-khưu ấy về nhà, dâng thức ăn và đã nói điều này:

– Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?

– Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.

– Thưa ngài, chính vì điều ấy, xin ngài đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con, và xin ngài hãy thưa như vầy: "Bạch Ngài, sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri đã bị hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực.

Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm.

Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cùng với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; [Nên thực hiện sự luân phiên] ...(nt)... Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui đùa, ca hát cùng với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa.

Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo.

Họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều

khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi, chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: 'Này cô em, hãy nhảy ở đây này', họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách.

Bạch Ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ. Bạch Ngài, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các Tỳ-khưu đến vùng Kīṭāgiri; như vậy sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri có thể tồn tại."

8. – Này đạo hữu, được rồi.

Vị Tỳ-khưu ấy sau khi lắng nghe nam cư sĩ ấy đã ra đi về hướng thành Sāvatthi. Tuần tự, vị ấy đã đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn, là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đến, đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này Tỳ-khưu, ngươi từ đâu đến vậy?

– Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch Ngài, con đi đường xa không mệt lắm.

10. Bạch Ngài, con đây đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kāsi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kīṭāgiri. Bạch Ngài, khi ấy, vào buổi sáng, con đã mặc y, cầm y bát, đi vào vùng Kīṭāgiri để khất thực. Bạch Ngài, có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy con đang đi khất thực ở vùng Kīṭāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần con, sau khi đến đã đảnh lễ con và nói điều này: "Thưa ngài, đồ khất thực có nhận được chưa vậy?" "Này đạo hữu, đồ khất thực chưa có nhận được." "Thưa ngài, xin hãy đến. Chúng ta sẽ đi về nhà." Bạch Ngài, sau đó nam cư sĩ ấy đã dẫn con về nhà, dâng thức ăn, rồi đã nói điều này: "Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?" "Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn." "Thưa ngài, chính vì điều ấy, xin ngài đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vầy: 'Bạch Ngài, sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri đã bị hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt)... Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Bạch Ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ. Bạch Ngài, lành

thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các Tỳ-khưu đến vùng Kīṭāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri có thể tồn tại.’” Bạch Thế Tôn, con từ xứ đó đi đến.

11. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt)... Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

12. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại cư xử hành vi sai trái, có hình thức như thế? Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt)... Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách?

13. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo Sāriputta và Moggallāna rằng:

– Này Sāriputta và Moggallāna, hai ngươi hãy đi đến vùng Kīṭāgiri rồi hãy thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka; các vị này là những đệ tử của hai ngươi.

14. – Bạch Ngài, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka thì dữ tợn và thô lỗ, làm thế nào chúng con thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu ấy được?

– Này Sāriputta và Moggallāna, chính vì điều ấy, hai ngươi hãy đi cùng với nhiều vị Tỳ-khưu.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Sāriputta và Moggallāna đã trả lời đức Thế Tôn.

15. – Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà

còn được nghe đồn nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri.' Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri.' Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri.' Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri' đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt việc thực hiện hành sự xua đuổi.

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP THUỘC HÀNH SỰ XUA ĐUỔI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

9. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

Dứt mười hai hành sự sai Pháp thuộc hành sự xua đuổi.

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

9. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng

theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai hành sự đúng Pháp thuộc hành sự xua đuổi.

*****

MƯỜI BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Vị có sự đùa giỡn bằng thân, vị có sự đùa giỡn bằng khẩu, vị có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Vị có sở hành sai trái bằng thân, vị có sở hành sai trái bằng khẩu, vị có sở hành sai trái bằng thân và khẩu. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Vị có sự gây tổn hại bằng thân, vị có sự gây tổn hại bằng khẩu, vị có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, vị có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

8. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

9. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có sự đùa giỡn bằng thân, hạng có sự đùa giỡn bằng khẩu, hạng có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có sở hành sai trái bằng thân, hạng có sở hành sai trái bằng khẩu, hạng có sở hành sai trái bằng thân và khẩu. ...(nt).

13. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có sự gây tổn hại bằng thân, hạng có sự gây tổn hại bằng khẩu, hạng có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu. ...(nt).

14. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

Dứt mười bốn trường hợp
trong khi mong muốn thuộc hành sự xua đuổi.

*****

MƯỜI TÁM PHẬN SỰ

1-18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự xua đuổi nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, ...(nt)..., không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự xua đuổi.

*****

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Sau đó, hội chúng Tỳ-khưu dẫn đầu là Sāriputta và Moggallāna đã đi đến vùng Kīṭāgiri và đã thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: "Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và

Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri." Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, các vị ấy không làm phận sự đúng đắn, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ mắng nhiếc, họ gièm pha, do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ bị sa đọa, họ bỏ đi, họ hoàn tục. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi lại không làm phận sự đúng đắn, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ lại mắng nhiếc, họ lại gièm pha, do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ bị sa đọa, họ bỏ đi, họ hoàn tục?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không làm phận sự đúng đắn ...(nt)... họ hoàn tục, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự xua đuổi.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

5. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.

*****

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.

*****

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu đã được thực hiện hành sự xua đuổi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các vị Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại

đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự xua đuổi là thứ ba.

--ooOoo--

4. HÀNH SỰ HÒA GIẢI

1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sudhamma là vị thường trú, là vị trông nom công trình mới, là vị thường xuyên thọ lãnh vật thực của gia chủ Citta ở làng Macchikāsaṇḍa. Mỗi khi gia chủ Citta có ý muốn thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân, thì gia chủ không thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của Đại đức Sudhamma.

2. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu trưởng lão như Đại đức Sāriputta, Đại đức Mahāmoggallāna, Đại đức Mahākaccāna, Đại đức Mahākoṭṭhika, Đại đức Mahākappina, Đại đức Mahācunda, Đại đức Anuruddha, Đại đức Revata, Đại đức Upāli, Đại đức Ānanda và Đại đức Rāhula đang du hành trong xứ Kāsi và đã đến ngụ tại Macchikāsaṇḍa.

3. Gia chủ Citta đã nghe rằng: "Nghe nói các vị Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Macchikāsaṇḍa." Khi ấy, gia chủ Citta đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu trưởng lão, sau khi đến đã đảnh lễ các vị Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Khi gia chủ Citta đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Citta bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Sāriputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, gia chủ Citta đã nói với các vị Tỳ-khưu trưởng lão điều này:

– Bạch các ngài, xin các Trưởng lão hãy nhận lời con về bữa ăn dành cho các vị vãng lai vào ngày mai.

Các vị Tỳ-khưu trưởng lão đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

4. Sau đó, khi hiểu được sự nhận lời của các vị Tỳ-khưu trưởng lão, gia chủ Citta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ các vị Tỳ-khưu trưởng lão, hướng vai phải nhiễu quanh rồi đã đi đến gặp Đại đức Sudhamma, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sudhamma rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Citta đã nói với Đại đức Sudhamma điều này:

– Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị Trưởng lão.

5. Khi ấy, Đại đức Sudhamma [nghĩ rằng]: "Trước đây, gia chủ Citta này mỗi khi có ý muốn thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân, thì ông ta không thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của ta. Giờ đây, ông ta không hỏi ý ta mà đã thỉnh mời các vị Tỳ-khưu trưởng lão; giờ đây, gia chủ Citta này đã hư hỏng, hờ hững, ngó bộ không còn gắn bó với ta nữa", nên đã nói với gia chủ Citta điều này:

– Này gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, gia chủ Citta đã nói với Đại đức Sudhamma điều này:

– Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị Trưởng lão.

– Này gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời.

Khi ấy, gia chủ Citta [nghĩ rằng]: "Ngài Sudhamma sẽ gây ra điều gì cho ta cho dù nhận lời hay không nhận lời?" nên đã đảnh lễ Đại đức Sudhamma, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

6. Sau đó, khi đêm ấy trôi qua, gia chủ Citta đã cho người chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm cho các vị Tỳ-khưu trưởng lão. Khi ấy, Đại đức Sudhamma [nghĩ rằng]: "Có lẽ ta nên xem qua vật đã được chuẩn bị cho các vị Tỳ-khưu trưởng lão của gia chủ Citta như thế nào?" nên vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của gia chủ Citta, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

7. Khi ấy, gia chủ Citta đã đi đến gặp Đại đức Sudhamma, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sudhamma rồi ngồi xuống một bên. Khi gia chủ Citta đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta điều này:

– Này gia chủ, thức ăn loại cứng, loại mềm này đã được ngươi chuẩn bị thật là đầy đủ. Còn một thứ ở đây không có, đó là "bánh mè."

– Thưa ngài, trong khi rất nhiều điều cao quý được tìm thấy trong lời dạy của đức Phật, vậy mà điều gì đâu lại được ngài Đại đức Sudhamma nói đến, đó là "bánh mè."

8. Thưa ngài, trong thời quá khứ, các thương buôn người phương Nam đã đi đến xứ sở phía Đông vì việc buôn bán. Từ xứ ấy, họ đã đem về một con gà mái. Thưa ngài, sau đó, con gà mái ấy đã được cho ở chung với con quạ. Nó đã

sanh ra con gà con. Thưa ngài, khi con gà con ấy muốn kêu tiếng kêu của con quạ thì nó kêu: "Quạ quạ ò-ó-ooo"; khi nào nó muốn kêu tiếng kêu của con gà trống thì nó kêu: "Ò-ó-ooo quạ quạ." Thưa ngài, tương tợ y như thế, trong khi rất nhiều điều quý báu được tìm thấy trong lời dạy của đức Phật, vậy mà điều gì đâu lại được ngài Đại đức Sudhamma nói đến, đó là "bánh mè."

9. – Này gia chủ, ngươi mắng nhiếc ta. Này gia chủ, ngươi gièm pha ta. Này gia chủ, đây là trú xứ của ngươi, ta sẽ bỏ đi.

– Thưa ngài, con không có mắng nhiếc, con không có gièm pha ngài Đại đức Sudhamma. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sudhamma hãy cư ngụ ở Macchikāsaṇḍa. Khu rừng xoài thật là khả ái! Con sẽ ra sức đối với ngài Đại đức Sudhamma về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú và thuốc men khi bị bệnh.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta điều này:

– Này gia chủ, ngươi mắng nhiếc ta. Này gia chủ, ngươi gièm pha ta. Này gia chủ, đây là trú xứ của ngươi, ta sẽ bỏ đi.

– Thưa ngài, ngài Đại đức Sudhamma sẽ đi đâu?

– Này gia chủ, ta sẽ đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.

– Thưa ngài, chính vì điều ấy, nên điều gì ngài đã nói và điều gì con đã nói, tất cả các điều ấy xin ngài hãy trình lên đức Thế Tôn. Thưa ngài, việc ngài Đại đức Sudhamma sẽ trở lại Macchikāsaṇḍa một lần nữa là điều không kỳ lạ.

10. Sau đó, Đại đức Sudhamma đã dọn dẹp chỗ trú ngụ, rồi cầm y bát đi đến Sāvatthi. Theo tuần tự, Đại đức Sudhamma đã đi đến Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sudhamma đã trình lên đức Thế Tôn tất cả điều gì bản thân đã nói và điều gì gia chủ Citta đã nói.

11. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật là không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại sỉ vả một cách thậm tệ, lại khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

12. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: "Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi." Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Sudhamma cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi

nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Sudhamma này sỉ vả một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.' Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Sudhamma này sỉ vả một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Hội chúng thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.' Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Sudhamma này sỉ vả một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Hội chúng thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.' Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi' đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

9. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

Dứt mười hai hành sự sai Pháp thuộc hành sự hòa giải.

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này

các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

9. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai trường hợp hành sự đúng Pháp thuộc hành sự hòa giải.

*****

BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi lộc, vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi ích, vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất chỗ trú ngụ, vị mắng nhiếc gièm pha các người tại gia, vị chia rẽ các người tại gia với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật trước [mặt] các người tại gia, vị chê bai Giáo pháp trước [mặt] các người tại gia, vị chê bai Hội chúng trước [mặt] các người tại gia, vị sỉ vả các người tại gia một cách thậm tệ và khinh bỉ các người tại gia một cách thậm tệ, vị không thực hiện điều hứa hẹn hợp lý đối với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng Tỳ-khưu: Hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi lộc, hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi ích, hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất chỗ trú ngụ, hạng mắng nhiếc gièm pha các người tại gia, hạng chia rẽ các người tại gia với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng Tỳ-khưu này.

4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật trước [mặt] các người tại gia, hạng chê bai Giáo pháp trước [mặt] các người tại gia, hạng chê bai Hội chúng trước [mặt] các người tại gia, hạng sỉ vả các người tại gia một cách thậm tệ và khinh bỉ các người tại gia một cách thậm tệ, hạng không thực hiện điều hứa hẹn hợp lý đối với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng Tỳ-khưu này.

Dứt bốn trường hợp trong khi mong muốn.

*****

MƯỜI TÁM PHẬN SỰ THUỘC HÀNH SỰ HÒA GIẢI

1-18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự hòa giải nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã

được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ hành lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự hòa giải.

*****

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: "Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi." Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị ấy đã đi đến Macchikāsaṇḍa nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vị ấy đã quay trở lại Sāvatthi lần nữa. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức Sudhamma, Đại đức đã yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi chưa?

– Này các Đại đức, trong trường hợp này, tôi đã đi đến Macchikāsaṇḍa nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy cho sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Trước tiên, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho vị Tỳ-khưu tên [như vầy] làm sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng cho vị Tỳ-khưu tên [như vầy] làm sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Đại đức nào đồng ý việc cho vị Tỳ-khưu tên [như vầy] làm sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi đã được hội chúng cho phép. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

3. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Sudhamma ấy và vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi, nên đi đến Macchikāsaṇḍa và nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi rằng: "Này gia chủ, hãy thứ lỗi. Tôi đang làm cho người hoan hỷ." Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi nên nói rằng: "Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị Tỳ-khưu này. Vị ấy đang làm cho người hoan hỷ." Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi nên nói

rằng: "Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị Tỳ-khưu này. Tôi đang làm cho người hoan hỷ." Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi nên nói rằng: "Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị Tỳ-khưu này vì lời nói của hội chúng." Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi không nên dẫn Tỳ-khưu Sudhamma đi khỏi tầm nhìn, không nên dẫn đi khỏi tầm nghe của gia chủ Citta, nên bảo đắp thượng y một bên vai, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và bảo sám hối tội ấy.

4. Sau đó, Đại đức Sudhamma và vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi đã đi đến Macchikāsaṇḍa và đã yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy:

– Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma.

*****

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự hòa giải.

*****

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự hòa giải.

*****

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Sudhamma ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, Tỳ-khưu Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, Tỳ-khưu Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma. Đại đức nào

đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, Tỳ-khưu Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự hòa giải là thứ tư.

--ooOoo--

5. HÀNH SỰ ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TỘI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

4. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Channa cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được

nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

5. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

6. Và này các Tỳ-khưu, hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: "Tỳ-khưu Channa đã được [hội chúng] thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng."

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

Dứt mười hai hành sự sai Pháp.

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai hành sự đúng Pháp.

*****

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

5. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các

Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

*****

BỐN MƯƠI BA PHẬN SỰ THUỘC HÀNH SỰ ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TỘI

1-43. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu, không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia, không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không nên phục vụ các ngoại đạo, nên phục vụ các Tỳ-khưu, nên học tập về việc học tập của Tỳ-khưu, không nên cư ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không nên cư ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, nên đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

*****

[VIỆC LÀM PHẬN SỰ ĐÚNG ĐẮN CỦA TỲ-KHƯU CHANNA]

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị

ấy khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Tại đó, các Tỳ-khưu đã không đảnh lễ, đã không đứng dậy, đã không chắp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không trọng vọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường.

Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác.

Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, đã không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường.

Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác.

Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường.

Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã quay trở về lại Kosambī.

2. Vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy:

– Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa.

*****

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

5. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

6. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị đeo vật biểu hiện của người tại gia, đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, phục vụ các ngoại đạo, không phục vụ các Tỳ-khưu, không học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

7. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị ngụ ở chỗ trú chung một mái che, ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch, xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

8. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

*****

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

4. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

5. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

6. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không đeo vật biểu hiện của người tại gia, không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không phục vụ các ngoại đạo, phục vụ các Tỳ-khưu, học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

7. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái

che, không ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, vị đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch, không xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

8. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāraṇā, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

*****

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Channa ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

2. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là thứ năm.

--ooOoo--

6. HÀNH SỰ ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG SỬA CHỮA LỖI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi?"

2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

4. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Channa cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng, vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng, vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Và này các Tỳ-khưu, hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: "Tỳ-khưu Channa đã được [hội chúng] thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng."

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

Dứt mười hai trường hợp về hành sự sai Pháp thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi

có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

*****

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

5. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các

Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

*****

BỐN MƯƠI BA PHẬN SỰ

1-43. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không nên chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu, không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia, không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không nên phục vụ các ngoại đạo, nên phục vụ các Tỳ-khưu, nên học tập về việc học tập của Tỳ-khưu, không nên cư ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không nên cư ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, nên từ chỗ ngồi đứng dậy khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

*****

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.

Vị ấy khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác.

2. Tại đó, các Tỳ-khưu đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác.

3. Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã quay trở về lại Kosambī.

4. Vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy:

– Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa.

*****

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị đeo vật biểu hiện của người tại gia, đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, phục vụ các ngoại đạo, không phục vụ các Tỳ-khưu, không học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị ngụ ở chỗ trú chung một mái che, ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch, xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

8. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

*****

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị không bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị không đeo vật biểu hiện của người tại gia, không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không phục vụ các ngoại đạo, phục vụ các Tỳ-khưu, học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị không ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch, không xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

8. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi
thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

*****

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Channa ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là thứ sáu.

--ooOoo--

7. HÀNH SỰ ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG TỪ BỎ TÀ KIẾN ÁC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu tên Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành."

2. Nhiều vị Tỳ-khưu đã nghe rằng: "Nghe nói Tỳ-khưu tên Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.'"

3. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, sau khi đến đã nói với Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng điều này:

– Này Đại đức Ariṭṭha, nghe nói Đại đức đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành", có đúng không vậy?

– Này các Đại đức, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.

4. – Này Đại đức Ariṭṭha, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này Đại đức Ariṭṭha, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.

Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là miếng thịt, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là cây đuốc cỏ, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là hố than cháy rực, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là giấc mơ, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là vật vay mượn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là trái trên cây, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là lò sát sanh, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là mũi lao nhọn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

5. Khi được các vị Tỳ-khưu ấy nói như thế, Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, do có sự ngoan cố, chấp giữ và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như thế:

– Này các Đại đức, theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.

Bởi vì các vị Tỳ-khưu ấy không thể giúp cho Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng thoát khỏi tà kiến ác ấy, sau đó các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

6. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng rằng:

– Này Ariṭṭha, nghe nói tà kiến ác đã sanh khởi ở ngươi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành", có đúng không vậy?

– Bạch Ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hiểu pháp được Ta thuyết giảng là như thế? Này kẻ rồ dại, không phải Ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành hay sao?

7. Dục tình đã được Ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là miếng thịt, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là cây đuốc cỏ, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là hố than cháy rực, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là giấc mơ, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là vật vay mượn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là trái trên cây, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là lò sát sanh, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là mũi lao nhọn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền. Ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

8. Này kẻ rồ dại, hơn nữa, ngươi không những vu khống Ta do sự sai lạc của bản thân mà ngươi còn làm tổn hại chính bản thân và tích lũy nhiều điều bất thiện nữa. Này kẻ rồ dại, chính điều ấy sẽ đem lại cho ngươi sự thất bại và khổ đau lâu dài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Ariṭṭha, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.

Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

9. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Ariṭṭha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.' Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Ariṭṭha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.' Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến

ác đối với Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Ariṭṭha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.' Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

10. Và này các Tỳ-khưu, hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: "Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng."

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

Dứt mười hai trường hợp về hành sự sai Pháp.

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu

tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt).

12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp.

*****

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh

luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

5. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu này.

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn
thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

*****

BỐN MƯƠI BA PHẬN SỰ

1-43. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, ...(nt)..., đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā,* không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

Dứt bốn mươi ba phận sự
thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

*****

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị ấy đã hoàn tục.

2. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đã hoàn tục, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

4. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– … (nt) … Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại ấy khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

*****

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

5. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

6. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

7. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

*****

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công

việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

*****

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên trình với hội chúng như vầy:

"Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu tên

[như vậy]. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu tên [như vậy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu tên [như vậy] đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là thứ bảy.
Dứt chương "Hành sự" là thứ nhất.

*****

Trong chương này có bảy sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Các Tỳ-khưu thuộc nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, đã đi đến các vị có sở hành tương tợ và ra sức tạo ra các sự xung đột.

2. Các sự xung đột chưa xảy ra thì các vị tạo ra và đã xảy ra rồi thì làm cho tăng trưởng. Các vị Tỳ-khưu tốt lành, ít ham muốn, phàn nàn. Bậc Pháp Chủ.

3. Đấng Duy Trì Chánh Pháp, đức Phật, bậc Tự Tại, nhân vật Tối Cao, đấng Chiến Thắng ở thành Sāvatthi ra lệnh làm hành sự khiển trách.

4. Việc ấy được thực hiện thiếu sự hiện diện, thiếu sự tra hỏi, với sự không thừa nhận, và việc ấy được thực hiện với tội không có vi phạm, không sám hối được, đã được sám hối.

5. Việc ấy được thực hiện khi chưa quở trách, chưa nhắc nhở, chưa xác định tội, và việc ấy được thực hiện thiếu sự hiện diện, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa.

6. Việc ấy được thực hiện thiếu sự tra hỏi, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa. Và việc ấy còn được thực hiện với sự không thừa nhận, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa.

7. Và việc ấy còn được thực hiện với tội không có vi phạm, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa. Và còn với tội đưa đến việc không sám hối được, không theo pháp và theo phe nhóm nữa.

8. Và tương tợ như thế ấy với tội đã được sám hối, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa. Và tương tợ như thế ấy khi chưa quở trách, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa.

9. Và tương tợ như thế ấy khi chưa nhắc nhở, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa. Và tương tợ như thế ấy khi chưa xác định, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa.

10. Theo đúng phương thức của các trường hợp tối, trường hợp sáng được nghiệm ra. Và trong khi mong muốn, hội chúng có thể thực hiện việc khiển trách đến vị ấy.

11. Sự xung đột, vị ngu si, sống thân cận, vị bị hư hỏng về tăng thượng giới, về tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tà kiến cực đoan, hội chúng nên thực hiện việc khiển trách.

12. Và vị nào chê bai đức Phật, Giáo pháp, Hội chúng thì hội chúng nên thực hiện việc khiển trách đối với cả ba vị Tỳ-khưu này.

13. Hạng thường gây nên sự xung đột, ngu si, nương tựa vào sự thân cận, về tăng thượng giới, về tăng thượng hạnh, tương tợ như thế ấy về tà kiến cực đoan.

14. Và hạng nào chê bai đức Phật, Giáo pháp, Hội chúng, việc thực hành phận sự đúng đắn đối với hạng đã được thực hiện hành sự khiển trách là như vậy.

15. Việc cho tu bậc trên, việc ban phép nương nhờ, sự phục vụ của Sa-di, việc giáo giới, cho dù đã được chỉ định, vị đã được thực hiện hành sự thì không nên làm.

16. Và tương tợ như thế, không nên phạm lại tội ấy, tội tương tợ như vậy và nghiêm trọng hơn thế, không nên chỉ trích hành sự và luôn cả các vị thực hiện hành sự.

17. Đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, việc khuyên bảo, việc cáo tội, việc thỉnh ý [để buộc tội] và với việc quở trách.

18. Việc nhắc nhở và việc kết bè phái, việc tương tợ như thế là không nên làm. Việc cho tu bậc trên, ban cho phép nương nhờ, sự phục vụ của Sa-di.

19. Việc giáo giới, cho dầu đối với vị đã được chỉ định, với năm yếu tố thì không được thu hồi. Và vị phạm lại tội ấy, tội tương tợ như vậy và nghiêm trọng hơn thế.

20. Vị chỉ trích hành sự và các vị thực hiện hành sự thì không thu hồi. Lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, việc khuyên bảo, việc cáo tội.

21. Việc thỉnh ý [để buộc tội], và luôn cả việc quở trách, việc nhắc nhở, việc kết bè phái, vị nào gắn bó với tám điều này thì không thu hồi.

22. Theo đúng phương thức của các trường hợp tối, trường hợp sáng được nghiệm ra. Vị Seyyasa là ngu si, phạm nhiều tội và lại còn thân cận.

23. Đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí đã ra lệnh làm hành sự chỉ dạy. Ở Kīṭāgiri có hai vị Tỳ-khưu Assaji và Punabbasuka.

24. Họ không thu thúc và đã thực hành việc sai trái các loại. Bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng, ở thành Sāvatthi [đã cho phép] hành sự xua đuổi. Vị Sudhamma ở Macchikāsaṇḍa đã là vị thường trú của [gia chủ] Citta.

25. Vị Sudhamma sỉ vả nam cư sĩ Citta về câu chuyện dòng dõi. Đấng Thiện Thệ đã ra lệnh làm hành sự hòa giải.

26. Vị Tỳ-khưu Channa ở thành Kosambī không muốn nhìn nhận tội. Đấng Chiến Thắng Tối Thượng đã ra lệnh treo tội về việc không nhìn nhận.

27. Channa không muốn sửa chữa chính tội lỗi ấy, vị Lãnh Đạo đã ra lệnh làm hành sự án treo về việc không sửa chữa [lỗi].

28. Tà kiến ác, được nương tựa ở sự thiểu trí, đã khởi đến vị Ariṭṭha. Hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến đã được bậc Chiến Thắng giảng giải.

29. Hành sự chỉ dạy, xua đuổi, và hòa giải là tương tợ như thế, về việc không nhìn nhận, sửa chữa và không từ bỏ tà kiến.

30. Việc đùa giỡn, sở hành sai trái, việc làm tổn hại và nuôi mạng sái quấy, các điều phụ trội này là ở hành sự xua đuổi.

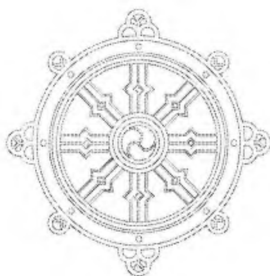
31. Mất lợi lộc, chê bai, hai lần năm có tên là "hai nhóm năm", các điều phụ trội này là ở hành sự hòa giải.

32. Việc khiển trách và việc chỉ dạy, cả hai hành sự ấy là tương tợ. Việc xua đuổi, việc hòa giải là có các điều còn lại.

33. Ba hành sự án treo là tương tợ và đã được phân tích. Cũng theo phương thức của hành sự khiển trách, các hành sự còn lại được nghiệm ra.

Dứt chương "Hành sự."

--ooOoo--



II. CHƯƠNG PARIVĀSA

1. PHẬN SỰ CỦA VỊ HÀNH PARIVĀSA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu hành *Parivāsa* ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu hành *Parivāsa* lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu hành *Parivāsa* ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu hành *Parivāsa* lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

4. – Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, việc chắp tay, hành động thích hợp, việc sửa soạn chỗ ngồi, việc sửa soạn chỗ nằm, nước rửa

chân, ghế kê chân, tấm chà chân, việc tiếp rước y bát, việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu hành *Parivāsa* với nhau được tính theo thâm niên.

6. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu hành *Parivāsa*.[1]

7. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ-khưu hành *Parivāsa*, các Tỳ-khưu hành *Parivāsa* nên thực hành theo như thế. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là:

8. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, hội chúng đã cho hình phạt *Parivāsa* với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên ưng thuận việc ấy.

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình."

11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* là vị vãng lai nên trình báo [về hình phạt đang thọ đến các Tỳ-khưu thường trú], nên trình báo đến vị vãng lai, nên trình báo trong lễ *Uposatha*, nên trình báo trong lễ *Pavāraṇā*. Nếu bị bệnh, nên cho người đại diện trình báo giùm.

12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi

[1] Nghĩa là theo thứ tự thâm niên so với các Tỳ-khưu trong sạch (*VinA*. VI. 1160).

đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú,[2] trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa*

---

[2] Hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất ban án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội, hoặc về việc không sửa chữa lỗi, hoặc về việc không từ bỏ tà kiến ác. Xem tr. 452 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương X, tr. 335.

từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

20. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú hoặc nơi không

phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

21. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất.

Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* cùng với vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* thâm niên hơn ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội, không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất.

22. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vị hành *Parivāsa* mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành.

Dứt chín mươi bốn phận sự của vị hành *Parivāsa*.

*****

23. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn rằng:

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* có bao nhiêu sự đứt đêm?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* có ba sự đứt đêm: Sự cư ngụ chung [với các hạng Tỳ-khưu đã nêu trong phần phận sự ở trên], sự cư ngụ tách rời [chỉ có một mình], sự không trình báo [cho các Tỳ-khưu vãng lai, v.v...]. Này Upāli, đây là ba sự đứt đêm của vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa*.

24. Vào lúc bấy giờ, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo tụ hội tại Sāvatthi. Các Tỳ-khưu hành *Parivāsa* không thể hoàn thành hình phạt *Parivāsa*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

25. – Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngưng hình phạt *Parivāsa*. Và này các Tỳ-khưu, nên ngưng như vầy: Vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi ngưng hình phạt *Parivāsa*." Hình phạt *Parivāsa* đã được ngưng lại. "Tôi ngưng [thực hành] phận sự." Hình phạt *Parivāsa* đã được ngưng lại.

26. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở Sāvatthi đã ra đi nơi này nơi nọ. Các Tỳ-khưu hành *Parivāsa* có thể hoàn thành hình phạt *Parivāsa*. Các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

27. – Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ trì hình phạt *Parivāsa*. Và này các Tỳ-khưu, nên thọ trì như vầy: Vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi thọ trì hình phạt *Parivāsa*." Hình phạt *Parivāsa* đã được thọ trì. "Tôi thọ trì phận sự." Hình phạt *Parivāsa* đã được thọ trì.

Dứt phận sự của vị hành *Parivāsa*.

--ooOoo--

2. PHẬN SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

4. – Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội *Dukkaṭa.*

5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu với nhau được tính theo thâm niên.

6. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

7. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu nên thực hành theo như thế. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là:

8. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu đã được hội chúng thực hiện với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên ưng thuận việc ấy.

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình."

11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).

18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).

19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

20. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất.

Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu cùng với vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa,* ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu thâm niên hơn ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu thực hành

Mānatta ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất.

21. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành.

Dứt phận sự của vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

--ooOoo--

3. PHẬN SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT *MĀNATTA*

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi

tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

4. – Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội *Dukkaṭa.* Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* với nhau được tính theo thâm niên.

5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha,* lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta.*

6. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta*, các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* nên thực hành theo như thế. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là:

7. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, ...(nt)... không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên ưng thuận việc ấy.

8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình."

9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)...

[không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* từ chỗ trú, hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không

phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất.

19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* cùng với vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* thâm niên hơn ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [trong khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất.

20. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vị xứng đáng hình phạt *Mānatta* mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành.

Dứt phận sự của vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*.

--ooOoo--

4. PHẬN SỰ CỦA VỊ THỰC HÀNH *MĀNATTA*

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham

muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

3. – Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* với nhau được tính theo thâm niên.

5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu thực hành *Mānatta*.

6. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ-khưu thực hành *Mānatta*, các Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* nên thực hành theo như thế.

7. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, hội chúng đã cho hình phạt *Mānatta* với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên ưng thuận việc ấy.

9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình."

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* là vị vãng lai nên trình báo [về hình phạt đang thọ đến các Tỳ-khưu thường trú], nên trình báo đến vị vãng lai, nên trình báo trong lễ *Uposatha*, nên trình báo trong lễ *Pavāraṇā*, nên trình báo mỗi ngày. Nếu bị bệnh, nên cho người đại diện trình báo giùm.

11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở

nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

20. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành [với vị Tỳ-khưu trong sạch], không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất.

21. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* cùng với vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* ...(nt)... cùng

với vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* thâm niên hơn ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất.

22. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vị thực hành *Mānatta* mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, nếu có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành.

23. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn rằng:

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* có bao nhiêu sự đứt đêm?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* có bốn sự đứt đêm: Sự cư ngụ chung [với các hạng Tỳ-khưu đã nêu trong phần phận sự ở trên], sự cư ngụ riêng rẽ [chỉ có một mình], sự không trình báo [cho các Tỳ-khưu vãng lai, v.v...], sự thực hành ở nhóm thiếu [nhân sự]. Này Upāli, đây là bốn sự đứt đêm của vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta*.

24. Vào lúc bấy giờ, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo đã tụ hội tại Sāvatthi. Các Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* không thể hoàn thành hình phạt *Mānatta*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

25. – Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngưng hình phạt *Mānatta*. Và này các Tỳ-khưu, nên ngưng như vầy: Vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi ngưng hình phạt *Mānatta*." Hình phạt *Mānatta* đã được ngưng lại. "Tôi ngưng [thực hành] phận sự." Hình phạt *Mānatta* đã được ngưng lại.

26. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở Sāvatthi đã ra đi nơi này nơi nọ. Các Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* có thể hoàn thành hình phạt *Mānatta*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ trì hình phạt *Mānatta*. Và này các Tỳ-khưu, nên thọ trì như vầy: Vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi thọ trì hình phạt *Mānatta*." Hình phạt *Mānatta* đã được thọ trì. "Tôi thọ trì phận sự." Hình phạt *Mānatta* đã được thọ trì.

Dứt phận sự của vị thực hành *Mānatta*.

--ooOoo--

5. PHẬN SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG SỰ GIẢI TỘI

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?"

2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

3. – Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội với nhau được tính theo thâm niên.

5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội.

6. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội, các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội nên thực hành theo như thế.

7. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, ...(nt)... không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. [Phận sự của vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu như thế nào thì nên giải thích

chi tiết [về phận sự] của ba vị là vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, vị thực hành *Mānatta*, vị xứng đáng sự giải tội một cách tương tợ.]

8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên ưng thuận việc ấy.

9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình."

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới].

11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú ...(nt)... từ nơi không phải là chỗ trú ...(nt)... từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [đi đến] nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [đi đến] chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành [với vị Tỳ-khưu trong sạch], không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất.

13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội cùng với vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa* ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu thực hành *Mānatta* ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội thâm niên hơn không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng

một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất.

14. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vị xứng đáng sự giải tội mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành.

Dứt phận sự của vị xứng đáng sự giải tội.
Dứt chương *Parivāsa* là thứ nhì.
*****

Trong chương này có năm sự việc.
TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Các vị hành *Parivāsa* ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay và hành động thích hợp của các Tỳ-khưu trong sạch.

2. Chỗ ngồi, sự sắp xếp chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y và bình bát, việc kỳ cọ lưng khi tắm và các vị tốt phàn nàn.

3. Vị ưng thuận có tội *Dukkaṭa*, giữa các vị với nhau thì có năm điều được tính theo thâm niên là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai.

4. Và việc làm phận sự đúng đắn trong trường hợp ấy, khi vị ấy cùng đi với vị Tỳ-khưu trong sạch, vật nào là sau cùng, không với vị Sa-môn là vị đi trước hay đi sau.

5. Việc ở trong rừng, việc đem lại thức ăn, [trình báo] các vị vãng lai, vào ngày lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, nhờ vị đại diện và nơi nào có Tỳ-khưu thì có thể đi đến.

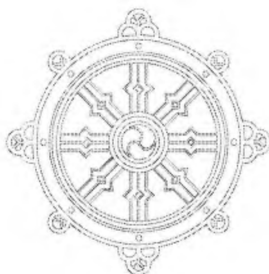
6. Không nên cư ngụ chung ở chỗ cùng một mái che, khi [vị kia] ngồi ở trên nền đất, ở chỗ ngồi thấp và đi ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi ở trên mặt đất.

7. Đối với vị thâm niên, không phải là hành sự, các sự đứt đêm và vì sự hoàn thành, việc tạm ngưng, việc thọ trì lại, việc liên quan đến hình phạt *Parivāsa* cần được biết đến.

8. Về lại [hình phạt] ban đầu, vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, vị thực hành *Mānatta* là tương tợ như thế, và luôn cả vị xứng đáng sự giải tội, cũng theo cách thức của sự phân chia.

9. Có ba điều cho các vị hành *Parivāsa*, bốn điều cho các vị thực hành *Mānatta* là không đạt yêu cầu trong các trường hợp đứt đêm, và ở các trường hợp *Mānatta* là việc [trình báo] hàng ngày. Hai hành sự là tương tợ, ba hành sự còn lại là giống như nhau.

--ooOoo--



III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI

1. TỘI XUẤT TINH

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA TỘI KHÔNG CÓ CHE GIẤU

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy:

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, lần thứ ba tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu."

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hình phạt *Mānatta* của tội không có che giấu.

*****

VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI KHÔNG CÓ CHE GIẤU

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên giải tội như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội lần thứ nhì.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội lần thứ ba."

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt việc giải tội của tội không có che giấu.

*****

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY

1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy:

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hình phạt *Parivāsa* của tội che giấu một ngày.

*****

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY

1. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn thành hình phạt *Parivāsa*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy:

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn thành hình phạt *Parivāsa*, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hình phạt *Parivāsa*, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hình phạt *Parivāsa*, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hình phạt *Mānatta* của tội che giấu một ngày.

*****

VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên giải tội như vầy:

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời

điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *Mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt việc giải tội của tội che giấu một ngày.

*****

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* CỦA TỘI CHE GIẤU NĂM NGÀY

1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu hai ngày. ...(nt)... đã được che giấu ba ngày. ...(nt)... đã được che giấu bốn ngày. ...(nt)... Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy:

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hình phạt *Parivāsa* của tội che giấu năm ngày.

*****

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH *PARIVĀSA*

1. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy:

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của vị hành *Parivāsa*.

*****

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT *MĀNATTA*

1. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy:

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu

của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

**Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu
của vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*.**

*****

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA NHÓM BA TỘI

1. Với hình phạt *Parivās*a đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy:

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hình phạt *Mānatta* của nhóm ba tội.

*****

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ THỰC HÀNH *MĀNATTA*

1. Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy:

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày

của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội.

Hội chúng đã cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức

nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... của Tỳ-khưu Udāyi, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

4. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm như vầy:

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Hội chúng đã đưa tôi đây ...(nt)... về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... Tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. ...(nt)... Hội chúng đã đưa tôi đây ...(nt)... về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... Tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. ...(nt)... Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt).

Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này ...(nt). thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm ...(nt)... Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho Tỳ-khưu Udāyi ...(nt)... hình phạt *Mānatta* sáu đêm ...(nt)... Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. ...(nt)... Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm ...(nt)... đến Tỳ-khưu Udāyi. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị thực hành *Mānatta*.

*****

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG SỰ GIẢI TỘI

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Mānatta* như vầy: ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của vị xứng đáng sự giải tội.

*****

VIỆC GIẢI TỘI CỦA VỊ ĐƯỢC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Tôi đây có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên giải tội như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây.

Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố

ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây.

Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi.

Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi.

Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Vị ấy có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Việc giải tội của vị được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

*****

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* CỦA TỘI CHE GIẤU NỬA THÁNG

1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Hình phạt *Parivāsa* của tội che giấu nửa tháng.

*****

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH *PARIVĀSA* NỬA THÁNG

1. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng,

hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dầu ở vào giai đoạn nửa chừng, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày của Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu
của vị hành *Parivāsa* nửa tháng.

*****

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* KẾT HỢP

1. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây.

Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng

hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghị.

3. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hình phạt *Parivāsa* kết hợp.

*****

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU V.V... CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT *MĀNATTA*

1. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây.

Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: ...(nt).

Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vầy: ...(nt).

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. ...(nt)... Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây. Đại đức nào đồng ý ...(nt)... xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, v.v...
của vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*.

*****

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA NHÓM BA TỘI

1. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội, ...(nt)... đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng ...(nt)... đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp ...(nt)... của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu

đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hình phạt *Parivāsa* của nhóm ba tội.

*****

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU V.V... CỦA VỊ THỰC HÀNH *MĀNATTA*

1. Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây, [sau đó] ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm.

2. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm như vầy: ...(nt)... Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm đến Tỳ-khưu Udāyi. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã che giấu năm ngày, được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt các việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, v.v...
của vị thực hành *Mānatta*.

*****

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU V.V... CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG SỰ GIẢI TỘI

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây, [sau đó] ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm như vầy: ...(nt)... Hội chúng ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm đến Tỳ-khưu Udāyi. ...(nt).

Hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã che giấu năm ngày được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt các việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, v.v...
của vị xứng đáng sự giải tội.

*****

VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI CHE GIẤU NỬA THÁNG

1. Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Tôi đây có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi.

2. Và này các Tỳ-khưu, nên giải tội như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng

của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây.

Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây.

Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt).

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi.

Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước

đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi.

Lúc đang thực hành *Mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt *Parivāsa* đã được hoàn thành, dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Vị ấy có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải

tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt việc giải tội của tội che giấu nửa tháng.
Tội xuất tinh được đầy đủ.

--ooOoo--

2. HÌNH PHẠT *PARIVĀSA*

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* KẾT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, một tội đã được che giấu hai ngày, một tội đã được che giấu ba ngày, một tội đã được che giấu bốn ngày, một tội đã được che giấu năm ngày, một tội đã được che giấu sáu ngày, một tội đã được che giấu bảy ngày, một tội đã được che giấu tám ngày, một tội đã được che giấu chín ngày, một tội đã được che giấu mười ngày.

2. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, nên hội chúng hãy ban cho vị Tỳ-khưu ấy hình phạt *Parivāsa,* kết hợp với giá trị của tội nào đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội ấy."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày,

...(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày. Tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày. Tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội.

*****

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* KẾT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI CHE GIẤU DÀI NGÀY

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, hai tội đã được che giấu hai ngày, ba tội đã được che giấu ba ngày, bốn tội đã được che giấu bốn ngày, năm tội đã được che giấu năm ngày, sáu tội đã được che giấu sáu ngày, bảy tội đã được che giấu bảy ngày, tám tội đã được che giấu tám ngày, chín tội đã được che giấu chín ngày, mười tội đã được che giấu mười ngày.

2. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... mười tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy nên hội chúng hãy ban cho vị Tỳ-khưu ấy hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội nào đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... mười tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội ấy."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội ấy.

Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hình phạt *Parivāsa* kết hợp với giá trị của tội che giấu dài ngày.

*****

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* HAI THÁNG

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã che giấu hai tháng?" Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội

chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?' Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: 'Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?'"

2. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?" Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?

Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?" Vậy tôi nên thực hành như thế nào?

3. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị Tỳ-khưu ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?' Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã

ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?' Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng.

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vậy], đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?' Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng.

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?' Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vậy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vậy], đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?' Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa*

hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?' Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

*****

CÁCH THỨC NÊN HÀNH *PARIVĀSA* HAI THÁNG

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?" Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?' Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây.

Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?'" Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội vị ấy nhận biết, một tội vị ấy không nhận biết. Tội mà vị ấy nhận biết, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy nhận biết được tội kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội ta đã nhận biết, một tội ta đã không nhận biết. Tội mà ta đã nhận biết, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây nhận biết được luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?" Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội vị ấy nhớ, một tội vị ấy không nhớ. Tội mà vị ấy nhớ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy nhớ được luôn cả tội kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội ta đã nhớ, một tội ta đã không nhớ. Tội mà ta đã nhớ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây nhớ được luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?"

Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội không nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không nghi ngờ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy không còn nghi ngờ luôn cả tội kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội không nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không nghi ngờ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?"

Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có nhận biết, một tội đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc vị ấy đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa*?"

Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có nhận biết, một tội đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa* vì các tội ấy."

Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tội nào đã được che giấu có nhận biết, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu không nhận biết, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với một tội."

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc vị ấy đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa*?"

Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa* vì các tội ấy."

Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tội nào đã được che giấu có ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu không ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với một tội."

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu không nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc vị ấy đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa*?"

Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu không nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa* vì các tội ấy."

Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tội nào đã được che giấu không nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với một tội."

8. Này các Tỳ-khưu, có vị Tỳ-khưu nọ, đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?"

Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?' Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?'"

Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

"Này các Đại đức, tôi đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?' Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?' Vậy tôi nên thực hành như thế nào?"

9. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị Tỳ-khưu ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?' Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?' Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

10. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?' Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?' Vị ấy thỉnh cầu hội

chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?' Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?' Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng.

Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?" Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy:

"Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?' Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa,* pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: 'Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?'" Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng vị ấy nhận biết, tháng kia vị ấy không nhận biết. Tháng mà vị ấy nhận biết, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng vị ấy nhận biết của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy nhận biết luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng ta đã nhận biết, tháng kia ta đã không nhận biết. Tháng mà ta đã nhận biết, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng.

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng ta đã nhận biết của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây nhận biết luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?" Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng vị ấy nhớ, tháng kia vị ấy không nhớ. Tháng mà vị ấy nhớ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng vị ấy nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy nhớ được tháng kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng ta đã nhớ, tháng kia ta đã không nhớ. Tháng mà ta đã nhớ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng

hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng ta đã nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây nhớ được luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?" Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng không nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng mà không nghi ngờ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng không nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, vị ấy không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng không nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng mà không nghi ngờ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* tháng ấy, là tháng không nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?"

Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành *Parivāsa* hai tháng.

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có nhận biết, một tháng đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa*?"

Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có nhận biết, một tháng đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa* vì các tội ấy."

Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tháng nào đã được che giấu có nhận biết, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không nhận biết, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với tội một tháng."

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vầy:

"Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa*?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa* vì các tội ấy." Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tháng nào đã được che giấu có ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với tội một tháng."

17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu không nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy

đang hành *Parivāsa*, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa*?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội *Saṅghādisesa,* đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu không nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu này hành *Parivāsa* vì các tội ấy." Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tháng nào đã được che giấu không nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *Parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt *Mānatta* đối với tội một tháng."

Dứt cách thức nên hành *Parivāsa* hai tháng.

*****

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* TỪ MỐC TRONG SẠCH

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Tôi không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch[1] của các tội ấy đến vị Tỳ-khưu ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy:

---

[1] Hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch: Bản dịch Anh ngữ của Rhys Davids và Oldenberg ghi lời giải thích của ngài Buddhaghosa là số lượng đêm thực hành *suddhantaparivāsa* nên tính từ lúc tu lên bậc trên đến ngày hôm ấy. Cách thức đang được áp dụng hiện nay là xác định thời gian trong sạch tính từ ngày tu lên bậc trên, rồi thực hành *suddhantaparivāsa* cho thời gian còn lại. Lối giải thích này phù hợp với ý nghĩa của từ *suddhanta* = *suddha* + *anta* = thời điểm cuối khi được trong sạch (ND).

"Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Tôi không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Bạch các ngài, tôi thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

4. Và này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho như vầy, hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho như vầy.

5. Và này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho thế nào?

Vị không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu] thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], không nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu] thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, không biết số lượng của các đêm, nhớ một phần số lượng của các tội, một phần không nhớ, không nhớ số lượng của các đêm, có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội, một phần không nghi ngờ, có nghi ngờ về số lượng của các đêm thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị không biết số lượng của các tội, biết một phần số lượng của các đêm, một phần không biết, không nhớ số lượng của các tội, nhớ một phần số lượng của các đêm, một phần không nhớ, có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đêm, một phần không nghi ngờ thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết số lượng của các tội, biết một phần số lượng của các đêm, một phần không biết, nhớ số lượng của các tội, nhớ một phần số lượng của các đêm, một phần không nhớ, không nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đêm, một phần không nghi ngờ thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, biết một phần số lượng của các đêm, một phần không biết, nhớ một phần số lượng của các tội, một phần không nhớ, nhớ một phần số lượng của các đêm, một phần không nhớ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội, một phần không nghi ngờ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đêm, một phần không nghi ngờ thì hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho như thế.

6. Và này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho thế nào?

Vị biết số lượng của các tội, biết số lượng của các đêm [đã giấu], nhớ số lượng của các tội, nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], không nghi ngờ về số lượng của các tội, không nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu] thì hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho.

Vị không biết số lượng của các tội, biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, không nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu] thì hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, biết số lượng của các đêm [đã giấu], nhớ một phần số lượng của các tội, một phần không nhớ, nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về một phần số lượng của các

tội, một phần không nghi ngờ, không nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu] thì hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho.

Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* nên được ban cho như thế.

Dứt hình phạt *Parivāsa*.

--ooOoo--

3. BỐN MƯƠI TRƯỜNG HỢP HÀNH *PARIVĀSA*

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đang hành *Parivāsa* đã hoàn tục. Vị ấy đã trở lại và thỉnh cầu sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

1. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa* lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *Parivāsa* là đã được hành *Parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *Parivāsa* phần còn lại.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa* lại xuống Sa-di. Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị Sa-di. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *Parivāsa* là đã được hành *Parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *Parivāsa* phần còn lại.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa* lại bị điên. Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị điên. Nhưng nếu vị ấy hết bị điên, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *Parivāsa* là đã được hành *Parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *Parivāsa* phần còn lại.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa* bị loạn trí. Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị loạn trí. Nhưng nếu vị ấy hết bị loạn trí, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *Parivāsa* là đã được hành *Parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *Parivāsa* phần còn lại.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa* bị thọ khổ hành hạ. Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị thọ khổ hành hạ. Nhưng nếu vị ấy hết bị thọ khổ hành hạ, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa* lại bị án treo về việc không nhìn nhận tội. Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa* lại bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa* lại bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Parivāsa* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *Parivāsa* là đã được hành *Parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *Parivāsa* phần còn lại.

9-16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu lại xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Này các Tỳ-khưu, việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

17-24. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Mānatta* không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* lại xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Này các Tỳ-khưu, hình phạt

Mānatta không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến vị ấy.

25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang thực hành hình phạt *Mānatta* lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, việc thực hành hình phạt *Mānatta* không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần hình phạt *Mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Nên thực hành phần còn lại.

26-32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang thực hành hình phạt *Mānatta* lại xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Này các Tỳ-khưu, việc thực hành hình phạt *Mānatta* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần hình phạt *Mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Nên thực hành phần còn lại.

33. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, sự giải tội không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Vị Tỳ-khưu ấy nên được giải tội.

34-40. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Này các Tỳ-khưu, sự giải tội không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *Parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình

phạt *Mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *Mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Vị Tỳ-khưu ấy nên được giải tội.

Bốn mươi trường hợp hành *Parivāsa* được đầy đủ.

--ooOoo--

4. BA MƯƠI SÁU TRƯỜNG HỢP HÀNH *PARIVĀSA*

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

4-9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

10-36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* ...(nt)... đang thực hành hình phạt *Mānatta* ...(nt)... xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn

lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

Ba mươi sáu trường hợp được đầy đủ.

--ooOoo--

5. MỘT TRĂM TRƯỜNG HỢP *MĀNATTA*

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, hình phạt *Mānatta* nên được ban cho vị Tỳ-khưu ấy.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế về sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này cũng không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã

được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta.*

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta.*

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy

sau này nhận biết và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta*.

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu

giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta.*

17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa.* Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta.*

18. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa.* Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta.*

19. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa.* Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta.*

20. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa.* Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho

hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta.*

21-40. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi xuống Sa-di. [Nên được giải thích chi tiết như phần trên] ...(nt).

41-60. ...(nt)... bị điên. ...(nt).

61-80. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt).

81-100. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. ...(nt)... Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt *Mānatta.*

Dứt một trăm trường hợp *Mānatta.*

--ooOoo--

6. BỐN TRĂM TRƯỜNG HỢP ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không được che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào

trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã

không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

18. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

19. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

20. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

21-40. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi xuống Sa-di. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới].

41-60. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới].

61-80. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới].

81-100. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới] Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. ...(nt)... Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ thì vị ấy giấu giếm, các tội nào vị ấy có nghi ngờ thì vị ấy không giấu giếm. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

101-200. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt *Mānatta* ...(nt)... [dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục] ...(nt).

201-300. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị đang thực hành hình phạt *Mānatta* ...(nt)... [dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục] ...(nt).

301-400. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt)... [Vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, vị thực hành *Mānatta*, và vị xứng đáng giải tội nên được giải thích chi tiết như vị hành *Parivāsa*]. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*, không che giấu, rồi xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. Các tội của vị ấy có che

giấu và không che giấu. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. ...(nt)... Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy.

Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt *Parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

Dứt bốn trăm trường hợp đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

--ooOoo--

7. TÁM TRƯỜNG HỢP CÓ HẠN LƯỢNG V.V...

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* không hạn lượng, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* cùng một tội danh, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* khác tội danh, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* cùng nhóm phân loại, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* khác nhóm phân loại, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* riêng biệt, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có liên quan,[2] không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt).

[Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]

Dứt tám trường hợp có hạn lượng, v.v...

--ooOoo--

8. MƯỜI MỘT TRƯỜNG HỢP VỀ HAI VỊ TỲ-KHƯU

1. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa.* Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội *Saṅghādisesa.* Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

2. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa.* Hai vị có nghi ngờ là tội *Saṅghādisesa.* Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

3. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa.* Hai vị có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội *Saṅghādisesa.* Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

4. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội lẫn lộn. Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội lẫn lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

5. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội lẫn lộn. Hai vị có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội lẫn lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

[2] Trong số 13 tội *Saṅghādisesa*, các tội 1, 5, 12, 13 là *vavatthitā* (riêng biệt), các nhóm tội (2, 3, 4), (6, 7, 8), (9, 10, 11) là *sambhinnā* (có liên quan). Về hai từ *sabhāgā* (cùng nhóm phân loại) và *visabhāgā* (khác nhóm phân loại) chỉ khác cách nói còn ý nghĩa thì tương tự (*VinA*. VI. 1191).

6. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội nhẹ.[3] Hai vị có quan điểm là *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội nhẹ. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa*. Cả hai vị nên được hành xử theo pháp.

7. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội nhẹ. Hai vị có quan điểm là tội nhẹ trên cơ sở tội nhẹ. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa*. Cả hai vị nên được hành xử theo pháp.

8. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội *Saṅghādisesa*. Một vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ khai báo"; vị kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không khai báo." Vị ấy giấu giếm ở canh thứ nhất, giấu giếm ở canh thứ nhì, giấu giếm ở canh thứ ba, khi hừng đông đã ló dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

9. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội *Saṅghādisesa*. Hai vị ra đi [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ khai báo." Trên đường đi, pháp giả dối sanh khởi ở một vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không khai báo." Vị ấy giấu giếm ở canh thứ nhất, giấu giếm ở canh thứ nhì, giấu giếm ở canh thứ ba, khi hừng đông đã ló dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

10. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội *Saṅghādisesa*. Hai vị bị điên. Về sau, khi hai vị hết bị điên, một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

11. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa*. Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, hai vị phát biểu như vầy: "Cho đến hôm nay, chúng tôi mới biết được rằng: Nghe nói pháp này cũng được truyền lại trong Giới bổn, được chứa đựng trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng." Hai vị có quan điểm là tội *Saṅghādisesa* trên cơ sở tội *Saṅghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *Dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *Parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *Mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

Dứt mười một trường hợp về hai vị Tỳ-khưu.

--ooOoo--

[3] *Chú giải* giải thích rằng, sau tội *Saṅghādisesa* là nhóm các tội nhẹ (*VinA*. VI. 1191).

9. CHÍN TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp, rồi giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy.

4-7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội.

Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy.

Dứt chín trường hợp không được trong sạch trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

--ooOoo--

10. CHÍN TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1-3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt)... Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy.

4-6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy.

7-9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta*

đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy.

Dứt chín trường hợp được trong sạch trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

--ooOoo--

11. CHÍN TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TRONG SẠCH THỨ NHÌ TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành *Parivāsa*", dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu.

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy [suy nghĩ] như sau: "Ta đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: 'Ta đang hành *Parivāsa*', dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu.

Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?"

Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy.

2-3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành *Parivāsa*", dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu.

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy [nghĩ] như sau: "Ta đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng ...(nt)..., riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: 'Ta đang hành *Parivāsa*', dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?"

Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy.

4-6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)..., riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành *Parivāsa*", ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vị ấy, trong khi biết rằng: "Ta đang hành *Parivāsa*", ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không

hạn lượng, có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành *Parivāsa*", dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu.

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy [suy nghĩ] như sau: "Ta đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: 'Ta đang hành *Parivāsa*', dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?"

Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa*: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu

hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành *Parivāsa*", dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu.

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy [suy nghĩ] như sau: "Ta đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *Parivāsa*, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: 'Ta đang hành *Parivāsa*', dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?"

Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt *Parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *Mānatta* đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy.

Dứt chín trường hợp không được trong sạch thứ nhì
trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu.
Chương "Tích lũy tội" là thứ ba.

*****

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Bậc Hiền Sĩ đã thuyết về tội không che giấu, [che giấu] một ngày, hai ngày, ba ngày và bốn ngày, năm ngày, nửa tháng, mười ngày và [hình phạt *Parivāsa*] từ mốc trong sạch.

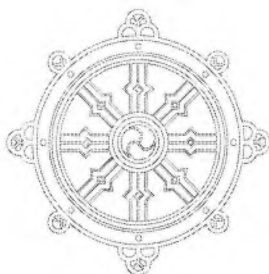
2. Trong khi hoàn tục, về tám trường hợp có hạn lượng, hai vị Tỳ-khưu, tại nơi ấy có sự suy nghĩ, cả hai nghi ngờ, có quan điểm là tội lẫn lộn, có quan điểm là tội nặng trên cơ sở tội lẫn lộn.

3. Có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội lẫn lộn, có quan điểm là tội nặng trên cơ sở tội nhẹ, có quan điểm là trong sạch và vị giấu giếm, rồi với vị ra đi.

4. Vị bị điên và việc trình báo, về lại [hình phạt] ban đầu, vị trong sạch trở lại. Các lời dạy vì sự tồn tại của Chánh pháp là của các Giáo thọ sư nhóm Vibhajja, cư trú tại Mahāvihāra, những vị làm rạng ngời đảo Tambapaṇṇi.

Dứt chương "Tích lũy tội."

--ooOoo--



IV. CHƯƠNG DÀN XẾP

1. HÀNH XỬ LUẬT VỚI SỰ HIỆN DIỆN

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo đối với các vị Tỳ-khưu không có hiện diện. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện?

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI SAI PHÁP

Một người nói sai Pháp, nhiều người nói sai Pháp, hội chúng nói sai Pháp. Một người nói đúng Pháp, nhiều người nói đúng Pháp, hội chúng nói đúng Pháp.

1. Một người nói sai Pháp khiến một người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

2. Một người nói sai Pháp khiến nhiều người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

3. Một người nói sai Pháp khiến hội chúng nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

4. Nhiều người nói sai Pháp khiến một người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

5. Nhiều người nói sai Pháp khiến nhiều người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

6. Nhiều người nói sai Pháp khiến hội chúng nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

7. Hội chúng nói sai Pháp khiến một người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

8. Hội chúng nói sai Pháp khiến nhiều người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

9. Hội chúng nói sai Pháp khiến hội chúng nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Dứt chín trường hợp nói sai Pháp.

*****

CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI ĐÚNG PHÁP

1. Một người nói đúng Pháp khiến một người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

2. Một người nói đúng Pháp khiến nhiều người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

3. Một người nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

4. Nhiều người nói đúng Pháp khiến một người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

5. Nhiều người nói đúng Pháp khiến nhiều người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

6. Nhiều người nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

7. Hội chúng nói đúng Pháp khiến một người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

8. Hội chúng nói đúng Pháp khiến nhiều người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

9. Hội chúng nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Dứt chín trường hợp nói đúng Pháp.

--ooOoo--

2. HÀNH XỬ LUẬT BẰNG SỰ GHI NHỚ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.[1] Vào lúc bấy giờ, phẩm vị A-la-hán đã được Đại đức Dabba Mallaputta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Vị ấy đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với vị ấy, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Khi ấy, Đại đức Dabba Mallaputta, trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?" Rồi điều này đã khởi đến cho Đại đức Dabba Mallaputta: "Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?"

2. Sau đó vào buổi tối, Đại đức Dabba Mallaputta đã xuất khỏi thiền tịnh và đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Dabba Mallaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

[1] Câu chuyện này được thấy ở điều học *Saṅghādisesa* 8 nhưng đoạn kết khác biệt. Xem *TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 236-42; *TTPV*, tập 1, tr. 416-25.

– Bạch Ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?" Bạch Ngài, rồi điều này đã khởi đến cho con: "Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?" Bạch Ngài, con muốn phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.

– Này Dabba, tốt lắm, tốt lắm! Chính vì điều ấy, ngươi hãy phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Dabba Mallaputta đã đáp lại đức Thế Tôn.

3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy chỉ định Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, Dabba cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Đại đức Dabba Mallaputta đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

4. Và khi đã được chỉ định, Đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu có cùng sở hành. Vị ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên về Kinh [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ tụng đọc Kinh với nhau." Vị ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu rành rẽ về Luật [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ xác định về Luật với nhau." Vị ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên giảng pháp [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ thảo luận về pháp với nhau." Vị ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên về thiền [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ không quấy rầy lẫn nhau." Vị ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên nói chuyện thế tục, sinh hoạt có nhiều sự năng động về thân [nghĩ rằng]: "Các Đại đức này cũng sẽ yên ổn với thú vui ấy." Còn các Tỳ-khưu

đi đến vào buổi tối, vị ấy thể nhập vào hỏa giới và phân bố chỗ trú cho các vị ấy bằng chính ánh sáng ấy.

5. Cho nên, các Tỳ-khưu cố ý đi đến vào buổi tối [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ chứng kiến sự kỳ diệu về thần thông của Đại đức Dabba Mallaputta." Sau khi đi đến gặp Đại đức Dabba Mallaputta, các vị ấy nói như vầy:

– Này Đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ trú cho chúng tôi.

Đại đức Dabba Mallaputta nói với các vị ấy như vầy:

– Các Đại đức thích chỗ nào? Tôi sẽ phân bố chỗ nào?

Các vị ấy cố ý đề cập các chỗ xa xôi:

– Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở núi Gijjhakūṭa. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở khe núi Kẻ Cướp. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở sườn núi Isigili, chỗ tảng đá Đen. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở sườn núi Vebhāra, hang Sattapaṇṇa. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở Sītavana, động Sappasoṇḍika. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở hẻm núi Gotama. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở hẻm núi Tinduka. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở hẻm núi Tapoda. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở khu vườn Tapoda. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở vườn xoài của Jīvaka. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở Maddakucchi, nơi vườn Nai.

6. Đối với các vị ấy, Đại đức Dabba Mallaputta đã thể nhập vào hỏa giới và đi ở phía trước với ngón tay đang được thắp sáng. Chính nhờ ánh sáng ấy, các vị ấy đi theo sát ở phía sau Đại đức Dabba Mallaputta. Đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú cho các vị ấy như vầy: "Đây là giường, đây là ghế, đây là nệm, đây là gối, đây là chỗ tiêu, đây là chỗ tiểu, đây là nước uống, đây là nước rửa, đây là gậy chống, đây là quy định của hội chúng: 'Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.'" Sau khi đã phân bố chỗ trú cho các vị ấy, Đại đức Dabba Mallaputta quay trở về lại Veḷuvana.

7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka chỉ là các vị mới tu và phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ trú kém thuộc về hội chúng và những bữa ăn tồi. Vào lúc bấy giờ, dân chúng ở Rājagaha mong muốn cúng dường đến các Tỳ-khưu trưởng lão thức ăn được chuẩn bị hoàn hảo, gồm có bơ lỏng, dầu ăn, phần ăn thượng hạng, và thường dâng đến các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka vật bình thường theo khả năng, gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. Các vị ấy khi đi thọ thực về, sau bữa ăn thường hỏi các Tỳ-khưu trưởng lão rằng:

– Này các Đại đức, các vị đã có thức gì ở tại nhà ăn? Các vị đã có thức gì?

Một số Trưởng lão trả lời như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi có bơ lỏng, có dầu ăn, có phần ăn thượng hạng.

Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi đã không được gì cả, chỉ là vật bình thường theo khả năng, gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua.

8. Vào lúc bấy giờ, có vị gia chủ là người có bữa ăn ngon, thường cúng dường đến hội chúng, bữa ăn gồm bốn phần là bữa ăn thường lệ. Vị ấy cùng vợ và các con thường hiện diện và phục vụ ở nhà ăn. Họ dâng các vị này cơm, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn và dâng các vị khác phần ăn thượng hạng. Vào lúc bấy giờ, bữa ăn vào ngày hôm sau của vị gia chủ có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Hôm ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện bởi công việc cần làm nào đó. Vị ấy đã đi đến Đại đức Dabba Mallaputta, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Dabba Mallaputta rồi ngồi xuống một bên. Khi vị gia chủ có bữa ăn ngon đã ngồi xuống một bên, Đại đức Dabba Mallaputta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho vị gia chủ có bữa ăn ngon bằng bài pháp thoại.

9. Sau đó, khi đã được Đại đức Dabba Mallaputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã nói với Đại đức Dabba Mallaputta điều này:

– Thưa ngài, bữa ăn vào ngày mai ở nhà chúng tôi đã được sắp xếp cho vị nào?

– Này gia chủ, bữa ăn vào ngày mai ở nhà gia chủ đã được sắp xếp cho các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Khi ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã không được hài lòng [nghĩ rằng]: "Tại sao các Tỳ-khưu tồi lại thọ thực ở nhà của chúng ta?" rồi đã đi về nhà và dặn dò người tớ gái rằng:

– Này con, hãy xếp đặt chỗ ngồi cho các vị đến thọ thực vào ngày mai ở nhà kho, hãy phục vụ các vị ấy với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua.

– Thưa ông chủ, xin vâng.

Người tớ gái ấy đã đáp lại vị gia chủ có bữa ăn ngon.

10. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka [bàn bạc rằng]: "Này các Đại đức, hôm qua bữa ăn của vị gia chủ là người có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho chúng ta. Vào ngày mai, vị gia chủ có bữa ăn ngon cùng vợ và các con sẽ hiện diện và phục vụ chúng ta. Họ sẽ dâng các vị này cơm, sẽ dâng các vị kia canh, sẽ dâng các vị nọ dầu ăn và sẽ dâng các vị khác phần ăn thượng hạng." Do chính tâm vui mừng ấy, ban đêm các vị đã không ngủ được như ý.

11. Sau đó, vào buổi sáng, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của vị gia chủ có bữa ăn ngon. Cô tớ gái ấy đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho và nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

– Thưa các ngài, xin hãy ngồi.

Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka khởi ý điều này: "Chắc hẳn đến giờ này, bữa ăn vẫn chưa hoàn tất nên chúng ta mới được cho ngồi ở nhà kho như thế này!" Sau đó, cô tớ gái ấy đã trở lại với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua [nói rằng]:

– Thưa các ngài, xin hãy thọ thực.

– Này chị gái, chúng tôi là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ.

– Tôi biết các ngài Đại đức là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ. Tuy nhiên, chính ngày hôm qua, tôi đã được vị gia chủ dặn dò rằng: "Này con, hãy xếp đặt chỗ ngồi cho các vị đến thọ thực vào ngày mai ở nhà kho, hãy phục vụ các vị ấy với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua." Thưa các ngài, xin hãy thọ thực.

12. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka [bàn bạc rằng]: "Này các Đại đức, hôm qua vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện gặp Dabba Mallaputta. Chắc chắn rằng chúng ta đã bị Dabba Mallaputta ly gián với vị gia chủ!" Chính vì tâm bực bội ấy, các vị ấy đã không thọ thực được như ý. Sau đó, khi trở về từ chỗ thọ thực sau bữa ăn, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến tu viện, bỏ bê y bát, rồi ngồi xuống ôm đầu gối bằng y hai lớp ở phía bên ngoài cổng ra vào của tu viện, im lặng, rút vai lại, mặt cúi xuống, trầm ngâm, không nói năng.

13. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni Mettiyā đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

– Tôi xin chào các ngài Đại đức.

Khi được nói như thế, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Tỳ-khưu-ni Mettiyā đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

– Tôi xin chào các ngài Đại đức.

Đến lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

– Có phải tôi làm phật lòng các ngài Đại đức? Tại sao các ngài Đại đức không nói chuyện với tôi?

– Này chị gái, bởi vì cô vẫn dửng dưng như thế trong khi chúng tôi bị Dabba Mallaputta làm tổn hại.

– Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì?

– Này chị gái, nếu cô chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay, đức Thế Tôn có thể trục xuất Dabba Mallaputta.

– Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì?

14. – Này chị gái, hãy đến. Cô hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vầy: "Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không

thích đáng. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng, nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputta."

– Thưa các ngài Đại đức, xin vâng.

Rồi Tỳ-khưu-ni Mettiyā nghe theo các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Tỳ-khưu-ni Mettiyā đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng, nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputta.

15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputta rằng:

– Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này đã nói không?

– Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Dabba Mallaputta điều này:

– Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này đã nói không?

– Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà. ...(nt).

Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Dabba Mallaputta điều này:

– Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này đã nói không?

– Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà.

– Này Dabba, các vị [dòng dõi] Dabba không phủ nhận như thế. Nếu ngươi có làm, hãy nói: "Có làm"; nếu ngươi không làm, hãy nói: "Không làm."

– Bạch Ngài, từ khi con được sanh ra, con không thấy mình là kẻ đã thực hành việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, các ngươi hãy trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyā và hãy tra hỏi các Tỳ-khưu này.

Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào trú xá.

16. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyā. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Đại đức, chớ có trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyā, cô ta không làm sai điều gì. Vì chúng tôi nổi giận, không hài lòng, có ý định loại trừ nên xúi giục cô ta thôi.

– Này các Đại đức, có phải các vị bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ?"

17. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bôi nhọ Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

Sau khi khiển trách, ...(nt)... Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

18. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ.[2] Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Dabba Mallaputta ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt).

Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. "Bạch các ngài, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ lần thứ ba."

19. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, Đại đức Dabba Mallaputta thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời

---

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ này nên cho đến chính vị có các lậu hoặc đã được đoạn diệt, không cho đến vị khác ngay cả vị Bất lai (*Sdd.* 1192).

điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputta, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, Đại đức Dabba Mallaputta thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputta, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputta, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, Đại đức Dabba Mallaputta thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputta, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputta, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban cho Đại đức Dabba Mallaputta, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Vị Tỳ-khưu được trong sạch không có phạm tội, các vị [khác] vu cáo vị ấy, vị ấy thỉnh cầu, hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị ấy đúng Pháp, với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

Dứt cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

--ooOoo--

3. HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG

1. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu Gagga bị điên và bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách Tỳ-khưu Gagga với tội đã được thực hiện [bởi vị ấy] khi bị điên, bị thay đổi tâm tính:

– Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?

Vị ấy nói như vầy:

– Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.

Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng:

– Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?

2. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Vì sao các Tỳ-khưu lại khiển trách Tỳ-khưu Gagga với tội đã được thực hiện khi vị ấy bị điên, bị thay đổi tâm tính: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?" Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng." Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

Sau khi khiển trách, ...(nt)... Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

3. – Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Gagga ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Tôi nói với các vị ấy như vầy:

'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.' Mặc dầu được tôi nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Bạch các ngài,

giờ không điên cuồng, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt).

Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. "Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Tôi nói với các vị ấy như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.' Mặc dầu được tôi nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Bạch các ngài, giờ không bị điên cuồng, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng lần thứ ba."

4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách Tỳ-khưu Gagga với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Vị ấy nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.' Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Vị ấy giờ không bị điên cuồng nên thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách Tỳ-khưu Gagga với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Vị ấy nói như vầy:

'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.' Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách

rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Vị ấy giờ không bị điên cuồng nên thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

5. Này các Tỳ-khưu, đây là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ba [sự ban cho] là đúng Pháp.

Thế nào là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?" Vị ấy dầu có nhớ vẫn nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp.

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?" Vị ấy dầu có nhớ vẫn nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vậy." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp.

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?" Vị ấy là vị không bị điên, [giả vờ] hành động trên cơ sở bị điên [nói rằng]: "Tôi cũng làm như thế. Các vị cũng làm như thế. Điều ấy cũng được phép đối với tôi. Điều ấy cũng được phép đối với các vị." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp. Đây là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

6. Thế nào là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một

vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?" Vị ấy thật không nhớ được nên nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không nhớ được là đã phạm tội như thế." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?" Vị ấy thật không nhớ được nên nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vậy." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?" Vị ấy là vị bị điên, hành động trên cơ sở bị điên [nói rằng]: "Tôi cũng làm như thế. Các vị cũng làm như thế. Điều ấy cũng được phép đối với tôi. Điều ấy cũng được phép đối với các vị." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

Đây là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

--ooOoo--

4. VIỆC PHÁN XỬ THEO TỘI ĐÃ ĐƯỢC THỪA NHẬN

7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, và án treo đối với các Tỳ-khưu không có sự thừa nhận. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, và án treo đối với các Tỳ-khưu không có sự thừa nhận?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo không nên thực hiện đối với các Tỳ-khưu không có sự thừa nhận; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa.*

8. Này các Tỳ-khưu, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như vầy là sai Pháp, như vầy là đúng Pháp. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp?

Vị Tỳ-khưu phạm tội *Pārājika.* Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải vị Đại đức đã phạm tội *Pārājika*?" Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội *Pārājika*, tôi đã phạm tội *Saṅghādisesa.*" Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *Saṅghādisesa.* Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp.

Vị Tỳ-khưu phạm tội *Pārājika.* Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải vị Đại đức đã phạm tội *Pārājika*?" Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội *Pārājika*, tôi đã phạm tội *Thullaccaya.* ...(nt)... tội *Pācittiya.* ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya.* ...(nt)... tội *Dukkaṭa.* ...(nt)... tội *Dubbhāsita.* Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *Dubbhāsita.* Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp.

Vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... tội *Thullaccaya.* ...(nt)... tội *Pācittiya.* ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya.* ...(nt)... tội *Dukkaṭa.* ...(nt)... tội *Dubbhāsita.* Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải vị Đại đức đã phạm tội *Dubbhāsita*?" Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội *Dubbhāsita*, tôi đã phạm tội *Pārājika.*" Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *Pārājika.* Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp.

Vị Tỳ-khưu phạm tội *Dubbhāsita.* Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải vị Đại đức đã phạm tội *Dubbhāsita*?" Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội *Dubbhāsita*, tôi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... tôi đã phạm tội *Thullaccaya.* ...(nt)... tội *Pācittiya.* ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya.* ...(nt)... tội *Dukkaṭa.*" Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *Dukkaṭa.* Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế gọi là sai Pháp.

9. Này các Tỳ-khưu, thế nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp?

Vị Tỳ-khưu phạm tội *Pārājika.* Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải vị Đại đức đã phạm tội *Pārājika*?" Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã phạm tội *Pārājika.*" Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *Pārājika.* Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp.

Vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... tội *Thullaccaya.* ...(nt)... tội *Pācittiya.* ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya.* ...(nt)... tội *Dukkaṭa.* ...(nt)... tội *Dubbhāsita.*

Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải vị Đại đức đã phạm tội *Dubbhāsita*?" Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã phạm tội *Dubbhāsita*." Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *Dubbhāsita*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp.

Này các Tỳ-khưu, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế gọi là đúng Pháp.

--ooOoo--

5. THUẬN THEO SỐ ĐÔNG

10. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sống có nảy sinh các sự xung đột giữa hội chúng, có nảy sinh các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi và làm tổn thương lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Họ không thể giải quyết sự tranh tụng ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế thuận theo số đông.

11. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên được chỉ định làm vị phân phát thẻ: Là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi và là vị biết [thẻ] đã được nhận hay đã không được nhận. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

12. Này các Tỳ-khưu, đây là mười sự phân phát thẻ sai Pháp, mười [sự phân phát thẻ] đúng Pháp.

Thế nào là mười sự phân phát thẻ sai Pháp? Khi sự tranh tụng là việc nhỏ nhặt, chưa đến mức phải xử lý,[3] không được nhớ lại hoặc [không được] làm cho nhớ lại, [vị phân phát thẻ] biết rằng: "Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn",

[3] *Na gatigataṃ hoti*: Ngài Buddhaghosa giải thích rằng sự tranh tụng ấy chưa được đưa đến hai, ba trú xứ, tại nơi ấy hoặc tại chính nơi kia chưa được phán xét hai, ba lần (*VinA*. VI. 1192).

[nghĩ rằng]: "Có lẽ các vị nói sai Pháp là nhiều hơn", biết rằng: "Hội chúng sẽ bị chia rẽ", [nghĩ rằng]: "Có lẽ hội chúng sẽ bị chia rẽ", các vị nhận lãnh thẻ không được hợp lệ, các vị có sự chia phe nhóm khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh không theo quan điểm [của bản thân]. Đây là mười sự phân phát thẻ sai Pháp.

Thế nào là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp? Khi sự tranh tụng không phải là việc nhỏ nhặt, đã đến mức phải xử lý, được nhớ lại hoặc [được] làm cho nhớ lại, [vị phân phát thẻ] biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", [nghĩ rằng]: "Có lẽ các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", biết rằng: "Hội chúng sẽ không bị chia rẽ", [nghĩ rằng]: "Có lẽ hội chúng sẽ không bị chia rẽ", các vị nhận lãnh thẻ một cách hợp lệ, các vị có sự hợp nhất khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh theo quan điểm [của bản thân]. Đây là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp.

--ooOoo--

6. THEO TỘI CỦA VỊ ẤY

13. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu Uvāḷa, trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu Uvāḷa, trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá?"

14. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu Uvāḷa. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Uvāḷa cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở rồi cần được xác định tội; sau khi được xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Uvāḷa này, trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu Uvāḷa. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Uvāḷa này, trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu Uvāḷa. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu Uvāḷa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực hiện đến Tỳ-khưu Uvāḷa. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự thực hiện đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy: Là vị không trong sạch, không có hổ thẹn, có sự khiển trách, hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vị ấy cho vị ấy đúng theo pháp, với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự thực hiện đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy.

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

15. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. ...(nt)... Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. [Nên được giải thích chi tiết như hành sự khiển trách].

*****

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

16. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. ...(nt)... Được thực hiện sau khi xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. [Nên được giải thích chi tiết như phần sáng ở hành sự khiển trách].

*****

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

17. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. (1)

Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tà kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba đặc tính này. (2)

Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. (3)

Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng Tỳ-khưu này. (4)

Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tà kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... đối với ba hạng Tỳ-khưu này. (5)

Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng Tỳ-khưu này. (6)

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn.

*****

MƯỜI TÁM PHẬN SỰ

18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, ...(nt)... [không nên] cấu kết với các Tỳ-khưu.

Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với Tỳ-khưu Uvāḷa.

--ooOoo--

7. CÁCH DÙNG CỎ CHE LẤP

19. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Khi ấy, điều này đã khởi đến các vị Tỳ-khưu ấy: "Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa; vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?"

20. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, nếu các Tỳ-khưu [nghĩ] như vầy: "Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, có nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa?" Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế bằng cách dùng cỏ che lấp.

Và này các Tỳ-khưu, nên giải quyết như vầy: Toàn bộ tất cả nên tụ họp lại một chỗ; sau khi tụ họp lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử

lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng,[4] ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ."

21. Một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu, cùng thuộc về một phe nên thông báo đến phe của mình rằng:

"Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư Đại đức và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính chư Đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ."

Rồi một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng:

"Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt)... đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư Đại đức và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính chư Đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ."

22. Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về một phe rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt)... đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt)... đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ

[4] Lỗi nghiêm trọng là tội *Pārājika* và tội *Saṅghādisesa* (*VinA*. VI. 1194).

che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Các tội này của chúng tôi đã được trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

23. Rồi hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về phe kia rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt)... đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ...(nt)... ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt)... đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ...(nt)... ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Các tội này của chúng tôi đã được trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Và này các Tỳ-khưu, như thế các Tỳ-khưu ấy đã được thoát khỏi các tội ấy, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, ngoại trừ [các vị] có quan điểm khác về hành sự này, ngoại trừ các vị không hiện diện ở đó.

--ooOoo--

8. BỐN SỰ TRANH TỤNG

24. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu tranh cãi với các Tỳ-khưu-ni, các Tỳ-khưu-ni cũng tranh cãi với các Tỳ-khưu. Tỳ-khưu Channa, sau khi theo phe các Tỳ-khưu-ni cũng tranh cãi với các Tỳ-khưu và được xem là thuộc phe các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu Channa, sau khi theo phe các Tỳ-khưu-ni, lại tranh cãi với các Tỳ-khưu và được xem là thuộc phe các Tỳ-khưu-ni?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

25. – Này các Tỳ-khưu, đây là bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Đây là Pháp", hoặc "đây không phải là Pháp", hoặc "đây là Luật", hoặc "đây không phải là Luật", hoặc "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy định", hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy định", hoặc "điều ấy là phạm tội", hoặc "điều ấy là không phạm tội", hoặc "điều ấy là tội nhẹ", hoặc "điều ấy là tội nặng", hoặc "tội còn dư sót", hoặc "tội không còn dư sót",[5] hoặc "tội xấu xa", hoặc "tội không xấu xa." Ở đây, việc nào là sự xung đột, sự gây gổ, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến tội? Năm nhóm tội[6] là sự tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội[7] là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tội.

---

[5] Tội không còn dư sót là nhóm tội *Pārājika*. Tội còn dư sót là sáu nhóm tội còn lại (*VinA*. VII. 1319).

[6] Năm nhóm tội: *Pārājika*, *Saṅghādisesa*, *Nissaggiya Pācittiya*, *Pācittiya* và *Dukkaṭa*.

[7] Thêm vào *Thullaccaya* và *Dubbhāsita* là bảy.

Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? Việc gì thuộc về hội chúng cần phải hoàn thành, cần phải thực hiện, [tức là] hành sự với lời công bố,[8] hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

26. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là gì? Có sáu nguyên nhân tranh cãi là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cũng có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và cũng có ba nguyên nhân tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Sáu nguyên nhân tranh cãi nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu trở nên giận dữ, có sự hằn học. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sống không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; ...(nt)... Giáo pháp; ...(nt)... Hội chúng; ...(nt)... có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai, cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa: Có vị Tỳ-khưu trở nên đạo đức giả, dối trá; ...(nt)... trở nên đố kỵ, bỏn xẻn; ...(nt)... trở nên mưu mẹo, xảo trá; ...(nt)... trở nên ác dục tà kiến; ...(nt)... trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sống không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính, không phục tùng

[8] Hành sự công bố hành xử 5 trường hợp: Sự phục hồi, sự đuổi đi, hành sự cạo tóc (*bhaṇḍukamma*), hình phạt *Brahma* (Phạm đàn), và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ năm. Xem tr. 1399 trong tập này; *TTPV*, tập 9, *Parivāra* (*Tập yếu*) II, tr. 306.

bậc Đạo sư; ...(nt)... Giáo pháp; ...(nt)... Hội chúng; ...(nt)... có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Sáu nguyên nhân tranh cãi này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

27. Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu tranh cãi do tâm tham lam, tranh cãi do tâm xấu xa, tranh cãi do tâm mê muội rằng: "Đây là Pháp", hoặc "đây không phải là Pháp", hoặc "đây là Luật", hoặc "đây không phải là Luật", hoặc "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy định", hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy định", hoặc "điều ấy là phạm tội", hoặc "điều ấy là không phạm tội", hoặc "điều ấy là tội nhẹ", hoặc "điều ấy là tội nặng", hoặc "tội còn dư sót", hoặc "tội không còn dư sót", hoặc "tội xấu xa", hoặc "tội không xấu xa." Ba nguyên nhân không tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi do tâm không tham lam, tranh cãi do tâm không xấu xa, tranh cãi do tâm không mê muội rằng: "Đây là Pháp", hoặc "đây không phải là Pháp", ...(nt)... hoặc "tội xấu xa", hoặc "tội không xấu xa." Ba nguyên nhân tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

28. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là gì?

– Có sáu nguyên nhân khiển trách là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cũng có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; và cũng có ba nguyên nhân tốt đẹp

là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cơ thể (thân) cũng là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và lời nói (khẩu) cũng là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Sáu nguyên nhân khiển trách nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu trở nên giận dữ, có sự hằn học. Vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sống không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; ...(nt)... Giáo pháp; ...(nt)... Hội chúng; ...(nt)... có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

29. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa: Có vị Tỳ-khưu trở nên đạo đức giả, dối trá; ...(nt)... trở nên đố kỵ, bỏn xẻn; ...(nt)... trở nên mưu mẹo, xảo trá; ...(nt)... trở nên ác dục, tà kiến; ...(nt)... trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sống không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; ...(nt)... Giáo pháp; ...(nt)... Hội chúng; ...(nt)... có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Này các

Tỳ-khưu, nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Sáu nguyên nhân khiển trách này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

30. Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu do tâm tham lam, khiển trách do tâm xấu xa, khiển trách do tâm mê muội với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ba nguyên nhân không tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu do tâm không tham lam, khiển trách do tâm không xấu xa, khiển trách do tâm không mê muội với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ba nguyên nhân tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

31. Cơ thể (thân) như thế nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

– Ở đây, có vị có màu da tối, có vóc dáng xấu xí, lùn tịt, nhiều bệnh: Hoặc là chột mắt, hoặc là chân bị tật, hoặc bị què, hoặc bị liệt nửa thân, các vị khiển trách vị ấy về điều ấy. Cơ thể (thân) như thế ấy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Lời nói (khẩu) như thế nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Ở đây, có vị có giọng nói khó [nghe], có tật cà lăm, có giọng nói khàn khàn, các vị khiển trách vị ấy về điều ấy. Lời nói (khẩu) như thế ấy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

32. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội là gì?

– Sáu nguồn sanh tội là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội. Có sự phạm tội sanh lên do thân, không do khẩu, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do khẩu, không do thân, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do thân và do khẩu, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Có sự phạm tội sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. Có sự phạm tội sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Sáu nguồn sanh tội này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội.

33. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là gì?

– Có một nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là hội chúng.

34. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt, là xấu, [hay] là không tốt không xấu?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là tốt?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi do tâm thiện: "Đây là Pháp", hoặc "đây không phải là Pháp", ...(nt)... hoặc "tội xấu xa", hoặc "tội không xấu xa." Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được gọi là tốt.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là xấu?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi do tâm bất thiện: "Đây là Pháp", hoặc "đây không phải là Pháp", ...(nt)... "tội xấu xa", hoặc "tội không xấu xa." Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được gọi là xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là không tốt không xấu?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu tranh cãi với tâm vô ký: "Đây là Pháp", hoặc "đây không phải là Pháp", ...(nt)... hoặc "tội xấu xa", hoặc "tội không xấu xa." Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, ...(nt)... sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được gọi là không tốt không xấu.

Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt, là xấu, [hay] là không tốt không xấu?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là tốt?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu do tâm thiện khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, được gọi là tốt.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là xấu?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu do tâm bất thiện khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với

sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng, liên quan đến khiển trách, được gọi là xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là không tốt không xấu?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu do tâm vô ký khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng, liên quan đến khiển trách, được gọi là không tốt không xấu.

36.[9] Sự tranh tụng liên quan đến tội là xấu [hay] là không tốt không xấu?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu, không có sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội nào là xấu?

– Việc [vị Tỳ-khưu] có sự vi phạm trong khi nhận biết, trong khi nhận thức rõ, đã cố ý, rồi vượt qua; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tội được gọi là xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội nào là không tốt không xấu?

– Này các Tỳ-khưu, việc [vị Tỳ-khưu] có sự vi phạm trong khi không nhận biết, trong khi không nhận thức rõ, đã không cố ý, rồi không vượt qua; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tội, được gọi là không tốt không xấu.

37. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt, là xấu, [hay] là không tốt không xấu?

– Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là tốt?

– Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư với tâm thiện; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, được gọi là tốt.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là xấu?

– Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư với tâm bất thiện; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, được gọi là xấu.

---

[9] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 35) nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là không tốt không xấu?

– Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư với tâm vô ký; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, được gọi là không tốt không xấu.

38. [Một việc có thể] là sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi; vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi [hay không]?

– [Một việc] có thể là sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng, liên quan đến tranh cãi; có thể là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng; có thể là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi; có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

Ở đây, việc nào là sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Đây là Pháp", hoặc "đây không phải là Pháp", ...(nt)... hoặc "tội xấu xa", hoặc "tội không xấu xa." Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy là sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng, liên quan đến tranh cãi.

Ở đây, việc nào là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng?

– Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chị em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; việc ấy là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; việc ấy là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

39. [Một việc có thể] là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; là sự khiển trách, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là sự khiển trách; vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách [hay không]?

– [Một việc] có thể là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; có thể là sự khiển trách, không là sự tranh tụng; có thể là sự tranh tụng, không là sự khiển trách; có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

Ở đây, việc nào là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về

tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Ở đây, việc nào là sự khiển trách, không là sự tranh tụng?

– Mẹ khiển trách con trai, con trai khiển trách mẹ, cha khiển trách con trai, con trai khiển trách cha, anh em trai khiển trách anh em trai, anh em trai khiển trách chị em gái, chị em gái khiển trách anh em trai, bạn bè khiển trách bạn bè; việc ấy là sự khiển trách, không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng, không là sự khiển trách?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; việc ấy là sự tranh tụng, không là sự khiển trách.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

40. [Một việc có thể] là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội; là sự phạm tội, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là sự phạm tội; vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội [hay không]?

– [Một việc] có thể là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội; có thể là sự phạm tội, không là sự tranh tụng; có thể là sự tranh tụng, không là sự phạm tội; có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội.

Ở đây, việc nào là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội?

– Năm nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội.

Ở đây, việc nào là *āpatti* (sự phạm tội), không là sự tranh tụng?

– Quả vị Nhập lưu (*Sotāpatti*), sự thành đạt (*samāpatti*); việc ấy là *āpatti* (có tiếp vĩ ngữ *āpatti*) không là sự tranh tụng.[10]

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng, không là sự phạm tội?

– Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; việc ấy là sự tranh tụng, không là sự phạm tội.

---

[10] Đây là nghệ thuật chơi chữ: Nghĩa căn bản của từ *āpatti* là “sự đạt đến”, nghĩa thông dụng là “sự phạm tội, hay tội vi phạm.” Trường hợp hai hợp từ là *sotāpatti* (*sota-āpatti*) và *samāpatti* (*sam-āpatti*) do được ghép với tiếp vĩ ngữ *āpatti*. Từ *sotāpatti* có ý nghĩa là sự đạt đến dòng chảy, sự tiến vào dòng Thánh, tức là quả vị Nhập lưu; còn từ *samāpatti* có ý nghĩa là sự đạt đến trọn vẹn, sự tự mình đạt đến, dịch là sự chứng đạt. Do không phải là sự phạm tội nên không liên quan đến sự tranh tụng. Đoạn văn này không thể diễn đạt trọn vẹn sang tiếng Việt (ND).

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội.

41. [Một việc có thể] là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ; vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ [hay không]?

– [Một việc] có thể là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; có thể là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng; có thể là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ; có thể vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

Ở đây, việc nào là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?

– Việc nào thuộc về hội chúng cần phải hoàn thành, cần phải thực hiện [tức là] hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư; việc ấy là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Ở đây, việc nào là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng?

– Nhiệm vụ của thầy giáo thọ, nhiệm vụ của thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy giáo thọ; việc ấy là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

--ooOoo--

9. CÁCH GIẢI QUYẾT SỰ TRANH TỤNG

HÀNH XỬ LUẬT VỚI SỰ HIỆN DIỆN

42. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện và bằng cách thuận theo số đông.

Nếu sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không đi đến một cách dàn xếp là thuận theo số đông, thì có thể được lắng dịu bằng một cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện hay không?

– Nên trả lời rằng: "Có thể."

Như vậy là thế nào?

– Trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi: “Đây là Pháp”, hoặc “đây không phải là Pháp”, hoặc “đây là Luật”, hoặc “đây không phải là Luật”, hoặc “điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến”, hoặc “điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến”, hoặc “điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành”, hoặc “điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành”, hoặc “điều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy định”, hoặc “điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy định”, hoặc “điều ấy là phạm tội”, hoặc “điều ấy là không phạm tội”, hoặc “điều ấy là tội nhẹ”, hoặc “điều ấy là tội nặng”, hoặc “tội còn dư sót”, hoặc “tội không còn dư sót”, hoặc “tội xấu xa”, hoặc “tội không xấu xa.”

Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy, này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện.

43. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì?

– Các Tỳ-khưu theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì?

– Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo sư, sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật.

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì?

– Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *Pācittiya*.

Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy tại trú xứ ấy, này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ấy nên đi đến trú xứ có nhiều Tỳ-khưu hơn. Này các Tỳ-khưu, trong lúc đang đi trên đường đến trú xứ kia, nếu các Tỳ-khưu ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

44. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì?

– Các Tỳ-khưu theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì?

– Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo sư [mà] sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật.

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì?

– Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *Pācittiya*.

Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy trong lúc đang đi trên đường đến trú xứ kia, không thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các Tỳ-khưu, sau khi đi đến trú xứ kia, các Tỳ-khưu ấy nên nói các Tỳ-khưu thường trú như vầy: "Này các Đại đức, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vầy, đã diễn tiến như vầy, lành thay! Xin các Đại đức hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư; như thế sự tranh tụng này có thể đã được giải quyết tốt đẹp."

Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu thường trú thâm niên hơn và các Tỳ-khưu đi đến là kém thâm niên, này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu thường trú nên nói với các Tỳ-khưu đi đến như vầy: "Này các Đại đức, các vị hãy sang một bên trong chốc lát để chúng tôi còn hội ý." Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu thường trú kém thâm niên và các Tỳ-khưu đi đến là thâm niên hơn, này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu thường trú nên nói với các Tỳ-khưu đi đến như vầy: "Này các Đại đức, chính vì điều ấy, xin các vị hãy chờ tại đây trong chốc lát để chúng tôi còn hội ý."

45. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vầy: "Chúng ta không thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư được", các Tỳ-khưu thường trú không nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy.

Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vầy: "Chúng ta có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư"; này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu thường trú ấy nên nói với các Tỳ-khưu đi đến như vầy: "Này các Đại đức, nếu các vị trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào, đã diễn tiến như thế nào, chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách sẽ được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ nhận lãnh

sự tranh tụng này. Này các Đại đức, nếu các vị không trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào, đã diễn tiến như thế nào, chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách sẽ không được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ không nhận lãnh sự tranh tụng này." Này các Tỳ-khưu, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các Tỳ-khưu thường trú nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy.

46. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu đi đến ấy nên nói với các Tỳ-khưu thường trú như vầy: "Chúng tôi sẽ trình bày cho các Đại đức sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào, đã diễn tiến như thế nào. Nếu các Đại đức có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong khoảng thời gian chừng này hoặc chừng này, như thế [sự tranh tụng] sẽ được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ giao phó sự tranh tụng này cho các Đại đức. Nếu các Đại đức không thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong khoảng thời gian chừng này hoặc chừng này, như thế [sự tranh tụng] sẽ không được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ không giao phó sự tranh tụng này cho các Đại đức, chính chúng tôi sẽ là người chủ trì sự tranh tụng này."

Này các Tỳ-khưu, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các Tỳ-khưu đi đến nên giao phó sự tranh tụng ấy cho các Tỳ-khưu thường trú. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy, này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết.

Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *Pācittiya*.

*****

CÁCH GIẢI QUYẾT THEO LỐI ĐẠI BIỂU

47. Này các Tỳ-khưu, trong khi các Tỳ-khưu ấy phán xét sự tranh tụng ấy, nếu các lời bàn cãi vô bổ được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý nghĩa; này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giải quyết sự tranh tụng như thế ấy theo lối đại biểu.

Theo lối đại biểu, cần chỉ định vị Tỳ-khưu có được mười yếu tố: Là vị có giới hạnh, sống thu thúc theo sự thu thúc của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và chốn đi lại, thấy được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành theo các điều học; là vị nghe nhiều, nắm giữ và tích

lũy các điều đã được nghe, các pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ; các pháp có hình thức như thế được [vị ấy] nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích; cả hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) đã khéo được truyền thừa với chi tiết đến vị ấy, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều học, theo từng từ ngữ; là vị tinh xảo về Luật không có bối rối; là vị có năng lực làm cho cả hai phe đối địch với nhau hiểu biết được, làm cho suy nghĩ lại, làm cho suy tư, làm cho thấy được và làm cho hoan hỷ; khéo léo giải quyết sự sanh khởi của cuộc tranh tụng; vị hiểu biết sự tranh tụng; hiểu biết nguyên cớ của cuộc tranh tụng; hiểu biết sự chấm dứt của cuộc tranh tụng; hiểu biết đường lối thực hành để chấm dứt cuộc tranh tụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có được mười yếu tố này.

Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phán xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi vô bổ được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phán xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi vô bổ được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy theo lối đại biểu, này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*.

Này các Tỳ-khưu, trong khi các Tỳ-khưu ấy đang phán xét sự tranh tụng ấy, nếu ở đó, có vị Tỳ-khưu là Pháp sư nhưng vị ấy là không được truyền thừa về

kinh điển, về sự phân tích Giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Các Tỳ-khưu ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là Pháp sư, nhưng vị ấy là không được truyền thừa về kinh điển, về sự phân tích Giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa, lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, chúng ta nên loại ra vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và những người còn lại [chúng ta] sẽ giải quyết sự tranh tụng này."

Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy sau khi loại vị Tỳ-khưu ấy ra, có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*.

Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang phán xét sự tranh tụng ấy, nếu ở đó có vị Tỳ-khưu là Pháp sư bởi vì vị ấy là được truyền thừa về kinh điển [nhưng] thiếu về sự phân tích Giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Các Tỳ-khưu ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là Pháp sư, bởi vì vị ấy là được truyền thừa về kinh điển [nhưng] thiếu về sự phân tích Giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, chúng ta nên loại ra vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và những người còn lại [chúng ta] sẽ giải quyết sự tranh tụng này."

Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy sau khi loại vị Tỳ-khưu ấy ra có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*.

*****

CÁCH HÀNH XỬ LUẬT THUẬN THEO SỐ ĐÔNG

48. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy theo lối đại biểu, này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ấy nên giao lại sự tranh tụng ấy cho hội chúng: "Bạch các ngài, chúng tôi không thể giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Hãy để hội chúng giải quyết sự tranh tụng này." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giải quyết thuận theo số đông sự tranh tụng có hình thức như thế.

Cần chỉ định vị phân phát thẻ là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, và vị biết [thẻ] đã được nhận hay chưa được nhận. ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Vị Tỳ-khưu phân phát thẻ ấy nên phân phát các thẻ. [Trường hợp] các Tỳ-khưu là các vị nói đúng Pháp có [số lượng] nhiều hơn nói [nên giải quyết] như thế nào, thì sự tranh tụng ấy nên được giải quyết như thế ấy. Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì?

– Các Tỳ-khưu theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì?

– Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo sư, sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật.

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì?

– Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là liên quan đến thuận theo số đông?

– Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự thuận theo số đông; ở đây, điều ấy là liên quan đến thuận theo số đông.

Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *Pācittiya*.

*****

BA CÁCH PHÂN PHÁT THẺ

49. Vào lúc bấy giờ, ở Sāvatthi, có sự tranh tụng đã xảy ra như vầy, đã sanh khởi như vầy. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatthi và đã nghe rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, có nhiều Trưởng lão cư ngụ, là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là các bậc sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu các Trưởng lão ấy có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp." Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã đi đến trú xứ ấy và đã nói với các Trưởng lão ấy điều này:

– Thưa các ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vầy, đã diễn tiến như vầy. Thưa các ngài, lành thay, các Trưởng lão hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.

50. Khi ấy, các Trưởng lão ấy [nghĩ rằng]: "Sự tranh tụng đã được hội chúng ở Sāvatthi giải quyết như thế ấy là đã được giải quyết tốt đẹp", rồi đã giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

Sau đó, các Tỳ-khưu ấy không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatthi, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của nhiều vị Trưởng lão và đã nghe rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, có ba vị Trưởng lão cư ngụ, ...(nt)... có hai vị Trưởng lão cư ngụ, ...(nt)... có một vị Trưởng lão cư ngụ, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu Trưởng lão ấy có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp."

51. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã đi đến trú xứ ấy và đã nói với vị Trưởng lão ấy điều này:

– Thưa ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vầy, đã diễn tiến như vầy. Thưa ngài, lành thay, ngài Trưởng lão, hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như thế sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.

Khi ấy, vị Trưởng lão ấy [nghĩ rằng]: "Sự tranh tụng đã được hội chúng ở Sāvatthi giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được nhiều vị Trưởng lão giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được ba vị Trưởng lão giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được hai vị Trưởng lão giải quyết như thế ấy là đã được giải quyết tốt đẹp", rồi đã giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

52. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatthi, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của nhiều vị Trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của ba vị Trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hai vị Trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của một vị Trưởng lão, nên đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sự tranh tụng này đã được dứt điểm, đã được yên lặng, đã được giải quyết và đã được giải quyết tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, vì sự nhận thức rõ ràng của các Tỳ-khưu ấy, Ta cho phép ba cách phân phát thẻ: Lối kín đáo, sự nói nhỏ vào tai, lối công khai.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là cách phân phát thẻ theo lối kín đáo?

– Vị Tỳ-khưu phân phát thẻ nên làm các thẻ khác nhau rồi đi đến gặp từng vị Tỳ-khưu một và nên nói như vầy: "Thẻ này là cho vị nói như vầy, thẻ này là cho vị nói như kia. Đại đức thích cái nào thì nhận cái ấy." Khi giao nên nói rằng: "Và chớ cho bất cứ ai thấy." Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn", nên thu hồi lại [nói rằng]: "[Các thẻ] bị lấy lầm lẫn." Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", nên công bố rằng: "[Các thẻ] được nhận lấy tốt đẹp." Này các Tỳ-khưu, như vậy là cách phân phát thẻ theo lối kín đáo.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là cách phân phát thẻ với sự nói nhỏ vào tai?

– Vị Tỳ-khưu phân phát thẻ nên nói vào tai của từng vị Tỳ-khưu một rằng: "Thẻ này là cho vị nói như vầy, thẻ này là cho vị nói như kia. Đại đức thích cái nào thì nhận cái ấy." Khi giao nên nói rằng: "Và chớ nói cho bất cứ ai." Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn", nên thu hồi lại [nói rằng]: "[Các thẻ] bị lấy lầm lẫn." Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", nên công bố rằng: "[Các thẻ] được nhận lấy tốt đẹp." Này các Tỳ-khưu, như vậy là cách phân phát thẻ với sự nói nhỏ vào tai.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là cách phân phát thẻ theo lối công khai?

– Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", chính nhờ vào sự quả quyết nên phân phát [thẻ] bằng cách phân phát thẻ theo lối công khai. Này các Tỳ-khưu, như vậy là cách phân phát thẻ theo lối công khai.

Này các Tỳ-khưu, đây là ba cách phân phát thẻ.

*****

HÀNH XỬ LUẬT BẰNG SỰ GHI NHỚ

53. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, bằng cách hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy.

Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không đi đến hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy, thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp, là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ hay không?

– Nên trả lời rằng: "Có thể."

Như vậy là thế nào?

– Trường hợp các Tỳ-khưu bôi nhọ vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ nên được ban cho.

Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, các Tỳ-khưu bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu bôi nhọ vị Tỳ-khưu tên [như vầy] với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là người được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu bôi nhọ vị Tỳ-khưu tên [như vầy] với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị

Tỳ-khưu tên [như vầy], là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban cho vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt).

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì?

– Vị khiển trách và vị bị vị ấy khiển trách, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ?

– Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự hành xử Luật bằng sự ghi nhớ; ở đây, điều ấy là ở trong cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *Pācittiya*.

*****

HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG

54. Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không đi đến hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và theo tội của vị ấy, thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng hay không?

– Nên trả lời rằng: "Có thể."

Như vậy là thế nào?

– Trường hợp vị Tỳ-khưu bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu buộc tội vị ấy với tội đã được thực hiện

khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?" Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng." Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?" Này các Tỳ-khưu, nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị Tỳ-khưu ấy khi không bị điên cuồng.

Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Tôi nói với các vị ấy như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.' Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Bạch các ngài, giờ không bị điên cuồng, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy], đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu đã khiển trách vị ấy với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?' Vị ấy nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, ...(nt)... Giờ không bị điên cuồng, vị ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] khi không bị điên cuồng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. ...(nt)... Vị ấy nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. ...(nt)... Giờ không bị điên cuồng, vị ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] khi không điên cuồng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật

khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] khi không bị điên cuồng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu tên [như vầy] khi không bị điên cuồng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật khi không điên cuồng?

– Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự hành xử Luật khi không điên cuồng; ở đây, điều ấy là ở trong cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *Pācittiya.*

*****

THEO TỘI CỦA VỊ ẤY

55. Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không đi đến hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và cách hành xử Luật khi không điên cuồng, thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy hay không?

– Nên trả lời rằng: "Có thể."

Như vậy là thế nào?

– Trường hợp vị Tỳ-khưu buộc tội vị Tỳ-khưu [khác] giữa hội chúng với tội nặng: "Đại đức có nhớ là đã phạm tội nặng như thế này, là tội *Pārājika* hoặc gần với tội *Pārājika* không?"

Vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội nặng như thế ấy, là tội *Pārājika* hoặc gần với tội *Pārājika*."

Trong khi vị ấy chối từ, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: "Này Đại đức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này, là tội *Pārājika* hoặc gần với tội *Pārājika* không?"

Vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội *Pārājika* hoặc gần với tội *Pārājika*, tôi chỉ nhớ là đã phạm tội nhỏ nhoi như thế ấy."

Trong khi vị ấy chối từ, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: "Này Đại đức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này, là tội *Pārājika* hoặc gần với tội *Pārājika* không?'

Vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, bởi vì sau khi phạm tội ấy, cho dầu là nhỏ nhoi, tôi sẽ thú nhận dầu không được hỏi đến. Sau khi phạm tội nặng như thế ấy, là tội *Pārājika* hoặc gần với tội *Pārājika*, không lẽ tôi lại không thú nhận khi được hỏi đến hay sao?"

Vị kia nói như vầy: "Này Đại đức, bởi vì sau khi phạm tội ấy, mặc dù là nhỏ nhoi, Đại đức sẽ không thú nhận khi không được hỏi đến. Thì sau khi phạm tội nặng như thế ấy, là tội *Pārājika* hoặc gần với tội *Pārājika*, không lẽ Đại đức lại thú nhận khi không được hỏi đến? Này Đại đức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này, là tội *Pārājika* hoặc gần với tội *Pārājika* không?"

Vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, tôi nhớ ra là đã phạm tội như thế ấy, là tội *Pārājika* hoặc gần với tội *Pārājika*. Điều nói rằng: Tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội *Pārājika* hoặc gần với tội *Pārājika*, điều này được tôi nói vội, điều này được tôi nói theo thói quen."

56. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy nên được ban cho Tỳ-khưu ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], trong khi được tra hỏi tội nặng giữa hội chúng đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], trong khi được tra hỏi tội nặng giữa hội chúng đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực hiện đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt).

Và ở đây, điều gì là ở trong [cách giải quyết] theo tội của vị ấy?

– Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự theo tội của vị ấy; ở đây, điều ấy là ở trong [cách giải quyết] theo tội của vị ấy.

Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *Pācittiya.*

*****

VIỆC PHÁN XỬ THEO TỘI ĐÃ ĐƯỢC THỪA NHẬN

57. Sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và bằng cách dùng cỏ che lấp.

Nếu sự tranh tụng liên quan đến tội không đi đến một cách dàn xếp là cách dùng cỏ che lấp, thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận hay không?

– Nên trả lời rằng: "Có thể."

Như vậy là thế nào?

– Trường hợp này, vị Tỳ-khưu là phạm tội nhẹ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu [khác], đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Thưa Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin trình tội ấy." Vị kia nên nói rằng: "Đại đức có nhận thấy [tội] không?" "Thưa có, tôi nhận thấy." "Đại đức hãy thu thúc trong tương lai."

Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt).

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì?

– Vị khai báo [tội] và vị chứng minh vị ấy khai báo [tội], cả hai đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận?

– Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự phán xử theo tội đã được thừa nhận; ở đây, điều ấy là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận [tội] khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya.*

58. Nếu vị ấy chấp nhận như thế, theo đó việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không chấp nhận như thế, này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp nhiều vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Thưa các ngài, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin trình tội ấy."

Các vị Tỳ-khưu ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] nhớ được, bộc lộ ra, nói ra bằng lời, trình ra sự phạm tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, tôi nên ghi nhận tội của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]."

Vị ấy nên nói rằng: "Đại đức có nhận thấy [tội] không?" "Thưa có, tôi nhận thấy." "Đại đức hãy thu thúc trong tương lai."

Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt).

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì?

– Vị khai báo [tội] và vị chứng minh vị ấy khai báo [tội], cả hai đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận?

– Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự phán xử theo tội đã được thừa nhận; ở đây, điều ấy là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận [tội] khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*.

59. Nếu vị ấy chấp nhận như thế, theo đó việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không chấp nhận như thế, này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin trình tội ấy."

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], nhớ được, bộc lộ ra, nói ra bằng lời, trình ra sự phạm tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi nên ghi nhận tội của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]."

Vị ấy nên nói rằng: "Đại đức có nhận thấy [tội] không?" "Thưa có, tôi nhận thấy." "Đại đức hãy thu thúc trong tương lai."

Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *Pācittiya*.

*****

CÁCH DÙNG CỎ CHE LẤP

60. Nếu sự tranh tụng liên quan đến tội không đi đến một cách dàn xếp là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp hay không?

– Nên trả lời rằng: "Có thể."

Như vậy là thế nào?

– Trường hợp các Tỳ-khưu trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động, đã được thực hành. Trong trường hợp ấy, nếu các Tỳ-khưu [nghĩ] như vầy: "Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, có nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế bằng cách dùng cỏ che lấp.

Và này các Tỳ-khưu, nên giải quyết như vầy: Tất cả nên tụ họp lại một chỗ; sau khi tụ họp lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động, đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ."

Một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về một phe nên thông báo đến phe của mình rằng: "Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư Đại đức và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính chư Đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ."

Rồi một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng: "Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, ...(nt)... tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng ...(nt)... ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ."

Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về một phe rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt)... đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, ...(nt)... tôi xin trình

báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Các tội này của chúng tôi đã được trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Rồi hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về phe kia rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống, có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, ...(nt)... tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ...(nt)... ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, ...(nt)... tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Các tội này của chúng tôi đã được trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

61. Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

– Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

– Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì?

– Các Tỳ-khưu theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì?

– Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo sư, sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật.

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì?

– Vị khai báo [tội] và vị chứng minh vị ấy khai báo [tội], cả hai đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là ở trong việc dùng cỏ che lấp?

– Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự dùng cỏ che lấp; ở đây, điều ấy là ở trong việc dùng cỏ che lấp.

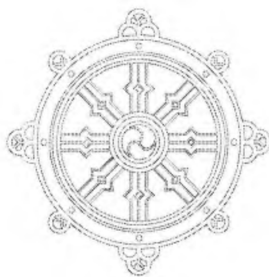
Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *Pācittiya*; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *Pācittiya*.

Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được lắng dịu bởi một cách dàn xếp: Bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Dứt chương "Dàn xếp" là thứ tư.

--ooOoo--



V. CHƯƠNG CÁC TIỂU SỰ

1. CÁC TIỂU SỰ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào thân cây trong lúc tắm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào thân cây, giống như những võ sĩ đấu vật và những người thành phố tô điểm làn da vậy?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc tắm cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào thân cây, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào thân cây vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu trong lúc tắm không nên cọ xát cơ thể vào thân cây; vị nào cọ xát thì phạm tội *Dukkaṭa*.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc tắm cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào cột trụ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào cột trụ, giống như những võ sĩ đấu

vật và những người thành phố tô điểm làn da vậy?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu trong lúc tắm không nên cọ xát cơ thể vào cột trụ; vị nào cọ xát thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc tắm cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào tường nhà. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào tường nhà, giống như những võ sĩ đấu vật và những người thành phố tô điểm làn da vậy?" ...(nt).

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trong lúc tắm không nên cọ xát cơ thể vào tường nhà; vị nào cọ xát thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tắm [cọ xát] ở tấm ván xẻ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao ...(nt)... và lưng ở tấm ván xẻ, giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên tắm [cọ xát] ở tấm ván xẻ; vị nào tắm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tắm với cây kỳ cọ hình giống bàn tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." ...(nt).

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên tắm với cây kỳ cọ hình giống bàn tay; vị nào tắm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tắm với chuỗi hột chà lưng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." ...(nt).

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên tắm với chuỗi hột chà lưng; vị nào tắm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo vị khác kỳ cọ theo cách dùng thân thể cọ xát lẫn nhau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." ...(nt).

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên bảo vị khác kỳ cọ theo cách dùng thân thể cọ xát lẫn nhau; vị nào bảo làm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tắm với cây chà lưng [làm bằng răng cá kiếm]. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." ...(nt).

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên tắm với cây chà lưng; vị nào tắm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ghẻ. Đối với vị ấy, không có cây chà lưng không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cây chà lưng chưa được chế biến đối với vị bị bệnh.

10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ già cả yếu đuối, trong lúc tắm không thể kỳ cọ cơ thể của mình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc dùng dây vải.

11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ngần ngại làm công việc kỳ cọ phần lưng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng tay như thường lệ.

12-19. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đeo hoa tai ...(nt)... đeo hoa tai dạng chuỗi ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở cổ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở hông ...(nt)... đeo vòng ...(nt)... đeo vòng ở ngực ...(nt)... đeo đồ trang sức ở tay ...(nt)... đeo nhẫn ở ngón. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đeo hoa tai ...(nt)... đeo hoa tai dạng chuỗi ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở cổ ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở hông ...(nt)... đeo vòng ...(nt)... đeo vòng ở ngực ...(nt)... đeo đồ trang sức ở tay ...(nt)... đeo nhẫn ở ngón, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên đeo hoa tai, không nên đeo hoa tai dạng chuỗi, không nên đeo dây chuỗi ở cổ, không nên đeo dây chuỗi ở hông, không nên đeo vòng, không nên đeo vòng ở ngực, không nên đeo đồ trang sức ở tay, không nên đeo nhẫn; vị nào đeo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

20. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư để tóc dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên để tóc dài; vị nào để [tóc dài] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [để tóc] hai tháng hoặc [để dài] hai lóng tay.

21-25. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chải tóc bằng lược ...(nt)... chải tóc bằng vật giống hình mang rắn ...(nt)... chải tóc bằng tay xòe ra ...(nt)... chải tóc với sáp ong ...(nt)... chải tóc với dầu nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên chải tóc bằng lược, không nên chải tóc bằng vật giống hình mang rắn, không nên chải tóc bằng tay xòe ra, không nên chải tóc với sáp ong, không nên chải tóc với dầu nước; vị nào chải tóc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

26. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhìn nét mặt ở gương soi, và ở trong chậu nước nữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên nhìn nét mặt ở gương soi hoặc ở trong chậu nước; vị nào nhìn thì phạm tội *Dukkaṭa*.

27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở mặt. Vị ấy đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, vết thương của tôi ra làm sao?

Các Tỳ-khưu đã nói như sau:

– Này Đại đức, vết thương của ngài là như thế đó.

Vị ấy không tin. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, do nhân duyên bệnh, Ta cho phép nhìn nét mặt ở gương soi hoặc ở trong chậu nước.

28. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thoa dầu khuôn mặt, xoa bóp khuôn mặt, thoa phấn khuôn mặt, tô điểm khuôn mặt bằng bột phấn đỏ, vẽ màu ở thân thể, vẽ màu ở khuôn mặt, vẽ màu ở thân thể và ở khuôn mặt. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên thoa dầu khuôn mặt, không nên xoa bóp khuôn mặt, không nên thoa phấn khuôn mặt, không nên tô điểm khuôn mặt bằng bột phấn đỏ, không nên vẽ màu ở thân thể, không nên vẽ màu ở khuôn mặt, không nên vẽ màu ở thân thể và ở khuôn mặt; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ở mắt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, do nhân duyên bệnh, Ta cho phép thoa dầu khuôn mặt.

30. Vào lúc bấy giờ, tại thành Rājagaha có lễ hội *Giraggasamajja*. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi xem lễ hội *Giraggasamajja*. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi xem vũ, ca, luôn cả tấu nhạc giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi xem vũ, ca, hoặc tấu nhạc; vị nào đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài, giống y như chúng ta ca hát vậy." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi thuyết pháp thoại, Ngài đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi khi ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài: Bản thân vị ấy bị say đắm trong âm điệu, luôn cả những kẻ khác cũng bị say đắm trong âm điệu, hàng tại gia phàn nàn, trong khi ra sức thể hiện âm điệu thiền định bị phân tán, người đời sau bị rơi vào xu hướng theo quan điểm sai trái. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi khi ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Này các Tỳ-khưu, không nên ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài; vị nào ngâm nga thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại trong khi thuyết giảng với giọng có âm điệu. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc thuyết giảng với giọng có âm điệu.

32. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài; vị nào mặc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

33. Vào lúc bấy giờ, trong khu vườn của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cây xoài đang ra trái. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho phép rằng:

– Hãy để các ngài Đại đức thọ dụng xoài một cách thoải mái.

Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo hái luôn cả xoài non rồi thọ thực. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha muốn dùng xoài. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho mọi người rằng:

– Này các khanh, hãy đi đến vườn và mang xoài lại.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Những người ấy theo lệnh đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, đã đi đến vườn và nói với các người giữ vườn điều này:

– Này các ngươi, đức vua muốn dùng xoài. Các ngươi hãy dâng xoài.

– Các ngài ơi, không còn xoài nữa. Các Tỳ-khưu đã bảo hái luôn cả xoài non và thọ dụng.

Sau đó, những người ấy đã trình sự việc ấy lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

– Này các khanh, xoài đã được các ngài Đại đức thọ dụng ngon lành; tuy nhiên, sự chừng mực đã được đức Thế Tôn ngợi khen cơ mà!

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng xoài của đức vua không biết chừng mực vậy?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng xoài; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

34. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Các miếng xoài đã được bỏ vào trong món súp. Các Tỳ-khưu ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ dụng] xoài miếng.

Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Họ đã không học hỏi để làm xoài thành miếng. Ở phòng ăn, họ đã tiến hành với các trái xoài hãy còn nguyên vẹn. Các Tỳ-khưu ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm thành được phép đối với Sa-môn theo năm cách: Đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hột và hột đã được lấy ra là cách thứ năm. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm thành được phép đối với Sa-môn theo năm cách này.

35. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị rắn cắn và chết đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chắc chắn là vị Tỳ-khưu ấy đã không rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này rồi. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu vị Tỳ-khưu ấy rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này, này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy dầu bị rắn cắn cũng không thể nào chết được. Bốn loài rắn chúa là các loài nào? Loài rắn chúa Virūpakkha, loài rắn chúa Erāpatha, loài rắn chúa Chabyāputta, loài rắn chúa Kaṇhāgotamaka. Này các Tỳ-khưu, chắc chắn là Tỳ-khưu ấy đã không rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này rồi. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu vị Tỳ-khưu ấy rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này, này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy dầu bị rắn cắn cũng không thể nào chết được. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này để thực hiện sự hộ trì bản thân nhằm gìn giữ bản thân, nhằm bảo vệ bản thân. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hành như vầy:

"Tôi có tâm từ đối với các Virūpakkha, tôi có tâm từ đối với các Erāpatha, tôi có tâm từ đối với các Chabyāputta, và tôi có tâm từ đối với các Kaṇhāgotamaka.

Tôi có tâm từ đối với các loài không chân, tôi có tâm từ đối với các loài hai chân, tôi có tâm từ đối với các loài bốn chân, tôi có tâm từ đối với các loài nhiều chân.

Loài không chân đừng hãm hại tôi, loài hai chân đừng hãm hại tôi, loài bốn chân đừng hãm hại tôi, loài nhiều chân đừng hãm hại tôi.

Hỡi tất cả chúng sanh, tất cả các sinh vật, tất cả các sanh linh và toàn thể, xin tất cả hãy nhìn thấy các điều lành, điều xấu xa chớ có xảy đến bất cứ ai.

Đức Phật là vô lượng, Giáo pháp là vô lượng, Hội chúng là vô lượng.

Các loài bò sát [như là] các loài rắn, bọ cạp, rết, nhện, thằn lằn, chuột là có hạn lượng. Tôi đã thực hiện các sự bảo vệ, tôi đã thực hiện sự hộ trì, xin các sanh linh hãy tránh xa.

Tôi đây kính lễ đức Thế Tôn, kính lễ bảy vị Chánh Đẳng Giác."

36. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị dằn vặt bởi sự không được thỏa thích nên đã cắt đi dương vật của bản thân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong khi vật khác cần được đoạn trừ, kẻ rồ dại ấy lại đoạn trừ vật khác. Này các Tỳ-khưu, không nên cắt đi dương vật của bản thân; vị nào cắt thì phạm tội *Thullaccaya*.

37. Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú ở thành Rājagaha có được khúc gỗ trầm hương của lõi gỗ trầm hương rất quý giá. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã khởi ý điều này: "Hay là ta cho đẽo thành cái bình bát với khúc gỗ trầm hương này? Và phần gỗ vụn sẽ là vật sử dụng của ta, còn cái bình bát, ta sẽ cho đi làm quà biếu." Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho đẽo thành cái bình bát với khúc gỗ trầm hương ấy, rồi kéo lên bằng sợi dây và treo ở ngọn cây tre, xong buộc nhiều cây tre tiếp nối nhau và nói như vầy:

– Vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa thì hãy lấy quà biếu, chính là cái bình bát xuống.

Khi ấy, Pūraṇa Kassapa đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này:

– Này gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, ngươi hãy dâng cái bình bát cho ta.

– Thưa ngài, nếu ngài là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, thì ngài hãy lấy quà biếu, chính là cái bình bát xuống đi.

Sau đó, Makkhaligosāla, Ajita Kesakambala, Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Belaṭṭhiputta, Nigaṇṭha Nātaputta[1] đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này:

– Này gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, ngươi hãy dâng cái bình bát cho ta.

– Thưa ngài, nếu ngài là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, thì ngài hãy lấy quà biếu, chính là cái bình bát xuống đi.

Vào lúc bấy giờ, Đại đức Mahāmoggallāna và Đại đức Piṇḍolabhāradvāja, vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực. Khi ấy, Đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này:

– Đại đức Mahāmoggallāna quả là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa. Này Đại đức Mahāmoggallāna, hãy đi và lấy xuống cái bình bát này. Cái bình bát ấy là của Đại đức.

– Đại đức Piṇḍolabhāradvāja cũng là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa. Này Đại đức Piṇḍolabhāradvāja, hãy đi và lấy xuống cái bình bát này đi. Cái bình bát ấy là của Đại đức.

Khi ấy, Đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã bay lên không trung, cầm lấy cái bình bát ấy và đi [trên không] quanh thành Rājagaha ba vòng. Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú thành Rājagaha cùng vợ và con đang đứng ở tại nhà của họ, hai tay chắp lên, thành kính làm lễ rằng:

– Thưa ngài, xin ngài Đại đức Bhāradvāja hãy ngự đến nhà của chúng tôi ở ngay chỗ này.

---

[1] Pūraṇa Kassapa và năm vị này đứng đầu sáu nhóm ngoại đạo thời đó (ND).

Sau đó, Đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã ngự đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã nhận lấy cái bình bát từ tay của Đại đức Piṇḍolabhāradvāja, chất đầy vật thực cứng loại đắt giá rồi dâng lại cho Đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Khi ấy, Đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã nhận lại bình bát ấy rồi đi về tu viện. Dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha, đã được lấy xuống bởi ngài Đại đức Piṇḍolabhāradvāja." Và các người ấy với âm thanh ồn ào, với âm thanh ầm ĩ, đã nối đuôi nhau đi phía sau Đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Đức Thế Tôn đã nghe âm thanh ồn ào, âm thanh ầm ĩ, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, âm thanh ồn ào, âm thanh ầm ĩ ấy là gì vậy?

– Bạch Ngài, cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi Đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Bạch Ngài, dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi ngài Đại đức Piṇḍolabhāradvāja." Và bạch Ngài, những người ấy với âm thanh ồn ào, với âm thanh ầm ĩ, đã nối đuôi nhau tuần tự đi phía sau Đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Bạch Ngài, bạch Thế Tôn, âm thanh ồn ào, âm thanh ầm ĩ kia là chuyện ấy.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Piṇḍolabhāradvāja rằng:

– Này Bhāradvāja, nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được nhà ngươi lấy xuống, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này Bhāradvāja, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này Bhāradvāja, vì sao ngươi lại phô bày pháp thượng nhân, tức là sự kỳ diệu của phép thần thông đến hàng tại gia vì nguyên nhân của cái bình bát gỗ tầm thường? Này Bhāradvāja, cũng giống như người đàn bà cho xem chỗ kín vì nguyên nhân của đồng bạc tầm thường; này Bhāradvāja, tương tợ như thế, vì nguyên nhân cái bình bát gỗ tầm thường, pháp thượng nhân, tức là sự kỳ diệu của phép thần thông đã bị ngươi phô bày đến hàng tại gia. Này Bhāradvāja, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên phô bày pháp thượng nhân, tức là sự kỳ diệu của phép thần thông đến hàng tại gia; vị nào phô bày thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, hãy đập vỡ bình bát gỗ ấy, nghiền thành bột mịn, rồi hãy dâng đến

các Tỳ-khưu làm hương liệu của thuốc cao. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng bình bát bằng gỗ; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

38. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng những bình bát đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng bình bát làm bằng vàng, không nên sử dụng bình bát làm bằng bạc, không nên sử dụng bình bát làm bằng ngọc ma-ni, không nên sử dụng bình bát làm bằng ngọc bích, không nên sử dụng bình bát làm bằng pha lê, không nên sử dụng bình bát làm bằng đồng đỏ, không nên sử dụng bình bát làm bằng thủy tinh, không nên sử dụng bình bát làm bằng thiếc, không nên sử dụng bình bát làm bằng chì, không nên sử dụng bình bát làm bằng đồng thau; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hai loại bình bát: Bình bát sắt và bình bát đất.

39. Vào lúc bấy giờ, phần đáy bình bát bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vòng đế bình bát.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các vòng đế bình bát đủ loại, làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các vòng đế bình bát đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hai loại vòng đế bình bát: Loại làm bằng thiếc và loại làm bằng chì.

Những vòng đế dày cộm không giữ yên [bình bát]. Các vị đã trình việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đẽo gọt bớt.

Chúng bị lỏng chỏng. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cắt răng cá kiếm [cắm vào để giữ bình bát].

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các vòng đế bình bát màu sặc sỡ: Loại có tranh vẽ, loại có đắp hình nổi. Các vị đi đó đây phô trương những thứ ấy ngay cả ở nơi đường phố. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các vòng đế bình bát màu sặc sỡ: Loại có tranh vẽ, loại có đắp hình nổi; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép loại vòng đế bình thường.[2]

---

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích loại vòng đế bình thường (*pakatimaṇḍalaṃ*) chính là loại vòng đế có răng cá kiếm đã được cắt (*VinA*. VI. 1203).

41. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đem cất bình bát còn đẫm nước. Bình bát bị hư hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đem cất bình bát còn đẫm nước; vị nào đem cất thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đem cất bình bát sau khi phơi nắng.

42. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đem phơi nắng bình bát còn nước. Bình bát có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đem phơi nắng bình bát còn nước; vị nào đem phơi nắng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đem cất bình bát sau khi làm ráo nước và đem phơi nắng.

43. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu để luôn bình bát ở chỗ nóng. Màu sắc của bình bát bị hoại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên để luôn bình bát ở chỗ nóng; vị nào để luôn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đem cất bình bát sau khi phơi nắng ở chỗ nóng trong chốc lát.

44. Vào lúc bấy giờ, có nhiều bình bát được đặt xuống ở ngoài trời, không có vật kềm giữ. Do cơn gió xoáy, các bình bát đã quay vòng và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giá giữ bình bát.

45. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đặt bình bát xuống ở mép của giường đúc. Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuống ở mép của giường đúc; vị nào đặt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

46. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đặt bình bát xuống ở mép của bục nền xung quanh. Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuống ở mép của bục nền xung quanh; vị nào đặt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

47. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu lật úp bình bát ở trên mặt đất. Vành miệng [bình bát] bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] miếng lót bằng cỏ.

Miếng lót bằng cỏ bị các con mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] mảnh vải.

Mảnh vải bị các con mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] bục kê bình bát.

Bình bát rơi từ bục kê bình bát và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giỏ mây chứa bình bát.

Ở trong giỏ mây chứa bình bát, bình bát bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng bình bát.

Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ kết lại.

48. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu treo bình bát ở chốt đinh gắn vào tường và ở móc ngà voi. Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên treo bình bát; vị nào treo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

49. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đặt bình bát xuống ở giường. Trong khi ngồi xuống, do sự lẫn lộn về ghi nhớ nên đè lên và làm vỡ bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuống ở giường; vị nào đặt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

50. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đặt bình bát xuống ở ghế. Trong khi ngồi xuống, do sự lẫn lộn về ghi nhớ nên đè lên và làm vỡ bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuống ở ghế; vị nào đặt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

51. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đặt bình bát xuống ở bắp vế. Do sự lẫn lộn về ghi nhớ, các vị đứng lên khiến bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuống ở bắp vế; vị nào đặt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

52. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đặt bình bát xuống ở trên cái dù. Do cơn gió xoáy, cái dù bị bật lên khiến bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuống ở trên cái dù; vị nào đặt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

53. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu mở cửa với bình bát ở tay. Cánh cửa bật trở lại, khiến bình bát bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mở cửa với bình bát ở tay; vị nào mở cửa thì phạm tội *Dukkaṭa*.

54. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi khất thực [chứa] ở bầu đựng nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các tu sĩ ngoại đạo vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi khất thực [chứa] ở bầu đựng nước; vị nào đi [khất thực như thế] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

55. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi khất thực [chứa] ở chậu đựng nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các tu sĩ ngoại đạo vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi khất thực [chứa] ở chậu đựng nước; vị nào đi [khất thực như thế] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

56. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ chỉ sử dụng các vật bị quăng bỏ. Vị ấy sử dụng bình bát [làm bằng] đầu lâu của người chết. Có phụ nữ nọ nhìn thấy, hoảng sợ, đã mất tự chủ [thét lên]:

– Làm tôi hết hồn, gã này đúng là quỷ sứ!

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại sử dụng bình bát [làm bằng] đầu lâu của người chết, giống như kẻ thờ phụng quỷ thần vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng bình bát [làm bằng] đầu lâu của người chết; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa.* Này các Tỳ-khưu, không nên sinh tồn chỉ nhờ vào các vật bị quăng bỏ; vị nào sinh tồn [như thế] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

57. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu dùng bình bát để mang đi các đồ thừa thãi, xương xóc và nước cặn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này thọ thực trong chính cái vật đựng [rác] của bọn họ!" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên dùng bình bát để mang đi các đồ thừa thãi, xương xóc, hay nước cặn; vị nào mang đi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vật đựng [rác].

58. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu xé [vải] bằng tay rồi may y. Y không thẩm mỹ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dao nhỏ có vỏ bọc.

59. Vào lúc bấy giờ, dao nhỏ có cán được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dao nhỏ có cán.

60. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các cán dao đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các cán dao đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa.* Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

61. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu may y bằng lông gà và lạt tre. Y được may vụng về. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kim khâu.

Các kim khâu bị rỉ sét.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ống đựng kim khâu.

Cho dù ở trong ống đựng, các kim khâu cũng bị rỉ sét.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phủ đầy với bột gây men.

Cho dù ở trong bột gây men, các kim khâu cũng bị rỉ sét.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phủ đầy với bột lúa mạch.

Cho dù ở trong bột lúa mạch, các kim khâu cũng bị rỉ sét.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] bột đá.

Cho dù với bột đá, các kim khâu cũng bị rỉ sét.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trộn với mật và sáp ong.

Bột đá bị rời rạc.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [trộn] bột đá với nhựa cây.

62. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu cắm cọc ở các nơi, buộc [vải] lại với nhau rồi may y. Y có các góc không vuông vức. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm y mẫu, dây buộc ở tấm y mẫu, sau khi buộc y vào chỗ này chỗ kia rồi may.

Các vị trải ra tấm y mẫu ở chỗ không bằng phẳng. Tấm y mẫu bị rời ra.

– Này các Tỳ-khưu, không nên trải ra tấm y mẫu ở chỗ không bằng phẳng; vị nào trải ra thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Các vị trải ra tấm y mẫu ở trên mặt đất. Tấm y mẫu bị dơ.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thảm cỏ.

Đường viền của tấm y mẫu bị sờn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thiết lập đường biên, tức là vòng đai xung quanh.

Tấm y mẫu không đạt kích thước.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc y vào khung y mẫu, vào thanh gỗ dẹp, vào cọc gỗ, vào dây buộc, vào chỉ buộc rồi may.

Các khoảng cách của các đường chỉ không đều nhau.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đo đạc.

Các đường chỉ bị cong queo.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đường chỉ may tạm.

63. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bước lên tấm y mẫu với các bàn chân chưa rửa. Tấm y mẫu bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bước lên tấm y mẫu với các bàn chân chưa rửa; vị nào bước lên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

64. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bước lên tấm y mẫu với các bàn chân đẫm nước. Tấm y mẫu bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bước lên tấm y mẫu với các bàn chân đẫm nước; vị nào bước lên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

65. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu mang giày dép bước lên tấm y mẫu. Tấm y mẫu bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang giày dép bước lên tấm y mẫu; vị nào bước lên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

66. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu cầm [kim] bằng ngón tay trong khi may y. Các ngón tay bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vật bao ngón tay.

67. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các vật bao ngón tay đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các vật bao ngón tay đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

68. Vào lúc bấy giờ, những kim khâu, những con dao nhỏ, luôn cả những vật bao ngón tay bị thất lạc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thùng chứa.

Chúng bị lẫn lộn trong thùng chứa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi để đựng vật bao ngón tay.

Dây mang vai không có.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ kết lại.

69. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi may y ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà may y, mái che tạm để may y.

Nhà may y có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang].

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Vào lúc bấy giờ, rác cỏ rơi vào trong nhà may y.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

70. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi may y xong, đã bỏ bê tấm y mẫu ngay tại chỗ ấy rồi ra đi. Tấm y mẫu bị gặm nhấm bởi các con chuột và các con mối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép gấp tấm y mẫu lại.

Tấm y mẫu bị rời ra.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đặt cây gỗ hoặc tre ở bên trong rồi cuốn lại.

Tấm y mẫu bị bung ra.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dây buộc.

71. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã đưa tấm y mẫu lên cất ở trên vách tường hoặc ở trên cột nhà rồi ra đi. Tấm y mẫu rơi xuống và bị bung ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép treo lên ở chốt đinh gắn vào tường hoặc ở móc ngà voi.

72. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Vesālī. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã dùng bát chứa đựng kim khâu, dao nhỏ và thuốc men rồi ra đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng thuốc men.

Dây mang vai không có.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ kết lại.

73. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã buộc đôi dép bằng dây thắt lưng rồi đi vào làng để khất thực. Có nam cư sĩ nọ, trong khi đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy, đã bị đôi dép chạm vào đầu. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị xấu hổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu

ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng dép.

Dây mang vai không có.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ kết lại.

74. Vào lúc bấy giờ, ở khoảng giữa cuộc hành trình, nước chưa được làm thành đúng phép. Đồ lược nước không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đồ lược nước.

Mảnh vải lược không có hiệu quả.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đồ lược nước gắn ở gáo múc.

Mảnh vải lược không có hiệu quả.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đồ lọc nước thông thường.

75. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu đang đi đường xa trong xứ Kosala. Một Tỳ-khưu hành xử điều sai trái. Vị Tỳ-khưu thứ hai đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: "Này Đại đức, chớ làm như thế. Điều ấy không được phép." Vị ấy đã kết oán với vị kia. Sau đó, vị Tỳ-khưu kia bị khó chịu vì khát nước, đã nói với vị Tỳ-khưu kết oán điều này: "Này Đại đức, hãy đưa cho tôi đồ lược nước, tôi sẽ uống nước." Vị Tỳ-khưu kết oán đã không đưa cho. Vị Tỳ-khưu kia bị khó chịu vì khát nước đã chết đi. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

– Này Đại đức, có phải Đại đức đã không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nước?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nước?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đã không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nước, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại kia, thật không đúng đắn cho ngươi, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại kia, vì sao ngươi lại không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nước vậy? Này kẻ rồ dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ

chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu đi đường xa khi được hỏi mượn đồ lược nước không thể không đưa cho; vị nào không đưa cho thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và này các Tỳ-khưu, vị không có đồ lược nước không nên đi đường xa; vị nào đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nếu không có đồ lược nước hoặc đồ lọc nước thông thường, có thể chú nguyện chéo y hai lớp: "Tôi sẽ uống sau khi lược nước bằng vật này."

76. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó, trong xứ Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu thực hiện công trình [xây dựng] mới. Đồ lược nước không làm trong [nước] được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đồ lược nước gắn ở các cây gậy.

Đồ lược nước gắn ở các cây gậy không làm trong [nước] được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vại lọc nước.

77. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bị khuấy rối bởi các con muỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] lều chống muỗi.

78. Vào lúc bấy giờ, ở xứ Vesālī, sự luân phiên bữa ăn gồm các thức ăn hảo hạng được xác định. Các Tỳ-khưu thọ dụng các thức ăn hảo hạng nên cơ thể béo phì, có nhiều chứng bệnh. Khi ấy, [thầy thuốc] Jīvaka Komārabhacca đã đi đến Vesālī do công việc cần làm nào đó. Jīvaka Komārabhacca đã nhìn thấy các Tỳ-khưu có cơ thể béo phì, có nhiều chứng bệnh, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, hiện nay, các Tỳ-khưu có cơ thể béo phì, có nhiều chứng bệnh. Bạch Ngài, lành thay, xin đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-khưu [sử dụng] đường kinh hành và phòng tắm hơi; như thế các Tỳ-khưu sẽ bớt bệnh.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đường kinh hành và phòng tắm hơi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi kinh hành ở đường kinh hành không bằng phẳng. Các bàn chân bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm cho bằng phẳng.

Đường kinh hành có nền thấp nên bị ngập nước.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang].

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

79. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi đi kinh hành ở đường kinh hành bị té. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] viền rào ở đường kinh hành.

80. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi đi kinh hành ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà đi kinh hành.

Rác cỏ rơi vào trong nhà đi kinh hành.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

81. Vào lúc bấy giờ, phòng tắm hơi có nền thấp nên bị ngập nước.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang].

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Phòng tắm hơi không có cửa.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.

82. Chân tường của phòng tắm hơi bị hư hỏng.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây mô tròn.

Phòng tắm hơi không có ống thông khói.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] ống thông khói.

83. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu làm chỗ đốt lửa ở giữa phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp. Lối đi lại không có.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm chỗ đốt lửa một bên góc ở phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp, ở giữa [phòng tắm hơi] có khuôn viên rộng.

Trong phòng tắm hơi, ngọn lửa đốt nóng mặt [các Tỳ-khưu].

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đất sét [đắp] ở mặt.

Các vị nhồi ướt đất sét ở tay.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] máng đựng đất sét.

Đất sét có mùi hôi.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ủ [đất sét].

Vào lúc bấy giờ, ở trong phòng tắm hơi, ngọn lửa đốt nóng thân thể [các Tỳ-khưu].

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mang nước lại.

Các vị mang nước lại bằng nắp bình bát và bằng bình bát.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vại chứa nước [và] gáo múc nước.

84. Mái lợp cỏ làm phòng tắm hơi trở nên dơ bẩn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới.

Phòng tắm hơi bị lầy lội.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: Nền gạch, nền đá, nền gỗ.

[Phòng tắm hơi] vẫn còn bị lầy lội.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rửa sạch.

Nước còn đọng lại.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] rãnh thoát nước.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngồi xuống trên nền đất của phòng tắm hơi, các phần thân thể bị ngứa ngáy.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế ngồi ở phòng tắm hơi.

85. Vào lúc bấy giờ, phòng tắm hơi không được rào lại.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [bằng] ba loại hàng rào: Hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.

Không có nhà kho chứa đồ.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà kho chứa đồ.

Nhà kho chứa đồ có nền thấp nên bị ngập nước.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang].

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Nhà kho chứa đồ không có cửa.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.

Vào lúc bấy giờ, rác cỏ rơi ở nhà kho chứa đồ.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

Căn phòng bị lầy lội.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát.

Các vị không thành công.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] rãnh thoát nước.

86. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu [đang] ở trần đảnh lễ vị ở trần, [đang] ở trần bảo vị [đang] ở trần đảnh lễ, [đang] ở trần phục vụ vị ở trần, [đang] ở trần bảo [người khác] phục vụ vị ở trần, [đang] ở trần dâng đồ cho vị ở trần, thọ nhận [lúc đang] ở trần, nhai [lúc đang] ở trần, ăn [lúc đang] ở trần, ngủ [lúc đang] ở trần, uống [lúc đang] ở trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị [đang] ở trần không nên đảnh lễ vị ở trần, vị nào đảnh lễ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị [đang] ở trần không nên bảo vị [đang] ở trần đảnh lễ, ...(nt)... Vị [đang] ở trần không nên đảnh lễ, ...(nt)... Vị [đang] ở trần

không nên bảo [vị khác] đảnh lễ, ...(nt)... Vị [đang] ở trần không nên phục vụ vị ở trần, ...(nt)... Vị [đang] ở trần không nên bảo phục vụ vị ở trần, ...(nt)... Vị [đang] ở trần không nên dâng đồ cho vị ở trần, ...(nt)... Không nên thọ nhận [lúc đang] ở trần, ...(nt)... Không nên nhai [lúc đang] ở trần, ...(nt)... Không nên ăn [lúc đang] ở trần, ...(nt)... Không nên ngủ [lúc đang] ở trần, ...(nt)... Không nên uống [lúc đang] ở trần, vị nào uống [lúc đang ở trần] thì phạm tội *Dukkaṭa*.

87. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu để y xuống trên nền đất của phòng tắm hơi. Y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] sào máng y, dây treo y ở phòng tắm hơi.

Lúc trời mưa, mưa rơi ở y.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] gian nhà lớn ở phòng tắm hơi.

Gian nhà lớn ở phòng tắm hơi có nền thấp nên bị ngập nước.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: ...(nt).

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt).

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang].

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Vào lúc bấy giờ, rác cỏ rơi vào trong gian nhà lớn của phòng tắm hơi.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đang ở trần ngần ngại làm công việc kỳ cọ lưng ở trong phòng tắm hơi, ở trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại tấm choàng: Tấm choàng ở phòng tắm hơi, tấm choàng ở trong nước và tấm choàng bằng vải.

88. Vào lúc bấy giờ, trong phòng tắm hơi không có nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giếng nước.

Thành giếng bị sụp đổ.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Giếng nước có nền thấp nên bị ngập nước.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(nt).

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt).

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang].

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

89. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu kéo nước lên bằng dây rừng, bằng dây thắt lưng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây thừng để kéo nước.

Hai tay bị đau.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cần giọt, cần trục quay, bánh xe ròng rọc.

Các thùng [kéo nước] bị bể nhiều.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại gàu [kéo nước]: Gàu bằng thiếc, gàu bằng gỗ, loại có [gắn] các sợi da thuộc.

90. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi kéo nước ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] gian nhà ở giếng.

Rác cỏ rơi vào trong gian nhà ở giếng.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Vào lúc bấy giờ, giếng không được che đậy nên bị các rác cỏ, luôn cả các vật dơ rơi vào.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nắp đậy.

Vào lúc bấy giờ, vật chứa nước không có.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] máng đựng nước, chậu đựng nước.

91. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu tắm ở nơi này nơi kia trong khuôn viên tu viện. Tu viện trở nên lầy lội. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] hồ nước [để tắm].

Hồ tắm không được kín đáo. Các Tỳ-khưu hổ thẹn khi tắm.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [bằng] ba loại hàng rào: Hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.

Hồ tắm bị lầy lội.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: Nền gạch, nền đá, nền gỗ.

Nước còn đọng lại.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] rãnh thoát nước.

92. Vào lúc bấy giờ, các phần cơ thể của các Tỳ-khưu bị lạnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm ráo [nước] cho dù chỉ bằng miếng vải thấm nước.

Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ có ý định cho xây dựng hồ trữ nước nhằm sự lợi ích của hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] hồ trữ nước.

Bờ thành của hồ trữ nước bị sụp đổ.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang].

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Nước trong hồ trữ nước bị ôi.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ống dẫn nước, ống tháo nước.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định cho thực hiện phòng tắm hơi có mái vòm nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] phòng tắm hơi có mái vòm.

93. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lìa xa tọa cụ trong bốn tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên lìa xa tọa cụ trong bốn tháng; vị nào lìa xa thì phạm tội *Dukkaṭa*.

94. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nằm trên những chỗ nằm có rải hoa. Dân chúng trong khi dạo quanh tu viện nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên nằm trên những chỗ nằm có rải hoa; vị nào nằm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, dân chúng đi đến tu viện, mang theo dầu thơm và vòng hoa. Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không thọ lãnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sau khi nhận dầu thơm rồi thì in dấu năm ngón tay lên cửa, sau khi nhận hoa rồi thì đem đặt ở một góc ở trong trú xá.

95. Vào lúc bấy giờ, có tấm thảm len đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thảm len.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý như vầy:

– Thảm len nên được chú nguyện để dùng riêng hay là nên được chú nguyện để dùng chung?

– Này các Tỳ-khưu, thảm len không nên được chú nguyện để dùng riêng, không nên được chú nguyện để dùng chung.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực [dựa vào] gối kê được rắc dầu thơm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ thực [dựa vào] gối kê được rắc dầu thơm; vị nào thọ thực [như thế] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

96. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Vị ấy trong khi ăn, không thể kềm giữ bình bát bằng tay được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giá đỡ bình bát.

97. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ăn chung trong một tô, uống chung trong một cốc, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên ăn chung trong một đĩa, không nên uống chung trong một cốc, không nên nằm chung trên một giường, không nên nằm chung một tấm trải, không nên nằm chung một tấm đắp, không nên nằm chung một tấm trải và tấm đắp; vị nào nằm chung thì phạm tội *Dukkaṭa.*

98. Vào lúc bấy giờ, Vaḍḍha Licchavi là thân hữu của các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Khi ấy, Vaḍḍha Licchavi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: "Tôi xin chào các ngài Đại đức."

Khi được nói như vậy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đến lần thứ nhì, Vaḍḍha Licchavi đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: "Tôi xin chào các ngài Đại đức." Đến lần thứ nhì, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đến lần thứ ba, Vaḍḍha Licchavi đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: "Tôi xin chào các ngài Đại đức." Đến lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

– Có phải tôi làm phật lòng các ngài Đại đức? Tại sao các ngài Đại đức không nói chuyện với tôi?

– Này đạo hữu Vaḍḍha, bởi vì ngươi vẫn dửng dưng như thế trong khi chúng tôi bị Dabba Mallaputta làm tổn hại.

– Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì?

– Này đạo hữu Vaḍḍha, nếu ngươi chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay, đức Thế Tôn có thể trục xuất Đại đức Dabba Mallaputta.

– Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì?

– Này đạo hữu Vaḍḍha, hãy đến. Ngươi hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vầy: "Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ, thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; vợ con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputta."

– Thưa các ngài Đại đức, xin vâng.

Rồi Vaḍḍha Licchavi nghe theo các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Vaḍḍha Licchavi đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ, thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; vợ con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputta.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi Đại đức Dabba Mallaputta rằng:

– Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều vị Vaḍḍha này đã nói không?

– Bạch Ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết mà.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn ...(nt)... Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Dabba Mallaputta điều này:

– Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều vị Vaḍḍha này đã nói không?

– Bạch Ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết mà.

– Này Dabba, các vị [dòng dõi] Dabba không phủ nhận như thế. Nếu ngươi có làm, hãy nói: "Có làm"; nếu không làm, hãy nói: "Không làm."

– Bạch Ngài, từ khi con được sanh ra, con không thấy mình là kẻ đã thực hành việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy úp ngược bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] hãy thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Này các Tỳ-khưu, bình bát nên được úp ngược đối với nam cư sĩ có tám

yếu tố: Vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc; ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được sự lợi ích; ra sức làm cho các Tỳ-khưu không có chỗ ngụ; vị mắng nhiếc, gièm pha các Tỳ-khưu; chia rẽ các Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu; vị phỉ báng đức Phật; vị phỉ báng Giáo pháp; vị phỉ báng Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép úp ngược bình bát đối với nam cư sĩ có tám yếu tố này.

Và này các Tỳ-khưu, nên úp ngược [bình bát] như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vaḍḍha Licchavi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta, với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên úp ngược bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] nên thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vaḍḍha Licchavi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta, với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Hội chúng úp ngược bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc úp ngược bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng [đã được thực thi]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

99. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của Vaḍḍha Licchavi, sau khi đến đã nói với Vaḍḍha Licchavi điều này:

– Này đạo hữu Vaḍḍha, bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với ngươi, ngươi có sự không cùng thọ hưởng với hội chúng.

Khi ấy, Vaḍḍha Licchavi [biết rằng]: "Nghe nói bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với ta, nghe nói ta có sự không cùng thọ hưởng với hội chúng" nên bị ngất xỉu, ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Sau đó, bạn bè thân hữu, thân quyến ruột thịt của Vaḍḍha Licchavi đã nói với Vaḍḍha Licchavi rằng:

– Này đạo hữu Vaḍḍha, thôi đi. Chớ có than van, chớ có rên rỉ. Chúng ta sẽ làm cho đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu tin tưởng.

Sau đó, Vaḍḍha Licchavi với y phục ướt đẫm, với đầu tóc ướt đẫm, cùng vợ con, bạn bè thân hữu và thân quyến ruột thịt đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói điều này:

– Bạch Ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con, khiến con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức, nên con đã bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch Ngài, đối với con đây, xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi là tội lỗi hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

– Này đạo hữu Vaḍḍha, đúng như thế. Tội lỗi đã chiếm ngự lấy ngươi, khiến ngươi như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên ngươi đã bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Này đạo hữu Vaḍḍha, chính từ việc đó ngươi đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, chúng ta ghi nhận điều ấy cho ngươi. Này đạo hữu Vaḍḍha, chính điều này là sự tiến bộ trong Luật của bậc Thánh: "Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp sẽ thực hành sự ngăn ngừa trong tương lai."

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy mở bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, hãy thực thi việc cùng thọ hưởng với hội chúng. Này các Tỳ-khưu, bình bát nên được mở ra đối với nam cư sĩ có tám yếu tố: Vị không ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc; không ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được sự lợi ích; không ra sức làm cho các Tỳ-khưu không có chỗ ngụ; vị không mắng nhiếc, không gièm pha các Tỳ-khưu; không chia rẽ các Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu; không phỉ báng đức Phật; không phỉ báng Giáo pháp; không phỉ báng Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mở bình bát đối với nam cư sĩ có tám yếu tố này.

Và này các Tỳ-khưu, nên mở ra như vầy: Này các Tỳ-khưu, Vaḍḍha Licchavi ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với con, con có sự không cùng thọ hưởng với hội chúng. Bạch các ngài, con đây làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ con thỉnh cầu hội chúng việc mở bình bát."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu hội chúng việc mở bình bát. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên mở bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] nên thực thi việc cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu hội chúng việc mở bình bát. Hội chúng mở bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] thực thi việc cùng thọ hưởng

với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc mở bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] việc cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Bình bát đã được hội chúng mở ra đối với Vaḍḍha Licchavi, [tức là] việc cùng thọ hưởng với hội chúng [đã được thực hiện]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Tụng phẩm thứ nhì.

*****

TỤNG PHẨM THỨ BA

100. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến xứ Bhaggā. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến xứ Bhaggā. Tại nơi đó, ở xứ Bhaggā, đức Thế Tôn ngự tại Suṃsumāragira, trong khu rừng Bhesakalā, nơi vườn Nai.

Vào lúc bấy giờ, lâu đài tên Kokanada của Vương tử Bodhi vừa mới được xây dựng không bao lâu, chưa có Sa-môn hoặc Bà-la-môn hay bất cứ người nào vào cư ngụ.

Khi ấy, Vương tử Bodhi đã bảo chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā rằng:

– Này con trai của bà Sañjikā mến, hãy đến. Ngươi hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy đê đầu đảnh lễ ở chân của đức Thế Tôn nhân danh ta hỏi thăm [Ngài] về sự ít bệnh, ít đau, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái [như vầy]: "Bạch Ngài, Vương tử Bodhi xin đê đầu đảnh lễ ở chân của đức Thế Tôn, và hỏi thăm [Ngài] về sự ít bệnh, ít đau, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái." Và ngươi hãy nói như vầy: "Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của Vương tử Bodhi."

– Thưa ngài, xin vâng.

Rồi chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā nghe lời Vương tử Bodhi, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã bày tỏ sự thân thiện đối với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Vương tử Bodhi xin đê đầu đảnh lễ Ngài Gotama và hỏi thăm [Ngài] về sự ít bệnh, ít đau, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái. Và nói như vầy: "Xin Ngài Gotama cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của Vương tử Bodhi."

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

Khi ấy, chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā, sau khi biết được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến gặp Vương tử Bodhi, sau khi đến đã nói với Vương tử Bodhi điều này:

– Thưa ngài, chúng tôi đã bạch đức Thế Tôn Gotama ấy với lời nói của ngài: "Vương tử Bodhi xin đê đầu đảnh lễ Ngài Gotama và hỏi thăm [Ngài] về sự ít bệnh, ít đau, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái. Và nói như vầy: Xin Ngài Gotama cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của Vương tử Bodhi." Và Sa-môn Gotama đã nhận lời.

101. Sau đó, khi trải qua đêm ấy Vương tử Bodhi đã cho chuẩn bị vật thực hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi ra lệnh trải các tấm vải trắng ở lâu đài Kokanada cho đến tận bậc cấp ở ngoài cùng, xong đã bảo chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā rằng:

– Này con trai của bà Sañjikā mến, hãy đến. Ngươi hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng: "Bạch Ngài, đã đến giờ; bữa ăn đã chuẩn bị xong."

– Thưa ngài, xin vâng.

Rồi chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā nghe lời Vương tử Bodhi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng:

– Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ; bữa ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của Vương tử Bodhi cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Vào lúc bấy giờ, Vương tử Bodhi đứng ở bên ngoài cổng ra vào đang chờ đợi đức Thế Tôn. Rồi Vương tử Bodhi đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang từ đàng xa đi lại, sau khi nhìn thấy, Vương tử Bodhi đã từ chỗ ấy đi ra đón tiếp, sau khi đảnh lễ đức Thế Tôn, thỉnh Ngài đi phía trước rồi đã đi đến lâu đài Kokanada.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã đứng lại cạnh bậc cấp ở ngoài cùng. Rồi Vương tử Bodhi đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy bước lên các tấm vải. Bạch Ngài, xin đấng Thiện Thệ hãy bước lên các tấm vải, việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Vương tử Bodhi đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy bước lên các tấm vải. Bạch Ngài, xin đấng Thiện Thệ hãy bước lên các tấm vải, việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã nhìn sang Đại đức Ānanda. Rồi Đại đức Ānanda đã nói với Vương tử Bodhi điều này:

– Thưa Vương tử, xin hãy gấp các tấm vải lại. Đức Thế Tôn sẽ không bước lên tấm thảm trải bằng vải. Đấng Như Lai có lòng thương tưởng đến chúng sanh sau này.[3]

Sau đó, Vương tử Bodhi đã bảo gấp lại các tấm vải và cho sắp đặt chỗ ngồi ở phía trên của lâu đài Kokanada. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bước lên lâu đài Kokanada và ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, Vương tử Bodhi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật dẫn đầu bằng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời bình bát, Vương tử Bodhi đã ngồi xuống một bên.

Khi Vương tử Bodhi đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Vương tử Bodhi bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đức Thế Tôn đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên bước lên các tấm thảm trải bằng vải; vị nào bước lên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

102. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà bị sẩy thai nọ đã thỉnh các Tỳ-khưu đến rồi trải ra tấm vải và đã nói điều này:

– Thưa các ngài, xin hãy bước lên tấm vải.

Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không bước lên.

– Thưa các ngài, xin hãy bước lên tấm vải để đem lại sự may mắn.

Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại đã không bước lên.

Khi ấy, người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức, trong khi được thỉnh cầu để đem lại sự may mắn lại không bước lên tấm thảm trải bằng vải?" Các Tỳ-khưu đã nghe người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, các gia chủ tin vào sự may mắn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bước lên tấm thảm trải bằng vải trong khi được thỉnh cầu để đem lại sự may mắn.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại không bước lên tấm vải chùi chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bước lên tấm vải chùi chân.

[3] Việc đức Thế Tôn không bước lên tấm thảm trải bằng vải đã được ngài Buddhaghosa giải thích như sau: "Vương tử Bodhi đã trải ra tấm thảm bằng vải với ước nguyện rằng: 'Nếu ta sẽ có được đứa con trai thì đức Thế Tôn sẽ bước lên tấm thảm trải bằng vải của ta.' Và vì vị ấy không thể có con trai, nên đức Thế Tôn đã không bước lên. Nếu đức Thế Tôn bước lên, sau này vị vương tử không có con trai, có thể sanh tà kiến rằng: 'Vị này không phải là Toàn Giác', đó là nguyên nhân trong việc đức Thế Tôn không bước lên tấm thảm trải bằng vải. Ngay cả các vị Tỳ-khưu, trong khi không biết rồi bước lên, có thể bị hàng tại gia chê bai, do đó đức Thế Tôn đã quy định điều học về việc này để tránh cho các vị Tỳ-khưu bị chê bai. Đây là nguyên nhân của việc quy định điều học" (*VinA*. VI. 1209).

103. Vào lúc bấy giờ, sau khi ngự tại xứ Bhaggā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, Visākhā, mẹ của Migāra mang theo cái chum, vật chà chân [bằng đất nung] và cái chổi, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn thọ nhận cái chum, vật chà chân [bằng đất nung], và cái chổi của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái chum và cái chổi. Đức Thế Tôn đã không thọ nhận vật chà chân [bằng đất nung].

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā, mẹ của Migāra bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Visākhā, mẹ của Migāra đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái chum và cái chổi. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng vật chà chân [bằng đất nung]; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ba vật chà chân: Cát, sỏi và đá bọt biển.

104. Khi ấy, Visākhā, mẹ của Migāra mang theo cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn] đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn thọ nhận cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn] của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn]. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā, mẹ của Migāra bằng bài pháp thoại. Sau đó, Visākhā, mẹ của Migāra ...(nt)... hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn].

105. Vào lúc bấy giờ, quạt đuổi muỗi được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] quạt đuổi muỗi.

Quạt đuôi bò rừng được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng quạt đuôi bò rừng; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ba loại quạt: Làm bằng vỏ cây, làm bằng loại rễ cây usīra, làm bằng lông đuôi chim công.

106. Vào lúc bấy giờ, ô dù được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ô dù.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang ô dù đi lại đó đây. Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ đã đi đến công viên cùng với nhiều tín đồ của đạo lõa thể. Các tín đồ của đạo lõa thể đã nhìn thấy từ đàng xa các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang ô dù đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với nam cư sĩ ấy điều này:

– Này ông, các bậc khả kính kia của ông mang ô dù đi đến kìa, giống như đám quan đại thần vậy.

– Này quý vị, các vị ấy không phải là các Tỳ-khưu, là các du sĩ ngoại đạo.

– Là các Tỳ-khưu, không phải là các Tỳ-khưu.

Họ đã thực hiện việc cá độ. Sau đó, nam cư sĩ ấy khi đi lại gần biết được rõ ràng nên mới phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức lại mang ô dù đi đó đây?" Các Tỳ-khưu đã nghe được nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng ô dù; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

107. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Đối với vị ấy, không có ô dù, không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ô dù đối với Tỳ-khưu bị bệnh.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Ô dù đã được đức Thế Tôn cho phép đối với Tỳ-khưu bị bệnh, không cho đối với vị không bị bệnh" rồi ngần ngại che ô dù ở trong tu viện, ở vùng phụ cận tu viện. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu không bị bệnh che ô dù ở trong tu viện, ở vùng phụ cận tu viện.

108. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ buộc bình bát bằng sợi dây thừng treo ở cây gậy, rồi đi ngang qua cổng của ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng [bàn bạc rằng]: "Này các vị, gã trộm kia đang đi, gươm của gã lấp lánh kìa", rồi đã đuổi theo, giữ lại, đến khi biết rõ, đã thả ra. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

– Này Đại đức, có phải Đại đức mang theo gậy và dây thừng?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu lại mang theo gậy và dây thừng?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi mang theo gậy và dây thừng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang theo gậy và dây thừng; vị nào mang theo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

109. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy đến Tỳ-khưu bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy cần đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy. Hội chúng ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

110. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng đến Tỳ-khưu bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi bị bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng. Hội chúng ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

111. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng đến Tỳ-khưu bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng. Hội chúng ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

112. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có tật nhai lại thức ăn. Vị ấy nhai đi nhai lại [thức ăn] rồi nuốt xuống. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vị Tỳ-khưu này ăn vật thực lúc sái thời." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy trước đây không lâu thuộc nòi giống trâu bò đã bị chết đi. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc nhai lại đối với vị có tật nhai lại. Và này các Tỳ-khưu, sau khi ợ lên ở cửa miệng [vật đã ăn vào] không nên nuốt xuống; vị nào nuốt xuống thì nên được hành xử theo pháp.[4]

113. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Nhiều hột cơm đã bị rơi vãi trong phòng ăn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử trong khi được dâng cơm lại không thọ lãnh một cách thận trọng, vì mỗi một hột cơm được tạo nên bởi trăm công sức?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vật nào bị rơi xuống trong khi được dâng cúng, Ta cho phép tự thân nhặt lên và thọ dụng vật ấy. Này các Tỳ-khưu, vật ấy đã được xả thí bởi các thí chủ.

114. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực với các móng được để dài. Có người đàn bà nọ đã nhìn thấy rồi nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Ngài ơi, hãy đến. Hãy thực hiện việc lứa đôi đi.

– Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

– Ngài ơi, nếu ngài không thực hiện, giờ đây tôi sẽ cào cấu khắp mình mẩy bằng các móng tay của mình rồi sẽ làm ầm ĩ: "Tỳ-khưu này xúc phạm tôi."

– Này chị gái, cô nên biết điều.

Khi ấy, người đàn bà ấy đã cào cấu khắp mình mẩy bằng các móng tay của mình rồi đã làm ầm ĩ: "Tỳ-khưu này xúc phạm tôi."

Dân chúng đã chạy lại và bắt giữ vị Tỳ-khưu ấy. Rồi những người ấy đã nhìn thấy da và máu ở móng tay của người đàn bà ấy, sau khi nhìn thấy [biết

[4] Liên quan đến tội *Pācittiya* 37 (ND).

được rằng]: "Hành động này là của chính người đàn bà này, vị Tỳ-khưu không phải là người làm", rồi đã thả vị Tỳ-khưu ấy ra.

Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

– Này Đại đức, có phải Đại đức đã để dài các móng?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại để dài các móng?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các móng không nên để dài; vị nào để dài thì phạm tội *Dukkaṭa*.

115. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu xé móng bằng móng tay, cắn móng bằng miệng, mài móng ở tường. Các ngón bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc cắt móng.

Các vị cắt móng làm chảy máu. Các ngón bị đau.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cắt móng đến sát phần thịt.

116. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo trau chuốt hai mươi [móng tay và chân]. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bảo trau chuốt hai mươi [móng tay và chân]; vị nào bảo trau chuốt thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lấy đất ra [từ các móng].

117. Vào lúc bấy giờ, tóc của các Tỳ-khưu bị dài. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu có khả năng để xuống tóc cho nhau không?

– Bạch Thế Tôn, có khả năng.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dao cạo, đá mài dao cạo, bao đựng dao cạo, miếng vải len, tất cả vật dụng liên quan đến dao cạo.

118. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tỉa râu, để râu dài ra, tạo dáng chòm râu dưới cằm, tạo dáng chòm râu hình vuông, tạo dáng lông ngực, tạo dáng lông bụng, làm đứng giống ngà voi, nhổ [cạo] lông ở chỗ kín. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên tỉa râu, không nên để râu dài ra, không nên tạo dáng chòm râu dưới cằm, không nên tạo dáng chòm râu hình vuông, không

nên tạo dáng lông ngực, không nên tạo dáng lông bụng, không nên làm đứng giống ngà voi, không nên nhổ [cạo] lông ở chỗ kín; vị nào nhổ [cạo] thì phạm tội *Dukkaṭa*.

119. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở chỗ kín. Thuốc không thể bám vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhổ [cạo] lông ở chỗ kín do duyên cớ bệnh.

120. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo cắt tóc bằng kéo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bảo cắt tóc bằng kéo; vị nào bảo cắt thì phạm tội *Dukkaṭa*.

121. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở trên đầu, không thể xuống tóc bằng dao cạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bảo cắt tóc bằng kéo do duyên cớ bệnh.

122. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu để lông mũi dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ thờ phụng quỷ thần vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên để lông mũi dài; vị nào để thì phạm tội *Dukkaṭa*.

123. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu lấy lông mũi ra với mảnh sành hoặc bằng sáp ong. Hai lỗ mũi bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái nhíp [nhổ lông].

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo nhổ tóc bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bảo nhổ tóc bạc; vị nào bảo nhổ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

124. Vào lúc bấy giờ, các lỗ tai của vị Tỳ-khưu nọ bị các ráy tai che bít. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đồ lấy ráy tai.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các đồ lấy ráy tai đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các đồ lấy ráy tai đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

125. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tích trữ nhiều đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ. Dân chúng trong khi dạo quanh tu viện nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tích trữ nhiều đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ giống như nhà buôn bán đồ đồng vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên tích trữ đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ; vị nào tích trữ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại [sử dụng] thuốc cao, que bôi thuốc cao, đồ lấy ráy tai và vật dùng làm cán [tay cầm]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc cao, que bôi thuốc cao, đồ lấy ráy tai, vật dùng làm cán [tay cầm].

126. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ôm đầu gối bằng y hai lớp. Các lớp vải của y hai lớp bị tơi tả. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên ngồi ôm đầu gối bằng y hai lớp; vị nào ngồi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Không có vải băng bó, vị ấy không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vải băng bó.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: “Vải băng bó nên được làm ra như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khung dệt, con thoi, sợi dệt, kim dệt và tất cả vật dụng liên quan đến việc dệt.

127. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ không buộc dây thắt lưng đã đi vào làng để khất thực. Ở trên đường đi, y nội của vị ấy đã bị tuột xuống. Dân chúng đã kêu ồ lên. Vị Tỳ-khưu đã bị xấu hổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không buộc dây thắt lưng không nên đi vào làng; vị nào đi vào thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dây thắt lưng.

128. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các dây thắt lưng đủ loại: Loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các dây thắt lưng đủ loại: Loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại

giống như dây xích; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hai loại dây thắt lưng: Loại bằng vải và cái ruột tượng.

Các mép của dây thắt lưng bị sờn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích.

Đầu chóp của dây thắt lưng bị sờn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khâu tròn [hai đầu chóp], thắt nút [hai đầu chóp].

Hai đầu chóp của dây thắt lưng đã khâu lại bị sờn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khóa thắt lưng.

129. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các khóa thắt lưng đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các khóa thắt lưng đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng chỉ sợi.

130. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Ānanda đã đắp các y hai lớp mỏng nhẹ rồi đi vào làng để khất thực. Do cơn gió xoáy, các y hai lớp đã bị tốc lên. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi về lại tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hột nút, cái nơ buộc.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các hột nút đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các hột nút đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng chỉ sợi.

131. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu cài hột nút, cài cái nơ buộc ở trên y. Y bị sờn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hột nút hình dẹp, cái nơ buộc hình dẹp.

Các vị cài hột nút hình dẹp, cài cái nơ buộc hình dẹp ở góc chéo [của y]; phần cuối [của y] bị mở ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cài hột nút hình dẹp ở góc chéo [của y]; cài cái nơ buộc hình dẹp sau khi lùi vào bảy lóng tay hoặc tám lóng tay.

132. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc vải lót trong của người tại gia: Loại quấn như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc vải lót trong của người tại gia: Loại quấn như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài; vị nào mặc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

133. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc váy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như phu mang vác của đức vua vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc váy; vị nào mặc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia; vị nào trùm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

134. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đeo túi quàng ở hai vai. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như phu mang vác của đức vua vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đeo túi quàng ở hai vai; vị nào đeo thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép túi đeo một bên vai, túi hai người xách, vật đội trên đầu, vật mang ở vai, vật mang ở hông, túi xách.

135. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không nhai gỗ chà răng. Miệng trở nên có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng: Không có ích lợi cho mắt, miệng trở nên có mùi hôi, các vị giác không tinh tế, mật và đờm che lấp thức ăn, vị ấy không hứng thú với thức ăn. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng.

Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều lợi ích trong việc nhai gỗ chà răng: Có ích lợi cho mắt, miệng không có mùi hôi, các vị giác được tinh tế, mật và đờm không che lấp thức ăn, vị ấy hứng thú với thức ăn. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều lợi ích trong việc nhai gỗ chà răng.

136. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhai gỗ chà răng loại dài. Các vị còn đánh [gõ] các Sa-di bằng chính những cây gỗ ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên nhai gỗ chà răng loại dài; vị nào nhai thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép gỗ chà răng dài tối đa tám

ngón tay và không nên đánh [gõ] Sa-di bằng cây gỗ ấy; vị nào đánh thì phạm tội *Dukkaṭa*.

137. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong khi nhai cây gỗ chà răng quá ngắn nên bị vướng ở cổ họng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên nhai gỗ chà răng quá ngắn; vị nào nhai thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép gỗ chà răng ngắn tối thiểu bốn ngón tay.

138. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đốt đám lửa lớn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như thợ đốt lò vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đốt đám lửa lớn; vị nào đốt thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các tu viện có cỏ rậm rạp. Trong khi đám lửa lớn bị phát cháy, các tu viện bị phát cháy. Các Tỳ-khưu ngần ngại [không] tạo nên ngọn lửa nghịch chiều để thực hiện sự bảo vệ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi đám lửa lớn phát cháy, Ta cho phép tạo nên ngọn lửa nghịch chiều để thực hiện sự bảo vệ.

139. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trèo lên cây, chuyền từ cây này sang cây khác. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các con khỉ vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên trèo lên cây; vị nào trèo lên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong khi đi đến thành Sāvatthi ở xứ sở Kosala, giữa đường đã có con voi đứng chặn. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã chạy lại gần gốc cây, trong lúc ngần ngại đã không trèo lên cây. Con voi ấy đã đi sang hướng khác. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trèo lên cây với tầm cao của con người khi có việc cần làm và đến tầm cao cần thiết trong những lúc hiểm nguy.

140. Vào lúc bấy giờ, hai Tỳ-khưu tên Yameḷu và Tekula là hai anh em xuất thân dòng dõi Bà-la-môn, có lời nói nhã nhặn với âm điệu ngọt ngào. Họ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, hiện nay các Tỳ-khưu có tên gọi khác nhau, có dòng dõi khác nhau, có giai cấp khác nhau, có gia tộc khác nhau đã xuất gia. Các vị ấy làm hỏng lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính họ. Bạch Ngài, hãy để chúng con hoán chuyển lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm luật.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại kia, vì sao các ngươi lại nói như vầy: "Bạch Ngài, hãy để chúng con hoán chuyển lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm luật?" Này những kẻ rồ dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên hoán chuyển lời dạy của chư Phật sang dạng có niêm luật; vị nào hoán chuyển thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép học tập lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính bản thân.[5]

141. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư học tập việc giải đoán điềm lành dữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ chuyên chú trong việc giải đoán điềm lành dữ có thể đạt được sự tiến triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh trong Pháp và Luật này không?

– Bạch Ngài, không có điều ấy.

– Hoặc vị chuyên chú trong Pháp và Luật này có thể học tập việc giải đoán điềm lành dữ không?

– Bạch Ngài, không có điều ấy.

– Này các Tỳ-khưu, không nên học tập việc giải đoán điềm lành dữ; vị nào học tập thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dạy việc giải đoán điềm lành dữ. ...(nt)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên dạy việc giải đoán điềm lành dữ; vị nào dạy thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[5] *Saka nirutti*: Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Ở đây, '*saka nirutti*' nghĩa là sự giảng giải được nói ra bởi đấng Chánh Đẳng Giác, tức là sự phát biểu bằng ngôn ngữ của xứ Magadha" (*Sđd.* 1214). Các nhà học giả trong thời hiện tại đã nêu ra tranh luận về vấn đề này, biện luận rằng từ *sakāya* còn có liên quan đến từ *saka* (bản thân) ám chỉ ngôn ngữ địa phương của mỗi cá nhân, thay vì Sakya (dòng dõi Thích-ca) ý nói đến ngôn ngữ cổ thời bấy giờ theo như lời giải thích của ngài Buddhaghosa. Chúng tôi ghi lời Việt theo ý kiến của các học giả thời sau này (ND).

– Này các Tỳ-khưu, không nên học tập kiến thức nhảm nhí; vị nào học tập thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên dạy kiến thức nhảm nhí; vị nào dạy thì phạm tội *Dukkaṭa*.

142. Vào lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, trong lúc đang giảng pháp đã hắt hơi. Các Tỳ-khưu đã gây nên âm thanh ồn, tiếng động lớn rằng: "Bạch Ngài, mong rằng đức Thế Tôn hãy sống, mong rằng đấng Thiện Thệ hãy sống." Do âm thanh ấy, sự giảng pháp đã bị gián đoạn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, khi hắt hơi mà được nói rằng: "Mong rằng người hãy sống", do duyên ấy có thể tiếp tục sống hay có thể chết đi?

– Bạch Ngài, không có điều ấy.

– Này các Tỳ-khưu, khi [ai đó] hắt hơi không nên nói rằng: "Mong rằng người hãy sống." Vị nào nói thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, khi các Tỳ-khưu hắt hơi, dân chúng nói rằng: "Thưa các ngài, mong rằng các ngài hãy sống." Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không đáp lại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử khi được nói rằng: 'Thưa ngài, mong rằng ngài hãy sống' lại không đáp lời?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, những người tại gia mong điều tốt lành. Này các Tỳ-khưu, khi được nói rằng: "Thưa ngài, mong rằng ngài hãy sống", Ta cho phép đáp lại người tại gia rằng: "Mong rằng người sống lâu."

143. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn được hội chúng đông đảo vây quanh, đang ngồi giảng pháp. Có vị Tỳ-khưu nọ vừa mới nhai tỏi. Vị ấy [nghĩ rằng]: "Chớ để các Tỳ-khưu bị phiền toái", nên đã ngồi xuống ở một góc. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã ngồi xuống ở một góc, sau khi nhìn thấy Ngài đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu ấy đã ngồi xuống ở một góc vậy?

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu ấy vừa mới nhai tỏi. Vị ấy [nghĩ rằng]: "Chớ để các Tỳ-khưu bị phiền toái" nên đã ngồi xuống ở một góc.

– Này các Tỳ-khưu, sau khi nhai một vật gì mà phải bị loại ra khỏi cuộc giảng pháp như thế này thì có nên nhai vật ấy không?

– Bạch Ngài, điều ấy không nên.

– Này các Tỳ-khưu, không nên nhai tỏi; vị nào nhai thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sāriputta bị bệnh đau bụng gió. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp Đại đức Sāriputta, sau khi đến đã nói với Đại đức Sāriputta điều này:

– Này Đại đức Sāriputta, trước đây khi bị bệnh đau bụng gió, Đại đức được thoải mái nhờ vật gì?

– Này Đại đức, đối với tôi nhờ tỏi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhai tỏi do duyên cớ bệnh.

144. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu tiểu tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tiểu tiện ở một góc.

Tu viện trở nên có mùi hôi.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] lu nước tiểu.

Các vị đi tiểu tiện, ngồi xuống một cách khó khăn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] bục tiểu tiện.

Bục tiểu tiện ở nơi trống trải. Các Tỳ-khưu hổ thẹn khi tiểu tiện.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [bằng] ba loại hàng rào: Hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.

Lu nước tiểu không được đậy lại nên có mùi hôi.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy.

145. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đại tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đại tiện ở một góc.

Tu viện trở nên có mùi hôi.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hố tiêu.

Thành hố tiêu bị sụp xuống.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [xây dựng] ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Hố tiêu có nền thấp nên bị ngập nước.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang].

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Ngồi ở rìa mép, các vị bị té trong khi đại tiện.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải lót, làm cái lỗ ở giữa để đại tiện.

Các vị đi đại tiện, ngồi xuống một cách khó khăn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] bục đại tiện.

Các vị tiểu tiện ra ở bên ngoài.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] rãnh dẫn nước tiểu.

Gỗ chùi không có.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] gỗ chùi.

Thùng chứa đồ chùi không có.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thùng chứa đồ chùi.

Hố phân không được đậy lại nên có mùi hôi.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy.

Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu trong khi đại tiện ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà tiêu.

Nhà tiêu không có cửa.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.

Rác cỏ rơi vào trong nhà tiêu.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

146. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ già yếu đại tiện xong, trong khi đứng dậy bị té. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay vịn.

Vào lúc bấy giờ, nhà tiêu không được rào lại.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [bằng] ba loại hàng rào: Hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.

Không có nhà kho chứa đồ.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà kho chứa đồ.

Nhà kho chứa đồ có nền thấp ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống.

– ...(nt)...

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Nhà kho chứa đồ không có cửa.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.

Rác cỏ rơi ở nhà kho chứa đồ.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

Căn phòng bị lầy lội.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát.

Các vị không thành công.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] rãnh thoát nước.

Lu nước rửa không có.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] lu nước rửa.

Gáo múc nước để rửa không có.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] gáo múc nước để rửa.

Các vị rửa, ngồi xuống một cách khó khăn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] bục ngồi rửa.

Bục ngồi rửa ở nơi trống trải. Các Tỳ-khưu hổ thẹn khi rửa.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [bằng] ba loại hàng rào: Hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.

Lu nước rửa không được đậy lại nên bị các rác cỏ, luôn cả các vật dơ rơi vào.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy.

147. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ

làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực.

Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình.

Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm. Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cùng với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ... ca hát, ... tấu đàn, ... vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa, ... ca hát, ... tấu đàn, ... vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui đùa, ca hát cùng với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa.

Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: "Này cô em, hãy nhảy ở đây này", họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách; vị nào cư xử thì nên được hành xử theo pháp.

148. Vào lúc bấy giờ, khi Đại đức Uruvelakassapa xuất gia, nhiều đồ vật bằng kim loại, đồ vật bằng gỗ, đồ vật bằng gốm sứ được phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý rằng: "Đồ vật bằng kim loại nào đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật bằng gỗ nào

đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật bằng gốm sứ nào đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả đồ vật bằng kim loại, ngoại trừ vũ khí; tất cả đồ vật bằng gỗ, ngoại trừ ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, bình bát bằng gỗ, giày dép bằng gỗ; tất cả đồ vật bằng gốm sứ, ngoại trừ đồ chà chân và loại lu lớn.

Chương "Các tiểu sự" là thứ năm.

*****

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Ở thân cây, ở cột trụ và ở tường nhà, ở tấm ván xẻ, với cây kỳ cọ và chuỗi hột, cọ xát [thân thể lẫn nhau], cây chà lưng, bệnh ghẻ và vị già cả, [dùng] bàn tay như thường lệ.

2. Không nên mang ngay cả hoa tai, hoa dạng chuỗi, dây chuỗi ở cổ, ở hông, vòng, vòng ở ngực, đồ trang sức ở tay và nhẫn.

3. [Về tóc] dài, lược chải, vật hình mang rắn, bàn tay [xòe ra], [thoa] sáp ong, dầu nước, gương soi và chậu nước, dầu [thoa], việc xoa bóp và thoa phấn.

4. Các vị tô điểm, việc vẽ màu ở thân hình và tô màu ở mặt, rồi cả hai việc, bệnh ở mắt và ở trên đỉnh núi, sự [ngâm nga] kéo dài, âm điệu, [áo khoác] ở bên ngoài.

5. Xoài miếng, với các trái còn nguyên, con rắn, vị đã cắt đứt và khúc gỗ trầm hương, các bình bát đủ loại, phần đáy bình bát, bằng vàng, bị dày cộm, bị lỏng chỏng.

6. Có màu sặc sỡ, bị hư hỏng, có mùi hôi, ở chỗ nắng, chúng đã bị vỡ, ở băng ghế, giường đúc, [tấm lót] cỏ, miếng vải, bục nền xung quanh và ở giỏ mây, túi đựng, dây mang vai, tương tợ như thế về dây đeo bằng chỉ kết lại.

7. Ở chốt đinh và ở giường, ở ghế, ở bắp vế, ở cái dù, việc mở cửa, bầu đựng nước, cái hũ, cái sọ từ thây người, các đồ thừa thãi, vật chứa.

8. Vị đã xé [bằng tay], dao có cán, bằng vàng, lông [gà], lạt tre và ống đựng kim khâu, bột gây men, bột lúa mạch, bột đá, mật và sáp ong, nhựa cây.

9. Không vuông vức, đã buộc vào, chỗ không bằng phẳng, ở trên mặt đất, bị sờn, và không đạt kích thước, việc đo đạc và đường chỉ may tạm, chân chưa rửa, đẫm nước, mang giày dép.

10. Các ngón tay, đồ bao ngón tay, thùng chứa đồ, các dây mang vai, ở ngoài trời, nền thấp và luôn cả nền móng, các vị bị khó khăn.

11. Vị bị té, rác cỏ, việc tô vữa trong và ngoài, màu trắng, việc sơn màu đen và việc chuẩn bị màu đỏ.

12. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng, sào máng y và dây treo y, vị Lãnh Đạo đã cho phép.

13. Sau khi bỏ bê, các vị ra đi, bị gặm nhấm, bị rời ra, bị bung ra, ngay cả ở trên tường, mang theo bằng bình bát, rồi ra đi.

14. Túi đựng và dây mang bằng chỉ kết lại, sau khi buộc đôi dép [ở hông], và cái túi đựng dép, dây vải mang vai là chỉ kết lại.

15. Nước uống chưa được làm thành đúng phép, ở trên đường, đồ lược nước, miếng vải lược, đồ lọc nước thông thường, hai vị Tỳ-khưu, vị Hiền Sĩ đã đi đến Vesālī.

16. Ở tại nơi ấy, Ngài đã cho phép đồ lọc có hai lớp, bể lọc nước, đồ lược nước, bởi các con muỗi, với thức ăn hảo hạng, nhiều chứng bệnh và thầy thuốc Jīvaka.

17. Đường kinh hành, nhà tắm hơi, ở nơi không bằng phẳng, các nền bị thấp, ba loại nền móng, các vị gặp khó khăn, bậc thang và tay cầm, lan can.

18. Ở ngoài trời, rác cỏ, việc tô vữa trong và ngoài, màu trắng, việc sơn màu đen, và việc chuẩn bị màu đỏ.

19. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng, sào máng y và dây treo y, và các vị làm nền cao.

20. Ba loại bậc thang và tay cầm, cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm và chốt gài.

21. Đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây và sợi dây. Mô tròn và ống thông khói, ở giữa và đất sét đắp ở mặt.

22. Máng đựng đất sét, có mùi hôi, bị phỏng, vại chứa nước, gáo múc nước, làm ra mồ hôi, [nền] bị lầy lội, đã rửa sạch, rãnh thoát nước.

23. Ghế ngồi, ở nhà kho, công việc làm, cát và đá phiến, rãnh thoát nước, các vị ở trần, ở nền đất, trời đang mưa, ba loại tấm choàng tại nơi ấy.

24. Giếng nước và bị sụp đổ, bằng dây rừng, sợi dây thắt lưng, cần giọt, cần trục quay, ròng rọc, nhiều gàu múc bị bể.

25. [Gàu] bằng thiếc, bằng gỗ, bằng da thuộc, gian nhà, rác cỏ và nắp đậy, máng chứa nước, hồ tắm, hàng rào, bị lầy lội và bằng rãnh thoát nước.

26. Việc bị lạnh, hồ trữ nước và nước bị ôi, mái vòng cung, bốn tháng và các vị nằm, tấm thảm len, không nên chú nguyện để dùng riêng.

27. Được rắc dầu thơm, giá đỡ bình bát, các vị ăn chung trong một [tô], đã nằm chung, chuyện Vaḍḍha, chuyện Bodhi, Ngài đã không bước lên, cái chum, vật chà chân [bằng đất nung], cái chổi.

28. Cát, sỏi và đá bọt biển là vật chà chân, cái quạt [hình vuông], cái quạt lá cọ, quạt đuổi muỗi và luôn cả quạt đuôi bò.

29. Ô dù và không có, ở trong tu viện, ba sự đồng ý về sợi dây, tật nhai lại, cơm rơi, các móng dài, các vị cắt, các ngón tay bị đau.

30. Có bị chảy máu và cắt sát [phần thịt], hai mươi [ngón], việc để tóc dài, dao cạo, đá mài, bao đựng, miếng vải len, vật dụng để cạo.

31. Các vị tỉa râu, các vị để râu, râu dưới cằm, râu hình vuông, lông ngực, lông bụng, giống ngà voi, các vị nhổ [cạo] lông.

32. Các chứng bệnh, cái kéo, vết thương, [lông mũi] dài và bằng mảnh sành, tóc bạc, bị bít kín [lỗ tai], đủ các loại, vật bằng đồng thau và thuốc cao.

33. Ngồi ôm đầu gối và vải băng bó, sợi dệt, kim dệt, dây thắt lưng, loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích.

34. Loại bằng vải và loại hai đầu được thắt lại, các mép [bị sờn], loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích, đầu chóp, khâu tròn và còn thắt nút nữa, đầu chóp đã khâu lại bị sờn.

35. Về khóa thắt lưng, hột nút, cái nơ buộc, loại có loại hình dẹp ở góc chéo [của y] và nên lùi vào, vải lót trong của người tại gia: Loại quấn như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc.

36. Loại vải có tua, loại vải thật dài, cái váy, trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia, không nên đeo túi quàng ở hai vai, gỗ chà răng, việc đánh [gõ bằng gỗ chà răng].

37. Bị vướng ở cổ họng và đám lửa lớn, ngọn lửa nghịch chiều, [trèo] cây, bởi con voi, vị Yameḷu, việc giải đoán điềm lành dữ, các vị đã học, các vị đã dạy lại.

38. Kiến thức nhảm nhí, việc dạy, Ngài đã hắt hơi, điều tốt lành và [nhai] tỏi, bệnh gió, trở nên dơ bẩn và có mùi hôi, khó khăn, bục [tiểu tiện].

39. Các vị hổ thẹn, không được đậy, có mùi hôi và các vị đại tiện đó đây, có mùi hôi, hố tiêu, bị sụp xuống, nền cao và các loại nền móng.

40. Bậc thang, tay cầm để vịn, ở rìa mép, bị khó khăn và bục đại tiện, [tiểu] ra ngoài, khe rãnh và gỗ chùi, thùng chứa và không được đậy lại.

41. Nhà tiêu, cánh cửa, luôn cả trụ cửa, rãnh xoay và chốt xoay, tay nắm và chốt gài.

42. Đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, luôn cả lỗ để xỏ dây, dây thừng, việc trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng và màu đen.

43. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y và dây treo, vị già yếu, hàng rào.

44. Và về căn phòng ở ngay tại nơi ấy nữa, việc rải cát, các đá phiến, bị đọng nước, rãnh thoát nước, luôn cả lu nước và gáo múc.

45. Bị khó khăn, hổ thẹn, các nắp đậy, các vị đã cư xử hành vi sai trái, Ngài đã cho phép đồ vật bằng kim loại ngoại trừ vũ khí.

46. Ngoại trừ ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, bình bát bằng gỗ và giày dép [bằng gỗ], bậc Đại Hiền Sĩ đã cho phép tất cả các đồ vật làm bằng gỗ.

47. Ngoại trừ đồ chà chân và loại lu lớn, đức Như Lai, đấng Bi Mẫn cũng đã cho phép tất cả đồ vật bằng gốm sứ.

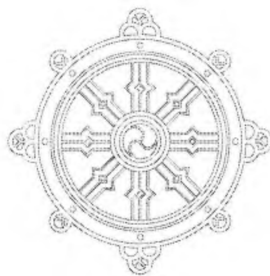
48. Đối với sự việc nào, sự chỉ dẫn là tương tợ với sự việc trước và đã được tóm tắt ở trong phần tóm lược, sự việc ấy nên biết đến theo phương thức hướng dẫn.

49. Như vậy, một trăm mười sự việc ở trong phần các tiểu sự thuộc tạng Luật là sự trợ giúp cho các vị hiền thiện trong việc duy trì Chánh pháp.

50. Vị rành rẽ về luật đã được học tập khéo léo, có tâm tốt lành, vô cùng hiền thiện, làm công việc giảng giải, thông minh, nghe nhiều, là vị xứng đáng việc cúng dường.

Dứt phần tóm lược.

--ooOoo--



VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA[1]

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, chỗ trú ngụ chưa được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu. Và các Tỳ-khưu ấy cư ngụ ở nơi này nơi khác, ở trong rừng rậm, ở gốc cây, nơi sườn núi, nơi thung lũng, trong hang núi, nơi bãi tha ma, trong khu rừng thưa, nơi đồng trống, ở đống rơm. Các vị ấy, vào lúc sáng sớm, đã đi ra từ nơi này nơi khác, từ trong rừng rậm, từ gốc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thưa, từ đồng trống, từ đống rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi [tay chân], với đôi mắt nhìn xuống, được thành tựu về các oai nghi.

2. Vào lúc bấy giờ, có nhà đại phú ở thành Rājagaha đã đi đến công viên vào lúc sáng sớm. Nhà đại phú thành Rājagaha đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy vào lúc sáng sớm, đang đi ra từ nơi này nơi khác, từ trong rừng rậm, từ gốc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thưa, từ đồng trống, từ đống rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi [tay chân], với đôi mắt nhìn xuống, được thành tựu về các oai nghi. Sau khi nhìn thấy, tâm của vị ấy đã ngưỡng mộ. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Thưa các ngài, nếu tôi có thể cho xây dựng các trú xá, các ngài có thể cư ngụ trong các trú xá của tôi không?

3. – Này gia chủ, các trú xá chưa được đức Thế Tôn cho phép.

– Thưa các ngài, chính vì điều ấy các ngài có thể hỏi đức Thế Tôn rồi báo cho tôi hay.

– Này gia chủ, đúng vậy.

Rồi các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

---

[1] Sàng tọa (*senāsana*): Theo *Sumaṅgalavilāsinī* (*Chú giải Kinh Trường bộ*), *senāsana* được phân làm bốn loại: Loại thứ nhất *vihāra-senāsana* gồm có năm loại chỗ trú ngụ là trú xá (*vihāraṃ*), nhà một mái (*aḍḍhayogaṃ*), tòa nhà dài (*pāsādaṃ*), khu nhà lớn (*hammiyaṃ*), hang động (*guhaṃ*); loại thứ nhì *mañcapīṭha-senāsana* là giường, ghế, nệm, gối; loại thứ ba *santhata-senāsana* là các loại thảm; loại thứ tư *okāsa-senāsana* được giải thích là nơi mà vị Tỳ-khưu sẽ trở lại (*DA*. I. 208-10). Chúng tôi sẽ ghi nghĩa tiếng Việt là “chỗ trú ngụ” cho loại thứ nhất, *vihārasenāsana*, và sẽ giữ nguyên từ “sàng tọa” cho loại thứ hai, *mañcapīṭhasenāsana*.

– Bạch Ngài, nhà đại phú ở thành Rājagaha có ý muốn cho xây dựng các trú xá. Bạch Ngài, vậy nên được thực hành như thế nào?

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm loại chỗ trú ngụ là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động.

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này:

– Này gia chủ, các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép, giờ đây gia chủ hãy biết về thời điểm của việc ấy.

Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho dựng lên sáu mươi trú xá chỉ trong một ngày.

4. Sau đó, khi đã hoàn tất sáu mươi trú xá ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của tôi vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã bảo chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát và đi đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, nhà đại phú thành Rājagaha đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, sáu mươi trú xá này đã được tôi cho xây dựng vì mục đích phước báu, vì mục đích cõi trời. Bạch Ngài, tôi nên thực hành như thế nào về những trú xá này?

– Này gia chủ, chính vì điều ấy ngươi hãy cho thiết lập sáu mươi trú xá ấy dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai.[2]

– Bạch Ngài, xin vâng.

---

[2] *Āgatānāgata* = *āgata* + *anāgata*: đã đi đến và chưa đi đến, được dịch thoát nghĩa là hiện tại và vị lai (ND).

Rồi nhà đại phú thành Rājagaha nghe theo đức Thế Tôn, đã thiết lập sáu mươi trú xá ấy dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai.

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ với nhà đại phú thành Rājagaha bằng những lời kệ này:

"Trú xá ngăn ngừa sự nóng, sự lạnh và hơn thế nữa, các loài thú dữ, các loài rắn, các muỗi mòng và luôn cả các cơn mưa lạnh.

Từ nơi ấy, cơn gió nóng dữ dội đã sanh lên bị dội lại. Với mục đích về sự nương náu, với mục đích về sự lạc, để thiền định và để hành minh sát.

Sự bố thí trú xá đến hội chúng đã được đức Phật ngợi khen là tối thắng.

Vì thế người sáng trí, trong khi nhìn thấy lợi ích cho mình ...

... nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy. [Nên cúng dường] cơm, nước, vải vóc và chỗ nằm, ngồi đến các vị ấy.

Với tâm ý trong sạch, nên cúng dường ở các bậc có bản chất ngay thẳng. Các vị ấy thuyết pháp đến người [thí chủ] ấy, là pháp có sự xua tan tất cả khổ đau. Sau khi biết được pháp ấy, người [thí chủ] ấy, trong đời này chứng ngộ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến nhà đại phú thành Rājagaha bằng những lời kệ ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

6. Dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép" rồi cho xây dựng các trú xá một cách tươm tất. Các trú xá ấy không có cửa nên các con rắn, các con bọ cạp và các con rết bò vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] cánh cửa.

Sau khi đục lỗ ở tường, họ đã buộc cánh cửa bằng dây leo và dây thừng. Các con chuột và các con mối đã gặm nhấm [dây buộc]. Các cánh cửa có dây buộc đã bị gặm nhấm rơi xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] trụ cửa, rãnh xoay và chốt xoay.

Các cánh cửa không được sát vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] dây thừng để luồn qua.

Các cánh cửa không được đóng kín. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không thể khóa cửa được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] lỗ khóa. Có ba loại khóa: Khóa bằng đồng, khóa bằng gỗ, khóa bằng sừng.

[Khi] các vị tháo chốt và đi vào trong, các trú xá không được an toàn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] then cài, đinh khóa chốt.

7. Vào lúc bấy giờ, các trú xá có mái lợp cỏ nên lạnh lẽo vào mùa lạnh, nóng nực vào mùa nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép che kín mái rồi trét vữa bên trên và bên dưới.

8. Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có cửa sổ nên không tốt cho mắt và có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại cửa sổ: Cửa sổ chấn song ngang, cửa sổ gắn lưới, cửa sổ chấn song dọc.

Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở ở cửa sổ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] màn che cửa sổ.

Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở của màn che. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] cánh cửa sổ, tấm chắn cửa sổ.

9. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nằm ở nền đất. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thảm trải bằng cỏ.

Thảm trải bằng cỏ bị các con chuột và mối ăn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường đúc.

Nằm trên giường đúc, cơ thể bị ê ẩm. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường vạc tre.

10. Vào lúc bấy giờ, giường lắp ráp dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường lắp ráp.

Ghế lắp ráp được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế lắp ráp.

Vào lúc bấy giờ, giường xếp dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường xếp.

Ghế xếp được phát sanh. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế xếp.

Vào lúc bấy giờ, giường có chân đẽo cong dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường có chân đẽo cong.

Ghế có chân đẽo cong được phát sanh. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có chân đẽo cong.

Vào lúc bấy giờ, giường có chân tháo rời được dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường có chân tháo rời được.

Ghế có chân tháo rời được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có chân tháo rời được.

11. Vào lúc bấy giờ, ghế gỗ vuông được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế gỗ vuông.

Ghế gỗ vuông loại cao được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] luôn cả ghế vuông loại cao.

Ghế dựa dài được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế dựa dài.

Ghế dựa dài loại cao được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] luôn cả ghế dựa dài loại cao.

Ghế làm bằng các thanh ráp lại được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế làm bằng các thanh ráp lại.

Ghế lót vải được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế lót vải.

Ghế có chỗ gác chân được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có chỗ gác chân.

Ghế có nhiều chân được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có nhiều chân.

Tấm ván được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm ván.

Ghế mây được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế mây.

Ghế lót rơm được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế lót rơm.

12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nằm ở giường cao. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên nằm giường cao; vị nào nằm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong khi nằm ở giường thấp đã bị rắn cắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khung giường.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng khung giường loại cao. Các vị đu đưa với các khung giường loại cao. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng khung giường loại cao; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khung giường cao tối đa tám ngón tay.

13. Vào lúc bấy giờ, chỉ sợi được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đan chỉ ở giường.

Các góc tốn nhiều chỉ. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xuyên lỗ ở các thanh và đan thành ô vuông.

Mảnh vải được phát sanh. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng làm thảm lót nền.

Bông gòn được phát sanh. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tháo ra dùng làm gối. Có ba loại bông gòn: Bông gòn từ cây, bông gòn từ dây leo, bông gòn từ cỏ.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các gối dài nửa thân người. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các gối dài nửa thân người; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện gối có kích thước của cái đầu.

14. Vào lúc bấy giờ, có lễ hội trên đỉnh núi ở thành Rājagaha. Dân chúng chuẩn bị các loại nệm để phục vụ các quan đại thần là nệm len, nệm vải, nệm sợi vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá. Khi lễ hội đã xong, họ tháo lấy các bao nệm rồi đem đi. Các Tỳ-khưu đã nhìn thấy tại chỗ lễ hội nhiều sợi len, sợi vải, sợi từ vỏ cây, cỏ và lá bị quăng bỏ, sau khi nhìn thấy, các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm loại nệm: Nệm len, nệm vải, nệm sợi vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá.

Vào lúc bấy giờ, vải phụ tùng của giường, ghế được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] để bọc nệm.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trải nệm của giường ở ghế, trải nệm của ghế ở giường. Các nệm bị tơi tả. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giường được bọc nệm, ghế được bọc nệm.

Các vị trải lên nhưng không làm tấm lót nên đã bị rơi ra từ bên dưới. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm tấm lót [bên dưới], trải đều ra, rồi bọc nệm.

Họ tháo bao nệm rồi lấy [bao nệm] đem đi. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bôi màu [bao nệm].

Họ vẫn lấy đem đi. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc thực hiện các đường vẽ [ở bao nệm].

Họ vẫn lấy đem đi. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các đường vẽ bằng bàn tay [ở bao nệm].

15. Vào lúc bấy giờ, các chỗ nằm của các ngoại đạo có màu trắng, nền được làm màu đen, tường được trét màu đỏ. Số đông dân chúng đi đến để ngắm các chỗ nằm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sơn] màu trắng, màu đen, trét màu đỏ ở trú xá.

Vào lúc bấy giờ, màu trắng không bám được ở tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép để nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu trắng lên.

Màu trắng không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép để đất sét dẻo vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu trắng lên.

Màu trắng không dính chặt vào. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng nhựa cây, bột nghiền.

Vào lúc bấy giờ, màu đỏ không bám được ở tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép để nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đỏ lên.

Màu đỏ không dính chặt vào. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng đất sét trộn với cám đỏ, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đỏ lên.

Màu đỏ không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng bột trái mù tạt, dầu sáp ong.

[Chất ấy] bị đóng thành từng cục. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chùi đi bằng miếng giẻ.

16. Vào lúc bấy giờ, màu đen không bám được ở nền đất bị lồi lõm. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép để nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đen lên.

Màu đen không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thêm vào phân trùn và đất sét, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đen lên.

Màu đen không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng nhựa cây, chất làm đông.

17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm ở trú xá: Hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm ở trú xá: Hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam; vị nào bảo thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

18. Vào lúc bấy giờ, các trú xá có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

19. Vào lúc bấy giờ, các trú xá trở nên đông đảo người. Các Tỳ-khưu ái ngại khi nằm xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] màn che.

Họ vén màn che lên nhìn vào. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] bức tường thấp.

Họ nhìn vào từ phía trên của bức tường thấp. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] ba loại phòng: Phòng vuông, phòng chữ nhật, phòng ở trên gác xép.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu làm phòng ở chính giữa trong trú xá nhỏ. Khu vực xung quanh không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] phòng ở một bên trong trú xá nhỏ, ở chính giữa trong trú xá lớn.

20. Vào lúc bấy giờ, chân tường của trú xá bị hư hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cây gỗ áp vào.

Tường của trú xá bị thấm nước mưa. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm chắn bảo vệ, vữa hồ.[3]

Vào lúc bấy giờ, rắn từ mái cỏ rơi xuống trên vai của vị Tỳ-khưu nọ. Bị hoảng sợ, vị ấy đã kêu thét lên. Các Tỳ-khưu đã chạy lại và nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, vì sao Đại đức đã kêu thét lên vậy?

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] vòm che ở mái.

21. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu treo các túi ở chân giường và ở cả chân ghế nữa. Chúng đã bị các con chuột và mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] chốt đinh ở tường, móc ngà voi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu để y ở trên giường và ở cả trên ghế nữa. Y bị tả tơi [thành từng mảnh]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] sào máng y, dây treo y ở trú xá.

Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có các mái hiên nên không che chắn [ánh nắng] được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] mái hiên, sân có mái che, sân ở phía trong, hàng hiên có mái che.

Các mái hiên trở thành nơi công cộng. Các Tỳ-khưu ái ngại khi nằm xuống. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] màn che di chuyển bằng bánh xe, màn che loại kéo lên.

[3] Vữa hồ (*uddasudhaṃ*): Ngài Buddhaghosa giải thích là vữa hồ được làm bằng đất sét trộn với tro và phân bò (*VinA*. VI. 1219).

22. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi tiến hành việc phân phối bữa ăn ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh, vì nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [xây dựng] phòng hội họp.

Phòng hội họp có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Rác cỏ rơi vào trong phòng hội họp. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu phơi y trên nền đất ở ngoài trời. Y bị dơ bẩn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] sào máng y, dây treo y ở ngoài trời.

Nước uống bị nắng sưởi ấm. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà nước uống, mái che chỗ nước uống.

Nhà nước uống có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Rác cỏ rơi vào trong nhà nước uống. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Tô uống nước không có. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vỏ sò để uống nước, cốc để uống nước.

23. Vào lúc bấy giờ, các trú xá không được rào lại. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh ba loại hàng rào: Hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá và hàng rào bằng gỗ.

Cổng ra vào không có. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cổng ra vào.

Cổng ra vào có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Cổng ra vào không có cửa. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.

Rác cỏ rơi ở cổng ra vào. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

24. Vào lúc bấy giờ, căn phòng bị lầy lội. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát.

Các vị làm không có kết quả.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [đào] rãnh thoát nước.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu thực hiện chỗ đốt lửa ở nơi này nơi nọ trong căn phòng. Căn phòng bị rác bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [xây dựng] nhà để đốt lửa ở một góc.

Nhà để đốt lửa có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Nhà để đốt lửa không có cửa. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.

Rác cỏ rơi vào trong nhà để đốt lửa. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

25. Vào lúc bấy giờ, tu viện không được rào lại. Các con dê và các con thú nhỏ phá hoại các cây trồng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bao bọc quanh bằng ba loại rào ngăn: Rào ngăn bằng tre, rào ngăn bằng cây gai và hào rãnh.

Cổng ra vào không có. Tương tợ y như thế, các con dê và các con thú nhỏ phá hoại các cây trồng. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cổng ra vào, hai cánh cửa gắn nhánh cây có gai, vòm cổng và móc khóa.

Rác cỏ rơi ở cổng ra vào. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

Tu viện bị lầy lội. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát.

Các vị làm không có kết quả. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [đào] rãnh thoát nước.

26. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý định cho xây dựng tòa nhà dài có tô vữa hồ đất sét nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Khi ấy, các Tỳ-khưu khởi ý điều này: "Mái che loại nào đã được đức Thế Tôn cho phép, loại nào không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm loại mái che: Mái che lợp ngói, mái che lợp đá phiến, mái che bằng vữa hồ, mái che lợp cỏ, mái che lợp lá.

Tụng phẩm thứ nhất.

*****

27. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapiṇḍika có người vợ là em gái của nhà đại phú ở thành Rājagaha. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến thành Rājagaha vì công việc cần làm nào đó. Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú thành Rājagaha đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày hôm sau. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: "Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon."

Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã khởi ý điều này: "Trước đây mỗi khi ta đến, gia chủ này bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông ta có vẻ khẩn trương, đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: 'Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon.' Không lẽ vào ngày mai gia chủ này có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh?"

Sau đó, khi đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công xong, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp gia chủ Anāthapiṇḍika, sau khi đến đã chào hỏi gia chủ Anāthapiṇḍika rồi ngồi xuống một bên. Khi nhà đại phú thành Rājagaha đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này:

– Này gia chủ, trước đây mỗi khi ta đến, ông bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông có vẻ khẩn trương, đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: "Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon." Này gia chủ, không lẽ vào ngày mai ông có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh?

– Này gia chủ, không phải tôi có đám rước dâu, cũng không có đám đưa dâu, cũng không có mời thỉnh đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh, nhưng mà tôi sắp xếp cho buổi đại lễ cúng dường. Hội chúng có đức Phật đứng đầu đã được thỉnh mời vào ngày mai.

28. – Này gia chủ, có phải ngươi nói: "Đức Phật?"

– Ồ gia chủ, tôi nói: "Đức Phật."

– Này gia chủ, có phải ngươi nói: "Đức Phật?"

– Ồ gia chủ, tôi nói: "Đức Phật."

– Này gia chủ, có phải ngươi nói: "Đức Phật?"

– Ồ gia chủ, tôi nói: "Đức Phật."

– Này gia chủ, cái âm này thật khó được nghe ở thế gian, đó là từ: "Đức Phật." Này gia chủ, vào giờ này tôi có thể đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy không vậy?

Này gia chủ, giờ này không phải là lúc để đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy. Để đến sáng sớm ngày mai, dượng sẽ đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy vậy.

Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika [nghĩ rằng]: "Sáng sớm ngày mai, ta sẽ đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy vậy", rồi đã nằm xuống với niệm tưởng về đức Phật, và đã thức giấc trong đêm ba lần, nghĩ rằng trời đã sáng. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến cổng thành dẫn đến khu rừng Sīta. Các phi nhân đã mở cổng thành. Khi ấy, trong lúc gia chủ Anāthapiṇḍika đang đi ra khỏi thành thì ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika, chính vì thế đã có ý muốn quay trở lui. Khi ấy, dạ-xoa Sīvaka không có hiện hình đã nói lời rằng:

– Một trăm con voi, một trăm con ngựa, một trăm xe kéo bởi lừa, một trăm ngàn thiếu nữ [trang điểm] với ngọc trai, ngọc ma-ni, và các bông hoa tai, mười sáu lần như thế không giá trị bằng một bước chân đi tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Đối với người, việc bước tới thì tốt hơn, không có việc quay lui.

Khi ấy, bóng tối đã biến mất và ánh sáng đã hiện ra. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika đã được lắng xuống.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika, chính vì thế đã có ý muốn quay trở lui. Đến lần thứ ba, dạ-xoa Sīvaka không có hiện hình đã nói lời rằng:

– Một trăm con voi, một trăm con ngựa, một trăm xe kéo bởi lừa, một trăm ngàn thiếu nữ [trang điểm] với ngọc trai, ngọc ma-ni, và các bông hoa tai, mười sáu lần như thế không giá trị bằng một bước chân đi tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Đối với người, việc bước tới thì tốt hơn, không có việc quay lui.

Đến lần thứ ba, bóng tối đã biến mất và ánh sáng đã hiện ra. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika đã được lắng xuống. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến khu rừng Sīta. Vào lúc bấy giờ, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn đi kinh hành ở ngoài trời. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy gia chủ Anāthapiṇḍika từ đàng xa đang

đi lại, sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn đã rời đường kinh hành đi đến ngồi ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

29. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này:

– Này Sudatta, hãy đến.

Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn gọi ta bằng tên" nên đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chắc hẳn rằng đức Thế Tôn đã nghỉ ngơi được thoải mái?

– Đúng thế, vị Bà-la-môn đã chứng ngộ Niết-bàn luôn luôn nghỉ ngơi được thoải mái, là người không bị vấy nhơ trong các dục, có trạng thái mát mẻ, không còn mầm tái sanh. Sau khi đoạn lìa các sự vướng mắc, vị ấy có thể điều phục nỗi khổ trong tâm, được an tịnh, nghỉ ngơi được thoải mái, sau khi tâm đã đạt được Niết-bàn.

Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến gia chủ Anāthapiṇḍika. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của gia chủ Anāthapiṇḍika đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

30. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn ấy, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

Nhà đại phú thành Rājagaha đã nghe rằng: "Nghe nói gia chủ Anāthapiṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai." Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này:

– Này gia chủ, nghe nói dượng đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và dượng lại là khách vãng lai. Này gia chủ, hãy để tôi cho dượng tài chánh; nhờ đó dượng có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

– Này gia chủ, thôi đi. Tôi có tài chánh, với số đó tôi sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

31. Vị thị trưởng thành Rājagaha đã nghe rằng: "Nghe nói gia chủ Anāthapiṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai." Khi ấy, vị thị trưởng thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này:

– Này gia chủ, nghe nói ông đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và ông lại là khách vãng lai. Này gia chủ, hãy để ta cho ông tài chánh; nhờ đó ông có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

– Thưa ngài, thôi đi. Tôi có tài chánh, với số đó tôi sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe rằng: "Nghe nói gia chủ Anāthapiṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai." Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này:

– Này gia chủ, nghe nói khanh đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và khanh lại là khách vãng lai. Này gia chủ, hãy để trẫm cho khanh tài chánh; nhờ đó khanh có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

– Tâu Bệ hạ, thôi đi. Thần có tài chánh, với số đó thần sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

32. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm tại tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát đi đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ

Anāthapiṇḍika đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về việc an cư mùa mưa tại thành Sāvatthi cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

– Này gia chủ, các đức Như Lai chỉ thỏa thích ở trú xứ thanh vắng.

– Bạch Thế Tôn, con đã được biết. Bạch Thiện Thệ, con đã được biết.

Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Anāthapiṇḍika bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

33. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapiṇḍika có nhiều bạn bè, có nhiều cộng sự, có lời nói uy tín. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở thành Rājagaha đã ra đi trở về thành Sāvatthi. Sau đó, trên đường đi gia chủ Anāthapiṇḍika đã bảo với dân chúng rằng:

– Quý vị ơi, hãy xây dựng các tu viện, hãy cho thiết lập các trú xá, hãy chuẩn bị các vật cúng dường. Giờ đây, đức Phật đã xuất hiện ở trên đời. Và đức Thế Tôn ấy được tôi thỉnh mời sẽ đi đến bằng con đường này.

Khi ấy, đám người ấy được cổ vũ bởi gia chủ Anāthapiṇḍika đã xây dựng các tu viện, đã cho thiết lập các trú xá và đã chuẩn bị các vật cúng dường.

Sau đó, khi đã về đến thành Sāvatthi, gia chủ Anāthapiṇḍika đã xem xét quanh thành Sāvatthi [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn nên ngụ ở nơi nào đây? Đối với Ngài, chỗ ấy không nên xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiếng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh."

Gia chủ Anāthapiṇḍika đã nhìn thấy khu vườn của Vương tử Jeta là không xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiếng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp Vương tử Jeta, sau khi đến đã nói với Vương tử Jeta điều này:

– Thưa công tử, hãy cho tôi khu vườn để xây dựng tu viện.

– Này gia chủ, khu vườn không thể cho, ngay cả với việc trải ra mười triệu.

– Thưa công tử, khu vườn đã được bán.

– Này gia chủ, khu vườn chưa được bán.

[Họ đã cãi nhau]: "Đã được bán, chưa được bán", rồi đã hỏi các viên đại thần lo việc xử án. Các viên quan đại thần đã nói như vầy:

– Thưa công tử, bởi vì giá cả đã được ngài quy định nên khu vườn đã được bán.

34. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã bảo chở tiền vàng lại bằng các xe kéo và cho trải ra mười triệu tiền vàng ở Jetavana [khu rừng của Jeta]. Tiền vàng chở lại một lần ấy còn thiếu cho khoảng trống nhỏ xung quanh chỗ cổng ra vào. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã bảo dân chúng rằng:

– Này các người, hãy đi, hãy đem tiền vàng lại. Tôi sẽ trải lên khoảng trống này.

Khi ấy, Vương tử Jeta đã khởi ý điều này: "Việc này sẽ không là tầm thường bởi vì vị gia chủ này hy sinh nhiều tiền vàng đến chừng này", nên đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này:

– Này gia chủ, được rồi, ông không cần phải trải lên khoảng trống này nữa. Hãy cho ta khoảng trống này. Việc bố thí ấy sẽ là của ta.

Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika [nghĩ rằng]: "Vương tử Jeta này nổi tiếng, là người nổi danh. Niềm tin trong Pháp và Luật này của những người nổi tiếng như thế quả có lợi ích lớn lao!" nên đã nhường khoảng trống đó cho Vương tử Jeta. Sau đó, Vương tử Jeta đã cho dựng lên cổng ra vào ở khoảng trống đó.

Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã cho xây dựng ở Jetavana các trú xá, đã cho xây dựng các căn phòng, đã cho xây dựng các nhà kho, đã cho xây dựng các phòng hội họp, đã cho xây dựng các nhà để đốt lửa, đã cho xây dựng các nhà làm thành được phép, đã cho xây dựng các nhà tiêu, đã cho xây dựng các nhà tiểu, đã cho xây dựng các đường kinh hành, đã cho xây dựng các gian nhà ở các đường kinh hành, đã cho xây dựng các giếng nước, đã cho xây dựng các gian nhà ở các giếng nước, đã cho xây dựng các phòng tắm hơi, đã cho xây dựng các gian nhà ở các phòng tắm hơi, đã cho xây dựng các hồ trữ nước, đã cho xây dựng các mái che.

35. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thực hiện công trình mới một cách tươm tất. Ngay cả các Tỳ-khưu phụ trách công trình mới cũng được phục vụ một cách chu đáo với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh.

Khi ấy, có người thợ may nghèo nọ đã khởi ý điều này: "Theo như cách những người này thực hiện công trình mới một cách tươm tất như vầy thì việc này sẽ không là tầm thường; hay là ta cũng nên thực hiện công trình mới vậy?"

Sau đó, người thợ may nghèo ấy đã đích thân trộn hồ, chồng chất các viên gạch, rồi xây lên bức tường. Các viên gạch được ông ta chồng chất không khéo léo nên bức tường bị cong rồi đổ xuống. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, người thợ may nghèo ấy đã đích thân trộn hồ, chồng chất các viên gạch, rồi xây lên các bức tường. Các viên gạch được ông ta chồng chất không khéo léo nên bức tường bị cong rồi đổ xuống.

Khi ấy, người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Người ta cúng dường vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh đến các Sa-môn Thích tử này nên các vị chỉ bảo, hướng dẫn họ và phụ trách công trình mới của họ. Trái lại, tôi thì nghèo nên không ai chỉ bảo, hướng dẫn tôi, hay phụ trách công trình mới [của tôi]."

36. Các Tỳ-khưu đã nghe được người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giao công trình mới. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu là vị phụ trách công trình mới sẽ thể hiện sự tích cực [suy nghĩ rằng]: "Có cách gì để trú xá có thể đạt đến việc hoàn thành nhanh chóng?" và sẽ sửa chữa chỗ bị đổ vỡ và hư hỏng. Và này các Tỳ-khưu, nên giao như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đã được giao đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

37. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi về phía thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta."

Khi ấy, Đại đức Sāriputta đi theo phía sau[4] hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các trú xá đã bị giành phần và các chỗ nằm đã bị giành phần, trong lúc không có chỗ nằm đã ngồi xuống ở gốc cây nọ. Sau đó, đức Thế Tôn trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã đằng hắng. Đại đức Sāriputta cũng đã đằng hắng.

---

[4] Ngài Buddhaghosa giải thích về việc đi chậm ở phía sau của ngài Sāriputta như sau: "Nghe nói vị Trưởng lão trong khi quan tâm các vị bị bệnh, trong khi giúp đỡ các vị già cả yếu đuối nên đi đến sau tất cả. Đây là pháp thực hành của vị ấy" (*VinA*. VI. 1221).

– Ai ở nơi này vậy?

– Bạch Ngài, con là Sāriputta.

– Này Sāriputta, vì sao ngươi lại ngồi ở đây?

Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta", có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta." Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị nào xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất?

38. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi vua chúa, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi Bà-la-môn, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi gia chủ, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào chuyên về Kinh, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào rành rẽ về Luật, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào là Pháp sư, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào đạt sơ thiền, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào đạt nhị thiền, ...(nt).

– Bạch Thế Tôn, vị nào đạt tam thiền, ...(nt).

– Bạch Thế Tôn, vị nào đạt tứ thiền, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Nhập lưu, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Nhất lai, ...(nt).

– Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Bất lai, ...(nt).

– Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc A-la-hán, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc có Ba minh, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc có sáu thắng trí, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

39. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trước đây ở sườn núi của Hy-mã-lạp sơn có cây đa cổ thụ. Có ba bạn hữu là con chim đa đa, con khỉ và con long tượng đã sống nương tựa vào cây ấy. Chúng sống không có sự kính trọng, không có sự phục tùng, không có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các Tỳ-khưu, sau đó ba bạn hữu ấy đã khởi ý điều này: “Này, chúng ta nên biết ai trong chúng ta là lớn nhất tính theo sự sinh ra để chúng ta có thể trọng vọng, có thể cung kính, có thể sùng bái, có thể cúng dường vị ấy và chúng ta có thể tồn tại trong sự giáo huấn của vị ấy.”

Này các Tỳ-khưu, khi ấy con chim đa đa và con khỉ đã hỏi con long tượng rằng:

"Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?"

"Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ, tôi thường để cây đa này ở giữa hai chân rồi bước qua, ngọn cây chạm vào bụng của tôi. Hai bạn à, đó là điều tôi nhớ được về thời xa xưa."

Này các Tỳ-khưu, sau đó con chim đa đa và con long tượng đã hỏi con khỉ rằng:

"Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?"

"Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ, tôi thường ngồi trên mặt đất nhai đọt non của cây đa này. Hai bạn à, đó là điều tôi nhớ được về thời xa xưa."

Này các Tỳ-khưu, sau đó con khỉ và con long tượng đã hỏi con chim đa đa rằng:

"Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?"

"Hai bạn à, ở khu vực kia đã có cây đa cổ thụ. Tại đó, tôi đã ăn trái cây rồi đại tiện ở chỗ này, từ đó cây đa này đã được sanh ra. Hai bạn à, như thế tính theo sự sinh ra thì tôi là lớn nhất."

Này các Tỳ-khưu, sau đó con khỉ và con long tượng đã nói với con chim đa đa điều này: "Bạn à, bạn là lớn nhất tính theo sự sinh ra. Chúng tôi sẽ trọng vọng, sẽ cung kính, sẽ sùng bái, sẽ cúng dường bạn và chúng tôi sẽ sinh tồn trong sự giáo huấn của bạn."

Này các Tỳ-khưu, sau đó con chim đa đa đã cho con khỉ và con long tượng thọ trì năm giới, bản thân nó cũng thọ trì và thực hành theo năm giới. Chúng đã sống có sự kính trọng, có sự phục tùng, có thái độ quan tâm lẫn nhau, đến khi hoại rã thân này chết đi, chúng đã sanh về chốn an vui là cõi trời. Này các Tỳ-khưu, con chim đa đa ấy đã nổi danh là bậc hành Phạm hạnh.

Những người nào tôn kính bậc cao niên những người rành rẽ về pháp, được khen ngợi ngay trong kiếp này và có cảnh giới an lạc trong kiếp sau.

Này các Tỳ-khưu, ngay cả các chúng sanh là các con thú ấy còn sinh sống có sự kính trọng, có sự phục tùng và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các Tỳ-khưu, ở đây, các ngươi hãy làm rạng rỡ việc các ngươi xuất gia làm Sa-môn trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy, các ngươi nên sống có sự kính trọng, có sự phục tùng và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, hành động chắp tay, hành động thích hợp, chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực

tốt nhất tính theo thâm niên. Này các Tỳ-khưu, việc liên quan đến hội chúng được tính theo thâm niên không được xâm phạm; vị nào xâm phạm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

40. Này các Tỳ-khưu, đây là mười hạng không nên được đảnh lễ: Vị tu lên bậc trên sau không nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước; vị chưa tu lên bậc trên không nên được đảnh lễ; vị thâm niên hơn thuộc nhóm cộng trú khác nói sai Pháp không nên được đảnh lễ; phụ nữ không nên được đảnh lễ; người vô căn không nên được đảnh lễ; vị thực hành hình phạt *Parivāsa* không nên được đảnh lễ; vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không nên được đảnh lễ; vị xứng đáng hình phạt *Mānatta* không nên được đảnh lễ; vị thực hành hình phạt *Mānatta* không nên được đảnh lễ; vị xứng đáng sự giải tội không nên được đảnh lễ. Này các Tỳ-khưu, đây là mười hạng không nên được đảnh lễ.

Này các Tỳ-khưu, đây là ba hạng nên được đảnh lễ: Vị tu lên bậc trên trước nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên sau; vị thâm niên hơn thuộc nhóm cộng trú khác nói đúng Pháp nên được đảnh lễ; này các Tỳ-khưu, trong thế gian gồm có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác nên được đảnh lễ. Này các Tỳ-khưu, đây là ba trường hợp nên được đảnh lễ.

41. Vào lúc bấy giờ, dân chúng chuẩn bị mái che, chuẩn bị thảm trải, chuẩn bị chỗ trống dành riêng cho hội chúng. Các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Chính việc liên quan đến hội chúng mới được đức Thế Tôn cho phép tính theo thâm niên, chứ không phải việc được làm để dành riêng [cho hội chúng]", rồi đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu và giành phần các mái che, giành phần các thảm trải, giành phần các chỗ trống [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta."

Khi ấy, Đại đức Sāriputta đi theo phía sau hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các mái che đã bị giành phần, các thảm trải đã bị giành phần, các chỗ trống đã bị giành phần, trong lúc không có chỗ trống đã ngồi xuống ở gốc cây nọ. Sau đó, đức Thế Tôn trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã đằng hắng. Đại đức Sāriputta cũng đã đằng hắng.

– Ai ở nơi này vậy?

– Bạch Thế Tôn, con là Sāriputta.

– Này Sāriputta, vì sao ngươi lại ngồi ở đây?

Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Chính việc liên quan đến hội chúng mới được đức Thế Tôn cho

phép tính theo thâm niên, chứ không phải việc được làm để dành riêng [cho hội chúng]", rồi đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu và giành phần các mái che, giành phần các thảm trải, giành phần các chỗ trống [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta", có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ngay cả việc được làm dành riêng [cho hội chúng] cũng được tính theo thâm niên, không được xâm phạm; vị nào xâm phạm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

42. Vào lúc bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà các chỗ ngồi cao và các chỗ ngồi rộng như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu. Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, ngoại trừ ba thứ là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm bông gòn, Ta cho phép ngồi lên chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nằm lên.

Vào lúc bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà loại giường và ghế độn bông gòn. Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi lên chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nằm lên.

43. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi đã cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát đi đến tư gia của gia chủ Anāthapiṇḍika, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Anāthapiṇḍika đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con tiến hành như thế nào về Jetavana?

– Này gia chủ, chính vì điều ấy ngươi hãy cho thiết lập Jetavana dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika nghe theo đức Thế Tôn đã thiết lập Jetavana dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ với gia chủ Anāthapiṇḍika bằng những lời kệ này:

44. "Từ nơi ấy, chúng [các trú xá] ngăn ngừa sự nóng, sự lạnh và các loài thú dữ, các loài rắn và các muỗi mòng, và luôn cả các cơn mưa lạnh.

Từ nơi ấy, cơn gió nóng dữ dội đã sanh lên bị dội lại. Với mục đích về sự nương náu, với mục đích về sự an lạc, để thiền định và để hành minh sát.

Sự bố thí trú xá đến hội chúng đã được đức Phật ngợi khen là tối thắng.

Vì thế người sáng trí, trong khi nhìn thấy lợi ích cho mình ...

... nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy. [Nên cúng dường] cơm, nước, vải vóc và chỗ nằm, ngồi đến các vị ấy.

Với tâm ý trong sạch, nên cúng dường ở các bậc có bản chất ngay thẳng. Các vị ấy thuyết pháp đến người [thí chủ] ấy, là pháp có sự xua tan tất cả khổ đau. Sau khi biết được pháp ấy, người [thí chủ] ấy trong đời này chứng ngộ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ với gia chủ Anāthapiṇḍika bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã rời chỗ ngồi, đứng dậy và ra đi.

45. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của vị quan đại thần nọ là đệ tử đạo lõa thể. Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đi đến trễ và đã làm cho vị Tỳ-khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy. Nhà ăn đã có sự xáo động. Khi ấy, vị quan đại thần ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử đi đến trễ, lại còn làm cho các vị Tỳ-khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiến nhà ăn đã có sự xáo động? Ngay cả khi được ngồi chỗ khác, không lẽ không thể thọ thực theo như nhu cầu hay sao?" Các Tỳ-khưu đã nghe vị quan đại thần phàn nàn, phê phán, chê bai.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda đi đến trễ, lại còn làm cho vị Tỳ-khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiến nhà ăn đã có sự xáo động?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi đi đến trễ, còn làm cho vị Tỳ-khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiến nhà ăn đã có sự xáo động, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi đi đến trễ, lại còn làm cho vị Tỳ-khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiến nhà ăn đã có sự xáo động vậy? Này kẻ rồ dại, việc ấy không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên bảo vị Tỳ-khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong đứng dậy; vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nếu bảo đứng dậy, nên nói với vị được yêu cầu [đứng dậy] rằng: "Hãy đi lấy nước đem lại." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được như vậy, [vị đang ăn] nên nuốt xuống các hạt cơm một cách khéo léo rồi nhường lại chỗ ngồi cho vị Tỳ-khưu thâm niên hơn. Này các Tỳ-khưu, nhưng Ta không nói rằng: "Chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn có thể bị xâm phạm bởi bất cứ phương thức nào"; vị nào xâm phạm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

46. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo các Tỳ-khưu bị bệnh phải đứng dậy. Các vị bị bệnh nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi không thể đứng dậy, chúng tôi bị bệnh.

– Chúng tôi sẽ làm cho các Đại đức đứng dậy.

Rồi họ đã nắm lấy, lôi đứng dậy và buông ra để cho các vị ấy đứng. Các vị bệnh bị ngất xỉu ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bảo các vị bị bệnh phải đứng dậy, vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [bảo rằng]: "Chúng tôi bị bệnh, không nên bảo chúng tôi đứng dậy", rồi chiếm chỗ nằm tốt nhất. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhường chỗ nằm thích hợp cho vị bị bệnh.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dùng mánh lới xâm chiếm chỗ trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên dùng mánh lới xâm chiếm chỗ trú ngụ; vị nào xâm chiếm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

47. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sửa chữa ngôi trú xá lớn nọ ở vùng lân cận [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ an cư mùa mưa ở chỗ này." Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá, sau khi nhìn thấy, đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư này sửa chữa ngôi trú xá. Giờ chúng ta sẽ bảo họ tránh ra.

Một số vị đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chờ đợi trong lúc họ sửa chữa. Khi đã được sửa chữa xong, chúng ta sẽ bảo họ tránh ra.

Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư điều này:

– Này các Đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi.

– Này các Đại đức, không phải là điều cần phải được báo trước hay sao? Và chúng tôi đã có thể sửa chữa cái khác.

– Này các Đại đức, không phải trú xá thuộc về hội chúng hay sao?

– Này các Đại đức, đúng vậy. Trú xá thuộc về hội chúng.

– Này các Đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi.

– Này các Đại đức, trú xá thì lớn, các vị ở được, chúng tôi cũng sẽ ở được.

– Này các Đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi.

Rồi [các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư] nổi giận, bất bình, nắm [các vị kia] ở cổ lôi kéo ra ngoài. Trong khi bị lôi kéo ra ngoài, các vị kia khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, vì sao các vị khóc?

– Thưa các Đại đức, những Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình rồi lôi kéo chúng tôi ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình lại lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nổi giận, bất bình rồi lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị nổi giận, bất bình không nên lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng; vị nào lôi kéo ra thì nên hành xử đúng theo pháp.[5] Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phối chỗ trú ngụ.

48. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Chỗ trú ngụ nên được phân phối bởi vị nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân phối chỗ trú ngụ là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [chỗ trú ngụ] đã được nhận hoặc chưa được nhận. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy:

Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phối chỗ trú ngụ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phối chỗ trú ngụ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phối chỗ trú ngụ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phối chỗ trú ngụ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Khi ấy, các Tỳ-khưu là các vị phân phối chỗ trú ngụ đã khởi ý điều này: "Chỗ trú ngụ nên được phân phối như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trước tiên đếm số lượng Tỳ-khưu; sau khi đếm số lượng Tỳ-khưu rồi đếm số lượng chỗ nằm; sau khi đếm số lượng chỗ nằm thì phân phối theo chỗ nằm. Trong khi phân phối theo chỗ nằm, các chỗ nằm đã được thừa ra.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phối theo trú xá.

Trong khi phân phối theo trú xá, các trú xá đã được thừa ra. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phối theo phòng ở.

Trong khi phân phối theo phòng ở, các phòng ở đã được thừa ra.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phối luôn cả phần còn lại. Khi phần còn lại đã được nhận, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, nếu [các vị] không sẵn lòng thì không cần phải cho.

---

[5] Liên quan đến tội *Pācittiya* 17 (ND).

49. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu phân phối chỗ trú ngụ cho vị đứng ở ngoài ranh giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên phân phối sàng tọa cho vị đứng ở ngoài ranh giới; vị nào phân phối thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi nhận chỗ trú ngụ rồi chiếm giữ luôn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, sau khi nhận chỗ trú ngụ không nên chiếm giữ luôn; vị nào chiếm giữ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng của mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu thời điểm phân phối chỗ trú ngụ?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian. Vào ngày kế ngày rằm của tháng *Āsāḷhā*[6] là thời điểm trước nên được phân phối, một tháng kế sau ngày rằm của tháng *Āsāḷhā* là thời điểm sau nên được phân phối, một ngày sau lễ *Pavāraṇā* cho đến lần an cư mùa mưa kế là thời điểm trung gian nên được phân phối. Này các Tỳ-khưu, đây là ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ.

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

*****

50. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi được phân phối chỗ trú ngụ ở thành Sāvatthi đã đi đến trú ngụ ở ngôi làng khác. Ngay cả ở nơi ấy, vị ấy đã được phân phối chỗ trú ngụ. Khi ấy, các Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Này các Đại đức, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và bất hòa trong hội chúng. Nếu vị này sẽ an cư mùa mưa ở đây, chính tất cả chúng ta sẽ sống không được thoải mái; vậy chúng ta hãy hỏi vị ấy đi."

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Này Đại đức Upananda, không phải Đại đức đã nhận chỗ trú ngụ ở thành Sāvatthi rồi hay sao?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

– Này Đại đức Upananda, tại sao Đại đức là một lại chiếm giữ hai?

– Này các Đại đức, giờ tôi bỏ cái chỗ này, giữ lại cái chỗ kia.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya là một lại chiếm giữ hai?" Các vị đã trình sự việc ấy lên

[6] Tương đương ngày 16 tháng 6 âm lịch, tức là ngày đầu tiên của thời kỳ an cư mùa mưa đợt đầu (ND).

đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Upananda rằng:

– Này Upananda, nghe nói ngươi là một lại chiếm giữ hai, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi là một lại chiếm giữ hai? Này kẻ rồ dại, chỗ kia ngươi giữ lại, chỗ này ngươi bỏ; chỗ này ngươi giữ lại, chỗ kia ngươi bỏ. Này kẻ rồ dại, như thế ở cả hai nơi người đều bị loại ra ngoài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, một vị không nên chiếm giữ hai [chỗ trú ngụ], vị nào chiếm giữ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

51. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết giảng về Luật cho các Tỳ-khưu theo nhiều phương thức, Ngài ngợi khen Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen Đại đức Upāli như thế này như thế khác. Các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn thuyết giảng về Luật, ngợi khen Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen Đại đức Upāli như thế này như thế khác. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy học tập về Luật với Đại đức Upāli." Và các vị ấy gồm nhiều Tỳ-khưu trưởng lão, mới tu và trung niên học tập về Luật với Đại đức Upāli. Vì tôn trọng các Tỳ-khưu trưởng lão, Đại đức Upāli chỉ đứng để giảng giải. Vì tôn kính giáo pháp, các Tỳ-khưu trưởng lão cũng chỉ đứng để nghe giảng. Trong trường hợp ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão, luôn cả Đại đức Upāli đều bị mệt mỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu mới tu ngồi chỗ ngồi ngang bằng hoặc cao hơn trong khi giảng giải vì tôn kính giáo pháp; vị Tỳ-khưu trưởng lão ngồi chỗ ngồi ngang bằng hoặc thấp hơn trong khi nghe giảng vì tôn kính giáo pháp.

Vào lúc bấy giờ, trong sự hiện diện của Đại đức Upāli, nhiều vị Tỳ-khưu chỉ đứng trong khi chờ đợi bài giảng nên bị mệt mỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi [chung] với những vị có đồng đẳng cấp.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Giới hạn đến đâu gọi là có đồng đẳng cấp?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi với vị [chênh lệch] khoảng cách ba năm [trở lại].

Vào lúc bấy giờ, nhiều Tỳ-khưu có đồng đẳng cấp đã ngồi xuống trên một cái giường và đã làm gãy cái giường, đã ngồi xuống trên một cái ghế và đã làm gãy cái ghế. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giường đối với nhóm ba vị, ghế đối với nhóm ba vị.

Ngay cả nhóm ba vị ngồi xuống trên cái giường cũng đã làm gãy cái giường, ngồi xuống trên cái ghế cũng đã làm gãy cái ghế.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giường đối với nhóm hai vị, ghế đối với nhóm hai vị.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại không ngồi xuống trên ghế dài cùng với các vị không đồng đẳng cấp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi trên ghế dài cùng với những vị không đồng đẳng cấp, ngoại trừ người vô căn, phụ nữ, người lưỡng căn.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vậy ghế dài tối thiểu [ngắn nhất] là bao nhiêu?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ghế dài có chiều dài tối thiểu là đủ cho ba người.

52. Vào lúc bấy giờ, bà Visākhā, mẹ của Migāra có ý muốn cho xây dựng tòa nhà dài, có mái hiên hình đầu voi, nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Ở công trình phụ của tòa nhà dài, việc gì được đức Thế Tôn cho phép, việc gì không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả công trình phụ của tòa nhà dài.

Vào lúc bấy giờ, bà nội của đức Vua Pasenadi xứ Kosala từ trần. Khi bà ta từ trần, nhiều vật dụng không được phép đã phát sanh đến hội chúng như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sử dụng sau khi cắt ngắn các chân của ghế trường kỷ, [cho phép] sử dụng sau khi đã hủy đi lông ở ghế nệm lông thú, [cho phép] tháo gỡ nệm bông gòn để làm gối, [cho phép] dùng làm thảm lót trên nền đất các vật còn lại.

53. Vào lúc bấy giờ, ở ngôi làng nọ không xa thành Sāvatthi, các Tỳ-khưu thường trú bị bận rộn trong khi sắp xếp sàng tọa cho các Tỳ-khưu vãng lai và xuất hành. Khi ấy, các Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Này các Đại đức, hiện nay chúng ta bị bận rộn trong khi sắp xếp sàng tọa cho các Tỳ-khưu vãng lai và

xuất hành. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy cho tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng đến một vị, rồi chúng ta sẽ sử dụng đồ đạc của vị ấy." Họ đã cho tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng đến một vị. Các Tỳ-khưu vãng lai đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Đại đức, hãy xếp đặt sàng tọa cho chúng tôi.

– Này các Đại đức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có, chúng tôi đã cho tất cả đến một vị.

– Này các Đại đức, có phải các vị phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng? Này các Tỳ-khưu, việc ấy không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm vật không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *Thullaccaya.* Năm vật ấy là gì?

Tu viện và khu đất của tu viện; đây là vật thứ nhất không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *Thullaccaya.*

Trú xá và khu đất của trú xá; đây là vật thứ nhì không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *Thullaccaya.*

Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *Thullaccaya.*

Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, chậu bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật

đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *Thullaccaya.*

Dây thừng, tre, cỏ muñja, cỏ babbaja, cỏ dại, đất sét, vật làm bằng gỗ, vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *Thullaccaya.*

Này các Tỳ-khưu, năm vật này không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *Thullaccaya.*

54. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvatthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường du hành đi đến Kīṭāgiri cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm năm trăm vị Tỳ-khưu, có cả Sāriputta và Moggallāna. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Kīṭāgiri cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm năm trăm vị Tỳ-khưu, có cả Sāriputta và Moggallāna. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy phân chia tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng. Sāriputta và Moggallāna có lòng tham muốn sái quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sái quấy, chúng ta sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho họ”, rồi các vị ấy đã phân chia tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng.

Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Kīṭāgiri. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo nhiều vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy đi [trước]. Khi đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka, các ngươi hãy nói như vầy: “Này các Đại đức, đức Thế Tôn đi đến cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm năm trăm vị Tỳ-khưu, có cả Sāriputta và Moggallāna. Này các Đại đức, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng Tỳ-khưu có cả Sāriputta và Moggallāna.”

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn, đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka điều này:

– Này các Đại đức, đức Thế Tôn đi đến cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm năm trăm vị Tỳ-khưu luôn cả Sāriputta và Moggallāna. Này các Đại đức, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng Tỳ-khưu có cả Sāriputta và Moggallāna.

– Này các Đại đức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có. Tất cả đã được chúng tôi chia nhau. Này các Đại đức, hoan nghênh đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thích trú xá nào thì Ngài sẽ ngự ở trú xá ấy. Sāriputta và Moggallāna có lòng tham muốn sái quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sái quấy, chúng tôi sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho họ.

– Này các Đại đức, có phải các vị đã phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka lại phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm vật không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *Thullaccaya*. Năm vật ấy là gì?

Tu viện và khu đất của tu viện; đây là vật thứ nhất không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *Thullaccaya*.

Trú xá và khu đất của trú xá; đây là vật thứ nhì không nên phân chia, ...(nt).

Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không nên phân chia, ...(nt).

Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, chậu bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không nên phân chia, ...(nt).

Dây thừng, tre, cỏ muñja, cỏ babbaja, cỏ dại, đất sét, vật làm bằng gỗ, vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *Thullaccaya*.

Này các Tỳ-khưu, năm vật này không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *Thullaccaya*.

55. Sau đó, khi đã ngự tại Kīṭāgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến Āḷavī. Trong khi du hành theo tuần tự, Ngài đã ngự đến Āḷavī. Tại nơi đó ở Āḷavī, đức Thế Tôn ngự ở trong điện thờ chính của Āḷavī.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở Āḷavī giao các công trình mới có hình thức như sau: Họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đống, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc tô vữa bức tường, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lắp đặt cánh cửa, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm tay nắm, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm cửa

sổ, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sơn màu trắng, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sơn màu đen, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc trét màu phấn đỏ, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lợp mái che, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lắp ráp, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm bục nền xung quanh, họ giao công trình mới đến hai mươi năm, họ giao công trình mới đến ba mươi năm, họ giao công trình mới đến trọn đời, họ giao công trình mới là trú xá đã được hoàn tất cho đến khi [chết và] hỏa táng.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Āḷavaka lại giao các công trình mới có hình thức như sau: Họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đống, ...(nt)... họ giao công trình mới là trú xá đã được hoàn tất cho đến khi [chết và] hỏa táng?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên giao công trình mới với mỗi một việc bảo chất lại thành đống, không nên giao công trình mới với mỗi một việc tô vữa bức tường, không nên giao công trình mới với mỗi một việc lắp đặt cánh cửa, không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm tay nắm, không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm cửa sổ, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu trắng, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu đen, không nên giao công trình mới với mỗi một việc trét màu phấn đỏ, không nên giao công trình mới với mỗi một việc lợp mái che, không nên giao công trình mới với mỗi một việc lắp ráp, không nên giao công trình mới với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng, không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm bục nền xung quanh, không nên giao công trình mới đến hai mươi năm, không nên giao công trình mới đến ba mươi năm, không nên giao công trình mới đến trọn đời, không nên giao công trình mới là trú xá đã được hoàn tất đến khi [chết và] hoả táng; vị nào giao thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giao công trình mới chưa khởi công hoặc chưa hoàn tất, [cho phép] xem xét công việc ở trú xá nhỏ rồi giao công trình mới năm hoặc sáu năm, [cho phép] xem xét công việc ở nhà một mái rồi giao công trình mới bảy hoặc tám năm, [cho phép] xem xét công việc ở trú xá lớn rồi giao công trình mới mười hoặc mười hai năm.

56. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu giao công trình mới là toàn bộ trú xá. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên giao công trình mới là toàn bộ trú xá; vị nào giao thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu giao hai công trình mới đến một vị. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên giao hai [công trình mới] đến một vị; vị nào giao thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu cho vị khác trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, sau khi nhận lãnh công trình mới, không nên cho vị khác trú ngụ; vị nào cho trú ngụ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu chiếm giữ vật thuộc về hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, sau khi nhận lãnh công trình mới, không nên chiếm giữ vật thuộc về hội chúng; vị nào chiếm giữ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhận lãnh một chỗ nằm tốt nhất.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu giao công trình mới đến vị đứng ở ngoài ranh giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên giao công trình mới đến vị đứng ở ngoài ranh giới; vị nào giao thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu chiếm giữ luôn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, sau khi nhận lãnh công trình mới, không nên chiếm giữ luôn; vị nào chiếm giữ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ.

57. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu bỏ đi, hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là người vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là người lưỡng căn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, vị Tỳ-khưu bỏ đi. [Nên nghĩ rằng]: "Chớ làm tổn hại đến hội chúng", rồi nên giao cho vị khác. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, vị Tỳ-khưu hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ

sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là người vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là người lưỡng căn. [Nên nghĩ rằng]: “Chớ làm tổn hại đến hội chúng”, rồi nên giao cho vị khác.

Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, vị Tỳ-khưu bỏ đi. [Nên nghĩ rằng]: “Chớ làm tổn hại đến hội chúng”, rồi nên giao cho vị khác. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, vị Tỳ-khưu hoàn tục, từ trần ...(nt)... được biết là người lưỡng căn. [Nên nghĩ rằng]: “Chớ làm tổn hại đến hội chúng”, rồi nên giao cho vị khác.

Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị Tỳ-khưu bỏ đi; công trình ấy còn thuộc về vị ấy [trong mùa mưa năm ấy]. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị Tỳ-khưu hoàn tục, chết đi, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng; hội chúng là chủ quản.

Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị Tỳ-khưu được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác; công trình ấy còn thuộc về vị ấy [trong mùa mưa năm ấy].

Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị Tỳ-khưu được biết là người vô căn, được biết kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là người lưỡng căn; hội chúng là chủ quản.

58. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sử dụng sàng tọa là vật dụng trong trú xá của nam cư sĩ nọ tại một địa điểm khác. Khi ấy, nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các ngài Đại đức lại sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại di chuyển [thảm lót] đến nhà hành lễ *Uposatha* và nơi tụ hội nên ngồi xuống ở nền nhà. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép di chuyển có tính cách tạm thời.

Vào lúc bấy giờ, trú xá lớn của hội chúng bị sụp đổ. Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không di chuyển sàng tọa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép di chuyển vì mục đích bảo quản.

Vào lúc bấy giờ, có mền len đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trao đổi [vật khác] để công việc được thuận tiện.

Vào lúc bấy giờ, có tấm vải dệt đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trao đổi [vật khác] để công việc được thuận tiện.

59. Vào lúc bấy giờ, có tấm da gấu phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm vật chùi chân.

Vào lúc bấy giờ, có tấm vải len phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm vật chùi chân.

Vào lúc bấy giờ, có tấm vải phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm vật chùi chân.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bước lên chỗ nằm, ngồi với các bàn chân chưa rửa. Chỗ nằm, ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bước lên chỗ nằm, ngồi với các bàn chân chưa rửa; vị nào bước lên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bước lên chỗ nằm, ngồi với các bàn chân bị ướt. Chỗ nằm, ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bước lên chỗ nằm, ngồi với các bàn chân bị ướt; vị nào bước lên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu mang dép bước lên chỗ nằm, ngồi. Chỗ nằm, ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang dép bước lên chỗ nằm, ngồi; vị nào bước lên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

60. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhổ lên mặt nền đã được làm mới khiến màu bị lem luốc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên nhổ lên mặt nền đã được làm mới; vị nào nhổ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ống nhổ.

Vào lúc bấy giờ, các chân giường và các chân ghế làm trầy mặt nền được làm mới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng vải bọc tròn lại.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu tựa vào tường đã được làm mới, khiến màu bị lem luốc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên tựa vào tường đã được làm mới; vị nào tựa thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm bảng để dựa vào.

Tấm bảng để dựa vào làm trầy mặt nền ở bên dưới và bức tường ở bên trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bọc lại ở bên dưới và bên trên với mảnh vải.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu có chân đã rửa sạch ngần ngại nằm xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nằm xuống sau khi đã trải ra tấm lót.

61. Sau đó, khi đã ngự tại Āḷavī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Rājagaha. Trong khi du hành theo tuần tự, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó, ở thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.

62. Vào lúc bấy giờ, thành Rājagaha có sự khó khăn về vật thực. Dân chúng không thể thực hiện bữa trai phạn dâng đến hội chúng nên muốn thực hiện bữa ăn đến các vị được chỉ định, sự thỉnh mời, bữa ăn dâng theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào mỗi kỳ *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bữa trai phạn dâng đến hội chúng, bữa ăn dâng đến các vị được chỉ định, sự thỉnh mời, bữa ăn dâng theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào mỗi kỳ *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng.

63. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lấy cho bản thân các bữa ăn thượng hạng và cho các Tỳ-khưu các bữa ăn tầm thường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị sắp xếp các bữa ăn là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [bữa ăn] đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị sắp xếp các bữa ăn. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị sắp xếp các bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Khi ấy, các Tỳ-khưu là những vị sắp xếp các bữa ăn đã khởi ý điều này: "Bữa ăn nên được sắp xếp như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc vào thẻ hoặc tấm phiếu, lần lượt rút ra, rồi sắp xếp các bữa ăn.

64. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân bố chỗ trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân bố chỗ trú ngụ là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được phân bố và chưa được phân bố. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân bố chỗ trú ngụ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân bố chỗ trú ngụ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân bố chỗ trú ngụ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ trú ngụ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

65. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị giữ kho đồ đạc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị giữ kho đồ đạc là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được cất giữ và chưa được cất giữ. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị giữ kho đồ đạc. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị giữ kho đồ đạc. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị giữ kho đồ đạc xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị giữ kho đồ đạc. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

66. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị tiếp nhận y. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị tiếp nhận y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được tiếp nhận và chưa được tiếp nhận. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị tiếp nhận y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

67. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia y. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân chia y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân chia y. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân chia y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân chia y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

68. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia cháo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân chia cháo là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ...(nt)... vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu ...(nt)... Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia cháo. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân chia trái cây là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ...(nt)... vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, ...(nt)... Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia trái cây. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

69. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia thức ăn khô. Thức ăn khô không được phân chia nên bị hư. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân chia thức ăn khô là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân chia thức ăn khô. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân chia thức ăn khô. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân chia thức ăn khô xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia thức ăn khô. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

70. Vào lúc bấy giờ, vật dụng linh tinh ở trong kho của hội chúng là dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân phát vật linh tinh là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ...(nt)... vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia.

Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu nên được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát vật linh tinh. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát vật linh tinh. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát vật linh tinh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát vật linh tinh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Vị Tỳ-khưu là vị phân phát các vật linh tinh nên trao mỗi vị một cây kim, nên trao cây kéo, nên trao đôi dép, nên trao dây thắt lưng, nên trao dây quàng ở vai, nên trao đồ lược nước, nên trao đồ lọc nước thông thường, nên trao dải nối theo chiều dọc [của y], nên trao dải nối theo chiều ngang [của y], nên trao mảnh lớn thuộc dải điều [của y], nên trao mảnh nhỏ thuộc dải điều [của y], nên trao vải may đường biên [của y], nên trao vải may đường viền xung quanh [của y]. Nếu hội chúng có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía thì nên trao tức thời để sử dụng. Nếu vật cần dùng có thêm thì nên trao tiếp tục.

71. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân phối vải choàng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân phối vải choàng là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ...(nt)... vị biết được vật đã được nhận hoặc chưa được nhận. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phối vải choàng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phối vải choàng. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phối vải choàng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phối vải choàng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân phối bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân phối bình bát là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ...(nt)... vị biết được vật đã được nhận hoặc chưa được nhận.

Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, ...(nt)... Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

72. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị quản trị các người phụ việc chùa. Các người phụ việc chùa không được quản trị nên không làm công việc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị quản trị các người phụ việc chùa là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ...(nt)... vị biết được việc cần quản trị và việc không cần quản trị. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: ...(nt)... nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị quản trị các Sa-di. Các Sa-di không được quản trị nên không làm công việc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị quản trị các Sa-di là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết được việc cần quản trị và việc không cần quản trị. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị quản trị các Sa-di. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị quản trị các Sa-di. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị quản trị các Sa-di xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị quản trị các Sa-di. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Tụng phẩm thứ ba.

Dứt chương “Sàng tọa” là thứ sáu.

*****

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Vào thời ấy, trú xá vẫn chưa được quy định bởi đức Phật tối thượng, các vị đệ tử ấy của đấng Chiến Thắng bước ra từ chỗ ngụ ở nơi này nơi khác.

2. Người gia chủ đại phú, sau khi nhìn thấy các vị ấy đã nói với các vị Tỳ-khưu điều này: Tôi có thể cho làm, các ngài có thể cư ngụ. Các vị đã hỏi bậc Lãnh Đạo.

3. Ngài đã cho phép năm loại chỗ ngụ là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn và hang động. Nhà đại phú hộ đã cho xây dựng các trú xá.

4. Người ta cho xây dựng trú xá không có cửa, không đóng được, cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay và cái chốt xoay ở trên.

5. Lỗ để luồn, sợi dây thừng và tay nắm, cái chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, khóa bằng đồng, bằng gỗ và bằng sừng.

6. Then cài, đinh khóa chốt, mái che, việc trét vữa bên trên và bên dưới, [cửa sổ] chấn song ngang, gắn lưới, chấn song dọc và màn che, với thảm trải.

7. Giường đúc và giường bằng vạc tre, ván khiêng tử thi, loại lắp ráp, loại xếp lại, có chân đẽo cong, tháo rời được, ghế vuông loại cao.

8. Ghế dựa dài, ghế làm bằng các thanh ráp lại, ghế lót vải, ghế có chỗ gác chân, ghế có nhiều chân, tấm ván, ghế mây và luôn cả ghế lót rơm nữa.

9. Ở giường cao và con rắn, khung giường, khung giường cao tám ngón tay, chỉ sợi, dệt chéo ô nhỏ, mảnh vải, đệm bông gòn, [gối dài] nửa thân người.

10. Trên đỉnh núi và luôn cả các loại nệm, vải bọc và luôn cả sàng tọa, đã được bọc lại, rơi ra từ bên dưới, sau khi tháo ra và họ lấy đem đi.

11. Việc thực hiện các đường vẽ và các đường vẽ bằng bàn tay, đức Thiện Thệ cho phép, màu trắng, màu đen, cũng ở tại trú xá, vỏ trấu và đất sét loại dẻo.

12. Nhựa cây, cái bay thợ nề, cám đỏ, bột mù tạt, dầu sáp ong, bị đóng cục, để chùi, bị lồi lõm, đất sét trộn phân trùn.

13. Nhựa cây và hình ảnh gợi cảm, bị thấp và nền móng, việc leo lên, các vị bị té, đông đảo người, bức tường thấp, lại là ba [loại phòng].

14. Ở [trú xá] nhỏ, chân tường, thấm nước mưa, tiếng la lớn, chốt tường, sào máng y và dây [treo y], mái hiên, với màn che.

15. Tay cầm để vịn, rác cỏ, nên thực hiện theo phương thức ở phần dưới, ngoài trời, bị hâm nóng, gian nhà và tô uống nước ở phần dưới.

16. Trú xá và luôn cả cổng ra vào, căn phòng, nhà để đốt lửa, về tu viện và luôn cả cổng ra vào, nên thực hiện theo phương thức ở phần bên dưới.

17. Vữa hồ, và ông Cấp Cô Độc có đức tin đã đi đến khu rừng Sīta, đã thấy được pháp, đã mời thỉnh đấng Lãnh Đạo cùng với hội chúng.

18. Trên đường đi đã kêu gọi, nhóm người đã cho xây dựng tu viện, ở Vesālī, công trình mới, đi trước và giành phần.

19. Vị nào xứng đáng phần ăn hạng nhất, chim đa đa và các hạng không đáng đảnh lễ, bị giành phần, ở trong nhà, [độn] bông gòn, đã ngự đến Sāvatthi.

20. Vị ấy đã thiết lập tu viện và sự ồn ào ở nhà ăn, các vị bị bệnh, các giường tốt nhất và do mánh lới, nhóm Mười Bảy Sư, ở nơi đó.

21. Bởi vị nào? Như thế nào? Đã phân chia theo trú xá, theo phòng ở và phần còn lại, có thể không ban cho phần chia nếu không thích.

22. Ở ngoài ranh giới và chiếm giữ luôn mọi lúc, ba [thời điểm] về chỗ ngụ, vị Upananda và Ngài đã ngợi khen, các vị đứng và cùng ngồi chung chỗ.

23. Chỗ ngồi đồng đẳng cấp, các vị đã làm gãy, nhóm ba vị và nhóm hai vị, với những vị không đồng đẳng cấp, ghế dài, mái hiên hình đầu voi, [cho phép] để sử dụng.

24. Và bà nội [của đức vua], không xa và đã được phân chia, ở Kīṭāgiri, ở Āḷavī, với việc chất đống và [tô vữa] bức tường, [lắp đặt] cánh cửa, [làm] tay nắm.

25. Cửa sổ, [sơn] màu trắng, màu đen, màu đỏ, [lợp] mái che và việc lắp ráp, đặt thanh ngang, chỗ hư hỏng, bục nền xung quanh, hai mươi năm, ba mươi năm và trọn đời.

26. Đã được hoàn tất, chưa khởi công, ở [trú xá] nhỏ, nên giao sáu hoặc năm năm, về nhà một mái thì bảy hoặc tám năm, và [trú xá] lớn thì mười hoặc mười hai năm.

27. [Công trình là] toàn bộ trú xá, [giao hai công trình] cho một vị, cho vị khác ngụ, [chiếm giữ] vật thuộc về hội chúng, ở ngoài ranh giới, [chiếm giữ] luôn mọi lúc, các vị bỏ đi, hoàn tục.

28. Và chết đi, [xuống] Sa-di, vị đã xả bỏ sự học tập, [tội] cực nặng, các vị bị điên, có tâm rối loạn và bị thọ khổ, do việc không nhìn nhận tội.

29. Do việc không sửa chữa lỗi, do tà kiến, các người vô căn, những kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] và theo ngoại đạo, thú vật, kẻ giết mẹ, cha, A-la-hán, làm nhơ [Tỳ-khưu-ni].

30. Những kẻ chia rẽ, làm chảy máu [đức Phật], và luôn cả những người lưỡng căn, [nghĩ rằng]: "Chớ làm tổn hại đến hội chúng", rồi nên giao công trình cho vị khác.

31. Trong khi chưa hoàn tất, giao vị khác, đã hoàn tất, bỏ đi, vẫn còn thuộc vị ấy. Vị hoàn tục, chết đi và xuống lại Sa-di.

32. Và vị đã xả bỏ sự học tập, phạm tội cực nặng, nếu là người vô căn, hội chúng là chủ quản. Vị bị điên, có tâm rối loạn, bị thọ khổ.

33. Về việc không nhìn nhận tội, không sửa chữa lỗi, tà kiến, thì vẫn còn thuộc về vị ấy. Người vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], theo ngoại đạo, thú vật, kẻ giết mẹ, giết cha.

34. Kẻ giết [A-la-hán], và luôn cả kẻ làm nhơ [Tỳ-khưu-ni], kẻ chia rẽ [hội chúng], kẻ làm chảy máu [đức Phật], người lưỡng căn, nếu vị ấy thú nhận, thì chính hội chúng chủ quản.

35. Các vị đem nơi khác, có sự ngần ngại, [trú xá] bị sụp đổ, và mền len, tấm vải dệt, tấm da thú, tấm vải len, tấm vải và các vị bước lên.

36. [Bàn chân] bị ướt, có giày dép, việc phun nhổ, các vị làm trầy và các vị dựa vào, có tấm dựa, hoặc khi đã bị trầy, đã được rửa sạch và với tấm trải.

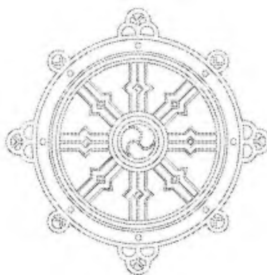
37. Ở Rājagaha, các vị không thể nào, [bữa ăn] tầm thường, vị sắp xếp bữa ăn, vậy thì như thế nào, vị phân bố [chỗ ngụ], việc chỉ định vị giữ kho.

38. Vị tiếp nhận và vị phân chia [y], luôn cả về cháo, vị phân chia trái cây, vị phân chia thức ăn khô và luôn cả phân phát vật linh tinh nữa.

39. Và luôn cả vị phân phối vải choàng, tương tợ y như thế là vị phân phối bình bát, việc chỉ định vị quản trị các người phụ việc tu viện, và các vị Sa-di.

40. Đấng Toàn Tri, bậc Hiểu Biết Thế Gian, vị có tâm tốt lành, là vị Lãnh Đạo, vì lợi ích của chỗ trú ngụ và vì lợi ích của sự an lạc, để tham thiền và để minh sát.

--ooOoo--



VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

SỰ XUẤT GIA CỦA SÁU VỊ DÒNG SAKYA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Anupiyā. Anupiyā là tên của một thị trấn của xứ Malla. Vào lúc bấy giờ, nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc dòng dõi Sakya xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn [là người] đã xuất gia. Vào lúc bấy giờ, Mahānāma dòng Sakya và Anuruddha dòng Sakya là hai anh em. Anuruddha dòng Sakya là người mảnh mai. Vị ấy có ba tòa lâu đài: Một dành cho mùa lạnh, một dành cho mùa nóng, một dành cho mùa mưa. Vào bốn tháng mùa mưa ở trong tòa lâu đài dành cho mùa mưa, trong lúc được phục vụ bởi các nữ công tấu nhạc, chàng không bước xuống phía dưới của tòa lâu đài.

Khi ấy, Mahānāma dòng Sakya đã khởi ý điều này: "Hiện nay nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc dòng dõi Sakya, đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn [là người] đã xuất gia. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia, sống không nhà cả. Có lẽ hoặc là ta hoặc là Anuruddha nên xuất gia?" Sau đó, Mahānāma dòng Sakya đã đi đến gặp Anuruddha dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Anuruddha dòng Sakya điều này:

– Này Anuruddha yêu dấu, hiện nay nhiều vương tử rất danh tiếng, thuộc dòng dõi Sakya, đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn [là người] đã xuất gia. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia, sống không nhà cả. Chính vì điều ấy, hoặc là em hoặc là anh nên xuất gia.

– Em thì mảnh mai, em không thể rời nhà xuất gia, sống không nhà. Anh hãy xuất gia đi.

– Anuruddha yêu dấu, hãy đến. Anh sẽ chỉ dạy công việc gia đình cho em. Trước tiên, cần bảo cày xới ruộng nương, sau khi bảo cày xới rồi cần bảo gieo hạt, sau khi bảo gieo hạt rồi cần bảo đưa nước vào, sau khi bảo đưa nước vào rồi cần bảo tưới nước đều khắp các ruộng, sau khi bảo tưới nước đều khắp các ruộng cần bảo nhổ cỏ, sau khi bảo nhổ cỏ rồi cần bảo gặt hái, sau khi bảo gặt hái rồi cần bảo thâu hoạch, sau khi bảo thâu hoạch rồi cần bảo chất thành đống, sau khi bảo chất thành đống rồi cần bảo đập giũ, sau khi bảo đập giũ rồi cần bảo tách rơm ra, sau khi bảo tách rơm ra cần bảo tách trấu ra, sau khi bảo tách trấu ra cần bảo sàng sảy, sau khi bảo sàng sảy rồi cần bảo đem cất vào kho, sau khi

bảo đem cất vào kho rồi vào mùa tới cũng cần được làm y như thế, vào mùa tới nữa cũng cần được làm y như thế.

– Thế các công việc không được ngưng lại hay sao? Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến hay sao? Khi nào các công việc sẽ được ngưng lại? Khi nào sự chấm dứt các công việc sẽ được biết đến? Khi nào chúng ta mới được rảnh rỗi mà hưởng thụ năm phần dục lạc đã được ban cho, đã được sở hữu?

– Này Anuruddha yêu dấu, công việc không được ngưng lại. Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến. Khi công việc vẫn chưa ngưng lại, cha mẹ và ông đã qua đời.

– Chính vì điều ấy, nên chính anh hãy biết lấy công việc gia đình. Em sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà.

2. Sau đó, Anuruddha dòng Sakya đã đi đến gặp người mẹ. Sau khi đến đã nói với người mẹ điều này:

– Thưa mẹ, con muốn rời nhà xuất gia, sống không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Khi được nói như thế, mẹ của Anuruddha dòng Sakya đã nói với Anuruddha dòng Sakya điều này:

– Này Anuruddha yêu dấu, các con là hai người con trai thân thương, quý mến, yêu dấu của mẹ. Chỉ có sự chết thì mẹ đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống mẹ lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được?

Đến lần thứ nhì, Anuruddha dòng Sakya đã nói với người mẹ điều này:

– Thưa mẹ, con muốn rời nhà xuất gia, sống không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia, sống không nhà.

– Này Anuruddha yêu dấu, các con là hai người con trai thân thương, quý mến, yêu dấu của mẹ. Chỉ có sự chết thì mẹ đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được?

Đến lần thứ ba, Anuruddha đã nói với người mẹ điều này:

– Thưa mẹ, con muốn rời nhà xuất gia, sống không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Vào lúc bấy giờ, đức Vua Bhaddiya dòng Sakya trị vì lãnh thổ Sakya. Và đức vua là bạn của Anuruddha dòng Sakya. Khi ấy, mẹ của Anuruddha dòng Sakya [nghĩ rằng]: "Đức Vua Bhaddiya dòng Sakya này trị vì lãnh thổ Sakya là bạn của Anuruddha dòng Sakya. Vị ấy không nhiệt tình rời nhà xuất gia, sống không nhà", nên đã nói với Anuruddha dòng Sakya điều này: "Này Anuruddha yêu dấu, nếu đức Vua Bhaddiya dòng Sakya rời nhà xuất gia, sống không nhà, như vậy thì con cũng hãy xuất gia."

3. Sau đó, Anuruddha dòng Sakya đã đi đến gặp đức Vua Bhaddiya dòng Sakya. Sau khi đến đã nói với đức Vua Bhaddiya dòng Sakya điều này:

– Này bạn, việc xuất gia của tôi tùy thuộc vào bạn đó.

– Này bạn, nếu việc xuất gia của bạn tùy thuộc vào tôi, vậy hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ... cứ việc xuất gia một cách thoải mái.[1]

– Này bạn, hãy đến. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà.

– Này bạn, tôi không thể rời nhà xuất gia, sống không nhà. Điều gì khác mà tôi có thể làm cho bạn thì tôi sẽ làm cho bạn. Bạn hãy xuất gia đi.

– Này bạn, mẹ đã nói với tôi như vầy: "Này Anuruddha yêu dấu, nếu đức Vua Bhaddiya dòng Sakya rời nhà xuất gia, sống không nhà, như vậy thì con cũng hãy xuất gia." Này bạn, hơn nữa bạn đã nói lời nói này: "Này bạn, nếu việc xuất gia của bạn tùy thuộc vào tôi, hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ... cứ việc xuất gia một cách thoải mái." Này bạn, hãy đến. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Vào lúc bấy giờ, loài người nói năng chân thật, tôn trọng sự chân thật. Khi ấy, đức Vua Bhaddiya dòng Sakya đã nói với Anuruddha dòng Sakya điều này:

– Này bạn, hãy chờ đợi bảy năm. Sau bảy năm, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà.

– Này bạn, bảy năm quá lâu. Tôi không thể chờ đợi bảy năm.

– Này bạn, hãy chờ đợi sáu năm. ...(nt)... năm năm. ...(nt)... bốn năm. ...(nt)... ba năm. ...(nt)... hai năm. ...(nt)... một năm. Sau một năm, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà.

– Này bạn, một năm quá lâu. Tôi không thể chờ đợi một năm.

– Này bạn, hãy chờ đợi bảy tháng. Sau bảy tháng, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà.

– Này bạn, bảy tháng quá lâu. Tôi không thể chờ đợi bảy tháng.

– Này bạn, hãy chờ đợi sáu tháng. ...(nt)... năm tháng. ...(nt)... bốn tháng. ...(nt)... ba tháng. ...(nt)... hai tháng. ...(nt)... một tháng. ...(nt)... nửa tháng. Sau nửa tháng, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà.

– Này bạn, nửa tháng quá lâu. Tôi không thể chờ đợi nửa tháng.

– Này bạn, hãy chờ đợi bảy ngày, đến khi tôi trao lại vương quốc cho các người con trai và các người em trai xong.

– Này bạn, bảy ngày không lâu lắm. Tôi sẽ chờ đợi.

4. Khi ấy, đức Vua Bhaddiya dòng Sakya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, Devadatta, với thợ cạo Upāli là người thứ bảy, giống như trước đây,

[1] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Bhaddiya vì thương mến bạn, muốn nói rằng: "Tôi với bạn sẽ xuất gia"; nhưng vì lòng ham muốn sự vinh quang của vương quyền ngăn cản trái tim lại nên chỉ nói được "Tôi với bạn" và đã không thể nói phần còn lại (*VinA*. VI. 1275). Nói thêm cho rõ về lời giải thích trên là vị Anuruddha đã nghe đức Vua Bhaddiya nói như sau: "Tôi với bạn cứ việc xuất gia một cách thoải mái."

họ đã đi ra khu vườn hoa cùng với bốn loại quân binh, tương tợ y như thế, họ đã ra đi cùng với bốn loại quân binh. Khi đi đã xa, họ đã cho quân binh trở về. Sau khi đi sang lãnh thổ khác, họ đã cởi các đồ trang sức ra, dùng y khoác ngoài buộc lại thành gói, rồi đã nói với thợ cạo Upāli điều này: "Này khanh Upāli, ngươi nên trở lại. Nhiêu đây cũng đủ cho cả đời của ngươi."

Sau đó, trong khi đi trở về, thợ cạo Upāli đã khởi ý điều này: "Những người dòng Sakya thật là ác độc [nghĩ rằng]: 'Các vương tử đã bỏ đi vì gã này', cũng có thể ra lệnh giết ta. Chính các vương tử dòng Sakya này còn rời nhà xuất gia, sống không nhà, việc gì ta lại không?" Vị ấy đã mở gói đồ ra rồi treo gói đồ ấy ở trên cây, nói rằng: "Ai thấy được cứ việc lấy món quà", rồi đã đi đến gặp các vương tử dòng Sakya. Các vương tử dòng Sakya ấy đã nhìn thấy thợ cạo Upāli đang từ đàng xa đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với thợ cạo Upāli điều này:

– Này khanh Upāli, vì sao ngươi quay lại?

– Thưa các vương tử, ở đây, trong khi quay trở về tôi đã khởi ý điều này: "Những người dòng Sakya thật là ác độc [nghĩ rằng]: 'Các vương tử đã bỏ đi vì gã này', cũng có thể ra lệnh giết ta. Chính các vương tử dòng Sakya này còn rời nhà xuất gia, sống không nhà, việc gì ta lại không?" Thưa các vương tử, tôi đây đã mở gói đồ ra, treo gói đồ ấy ở trên cây, nói rằng: "Ai thấy được cứ việc lấy món quà", rồi từ đó tôi đã quay lại.

– Này khanh Upāli, ngươi đã hành động đúng về việc người đã quay trở lại vì những người dòng Sakya quả là ác độc [nghĩ rằng]: "Các vương tử đã bỏ đi vì gã này", cũng có thể ra lệnh giết ngươi.

5. Sau đó, các vương tử dòng Sakya ấy đã đưa thợ cạo Upāli đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vương tử dòng Sakya ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng tôi thuộc dòng Sakya có sự ngã mạn. Bạch Ngài, thợ cạo Upāli này là người hầu cận của chúng tôi lâu nay. Xin đức Thế Tôn cho người này xuất gia trước tiên. Chúng tôi sẽ thực hiện việc đảnh lễ, việc đứng dậy, việc chắp tay, hành động thích hợp đối với ông ta. Như thế, sự ngã mạn của dòng Sakya trong những người Sakya chúng tôi sẽ không còn nữa.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã cho thợ cạo Upāli xuất gia trước tiên, kế đến là các vương tử dòng Sakya ấy. Sau đó, ngay trong năm ấy, Đại đức Bhaddiya đã chứng ngộ ba minh, Đại đức Anuruddha đã chứng đạt thiên nhãn, Đại đức Ānanda đã chứng ngộ quả Nhập lưu, Devadatta đã thành tựu được thần thông của phàm nhân.

Vào lúc bấy giờ, Đại đức Bhaddiya mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, vẫn thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!" Khi ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã đi đến gặp đức

Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, Đại đức Bhaddiya mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, vẫn thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!" Bạch Ngài, chắc chắn rằng Đại đức Bhaddiya không thỏa thích thực hành Phạm hạnh, hoặc là trong khi hồi tưởng lại chính sự khoái lạc vương giả ấy trước đây, [vị ấy] mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, đã thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!"

6. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo một vị Tỳ-khưu khác rằng:

– Này Tỳ-khưu, hãy đến. Ngươi hãy nhân danh Ta đi đến nói với Tỳ-khưu Bhaddiya rằng: "Này Đại đức Bhaddiya, bậc Đạo sư cho gọi Đại đức."

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi vị Tỳ-khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn, đã đi đến gặp Đại đức Bhaddiya, sau khi đến đã nói với Đại đức Bhaddiya điều này:

– Này Đại đức Bhaddiya, bậc Đạo sư cho gọi Đại đức.

– Này Đại đức, xin vâng.

Rồi Đại đức Bhaddiya nghe theo vị Tỳ-khưu ấy, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Bhaddiya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Bhaddiya điều này:

– Này Bhaddiya, nghe nói ngươi mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, vẫn thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!" có đúng không vậy?

– Bạch Ngài, đúng vậy.

– Này Bhaddiya, trong khi cảm nhận được lợi ích gì khiến ngươi, mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, thường xuyên thốt lên lời cảm hứng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!" vậy?

– Bạch Ngài, trước đây khi con làm vua, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong hậu cung, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài hậu cung, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong thành phố, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài thành phố, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong xứ sở, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài xứ sở, bạch Ngài, trong khi được bảo vệ và được an toàn như vậy, con đây sống vẫn cảm thấy sợ hãi, khiếp đảm, lo âu, hồi hộp. Bạch Ngài, thế mà giờ đây con chỉ một mình, mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống lại không sợ hãi, không khiếp đảm, không lo âu, không hồi hộp, vô tư lự, điềm tĩnh, tùy thuận sự bố thí của người khác, sống với tâm như loài thú rừng. Bạch Ngài, mặc dầu

ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, con đây cảm nhận được sự lợi ích này nên thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!"

Sau đó, khi hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Đối với người nào mà các sự sân hận không hiện diện ở trong tâm, đã vượt qua khỏi hữu và phi hữu như thế, vị ấy đã không còn sự sợ hãi, có sự an lạc, không sầu muộn, chư thiên không đạt được việc nhìn thấy vị ấy."

7. Sau đó, khi đã ngự ở Anupiyā theo như ý thích, đức Thế Tôn trong khi tuần tự du hành đã ngự đến thành Kosambī. Tại nơi đó, trong thành Kosambī, đức Thế Tôn ngự ở tu viện Ghosita. Khi ấy, Devadatta trong lúc độc cư thiền tịnh, đã có ý nghĩ suy tầm như vầy sanh khởi: "Ta nên làm cho ai tin tưởng để khi người ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì nhiều lợi lộc và sự trọng vọng có thể phát sanh?"

Khi ấy, điều này đã khởi lên cho Devadatta: "Hoàng tử Ajātasattu này còn trẻ và có tương lai rạng rỡ. Hay là ta nên làm cho Hoàng tử Ajātasattu tin tưởng, để khi vị ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì nhiều lợi lộc và sự trọng vọng sẽ phát sanh?"

Sau đó, Devadatta đã thu xếp sàng tọa rồi cầm y bát đi đến thành Rājagaha. Theo tuần tự, vị ấy đã đến được thành Rājagaha. Khi ấy, Devadatta đã thay đổi hình dạng của mình và biến thành hình dạng đứa bé trai, mình quấn đầy rắn, xuất hiện ở trên bắp vế của Hoàng tử Ajātasattu. Khi ấy, Hoàng tử Ajātasattu đã trở nên sợ hãi, khiếp đảm, lo âu, hồi hộp. Khi ấy, Devadatta đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này:

– Hoàng tử, ngài sợ tôi hay sao?

– Vâng, ta sợ lắm. Ngươi là ai?

– Tôi là Devadatta.

– Thưa ngài, nếu người là ngài Đại đức Devadatta, xin hãy hiện ra với hình dáng của chính ngài đi.

8. Sau đó, Devadatta đã thay đổi hình dạng đứa bé trai và hiện ra đứng trước Hoàng tử Ajātasattu có mang y hai lớp và y bát. Khi ấy, Hoàng tử Ajātasattu vô cùng ngưỡng mộ thần thông kỳ diệu này của Devadatta, nên sáng chiều đã đi đến phục vụ cùng với đoàn xe năm trăm chiếc và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa được mang lại.

Khi ấy, Devadatta với tâm đã bị chế ngự, đã bị ám ảnh bởi sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh, khiến điều tham muốn như vầy đã khởi lên: "Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu." Cùng lúc với sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông ấy.

Vào lúc bấy giờ, thị giả của Đại đức Mahāmoggallāna tên là Kakudha, con trai của dòng Koḷiya, vừa mới từ trần và tái sanh vào thân khác do ý tạo. Vị ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đồng làng ở xứ Magadha. Với sự thành tựu bản thể đó, vị ấy vẫn không hề làm tổn thương chính mình hay người khác.

Khi ấy, thiên tử Kakudha đã đi đến gặp Đại đức Mahāmoggallāna, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahāmoggallāna rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, thiên tử Kakudha đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này:

– Thưa ngài, Devadatta với tâm đã bị chế ngự, đã bị ám ảnh bởi sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh, khiến điều tham muốn như vầy đã khởi lên: "Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu." Thưa ngài, cùng lúc với sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông ấy.

Thiên tử Kakudha đã nói lên điều ấy. Sau khi nói lên điều ấy, vị ấy đã đảnh lễ Đại đức Mahāmoggallāna, hướng vai phải nhiễu quanh rồi biến mất ngay tại chỗ ấy.

9. Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thị giả của con tên là Kakudha, con trai dòng Koḷiya vừa mới từ trần và tái sanh vào thân khác do ý tạo. Vị ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đồng làng ở xứ Magadha. Với sự thành tựu bản thể đó, vị ấy vẫn không hề làm tổn thương chính mình hay người khác. Bạch Ngài, khi ấy thiên tử Kakudha đã đi đến gặp con, sau khi đến đã đảnh lễ con rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, thiên tử Kakudha đã nói với con điều này: "Thưa ngài, Devadatta với tâm đã bị chế ngự, đã bị ám ảnh bởi sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh, khiến điều tham muốn như vầy đã khởi lên: 'Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu'. Thưa ngài, chính do sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông của mình." Thiên tử Kakudha đã nói lên điều ấy. Sau khi nói lên điều ấy, vị ấy đã đảnh lễ con, hướng vai phải nhiễu quanh rồi biến mất ngay tại chỗ ấy.

– Này Moggallāna, có phải thiên tử Kakudha với ngươi có tâm hiểu và biết [lẫn nhau] bằng tâm, nên bất cứ điều gì thiên tử Kakudha nói [ngươi biết được], tất cả điều ấy đều theo chính cách ấy, chứ không phải cách nào khác?

– Bạch Ngài, thiên tử Kakudha với con có tâm hiểu và biết [lẫn nhau] bằng tâm, nên bất cứ điều gì thiên tử Kakudha nói [con biết được], tất cả điều ấy đều theo chính cách ấy, chứ không phải cách nào khác.

– Này Moggallāna, hãy giữ kín lời nói này. Này Moggallāna, hãy giữ kín lời nói này. Đã đến lúc kẻ rồ dại ấy tự chính mình sẽ làm bộc lộ bản thân.

10. Này Moggallāna, có năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm?

Này Moggallāna, ở đây, có hạng đạo sư trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có giới thanh tịnh" và "Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử biết về chính vị ấy như vầy: "Ngài đạo sư này trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có giới thanh tịnh' và 'Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy."

Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về giới, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử.

Này Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh" và "Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử biết về chính vị ấy như vầy: "Ngài đạo sư này trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh' và 'Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy."

Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc nuôi mạng, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc nuôi mạng từ các đệ tử.

Này Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư, trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh" và "Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử biết về chính vị ấy như vầy: "Ngài đạo sư này trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh' và 'Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy."

Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc thuyết pháp, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc thuyết pháp từ các đệ tử.

Này Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có lối giải thích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có lối giải thích thanh tịnh" và "Lối giải thích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử biết về chính vị ấy như vầy: "Ngài đạo sư này trong khi có lối giải thích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có lối giải thích thanh tịnh' và 'Lối giải thích của

ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy."

Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về lối giải thích, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử.

Này Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh" và "Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử biết về chính vị ấy như vầy: "Ngài đạo sư này trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có tri kiến thanh tịnh' và 'Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy."

Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về tri kiến, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử.

Này Moggallāna, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời.

Và này Moggallāna, Ta có giới thanh tịnh và biết rằng: "Ta có giới thanh tịnh" và "Giới của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về giới, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử.

Ta nuôi mạng thanh tịnh và biết rằng: "Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh" và "Sự nuôi mạng của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về sự nuôi mạng, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự nuôi mạng từ các đệ tử.

Ta thuyết pháp thanh tịnh và biết rằng: "Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh" và "Sự thuyết pháp của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về sự thuyết pháp, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự thuyết pháp từ các đệ tử.

Ta có lối giải thích thanh tịnh và biết rằng: "Ta có lối giải thích thanh tịnh" và "Lối giải thích của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về lối giải thích, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử.

Ta có tri kiến thanh tịnh và biết rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh" và "Tri kiến của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về tri kiến, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử.

11. Sau đó, khi đã ngự tại Kosambī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường du hành đến thành Rājagaha. Trong khi du hành theo tuần tự, Ngài đã

ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó, trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.

Khi ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, Hoàng tử Ajātasattu sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa được mang lại.

– Này các Tỳ-khưu, chớ có ganh tị với Devadatta về sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh. Này các Tỳ-khưu, cho đến khi nào Hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa còn được mang lại thì này các Tỳ-khưu, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đến cho Devadatta, chứ không phải sự tiến triển.

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như người ta làm vỡ túi mật ở mũi của con chó dữ tợn; này các Tỳ-khưu, bởi vì như vậy con chó ấy sẽ trở nên dữ tợn hơn trước. Tương tợ như thế, này các Tỳ-khưu, cho đến khi nào Hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa còn được mang lại thì này các Tỳ-khưu, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đến cho Devadatta, chứ không phải sự tiến triển.

Này các Tỳ-khưu, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các Tỳ-khưu, giống như cây chuối khi trổ quả thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi trổ quả thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tợ như thế, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh hiển và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

Này các Tỳ-khưu, giống như cây tre khi kết trái thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi kết trái thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tợ như thế, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

Này các Tỳ-khưu, giống như cây sậy khi kết trái thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi kết trái thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tợ như thế, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

Này các Tỳ-khưu, giống như con lừa cái khi mang thai thì đưa đến sự hư hỏng của bản thân, khi mang thai thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tợ như thế, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

"Đúng vậy, [sự kết] trái hại chết cây chuối, [sự kết] trái hại chết cây tre, [sự kết] trái hại chết cây sậy, sự trọng vọng hại chết kẻ ngu, tương tợ như bào thai hại chết con lừa."

Tụng phẩm thứ nhất.

*****

12. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo có cả đức vua, đang thuyết giảng giáo pháp. Khi ấy, Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, đã đạt đến đoạn cuối cuộc đời. Bạch Ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy sống gắn bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng Tỳ-khưu hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng Tỳ-khưu.

– Này Devadatta, thôi đi. Ngươi chớ có mong để được cai quản hội chúng Tỳ-khưu.

Đến lần thứ nhì, Devadatta ...(nt)... Đến lần thứ ba, Devadatta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, đã đạt đến đoạn cuối cuộc đời. Bạch Ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy sống gắn bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng Tỳ-khưu hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng Tỳ-khưu.

– Này Devadatta, ngay cả Sāriputta và Moggallāna Ta còn không thể bàn giao hội chúng Tỳ-khưu, làm sao [có thể bàn giao] cho kẻ tồi tệ đáng phỉ nhổ như ngươi được?

Khi ấy, Devadatta [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã bôi nhọ ta bằng cách gọi là kẻ đáng phỉ nhổ trước hội chúng có cả nhà vua và còn ca tụng Sāriputta và Moggallāna nữa!" nên tức tối, có sự không hài lòng, rồi đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh và ra đi.

Như thế, đây đã là mối ác cảm thứ nhất của Devadatta đối với đức Thế Tôn.

13. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta."

Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.' Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.' Đại đức nào đồng ý sự thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta' xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta' đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

14. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Sāriputta rằng:

– Này Sāriputta, chính vì điều ấy ngươi hãy công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha.

– Bạch Ngài, trước đây, ở trong thành Rājagaha con đã khen ngợi về Devadatta rằng: "Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng lực!" Bạch Ngài, làm sao con công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha được?

– Này Sāriputta, khi ngươi khen ngợi về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: "Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng lực!" phải chăng là đúng sự thật?

– Bạch Ngài, đúng vậy.

– Này Sāriputta, cũng tương tợ như vậy, ngươi hãy công bố đúng sự thật về Devadatta ở trong thành Rājagaha.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Sāriputta đã đáp lời đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta." Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước tiên, Sāriputta cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông qua bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.' Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.' Đại đức nào đồng ý sự chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta' xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Đại đức Sāriputta đã được hội chúng chỉ định để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.' Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Và khi đã được chỉ định, Đại đức Sāriputta cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã đi vào thành Rājagaha và đã công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta." Ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ đạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Các Sa-môn Thích tử này ganh tị. Họ ganh tị với sự lợi lộc và trọng vọng của Devadatta." Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Việc đức Thế Tôn cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha như thế này chẳng có gì sai trái!"

15. Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp Hoàng tử Ajātasattu, sau khi đến đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này:

– Tâu Hoàng tử, trước đây loài người sống thọ, bây giờ yểu thọ. Điều thực tế cần được biết là ngài có thể chết đi trong lúc vẫn còn là Hoàng tử; tâu Hoàng tử, chính vì điều ấy ngài hãy giết cha và lên làm Vua. Ta sẽ giết đức Thế Tôn và trở thành đức Phật.

Sau đó, Hoàng tử Ajātasattu [nghĩ rằng]: "Ngài Devadatta có đại thần lực, có đại năng lực; ngài Devadatta đương nhiên có thể biết được" nên vào lúc sáng sớm đã buộc con dao găm ở đùi, rồi [với vẻ] khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp đã xông vào hậu cung một cách vội vã. Các vị quan đại thần bảo vệ hậu cung

đã nhìn thấy Hoàng tử Ajātasattu vào lúc sáng sớm [với vẻ] khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp đang xông vào hậu cung một cách vội vã, sau khi nhìn thấy họ đã giữ lại. Trong lúc khám xét, họ đã thấy con dao găm buộc ở đùi nên đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này:

– Tâu Hoàng tử, ngài có ý định làm điều gì vậy?

– Ta có ý định giết cha.

– Do ai xúi giục?

– Do ngài Đại đức Devadatta.

Một số quan đại thần đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các Tỳ-khưu phải bị giết chết."

Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: "Các Tỳ-khưu không phải chết. Các vị Tỳ-khưu không làm tổn hại điều gì. Còn hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết."

Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các Tỳ-khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm như thế ấy."

Sau đó, các quan đại thần ấy đã đưa Hoàng tử Ajātasattu đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã trình báo sự việc ấy lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

– Này các khanh, các quan đại thần đã có ý kiến thế nào?

– Tâu Bệ hạ, một số quan đại thần đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các Tỳ-khưu phải bị giết chết." Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: "Các Tỳ-khưu không phải chết. Các vị Tỳ-khưu không làm tổn hại điều gì. Còn hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết." Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các Tỳ-khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm thế ấy."

– Này các khanh, đức Phật, hoặc Giáo pháp, hoặc Hội chúng sẽ làm điều gì? Chẳng phải đức Thế Tôn đã cảnh giác và đã cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta" hay sao?

Tại nơi ấy, những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các Tỳ-khưu phải bị giết chết", đức vua đã cách chức những vị ấy. Những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vầy: "Các Tỳ-khưu không phải chết. Các vị Tỳ-khưu không làm tổn hại điều gì. Chỉ có hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết", đức vua đã giáng chức những vị ấy. Những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử không phải chết,

Devadatta cũng không. Các Tỳ-khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm thế ấy", đức vua đã thăng chức những vị ấy.

Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này:

– Này Hoàng tử, tại sao con có ý định giết ta?

– Tâu Bệ hạ, con muốn được vương quyền.

– Này Hoàng tử, nếu con muốn được vương quyền thì vương quyền này là của con.

Rồi đã trao vương quyền cho Hoàng tử Ajātasattu.

16. Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp Hoàng tử Ajātasattu, sau khi đến đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này:

– Tâu Đại vương, hãy ra lệnh cho các nam nhân để họ sẽ đoạt mạng sống của Sa-môn Gotama.

Khi ấy, Hoàng tử Ajātasattu đã ra lệnh cho mọi người rằng:

– Này các khanh, ngài Đại đức Devadatta đã nói như thế nào, các người hãy làm theo như thế ấy.

Sau đó, Devadatta đã ra lệnh cho một người đàn ông rằng: "Này ông bạn, Sa-môn Gotama ngụ ở nơi đó; hãy đoạt mạng sống của ông ta rồi hãy trở về bằng con đường này." Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt hai người đàn ông [bảo rằng]: "Người đàn ông nào một mình trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của hắn ta rồi hãy trở về bằng con đường này." Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt bốn người đàn ông [bảo rằng]: "Hai người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này." Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt tám người đàn ông [bảo rằng]: "Bốn người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này." Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt mười sáu người đàn ông [bảo rằng]: "Tám người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này."

Sau đó, người đàn ông ấy một mình cầm gươm và bao gươm, mang cung và túi tên đã đi đến gặp đức Thế Tôn; sau khi đến còn cách đức Thế Tôn một khoảng không xa thì trở nên khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, đã đứng với thân thể cứng đơ. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người đàn ông ấy [với vẻ] khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, đang đứng với thân thể cứng đơ, sau khi nhìn thấy đã nói với người đàn ông ấy điều này: "Này đạo hữu, hãy đến. Chớ có sợ hãi."

Khi ấy, người đàn ông ấy đã bỏ gươm và bao gươm ở một góc, để cung và túi tên xuống, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đê đầu ở hai chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con khiến con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức, nên con đi đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi ấy của con đây là tội lỗi, hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

– Này đạo hữu, đúng như vậy, tội lỗi đã chiếm ngự lấy ngươi khiến ngươi như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức, nên ngươi đi đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Này đạo hữu, chính từ việc ấy, ngươi đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, nay ta nhận biết điều ấy cho ngươi. Này đạo hữu, chính điều này là sự tiến bộ trong giới luật của bậc Thánh: Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai.

Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến người đàn ông ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của người ấy đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến người đàn ông ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, người đàn ông ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn ấy, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với người đàn ông ấy điều này:

– Này đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.

Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

17. Sau đó, hai người đàn ông ấy [nghĩ rằng]: "Gã đàn ông ấy một mình sao lại lâu đến quá vậy?" rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn,

sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. ...(nt)... vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! ...(nt)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này:

– Này các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.

Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

Sau đó, bốn người đàn ông ấy [nghĩ rằng]: "Hai gã đàn ông ấy sao lại lâu đến quá vậy?" rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. ...(nt)... vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! ...(nt)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này:

– Này các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.

Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

Sau đó, tám người đàn ông ấy [nghĩ rằng]: "Bốn gã đàn ông ấy sao lại lâu đến quá vậy?" rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. ...(nt)... vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! ...(nt)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này:

– Này các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.

Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

Sau đó, mười sáu người đàn ông ấy [nghĩ rằng]: "Tám gã đàn ông ấy sao lại lâu đến quá vậy?" rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy, đã nhìn thấy đức

Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. ...(nt)... vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! ...(nt)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này:

– Này các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.

Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

Sau đó, người đàn ông ấy một mình đã đi đến gặp Devadatta, sau khi đến đã nói với Devadatta điều này:

– Thưa ngài, tôi không thể đoạt lấy mạng sống của đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy có đại thần lực, có đại năng lực.

– Này ông bạn, thôi đi. Ngươi chớ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama, chính ta sẽ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama.

18. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang đi kinh hành ở bóng râm của ngọn núi Gijjhakūṭa. Khi ấy, Devadatta đã leo lên ngọn núi Gijjhakūṭa và xô xuống tảng đá lớn [nghĩ rằng]: “Ta sẽ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama bằng vật này.” Hai đỉnh núi đã giao nhau và chận tảng đá ấy lại. Do đó, những mảnh vụn đã văng ra và làm chảy máu ở bàn chân của đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã ngước nhìn lên phía trên và đã nói với Devadatta điều này:

– Này kẻ rồ dại, nhiều điều vô phước nghiêm trọng đã gây nên bởi ngươi, là việc ngươi có tâm độc ác, có tâm giết hại đã làm chảy máu của Như Lai.

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, đây là nghiệp vô gián đầu tiên mà Devadatta đã tích lũy, là việc đã làm chảy máu của Như Lai bằng tâm độc ác, bằng tâm giết hại.

Các Tỳ-khưu đã nghe rằng: “Nghe nói Devadatta mưu đồ giết hại đức Thế Tôn.” Và các vị Tỳ-khưu ấy đi kinh hành vòng quanh trú xá của đức Thế Tôn, tạo nên âm thanh ồn, tiếng động lớn, trong khi đọc tụng để bảo vệ, che chở và canh gác cho đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nghe tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng ấy là gì vậy?

– Bạch Ngài, các Tỳ-khưu đã nghe rằng: “Nghe nói Devadatta mưu đồ giết hại đức Thế Tôn.” Bạch Ngài, và các vị Tỳ-khưu ấy đi kinh hành vòng quanh trú xá của đức Thế Tôn tạo nên âm thanh ồn và âm thanh lớn trong khi đọc tụng

để bảo vệ, che chở và canh gác cho đức Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, đó là tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng ấy.

– Này Ānanda, chính vì điều ấy, ngươi hãy gọi các Tỳ-khưu ấy với lời nói của Ta rằng: "Bậc Đạo sư gọi các Đại đức."

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn, đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Bậc Đạo sư gọi các Đại đức.

– Này Đại đức, xin vâng.

Rồi các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo Đại đức Ānanda, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy đang ngồi một bên điều này:

19. – Này các Tỳ-khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại.

Này các Tỳ-khưu, có năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm? Này các Tỳ-khưu, ở đây có hạng đạo sư trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có giới thanh tịnh" và "Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử biết về chính vị ấy như vầy: "Ngài đạo sư này trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có giới thanh tịnh' và 'Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về giới và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh" ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc nuôi mạng, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc nuôi mạng từ các đệ tử.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh" ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc thuyết pháp, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc thuyết pháp từ các đệ tử.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có lối giải thích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có lối giải thích thanh tịnh"

...(nt)... Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về lối giải thích, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh" ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về tri kiến, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời.

Và này các Tỳ-khưu, Ta có giới thanh tịnh và biết rằng: "Ta có giới thanh tịnh" và "Giới của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về giới và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử.

Này các Tỳ-khưu, Ta nuôi mạng thanh tịnh và biết rằng: "Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh" và "Sự nuôi mạng của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về sự nuôi mạng và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự nuôi mạng từ các đệ tử.

Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết pháp thanh tịnh và biết rằng: "Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh" và "Sự thuyết pháp của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về sự thuyết pháp và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự thuyết pháp từ các đệ tử.

Này các Tỳ-khưu, Ta có lối giải thích thanh tịnh và biết rằng: "Ta có lối giải thích thanh tịnh" và "Lối giải thích của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về lối giải thích, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử.

Này các Tỳ-khưu, Ta có tri kiến thanh tịnh và biết rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh" và "Tri kiến của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về tri kiến, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử.

Này các Tỳ-khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại.

Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy đi về trú xá của mỗi người. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai không cần được bảo vệ.

20. Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha có con voi dữ tợn tên Nālāgiri, là con thú giết người. Khi ấy, Devadatta sau khi vào thành Rājagaha đã đi đến chuồng voi và đã nói với những người quản tượng điều này:

– Này các người, chúng tôi là những thân quyến của đức vua, có quyền lực để đưa kẻ có chức vụ thấp lên chức vụ cao, còn làm tăng thêm luôn cả thực phẩm và lương bổng nữa. Này các người, chính vì điều ấy, khi nào Sa-môn Gotama đi vào con đường này, khi ấy các ngươi hãy thả con voi Nālāgiri này ra và cho đi theo con đường này.

– Thưa ngài, xin vâng.

Những người quản tượng ấy đã trả lời Devadatta.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã đi vào thành Rājagaha để khất thực. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi vào con đường ấy. Những người quản tượng ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi vào con đường ấy, sau khi nhìn thấy đã thả con voi Nālāgiri và cho đi theo con đường ấy. Con voi Nālāgiri đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại gần, sau khi nhìn thấy đã vươn vòi lên, tai và đuôi dựng đứng, rồi đã chạy lại đức Thế Tôn. Các vị Tỳ-khưu ấy đã nhìn thấy con voi Nālāgiri từ đàng xa đang đi lại gần, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con voi Nālāgiri này dữ tợn, là con thú giết người, đã đi vào con đường này. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui.

– Này các Tỳ-khưu, hãy đi đến, chớ có sợ hãi. Này các Tỳ-khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại.

Đến lần thứ nhì, các vị Tỳ-khưu ấy ...(nt)... Đến lần thứ ba, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con voi Nālāgiri này dữ tợn, là con thú giết người, đã đi vào con đường này. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui.

– Này các Tỳ-khưu, hãy đi đến, chớ có sợ hãi. Này các Tỳ-khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại.

21. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trèo lên và nấp ở các tòa nhà dài, ở các khu nhà lớn, ở các mái che. Ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ đạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: “Này quý vị, chắc chắn Ngài đại Sa-môn Gotama đẹp trai sẽ bị con long tượng gây thương tích.” Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: “Này quý vị, chốc nữa thôi, chắc chắn con long tượng này sẽ bị Tượng Chúa khuất phục.”

Khi ấy, đức Thế Tôn đã rải tâm từ đến con voi Nālāgiri. Sau đó, con voi Nālāgiri đã được đức Thế Tôn rải luồng tâm từ đến nên đã hạ vòi xuống, rồi đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng ở phía trước đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã dùng tay phải xoa ở trán của con voi Nālāgiri rồi đã nói với con voi Nālāgiri những lời kệ này:

“Này voi, chớ có đối đầu với Tượng Chúa. Này voi, bởi vì đối đầu với Tượng Chúa là khổ. Này voi, bởi vì cõi trời là không có cho kẻ giết Tượng Chúa, từ cõi này [sẽ] đi đến cõi khác.

Và chớ có ngạo mạn, và chớ có xao lãng, bởi vì những kẻ bị xao lãng không về được cõi trời. Bằng cách nào ngươi sẽ đi về cõi trời thì chính ngươi sẽ làm theo như cách ấy."

Khi ấy, con voi Nālāgiri đã dùng vòi lấy các hạt bụi ở bàn chân của đức Thế Tôn rắc trên đầu nó, đã khum xuống chào, rồi đã bước lui trong lúc vẫn nhìn đức Thế Tôn. Sau đó, con voi Nālāgiri đã về lại chuồng và đứng tại chỗ của nó. Và như thế, con voi Nālāgiri đã trở nên thuần phục. Vào lúc bấy giờ, dân chúng ngâm nga bài kệ này:

"Nhiều kẻ được thuần hóa bằng gậy gộc, bằng các gậy móc câu và bằng các roi vọt, con voi được vị Đại Ẩn Sĩ điều phục không bằng gậy gộc, không bằng vũ khí."

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Devadatta này quả thật ác độc, không biết xấu hổ, bởi vì ở nơi đây lại dám ra sức giết hại Sa-môn Gotama là vị có đại thần lực như thế này, có đại năng lực như thế này."

Lợi lộc và sự trọng vọng của Devadatta đã sút giảm. Còn lợi lộc và sự trọng vọng của đức Thế Tôn đã tăng trưởng.

22. Vào lúc bấy giờ, Devadatta do lợi lộc và sự trọng vọng bị sút giảm nên phải cùng phe nhóm liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử này lại liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực? Ai lại không thích sự sung túc? Ai lại không hài lòng với đồ ăn ngọt ngào?"

Các Tỳ-khưu đã nghe dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Devadatta cùng phe nhóm lại liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Devadatta, nghe nói ngươi cùng phe nhóm liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy đối với các Tỳ-khưu Ta sẽ quy định vật thực theo nhóm ba vị ở các gia đình vì ba lý do: "Nhằm kiềm chế những kẻ tồi tệ, vì sự sống an lạc của các Tỳ-khưu hiền thiện: 'Chớ để các Tỳ-khưu ác xấu nương tựa vào phe cánh mà chia rẽ hội chúng', và vì lòng trắc ẩn đối với các gia đình. Và trong việc vật thực dâng chung nhóm, nên được hành xử theo pháp."[2]

23. Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp Kokālika, Kaṭamorakatissa con trai của Khaṇḍadevī và Samuddadatto. Sau khi đến đã nói với Kokālika, Kaṭamorakatissa con trai của Khaṇḍadevī và Samuddadatto điều này:

[2] Liên quan đến điều *Pācittiya* 32 (ND).

– Này các Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo.

Khi được nói như thế, Kokālika đã nói với Devadatta điều này:

– Này Đại đức, Sa-môn Gotama thật sự có đại thần lực, có đại năng lực. Làm thế nào chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo được?

– Này các Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi đến gặp Sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức.

Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội.

Là các vị khất thực cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội.

Là các vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận y của gia chủ thì vị ấy phạm tội.

Là các vị sống ở gốc cây cho đến trọn đời, vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội.

Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội."

Sa-môn Gotama sẽ không cho phép năm sự việc này. Và chúng ta đây sẽ công bố cho dân chúng biết về năm sự việc này.

– Này Đại đức, với năm sự việc này có thể tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Này Đại đức, bởi vì dân chúng có niềm tin với khổ hạnh.

24. Sau đó, Devadatta cùng phe nhóm đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Devadatta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức.

Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội.

Là các vị khất thực cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội.

Là các vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận y của gia chủ thì vị ấy phạm tội.

Là các vị sống ở gốc cây cho đến trọn đời, vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội.

Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.

– Này Devadatta, thôi đi. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị sống ở rừng, vị nào muốn thì hãy cư ngụ ở trong làng.

Vị nào muốn thì hãy trở thành vị khất thực, vị nào muốn thì hãy ưng thuận việc thỉnh mời.

Vị nào muốn thì hãy là vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, vị nào muốn thì hãy ưng thuận y của gia chủ.

Này Devadatta, chỗ trú ngụ là gốc cây trong tám tháng được Ta cho phép, cá thịt thanh tịnh với ba điều kiện: "Không thấy, không nghe, không nghi" được Ta cho phép.

25. Khi ấy, Devadatta [biết rằng]: "Đức Thế Tôn không cho phép năm sự việc này" nên mừng rỡ, phấn chấn cùng phe nhóm đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, Devadatta cùng phe nhóm đã đi vào thành Rājagaha công bố cho dân chúng biết về năm sự việc:

– Này các đạo hữu, chúng tôi đã đi đến gặp Sa-môn Gotama và đã yêu cầu năm sự việc: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, ...(nt)... là người khen ngợi sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, ...(nt)... sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, ...(nt)... Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội." Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi đây thọ trì và thực hành năm sự việc này.

Ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ đạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Các Sa-môn Thích tử này đúng là có sự từ bỏ, có sở hành đoạn trừ; còn Sa-môn Gotama là kẻ xa hoa nên nghĩ đến việc xa hoa." Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?"

26. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Devadatta, nghe nói ngươi ra sức việc chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Devadatta, thôi đi. Ngươi chớ có thích thú việc chia rẽ hội chúng. Này Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng. Này Devadatta, kẻ nào phá vỡ sự hợp nhất, kẻ ấy gây nên tội lỗi tồn tại trọn kiếp[3] và bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp. Và này Devadatta, người nào làm hợp nhất hội chúng bị chia rẽ, người ấy tạo nên phước báu của Phạm thiên và sẽ được an vui ở cõi trời trọn kiếp. Này Devadatta, thôi đi. Ngươi chớ có thích thú việc chia rẽ hội chúng. Này Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng.

Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Rājagaha để khất thực. Devadatta đã nhìn thấy Đại đức Ānanda đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này: "Này Đại đức Ānanda, từ nay trở đi tôi sẽ hành lễ *Uposatha* và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng Tỳ-khưu."

Sau đó, khi đã đi khất thực ở trong thành Rājagaha xong, Đại đức Ānanda sau bữa ăn, trên đường đi khất thực trở về, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nơi đây vào buổi sáng, con đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực. Bạch Ngài, Devadatta đã nhìn thấy con đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp con, sau khi đến đã nói với con điều này: "Này Đại đức Ānanda, từ nay trở đi, tôi sẽ hành lễ *Uposatha* và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng Tỳ-khưu." Bạch Ngài, kể từ nay Devadatta sẽ chia rẽ hội chúng.

Sau đó, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Điều tốt là dễ làm bởi người tốt, điều tốt là khó làm bởi kẻ xấu. Điều ác là dễ làm bởi kẻ xấu, điều ác là khó làm bởi các vị Thánh."

Tụng phẩm thứ nhì.

*****

1. Khi ấy, vào ngày lễ *Uposatha*, Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy phân phát thẻ biểu quyết [nói rằng]: "Này các Đại đức, chúng tôi đã đi đến gặp Sa-môn Gotama và đã yêu cầu năm sự việc:

'Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, ...(nt)...

[3] Ngài Buddhaghosa giải thích là *āyukappaṃ*, nghĩa là khoảng thời gian của cuộc sống, của tuổi thọ (*VinA*. VI. 1276).

sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội ...(nt)... Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.' Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi đây thọ trì và thực hành năm sự việc này. Đại đức nào đồng ý năm sự việc này xin hãy nhận lãnh thẻ biểu quyết."

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở thành Vesālī có số lượng năm trăm vị, vừa mới xuất gia và không hiểu biết rõ sự việc. Các vị ấy [nghĩ rằng]: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư" nên đã nhận lấy thẻ biểu quyết.

Khi ấy, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm Tỳ-khưu ra đi về phía đỉnh đồi Gayā.

Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm Tỳ-khưu ra đi về phía đỉnh đồi Gayā.

– Này Sāriputta và Moggallāna, không lẽ các ngươi không có lòng trắc ẩn đối với các Tỳ-khưu mới tu ấy hay sao? Này Sāriputta và Moggallāna, các ngươi hãy đi đến trước khi các Tỳ-khưu ấy tạo nên điều sai trái và hư hỏng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Sāriputta và Moggallāna nghe theo đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi đã ra đi về phía đỉnh đồi Gayā.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đứng không xa đức Thế Tôn đang khóc lóc. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, vì sao ngươi khóc?

– Bạch Ngài, ngay cả hai vị Thinh văn hàng đầu của đức Thế Tôn là Sāriputta và Moggallāna cũng thích thú với giáo lý của Devadatta và đi đến với Devadatta rồi.

– Này Tỳ-khưu, việc Sāriputta và Moggallāna có thể thích thú với giáo lý của Devadatta là việc không hợp lý và không có cơ sở; tuy nhiên, họ đã đi để cảnh tỉnh các Tỳ-khưu.

2. Vào lúc bấy giờ, Devadatta được hội chúng đông đảo vây quanh đang thuyết giảng giáo pháp. Devadatta đã nhìn thấy Sāriputta và Moggallāna đang từ đàng xa đi lại, sau khi nhìn thấy đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy nhìn xem giáo lý của ta được khéo thuyết như thế nào; ngay cả các Thinh văn hàng đầu của Sa-môn Gotama là Sāriputta và Moggallāna cũng thích thú với giáo lý của ta và đi đến với ta nữa.

Khi được nói như thế, Kokālika đã nói với Devadatta điều này:

– Này Đại đức Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có ước muốn xấu xa, bị chi phối bởi những ước muốn xấu xa.

– Này Đại đức, thôi đi. Hãy chào mừng bọn họ bởi vì họ thích thú với giáo lý của ta.

Sau đó, Devadatta đã mời Đại đức Sāriputta với một nửa chỗ ngồi [của mình]:

– Này Đại đức Sāriputta, hãy đến. Hãy ngồi xuống ở đây.

– Này Đại đức, thôi đi.

Rồi Đại đức Sāriputta đã chọn chỗ ngồi khác và đã ngồi xuống ở một góc. Còn Đại đức Mahāmoggallāna cũng đã chọn chỗ ngồi khác và đã ngồi xuống ở một góc.

Khi ấy, Devadatta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các Tỳ-khưu bằng bài pháp thoại gần như trọn đêm, rồi đã yêu cầu Đại đức Sāriputta rằng:

– Này Đại đức Sāriputta, hội chúng Tỳ-khưu đã qua cơn dã dượi và buồn ngủ. Này Đại đức Sāriputta, mong rằng có bài pháp thoại dành cho các Tỳ-khưu khởi đến cho ngươi. Lưng tôi bị mỏi nên tôi sẽ nằm duỗi lưng ra.

– Này Đại đức, được rồi.

Đại đức Sāriputta đã trả lời Devadatta. Sau đó, Devadatta đã xếp y hai lớp lại làm tư rồi thực hiện thế nằm ở phía bên hông phải. Trong khi vị ấy mệt mỏi, thất niệm, không tỉnh giác nên chỉ chốc lát đã chìm vào giấc ngủ.

Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã giáo huấn và giảng dạy cho các Tỳ-khưu với bài pháp thoại giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông, về giáo hóa. Đại đức Mahāmoggallāna đã giáo huấn và giảng dạy cho các Tỳ-khưu bằng bài pháp thoại giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông. Sau đó, trong khi đang được giáo huấn và giảng dạy bởi Đại đức Sāriputta với sự giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông, về giáo hóa và bởi Đại đức Mahāmoggallāna với sự giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông thì pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi cho các Tỳ-khưu ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, chúng ta hãy đi đến với đức Thế Tôn. Vị nào thích thú với giáo pháp của đức Thế Tôn ấy, vị ấy hãy đi đến.

Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đưa năm trăm vị Tỳ-khưu ấy đi đến Veḷuvana. Khi ấy, Kokālika đã đánh thức Devadatta: "Này Đại đức Devadatta, hãy dậy đi. Các Tỳ-khưu ấy đã bị Sāriputta và Moggallāna dẫn đi rồi. Này Đại đức Devadatta, không phải tôi đã nói với Đại đức rằng: 'Này Đại đức

Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có ước muốn xấu xa, bị chi phối bởi những ước muốn xấu xa.'" Khi ấy, ngay tại chỗ ấy, máu nóng đã ứa ra từ miệng của Devadatta.

3. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, lành thay! Nếu các Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ [hội chúng] có thể tu lên bậc trên lại.

– Này Sāriputta, thôi đi. Ngươi chớ có thích thú với việc tu lên bậc trên lại của các Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ. Này Sāriputta, chính vì điều ấy ngươi hãy cho các Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ trình báo tội *Thullaccaya*. Này Sāriputta, Devadatta đã cư xử với ngươi như thế nào?

– Bạch Ngài, cũng tương tợ như đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các Tỳ-khưu bằng bài pháp thoại gần như trọn đêm rồi đã yêu cầu con rằng: "Này Sāriputta, hội chúng Tỳ-khưu đã qua cơn dã dượi và buồn ngủ. Này Sāriputta, mong rằng có bài pháp thoại dành cho các Tỳ-khưu khởi đến cho ngươi. Lưng ta bị mỏi nên ta sẽ nằm duỗi lưng ra." Bạch Ngài, Devadatta đã thực hành đúng y như vậy.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vào thời trước đây, có cái hồ lớn trong khu vực toàn là rừng. Các con long tượng sống nương tựa vào cái hồ đó. Chúng lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhổ lên cọng và ngó sen, rửa kỹ lưỡng cho sạch sẽ, rồi đã nhai [cọng và ngó sen] không còn bùn và nuốt xuống. Điều ấy đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Không vì lý do đó mà chúng phải chết đi hoặc khổ như là chết. Này các Tỳ-khưu, nhưng trong số các con long tượng khổng lồ ấy có những con còn nhỏ, trẻ, non nớt, đang học hỏi. Những con này đã lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhổ lên cọng và ngó sen, đã không rửa kỹ lưỡng cho sạch sẽ, rồi đã nhai [cọng và ngó sen] còn dính bùn và nuốt xuống. Điều ấy đã không đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Vì lý do đó, chúng phải chết đi hoặc khổ như là chết. Này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, Devadatta là kẻ tội nghiệp trong khi bắt chước Ta sẽ phải tiêu hoại.

Con long tượng khổng lồ làm lay chuyển trái đất trong khi đang ăn cọng sen và quan sát các dòng sông, kẻ tội nghiệp trong khi bắt chước ta, ví như con voi con sau khi ăn đất bùn, sẽ phải chết.

4. – Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có tám yếu tố xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám yếu tố ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu là người lắng nghe, là người làm cho [kẻ khác] lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho [kẻ khác] có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người

gây nên các sự tranh cãi. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này xứng đáng để đi làm sứ giả.

Này các Tỳ-khưu, Sāriputta có tám yếu tố xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám yếu tố ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây, Sāriputta là người lắng nghe, là người làm cho [kẻ khác] lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho [kẻ khác] có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người gây nên các sự tranh cãi. Này các Tỳ-khưu, Sāriputta có tám yếu tố này xứng đáng để đi làm sứ giả.

Nếu vị nào không run sợ sau khi đi đến nơi hội chúng có sự tranh cãi ồn ào, là vị không bỏ dở lời nói và không che giấu lời giảng dạy, vị nói có sự mạch lạc, bị chất vấn không nổi sân; vị Tỳ-khưu như thế xứng đáng đi làm vị sứ giả.

Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Tám điều ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi lợi lộc, là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này các Tỳ-khưu, ... bởi không lợi lộc ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, ... bởi danh vọng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, ... bởi không danh vọng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, ... bởi sự trọng vọng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, ... bởi sự không trọng vọng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, ... bởi ước muốn xấu xa ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi bạn bè xấu xa, là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp này là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này các Tỳ-khưu, tốt đẹp thay, vị Tỳ-khưu có thể sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)... không lợi lộc đã được sanh khởi ...(nt)... danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... không danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(nt)... có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi.

Và này các Tỳ-khưu, tùy thuận lợi ích và ý định gì mà vị Tỳ-khưu có thể sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)... không lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)... danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... không danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(nt)... có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi? Này các Tỳ-khưu, bởi vì đối với vị ấy, trong khi sống hoàn toàn không chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt có thể sanh khởi [đến vị ấy]; trong khi sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, như thế các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt ấy không hình thành được.

Này các Tỳ-khưu, bởi vì đối với vị ấy, trong khi sống hoàn toàn không chế ngự, không lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)... danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... không danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(nt)... bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt có thể sanh khởi [đến vị ấy]; trong khi sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi, như thế các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt ấy không thể hình thành được.

Này các Tỳ-khưu, tùy thuận lợi ích và ý định này mà vị Tỳ-khưu có thể sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)... không lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)... danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... không danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(nt)... vị ấy có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi.

Này các Tỳ-khưu, do đó, ở đây chúng ta sẽ sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)... không lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)... danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... không danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, chúng ta sẽ sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập y như thế ấy.

5. – Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi ba điều không đúng Chánh pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Ba điều ấy là gì? Ước muốn xấu xa, bạn hữu xấu xa, đã đạt đến sự dừng lại ở khoảng giữa với sự đắc chứng đặc biệt có tính chất thấp thỏi (là các tầng thiền và các pháp thần thông). Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi ba điều không đúng Chánh pháp này là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

(i) "Hiển nhiên, các ngươi chớ để bất cứ ước muốn xấu xa nào ở thế gian sanh khởi. Cũng bởi điều này đây, các ngươi hãy biết là có cảnh giới tương ứng đối với các ước muốn xấu xa.

(ii) Devadatta, được biết là 'người sáng trí', được công nhận 'bản thân đã chứng thiền', đã trụ vững như là đang chói sáng với danh vọng, là điều tôi đã được nghe.

(iii) Kẻ ấy, thực hành theo sự xao lãng, sau khi công kích đấng Như Lai ấy, đã đi đến địa ngục Avīci có bốn cửa, chốn gây nên nỗi kinh hoàng.

(iv) Bởi vì kẻ gây hại đến bậc không [có tâm địa] xấu xa, không làm việc ác, [quả] ác xấu xảy đến cho chính kẻ có tâm địa xấu xa, không nhân hậu ấy.

(v) Kẻ nào suy nghĩ để làm ô nhiễm đại dương bằng lọ thuốc độc, với vật ấy, kẻ ấy không thể làm ô nhiễm bởi vì đại dương là bao la, to lớn.

(vi) Tương tợ y như thế, kẻ nào dùng lời nói [bôi nhọ] hãm hại đấng Thiện Thệ, là bậc đã đạt đến sự hoàn hảo, có tâm thanh tịnh; lời nói [bôi nhọ] không có tác động ở nơi vị ấy.

(vii) Bậc sáng trí nên kết bạn hữu với hạng người như thế ấy, và nên phục vụ người ấy. Vị Tỳ-khưu theo đường lối của người ấy sẽ đạt được sự chấm dứt khổ đau."

6. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có điều nói rằng: "Sự bất đồng trong hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng." Bạch Ngài, cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng? Cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng?

– Này Upāli, một bên có một người, một bên có hai người, người thứ tư phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có hai người, một bên có hai người, người thứ năm phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có hai người, một bên có ba người, người thứ sáu phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có ba người, một bên có ba người, người thứ bảy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có ba người, một bên có bốn người, người thứ tám phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có bốn người, một bên có bốn người, người thứ chín phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, chín hoặc hơn chín là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, Tỳ-khưu-ni không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Cô Ni tu tập sự không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Vị Sa-di không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Vị Sa-di-ni không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Nam cư sĩ không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Nữ cư sĩ không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Này Upāli, vị Tỳ-khưu bình thường là vị có sự đồng cộng trú, đứng chung ranh giới có thể chia rẽ hội chúng.

7. – Bạch Ngài, có điều nói rằng: "Sự chia rẽ hội chúng, sự chia rẽ hội chúng." Bạch Ngài, cho đến như thế nào thì hội chúng bị chia rẽ?

– Ở đây, này Upāli, các Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp"; tuyên bố Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố phi Luật là "Luật"; tuyên bố Luật là "phi Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm tội"; tuyên bố phạm tội là "vô tội"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng"; tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sót"; tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sót";[4] tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa"; tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Do mười tám sự việc này, các vị ấy tách ra và tách rời hẳn, chúng thực hiện lễ *Uposatha* riêng rẽ, chúng thực hiện lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ, chúng thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ. Này Upāli, cho đến như vậy thì hội chúng bị chia rẽ.

8. – Bạch Ngài, có điều nói rằng: "Sự hợp nhất hội chúng, sự hợp nhất hội chúng." Bạch Ngài, cho đến như thế nào thì hội chúng có sự hợp nhất?

– Ở đây, này Upāli, các Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố Pháp là "Pháp"; tuyên bố phi Luật là "phi Luật"; tuyên bố Luật là "Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định

---

[4] Tội không còn dư sót là nhóm tội *Pārājika*. Tội còn dư sót là sáu nhóm tội còn lại (*VinA*. VII. 1319).

bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "vô tội"; tuyên bố phạm tội là "phạm tội"; tuyên bố tội nặng là "tội nặng"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sót"; tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư sót"; tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa"; tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa." Với mười tám sự việc này, các vị ấy không tách ra và không tách rời hẳn, không thực hiện lễ *Uposatha* riêng rẽ, không thực hiện lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ, không thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ. Này Upāli, cho đến như vậy thì hội chúng có sự hợp nhất.

9. – Bạch Ngài, sau khi chia rẽ hội chúng hợp nhất, kẻ ấy gây nên điều gì?

– Này Upāli, sau khi chia rẽ hội chúng hợp nhất, kẻ gây nên tội lỗi chịu đựng trọn kiếp, bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp.

Kẻ chia rẽ hội chúng là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp. Kẻ thích thú với phe nhóm, sống sai Pháp, làm tiêu hoại sự an ổn của thiền, sau khi đã chia rẽ hội chúng có sự hợp nhất, bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp.

– Bạch Ngài, sau khi làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ, vị ấy tạo được điều gì?

– Này Upāli, sau khi làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ, vị ấy tạo được phước báu của Phạm thiên, được vui hưởng ở cõi trời trọn kiếp.

An lạc thay sự hợp nhất của hội chúng và tán đồng với những ai sống hợp nhất. Vị thích thú với sự hợp nhất, sống đúng theo pháp, không làm tiêu hoại sự an ổn của thiền, sau khi đã làm cho hội chúng có sự hợp nhất, được vui hưởng ở cõi trời trọn kiếp.

10. – Bạch Ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng sẽ là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được?

– Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có thể sẽ là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

– Bạch ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng sẽ không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được?

– Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có thể sẽ không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được.

– Bạch ngài, thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được?

– Này Upāli, trường hợp vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận

lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư.

Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

11. Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có hoài nghi về điều ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật"; tuyên bố Luật là "phi Luật"; tuyên bố điều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm tội"; tuyên bố phạm tội là "vô tội"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng"; tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sót"; tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sót"; tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa"; tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." [Vị

ấy] có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố Pháp là "phi Pháp." ...(nt)... tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." [Vị ấy] có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vị ấy] có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, ...(nt)... [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vị ấy] có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vị ấy] có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vị ấy] có hoài nghi về điều ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

12. – Bạch Ngài, thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được?

– Này Upāli, trường hợp vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp." [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi không che giấu quan điểm, sau khi không che giấu điều mong mỏi, sau khi không che giấu điều khao khát, sau khi không che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, ...(nt)... tuyên bố phi Luật là "phi Luật"; ...(nt)... tuyên bố Luật là "Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được giảng, được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như

Lai”; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã được quy định bởi đức Như Lai”; tuyên bố phạm tội là “phạm tội”; tuyên bố vô tội là “vô tội”; tuyên bố tội nặng là “tội nặng”; tuyên bố tội nhẹ là “tội nhẹ”; tuyên bố tội còn dư sót là “tội còn dư sót”; tuyên bố tội không còn dư sót là “tội không còn dư sót”; tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”; tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa.” [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi không che giấu quan điểm, sau khi không che giấu điều mong mỏi, sau khi không che giấu điều khao khát, sau khi không che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.” Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được.

Tụng phẩm thứ ba.
Chương “Chia rẽ hội chúng” là thứ bảy.

*****

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

Ở Anupiyā, những người có danh tiếng, vị mảnh mai không muốn, các việc cày xới, gieo hạt, đưa nước vào, tưới nước, nhổ cỏ, gặt hái, thâu hoạch, chất thành đống, đập giũ, [tách] rơm và trấu ra, sàng sảy, rồi cất vào kho.

Ngay cả trong tương lai, [các công việc] vẫn không được ngưng lại, cả người cha lẫn người ông. Các vị Bhaddiya và Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, tự hào là dòng Sakya. Và chuyện ở Kosambī, vị đã bị mất [thần thông] và thiên tử Kakudha.

Vị đã công bố và đối với người cha, các nam nhân, tảng đá, voi Nāḷāgiri, ba [lần hãm hại], năm [sự việc], việc nghiêm trọng, kẻ đã chia rẽ, với tội *Thullaccaya*, ba nhóm gồm tám điều, rồi lại ba điều [không đúng Chánh pháp], sự bất đồng, sự chia rẽ, có thể sẽ là.

--ooOoo--

VIII. CHƯƠNG PHẬN SỰ

1. PHẬN SỰ CỦA VỊ VÃNG LAI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vãng lai đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, đi vào tu viện vẫn trùm đầu, vẫn đội y ở đầu rồi đi vào tu viện, rửa các bàn chân với nước dùng để uống, không đảnh lễ các Tỳ-khưu thường trú thâm niên hơn, không hỏi về chỗ trú ngụ.

Có vị Tỳ-khưu vãng lai nọ đã mở chốt gài, đẩy cánh cửa, rồi vội vã đi vào trú xá không có người ở. Có con rắn từ đà ngang phía trên đã rơi xuống vị ấy. Vị ấy hoảng sợ đã kêu thét lên. Các Tỳ-khưu đã chạy lại và đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, tại sao Đại đức kêu thét lên vậy?

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu vãng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, ...(nt)... không hỏi về chỗ trú ngụ?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu vãng lai đi vào tu viện vẫn mang dép, ...(nt)... không hỏi về chỗ trú ngụ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu vãng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, ...(nt)... không hỏi về chỗ trú ngụ? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ-khưu vãng lai, các Tỳ-khưu vãng lai nên thực hành như thế. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu vãng lai [nghĩ rằng]: “Bây giờ ta sẽ đi vào tu viện”, nên tháo dép ra, để dưới thấp, giũ sạch, rồi cầm lấy, hạ dù xuống, cởi đầu trần, lấy y ở đầu

để xuống ở vai, rồi đi vào tu viện một cách nghiêm trang không vội vã. Khi đi vào tu viện, nên quan sát xem: "Các Tỳ-khưu thường trú tụ hội ở đâu?" Các Tỳ-khưu thường trú tụ hội ở nơi nào: Trong phòng hội họp, ở mái hiên, hay ở gốc cây, sau khi đi đến nơi ấy, nên để bình bát xuống một bên, nên để y xuống một bên, nên chọn chỗ ngồi thích hợp rồi ngồi xuống. Nên hỏi về nước uống, nên hỏi về nước rửa: "Nước nào là nước uống? Nước nào là nước rửa?" Nếu có sự cần dùng với nước uống, sau khi lấy nước uống rồi nên uống. Nếu có sự cần dùng với nước rửa, sau khi lấy nước rửa rồi nên rửa hai bàn chân. Trong khi rửa hai bàn chân, nên xối nước bằng một tay, nên rửa bàn chân bằng một tay. Không nên xối nước chỉ bằng tay ấy, không nên rửa bàn chân chỉ bằng tay ấy.

Nên hỏi miếng giẻ lau dép rồi lau đôi dép. Trong khi lau đôi dép, trước tiên nên lau với miếng giẻ khô, sau đó với miếng giẻ ướt. Sau khi giặt miếng giẻ lau dép rồi nên phơi ở một góc. Nếu vị Tỳ-khưu thường trú thâm niên hơn thì nên đảnh lễ. Nếu là vị mới tu thì nên để vị ấy đảnh lễ.

Nên hỏi về chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ nào dành cho tôi?" Nên hỏi [chỗ trú ngụ ấy] có người ở hay không có. Nên hỏi về khu vực đi khất thực, nên hỏi về khu vực không thể đi khất thực. Nên hỏi về các gia đình được xác định là Thánh Hữu học. Nên hỏi về chỗ tiêu, nên hỏi về chỗ tiểu, nên hỏi về [chỗ lấy] nước uống, nên hỏi về [chỗ lấy] nước rửa, nên hỏi về gậy để chống, nên hỏi về quy định của hội chúng: "Giờ nào có thể đi vào? Giờ nào có thể đi ra?"

2. Nếu trú xá không có người, nên gõ vào cánh cửa lớn, chờ trong chốc lát, rồi tháo chốt gài, mở cánh cửa lớn ra, nên đứng bên ngoài nhìn vào bên trong. Nếu trú xá có rác bẩn hoặc là giường được chồng lên giường, hoặc là ghế được chồng lên ghế và vật nằm, ngồi được chất thành đống ở bên trên, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên gỡ thảm trải nền đem ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

Nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm ướt khăn chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm ướt khăn chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc.

Sau khi phơi nắng tấm trải nền ở một góc, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm, gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

3. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế, rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh.

Nếu nước uống không có, nên đem lại nước uống. Nếu nước rửa không có, nên đem lại nước rửa. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ-khưu vãng lai, các Tỳ-khưu vãng lai nên thực hành như thế.

*****

2. PHẬN SỰ CỦA VỊ THƯỜNG TRÚ

4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu thường trú khi thấy các Tỳ-khưu vãng lai không chịu sắp xếp chỗ ngồi, không đem đến nước rửa chân, không [đem đến] ghế kê chân, không [đem đến] tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, họ không rước y bát, không hỏi về nước uống, không hỏi về nước rửa, cũng không đảnh lễ các Tỳ-khưu vãng lai thâm niên hơn, không sắp xếp chỗ trú ngụ. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu thường trú khi thấy các Tỳ-khưu vãng lai lại không chịu sắp xếp chỗ ngồi, ...(nt)... không sắp xếp chỗ trú ngụ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ-khưu thường trú, các Tỳ-khưu thường trú nên thực hành như thế.

5. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thường trú khi thấy vị Tỳ-khưu vãng lai thâm niên hơn nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem đến nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y bát, nên hỏi [dâng] nước uống. Nếu có nỗ lực, [vị thường trú] nên lau đôi dép [của vị kia]. Trong khi lau đôi dép, trước tiên nên lau bằng miếng giẻ khô, sau đó bằng miếng giẻ ướt. Sau khi giặt miếng giẻ lau dép rồi nên phơi ở một góc. Nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu vãng lai thâm niên hơn. Nên sắp xếp chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ này dành cho Đại đức." Nên nói rõ [chỗ trú ngụ ấy] có người ở hay không có. Nên nói rõ về khu vực đi khất thực, nên nói rõ về khu vực không nên đi khất thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác định là Thánh Hữu học. Nên nói rõ về chỗ tiêu, nên nói rõ về chỗ tiểu. Nên nói rõ về [chỗ lấy] nước uống, nên nói rõ về [chỗ lấy] nước rửa. Nên nói rõ về gậy để chống. Nên nói rõ về quy định của hội chúng: "Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra."

Nếu [vị vãng lai] là vị mới tu, vị [thường trú] vẫn ngồi, nên nói rõ: "Để bình bát chỗ này, để y chỗ này, ngồi ở chỗ ngồi này." Nên nói rõ chỗ nước uống, nên nói rõ chỗ nước rửa. Nên nói rõ về giẻ lau đôi dép. Nên để cho vị Tỳ-khưu vãng lai mới tu đảnh lễ. Nên nói rõ chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ này dành cho Đại đức." Nên nói rõ [chỗ trú ngụ ấy] có người ở hay không có. Nên nói rõ về khu vực đi khất thực, nên nói rõ về khu vực nào không nên đi khất thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác định là Thánh Hữu học. Nên nói rõ về chỗ tiêu, nên nói rõ về chỗ tiểu. Nên nói rõ về [chỗ lấy] nước uống, nên nói rõ về [chỗ lấy] nước rửa. Nên nói rõ về gậy để chống. Nên nói rõ về quy định của hội chúng: "Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra."

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ-khưu thường trú, các Tỳ-khưu thường trú nên thực hành như thế.

*****

3. PHẬN SỰ CỦA VỊ XUẤT HÀNH

6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu xuất hành không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi. Các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung bị mất mát. Chỗ trú ngụ không được bảo quản. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu xuất hành lại không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi khiến các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung bị mất mát, chỗ trú ngụ không được bảo quản?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ-khưu xuất hành, các Tỳ-khưu xuất hành nên thực hành như thế.

7. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xuất hành trước khi ra đi nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, nên thông báo về chỗ trú ngụ. Nếu không có Tỳ-khưu, nên thông báo cho vị Sa-di. Nếu không có Sa-di, nên thông báo cho người phụ việc chùa. Nếu không có người phụ việc chùa, nên thông báo cho nam cư sĩ. Nếu Tỳ-khưu, hoặc Sa-di, hoặc người phụ việc chùa, hoặc nam cư sĩ đều không có, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đống ở phía bên trên, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ rồi mới nên ra đi.

Nếu trú xá bị dột nước mưa, nên lợp lại nếu có nỗ lực, hoặc nên thực hiện sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để trú xá có thể được lợp?" Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp; nếu không đạt được, tại vị trí nào không bị nước mưa dột thì tại chỗ đó nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đống ở phía bên trên, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ rồi mới nên ra đi.

Nếu toàn bộ trú xá đều bị nước mưa dột, nên mang sàng tọa vào làng nếu có nỗ lực, hoặc nên thực hiện sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để sàng tọa có thể được mang vào làng?" Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp; nếu không đạt được, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá ở ngoài trời, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đống ở phía bên trên. Nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung. Nên lấy cỏ hoặc lá phủ lên rồi mới nên ra đi [nghĩ rằng]: "Có lẽ các thứ này sẽ còn được tồn tại."

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ-khưu xuất hành, các Tỳ-khưu xuất hành nên thực hành như thế.

*****

4. PHẬN SỰ TÙY HỶ

8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực?" Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực.

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Vị nào sẽ nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực.

Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Đại đức Sāriputta là Trưởng lão của hội chúng. Các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực" nên đã để Đại đức Sāriputta ở lại mỗi một mình rồi ra đi. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã làm hoan hỷ những người ấy rồi đã đi về chỉ mỗi một mình sau cùng. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Đại đức Sāriputta mỗi một mình đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Sāriputta điều này:

– Này Sāriputta, chắc hẳn bữa thọ thực đã được tốt đẹp?

– Bạch Ngài, bữa thọ thực đã được tốt đẹp. Tuy nhiên, các Tỳ-khưu đã để con ở lại mỗi một mình và ra đi.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bốn hay năm vị Tỳ-khưu trưởng lão hoặc kế tiếp vị Trưởng lão chờ đợi ở chỗ thọ thực.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu trưởng lão nọ bị mắc tiêu đã chờ đợi ở chỗ thọ thực. Trong lúc không thể kiềm chế việc đại tiện, vị ấy bị ngất xỉu ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ra đi khi có việc cần làm sau khi đã thông báo cho vị Tỳ-khưu kế bên.

*****

5. PHẬN SỰ Ở CHỖ THỌ THỰC

9. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các Tỳ-khưu trưởng lão, chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong xóm nhà. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách lại đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các Tỳ-khưu trưởng lão, chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong xóm nhà?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, ...(nt)... lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong xóm nhà, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự ở chỗ thọ thực cho các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở chỗ thọ thực nên thực hành như thế.

10. Nếu thời giờ được thông báo ở trong tu viện, vị [Tỳ-khưu] nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn,[1] nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, nên thắt lại dây buộc, nên rửa bình bát rồi cầm

[1] Là vòng bụng ở lỗ rún và hai đầu gối. Xem điều học *Sekhiya* thứ nhất (*TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 585; *TTPV*, tập 3, tr. 488-89).

lấy, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Không nên tách ra rồi đi lên phía trước các Tỳ-khưu trưởng lão. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)... với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt)... với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt)... với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt)... với tiếng cười vang. Nên ...(nt)... với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt)... với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt)... với tay chống nạnh. Không nên ...(nt)... với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Nên ngồi ở trong nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)... với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt)... với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt)... với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt)... với tiếng cười vang. Nên ...(nt)... với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt)... với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt)... với tay chống nạnh. Không nên ...(nt)... với [đầu] được trùm lại. Không nên ...(nt)... với sự ôm đầu gối. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Không nên trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong nhà.

11. Trong khi được dâng nước, nên cầm bình bát bằng hai tay và thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận, không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa [nghĩ rằng]: "Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, chớ làm các Tỳ-khưu xung quanh bị nước văng nhầm, chớ làm y hai lớp bị dính nước."

Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống rồi tưới lên trên mặt đất [nghĩ rằng]: "Chớ làm các Tỳ-khưu xung quanh bị nước văng nhầm, chớ làm y hai lớp bị dính nước."

Trong khi được dâng cơm, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh cơm. Nên chừa chỗ cho súp. Nếu có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc thức ăn ngon, vị Trưởng lão nên nói rằng: "Nên chia đều ra cho tất cả."

Nên thọ lãnh vật thực một cách nghiêm trang. Nên thọ lãnh vật thực với sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ lãnh vật thực với lượng súp tương xứng. Nên thọ lãnh vật thực vừa ngang miệng [bình bát]. Vị Trưởng lão không nên thọ thực khi tất cả chưa được đầy đủ cơm.

Nên thọ dụng vật thực một cách nghiêm trang. Nên thọ dụng vật thực với sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ dụng vật thực theo tuần tự. Nên thọ dụng vật thực với lượng súp tương xứng. Không nên vun lên thành đống rồi thọ dụng vật thực. Không nên dùng cơm che lấp súp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. Vị không bị bệnh, không nên yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực.

12. Không nên nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. Không nên làm vắt cơm quá lớn. Nên làm vắt cơm tròn đều. Không nên há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến. Không nên đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực. Không nên nói chuyện với miệng có vắt cơm. Không nên thọ thực theo lối đưa thức ăn vào miệng một cách liên tục. Không nên thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một. Không nên thọ thực theo lối làm phồng má. Không nên thọ thực có sự vung rảy bàn tay. Không nên thọ thực có sự làm rơi đổ cơm. Không nên thọ thực có sự le lưỡi. Không nên thọ thực có làm tiếng chép chép. Không nên thọ thực có làm tiếng rột rột. Không nên thọ thực có sự liếm tay. Không nên thọ thực có sự nạo vét bình bát. Không nên thọ thực có sự liếm môi. Không nên thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn.

Vị Trưởng lão không nên thọ lãnh nước khi tất cả còn chưa thọ thực xong. Trong khi được dâng nước, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận, không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa [nghĩ rằng]: "Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, chớ làm các Tỳ-khưu xung quanh bị nước văng nhằm, chớ làm y hai lớp bị dính nước." Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống rồi tưới lên trên mặt đất [nghĩ rằng]: "Chớ làm các Tỳ-khưu xung quanh bị nước văng nhằm, chớ làm y hai lớp bị dính nước." Không nên đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà.

Trong khi đi trở về, các Tỳ-khưu mới tu nên đi về trước tiên, sau đó là các vị Trưởng lão. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)... với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt)... với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt)... với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt)... với tiếng cười vang. Nên ...(nt)... với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt)... với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt)... với tay chống nạnh. Không nên ...(nt)... với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự ở chỗ thọ thực của các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở chỗ thọ thực nên thực hành như thế.

Tụng phẩm thứ nhất.

*****

6. PHẬN SỰ CỦA VỊ ĐI KHẤT THỰC

1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi khất thực mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách rồi đi khất thực. Các vị đi vào tư gia không suy xét trước, đi ra không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu và quay đi quá lẹ.

Còn có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào tư gia không suy xét trước. Và vị ấy trong khi nghĩ là cửa lớn rồi đã bước [lầm] vào hậu phòng nọ. Và ở trong hậu phòng ấy, có người đàn bà khỏa thân đang nằm ngửa ra. Vị Tỳ-khưu ấy đã nhìn thấy người đàn bà ấy khỏa thân đang nằm ngửa ra, sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Đây không phải là cửa lớn, đây là hậu phòng" rồi đã từ hậu phòng ấy đi ra. Chồng của người đàn bà ấy đã nhìn thấy người đàn bà ấy khỏa thân đang nằm ngửa ra, sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Vợ của ta đã bị gã Tỳ-khưu này làm nhơ" nên đã giữ vị Tỳ-khưu ấy lại và đánh đòn.

Khi ấy, người đàn bà ấy đã thức dậy vì tiếng động ấy và đã nói với người chồng điều này:

– Phu quân, vì sao ông lại đánh đòn vị Tỳ-khưu này vậy?

– Gã Tỳ-khưu này đã làm nhơ bà.

– Phu quân, thiếp không có bị vị Tỳ-khưu này làm nhơ. Vị Tỳ-khưu ấy không có làm.

Và đã bảo thả vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu đi khất thực lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách rồi đi khất thực, đi vào tư gia không suy xét trước, đi ra không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu và quay đi quá lẹ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ-khưu đi khất thực, các Tỳ-khưu đi khất thực nên thực hành như thế.

2. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu đi khất thực [nghĩ rằng]: "Bây giờ ta sẽ đi vào làng" thì nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, nên thắt lại dây buộc, nên rửa bình bát rồi cầm lấy, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)... với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt)... với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt)... với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt)... với tiếng cười vang. Nên ...(nt)... với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt)... với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt)... với tay chống nạnh. Không nên ...(nt)... với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Trong khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: "Ta sẽ đi vào lối này, ta sẽ đi ra bằng lối này." Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên quay đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: "[Gia chủ] có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?" Nếu [gia chủ] ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: "Dường như có ý định bố thí." Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Và không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực.[2]

Nên suy xét rằng: "[Gia chủ] có ý muốn bố thí súp hay không có ý muốn bố thí?" Nếu [gia chủ] đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: "Dường như có ý định bố thí." Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi quay đi một cách nghiêm trang không hấp tấp.

3. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)... với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt)... với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt)... với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt)... với tiếng cười vang. Nên ...(nt)... với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt)... với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt)... với tay chống nạnh. Không nên ...(nt)... với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy nên sắp xếp chỗ ngồi; nên chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại. Nên đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh, hoặc đổ xuống nước không có sinh vật.

Vị ấy nên xếp chỗ ngồi lại. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi. Nên dọn dẹp nước uống, nước rửa. Nên quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy nên đổ nước vào. Nếu vị ấy không làm nổi thì nên mời vị thứ hai lại với dấu hiệu bằng tay và nhờ phụ giúp với hành động bằng tay, và không vì lý do đó mà nói ra bằng lời.

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ-khưu đi khất thực, các Tỳ-khưu đi khất thực nên thực hành như thế.

*****

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Dầu là người nữ hay người nam, không nên nhìn vào mặt ở thời điểm của sự bố thí vật thực" (*VinA*. VI. 1285).

7. PHẬN SỰ CỦA VỊ NGỤ Ở RỪNG

4. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu cư ngụ ở trong rừng. Các vị ấy không dự trữ nước uống, không dự trữ nước rửa, không dự trữ lửa, không dự trữ vật tạo lửa, không biết về các vị trí của những ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực. Bọn trộm cướp sau khi đi đến nơi ấy đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Thưa ngài, có nước uống không?

– Anh bạn à, không có.

– Thưa ngài, có nước rửa không?

– Anh bạn à, không có.

– Thưa ngài, có lửa không?

– Anh bạn à, không có.

– Thưa ngài, có vật tạo lửa không?

– Anh bạn à, không có.

– Thưa ngài, có biết các vị trí của những ngôi sao không?

– Anh bạn à, chúng tôi không biết.

– Thưa ngài, có biết phương hướng và khu vực không?

– Anh bạn à, chúng tôi không biết.

– Thưa ngài, hôm nay liên quan đến điều gì?

– Anh bạn à, chúng tôi không biết.

– Thưa ngài, hướng này là hướng gì?

– Anh bạn à, chúng tôi không biết.

Khi ấy, bọn trộm cướp ấy [nghĩ rằng]: "Những người này không có nước uống, không có nước rửa, không có lửa, không có vật tạo lửa, không biết các vị trí của những ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực; những người này là trộm cướp, những người này không phải là các Tỳ-khưu" nên đã đánh đập rồi bỏ đi. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ-khưu ở rừng, các Tỳ-khưu ở rừng nên thực hành như thế.

5. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ngụ ở rừng, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, khoác y lên người, mang dép vào, thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung lại, đóng cửa lớn và cửa sổ, rồi rời chỗ trú ngụ [nghĩ rằng]: "Bây giờ, ta sẽ đi vào làng." Nên tháo dép ra, để ở chỗ thấp, giũ sạch, rồi bỏ vào túi xách, đeo lên vai, nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai

lớp thành nếp rồi trùm lên, nên thắt lại dây buộc, nên rửa bình bát rồi cầm lấy, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)... với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt)... với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt)... với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt)... với tiếng cười vang. Nên ...(nt)... với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt)... với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt)... với tay chống nạnh. Không nên ...(nt)... với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Trong khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: "Ta sẽ đi vào lối này, ta sẽ đi ra bằng lối này." Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên quay đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: "[Gia chủ] có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?" Nếu [gia chủ] ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: "Dường như có ý định bố thí." Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Và không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực. Nên suy xét rằng: "[Gia chủ] có ý muốn bố thí súp hay không có ý muốn bố thí?" Nếu [gia chủ] đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: "Dường như có ý định bố thí." Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi quay đi một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. ...(nt)... Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Sau khi đi ra khỏi làng, nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, cuốn tròn y lại, đội lên đầu, mang dép vào, rồi đi về.

6. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ngụ ở rừng nên dự trữ nước uống. Nên dự trữ nước rửa. Nên dự trữ lửa. Nên dự trữ vật tạo lửa. Nên dự trữ cây gậy để chống. Nên học về các vị trí của những ngôi sao, toàn bộ hoặc một phần. Nên rành rẽ về các phương hướng. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ-khưu ở rừng, các Tỳ-khưu ở rừng nên thực hành như thế.

*****

8. PHẬN SỰ Ở NƠI CƯ NGỤ

7. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đang may y ở ngoài trời. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Các vị Tỳ-khưu đã bị lấm bụi. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì

sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên khiến các Tỳ-khưu bị lấm bụi?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên khiến các Tỳ-khưu bị lấm bụi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy Ta sẽ quy định phận sự ở nơi cư ngụ cho các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở nơi cư ngụ nên thực hành như thế.

8. Vị [Tỳ-khưu] cư ngụ trong trú xá nào, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc.

Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che. Nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Nên gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần các Tỳ-khưu. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần các trú xá. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần nước uống. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần nước rửa. Không nên đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Nên đập giũ sàng tọa ở phía dưới gió.

9. Sau khi phơi nắng tấm trải nền ở một góc, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một

cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế, rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống.

10. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem lại nước uống. Nếu nước rửa không có, nên đem lại nước rửa. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu cư ngụ trong trú xá với vị thâm niên, khi chưa xin phép vị thâm niên không nên đọc tụng, không nên đưa ra các câu hỏi, không nên học bài, không nên giảng pháp, không nên thắp đèn, không nên thổi tắt đèn, không nên mở cửa sổ, không nên đóng cửa sổ. Nếu đi kinh hành cùng với vị thâm niên trên cùng một đường kinh hành, khi đối đầu với vị thâm niên thì nên xoay lại và không nên va chạm vị thâm niên dù là bằng chéo y hai lớp.

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự ở nơi cư ngụ của các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở nơi cư ngụ nên thực hành như thế.

*****

9. PHẬN SỰ Ở NHÀ TẮM HƠI

11. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hơi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào và ngồi xuống ở cửa ra vào. Các Tỳ-khưu bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất xỉu ngã xuống. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hơi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào và ngồi xuống ở cửa ra vào, khiến các Tỳ-khưu bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất xỉu ngã xuống?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hơi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào và ngồi xuống ở cửa ra vào, khiến các Tỳ-khưu bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất xỉu ngã xuống, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ở trong nhà tắm hơi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, do không kính trọng, không nên đem lại nhiều củi và đốt lửa; vị nào đốt thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, không nên đóng cửa ra vào rồi ngồi xuống ở cửa ra vào; vị nào ngồi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

12. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự ở nhà tắm hơi cho các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở nhà tắm hơi nên thực hành như thế.

Vị nào đi vào nhà tắm hơi trước tiên, nếu tro tích lũy nhiều, [vị ấy] nên đem tro đi đổ. Nếu nhà tắm hơi có rác bẩn, nên quét nhà tắm hơi. Nếu bục nền xung quanh có rác bẩn, nên quét bục nền xung quanh. Nếu căn phòng có rác bẩn, nên quét căn phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu gian phòng lớn của nhà tắm hơi có rác bẩn, nên quét gian phòng lớn của nhà tắm hơi. Nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét, nên đổ nước vào máng nước. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nếu có nỗ lực nên kỳ cọ cho các Tỳ-khưu trưởng lão. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi ra khỏi nhà tắm hơi. Ở trong nước, nếu có nỗ lực nên kỳ cọ cho các Tỳ-khưu trưởng lão. Không nên tắm ở phía trước, không nên tắm ở phía

trên các Tỳ-khưu trưởng lão. Vị đã tắm xong, trong khi đi ra [khỏi nước] nên nhường đường cho vị đi xuống. Vị nào rời nhà tắm hơi cuối cùng, nếu nhà tắm hơi bị lầy lội, nên rửa sạch, nên rửa sạch máng đất sét, nên dọn dẹp ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên dập tắt lửa, nên đóng cửa, rồi đi ra.

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự ở nhà tắm hơi của các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở nhà tắm hơi nên thực hành như thế.

*****

10. PHẬN SỰ Ở NHÀ VỆ SINH

13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ dòng dõi Bà-la-môn, đại tiện xong không muốn rửa sạch [nghĩ rằng]: "Ai lại đụng đến đồ hôi hám hạ tiện này?" Có con giun đũa đã dính ở hậu môn của vị ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

– Này Đại đức, có phải Đại đức đại tiện xong mà không rửa sạch?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu đại tiện xong lại không rửa sạch?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đại tiện xong lại không rửa sạch, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, sau khi đại tiện xong, nếu có nước không nên không rửa sạch; vị nào không rửa sạch thì phạm tội *Dukkaṭa*.

14. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi đại tiện ở nhà vệ sinh theo thứ tự thâm niên. Các Tỳ-khưu mới tu đi đến trước tiên bị mắc tiêu vẫn chờ đợi. Trong lúc kiềm chế việc đại tiện, các vị ấy bị ngất xỉu ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, việc đại tiện ở nhà vệ sinh không nên thực hành theo thứ tự thâm niên; vị nào thực hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc đại tiện theo thứ tự đi đến.

15. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã, vén y lên rồi đi vào, đại tiện rặn thành tiếng, đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng, đại tiện ra ngoài máng đựng phân, tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu, khạc nhổ vào máng nước tiểu, chùi bằng khúc cây chùi bị sần sùi, làm rơi khúc cây chùi vào hố phân, đi ra vô cùng vội vã, vén y lên rồi đi ra, rửa ráy có làm tiếng chắt lưỡi, chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã, ...(nt)... chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự ở nhà vệ sinh cho các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở nhà vệ sinh nên thực hành như thế.

Vị đi đến nhà vệ sinh, đứng ở bên ngoài, nên tằng hắng. Vị ngồi bên trong cũng nên tằng hắng. Nên máng y lên sào treo y hoặc dây phơi y rồi nên đi vào nhà vệ sinh một cách cẩn thận, không hấp tấp. Không nên đi vào quá vội vã. Không nên vén y [nội] lên rồi đi vào. Khi đã đứng trên bệ nhà vệ sinh mới nên kéo y [nội] lên. Không nên đại tiện rặn thành tiếng. Không nên đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng. Không nên đại tiện ra ngoài máng đựng phân. Không nên tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu. Không nên khạc nhổ vào máng nước tiểu. Không nên chùi với khúc cây chùi bị sần sùi. Không nên làm rơi khúc cây chùi vào hố phân. Khi còn đứng trên bệ nhà vệ sinh, nên che lại kín đáo. Không nên đi ra vô cùng vội vã. Không nên vén y [nội] lên rồi đi ra. Khi đã đứng ở sàn rửa mới nên vén y lên. Không nên rửa ráy có làm tiếng chắt lưỡi. Không nên chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Khi còn đứng ở sàn rửa, nên che lại kín đáo. Nếu nhà vệ sinh bị dơ, nên rửa sạch. Nếu thùng đựng đồ chùi bị đầy, nên đổ bỏ các khúc cây chùi. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu bục nền xung quanh có rác bẩn, nên quét bục nền xung quanh. Nếu căn phòng có rác bẩn, nên quét căn phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu lu nước rửa không có nước, nên đổ nước vào lu nước rửa.

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự ở nhà vệ sinh của các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở nhà vệ sinh nên thực hành như thế.

*****

11. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI THẦY TẾ ĐỘ

16. Vào lúc bấy giờ, các người đệ tử không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các người đệ tử lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các người đệ tử không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao các người đệ tử lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin, và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự đối với các vị thầy tế độ cho các người đệ tử, đối với các vị thầy tế độ, các người đệ tử nên thực hành như thế.

Này các Tỳ-khưu, người đệ tử nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vị thầy tế độ. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng. Nên dâng nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi thầy tế độ đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi.

Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy tế độ muốn có vị Sa-môn hầu cận, [người đệ tử] nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, gấp y hai lớp thành nếp rồi đắp lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm lấy, rồi làm vị Sa-môn hầu cận cho thầy tế độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi.

Khi thầy tế độ đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy tế độ có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân,

tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

17. Nếu có đồ ăn khất thực và thầy tế độ có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Khi thầy ăn xong, nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót.

Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống.

Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy tế độ có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu thầy tế độ có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy tế độ, nên nhận lấy y và để ở một bên. Nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi.

Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy tế độ. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống.

18. Nếu có ý muốn thỉnh [thầy] đọc tụng, nên thỉnh [thầy] đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo. Ở trú xá nào thầy tế độ cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem vật lót ngồi

và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc.

Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che. Nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Nên gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc.

Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

19. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại.

Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh.

Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

20. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu thầy tế độ bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho thầy tế độ?"

Nếu thầy tế độ xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy tế độ về lại [hình phạt] ban đầu?" Nếu thầy tế độ xứng đáng hình phạt *Mānatta*, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho thầy tế độ?" Nếu thầy tế độ xứng đáng sự giải tội, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy tế độ?" Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với thầy tế độ, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy tế độ có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

21. Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, người đệ tử nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ được giặt?" Nếu y của thầy tế độ cần phải may, người đệ tử nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy tế độ cần phải nấu, người đệ tử nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy tế độ được nấu?" Nếu y của thầy tế độ cần phải nhuộm, người đệ tử nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ

được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên nhuộm bằng cách đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

Không có phép của thầy tế độ không nên cho bình bát đến người khác, không nên thọ lãnh bình bát của người khác, không nên cho y đến người khác, không nên thọ lãnh y của người khác, không nên cho vật dụng đến người khác, không nên thọ lãnh vật dụng của người khác, không nên cạo tóc cho người khác, không nên bảo người khác cạo tóc, không nên kỳ cọ người khác, không nên bảo người khác kỳ cọ, không nên hầu hạ người khác, không nên bảo người khác hầu hạ, không nên làm vị Sa-môn hầu cận cho người khác, không nên nhận người khác làm vị Sa-môn hầu cận, không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác, không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại.

Chưa xin phép thầy tế độ không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy tế độ bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục.

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự đối với các vị thầy tế độ của các người đệ tử, các người đệ tử đối với các vị thầy tế độ nên thực hành như thế.

*****

12. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI ĐỆ TỬ

22. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy tế độ không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người đệ tử. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các vị thầy tế độ lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người đệ tử?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị thầy tế độ không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người đệ tử, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự đối với các người đệ tử cho các vị thầy tế độ, các vị thầy tế độ đối với các người đệ tử nên thực hành như thế.

Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ nên thực hành phận sự đúng đắn đối với người đệ tử. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Này các Tỳ-khưu, thầy tế độ nên quan tâm đến người đệ tử, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự giảng dạy. Nếu thầy tế độ có bình bát và người đệ tử không có bình bát, thầy tế độ nên cho bình

bát đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến đệ tử?" Nếu thầy tế độ có y và người đệ tử không có y, thầy tế độ nên cho y đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến đệ tử?" Nếu thầy tế độ có vật dụng và người đệ tử không có vật dụng, thầy tế độ nên cho vật dụng đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến đệ tử?"

23. Nếu người đệ tử bị bệnh, [vị thầy tế độ] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người đệ tử đã uống cháo xong, nên trao nước [rửa], nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người đệ tử có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vị ấy sắp trở về", nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

Nếu có đồ ăn khất thực và người đệ tử có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Khi người đệ tử ăn xong nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót.

Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

24. Nếu người đệ tử có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu người đệ tử có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm. Nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi nên đem để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm

hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi.

Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho người đệ tử. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người đệ tử. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của người đệ tử. Nên trao y lót trong, nên trao y hai lớp, nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Ở trú xá nào người đệ tử cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì [vị thầy] nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y và bình bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. ...(nt)... Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy.

25. Nếu người đệ tử bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho đệ tử?" Nếu người đệ tử xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa đệ tử về lại [hình phạt] ban đầu?" Nếu người đệ tử xứng đáng hình phạt *Mānatta*, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho đệ tử?" Nếu người đệ tử xứng đáng sự giải tội, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho đệ tử?"

Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với đệ tử, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để đệ tử có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

Nếu y của người đệ tử cần phải giặt, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên giặt như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử được

giặt?" Nếu y của người đệ tử cần phải may, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử được may?" Nếu thuốc nhuộm của người đệ tử cần phải nấu, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của đệ tử được nấu?" Nếu y của người đệ tử cần phải nhuộm, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nhuộm như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người đệ tử bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục.

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự đối với các người đệ tử của các vị thầy tế độ. Các vị thầy tế độ đối với các người đệ tử nên thực hành như thế.

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

*****

13. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI THẦY DẠY HỌC

26. Vào lúc bấy giờ, các người học trò không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các người học trò lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các người học trò không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự đối với các vị thầy dạy học cho các người học trò, các người học trò đối với các vị thầy dạy học nên thực hành như thế.

Này các Tỳ-khưu, người học trò nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vị thầy dạy học. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi.

Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy dạy học có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên

trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy dạy học muốn có vị Sa-môn hầu cận, vị ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm lấy, rồi làm vị Sa-môn hầu cận cho thầy dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi.

27. Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

Nếu có đồ ăn khất thực và thầy dạy học có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Khi thầy ăn xong, nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống.

Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy dạy học có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [thầy dạy học] có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy dạy học, nên nhận lấy y và để ở một bên, nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi.

28. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà

tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Nếu có ý muốn thỉnh [thầy] đọc tụng, nên thỉnh [thầy] đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo.

Ở trú xá nào thầy dạy học cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc.

Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc.

29. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây].

Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và đồ trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

30. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu thầy dạy học bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho thầy dạy học?"

Nếu thầy dạy học xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy dạy học về lại [hình phạt] ban đầu?" Nếu thầy dạy học xứng đáng hình phạt *Mānatta*, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho thầy dạy học?" Nếu thầy dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy dạy học?" Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với thầy dạy học, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được giặt?" Nếu y của thầy dạy học cần phải may, người học trò nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy dạy học cần phải nấu, người học trò nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học được nấu?" Nếu y của thầy dạy học cần phải nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cọ người khác. Không nên bảo người khác kỳ cọ. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm vị Sa-môn hầu cận cho người khác. Không nên nhận người khác làm vị Sa-môn hầu cận. Không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác. Không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại.

Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục.

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự đối với các vị thầy dạy học của các người học trò, các người học trò đối với các vị thầy dạy học nên thực hành như thế.

*****

14. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI HỌC TRÒ

31. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các vị thầy dạy học lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự đối với các người học trò cho các vị thầy dạy học, các vị thầy dạy học đối với các người học trò nên thực hành như thế.

Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học nên thực hành phận sự đúng đắn đối với người học trò. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Này các Tỳ-khưu, thầy dạy học nên quan tâm đến người học trò, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự giảng dạy. Nếu thầy dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?"

Nếu thầy dạy học có y và người học trò không có y, thầy dạy học nên cho y đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến học trò?"

Nếu thầy dạy học có vật dụng và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trò?"

32. Nếu người học trò bị bệnh, [vị thầy dạy học] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng, nên trao nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người học trò có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vị ấy sắp trở về", nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi].

Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

33. Nếu có đồ ăn khất thực và người học trò có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người học trò về nước uống. Khi người học trò ăn xong, nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát,

tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân.

Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [người học trò] có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu người học trò có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y rồi để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi.

Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho người học trò. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người học trò. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại rồi nên lau khô nước ở thân thể của người học trò. Nên trao y lót trong, nên trao y hai lớp, nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người học trò về nước uống. Ở trú xá nào người học trò cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. ...(nt)... Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

34. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy.

Nếu người học trò bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho học trò?" Nếu người học trò xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa học trò về lại [hình phạt] ban đầu?" Nếu người học trò xứng đáng hình phạt *Mānatta*, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho học trò?" Nếu người học trò xứng đáng

sự giải tội, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho học trò?"

Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với học trò, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để học trò có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

Nếu y của người học trò cần phải giặt, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên giặt như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được giặt?" Nếu y của học trò cần phải may, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được may?" Nếu thuốc nhuộm của người học trò cần phải nấu, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò được nấu?"

Nếu y của người học trò cần phải nhuộm, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nhuộm như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục.

Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự đối với các người học trò của các vị thầy dạy học. Các vị thầy dạy học đối với các người học trò nên thực hành như thế.

Chương "Phận sự" là thứ tám.

*****

Trong chương này có năm mươi lăm sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Có mang dép và che dù, trùm đầu, đội y, nước uống, với sự không đảnh lễ, không hỏi [về chỗ ngụ], con rắn, các vị hiền thiện phàn nàn.

2. Vị đã cởi [dép], [hạ] dù, ở vai và không vội vã trong khi đi đến, đã đặt y và bát xuống, [chỗ ngồi] thích hợp, [các việc] đã được hỏi.

3. Nên xối nước, với vị đã rửa, [lau] giày dép với khăn khô, rồi ướt, vị trưởng thượng, vị mới tu, nên hỏi, [phòng] đã có người ở và khu vực đi khất thực.

4. Các vị Thánh Hữu học, nhà tiêu, nước uống, nước rửa, cây gậy chống, điều quy định từ nơi ấy, giờ giấc, [chờ] trong chốc lát, rác bẩn, nên đem ra ngoài thảm trải nền.

5. Khung giường, nệm gối, giường, ghế và ống nhổ, tấm ván kê, tấm màn che, các hốc kẹt, màu đỏ, màu đen, [nền] không được thực hiện.

6. Rác, tấm thảm trải nền, khung giường, giường và ghế, nệm gối, vật lót ngồi, ống nhổ và tấm ván kê đầu.

7. Y và bình bát, mặt đất, mép y phía bên kia, phần gấp lại ở bên này, từ hướng Đông và từ hướng Tây, từ hướng Bắc, rồi từ hướng Nam.

8. Và khi lạnh, khi nóng, ban ngày, ban đêm, căn phòng, cổng ra vào, phòng hội họp, nhà đốt lửa và phận sự ở các nhà vệ sinh.

9. Nước uống, nước rửa và hũ nước cho các việc súc miệng, phận sự đã được bậc Vô Song quy định, các điều này [nên được thực hành] bởi các vị vãng lai.

10. Không chịu [sắp xếp] chỗ ngồi, không nước, không đón tiếp và không nước uống, không đảnh lễ, không sắp xếp [chỗ ngụ] và các vị hiền thiện phàn nàn.

11. Chỗ ngồi cho vị thâm niên, nước rửa, sau khi đi ra đón tiếp và nước uống, [nên lau] đôi dép, [phơi] ở một góc, nên đảnh lễ và nên sắp xếp [chỗ ngụ].

12. Đã có người ở, khu vực đi khất thực và vị Thánh Hữu học, chỗ nước uống và nước rửa, cây gậy chống, điều quy định, giờ giấc, đối với vị mới tu, về vị vẫn ngồi.

13. Nên cho đảnh lễ, nên chỉ rõ, tương tợ như đường lối dưới đây, phận sự đã được vị Hướng Dẫn Đoàn Xe chỉ dạy, các điều này [nên được thực hành] bởi các vị thường trú.

14. Vị xuất hành, đồ gỗ, các đồ đất nung, sau khi mở ra, không được thông báo, các vật bị mất, không được bảo vệ, và các vị hiền thiện phàn nàn.

15. Sau khi thu xếp, sau khi đóng cửa, sau khi thông báo rồi nên ra đi, vị Tỳ-khưu, hoặc Sa-di, hoặc người phụ việc chùa, hoặc cư sĩ.

16. Ở trên các hòn đá và nên thu xếp thành đống, nên đóng cửa, hoặc vị có nỗ lực, hoặc [thực hiện] sự nỗ lực, tương tợ y như thế ở chỗ không dột.

17. Toàn bộ đều bị dột, [nên mang] vào làng, tương tợ y như thế ở ngoài trời [nghĩ rằng]: "Có lẽ các thứ này sẽ còn được tồn tại", phận sự [nên được thực hành] bởi vị Tỳ-khưu xuất hành.

18. Các vị không nói lời tùy hỷ, bởi vị Trưởng lão, sau khi để ở lại, với bốn hay năm vị, bị mắc tiêu, đã bị ngất xỉu, các điều này là các phận sự trong các việc nói lời tùy hỷ.

19. Các vị nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, và lại còn trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách, và sau khi tách ra, chen vào [chỗ] các vị Trưởng lão.

20. Và [đuổi] các vị mới tu, [trải ra] y hai lớp và các vị hiền thiện phàn nàn, sau khi quấn che ba vòng tròn, dây thắt lưng, với nếp gấp, dây buộc.

21. Không tách ra, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, với tiếng cười vang, âm thanh [giọng nói] và còn thêm ba sự đung đưa.

22. Chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, tiếng cười vang, giọng nói nhỏ nhẹ, ba sự đung đưa.

23. Chống nạnh, trùm đầu, ôm đầu gối, việc chen vào, ở chỗ ngồi, sau khi trải ra, nước, sau khi hạ thấp xuống, không nên làm văng nước.

24. Vật chứa nước rửa, ở xung quanh, y hai lớp, và khi [được dâng] cơm, nên thọ lãnh, súp, với thức ăn ngon, cho tất cả, và ngang miệng [bát].

25. Nghiêm trang, có sự chú tâm ở bình bát, và theo tuần tự, với lượng súp, không vun thành đống, che lấp, yêu cầu, với ý định tìm lỗi.

26. [Vắt cơm] lớn, tròn đều, cửa miệng, trọn bàn tay, không nói chuyện, đưa thức ăn liên tục, việc cắn [từng chút], phồng má, vung rảy tay, sự làm rơi đổ cơm.

27. Và luôn cả việc le lưỡi, tiếng chép chép và với tiếng rột rột, liếm tay, vét bình bát, liếm môi, có dính thức ăn, về việc thọ lãnh.

28. Không [thọ nhận] nước rửa cho đến khi tất cả [đã ăn xong], sau khi hạ thấp, không nên làm văng, vật chứa nước rửa, ở xung quanh, y hai lớp, sau khi hạ thấp và ở mặt đất.

29. [Nước] có lẫn cơm, trong khi đi trở về, được che kín đáo, sự nhón gót, đây là phận sự ở nhà ăn đã được quy định bởi bậc Pháp Vương.

30. Mặc y phục luộm thuộm, không đúng quy cách, sau khi không suy xét và vội vã, xa, gần, lâu, mau, tương tợ y như thế là vị đi khất thực.

31. Với sự che kín rồi nên đi, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, với tiếng cười vang, âm thanh [giọng nói] và còn thêm ba sự đung đưa.

32. Chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, sau khi không suy xét và vội vã, xa, gần, lâu, mau, sự đụng đến, cái muỗng.

33. Hoặc cái đĩa, và thỉnh đứng lại, sau khi vén y lên, sau khi mở ra, nên thọ lãnh, không nên nhìn, về các món súp, điều ấy cũng tương tợ y như thế.

34. Vị Tỳ-khưu, nên che đậy bằng y *Saṅghāṭi*, được che kín rồi mới nên đi, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra và tiếng cười vang.

35. Với giọng nói nhỏ nhẹ, ba sự đung đưa, chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, [về] trước tiên, chỗ ngồi, chậu đựng đồ thừa, nước uống, nước rửa, [vị] về sau, [nếu] muốn, có thể ăn, có thể đổ xuống, nên xếp lại cất đi.

36. Có thể dọn dẹp, nên quét, hết nước, trống trơn, nên đem [nước] lại, về dấu hiệu bằng tay, [không] nên nói ra lời và phận sự về việc khất thực.

37. Nước uống, nước rửa, ngọn lửa, vật tạo lửa, sao, phương hướng và bọn trộm cướp, "tất cả đều không có", sau khi đánh đập, vai mang bình bát, y, từ nơi ấy.

38. Giờ đây, sau khi mang ở vai, đều đặn ba vòng tròn, giống như phận sự của vị đi khất thực, phương thức cho các vị sống ở rừng cũng thế.

39. Vai mang bình bát, y [đội] ở đầu, sau khi mang [dép] vào và nước uống, nước rửa, ngọn lửa, vật tạo lửa và luôn cả gậy chống.

40. Ngôi sao, hoặc toàn bộ khu vực, nên rành rẽ về các phương hướng, các điều này là phận sự cho các vị ngụ ở rừng đã được quy định bởi bậc Tối Thượng của chúng sanh.

41. Ở ngoài trời, các vị đã bị lấm bụi, và các vị hiền thiện phàn nàn, nếu trú xá có rác bẩn, trước tiên là y và bình bát.

42. Nệm gối, giường, ghế và ống nhổ, tấm ván kê đầu, lỗ thông gió và các hốc kẹt, màu đỏ, màu đen và [nền] chưa được thực hiện.

43. Rác rến, gần các vị Tỳ-khưu, [gần] sàng tọa, [gần] trú xá và nước uống, gần nước rửa, ngược chiều gió và ở mái hiên.

44. Phía dưới gió, thảm trải nền, khung giường và giường, ghế, nệm, vật lót ngồi, ống nhổ và tấm ván kê đầu.

45. Y và bình bát, mặt đất, mép y phía bên kia, phần gấp lại ở bên này, từ hướng Đông và từ hướng Tây, từ hướng Bắc rồi từ hướng Nam.

46. Và khi lạnh, khi nóng, ban ngày, ban đêm, căn phòng, cổng ra vào, và phòng hội họp, nhà đốt lửa, nhà vệ sinh, nước uống.

47. Hũ nước súc miệng, và vị thâm niên, việc đọc tụng, các câu hỏi, việc học bài, [việc giảng] pháp, nên thổi tắt ngọn đèn, không nên mở ra, cũng không nên đóng lại.

48. Khi đối đầu với vị thâm niên thì nên xoay lại, không nên va chạm dù là bằng chéo y, đấng Đại Hùng đã quy định điều ấy là phận sự ở các nơi cư ngụ.

49. Các vị trong khi bị cản trở, [đóng] cửa ra vào, đã bị ngất xỉu, các vị hiền thiện phàn nàn, nên đổ tro, nhà tắm hơi và bục nền xung quanh tương tợ y như thế.

50. Căn phòng, cổng, gian phòng lớn, bột tắm, đất sét, máng nước, khuôn mặt, ở phía trước, không [chen vào] các vị Trưởng lão, không nên [xua đuổi] các vị mới tu, nếu có nỗ lực.

51. [Tắm] ở phía trước, ở phía trên, đường đi, bị lầy lội, [máng] đất sét, ghế ngồi, sau khi tắt lửa, nên đi ra, các điều này là phận sự ở các nhà tắm hơi.

52. Vị không rửa sạch, theo thâm niên, theo thứ tự và với sự vội vã, đã vén y lên, việc rặn, gỗ [chà răng], việc đại tiện, việc tiểu tiện, việc khạc nhổ.

53. Bị sần sùi, hố phân, với sự vội vã, đã vén y lên, tiếng chép chép, với [nước] chừa lại, vị ở bên ngoài và ở bên trong, nên tằng hắng, dây phơi và sự không hấp tấp.

54. Với sự vội vã, sau khi vén y lên, về việc rặn, gỗ [chà răng], việc đại tiện, việc tiểu tiện, việc khạc nhổ, [khúc cây chùi] bị sần sùi, hố phân, bệ nhà vệ sinh.

55. Với sự không vội vã, đã vén y lên, ở sàn rửa, tiếng chép chép, không nên chừa lại [nước], nên che kín, bị dơ, với thùng đựng.

56. Nhà vệ sinh, bục nền xung quanh và căn phòng, cổng, nước để rửa ráy, các điều này là phận sự ở nhà vệ sinh.

57. Đôi dép, gỗ chà răng, nước súc miệng, chỗ ngồi, cháo, nước, sau khi rửa, nên thu xếp, rác bẩn và vào làng.

58. Y lót trong, dây thắt lưng, có nếp gấp, bình bát còn đẫm nước, vị thị giả và luôn cả ba vòng, [mặc y nội] tròn đều, dây thắt lưng.

59. Có nếp gấp, sau khi rửa, vị [Sa-môn] hầu cận, không quá xa, nên nhận lấy, khi đang nói, tội vi phạm, sau khi đi về trước tiên, chỗ ngồi.

60. Nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sau khi đi ra đón, y lót trong, nên phơi nắng, để luôn, vết gấp, ở phần đã gấp lại, để thọ thực, nên đem lại.

61. Nước uống, nước rửa, chỗ thấp, trong chốc lát và không nên để luôn, y và bình bát, mặt đất, mép y phía bên kia, phần gấp lại ở bên này.

62. Nên thu xếp, nên dọn dẹp, rác bẩn và [có ý muốn] tắm, [nước] lạnh, [nước] nóng, nhà tắm hơi, bột tắm, đất sét, từ phía sau lưng.

63. Và ghế ngồi, y, bột tắm, đất sét, nếu có nỗ lực, khuôn mặt, phía trước, [chen vào] các vị Trưởng lão, [xua đuổi] các vị mới tu và việc kỳ cọ, nên rời khỏi.

64. Ở phía trước, lúc ở trong nước, khi đã tắm, sau khi quấn y lại, [lau khô] thầy tế độ, và y lót trong, y hai lớp, ghế [nhà tắm hơi] và với chỗ ngồi.

65. Nước rửa chân, ghế kê chân, giẻ lau chân, nước uống, việc đọc tụng, việc hỏi đạo, rác bẩn, nên khéo làm sạch sẽ, trước tiên là y và bình bát.

66. Vật lót ngồi, tấm trải nằm, nệm và các gối, giường, ghế, khung giường, ống nhổ và tấm ván kê đầu.

67. [Tấm trải] nền nhà, mạng nhện, lỗ thông gió, màu đỏ, màu đen, không được thực hiện, tấm trải nền, khung giường, giường, ghế, gối.

68. Vật lót ngồi và tấm trải nằm, ống nhổ, tấm ván kê đầu, y và bình bát, từ hướng Đông và luôn cả từ hướng Tây, từ hướng Bắc rồi từ hướng Nam.

69. Và khi lạnh, khi nóng, ban ngày, ban đêm và căn phòng, cổng ra vào, phòng hội họp và nhà đốt lửa, nhà vệ sinh, nước uống, nước rửa.

70. Việc súc miệng, sự bực bội, nỗi nghi hoặc, tà kiến và tội nặng, từ đầu, hình phạt *Mānatta*, việc giải tội, [hành sự] khiển trách, chỉ dạy.

71. [Hành sự] xua đuổi, hòa giải, treo tội, nếu đã được thực hiện, nên giặt, nên thể hiện, và việc nhuộm, nên nhuộm, việc trộn đều.

72. Và bình bát, luôn cả y nữa, vật dụng, việc cạo [tóc], việc kỳ cọ, việc hầu hạ, Sa-môn hầu cận, đồ khất thực, sự đi vào.

73. Không mộ địa và luôn cả hướng [khác], cho đến trọn đời nên phục vụ, việc này [nên được thực hành] bởi người đệ tử, các điều này là phận sự đối với các vị thầy tế độ.

74. Sự giáo huấn, giảng dạy, đọc tụng, vấn hỏi, bình bát và y, vật dụng và vị bị bệnh, không nên là vị Sa-môn hầu cận.

75. Các phận sự nào đối với các vị thầy tế độ thì cũng như vậy đối với các vị thầy dạy học, các phận sự đối với các người đệ tử thì tương tợ y như thế đối với người học trò.

76. Các phận sự dành cho các vị vãng lai, và dành cho các vị thường trú nữa, các vị xuất hành, các vị nói lời tùy hỷ ở nơi thọ thực và về vị đi khất thực.

77. Phận sự dành cho các vị ngụ ở rừng, và luôn cả ở các nơi cư ngụ, ở nhà tắm hơi, các nhà vệ sinh, các vị thầy tế độ, đối với người đệ tử.

78. Phận sự đối với các vị thầy dạy học, tương tợ y như thế đối với người học trò, có mười chín sự việc đã được nói đến ở mười sáu phần.

79. Trong khi không làm tròn phận sự thì không đầy đủ về giới, vị có giới không trong sạch, có tuệ kém, không có được nhất tâm.

80. Với tâm bị xáo trộn, không trụ một điểm, không nhìn thấy pháp một cách đúng đắn, trong khi không nhìn thấy Chánh pháp, không hoàn toàn thoát khỏi khổ đau.

81. Trong khi làm đầy đủ phận sự thì cũng làm đầy đủ về giới, là vị có giới thanh tịnh, có tuệ, đạt được luôn cả nhất tâm.

82. Tâm không bị xáo trộn, trụ một điểm, nhìn thấy rõ pháp một cách đúng đắn, trong khi bản thân nhìn thấy Chánh pháp, vị ấy hoàn toàn thoát khỏi khổ đau.

83. Chính vì điều ấy, người con trai sáng suốt của đấng Chiến Thắng, nên làm đầy đủ phận sự, lời giáo huấn của đức Phật tối thượng, từ đó hãy đi đến Niết-bàn.

--ooOoo--

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỔN (*PĀTIMOKKHA*)

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT
THỈNH CẦU TUYÊN ĐỌC GIỚI BỔN (*PĀTIMOKKHA*)

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, tu viện Pubba, ở tòa nhà dài của người mẹ của Migāra.[1] Vào lúc bấy giờ, nhằm ngày *Uposatha*, đức Thế Tôn đang ngồi, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

Khi ấy, lúc đêm đã khuya, canh một đã tàn, Đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh một đã tàn, hội chúng Tỳ-khưu ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu.

Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, lúc đêm đã khuya, canh giữa đã tàn, Đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên hướng về đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh giữa đã tàn, hội chúng Tỳ-khưu ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã im lặng.

Đến lần thứ ba, lúc đêm đã khuya, canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, Đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên hướng về đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, hội chúng Tỳ-khưu ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu.

– Này Ānanda, hội chúng không thanh tịnh.

2. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã khởi ý điều này: "Liên quan đến nhân vật nào khiến đức Thế Tôn đã nói như vầy: 'Này Ānanda, hội chúng

---

[1] Tòa nhà này được xây dựng bởi mẹ của Migāra, tức là nữ cư sĩ Visākhā (ND).

không thanh tịnh?'" Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã chăm chú dùng tâm quán xét tâm của toàn thể hội chúng Tỳ-khưu. Đại đức Mahāmoggallāna quả nhiên đã thấy được nhân vật ấy, là kẻ có ác giới, có ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi Sa-môn, giả mạo Sa-môn, phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn, đang ngồi giữa hội chúng Tỳ-khưu.

Sau khi nhìn thấy đã đi đến gần nhân vật ấy. Sau khi đến gần đã nói với nhân vật ấy điều này:

– Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các Tỳ-khưu.

Được nói như vậy, nhân vật ấy đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ấy điều này:

– Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các Tỳ-khưu.

Đến lần thứ nhì, nhân vật ấy đã im lặng.

Đến lần thứ ba, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ấy điều này:

– Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các Tỳ-khưu.

Đến lần thứ ba, nhân vật ấy đã im lặng.

Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã nắm lấy nhân vật ấy ở cánh tay đẩy ra bên ngoài cánh cửa của cổng ra vào, gài chốt cửa lại, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nhân vật ấy đã bị con đẩy ra ngoài rồi; hội chúng được thanh tịnh. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu.

– Này Moggallāna, thật kỳ lạ thay! Này Moggallāna, thật khác thường thay! Gã rồ dại ấy lại chờ cho đến lúc bị nắm lấy cánh tay.

*****

TÁM PHÁP KỲ DIỆU VỀ BIỂN CẢ

3. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, đây là tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy, các a-tu-la thỏa thích trong biển cả. Tám pháp ấy là gì?

Này các Tỳ-khưu, biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột. Này các Tỳ-khưu,

sự việc biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các a-tu-la thỏa thích trong biển cả.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ. Này các Tỳ-khưu, sự việc biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhì về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các a-tu-la thỏa thích trong biển cả.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền. Này các Tỳ-khưu, sự việc biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba về biển cả, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là "Biển cả." Này các Tỳ-khưu, sự việc các con sông lớn như là Gaṅgā, ...(nt)... và đi đến tên gọi là "Biển cả", này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư về biển cả, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, có các dòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vơi hay đầy. Này các Tỳ-khưu, sự việc có các dòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vơi hay đầy, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm về biển cả, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả có một vị là vị của muối. Này các Tỳ-khưu, sự việc biển cả chỉ có một vị là vị của muối, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu về biển cả, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý. Ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo. Này các Tỳ-khưu, sự việc biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đó, các vật quý ấy ...(nt)... này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy về biển cả, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn. Ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các a-tu-la, các loài rồng, các càn-thát-bà. Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến hai trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến ba trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến bốn trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến năm trăm do-tuần. Này các Tỳ-khưu, sự việc biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá

ông, ...(nt)... Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do-tuần, ...(nt)... những loài hữu hình lớn đến năm trăm do-tuần, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các a-tu-la thỏa thích trong biển cả.

4. Này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, trong Pháp và Luật này, có tám pháp kỳ diệu phi thường, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này. Tám pháp ấy là gì?

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột, này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác. Này các Tỳ-khưu, sự việc trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này.

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ, này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, điều học nào đã được Ta quy định cho các đệ tử của Ta, các đệ tử của Ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống. Này các Tỳ-khưu, sự việc điều học nào đã được Ta quy định cho các đệ tử, các đệ tử của Ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhì trong Pháp và Luật này, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền, này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, nhân vật nào là kẻ có ác giới, có ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi Sa-môn, giả mạo Sa-môn, phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn, hội chúng không sống chung với kẻ ấy mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng Tỳ-khưu nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy. Này các Tỳ-khưu, sự việc nhân vật nào là kẻ có ác giới, có ác pháp, ...(nt)... Hội chúng không sống chung với nhân vật ấy mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng Tỳ-khưu nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba trong Pháp và Luật này, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là "biển cả", này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, bốn loại giai cấp này là vua chúa, Bà-la-môn, thương buôn và nô bộc, khi họ đã rời nhà xuất

gia, sống không nhà trong Pháp và Luật được công bố bởi đức Như Lai thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là "Các Sa-môn Thích tử." Này các Tỳ-khưu, sự việc bốn loại giai cấp này là vua chúa, ...(nt)... và đi đến tên gọi là "Các Sa-môn Thích tử", này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư trong Pháp và Luật này, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như các dòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vơi hay đầy, này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, cho dù nhiều vị Tỳ-khưu Vô dư Niết-bàn trong cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết-bàn được xem là vơi hay đầy. Này các Tỳ-khưu, sự việc cho dù nhiều vị Tỳ-khưu Vô dư Niết-bàn trong cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết-bàn được xem là vơi hay đầy, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm trong Pháp và Luật này, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả có một vị là vị của muối, này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, Pháp và Luật này có một vị là vị của giải thoát. Này các Tỳ-khưu, sự việc Pháp và Luật này có một vị là vị của giải thoát, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu trong Pháp và Luật này, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo, này các Tỳ-khưu, tương tợ y như thế, Pháp và Luật này có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đây, các vật quý ấy như là bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy pháp đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám ngành.

Này các Tỳ-khưu, sự việc Pháp và Luật này có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đây, các vật quý ấy như là bốn sự thiết lập niệm, ...(nt)... này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy trong Pháp và Luật này, ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các a-tu-la, các loài rồng, các càn-thát-bà. Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến hai trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến ba trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến bốn trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến năm trăm do-tuần. Này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vị Nhập lưu, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhập lưu; vị Nhất lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất lai; vị Bất lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bất lai; vị A-la-hán, vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán. Này các Tỳ-khưu, sự việc Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vị Nhập lưu, ...(nt)... này các Tỳ-khưu, đây là pháp

kỳ diệu phi thường thứ tám trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này. Này các Tỳ-khưu đây là tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này.

Sau đó, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Nước mưa bị văng lại ở vật đã khéo được che đậy, nước mưa không bị văng lại ở vật đã được mở ra. Vì thế, hãy mở ra vật đã được che đậy, như vậy ở vật ấy nước mưa không bị văng lại."

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, giờ đây, kể từ nay về sau, Ta sẽ không tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ không tuyên đọc Giới bổn. Chính các ngươi, giờ đây, kể từ nay về sau, các ngươi có thể tiến hành lễ *Uposatha*, có thể tụng đọc Giới bổn (*Pātimokkha*). Này các Tỳ-khưu, sự việc này không hợp lý, không có cơ sở là việc đức Như Lai có thể tiến hành lễ *Uposatha*, có thể tuyên đọc Giới bổn (*Pātimokkha*) ở hội chúng không thanh tịnh. Và này các Tỳ-khưu, vị phạm tội không nên nghe Giới bổn (*Pātimokkha*); vị nào nghe thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, vị nào phạm tội mà lắng nghe Giới bổn (*Pātimokkha*), Ta cho phép đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị ấy.

Và này các Tỳ-khưu, nên đình chỉ như vầy: Vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] là vị phạm tội, tôi đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Giới bổn (*Pātimokkha*) đã được đình chỉ.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe Giới bổn (*Pātimokkha*) [nghĩ rằng]: "Không ai biết về chúng ta!" Các Tỳ-khưu trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tên [như vầy] và tên [như vầy], chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe Giới bổn (*Pātimokkha*) [nghĩ rằng]: "Không ai biết về chúng ta!"

Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các Tỳ-khưu về chúng ta rằng: 'Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tên [như vầy] và tên [như vầy], chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe Giới bổn (*Pātimokkha*) [nghĩ rằng]: 'Không ai biết về chúng ta!''" Các vị ấy [nghĩ rằng]: "Trước hết, các Tỳ-khưu trong sạch sẽ đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của chúng ta" nên ra tay trước đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của các Tỳ-khưu trong sạch, không phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của các Tỳ-khưu trong sạch, không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của các Tỳ-khưu trong sạch, không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của các Tỳ-khưu trong sạch, không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân; vị nào đình chỉ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Này các Tỳ-khưu, một sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp, một sự đúng Pháp.

Hai sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp, hai sự đúng Pháp.

Ba sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp, ba sự đúng Pháp.

Bốn sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp, bốn sự đúng Pháp.

Năm sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp, năm sự đúng Pháp.

Sáu sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp, sáu sự đúng Pháp.

Bảy sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp, bảy sự đúng Pháp.

Tám sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp, tám sự đúng Pháp.

Chín sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp, chín sự đúng Pháp.

Mười sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp, mười sự đúng Pháp.

7. Thế nào là một sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Đây là một sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Thế nào là một sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ. Đây là một sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Thế nào là hai sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ. Đây là hai sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Thế nào là hai sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên cớ. Đây là hai sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Thế nào là ba sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về tri kiến không có nguyên cớ. Đây là ba sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Thế nào là ba sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về tri kiến có nguyên cớ. Đây là ba sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Thế nào là bốn sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về nuôi mạng không có nguyên cớ. Đây là bốn sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Thế nào là bốn sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về nuôi mạng có nguyên cớ. Đây là bốn sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Thế nào là năm sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với tội *Pārājika* không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Pācittiya* không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Pāṭidesanīya* không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với tội *Dukkaṭa* không có nguyên cớ. Đây là năm sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Thế nào là năm sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với tội *Pārājika* có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Saṅghādisesa* có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Pācittiya* có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Pāṭidesanīya* có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Dukkaṭa* có nguyên cớ. Đây là năm sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Thế nào là sáu sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên cớ. Đây là sáu sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Thế nào là sáu sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm

có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ. Đây là sáu sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Thế nào là bảy sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với tội *Pārājika* không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Thullaccaya* không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Pācittiya* không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Pāṭidesanīya* không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Dukkaṭa* không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với tội *Dubbhāsita* không có nguyên cớ. Đây là bảy sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Thế nào là bảy sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với tội *Pārājika* có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Saṅghādisesa* có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Thullaccaya* có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Pācittiya* có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Pāṭidesanīya* có nguyên cớ, ...(nt)... với tội *Dukkaṭa* có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với tội *Dubbhāsita* có nguyên cớ. Đây là bảy sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Thế nào là tám sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa làm không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về nuôi mạng đã làm không có nguyên cớ. Đây là tám sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Thế nào là tám sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa làm có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về nuôi mạng đã làm có nguyên cớ. Đây là tám sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Thế nào là chín sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về giới đã làm và chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm và chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên

cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về tri kiến đã làm và chưa làm không có nguyên cớ. Đây là chín sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Thế nào là chín sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về giới đã làm và chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm và chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) với sự hư hỏng về tri kiến đã làm và chưa làm có nguyên cớ. Đây là chín sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Thế nào là mười sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp? Vị phạm tội *Pārājika* không ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về tội *Pārājika* chưa được dứt điểm; vị đã xả bỏ sự học tập không ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về vị đã xả bỏ sự học tập chưa được dứt điểm; vị phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp; vị không bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp; sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp chưa được dứt điểm; vị không bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới; vị không bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm; vị không bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến. Đây là mười sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Thế nào là mười sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp? Vị phạm tội *Pārājika* ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về tội *Pārājika* đã được dứt điểm; vị đã xả bỏ sự học tập ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về vị đã xả bỏ sự học tập đã được dứt điểm; vị không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp; vị bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp; sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp đã được dứt điểm; vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới; vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm; vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến. Đây là mười sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

8. Thế nào là vị phạm tội *Pārājika* ngồi ở tập thể đó? Này các Tỳ-khưu, ở đây, sự phạm tội *Pārājika* là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang phạm tội *Pārājika* với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang phạm tội *Pārājika* nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã phạm tội *Pārājika*!"

Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu đang phạm tội *Pārājika* và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã phạm tội *Pārājika*!" nhưng chính vị Tỳ-khưu [phạm tội] ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, tôi đã phạm tội *Pārājika*!"

Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] đã phạm tội *Pārājika*, tôi đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) là đúng Pháp.

Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị Tỳ-khưu đã bị đình chỉ, [nếu] tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm: Là sự nguy hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm vì mạng sống, sự nguy hiểm vì Phạm hạnh. Này các Tỳ-khưu, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, vị Tỳ-khưu [nguyên cáo] nếu muốn có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về tội *Pārājika* của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc này."

Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về tội *Pārājika* của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) là đúng Pháp.

9. Thế nào là vị đã xả bỏ sự học tập ngồi ở tập thể đó? Này các Tỳ-khưu, ở đây, sự học tập được vị Tỳ-khưu xả bỏ do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang xả bỏ sự học tập với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang xả bỏ sự học tập nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã xả bỏ sự học tập!" Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang xả bỏ sự học tập và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã xả bỏ sự học tập!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, tôi đã xả bỏ sự học tập!" này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu

nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] đã xả bỏ sự học tập, tôi đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) là đúng Pháp.

Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị Tỳ-khưu đã bị đình chỉ, [nếu] tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm: Là sự nguy hiểm từ đức vua, ...(nt)... hoặc sự nguy hiểm vì Phạm hạnh. Này các Tỳ-khưu, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, vị Tỳ-khưu [nguyên cáo] nếu muốn có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ sự học tập của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc này." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ sự học tập của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) kha là đúng Pháp.

10. Thế nào là vị không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, ở đây, việc không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp của vị Tỳ-khưu là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, thì vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp!"

Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, tôi không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp!" Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp, tôi đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*)

của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) là đúng Pháp.

Thế nào là vị bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, ở đây, việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp!" Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, tôi bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp!" Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp, tôi đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) là đúng Pháp.

Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị Tỳ-khưu đã bị đình chỉ, [nếu] tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm: Là sự nguy hiểm từ đức vua, ...(nt)... hoặc sự nguy hiểm vì Phạm hạnh. Này các Tỳ-khưu, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, vị Tỳ-khưu [nguyên cáo] nếu muốn có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc ấy."

Nếu sự việc ấy có thể đạt được như vậy, sự việc ấy như thế là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) là đúng Pháp.

11. Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu là bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng

về giới do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới do những hình thức ấy, do những đặc tính ấy, do những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!" Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, tôi bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!"

Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới, tôi đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) là đúng Pháp.

12. Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu là bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm do những hình thức ấy, do những đặc tính ấy, do những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!" Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, tôi bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!"

Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi đình chỉ Giới bổn

(*Pātimokkha*) của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) là đúng Pháp.

13. Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến do những hình thức ấy, do những đặc tính ấy, do những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!" Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, tôi bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!"

Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến, tôi đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) của vị ấy, Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) là đúng Pháp. Đây là mười sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Tụng phẩm thứ nhất.

*****

14. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có năm yếu tố: Này Upāli, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên quán xét như sau: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này là đúng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này hay không đúng [thời điểm]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Sái thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải đúng thời điểm." Này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Đúng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải sái thời điểm"; này Upāli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi tố này là đúng đắn hay không [đúng đắn]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là sai trái, không đúng đắn"; này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là đúng đắn, không phải sai trái"; này Upāli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi tố này có đem lại sự lợi ích hay không [đem lại sự lợi ích]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này đem lại sự vô ích, không đem lại sự lợi ích"; này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này đem lại sự lợi ích, không phải đem lại sự vô ích"; này Upāli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp, theo đúng Luật hay sẽ không [đạt được]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ không đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp, theo đúng Luật"; này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp, theo đúng Luật"; này Upāli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng hay sẽ không [xảy ra]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, ...(nt)... việc làm khác biệt trong hội chúng"; này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ không xảy ra sự tranh cãi, ...(nt)... việc làm khác biệt trong hội chúng"; này Upāli, nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upāli, việc đích thân khởi tố có năm yếu tố như thế được áp dụng sẽ không đem lại sự ân hận sau này.

15. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác. Này Upāli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "Ta có sở hành về thân trong sạch không? Ta có sở hành về thân trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu không có sở hành về thân trong sạch, không thành tựu sở hành về thân trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến thân"; có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "Ta có sở hành về khẩu trong sạch không? Ta có sở hành về khẩu trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu không có sở hành về khẩu trong sạch, không thành tựu sở hành về khẩu trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến khẩu"; có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "Tâm từ của ta tức là tâm không ác cảm đối với các vị đồng Phạm hạnh có hiện khởi không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu tâm từ của vị Tỳ-khưu là tâm không ác cảm đối với các vị đồng Phạm hạnh không có hiện khởi, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên thể hiện tâm từ đến các vị đồng Phạm hạnh"; có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "Ta có phải là vị nghe nhiều, nắm giữ điều đã được nghe, tích lũy điều đã được nghe? Các pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức như thế được ta nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu không phải là vị nghe nhiều, không phải là vị nắm giữ điều đã nghe, không tích lũy điều đã nghe. Những pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức như thế không được vị ấy nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên học tập Kinh điển"; có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "Hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) có được truyền lại đến ta một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định theo từng điều học hoặc từng từ ngữ không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không được truyền lại đến vị Tỳ-khưu một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác định theo từng điều học hoặc từng từ ngữ, khi được hỏi như vầy: "Này Đại đức, điều này đã được đức Thế Tôn nói ở đâu?" mà không đáp được, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên học tập về Luật"; có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác.

16. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác: "Ta sẽ nói hợp thời, không phải sái thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận." Này Upāli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác.

17. – Bạch Ngài, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu khiển trách không đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?

– Này Upāli, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thể nói rằng]: "Đại đức khiển trách sái thời, không hợp thời, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách bằng cách thô lỗ, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách không liên hệ đến lợi ích, không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với nội tâm có sân hận, không phải với tâm từ, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài." Này Upāli, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức này. Lý do của điều ấy là gì? Là vì không có vị Tỳ-khưu nào khác có thể nghĩ đến là nên khiển trách với việc sai trái như thế.

18. – Bạch Ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu bị khiển trách không đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?

– Này Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu bị khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thể nói rằng]: "Đại đức bị khiển trách sái thời, không hợp thời, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bằng cách thô lỗ, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách không liên hệ đến lợi ích, không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi nội tâm có sân hận, không phải bởi tâm từ, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài." Này Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu bị khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức này.

19. – Bạch Ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu khiển trách đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?

– Này Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu khiển trách đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thể nói rằng]: "Đại đức khiển trách hợp thời, không sái thời, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài." Này Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu khiển trách đúng Pháp với năm hình thức này. Lý do của điều ấy là gì? Là vì cũng có vị Tỳ-khưu khác sẽ nghĩ đến nên khiển trách với sự thật như thế.

20. – Bạch Ngài, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu bị khiển trách đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?

– Này Upāli, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu bị khiển trách đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thể nói rằng]: "Đại đức bị khiển trách hợp thời, không sái thời, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi từ tâm, không phải bởi nội tâm có sân hận, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài." Này Upāli, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu bị khiển trách đúng Pháp với năm hình thức này.

21. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác: “Lòng bi mẫn, sự tầm cầu lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng Luật.” Này Upāli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác.

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu bị khiển trách nên an trú trong bao nhiêu pháp?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị khiển trách nên an trú trong hai pháp: Chân thật và không nổi giận.

Tụng phẩm thứ nhì.
Chương “Đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*)” là thứ chín.

*****

Trong chương này có ba mươi sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Ngày lễ *Uposatha*, cho đến lần thứ ba vị ác Tỳ-khưu đã không đi ra, nhờ vị Moggallāna, đã bị lôi ra, điều kỳ diệu về giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

2. Độ sâu và sự học tập theo thứ lớp, có pháp ổn định, không vượt qua [điều học], xác chết, hội chúng loại trừ và các dòng sông, từ bỏ [giai cấp].

3. Các dòng nước trôi chảy, các bậc Vô dư Niết-bàn và một vị là giải thoát, có nhiều [vật quý], Pháp và Luật cũng vậy, các chúng sanh [to lớn] và tám hạng Thánh nhân.

4. Sau khi dùng biển cả làm ví dụ, Ngài đã phô bày đặc điểm về giáo pháp, vào ngày *Uposatha*, Giới bổn (*Pātimokkha*), “không ai biết về chúng ta!”

5. Họ ra tay [đình chỉ] trước, các vị phê phán, một, hai, ba, bốn, năm, sáu và bảy, tám và chín, và mười trường hợp [đình chỉ] này.

6. Về bốn phần là giới, hạnh kiểm, tri kiến và nuôi mạng, các tội *Pārājika* và tội *Saṅghādisesa*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*. —

7. — [Và] tội *Dukkaṭa* là thuộc về năm phần, và sự hư hỏng về giới, hạnh kiểm, chưa làm và đã làm, là thuộc về sáu phần theo như đường lối.

8. Các tội *Pārājika* và tội *Saṅghādisesa*, và tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, luôn cả tội *Dukkaṭa* và tội *Dubbhāsita*.

9. Sự hư hỏng về giới, hạnh kiểm, và sự hư hỏng về tri kiến, nuôi mạng và các điều ấy là tám trong trường hợp đã làm và chưa làm. Với giới, hạnh kiểm và tri kiến ấy, các điều này. —

10. — Trong trường hợp chưa làm, cũng như đã làm và luôn cả đã làm và chưa làm, như vậy là chín cách đã được nói đến, đúng với sự thật, theo phương pháp.

11. Vị phạm tội *Pārājika*, chưa được dứt điểm, vị đã xả bỏ [sự học tập], và tương tợ y như thế, vị phục tùng, vị bác bỏ và sự thảo luận về việc bác bỏ ấy.

12. Và sự hư hỏng về giới, hạnh kiểm, giống như với sự hư hỏng về tri kiến do đã bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ, là mười trường hợp, nên biết rõ điều ấy.

13. Vị Tỳ-khưu thấy rõ vị Tỳ-khưu, hay là vị khác đã nói điều ấy, và vị trong sạch khai báo đến vị ấy, vị ấy đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*).

14. [Hội chúng] giải tán vì nguy hiểm: Từ đức vua, trộm cướp, hỏa hoạn, nước ngập, loài người, phi nhân và thú dữ, rắn, mạng sống, Phạm hạnh.

15. Chỉ với một [sự nguy hiểm] nào đó của mười, và tại trú xứ ấy hoặc tại các trú xứ nào khác, đúng Pháp và luôn cả sai Pháp, nên biết theo đường lối như thế ấy.

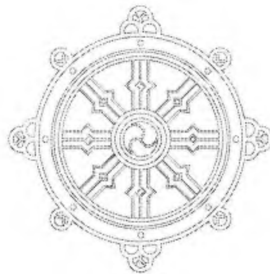
16. [Năm yếu tố nên hành xử] là đúng thời điểm, đúng đắn, đem lại sự lợi ích, ta sẽ đạt được, sẽ xảy ra [hay không?], [nên quán xét sở hành] về thân, về khẩu, tâm từ, sự học nhiều, hai bộ Giới bổn.

17. Nên khiển trách hợp thời, với sự thật, với sự mềm mỏng, có lợi ích, với tâm từ, có sự ân hận và không đúng Pháp, nên xua đi các lời nói như thế.

18. Lòng bi mẫn, sự [tầm cầu] lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng [Luật] xua đi sự ân hận cho vị khiển trách đúng Pháp và cho vị bị khiển trách.

19. Cách hành xử của vị khiển trách đã được đấng Toàn Giác giảng giải, và bản thể về sự chân thật và luôn cả sự không sân hận là dành cho vị bị khiển trách.

--ooOoo--



X. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự trong lãnh thổ của dòng Sakya, ở thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

– Này Gotamī, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Đến lần thứ nhì, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia ...(nt).

– Này Gotamī, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia ...(nt).

Đến lần thứ ba, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

– Này Gotamī, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố" nên khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, trong khi khóc lóc, đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

Sau đó, khi đã ngự tại thành Kapilavatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành, đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Vesālī. Tại nơi đó, ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra.

Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nhờ người cạo tóc, khoác y phục màu ca-sa cùng với nhiều người nữ dòng Sakya đã ra đi về hướng Vesālī, tuần tự đã đi đến Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào. Đại đức Ānanda đã nhìn thấy bà Mahāpajāpatī Gotamī với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc,

đứng ở bên ngoài cổng ra vào, sau khi nhìn thấy đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này:

– Này bà Gotamī, tại sao bà lại có hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào vậy?

– Thưa ngài Ānanda, như thế này, bởi vì đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

2. – Này bà Gotamī, chính vì điều ấy nên bà hãy ở ngay tại đây trong chốc lát, chờ tôi thỉnh cầu đức Thế Tôn về việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī này với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố." Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

– Này Ānanda, thôi đi! Ngươi chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Đến lần thứ nhì, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia ...(nt).

– Này Ānanda, thôi đi! Ngươi chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia ...(nt).

Đến lần thứ ba, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia ...(nt).

– Này Ānanda, thôi đi! Ngươi chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Khi ấy, Đại đức Ānanda [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn không cho phép việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố; có lẽ ta nên thỉnh cầu đức Thế Tôn việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố bằng một phương thức khác?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, người nữ sau khi xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, có khả năng chứng ngộ quả vị Nhập lưu, hoặc quả vị Nhất lai, hoặc quả vị Bất lai, hoặc phẩm vị A-la-hán hay không?

– Này Ānanda, người nữ sau khi xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, có khả năng chứng ngộ quả vị Nhập lưu, quả vị Nhất lai, quả vị Bất lai, luôn cả phẩm vị A-la-hán.

– Bạch Ngài, nếu người nữ ...(nt)... có khả năng chứng ngộ ...(nt)... luôn cả phẩm vị A-la-hán nữa; bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī có nhiều công đức đối với đức Thế Tôn, là dì ruột, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời. Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

3. – Này Ānanda, nếu bà Mahāpajāpatī Gotamī thọ nhận tám trọng pháp, hãy xem chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà:

Tỳ-khưu-ni đã tu lên bậc trên một trăm năm nên thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến vị Tỳ-khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ-khưu-ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có Tỳ-khưu. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ-khưu-ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỏi hai việc từ hội chúng Tỳ-khưu là việc hỏi ngày lễ *Uposatha* và việc đi đến [để nghe] giáo giới. Đây cũng là pháp ...(nt)... không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ-khưu-ni đã trải qua mùa [an cư] mưa nên hành lễ *Pavāraṇā* ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: Do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp ...(nt)... không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ-khưu-ni vi phạm tội nghiêm trọng nên thực hành hình phạt *Mānatta* nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ...(nt)... không được vi phạm cho đến trọn đời.

Cô Ni tu tập sự đã thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ...(nt)... không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ-khưu-ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng nhiếc, gièm pha Tỳ-khưu. Đây cũng là pháp ...(nt)... không được vi phạm cho đến trọn đời.

Kể từ hôm nay, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu-ni đến các Tỳ-khưu bị ngăn cấm, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu đến các Tỳ-khưu-ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời.

Này Ānanda, nếu bà Mahāpajāpatī Gotamī thọ nhận tám trọng pháp, chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà.

Sau đó, Đại đức Ānanda đã học tám trọng pháp từ đức Thế Tôn rồi đã đi đến gặp bà Mahāpajāpati Gotamī, sau khi đến đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này:

– Này bà Gotamī, nếu bà có thể thọ nhận tám trọng pháp thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà:

"Tỳ-khưu-ni đã tu lên bậc trên một trăm năm nên thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến vị Tỳ-khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. ...(nt)... Kể từ hôm nay, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu-ni đến các Tỳ-khưu bị ngăn cấm, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu đến các Tỳ-khưu-ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời."

Này bà Gotamī, nếu bà có thể thọ nhận tám trọng pháp này thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà.

– Thưa Đại đức Ānanda, cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu, sau khi nhận được tràng hoa sen, hoặc tràng hoa nhài, hoặc tràng hoa đủ loại, nên thọ lãnh bằng hai tay rồi đặt lên ở đỉnh đầu; thưa Đại đức Ānanda, cũng tương tợ như vậy, tôi thọ nhận tám trọng pháp này cho đến trọn đời không vi phạm.

4. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã thọ nhận tám trọng pháp. Người dì của đức Thế Tôn đã được tu lên bậc trên.

– Này Ānanda, nếu người nữ không đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, Phạm hạnh có thể sẽ được tồn tại lâu dài, Thánh pháp có thể tồn tại một ngàn năm. Này Ānanda, bởi vì người nữ đã xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, giờ đây Phạm hạnh sẽ không tồn tại lâu dài, này Ānanda, giờ đây Thánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.[1]

Này Ānanda, cũng giống như những gia đình có nhiều người nữ, ít người nam, thường dễ bị các kẻ cướp, các kẻ trộm đột nhập; này Ānanda, cũng tương tợ như thế, trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

---

[1] Về vấn đề Thánh pháp (*saddhamma*) có thể tồn tại một ngàn năm, ngài Buddhaghosa giải thích như sau: "Nói đến 1000 năm là đề cập đến sự diệt tận các lậu hoặc với sự thành đạt về bốn Tuệ phân tích. Từ đó về sau là 1000 năm của sự diệt tận các lậu hoặc do thuần túy Minh sát, 1000 năm của đạo quả Bất lai, 1000 năm của đạo quả Nhất lai, 1000 năm của đạo quả Nhập lưu. Như vậy, Pháp thành sẽ tồn tại 5000 năm" (*Sdd.* 1291).

Này Ānanda, cũng giống như trong thửa ruộng lúa đang phát triển, có loại bệnh gọi là mốc trắng xuất hiện, như thế ruộng lúa ấy không tồn tại lâu dài; này Ānanda, cũng tương tợ như thế, trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như trong ruộng mía đường đang phát triển, có loại bệnh gọi là rệp cây xuất hiện, như thế ruộng mía ấy không tồn tại lâu dài; này Ānanda, cũng tương tợ như thế, trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như người đàn ông chính vì phòng xa nên củng cố bờ đê của cái hồ lớn, để không có sự tràn ra của nước; này Ānanda, cũng tương tợ như thế, tám trọng pháp do Ta chính vì phòng xa đã quy định cho các Tỳ-khưu-ni cho đến trọn đời không được vi phạm.

Tám trọng pháp của các Tỳ-khưu-ni.

*****

5. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con thực hành như thế nào đối với các người nữ dòng Sakya này?

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpatī Gotamī bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu được ban phép tu lên bậc trên đến các Tỳ-khưu-ni.

6. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này:

– Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: "Các Tỳ-khưu-ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các Tỳ-khưu."

Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa Đại đức Ānanda, các Tỳ-khưu-ni này đã nói với tôi như vầy: "Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: 'Các Tỳ-khưu-ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các Tỳ-khưu.'"

7. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói như vầy: "Thưa Đại đức Ānanda, các Tỳ-khưu-ni này đã nói với tôi như vầy: 'Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: Các Tỳ-khưu-ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các Tỳ-khưu.'"

– Này Ānanda, kể từ lúc bà Mahāpajāpatī Gotamī thọ nhận tám trọng pháp, chính vào lúc ấy bà đã được tu lên bậc trên.

8. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa Đại đức Ānanda, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thưa Đại đức, tốt đẹp thay đức Thế Tôn có thể cho phép sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp là tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni.

Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói như vầy: "Thưa Đại đức Ānanda, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thưa Đại đức, tốt đẹp thay đức Thế Tôn có thể cho phép sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp là tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni."

– Này Ānanda, việc đức Như Lai có thể cho phép sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến người nữ là điều không có cơ sở và không hợp lý. Này Ānanda, bởi vì các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết giảng tồi còn không thực hành sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến người nữ; vậy điều gì khiến Như Lai lại cho phép sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến người nữ?

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến người nữ; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

9. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có những điều học của các Tỳ-khưu-ni là [được quy định] chung với các Tỳ-khưu, bạch Ngài, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào?

– Này Gotamī, những điều học nào của các Tỳ-khưu-ni là [được quy định] chung với các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu học tập như thế nào, các ngươi hãy học tập những điều học ấy như thế ấy.

– Bạch Ngài, có những điều học của các Tỳ-khưu-ni là không [được quy định] chung với các Tỳ-khưu, bạch Ngài, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào?

– Này Gotamī, những điều học nào của các Tỳ-khưu-ni là không [được quy định] chung với các Tỳ-khưu, các ngươi hãy học tập những điều học ấy như đã được quy định.

10. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, lành thay! Xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng pháp một cách vắn tắt để con sau khi nghe pháp ấy có thể sống một mình, cách ly, không biếng nhác, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm.

– Và này Gotamī, các pháp nào mà bà có thể biết rằng các pháp này đưa đến tham ái mà không đưa đến sự xa lìa tham ái, đưa đến sự ràng buộc mà không đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc, đưa đến sự tích lũy mà không đưa đến sự không tích lũy, đưa đến sự ham muốn nhiều mà không đưa đến sự ham muốn ít, đưa đến sự bực bội mà không đưa đến sự hoan hỷ, đưa đến sự tụ hội mà không đưa đến sự đơn độc, đưa đến sự biếng nhác mà không đưa đến sự khởi công tinh tấn, đưa đến sự khó nuôi dưỡng mà không đưa đến sự dễ nuôi dưỡng; này Gotamī, bà có thể xác định dứt khoát rằng: "Điều này không phải là Pháp, điều này không phải là Luật, điều này không phải là lời giáo huấn của bậc Đạo sư."

Này Gotamī, các pháp nào mà bà có thể biết rằng các pháp này đưa đến sự xa lìa tham ái mà không đưa đến tham ái, đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc mà không đưa đến sự ràng buộc, đưa đến sự không tích lũy mà không đưa đến sự tích lũy, đưa đến sự ham muốn ít mà không đưa đến sự ham muốn nhiều, đưa đến sự hoan hỷ mà không đưa đến sự bực bội, đưa đến sự đơn độc mà không đưa đến sự tụ hội, đưa đến sự khởi công tinh tấn mà không đưa đến sự biếng nhác, đưa đến sự dễ nuôi dưỡng mà không đưa đến sự khó nuôi dưỡng; này Gotamī, bà có thể xác định dứt khoát rằng: "Điều này là Pháp, điều này là Luật, điều này là lời giáo huấn của bậc Đạo sư."

11. Vào lúc bấy giờ, Giới bổn (*Pātimokkha*) không được đọc tụng cho các Tỳ-khưu-ni. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu-ni.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Ai sẽ đọc Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu-ni?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu-ni.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi đến chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu-ni; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các Tỳ-khưu-ni.

Các Tỳ-khưu-ni không biết: "Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng như vầy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu chỉ dẫn các Tỳ-khưu-ni: "Các vị nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) như vầy."

12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không sửa chữa tội đã vi phạm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên không sửa chữa tội đã vi phạm; vị Ni nào không sửa chữa thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Các Tỳ-khưu-ni không biết: "Tội đã vi phạm nên được sửa chữa như vầy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu chỉ dẫn các Tỳ-khưu-ni: "Các vị nên sửa chữa tội đã vi phạm như vầy."

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Ai sẽ ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni.

13. Vào lúc bấy giờ, khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu trên đường đi, ở ngõ cụt, nơi giao lộ, các Tỳ-khưu-ni để xuống bình bát ở mặt đất, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, rồi sửa chữa tội đã vi phạm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Sau khi đã làm mích lòng hồi đêm, giờ đây họ xin lỗi." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu không nên ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni; vị nào ghi nhận thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni.

Các Tỳ-khưu-ni không biết: "Tội nên được ghi nhận như vầy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu chỉ dẫn các Tỳ-khưu-ni: "Các vị nên ghi nhận tội như vầy."

14. Vào lúc bấy giờ, hành sự cho các Tỳ-khưu-ni đã không được thực hiện. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Ai sẽ thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni.

15. Vào lúc bấy giờ, khi gặp vị Tỳ-khưu trên đường đi, ở ngõ cụt, nơi giao lộ, các Tỳ-khưu-ni có hành sự đã được hoàn tất để xuống bình bát ở mặt đất, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, bày tỏ sự hối lỗi, trong khi nghĩ rằng: "Chắc là nên được thực hiện như vầy." Dân chúng tương tợ y như thế, phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Sau khi đã làm mích lòng hồi đêm, giờ đây họ xin lỗi." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu không nên thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni; vị nào thực thi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni.

Các Tỳ-khưu-ni không biết: "Hành sự nên được thực hiện như vầy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu chỉ dẫn các Tỳ-khưu-ni: "Các vị nên thực hiện hành sự như vầy."

16. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni ở giữa hội chúng đã nảy sinh ra xung đột, đã nảy sinh ra gây gổ, đã đưa đến tranh cãi, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí mồm miệng. Họ không thể giải quyết sự tranh tụng ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu giải quyết sự tranh tụng của các Tỳ-khưu-ni.

17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu giải quyết sự tranh tụng của các Tỳ-khưu-ni. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được xét xử, các vị được biết rằng, các Tỳ-khưu-ni cần thiết cho hành sự cũng có vi phạm tội. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy:

– Thưa các Đại đức, tốt lành thay, chính các ngài Đại đức hãy thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni, chính các ngài Đại đức hãy ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: "Các Tỳ-khưu nên giải quyết sự tranh tụng của các Tỳ-khưu-ni." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu xác định hành sự của các Tỳ-khưu-ni rồi bàn giao lại cho các Tỳ-khưu-ni, và các Tỳ-khưu-ni được thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni; [cho phép] các Tỳ-khưu xác định tội của các Tỳ-khưu-ni rồi bàn giao lại cho các Tỳ-khưu-ni và các Tỳ-khưu-ni được ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni.

18. Vào lúc bấy giờ, vị Tỳ-khưu-ni học trò của Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā trong khi học tập về Luật đã theo đức Thế Tôn bảy năm. Cô ấy có trí nhớ bị lộn xộn nên càng học càng quên. Rồi vị Tỳ-khưu-ni ấy đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn có ý định đi đến thành Sāvatthi." Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã khởi ý điều này: "Trong khi học tập về Luật, ta đã theo đức Thế Tôn bảy năm. Ta có trí nhớ bị lộn xộn nên càng học càng quên. Thật khó khăn cho người nữ để đi theo bậc Đạo sư cho đến trọn đời; vậy ta nên thực hành như thế nào?" Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu giảng về Luật cho các Tỳ-khưu-ni.

Tụng phẩm thứ nhất.

*****

19. Sau đó, khi đã ngự tại Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường du hành về phía Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

20. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rắc nước bùn lên các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Có lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu không nên rắc nước bùn lên các Tỳ-khưu-ni; vị nào rắc thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vị Tỳ-khưu ấy.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Hình phạt gì nên được thực hiện?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, hội chúng Tỳ-khưu-ni không cần thực hiện việc đảnh lễ đối với vị Tỳ-khưu ấy.

21. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, trò chuyện với các Tỳ-khưu-ni, giao lưu với các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Có lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu không nên vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, không nên vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, không nên trò chuyện với các Tỳ-khưu-ni, không nên giao lưu với các Tỳ-khưu-ni; vị nào giao lưu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vị Tỳ-khưu ấy.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Hình phạt gì nên được thực hiện?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, hội chúng Tỳ-khưu-ni không cần thực hiện việc đảnh lễ đối với vị Tỳ-khưu ấy.

22. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư rắc nước bùn lên các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Có lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên rắc nước bùn lên các Tỳ-khưu; vị Ni nào rắc thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với Tỳ-khưu-ni ấy.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Hình phạt gì nên được thực hiện?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc ngăn cấm [đi vào trú xứ của Tỳ-khưu].

Khi việc ngăn cấm được thực hiện, họ không chấp hành. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đình chỉ việc giáo giới.

23. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, vén hở ngực rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, trò chuyện với các Tỳ-khưu, giao lưu với các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Có lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên vén hở ngực rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên trò chuyện với các Tỳ-khưu, không nên giao lưu với các Tỳ-khưu; vị Ni nào giao lưu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vị Tỳ-khưu-ni ấy.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Hình phạt gì nên được thực hiện?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc ngăn cấm [đi vào trú xứ của Tỳ-khưu].

Khi việc ngăn cấm được thực hiện, họ không chấp hành. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đình chỉ việc giáo giới.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Lễ *Uposatha* được phép thực hiện với Tỳ-khưu-ni bị đình chỉ giáo giới hay không được phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, lễ *Uposatha* không nên thực hiện với Tỳ-khưu-ni bị đình chỉ giáo giới cho đến khi nào sự tranh tụng ấy còn chưa được giải quyết.

24. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới đã ra đi du hành. Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao ngài Đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới lại ra đi du hành?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, sau khi đình chỉ việc giáo giới rồi không nên ra đi du hành; vị nào ra đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

25. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngu dốt không có kinh nghiệm đình chỉ việc giáo giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, việc giáo giới không nên bị đình chỉ bởi vị ngu dốt, không có kinh nghiệm; vị nào đình chỉ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

26. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đình chỉ việc giáo giới không có sự việc, không có nguyên do. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, việc giáo giới không nên bị đình chỉ không có sự việc, không có nguyên do; vị nào đình chỉ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

27. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi đình chỉ việc giáo giới không đưa ra sự phán xét. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, sau khi đình chỉ việc giáo giới, không nên không đưa ra sự phán xét; vị nào không đưa ra thì phạm tội *Dukkaṭa*.

28. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không đi [để nghe] giáo giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên không đi [để nghe] giáo giới; vị Ni nào không đi nên được hành xử theo pháp.[2]

29. Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng Tỳ-khưu-ni đều đi [để nghe] giáo giới. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của

---

[2] Liên quan đến tám trọng pháp và tội *Pācittiya* 58 của Tỳ-khưu-ni (ND).

những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi [để nghe] giáo giới toàn bộ hội chúng Tỳ-khưu-ni. Nếu đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi [để nghe] giáo giới bốn hay năm Tỳ-khưu-ni.

30. Vào lúc bấy giờ, bốn hay năm Tỳ-khưu-ni đi [để nghe] giáo giới. Dân chúng tương tợ y như thế phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi [để nghe] giáo giới bốn hay năm Tỳ-khưu-ni. Nếu các vị đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi [để nghe] giáo giới hai hay ba Tỳ-khưu-ni. Nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, rồi nên nói như vầy: "Thưa ngài Đại đức, hội chúng Tỳ-khưu-ni đảnh lễ ở chân của hội chúng Tỳ-khưu và thỉnh cầu việc đến gần [để nghe] giáo giới. Thưa ngài, mong rằng hội chúng Tỳ-khưu-ni đạt được việc đến gần [để nghe] giáo giới."

Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và nên nói như vầy: "Thưa ngài, hội chúng Tỳ-khưu-ni đảnh lễ ở chân của hội chúng Tỳ-khưu và thỉnh cầu việc đến gần [để nghe] giáo giới. Thưa ngài, mong rằng hội chúng Tỳ-khưu-ni đạt được việc đến gần [để nghe] giáo giới." Vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) nên nói rằng: "Có vị Tỳ-khưu nào đó đã được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni?" Nếu có vị Tỳ-khưu nào đó đã được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) nên nói rằng: "Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, hội chúng Tỳ-khưu-ni hãy đi đến gặp vị ấy." Nếu không có vị Tỳ-khưu nào đã được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) nên nói rằng: "Vị Đại đức nào đủ khả năng để giáo giới Tỳ-khưu-ni?"

Nếu có vị nào đó đủ khả năng để giáo giới Tỳ-khưu-ni và vị ấy có tám yếu tố,[3] sau khi chỉ định xong nên nói rằng: "Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, hội chúng Tỳ-khưu-ni hãy đi đến gặp vị ấy." Nếu không có vị nào đủ khả năng để giáo giới Tỳ-khưu-ni, vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) nên nói rằng: "Không có Tỳ-khưu nào được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, mong rằng hội chúng Tỳ-khưu-ni được thành đạt với sự hoan hỷ."

31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không nhận lãnh việc giáo giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[3] Xem tám yếu tố ở điều học *Pācittiya* 21 (*TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 430-31; *TTPV*, tập 2, tr. 153).

– Này các Tỳ-khưu, không thể không nhận lãnh việc giáo giới; vị nào không nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là ngu dốt. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này:

– Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.

– Này các chị gái, bởi vì tôi ngu dốt, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

– Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: "Các Tỳ-khưu nên nhận lãnh việc giáo giới cho các Tỳ-khưu-ni."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trừ ra vị ngu dốt, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.

32. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này:

– Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.

– Này các chị gái, bởi vì tôi bị bệnh, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

– Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: "Trừ ra vị ngu dốt, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.

33. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là vị xuất hành. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này:

– Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.

– Này các chị gái, bởi vì tôi là vị xuất hành, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

– Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: "Trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vị xuất hành, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.

34. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ cư ngụ ở trong rừng. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này:

– Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.

– Này các chị gái, bởi tôi cư ngụ ở trong rừng, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

– Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: "Trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vị xuất hành, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu là vị ngụ ở rừng nhận lãnh việc giáo giới và [cho phép] quy định điểm hẹn: "Tôi sẽ thực hiện ở chỗ kia."

35. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh việc giáo giới, các Tỳ-khưu không thông báo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không thể không thông báo việc giáo giới; vị nào không thông báo thì phạm tội *Dukkaṭa.*

36. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh việc giáo giới, các Tỳ-khưu không thực hiện. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, việc giáo giới không thể không thực hiện; vị nào không thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa.*

37. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không đi đến điểm hẹn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên không đi đến điểm hẹn; vị Ni nào không đi thì phạm tội *Dukkaṭa.*

38. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni mang dây thắt lưng loại dài, lại còn bó thắt eo bằng chúng nữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên mang dây thắt lưng loại dài; vị Ni nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa.* Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni [sử dụng] dây thắt lưng được thực hiện một vòng và không nên bó thắt eo bằng dây thắt lưng; vị Ni nào bó thắt [eo] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

39. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni buộc [dây thắt lưng] thành dải tua bằng sợi tre chẻ mỏng, buộc thành dải tua bằng sợi da thú, buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt, buộc thành dải tua bằng vải dệt tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải dệt thắt bím, buộc thành dải tua bằng sợi vải coḷa, buộc thành dải tua bằng vải coḷa tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải coḷa thắt bím, buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng chỉ thắt bím. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên buộc [dây thắt lưng] thành dải tua bằng sợi tre chẻ mỏng, không nên buộc thành dải tua bằng sợi da thú, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt thắt bím, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải coḷa, không nên buộc thành dải tua

bằng vải coḷa tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng vải coḷa thắt bím, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ thắt bím; vị Ni nào buộc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni bảo đập vỗ vùng hông với khúc xương đùi, bảo đấm bóp vùng hông với xương hàm con bò, bảo đấm bóp bàn tay, bảo đấm bóp mu bàn tay, bảo đấm bóp bàn chân, bảo đấm bóp mu bàn chân, bảo đấm bóp đùi, bảo đấm bóp mặt, bảo đấm bóp nướu răng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên bảo đập vỗ vùng hông với khúc xương đùi, ...(nt)... không nên bảo đấm bóp nướu răng; vị Ni nào bảo đấm bóp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

41. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư thoa dầu ở mặt, chà xát mặt, đánh phấn ở mặt, đắp mặt bằng phấn đỏ, tô màu ở cơ thể, tô màu ở mặt, tô màu ở mặt và ở cơ thể. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên thoa dầu ở mặt, không nên chà xát mặt, không nên đánh phấn ở mặt, không nên đắp mặt bằng phấn đỏ, không nên tô màu ở cơ thể, không nên tô màu ở mặt, không nên tô màu ở mặt và ở cơ thể; vị Ni nào làm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

42. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư kẻ mí mắt, làm dấu ở trán, nhìn qua cửa sổ [xuống đường phố], đứng tựa cửa lớn [khoe phần thân trên], tổ chức nhảy múa, hỗ trợ gái điếm, lập quán bán rượu, lập tiệm bán thịt, trưng bày cửa hiệu, tiến hành việc cho vay lấy lãi, tiến hành việc thương mãi, nuôi tôi trai, nuôi tớ gái, nuôi trai làm mướn, nuôi gái làm thuê, nuôi thú vật, buôn bán rau xanh, mang mảnh da mài dao cạo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên kẻ mí mắt, ...(nt)... không nên mang mảnh da mài dao cạo; vị Ni nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

43. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư mặc các y toàn màu xanh đậm, mặc các y toàn màu vàng, mặc các y toàn màu đỏ [máu], mặc các y toàn màu tím, mặc các y toàn màu đen, mặc các y nhuộm toàn màu đỏ tía, mặc các y nhuộm toàn màu hồng, mặc các y không cắt đường viền, mặc các y có đường viền rộng, mặc các y có đường viền vẽ bông hoa, mặc các y có đường viền có vẽ trái cây, mặc áo choàng, mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây tirīṭaka. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên mặc các y toàn màu xanh đậm, ...(nt)... không nên mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây tirīṭaka; vị Ni nào mặc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

44. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ, trong khi lâm chung đã nói như vầy:

– Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng.

Ở nơi ấy, các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni tranh cãi rằng:

– Thuộc về chúng tôi, thuộc về chúng tôi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu-ni trong khi lâm chung nói như vầy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng", trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khưu không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Ni tu tập sự, ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, nếu vị Sa-di-ni trong khi lâm chung nói như vầy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng", trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khưu không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu trong khi lâm chung nói như vầy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng", trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khưu-ni không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Sa-di, ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, nếu nam cư sĩ, ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, nếu nữ cư sĩ, ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, nếu người nào khác, trong khi lâm chung nói như vầy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng", trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khưu-ni không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng Tỳ-khưu.

45. Vào lúc bấy giờ, có phụ nữ nọ, trước đây là người xứ Malla đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Cô Ni ấy, sau khi gặp vị Tỳ-khưu yếu đuối trên đường đã cho cái thúc bằng bả vai rồi tiếp tục đi. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Tỳ-khưu-ni lại cho vị Tỳ-khưu cái thúc?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên cho vị Tỳ-khưu cái thúc; vị Ni nào cho thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni bước sang [một bên], nhường lối đi khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu, ngay khi [vị ấy] còn ở đàng xa.

46. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khi chồng đi vắng bị có thai với tình nhân. Cô ấy đã làm cho sẩy thai rồi đã nói với vị Tỳ-khưu-ni thường đi đến nhà điều này:

– Thưa Ni sư, xin hãy dùng bình bát mang đi cái bào thai này.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã bỏ cái bào thai ấy vào trong bình bát, che kín bằng y hai lớp rồi ra đi. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực đã lập dự tính rằng: "Khi chưa dâng phần vật thực ta sẽ thọ lãnh đầu tiên đến vị Tỳ-khưu hoặc Tỳ-khưu-ni thì ta sẽ không thọ thực."

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu-ni ấy và đã nói điều này:

– Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.

– Thưa ngài, thôi đi.

Đến lần thứ nhì, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.

– Thưa ngài, thôi đi.

Đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.

– Thưa ngài, thôi đi.

– Này chị gái, tôi đã lập dự tính rằng: "Khi chưa dâng phần vật thực ta sẽ thọ lãnh đầu tiên đến vị Tỳ-khưu hoặc Tỳ-khưu-ni thì ta sẽ không thọ thực." Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.

Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy trong lúc bị quấy rầy bởi vị Tỳ-khưu ấy đã đưa bình bát ra cho xem:

– Thưa ngài, hãy nhìn cái bào thai trong bình bát nè. Và chớ có nói với bất cứ ai.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Tỳ-khưu-ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vậy?" Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên dùng bình bát mang đi bào thai; vị Ni nào mang đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni khi gặp vị Tỳ-khưu thì lấy bình bát ra và đưa cho xem.

47. Vào lúc bấy giờ, khi gặp vị Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư xoay tròn [bình bát] và cho xem phần dưới của bình bát. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao khi gặp vị Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư xoay tròn [bình bát] và cho xem phần dưới của bình bát?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi gặp vị Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên xoay tròn [bình bát] và cho xem phần dưới của bình bát; vị nào cho xem thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, khi gặp vị Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni lật ngửa bình bát rồi đưa cho xem. Và vật thực nào có trong bình bát, nên thỉnh mời vị Tỳ-khưu với vật ấy.

48. Vào lúc bấy giờ, trên đường phố ở thành Sāvatthi, có vật biểu tượng nam tánh bị quăng bỏ. Các Tỳ-khưu-ni đã nhìn chăm chú vào vật ấy. Dân chúng đã la ầm lên. Các Tỳ-khưu-ni ấy đã bị xấu hổ. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến Ni viện và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh?" Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh; vị nào nhìn chăm chú thì phạm tội *Dukkaṭa*.

49. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu cho đến các Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các ngài Đại đức lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân, không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân; vị nào cho thì phạm tội *Dukkaṭa*.

50. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu có được vật thực dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dâng đến hội chúng.

Còn dồi dào nhiều hơn trước nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dâng luôn cả vật dành riêng cho cá nhân.

Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các Tỳ-khưu được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni thọ dụng vật tích trữ của các Tỳ-khưu sau khi đã được các Tỳ-khưu trao cho.

51. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni cho đến các Tỳ-khưu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân? Không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân; vị Ni nào cho thì phạm tội *Dukkaṭa*.

52. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni có được vật thực dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dâng đến hội chúng.

Còn dồi dào nhiều hơn trước nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dâng luôn cả vật dành riêng cho cá nhân.

Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các Tỳ-khưu-ni được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu thọ dụng vật tích trữ của các Tỳ-khưu-ni sau khi đã được các Tỳ-khưu-ni trao cho.

53. Vào lúc bấy giờ, sàng tọa của các Tỳ-khưu thì dồi dào, của các Tỳ-khưu-ni thì không có. Các Tỳ-khưu-ni đã phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu:

– Thưa các ngài, lành thay! Các ngài hãy cho chúng tôi [mượn] sàng tọa trong một thời gian.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho các Tỳ-khưu-ni [mượn] sàng tọa trong một thời gian.

54. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni có kinh nguyệt, ngồi và nằm trên giường được bọc nệm, trên ghế được bọc nệm. Chỗ nằm, ngồi bị lấm lem bởi máu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên ngồi hoặc nằm trên giường được bọc nệm, trên ghế được bọc nệm; vị Ni nào ngồi hoặc nằm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] y nội trợ.

Y nội trợ bị lấm lem bởi máu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kim gài và mảnh vải.

Mảnh vải bị rơi xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khâu lại bằng chỉ và buộc ở đùi.

Chỉ bị đứt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] váy, băng vải buộc ở hông.

55. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư mang băng vải buộc ở hông vào mọi lúc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên mang băng vải buộc ở hông vào mọi lúc; vị Ni nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] băng vải buộc ở hông đối với vị Ni có kinh nguyệt.

Tụng phẩm thứ nhì.

*****

56. Vào lúc bấy giờ, các người nữ đã tu lên bậc trên được thấy là không có hiện tướng [người nữ], khiếm khuyết hiện tướng [người nữ], không có kinh nguyệt, bị băng huyết, thường xuyên mang vải lót, bị rong kinh, bị dị căn, người nữ vô căn, bị lại đực, tiêu tiểu chung một khiếu, người nữ lưỡng căn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đang cho tu lên bậc trên được hỏi về hai mươi bốn pháp chướng ngại. Và này các Tỳ-khưu, nên hỏi như vầy: "Cô không phải là người không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bị băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người nữ vô căn? Cô không phải là người bị lại đực? Cô không phải là người tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn? Cô có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do [không phải nô lệ]? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cho phép bởi cha mẹ, bởi người chồng? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gì?"

57. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu hỏi các pháp chướng ngại của các Tỳ-khưu-ni. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sự tu lên bậc trên ở hội chúng Tỳ-khưu đến người nữ đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni, [và] được trong sạch.

58. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni hỏi các pháp chướng ngại đến các cô có ý muốn tu lên bậc trên chưa được giảng dạy trước. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy trước rồi hỏi các pháp chướng ngại sau.

Các vị giảng dạy ngay tại chỗ ấy, ở giữa hội chúng. Như thế ấy, các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy ở một góc rồi hỏi các pháp chướng ngại ở giữa hội chúng.

Và này các Tỳ-khưu, nên giảng dạy như vầy: Trước tiên, nên bảo chọn vị thầy tế độ. Sau khi đã bảo chọn vị thầy tế độ rồi nên chỉ dẫn về y bát: "Đây là bình bát của cô, đây là y hai lớp, đây là thượng y, đây là y nội, đây là áo lót, đây là vải choàng tắm. Hãy đi đến đứng ở chỗ trống đàng kia." Các vị Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm giảng dạy. Được giảng dạy tồi, các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm, không nên giảng dạy; vị Ni nào giảng dạy thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực được giảng dạy.

Các vị Ni chưa được chỉ định vẫn giảng dạy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị Ni chưa được chỉ định không nên giảng dạy; vị Ni nào giảng dạy thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy đối với vị Ni đã được chỉ định.

Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác. Và thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ giảng dạy cho cô Ni tên [như vầy]." Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình. Và thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị Ni tên [như vầy] sẽ giảng dạy cho cô Ni tên [như vầy]." Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

Vị Tỳ-khưu-ni đã được chỉ định ấy nên đi đến gần cô có ý muốn tu lên bậc trên và nên nói như vầy:

– Này cô tên [như vầy], hãy lắng nghe. Đối với cô, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: "Đúng"; nếu không đúng, nên nói: "Không đúng." Chớ nên bối rối, chớ nên mắc cỡ. Các vị sẽ hỏi cô như vầy: "Cô không phải là người không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bị băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người nữ vô căn? Cô không phải là người bị lại đực? Cô không phải là người tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn? Cô có bị các bệnh như thế này hay không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do [không phải nô lệ]? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cho phép bởi cha mẹ, bởi người chồng? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gì?"

59. Họ đi đến chung [cùng một lúc].

– Không nên đi đến chung [cùng một lúc]. Vị Ni giảng dạy nên đi đến trước và thông báo cho hội chúng: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Tôi đã giảng dạy cho cô ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, cô tên [như vầy] có thể đi đến." Và nên nói rằng: "Cô hãy đi đến."

Nên bảo [cô ấy] đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên: "Bạch chư Đại đức Ni, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại đức Ni, lần thứ nhì tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại đức Ni, lần thứ ba tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót."

Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi cô Ni tên [như vầy] về các pháp chướng ngại. Này cô tên [như vầy], hãy lắng nghe. Đối với cô, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: 'Đúng'; nếu không đúng, nên nói: 'Không đúng'. Cô không phải là người không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? ...(nt)... Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gì?"

Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy] là người trong sạch về các pháp chướng ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy] là người trong sạch về các pháp chướng ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức Ni nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy] là người trong sạch về các pháp chướng ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức Ni nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô

Ni tên [như vầy] với Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Cô Ni tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Ngay sau khi hoàn tất việc ấy, nên đưa [cô Ni ấy] đi đến hội chúng Tỳ-khưu, nên bảo [cô ấy] đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên: "Bạch chư Đại đức, tôi tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Bạch chư Đại đức, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại đức, tôi tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Bạch chư Đại đức, lần thứ nhì, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại đức, tôi tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Bạch chư Đại đức, lần thứ ba, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót."

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy]. Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô Ni tên [như vầy], thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy]. Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như

vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Cô Ni tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày [giờ] nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, các Tỳ-khưu-ni nên được nói rằng:

– Nên chỉ dạy cô Ni này ba điều nương nhờ[4] và tám điều không nên làm.[5]

60. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trong khi xác định chỗ ngồi trong nhà ăn đã bị quá giờ [thọ thực]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [chỗ ngồi] của tám Tỳ-khưu-ni tính theo thâm niên, [chỗ ngồi] của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến.

61. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép [chỗ ngồi] của tám Tỳ-khưu-ni tính theo thâm niên, [chỗ ngồi] của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến" nên ở khắp mọi nơi, chừa lại đúng tám chỗ cho các Tỳ-khưu-ni tính theo thâm niên, các chỗ còn lại thì theo thứ tự đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trong nhà ăn [chỗ ngồi của] tám Tỳ-khưu-ni tính theo thâm niên và [chỗ ngồi] của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến, còn ở những nơi khác, không nên chừa lại theo thứ tự thâm niên; vị nào chừa lại thì phạm tội *Dukkaṭa*.

62. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không hành lễ *Pavāraṇā*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên không hành lễ *Pavāraṇā*; vị Ni nào không hành lễ *Pavāraṇā* nên được hành xử theo pháp.[6]

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni sau khi hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng Tỳ-khưu-ni rồi không hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng Tỳ-khưu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni sau khi hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng Tỳ-khưu-ni rồi không nên không hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng Tỳ-khưu; vị Ni nào không hành lễ *Pavāraṇā* nên được hành xử theo pháp.

[4] Tỳ-khưu-ni không được ngụ ở rừng nên không có điều nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây, trong khi Tỳ-khưu có bốn điều (ND).

[5] Là tám điều *Pārājika*, trong khi Tỳ-khưu chỉ có bốn điều (ND).

[6] Liên quan đến tám trọng pháp và tội *Pācittiya* 57 của Tỳ-khưu-ni (ND).

63. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trong khi hành lễ *Pavāraṇā* chỉ một phía với các Tỳ-khưu đã tạo nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên hành lễ *Pavāraṇā* chỉ một phía với các Tỳ-khưu; vị Ni nào hành lễ *Pavāraṇā* [chỉ một phía] thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trong khi hành lễ *Pavāraṇā* trước bữa thọ trai nên đã bị quá giờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni hành lễ *Pavāraṇā* sau bữa thọ trai.

Sau bữa thọ trai, các vị trong khi còn hành lễ *Pavāraṇā* đã bị trời tối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng Tỳ-khưu-ni ngày hôm nay và hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng Tỳ-khưu vào ngày kế.

64. Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng Tỳ-khưu-ni trong lúc hành lễ *Pavāraṇā* đã gây nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định một vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được chỉ định như vầy: Trước tiên, vị Tỳ-khưu-ni nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khưu-ni. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khưu-ni. Đại đức Ni nào đồng ý việc chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khưu-ni xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khưu-ni. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Vị Tỳ-khưu-ni đã được chỉ định ấy nên đưa hội chúng Tỳ-khưu-ni đi đến gặp hội chúng Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, hội chúng Tỳ-khưu-ni xin thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đối với hội chúng Tỳ-khưu-ni, xin hội chúng Tỳ-khưu hãy nói lên; khi thấy [lỗi] rồi sẽ sửa đổi.

Đến lần thứ nhì, bạch các ngài, hội chúng Tỳ-khưu-ni xin thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đối với hội chúng Tỳ-khưu-ni, xin hội chúng Tỳ-khưu hãy nói lên; khi thấy [lỗi] rồi sẽ sửa đổi. Đến lần thứ ba, bạch các ngài, hội chúng Tỳ-khưu-ni xin thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đối với hội chúng Tỳ-khưu-ni, xin hội chúng Tỳ-khưu hãy nói lên; khi thấy [lỗi] rồi sẽ sửa đổi."

65. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở đối với các Tỳ-khưu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên đình chỉ lễ *Uposatha* của Tỳ-khưu, dầu đã bị đình chỉ cũng như không bị đình chỉ; vị Ni đình chỉ phạm tội *Dukkaṭa*. Không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, dầu đã bị đình chỉ cũng như không bị đình chỉ; vị Ni đình chỉ phạm tội *Dukkaṭa*. Không nên làm công việc khuyên bảo, dầu đã được làm cũng như không được làm; vị Ni làm phạm tội *Dukkaṭa*. Không nên khởi xướng việc cáo tội, dầu đã được khởi xướng cũng như không được khởi xướng; vị Ni khởi xướng [việc cáo tội] phạm tội *Dukkaṭa*. Không nên thỉnh ý [để buộc tội], dầu đã được thỉnh ý cũng như không được thỉnh ý; vị Ni thỉnh ý phạm tội *Dukkaṭa*. Không nên quở trách, dầu đã được quở trách cũng như không được quở trách; vị Ni quở trách phạm tội *Dukkaṭa*. Không nên nhắc nhở, dầu đã được nhắc nhở cũng như không được nhắc nhở; vị Ni nhắc nhở phạm tội *Dukkaṭa*.

66. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở đối với các Tỳ-khưu-ni. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu được đình chỉ lễ *Uposatha* của Tỳ-khưu-ni, khi đã đình chỉ thì đã đình chỉ đúng đắn; vị đình chỉ vô tội. Được đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, khi đã đình chỉ thì đã đình chỉ đúng đắn; vị đình chỉ vô tội. Được làm công việc khuyên bảo, khi đã làm thì đã làm đúng đắn; vị làm vô tội. Được khởi xướng việc cáo tội, khi đã khởi xướng thì đã khởi xướng đúng đắn; vị khởi xướng vô tội. Được thỉnh ý [để buộc tội], khi đã thỉnh ý thì đã thỉnh ý đúng đắn; vị thỉnh ý vô tội. Được quở trách, khi đã quở trách thì đã quở trách đúng đắn; vị quở trách vô tội. Được nhắc nhở, khi đã nhắc nhở thì đã nhắc nhở đúng đắn; vị nhắc nhở vô tội.

67. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe được kéo bởi các con bò cái với người nam đánh xe ngồi ở giữa, hoặc được kéo bởi các con bò đực với người nữ đánh xe ngồi ở giữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như lễ hội ở vùng Gaṅgā và Mahī vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên di chuyển bằng xe; vị Ni nào di chuyển nên được hành xử theo pháp.[7]

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ bị bệnh, không thể bước đi bằng chân được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] xe đối với vị Ni bị bệnh.

Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni đã khởi ý điều này: "Vậy được kéo bởi con cái, hay được kéo bởi con đực?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] toa xe được kéo bởi con cái, được kéo bởi con đực, [và cho phép] xe kéo bằng tay.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ đã bị khó chịu dữ dội vì xe bị dằn xóc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kiệu khiêng, ghế khiêng.

68. Vào lúc bấy giờ, cô kỹ nữ Aḍḍhakāsī đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Cô ấy có ý định đi đến Sāvatthi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tu lên bậc trên trong sự chứng minh của đức Thế Tôn." Những kẻ bất lương đã nghe rằng: "Nghe nói kỹ nữ Aḍḍhakāsī có ý định đi đến Sāvatthi." Bọn họ đã bao vây các ngõ đường. Cô kỹ nữ Aḍḍhakāsī đã nghe rằng: "Nghe nói những kẻ bất lương đã bao vây các ngõ đường" nên đã phái sứ giả đến gặp đức Thế Tôn [thưa rằng]: "Bởi vì con có ước muốn tu lên bậc trên, con nên tiến hành như thế nào?"

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện.

Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Tỳ-khưu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Tỳ-khưu; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô Ni tu tập sự. ...(nt)... Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Sa-di. ...(nt)... Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Sa-di-ni. ...(nt)... Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực. Vị Tỳ-khưu-ni đại diện ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên rồi nên nói như vầy:

---

[7] Liên quan đến tội *Pācittiya* 85 của Tỳ-khưu-ni (ND).

"Bạch các ngài, cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót.

Bạch các ngài, cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, lần thứ nhì cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót.

Bạch các ngài, cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô Ni không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, lần thứ ba cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót."

Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Cô Ni tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Ngay khi ấy, bóng râm cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày [giờ] nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy. Các Tỳ-khưu-ni nên được nói rằng: "Hãy chỉ dạy cô Ni này ba điều nương nhờ và tám điều không nên làm."

69. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni cư ngụ ở trong rừng. Những kẻ bất lương làm nhơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên cư ngụ ở trong rừng; vị Ni nào cư ngụ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, kho chứa đồ đạc đã được nam cư sĩ nọ dâng đến hội chúng Tỳ-khưu-ni. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kho chứa đồ đạc.

Kho chứa đồ không đáp ứng [nhu cầu]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] căn nhà.

Căn nhà không đáp ứng [nhu cầu]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [xây dựng] công trình mới.

Công trình mới không đáp ứng [nhu cầu]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng theo cá nhân.

70. Vào lúc bấy giờ, một người phụ nữ nọ có bào thai đã đậu, xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Khi cô ấy đã xuất gia, cái thai đã chào đời. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã khởi ý điều này: "Ta nên thực hành như thế nào liên quan đến đứa bé trai này?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nuôi dưỡng cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết.[8]

Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã khởi ý điều này: "Ta không thể sống mỗi một mình, và Tỳ-khưu-ni khác không thể sống với đứa bé trai, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định một Tỳ-khưu-ni và cho làm người cộng sự với Tỳ-khưu-ni kia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước tiên, vị Tỳ-khưu-ni cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực:

[8] Cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết, nghĩa là cho đến khi đứa bé có thể nhai, ăn, tắm, và trang phục đúng cách cho bản thân (*VinA*. VI. 1295).

"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Đại đức Ni nào đồng ý sự chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Khi ấy, Tỳ-khưu-ni cộng sự ấy đã khởi ý điều này: "Ta nên thực hành như thế nào liên quan đến đứa bé trai này?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hành liên quan đến đứa bé trai này tương tợ như là thực hành liên quan đến người đàn ông khác ngoại trừ việc ngụ chung nhà.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ bị phạm tội nặng và là vị đang thực hành hình phạt *Mānatta*. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni ấy đã khởi ý điều này: "Ta không thể sống mỗi một mình và vị Tỳ-khưu-ni khác không thể sống với ta, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định một Tỳ-khưu-ni và cho làm người cộng sự với Tỳ-khưu-ni kia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước tiên, vị Tỳ-khưu-ni cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Đại đức Ni nào đồng ý việc chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

71. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ, sau khi xả bỏ sự học tập đã hoàn tục. Cô ấy đã quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu-ni sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không có việc xả bỏ sự học tập đối với Tỳ-khưu-ni; chính khi cô ấy hoàn tục thì chính khi ấy cô ấy không còn là Tỳ-khưu-ni nữa.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ vẫn mang y ca-sa đã chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của ngoại đạo. Cô ấy đã quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu-ni sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni nào mang y ca-sa chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của ngoại đạo, khi cô ấy quay trở lại thì không nên cho tu lên bậc trên nữa.

72. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trong khi ngần ngại không ưng thuận việc đảnh lễ, việc cạo tóc, việc cắt móng, việc băng bó vết thương bởi những người nam. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ưng thuận [những việc ấy].

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni ngồi kiết-già. Các vị ưa thích sự xúc chạm của gót chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên ngồi kiết-già; vị Ni nào ngồi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

73. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ bị bệnh. Không xếp chân thế kiết-già, vị Ni ấy không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thế bán già đối với Tỳ-khưu-ni.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni đại tiện ở nhà vệ sinh. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư trục bỏ bào thai ngay tại chỗ ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên thực hiện việc đại tiện ở trong nhà vệ sinh; vị Ni nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc đại tiện ở chỗ trống trải phần bên dưới và che kín phần bên trên.

74. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm với bột phấn thoa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm với bột phấn thoa; vị Ni nào tắm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cám thô, đất sét.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm với đất sét có mùi thơm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm với đất sét có mùi thơm; vị Ni nào tắm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đất sét loại bình thường.

75. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư trong khi tắm ở nhà tắm hơi đã gây nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm ở nhà tắm hơi; vị Ni nào tắm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm ở luồng nước chảy, ưa thích sự xúc chạm của dòng nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm ở luồng nước chảy; vị Ni nào tắm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm ở chỗ không phải là bãi tắm. Những kẻ bất lương làm nhơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm ở chỗ không phải là bãi tắm; vị Ni nào tắm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

76. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm ở bãi tắm dành cho người nam. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm ở bãi tắm dành cho người nam; vị Ni nào tắm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tắm ở bãi tắm dành cho phụ nữ.

Tụng phẩm thứ ba.
Chương Tỳ-khưu-ni là thứ mười.

*****

Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Bà Gotamī đã thỉnh cầu việc xuất gia, đức Như Lai đã không cho phép. Vị Lãnh Đạo đã rời Kapilavatthu đi đến Vesālī.

2. Với [thân hình] phủ đầy bụi, ở cổng ra vào, bà đã cho vị Ānanda biết, vị đã yêu cầu bằng cách thức: "Có khả năng không?" "Là người mẹ" và "Là người nuôi dưỡng."

3. Một trăm năm, và vào ngày hôm ấy, [nơi] không có Tỳ-khưu, sự mong mỏi, lễ *Pavāraṇā*, các tội nghiêm trọng, hai năm, việc không được mắng nhiếc.

4. Bị ngăn cấm và tám pháp, việc hành theo cho đến trọn đời, việc thọ nhận tám trọng pháp, chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà.

5. Một ngàn năm chỉ còn năm trăm, với các ví dụ về kẻ trộm, bệnh mốc trắng, bệnh rệp cây, các việc làm tổn hại Chánh pháp là tương tợ.

6. Với các ví dụ về người nên củng cố bờ đê, hơn nữa là sự tồn tại của Chánh pháp, được ban phép tu lên bậc trên, bà [chưa được tu lên bậc trên], việc đảnh lễ tính theo thâm niên.

7. Các [ngoại đạo] không thực hành, điều gì vậy, [được quy định] chung và không [được quy định] chung, việc giáo giới và Giới bổn (*Pātimokkha*), bởi vị nào, Ni viện.

8. Các vị Ni không biết và đã chỉ dạy, các vị Ni không làm, bởi các Tỳ-khưu, được ghi nhận tội bởi các Tỳ-khưu, việc ghi nhận tội bởi các Tỳ-khưu-ni.

9. Vị đã chỉ dẫn, hành sự, bởi các Tỳ-khưu, họ phàn nàn, hoặc bởi các Tỳ-khưu-ni, được chỉ dạy, sự xung đột, sau khi bàn giao lại và vị Uppalavaṇṇā.

10. Ở thành Sāvatthi, nước bùn, không đảnh lễ, [phô bày] thân, đùi và chỗ kín, việc trò chuyện, các vị giao lưu, các vị nhóm Lục Sư.

11. Không nên đảnh lễ, hình phạt, các vị Tỳ-khưu-ni cũng tương tợ và việc ngăn cấm, việc giáo giới, được phép không, vị đã ra đi.

12. Các vị ngu dốt, [không có] sự việc, sự phán xét, việc giáo giới, hội chúng, với năm vị Ni, hai vị Ni, ba vị Ni, không nhận lãnh, các vị ngu dốt, các vị bị bệnh và các vị xuất hành.

13. Các vị ở rừng, các vị không thông báo và các vị không đi đến, [dây thắt lưng] dài, [sợi] tre chẻ mỏng, da thú, vải dệt tết đuôi sam, thắt bím, vải coḷa tết đuôi sam và thắt bím, chỉ tết đuôi sam và thắt bím.

14. Khúc xương đùi, với xương hàm con bò, mu bàn tay, bàn chân là tương tợ, phần đùi, khuôn mặt, nướu răng, việc thoa dầu, chà xát và đánh phấn.

15. Các vị đắp [ở mặt], việc tô màu ở cơ thể, việc tô màu ở mặt, hai việc là tương tợ, việc kẻ mí mắt, làm dấu ở trán, [nhìn] qua cửa sổ, [đứng] tựa cửa và với việc nhảy múa.

16. Gái điếm, quán bán rượu, tiệm bán thịt, cửa hiệu, lấy lãi, việc thương mãi, trong khi nuôi tôi trai, tớ gái, trai làm mướn, gái làm thuê.

17. [Nuôi] thú vật, [buôn bán] rau xanh, các vị tự mang mảnh da mài dao cạo, các y màu xanh đậm, màu vàng, màu đỏ [máu], màu tím, màu đen.

18. Màu đỏ tía, màu hồng, không được cắt và [đường viền] quá rộng, [có vẽ] bông hoa, trái cây, và áo choàng và các vị đã mặc vải dệt bằng sợi vỏ cây tirīṭaka.

19. Về việc từ trần của Tỳ-khưu-ni, của vị Ni tu tập sự, của vị Sa-di-ni, về các vật dụng được để lại, các Tỳ-khưu-ni là người chủ.

20. Của vị Tỳ-khưu, của vị Sa-di, của nam cư sĩ, của nữ cư sĩ và của những người khác, về vật dụng được để lại, các Tỳ-khưu là người chủ.

21. Vị Ni người xứ Malla, cái bào thai, phần dưới của bình bát, vật biểu tượng [nam tánh], với vật thực và được dồi dào, nhiều hơn trước nữa, vật thực được làm để tích trữ.

22. Đối với các vị Tỳ-khưu, phần tương tợ bên dưới, nên thực hiện như vậy đối với các Tỳ-khưu-ni, sàng tọa, các vị có kinh nguyệt, bị lấm lem, mảnh vải và kim gài.

23. Chúng bị đứt, vào mọi lúc, các vị Ni được thấy là không có hiện tướng [người nữ], v.v... và còn [khiếm khuyết] hiện tướng, không có kinh nguyệt nữa, tương tợ y như thế là vị bị băng huyết.

24. Thường xuyên mang vải lót, bị rong kinh, bị dị căn, người nữ vô căn và bị lại đực, [tiêu tiểu] chung một khiếu và cả người nữ lưỡng căn.

25. Khởi đầu từ không có hiện tướng, sau khi đã thực hiện và cô nào là người nữ lưỡng căn, điều này là từ phần giản lược ở bên dưới, bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm.

26. Bệnh lao phổi, bệnh động kinh, cô là loài người, cô là người nữ và cô là người được tự do, không thiếu nợ, không là lính của vua, đã được cho phép và hai mươi [tuổi].

27. Và đầy đủ [y bát], cô tên gì, Ni sư tế độ của cô tên gì, sau khi hỏi về hai mươi bốn pháp chướng ngại, là việc tu lên bậc trên.

28. Các cô bị bối rối, khi chưa được giảng dạy, và tương tợ y như thế ở giữa hội chúng, việc chọn vị thầy tế độ, y hai lớp, thượng y và y nội.

29. Áo lót và vải choàng tắm, sau khi được chỉ dạy, nên bảo đứng [ở chỗ kia], vị Ni ngu dốt, chưa được chỉ định, [đi đến] chung và nếu đã hỏi các pháp chướng ngại.

30. Cô Ni đã được tu lên bậc trên ở một phía, ở hội chúng Tỳ-khưu như thế một lần nữa, bóng nắng, mùa tiết và [phân chia] ngày, việc kết tập, ba sự nương nhờ.

31. Tám điều không nên làm, [bị quá] giờ, ở mọi nơi, [đúng] tám chỗ, các Tỳ-khưu-ni không hành lễ *Pavāraṇā* và tương tợ y như thế nơi hội chúng Tỳ-khưu.

32. Sự lộn xộn, trước bữa ăn và lúc tối trời, sự lộn xộn, [đình chỉ] lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, việc khuyên bảo, việc cáo tội.

33. Thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở đã bị ngăn cấm bởi vị Đại Ẩn Sĩ, tương tợ y như thế Tỳ-khưu [đối với] Tỳ-khưu-ni được cho phép bởi vị Đại Ẩn Sĩ.

34. Xe, bị bệnh và được kéo, bị dằn xóc bởi xe, chuyện Aḍḍhakāsī, vị Tỳ-khưu, vị Ni tu tập sự, vị Sa-di, vị Sa-di-ni và vị Ni ngu dốt.

35. Ở trong rừng, bởi vị nam cư sĩ, kho chứa đồ, căn nhà, không đáp ứng [nhu cầu], công trình mới, có bào thai đã hình thành, mỗi một mình.

36. Và việc ngụ chung nhà, tội nặng, sau khi xả bỏ [sự học tập] và đã chuyển sang, việc đảnh lễ, [cạo] tóc và các móng, việc băng bó vết thương.

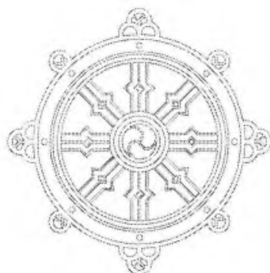
37. Với thế kiết-già và vị Ni bị bệnh, việc đại tiện, với bột tắm, được tẩm hương, ở nhà tắm hơi, ở luồng nước chảy, ở nơi không phải là bãi tắm và [tắm] với người nam.

38. Bà Mahāgotamī đã thỉnh cầu và cả vị Ānanda khôn khéo mà có được tứ chúng, việc xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

39. Nhằm sự lợi ích của việc sanh khởi sự động tâm và sự phát triển của Chánh pháp, ví như thuốc men đối với người bị bệnh, lời đã được đức Phật thuyết giảng là như vậy.

40. Được hướng dẫn như thế về Chánh pháp, luôn cả các người nữ khác, các cô ấy cũng đạt đến vị thế bất tử, là nơi sau khi đi đến thì không sầu khổ.

--ooOoo--



XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRĂM VỊ

DUYÊN KHỞI CỦA VIỆC KẾT TẬP

1. Khi ấy, Đại đức Mahākassapa đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Sư đệ, vào lúc ấy ta đang thực hiện cuộc hành trình đường xa từ Pāvā đi Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vị Tỳ-khưu. Này các Sư đệ, khi ấy ta đã rời đường lộ rồi ngồi xuống ở gốc cây nọ. Vào lúc bấy giờ, có đạo sĩ lõa thể nọ, sau khi nhận được bông hoa Mandārava ở Kusinārā, đang thực hiện cuộc hành trình đường xa đi Pāvā. Này các Sư đệ, ta đã nhìn thấy vị đạo sĩ lõa thể ấy đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thấy, ta đã nói với vị đạo sĩ lõa thể ấy điều này: "Này đạo hữu, đạo hữu có biết bậc Đạo sư của chúng tôi không?" "Ồ đạo hữu, đúng vậy, tôi có biết. Hôm nay, Sa-môn Gotama đã Vô dư Niết-bàn được bảy ngày rồi. Do đó, tôi mới có được bông hoa Mandārava này."

2. Này các Sư đệ, tại nơi ấy những Tỳ-khưu nào chưa đoạn tận ái dục, một số các vị đưa tay lên khóc than. Như thân cây bị đốn gãy, các vị ngã xuống, lăn qua lăn lại [than rằng]: "Đức Thế Tôn Vô dư Niết-bàn quá sớm, đấng Thiện Thệ Vô dư Niết-bàn quá sớm, bậc Hữu Nhãn biến mất ở thế gian quá sớm." Còn những Tỳ-khưu nào có ái dục đã được đoạn tận, các vị ấy có niệm, có sự tỉnh giác thời chấp nhận: "Các pháp hữu vi là vô thường, bởi vì điều ấy có thể xảy ra ở đây." Này các Sư đệ, khi ấy ta đã nói với các Tỳ-khưu điều này: "Này các Sư đệ, thôi đi! Chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Này các Sư đệ, không phải điều ấy đã được đức Thế Tôn khuyến cáo là ngay với tất cả các vật thân yêu vừa ý đều có bản chất đa dạng, có bản chất không thật, có bản chất thay đổi? Này các Sư đệ, bởi vì điều ấy có thể xảy ra ở đây, nghĩa là vật gì được sanh lên, tồn tại, rồi bị biến đổi thuận theo pháp thế gian, [nếu nghĩ rằng]: 'Mong sao vật ấy chớ có bị hư hoại', sự kiện này không thể có được!"

3. Này các Sư đệ, vào lúc bấy giờ, có vị xuất gia lúc đã già tên Subhadda đang ngồi trong tập thể ấy. Này các Sư đệ, khi ấy vị xuất gia lúc đã già Subhadda đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này: "Này các vị, thôi đi! Chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Chúng ta được hoàn toàn thoát khỏi vị Đại Sa-môn ấy rồi. Và chúng ta đã bị làm khó khăn rằng: 'Điều này được phép cho các ngươi, điều

này không được phép cho các ngươi.' Giờ đây, điều gì chúng ta thích, chúng ta sẽ làm điều ấy, điều gì chúng ta không thích, chúng ta sẽ không làm điều ấy."

Này các Sư đệ, vậy chúng ta hãy trùng tụng Pháp và Luật trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.

– Thưa ngài, chính vì điều ấy xin vị Trưởng lão hãy tuyển chọn các Tỳ-khưu.

Khi ấy, Đại đức Mahākassapa đã tuyển chọn bốn trăm chín mươi chín vị A-la-hán. Các vị Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Mahākassapa điều này:

– Thưa ngài, vị Đại đức Ānanda này tuy còn là bậc Hữu học nhưng không thể nào bị chi phối bởi tham, bởi sân, bởi si mê, bởi sợ hãi. Và vị này thuộc lòng nhiều Pháp và Luật từ đức Thế Tôn. Thưa ngài, chính vì điều ấy, xin vị Trưởng lão hãy tuyển chọn luôn cả Đại đức Ānanda.

4. Khi ấy, Đại đức Mahākassapa đã tuyển chọn luôn cả Đại đức Ānanda. Sau đó, các vị Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: "Vậy chúng ta có thể trùng tụng Pháp và Luật ở nơi nào?" Khi ấy, các vị Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: "Thành Rājagaha quả là có khu vực khất thực rộng lớn, có nhiều chỗ trú ngụ; hay là chúng ta nên trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, các Tỳ-khưu khác không được đi đến an cư mùa mưa ở thành Rājagaha?" Sau đó, Đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định năm trăm vị Tỳ-khưu này để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, "các Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha." Đây là lời đề nghị.

Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định năm trăm vị Tỳ-khưu này để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, "các Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha." Vị nào đồng ý việc chỉ định năm trăm vị Tỳ-khưu này để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, "các Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha" xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Năm trăm vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng chỉ định để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, "các Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha." Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

5. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến thành Rājagaha để trùng tụng Pháp và Luật. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã bàn bạc điều này:

– Này các Đại đức, việc sửa chữa chỗ bị hư hỏng đã được đức Thế Tôn khen ngợi. Này các Đại đức, vậy vào tháng thứ nhất, chúng ta hãy sửa chữa những nơi bị hư hỏng; vào tháng giữa, chúng ta sẽ tụ họp lại rồi trùng tụng Pháp và Luật.

Sau đó vào tháng thứ nhất, các Tỳ-khưu trưởng lão đã sửa chữa chỗ bị hư hỏng. Khi ấy, Đại đức Ānanda [nghĩ rằng]: "Ngày mai là đại hội, việc ta sẽ đi đến đại hội khi còn là bậc Hữu học thật là không thích đáng cho ta!" rồi đã trải qua gần trọn đêm với niệm trú ở thân, và trong đêm vào lúc hừng sáng [mới khởi ý rằng]: "Ta sẽ nằm xuống" rồi nghiêng thân hình. Và vào lúc đầu chưa chạm gối, hai chân vừa mới giở lên khỏi mặt đất, trong khoảng thời gian ấy, tâm đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến đại hội, trong khi [đã] là vị A-la-hán.

6. Khi ấy, Đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Đại đức Upāli về Luật.

Đại đức Upāli cũng đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được Đại đức Mahākassapa hỏi về Luật, tôi sẽ trả lời.

Khi ấy, Đại đức Mahākassapa đã hỏi Đại đức Upāli điều này:

– Này Sư đệ Upāli, điều *Pārājika* thứ nhất đã được quy định ở đâu?

– Thưa ngài, ở Vesālī.

– Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Sudinna, con trai của Kalanda.

– Về sự việc gì?

– Về việc [thực hiện việc] đôi lứa.

Rồi Đại đức Mahākassapa đã hỏi Đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *Pārājika* thứ nhất.

7. – Này Sư đệ Upāli, điều *Pārājika* thứ nhì đã được quy định ở đâu?

– Thưa ngài, ở Rājagaha.

– Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ đồ gốm.

– Về sự việc gì?

– Về việc lấy vật không được cho.

Rồi Đại đức Mahākassapa đã hỏi Đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định

thêm, đã hỏi về sự phạm tội và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *Pārājika* thứ nhì.

– Này Sư đệ Upāli, điều *Pārājika* thứ ba đã được quy định ở đâu?

– Thưa ngài, ở Vesālī.

– Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

– Về sự việc gì?

– Về việc tước đoạt mạng người.

Rồi Đại đức Mahākassapa đã hỏi Đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *Pārājika* thứ ba.

– Này Sư đệ Upāli, điều *Pārājika* thứ tư đã được quy định ở đâu?

– Thưa ngài, ở Vesālī.

– Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā.

– Về sự việc gì?

– Về pháp thượng nhân.

Rồi Đại đức Mahākassapa đã hỏi Đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *Pārājika* thứ tư. Bằng chính phương thức ấy, [Đại đức Mahākassapa] đã hỏi về phần Luật phân tích của cả hai phái [Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]. Mỗi khi được hỏi, Đại đức Upāli đã trả lời.

8. Sau đó, Đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Ānanda về Pháp.

Khi ấy, Đại đức Ānanda đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được Đại đức Mahākassapa hỏi về Pháp, tôi sẽ trả lời.

Rồi Đại đức Mahākassapa đã hỏi Đại đức Ānanda điều này:

– Này Sư đệ Ānanda, *Kinh Brahmajāla* (*Phạm võng*) đã được thuyết ở đâu?

– Thưa ngài, ở nhà nghỉ của vua tại Ambalaṭṭhikā, ở khoảng giữa Rājagaha và Nālanda.

– Liên quan đến ai?

– Đến du sĩ ngoại đạo Suppiya và thanh niên Brahmadatta.

Rồi Đại đức Mahākassapa đã hỏi Đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của *Kinh Brahmajāla*.

– Này Sư đệ Ānanda, *Kinh Sāmaññaphala* (*Sa-môn quả*) đã được thuyết ở đâu?

– Thưa ngài, ở Rājagaha, nơi vườn xoài của Jīvaka.

– Với ai?

– Với Ajātasattu con trai của Videhi.

Rồi Đại đức Mahākassapa đã hỏi Đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của *Kinh Sāmaññaphala*. Bằng chính phương thức ấy, [Đại đức Mahākassapa] đã hỏi về năm bộ kinh. Mỗi khi được hỏi, Đại đức Ānanda đã trả lời.

***

GIẢNG VỀ CÁC ĐIỀU HỌC NHỎ NHẶT VÀ ÍT QUAN TRỌNG

9. Sau đó, Đại đức Ānanda đã nói với các Tỳ-khưu trưởng lão điều này:

– Thưa các ngài, vào thời điểm Vô dư Niết-bàn, đức Thế Tôn đã nói với tôi như vầy: "Này Ānanda, khi ta không còn, hội chúng nếu muốn có thể bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng."

– Này Sư đệ Ānanda, vậy ngươi có hỏi đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều nào?" không?

– Thưa các ngài, tôi đã không hỏi đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều nào?"

Một số Trưởng lão đã nói như vầy:

– Giữ lại bốn điều *Pārājika*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.

Một số Trưởng lão đã nói như vầy:

– Giữ lại bốn điều *Pārājika*, giữ lại mười ba điều *Saṅghādisesa*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.

Một số Trưởng lão đã nói như vầy:

– Giữ lại bốn điều *Pārājika*, giữ lại mười ba điều *Saṅghādisesa*, giữ lại hai điều *Aniyata*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.

Một số Trưởng lão đã nói như vầy:

– Giữ lại bốn điều *Pārājika*, giữ lại mười ba điều *Saṅghādisesa*, giữ lại hai điều *Aniyata*, giữ lại ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.

Một số Trưởng lão đã nói như vầy:

– Giữ lại bốn điều *Pārājika*, giữ lại mười ba điều *Saṅghādisesa*, giữ lại hai điều *Aniyata*, giữ lại ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya*, giữ lại chín mươi hai điều *Pācittiya*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.

Một số Trưởng lão đã nói như vầy:

– Giữ lại bốn điều *Pārājika*, giữ lại mười ba điều *Saṅghādisesa*, giữ lại hai điều *Aniyata*, giữ lại ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya*, giữ lại chín mươi hai điều *Pācittiya*, giữ lại bốn điều *Pāṭidesanīya*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.

10. Khi ấy, Đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có các điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: "Điều này là được phép đối với các Sa-môn Thích tử, điều này là không được phép." Nếu chúng ta bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: "Các điều học đã được Sa-môn Gotama quy định cho các đệ tử đến lúc người được hỏa táng. Khi nào bậc Đạo sư của họ còn tồn tại, khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc Đạo sư của họ đã Vô dư Niết-bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa." Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng không nên quy định thêm điều chưa được quy định, không nên bỏ đi điều đã được quy định, nên thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Đây là lời đề nghị.

Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có các điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: "Điều này là được phép đối với các Sa-môn Thích tử, điều này là không được phép." Nếu chúng ta bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: "Các điều học đã được Sa-môn Gotama quy định cho các đệ tử đến lúc người được hỏa táng. Khi nào bậc Đạo sư của họ còn tồn tại, khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc Đạo sư của họ đã Vô dư Niết-bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa." Hội chúng không quy định thêm điều chưa được quy định, không bỏ đi điều đã được quy định, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Đại đức nào đồng ý việc không quy định thêm điều chưa được quy định, không bỏ đi điều đã được quy định, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hội chúng không quy định thêm điều chưa được quy định, không bỏ đi điều đã được quy định, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

11. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Này Sư đệ Ānanda, đây là tội *Dukkaṭa* cho ngươi về việc ngươi đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều nào?" Ngươi hãy trình báo tội *Dukkaṭa* ấy.

– Thưa các ngài, vì không lưu ý nên tôi đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều nào?" Tôi không nhìn thấy tội *Dukkaṭa* ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội *Dukkaṭa* ấy.

– Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *Dukkaṭa* cho ngươi về việc ngươi đạp lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Ngươi hãy trình báo tội *Dukkaṭa* ấy.

– Thưa các ngài, không phải vì không kính trọng mà tôi đã đạp lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Tôi không nhìn thấy tội *Dukkaṭa* ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội *Dukkaṭa* ấy.

– Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *Dukkaṭa* cho ngươi về việc ngươi cho phép phụ nữ đảnh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên; trong khi họ khóc lóc, nhục thân của đức Thế Tôn đã bị lấm lem bởi nước mắt. Ngươi hãy trình báo tội *Dukkaṭa* ấy.

– Thưa các ngài, [nghĩ rằng]: "Những người nữ này không nên ở lại vào ban đêm", nên tôi đã cho phép phụ nữ đảnh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên. Tôi không nhìn thấy tội *Dukkaṭa* ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội *Dukkaṭa* ấy.

– Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *Dukkaṭa* cho ngươi về việc trong khi được ra dấu hiệu rõ ràng, trong khi được làm biểu hiện rõ rệt bởi đức Thế Tôn, ngươi đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: "Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đấng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư thiên và nhân loại." Ngươi hãy trình báo tội *Dukkaṭa* ấy.

– Thưa các ngài, vì tâm đã bị Ma vương ám ảnh nên tôi đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: "Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đấng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư thiên và nhân loại." Tôi không nhìn thấy tội *Dukkaṭa* ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội *Dukkaṭa* ấy.

– Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *Dukkaṭa* cho ngươi về việc ngươi đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Ngươi hãy trình báo tội *Dukkaṭa* ấy.

– Thưa các ngài, [nghĩ rằng]: "Bà Mahāpajāpatī Gotamī này là dì ruột của đức Thế Tôn, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, khi người mẹ ruột qua đời, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa" nên tôi đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Tôi không nhìn thấy tội *Dukkaṭa* ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội *Dukkaṭa* ấy.

12. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Purāṇa đi du hành ở Dakkhiṇāgiri[1] cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vị Tỳ-khưu. Khi ấy, trong lúc Pháp và Luật đang được trùng tụng bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, Đại đức Purāṇa sau khi trú ở Dakkhiṇāgiri theo như ý thích, đã đi đến thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc, chỗ các Tỳ-khưu trưởng lão; sau khi đến đã thân thiện chào hỏi các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Purāṇa đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu trưởng lão đã nói với Đại đức Purāṇa điều này:

– Này Đại đức Purāṇa, Pháp và Luật đã được trùng tụng bởi các vị Trưởng lão. Ngươi hãy hành theo sự trùng tụng ấy.

– Này các Đại đức, Pháp và Luật đã được các vị Trưởng lão trùng tụng một cách tốt đẹp. Tuy nhiên, tôi chỉ ghi nhận chính những gì tôi đã được nghe từ miệng và đã được thọ lãnh từ miệng của đức Thế Tôn thôi.

***

GIẢNG VỀ HÌNH PHẠT PHẠM THIÊN

13. Sau đó, Đại đức Ānanda đã nói với các vị Tỳ-khưu trưởng lão điều này:

– Thưa các ngài, vào thời điểm Vô dư Niết-bàn, đức Thế Tôn đã nói với tôi như vầy: "Này Ānanda, chính vì điều ấy khi ta không còn, hội chúng hãy áp đặt hình phạt Phạm thiên[2] đối với Tỳ-khưu Channa."

– Này Sư đệ Ānanda, vậy ngươi có hỏi đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, vậy hình phạt Phạm thiên là như thế nào?" không?

– Thưa các ngài, quả tôi đã hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Ngài, vậy hình phạt Phạm thiên là như thế nào?" "Này Ānanda, Tỳ-khưu Channa muốn điều gì thì có thể nói điều ấy, còn các Tỳ-khưu không được nói chuyện, không được nhắc nhở, không được chỉ dạy Tỳ-khưu Channa."

– Này Sư đệ Ānanda, chính vì điều ấy, chính Sư đệ hãy áp đặt hình phạt Phạm thiên đối với Tỳ-khưu Channa.

– Thưa các ngài, làm thế nào tôi áp đặt hình phạt Phạm thiên đối với Tỳ-khưu Channa được? Vị Tỳ-khưu ấy dữ tợn và thô lỗ.

– Này Sư đệ Ānanda, chính vì điều ấy, ngươi hãy đi cùng với nhiều vị Tỳ-khưu.

– Thưa các ngài, xin vâng.

---

[1] Dakkhiṇāgiri là tên của ngọn núi ở phía Nam thành Rājagaha và cũng có nghĩa Việt là "ngọn núi ở phía Nam" (ND).

[2] *Brahmadaṇḍa* (hình phạt Phạm thiên): Từ này đã được dịch âm là Phạm đàn (ND).

Rồi Đại đức Ānanda nghe theo các Tỳ-khưu trưởng lão, đã cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vị Tỳ-khưu đáp thuyền ngược dòng nước đi Kosambī. Sau khi rời thuyền, Đại đức Ānanda đã ngồi xuống ở gốc cây nọ, không xa vườn thượng uyển của đức Vua Udena.

14. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Udena đi dạo quanh tại công viên cùng với đám hầu thiếp. Đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã nghe rằng: "Nghe nói Giáo thọ sư của chúng ta là ngài Ānanda đang ngồi ở gốc cây nọ, không xa công viên lắm." Khi ấy, đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã tâu với đức Vua Udena điều này:

– Tâu Chúa thượng, nghe nói Giáo thọ sư của chúng tôi là ngài Ānanda đang ngồi ở gốc cây nọ, không xa công viên lắm. Tâu Chúa thượng, chúng tôi muốn viếng thăm ngài Ānanda.

– Chính vì điều ấy, các khanh hãy thăm viếng Sa-môn Ānanda.

Sau đó, đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Khi đám hầu thiếp ấy đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đám hầu thiếp của đức Vua Udena bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Ānanda chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã dâng lên Đại đức Ānanda năm trăm thượng y. Sau đó, khi đã được hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của Đại đức Ānanda, đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Ānanda, hướng vai phải nhiễu quanh rồi trở về lại đức Vua Udena.

Đức Vua Udena đã nhìn thấy đám hầu thiếp đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với đám hầu thiếp điều này:

– Thế các khanh có viếng thăm Sa-môn Ānanda không vậy?

– Tâu Chúa thượng, chúng tôi đã viếng thăm ngài Ānanda.

– Thế các khanh đã dâng vật gì cho Sa-môn Ānanda vậy?

– Tâu Chúa thượng, chúng tôi đã dâng cho ngài Ānanda năm trăm thượng y.

Đức Vua Udena phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao Sa-môn Ānanda lại thọ lãnh quá nhiều y như vậy? Không lẽ Sa-môn Ānanda sẽ làm nhà buôn vải hay bày ra gian hàng tơ lụa?

15. Sau đó, đức Vua Udena đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã bày tỏ sự thân thiện với Đại đức Ānanda, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Udena đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, có phải đám hầu thiếp của chúng tôi đã đến đây?

– Tâu Đại vương, đám hầu thiếp của ngài đã đến đây.

– Vậy chớ họ đã dâng vật gì đến ngài Ānanda?

– Tâu Đại vương, họ đã dâng đến tôi năm trăm thượng y.

– Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với nhiều y đến thế?

– Tâu Đại vương, các vị Tỳ-khưu nào có y bị tàn tạ, tôi sẽ chia sẻ với các vị ấy.

– Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những y cũ và tàn tạ?

– Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm khăn trải.

– Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những khăn trải bị cũ đi?

– Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm vải bọc nệm.

– Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những vải bọc nệm bị cũ đi?

– Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm thảm lót sàn.

– Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những thảm lót sàn bị cũ đi?

– Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm giẻ chùi chân.

– Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những giẻ chùi chân bị cũ đi?

– Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm giẻ lau bụi.

– Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những giẻ lau bụi bị cũ đi?

– Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ nghiền nhỏ chúng ra trộn với bùn đất rồi trét làm bục nền xung quanh.

Khi ấy, đức Vua Udena [khởi ý rằng]: "Chính tất cả các Sa-môn Thích tử này xử sự hợp lý, không phung phí kiểu trưởng giả", rồi đã dâng lên Đại đức Ānanda năm trăm xấp vải khác nữa. Như vậy, đây là lần đầu tiên vật thí về y đã phát sanh đến Đại đức Ānanda một ngàn y.

16. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến tu viện Ghosita, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, Đại đức Channa đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Channa đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với Đại đức Channa điều này:

– Này Sư đệ Channa, hội chúng đã áp đặt hình phạt Phạm thiên đối với Sư đệ.

– Thưa Sư huynh Ānanda, vậy hình phạt Phạm thiên là như thế nào?

– Này Sư đệ Channa, điều gì Sư đệ muốn với các Tỳ-khưu thì Sư đệ có thể nói điều ấy. Còn các Tỳ-khưu chẳng những không được nói chuyện, còn không được nhắc nhở, không được giảng dạy Sư đệ.

– Thưa Sư huynh Ānanda, như vậy không phải Sư đệ đã bị giết chết hay sao, bởi vì các Tỳ-khưu chẳng những không được nói chuyện, còn không được nhắc nhở, không được giảng dạy Sư đệ nữa?

Rồi bị ngất xỉu, ngã xuống ngay tại chỗ ấy.

17. Sau đó, trong khi bị dằn vặt bởi hình phạt Phạm thiên, trong khi bị tủi hổ, trong khi nhờm gớm, Đại đức Channa một mình đã tách riêng, rồi trong khi sống không bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm nên chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, nhờ vào thắng trí của mình đã chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà. Vị ấy đã biết rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đối với bản thể [A-la-hán] này nữa." Và thêm một vị nữa là Đại đức Channa đã trở thành vị A-la-hán.

Sau đó, khi đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán, Đại đức Channa đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa Sư huynh Ānanda, hôm nay xin hãy thu hồi hình phạt Phạm thiên cho đệ.

– Này Sư đệ Channa, kể từ khi Sư đệ chứng ngộ phẩm vị A-la-hán, kể từ thời điểm ấy, hình phạt Phạm thiên của Sư đệ đã được thu hồi.

Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện năm trăm vị Tỳ-khưu, không thiếu không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là "Liên quan năm trăm vị."

Chương "Liên quan năm trăm vị" là thứ mười một.

*****

Trong chương này gồm có hai mươi ba sự kiện.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Khi đấng Toàn Giác đã Vô dư Niết-bàn, vị Trưởng lão tên Kassapa, người bảo vệ Chánh pháp, đã bảo với nhóm Tỳ-khưu rằng:

2. Trong cuộc hành trình đường xa từ Pāvā, có điều đã được phát biểu bởi Subhadda. Chúng ta hãy trùng tụng Chánh pháp trước khi phi Pháp phát triển.

3. Năm trăm còn thiếu một và vị ấy đã chọn cả Ānanda, cuộc kết tập về Pháp và Luật, trong khi cư trú ở hang động tối thượng.

4. Vị ấy đã hỏi Upāli về Luật, [đã hỏi] bậc Trí Ānanda về Kinh. Các vị đệ tử của đấng Chiến Thắng đã thực hiện việc kết tập Tam tạng.

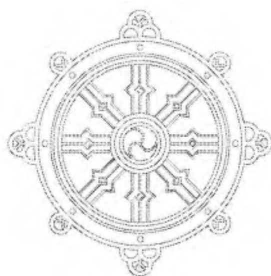
5. Các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, nhiều loại, sự thực hành theo như sự quy định, vị đã không hỏi, và đã đạp lên, đã cho đảnh lễ và đã không cầu khẩn, việc xuất gia cho người nữ, các tội *Dukkaṭa* của tôi là vì niềm tin.

6. Vị Purāṇa và hình phạt Phạm thiên, các hầu thiếp cùng với đức Vua Udena, như vậy quá nhiều và bị tàn tạ, các khăn trải và vải bọc nệm.

7. Các thảm lót sàn, các giẻ chùi chân, lau bụi, trộn với bùn đất, vị đã phát sanh một ngàn y lần đầu có tên gọi là Ānanda.

8. Bị sợ hãi bởi hình phạt Phạm thiên, vị đã đạt được bốn chân lý, các vị có năng lực là năm trăm, vì thế gọi là "năm trăm vị."

--ooOoo--



XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Vào lúc bấy giờ, khi đức Thế Tôn Vô dư Niết-bàn được một trăm năm, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc là "Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép."[1]

2. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka trong khi du hành ở xứ Vajji đã đến trú tại Vesālī. Tại nơi đó, ở Vesālī, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã trú tại Mahāvana, nơi giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī, vào ngày *Uposatha,* sau khi đổ đầy nước vào cái chậu đồng rồi đặt ở giữa hội chúng Tỳ-khưu và nói với các cư sĩ ở Vesālī đang đi qua lại như vầy: "Này các đạo hữu, hãy bố thí đến hội chúng một *kahāpaṇa*, một nửa [*kahāpaṇa*], một *pāda*, một *māsaka*. Hội chúng sẽ có việc phải làm về vật dụng." Khi được nói như vậy, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này: "Này các đạo hữu, chớ có bố thí đến hội chúng một *kahāpaṇa*, một nửa [*kahāpaṇa*], một *pāda*, một *māsaka*. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc."

Trong khi được Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka nói như vậy, các cư sĩ ở Vesālī vẫn bố thí đến hội chúng một *kahāpaṇa*, một nửa [*kahāpaṇa*], một *pāda*, một *māsaka*. Sau đó, vào cuối đêm ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã xác định phần chia tùy theo số lượng Tỳ-khưu rồi đã phân chia số tiền vàng ấy.

---

[1] Mười sự việc này có ý nghĩa như sau: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành lễ *Uposatha* riêng rẽ, được phép hành sự không đủ Tỳ-khưu, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng vật lót ngồi không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc (ND).

3. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka điều này:

– Này Đại đức Yasa, phần chia tiền vàng này thuộc về Đại đức.

– Này các Đại đức, phần chia tiền vàng này không thuộc về tôi, tôi không thích thú tiền vàng.

Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī [bàn bạc rằng]: "Này các Đại đức, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka này quở trách, chê bai, làm giảm đức tin các cư sĩ có niềm tin đã mộ đạo, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy." Họ đã thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã nói với các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī điều này:

– Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã quy định rằng: "Vị sứ giả cùng đi nên được ban đến vị Tỳ-khưu thực hiện hành sự hòa giải." Này các Đại đức, hãy cho tôi vị Tỳ-khưu làm sứ giả cùng đi.

Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã chỉ định một vị Tỳ-khưu và cho làm sứ giả cùng đi với Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka.

4. Sau đó, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka cùng với vị Tỳ-khưu là sứ giả cùng đi đã vào thành Vesālī và đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này:

– Nghe nói tôi quở trách, chê bai, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin đã mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là "phi Pháp", Pháp là "Pháp", phi Luật là "phi Luật", Luật là "Luật."

Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Này các đạo hữu, ở nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

"Này các Tỳ-khưu, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Bốn vật ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, mây là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Này các Tỳ-khưu, sương mù là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, khói bụi là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, Rāhu chúa loài *asura* [hiện tượng nguyệt và nhật thực] là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Này các Tỳ-khưu, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi.

Này các Tỳ-khưu, tương tợ y như thế, đây là bốn điều làm ô nhiễm đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói

lọi. Bốn điều ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, có những Sa-môn và Bà-la-môn uống rượu, uống men say, không chừa bỏ việc uống rượu và men say. Này các Tỳ-khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ nhất đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn thực hiện việc đôi lứa, không chừa bỏ việc đôi lứa. Này các Tỳ-khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ nhì đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn thích thú vàng bạc, không chừa bỏ việc thọ nhận vàng bạc. Này các Tỳ-khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ ba đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn chấp nhận cuộc sống bằng sự nuôi mạng không chân chánh, không chừa bỏ sự nuôi mạng không chân chánh. Này các Tỳ-khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ tư đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt).

Này các Tỳ-khưu, đây là bốn điều làm ô nhiễm đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi.” Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã nói điều ấy, đấng Thiện Thệ đã nói điều ấy, rồi bậc Đạo sư còn nói thêm điều này nữa:

“Có những Sa-môn và Bà-la-môn bị ô nhiễm bởi ái dục và sân, là những người bị che áng bởi vô minh, có sự thỏa thích ở các hình dáng đáng yêu.

Họ uống rượu, men say, theo đuổi việc đôi lứa, thích thú bạc và vàng, họ là những kẻ ngu si tăm tối.

Có những Sa-môn và Bà-la-môn sống bằng tà mạng. Những sự ô nhiễm này đã được nói lên bởi đức Phật, là vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

Những Sa-môn và Bà-la-môn đã bị ô nhiễm bởi những ô nhiễm ấy thì không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi, không trong sạch, có nhiễm bụi, như là loài thú.

Bị bao phủ bởi bóng đêm, họ là những nô lệ của tham ái, là những kẻ bị [tham ái] dẫn đi, họ làm tăng trưởng nghĩa địa kinh hoàng, họ bám lấy sự tái sanh lần nữa.”

Có lời nói như vầy: Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là “phi Pháp”, Pháp là “Pháp”, phi Luật là “phi Luật”, Luật là “Luật.”

5. Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Này các đạo hữu, vào lúc bấy giờ, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: “Vàng bạc được cho phép đối với các Sa-môn

Thích tử; các Sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử thọ nhận vàng bạc.” Này các đạo hữu, vào lúc bấy giờ, vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đang ngồi trong nhóm người ấy.

Này các đạo hữu, khi ấy, vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã nói với nhóm người ấy điều này: “Quý vị chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc.” Này các đạo hữu, vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy.

6. Này các đạo hữu, sau đó, khi đã thuyết phục được nhóm người ấy, vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Này các đạo hữu, khi đã ngồi xuống một bên, vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Bạch Ngài, ở đây, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: ‘Vàng bạc được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử thọ nhận vàng bạc.’ Bạch Ngài, được nói như vậy, con đã nói với nhóm người ấy điều này: ‘Quý vị chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc.’ Bạch Ngài, con đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy. Bạch Ngài, trong khi nói như thế, có phải con là người đã nói đúng lời của đức Thế Tôn và con không vu khống đức Thế Tôn một cách sai trái? Có phải con đã nói theo lý lẽ của giáo pháp? Và có phải người nào có lời nói hợp với giáo lý, đúng theo giáo pháp, không rơi vào vị thế bị chê trách?”

“Này thôn trưởng, đúng vậy. Trong khi nói như thế, ngươi là người đã nói đúng lời của Ta và ngươi không vu khống Ta một cách sai trái. Ngươi đã nói theo lý lẽ của giáo pháp và người nào có lời nói hợp với giáo lý, đúng theo giáo pháp, không rơi vào vị thế đáng bị chê trách. Này thôn trưởng, bởi vì vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử, các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc, các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc, các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc. Này thôn trưởng, đối với kẻ nào vàng bạc là được phép thì đối với kẻ ấy năm phần dục lạc cũng là được phép. Này thôn trưởng, đối với kẻ nào năm phần dục lạc là được phép thì ngươi có thể nắm chắc về điều này là ‘không phải là pháp của Sa-môn, không phải là pháp của Thích tử.’ Này thôn trưởng và Ta còn nói như vầy: Người mong muốn cỏ thì tầm cầu cỏ, người mong muốn củi thì tầm cầu củi, người mong muốn xe cộ thì tầm cầu xe cộ, người mong muốn đàn ông thì tầm cầu đàn ông. Này thôn trưởng, nhưng Ta không có nói rằng: ‘Bằng bất cứ phương tiện gì, vàng bạc nên được thích thú, nên được tầm cầu.’”

Có lời nói như vầy: Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là "phi Pháp", Pháp là "Pháp"; phi Luật là "phi Luật", Luật là "Luật."

7. Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, ở ngay chính nơi ấy, tại thành Rājagaha, đức Thế Tôn đã từ chối vàng bạc và quy định điều học có liên quan đến Đại đức Upananda dòng dõi Sakya. Có lời nói như vầy: "Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là "phi Pháp", Pháp là "Pháp"; phi Luật là "phi Luật", Luật là "Luật."

Khi được nói như thế, các cư sĩ ở Vesālī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka điều này:

– Thưa ngài, chỉ có một mình ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka là Sa-môn Thích tử, chính tất cả các vị kia đều không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka hãy ngụ tại Vesālī. Chúng tôi sẽ nỗ lực về vật dụng là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh đối với ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka.

Sau đó, khi đã khiến cho các cư sĩ ở Vesālī nhận thức được, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka với vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi đã trở về tu viện.

8. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã hỏi vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi rằng:

– Này Sư đệ, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã yêu cầu các cư sĩ ở Vesālī thứ lỗi chưa vậy?

– Chúng ta gặp điều xúi quẩy với các cư sĩ rồi. Chỉ một mình Yasa, con trai của Kākaṇḍaka được xem là Sa-môn Thích tử. Còn chính tất cả chúng ta đã bị xem không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử.

Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī [đã bàn bạc rằng]: "Này các Đại đức, Yasa, con trai của Kākaṇḍaka này chưa được chúng ta chỉ định đã giảng giải cho hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo đối với vị ấy." Họ đã tụ họp lại với ý định thực hiện hành sự án treo đối với vị ấy. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã bay lên không trung và xuất hiện ở Kosambī. Sau đó, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu ở Pāvā, Avanti và khu vực phía Nam [nói rằng]: "Xin các Đại đức hãy đến, chúng ta cần nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi." Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đang ngụ tại núi Ahogaṅga. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã đi đến núi Ahogaṅga gặp Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī rồi

ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã nói với Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī điều này:

– Thưa ngài, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: "Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép." Thưa ngài, vậy chúng ta sẽ nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.

– Này Đại đức, đúng vậy.

Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã trả lời Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka.

9. Sau đó, các Tỳ-khưu ở Pāvā có số lượng sáu mươi vị, tất cả là những vị sống trong rừng, tất cả là những vị hành hạnh khất thực, tất cả là những vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, tất cả là những vị chỉ sử dụng ba y, chính tất cả các vị đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogaṅga. Các Tỳ-khưu ở Avanti và khu vực phía Nam có số lượng tám mươi tám vị, một số vị sống trong rừng, một số vị hành hạnh khất thực, một số vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, một số vị chỉ sử dụng ba y, chính tất cả các vị đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogaṅga.

Khi ấy, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão hội ý, điều này đã khởi lên: "Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Làm thế nào chúng ta có thể đạt được nhóm, nhờ thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn?" Vào lúc bấy giờ, Đại đức Revata ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý rằng: "Chính vị Đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta sẽ đạt được Đại đức Revata chung nhóm, như thế trong sự tranh tụng này, chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn."

Trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đang hội ý, Đại đức Revata nhờ vào thiên nhĩ thông thanh tịnh vượt trội loài người đã nghe được, sau khi nghe được đã khởi ý điều này: "Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Điều không thích đáng cho ta là việc ta lại tránh né các sự tranh tụng như thế này. Và rồi đây, các vị Tỳ-khưu ấy sẽ đi đến, bị lấn cấn bởi các vị ấy, ta đây sẽ đi không thoải mái. Hay là ta nên đi trước?" Khi ấy, Đại đức Revata từ Soreyya đã đi đến Saṅkassa.

10. Sau đó, các vị Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Soreyya hỏi rằng: "Đại đức Revata ở đâu?" Các người ấy đã nói như vầy: "Vị Đại đức Revata ấy đã đi Saṅkassa rồi." Rồi Đại đức Revata từ Saṅkassa đã đi Kaṇṇakujja. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Saṅkassa hỏi rằng: "Đại đức Revata ở đâu?" Các người ấy đã nói như vầy: "Vị Đại đức Revata ấy đã đi Kaṇṇakujja rồi." Rồi Đại đức Revata từ Kaṇṇakujja đã đi Udumbara. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Kaṇṇakujja hỏi rằng: "Đại đức Revata ở đâu?" Các người ấy đã nói như vầy: "Vị Đại đức Revata ấy đã đi Udumbara rồi." Rồi Đại đức Revata từ Udumbara đã đi thành phố Aggaḷa. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Udumbara hỏi rằng: "Đại đức Revata ở đâu?" Các người ấy đã nói như vầy: "Vị Đại đức Revata ấy đã đi thành phố Aggaḷa rồi." Rồi Đại đức Revata từ thành phố Aggaḷa đã đi Sahajāti. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến thành phố Aggaḷa hỏi rằng: "Đại đức Revata ở đâu?" Các người ấy đã nói như vầy: "Vị Đại đức Revata ấy đã đi Sahajāti rồi." Rồi các Tỳ-khưu trưởng lão đã gặp được Đại đức Revata ở Sahajāti.

11. Khi ấy, Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka điều này:

– Này Sư đệ, Đại đức Revata này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta hỏi Đại đức Revata câu hỏi, Đại đức Revata có khả năng trình bày trọn đêm chỉ với một câu hỏi ấy. Và giờ đây, Đại đức Revata sẽ gọi vị Tỳ-khưu đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Khi chấm dứt phần đọc tụng về âm từ của vị Tỳ-khưu ấy, chính Sư đệ nên đi đến gặp Đại đức Revata và hỏi về mười sự việc ấy.

– Thưa ngài, xin vâng.

Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã trả lời Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī. Khi ấy, Đại đức Revata đã gọi vị Tỳ-khưu đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Vào lúc chấm dứt phần đọc tụng về âm từ của vị Tỳ-khưu ấy, khi ấy Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Revata rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã nói với Đại đức Revata điều này:

12. (i) – Thưa ngài, quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép?

– Này Sư đệ, quy định cất giữ muối trong ống sừng ấy là gì?

– Thưa ngài, là mang theo muối bằng ống sừng [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp [thức ăn] thiếu muối", có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

(ii) – Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép?

– Này Sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là gì?

– Thưa ngài, là thọ dụng vật thực sái giờ khi bóng nắng mặt trời [chiếu ở trên đất] đã quá hai ngón tay, có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

(iii) – Thưa ngài, quy định trong làng là được phép?

– Này Sư đệ, quy định trong làng ấy là gì?

– Thưa ngài, là vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực [nghĩ rằng]: "Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng" rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

(iv) – Thưa ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép?

– Này Sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là gì?

– Thưa ngài, là nhiều trú xứ có chung ranh giới thực hiện lễ *Uposatha* riêng biệt, có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

(v) – Thưa ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép?

– Này Sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là gì?

– Thưa ngài, là thực hiện hành sự với hội chúng không đủ số lượng [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ thuyết phục các Tỳ-khưu đi đến", có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

(vi) – Thưa ngài, quy định theo tập quán là được phép?

– Này Sư đệ, quy định theo tập quán ấy là gì?

– Thưa ngài là [vị nghĩ rằng]: "Điều này đã được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này đã được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta" rồi thực hành theo, có được phép không?

– Này Sư đệ, quy định theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép.

(vii) –Thưa ngài, quy định chưa được khuấy là được phép?

– Này Sư đệ, quy định chưa được khuấy ấy là gì?

– Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực, uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

(viii) – Thưa ngài, quy định uống nước trái cây lên men là được phép?

– Này Sư đệ, nước trái cây lên men ấy là gì?

– Thưa ngài, là loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh, uống loại ấy có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

(ix) – Thưa ngài, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép?

– Này Sư đệ, không được phép.

(x) – Thưa ngài, vàng bạc là được phép?

– Này Sư đệ, không được phép.

– Thưa ngài, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ấy ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc này. Thưa ngài, chúng ta hãy nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.

– Này Sư đệ, đúng vậy.

Đại đức Revata đã trả lời Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka.

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

*****

TỤNG PHẨM THỨ NHÌ

13. Các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nghe rằng: "Nghe nói Yasa, con trai của Kākaṇḍaka có ý định nắm lấy sự tranh tụng này nên tầm cầu phe nhóm và nghe nói đã đạt được phe nhóm." Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: "Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Người nào mà chúng ta có thể đạt được chung nhóm, nhờ thế chúng ta trong sự tranh tụng này sẽ là lực lượng mạnh hơn?" Rồi các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: "Chính vị Đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta có thể đạt được Đại đức Revata chung nhóm, như thế chúng ta trong sự tranh tụng này sẽ là lực lượng mạnh hơn."

Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã chuẩn bị nhiều vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lược nước, và đồ lọc nước thông thường. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã mang theo vật dụng cần thiết cho Sa-môn ấy, đáp thuyền ngược dòng đi Sahajāti. Sau khi rời thuyền, họ thực hiện việc chia phần thức ăn ở gốc cây nọ.

14. Khi ấy, Đại đức Sāḷha trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng đã có tư tưởng suy tầm khởi lên như vầy: "Những ai là người nói đúng Pháp, các Tỳ-khưu ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khưu ở Pāvā?" Sau đó, Đại đức Sāḷha trong khi quán xét về Pháp và Luật đã khởi ý điều này: "Các Tỳ-khưu ở về

hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp." Khi ấy, có vị trời nọ ở cõi Tịnh Cư, dùng tâm biết được tư tưởng suy tầm của Đại đức Sāḷha, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh, có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, tương tợ y như thế, vị ấy đã biến mất giữa chư thiên ở cõi Tịnh Cư và hiện ra trước mặt Đại đức Sāḷha. Khi ấy, vị trời ấy đã nói với Đại đức Sāḷha điều này:

– Thưa ngài Sāḷha, đúng vậy. Các Tỳ-khưu ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp. Thưa ngài Sāḷha, chính vì điều ấy, ngài hãy duy trì theo đúng Pháp.

– Này vị trời, ngay cả trước đây và bây giờ, ta luôn duy trì theo đúng Pháp; nhưng ta không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ định ta trong sự tranh tụng này.

15. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī, sau khi cầm lấy số vật dụng cần thiết cho Sa-môn ấy đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã nói với Đại đức Revata điều này:

– Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lược nước và đồ lọc nước thông thường.

– Này các Đại đức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y. Và đã không muốn thọ nhận.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu được hai mươi năm tên Uttara, là thị giả của Đại đức Revata. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã đi đến gặp Đại đức Uttara, sau khi đến đã nói với Đại đức Uttara điều này:

– Xin Đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lược nước và đồ lọc nước thông thường.

– Này các Đại đức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y. Và đã không muốn thọ nhận.

– Này Đại đức Uttara, dân chúng thường dâng vật dụng cần thiết cho Sa-môn đến đức Thế Tôn. Nếu đức Thế Tôn thọ nhận, chính vì điều ấy, họ trở nên hoan hỷ. Nếu đức Thế Tôn không thọ nhận, họ dâng đến Đại đức Ānanda: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lọc nước và bình đựng nước. Như thế sẽ xem như vật ấy đã được đức Thế Tôn thọ lãnh." Xin Đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn; như thế sẽ xem như vật ấy đã được ngài Trưởng lão thọ lãnh.

16. Khi ấy, Đại đức Uttara bị ép buộc bởi các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nhận lấy một y [nói rằng]:

– Này các Đại đức, hãy nói lý do về việc này.

– Xin Đại đức Uttara hãy nói với ngài Trưởng lão chỉ có một điều này: "Thưa ngài, xin ngài Trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này:

Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các xứ sở ở hướng Đông. Các Tỳ-khưu ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vị nói phi Pháp."

– Này các Đại đức, được rồi.

Rồi Đại đức Uttara nghe theo các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī, đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã nói với Đại đức Revata điều này:

– Thưa ngài, xin ngài Trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này: "Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các xứ sở ở hướng Đông. Các Tỳ-khưu ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vị nói phi Pháp."

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã xúi giục ta trong việc phi Pháp.

Vị Trưởng lão đã đuổi Đại đức Uttara đi. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nói với Đại đức Uttara điều này:

– Này Đại đức Uttara, ngài Trưởng lão đã nói gì?

– Này các Đại đức, chúng ta đã làm điều tầm bậy. Ngài Trưởng lão đã đuổi tôi đi [nói rằng]: "Này Tỳ-khưu, ngươi đã xúi giục ta trong việc phi Pháp."

– Này Đại đức Uttara, không phải Đại đức đã thâm niên hai mươi năm rồi hay sao?

– Này các Đại đức, đúng vậy. Tuy nhiên, chúng tôi còn giữ sự nương nhờ với vị thầy.

17. Sau đó, hội chúng có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy, đã tụ hội lại. Khi ấy, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu chúng ta giải quyết sự tranh tụng này ở nơi đây, các Tỳ-khưu là những vị khởi sự có thể nêu lại vấn đề một lần nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này ở ngay tại nơi mà sự tranh tụng này đã sanh khởi.

Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã đi đến Vesālī.

18. Vào lúc bấy giờ, vị Trưởng lão của hội chúng trên trái đất có tên Sabbakāmī đã tu lên bậc trên được một trăm hai mươi năm, là đệ tử của Đại đức Ānanda, đang trú ở Vesālī. Khi ấy, Đại đức Revata đã nói với Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī điều này:

– Này Sư đệ, tôi sẽ đi đến trú xá nơi Trưởng lão Sabbakāmī đang trú ngụ; Sư đệ đây nên đi đến gặp Đại đức Sabbakāmī vào đúng lúc để hỏi về mười sự việc ấy.

– Thưa ngài, xin vâng.

Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đáp lại Đại đức Revata. Sau đó, Đại đức Revata đã đi đến trú xá nơi Trưởng lão Sabbakāmī đang trú ngụ.

Chỗ nằm, ngồi của Đại đức Sabbakāmī là được xếp đặt ở phòng trong, còn của Đại đức Revata ở mặt tiền của phòng trong. Khi ấy, Đại đức Revata [nghĩ rằng]: "Vị Trưởng lão cao niên này không nằm" nên không nằm xuống. Đại đức Sabbakāmī [nghĩ rằng]: "Vị Tỳ-khưu vãng lai này đang mệt vẫn không nằm" rồi đã không nằm xuống.

Sau đó, trong đêm vào lúc hừng sáng, Đại đức Sabbakāmī sau khi đứng dậy đã nói với Đại đức Revata điều này:

– Này Sư đệ mến, hiện nay ngươi thường xuyên an trú với sự an trú nào?

– Thưa ngài, hiện nay tôi thường xuyên an trú với sự an trú tâm từ.

– Này Sư đệ mến, nghe nói hiện nay ngươi thường xuyên an trú với sự an trú còn nông cạn. Này Sư đệ mến, sự an trú còn nông cạn ấy tức là tâm từ.

– Thưa ngài, trước đây khi tôi còn là người tại gia, tâm từ đã được thực hành. Vì thế, hiện nay tôi thường xuyên an trú với sự an trú tâm từ, hơn nữa tôi đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán lâu nay. Thưa ngài, hiện nay ngài Trưởng lão thường xuyên an trú với sự an trú nào?

– Này Sư đệ mến, hiện nay ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không.

– Thưa ngài, nghe nói hiện nay ngài Trưởng lão thường xuyên an trú với sự an trú của bậc Đại nhân. Thưa ngài, sự an trú của bậc Đại nhân ấy tức là trạng thái không.

– Này Sư đệ mến, trước đây, khi ta còn là người tại gia, trạng thái không đã được thực hành. Vì thế, ngay cả bây giờ, ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không, hơn nữa ta đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán lâu nay.

Lúc bấy giờ, cuộc nói chuyện trao đổi này của hai vị Tỳ-khưu trưởng lão là chưa chấm dứt.

19. Rồi Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã ngự đến nơi ấy. Khi ấy, Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đi đến gặp Đại đức Sabbakāmī, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sabbakāmī rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã nói với Đại đức Sabbakāmī điều này:

– Thưa ngài, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: "Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép." Thưa ngài, ngài Trưởng lão đã học tập được nhiều Pháp và Luật ở chân của thầy tế độ; thưa ngài, khi ngài Trưởng lão quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp, các Tỳ-khưu ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khưu ở Pāvā?

– Này Sư đệ, ngươi cũng đã học tập được nhiều Pháp và Luật ở nguồn gốc của thầy tế độ; này Sư đệ, khi ngươi quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp, là các Tỳ-khưu ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khưu ở Pāvā?

– Thưa ngài, khi tôi quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý như vầy: "Các Tỳ-khưu ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp"; tuy nhiên, tôi không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ định tôi trong sự tranh tụng này.

– Này đệ, ngay cả ta khi quán xét về Pháp và Luật cũng khởi ý như vầy: "Các Tỳ-khưu ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp"; tuy nhiên, ta không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ định ta trong sự tranh tụng này.

20. Sau đó, hội chúng có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã tụ hội lại. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được phân xử, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên, và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Khi ấy, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng đã chọn bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā: Đại đức Sabbakāmī, Đại đức Sāḷha, Đại đức Ujjasobhita, Đại đức Vāsabhagāmika là [đại biểu] của các Tỳ-khưu ở hướng Đông; Đại đức Revata, Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī, Đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka và Đại đức Sumana là [đại biểu] của các Tỳ-khưu ở Pāvā.

Sau đó, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đại đức nào thỏa thuận sự chỉ định bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng thỏa thuận nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu tên Ajita, được mười năm, là vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi ấy, hội chúng cũng đã chỉ định Đại đức Ajita là vị sắp xếp chỗ ngồi cho các Tỳ-khưu trưởng lão. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: "Chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở đâu?" Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: "Tu viện Vālika này xinh xắn, ít tiếng động, ít ồn ào; hay là chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở tu viện Vālika?" Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã đi đến tu viện Vālika. Sau đó, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Đại đức Sabbakāmī về Luật.

Đại đức Sabbakāmī đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được vị Revata hỏi về Luật, tôi sẽ trả lời.

Sau đó, Đại đức Revata đã hỏi Đại đức Sabbakāmī điều này:

(i) – Thưa ngài, quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép?

– Này Sư đệ, quy định cất giữ muối trong ống sừng ấy là gì?

– Thưa ngài, là mang theo muối bằng ống sừng [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp [thức ăn] thiếu muối", có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Sāvatthi, trong *Suttavibhaṅga* (*Phân tích Giới bổn*).

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Pācittiya* về vật thực đã được tích trữ.[2]

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ nhất này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ nhất này.

(ii) – Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép?

– Này Sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là gì?

– Thưa ngài, là ăn vật thực sái giờ khi bóng nắng mặt trời [chiếu ở trên đất] đã quá hai ngón tay, có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở thành Rājagaha, trong *Suttavibhaṅga*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

---

[2] Điều học *Pācittiya* 38.

– Phạm tội *Pācittiya* về vật thực sái giờ.[3]

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ nhì này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ nhì này.

(iii) – Thưa ngài, quy định trong làng là được phép?

– Này Sư đệ, quy định trong làng ấy là gì?

– Thưa ngài, là vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực [nghĩ rằng]: "Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng" rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Sāvatthi, trong *Suttavibhaṅga*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Pācittiya* về vật thực không phải là còn thừa.[4]

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ ba này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ ba này.

(iv) – Thưa ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép?

– Này Sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là gì?

– Thưa ngài là nhiều trú xứ có chung ranh giới thực hiện lễ *Uposatha* riêng biệt, có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Rājagaha, trong phần liên quan đến lễ *Uposatha*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Dukkaṭa* về việc vượt quá Luật.

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ tư này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ tư này.

(v) – Thưa ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép?

– Này Sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là gì?

– Thưa ngài, là thực hiện hành sự với hội chúng không đủ số lượng [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ thuyết phục các Tỳ-khưu đi đến", có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

---

[3] Điều học *Pācittiya* 37.

[4] Điều học *Pācittiya* 35.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở trong câu chuyện về Luật của các vị ở Campā.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Dukkaṭa* về việc vượt quá Luật.

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ năm này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ năm này.

(vi) – Thưa ngài, quy định theo tập quán là được phép?

– Này Sư đệ, quy định theo tập quán ấy là gì?

– Thưa ngài, là [vị nghĩ rằng]: "Điều này đã được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này đã được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta" rồi thực hành theo, có được phép không?

– Này Sư đệ, quy định theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép.

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ sáu này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ sáu này.

(vii) – Thưa ngài, quy định chưa được khuấy là được phép?

– Này Sư đệ, quy định chưa được khuấy ấy là gì?

– Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực, uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Sāvatthi, trong *Suttavibhaṅga*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Pācittiya* về vật thực không phải là còn thừa.[5]

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ bảy này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ bảy này.

(viii) – Thưa ngài, quy định uống nước trái cây lên men là được phép?

– Này Sư đệ, nước trái cây lên men ấy là gì?

– Thưa ngài, là uống loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh, uống loại ấy có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

---

[5] Điều học *Pācittiya* 35.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Kosambī, trong *Suttavibhaṅga*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Pācittiya* về việc uống rượu và chất say.[6]

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ tám này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ tám này.

(ix) – Thưa ngài, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép?

– Này Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Sāvatthi, trong *Suttavibhaṅga*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Pācittiya* về vật cần được cắt bỏ.[7]

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ chín này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ chín này.

(x) – Thưa ngài, vàng bạc là được phép?

– Này Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Rājagaha, trong *Suttavibhaṅga*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Pācittiya* về việc thọ nhận vàng bạc.[8]

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ mười này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ mười này.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, mười vấn đề này đã được hội chúng xác định. Như thế, mười sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư.

– Này Sư đệ, sự tranh tụng này đã được kết thúc, đã được yên lặng, đã được giải quyết, đã được giải quyết tốt đẹp. Này Sư đệ, tuy nhiên Sư đệ nên hỏi ta về mười sự việc này ở ngay giữa hội chúng để các Tỳ-khưu ấy cùng nhau hiểu rõ.

---

[6] Điều học *Pācittiya* 51.

[7] Điều học *Pācittiya* 89.

[8] Điều học *Nissaggiya Pācittiya* 18.

22. Sau đó, Đại đức Revata đã hỏi Đại đức Sabbakāmi về mười sự việc ấy ở ngay giữa hội chúng. Mỗi khi được hỏi, Đại đức Sabbakāmi đã trả lời. Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện bảy trăm vị Tỳ-khưu không thiếu, không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là "Liên quan bảy trăm vị."

Chương "Liên quan bảy trăm vị."

*****

Trong chương này có hai mươi lăm sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Mười sự việc, sau khi đổ đầy, hành sự, cùng với sứ giả, vị đã đi vào, bốn [vật làm ô nhiễm], còn nữa, và vàng, Kosambī và vị ở Pāvā.

2. Đường đi, Soreyya, Saṅkassa, Kaṇṇakujja, Udumbara, Aggaḷa và Sahajāti, vị đã nghe, người nào mà chúng ta?

3. Bình bát, bằng thuyền, đã đi ngược dòng, vị ở nơi thanh vắng, dâng đến, vị thầy và hội chúng, thành Vesālī, tâm từ, hội chúng, các đại biểu.

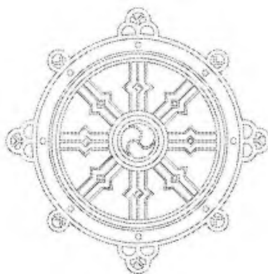
*****

4. Hành sự và hình phạt *Parivāsa*, tích lũy [tội], luôn cả dàn xếp, các tiểu sự, sàng tọa, chia rẽ [hội chúng], phận sự, [đình chỉ] lễ *Uposatha*, Tỳ-khưu-ni, năm trăm, bảy trăm, là các chương ở *Tiểu phẩm*.

[Mười hai chương đã được đề cập đến]

TIỂU PHẨM ĐƯỢC CHẤM DỨT

--ooOoo--



TẠNG LUẬT
(*VINAYAPIṬAKA*)

TẬP YẾU
(*PARIVĀRA*)

LỜI GIỚI THIỆU

Parivāra là tập cuối của *Vinayapiṭaka* (*tạng Luật*). Về ý nghĩa của từ *parivāra*, học giả I. B. Horner phân tích như sau: "... *pari* là tiếp đầu ngữ có ý nghĩa: đi vòng quanh, bao bọc xung quanh, v.v... và *vāra* lấy theo từ gốc của Sanskrit là √*vṛ* có nghĩa là bao phủ..." (√*vṛ* còn có nghĩa thứ hai là chọn lựa); dựa theo đó, chúng tôi tạm lấy tên là "*Tập yếu*" có ý nghĩa nôm na là "*Tập hợp lại những điều chính yếu.*" Những điều chính yếu ấy đã được chọn lọc từ hai bộ Luật *Suttavibhaṅga* và *Khandhaka* rồi được sắp xếp và trình bày qua những góc nhìn khác biệt.

Như vậy, phải chăng bộ *Tập yếu* "*Parivāra*" này không đem lại tư liệu gì mới cho người đọc? Suy nghĩ như vậy xét ra cũng có phần đúng. Tuy nhiên, trong số những người đã đọc qua, thậm chí đã học một cách kỹ lưỡng hai bộ Luật trên, người nào có thể khẳng định rằng bản thân có thể hiểu được chính xác và ghi nhớ đầy đủ các điều đức Phật đã dạy, hoặc nghĩ đến việc hệ thống hóa lại kiến thức về Luật? Chúng ta hãy thử trả lời các câu hỏi sau: "*Các điều học đã được quy định ở bao nhiêu địa điểm? Mỗi địa điểm như vậy được bao nhiêu điều? Có bao nhiêu điều học đã được quy định chung cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni? Là các điều học nào? Có bao nhiêu điều học đã được quy định riêng cho Tỳ-khưu, cho Tỳ-khưu-ni? Là các điều học nào?* v.v..." *Parivāra* đã giải quyết các câu hỏi đó giúp cho người đọc khỏi phải mất thì giờ vận dụng ký ức hoặc phải mở sách ra xem lại.

Mười chín chương của bộ *Tập yếu* (*Parivāra*) được trình bày theo thứ tự như sau:

I. Chương mười sáu phần chính thuộc *Phân tích Giới Tỳ-khưu*: Tóm lược đầy đủ 227 điều học của Tỳ-khưu.

II. Chương mười sáu phần chính thuộc *Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni*: Là phần tóm lược *Bhikkhunīvibhaṅga* gồm các điều học được quy định riêng cho Tỳ-khưu-ni, cách trình bày cũng tương tợ như ở chương trên dành cho Tỳ-khưu.

III. Tóm lược về nguồn sanh tội: Từ thân khẩu ý được phân chia thành sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân, v.v... Có tội chỉ có một nguồn sanh tội, có tội có hai, có tội có ba, có tội có bốn, có tội có sáu, và tất cả có mười ba nhóm có nguồn sanh tội giống nhau.

IV. Tuy được phân ra làm hai phần: (a) Sự trùng lặp liên tục, và (b) Phân tích cách dàn xếp, nhưng phần (b) chỉ là phần tiếp theo của phần (a)

chưa được hoàn tất. Sở dĩ nhận ra được hai phần riêng biệt do việc các nhà kết tập vẫn lưu lại câu văn báo hiệu sự kết thúc của phần đầu: "*Antarapeyyālaṃ niṭṭhitaṃ*" có nghĩa là "*Sự trùng lặp liên tục được chấm dứt.*" Về phương diện hình thức, cả hai phần này là các câu hỏi và đáp mở đầu bằng dạng tiêu đề (*mātikā*).

V. Các câu hỏi về bộ *Hợp phần* (*Khandhaka*): Chỉ là một chương ngắn gọn giới thiệu qua các chương của bộ này gồm có *Đại phẩm* (*Mahāvagga*) và *Tiểu phẩm* (*Cullavagga*) dưới dạng câu hỏi và đáp về bao nhiêu loại tội cho mỗi chương và chấm dứt khi liệt kê đầy đủ 22 chương của bộ Luật này.

VI. Tăng theo từng bậc: Được trình bày dưới dạng pháp số từ nhóm một đến nhóm mười một có nội dung liên quan đến Luật và hình thức được trình bày tương tợ như ở *Kinh Tăng chi bộ* (*Aṅguttaranikāya*) thuộc tạng Kinh.

VII. Các câu vấn đáp về lễ *Uposatha*, v.v...: Chỉ là một chương ngắn đề cập đến các hành sự từ lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, ... hành phạt *Mānatta*, và sự giải tội. Phần thứ nhì nói về lợi ích của việc quy định điều học. Điều đáng lưu ý là chương này được kết thúc với câu "*Mahāvaggo niṭṭhito*" nghĩa là "*Đại phẩm được chấm dứt*," trong khi đó các phần đã được trình bày trong chương này được tìm thấy rải rác trong toàn bộ tạng Luật chứ không phải chỉ riêng ở *Đại phẩm* (*Mahāvaggo*).

VIII. Sưu tập các bài kệ: Phần lớn được trình bày dưới thể kệ có xen vào một số đoạn văn xuôi. Nội dung liệt kê tên của tám địa điểm đã xảy ra việc quy định của các điều học, mỗi nơi là bao nhiêu điều học, v.v... ngoài ra còn phân các điều học thành nhóm theo nhiều khía cạnh khác nhau như quy định chung, quy định riêng, v.v...

IX. Phân tích sự tranh tụng: Phân tích chi tiết về bốn sự tranh tụng và bảy cách dàn xếp. Chủ đề được trình bày cô đọng nhưng không kém phần súc tích cần được tham khảo.

X. Sưu tập khác về các bài kệ: Chỉ là một chương ngắn thuần túy ở thể kệ thuộc đề tài có liên quan đến vị cáo tội: ý nghĩa và mục đích của việc cáo tội, các điểm sai trái chủ yếu mà vị cáo tội cần phải quán xét trong quá trình cáo tội vị khác.

XI. Chương cáo tội: Là phần trình bày tiếp theo của chương trên có liên quan đến vị cáo tội và vị xét xử.

XII. Xung đột (phần phụ): Chỉ là một chương ngắn có liên quan đến vị xét xử, tuy nhiên các chi tiết được trình bày là hoàn toàn mới lạ, không tìm thấy trong các phần Luật đã được đọc qua.

XIII. Xung đột (phần chính): Sự thực hành của vị xét xử được giảng giải chi tiết. Cách thức được trình bày tương tợ như ở bộ *Phân tích Giới bổn*, trước tiên giới thiệu một đoạn văn sau đó là phần giải thích ý nghĩa của từng câu.

XIV. Phân tích *Kaṭhina*: Các điều cần biết về *Kaṭhina* được gom tụ lại dưới dạng hỏi đáp có tính cách tổng quát nhưng không kém phần súc tích, ngoài ra còn có những chi tiết chưa được trình bày ở chương *Kaṭhina* thuộc *Đại phẩm* (*Mahāvagga*).

XV. Nhóm năm của Upāli: Là các câu hỏi của ngài Upāli và câu trả lời của đức Phật như đã được thấy trong *Đại phẩm* (*Mahāvagga*) và *Tiểu phẩm* (*Cullavagga*).

XVI. Nguồn sanh khởi: Trình bày về nguồn sanh tội như đã được đề cập ở chương I, II, III. Trong chương này, nguồn sanh tội là chủ đề chính và được trình bày cô đọng theo từng điều học một.

XVII. Sưu tập các bài kệ (phần hai): Là các câu hỏi đáp liên quan đến tội vi phạm. Tuy nhiên, câu trả lời chỉ có tính cách gợi ý. Có câu có thể dễ dàng liên hệ được vấn đề, nhưng nhiều câu trả lời khác đã chiếm mất nhiều thời gian của chúng tôi trong việc tìm hiểu ý nghĩa từ lời giải thích của ngài Buddhaghosa cũng như xem xét và kiểm tra các phần trích dẫn của Cô I. B. Horner trong bản dịch tiếng Anh.

XVIII. Các bài kệ làm xuất mồ hôi: Là các câu hỏi khó khiến người đọc phải lúng túng và đổ mồ hôi khi suy nghĩ. Về chương này, phần cước chú là điều không thể thiếu sót và cũng đã tạo ra nhiều khó khăn cho chúng tôi trong việc xác định vấn đề. Có một vài câu hỏi, chúng tôi chỉ ghi lời dịch và không thực hiện phần giải thích vì không xác định được nguồn trích dẫn.

XIX. Năm phần: Trình bày theo năm đề tài: Hành sự, điều lợi ích, sự quy định các loại hành sự, bảy cách dàn xếp đã được quy định, và sự tổng hợp theo chín vấn đề khác nhau.

***

Về phần tác giả, nói đúng hơn là vị đã biên tập tài liệu này, chúng ta chỉ biết được tên vị ấy là Dīpa qua lời tổng kết ở phần cuối của tập sách. Vị ấy được giới thiệu là "*bậc trí tuệ đã học hỏi từ các vị thầy và thực hiện Parivāra nhằm làm sáng tỏ Chánh pháp, giúp cho người học Phật giải quyết những hoài nghi đã sanh khởi.*" Có ý kiến cho rằng Dīpa là một vị xuất gia người ở đảo Tích Lan.[1]

Về thời điểm, cũng không thể xác định chắc chắn. Dựa vào bài kệ liệt kê tên các vị Trưởng lão kế thừa tạng Luật được đề cập ở đoạn [3] nêu tên năm vị thuộc Jambudīpa (Ấn Độ), kế tiếp là nhóm năm vị dẫn đầu là ngài Mahinda có trách nhiệm đi hoằng pháp ở Tambapaṇṇi, và vị Trưởng lão cuối cùng trong danh sách ấy có tên là Sīva. Có tài liệu phỏng đoán rằng vị Sīva đã sống vào khoảng thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch;[2] như vậy, có thể suy luận rằng tập *Parivāra* được thực

[1] Dịch giả I. B. Horner ghi lại theo Winternitz, *A History of Indian Literature*, Vol. II, p. 33.

[2] Oskar Von Hinüber, *A Handbook of Pāli Literature,* xem phần giải thích về *Parivāra.*

hiện vào khoảng thời gian đó. Địa điểm đã thực hiện *Parivāra* được mặc nhiên chấp nhận là ở trên hòn đảo Tambapaṇṇi ấy (tức là nước Sri Lanka ngày nay).

Về nội dung, có các vấn đề đáng được lưu ý như sau:

1. *Parivāra* tuy được xếp vào *Tipiṭaka* (Tam tạng), nhưng phần lớn của *Parivāra* không phải là những điều đã được nghe trực tiếp từ chính kim khẩu của đức Phật và được ghi lại nguyên văn như hai bộ Luật kia hoặc các bộ thuộc tạng Kinh; điều này được dễ dàng xác định qua văn bản. *Parivāra* tuy không khẳng định là Phật ngôn nhưng các vấn đề thảo luận không đi ra ngoài những lời dạy của đức Phật.

2. *Parivāra* hiện đang sử dụng gồm có 19 chương; tuy nhiên cuối chương XIV có dòng chữ "*Parivāraṃ niṭṭhitaṃ*" báo hiệu sự kết thúc của *Parivāra*. Dịch giả I. B. Horner dẫn chứng rằng các bản *Chú giải về Luật* và *Kinh Trường bộ* của ngài Buddhaghosa đề cập đến "*soḷasaparivāra*" nghĩa là *Parivāra* gồm có 16 chương và lưu ý chúng ta về chương IV gồm có 2 phần riêng biệt là *Anantarapeyyāla* (Sự trùng lặp liên tục) và *Samathabheda* (Phân tích cách dàn xếp) và chương VII gồm có *Uposathādipucchāvissajjanā* (Các câu vấn đáp về lễ *Uposatha*, v.v...) và *Atthavasapakaraṇa* (Lời giải thích về điều lợi ích) đã được thu gọn lại; theo cách giải thích này chúng ta có được *Parivāra* với mười sáu chương theo như các Chú giải đã đề cập. Như vậy, phải chăng các chương XV-XIX ở phần Chánh tạng và Chú giải đã được thêm vào sau thời kỳ của ngài Buddhaghosa?[3] Điều này cần phải chờ đợi câu trả lời từ các công trình nghiên cứu nghiêm túc hoặc từ sự tìm ra các di tích từ những công cuộc khảo cổ để có được câu trả lời thích đáng.

3. Có điều cần nói thêm rằng: *Parivāra* không phải là sách để đọc thông thường mà được xem là tài liệu học tập, là học cụ giúp cho người nghiên cứu Luật hiểu rõ và nắm vững các vấn đề thuộc về Luật. Sự trình bày vấn đề dưới nhiều góc cạnh, theo từng chủ đề có thể giúp cho người đọc xác định lại kiến thức và góp phần vào việc củng cố sự ghi nhớ. Tuy nhiên, người đọc phổ thông cũng có thể học hỏi được những nét đa dạng trong nghệ thuật phân tích vấn đề.

Trong bản tiếng Việt này, chúng tôi đã giữ nguyên từ Pāli đối với tên gọi của các tội vi phạm và một vài thuật ngữ có tính cách chuyên môn, hy vọng sẽ không gây trở ngại cho việc nghiên cứu của quý vị. Về phần cước chú, bản Chú giải của ngài Buddhaghosa tương đối rõ ràng giúp cho chúng ta có thể hiểu được vấn đề, nhưng muốn có được trích dẫn chính xác cần phải sử dụng bản dịch tiếng Anh của Cô I. B. Horner do có phần cước chú đã được thực hiện rất công phu nhưng thiếu phần tóm lược sự việc nên không giúp cho người đọc liên tưởng ra được vấn đề. Chúng tôi đã tốn nhiều công sức để sử dụng cả hai nguồn tư liệu trên cho phần cước chú của bản dịch này; tuy nhiên, chúng tôi chỉ thực hiện một số cước chú cho những vấn đề cần thiết, một số chúng tôi đã bỏ qua do ngài Buddhaghosa không giải thích, hoặc do chúng tôi không hiểu được ý

[3] Vào khoảng thế kỷ V.

của ngài, một số vấn đề liên quan đến tạng Kinh chúng tôi không có tài liệu để đối chiếu, và một số khác chúng tôi nghĩ rằng quý độc giả có thể biết được vấn đề đang được trình bày ở phần nào trong hai bộ Luật kia.

***

Cũng như các bản dịch trước, bản dịch *Tập yếu* (*Parivāra*) của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pāli La-tinh từ *Compact Disk BUDSIR IV* của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Phần mục lục chúng tôi thực hiện theo các chữ số đánh dấu ở đầu mỗi vấn đề; trình bày theo cách này sẽ giúp quý vị tiết kiệm được thời gian trong việc xác định vấn đề cần tham khảo. Tuy đã nỗ lực tối đa nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, rất mong nhận được những sự chỉ dạy và ý kiến đóng góp của quý vị. Xin email về: dinda@u.washington.edu.

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về *CD Tam tạng BUDSIR IV*. Chúng tôi vô cùng hoan hỷ khi nhận được từ Thượng tọa Chánh Kiến bản dịch *Parivāra* có tên là *Tạp sự bộ* do chính vị ấy đã thực hiện từ bản tiếng Thái vào thời gian trước đây, và cũng không quên tán dương công đức của Đại đức Giác Hạnh về *CD Tam tạng Chaṭṭha Saṅgāyana*, đồng thời đã cho mượn dài hạn các bản dịch tiếng Anh của Cô I. B. Horner. *CD Buddhasāsanā*, quà biếu của Dr. Bình Anson, đã đóng góp phần công đức không nhỏ với các tài liệu về Luật bằng tiếng Việt của quý ngài Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, v.v...

Chúng tôi cũng xin ghi nhận sự ủng hộ nhiệt tình của Đại đức Hộ Phạm đã hy sinh nhiều thời gian cùng chúng tôi suy nghĩ để tìm ra phương thức giải quyết cho những điểm khó về văn phạm cũng như từ ngữ. Cũng cần nhắc đến các sự ủng hộ và lời động viên thăm hỏi của các vị: Hòa thượng Chánh Minh, Dr. Bình Anson, anh Phạm Trọng Độ, chú Nguyễn Hữu Danh, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian, gia đình Lê Thị Tích, bà Diệu Đài, Phật tử Ngọc Ngân. Không có sự khích lệ của quý vị, bản dịch này không thể hoàn thành. Mong sao mọi ước nguyện của quý vị đều được thành tựu như ý.

Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tỳ-khưu chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua.

Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp.

Colombo, ngày 15 tháng 5 năm 2004
Kính bút,
Bhikkhu Indacanda
(Trương Đình Dũng)
(*Hiệu đính lần thứ nhất hoàn tất ngày 30-10-2004*)

ĐẠI PHÂN TÍCH
(*MAHĀVIBHAṄGO*)

1. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

1.1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKA*

Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pārājika* thứ nhất đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? [Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp [tranh tụng]? Ở đấy, điều gì gọi là Luật? Ở đấy, điều gì gọi là Thắng luật? Ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*)? Ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*)? Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều *Pārājika* thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Những ai học tập [điều ấy]? Những ai có việc học tập đã học tập xong? [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Những ai duy trì [điều ấy]? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pārājika* thứ nhất đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Sudinna, con trai của Kalanda.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Sudinna Kalandaputta đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, có hai điều quy định thêm, không có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng?

– Là điều quy định chung.

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]?

– Là điều quy định cho cả hai.

[Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào?

– Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng?

– Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội?

– Thuộc về nhóm tội *Pārājika*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Điều ấy được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Ở đấy, điều gì gọi là Luật? Ở đấy điều gì gọi là Thắng luật?

– Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật.

Ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*)? Ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Sự quy định gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*). Sự phân tích gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*).

Điều gì là sự phạm tội?

– Việc không tự kiềm chế là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu?

– Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành?

– "Tôi sẽ không làm việc như thế", sau khi thọ trì, vị ấy học tập về các điều học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng.

Điều *Pārājika* thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích?

– Điều *Pārājika* thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chế những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, [và] nhằm sự hỗ trợ của Luật.

Những ai học tập [điều ấy]?

– Các bậc Thánh Hữu học và các thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy].

Những ai có việc học tập đã học tập xong?

– Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

[Điều ấy] được tồn tại ở đâu?

– Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì [điều ấy]?

– Những vị nào rành rẽ,[1] những vị ấy duy trì.

Là lời dạy của ai?

– Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Do ai truyền đạt lại?

– Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

(i) *Vị Upāli, luôn cả vị Dāsaka, vị Soṇaka, vị Siggava là tương tợ, với vị Moggalliputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng.*

(ii) *Từ nơi ấy, vị Mahinda*[2] *và vị Iṭṭhiya, vị Uttiya luôn cả vị Sambala và bậc thông thái tên Bhadda, các vị hàng đầu ấy có tuệ vĩ đại từ hòn đảo Jambu đã đi đến nơi đây.*

(iii) *Các vị ấy đã giảng dạy tạng Luật ở Tambapaṇṇi.*[3] *Các vị ấy đã giảng dạy năm bộ Nikāya và bảy bộ Vi diệu pháp.*

---

[1] *Yesaṃ vattatīti yesaṃ vinayapiṭakañca aṭṭhakathā ca sabbā paguṇāti attho* (*VinA*. VII. 1303) = "*Yesaṃ vattati*" có nghĩa là "đối với những vị nào mà toàn bộ *tạng Luật* và *Chú giải* được rành rẽ."

[2] Sau kỳ kết tập Tam tạng lần thứ ba (thế kỷ III TTL), ngài Mahinda và bốn vị được kể tên kế tiếp là Iṭṭhiya, Uttiya, Sambala và Bhadda đã theo lệnh ngài Moggalliputtatissa từ Ấn Độ (Jambudīpa) đã đi đến Tích Lan (Tambapaṇṇi) để hoằng khai giáo pháp (ND).

[3] Tức là đảo Tích Lan (Ceylon), nay là nước Sri Lanka (ND).

(iv) *Sau đó, vị Ariṭṭha thông minh, vị Tissadatta thông thái, vị Kāḷasumana có lòng tự tin và vị Trưởng lão tên Dīgha và vị Dīghasumana thông thái.*

(v) *Thêm nữa là vị Kāḷasumana, Trưởng lão Nāga và vị Buddharakkhita, vị Trưởng lão Tissa thông minh và vị Trưởng lão Deva thông thái.*

(vi) *Thêm nữa là vị Sumana thông minh và nắm vững về Luật. Vị Cūḷanāga nghe nhiều học rộng, khó công kích giống như con voi vậy.*

(vii) *Và vị tên Dhammapālita ở xứ Rohaṇa đã được tôn vinh trọng thể. Đệ tử của người có tên Khema là vị đại tuệ, là bậc thông Tam tạng đã sáng ngời ở trên đảo như chúa của các vì sao nhờ vào trí tuệ.*

(viii) *Và vị Upatissa thông minh, vị Phussadeva là đại Pháp sư. Thêm nữa là vị Sumana thông minh, vị có tên Puppha nghe nhiều học rộng.*

(ix) *Vị Mahāsīva là đại Pháp sư, rành rẽ về mọi vấn đề trong Tam tạng. Thêm nữa là vị Upāli thông minh và nắm vững về Luật.*

(x) *Vị Mahānāga là bậc đại tuệ, rành rẽ về truyền thống của Chánh pháp. Thêm nữa là vị Abhaya thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề trong Tam tạng.*

(xi) *Và Trưởng lão Tissa thông minh, nắm vững về Luật. Đệ tử của người có tên Puppha là bậc đại tuệ, nghe nhiều học rộng, trong khi hộ trì giáo pháp đã thiết lập vững vàng ở hòn đảo Jambu.*

(xii) *Và vị Cūḷābhaya thông minh, nắm vững về Luật. Và vị Trưởng lão Tissa thông minh, rành rẽ về truyền thống của Chánh pháp.*

(xiii) *Và vị Phussadeva thông minh, nắm vững về Luật. Và vị Trưởng lão Sīva thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề về Luật.*

(xiv) *Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapaṇṇi.*

2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pārājika* thứ nhì đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ gốm.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Dhaniya, con trai người thợ gốm đã lấy các cây gỗ của đức vua là những vật chưa được cho.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

3. Điều *Pārājika* thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã đoạt lấy mạng sống lẫn nhau.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

4. Điều *Pārājika* thứ tư đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā đã khen ngợi về pháp thượng nhân của vị này vị nọ đến các cư sĩ.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

Dứt bốn điều *Pārājika*.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Bốn điều *Pārājika* là việc đôi lứa, vật chưa được cho, việc đoạt [mạng sống] của con người và pháp thượng nhân, sự việc nên được chia chẻ, không còn nghi ngờ.

--ooOoo--

1.2. CHƯƠNG *SAṄGHĀDISESA*

Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Saṅghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? Ở đấy, có điều quy định, có

điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? [Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp [tranh tụng]? Ở đấy, điều gì gọi là Luật? Ở đấy, điều gì gọi là Thắng luật? Ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*)? Ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*)? Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều *Saṅghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Những ai học tập [điều ấy]? Những ai có việc học tập đã học tập xong? [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Những ai duy trì [điều ấy]? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Saṅghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Seyyasaka.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Seyyasaka đã gắng sức bằng tay và làm xuất ra tinh dịch.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, có một điều quy định thêm, không có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng?

– Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]?

– Là điều quy định cho một [hội chúng].

[Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào?

– Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng?

– Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội?

– Thuộc về nhóm tội *Saṅghādisesa*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Điều ấy được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Ở đấy, điều gì gọi là Luật? Ở đấy, điều gì gọi là Thắng luật?

– Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật.

Ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*)? Ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Sự quy định gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*). Sự phân tích gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*).

Điều gì là sự phạm tội?

– Việc không tự kiềm chế là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu?

– Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành?

– "Tôi sẽ không làm việc như thế", sau khi thọ trì, vị ấy học tập về các điều học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng.

Điều *Saṅghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích?

– Điều *Saṅghādisesa* đến vị đã gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chế những nhân vật ác xấu, nhằm sự

lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, [và] nhằm sự hỗ trợ của Luật.

Những ai học tập [điều ấy]?

– Các bậc Thánh Hữu học và các thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy].

Những ai có việc học tập đã học tập xong?

– Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

[Điều ấy] được tồn tại ở đâu?

– Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì [điều ấy]?

– Những vị nào rành rẽ, những vị ấy duy trì.

Là lời dạy của ai?

– Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Do ai truyền đạt lại?

– Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vị Upāli luôn cả vị Dāsaka, ...(nt)... *tạng Luật ở Tambapaṇṇi.*

2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, trong khi biết trong khi thấy, điều *Saṅghādisesa* đến vị thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

3. Điều *Saṅghādisesa* đến vị nói với người nữ bằng những lời thô tục đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã nói với người nữ bằng những lời thô tục.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

4. Điều *Saṅghādisesa* đến vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

5. Điều *Saṅghādisesa* đến vị tiến hành việc mai mối đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã tiến hành việc mai mối.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

6. Điều *Saṅghādisesa* đến vị tự mình xin [vật liệu] rồi cho xây dựng cốc liêu đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Āḷavī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu ở Āḷavī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu ở Āḷavī sau khi tự mình xin [vật liệu] rồi đã cho xây dựng các cốc liêu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Saṅghādisesa* đến vị cho xây dựng trú xá lớn đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Channa.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi cho dọn sạch khu đất của trú xá đã bảo người đốn ngã cội cây nọ vốn được dùng làm nơi thờ phượng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Saṅghādisesa* đến vị bôi nhọ Tỳ-khưu với tội *Pārājika* không có nguyên cớ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta với tội *Pārājika* không có nguyên cớ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Điều *Saṅghādisesa* đến vị nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta về tội *Pārājika*.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu chia rẽ hội chúng và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Devadatta.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Devadatta đã ra sức cho việc chia rẽ hội chúng hợp nhất.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

11. Điều *Saṅghādisesa* đến các vị Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ [hội chúng] và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu xu hướng theo Devadatta, là kẻ đang ra sức cho việc chia rẽ hội chúng, đã trở thành những kẻ chủ trương phe nhóm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

12. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu khó dạy và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Channa.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi được các vị Tỳ-khưu nói đúng theo pháp đã tỏ ra ương ngạnh.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

13. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu làm hư hỏng các gia đình và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi đã nói xấu các Tỳ-khưu là có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

Dứt mười ba điều *Saṅghādisesa*.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Việc xuất ra [tinh dịch], sự xúc chạm thân thể, lời thô tục, nhục dục cho bản thân, việc mai mối luôn cả cốc liêu, trú xá và không có nguyên cớ.

Và điều nhỏ nhặt nào đó, sự chia rẽ, những kẻ xu hướng theo chính vị ấy, vị khó khuyên bảo và việc làm hư hỏng các gia đình, là mười ba điều *Saṅghādisesa*.

--ooOoo--

1.3. CHƯƠNG *ANIYATA*

Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Aniyata* thứ nhất đã được quy định tại đâu? ...(nt)... Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Aniyata* thứ nhất đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng?

– Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]?

– Là điều quy định cho một [hội chúng].

Trong năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), [điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào?

– [Điều ấy] được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào?

– Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ tư.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng?

– Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội?

– Có thể thuộc về nhóm tội *Pārājika*, có thể thuộc về nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể thuộc về nhóm tội *Pācittiya.*

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Điều ấy được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện, có thể là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là cách dùng cỏ che lấp.

Ở đấy, điều gì gọi là Luật? Ở đấy, điều gì gọi là Thắng luật?

– Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật.

Ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*)? Ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Sự quy định gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*). Sự phân tích gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*).

Điều gì là sự phạm tội?

– Việc không tự kiềm chế là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu?

– Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành?

– “Tôi sẽ không làm việc như thế”, sau khi thọ trì, vị ấy học tập về các điều học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng.

Điều *Aniyata* thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích?

– Điều *Aniyata* thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chế những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, [và] nhằm sự hỗ trợ của Luật.

Những ai học tập [điều ấy]?

– Các bậc Thánh Hữu học và các thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy].

Những ai có việc học tập đã học tập xong?

– Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

[Điều ấy] được tồn tại ở đâu?

– Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì [điều ấy]?

– Những vị nào rành rẽ, những vị ấy duy trì.

Là lời dạy của ai?

– Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Do ai truyền đạt lại?

– Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vị Upāli, luôn cả vị Dāsaka, ...(nt)... ở hòn đảo Tambapaṇṇī.

2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Aniyata* thứ nhì đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng?

– Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]?

– Là điều quy định cho một [hội chúng].

Trong năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), [điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào?

– [Điều ấy] được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào?

– Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ tư.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng?

– Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội?

– Có thể thuộc về nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể thuộc về nhóm tội *Pācittiya*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Điều ấy được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện, có thể là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là cách dùng cỏ che lấp. ...(nt).

Dứt hai điều *Aniyata*.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Thuận tiện cho việc hành động, đúng y như vậy luôn cả không như vậy, các điều *Aniyata* đã khéo được quy định bởi đức Phật là vị đứng đầu như thế ấy.

--ooOoo--

1.4. CHƯƠNG *NISSAGGIYA*

4.1.

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị vượt quá mười ngày về [việc cất giữ] y phụ trội đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã cất giữ y phụ trội vượt quá mười ngày.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

2. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị xa lìa ba y một đêm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi giao y tận tay của các Tỳ-khưu rồi đã ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và y vai trái.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

3. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi [cất giữ] vượt quá một tháng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi đã [cất giữ] vượt quá một tháng.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

4. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt y cũ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã bảo vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt y cũ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị thọ lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi thọ lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã yêu cầu người con trai nhà đại phú không phải là thân quyến về y.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y vượt quá số lượng cho phép đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã không biết chừng mực và yêu cầu nhiều y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya khi chưa được thỉnh cầu trước đã đi đến gặp gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp các gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya khi chưa được thỉnh cầu trước đã đi đến gặp các gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị đạt được y bằng lời nhắc nhở quá ba lần và bằng hành động đứng [im lặng] quá sáu lần đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya khi được nam cư sĩ nói rằng: “Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay”, đã không chờ đợi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm *Kaṭhina* là thứ nhất.

*****

4.2.

1. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị bảo làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Āḷavī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến gặp các người thợ dệt tơ tằm và nói như vầy: “Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bố thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm.”

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

2. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị bảo làm tấm trải nằm mới mà không lấy một phần lông cừu màu trắng và một phần lông cừu màu nâu đỏ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã để vào một chút ít màu trắng ở viền và theo như thế ấy, đã bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị bảo làm tấm trải nằm mỗi năm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã bảo làm tấm trải nằm mỗi năm.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị bảo làm tấm lót ngồi mới mà không lấy ở phần xung quanh của tấm lót cũ một gang tay của đức Thiện Thệ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã quăng bỏ các tấm trải nằm và thọ trì pháp của vị ở trong rừng, pháp của vị đi khất thực, pháp của vị sử dụng y *paṃsukūla*.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị thọ lãnh các lông cừu và đem đi quá ba do-tuần đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ sau khi thọ lãnh các lông cừu đã đem đi quá ba do-tuần.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

7. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt các lông cừu đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo các Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt các lông cừu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị nhận lãnh vàng bạc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã nhận lãnh vàng bạc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị tiến hành việc trao đổi vàng bạc dưới nhiều hình thức đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã tiến hành việc trao đổi vàng bạc dưới nhiều hình thức.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị tiến hành việc mua bán dưới nhiều hình thức đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại đạo.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Tơ tằm" là thứ nhì.

*****

4.3.

1. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị vượt quá mười ngày về [việc cất giữ] bình bát phụ trội đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã cất giữ bình bát phụ trội.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

2. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị với bình bát cũ chưa đủ năm miếng vá lại sắm bình bát mới đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị nứt chỉ chút ít, bị trầy chỉ chút ít đã yêu cầu nhiều bình bát.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị thọ lãnh các loại dược phẩm rồi [cất giữ] vượt quá bảy ngày đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm đã [cất giữ] vượt quá bảy ngày.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*.[4]...(nt).

4. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị tìm kiếm y choàng tắm mưa lúc mùa nắng còn hơn một tháng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tìm kiếm y choàng tắm mưa lúc mùa nắng còn hơn một tháng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi đã giật lại.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị tự mình yêu cầu chỉ sợi rồi bảo các thợ dệt dệt thành y đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

---

[4] Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý (ND).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã tự mình yêu cầu chỉ sợi rồi bảo các thợ dệt dệt thành y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi [cất giữ] vượt quá thời hạn về y đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi đã [cất giữ] vượt quá thời hạn về y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

9. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị sau khi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà, rồi xa lìa hơn sáu đêm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà rồi đã xa lìa hơn sáu đêm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

10. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho bản thân đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng đã thuyết phục dâng cho bản thân.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Bình bát" là thứ ba.

*****

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Mười ngày, một đêm và một tháng, việc giặt [y cũ] và việc thọ lãnh [y], không phải là thân quyến, đã được dành riêng, của cả hai điều và bởi người sứ giả.

Tơ tằm, thuần [màu đen], hai phần, sáu năm, tấm lót ngồi, hai điều về lông cừu, về việc nhận lấy, cả hai dưới nhiều hình thức.

Hai điều về bình bát, dược phẩm, thuộc mùa mưa, việc lấy lại [y] là thứ năm, tự mình, việc bảo dệt, [y] đặc biệt, sự nguy hiểm và thuộc về hội chúng.

Dứt ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya*.

--ooOoo--

1.5. CHƯƠNG *PĀCITTIYA*

5.1.

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pācittiya* về việc cố tình nói dối đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Hatthaka, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Hatthaka, con trai dòng Sakya trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* về nói lời mắng nhiếc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi cãi cọ với các Tỳ-khưu hiền thiện đã mắng nhiếc các Tỳ-khưu hiền thiện.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* về việc đâm thọc các Tỳ-khưu đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã dạy các cư sĩ đọc pháp theo từng câu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên quá hai ba đêm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Āḷavī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị nằm chung chỗ ngụ với người nữ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Anuruddha.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Anuruddha đã nằm chung chỗ ngụ với người nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu.[5]...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị thuyết pháp đến người nữ hơn năm hay sáu câu đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã thuyết pháp đến người nữ quá năm hay sáu câu.

– Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều pháp theo từng câu.[6]...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị tuyên bố pháp thượng nhân đã thực chứng đến người chưa tu lên bậc trên đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

[5] Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND).

[6] Có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân (ND).

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā đã khen ngợi pháp thượng nhân của vị này vị nọ đến các cư sĩ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu không do ý. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị công bố tội xấu của Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã công bố tội xấu của Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị đào đất đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Āḷavī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu ở Āḷavī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu ở Āḷavī đã đào đất.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Nói dối" là thứ nhất.

*****

5.2.

1. Điều *Pācittiya* về việc phá hoại sự sống của thảo mộc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Āḷavī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu ở Āḷavī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu ở Āḷavī đã chặt cây.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* về việc nói tránh né, về việc gây khó khăn đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Channa.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Channa khi đang được xác định tội ở giữa hội chúng đã phản kháng cách này hoặc cách khác.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* về việc phàn nàn, về việc phê phán đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã phàn nàn với các Tỳ-khưu về Đại đức Dabba Mallaputta.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị sau khi trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc về hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn và ra đi không thông báo đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi trải ra vật nằm ngồi thuộc về hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn và đã ra đi không thông báo.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina* ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn và ra đi không thông báo đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn và đã ra đi không thông báo.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết vẫn chen vào [chỗ] của vị Tỳ-khưu đã đến trước rồi nằm xuống ở trong trú xá thuộc về hội chúng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi nằm xuống.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: Sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị vì nổi giận, bất bình rồi lôi kéo vị Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vì nổi giận, bất bình đã lôi kéo các vị Tỳ-khưu ra khỏi trú xá của hội chúng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị ngồi lên trên chiếc giường hoặc ghế, loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã ngồi lên một cách vội vã trên chiếc giường, loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị sau khi quyết định phương thức của việc lợp mái hai ba lớp lại quyết định vượt quá mức ấy đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Channa.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Channa khi trú xá đã được làm hoàn tất lại cho người lợp thêm ở mái nhiều lớp, tô trét thêm ở tường nhiều lớp, khiến trú xá trở nên quá nặng nề rồi sụp đổ xuống.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết nước có sinh vật vẫn tưới lên cỏ hoặc đất sét đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Āḷavī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu ở Āḷavī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu ở Āḷavī dầu biết nước có sinh vật đã tưới lên cỏ và đất sét.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Thảo mộc" là thứ nhì.

*****

5.3.

1. Điều *Pācittiya* đến vị chưa được chỉ định mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chưa được chỉ định đã giáo giới các Tỳ-khưu-ni.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, có một điều quy định thêm, không có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Cullapanthaka.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Cullapanthaka đã giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều pháp theo từng câu. ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni rồi giáo giới các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến Ni viện rồi đã giáo giới các Tỳ-khưu-ni.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị phát ngôn rằng: "Các Tỳ-khưu giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân lợi lộc" đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã phát ngôn rằng: "Các Tỳ-khưu giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân lợi lộc."

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị cho y đến Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã cho y đến vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị may y cho Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã may y cho vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị hẹn trước rồi đi chung đường xa với Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã hẹn trước rồi đi chung đường xa với các Tỳ-khưu-ni.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với các Tỳ-khưu-ni.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết vẫn thọ thực thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Devadatta.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Devadatta dầu biết đã thọ thực thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Phẩm "Giáo giới" là thứ ba.

*****

5.4.

1. Điều *Pācittiya* đến vị thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá mức ấy đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, sau khi tiếp tục trú ngụ, đã thọ dụng vật thực ở phước xá.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* trong trường hợp vật thực dâng chung nhóm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Devadatta.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Devadatta cùng với tùy tùng đã liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực.

– Có một điều quy định, có bảy điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* trong trường hợp vật thực thỉnh sau đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu được thỉnh mời nơi này đã thọ thực ở nơi khác.

– Có một điều quy định, có bốn điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị sau khi đã thọ lãnh đầy hai hoặc ba bình bát bánh ngọt lại thọ lãnh quá mức ấy đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã thọ lãnh không biết chừng mực.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại thọ thực vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu khi thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] đã thọ thực [thêm] ở nơi khác.

– Có một điều quy định, có điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã thỉnh cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] nhận lãnh thức ăn không phải là thức ăn còn thừa.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm vào lúc sái thời đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã thọ dụng vật thực vào lúc sái thời.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm đã được tích trữ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Belaṭṭhisīsa.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Belaṭṭhisīsa đã thọ dụng vật thực đã được tích trữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

Phẩm "Vật thực" là thứ tư.

*****

5.5.

1. Điều *Pācittiya* đến vị tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lõa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Ānanda.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Ānanda đã cho nữ du sĩ ngoại đạo nọ hai cái bánh ngọt [mà] nghĩ rằng một cái.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị [nói với] vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ vào làng hoặc thị trấn để khất thực", sau khi bảo bố thí hoặc bảo đừng bố thí cho vị ấy rồi đuổi đi đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya [nói với] vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ vào làng để khất thực", sau khi bảo đừng bố thí cho vị ấy rồi đã đuổi đi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị, khi đã được thỉnh mời khi đã có bữa trai phạn, còn đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn mà không thông báo cho vị Tỳ-khưu hiện diện đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn, còn đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn.

– Có một điều quy định, có bốn điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị yêu cầu dược phẩm trị bệnh vượt quá thời hạn [thỉnh cầu] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi được Mahānāma dòng Sakya nói rằng: "Thưa các ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay", đã không chờ đợi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị đi để xem quân đội động binh đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi để xem quân đội động binh.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị cư ngụ trong binh đội quá ba đêm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã cư ngụ trong binh đội quá ba đêm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị đi đến nơi tập trận đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến nơi tập trận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

Phẩm "Đạo sĩ lõa thể" là thứ năm.

*****

5.6.

1. Điều *Pācittiya* về việc uống rượu và men say đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Sāgata.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Sāgata đã uống rượu mạnh.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* về việc thọt léc bằng ngón tay đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chọc cười vị Tỳ-khưu bằng cách dùng ngón tay thọt léc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* về việc chơi giỡn ở trong nước đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã đùa giỡn trong nước ở dòng sông Aciravatī.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* về sự không tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Channa.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Channa đã thể hiện sự không tôn trọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị làm Tỳ-khưu kinh sợ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã làm vị Tỳ-khưu kinh sợ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị tự mình đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã tự mình đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm.

– Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị tắm khi chưa đủ nửa tháng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi nhìn thấy đức vua rồi đã tắm không biết chừng mực.

– Có một điều quy định, có sáu điều quy định thêm.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho khu vực.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị sử dụng y mới khi chưa áp dụng cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã không nhận biết y của bản thân.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị sau khi chú nguyện dùng chung y của mình đến vị Tỳ-khưu hoặc đến vị Tỳ-khưu-ni hoặc đến cô Ni tu tập sự hoặc đến vị Sa-di hoặc đến vị Sa-di-ni lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya sau khi chú nguyện dùng chung y của mình đến vị Tỳ-khưu rồi đã sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị thu giấu bình bát hoặc y hoặc tấm lót ngồi hoặc ống đựng kim hoặc dây thắt lưng của vị Tỳ-khưu đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thu giấu bình bát và y của các Tỳ-khưu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Rượu và chất say" là thứ sáu.

*****

5.7.

1. Điều *Pācittiya* đến vị cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết nước có sinh vật vẫn sử dụng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết nước có sinh vật đã sử dụng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết vẫn che giấu tội xấu của vị Tỳ-khưu [khác] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ dầu biết đã che giấu tội xấu của vị Tỳ-khưu [khác].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu dầu biết đã cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết vẫn hẹn trước rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ dầu biết vẫn hẹn trước rồi đã đi chung đường xa với đám người đạo tặc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị hẹn trước rồi đi chung đường xa với người nữ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã hẹn trước rồi đi chung đường xa với người nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu Ariṭṭha trước kia là người huấn luyện chim ưng.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu Ariṭṭha trước kia là người huấn luyện chim ưng đã không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết vẫn hưởng thụ chung với vị Tỳ-khưu phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy, đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết đã hưởng thụ chung với Tỳ-khưu Ariṭṭha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết vẫn dụ dỗ vị Sa-di đã bị trục xuất như thế [vì không từ bỏ tà kiến] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết đã dụ dỗ Sa-di Kaṇḍaka đã bị trục xuất như thế [vì không từ bỏ tà kiến].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Có sinh vật" là thứ bảy.

*****

5.8.

1. Điều *Pācittiya* đến vị khi được các Tỳ-khưu nhắc nhở theo pháp lại nói rằng: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật" đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Channa.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Channa khi được các Tỳ-khưu nhắc nhở đúng Pháp đã nói rằng: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật."

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị chê bai Luật đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chê bai Luật.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* về việc [giả vờ] ngu dốt đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã [giả vờ] ngu dốt.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị vì nổi giận bất bình rồi tung cú đánh vào vị Tỳ-khưu [khác] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vì nổi giận bất bình đã tung cú đánh vào các Tỳ-khưu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị vì nổi giận bất bình rồi giơ tay dọa đánh vị Tỳ-khưu [khác] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vì nổi giận bất bình đã giơ tay dọa đánh các Tỳ-khưu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu [khác] về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc cho vị Tỳ-khưu [khác] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc cho các vị Tỳ-khưu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị đứng lắng nghe các Tỳ-khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đứng lắng nghe các Tỳ-khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng Pháp sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng Pháp sau đó đã tiến hành việc phê phán.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị không trao ra sự tùy thuận rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ sau khi không trao ra sự tùy thuận rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

11. Điều *Pācittiya* đến vị sau khi cùng với hội chúng hợp nhất cho y sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi cùng với hội chúng hợp nhất cho y, sau đó đã tiến hành việc phê phán.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

12. Điều *Pācittiya* đến vị dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho cá nhân đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng đã thuyết phục dâng cho cá nhân.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Theo pháp" là thứ tám.

*****

5.9.

1. Điều *Pācittiya* đến vị đi vào hậu cung của đức vua khi chưa báo tin trước đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Ānanda.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Ānanda đã đi vào hậu cung của đức vua khi chưa báo tin trước.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị nhặt lấy vật quý giá đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã nhặt lấy vật quý giá.

– Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị đi vào làng lúc sái thời không báo cho vị Tỳ-khưu hiện diện đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi vào làng lúc sái thời.

– Có một điều quy định, có ba điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị bảo làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu không biết chừng mực đã yêu cầu nhiều ống đựng kim.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị bảo làm giường hoặc ghế vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã nằm ở giường cao.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị bảo làm giường hoặc ghế có độn bông gòn đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo làm giường và ghế có độn bông gòn.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị bảo làm tấm lót ngồi vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã sử dụng các tấm lót ngồi không đúng kích thước.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị bảo làm y đắp ghẻ vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã sử dụng các y đắp ghẻ không đúng kích thước.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị bảo làm vải choàng tắm mưa vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã sử dụng các vải choàng tắm mưa không đúng kích thước.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Nanda.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Nanda đã sử dụng y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Đức vua" là thứ chín.

Dứt chín mươi hai điều *Pācittiya*.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Nói dối, sự mắng nhiếc, nói đâm thọc, theo từng câu, hai điều về việc nằm, việc thuyết giảng, và luôn cả việc tuyên bố, tội xấu, việc đào xới.

2. Thảo mộc, nói tráo trở, vị đã phàn nàn, giường và việc nằm được nói đến, vị đến trước, việc lôi kéo ra, loại có chân tháo rời được, cửa lớn, có sinh vật.

3. Chưa được chỉ định, khi [mặt trời] đã lặn, chỗ trú ngụ [của Tỳ-khưu-ni] và vì vật chất, vị cho [y], vị may [y], với sự hẹn trước, [chung] thuyền, [nếu] thọ thực, [ngồi] chung.

4. Vật thực [ở phước xá], [vật thực] chung nhóm, [thọ thực] nơi khác, bánh ngọt, vị đã ngăn [vật thực], đối với vị đã ngăn [vật thực], lúc sái thời, sự tích trữ, sữa tươi với tăm xỉa răng, các điều ấy là mười.

5. Nữ đạo sĩ lõa thể, việc đuổi đi, sau khi đi vào, được che khuất và với nơi kín đáo, vị đã được thỉnh mời, với các vật dụng, [xem] đội quân, việc trú ngụ [nơi binh đội], nơi tập trận.

6. Rượu, ngón tay, việc chơi giỡn [ở trong nước], sự không tôn trọng và sự làm cho kinh sợ, ngọn lửa, việc tắm, việc hoại sắc, đích thân [chú nguyện], do việc thu giấu.

7. Cố ý [giết hại], nước [có sinh vật], [khơi lại] các hành sự, [che giấu] tội xấu, chưa đủ hai mươi tuổi, [đám người] đạo tặc, người nữ, trong khi chỉ ra, về việc ngụ chung và vị [Sa-di] đã bị trục xuất.

8. Theo pháp, việc gây ra bối rối, sự giả vờ ngu dốt, cú đánh, về sự giá tay [dọa đánh], không có nguyên cớ, cố ý, tôi sẽ lắng nghe, về việc phê phán, vị bỏ đi, sau khi cùng hội chúng cho đi, vị thuyết phục dâng cá nhân.

9. Và của đức vua, vật quý giá, vị hiện diện, kim may, và [chân] giường, [độn] bông gòn, vật lót ngồi, [y đắp] ghẻ, [choàng tắm] thuộc mùa mưa và [y] đức Thiện Thệ.

*****

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY

Nói dối, thảo mộc, giáo giới, vật thực, đạo sĩ lõa thể, [uống] rượu, có sinh vật, [theo] pháp, với phẩm về đức vua, các phẩm ấy là chín.

--ooOoo--

1.6. CHƯƠNG *PĀṬIDESANĪYA*

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pāṭidesanīya* đến vị tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, rồi thọ thực đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã thọ lãnh vật thực từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ rồi thọ thực đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

3. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị tự tay thọ lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học rồi thọ thực đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã thọ lãnh không biết chừng mực.

– Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

4. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng rồi thọ thực đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã không thông báo về bọn trộm cướp đang ẩn náu trong tu viện.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

Dứt bốn điều *Pāṭidesanīya*.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Không phải là thân quyến, vị đang chỉ bảo bày thức ăn, bậc Thánh Hữu học, với vị ngụ ở rừng, bốn điều *Pāṭidesanīya* đã được giảng giải bởi đấng Toàn Giác.

--ooOoo--

1.7. CÁC ĐIỀU *SEKHIYA*

7.1.

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Dukkaṭa* đến vị quấn y [nội] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã quấn y [nội] để lòng thòng phía trước và phía sau.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Điều *Dukkaṭa* đến vị trùm y [vai trái] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã trùm y [vai trái] để lòng thòng phía trước và phía sau.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

3. Điều *Dukkaṭa* đến vị để hở thân rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã để hở thân rồi đi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

4. Điều *Dukkaṭa* đến vị để hở thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã để hở thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

5. Điều *Dukkaṭa* đến vị múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã múa máy tay chân khi đi nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

6. Điều *Dukkaṭa* đến vị múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

7. Điều *Dukkaṭa* đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nhìn chỗ này chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

8. Điều *Dukkaṭa* đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nhìn chỗ này chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

9. Điều *Dukkaṭa* đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

10. Điều *Dukkaṭa* đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Phẩm "Tròn đều" là thứ nhất.

*****

7.2.

1. Điều *Dukkaṭa* đến vị đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà, cười tiếng cười lớn.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

2. Điều *Dukkaṭa* đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà, cười tiếng cười lớn.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

3. Điều *Dukkaṭa* đến vị trong khi đi ở nơi xóm nhà gây tiếng động ồn tiếng động lớn do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà, gây tiếng động ồn tiếng động lớn. ...(nt).

4. Điều *Dukkaṭa* đến vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà gây tiếng động ồn tiếng động lớn do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà, gây tiếng động ồn tiếng động lớn. ...(nt).

5. Điều *Dukkaṭa* đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân. ...(nt)... sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

6. Điều *Dukkaṭa* đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân. ...(nt).

7. Điều *Dukkaṭa* đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay. ...(nt).

8. Điều *Dukkaṭa* đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay. ...(nt).

9. Điều *Dukkaṭa* đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu. ...(nt).

10. Điều *Dukkaṭa* đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Phẩm "Cười vang" là thứ nhì.

*****

7.3.

1. Điều *Dukkaṭa* đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Điều *Dukkaṭa* đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng ...(nt).

3. Điều *Dukkaṭa* đến vị đi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng ...(nt).

4. Điều *Dukkaṭa* đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng ...(nt).

5. Điều *Dukkaṭa* đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng ...(nt).

6. Điều *Dukkaṭa* đến vị ngồi ôm đầu gối ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng...(nt).

7. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng ...(nt).

8. Điều *Dukkaṭa* đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ lãnh đồ khất thực do không có sự tôn trọng ...(nt).

9. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ lãnh quá nhiều súp do không có sự tôn trọng ...(nt).

10. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Phẩm “Chống nạnh” là thứ ba.

*****

7.4.

1. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Điều *Dukkaṭa* đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng ...(nt).

3. Điều *Dukkaṭa* đến vị lựa chọn món này món nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng ...(nt).

4. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ dụng quá nhiều súp do không có sự tôn trọng ...(nt).

5. Điều *Dukkaṭa* đến vị vun lên thành đống rồi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng ...(nt).

6. Điều *Dukkaṭa* đến vị dùng cơm che lấp súp và thức ăn do không có sự tôn trọng ...(nt).

7. Điều *Dukkaṭa* đến vị không bị bệnh yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

8. Điều *Dukkaṭa* đến vị nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

9. Điều *Dukkaṭa* đến vị làm vắt cơm lớn do không có sự tôn trọng ...(nt).

10. Điều *Dukkaṭa* đến vị làm vắt cơm dài do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã làm vắt cơm dài do không có sự tôn trọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Phẩm "Đồ ăn khất thực" là thứ tư.

*****

7.5.

1. Điều *Dukkaṭa* đến vị há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Điều *Dukkaṭa* đến vị đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn trọng ...(nt).

3. Điều *Dukkaṭa* đến vị nói khi miệng có vắt cơm do không có sự tôn trọng ...(nt)... sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. ...(nt).

4. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục do không có sự tôn trọng ...(nt)... sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

5. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một do không có sự tôn trọng ...(nt).

6. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực theo lối làm phồng má do không có sự tôn trọng ...(nt).

7. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt).

8. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực có sự làm rơi đổ cơm do không có sự tôn trọng ...(nt).

9. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực có sự le lưỡi do không có sự tôn trọng ...(nt).

10. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực có làm tiếng chép chép do không có sự tôn trọng ...(nt).

Phẩm "Vắt cơm" là thứ năm.

*****

7.6.

1. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã uống sữa có làm tiếng sột sột.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực có sự liếm tay do không có sự tôn trọng ...(nt).

3. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng ...(nt).

4. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ thực có sự liếm môi do không có sự tôn trọng ...(nt).

5. Điều *Dukkaṭa* đến vị thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn. ...(nt).

6. Điều *Dukkaṭa* đến vị đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà. ...(nt).

7. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. ...(nt).

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. ...(nt).

8. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt).

9. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt).

10. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt).

Phẩm "Tiếng sột sột" là thứ sáu.

*****

7.7.

1. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người có mang giày do không có sự tôn trọng ...(nt).

2. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người có mang dép do không có sự tôn trọng ...(nt).

3. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người ở trên xe do không có sự tôn trọng ...(nt).

4. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người đang nằm do không có sự tôn trọng ...(nt).

5. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người ngồi ôm đầu gối do không có sự tôn trọng ...(nt).

6. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người đội khăn ở đầu do không có sự tôn trọng ...(nt).

7. Điều *Dukkaṭa* đến vị thuyết pháp đến người có đầu được trùm lại do không có sự tôn trọng ...(nt).

8. Điều *Dukkaṭa* đến vị ngồi ở nền đất rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý.[7]

9. Điều *Dukkaṭa* đến vị ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao do không có sự tôn trọng ...(nt).

10. Điều *Dukkaṭa* đến vị đứng thuyết pháp đến người đang ngồi do không có sự tôn trọng ...(nt).

11. Điều *Dukkaṭa* đến vị đang đi phía sau thuyết pháp đến người đang đi ở phía trước do không có sự tôn trọng ...(nt).

12. Điều *Dukkaṭa* đến vị đang đi bên đường thuyết pháp đến người đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng ...(nt).

13. Điều *Dukkaṭa* đến vị đứng đại tiện, hoặc tiểu tiện do không có sự tôn trọng ...(nt).

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

14. Điều *Dukkaṭa* đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng ...(nt).

15. Điều *Dukkaṭa* đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ vào trong nước.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Phẩm "Giày dép" là thứ bảy.

Dứt bảy mươi lăm điều *Sekhiya*.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

1. [Quấn] tròn đều, che kín, khéo thu thúc, mắt nhìn xuống, được vén lên, tiếng cười vang, giọng nói [nhỏ nhẹ] và luôn cả ba việc đung đưa.

[7] Tam tạng Thái Lan ghi rằng: "... sanh lên do khẩu và do ý, không do thân."

2. Và luôn cả việc chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, sự ôm đầu gối. Một cách nghiêm trang, và chú tâm ở bình bát, lượng súp tương xứng, vừa ngang miệng bình bát.

3. Một cách nghiêm trang, chú tâm ở bình bát, theo tuần tự, lượng súp tương xứng, vun lên thành đống, được che lấp, sự yêu cầu, ý định tìm lỗi.

4. [Nắm cơm] không lớn, tròn đều, cửa miệng, trọn bàn tay, không nói, liên tục đưa cơm, việc cắn [từng chút], làm phồng má, rảy tay, việc làm rơi đổ cơm.

5. Và luôn cả việc le lưỡi, tiếng chép chép, tiếng sột sột, [liếm] tay, bình bát, [liếm] môi, [tay] có dính thức ăn,[nước] có cơm.

6. Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh pháp đến người có dù ở bàn tay; cũng thế, tay cầm gậy, tay cầm dao và vũ khí.

7. Và luôn cả người [mang] dép, giày, ngồi xe, đang nằm, người ngồi ôm đầu gối và người đội khăn, trùm đầu.

8. Ở nền đất, chỗ ngồi thấp, đứng, [đi] phía sau và bên lề đường. Vị đứng không nên làm ở trên cỏ và trong nước.

*****

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY

Tròn đều, cười lớn tiếng, việc chống nạnh và đồ khất thực là tương tợ như thế ấy, các vắt cơm, luôn cả tiếng sột sột với giày dép là thứ bảy.

Dứt phần quy định tại đâu thuộc bộ *Đại Phân tích*.[8]

--ooOoo--

2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI

2.1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKA*

1. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội: Vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể chưa bị [thú] ăn thì phạm tội *Pārājika*; vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần thì phạm tội *Thullaccaya*; và vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội này.

2. Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội: Vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka* thì phạm tội

[8] Phần phân tích về giới dành cho Tỳ-khưu có tên là *Đại Phân tích* hoặc *Phân tích Giới Tỳ-khưu* (ND).

Pārājika; vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá hơn một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka* thì phạm tội *Thullaccaya*; vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka* thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội này.

3. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống con người vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội: Vị đào hố để bẫy người [nghĩ rằng]: "Người rơi xuống sẽ chết" thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [ở nạn nhân] thì phạm tội *Thullaccaya*; [nạn nhân] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội này.

4. Vị trong khi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm ba tội: Vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội *Pārājika*; vị nói rằng: "Vị [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*; [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị trong khi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm ba tội này.

Dứt bốn điều *Pārājika*.

*****

2.2. CHƯƠNG *SAṄGHĀDISESA*

1. Vị trong khi gắng sức và làm xuất ra tinh dịch vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi gắng sức và làm xuất ra tinh dịch vi phạm ba tội: Vị có ý định, gắng sức, bị xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị có ý định, gắng sức, không bị xuất ra thì phạm tội *Thullaccaya*; lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*.

2. Vị trong khi thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ vi phạm ba tội: Vị sờ vào thân [người nữ] bằng thân [vị ấy] thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị sờ vào vật được gắn liền với thân [người nữ] bằng thân [vị ấy] thì phạm tội *Thullaccaya*; vị sờ vào vật được gắn liền với thân [người nữ] bằng vật được gắn liền với thân [vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vị trong khi nói với người nữ bằng những lời thô tục vi phạm ba tội: Vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến đường tiêu, đường tiểu thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên trừ ra đường tiêu và đường tiểu thì phạm tội *Thullaccaya*; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến vật gắn liền với thân thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vị trong khi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân vi phạm ba tội: Vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn thì phạm tội *Thullaccaya*; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của loài thú thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Vị trong khi tiến hành việc mai mối vi phạm ba tội: Vị nhận lời, thông báo, đem lại [hồi báo] thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị nhận lời, thông báo, không đem lại [hồi báo] thì phạm tội *Thullaccaya*; vị nhận lời, không thông báo, không đem lại [hồi báo] thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Vị trong khi tự xin [vật liệu] rồi bảo xây dựng cốc liêu vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

7. Vị trong khi bảo xây dựng trú xá lớn vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

8. Vị trong khi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* không có nguyên cớ vi phạm ba tội: Vị khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội *Dukkaṭa* và tội *Saṅghādisesa*; sau khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.[9]

9. Vị sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi trong khi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* vi phạm ba tội: Vị khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*; sau khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

10. Vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

11. Các Tỳ-khưu là những kẻ ủng hộ vị chia rẽ [hội chúng] trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

12. Vị Tỳ-khưu khó dạy trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời

[9] Tức là tội *Pācittiya* thứ nhì (ND).

tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

13. Vị Tỳ-khưu là người làm hư hỏng các gia đình trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Dứt mười ba điều *Saṅghādisesa*.

*****

2.3. CHƯƠNG *NISSAGGIYA*

3.1.

1. Vị trong khi vượt quá mười ngày về [việc cất giữ] y phụ trội vi phạm một tội *Nissaggiya Pācittiya*.

2. Vị trong khi xa lìa [một trong] ba y một đêm vi phạm một tội *Nissaggiya Pācittiya*.

3. Vị sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ, trong khi vượt quá một tháng vi phạm một tội *Nissaggiya Pācittiya*.

4. Vị trong khi bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt y cũ dơ vi phạm hai tội: Vị bảo giặt, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được giặt xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

5. Vị trong khi nhận lãnh y từ tay của Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến phạm hai tội: Vị nhận lấy, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã nhận lấy thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

6. Vị trong khi yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y vi phạm hai tội: Vị yêu cầu, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã yêu cầu thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

7. Vị trong khi yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y vượt quá số lượng ấy vi phạm hai tội: Vị yêu cầu, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã yêu cầu thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

8. Vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp người gia chủ không phải là thân quyến, trong khi đưa ra sự căn dặn về y vi phạm hai tội: Vị đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã đưa ra sự căn dặn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

9. Vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp các gia chủ không phải là thân quyến, trong khi đưa ra sự căn dặn về y vi phạm hai tội: Vị đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã đưa ra sự căn dặn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

10. Vị trong khi đạt được y bằng lời nhắc nhở quá ba lần và bằng hành động đứng quá sáu lần vi phạm hai tội: Vị đạt được [y], lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã đạt được [y] thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

Phẩm *Kaṭhina* là thứ nhất.

*****

3.2.

1. Vị trong khi bảo làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

2. Vị trong khi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

3. Vị trong khi bảo làm tấm trải nằm mới mà không lấy một phần lông cừu màu trắng và một phần lông cừu màu nâu đỏ vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

4. Vị trong khi bảo làm tấm trải nằm mỗi năm vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

5. Vị trong khi bảo làm tấm lót ngồi mới mà không lấy ở phần xung quanh của tấm trải nằm cũ một gang tay của đức Thiện Thệ vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

6. Vị sau khi thọ lãnh các lông cừu, trong khi mang đi quá ba do-tuần vi phạm hai tội: Vị mang đi quá ba do-tuần bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; mang đi quá bước thứ nhì thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

7. Vị trong khi bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt các lông cừu phạm hai tội: Vị bảo giặt, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được giặt xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

8. Vị trong khi nhận lãnh vàng bạc vi phạm hai tội: Vị cầm lấy, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã cầm lấy thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

9. Vị trong khi thực hiện việc trao đổi vàng bạc dưới nhiều hình thức vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thực hiện thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

10. Vị trong khi thực hiện việc mua bán dưới nhiều hình thức vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thực hiện thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

Phẩm "Tơ tằm" là thứ nhì.

*****

3.3.

1. Vị trong khi vượt quá mười ngày về [việc cất giữ] bình bát phụ trội vi phạm một tội *Nissaggiya Pācittiya.*

2. Vị trong khi sắm bình bát mới khác với bình bát cũ chưa đủ năm miếng vá vi phạm hai tội: Vị sắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

3. Vị sau khi thọ lãnh các dược phẩm, trong khi [cất giữ] vượt quá bảy ngày vi phạm một tội *Nissaggiya Pācittiya.*

4. Vị trong khi tìm kiếm y choàng tắm mưa khi còn hơn một tháng của mùa nắng vi phạm hai tội: Vị tìm kiếm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã kiếm được thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

5. Vị sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu rồi nổi giận bất bình, trong khi giật lại vi phạm hai tội: Vị giật lại, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã giật lại thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

6. Vị sau khi tự mình yêu cầu chỉ sợi, trong khi bảo các thợ dệt dệt thành y vi phạm hai tội: Vị bảo dệt, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được dệt xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

7. Vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến, trong khi đưa ra sự căn dặn về y vi phạm hai tội: Vị đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã đưa ra sự căn dặn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

8. Vị sau khi thọ lãnh y đặc biệt, trong khi [cất giữ] vượt quá thời hạn về y phạm một tội *Nissaggiya Pācittiya.*

9. Vị sau khi để lại một y nào đó của ba y ở nơi xóm nhà, trong khi xa lìa quá sáu đêm vi phạm một tội *Nissaggiya Pācittiya.*

10. Vị dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, trong khi thuyết phục dâng cho bản thân vi phạm hai tội: Vị thuyết phục, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thuyết phục được thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

Phẩm "Bình bát" là thứ ba.

Dứt ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya.*

*****

2.4. CHƯƠNG *PĀCITTIYA*

4.1.

1. Vị trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm năm tội: Vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội *Pārājika*; vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika*

không có nguyên cớ thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị nói rằng: "Vị [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi cố tình nói dối thì phạm tội *Pācittiya*. Vị trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm năm tội này.

2. Vị trong khi mắng nhiếc vi phạm hai tội: Vị mắng nhiếc người đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya*; vị mắng nhiếc người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vị trong khi tạo ra sự đâm thọc vi phạm hai tội: Vị tạo ra sự đâm thọc đối với người đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya*; vị tạo ra sự đâm thọc đối với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vị trong khi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu vi phạm hai tội: Vị dạy đọc, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa;* theo mỗi một câu thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị trong khi nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên quá hai ba đêm vi phạm hai tội: Vị nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị trong khi nằm chung chỗ ngụ với người nữ vi phạm hai tội: Vị nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị trong khi thuyết pháp đến người nữ quá năm hay sáu câu vi phạm hai tội: Vị thuyết giảng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa;* theo mỗi một câu thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị trong khi tuyên bố pháp thượng nhân đã thực chứng đến người chưa tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị tuyên bố, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tuyên bố thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị trong khi công bố tội xấu xa của vị Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị công bố, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã công bố thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị trong khi đào đất vi phạm hai tội: Vị đào, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa;* theo từng nhát đào thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Nói dối" là thứ nhất.

*****

4.2.

1. Vị trong khi phá hoại thảo mộc vi phạm hai tội: Vị phá hoại, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa;* theo từng hành động phá hoại thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị trong khi phản kháng cách này hoặc cách khác vi phạm hai tội: Khi tội nói tránh né chưa được phán quyết, vị phản kháng cách này hoặc cách khác thì

phạm tội *Dukkaṭa*; khi tội nói tránh né đã được phán quyết, vị phản kháng cách này hoặc cách khác thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị trong khi phàn nàn về vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị phàn nàn, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã phàn nàn thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị sau khi trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc về hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn, trong khi ra đi không thông báo vi phạm hai tội: Vị vượt qua chỗ rơi của cục đất [được ném bởi người đàn ông có sức mạnh bậc trung] bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn, trong khi ra đi không thông báo vi phạm hai tội: Vị vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Ở trong trú xá thuộc về hội chúng, vị dầu biết vẫn chen vào [chỗ] của vị Tỳ-khưu đã đến trước, trong khi nằm xuống vi phạm hai tội: Vị nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị nổi giận, bất bình trong khi lôi kéo vị Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng vi phạm hai tội: Vị lôi kéo ra, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã lôi kéo ra thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị trong khi ngồi lên trên chiếc giường hoặc ghế loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng vi phạm hai tội: Vị ngồi lên, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã ngồi lên thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị sau khi quyết định phương thức của việc lợp mái hai ba lớp, trong khi quyết định vượt quá mức ấy vi phạm hai tội: Vị quyết định, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã quyết định thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị dầu biết nước có sinh vật trong khi tưới lên cỏ hoặc đất sét vi phạm hai tội: Vị tưới, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tưới thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Thảo mộc" là thứ nhì.

*****

4.3.

1. Vị chưa được chỉ định trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni lúc mặt trời đã lặn vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị sau khi đi đến Ni viện, trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị trong khi phát ngôn rằng: "Các Tỳ-khưu giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân lợi lộc" vi phạm hai tội: Vị phát ngôn, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã phát ngôn thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị trong khi cho y đến Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vi phạm hai tội: Vị cho, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã cho thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị trong khi may y cho Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vi phạm hai tội: Vị may, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; theo từng đường kim thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị sau khi đã hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với Tỳ-khưu-ni vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thực hiện thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị sau khi đã hẹn trước, trong khi cùng lên một chiếc thuyền với Tỳ-khưu-ni vi phạm hai tội: Vị lên [thuyền], lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã lên [thuyền] thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị dầu biết thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị trong khi cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Giáo giới" là thứ ba.

*****

4.4.

1. Vị trong khi thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá mức ấy vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị trong khi thọ dụng vật thực dâng chung nhóm vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị trong khi thọ dụng vật thực thỉnh sau vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị sau khi đã thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy bánh ngọt, trong khi thọ lãnh quá mức ấy vi phạm hai tội: Vị thọ lãnh, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thọ lãnh thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm], trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là đồ còn thừa vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị trong khi yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là đồ còn thừa vi phạm hai tội: Do lời nói của vị ấy, vị kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh [vị nói] thì phạm tội *Dukkaṭa*; vào lúc [vị kia] chấm dứt bữa ăn [vị nói] thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm vào lúc sái thời phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm đã được tích trữ vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị sau khi yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị trong khi đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Vật thực" là thứ tư.

*****

4.5.

1. Vị trong khi tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lõa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị cho, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã cho thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị [nói với] vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực", sau khi bảo bố thí hoặc bảo đừng bố thí cho vị ấy, trong khi đuổi đi vi phạm hai tội: Vị đuổi đi, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã đuổi đi thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị sau khi đi vào nơi gia đình chỉ có cặp vợ chồng, trong khi ngồi xuống vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị trong khi cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị trong khi cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị đã được thỉnh mời, đã có bữa trai phạn, trong khi đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn không có sự thông báo đến vị Tỳ-khưu hiện diện vi phạm hai tội: Vị vượt qua khu vực lân cận bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị trong khi yêu cầu dược phẩm quá thời hạn [thỉnh cầu] vi phạm hai tội: Vị yêu cầu, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã yêu cầu thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị trong khi đi để xem quân đội động binh vi phạm hai tội: Vị đi thì phạm tội *Dukkaṭa*; nơi nào đứng lại rồi nhìn thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị trong khi cư ngụ ở nơi binh đội quá ba đêm vi phạm hai tội: Vị cư ngụ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã cư ngụ thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị trong khi đi đến nơi tập trận vi phạm hai tội: Vị đi thì phạm tội *Dukkaṭa*; nơi nào đứng lại rồi nhìn thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Đạo sĩ lõa thể" là thứ năm.

*****

4.6.

1. Vị trong khi uống rượu mạnh vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ uống" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị trong khi chọc cười vị Tỳ-khưu bằng cách dùng ngón tay thọt léc vi phạm hai tội: Vị chọc cười, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã chọc cười thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị trong khi chơi giỡn ở trong nước vi phạm hai tội: Vị chơi giỡn ở trong nước ngập dưới mắt cá chân thì phạm tội *Dukkaṭa*; vị chơi giỡn ở trong nước ngập trên mắt cá chân thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị trong khi thể hiện sự không tôn trọng vi phạm hai tội: Vị thể hiện, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thể hiện thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị trong khi làm vị Tỳ-khưu kinh sợ vi phạm hai tội: Vị làm kinh sợ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã làm kinh sợ thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị sau khi tự mình đốt lên ngọn lửa, trong khi sưởi ấm vi phạm hai tội: Vị tự mình đốt lửa, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã đốt lửa thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị chưa đủ nửa tháng, trong khi tắm vi phạm hai tội: Vị tắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; vào lúc hoàn tất việc tắm thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị khi chưa áp dụng cách hoại sắc nào đó thuộc về ba cách hoại sắc, trong khi sử dụng y mới vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã sử dụng thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị sau khi đích thân chú nguyện dùng chung y đến vị Tỳ-khưu hoặc đến vị Tỳ-khưu-ni hoặc đến cô Ni tu tập sự hoặc đến vị Sa-di hoặc đến vị Sa-di-ni, trong khi sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện [của vị kia] vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã sử dụng thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị trong khi thu giấu bình bát hoặc y, hoặc vật lót ngồi, hoặc ống đựng kim, hoặc dây thắt lưng của vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị thu giấu, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thu giấu thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Rượu và chất say" là thứ sáu.

*****

4.7.

1. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vi phạm bốn tội: Vị đào hố không xác định [đối tượng, nghĩ rằng]: "Ai rơi xuống sẽ chết" thì phạm tội *Dukkaṭa*; loài người sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi [vị đào] thì phạm tội *Pārājika*; dạ-xoa hoặc ngạ quỷ, hoặc loài thú dạng người sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi thì phạm tội *Thullaccaya*; loài thú sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi thì phạm tội *Pācittiya*. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vi phạm bốn tội này.

2. Vị dầu biết nước có sinh vật trong khi sử dụng vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã sử dụng thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị dầu biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp, trong khi khơi lại để làm hành sự lần nữa vi phạm hai tội: Vị khơi lại, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã khơi lại thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị biết tội xấu xa của vị Tỳ-khưu [khác], trong khi che giấu vi phạm một tội *Pācittiya*.

5. Vị dầu biết người chưa đủ hai mươi tuổi, trong khi cho tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị cho tu lên bậc trên, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị dầu biết rồi hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với đám người đạo tặc vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thực hiện thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị sau khi hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với người nữ vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thực hiện thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba mà không dứt bỏ tà kiến ác vi phạm hai tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị dầu biết vị Tỳ-khưu là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy, trong khi hưởng thụ chung vi phạm hai tội: Vị hưởng thụ chung, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã hưởng thụ chung thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị dầu biết vị Sa-di đã bị trục xuất như thế trong khi dụ dỗ vi phạm hai tội: Vị dụ dỗ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã dụ dỗ thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Có sinh vật" là thứ bảy.

*****

4.8.

1. Vị Tỳ-khưu, trong khi được các Tỳ-khưu nhắc nhở theo pháp, mà nói rằng: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật" vi phạm hai tội: Vị nói, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã nói thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị trong khi chê bai Luật, vi phạm hai tội: Vị chê bai, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã chê bai thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị trong khi [giả vờ] ngu dốt, vi phạm hai tội: Khi sự ngu dốt chưa được khẳng định, vị [giả vờ] ngu dốt thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi sự ngu dốt đã được khẳng định, vị [giả vờ] ngu dốt thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị nổi giận, bất bình trong khi tung cú đánh vào vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị đánh, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã đánh thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị nổi giận, bất bình trong khi giơ tay dọa đánh vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị giơ tay, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã giơ tay thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị trong khi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ vi phạm hai tội: Vị bôi nhọ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã bôi nhọ thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị trong khi cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị gợi lên, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã gợi lên thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị trong khi đứng lắng nghe các Tỳ-khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nghe" rồi đi đến thì phạm tội *Dukkaṭa*; nơi nào đứng lại rồi lắng nghe thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng Pháp, sau đó, trong khi gây điều phê phán vi phạm hai tội: Vị phê phán, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã phê phán thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, vị sau khi không trao ra sự tùy thuận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, trong lúc bỏ đi vi phạm hai tội: Vị đang lìa khỏi hội chúng một tầm tay thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã lìa khỏi thì phạm tội *Pācittiya*.

11. Vị sau khi đã cùng với hội chúng hợp nhất cho y, sau đó trong khi gây ra điều phê phán vi phạm hai tội: Vị phê phán, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã phê phán thì phạm tội *Pācittiya*.

12. Vị dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng, trong khi thuyết phục dâng cho cá nhân vi phạm hai tội: Vị thuyết phục, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thuyết phục thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Theo pháp" là thứ tám.

*****

4.9.

1. Vị trong khi đi vào hậu cung của đức vua chưa được báo tin trước vi phạm hai tội: Vị vượt qua ngưỡng cửa bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị trong khi nhặt lên vật quý giá vi phạm hai tội: Vị nhặt lấy, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã nhặt lấy thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị trong khi đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện vi phạm hai tội: Vị vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị trong khi bảo làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị trong khi bảo làm giường hoặc ghế vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị trong khi bảo làm giường hoặc ghế có độn bông gòn vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị trong khi bảo làm vật lót ngồi vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị trong khi bảo làm y đắp ghẻ vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị trong khi bảo làm vải choàng tắm mưa vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị trong khi bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị trong khi bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm hai tội này.

Phẩm "Đức vua" là thứ chín.
Dứt chín mươi hai điều *Pācittiya*.

*****

2.5. CHƯƠNG *PĀṬIDESANĪYA*

1. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm hai tội này.

2. Vị sau khi không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

3. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Thánh Hữu học, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

4. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong khi thọ thực vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong

khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong khi thọ thực vi phạm hai tội này.

Dứt bốn điều *Pāṭidesanīya*.

*****

2.6. CÁC ĐIỀU *SEKHIYA*

6.1.

1. Vị trong khi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*. Vị trong khi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này.

2. Vị trong khi trùm y [vai trái] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

3. Vị để hở thân trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

4. Vị để hở thân trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

5. Vị múa máy tay hoặc chân trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

6. Vị múa máy tay hoặc chân trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

7. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

8. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

9. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

10. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

Phẩm "Tròn đều" là thứ nhất.

*****

6.2.

1. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

2. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

3. Vị gây tiếng động ồn tiếng động lớn trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

4. Vị gây tiếng động ồn tiếng động lớn trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

5. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

6. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

7. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

8. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

9. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

10. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

Phẩm "Cười vang" là thứ nhì.

*****

6.3.

1. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

2. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

3. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

4. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

5. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng phạm một tội *Dukkaṭa*.

6. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà ôm đầu gối do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

7. Vị trong khi thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

8. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ lãnh đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

9. Vị trong khi thọ lãnh quá nhiều súp do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

10. Vị trong khi thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

Phẩm "Chống nạnh" là thứ ba.

*****

6.4.

1. Vị trong khi thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

2. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

3. Vị lựa chọn món này món nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

4. Vị trong khi thọ dụng quá nhiều súp do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

5. Vị vun lên thành đống trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

6. Vị trong khi dùng cơm che kín súp và thức ăn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

7. Vị không bị bệnh sau khi yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân, trong khi thọ thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

8. Vị trong khi nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

9. Vị trong khi làm vắt cơm lớn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

10. Vị trong khi làm vắt cơm dài do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

Phẩm "Đồ ăn khất thực" là thứ tư.

*****

6.5.

1. Vị trong khi há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

2. Vị trong khi đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

3. Vị trong khi nói bằng miệng có vắt cơm do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

4. Vị trong khi thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

5. Vị trong khi thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

6. Vị trong khi thọ thực theo lối làm phồng má do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

7. Vị trong khi thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

8. Vị trong khi thọ thực có sự làm rơi đổ cơm do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

9. Vị trong khi thọ thực có sự le lưỡi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

10. Vị trong khi thọ thực có làm tiếng chép chép do không có sự tôn trọng phạm một tội *Dukkaṭa*.

Phẩm "Vắt cơm" là thứ năm.

*****

6.6.

1. Vị trong khi thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

2. Vị trong khi thọ thực có sự liếm tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

3. Vị trong khi thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

4. Vị trong khi thọ thực có sự liếm môi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

5. Vị trong khi thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

6. Vị trong khi đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

7. Vị trong khi thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

8. Vị trong khi thuyết pháp đến người có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*.

9. Vị trong khi thuyết pháp đến người có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

10. Vị trong khi thuyết pháp đến người có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

Phẩm "Tiếng sột sột" là thứ sáu.

*****

6.7.

1. Vị trong khi thuyết pháp đến người có mang giày do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

2. Vị trong khi thuyết pháp đến người có mang dép do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

3. Vị trong khi thuyết pháp đến người ở trên xe do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

4. Vị trong khi thuyết pháp đến người đang nằm do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

5. Vị trong khi thuyết pháp đến người ngồi ôm đầu gối do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

6. Vị trong khi thuyết pháp đến người đội khăn ở đầu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

7. Vị trong khi thuyết pháp đến người có đầu được trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

8. Vị ngồi ở nền đất trong khi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

9. Vị ngồi ở chỗ ngồi thấp trong khi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

10. Vị đứng trong khi thuyết pháp đến người đang ngồi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

11. Vị đang đi phía sau trong khi thuyết pháp đến người đang đi ở phía trước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

12. Vị đang đi bên đường trong khi thuyết pháp đến người đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

13. Vị đứng trong khi đại tiện hoặc tiểu tiện do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

14. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa.*

15. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này.

Phẩm "Giày dép" là thứ bảy.

Dứt các điều *Sekhiya*.

Dứt phần "Bao nhiêu tội" là thứ nhì.

--ooOoo--

3. PHẦN SỰ HƯ HỎNG

1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng?

– Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. ...(nt).

2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng?

– Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Dứt phần "Sự hư hỏng" là thứ ba.

--ooOoo--

4. PHẦN ĐƯỢC TỔNG HỢP

1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

– Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

– Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội *Dukkaṭa*.

Dứt phần "Được tổng hợp" là thứ tư.

--ooOoo--

5. PHẦN NGUỒN SANH TỘI

1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội?

– Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội?

– Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Dứt phần "Nguồn sanh tội" là thứ năm.

--ooOoo--

6. PHẦN SỰ TRANH TỤNG

1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt).

2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

Dứt phần "Sự tranh tụng" là thứ sáu.

--ooOoo--

7. PHẦN SỰ DÀN XẾP

1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt).

2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Sự dàn xếp" là thứ bảy.

--ooOoo--

8. PHẦN SỰ QUY TỤ

1. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội: Vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể chưa bị [thú] ăn thì phạm tội *Pārājika*; vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần thì phạm tội *Thullaccaya*; vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện

và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt).

2. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này.

Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Sự quy tụ" là thứ tám.

*****

Tám phần này được ghi lại theo đường lối học tập.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Điều quy định là ở nơi đâu, có bao nhiêu, sự hư hỏng, sự tổng hợp, nguồn sanh tội, sự tranh tụng, cách dàn xếp và sự quy tụ.

--ooOoo--

9. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

9.1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKA*

Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pārājika* do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? ...(nt)... Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pārājika* do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Sudinna Kalandaputta.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Sudinna Kalandaputta đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, có hai điều quy định thêm, không có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng?

– Là điều quy định chung.

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]?

– Là điều quy định cho cả hai.

Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào?

– Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì.

Là sự hư hỏng nào trong bốn điều hư hỏng?

– Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội?

– Thuộc về nhóm tội *Pārājika*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Do ai truyền đạt lại?

– Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vị Upāli luôn cả vị Dāsaka, vị Soṇaka, vị Siggava là tương tợ, với vị Moggalliputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng. ...(nt).

Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapaṇṇi.

2. Điều *Pārājika* do duyên của việc lấy vật chưa được cho đã được đức Thế Tôn ấy ...(nt)... quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ gốm.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Dhaniya, con trai người thợ gốm đã lấy các vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý ...(nt).

3. Điều *Pārājika* do duyên của việc đoạt lấy mạng sống con người đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã đoạt lấy mạng sống lẫn nhau.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Pārājika* do duyên của việc khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā đã khen ngợi về pháp thượng nhân của vị này vị nọ trước các cư sĩ.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Dứt bốn điều *Pārājika*.

*****

9.2. PHẦN *SAṄGHĀDISESA* V.V...

Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc sau khi đã gắng sức rồi làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? ...(nt)... Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc sau khi đã gắng sức rồi làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Seyyasaka.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Seyyasaka đã gắng sức bằng tay và làm xuất ra tinh dịch.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, có một điều quy định thêm, không có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng?

– Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]?

– Là điều quy định cho một [hội chúng].

[Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào?

– Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba.

Là sự hư hỏng nào trong bốn điều hư hỏng?

– Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội?

– Thuộc về nhóm tội *Saṅghādisesa*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Do ai truyền đạt lại?

– Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vị Upāli luôn cả vị Dāsaka, vị Sọnaka, vị Siggava là tương tợ, với vị Moggalliputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng. ...(nt).

Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapaṇṇi.

2. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc xúc chạm thân thể với người nữ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

3. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc nói với người nữ bằng những lời thô tục đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã nói với người nữ bằng những lời thô tục.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

4. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc nói lời ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc tiến hành sự mai mối đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Udāyi.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã tiến hành việc mai mối.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

6. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin [vật liệu] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Āḷavī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu ở Āḷavī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu ở Āḷavī đã bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin [vật liệu].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc bảo xây dựng trú xá lớn đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Channa.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi cho dọn sạch khu đất của trú xá đã bảo người đốn ngã cội cây nọ vốn được dùng làm nơi thờ phượng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* không có nguyên cớ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta về tội *Pārājika* không có nguyên cớ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta về tội *Pārājika*.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu chia rẽ hội chúng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Devadatta.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Devadatta đã ra sức cho việc chia rẽ hội chúng hợp nhất.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

11. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của các Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo vị chia rẽ [hội chúng] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã là những kẻ tuyên bố ly khai, những kẻ xu hướng theo Devadatta là người đang ra sức cho việc chia rẽ hội chúng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

12. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu khó dạy đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Đại đức Channa.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi được các vị Tỳ-khưu nói đúng theo pháp đã tỏ ra ương ngạnh.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

13. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu làm hư hỏng các gia đình đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi đã chê bai các Tỳ-khưu là có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

14. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Dukkaṭa* do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ vào trong nước.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Dứt phần "Quy định tại đâu" là thứ nhất.

*****

10. PHẦN BAO NHIÊU TỘI

10.1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKA*

1. Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bốn tội: Vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể chưa bị [thú] ăn thì phạm tội *Pārājika*; vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần thì phạm tội *Thullaccaya*; vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm thì phạm tội *Dukkaṭa*; trong [trường hợp] gậy ngắn bằng nhựa cây thì phạm tội *Pācittiya*.[10] Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bốn tội này.

2. Do duyên của việc lấy vật chưa được cho vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội: Vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka* thì phạm tội *Pārājika*; vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá hơn một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka* thì phạm tội *Thullaccaya*; vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka* thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên của việc lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội này.

3. Do duyên của việc đoạt lấy mạng sống con người vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội: Vị đào hố để bẫy người [nghĩ rằng]: "Người rơi xuống sẽ chết" thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [ở nạn nhân] thì phạm tội *Thullaccaya*; [nạn nhân] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. Do duyên của sự đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội này.

---

[10] Đây là phần thuộc về Tỳ-khưu, không rõ vì sao lại đề cập các điều học của Tỳ-khưu-ni? (ND)

4. Do duyên của việc khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm ba tội: Vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội *Pārājika*; vị nói rằng: "Vị [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*; [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên của sự khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm ba tội này.

Dứt bốn điều *Pārājika*.

*****

10.2. CHƯƠNG *SAṄGHĀDISESA* V.V...

1. Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm ba tội: Vị có ý định, gắng sức, bị xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị có ý định, gắng sức, không bị xuất ra thì phạm tội *Thullaccaya*; lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm ba tội này.

2. Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng thì phạm tội *Pārājika*; vị Tỳ-khưu sờ vào thân [người nữ] bằng thân [vị ấy] thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị sờ vào vật được gắn liền với thân [người nữ] bằng thân [vị ấy] thì phạm tội *Thullaccaya*; vị sờ vào vật được gắn liền với thân [người nữ] bằng vật được gắn liền với thân [vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội *Pācittiya*. Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này.

3. Do duyên của việc nói với người nữ bằng những lời thô tục vi phạm ba tội: Vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến đường tiêu, đường tiểu thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên, trừ ra đường tiêu và đường tiểu thì phạm tội *Thullaccaya*; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến vật gắn liền với thân thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Do duyên của việc nói lời ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân vi phạm ba tội: Vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn thì phạm tội *Thullaccaya*; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của loài thú thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Do duyên của việc tiến hành sự mai mối vi phạm ba tội: Vị nhận lời, thông báo, đem lại [hồi báo] thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị nhận lời, thông báo, không đem lại [hồi báo] thì phạm tội *Thullaccaya*; vị nhận lời, không thông báo, không đem lại [hồi báo] thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Do duyên của việc bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin [vật liệu] vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

7. Do duyên của việc bảo xây dựng trú xá lớn vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

8. Do duyên của việc bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* không có nguyên cớ vi phạm ba tội: Vị khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội *Dukkaṭa* và tội *Saṅghādisesa*; vị sau khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

9. Do duyên của việc bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt vi phạm ba tội: Vị khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội *Dukkaṭa* và tội *Saṅghādisesa*; vị sau khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

10. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

11. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, các vị Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo vị chia rẽ [hội chúng] vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

12. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu khó dạy vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

13. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu là người làm hư hỏng các gia đình vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*. ...(nt).

14. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này.

Dứt phần "Bao nhiêu tội" là thứ nhì.

*****

11. PHẦN SỰ HƯ HỎNG

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng?

– Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. ...(nt).

2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng?

– Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Dứt phần "Sự hư hỏng" là thứ ba.

*****

12. PHẦN ĐƯỢC TỔNG HỢP

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

– Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

– Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội *Dukkaṭa*.

Dứt phần "Được tổng hợp" là thứ tư.

*****

13. PHẦN NGUỒN SANH TỘI

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội?

– Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội?

– Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Dứt phần "Nguồn sanh tội" là thứ năm.

*****

14. PHẦN SỰ TRANH TỤNG

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt).

2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

Dứt phần "Sự tranh tụng" là thứ sáu.

*****

15. PHẦN DÀN XẾP

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt).

2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Dàn xếp" là thứ bảy.

*****

16. PHẦN SỰ QUY TỤ

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bốn tội: Vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể chưa bị [thú] ăn thì phạm tội *Pārājika*; vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần thì phạm tội *Thullaccaya*; vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm thì phạm tội *Dukkaṭa*; trong [trường hợp] gậy ngắn bằng nhựa cây thì phạm tội *Pācittiya*. Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bốn tội này.

2. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được

sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt).

3. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *Dukkaṭa*. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này.

4. Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

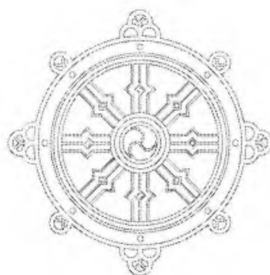
– Tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Sự quy tụ" là thứ tám.
Dứt tám phần "Về nguyên nhân."

*****

DỨT MƯỜI SÁU PHẦN CHÍNH THUỘC BỘ ĐẠI PHÂN TÍCH VÀ BỘ ĐẠI PHÂN TÍCH ĐƯỢC CHẤM DỨT

--ooOoo--



PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI

1. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

1.1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKA*

Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pārājika* thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? [Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?[1] Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng]? Ở đấy, điều gì gọi là Luật? Ở đấy, điều gì gọi là Thắng luật?

Ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*)? Ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*)? Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều *Pārājika* thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Những vị Ni nào học tập [điều ấy]? Những vị Ni nào có việc học tập đã học tập xong? [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Những vị Ni nào duy trì? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pārājika* thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā.

Về sự việc gì?

---

[1] Tỳ-khưu-ni không có giới *Aniyata* nên chỉ có 4 cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), còn Tỳ-khưu có 5 cách. Xem tr. 123 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương II.

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã ưng thuận việc xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng?

– Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]?

– Là điều quy định cho một [hội chúng].

Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào?

– Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng?

– Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội?

– Thuộc về nhóm tội *Pārājika*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Điều ấy được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Ở đấy, điều gì gọi là Luật? Ở đấy, điều gì gọi là Thắng luật?

– Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật.

Ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*)? Ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Sự quy định gọi là Giới bổn (*Pātimokkha*). Sự phân tích gọi là tăng thượng Giới bổn (*Pātimokkha*).

Điều gì là sự phạm tội?

– Việc không tự kiềm chế là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu?

– Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành?

– "Tôi sẽ không làm việc có hình thức như thế", sau khi thọ trì vị ấy học tập về các điều học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng.

Điều *Pārājika* thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích?

– Điều *Pārājika* thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chế những Tỳ-khưu-ni ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu-ni hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, [và] nhằm sự hỗ trợ [của] Luật.

Những vị Ni nào học tập [điều ấy]?

– Các bậc nữ Thánh Hữu học và các nữ thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy].

Những vị Ni nào có việc học tập đã học tập xong?

– Các vị Ni là bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

[Điều ấy] được tồn tại ở đâu?

– Được tồn tại ở các vị Ni có sự ưa thích việc học tập.

Những vị Ni nào duy trì [điều ấy]?

– Những vị Ni nào rành rẽ, những vị Ni ấy duy trì.

Là lời dạy của ai?

– Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Do ai truyền đạt lại?

– Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

(i) *Vị Upāli luôn cả vị Dāsaka, vị Soṇaka, vị Siggava là tương tợ, với vị Moggalliputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng.*

(ii) *Từ nơi ấy, vị Mahinda, vị Iṭṭhiya, vị Uttiya luôn cả vị Sambala và bậc thông thái tên Bhadda, các vị hàng đầu ấy có tuệ vĩ đại từ hòn đảo Jambu đã đi đến nơi đây.*

(iii) *Các vị ấy đã giảng dạy tạng Luật ở Tambapaṇṇi. Các vị ấy đã giảng dạy năm bộ Nikāya và bảy bộ Vi diệu pháp.*

(iv) *Sau đó, vị Ariṭṭha thông minh và vị Tissadatta thông thái, vị Kāḷasumana có lòng tự tin, vị Trưởng lão tên Dīgha và vị Dīghasumana thông thái.*

(v) *Thêm nữa, là vị Kāḷasumana, Trưởng lão Nāga, vị Buddharakkhita, vị Trưởng lão Tissa thông minh và vị Trưởng lão Deva thông thái.*

(vi) *Thêm nữa là vị Sumana thông minh và nắm vững về Luật, vị Cūḷanāga nghe nhiều học rộng, khó công kích giống như con voi vậy.*

(vii) *Và vị tên Dhammapālita ở xứ Rohaṇa đã được tôn vinh trọng thể. Đệ tử của người có tên Khema là vị đại tuệ, là bậc thông Tam tạng đã sáng ngời ở trên đảo như chúa của các vì sao nhờ vào trí tuệ.*

(viii) *Và vị Upatissa thông minh, vị Phussadeva là đại Pháp sư, thêm nữa là vị Sumana thông minh, vị có tên Puppha nghe nhiều học rộng.*

(ix) *Vị Mahāsīva là đại Pháp sư, rành rẽ về mọi vấn đề trong Tam tạng. Thêm nữa là vị Upāli thông minh và nắm vững về Luật.*

(x) *Vị Mahānāga là bậc đại tuệ, rành rẽ về truyền thống của Chánh pháp. Thêm nữa là vị Abhaya thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề trong Tam tạng.*

(xi) *Và Trưởng lão Tissa thông minh và nắm vững về Luật. Đệ tử của người có tên Puppha là bậc đại tuệ, nghe nhiều học rộng, trong khi hộ trì giáo pháp đã thiết lập vững vàng ở hòn đảo Jambu.*

(xii) *Và vị Cūḷābhaya thông minh, nắm vững về Luật. Và vị Trưởng lão Tissa thông minh, rành rẽ về truyền thống của Chánh pháp.*

(xiii) *Và vị Phussadeva thông minh, nắm vững về Luật. Và vị Trưởng lão Sīva thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề về Luật.*

(xiv) *Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapaṇṇi.*

2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pārājika* thứ sáu cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā dầu biết vị Tỳ-khưu-ni vi phạm tội *Pārājika* đã không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

3. Điều *Pārājika* thứ bảy cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā xu hướng theo Tỳ-khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng [là vị] đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm[2]...(nt).

4. Điều *Pārājika* thứ tám cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã làm đủ sự việc thứ tám.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

Dứt tám điều *Pārājika*.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Việc đôi lứa, việc lấy vật chưa được cho, việc đoạt mạng người, [pháp] thượng nhân, việc xúc chạm thân thể, vị Ni che giấu [tội], các vị bị án treo, vị Ni làm đủ tám việc, đấng Đại Hùng đã quy định, các sự việc nên được chia chẻ không còn sự hoài nghi.

--ooOoo--

1.2. CHƯƠNG *SAṄGHĀDISESA*

Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp thực hiện việc thưa kiện đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? ...(nt)... Do ai truyền đạt lại?

[2] Là sanh lên do thân, do khẩu và do ý (ND).

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp thực hiện việc thưa kiện đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã sống là người nói lời tranh chấp.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng?

– Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]?

– Là điều quy định cho một [hội chúng].

Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào?

– Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng?

– Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội?

– Thuộc về nhóm tội *Saṅghādisesa.*

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

Do ai truyền đạt lại?

– Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vị Upāli, luôn cả vị Dāsaka, ...(nt)... tạng Luật ở Tambapaṇṇi.

2. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Ni tiếp độ nữ đạo tặc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã tiếp độ nữ đạo tặc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

3. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Ni một mình đi vào trong làng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ chỉ một mình đã đi vào làng.

– Có một điều quy định, ba điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Pārājika* thứ nhất.[3]...(nt).

4. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Ni khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm rồi phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm đã phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

[3] Là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND).

5. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Pārājika* thứ nhất. ...(nt).

6. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Ni xúi giục rằng: "Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi" đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã xúi giục rằng: "Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi."

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu-ni nổi giận, bất bình, không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī nổi giận, bất bình đã nói như vầy: "Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ Hội chúng, tôi lìa bỏ việc học tập."

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

8. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu-ni đã bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó lại không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī đã bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi đã nói như vầy: "Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì si mê, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi."

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

9. Điều *Saṅghādisesa* đến các Tỳ-khưu-ni sống thân cận [với thế tục] và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã sống thân cận [với thế tục].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

10. Điều *Saṅghādisesa* đến vị Ni xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác" và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác."

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

Dứt mười điều *Saṅghādisesa*.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sự tranh chấp, nữ đạo tặc, vào trong làng, [phục hồi] vị Ni bị án treo, vật thực loại cứng, "sẽ làm gì Ni sư", vị Ni nổi giận, [cuộc tranh tụng] nào đó, sống thân cận [thế tục], được biết là mười điều.

--ooOoo--

1.3. CHƯƠNG *NISSAGGIYA*

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni thực hiện việc tích trữ bình bát đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã thực hiện việc tích trữ bình bát.

– Có một điều quy định.

– Điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở phần *Kaṭhina*.[4]...(nt).

2. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn" rồi bảo phân chia đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn" rồi đã bảo phân chia.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni sau khi trao đổi y với vị Tỳ-khưu-ni rồi giật lại đã được quy định tại đâu?

[4] Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý (ND).

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi trao đổi y với vị Tỳ-khưu-ni rồi đã giật lại.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni sau khi yêu cầu vật này lại yêu cầu vật khác đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi yêu cầu vật này đã yêu cầu vật khác.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni sau khi bảo sắm vật này lại bảo sắm vật khác đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi bảo sắm vật này đã bảo sắm vật khác.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

11. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni bảo sắm tấm choàng loại dày vượt quá bốn *kaṃsa* đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã yêu cầu đức vua tấm choàng len.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

12. Điều *Nissaggiya Pācittiya* đến vị Ni bảo sắm tấm choàng loại nhẹ vượt quá hai *kaṃsa* rưỡi đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

Dứt mười hai điều *Nissaggiya Pācittiya*.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Bình bát [tích trữ], ngoại thời và trong thời, khi đã được trao đổi, vị yêu cầu, sau khi bảo sắm, lợi ích khác, thuộc hội chúng, thuộc nhóm, tự mình xin, thuộc cá nhân, [áo choàng] bốn *kaṃsa* và hai *kaṃsa* rưỡi.

--ooOoo--

1.4. CHƯƠNG *PĀCITTIYA*

4.1.

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pācittiya* đến vị Ni nhai tỏi đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã không biết chừng mực và bảo mang đi [nhiều] tỏi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu.[5]...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị Ni cạo lông ở chỗ kín đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã cạo lông ở chỗ kín.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* về việc đập vỗ bằng lòng bàn tay đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến hai Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, hai Tỳ-khưu-ni đã thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay.

– Có một điều quy định.

[5] Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND).

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Pārājika* thứ nhất. ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* về việc gậy ngắn bằng nhựa cây đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã áp dụng gậy ngắn bằng nhựa cây.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Pārājika* thứ nhất. ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị Ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước tối đa hai lóng tay đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Pārājika* thứ nhất. ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị Ni với nước uống hoặc với quạt đứng gần vị Tỳ-khưu đang thọ thực đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ với nước uống và với quạt đã đứng gần vị Tỳ-khưu đang thọ thực.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở phần lông cừu. ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi thọ dụng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị Ni đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa ở phía bên kia bức tường, hoặc phía bên kia hàng rào đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã đổ bỏ phân ở phía bên kia bức tường, ở phía bên kia hàng rào.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị Ni đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rến và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị Ni đi để xem vũ, hoặc ca, hoặc tấu nhạc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã đi để xem vũ, ca, tấu nhạc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

Phẩm "Tỏi" là thứ nhất.

*****

4.2.

1. Điều *Pācittiya* đến vị Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối ban đêm không có đèn đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối ban đêm không có đèn.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc.[6]...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc. ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

[6] Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc. ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc. ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi ra đi không thông báo chủ nhân đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi đã ra đi không thông báo chủ nhân.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân rồi ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân đã ngồi xuống trên chỗ ngồi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sau khi đi đến các gia đình, vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến các gia đình, vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân đã trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị Ni do hiểu sai do xét đoán sai rồi phàn nàn với vị khác đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ do hiểu sai do xét đoán sai đã phàn nàn với vị khác.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị Ni nguyền rủa bản thân hoặc người khác về địa ngục, hoặc về Phạm hạnh đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī đã nguyền rủa bản thân luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội:...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī đã tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

Phẩm "Bóng tối" là thứ nhì.

*****

4.3.

1. Điều *Pācittiya* đến vị Ni lõa thể tắm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã lõa thể tắm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị Ni bảo thực hiện vải choàng tắm vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sau khi tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni rồi không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] khâu lại đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni rồi đã không khâu lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] khâu lại.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị Ni vượt quá năm ngày thiếu vắng y hai lớp đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳ-khưu-ni đã ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sử dụng y thiết thân [của vị Ni khác] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã trùm y của vị Tỳ-khưu-ni khác mà không hỏi ý.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị Ni cản trở lợi lộc về y của nhóm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã cản trở lợi lộc về y của nhóm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị Ni ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị Ni cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã cho y của Sa-môn đến người nam tại gia.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị Ni để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị Ni ngăn cản sự thu hồi *Kaṭhina* đúng Pháp đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã ngăn cản sự thu hồi *Kaṭhina* đúng Pháp.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Tắm" là thứ ba.

*****

4.4.

1. Điều *Pācittiya* đến hai vị Tỳ-khưu-ni nằm chung trên một chiếc giường đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã nằm chung hai [người] trên một chiếc giường.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ..(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến hai vị Tỳ-khưu-ni nằm chung một tấm trải tấm đắp đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni hai [người] đã nằm chung một tấm trải tấm đắp.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị Ni cố ý quấy rầy vị Tỳ-khưu-ni [khác] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã cố ý quấy rầy vị Tỳ-khưu-ni [khác].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị Ni không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sau khi đã cho vị Tỳ-khưu-ni chỗ trú ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra ngoài đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đã cho vị Tỳ-khưu-ni chỗ trú ngụ lại nổi giận, bất bình rồi đã lôi kéo ra ngoài.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sống thân cận [với thế tục] và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī đã sống thân cận [với thế tục].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị Ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị Ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị Ni đi du hành trong mùa [an cư] mưa đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã đi du hành trong mùa [an cư] mưa.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị Ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa mà không ra đi du hành đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa đã không ra đi du hành.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Pārājika* thứ nhất. ...(nt).

Phẩm "Nằm chung" là thứ tư.

*****

4.5.

1. Điều *Pācittiya* đến vị Ni đi để xem hí viện của đức vua, hoặc nhà triển lãm tranh, hoặc khu vườn, hoặc công viên, hoặc hồ sen đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã đi để xem hí viện của đức vua và nhà triển lãm tranh.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sử dụng ghế trường kỷ, hoặc ghế nệm lông thú đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã sử dụng ghế trường kỷ và ghế nệm lông thú.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị Ni xe chỉ sợi đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã xe chỉ sợi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị Ni phục vụ người tại gia đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã phục vụ người tại gia.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị Ni khi được vị Tỳ-khưu-ni nói rằng: "Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này" đã trả lời rằng: "Tốt thôi!" rồi không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi được vị Tỳ-khưu-ni nói rằng: "Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này", sau khi trả lời rằng: "Tốt thôi!" rồi đã không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã tự tay cho vật thực cứng và vật thực mềm đến người nam tại gia.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị Ni ra đi du hành khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ đã ra đi du hành.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị Ni học tập kiến thức nhảm nhí đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã học tập kiến thức nhảm nhí.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều pháp theo từng câu. ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị Ni dạy kiến thức nhảm nhí đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã dạy kiến thức nhảm nhí.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều pháp theo từng câu. ...(nt).

Phẩm "Nhà triển lãm tranh" là thứ năm.

*****

4.6.

1. Điều *Pācittiya* đến vị Ni trong khi biết tu viện có Tỳ-khưu, chưa hỏi ý lại đi vào đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý mà đã đi vào tu viện.

– Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị Ni mắng nhiếc gièm pha vị Tỳ-khưu đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã mắng nhiếc Đại đức Upāli.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị Ni bị kích động rồi gièm pha nhóm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā bị kích động đã gièm pha nhóm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị Ni đã được thỉnh mời, hoặc đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại thọ dụng vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở nơi khác đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni thọ thực xong và từ chối [vật thực dâng thêm] đã thọ thực ở nơi khác.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị Ni bỏn xẻn về gia đình đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã bỏn xẻn về gia đình.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị Ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa không thỉnh cầu [không hành lễ *Pavāraṇā*] ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa đã không thỉnh cầu [không hành lễ *Pavāraṇā*] nơi hội chúng Tỳ-khưu-ni.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị Ni không đi vì việc giáo giới, hoặc vì việc đồng cộng trú đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã không đi vì việc giáo giới.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Pārājika* thứ nhất. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị Ni không hỏi về lễ *Uposatha* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã không hỏi về lễ *Uposatha*, cũng đã không thỉnh cầu sự giáo giới.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị Ni khi chưa xin phép hội chúng hoặc nhóm lại cùng người nam, một nữ với một nam xẻ nặn mụt nhọt, hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng với người nam, một nữ với một nam xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phần dưới thân.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

Phẩm "Tu viện" là thứ sáu.

*****

4.7.

1. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ người nữ mang thai đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ mang thai.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội:...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ người nữ còn cho con bú đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ còn cho con bú.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, lại không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, đã không dạy dỗ cũng đã không bảo người dạy dỗ trong hai năm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị Ni không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Pārājika* thứ nhất. ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly [vị Ni ấy] cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly [vị Ni ấy] cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

Phẩm "Sản phụ" là thứ bảy.

*****

4.8.

1. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] đã tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị Ni khi được nói rằng: “Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ”, đã trả lời rằng: “Tốt thôi!” sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī khi được nói rằng: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ", đã trả lời rằng: "Tốt thôi!" sau đó đã tiến hành việc phê phán.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô", rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô", rồi đã không tiếp độ cũng đã không ra sức cho việc tiếp độ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô", rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô", rồi đã không tiếp độ cũng đã không ra sức cho việc tiếp độ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã tiếp độ cô Ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ, hoặc người chồng cho phép đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

11. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt *Parivāsa* đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt *Parivāsa*.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

12. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ hàng năm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ hàng năm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

13. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tiếp độ hai người trong một năm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ hai người trong một năm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Thiếu nữ" là thứ tám.

*****

4.9.

1. Điều *Pācittiya* đến vị Ni sử dụng dù dép đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã sử dụng dù dép.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

2. Điều *Pācittiya* đến vị Ni di chuyển bằng xe đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã di chuyển bằng xe.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

3. Điều *Pācittiya* đến vị Ni mang vật trang sức ở hông đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã mang vật trang sức ở hông.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

4. Điều *Pācittiya* đến vị Ni đeo đồ trang sức của phụ nữ đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã đeo đồ trang sức của phụ nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

5. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tắm bằng vật thơm có màu sắc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã tắm bằng vật thơm có màu sắc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

6. Điều *Pācittiya* đến vị Ni tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

7. Điều *Pācittiya* đến vị Ni bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

8. Điều *Pācittiya* đến vị Ni bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ thể] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ thể].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

9. Điều *Pācittiya* đến vị Ni bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

10. Điều *Pācittiya* đến vị Ni bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

11. Điều *Pācittiya* đến vị Ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa có sự hỏi ý đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa có sự hỏi ý.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Kaṭhina*. ...(nt).

12. Điều *Pācittiya* đến vị Ni hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều pháp theo từng câu. ...(nt).

13. Điều *Pācittiya* đến vị Ni không mặc áo lót đi vào làng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ không mặc áo lót đã đi vào làng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Phẩm "Dù dép" là thứ chín.

Dứt các điều nhỏ nhặt thuộc chín phẩm.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Tỏi, về việc cạo nhổ lông, lòng bàn tay [đập vỗ], gậy ngắn, việc làm sạch sẽ, [đứng gần] vị đang ăn, các thóc lúa còn nguyên hạt, hai điều với vật dơ, việc xem [ca, vũ, nhạc].

2. Trong bóng tối, ở chỗ bị che khuất, ở khoảng trống, ở nơi xa lộ, trước và sau [bữa ăn], lúc trời tối, vị đã hiểu sai, [nguyền rủa] về địa ngục, vị đánh đấm [bản thân].

3. Lõa thể, [choàng tắm] nước, sau khi tháo rời [y], [quá] năm ngày, y thiết thân, [của] nhóm, sự phân chia, [y của] Sa-môn, không chắc chắn và [thu hồi] *Kaṭhina*.

4. Chung một giường với tấm trải, cố ý [quấy rầy], vị nữ đệ tử, sau khi cho [chỗ ngụ], [sống] thân cận, bên trong, bên ngoài [quốc độ], [du hành] mùa mưa, không ra đi.

5. Đức vua, ghế trường kỷ, [xe] chỉ sợi, [phục vụ] người tại gia với sự giải quyết [tranh tụng], vị cho [vật thực], y nội trợ, chỗ trú ngụ, học tập và chỉ dạy [điều nhảm nhí].

6. Tu viện, sự mắng nhiếc, sự kích động, vị thọ thực, bỏn xẻn về gia đình, việc cư ngụ [mùa mưa], lễ *Pavāraṇā*, sự giáo giới, [không hỏi về] hai pháp và phần dưới thân.

7. Người nữ mang thai, người nữ còn cho con bú, [học tập] về sáu pháp, chưa được chấp thuận, chưa đủ mười hai tuổi và đã được tròn đủ, hội chúng, người nữ đệ tử, đã được tiếp độ và [cách ly] năm sáu [do-tuần].

8. Hai điều về thiếu nữ, [chưa được chấp thuận] bởi hội chúng, mười hai năm [thâm niên], do vị đã được chấp thuận, thôi đi [chưa phải lúc], nếu [dâng y], hai năm [hầu cận], vị Ni thân cận và [chưa cho phép] bởi chồng.

9. Các vị đang chịu hành phạt *Parivāsa*, hàng năm với việc tiếp độ hai người, với dù, xe, vật trang sức ở hông, đồ nữ trang, vật [thơm] có màu sắc.

10. Bã dầu mè, luôn cả vị Tỳ-khưu-ni [xoa bóp], cô Ni tu tập sự, vị Sa-di-ni, người nữ tại gia, phía trước vị Tỳ-khưu, việc chưa thỉnh ý trước, vị không mặc áo lót.

*****

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM ẤY

Tỏi, bóng tối, việc tắm, việc nằm chung, [nhà] triển lãm, tu viện và luôn cả người nữ có thai, thiếu nữ, dù và dép.

--ooOoo--

1.5. CHƯƠNG *PĀṬIDESANĪYA*

1. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị Ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt).

2. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị Ni yêu cầu dầu ăn rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu dầu ăn rồi thọ dụng. ...(nt).

3. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị Ni yêu cầu mật ong rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu mật ong rồi thọ dụng. ...(nt).

4. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị Ni yêu cầu đường mía rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu đường mía rồi thọ dụng. ...(nt).

5. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị Ni yêu cầu cá rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu cá rồi thọ dụng. ...(nt).

6. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị Ni yêu cầu thịt rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu thịt rồi thọ dụng. ...(nt).

7. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị Ni yêu cầu sữa tươi rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt).

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu sữa tươi rồi thọ dụng. ...(nt).

8. Điều *Pāṭidesanīya* đến vị Ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

Dứt tám điều *Pāṭidesanīya*.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sau khi yêu cầu bơ lỏng, dầu ăn, mật ong, đường mía và luôn cả cá nữa, thịt, sữa tươi, cả sữa đông, vị Tỳ-khưu-ni [thọ dụng]. Tám điều *Pāṭidesanīya* đã được giảng giải bởi đấng Toàn Giác.

Những điều học nào đã được giải thích chi tiết ở Phân tích Giới Tỳ-khưu, những điều ấy được rút gọn lại ở Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni.

*****

Dứt phần "Quy định tại đâu là thứ nhất."

--ooOoo--

2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI

2.1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKA*

1. Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên thì phạm tội *Pārājika*; vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở lên từ đầu gối trở xuống thì phạm tội *Thullaccaya*; vị Ni ưng thuận sự nắm lấy vật được gắn liền với thân thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội này.

2. Vị Tỳ-khưu-ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị Tỳ-khưu-ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm ba tội: Vị Ni biết rồi che giấu tội *Pārājika* [của vị Tỳ-khưu-ni khác] thì phạm tội *Pārājika*; vị Ni có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội *Thullaccaya*; vị Ni che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm ba tội này.

3. Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo vị [Tỳ-khưu] bị phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo vị [Tỳ-khưu] bị phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Pārājika*. Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo vị [Tỳ-khưu] bị phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội này.

4. Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội: Khi được người nam nói rằng: "Hãy đi đến chỗ tên như vầy", vị Ni đi đến [nơi hẹn] thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Thullaccaya*; vị Ni làm đầy đủ sự việc thứ tám thì phạm tội *Pārājika*. Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội này.

Dứt các điều *Pārājika*.

*****

2.2. CHƯƠNG *SAṄGHĀDISESA*

1. Vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp lúc tiến hành việc thưa kiện vi phạm ba tội: Nói với người thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*, nói với người thứ nhì thì phạm tội *Thullaccaya*; vào lúc kết thúc vụ xử án thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

2. Vị Ni trong khi tiếp độ nữ đạo tặc vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

3. Vị Ni một mình trong khi đi vào trong làng vi phạm ba tội: Vị Ni đi thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

4. Vị Ni trong khi phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

5. Vị Ni nhiễm dục vọng, sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng, trong khi thọ thực vi phạm ba tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ nhận thì phạm tội *Thullaccaya*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Vị Ni trong khi xúi giục rằng: "Này Ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi" vi phạm ba tội: Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ nhận, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi lần [vị Ni kia] nuốt xuống, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt bữa ăn, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

7. Vị Tỳ-khưu-ni nổi giận trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

8. Vị Tỳ-khưu-ni khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

9. Các Tỳ-khưu-ni thân cận [với thế tục] trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

10. Vị Ni xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác", trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Dứt các điều *Saṅghādisesa*.

*****

2.3. CHƯƠNG *NISSAGGIYA*

1. Vị Ni trong lúc thực hiện việc tích trữ bình bát vi phạm một tội *Nissaggiya Pācittiya*.

2. Vị Ni sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn", trong lúc bảo phân chia vi phạm hai tội: Vị Ni bảo phân chia, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được phân chia thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

3. Vị Ni sau khi trao đổi y với vị Tỳ-khưu-ni, trong khi giật lại vi phạm hai tội: Vị Ni giật lại, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã giật lại thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

4. Vị Ni sau khi đã yêu cầu vật khác, trong khi yêu cầu vật khác nữa vi phạm hai tội: Vị Ni yêu cầu, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được [vật] yêu cầu thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

5. Vị Ni sau khi đã bảo sắm vật khác, trong khi bảo sắm vật khác nữa vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

6. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

7. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

8. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

9. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

10. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

11. Vị Ni trong khi bảo sắm tấm choàng loại dày vượt quá tối đa bốn *kaṃsa* vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

12. Vị Ni trong khi bảo sắm tấm choàng loại nhẹ vượt quá tối đa hai *kaṃsa* rưỡi vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

Dứt các điều *Nissaggiya Pācittiya*.

*****

2.4. CHƯƠNG *PĀCITTIYA*

4.1.

1. Vị Ni trong khi nhai tỏi vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya.*

2. Vị Ni trong khi cạo [nhổ] lông ở chỗ kín vi phạm hai tội: Vị Ni cạo [nhổ], lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã cạo [nhổ] thì phạm tội *Pācittiya.*

3. Vị Ni trong khi đập vỗ bằng lòng bàn tay vi phạm hai tội: Vị Ni hành động, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã hành động thì phạm tội *Pācittiya.*

4. Vị Ni trong khi áp dụng gậy ngắn bằng nhựa cây vi phạm hai tội: Vị Ni áp dụng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã áp dụng thì phạm tội *Pācittiya.*

5. Vị Ni trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước vượt quá tối đa hai lóng tay vi phạm hai tội: Vị Ni áp dụng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã áp dụng thì phạm tội *Pācittiya.*

6. Vị Ni với nước uống hoặc với quạt, trong khi đứng gần vị Tỳ-khưu đang thọ thực vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong khoảng tầm tay thì phạm tội *Pācittiya*; sau khi rời xa khỏi tầm tay rồi đứng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

7. Vị Ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi thọ nhận thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị Ni trong khi đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa phía bên kia bức tường hoặc phía bên kia hàng rào vi phạm hai tội: Vị Ni đổ bỏ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã đổ bỏ thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị Ni trong khi đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh vi phạm hai tội: Vị Ni đổ bỏ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã đổ bỏ thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị Ni trong khi đi để xem vũ, hoặc ca, hoặc tấu nhạc vi phạm hai tội: Vị Ni đi thì phạm tội *Dukkaṭa*; nơi nào đứng lại rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Tỏi" là thứ nhất.

*****

4.2.

1. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối, ban đêm không có đèn vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tầm tay thì phạm tội *Pācittiya*; sau khi lìa khỏi tầm tay rồi đứng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

2. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tầm tay thì phạm tội *Pācittiya*; sau khi lìa khỏi tầm tay rồi đứng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tầm tay thì phạm tội *Pācittiya*; sau khi lìa khỏi tầm tay rồi đứng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tầm tay thì phạm tội *Pācittiya*; sau khi lìa khỏi tầm tay rồi đứng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Vị Ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi, trong khi ra đi không thông báo chủ nhân vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua mái hiên che mưa bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị Ni sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn, trong khi ngồi xuống trên chỗ ngồi không hỏi ý chủ nhân vi phạm hai tội: Vị Ni ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị Ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối, không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong khi ngồi xuống vi phạm hai tội: Vị Ni ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị Ni do hiểu sai do xét đoán sai, trong khi phàn nàn với vị khác vi phạm hai tội: Vị Ni phàn nàn, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã phàn nàn thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị Ni trong khi nguyền rủa bản thân hoặc người khác về địa ngục, hoặc về Phạm hạnh vi phạm hai tội: Vị Ni nguyền rủa, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã nguyền rủa thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị Ni trong khi tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc vi phạm hai tội: Vị Ni đánh và khóc lóc thì phạm tội *Pācittiya*; vị Ni đánh không khóc lóc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Phẩm "Bóng tối" là thứ nhì.

*****

4.3.

1. Vị Ni lõa thể trong khi tắm vi phạm hai tội: Vị Ni tắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; vào lúc hoàn tất việc tắm thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị Ni trong khi bảo thực hiện vải choàng tắm vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị Ni bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị Ni sau khi tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni, trong khi không may lại cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại vi phạm một tội *Pācittiya*.

4. Vị Ni trong khi vượt quá năm ngày thiếu vắng y hai lớp vi phạm một tội *Pācittiya*.

5. Vị Ni trong khi mặc y thiết thân [của vị Ni khác] vi phạm hai tội: Vị Ni mặc, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã mặc thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị Ni trong khi cản trở lợi lộc về y của nhóm vi phạm hai tội: Vị Ni hành động, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã hành động thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị Ni trong khi ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp vi phạm hai tội: Vị Ni ngăn cản, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã ngăn cản thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị Ni trong khi cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị Ni cho, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã cho thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị Ni trong khi để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn vi phạm hai tội: Vị Ni để cho vượt quá, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã để cho vượt quá thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị Ni trong khi ngăn cản sự thu hồi *Kaṭhina* đúng Pháp vi phạm hai tội: Vị Ni ngăn cản, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã ngăn cản thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Tắm" là thứ ba.

*****

4.4.

1. Hai vị Tỳ-khưu-ni trong khi nằm chung ở một chiếc giường vi phạm hai tội: [Cả hai] nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Hai vị Tỳ-khưu-ni trong khi nằm chung một tấm trải tấm đắp vi phạm hai tội: [Cả hai] nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị Ni trong khi cố ý quấy rầy các vị Tỳ-khưu-ni [khác] vi phạm hai tội: Vị Ni hành động, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã hành động thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị Ni trong khi không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc vi phạm một tội *Pācittiya*.

5. Vị Ni sau khi đã cho vị Tỳ-khưu-ni [khác] chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình, trong khi lôi kéo ra vi phạm hai tội: Vị Ni lôi kéo ra, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã lôi kéo ra thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị Ni sống thân cận [thế tục], trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm hai tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị Ni trong khi đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vi phạm hai tội: Vị Ni thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thực hiện thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị Ni trong khi đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vi phạm hai tội: Vị Ni thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thực hiện thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị Ni trong khi đi du hành vào mùa [an cư] mưa vi phạm hai tội: Vị Ni thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã thực hiện thì phạm tội *Pācittiya.*

10. Vị Ni đã trải qua mùa [an cư] mưa, trong khi không ra đi du hành vi phạm một tội *Pācittiya.*

Phẩm "Nằm chung" là thứ tư.

*****

4.5.

1. Vị Ni trong khi đi để xem hí viện của đức vua, hoặc nhà triển lãm tranh, hoặc khu vườn, hoặc công viên, hoặc hồ sen vi phạm hai tội: Vị Ni đi, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; nơi nào đứng lại rồi nhìn thì phạm tội *Pācittiya.*

2. Vị Ni trong khi sử dụng ghế trường kỷ hoặc ghế nệm lông thú vi phạm hai tội: Vị Ni sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã sử dụng thì phạm tội *Pācittiya.*

3. Vị Ni trong khi xe chỉ vi phạm hai tội: Vị Ni xe [chỉ], lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; theo mỗi một vòng quay thì phạm tội *Pācittiya.*

4. Vị Ni trong khi phục vụ người tại gia vi phạm hai tội: Vị Ni phục vụ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã phục vụ thì phạm tội *Pācittiya.*

5. Vị Ni khi được vị Tỳ-khưu-ni nói rằng: "Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này" đã trả lời rằng: "Tốt thôi!" trong khi không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết vi phạm một tội *Pācittiya.*

6. Vị Ni trong khi tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị Ni cho, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã cho thì phạm tội *Pācittiya.*

7. Vị Ni sau khi không chịu xả bỏ y nội trợ, trong khi sử dụng vi phạm hai tội: Vị Ni sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã sử dụng thì phạm tội *Pācittiya.*

8. Vị Ni khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ, trong khi ra đi du hành vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya.*

9. Vị Ni trong khi học tập kiến thức nhảm nhí vi phạm hai tội: Vị Ni học tập, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; theo mỗi một câu thì phạm tội *Pācittiya.*

10. Vị Ni trong khi dạy kiến thức nhảm nhí vi phạm hai tội: Vị Ni dạy, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; theo mỗi một câu thì phạm tội *Pācittiya.*

Phẩm "Nhà triển lãm tranh" là thứ năm.

*****

4.6.

1. Vị Ni biết tu viện có Tỳ-khưu, trong khi đi vào chưa có sự hỏi ý vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị Ni trong khi mắng nhiếc gièm pha vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị Ni mắng nhiếc, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã mắng nhiếc thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị Ni bị kích động trong khi gièm pha nhóm vi phạm hai tội: Vị Ni chửi rủa, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã gièm pha thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị Ni đã được thỉnh mời hoặc đã từ chối [vật thực dâng thêm], trong khi nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị Ni trong khi bỏn xẻn về gia đình vi phạm hai tội: Vị Ni bỏn xẻn, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã bỏn xẻn thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị Ni trong khi sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ sống mùa [an cư] mưa" rồi sắp xếp chỗ trú ngụ, hoặc đem lại nước uống nước rửa, hoặc quét phòng thì phạm tội *Dukkaṭa*; với sự mọc lên của mặt trời thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị Ni đã trải qua mùa [an cư] mưa trong khi không thỉnh cầu [hành lễ *Pavāraṇā*] ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống vi phạm một tội *Pācittiya*.

8. Vị Ni trong khi không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú vi phạm một tội *Pācittiya*.

9. Vị Ni trong khi không hỏi về lễ *Uposatha* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới vi phạm một tội *Pācittiya*.

10. Vị Ni khi chưa hỏi ý hội chúng hoặc nhóm lại cùng người nam, một nữ với một nam, trong khi xẻ nặn mụt nhọt hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân vi phạm hai tội: Vị Ni xẻ nặn, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã xẻ nặn thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Tu viện" là thứ sáu.

*****

4.7.

1. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ mang thai vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ còn cho con bú vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, trong khi không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm vi phạm một tội *Pācittiya*.

9. Vị Ni trong khi không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm phạm một tội *Pācittiya*.

10. Vị Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, trong khi không cách ly [vị Ni ấy] cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly vi phạm một tội *Pācittiya*.

Phẩm "Sản phụ" là thứ bảy.

*****

4.8.

1. Vị Ni trong khi tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị Ni trong khi tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị Ni trong khi tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị Ni chưa đủ mười hai năm [thâm niên], trong khi tiếp độ vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị Ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] chưa được hội chúng đồng ý, trong khi tiếp độ vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị Ni khi được nói rằng: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ" đã trả lời rằng: "Tốt thôi!" sau đó, trong khi tiến hành việc phê phán vi phạm hai tội: Vị Ni phê phán, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã phê phán thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị Ni sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô", trong khi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vi phạm một tội *Pācittiya*.

8. Vị Ni sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô", trong khi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vi phạm một tội *Pācittiya*.

9. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác] vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ hoặc người chồng cho phép vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

11. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt *Parivāsa* vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

12. Vị Ni trong khi tiếp độ hàng năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

13. Vị Ni trong khi tiếp độ hai người trong một năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Thiếu nữ" là thứ tám.

*****

4.9.

1. Vị Ni trong khi sử dụng dù dép vi phạm hai tội: Vị Ni sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã sử dụng thì phạm tội *Pācittiya*.

2. Vị Ni trong khi di chuyển bằng xe vi phạm hai tội: Vị Ni di chuyển [bằng xe], lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã di chuyển [bằng xe] thì phạm tội *Pācittiya*.

3. Vị Ni trong khi mang vật trang sức ở hông vi phạm hai tội: Vị Ni mang, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã mang thì phạm tội *Pācittiya*.

4. Vị Ni trong khi đeo đồ trang sức của phụ nữ vi phạm hai tội: Vị Ni đeo, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã đeo thì phạm tội *Pācittiya*.

5. Vị Ni trong khi tắm bằng vật thơm có màu sắc vi phạm hai tội: Vị Ni tắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; vào lúc hoàn tất việc tắm thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Vị Ni trong khi tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương vi phạm hai tội: Vị Ni tắm, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; vào lúc hoàn tất việc tắm thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Vị Ni trong khi bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được xoa bóp thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị Ni trong khi bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được xoa bóp thì phạm tội *Pācittiya*.

9. Vị Ni trong khi bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được xoa bóp thì phạm tội *Pācittiya*.

10. Vị Ni trong khi bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được xoa bóp thì phạm tội *Pācittiya*.

11. Vị Ni trong khi ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa có sự hỏi ý vi phạm hai tội: Vị Ni ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

12. Vị Ni trong khi hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước vi phạm hai tội: Vị Ni hỏi, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã hỏi thì phạm tội *Pācittiya*.

13. Vị Ni không mặc áo lót, trong khi đi vào làng vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya*.

Phẩm "Dù dép" là thứ chín.

Dứt các điều nhỏ nhặt thuộc chín phẩm.

*****

2.5. CHƯƠNG *PĀṬIDESANĪYA*

1. Vị Ni sau khi yêu cầu bơ lỏng, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

2. Vị Ni sau khi yêu cầu dầu ăn, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

3. Vị Ni sau khi yêu cầu mật ong, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

4. Vị Ni sau khi yêu cầu đường mía, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

5. Vị Ni sau khi yêu cầu cá, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

6. Vị Ni sau khi yêu cầu thịt, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

7. Vị Ni sau khi yêu cầu sữa tươi, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

8. Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Dứt tám điều *Pāṭidesanīya*.

Dứt phần "Bao nhiêu tội" là thứ nhì.

*****

3. PHẦN SỰ HƯ HỎNG

1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng?

– Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. ...(nt).

2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng?

– Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Dứt phần "Sự hư hỏng" là thứ ba.

*****

4. PHẦN SỰ TỔNG HỢP

1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

– Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

– Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*.

Dứt phần "Sự tổng hợp" là thứ tư.

*****

5. PHẦN NGUỒN SANH TỘI

1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội?

– Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng, được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội?

– Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được sanh lên do bốn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

Dứt phần "Nguồn sanh tội" là thứ năm.

*****

6. PHẦN SỰ TRANH TỤNG

1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng, là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt).

2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

Dứt phần "Sự tranh tụng" là thứ sáu.

*****

7. PHẦN SỰ DÀN XẾP

1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt).

2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Sự dàn xếp" là thứ bảy.

*****

8. PHẦN SỰ QUY TỤ

1. Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên thì phạm tội *Pārājika*; vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở lên từ đầu gối trở xuống thì phạm tội *Thullaccaya*; vị Ni ưng thuận sự nắm lấy vật được gắn liền với thân thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt).

2. Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao

nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do bốn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Sự quy tụ" là thứ tám.

--ooOoo--

9. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

9.1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKA*

Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pārājika* do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? ...(nt)... Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Pārājika* do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng?

– Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]?

– Là điều quy định cho một [hội chúng].

Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào?

– Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng?

– Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội?

– Thuộc về nhóm tội *Pārājika*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

Do ai truyền đạt lại?

– Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vị Upāli, luôn cả vị Dāsaka, ...(nt)... tạng Luật ở Tambapaṇṇi.

2. Điều *Pārājika* do duyên của việc che giấu lỗi lầm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā dầu biết vị Tỳ-khưu-ni vi phạm tội *Pārājika* đã không tự chính mình khiển trách cũng đã không thông báo cho nhóm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

3. Điều *Pārājika* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã xu hướng theo Tỳ-khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng [là vị] đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

4. Điều *Pārājika* do duyên của việc làm đủ sự việc thứ tám đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã làm đủ sự việc thứ tám.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

Dứt các điều *Pārājika*.

*****

9.2. CHƯƠNG *SAṄGHĀDISESA*

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc thực hiện sự thưa kiện của vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? ...(nt)... Do ai truyền đạt lại?

2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc thực hiện sự thưa kiện của vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã sống là người nói lời tranh chấp.

Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

– Ở đấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?

– Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng?

– Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]?

– Là điều quy định cho một [hội chúng].

Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

– Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào?

– Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng?

– Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội?

– Thuộc về nhóm tội *Saṅghādisesa*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

Do ai truyền đạt lại?

– Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vị Upāli luôn cả vị Dāsaka, vị Soṇaka, vị Siggava là tương tợ với vị Moggalliputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng. ...(nt).

Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapaṇṇi.

3. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc tiếp độ nữ đạo tặc đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã tiếp độ nữ đạo tặc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

4. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc đi vào trong làng một mình đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ một mình đã đi vào trong làng.

– Có một điều quy định, ba điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều *Pārājika* thứ nhất. …(nt).

5. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. …(nt).

6. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc thọ thực của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [như] ở điều *Pārājika* thứ nhất. ...(nt).

7. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc xúi giục rằng: "Này Ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư, khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi" đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã xúi giục rằng: "Này Ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư, khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi."

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu-ni nổi giận, bất bình đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī nổi giận, bất bình đã nói như vầy: "Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ Hội chúng, tôi lìa bỏ việc học tập."

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

9. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu-ni bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình và đã nói như vầy: "Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì si mê, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi."

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

10. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của các Tỳ-khưu-ni sống thân cận [với thế tục] đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã sống thân cận [với thế tục].

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

11. Điều *Saṅghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Ni xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác" đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandā.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác."

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

12. Điều *Pāṭidesanīya* do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu đã được quy định tại đâu?

– Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

– Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì?

– Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt).

Dứt phần "Quy định tại đâu" là thứ nhất.

*****

10. PHẦN BAO NHIÊU TỘI

10.1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKA*

1. Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng thì phạm tội *Pārājika*; vị Tỳ-khưu sờ vào thân [người nữ] bằng thân [vị ấy] thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị [Ni] dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [người nam] phạm *Thullaccaya*; vị [Ni] dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [người nam] thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội *Pācittiya*.[7] Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này.

2. Do duyên của việc che giấu lỗi lầm vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc che giấu lỗi lầm vi phạm bốn tội: Vị Tỳ-khưu-ni biết [vị Tỳ-khưu-ni khác] vi phạm tội *Pārājika* rồi che giấu thì phạm tội *Pārājika*; vị [Ni] có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội *Thullaccaya*; vị Tỳ-khưu che giấu tội *Saṅghādisesa* thì phạm tội *Pācittiya*;[8] vị [Ni] che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên của việc che giấu lỗi lầm vi phạm bốn tội này.

3. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm bao nhiêu tội?

---

[7] Chương này được đề cập riêng cho Tỳ-khưu-ni: Tội thứ nhất là tội dành riêng cho Tỳ-khưu-ni, tội thứ ba và thứ tư có tính cách tương tợ giữa Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni dầu được quy định vào hai điều học khác nhau, tội thứ năm được đề cập ở Giới bổn (*Pātimokkha*) của Tỳ-khưu nhưng là điều học được quy định chung cho cả hai hội chúng, riêng tội thứ nhì được xếp vào đây xét ra có tính cách gượng ép vì chỉ dành riêng cho Tỳ-khưu (ND).

[8] Đúng ra phải ghi là "vị Tỳ-khưu-ni" thay vì "vị Tỳ-khưu" (ND).

– Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo kẻ bị phạt án treo không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Pārājika*; vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo kẻ chia rẽ [hội chúng] không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị không chịu dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội *Pācittiya*. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm năm tội này.

4. Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội: Khi được người nam nói rằng: "Hãy đi đến chỗ tên như vầy" vị Ni đi đến [nơi hẹn] thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Thullaccaya*; vị Ni làm đầy đủ sự việc thứ tám thì phạm tội *Pārājika*. Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội này.

Dứt các điều *Pārājika*.

*****

10.2. CHƯƠNG *SAṄGHĀDISESA*

1. Do duyên của việc thực hiện sự thưa kiện, vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp vi phạm ba tội: Nói với người thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*; nói với người thứ nhì thì phạm tội *Thullaccaya*; vào lúc kết thúc vụ xử án thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

2. Do duyên của việc tiếp độ nữ đạo tặc vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

3. Do duyên của việc đi vào trong làng một mình vi phạm ba tội: Vị Ni đi thì phạm tội *Dukkaṭa*; vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

4. Do duyên của việc phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

5. Do duyên của việc thọ thực, vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ nhận thì

phạm tội *Thullaccaya*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Do duyên của việc xúi giục rằng: "Này Ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư, khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi" vi phạm ba tội: Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ nhận [vị Ni xúi giục] thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần [vị Ni kia] nuốt xuống, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt bữa ăn, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

7. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu-ni nổi giận vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

8. Khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó, do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu-ni vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

9. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, các Tỳ-khưu-ni thân cận [với thế tục] vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

10. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Ni xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác" vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*. ...(nt).

Dứt mười điều *Saṅghādisesa*.
Nên được phân tích chi tiết theo như phần dưới,[9]
riêng phần nguyên nhân là có sự khác biệt.

*****

11. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*;

[9] Có lẽ vào thời ấy, các phần đã đọc xong được đặt ở dưới thấp nên mới ghi là "theo như phần dưới"; còn theo cách đọc hiện nay thì phải ghi là "theo như phần trên" mới hợp lý (ND).

mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội này.

Dứt phần "Bao nhiêu tội" là thứ nhì.

--ooOoo--

11. PHẦN SỰ HƯ HỎNG

1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng?

– Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. ...(nt).

2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng?

– Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Dứt phần "Sự hư hỏng" là thứ ba.

--ooOoo--

12. PHẦN SỰ TỔNG HỢP

1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

– Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

– Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*.

Dứt phần "Sự tổng hợp" là thứ tư.

--ooOoo--

13. PHẦN NGUỒN SANH TỘI

1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội?

– Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội?

– Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được sanh lên do bốn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

Dứt phần "Nguồn sanh tội" là thứ năm.

--ooOoo--

14. PHẦN SỰ TRANH TỤNG

1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt).

2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng?

– Tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

Dứt phần "Sự tranh tụng" là thứ sáu.

--ooOoo--

15. PHẦN SỰ DÀN XẾP

1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử

Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt).

2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Sự dàn xếp" là thứ bảy.

--ooOoo--

16. PHẦN SỰ QUY TỤ

1. Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng thì phạm tội *Pārājika*; vị Tỳ-khưu sờ vào thân [người nữ] bằng thân [vị ấy] thì phạm tội *Saṅghādisesa*; dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân thì phạm tội *Thullaccaya*; dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội *Pācittiya*. Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt).

2. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông trong khi thọ dụng vi phạm hai tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do bốn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Sự quy tụ" là thứ tám.
Dứt tám phần về do duyên.

*****

TÓM LƯỢC CÁC PHẦN NÀY

Phần bao nhiêu [tội], phần sự hư hỏng, phần sự tổng hợp luôn cả phần về nguồn sanh tội, phần sự tranh tụng, phần sự dàn xếp và phần sự quy tụ, đây là bảy phần. Được bắt đầu bằng phần sự quy định là tám phần.

*****

Dứt mười sáu phần chính thuộc Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni
và Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni được chấm dứt.

TÓM TẮT
CÁC ĐẦU ĐỀ CỦA NGUỒN SANH TỘI

TÓM LƯỢC VỀ NGUỒN SANH TỘI

1. Tất cả các hành là vô thường, khổ và vô ngã được tạo hợp [do duyên]. Và chính Niết-bàn là điều khái niệm, được khẳng định là "vô ngã."

2. Khi đức Phật, ví như mặt trăng còn chưa xuất hiện, khi đức Phật, ví tợ mặt trời còn chưa hiện khởi, vấn đề tên gọi của các pháp có tính chất chung ấy không được biết đến.

3. Sau khi đã thực hành khổ hạnh nhiều loại, sau khi làm đủ đầy các pháp toàn hảo, các đấng Đại Hùng chứng thực pháp nhãn xuất hiện ở cõi có các Phạm thiên.

4. Các vị giảng giải Chánh pháp có sự chấm dứt khổ, đem lại an lạc. Bậc Hiền Trí dòng Sakya, hiệu Aṅgīrasa, là bậc Thương Tưởng Tất Cả Chúng Sanh.

5. Đấng Sư Tử, bậc Tối Thượng Của Tất Cả Các Loài đã thuyết giảng Tam tạng gồm có Kinh, Vi diệu pháp và Luật, có đức tính vĩ đại.

6. Như vậy Chánh pháp được lưu truyền nếu Luật còn tồn tại, và cả hai bộ *Phân tích*, bộ *Hợp phần* và các tiêu đề.

7. Vòng hoa được kết lại chính là nhờ vào sợi chỉ, tức là bộ *Tập yếu*. Về chính bộ *Tập yếu* ấy, nguồn sanh tội được xác định.

8. Phần phân tích và phần duyên khởi được trình bày lối khác trong giới bổn ở trên; bởi thế vị thuần thiện mến pháp nên học tập bộ *Tập yếu* này.

*****

MƯỜI BA NGUỒN SANH TỘI

9. Vào lễ *Uposatha*, các vị đọc tụng điều quy định ở hai bổn Phân tích, còn tôi sẽ nói về nguồn sanh tội đúng theo hệ thống, xin hãy lắng nghe tôi:

10. Điều *Pārājika* thứ nhất và điều thứ nhì là khác với điều ấy, việc làm mai mối, sự nhắc nhở và phần y phụ trội.

11. Các lông cừu, pháp theo từng câu, sự thực chứng với sự hẹn trước, đạo tặc, sự thuyết giảng, nữ đạo tặc và sự không cho phép là mười ba.[1]

[1] Do ba cửa thân, khẩu, ý có được sáu nguồn sanh tội. Các điều học có nguồn sanh tội giống nhau đã được phân loại thành 13 nhóm. Chúng tôi đã thêm từ trong ngoặc đơn ở bài kệ để dễ nhận ra điều học có liên quan. Về việc này, Chú giải sư Buddhaghosa có giải thích rõ hơn về các điều học và ở bản dịch tiếng Anh, cô I. B. Horner có ghi tên điều học và số thứ tự (ND).

12. Mười ba phương thức về nguồn sanh tội này đã được suy nghĩ bởi các bậc hiểu biết về mỗi một nguồn sanh tội được trình bày ở đây là như nhau.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU *PĀRĀJIKA* THỨ NHẤT

13. Việc đôi lứa, tinh dịch, việc xúc chạm, điều *Aniyata* thứ nhất, [Tỳ-khưu] đến ngụ trước, được môi giới, chỗ kín đáo cùng với Tỳ-khưu-ni.

14. Có hai vợ chồng và luôn cả chỗ kín đáo, ngón tay [thọt léc], giỡn trong nước, hai điều về cú đánh, về giá tay [dọa đánh] và năm mươi ba học pháp.

15. Dưới xương đòn [ở cổ], [vào] làng, từ người nam nhiễm dục, lòng bàn tay, gậy ngắn, làm sạch sẽ [bằng nước], đã trải qua mùa [an cư] mưa, việc giáo giới, vị không hầu cận Ni sư tế độ.

16. Bảy mươi sáu điều học này được làm do thân và do ý, tất cả có một nguồn sanh tội giống như điều *Pārājika* thứ nhất.

Dứt nguồn sanh tội của điều *Pārājika* thứ nhất.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU *PĀRĀJIKA* THỨ NHÌ

17. Vật chưa cho, đoạt mạng, pháp thượng nhân, nói thô tục, tình dục cho bản thân, [cáo tội] không nguyên cớ, có quan hệ khác biệt, điều bất định thứ nhì.

18. Giật lại [y đã cho], thuyết phục dâng [bản thân], nói dối, lời mắng nhiếc, đâm thọc, [nói] tội xấu, đào đất, [hại] thảo mộc, nói tránh né, vị phàn nàn.

19. Lôi kéo ra, việc tưới nước, vì nguyên nhân lợi lộc, [mời] vị đã ăn xong, "hãy đến", xem thường, gây sợ hãi, thu giấu và [hại] mạng sống.

20. Trong khi biết nước có sinh vật, [khơi lại] hành sự, chưa đủ [hai mươi tuổi], việc cộng trú [vị án treo], việc [Sa-di] trục xuất, theo Pháp, luôn cả sự chê bai [Luật], [giả vờ] ngu dốt và [bôi nhọ] không nguyên cớ.

21. [Gây] nỗi nghi hoặc, [chê hành sự] đúng Pháp, [thuận cho] y [rồi phê phán], thuyết phục dâng cá nhân, làm gì được [Ni sư], [y] ngoại thời, giật lại [y], [phàn nàn] vì hiểu sai và [nguyền rủa về] địa ngục.

22. [Cản trở y] của nhóm, [ngăn cản] việc phân chia, [mong mỏi] không chắc chắn, [thu hồi] *Kaṭhina*, [vị cố ý] quấy rầy, [lôi ra khỏi] Ni viện, mắng nhiếc [vị Tỳ-khưu], bị kích động [mắng nhiếc], bỏn xẻn [gia đình], người sản phụ và vị còn cho bú.

23. [Chưa thực hành] hai năm, việc học tập, do hội chúng luôn cả ba điều về người nữ đã kết hôn và thiếu nữ có ba điều, chưa đủ mười hai năm, chưa được sự chấp thuận.

24. Chưa phải lúc [tiếp độ], [nhẫn tâm] gây sầu khổ, sự thỏa thuận và hai vị một năm. Bảy mươi điều học này được thực hiện do ba nguồn:

25. Do thân và ý không do khẩu, khẩu và ý không liên quan thân, được sanh từ ba cửa, giống như điều *Pārājika* thứ nhì.

Dứt nguồn sanh tội của điều *Pārājika* thứ nhì.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU LÀM MAI MỐI

26. Mai mối, [làm] cốc liêu, trú xá, giặt y, nhận lãnh [y của Tỳ-khưu-ni], thọ nhận vượt quá yêu cầu, của hai điều [căn dặn] và bởi sứ giả.

27. Tơ tằm, thuần [màu đen], hai phần, sáu năm, vật lót ngồi, các vị xao lãng luôn cả vàng bạc, hai điều về trao đổi theo nhiều cách.

28. [Bình bát] chưa đủ năm mảnh vá, choàng tắm mưa, chỉ sợi, dặn dò [việc dệt y], [cho đến khung] cửa lớn, cho y [Tỳ-khưu-ni], may y, bánh ngọt, nhân duyên [bốn tháng] và [đốt] ngọn lửa.

29. Vật quý, [ống đựng] kim, giường, [độn] bông gòn, vật lót ngồi, y đắp ghẻ, luôn cả vải tắm mưa với [y] đức Thiện Thệ, sự yêu cầu, việc sắm vật khác.

30. Hai điều thuộc về hội chúng, hai điều thuộc về nhóm, các cá nhân, [tấm choàng] nhẹ, dày, hai điều đồ đồ thừa, choàng tắm [Tỳ-khưu-ni] và y của Sa-môn.

31. Cả năm mươi pháp này được sanh lên từ sáu chỗ: Do thân không do khẩu và ý, do khẩu không do thân và ý.

32. Do thân và khẩu không do ý, do thân và ý không do khẩu, do khẩu và ý không do thân, được sanh lên từ ba cửa và sáu nguồn sanh tội này là tương tợ như điều mai mối.

Dứt nguồn sanh tội của điều làm mai mối.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU NÓI NHẮC NHỞ

33. Chia rẽ, xu hướng theo, khó dạy, làm hư hỏng, [giấu] tội xấu, tà kiến, [không trao] sự tùy thuận, hai điều cười lớn tiếng, hai điều về tiếng động, [miệng có cơm] không nên nói.

34. Ngồi đất, chỗ thấp, đứng, đi sau, một bên [đường], [vị Tỳ-khưu-ni che giấu] tội, xu hướng theo, việc nắm lấy,[2] vị Ni phục hồi, việc nói lìa bỏ.

35. [Trong cuộc tranh tụng] nào đó, hai điều sống thân cận, vị đánh đấm [khóc lóc], vị tháo y, người nữ [đệ tử] bị bệnh, lại điều sống thân cận, không dàn xếp và tu viện, [không hành] lễ *Pavāraṇā*.

[2] *Pārājika* 4 của Tỳ-khưu-ni về việc thực hiện đầy đủ tám sự việc (ND).

36. Mỗi nửa tháng [không hỏi], [không dạy] nữ đệ tử, hai điều [về tiếp độ], [nếu dâng] y, việc hầu hạ. Ba mươi bảy pháp này do thân, khẩu và ý, tất cả có một nguồn giống như điều nói nhắc nhở.

Dứt nguồn sanh tội của điều nói nhắc nhở.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU *KAṬHINA*

37. Ba điều *Kaṭhina* không còn hiệu lực, điều thứ nhất về bình bát, dược phẩm và y đặc biệt nữa, [ở rừng] có nguy hiểm, hoặc là hai điều vị ra đi.[3]

38. [Giáo giới] ở Ni viện, [vật thực] được thỉnh sau, không phải thức ăn thừa, việc thỉnh mời, việc chú nguyện để dùng chung, [hậu cung] của đức vua, [vào làng] lúc sái thời, hướng dẫn sự phục vụ và vị ở rừng.

39. Việc tranh chấp, tích trữ, trước, sau, lúc sái thời, thời hạn năm ngày, y thiết thân, hai điều [không nguyện xả] và y nội trợ.

40. Phần dưới thân, luôn cả việc ngồi [trước Tỳ-khưu]. Tất cả hai mươi chín điều này có hai nguồn sanh tội: Do thân và khẩu không do ý, [hoặc] được sanh lên từ ba cửa, tương tợ như điều *Kaṭhina*.

Dứt nguồn sanh tội của điều *Kaṭhina*.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU LÔNG CỪU

41. Việc [mang vác] lông cừu, hai điều về nằm chung, chân [giường] tháo rời được, bữa ăn ở phước xá, [vật thực] dâng chung nhóm, lúc sái thời, việc tích trữ với nước và tăm xỉa răng, các đạo sĩ lõa thể.

42. Động binh, [ngụ] ở binh đội, nơi tập trận, [uống] rượu, việc tắm khi chưa đủ [nửa tháng], hoại sắc, hai điều *Pāṭidesanīya*, tỏi, về việc đứng gần [phục vụ], [xem] vũ.

43. Việc tắm [lõa thể], nằm chung tấm trải, chung giường, trong quốc độ, bên ngoài là tương tợ, [du hành] trong mùa mưa, nhà triển lãm tranh vẽ, ghế trường kỷ, việc xe chỉ sợi.

44. Phục vụ [người tại gia], tự tay [cho vật thực], chỗ ngụ không Tỳ-khưu, dù che, xe, vật trang sức ở hông, đồ trang sức [phụ nữ], vật thơm, được tẩm hương.

45. Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, vị Sa-di-ni với người nữ tại gia, tội không mặc áo lót, là bốn mươi thêm bốn điều.

---

[3] *Pācittiya* 14 và 15 của Tỳ-khưu về việc ra đi chưa thu dọn lại giường ghế đã bày ra (ND).

46. Tất cả có hai nguồn sanh tội: Do thân không do khẩu và ý, do thân và ý không do khẩu, tương tợ như điều lông cừu.

Dứt nguồn sanh tội của điều lông cừu.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU PHÁP THEO TỪNG CÂU

47. [Dạy đọc pháp] theo từng câu, ngoại trừ [có người nam], [giáo giới] chưa được chỉ định, khi mặt trời đã lặn, hai điều về kiến thức nhảm nhí đã được nói đến, khi chưa thỉnh ý và việc đặt câu hỏi.

48. Bảy điều học này, tất cả có hai nguồn sanh tội: Do khẩu không do thân và ý, sanh lên do khẩu và ý nhưng không được sanh lên do thân, tương tợ như điều pháp theo từng câu.

Dứt nguồn sanh tội của điều pháp theo từng câu.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU ĐƯỜNG XA

49. [Đi] đường xa, chung thuyền, [vật thực] hảo hạng, [đi chung] với người nữ, vị Ni cạo nhổ [lông], lúa nguyên hạt luôn cả vị Ni được thỉnh mời và tám điều *Pāṭidesanīya.*

50. Mười lăm điều học này: Do thân không do khẩu không do ý, chúng sanh lên do thân và khẩu không sanh lên do ý.

51. Chúng sanh lên do thân và ý không sanh lên do khẩu, do thân do khẩu và do ý, là bốn nguồn sanh tội đã được quy định do trí của đức Phật, tương tợ như điều đường xa.

Dứt nguồn sanh tội của điều đường xa.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU ĐÁM NGƯỜI ĐẠO TẶC

52. Đám người đạo tặc, việc nghe lén với việc yêu cầu súp, bóng đêm và được che khuất, khoảng trống, các điều này với giao lộ là bảy điều.

53. Các điều này có hai nguồn sanh tội: Chúng sanh lên do thân và ý không sanh lên do khẩu, sanh lên do ba cửa, các nguồn sanh tội của điều đám người đạo tặc đã được thuyết giảng bởi vị thân quyến mặt trời.

Dứt nguồn sanh tội của điều đám người đạo tặc.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU THUYẾT GIẢNG PHÁP

54. Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh pháp đến kẻ tay cầm dù, tương tợ y như thế đến kẻ tay cầm gậy, tay cầm dao và vũ khí.

55. Có [mang] giày dép, [trên] xe, nằm và ngồi ôm đầu gối, đội khăn luôn cả trùm đầu, là mười một điều không thiếu sót.

56. Tất cả có một nguồn sanh tội: Chúng sanh lên do khẩu và ý không sanh lên do thân, tương tợ như điều thuyết giảng pháp.

Dứt nguồn sanh tội của điều thuyết giảng pháp.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU TUYÊN BỐ SỰ THỰC CHỨNG

57. Sự thực chứng [pháp thượng nhân] được sanh lên do thân không do khẩu không do ý và sanh lên do khẩu không do thân không do ý.

58. [Và còn] được sanh lên do thân do khẩu và không sanh lên do ý. Điều gọi là tuyên bố sự thực chứng sanh lên từ ba nền tảng.

Dứt nguồn sanh tội của điều tuyên bố sự thực chứng.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU TIẾP ĐỘ NỮ ĐẠO TẶC

59. [Tiếp độ] nữ đạo tặc sanh lên do khẩu do ý nhưng không do thân, điều tiếp độ nữ tặc này được sanh từ ba cửa, hai nguồn sanh tội không bị làm lẫn lộn đã được đấng Pháp vương đề cập đến.

Dứt nguồn sanh tội của điều tiếp độ nữ đạo tặc.

*****

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU CHƯA ĐƯỢC CHO PHÉP

60. Điều về người chưa được cho phép[4] [sanh lên] do khẩu không do thân và không do ý, điều ấy sanh lên do thân và khẩu không sanh lên do ý.

61. Điều ấy sanh lên do khẩu và ý không sanh lên do thân, sanh lên từ ba cửa, là bốn nền tảng không bị làm lẫn lộn.

Dứt nguồn sanh tội của điều chưa được cho phép.

*****

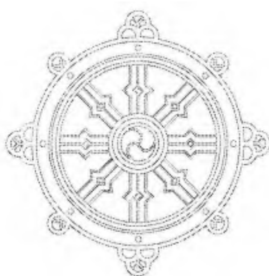
---

[4] *Pācittiya* 80 của Tỳ-khưu-ni về việc tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép (ND).

62. Bởi vì phần tóm tắt về nguồn sanh tội gồm mười ba phần đã khéo được thuyết giảng, là việc làm không bị lầm lẫn, là nền tảng phù hợp với Pháp và Luật, trong khi nắm vững điều này, người có sự hiểu biết không bị lầm lẫn về nguồn sanh tội.

Dứt phần tóm tắt các đầu đề của nguồn sanh tội.

--ooOoo--



SỰ TRÙNG LẶP LIÊN TỤC

PHẦN CÂU HỎI BAO NHIÊU

Bao nhiêu loại tội vi phạm? Bao nhiêu nhóm tội? Bao nhiêu sự việc đã được rèn luyện? Bao nhiêu sự không kính trọng? Bao nhiêu sự kính trọng? Bao nhiêu sự việc đã được rèn luyện? Bao nhiêu sự hư hỏng? Bao nhiêu nguồn sanh tội? Bao nhiêu nguyên nhân tranh cãi? Bao nhiêu nguyên nhân khiển trách? Bao nhiêu pháp cần được ghi nhớ? Bao nhiêu sự việc gây ra chia rẽ? Bao nhiêu sự tranh tụng? Bao nhiêu cách dàn xếp?

Năm loại tội. Năm nhóm tội. Năm sự việc đã được rèn luyện. Bảy loại tội. Bảy nhóm tội. Bảy sự việc đã được rèn luyện. Sáu sự không kính trọng. Sáu sự kính trọng. Sáu sự việc đã được rèn luyện. Bốn sự hư hỏng. Sáu nguồn sanh tội. Sáu nguyên nhân tranh cãi. Sáu nguyên nhân khiển trách. Sáu pháp cần được ghi nhớ. Mười tám sự việc gây ra chia rẽ. Bốn sự tranh tụng. Bảy cách dàn xếp.

1. Ở đấy, năm loại tội là gì?

– Tội *Pārājika*, tội *Saṅghādisesa*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, tội *Dukkaṭa*. Đây là năm loại tội.

2. Ở đấy, năm nhóm tội là gì?

– Nhóm tội *Pārājika*, nhóm tội *Saṅghādisesa*, nhóm tội *Pācittiya*, nhóm tội *Pāṭidesanīya*, nhóm tội *Dukkaṭa*. Đây là năm nhóm tội.

3. Ở đấy, năm sự việc đã được rèn luyện là gì?

– Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với năm nhóm tội. Đây là năm sự việc đã được rèn luyện.

4. Ở đấy, bảy loại tội là gì?

– Tội *Pārājika*, tội *Saṅghādisesa*, tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, tội *Dukkaṭa*, tội *Dubbhāsita*. Đây là bảy loại tội.

5. Ở đấy, bảy nhóm tội là gì?

– Nhóm tội *Pārājika*, nhóm tội *Saṅghādisesa*, nhóm tội *Thullaccaya*, nhóm tội *Pācittiya*, nhóm tội *Pāṭidesanīya*, nhóm tội *Dukkaṭa*, nhóm tội *Dubbhāsita*. Đây là bảy nhóm tội.

6. Ở đấy, bảy sự việc đã được rèn luyện là gì?

– Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với bảy nhóm tội. Đây là bảy sự việc đã được rèn luyện.

7. Ở đấy, sáu sự không kính trọng là gì?

– Sự không kính trọng đức Phật, sự không kính trọng Giáo pháp, sự không kính trọng Hội chúng, sự không kính trọng việc học tập, sự không kính trọng việc không xao lãng, sự không kính trọng trong việc tiếp nhận. Đây là sáu sự không kính trọng.

8. Ở đấy, sáu sự kính trọng là gì?

– Sự kính trọng đức Phật, sự kính trọng Giáo pháp, sự kính trọng Hội chúng, sự kính trọng việc học tập, sự kính trọng việc không xao lãng, sự kính trọng trong việc tiếp nhận. Đây là sáu sự kính trọng.

9. Ở đấy, sáu sự việc đã được rèn luyện là gì?

– Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với sáu sự không kính trọng. Đây là sáu sự việc đã được rèn luyện.

10. Ở đấy, bốn sự hư hỏng là gì?

– Sự hư hỏng về giới, sự hư hỏng về hạnh kiểm, sự hư hỏng về tri kiến, sự hư hỏng về nuôi mạng. Đây là bốn sự hư hỏng.

11. Ở đấy, sáu nguồn sanh tội là gì?

– Có tội sanh lên do thân, không do khẩu không do ý. Có tội sanh lên do khẩu, không do thân không do ý. Có tội sanh lên do thân và do khẩu, không do ý. Có tội sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Có tội sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. Có tội sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Đây là sáu nguồn sanh tội.

12. Ở đấy, sáu nguyên nhân tranh cãi là gì?

– Ở đây, vị Tỳ-khưu trở nên giận dữ, có sự hằn học. Vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội chúng, có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, ...(nt)... Giáo pháp, ...(nt)... Hội chúng, ...(nt)..., không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên nỗ

lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế, nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế, nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu trở nên đạo đức giả dối trá, ...(nt)... trở nên đố kỵ bỏn xẻn, ...(nt)... trở nên mưu mẹo xảo trá, ...(nt)... trở nên ác dục tà kiến, ...(nt)... trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Vị Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, ...(nt)... Giáo pháp, ...(nt)... Hội chúng, ...(nt)..., không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế, nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế, nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Đây là sáu nguyên nhân tranh cãi.

13. Ở đấy, sáu nguyên nhân khiển trách là gì?

– Ở đây, vị Tỳ-khưu trở nên giận dữ, có sự hằn học. Vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, ...(nt)... Giáo pháp, ...(nt)... Hội chúng, ...(nt)..., không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng. Đó là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một

cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu trở nên đạo đức giả dối trá, ...(nt)... trở nên đố kỵ bỏn xẻn, ...(nt)... trở nên mưu mẹo xảo trá, ...(nt)... trở nên ác dục tà kiến, ...(nt)... trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Vị Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, ...(nt)... Giáo pháp, ...(nt)... Hội chúng, ...(nt)..., không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng. Đó là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Đây là sáu nguyên nhân khiển trách.

14. Ở đấy, sáu pháp cần được ghi nhớ là gì?

– Ở đây, sự thân thiện của vị Tỳ-khưu qua thân nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh được thể hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể.

Còn có điều khác nữa, sự thân thiện của vị Tỳ-khưu qua khẩu nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh được thể hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể.

Còn có điều khác nữa, sự thân thiện của vị Tỳ-khưu qua ý nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh được thể hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể.

Còn có điều khác nữa, những lợi lộc nào đúng Pháp, đạt được hợp pháp, ngay cả vật được đặt vào trong bình bát, vị Tỳ-khưu có sự thọ hưởng đồng đều

các lợi lộc có hình thức như thế, có sự thọ hưởng chung với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể.

Còn có điều khác nữa, những giới nào không bị bể vỡ, không bị sứt mẻ, không lấm nhơ, không khuyết điểm, được tự tại, được các bậc trí ngợi khen, không hoen ố, đưa đến thiền định, vị Tỳ-khưu cùng với các vị đồng Phạm hạnh sống thực hành về giới, theo các giới có hình thức như thế một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể.

Còn có điều khác nữa, tri kiến nào thuộc bậc Thánh, đưa đến giải thoát, đưa đến sự hoàn toàn diệt tận khổ đau cho người thực hành theo điều ấy, vị Tỳ-khưu cùng với các vị đồng Phạm hạnh sống thực hành về tri kiến, theo tri kiến có hình thức như thế một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Đây là sáu pháp cần được ghi nhớ.

15. Ở đấy, mười tám sự việc gây ra chia rẽ là gì?

– Trường hợp vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố phạm tội là "vô tội", tuyên bố vô tội là "phạm tội", tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ", tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sót", tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Đây là mười tám sự việc gây ra chia rẽ.

16. Ở đấy, bốn sự tranh tụng là gì?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Đây là bốn sự tranh tụng.

17. Ở đấy, bảy cách dàn xếp là gì?

– Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. Đây là bảy cách dàn xếp.

Dứt phần "Câu hỏi bao nhiêu."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Tội vi phạm, nhóm tội, [các sự việc] đã được rèn luyện, lại nhóm bảy [về tội], việc đã được rèn luyện luôn cả sự không kính trọng, sự kính trọng và nguyên nhân.

2. Lại nữa [các sự việc] được rèn luyện, sự hư hỏng, nguồn sanh tội, sự tranh cãi, sự khiển trách, cần được ghi nhớ, sự chia rẽ và sự tranh tụng, bảy cách dàn xếp đã được nói đến; đây là mười bảy đoạn.

--ooOoo--

1. PHẦN SÁU NGUỒN SANH TỘI

1. Do nguồn sanh tội thứ nhất,[1] có thể phạm tội *Pārājika*?

– Nên nói rằng: "Không thể."

Có thể phạm tội *Saṅghādisesa*?

– Nên nói rằng: "Có thể."

Có thể phạm tội *Thullaccaya*?

– Nên nói rằng: "Có thể."

Có thể phạm tội *Pācittiya*?

– Nên nói rằng: "Có thể."

Có thể phạm tội *Pāṭidesanīya*?

– Nên nói rằng: "Có thể."

Có thể phạm tội *Dukkaṭa*?

– Nên nói rằng: "Có thể."

Có thể phạm tội *Dubbhāsita*?

– Nên nói rằng: "Không thể."

2. Do nguồn sanh tội thứ nhì, có thể phạm tội *Pārājika*?

– Nên nói rằng: "Không thể."

[1] Là sanh lên do thân, không do khẩu, không do ý (ND).

Có thể phạm tội *Saṅghādisesa*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Thullaccaya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Pācittiya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Pāṭidesanīya*?
– Nên nói rằng: "Không thể."
Có thể phạm tội *Dukkaṭa*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Dubbhāsita*?
– Nên nói rằng: "Không thể."

3. Do nguồn sanh tội thứ ba, có thể phạm tội *Pārājika*?
– Nên nói rằng: "Không thể."
Có thể phạm tội *Saṅghādisesa*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Thullaccaya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Pācittiya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Pāṭidesanīya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Dukkaṭa*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Dubbhāsita*?
– Nên nói rằng: "Không thể."

4. Do nguồn sanh tội thứ tư, có thể phạm tội *Pārājika*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Saṅghādisesa*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Thullaccaya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Pācittiya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."

Có thể phạm tội *Pāṭidesanīya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Dukkaṭa*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Dubbhāsita*?
– Nên nói rằng: "Không thể."
5. Do nguồn sanh tội thứ năm, có thể phạm tội *Pārājika*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Saṅghādisesa*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Thullaccaya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Pācittiya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Pāṭidesanīya*?
– Nên nói rằng: "Không thể."
Có thể phạm tội *Dukkaṭa*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Dubbhāsita*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
6. Do nguồn sanh tội thứ sáu, có thể phạm tội *Pārājika*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Saṅghādisesa*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Thullaccaya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Pācittiya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Pāṭidesanīya*?
– Nên nói rằng: "Có thể."
Có thể phạm tội *Dukkaṭa*?
– Nên nói rằng: "Có thể."

Có thể phạm tội *Dubbhāsita*?

– Nên nói rằng: "Không thể."

Dứt phần "Sáu nguồn sanh tội" là thứ nhất.

*****

2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI

1. Do nguồn sanh tội thứ nhất vi phạm bao nhiêu loại tội?

– Do nguồn sanh tội thứ nhất vi phạm năm loại tội: Vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi tự xin [vật liệu] và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi thọ dụng vật thực vào lúc sái thời thì phạm tội *Pācittiya*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà rồi thọ dụng thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Do nguồn sanh tội thứ nhất vi phạm năm loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, không do khẩu, không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

2. Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bao nhiêu loại tội?

– Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bốn loại tội: Vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi chỉ thị rằng: "Các người hãy xây dựng cốc liêu cho tôi." Họ xây dựng cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành

[vị Tỳ-khưu] thì phạm tội *Dukkaṭa*; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu thì phạm tội *Pācittiya*. Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bốn loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do khẩu, không do thân, không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

3. Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm bao nhiêu loại tội?

– Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm năm loại tội: Vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi sắp xếp và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép, yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội *Pācittiya*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép, không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ rồi thọ thực thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm năm loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do khẩu, không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

4. Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm bao nhiêu loại tội?

– Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm sáu loại tội: Vị Tỳ-khưu thực hiện việc đôi lứa thì phạm tội *Pārājika*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép rồi tự xin [vật liệu] và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép, rồi thọ dụng vật thực lúc sái thời thì phạm tội *Pācittiya*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, rồi thọ dụng thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm sáu loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

5. Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm bao nhiêu loại tội?

– Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm sáu loại tội: Vị Tỳ-khưu có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội *Pārājika*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép, rồi chỉ thị rằng: "Các người hãy xây dựng cốc liêu cho tôi", họ xây dựng cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành [vị Tỳ-khưu] thì phạm tội *Dukkaṭa*; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép, rồi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu thì phạm tội *Pācittiya*; vị không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn rồi nói vị thấp kém theo sự thấp kém thì phạm tội *Dubbhāsita*. Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm sáu loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*, có thể là nhóm tội *Dubbhāsita*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

6. Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm bao nhiêu loại tội?

– Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm sáu loại tội: Vị Tỳ-khưu tính toán rồi lấy trộm gói đồ thì phạm tội *Pārājika*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép rồi sắp xếp và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép rồi yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân và thọ dụng thì phạm tội *Pācittiya*; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép rồi không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ và thọ thực thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm sáu loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Bao nhiêu tội thuộc sáu nguồn sanh tội" là thứ nhì.

*****

3. BÀI KỆ VỀ NGUỒN SANH TỘI

1. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

2. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có năm tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi trả lời câu này cho Ngài.

3. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

4. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bốn tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi trả lời câu này cho Ngài.

5. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

6. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có năm tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi trả lời câu này cho Ngài.

7. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

8. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì nhân ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi trả lời câu này cho Ngài.

9. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

10. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi trả lời câu này cho Ngài.

11. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

12. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ *Phân tích*, tôi trả lời câu này cho Ngài.

Dứt bài kệ về "Nguồn sanh tội" là thứ ba.

*****

4. PHẦN DO DUYÊN HƯ HỎNG

1. Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bao nhiêu loại tội?

– Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bốn loại tội: Vị Tỳ-khưu-ni biết mà che giấu tội *Pārājika* [của Tỳ-khưu-ni khác] thì phạm tội *Pārājika*; có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội *Thullaccaya*; vị Tỳ-khưu che giấu tội *Saṅghādisesa* thì phạm tội *Pācittiya*; vị che giấu tội xấu của bản thân thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bốn loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

2. Do duyên hư hỏng về hạnh kiểm vi phạm bao nhiêu loại tội?

– Do duyên hư hỏng về hạnh kiểm vi phạm một loại tội: Vị che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên hư hỏng về hạnh kiểm vi phạm một loại tội này.

Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

3. Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm bao nhiêu loại tội?

– Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm hai loại tội: Vị không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Pācittiya*. Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm hai loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

4. Do duyên hư hỏng về nuôi mạng vi phạm bao nhiêu loại tội?

– Do duyên hư hỏng về nuôi mạng vi phạm sáu loại tội: Vì nguyên nhân nuôi mạng vì lý do nuôi mạng, vị [Tỳ-khưu] có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội *Pārājika*; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị thực hành việc mai mối thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị nói rằng: "Vị [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị Tỳ-khưu yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội *Pācittiya*; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị Tỳ-khưu-ni yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội *Pāṭidesanīya*; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị Tỳ-khưu không bị bệnh yêu cầu súp và cơm cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên hư hỏng về nuôi mạng vi phạm sáu loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do sáu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Do duyên hư hỏng" là thứ tư.

*****

5. PHẦN DO DUYÊN TRANH TỤNG

1. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội: Vị mắng nhiếc vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya*; vị mắng nhiếc người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

2. Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm ba tội: Vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* không có nguyên cớ thì phạm tội *Saṅghādisesa*;

vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ thì phạm tội *Pācittiya*; vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm ba tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

3. Do duyên tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bốn tội: Vị Tỳ-khưu-ni biết mà che giấu tội *Pārājika* [của Tỳ-khưu-ni khác] thì phạm tội *Pārājika*; có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội *Thullaccaya*; vị Tỳ-khưu che giấu tội *Saṅghādisesa* [của vị Tỳ-khưu khác] thì phạm tội *Pācittiya*; vị che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bốn tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

4. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo kẻ bị phạt án treo không chịu dứt bỏ với lời nhắc nhở đến lần thứ ba, do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*, do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*, vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Pārājika*; các Tỳ-khưu là những người xu hướng theo kẻ

chia rẽ [hội chúng] không chịu dứt bỏ với lời nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội *Saṅghādisesa*; vị không chịu dứt bỏ tà kiến ác với lời nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội *Pācittiya*. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Trừ ra bảy loại tội và bảy nhóm tội, các tội còn lại liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Trừ ra bảy loại tội và bảy nhóm tội, các tội còn lại không liên hệ với sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng, không được tổng hợp vào nhóm tội nào trong bảy nhóm tội, không được sanh lên do nguồn sanh tội nào trong sáu nguồn sanh tội, không là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, không được làm lắng dịu bởi cách dàn xếp nào trong bảy cách dàn xếp.

Nguyên nhân của điều ấy là gì?

– Trừ ra bảy loại tội và bảy nhóm tội, các tội khác không có.

Dứt phần "Do duyên tranh tụng" là thứ năm.

Dứt sự trùng lặp liên tục.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Câu hỏi về bao nhiêu, các nguồn sanh [tội] và bao nhiêu tội là tương tợ y như thế. [Bài kệ] các nguồn sanh tội, sự hư hỏng và tương tợ về sự tranh tụng.

--ooOoo--

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP

6. PHẦN PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY

1. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị tranh cãi theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị khiển trách theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

3. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị vi phạm tội theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Nhiệm vụ được sanh lên theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

*****

1. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, điều gì là yếu tố đi trước?

– Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước.

Có bao nhiêu cơ sở?

– Có mười tám cơ sở gây ra chia rẽ.

Có bao nhiêu sự việc?

– Có mười tám sự việc gây ra chia rẽ.

Có bao nhiêu nền tảng?

– Có mười tám nền tảng gây ra chia rẽ.

Có bao nhiêu nhân tố?

– Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định.

Có bao nhiêu nguyên nhân?

– Có mười hai nguyên nhân.[1]

Vị tranh cãi theo bao nhiêu cách thức?

– Vị tranh cãi theo hai cách thức: Hoặc là có tri kiến đúng Pháp hoặc là có tri kiến sai Pháp.

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông.

2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, điều gì là yếu tố đi trước?

– Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước.

Có bao nhiêu cơ sở?

– Bốn sự hư hỏng là cơ sở.

Có bao nhiêu sự việc?

– Bốn sự hư hỏng là sự việc.

Có bao nhiêu nền tảng?

– Bốn sự hư hỏng là nền tảng.

Có bao nhiêu nhân tố?

– Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định.

Có bao nhiêu nguyên nhân?

– Có mười bốn nguyên nhân.[2]

Vị khiển trách theo bao nhiêu cách thức?

– Vị khiển trách theo hai cách thức: Từ sự việc hoặc từ tội vi phạm.

Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

---

[1] Là sáu nguyên nhân tranh cãi thêm vào ba nhân tốt đẹp và ba nhân không tốt đẹp. Xem tr. 677-78 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv.* I, §26-27, tr. 379-83 (ND).

[2] Là sáu nguyên nhân khiển trách, ba nhân tốt đẹp và ba nhân không tốt đẹp, thêm vào thân và khẩu. Xem tr. 678-80 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv.* I, §28-31, tr. 383-87 (ND).

3. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, điều gì là yếu tố đi trước?

– Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước.

Có bao nhiêu cơ sở?

– Bảy nhóm tội là cơ sở.

Có bao nhiêu sự việc?

– Bảy nhóm tội là sự việc.

Có bao nhiêu nền tảng?

– Bảy nhóm tội là nền tảng.

Có bao nhiêu nhân tố?

– Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định.

Có bao nhiêu nguyên nhân?

– Sáu nguồn sanh tội là nguyên nhân.

Vị vi phạm tội theo bao nhiêu cách thức?

– Vị vi phạm tội theo sáu cách thức: Sự không xấu hổ, sự không biết, bản chất không hối hận, sự lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép, sự lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép, lầm lẫn về sự ghi nhớ.

Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, điều gì là yếu tố đi trước?

– Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước.

Có bao nhiêu cơ sở?

– Bốn hành sự[3] là các cơ sở.

Có bao nhiêu sự việc?

– Bốn hành sự là các sự việc.

Có bao nhiêu nền tảng?

– Bốn hành sự là các nền tảng.

Có bao nhiêu nhân tố?

– Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định.

[3] Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư (ND).

Có bao nhiêu nguyên nhân?

– Có một nguyên nhân là hội chúng.

Nhiệm vụ sanh lên theo bao nhiêu cách thức?

– Nhiệm vụ được sanh lên theo hai cách thức: Từ lời đề nghị hoặc từ lời công bố.

Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện.

Có bao nhiêu cách dàn xếp?

– Có bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. Đây là bảy cách dàn xếp.

Tùy theo phương thức trình bày liên quan đến sự việc, có thể bảy cách dàn xếp này trở thành mười cách dàn xếp, mười cách dàn xếp trở thành bảy cách dàn xếp hay không?

– Có thể.

Và có thể bằng cách nào?

– Hai cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, bốn cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, ba cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến tội, và một cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như thế, tùy theo phương thức trình bày liên quan đến sự việc, bảy cách dàn xếp này trở thành mười cách dàn xếp, mười cách dàn xếp trở thành bảy cách dàn xếp.

Dứt phần "Phương thức trình bày" là thứ sáu.

*****

7. PHẦN CÓ LIÊN QUAN

Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan?

Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan?

1. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có hai cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có năm cách dàn xếp là không có liên quan: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp.

2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bốn cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vị ấy. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có ba cách dàn xếp là không có liên quan: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp.

3. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có ba cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bốn cách dàn xếp là không có liên quan: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vị ấy.

4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có một cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sáu cách dàn xếp là không có liên quan: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Có liên quan" là thứ bảy.

*****

8. PHẦN CÓ CÙNG QUAN HỆ

Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt?

1. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có hai cách dàn xếp là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có năm cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp.

2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bốn cách dàn xếp là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vị ấy. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có ba cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp.

3. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có ba cách dàn xếp là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bốn cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vị ấy.

4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có một cách dàn xếp là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sáu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Có cùng quan hệ" là thứ tám.

*****

9. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XẾP CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CÁCH DÀN XẾP

Đối với [một] cách dàn xếp, có các cách dàn xếp là có liên quan? Đối với [một] cách dàn xếp, có các cách dàn xếp là không có liên quan?

– Đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan. Đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan.

Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan? Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan?

1. Thuận theo số đông là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp.

2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông.

3. Hành xử Luật khi không điên cuồng là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. Theo tội của vị ấy là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

6. Cách dùng cỏ che lấp là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy.

Như vậy, đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan. Như vậy, đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan.

Dứt phần "Các cách dàn xếp có liên quan đối với cách dàn xếp" là thứ chín.

*****

10. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XẾP CÓ CÙNG QUAN HỆ ĐỐI VỚI CÁCH DÀN XẾP

Đối với [một] cách dàn xếp, có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với [một] cách dàn xếp, có các cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt?

– Đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ. Đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt.

Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt?

1. Thuận theo số đông là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp.

2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông.

3. Hành xử Luật khi không điên cuồng là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. Theo tội của vị ấy là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

6. Cách dùng cỏ che lấp là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy.

Như vậy, đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ. Như vậy, đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt.

Dứt phần "Các cách dàn xếp có cùng quan hệ đối với cách dàn xếp" là thứ mười.

*****

11. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XẾP VÀ HÀNH XỬ LUẬT VỚI SỰ HIỆN DIỆN

[Có phải] cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện [và] hành xử Luật với sự hiện diện là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là thuận theo số đông [và] thuận theo số đông là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ [và] hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là hành xử Luật khi không điên cuồng [và] hành xử Luật khi không điên cuồng là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận [và] việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là theo tội của vị ấy [và] theo tội của vị ấy là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là cách dùng cỏ che lấp [và] cách dùng cỏ che lấp là cách dàn xếp?

1. Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện vừa là cách dàn xếp vừa là hành xử Luật với sự hiện diện.

2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là thuận theo số đông. Thuận theo số đông vừa là cách dàn xếp vừa là thuận theo số đông.

3. Hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ vừa là cách dàn xếp vừa là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là hành xử Luật khi không điên cuồng. Hành xử Luật khi không điên cuồng vừa là cách dàn xếp vừa là hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. Theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận vừa là cách dàn xếp vừa là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

6. Cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán

xử theo tội đã được thừa nhận, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là theo tội của vị ấy. Theo tội của vị ấy vừa là cách dàn xếp vừa là theo tội của vị ấy.

7. Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là cách dùng cỏ che lấp. Cách dùng cỏ che lấp vừa là cách dàn xếp vừa là theo tội của vị ấy.

Dứt phần "Các cách dàn xếp và hành xử Luật với sự hiện diện" là thứ mười một.

*****

12. PHẦN CÁCH HÀNH XỬ

[Có phải] cách hành xử là hành xử Luật với sự hiện diện [và] hành xử Luật với sự hiện diện là cách hành xử? Cách hành xử là thuận theo số đông [và] thuận theo số đông là cách hành xử? Cách hành xử là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ [và] hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là cách hành xử? Cách hành xử là hành xử Luật khi không điên cuồng [và] hành xử Luật khi không điên cuồng là cách hành xử? Cách hành xử là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận [và] việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là cách hành xử? Cách hành xử là theo tội của vị ấy [và] theo tội của vị ấy là cách hành xử? Cách hành xử là cách dùng cỏ che lấp [và] cách dùng cỏ che lấp là cách hành xử?

1. Cách hành xử có thể là hành xử Luật với sự hiện diện, có thể không phải là hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật với sự hiện diện.

2. Cách hành xử có thể là thuận theo số đông, có thể không phải là thuận theo số đông. Thuận theo số đông vừa là cách hành xử vừa là thuận theo số đông.

3. Cách hành xử có thể là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, có thể không phải là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

4. Cách hành xử có thể là hành xử Luật khi không điên cuồng, có thể không phải là hành xử Luật khi không điên cuồng. Hành xử Luật khi không điên cuồng vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. Cách hành xử có thể là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể không phải là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận vừa là cách hành xử vừa là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

6. Cách hành xử có thể là theo tội của vị ấy, có thể không phải là theo tội của vị ấy. Theo tội của vị ấy vừa là cách hành xử vừa là theo tội của vị ấy.

7. Cách hành xử có thể là cách dùng cỏ che lấp, có thể không phải là cách dùng cỏ che lấp. Cách dùng cỏ che lấp vừa là cách hành xử vừa là cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Cách hành xử" là thứ mười hai.

*****

13. PHẦN TỐT ĐẸP

Hành xử Luật với sự hiện diện là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Thuận theo số đông là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Hành xử Luật khi không điên cuồng là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Theo tội của vị ấy là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Cách dùng cỏ che lấp là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định?

1. Hành xử Luật với sự hiện diện có thể là tốt đẹp, có thể là không xác định, không có hành xử Luật với sự hiện diện là không tốt đẹp.

2. Thuận theo số đông có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

3. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

4. Hành xử Luật khi không điên cuồng có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

5. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

6. Theo tội của vị ấy có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

7. Cách dùng cỏ che lấp có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định?

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

2. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

3. Sự tranh tụng liên quan đến tội có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định, không có sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt đẹp.

4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

Dứt phần "Tốt đẹp" là thứ mười ba.

*****

14. PHẦN NƠI NÀO

1. Nơi nào thuận theo số đông được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy thuận theo số đông được áp dụng, [thì] nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng.

2. Nơi nào hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, [thì] nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng.

3. Nơi nào hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, [thì] nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng.

4. Nơi nào việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, [thì] nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy

cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng.

5. Nơi nào theo tội của vị ấy được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy theo tội của vị ấy được áp dụng, [thì] nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng.

6. Nơi nào cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, [thì] nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng.

7. Nơi nào có thuận theo số đông, nơi ấy [cũng] có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] nơi ấy có thuận theo số đông, [thì] nơi ấy không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có theo tội của vị ấy, nơi ấy không có cách dùng cỏ che lấp.

8. Nơi nào có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy [cũng] có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] nơi ấy có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, [thì] nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có theo tội của vị ấy, nơi ấy không có cách dùng cỏ che lấp, nơi ấy không có thuận theo số đông. [Đã dùng hành xử Luật với sự hiện diện làm nền tảng ...(nt).]

9. Nơi nào có cách dùng cỏ che lấp, nơi ấy [cũng] có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] nơi ấy có cách dùng cỏ che lấp, [thì] nơi ấy không có thuận theo số đông, nơi ấy không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có theo tội của vị ấy.

Phần giản lược về sự luân phiên.

Dứt phần "Nơi nào" là thứ mười bốn.

*****

15. PHẦN CÁCH DÀN XẾP

1. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông: Nơi nào thuận theo số đông được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy thuận theo số đông được áp dụng, [thì] nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng.

2. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Nơi nào hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, [thì] nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng.

3. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật khi không điên cuồng: Nơi nào hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, [thì] nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng.

4. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận: Nơi nào việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, [thì] nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng.

5. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy: Nơi nào theo tội của vị ấy được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy theo tội của vị ấy được áp dụng,

[thì] nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng.

6. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp: Nơi nào cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, [thì] nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng.

Dứt phần "Cách dàn xếp" là thứ mười lăm.

*****

16. PHẦN ĐƯỢC GẮN LIỀN

"Sự tranh tụng" hay là "cách dàn xếp", các pháp này được gắn liền hay không được gắn liền? Và đối với các pháp này có thể phân tích chia chẻ để chỉ rõ sự khác biệt?

– "Sự tranh tụng" hay là "cách dàn xếp", các pháp này không được gắn liền, không phải được gắn liền. Và đối với các pháp này có thể phân tích chia chẻ để chỉ rõ sự khác biệt. Vị ấy nên được nói rằng: Chớ có như thế! "Sự tranh tụng" hay là "cách dàn xếp", các pháp này được gắn liền, không phải không được gắn liền. Và đối với các pháp này không thể phân tích chia chẻ để chỉ rõ sự khác biệt. Lý do của điều ấy là gì? Không phải đức Thế Tôn đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, đây là bốn sự tranh tụng và bảy cách dàn xếp. Các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp, các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng." Như vậy, các pháp này được gắn liền, không phải không được gắn liền. Và đối với các pháp này không thể phân tích chia chẻ để chỉ rõ sự khác biệt.

Dứt phần "Được gắn liền" là thứ mười sáu.

*****

17. PHẦN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông.

2. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy.

3. Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện.

*****

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy.

2. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

3. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông.

4. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành

xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

5. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy.

6. Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

7. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

8. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy.

9. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

10. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Được làm lắng dịu" là thứ mười bảy.

*****

18. PHẦN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU VÀ KHÔNG ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. Không được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

2. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

3. Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy.

4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện. Không được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

5. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

6. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy.

7. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông. Không được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

8. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là thuận theo số đông.

9. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

10. Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy.

11. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

12. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

13. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là thuận theo số đông.

14. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ

được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần "Được làm lắng dịu & không được làm lắng dịu" là thứ mười tám.

*****

19. PHẦN CÁCH DÀN XẾP VÀ SỰ TRANH TỤNG

[Có phải] các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp? [Có phải] các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng? [Có phải] các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp? [Có phải] các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng?

– Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp. Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng, có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng. Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp, có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp. Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng, có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng.

(1)

Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào? Có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào?

– Thuận theo số đông được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy.

Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông.

Hành xử Luật khi không điên cuồng được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được

thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng.

Theo tội của vị ấy được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Cách dùng cỏ che lấp được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy.

Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là như thế. Có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là như thế.

(2)

Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào?

– Hành xử Luật với sự hiện diện không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Thuận theo số đông không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Hành xử Luật khi không điên cuồng không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên

quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Theo tội của vị ấy không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Cách dùng cỏ che lấp không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như thế. Có thể có các cách dàn xếp có thể không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như thế.

(3)

Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào? Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông; không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy; không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp; không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy.

Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là như thế. Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là như thế.

(4)

Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Sự tranh tụng liên quan đến tội không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như vậy. Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như vậy.

Cả sáu cách dàn xếp và bốn sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện không được làm lắng dịu bởi bất cứ điều nào.

Dứt phần "Cách dàn xếp và sự tranh tụng" là thứ mười chín.

*****

20. PHẦN LÀM SANH KHỞI

1. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

– Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

Như thế là thế nào?

– Ở đây, các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Đây là Pháp", hoặc là "đây không phải là Pháp", hoặc là "đây là Luật", hoặc là "đây không phải là Luật", hoặc là "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc là "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc là "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc là "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc là "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy định", hoặc là "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy định", hoặc là "điều ấy là phạm tội", hoặc là "điều ấy là không phạm tội", hoặc là "điều ấy là tội nhẹ", hoặc là "điều ấy là tội nặng", hoặc là "tội còn dư sót", hoặc là "tội không còn dư sót", hoặc là "tội xấu xa", hoặc là "tội không xấu xa." Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, sự gây gổ, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời khiêu khích, sự cãi vã, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

2. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

– Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

Như thế là thế nào?

– Ở đây, các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự soi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tranh

cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

3. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tội?

– Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tội; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tội, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

Như thế là thế nào?

– Năm nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tội. Trong sự tranh tụng liên quan đến tội, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tội, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

4. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?

– Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

Như thế là thế nào?

– Việc gì cần phải hoàn thành, cần phải thực thi là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư của hội chúng; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Trong sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

Dứt phần "Làm sanh khởi" là thứ hai mươi.

*****

21. PHẦN LIÊN HỆ VỚI

1. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào?

2. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào?

3. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào?

4. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào?

*****

1. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

2. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

3. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến tội, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến tội, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến tội, được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội.

4. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

*****

1. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với bao nhiêu cách dàn xếp? Nương tựa vào bao nhiêu cách dàn xếp? Phụ thuộc vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được tổng hợp vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

2-3. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt).

4. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với bao nhiêu cách dàn xếp? Nương tựa vào bao nhiêu cách dàn xếp? Phụ thuộc vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được tổng hợp vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

*****

1. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với hai cách dàn xếp, nương tựa vào hai cách dàn xếp, phụ thuộc vào hai cách dàn xếp, được tổng hợp vào hai cách dàn xếp, được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông.

2. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách liên hệ với bốn cách dàn xếp, nương tựa vào bốn cách dàn xếp, phụ thuộc vào bốn cách dàn xếp, được tổng hợp vào bốn cách dàn xếp, được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy.

3. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với ba cách dàn xếp, nương tựa vào ba cách dàn xếp, phụ thuộc vào ba cách dàn xếp, được tổng hợp vào ba cách dàn xếp, được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

4. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với một cách dàn xếp, nương tựa vào một cách dàn xếp, phụ thuộc vào một cách dàn xếp, được tổng hợp vào một cách dàn xếp, được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện.

Dứt phần "Liên hệ với" là thứ hai mươi mốt.

Dứt phân tích cách dàn xếp.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sự tranh tụng, phương thức, có liên quan, có cùng quan hệ, cách dàn xếp có liên quan và có cùng quan hệ đối với cách dàn xếp.

Cách dàn xếp luôn cả sự hiện diện, với cách hành xử, phần tốt đẹp, phần nơi nào, phần các dàn xếp, phần được gắn liền, phần được làm lắng dịu, không được làm lắng dịu luôn cả cách dàn xếp, sự tranh tụng, sự làm sanh khởi và chúng liên hệ với.

--ooOoo--

CÁC CÂU HỎI VỀ BỘ HỢP PHẦN [a][1]

1. Tôi sẽ hỏi về sự tu lên bậc trên với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về sự tu lên bậc trên với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội [b][2] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

2. Tôi sẽ hỏi về chương *Uposatha* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương *Uposatha* với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [c][3] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

3. Tôi sẽ hỏi về chương Vào mùa mưa với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Vào mùa mưa với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [d][4] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

4. Tôi sẽ hỏi về chương *Pavāraṇā* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương *Pavāraṇā* với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [e][5] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

5. Tôi sẽ hỏi về điều liên quan đến chương Da thú với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về điều liên quan đến chương Da thú với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [f][6] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

6. Tôi sẽ hỏi về chương Dược phẩm với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

---

[1] [a] *Khandakapucchā*: Có ý nghĩa là "các câu hỏi về bộ *Khandhaka*", tức là các câu hỏi về bộ *Hợp phần* gồm có *Đại phẩm* và *Tiểu phẩm* (ND).

[2] [b] Hai loại tội: Ngài Buddhaghosa giải thích là tội *Pācittiya* 65 về việc cho tu lên bậc trên người chưa đủ 20 tuổi, thầy tế độ phạm tội *Pācittiya*, các vị còn lại phạm tội *Dukkaṭa* (*VinA*. VII. 1318)

[3] [c] Ba loại tội: Là tội *Thullaccaya* cho các vị có dự tính chia rẽ rồi tiến hành lễ *Uposatha*, tội *Pācittiya* trong việc thực hiện lễ *Uposatha* với vị bị án treo và tội *Dukkaṭa* trong nhiều trường hợp khác (*Sđd*.).

[4] [d] Tức là tội *Dukkaṭa* (*Sđd*.).

[5] [e] Ba loại tội: Là tội *Thullaccaya* đến các vị có dự tính chia rẽ rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*, tội *Pācittiya* trong việc thực hiện lễ *Pavāraṇā* với vị bị án treo và tội *Dukkaṭa* trong nhiều trường hợp khác (*Sđd*.).

[6] [f] Ba loại tội: Là tội *Thullaccaya* về việc sờ mó bộ phận sinh dục bò cái tơ do tâm khởi dục, tội *Pācittiya* 61 trong việc dìm nước các con bò cái tơ, giết chết và tội *Dukkaṭa* trong nhiều trường hợp khác (*Sđd*.).

– Tôi sẽ trả lời về chương Dược phẩm với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [g][7] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

7. Tôi sẽ hỏi về chương *Kaṭhina* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương *Kaṭhina* với phần mở đầu và phần trình bày. Ở đó không có loại tội nào [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

8. Tôi sẽ hỏi về điều liên quan đến chương Y phục với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về điều liên quan đến chương Y phục với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [h][8] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

9. Tôi sẽ hỏi về chương Campā với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Campā với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [a][9] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

10. Tôi sẽ hỏi về chương Kosambī với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Kosambī với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

11. Tôi sẽ hỏi về chương Hành sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Hành sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

12. Tôi sẽ hỏi về chương Của vị hành *Parivāsa* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Của vị hành *Parivāsa* với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

13. Tôi sẽ hỏi về chương Tích lũy tội với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Tích lũy tội với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

14. Tôi sẽ hỏi về chương Dàn xếp với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

---

[7] [g] Ba loại tội: Là tội *Thullaccaya* về việc mổ xẻ ở xung quanh chỗ kín hai lóng tay, tội *Pācittiya* 33 về việc thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác và tội *Dukkaṭa* trong nhiều trường hợp khác (*Sđd.*).

[8] [h] Tội *Thullaccaya* về việc mặc biểu tượng của ngoại đạo là [che thân bằng] da linh dương, tội *Nissaggiya Pācittiya* thứ nhất trong việc sử dụng y phụ trội và tội *Dukkaṭa* trong nhiều trường hợp khác (*Sđd.*).

[9] [a] Một loại tội: Là tội *Dukkaṭa* (*Sđd.*).

– Tôi sẽ trả lời về chương Dàn xếp với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội [b][10] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

15. Tôi sẽ hỏi về chương Các tiểu sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Các tiểu sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [c][11] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

16. Tôi sẽ hỏi về chương Sàng tọa với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Sàng tọa với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [d][12] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

17. Tôi sẽ hỏi về chương Chia rẽ hội chúng với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Chia rẽ hội chúng với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội [e][13] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

18. Tôi sẽ hỏi về chương Thực hành [f][14] với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Thực hành với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

19. Tôi sẽ hỏi về chương Đình chỉ với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Đình chỉ với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

20. Tôi sẽ hỏi về chương Tỳ-khưu-ni với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Tỳ-khưu-ni với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội[15] [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

21. Tôi sẽ hỏi về chương Liên quan năm trăm vị với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

---

[10] [b] Hai loại tội: Là tội *Pācittiya* 79 về vị đã trao sự thỏa thuận rồi lại phê phán hành sự đúng Pháp và tội *Dukkaṭa* ở những chỗ khác (*Sđd.*).

[11] [c] Ba loại tội: Là tội *Thullaccaya* đối với vị cắt đi dương vật của bản thân, tội *Pācittiya* 37 về việc nhai lại và tội *Dukkaṭa* ở nhiều trường hợp khác (*Sđd.*).

[12] [d] Ba loại tội: Là tội *Thullaccaya* về việc phân tán các trọng vật của hội chúng, tội *Pācittiya* 17 về việc lôi kéo ra khỏi trú xá của hội chúng và tội *Dukkaṭa* ở nhiều trường hợp khác (*Sđd.*).

[13] [e] Hai loại tội: Là tội *Thullaccaya* đối với các vị xu hướng theo kẻ chia rẽ hội chúng và tội *Pācittiya* 32 về vật thực dâng chung nhóm (*Sđd.*).

[14] [f] Tức là *Vattakkhandhakaṃ* (chương Phận sự), số VIII trong *Cullavagga* (*Tiểu phẩm*). Xem tr. 843 trong tập này; *TTPV*, tập 7. *Cv.* II, tr. 372 (ND).

[15] Hai loại tội: Là tội *Pācittiya* 57 của Tỳ-khưu-ni do không hành lễ *Pavāraṇā* và tội *Dukkaṭa* ở những trường hợp khác (*VinA*. VII. 1318).

– Tôi sẽ trả lời về chương Liên quan năm trăm vị với phần mở đầu và phần trình bày. Ở đó, không có loại tội nào [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

22. Tôi sẽ hỏi về chương Liên quan bảy trăm vị với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

– Tôi sẽ trả lời về chương Liên quan bảy trăm vị với phần mở đầu và phần trình bày. Ở đó, không có loại tội nào [được đề cập] ở những câu văn cao quý.

Dứt các câu hỏi về bộ Hợp phần là thứ nhất.

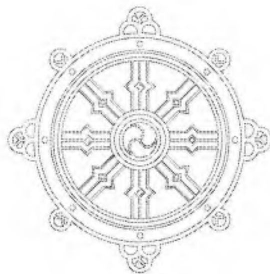
*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Việc tu lên bậc trên, lễ *Uposatha*, vào mùa [an cư] mưa, lễ *Pavāraṇā*, da thú, dược phẩm, các điều về *Kaṭhina*, y phục và việc liên quan đến Campā.

2. Chương Kosambī, hành sự, hình phạt *Parivāsa*, việc tích lũy [tội], cách dàn xếp, các tiểu sự, sàng tọa, việc chia rẽ hội chúng, việc thực hành, sự đình chỉ, chương Tỳ-khưu-ni với năm [trăm vị] và bảy trăm vị.

--ooOoo--



TĂNG THEO TỪNG BẬC

NHÓM MỘT

Các pháp tạo tội cần phải biết. [a][1] Các pháp không tạo tội cần phải biết. [b][2]

Phạm tội cần phải biết. Không phạm tội cần phải biết.

Tội nhẹ cần phải biết. Tội nặng cần phải biết. [c][3]

Tội còn dư sót cần phải biết. Tội không còn dư sót cần phải biết. [d][4]

Tội xấu xa cần phải biết. Tội không xấu xa cần phải biết. [e][5]

Tội có sự sửa chữa được cần phải biết. Tội không có sự sửa chữa được cần phải biết.

Tội đưa đến sự sám hối cần phải biết. Tội không đưa đến sự sám hối cần phải biết.

Tội có sự chướng ngại cần phải biết. Tội không có sự chướng ngại cần phải biết. [f][6]

Tội là điều quy định do sự chê trách cần phải biết. [g][7] Tội là điều quy định không do sự chê trách cần phải biết.

Tội được sanh lên do làm cần phải biết. Tội được sanh lên do không làm cần phải biết. Tội được sanh lên do làm và không làm cần phải biết. [h][8]

Tội vi phạm đầu tiên cần phải biết. Tội vi phạm đến sau cần phải biết.

---

[1] [a] Các pháp tạo nên tội: Là sáu nguồn sanh tội theo ba cửa thân, khẩu và ý (*VinA*. VII. 1319).

[2] [b] Các pháp không tạo nên tội: Là bảy pháp dàn xếp sự tranh tụng (*Sđd.*).

[3] [c] Tội nặng: Nếu không tính đến tội *Pārājika* thì tội *Saṅghādisesa* là tội nặng và năm tội còn lại là tội nhẹ (*Sđd.*).

[4] [d] Tội không còn dư sót: Là nhóm tội *Pārājika*. Tội còn dư sót: Là sáu nhóm tội còn lại (*Sđd.*).

[5] [e] Tội xấu xa: Là nhóm tội *Pārājika* và *Saṅghādisesa*. Tội không xấu xa: Là năm nhóm tội còn lại (*Sđd.*).

[6] [f] Vi phạm bất cứ tội nào với sự cố ý là chướng ngại cho cõi trời và là chướng ngại cho sự giải thoát. Còn vi phạm tội vì không biết cũng đáng chê trách nhưng không là chướng ngại cho cõi trời và sự giải thoát (*Sđd.*).

[7] [g] Điều quy định do sự chê trách: Từ *sāvajjapaññatti* được ngài Buddhaghosa giải thích là *lokavajja*, tức là sự chê trách của thế gian (*Sđd.*); vì thế từ *sāvajjapaññatti* được ghi nghĩa Việt như thế.

[8] [h] Tội được sanh lên do làm: Nghĩa là trong khi làm thì phạm tội, ví dụ tội *Pārājika*. Tội được sanh lên do không làm: Ví dụ như tội không chú nguyện y mới. Tội được sanh lên do làm và không làm: Ví dụ như tội bảo xây dựng cốc liêu (*Sđd.*).

Tội kế tiếp của các tội vi phạm đầu tiên cần phải biết. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đến sau cần phải biết. [i][9]

Tội đã sám hối được tính đến cần phải biết. [j][10] Tội đã sám hối không được tính đến cần phải biết. [k][11]

Sự quy định cần phải biết. Sự quy định thêm cần phải biết. Sự quy định khi [sự việc] chưa xảy ra cần phải biết.

Sự quy định [áp dụng] cho tất cả mọi nơi cần phải biết. Sự quy định [áp dụng] cho khu vực cần phải biết.

Sự quy định chung cần phải biết. Sự quy định riêng cần phải biết.

Sự quy định cho một [hội chúng] cần phải biết. Sự quy định cho cả hai [hội chúng] cần phải biết.

Tội là lỗi trầm trọng cần phải biết. Tội là lỗi không trầm trọng cần phải biết. [l][12]

Tội có liên quan đến người tại gia cần phải biết. Tội không có liên quan đến người tại gia cần phải biết.

Tội [có nghiệp] xác định cần phải biết.[13] Tội [có nghiệp] không xác định cần phải biết.

Người là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết. Người không là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết.

Người là vị vi phạm không thường xuyên cần phải biết. Người là vị vi phạm thường xuyên cần phải biết.

Người là vị cáo tội cần phải biết. Người là vị bị buộc tội cần phải biết.

Người là vị cáo tội sai Pháp cần phải biết. Người là vị bị buộc tội sai Pháp cần phải biết.

Người là vị cáo tội đúng Pháp cần phải biết. Người là vị bị buộc tội đúng Pháp cần phải biết.

---

[9] [i] Ngài Buddhaghosa trích dẫn lời giải thích của bộ *Chú giải Kurundī* rằng: Tội vi phạm đầu tiên (*pubbāpatti*) là tội phạm trước hết. Tội vi phạm đến sau (*aparāpatti*) là tội phạm thêm trong thời kỳ xứng đáng hình phạt *Mānatta*. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đầu tiên (*pubbātīnaṃ antarāpatti*) là tội phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hình phạt *Parivāsa*. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đến sau (*aparāpattīnaṃ antarāpatti*) là tội phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hình phạt *Mānatta* (*Sđd.* 1319-20).

[10] [j] Tội đã sám hối được tính đến: Nghĩa là tội nào đã được sám hối với ý định: "Sau khi buông bỏ gánh nặng, ta sẽ không vi phạm nữa." (*Sđd.* 1320).

[11] [k] Tội đã sám hối không được tính đến: Nghĩa là tội nào đã được sám hối vẫn không buông bỏ gánh nặng bởi vì tâm không trong sạch, vẫn còn có sự gắng sức. Chính tội này dầu đã được sám hối nhưng không được tính là đã sám hối. Là tội *Pārājika* của Tỳ-khưu-ni ở vào sự việc thứ tám (*Sđd.*).

[12] [l] Tội là lỗi trầm trọng và tội là lỗi không trầm trọng được ngài Buddhaghosa giải thích là tội nặng và tội nhẹ như phần ở trên (*Sđd.*).

[13] Tội [có nghiệp] xác định là năm nghiệp vô gián như giết cha, giết mẹ, v.v... (*Sđd.*).

Người đã được xác định cần phải biết. Người chưa được xác định cần phải biết.

Người là vị có thể phạm tội cần phải biết. Người là vị không thể vi phạm tội cần phải biết.[14]

Người là vị bị án treo cần phải biết. Người là vị không bị án treo cần phải biết.

Người là vị đã bị trục xuất cần phải biết. Người là vị không bị trục xuất cần phải biết.

Người là vị đồng cộng trú cần phải biết. Người là vị không đồng cộng trú cần phải biết.

Sự đình chỉ cần phải biết.[15]

Dứt "Nhóm một."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Các pháp tạo tội, tội vi phạm, các tội nhẹ, còn dư sót, xấu xa, sự sửa chữa luôn cả sự sám hối, có chướng ngại, chê trách và do làm.

2. Do làm và không làm, [tội vi phạm] đầu tiên, tội kế tiếp, tội đã được tính đến, sự quy định, khi chưa xảy ra, tất cả mọi nơi, cho khu vực, [quy định] chung và cho một [hội chúng].

3. Tội trầm trọng, liên quan người tại gia và đã được xác định, vị đầu tiên, không thường xuyên, vị cáo tội, sai Pháp và đúng Pháp, vị đã được xác định, không thể vi phạm, bị án treo, bị trục xuất, đồng cộng trú luôn cả sự đình chỉ, đây là phần tóm lược cho mỗi một điều.

--ooOoo--

NHÓM HAI

1. Có loại tội vị vi phạm có sự nhận thức, có loại tội vị vi phạm không có sự nhận thức.

Có loại tội vi phạm của vị đã đạt sự thành tựu, có loại tội vi phạm của vị chưa đạt sự thành tựu. [a][16]

Có loại tội vi phạm liên quan đến Chánh pháp, [b][17] có loại tội vi phạm không liên quan đến Chánh pháp.

---

[14] Người không thể phạm tội là chư Phật Chánh Đẳng Giác và chư Phật Độc Giác (*Sđd.*).

[15] Là sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) (*Sđd.* 1321). Xem tr. 881 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương IX.

[16] [a] Tội vi phạm của vị đã đạt sự thành tựu và tội vi phạm của vị chưa đạt sự thành tựu: Ví dụ như hai tội về việc tuyên bố pháp thượng nhân của vị có thực chứng và của vị không có thực chứng (*Sđd.*).

[17] [b] Tội vi phạm liên quan đến Chánh pháp: Như tội dạy đọc pháp theo từng câu, v.v... (*Sđd.*).

Có loại tội vi phạm liên quan đến vật dụng của bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đến vật dụng của người khác. [c][18]

Có loại tội vi phạm liên quan đến chính bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đến người khác.

Có vị trong khi nói sự thật vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói sự thật vi phạm tội nhẹ. [d][19]

Có vị trong khi nói lời dối trá vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói lời dối trá vi phạm tội nhẹ. [e][20]

Có loại tội vi phạm khi ở trên mặt đất [nhưng] không [vi phạm] ở trên khoảng không, có loại tội vi phạm khi ở trên khoảng không [nhưng] không [vi phạm] ở trên mặt đất.

Có loại tội vi phạm trong khi đi ra ngoài không [vi phạm] trong khi đi vào, có loại tội vi phạm trong khi đi vào không [vi phạm] trong khi đi ra ngoài. [f][21]

Có loại tội vi phạm trong khi áp dụng, có loại tội vi phạm trong khi không áp dụng. [g][22]

Có loại tội vi phạm trong khi thọ trì, có loại tội vi phạm trong khi không thọ trì. [h][23]

Có loại tội vi phạm trong khi làm, có loại tội vi phạm trong khi không làm.

Có loại tội vi phạm trong khi cho, có loại tội vi phạm trong khi không cho.

Có loại tội vi phạm trong khi thuyết giảng, có loại tội vi phạm trong khi không thuyết giảng.

Có loại tội vi phạm trong khi thọ lãnh, có loại tội vi phạm trong khi không thọ lãnh.

Có loại tội vi phạm do sự thọ dụng, có loại tội vi phạm do sự không thọ dụng.

Có loại tội vi phạm ban đêm không [vi phạm] ban ngày, có loại tội vi phạm ban ngày không [vi phạm] ban đêm.

Có loại tội vi phạm vào lúc hừng sáng, có loại tội vi phạm không phải vào lúc hừng sáng.

---

[18] [c] Tội vi phạm liên quan đến vật dụng của người khác: Ví dụ như tội vi phạm do việc trải ra giường ghế của hội chúng ở ngoài trời đến khi ra đi không thu dọn, v.v... (*Sđd.*).

[19] [d] Nói lời dâm dật với người nữ dầu là sự thật bị vi phạm tội nặng, nói về pháp thượng nhân có chứng đắc đến người chưa tu lên bậc trên là nói sự thật vi phạm tội nhẹ (*Sđd.*).

[20] [e] Khoác lác về pháp thượng nhân không chứng đắc là nói láo vi phạm tội nặng, nói dối cố tình là nói láo vi phạm tội nhẹ (*Sđd.*).

[21] [f] Liên quan đến phận sự của vị Tỳ-khưu xuất hành và vãng lai lúc ra đi hoặc lúc đi đến tu viện (*Sđd.*).

[22] [g] Tội vi phạm trong khi áp dụng: Ví dụ như vị Tỳ-khưu-ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước sâu quá hai lóng tay. Tội vi phạm trong khi không áp dụng: Ví dụ như vị Tỳ-khưu không áp dụng cách làm dấu y mới (*Sđd.*).

[23] [h] Tội vi phạm trong khi thọ trì: Ví dụ như thọ trì pháp câm nín của ngoại đạo. Còn tội vi phạm trong khi không thọ trì: Ví dụ như vị bị hình phạt lại không thực hành các phận sự (*Sđd.* 1322).

Có loại tội vi phạm trong khi cắt đứt, có loại tội vi phạm trong khi không cắt đứt. [a][24]

Có loại tội vi phạm trong khi che đậy, có loại tội vi phạm trong khi không che đậy. [b][25]

Có loại tội vi phạm trong khi sử dụng, có loại tội vi phạm trong khi không sử dụng.

2. Hai lễ *Uposatha*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm.

Hai lễ *Pavāraṇā*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm.

Hai loại hành sự: Hành sự với lời công bố và hành sự với lời đề nghị. Hai loại hành sự khác nữa: Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai sự việc của hành sự: Sự việc của hành sự với lời công bố và sự việc của hành sự với lời đề nghị. Hai sự việc của hành sự khác nữa: Sự việc của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự việc của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai sự sai trái của hành sự: Sự sai trái của hành sự với lời công bố và sự sai trái của hành sự với lời đề nghị. Hai sự sai trái của hành sự khác nữa: Sự sai trái của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự sai trái của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai sự thành tựu của hành sự: Sự thành tựu của hành sự với lời công bố và sự thành tựu của hành sự với lời đề nghị. Hai sự thành tựu của hành sự khác nữa: Sự thành tựu của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự thành tựu của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy trong việc không nhìn nhận [tội], hoặc trong việc không sửa chữa [lỗi], hoặc trong việc không từ bỏ [tà kiến ác]. [c][26]

Hai nền tảng của sự đồng cộng trú chung: Tự bản thân thực hiện việc đồng cộng trú chung cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phục hồi cho vị ấy đã bị án treo trong việc nhìn nhận [tội], hoặc trong việc sửa chữa [lỗi], hoặc trong việc từ bỏ [tà kiến ác].

Hai loại tội *Pārājika*: Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni. Hai loại tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... Hai loại tội *Thullaccaya*: ...(nt)... Hai loại tội *Pācittiya*: ...(nt)... Hai loại tội *Pāṭidesanīya*: ...(nt)... Hai loại tội *Dukkaṭa*: ...(nt)... Hai loại tội *Dubbhāsita*: Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni.

---

[24] [a] Tội vi phạm trong khi cắt đứt: Ví dụ như việc vị Tỳ-khưu cắt đứt dương vật. Còn tội vi phạm trong khi không cắt đứt: Ví dụ như không cắt tóc và móng tay chân (*Sđd.*).

[25] [b] Tội vi phạm trong khi che đậy: Ví dụ như che đậy tội lỗi. Còn tội vi phạm trong khi không che đậy: Ví dụ như vị Tỳ-khưu bị mất y không dùng cỏ hoặc lá cây che lại rồi đi (*Sđd.*).

[26] [c] Xem tr. 452 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương X, tr. 335.

Bảy loại tội, bảy nhóm tội.

Hội chúng bị chia rẽ với hai biểu hiện: Bằng hành sự hoặc do sự phân phát thẻ.

3. Hai hạng người không nên cho tu lên bậc trên: Người chưa đủ hai mươi tuổi, người có bàn tay, v.v... bị cắt đứt.[27] Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: Người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động. [d][28] Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: Người không có đầy đủ [y bát], người có đầy đủ [y bát] nhưng không cầu xin.

Không nên sống với sự nương nhờ vào hai hạng người: Không liêm sỉ và ngu dốt. Sự nương nhờ không nên ban cho đến hai hạng người: Kẻ không liêm sỉ và người có liêm sỉ nhưng không cầu xin.

Sự nương nhờ nên ban cho đến hai hạng người: Kẻ ngu dốt và người có liêm sỉ có cầu xin.

Hai hạng người không thể vi phạm tội: Chư Phật và chư Phật Độc Giác.

Hai hạng người có thể vi phạm tội: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni.

Hai hạng người không thể vi phạm tội với sự cố ý: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni là các Thánh nhân.

Hai hạng người có thể phạm tội với sự cố ý: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni là các phàm nhân.

Hai hạng người không thể cố ý vi phạm sự việc có sự vượt quá chức năng: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni là các Thánh nhân.

Hai hạng người có thể cố ý vi phạm sự việc có sự vượt quá chức năng: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni là các phàm nhân.

Hai sự phản đối: Vị phản đối bằng thân hoặc vị phản đối bằng khẩu.

Hai sự mời ra: Có vị không đáng để chịu sự mời ra nhưng nếu hội chúng mời vị ấy ra, một vị đã được mời ra đúng, một vị đã bị mời ra sai.[29]

Hai sự nhận vào: Có vị không đáng để được sự nhận vào nhưng nếu hội chúng nhận vào vị ấy, một vị đã được nhận vào đúng, một vị đã được nhận vào sai.[30]

Hai sự nhận biết: Vị nhận biết bằng thân hoặc vị nhận biết bằng khẩu.

Hai sự nhận lãnh: Vị nhận lãnh bằng thân hoặc vị nhận lãnh bằng vật được gắn liền với thân.

---

[27] *Addhānahīno aṅgahīno* được ghi nghĩa theo *Chú giải* (*VinA*. VII. 1323).

[28] [d] Người không thành tựu về thân thể: Như là người vô căn, người lưỡng căn, loài thú. Còn người đã làm sai trái trong hành động: Như là kẻ trộm tướng mạo Sa-môn, kẻ giết cha, kẻ giết mẹ, v.v... (*Sđd*. 1323).

[29] Xem tr. 413 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương IX, tr. 263.

[30] *Sđd*., tr. 265.

Hai sự từ khước: Vị từ khước bằng thân hoặc vị từ khước bằng khẩu.

Hai sự gây tổn hại: Sự gây tổn hại về việc học tập và sự gây tổn hại về vật sở hữu.

Hai sự cáo tội: Vị cáo tội bằng thân hoặc là vị cáo tội bằng khẩu.

4. Hai điều vướng bận của *Kaṭhina*: Điều vướng bận về trú xứ và điều vướng bận về y.

Hai điều không vướng bận của *Kaṭhina*: Điều không vướng bận về trú xứ và điều không vướng bận về y.

Hai loại y: Có liên quan đến gia chủ và có liên quan đến vải quăng bỏ.

Hai loại bình bát: Bình bát bằng sắt, bình bát bằng đất.

Hai loại vòng [kê bình bát]: Loại làm bằng kẽm, loại làm bằng chì.

Hai sự chú nguyện bình bát: Vị chú nguyện bằng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu.

Hai sự chú nguyện y để dùng riêng: Vị chú nguyện bằng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu.

Hai sự chú nguyện để dùng chung: Sự chú nguyện để dùng chung có mặt và sự chú nguyện để dùng chung vắng mặt.

5. Hai bộ Luật: Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni.

Hai điều liên quan đến Luật: Việc đã được quy định và điều phù hợp với việc đã được quy định.

Hai sự từ khước của Luật: Cắt đứt sự nối liền với điều không được phép, thực hành có chừng mực trong điều được phép.

Vi phạm tội với hai biểu hiện: Vi phạm bằng thân hoặc vi phạm bằng khẩu.

Thoát khỏi tội với hai biểu hiện: Thoát khỏi bằng thân hoặc thoát khỏi bằng khẩu.

Hai hình phạt *Parivāsa*: Hình phạt *Parivāsa* có che giấu, hình phạt *Parivāsa* không có che giấu. Hai hình phạt *Parivāsa* khác nữa: Hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch, hình phạt *Parivāsa* kết hợp.

Hai hình phạt *Mānatta*: Hình phạt *Mānatta* có che giấu, hình phạt *Mānatta* không có che giấu. Hai hình phạt *Mānatta* khác nữa: Hình phạt *Mānatta* nửa tháng, hình phạt *Mānatta* kết hợp.

Sự đứt đêm của hai hạng người: Của vị hành *Parivāsa* và của vị hành *Mānatta*.

Hai sự không tôn trọng: Sự không tôn trọng người và sự không tôn trọng Pháp.

6. Hai loại muối: Muối tự nhiên và muối tự tạo. Hai loại muối khác nữa: Muối biển, muối đen. Hai loại muối khác nữa: Muối ở đá, muối nấu ăn. Hai loại muối khác nữa: Muối romakaṃ, muối pakkālakaṃ.

Hai sự thọ dụng: Sự thọ dụng bên trong và sự thọ dụng bên ngoài.[31]

Hai sự mắng nhiếc: Sự mắng nhiếc thấp kém và sự mắng nhiếc cao quý.[32]

Sự đâm thọc với hai biểu hiện: Của vị ao ước được thương hoặc là của vị có ý định chia rẽ.

Vật thực dâng chung nhóm được sanh lên với hai biểu hiện: Do sự thỉnh mời hoặc do sự yêu cầu.

7. Hai thời kỳ vào mùa [an cư] mưa: Thời kỳ trước và thời kỳ sau.[33]

Hai sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp.

Hai sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.[34]

8. Hai hạng người ngu dốt: Vị hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị không hành xử trách nhiệm được yêu cầu. Hai hạng người thông thái: Vị không hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị hành xử trách nhiệm được yêu cầu.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là không được phép đối với việc không được phép và hạng nhận biết là được phép đối với việc được phép.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội và hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là sai Pháp đối với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là sai Luật đối với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đối với việc đúng Luật.

9. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người: Hạng hối hận về việc không đáng hối hận và hạng không hối hận về việc đáng hối hận. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người: Hạng không hối hận về việc không đáng hối hận và hạng hối hận về việc đáng hối hận.

---

[31] Sự thọ dụng bên trong là sự thọ thực và sự thọ dụng bên ngoài là việc thoa xức dầu ở đầu, tay, chân, v.v... (*VinA*. VII. 1324).

[32] Điều này và hai điều kế xin xem các điều *Pācittiya* tương ứng 2, 3, 32 (ND).

[33] Xem tr. 171 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương III, tr. 347.

[34] Xem tr. 881 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương IX.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là không được phép đối với việc không được phép và hạng nhận biết là được phép đối với việc được phép.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội và hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là sai Pháp đối với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là sai Luật đối với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đối với việc đúng Luật.

Dứt "Nhóm hai."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Có sự nhận thức, đã đạt được và [liên quan] Chánh pháp, vật dụng và con người, sự thật, mặt đất, trong khi đi ra ngoài, trong khi áp dụng, trong khi thọ trì.

2. Trong khi làm, trong khi cho, trong khi thọ lãnh, do thọ dụng, ban đêm, lúc hừng sáng, trong khi cắt đứt, trong khi che đậy, trong khi sử dụng và lễ *Uposatha*.

3. Lễ *Pavāraṇā*, hành sự và [hai] loại khác nữa, sự việc, [hai] loại khác nữa, sự sai trái, hai điều khác nữa, sự thành tựu, việc không và đồng cộng trú.

4. Tội *Pārājika*, tội *Saṅghādisesa*, tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, tội *Dukkaṭa* luôn cả tội *Dubbhāsita* và bảy nhóm tội.

5. [Hội chúng] bị chia rẽ, việc tu lên bậc trên, tương tợ y như thế là các cặp đôi khác nữa, không nên sống, không nên cho, có thể và không có thể.

6. Cố ý, có sự vượt quá chức năng, [hai] sự phản đối, sự mời ra, sự nhận vào và [hai] sự nhận biết, sự nhận lãnh, sự khước từ.

7. Vị gây tổn hại, các sự cáo tội và hai điều *Kaṭhina* là tương tợ, [hai loại] y, bình bát, vòng để, hai điều chú nguyện là tương tợ y như thế.

8. Sự chú nguyện để dùng chung, [hai] bộ Luật, các điều liên quan Luật, [hai] sự từ khước, vị vi phạm và thoát tội, hình phạt *Pārivāsa*, thêm hai loại khác nữa.

9. Hai hình phạt *Mānatta* và các việc khác, sự đứt đêm, sự không tôn trọng, hai loại muối, ba cặp khác nữa, sự thọ dụng, sự mắng nhiếc.

10. Sự đâm thọc, [dâng] chung nhóm, mùa [an cư] mưa, sự đình chỉ, trách nhiệm, được cho phép, sự không phạm tội, sai Pháp và đúng Pháp, tương tợ như thế về Luật và lậu hoặc.

--ooOoo--

NHÓM BA

1. Có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn còn hiện tiền, không [vi phạm] khi Ngài đã Vô dư Niết-bàn, có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn đã Vô dư Niết-bàn, không [vi phạm] khi Ngài còn hiện tiền, có loại tội vi phạm ngay khi đức Thế Tôn còn hiện tiền luôn cả khi Ngài đã Vô dư Niết-bàn.[35]

Có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời không [vi phạm] vào lúc sái thời, có loại tội vi phạm vào lúc sái thời không [vi phạm] vào lúc đúng thời, có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời.[36]

Có loại tội vi phạm vào ban đêm không [vi phạm] vào ban ngày, có loại tội vi phạm vào ban ngày không [vi phạm] vào ban đêm, có loại tội vi phạm vào ban đêm luôn cả vào ban ngày.[37]

Có loại tội vị mười năm [thâm niên] vi phạm vị kém mười năm không [vi phạm], có loại tội vị kém mười năm [thâm niên] vi phạm vị mười năm không [vi phạm], có loại tội vị mười năm [thâm niên] luôn cả vị kém mười năm đều vi phạm. [a][38]

Có loại tội vị năm năm [thâm niên] vi phạm vị kém năm năm không [vi phạm], có loại tội vị kém năm năm [thâm niên] vi phạm vị năm năm không

[35] Ví dụ như tội làm đức Phật chảy máu là loại thứ nhất, vấn đề xưng hô vị thâm niên hơn là "*āvuso*" và "*āyasmā*" là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (*VinA*. VII. 1324).

[36] Ví dụ như tội ăn thêm thức ăn không phải là còn thừa là loại thứ nhất, ăn sái giờ là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (*Sđd.*).

[37] Ví dụ như tội ngủ chung nhà là loại thứ nhất, nghỉ ban ngày không đóng cửa lớn là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (*Sđd.*).

[38] [a] Ví dụ như trường hợp vị Tỳ-khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: "Ta được mười năm" hoặc "Ta hơn mười năm", rồi bảo tập thể phục vụ, vị được mười năm [thâm niên] phạm tội, vị kém mười năm [thâm niên] không phạm; đây là loại thứ nhất. Trường hợp vị Tỳ-khưu mới tu hoặc trung niên [nghĩ rằng]: "Ta là thông thái có kinh nghiệm" rồi bảo tập thể phục vụ, vị kém mười năm [thâm niên] phạm tội, vị mười năm [thâm niên] không phạm; đây là loại thứ nhì. Còn các tội khác thì vị mười năm [thâm niên] hoặc kém mười năm [thâm niên] đều phạm, là loại thứ ba (*VinA*. VII. 1325).

[vi phạm], có loại tội vị năm năm [thâm niên] luôn cả vị kém năm năm đều vi phạm. [b][39]

Có loại tội vị vi phạm có tâm thiện, có loại tội vị vi phạm có tâm bất thiện, có loại tội vị vi phạm có tâm vô ký. [c][40]

Có loại tội vị vi phạm có thọ lạc, có loại tội vị vi phạm có thọ khổ, có loại tội vị vi phạm có thọ không khổ không lạc. [d][41]

2. Ba nền tảng của sự cáo tội: Do được thấy, do được nghe, do sự nghi ngờ.

Ba cách phân phát thẻ: Lối kín đáo, sự nói nhỏ vào tai, lối công khai. [e][42]

Ba sự khước từ: Sự ham muốn nhiều, sự không tự biết đủ, sự không từ khước.

Ba sự chấp nhận: Sự ham muốn ít, sự tự biết đủ, sự từ khước.

Ba sự khước từ khác nữa: Sự ham muốn nhiều, sự không tự biết đủ, sự không biết chừng mực.

Ba sự chấp nhận: Sự ham muốn ít, sự tự biết đủ, sự biết chừng mực.

Ba sự quy định: Sự quy định [lần đầu], sự quy định thêm, sự quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. [f][43]

Ba sự quy định khác nữa: Sự quy định [áp dụng] cho tất cả mọi nơi, sự quy định [áp dụng] cho khu vực, sự quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni].

Ba sự quy định khác nữa: Sự quy định riêng, sự quy định cho một [hội chúng], sự quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni].

3. Có loại tội vị ngu dốt vi phạm vị thông thái không [vi phạm], có loại tội vị thông thái vi phạm vị ngu dốt không [vi phạm], có loại tội vị ngu dốt luôn cả vị thông thái đều vi phạm.

Có loại tội vi phạm vào hạ huyền không [vi phạm] vào thượng huyền, có loại tội vi phạm vào thượng huyền không [vi phạm] vào hạ huyền, có loại tội vi phạm vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền. [g][44]

---

[39] [b] Giải nghĩa tương tợ như trên với trường hợp sống nương nhờ (*Sđd.*).

[40] [c] Trường hợp có tâm thiện ví dụ như vị Tỳ-khưu dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu hoặc thuyết pháp đến người nữ quá năm sáu câu. Trường hợp có tâm bất thiện như là tội cố gắng làm xuất ra tinh dịch, tội xúc chạm với người nữ. Trường hợp có tâm vô ký là nói về việc phạm tội của các bậc Thánh A-la-hán, ví dụ như việc ngài Anuruddha ngụ chung nhà với người nữ (*Sđd.*).

[41] [d] Có thọ lạc như là trường hợp vị Tỳ-khưu thực hiện việc đôi lứa. Có thọ khổ như trường hợp vị Tỳ-khưu sân hận bất bình rồi bôi nhọ vị Tỳ-khưu khác với tội *Pārājika*. Có thọ không khổ không lạc là khi phạm tội với tâm quân bình (*Sđd.*).

[42] [e] Ba cách phân phát thẻ. Xem tr. 693 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv.* I, chương IV, tr. 413-15.

[43] [f] Chỉ có tám trọng pháp của Tỳ-khưu-ni là sự quy định khi [sự việc] chưa xảy ra (*VinA.* VII. 1302).

[44] [g] Tội vi phạm vào hạ huyền không vi phạm vào thượng huyền: Ví dụ như không vào mùa [an cư] mưa thì phạm tội vào ngày 16 thuộc hạ huyền. Tội vi phạm vào thượng huyền không vi phạm vào hạ huyền: Như là không thực hiện lễ *Pavāraṇā* vào ngày cuối của mùa [an cư] thời kỳ đầu là phạm tội vào ngày 15, thuộc thượng huyền. Tội vi phạm vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền: Là đề cập đến các tội khác. Phần được phép và không được phép kế tiếp được giải thích tương tợ (*Sđd.* 1325).

Có việc được phép vào hạ huyền không [được phép] vào thượng huyền, có việc được phép vào thượng huyền không [được phép] vào hạ huyền, có việc được phép vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền.

Có loại tội vi phạm vào mùa lạnh không [vi phạm] vào mùa nóng và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa nóng không [vi phạm] vào mùa lạnh và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa mưa không [vi phạm] vào mùa nóng và mùa lạnh. [h][45]

Có loại tội hội chúng vi phạm, nhóm và cá nhân không [vi phạm]; có loại tội nhóm vi phạm, hội chúng và cá nhân không [vi phạm]; có loại tội cá nhân vi phạm, hội chúng và nhóm không [vi phạm]. [i][46]

Có việc được phép đối với hội chúng, không [được phép] đối với nhóm và cá nhân; có việc được phép đối với nhóm, không [được phép] đối với hội chúng và cá nhân; có việc được phép đối với cá nhân, không [được phép] đối với hội chúng và nhóm.

Ba sự che giấu: Vị che giấu sự việc [nhưng] không [che giấu] tội vi phạm, vị che giấu tội vi phạm [nhưng] không [che giấu] sự việc, vị che giấu sự việc luôn cả tội vi phạm.

Ba sự che kín: Sự che kín ở trong nhà tắm hơi, sự che kín ở trong nước, sự che kín bằng vải vóc.

Ba việc được vận hành giấu kín không bộc lộ: Người nữ hành xử giấu kín không bộc lộ, chú thuật của Bà-la-môn được vận hành giấu kín không bộc lộ, tà kiến được vận hành giấu kín không bộc lộ.

Ba việc được chiếu sáng bộc lộ không che giấu: Vầng trăng tròn được rọi sáng bộc lộ không che giấu, vầng mặt trời được rọi sáng bộc lộ không che giấu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai được rọi sáng bộc lộ không che giấu.

Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian. [a][47]

Có loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm, có loại tội vị không bệnh vi phạm vị bị bệnh không vi phạm, có loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bệnh vi phạm. [b][48]

---

[45] [h] Việc không chú nguyện để dùng chung y tắm mưa sau bốn tháng mùa mưa là loại tội vi phạm trong mùa lạnh. Tìm kiếm y tắm mưa trong mùa nắng lúc chưa đến thời kỳ là tội vi phạm trong mùa nóng. Có y tắm mưa vẫn tắm lõa thể là loại tội vi phạm trong mùa mưa (*Sdd.*1325-26).

[46] [i] Vấn đề này và vấn đề kế tiếp được ngài Buddhaghosa giải thích có liên quan đến việc hành lễ *Uposatha* và *Pavāraṇā* của hội chúng, của nhóm và của cá nhân (*Sdd.* 1326).

[47] [a] Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Ngày kế ngày rằm của tháng *Āsāḷhā* (tương đương ngày 16 tháng 6 âm lịch, tức là ngày đầu tiên của mùa an cư mùa mưa đợt đầu) là thời điểm trước nên phân phối, một tháng kế sau ngày rằm của tháng *Āsāḷhā* là thời điểm sau nên phân phối, một ngày sau lễ *Pavāraṇā* cho đến lần an cư mùa mưa kế là thời điểm trung gian nên phân phối. Xem tr. 785 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương VI, tr. 195.

[48] [b] Loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm: Ví dụ như trường hợp vị Tỳ-khưu bị bệnh cần loại dược phẩm này lại yêu cầu loại khác. Loại tội vị không bệnh vi phạm vị bị bệnh không vi phạm: Là trường hợp vị không bị bệnh yêu cầu dược phẩm. Loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bệnh vi phạm: Là các tội còn lại (*VinA.* VII.1326).

4. Ba sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Ba sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp. [c][49]

Ba hình phạt *Parivāsa*: Hình phạt *Parivāsa* có che giấu, hình phạt *Parivāsa* không có che giấu, hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch. [d][50]

Ba hình phạt *Mānatta*: Hình phạt *Mānatta* có che giấu, hình phạt *Mānatta* không có che giấu, hình phạt *Mānatta* nửa tháng.

Ba sự đứt đêm của vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa*: Sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo. [e][51]

Có loại tội vi phạm ở bên trong không [vi phạm] ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài. [f][52]

Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không [vi phạm] ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không [vi phạm] ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới. [g][53]

Vị vi phạm tội với ba biểu hiện: Vị vi phạm do thân, vị vi phạm do khẩu, vị phạm do thân do khẩu. Vị vi phạm tội với ba biểu hiện khác nữa: Vị vi phạm tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân.

Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện: Vị thoát khỏi [tội] do thân, vị thoát khỏi [tội] do khẩu, vị thoát khỏi [tội] do thân do khẩu. Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện khác nữa: Vị thoát khỏi tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân.

Ba sự ban cho cách hành xử luật khi không điên cuồng sai Pháp. Ba sự ban cho cách hành xử luật khi không điên cuồng đúng Pháp.[54]

5. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự khiển trách đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm

---

[49] [c] Xem tr. 887-95 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương IX, tr. 437-53.

[50] [d] Ba hình phạt *Parivāsa* và ba hình phạt *Mānatta* xem ở *Sđd*., chương III. Hình phạt *Mānatta* nửa tháng là dành riêng cho Tỳ-khưu-ni. Xem *Bhikkhunīvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni*), *TTPV*, tập 3, chương II, tr. 91.

[51] [e] Xem tr. 561-62 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv*. I, chương II, tr. 167.

[52] [f] Tội vi phạm ở bên trong không [vi phạm] ở bên ngoài: Ví dụ như tội chen vào chỗ ngụ có vị Tỳ-khưu khác đã đến trước rồi nằm xuống. Tội vi phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên trong: Ví dụ như việc trải ra giường ghế của hội chúng ở ngoài trời rồi ra đi không thu dọn. Tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài là các tội còn lại (*VinA*. VII. 1326).

[53] [g] Ngài Buddhaghosa giải thích ba vấn đề này có liên quan đến các phận sự của vị vãng lai là loại thứ nhất, vị xuất hành là loại thứ nhì và các phận sự còn lại là loại thứ ba (*Sđd*. 1326-27). Xem các phận sự tr. 847 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương VIII, tr. 372.

[54] Xem tr. 666-67 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv*. I, chương IV, tr. 355-57.

nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.[55]

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái, những hành động sai trái không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị mắng nhiếc gièm pha người tại gia.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị không muốn từ bỏ tà kiến ác.

Hội chúng nếu muốn có thể nghĩ đến [hành phạt] cứng rắn đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

---

[55] Xem tr. 489 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv*. I, chương I, tr. 15.

6. Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về quan điểm thuộc quan điểm cực đoan.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị có sự đùa giỡn bằng thân, có sự đùa giỡn bằng khẩu, có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị có hành vi sai trái bằng thân, có hành vi sai trái bằng khẩu, có hành vi sai trái bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị có sự gây tổn hại bằng thân, có sự gây tổn hại bằng khẩu, có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị phạm tội đã được thực hiện hành sự, vẫn ban phép tu lên bậc trên, vẫn ban cho phép nương nhờ, vẫn để cho Sa-di phục vụ.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng.

7. Đối với vị Tỳ-khưu đang đình chỉ lễ *Uposatha* ở giữa hội chúng là vị có ba yếu tố: Vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch, hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi" rồi nên tiến hành lễ *Uposatha*.

Đối với vị Tỳ-khưu đang đình chỉ lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng là vị có ba yếu tố: Vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch, hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi" rồi nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

8. Không nên ban cho bất cứ sự đồng ý nào của hội chúng đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên phát biểu đến hội chúng.

Không nên sắp xếp cho vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch ở bất cứ chỗ nào riêng biệt.

Không nên sống nương nhờ vào vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Phép nương nhờ không nên ban cho đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Không nên nghe theo lời khuyên bảo của vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Không nên hỏi về Luật [ở] vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên hỏi về Luật.

Không nên trả lời về Luật đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên trả lời về Luật.

Không nên ban cho sự thẩm vấn [về Luật] đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

9. Ba lễ *Uposatha*: Lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ *Uposatha* hợp nhất. Ba lễ *Uposatha* khác nữa: Lễ *Uposatha* ở hội chúng, lễ *Uposatha* ở nhóm, lễ *Uposatha* ở cá nhân. Ba lễ *Uposatha* khác nữa: Lễ *Uposatha* với sự đọc tụng, lễ *Uposatha* với lời bày tỏ sự trong sạch, lễ *Uposatha* với sự chú nguyện.

Ba lễ *Pavāraṇā*: Lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ *Pavāraṇā* hợp nhất. Ba lễ *Pavāraṇā* khác nữa: Lễ *Pavāraṇā* ở hội chúng, lễ *Pavāraṇā* ở nhóm, lễ *Pavāraṇā* ở cá nhân. Ba lễ *Pavāraṇā* khác nữa: Lễ *Pavāraṇā* với ba lần đọc, lễ *Pavāraṇā* với hai lần đọc, lễ *Pavāraṇā* với [các vị] đồng năm tu [đọc một lượt].

10. Ba kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, không thể thoát khỏi điều này: Là kẻ nào không có Phạm hạnh tỏ vẻ là người hành Phạm hạnh; là kẻ nào bôi nhọ vị có Phạm hạnh trong sạch đang thực hành Phạm hạnh hoàn toàn trong sạch với việc phi Phạm hạnh không nguyên cớ; và là kẻ nào nói như vầy có quan điểm như vầy về điều này: "Không có sái quấy trong các dục" rồi kẻ ấy lao vào say đắm trong các dục.

11. Ba nguồn gốc bất thiện: Tham là nguồn gốc bất thiện, sân là nguồn gốc bất thiện, si là nguồn gốc bất thiện. Ba nguồn gốc thiện: Vô tham là nguồn gốc thiện, vô sân là nguồn gốc thiện, vô si là nguồn gốc thiện.

Ba ác hạnh: Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh. Ba thiện hạnh: Thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh.

12. Đức Thế Tôn quy định bữa ăn của nhóm ba [Tỳ-khưu] ở các gia đình vì ba điều lợi ích: Nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện và vì lòng thương tưởng các gia đình rằng: "Chớ để những kẻ có ước muốn xấu xa nương tựa vào phe nhóm để chia rẽ hội chúng."[56]

Devadatta có tâm bị xâm chiếm, bị ngự trị bởi ba điều không đúng Chánh pháp là ước muốn xấu xa, bạn hữu xấu xa, đã dừng lại ở giữa pháp thiền và pháp siêu thế [nên trở thành] kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

13. Ba sự đồng ý: Sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy, sự đồng ý về [việc sử dụng] dây, sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây.[57]

Ba loại giày đặt ở chỗ nhất định, không thể mang đi [nơi khác] là giày ở nhà tiểu, giày ở nhà tiêu, giày ở chỗ súc miệng.[58]

Ba vật chà chân: Cát, sỏi và đá bọt biển.[59]

Dứt "Nhóm ba."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Trong khi còn hiện tiền, hợp thời và ban đêm, mười [năm], năm [năm], [tâm] thiện, [ba] cảm thọ, [ba] nền tảng của sự cáo tội, [ba] loại thẻ, hai sự khước từ.

2. Sự quy định, hai nhóm khác nữa, vị được phép, vị ngu dốt, lúc hạ huyền, được phép, vào mùa lạnh, hội chúng, thuộc hội chúng, việc che giấu và che kín.

3. Được giấu kín và không bộc lộ, chỗ ngụ, việc bị bệnh, Giới bổn (*Pātimokkha*), hình phạt *Parivāsa*, hình phạt *Mānatta*, các vị hành *Parivāsa*.

4. Bên trong, ở trong ranh giới, vị vi phạm, các cách khác nữa, vị thoát tội và luôn cả các cách khác, hai cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. [Hành sự] khiển trách và chỉ dạy, xua đuổi và hòa giải, về [án treo] không nhìn nhận tội, không sửa chữa, không từ bỏ tà kiến.

---

[56] Liên quan đến tội *Pācittiya* 32 về vật thực dâng chung nhóm.

[57] Xem tr. 737-40 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương V, tr. 79-83.

[58] Xem tr. 252 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương V, tr. 499

[59] Xem tr. 736 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương V, tr. 75.

6. [Hành phạt] cứng rắn, hành sự, về tăng thượng giới, đùa giỡn, [có hành vi] sai trái, gây tổn hại, nuôi mạng, tái phạm tội tương tợ, chê bai và lễ *Uposatha*.

7. Lễ *Pavāraṇā*, sự đồng ý, sự phát biểu, chỗ riêng biệt, không nên sống, không nên cho, không nên thỉnh ý là tương tợ.

8. Không nên ban lời khuyên bảo, không nên thẩm vấn có hai và luôn cả không nên trả lời có hai, cũng không nên cho thẩm vấn.

9. Các sự thảo luận, việc tu lên bậc trên, sự nương nhờ và vị Sa-di, nhóm ba về lễ *Uposatha*, nhóm ba về lễ *Pavāraṇā*.

10. [Ba] kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, [các nguồn gốc] bất thiện, [các nguồn gốc] thiện, hai nhóm về các hành vi, bữa ăn của nhóm ba, không phải Chánh pháp, sự đồng ý, với giày và luôn cả vật chà chân, đây là sự tóm tắt về nhóm ba.

--ooOoo--

NHÓM BỐN

1. Có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi [tội] do lời nói của người khác; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi [tội] do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi [tội] do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi [tội] do lời nói của người khác. [a][60]

Có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi [tội] do khẩu, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi [tội] do thân, [b][61] có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi [tội] do thân, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi [tội] do khẩu.

Có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi [tội] khi thức, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi [tội] khi ngủ, có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi [tội] khi ngủ, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi [tội] khi thức.

Có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi [tội] có ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi [tội] vô ý thức, có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi [tội] vô ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi [tội] có ý thức. [c][62]

Có loại tội trong lúc vi phạm thì sám hối, trong lúc sám hối thì vi phạm, có loại tội trong lúc vi phạm thì thoát khỏi [tội], trong lúc thoát khỏi [tội] thì vi phạm. [a][63]

---

[60] [a] Có tội vi phạm do lời nói của bản thân là phạm tội do khẩu, thoát tội do lời nói của bản thân là do việc sám hối, có tội vi phạm do lời nói của người khác là tội có tuyên ngôn nhắc nhở, thoát tội do lời nói của người khác là thoát tội do tuyên ngôn hành sự trong việc giải tội *Saṅghādisesa* (*VinA*. VII, 1328-29).

[61] [b] Thoát khỏi tội do thân là cách dùng cỏ che lấp của pháp dàn xếp tranh tụng (*Sđd.* 1329).

[62] [c] Có tội vi phạm vô ý thức là vị vi phạm tội không có sự liên quan của tâm, thoát tội có ý thức là vị thoát khỏi tội có sự liên quan của tâm, có tội vi phạm có ý thức là vị vi phạm tội có sự liên quan của tâm, thoát tội vô ý thức là cách dùng cỏ che lấp (*Sđd.*).

[63] [a] Tội trong lúc sám hối thì vi phạm: Liên quan việc các Tỳ-khưu phạm tội giống nhau, ví dụ tội *Pācittiya*, như vậy trong lúc sám hối tội *Pācittiya* thì vi phạm tội *Dukkaṭa*, trong lúc vi phạm tội *Dukkaṭa* thì thoát khỏi tội *Pācittiya*, trong lúc thoát khỏi tội *Pācittiya* thì vi phạm tội *Dukkaṭa* (*Sđd.*).

Có loại tội vi phạm do hành sự [của hội chúng] thoát khỏi [tội] không do hành sự [của hội chúng], có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi [tội] do hành sự, có loại tội vi phạm do hành sự thoát khỏi [tội] do hành sự, có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi [tội] không do hành sự. [b][64]

2. Bốn sự phát biểu không thánh thiện: [c][65] Không thấy nói đã thấy, không nghe nói đã nghe, không cảm giác nói đã cảm giác, không nhận thức nói đã nhận thức.

Bốn sự phát biểu thánh thiện: Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không cảm giác, không nhận thức nói không nhận thức.

Bốn sự phát biểu không thánh thiện khác nữa: Đã thấy nói không thấy, đã nghe nói không nghe, đã cảm giác nói không cảm giác, đã nhận thức nói không nhận thức.

Bốn sự phát biểu thánh thiện khác nữa: Đã thấy nói đã thấy, đã nghe nói đã nghe, đã cảm giác nói đã cảm giác, đã nhận thức nói đã nhận thức.

3. Bốn điều *Pārājika* của các Tỳ-khưu là chung với [có liên quan đến] các Tỳ-khưu-ni. Bốn điều *Pārājika* của các Tỳ-khưu-ni là không chung với [không có liên quan đến] các Tỳ-khưu.

Bốn loại vật dụng: Có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, nên xem là của mình, nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, không nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng không nên được bảo quản, không nên được gìn giữ, không nên xem là của mình, không nên được sử dụng. [d][66]

Có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi [tội] với sự vắng mặt; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi [tội] với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi [tội] với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi [tội] với sự vắng mặt. [e][67]

Có loại tội vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi [tội] trong khi biết; có loại tội vi phạm trong khi biết, thoát khỏi [tội] trong khi không biết; có loại tội

---

[64] [b] Có tội vi phạm do hành sự: Ví dụ như việc không chịu từ bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở của hội chúng, thoát tội không do hành sự: Như trong lúc sám hối. Có tội vi phạm không do hành sự: Như việc làm xuất ra tinh dịch, thoát tội do hành sự như việc thực hành hành phạt *Parivāsa*, v.v... (*Sđd.*). Phần còn lại nên được giải thích tương tợ.

[65] [c] Xem điều học *Pācittiya* thứ nhất về việc cố tình nói dối trong phần *Pācittiyapāḷi Bhikkhuvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu*), *TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 630; *TTPV*, tập 2, tr. 5.

[66] [d] Bốn loại vật dụng: Vật dụng của bản thân là loại thứ nhất, vật dụng của hội chúng là loại thứ nhì, vật dụng dùng ở bảo tháp là loại thứ ba, vật dụng của hàng tại gia là loại thứ tư (*VinA.* VII. 1329-30).

[67] [e] Ở đây là với sự hiện diện hoặc với sự vắng mặt của hội chúng. Được giải thích tương tợ phần [b] ở trên (*Sđd.* 1330).

vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi [tội] trong khi không biết; có loại tội vi phạm trong khi biết, thoát khỏi [tội] trong khi biết. [f][68]

4. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện: Vi phạm do thân, vi phạm do khẩu, vi phạm do thân do khẩu, vi phạm do tuyên ngôn hành sự. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: Ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính. [g][69]

Vị thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện: Thoát khỏi [tội] do thân, thoát khỏi [tội] do khẩu, thoát khỏi [tội] do thân do khẩu, thoát khỏi [tội] do tuyên ngôn hành sự.

Vị thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: Ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính. [a][70] Với sự đạt được, vị [ấy] từ bỏ [giới tính] trước đây, được xác định trong [giới tính] sau này, các sự yêu cầu được thu hồi, các điều quy định được hủy bỏ. Với sự đạt được, vị [ấy] từ bỏ [giới tính] sau này, được xác định trong [giới tính] trước đây, các sự yêu cầu được thu hồi, các điều quy định được hủy bỏ.

5. Bốn sự cáo tội: Vị cáo tội với sự hư hỏng về giới, vị cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, vị cáo tội với sự hư hỏng về quan điểm, vị cáo tội với sự hư hỏng về nuôi mạng.

Bốn hình phạt *Parivāsa*: Hình phạt *Parivāsa* có che giấu, hình phạt *Parivāsa* không có che giấu, hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch, hình phạt *Parivāsa* kết hợp.

Bốn hình phạt *Mānatta*: Hình phạt *Mānatta* có che giấu, hình phạt *Mānatta* không có che giấu, hình phạt *Mānatta* nửa tháng, hình phạt *Mānatta* kết hợp.

Bốn sự đứt đêm của vị Tỳ-khưu hành *Mānatta*: Sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo, vị thực hành ở nhóm không đủ [Tỳ-khưu]. [b][71]

Bốn pháp dung hòa. [c][72]

6. Bốn vật dụng được thọ lãnh: Vật dùng đến hết ngọ, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng đến suốt đời.

Bốn vật dơ có tính quan trọng là phân, nước tiểu, tro và đất sét. [d][73]

---

[68] [f] Được giải thích tương tợ phần [c] của trang 1232 về tội vi phạm vô ý thức và có ý thức (*Sđd.*).

[69] [g] Là sự thay đổi giới tính của vị Tỳ-khưu hoặc vị Tỳ-khưu-ni. Ngủ chung chỗ trú ngụ là tội được đề cập đến (*Sđd.*).

[70] [a] Thoát khỏi tội do sự xuất hiện của phái tính: Khi thay đổi giới tính, những tội thuộc loại quy định riêng đã vi phạm thì được thoát tội (*Sđd.*)

[71] [b] Xem tr. 573 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv*. I, chương I, tr. 189.

[72] [c] Được ghi lại nghĩa Việt theo Chú giải: "*Cattāro sāmukkaṃsāti cattāro mahāpadesā*" (*VinA*. VII. 1330). Xem chi tiết về bốn pháp dung hòa ở tr. 492 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VI, tr. 107.

[73] [d] Xem thêm điều học *Pācittiya* 40 về tăm xỉa răng (*Pācittiyapāḷi Bhikkhuvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu*), *TTPV*, tập 2, tr. 251); và bốn loại vật dơ có tính quan trọng. Xem tr. 271 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VI, tr. 17.

Bốn loại hành sự: Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Bốn loại hành sự khác nữa: Hành sự theo nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự theo nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp. [e][74]

Bốn sự hư hỏng: Sự hư hỏng về giới, sự hư hỏng về hạnh kiểm, sự hư hỏng về quan điểm, sự hư hỏng về sự nuôi mạng.

Bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. [g][75]

Bốn điều làm ô uế tập thể: Vị Tỳ-khưu giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị Tỳ-khưu-ni giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị nam cư sĩ giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị nữ cư sĩ giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể.

Bốn điều làm rạng rỡ tập thể: Vị Tỳ-khưu có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị Tỳ-khưu-ni có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nam cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nữ cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể.

7. Có loại tội vị vãng lai vi phạm vị thường trú không [vi phạm], có loại tội vị thường trú vi phạm vị vãng lai không [vi phạm], có loại tội vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều vi phạm, có loại tội vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều không vi phạm. [a][76]

Có loại tội vị xuất hành vi phạm vị thường trú không [vi phạm], có loại tội vị thường trú vi phạm vị xuất hành không [vi phạm], có loại tội vị xuất hành luôn cả vị thường trú đều vi phạm, có loại tội vị xuất hành luôn cả vị thường trú đều không vi phạm.

Có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm, có sự khác biệt về tội vi phạm không có sự khác biệt về sự việc, có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội vi phạm, không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt về tội vi phạm. [b][77]

---

[74] [e] Xem tr. 404 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. I, chương IX, tr. 247.

[75] [g] Xem tr. 676 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv*. I, chương IV, tr. 377.

[76] [a] Các tội do không thực hành phận sự của vị vãng lai là phần thứ nhất, các tội do không thực hành phận sự của vị thường trú là phần thứ nhì, các tội do không thực hành các phận sự khác, các tội được quy định riêng cho một hội chúng thì vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều không vi phạm (*VinA*. VII. 1331). Nhóm bốn kế tiếp được giải thích tương tợ.

[77] [b] Có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm: Ví dụ như bốn tội *Pārājika* có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm. Có sự khác biệt về tội vi phạm không có sự khác biệt về sự việc: Ví dụ như việc xúc chạm cơ thể, Tỳ-khưu phạm *Saṅghādisesa* còn Tỳ-khưu-ni phạm *Pārājika*; hoặc việc nhai tỏi, Tỳ-khưu phạm *Dukkaṭa*, còn Tỳ-khưu-ni phạm *Pācittiya*. Có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội vi phạm: Là khi so sánh các nhóm tội này với nhóm tội khác. Không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt về tội vi phạm: Là các tội quy định chung cho các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni (*Sđd*.). Nhóm bốn kế tiếp về "có sự giống nhau và không có sự giống nhau" nên được giải thích tương tợ.

Có sự giống nhau về sự việc không có sự giống nhau về tội vi phạm, có sự giống nhau về tội vi phạm không có sự giống nhau về sự việc, có sự giống nhau về sự việc và có sự giống nhau về tội vi phạm, không có sự giống nhau về sự việc và không có sự giống nhau về tội vi phạm.

Có loại tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không [vi phạm], có loại tội đệ tử vi phạm thầy tế độ không [vi phạm], có loại tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm, có loại tội thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm. [c][78]

Có loại tội thầy dạy học vi phạm học trò không [vi phạm], có loại tội học trò vi phạm thầy dạy học không [vi phạm], có loại tội thầy dạy học luôn cả học trò đều vi phạm, có loại tội thầy dạy học và học trò đều không vi phạm.

8. Bốn duyên cớ của việc đứt mùa [an cư] mưa không phạm tội: Hoặc là hội chúng bị chia rẽ, hoặc là có những người có ý định chia rẽ hội chúng, hoặc là có nguy hiểm đến mạng sống, hoặc là có nguy hiểm đến Phạm hạnh. [d][79]

Bốn ác hạnh về khẩu: Lời nói dối, lời nói đâm thọc, lời nói dữ tợn, lời nói nhảm nhí.

Bốn thiện hạnh về khẩu: Lời nói thật, lời nói không đâm thọc, lời nói nhỏ nhẹ, lời nói có mục đích.

Có [trường hợp] trong khi lấy đi vi phạm tội nặng trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ, [e][80] có [trường hợp] trong khi lấy đi vi phạm tội nhẹ trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có [trường hợp] trong khi lấy đi lẫn trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có [trường hợp] trong khi lấy đi lẫn trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ.

9. Có người xứng đáng việc đảnh lễ không xứng đáng việc đứng dậy, có người xứng đáng việc đứng dậy không xứng đáng việc đảnh lễ, có người xứng đáng việc đảnh lễ và xứng đáng việc đứng dậy, có người không xứng đáng việc đảnh lễ cũng không xứng đáng việc đứng dậy. [f][81]

Có người xứng đáng với chỗ ngồi không xứng đáng việc đảnh lễ, có người xứng đáng việc đảnh lễ không xứng đáng với chỗ ngồi, có người xứng đáng với chỗ ngồi và xứng đáng việc đảnh lễ, có người không xứng đáng với chỗ ngồi cũng không xứng đáng việc đảnh lễ.

---

[78] [c] Có tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không [vi phạm]: Là phận sự của thầy tế độ. Có tội đệ tử vi phạm thầy tế độ không [vi phạm] là phận sự của đệ tử. Có tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm là các phận sự còn lại. Có tội thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm là các tội được quy định riêng cho một hội chúng, còn hội chúng kia không vi phạm. Nhóm bốn kế tiếp về thầy dạy học và học trò nên được giải thích tương tợ (*Sđd.* 1331-32).

[79] [d] Xem tr. 185-88 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương III, tr. 373-79.

[80] [e] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Trong khi tự tay lấy đi [bước đi] một bước hoặc hơn một bước vi phạm tội nặng, trong khi ra lệnh vị khác với lời chỉ thị rằng: "Hãy mang đi chưa tới một bước" vi phạm tội nhẹ. Ba phần còn lại nên được hiểu theo phương thức này" (*VinA*. VII. 1332).

[81] [f] Về người xứng đáng và không xứng đáng về việc đảnh lễ và việc đứng dậy: Trường hợp vị đang thọ thực trong nhà ăn không thể đứng dậy đối với vị thâm niên hơn là trường hợp thứ nhất, vị mới tu đối với vị thâm niên hơn đang thực hành *Parivāsa* là trường hợp thứ nhì, vị mới tu đối với vị thâm niên hơn là trường hợp thứ ba và ngược lại là trường hợp thứ tư. Nhóm bốn kế được giải thích tương tợ (*Sđd.*).

10. Có loại tội vi phạm lúc đúng thời không [vi phạm] lúc sái thời, có loại tội vi phạm lúc sái thời không [vi phạm] lúc đúng thời, có loại tội vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, có loại tội không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời. [a][82]

Có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không [được phép] lúc sái thời, có vật thọ lãnh được phép lúc sái thời không [được phép] lúc đúng thời, có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, có vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời. [b][83]

Có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa không [vi phạm] ở trung tâm, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở trung tâm không [vi phạm] ở biên địa, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có loại tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm. [c][84]

Có việc được phép trong các quốc độ ở biên địa không [được phép] ở trung tâm, có việc được phép trong các quốc độ ở trung tâm không [được phép] ở biên địa, có việc được phép trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có việc không được phép trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm.

Có loại tội vi phạm ở bên trong không [vi phạm] ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài, có loại tội không vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài.

Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không [vi phạm] ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không [vi phạm] ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới, có loại tội không vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới.

---

[82] [a] Tội vi phạm lúc đúng thời không [vi phạm] lúc sái thời: Là sau khi đã ngăn vật thực rồi lại thọ dụng thêm. Tội vi phạm lúc sái thời không [vi phạm] lúc đúng thời: Là thọ dụng vật thực sái thời. Tội vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời: Là các tội còn lại. Tội không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời: Là trường hợp thứ tư liên quan đến các điều đã được quy định riêng cho một hội chúng (*Sđd.*).

[83] [b] Vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không được phép lúc sái thời: Như là vật thực thọ lãnh trước bữa ăn. Thức uống là vật được phép thọ lãnh vào lúc sái thời và không được phép lúc đúng thời khi đã để qua ngày hôm sau. Vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, như là vật dùng trong bảy ngày hoặc vật dùng đến suốt đời. Vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, ví dụ như loại thịt không được phép (*Sđd.*).

[84] [c] Tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa không [vi phạm] ở trung tâm: Như việc kết ranh giới ở trên biển. Tội vi phạm trong các quốc độ ở trung tâm không [vi phạm] ở biên địa: Ví dụ như cho tu lên bậc trên với nhóm năm vị, tắm rửa thường xuyên, đồ trải lót bằng da thú, dép có nhiều lớp, v.v... (xem tr. 261 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương V, tr. 513-15). Tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm: Là các tội còn lại. Tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, là các tội quy định riêng cho một hội chúng, hội chúng kia dầu có thực hiện cũng không vi phạm (*VinA.* VII. 1332-33). Nhóm bốn kế tiếp được giải thích tương tợ.

Có loại tội vi phạm ở làng không [vi phạm] ở rừng, có loại tội vi phạm ở rừng không [vi phạm] ở làng, có loại tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng, có loại tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng. [d][85]

11. Bốn sự cáo tội: Do thấy rõ sự việc, do thấy rõ tội vi phạm, khước từ việc đồng cộng trú, khước từ phận sự đúng đắn.

Bốn nhiệm vụ đầu tiên. [e][86] Bốn thời điểm thích hợp. [f][87] Bốn tội *Pācittiya* không vì nguyên nhân khác. [g][88] Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khưu. [h][89]

Bốn sự thiên vị: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Bốn sự không thiên vị: Không thiên vị vì thương, không thiên vị vì ghét, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi.

12. Vị Tỳ-khưu vô liêm sỉ chia rẽ hội chúng có bốn yếu tố: Trong khi thiên vị vì thương, trong khi thiên vị vì ghét, trong khi thiên vị vì si mê, trong khi thiên vị vì sợ hãi.

Vị Tỳ-khưu hiền thiện làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ có bốn yếu tố: Trong khi không thiên vị vì thương, trong khi không thiên vị vì ghét, trong khi không thiên vị vì si mê, trong khi không thiên vị vì sợ hãi.

Không nên hỏi về Luật [ở] vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên hỏi về Luật.

Không nên trả lời về Luật cho vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên trả lời về Luật.

Không nên ban cho sự thẩm vấn [về Luật] đến vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

---

[85] [d] Tội vi phạm ở làng không [vi phạm] ở rừng: Là các điều học *Sekhiya*. Tội vi phạm ở rừng không [vi phạm] ở làng: Như vị Tỳ-khưu-ni đang chờ đợi trời sáng. Tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng: Như tội nói dối, v.v... Tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng: Là các tội quy định riêng cho một hội chúng, hội chúng kia không phạm (*Sdd.* 1333).

[86] [e] Bốn nhiệm vụ đầu tiên là đề cập đến các nhiệm vụ trong ngày *Uposatha* hoặc *Pavāraṇā* như quét dọn, đèn, nước, chỗ ngồi; hoặc bốn nhiệm vụ đầu tiên khác, là việc đem lại sự tùy thuận và bày tỏ sự trong sạch, tính đếm mùa tiết, tính đếm số lượng Tỳ-khưu và việc giáo giới (*Sdd.*).

[87] [f] Bốn thời điểm thích hợp là vào ngày lễ *Uposatha*, các vị Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự đã đến, các vị không phạm đồng tội, các nhân vật phạm tội không hiện diện (*Sdd.*).

[88] [g] Là các tội *Pācittiya* 16, 42, 77, 78 vì có câu "*etadeva paccayaṃ karitvā anaññaṃ pācittiyaṃ*" nghĩa là "Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác thì phạm tội *Pācittiya*" (*Sdd.*).

[89] [h] Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Là đề cập đến việc không phạm các tội *Nissaggiya Pācittiya* 2, 14, 29 và tội *Pācittiya* 9 do đã có được sự đồng ý của hội chúng Tỳ-khưu (*Sdd.*).

13. Có loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bị bệnh không [vi phạm], có loại tội vị không bị bệnh vi phạm vị bị bệnh không [vi phạm], có loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bị bệnh đều vi phạm, có loại tội vị bị bệnh và cả vị không bị bệnh đều không vi phạm.[90]

14. Bốn sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Bốn sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.[91]

Dứt "Nhóm bốn."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Do lời nói của bản thân, do thân, khi ngủ và vô ý thức, trong khi vi phạm, do hành sự, bốn sự phát biểu là tương tợ.

2. Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni, vật dụng, có sự hiện diện, vào thời điểm không biết, ở giữa [hội chúng], vị thoát tội, có hai cách tương tợ.

3. Sự đạt được, sự cáo tội, các hình phạt *Parivāsa* được đề cập đến, vị hành *Mānatta*, [bốn] pháp dung hòa, [bốn] sự thọ lãnh.

4. [Bốn] vật dơ quan trọng, các hành sự, lại thêm các hành sự, các sự hư hỏng, các sự tranh tụng và các hạng có giới hạnh tồi, các điều làm rạng rỡ, với vị vãng lai.

5. Vị [Tỳ-khưu] xuất hành, có sự khác biệt về sự việc và có sự giống nhau, với vị thầy tế độ, thầy dạy học và duyên cớ, ác hạnh, thiện hạnh.

6. Trong khi lấy, nhân vật, các vị xứng đáng với chỗ ngồi, lúc đúng thời luôn cả điều được phép, được phép ở các xứ ở biên địa.

7. Ở bên trong và ở trong ranh giới, ở làng, về việc cáo tội, nhiệm vụ đầu tiên, thời điểm được thích hợp, không vì nguyên nhân khác và các sự đồng ý.

8. Thiên vị luôn cả không thiên vị, vị vô liêm sỉ với vị hiền thiện, cả hai phần nên vấn, hai phần nên đáp là tương tợ, việc thẩm vấn và thảo luận, vị bị bệnh với sự đình chỉ.

--ooOoo--

[90] Có tội vị bị bệnh vi phạm: Là trường hợp vị bị bệnh cần loại dược phẩm này lại yêu cầu loại khác. Có tội vị không bị bệnh vi phạm: Là trường hợp vị không bị bệnh yêu cầu dược phẩm. Có tội vị bị bệnh luôn cả vị không bị bệnh đều vi phạm: Ví dụ như tội nói dối, v.v... Có tội vị bị bệnh và cả vị không bị bệnh đều không vi phạm: Là các tội quy định riêng cho một hội chúng (*Sđd.*).

[91] Xem tr. 887-95 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương IX, tr. 437-53.

NHÓM NĂM

1. Năm loại tội. Năm nhóm tội. Năm sự việc đã được rèn luyện.[92] Năm nghiệp vô gián. [a][93] Năm hạng người được xác định. [b][94] Năm tội vi phạm liên quan đến sự cắt bớt. [c][95] Vị vi phạm tội với năm biểu hiện. [d][96] Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối. [e][97]

2. Vị không thuận theo hành sự với năm biểu hiện: Hoặc là không tự mình thực hiện hành sự, hoặc là không thỉnh mời vị khác, hoặc không trao ra sự tùy thuận hay [bày tỏ] sự trong sạch, hoặc là phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan điểm là không đúng Pháp về hành sự đã được thực hiện.

Vị thuận theo hành sự với năm biểu hiện: Hoặc là tự mình thực hiện hành sự, hoặc là thỉnh mời vị khác, hoặc là trao ra sự tùy thuận hay [bày tỏ] sự trong sạch, hoặc là không phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan điểm là đúng Pháp về hành sự đã được thực hiện.

3. Năm việc được phép đối với vị Tỳ-khưu hành pháp khất thực: Đi không phải xin phép, vật thực dâng chung nhóm, vật thực thỉnh sau, không phải xác định, không phải chuyển nhượng bữa ăn. [g][98]

4. Vị Tỳ-khưu, dầu là ác Tỳ-khưu luôn cả vị có pháp bền vững, không được tin tưởng và bị nghi ngờ khi có năm yếu tố: Hoặc là có sự lai vãng với đĩ điếm, hoặc là có sự lai vãng với góa phụ, hoặc là có sự lai vãng với gái lỡ thời, hoặc là có sự lai vãng với người vô căn, hoặc là có sự lai vãng với Tỳ-khưu-ni.

5. Năm loại dầu ăn: Là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây eraṇḍa, dầu từ mỡ thú. [a][99]

---

[92] Năm sự việc đã được rèn luyện: Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với năm nhóm tội. Xem tr. 1166 trong tập này; *TTPV*, tập 8, *Parivārapāḷi* (*Tập yếu*) I, tr. 317.

[93] [a] Năm nghiệp vô gián: Là giết cha, giết mẹ, giết vị A-la-hán, làm [đức Phật] chảy máu và chia rẽ hội chúng (ND).

[94] [b] Năm hạng người được xác định: Là năm hạng người đã thực hiện năm nghiệp vô gián ở trên (*Sđd.* 1334).

[95] [c] Năm tội vi phạm liên quan đến sự cắt bớt: Là năm tội *Pācittiya* 87, 89, 90, 91, 92 liên quan đến việc cắt bớt vật làm quá kích thước là chân giường, tọa cụ, y đắp ghẻ, y tắm mưa và y có kích thước y của đức Thiện Thệ (*Sđd.*).

[96] [d] Vị vi phạm tội với năm biểu hiện: Là vị vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chất xấu xa, lầm tưởng là được phép trong điều không được phép, lầm tưởng là không được phép trong điều được phép (*Sđd.*).

[97] [e] Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối: Là tội *Pārājika, Thullaccaya, Dukkaṭa, Saṅghādisesa* và *Pācittiya* (*Sđd.*).

[98] [g] Năm việc được phép đối với vị Tỳ-khưu hành pháp [đầu-đà] khất thực: "Đi không phải xin phép" là không phải báo cho vị Tỳ-khưu hiện diện khi đi đến các gia đình trước hay sau bữa ăn, hai điều "vật thực dâng chung nhóm" và "vật thực thỉnh sau" là không phải phạm tội đối với hai điều học *Pācittiya* 32 và 33 của Tỳ-khưu, về "không phải xác định" là không phải bận tâm xác định trường hợp được phép, trong trường hợp vật thực dâng chung nhóm, "không phải chuyển nhượng bữa ăn" là không phải thực hiện việc ấy khi nhận phần vật thực thỉnh sau (*Sđd.*).

[99] [a] Năm loại dầu ăn được thấy ở điều học *Pācittiya* 39 (*Pācittiyapāḷi Bhikkhuvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu*), *TTPV*, tập 2, tr. 247).

Năm loại mỡ thú: Mỡ gấu, mỡ cá, mỡ cá sấu, mỡ heo rừng, mỡ lừa. [b][100]

6. Năm sự suy sụp: Suy sụp về thân quyến, suy sụp về của cải, suy sụp vì bệnh hoạn, suy sụp về giới, suy sụp về kiến thức.

Năm sự thành tựu: Thành tựu về thân quyến, thành tựu về của cải, thành tựu về vô bệnh, thành tựu về giới, thành tựu về kiến thức.

7. Năm trường hợp đình chỉ việc nương nhờ ở thầy tế độ: Thầy tế độ rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh [đuổi đi] là thứ năm. [c][101]

Năm hạng người không nên cho tu lên bậc trên: Người chưa đủ hai mươi tuổi, người có phần cơ thể [bàn tay, v.v...] bị cắt đứt, người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động, người không có đầy đủ [y bát].

8. Năm loại vải quăng bỏ: Loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiệm, bị chuột gặm, bị mối nhấm, bị lửa cháy.

Năm loại vải quăng bỏ khác nữa: Loại bị bò nhai, bị dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc về lễ đăng quang [của đức vua], vải dành cho tôi tớ.

9. Năm sự lấy trộm: Lấy đi theo cách trộm cắp, lấy đi bằng bạo lực, lấy đi có tính toán, lấy đi bằng cách che giấu, lấy đi theo lối [tráo] thăm. [d][102]

10. Năm hạng cướp lớn hiện hữu được biết đến ở thế gian. [e][103]

Năm vật không được phân tán. [f][104]

Năm vật không được phân chia. [g][105]

Năm loại tội sanh khởi do thân không do khẩu không do ý.

Năm loại tội sanh khởi do thân và do khẩu không do ý.

Năm loại tội đưa đến việc sám hối.

Năm loại hội chúng. [h][106]

Năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). [i][107]

---

[100] [b] Năm loại mỡ thú. Xem tr. 264 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VI, tr. 7.

[101] [c] Năm trường hợp đình chỉ nương nhờ ở thầy tế độ. Xem tr. 80 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương I, tr. 157.

[102] [d] Câu chuyện lấy trộm theo lối tráo thăm được thấy ở điều *Pārājika* thứ nhì, ở phần các câu chuyện dẫn giải (*Pārājikapāḷi* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu*), *TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 80; *TTPV*, tập 1, tr. 131).

[103] [e] Năm hạng cướp lớn. Xem điều *Pārājika* thứ tư về khoe khoang pháp thượng nhân (*Sđd*. 197-99).

[104] [f] Năm vật không được phân tán. Xem tr. 788-89 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương VI, tr. 203-05.

[105] [g] Năm vật không được phân chia (*Sđd*. 207-09).

[106] [h] Năm loại hội chúng: Hội chúng Tỳ-khưu với nhóm bốn vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm năm vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm mười vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm hai mươi vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm trên hai mươi vị. Xem tr. 409 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương IX, tr. 255.

[107] [i] Năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*): Gồm bốn cách đọc tóm tắt và cách đọc tụng chi tiết là cách thứ năm. Xem tr. 135 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương II, tr. 271.

Trong các quốc độ vùng biên giới có thể cho tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị nắm vững về Luật. [j][108]

Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu. *Kaṭhina*. [k][109]

Năm loại hành sự.[110]

Năm loại tội vi phạm [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba.[111]

Vị lấy vật không được cho phạm tội *Pārājika* với năm biểu hiện.[112]

Vị lấy vật không được cho phạm tội *Thullaccaya* với năm biểu hiện.

Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkaṭa* với năm biểu hiện.

11. Năm vật không đúng phép không nên thọ dụng: Vật chưa được cho, vật không được biết rõ, vật chưa làm thành được phép, vật chưa được thọ lãnh và vật chưa được làm thành đồ thừa.

Năm vật đúng phép nên thọ dụng: Vật đã được cho, vật đã được biết rõ, vật đã được làm thành được phép, vật đã được thọ lãnh và vật đã được làm thành đồ thừa.

Năm sự bố thí không có phước báu được xem là có phước báu thuộc về thế gian: Bố thí chất say, bố thí đến hội hè [nhảy múa], bố thí người nữ, bố thí bò đực [vào giữa đàn bò], bố thí tranh ảnh [gợi cảm].

Năm điều đã được sanh lên khó trừ diệt: Tham ái đã được sanh lên khó trừ diệt, sân đã được sanh lên khó trừ diệt, si đã được sanh lên khó trừ diệt, sự nói huyên thuyên đã được sanh lên khó trừ diệt, tâm vẩn vơ đã được sanh lên khó trừ diệt.

Năm điều lợi ích trong việc quét chổi: Làm lắng dịu tâm của bản thân, làm lắng dịu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ, tích lũy nghiệp đưa đến chốn an vui, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, trần thế.

Năm điều lợi ích khác nữa trong việc quét chổi: Làm lắng dịu tâm của bản thân, làm lắng dịu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ, lời giáo huấn của bậc Đạo sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn.

12. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có năm yếu tố: Vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi

---

[108] [j] Việc tu lên bậc trên ở các xứ vùng biên giới (*Sđd.*, chương V, tr. 513).

[109] [k] Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭhina*. Xem tr. 326 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VII, tr. 111.

[110] Năm loại hành sự: Là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải và hành sự án treo gồm có ba được tính gộp chung thành một (*VinA*. VII. 1334).

[111] Năm loại tội vi phạm khi được nhắc nhở đến lần thứ ba: Gồm có giới *Pārājika* thứ 3 của Tỳ-khưu-ni, đề cập 3 loại tội là *Pārājika*, *Thullaccaya*, *Dukkaṭa* và tội *Saṅghādisesa* của Tỳ-khưu về việc chia rẽ hội chúng và *Pācittiya* về tội không chịu từ bỏ tà kiến ác (*Sđd.*).

[112] Vấn đề này và hai vấn đề kế tiếp liên quan đến tội *Pārājika* thứ nhì về trộm cắp (ND).

không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vị bảo thực hiện [hành sự] sai Pháp với sự không khẳng định.

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vị bảo thực hiện [hành sự] đúng Pháp với sự khẳng định.

Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về tội, vị không biết về nền tảng của tội, vị không biết về nguồn sanh tội, vị không biết về sự đoạn diệt của tội, vị không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.[113]

Vị nắm vững về luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về tội, vị biết về nền tảng của tội, vị biết về nguồn sanh tội, vị biết về sự đoạn diệt của tội, vị biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự tranh tụng, vị không biết về nền tảng của tranh tụng, vị không biết về nhân sanh của tranh tụng, vị không biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, vị không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng. [a][114]

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về sự tranh tụng, vị biết về nền tảng của tranh tụng, vị biết về nhân sanh của tranh tụng, vị biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, vị biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng.

Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự việc, vị không biết về duyên khởi, vị không biết về điều quy định, vị không biết về điều quy định thêm, vị không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. [b][115]

---

[113] Vị không biết về tội (như *Pārājika*, *Saṅghādisesa*, v.v...), vị không biết gốc của tội (là thân và khẩu), vị không biết nguồn sanh tội (do thân, không do khẩu, không do ý, v.v...), vị không biết sự đoạn diệt của tội (là sự sám hối), vị không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội là bảy cách dàn xếp (*VinA*. VII. 1337-38).

[114] [a] Nhóm năm về sự tranh tụng: Sự tranh tụng tức là bốn sự tranh tụng. Nguồn sanh khởi của sự tranh tụng có 33: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có 12, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có 14, sự tranh tụng liên quan đến tội có 6 và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có 1. Nhân sanh sự tranh tụng là nguồn sanh khởi sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi sanh lên, nương vào 18 sự việc làm chia rẽ hội chúng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách sanh lên do bốn điều hư hỏng, sự tranh tụng liên quan đến tội sanh lên do bảy nhóm tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ sanh lên với bốn hành sự của hội chúng. Không biết sự đoạn diệt của sự tranh tụng: Là không xác định được quan điểm theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư. Không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của sự tranh tụng, là không biết các sự tranh tụng được giải quyết bằng các cách dàn xếp nào (*VinA*. VII. 1338).

[115] [b] Không biết về sự việc: Là không biết về sự việc của tội *Pārājika*, của tội *Saṅghādisesa*,... của bảy nhóm tội. Không biết về duyên khởi: Là không biết các tội đã được quy định ở đâu. Không biết về sự quy định: Là không biết sự quy định ban đầu của mỗi điều học. Không biết về sự quy định thêm: Là không biết sự quy định thêm về sau. Không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc: Là không biết sự việc theo phương thức liên hệ đến lời nói và liên hệ đến sự xác định (*Sđd*.).

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về sự việc, vị biết về duyên khởi, vị biết về điều quy định, vị biết về điều quy định thêm, vị biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về lời đề nghị, vị không biết cách thực hiện với lời đề nghị, vị không thiện xảo về phần [cần trình bày] trước tiên, vị không thiện xảo về các phần kế tiếp và vị không biết về thời điểm.

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về lời đề nghị, vị biết cách thực hiện với lời đề nghị, vị thiện xảo về phần [cần trình bày] trước tiên, vị thiện xảo về các phần kế tiếp và vị biết về thời điểm.

Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; vị không khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy, không khéo chú ý và không khéo suy xét.

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; vị khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy, khéo chú ý và khéo suy xét.

Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điều học theo từng từ ngữ.

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ.

Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa và vị không khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa và vị khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

13. Năm hạng [hành pháp] sống ở rừng: Là vị sống ở rừng do bản tánh ngu khờ do bản tánh si mê; là vị sống ở rừng có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi

ước muốn; là vị sống ở rừng do điên khùng do mất trí; là vị sống ở rừng [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật ngợi khen"; và cũng có vị sống ở rừng chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này.

Năm hạng [hành pháp] đi khất thực: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] mặc y *paṃsukūla*: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] ngụ ở gốc cây: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] ngụ ở mộ địa: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] ngụ ở ngoài trời: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] chỉ sử dụng ba y: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] đi khất thực theo từng nhà: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] về oai nghi ngồi [không nằm]: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] ngụ chỗ ở theo chỉ định: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] một chỗ ngồi [khi thọ thực]: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] không ăn vật thực dâng sau: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát: Là vị thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ, do bản tánh si mê; là vị thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; là vị thọ thực trong bình bát do điên khùng do mất trí; là vị thọ thực trong bình bát [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật ngợi khen"; và cũng có vị thọ thực trong bình bát chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này.

14. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về lễ *Uposatha*, vị không biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị không biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (*Pātimokkha*), vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ *Uposatha*, vị biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), vị biết về cách đọc tụng của Giới bổn (*Pātimokkha*), vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (*Pātimokkha*), vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ *Pavāraṇā*, vị biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), vị biết về cách đọc tụng của Giới bổn (*Pātimokkha*), vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

15. Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về lễ *Uposatha*, vị không biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị không biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (*Pātimokkha*), vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ *Uposatha*, vị biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), vị biết về cách đọc tụng của Giới bổn (*Pātimokkha*), vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (*Pātimokkha*), vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ *Pavāraṇā*, vị biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), vị biết về cách đọc tụng của Giới bổn (*Pātimokkha*), vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

16. Năm điều bất lợi ở vị không được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp bất thiện]: Ngay cả bản thân cũng khiển trách lấy bản thân, các bậc trí quở trách sau khi đã xem xét, tiếng đồn xấu xa lan rộng, bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục.

Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp thiện]: Chính bản thân không khiển trách bản thân, các bậc trí ngợi khen sau khi đã xem xét, tiếng đồn tốt đẹp lan rộng, không bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, trần thế.

Năm điều bất lợi khác nữa ở vị không được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp bất thiện]: Những người chưa có đức tin không an trú vào đức tin, làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo sư đã không được thực hành, người đời sau không thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vị ấy không được an trú.

Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp thiện]: Những người chưa có đức tin an trú vào đức tin, làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vị ấy được an trú.

17. Năm điều bất lợi cho vị thường tới lui các gia đình: Vị vi phạm trong việc đi không xin phép, vi phạm việc ngồi ở chỗ kín đáo, vi phạm việc ngồi ở chỗ được che khuất, vi phạm trong khi giảng pháp quá năm sáu câu cho người nữ và sống có nhiều tầm cầu về ái dục.

Năm điều bất lợi của vị Tỳ-khưu thường tới lui các gia đình: Vị trong khi sống quá nhiều thời gian thân cận các gia đình, có sự nhìn thấy người nữ thường xuyên, trong khi có sự nhìn thấy có sự xúc chạm, trong khi có sự xúc chạm có sự thân mật, trong khi có sự thân mật có sự ô nhiễm, điều này được dự đoán cho vị Tỳ-khưu có tâm bị khởi dục: Hoặc là sẽ hành Phạm hạnh không được hoan hỷ, hoặc là sẽ vi phạm tội có ô nhiễm nào đó, hoặc là sẽ từ bỏ sự học tập và sống đời tầm thường.

18. Năm loại mầm giống: Mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm. [a][116]

Trái cây nên được thọ dụng với năm cách làm thành được phép đối với Sa-môn: Đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hột và hột đã được lấy ra là cách thứ năm. [b][117]

19. Năm cách làm cho trong sạch: Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhất. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika* nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *Saṅghādisesa* nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *Saṅghādisesa*, sau khi đọc tụng hai điều *Aniyata* nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. [Đọc tụng] một cách đầy đủ là cách thứ năm. [c][118]

Năm cách làm cho trong sạch khác nữa: Sự đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), lễ *Uposatha* với lời bày tỏ sự trong sạch, lễ *Uposatha* với sự chú nguyện, lễ *Pavāraṇā* luôn cả lễ *Uposatha* hợp nhất là thứ năm.

---

[116] [a] Năm loại mầm giống: Đã được thấy ở điều học Pācittiya 11 của Tỳ-khưu, *Pācittiyapāḷi Bhikkhuvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu*), *TTPV*, tập 2, tr. 109.

[117] [b] Năm cách làm thành được phép đối với Sa-môn. Xem tr. 489 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv*. I, chương I, tr. 15.

[118] [c] Năm cách làm cho trong sạch: Tương tợ với năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Xem tr. 135 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương II, tr. 271.

20. Năm điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật: Giới uẩn của bản thân khéo được gìn giữ khéo được hộ trì, là nơi nương tựa của các vị thường hay có sự ăn năn, là vị phát biểu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh pháp.

Năm sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Năm sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Dứt "Nhóm năm."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Tội vi phạm, các nhóm tội, đã được rèn luyện, [nghiệp] vô gián, các hạng người luôn cả việc cắt bớt, vị vi phạm và các nguyên do.

2. Vị không thuận và thuận, các việc được phép, không tin tưởng, dầu ăn, mỡ thú, sự suy sụp và thành tựu, các trường hợp đình chỉ [sự nương nhờ] với hạng người.

3. Mộ địa và đã bị [bò] nhai, sự trộm cắp, được gọi là kẻ cướp, đã không phân tán, không phân chia, do thân, do thân và khẩu.

4. Sự sám hối, ở nơi hội chúng, việc đọc tụng, vùng biên địa, *Kaṭhina*, các loại hành sự, cho đến lần thứ ba, các tội *Pārājika*, tội *Thullaccaya* và tội *Dukkaṭa*.

5. Không được phép và được phép, không phước báu, khó trừ diệt, chổi quét, các điều khác, lời nói và luôn cả tội nữa.

6. Sự tranh tụng, sự việc, lời đề nghị, tội vi phạm, cả hai phần, các tội nhẹ nặng này, các vị hãy biết rõ tối và sáng.

7. Vị ở rừng, khất thực, mặc y *paṃsukūla*, ở cội cây và mộ địa, ở ngoài trời, [chỉ ba] y, [khất thực] theo tuần tự, vị [thọ oai nghi] ngồi.

8. Chỗ ở theo chỉ định, với vị ngăn vật thực dâng sau luôn cả vị chỉ thọ trong bát, lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, phạm tội và không tội, những điều này là tối và sáng, các điều ấy của các Tỳ-khưu-ni là tương tợ.

9. Hoan hỷ, không hoan hỷ, tương tợ như thế là hai điều khác nữa, về vị thường tới lui các gia đình, mất quá nhiều thời gian, mầm giống và được phép cho Sa-môn.

10. Sự làm cho trong sạch luôn cả các điều khác, theo Luật, sai Pháp và đúng Pháp đã được đề cập đến tương tợ, được chấm dứt là năm cách làm cho trong sạch.

--ooOoo--

NHÓM SÁU

1. Sáu sự không kính trọng. Sáu sự kính trọng. Sáu sự việc đã được rèn luyện. [a][119] Sáu sự thực hành đúng đắn. [b][120] Sáu nguồn sanh tội. Sáu tội vi phạm liên quan đến cắt bớt. [c][121] Vị vi phạm tội do sáu biểu hiện. [d][122] Sáu điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật. [e][123] Sáu điều tối đa. [f][124] Có thể xa lìa [một trong] ba y sáu đêm. [g][125] Sáu loại y. [h][126] Sáu loại thuốc nhuộm [y]. [i][127] Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân và do ý không do khẩu. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do khẩu và do ý không do thân. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân do khẩu và do ý. Sáu loại hành sự. [j][128] Sáu nguyên nhân tranh cãi. [k][129] Sáu nguyên nhân khiển trách. [l][130] Sáu pháp cần ghi nhớ. Chiều dài sáu gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ. [m][131] Chiều rộng sáu gang tay. [n][132] Sáu

---

[119] [a] Ba nhóm sáu này đã được trình bày chi tiết ở *Parivāra* (*Tập yếu*), tr. 1166 trong tập này; *TTPV*, tập 8, tr. 317.

[120] [b] Sáu sự thực hành đúng đắn: Ngài Buddhaghosa đề cập đến sáu điều học có câu "*ayaṃ tattha sāmīci*" với ý nghĩa là "đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy", tức là nói đến các điều học *Saṅghādisesa* 13; *Nissaggiya Pācittiya* 10, 22; *Pācittiya* 34, 71, 84 (*VinA*. VII. 1339).

[121] [c] Gồm năm điều học *Pācittiya* của Tỳ-khưu đã được trình bày ở phần Nhóm năm liên quan đến việc cắt bớt vật làm quá kích thước là chân giường, tọa cụ, y đắp ghẻ, y tắm mưa, y có kích thước y của đức Thiện Thệ, thêm vào điều học *Pācittiya* của Tỳ-khưu-ni về việc may y choàng tắm quá kích thước là sáu (*Sđd.*).

[122] [d] Sáu biểu hiện là vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chất xấu xa, lầm tưởng là được phép trong điều không được phép, lầm tưởng là không được phép trong điều được phép, lầm lẫn về sự ghi nhớ (*Sđd.* 1339-40).

[123] [e] Sáu điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: Gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 1248 thêm vào điều thứ sáu là "Lễ *Uposatha* là phần trách nhiệm của vị ấy" (*Sđd.* 1340).

[124] [f] Sáu điều tối đa: Ngài Buddhaghosa nói về các điều học có từ "*paramaṃ*" (tối đa) như là *dasāhaparamaṃ, māsaparamaṃ, santaruttaraparamaṃ*, v.v... và nêu rõ trong hai bộ Giới bổn có tất cả là 14 giới. Sáu giới đầu lập thành một nhóm sáu, sáu giới kế tiếp là nhóm sáu thứ nhì, còn hai điều học thì sau khi bớt đi một điều học của mỗi một nhóm rồi thêm vào một điều học để lập thành hai nhóm sáu khác nữa (*Sđd.*).

[125] [g] Có thể xa lìa [một trong] ba y sáu đêm: Câu này được trích dẫn từ điều *Nissaggiya Pācittiya* 29 về vị Tỳ-khưu có thể để y ở trong làng tối đa là sáu đêm khi ngụ ở trong khu rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng (ND).

[126] [h] Sáu loại y được đức Phật cho phép: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố. Xem tr. 364 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VIII, tr. 181.

[127] [i] Sáu loại thuốc nhuộm được đức Phật cho phép: Thuốc nhuộm làm từ rễ cây, thuốc nhuộm từ thân cây, thuốc nhuộm từ vỏ cây, thuốc nhuộm từ lá cây, thuốc nhuộm từ bông hoa, thuốc nhuộm từ trái cây (*Sđd.* 189).

[128] [j] Sáu loại hành sự: Gồm có hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, thứ năm là hành sự án treo vì không nhìn nhận tội và hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi được gom thành một và thứ sáu là hành sự án treo vì không chịu từ bỏ tà kiến ác (*VinA*. VII. 1340).

[129] [k] Sáu nguyên nhân tranh cãi: Đã được trình bày chi tiết ở *Parivāra* (*Tập yếu*), tr. 1166 trong tập này; *TTPV*, tập 8, tr. 319.

[130] [l] Sáu nguyên nhân khiển trách: Đã được trình bày chi tiết ở *Parivāra* (*Tập yếu*), tr. 1167 trong tập này; *TTPV*, tập 8, tr. 321.

[131] [m] Chiều dài sáu gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ: Đã được trích dẫn từ điều học *Pācittiya* 91 về chiều dài y tắm mưa của các Tỳ-khưu (ND).

[132] [n] Chiều rộng sáu gang tay: Đã được trích dẫn từ điều học *Pācittiya* 92 về chiều rộng của y đức Thiện Thệ (ND).

trường hợp đình chỉ việc nương nhờ ở thầy dạy học. [o][133] Sáu điều quy định thêm trong việc tắm. [p][134] Vị ra đi sau khi cầm lấy y chưa làm xong. [q][135] Vị ra đi sau khi mang theo y chưa làm xong.

2. Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị thành tựu vô học giới uẩn, là vị thành tựu vô học định uẩn, là vị thành tựu vô học tuệ uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.[136]

Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị tự mình thành tựu vô học giới uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giới uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học định uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học định uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học tuệ uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học tuệ uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học giải thoát uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị có đức tin, là vị có sự hổ thẹn [tội lỗi], là vị có sự ghê sợ [tội lỗi], là vị có sự tinh tấn đã được phát khởi, là vị có niệm đã được thiết lập, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về quan điểm ở quan điểm cực đoan, là vị nghe nhiều, là vị có trí tuệ, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng chăm sóc hoặc kiếm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, [có khả năng] khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải [khi đệ tử hay học trò] có sự không hoan hỷ, [có khả năng] giải tỏa hoặc nhờ vị khác giải tỏa đúng theo pháp [khi đệ tử hay học trò] có mối nghi ngờ sanh khởi, là vị biết về sự phạm tội, là vị biết cách thoát khỏi tội, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

---

[133] [o] Sáu trường hợp đình chỉ nương nhờ ở thầy dạy học. Xem tr. 80 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương I, tr. 157.

[134] [p] Sáu điều quy định thêm trong việc tắm được ghi lại ở điều học *Pācittiya* 57 của Tỳ-khưu: "'Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng' và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy là hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xa, trường hợp mưa gió" (*VinA*. VII. 1340).

[135] [q] Sáu trường hợp cầm lấy và sáu trường hợp mang theo. Hai nhóm sáu này được đề cập chi tiết ở tr. 329-30 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VII, tr. 119-21.

[136] Các nhóm sáu thuộc mục 2 này được đề cập ở tr. 84-7 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương I, tr. 165-71.

Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản, [có khả năng] để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, [có khả năng] để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, [có khả năng] để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã được sanh khởi cho đệ tử hay học trò, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo xác định theo từng điều hoặc từng từ ngữ; là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

3. Sáu sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp.

Sáu sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.[137]

Dứt "Nhóm sáu."

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Không kính trọng và kính trọng, đã được rèn luyện, sự đúng đắn, các nguồn sanh khởi luôn cả các sự cắt bớt, các biểu hiện với sự lợi ích.

2. Sáu trường hợp tối đa, sáu đêm, y, các thuốc nhuộm, do thân và do cả ý, do khẩu và do cả ý.

3. Do thân, khẩu và ý, hành sự luôn cả sự tranh cãi, sự khiển trách, chiều dài, chiều rộng với việc nương nhờ.

4. Sự chế định thêm, sau khi cầm lấy, sau khi mang đi là tương tợ y như thế, về các pháp của bậc Vô học, vị giúp cho đạt được, đức tin, tăng thượng giới, các vị bị bệnh, vị đã hành phận sự căn bản, các tội vi phạm, liên quan đến sai Pháp và đúng Pháp.

--ooOoo--

NHÓM BẢY

1. Bảy loại tội. Bảy nhóm tội. Bảy sự việc đã được rèn luyện. Bảy sự thực hành đúng đắn. [a][138] Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng

[137] Hai nhóm sáu này được đề cập ở tr. 218-29 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương IX, tr. 439-41.

[138] [a] Bảy sự thực hành đúng đắn: Gồm nhóm sáu đã được trình bày ở trên và thêm vào câu "*ayaṃ tattha sāmīci*" thứ bảy được thấy ở phần tổng kết giới *Saṅghādisesa* của Tỳ-khưu-ni (*VinA*. VII. 1340).

Pháp. Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp. [b][139] Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người. [c][140] Bảy điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật. [d][141] Bảy điều tối đa. Khi rạng đông vào ngày thứ bảy bị phạm vào *Nissaggiya*. [e][142] Bảy cách dàn xếp. Bảy hành sự. [f][143] Bảy loại hạt chưa xay. [g][144] Chiều rộng là bảy [gang] ở bên trong. [h][145] Bảy điều quy định thêm về bữa ăn dâng theo nhóm. [i][146] Sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày. [j][147] Vị ra đi cầm lấy y đã làm xong. Vị ra đi mang theo y đã làm xong. [k][148] Tội của vị Tỳ-khưu không cần phải được nhìn nhận. [l][149] Tội của vị Tỳ-khưu cần phải được nhìn nhận. Tội của vị Tỳ-khưu cần phải được sửa chữa. Bảy sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Bảy sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

2. Vị Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; có giới sống thu thúc trong sự thu thúc của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

3. Vị Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; nghe

---

[139] [b] Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng Pháp và đúng Pháp. Xem tr. 177-79 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương IV, tr. 359-61.

[140] [c] Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, mẹ và cha. Xem tr. 182 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương III, tr. 369.

[141] [d] Bảy điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: Gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 1248 thêm vào hai chi tiết: "Lễ *Uposatha* và lễ *Pavāraṇā* là phần trách nhiệm của vị ấy" (*VinA*. VII. 1341).

[142] [e] Xem điều học *Nissaggiya Pācittiya* 29 (ND).

[143] [f] Bảy loại hành sự: Là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, hành sự án treo vì không nhìn nhận tội, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi và thứ bảy là hành sự án treo vì không chịu từ bỏ tà kiến ác (ND).

[144] [g] Bảy loại hạt chưa xay: Là lúa gạo sālī, lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu, hạt kudrūsaka (bắp?) được đề cập ở điều *Pācittiya* 7 của Tỳ-khưu-ni (ND).

[145] [h] Chiều rộng là bảy [gang] ở bên trong: Được trích dẫn từ điều học *Saṅghādisesa* 6 về việc xây dựng cốc liêu của Tỳ-khưu (ND).

[146] [i] Bảy điều quy định thêm về bữa ăn dâng theo nhóm. Xem điều học *Pācittiya* 32 của Tỳ-khưu (ND).

[147] [j] Sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày. Xem điều *Nissaggiya Pācittiya* 23 của Tỳ-khưu.

[148] [k] Bảy trường hợp cầm lấy và bảy trường hợp mang theo: Hai nhóm bảy này được đề cập chi tiết ở tr. 328-29 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VII, tr. 115-19.

[149] [l] Tội của vị Tỳ-khưu không cần phải được nhìn nhận: Nhóm bảy này và hai nhóm bảy kế được đề cập chi tiết ở tr. 415-17 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương IX, tr. 267-71.

nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức tương tợ như thế được nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

4. Vị Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

5. Vị Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; vị [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: "Vào kiếp sống ấy, ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, kinh nghiệm khổ và lạc như vầy, có tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, kinh nghiệm khổ và lạc như vầy, có tuổi thọ như vầy. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này", như thế vị [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương.

Với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ, vị [ấy] biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: "Quả đúng như vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động xấu xa bằng thân, có hành động xấu xa bằng lời nói, có suy nghĩ xấu xa bằng ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động

tốt đẹp bằng thân, có hành động tốt đẹp bằng lời nói, có suy nghĩ tốt đẹp bằng ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ được sanh vào chốn an vui, cõi trời, trần thế." Như thế, với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ, vị [ấy] biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng.

Và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

6. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; có giới...(nt)... thọ trì và thực hành trong các điều học; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

7. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; nghe nhiều, ...(nt)... , được khéo phân tích bằng sự hiểu biết; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại, có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

8. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

9. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; vị [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ...(nt)... như thế, vị [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương. Với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến

chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ, vị [ấy] biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng...(nt)...; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

10. Bảy pháp không tốt đẹp: Là không có đức tin, không hổ thẹn [tội lỗi], không ghê sợ [tội lỗi], ít nghe, biếng nhác, có niệm bị quên lãng, có tuệ kém.

11. Bảy pháp tốt đẹp: Là có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], nghe nhiều, có sự tinh tấn đã được phát khởi, có niệm đã được thiết lập, có trí tuệ.

Dứt "Nhóm bảy."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Loại tội, các nhóm tội, đã được rèn luyện, sự đúng đắn, sai Pháp và đúng Pháp, sự không phạm tội và bảy ngày.

2. Lợi ích và các trường hợp tối đa, lúc rạng đông với cách dàn xếp, các hành sự và các loại hạt chưa xay, chiều rộng, về việc ăn theo nhóm.

3. Tối đa là bảy ngày, sau khi cầm lấy và sau khi mang theo là tương tợ y như thế, không nên và nên, các trường hợp sai Pháp và đúng Pháp.

4. Bốn hạng nắm vững về Luật, bốn hạng Tỳ-khưu sáng chói luôn cả bảy pháp không tốt đẹp và bảy pháp tốt đẹp đã được giảng giải.

--ooOoo--

NHÓM TÁM

Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy trong việc không nhìn nhận tội. [a][150] Vị nhận thức được tám điều lợi ích nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vị khác. [b][151] Tám tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba. [c][152] Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện. [d][153] Tám tiêu đề về việc phát sanh y. [e][154] Tám tiêu đề về việc hết hiệu

---

[150] [a] Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy trong việc không nhìn nhận tội: Được đề cập ở tr. 449-50 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương X, tr. 329-31.

[151] [b] Vị nhận thức được tám điều lợi ích nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vị khác. Xem *Sđd.* tr. 331-33.

[152] [c] Tám tội vi phạm khi được nhắc nhở cho đến lần thứ ba: Là các tội *Saṅghādisesa* 10, 11, 12, 13 của Tỳ-khưu và 7, 8, 9, 10 của Tỳ-khưu-ni (*VinA.* VII. 1341).

[153] [d] Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện: Là với bông hoa, hoặc với trái cây, hoặc với bột tắm, hoặc với đất sét, hoặc với gỗ chà răng, hoặc với tre, hoặc bằng cách thức chữa bệnh, hoặc bằng cách đi bộ đưa tin (*Sđd.*). Xem điều học *Saṅghādisesa* 13 của Tỳ-khưu.

[154] [e] Tám tiêu đề về việc phát sanh y: [Thí chủ] dâng trong ranh giới, dâng theo sự thỏa thuận, dâng theo sự thông báo về vật thực, dâng đến hội chúng, dâng đến cả hai hội chúng (Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni), dâng đến hội chúng đã sống qua mùa [an cư] mưa, dâng sau khi đã thông báo, dâng đến cá nhân. Xem tr. 395 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VIII, tr. 233.

lực của *Kaṭhina*. [f][155] Tám loại thức uống. [g][156] Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. [h][157] Tám pháp của thế gian. Tám trọng pháp. [i][158] Tám tội *Pāṭidesanīya*. Lời nói dối có tám chi phần. [j][159] Tám chi phần của ngày *Uposatha* (Bát quan trai giới). Tám chi phần của người sứ giả. [k][160] Tám cách thực hành của ngoại đạo. Tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả. [l][161] Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này. [m][162] Tám vật không phải là đồ thừa. Tám vật là đồ thừa. [n][163] Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào *Nissaggiya*. [o][164] Tám tội *Pārājika*. Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám nên bị trục xuất. [p][165] [Tội] đã được trình ra và chưa được trình ra bởi vị Ni làm đầy đủ sự việc thứ tám. Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo. [q][166] Nên đứng dậy đối với tám [vị Ni thâm niên]. Chỗ ngồi nên dành cho tám [vị Ni thâm niên]. [r][167] Vị nữ cư sĩ thỉnh cầu tám điều ước muốn. [s][168] Vị Tỳ-khưu có tám yếu tố nên được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-

[155] [f] Tám tiêu đề về việc hết hiệu lực của *Kaṭhina*: Do sự ra đi, do y được hoàn tất, do tự mình dứt khoát, do bị mất, do nghe được tin, do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một lúc (*Sđd.*, chương VII, tr. 115).

[156] [g] Tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước dâu (*Sđd.*, chương VI, tr. 97).

[157] [h] Devadatta bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp: Là lợi lộc, không lợi lộc, danh vọng, không danh vọng, sự trọng vọng, sự không trọng vọng, ước muốn xấu xa, bạn bè xấu xa. Xem tr. 833 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương VII, tr. 315.

[158] [i] Tám trọng pháp của Tỳ-khưu-ni. Xem chi tiết ở *Sđd.*, chương X, tr. 473-75.

[159] [j] Lời nói dối có tám chi phần. Xem chi tiết ở điều học *Pācittiya* thứ nhất của Tỳ-khưu.

[160] [k] Tám chi phần của người sứ giả: Là người lắng nghe, là người làm cho [kẻ khác] lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho [kẻ khác] có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người gây nên các sự tranh cãi (*Sđd.*, chương VII, tr. 313).

[161] [l] Tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả. Xem chi tiết ở *Sđd.*, chương IX, tr. 427-31.

[162] [m] Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này. Xem chi tiết ở *Sđd.*, chương IX, tr. 431-35.

[163] [n] Tám vật không phải là đồ thừa và tám vật là đồ thừa: Được đề cập ở điều học *Pācittiya* 35 của Tỳ-khưu, phần định nghĩa từ.

[164] [o] Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào *Nissaggiya*: Liên quan đến điều học *Nissaggiya Pācittiya* 23 về năm loại dược phẩm.

[165] [p] Điều học *Pārājika* thứ tám của Tỳ-khưu-ni đề cập đến tám hành động của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng đối với người nam là sự nắm lấy cánh tay [của người nam], sự nắm lại lấy chéo áo choàng, đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, thích thú sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kề sát cơ thể nhằm mục đích xúc chạm cơ thể. Vị Tỳ-khưu-ni làm đủ tám hành động này phạm *Pārājika* nên bị trục xuất.

[166] [q] Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo: Đề cập đến sự tu lên bậc trên của Tỳ-khưu-ni ở cả hai hội chúng Tỳ-khưu-ni và Tỳ-khưu.

[167] [r] Chỗ ngồi nên dành cho tám [vị Ni thâm niên]: Được đề cập ở *Sđd.*, chương X, tr. 521.

[168] [s] Vị nữ cư sĩ thỉnh cầu tám điều ước muốn: Vị này là nữ cư sĩ Visākhā (*VinA*. VII. 1342). Bà đã thỉnh cầu đức Phật để dâng vải choàng [tắm] mưa đến hội chúng, dâng thức ăn dành cho vị đi đến, dâng thức ăn dành cho vị ra đi, dâng thức ăn dành cho vị bị bệnh, dâng thức ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dâng dược phẩm dành cho vị bị bệnh, dâng cháo hàng ngày, dâng vải choàng tắm đến hội chúng Tỳ-khưu-ni đến trọn đời. Xem tr. 375-77 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VIII, tr. 199-201.

khưu-ni. [t][169] Tám điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật. [u][170] Tám điều tối đa. Vị Tỳ-khưu đã được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp. [v][171] Tám sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Tám sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Dứt "Nhóm tám."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Không phải vị Tỳ-khưu ấy, luôn cả đối với các vị khác, cho đến lần thứ ba, các sự làm hư hỏng, các tiêu đề [về y], các sự thu hồi *Kaṭhina*, các thức uống và vị bị ngự trị.

2. [Tám] pháp thế gian, [tám] trọng pháp, [tám] tội *Pāṭidesanīya*, [tám] sự nói dối, các ngày trai giới và [tám] điều của sứ giả, [tám cách thực hành của] ngoại đạo và [của] biển cả.

3. [Tám điều] phi thường, [tám vật] không phải là đồ thừa, đồ thừa, tội *Nissaggiya*, tội *Pārājika*, [làm] sự việc thứ tám, đã không được trình ra, sự tu lên bậc trên.

4. Sự đứng dậy, luôn cả chỗ ngồi, điều ước muốn, vị giáo giới, các điều lợi ích, [tám] điều tối đa, sự thực hành trong tám pháp, sai Pháp, đúng Pháp và các nhóm tám pháp đã được khéo trình bày.

--ooOoo--

NHÓM CHÍN

Chín sự việc gây nóng giận. [a][172] Chín cách đối trị sự nóng giận. Chín sự việc đã được rèn luyện. [b][173] Chín trường hợp bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm. [c][174] Hội chúng bị chia rẽ với chín [vị Tỳ-khưu]. [d][175] Chín vật thực

---

[169] [t] Tám yếu tố của vị Tỳ-khưu nên được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni: Được đề cập chi tiết ở điều học *Pācittiya* 21 của Tỳ-khưu.

[170] [u] Tám điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: Gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở tr. 63, thêm vào ba chi tiết là "lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā* và hành sự của hội chúng, là phần trách nhiệm của vị ấy" (*VinA*. VII. 1342).

[171] [v] Vị Tỳ-khưu đã được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp: Không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, [hoặc] không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên bảo tránh lối đi, không nên quở trách, không nên nhắc nhở [vị Tỳ-khưu trong sạch], không nên tạo bè phái với các Tỳ-khưu (*Sđd.*).

[172] [a] Chín sự việc gây nóng giận và chín cách đối trị sự nóng giận được đề cập đến ở *D*. 33, *Saṅgītisuttaṃ* (*Kinh Phúng tụng*) và *A*. IV. 351, chương IX, Chín pháp.

[173] [b] Chín sự việc đã được rèn luyện: Sự hạn chế, kiềm chế, tự chế, chặt đứt sự tiếp nối với chín sự việc gây nóng giận (*VinA*. VII. 1342).

[174] [c] Chín trường hợp bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm: Là chín tội *Saṅghādisesa* từ 1 đến 9 của Tỳ-khưu.

[175] [d] Hội chúng bị chia rẽ với chín [vị Tỳ-khưu]: Là câu trả lời của đức Phật cho Đại đức Upāli về việc chia rẽ hội chúng. Xem tr. 836 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương VII, tr. 321.

hảo hạng. [e][176] Tội *Dukkaṭa* với chín loại thịt. Chín cách đọc tụng Giới bổn. [f][177] Chín điều tối đa. Chín pháp là gốc của tham ái. [g][178] Chín cách ngã mạn. [h][179] Chín loại y được chú nguyện để dùng riêng. [i][180] Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung. [j][181] Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ. [k][182] Chín sự bố thí sai Pháp. [l][183] Chín sự thọ lãnh sai Pháp. Chín sự thọ dụng sai Pháp. Ba sự bố thí đúng Pháp, ba sự thọ lãnh đúng Pháp, ba sự thọ dụng đúng Pháp. Chín nhận thức sai Pháp. Chín nhận thức đúng Pháp. [m][184] Hai nhóm chín về hành sự sai Pháp. Hai nhóm chín về hành sự đúng Pháp. [n][185] Chín sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Chín sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Dứt "Nhóm chín."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. [Chín] sự việc gây nóng giận, cách đối trị, đã được rèn luyện và lúc vừa mới vi phạm, bị chia rẽ, [vật thực] hảo hạng, thịt, cách đọc tụng và [chín] điều tối đa.

---

[176] [e] Chín vật thực hảo hạng: Đã được đề cập đến ở điều học *Pācittiya* 39 của Tỳ-khưu là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá, thịt, sữa tươi và sữa đông.

[177] [f] Chín cách đọc tụng Giới bổn: Tức là năm cách áp dụng cho Tỳ-khưu và bốn cách áp dụng cho Tỳ-khưu-ni (ND).

[178] [g] Chín pháp là gốc của tham ái: Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: "Tầm cầu do duyên tham ái, đạt được do duyên tìm cầu, quyết định do duyên đạt được, tham dục do duyên quyết định, vướng mắc do duyên tham dục, nắm giữ do duyên vướng mắc, bỏn xẻn do duyên nắm giữ, bảo vệ do duyên bỏn xẻn, do duyên bảo vệ có các sự tranh chấp bằng cách cầm gậy, cầm kiếm, cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, nói ác độc, nói dối (*VinA*. VII. 1342-43). Xem *D*. 15, *Mahānidānasuttaṃ* (*Kinh Đại duyên*).

[179] [h] Chín cách ngã mạn: Là so sánh hơn, bằng và thua theo chín cách.

[180] [i] Chín loại y được chú nguyện để dùng riêng: Là ba y và sáu loại y khác nữa là vải choàng tắm mưa, vật lót ngồi, tấm trải nằm, y đắp ghẻ, khăn lau mặt, miếng vải phụ tùng. Xem tr. 382 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VIII, tr. 209.

[181] [j] Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung: Do đã được chú nguyện để dùng riêng vào thời kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dùng chung (*VinA*. VII. 1343).

[182] [k] Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ: Câu này được trích dẫn từ điều học *Pācittiya* 92 về chiều dài y của đức Thiện Thệ (ND).

[183] [l] Chín sự bố thí sai Pháp: Ngài Buddhaghosa giải thích là "vật đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, lại thuyết phục dâng cho hội chúng khác hoặc bảo tháp, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, lại thuyết phục dâng đến bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định là dâng cho cá nhân, lại thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoặc hội chúng, hoặc bảo tháp" (*Sđd*.). Vấn đề này được đề cập ở điều học *Pācittiya* 82 của Tỳ-khưu. Chín sự thọ lãnh sai Pháp và chín sự thọ dụng sai Pháp là có liên quan đến chín sự bố thí sai pháp này.
- Ba sự bố thí đúng Pháp: Là dâng đến hội chúng vật được dành cho hội chúng, dâng đến bảo tháp vật được dành cho bảo tháp, dâng đến cá nhân vật được dành cho cá nhân. Về sự thọ lãnh và thọ dụng đúng Pháp là sự thọ lãnh và sự thọ dụng của các vật này (*Sđd*.).

[184] [m] Chín nhận thức sai Pháp và chín nhận thức đúng Pháp: Được đề cập ở tr. 653-56 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv*. I, chương IV, tr. 333-37.

[185] [n] Hai nhóm chín về hành sự sai Pháp và hai nhóm chín về hành sự đúng Pháp: Được đề cập ở điều *Pācittiya* 21 của Tỳ-khưu (*VinA*. VII. 1343).

2. [Chín gốc của] tham ái, ngã mạn, [chín] sự chú nguyện, chú nguyện để dùng chung, [chín] gang tay, sự bố thí, sự thọ lãnh, sự thọ dụng, ba cách, rồi các cách đúng Pháp.

3. Sai Pháp và đúng Pháp, sự nhận thức có hai nhóm, có hai nhóm chín và [chín] sự đình chỉ Giới bổn sai Pháp.

--ooOoo--

NHÓM MƯỜI

1. Mười sự việc gây nóng giận. Mười cách đối trị sự nóng giận. Mười sự việc đã được rèn luyện. Mười tà kiến căn bản. [o][186] Mười chánh kiến căn bản. [p][187] Mười hữu biên kiến. [q][188] Mười sự sai trái. [r][189] Mười sự chân chánh. Mười đường lối của nghiệp bất thiện. [s][190] Mười đường lối của nghiệp thiện. Mười cách phân phát thẻ sai Pháp. Mười cách phân phát thẻ đúng Pháp. [t][191] Mười điều học của các Sa-di. [u][192] Vị Sa-di có mười yếu tố nên bị trục xuất. [v][193]

2. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có mười điều: Vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác rồi cho thực hiện [hành sự] sai Pháp, với sự không khẳng định, không biết về tội, không biết về nền tảng của tội, không biết về nhân sanh tội, không biết về sự đoạn diệt của tội, không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có mười điều: Vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đưa ra sự giới hạn cho

---

[186] [o] Mười tà kiến căn bản: Là không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại (*D.* 2, *Sāmaññaphalasuttaṃ* (*Kinh Sa-môn quả*) lời dịch của HT. Thích Minh Châu).

[187] [p] Mười chánh kiến căn bản: Được hiểu đối nghịch lại (*VinA.* VII. 1343).

[188] [q] Mười hữu biên kiến: [Có phải] thế giới là vĩnh viễn? [Có phải] thế giới là không vĩnh viễn? [Có phải] thế giới là hữu biên? [Có phải] thế giới là vô biên? [Có phải] mạng sống và thân thể là chung? [Có phải] mạng sống và thân thể là khác biệt? Như Lai còn tồn tại sau khi chết? Như Lai không còn tồn tại sau khi chết? Như Lai còn và không còn tồn tại sau chết? Như Lai không phải còn tồn tại và cũng không phải không tồn tại sau khi chết? (*Aṅguttaranikāya* (*Kinh Tăng chi*), pháp 10 chi, phẩm Upāli).

[189] [r] Mười sự sai trái: Là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ,... tà trí, tà giải thoát. Mười sự chân chánh có ý nghĩa đối nghịch lại (*VinA.* VII. 1343).

[190] [s] Mười đường lối của nghiệp bất thiện: Thân có ba nghiệp: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, khẩu có bốn, ý có ba. Mười đường lối của nghiệp thiện có ý nghĩa đối nghịch lại.

[191] [t] Mười cách phân phát thẻ sai Pháp và mười cách phân phát thẻ đúng Pháp được đề cập ở tr. 669 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv.* I, chương IV, tr. 363.

[192] [u] Mười điều học của các Sa-di: Được đề cập ở tr. 103 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương I, tr. 209.

[193] [v] Vị Sa-di có mười yếu tố nên bị trục xuất: Được đề cập ở *Sđd.*, tr. 213.

lời nói của người khác rồi cho thực hiện [hành sự] đúng Pháp, với sự khẳng định, biết về tội, biết về nền tảng của tội, biết về nhân sanh tội, biết về sự đoạn diệt của tội, biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

3. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nền tảng của tranh tụng, không biết về nhân sanh của tranh tụng, không biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng, không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về điều quy định thêm, không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có mười điều: Vị biết về sự tranh tụng, biết về nền tảng của tranh tụng, biết về nhân sanh của tranh tụng, biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng, biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về điều quy định thêm, biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

4. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về lời đề nghị, không biết cách thực hiện với lời đề nghị, không thiện xảo về phần [cần trình bày] đầu tiên, không thiện xảo về các phần kế tiếp, không biết về thời điểm, không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, không khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy và không khéo chăm chú không khéo suy xét.

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có mười điều: Vị biết về lời đề nghị, biết cách thực hiện với lời đề nghị, thiện xảo về phần [cần trình bày] đầu tiên, thiện xảo về các phần kế tiếp, biết về thời điểm, biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết tội xấu xa hay không xấu xa, khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy và khéo chăm chú khéo suy xét.

5. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu dốt" khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; không biết tội nhẹ hay nặng; không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; không biết tội nhẹ hay nặng; không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biết tội xấu xa hay không xấu xa; không khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có mười điều: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; biết tội nhẹ hay nặng; biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích,

khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; biết về sự phạm tội hay không phạm tội; biết tội nhẹ hay nặng; biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

6. Vị Tỳ-khưu có mười yếu tố nên được chỉ định làm vị đại biểu. Đức Như Lai quy định điều học cho các Thinh văn vì mười điều lợi ích. [a][194] Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. [b][195] Mười vật bố thí. [c][196] Mười loại báu vật. [d][197] Hội chúng Tỳ-khưu nhóm mười vị. Nên cho tu lên bậc trên với tập thể là nhóm mười vị. Mười loại vải *paṃsukūla*. [e][198] Mười loại y và cách sử dụng. [f][199] Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày. [g][200] Mười loại tinh dịch. [h][201] Mười hạng người nữ. Mười hạng vợ. [i][202] Mười sự việc được công bố ở thành Vesālī. [j][203]

Mười hạng người không nên đảnh lễ. [k][204] Mười biểu hiện của sự mắng nhiếc. [l][205] Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện. [m][206] Mười loại sàng tọa. [n][207] Họ đã yêu cầu mười điều ước muốn. [o][208] Mười sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Mười sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

---

[194] [a] Mười điều lợi ích về việc quy định điều học. Xem ở điều học *Pārājika* thứ nhất, *Pārājikapāḷi* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu*), *TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 34; *TTPV*, tập 1, tr. 49.

[195] [b] Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Xem ở điều học *Pācittiya* 83 của Tỳ-khưu.

[196] [c] Mười vật bố thí: Cơm, nước, vải, xe cộ, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ trú ngụ, đèn (*VinA*. VII. 1344).

[197] [d] Mười loại báu vật: Là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, vỏ sò, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo. Xem tr. 883 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương IX, tr. 431.

[198] [e] Mười loại vải *paṃsukūla*: Loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiệm, bị chuột gặm, bị mối nhấm, bị lửa cháy, loại bị bò nhai, bị dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc về lễ đăng quang [của đức vua], vải dành cho tôi tớ (*VinA*. VII. 1344). Mười loại vải *paṃsukūla* này đã được trình bày cũng trong tập này ở tr. 51.

[199] [f] Mười loại y: Gồm có chín loại y đã được kể ở phần nhóm chín thêm vào vải choàng tắm hay áo lót của Tỳ-khưu-ni là mười (*VinA*. VII. 1344).

[200] [g] Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày. Xem điều học *Nissaggiya Pācittiya* thứ nhất của Tỳ-khưu.

[201] [h] Mười loại tinh dịch. Xem điều học *Saṅghādisesa* thứ nhất của Tỳ-khưu.

[202] [i] Mười hạng người nữ và mười hạng vợ. Xem điều học *Saṅghādisesa* 5 của Tỳ-khưu.

[203] [j] Mười sự việc được công bố ở thành Vesālī: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành *Uposatha* riêng rẽ, được phép hành sự không đủ Tỳ-khưu, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc. Xem tr. 951 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương XII, tr. 567.

[204] [k] Mười hạng người không nên đảnh lễ: Được đề cập ở *Sdd*., chương VI, tr. 179.

[205] [l] Mười sự việc của sự mắng nhiếc: Được đề cập ở điều học *Pācittiya* 2 của Tỳ-khưu.

[206] [m] Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện: Được đề cập ở điều học *Pācittiya* 3 của Tỳ-khưu.

[207] [n] Mười loại sàng tọa: Giường ghế, gối, nệm, tấm lót nền, vải phủ giường ghế, thảm trải nền, tấm da thú, tấm lót ngồi, thảm cỏ, thảm lá (*VinA*. VII. 1344).

[208] [o] Họ đã yêu cầu mười điều ước muốn: Là tám điều ước muốn do bà Visākhā thỉnh cầu, một điều do đức Vua Suddhodana yêu cầu về việc xuất gia phải có phép của cha mẹ và một do thầy thuốc Jīvaka xin đức Phật cho phép các Tỳ-khưu được phép nhận y của gia chủ cúng dường (*Sdd*.).

Mười điều lợi ích của cháo. [p][209] Mười loại thịt không được phép. [q][210] Mười điều tối đa. Vị Tỳ-khưu mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. Vị Tỳ-khưu-ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho Sa-di-ni phục vụ. [r][211] Sự đồng ý về việc tiếp độ nên được chấp thuận cho vị Tỳ-khưu-ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực. Sự học tập nên được ban cho đến người nữ đã kết hôn khi mười tuổi.

Dứt "Nhóm mười."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. [Mười] sự việc gây nóng giận, cách đối trị, [mười] sự việc [đã được rèn luyện], tà và chánh, [mười] hữu biên [kiến], [mười] sự sai trái, luôn cả [mười] sự đúng đắn, [mười] nghiệp thiện và cả bất thiện nữa.

2. [Mười] cách phân phát thẻ sai Pháp và đúng Pháp, Sa-di, sự trục xuất, lời nói, luôn cả [mười] sự tranh tụng, sự quy định, luôn cả [tội] nhẹ nữa.

3. Các tội nhẹ nặng này, các vị hãy biết tối và sáng, [mười] yếu tố về đại biểu, [mười] điều học, ở hậu cung, các sự việc.

4. Báu vật, nhóm mười, các sự tu lên bậc trên là tương tợ y như thế, [mười loại] vải *paṃsukūla*, [mười] cách sử dụng y, mười ngày, tinh dịch và [mười] hạng người nữ.

5. [Mười] hạng vợ, mười sự việc, không đảnh lễ, với sự mắng nhiếc, luôn cả các sự đâm thọc, các sàng tọa, [mười] điều ước muốn và các sự sai Pháp.

6. Các sự đúng Pháp, cháo và thịt, [mười] điều tối đa, vị Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu-ni, các sự tiếp độ, các người nữ đã kết hôn, nhóm mười đã khéo được giảng giải.

--ooOoo--

NHÓM MƯỜI MỘT

1. Mười một hạng người chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã được tu lên bậc trên thì nên trục xuất. [a][212] Mười một loại giày

[209] [p] Mười điều lợi ích của cháo. Xem tr. 288 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VI, tr. 45.

[210] [q] Mười loại thịt không được phép: Là thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (*Sđd*., tr. 39-43).

[211] [r] Ở điều này và điều kế, có sự lầm lẫn vì Tỳ-khưu-ni phải là "mười hai năm" thâm niên mới có thể tiếp độ đệ tử, còn trường hợp "mười năm" là dành cho Tỳ-khưu (ND).

[212] [a] Mười một hạng người trên: Kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], kẻ bỏ theo ngoại đạo, loài thú, kẻ giết mẹ, kẻ giết cha, kẻ giết A-la-hán, kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, kẻ chia rẽ hội chúng, kẻ làm [đức Phật] chảy máu, kẻ lưỡng căn. Xem tr. 105-10 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương I, tr. 213-21.

không được phép. [b][213] Mười một loại bình bát không được phép. [c][214] Mười một loại y không được phép. [d][215] Mười một tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba. [e][216] Mười một pháp chướng ngại của Tỳ-khưu-ni cần được hỏi. [f][217] Mười một loại y được chú nguyện để dùng riêng. [g][218] Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung. [h][219] Khi rạng đông của ngày thứ mười một thì phạm vào *Nissaggiya*. Mười một loại khóa thắt lưng được phép. Mười một loại hột nút được phép. [i][220] Mười một loại đất không được phép. Mười một loại đất được phép. [j][221] Mười một trường hợp đình chỉ việc nương nhờ. [k][222] Mười một hạng người không nên đảnh lễ. [l][223] Mười một điều tối đa. Họ đã yêu cầu mười một điều ước muốn. [m][224] Mười một sự sai trái của ranh giới. [n][225] Mười một tai họa là điều hiển nhiên cho người mắng nhiếc và người gièm pha.

---

[213] [b] Mười một loại giày không được phép: Là mười loại giày làm bằng vật quý giá: Làm bằng vàng, bằng bạc, bằng ngọc ma-ni, bằng đá quý, bằng pha lê, bằng đồng đỏ, bằng thủy tinh, bằng thiếc, bằng chì, bằng đồng thau và loại giày làm bằng gỗ là mười một (*VinA*. VII. 1344).

[214] [c] Mười một loại bình bát không được phép: Là loại bình bát bằng đồng đỏ hay bằng gỗ và mười loại bình bát làm bằng vật quý giá (*Sđd.*).

[215] [d] Mười một loại y không được phép: Y toàn màu xanh, y toàn màu vàng, y toàn màu đỏ [máu], y toàn màu tím, y toàn màu đen, y toàn màu đỏ tía, y toàn màu hồng, y không cắt đường viền, y có đường viền rộng, y có đường viền vẽ bông hoa, y có đường viền vẽ hình rắn hổ mang. Xem tr. 391 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VIII, tr. 225.

[216] [e] Mười một tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba: Là tội *Pārājika* 3 của Tỳ-khưu-ni, 8 tội *Saṅghādisesa*, tội *Pācittiya* 68 về Tỳ-khưu Ariṭṭha và tội *Pācittiya* 36 của Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī (*VinA*. VII. 1344).

[217] [f] Mười một pháp chướng ngại của Tỳ-khưu-ni cần được hỏi: "Cô không phải là người không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bị băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người nữ vô căn? Cô không phải là người lại đực? Cô không phải là người tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn?" Xem tr. 922 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương X, tr. 513.

[218] [g] Mười một loại y được chú nguyện để dùng riêng: Ba y, y tắm mưa, tọa cụ, ngọa cụ, y đắp ghẻ, khăn lau mặt, y phụ thuộc, vải choàng tắm và áo lót của Tỳ-khưu-ni (*VinA*. VII. 1345).

[219] [h] Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung: Do đã được chú nguyện để dùng riêng trong thời kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dùng chung (*Sđd.*).

[220] [i] Mười một loại hột nút được phép: Là các hột nút được làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng chỉ sợi. Xem tr. 745 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương V, tr. 95.

[221] [j] Mười một loại đất không được phép và mười một loại đất được phép: Ngài Buddhaghosa giải thích là được đề cập ở điều học *Pācittiya* 10 (*VinA*. VII. 1345); tuy nhiên ở đây chỉ có hai loại đất được nêu ra là đất màu mỡ và đất không màu mỡ.

[222] [k] Mười một trường hợp đình chỉ việc nương nhờ: Là năm đối với thầy tế độ, sáu đối với thầy dạy học (*Sđd.*).

[223] [l] Mười một hạng người không nên đảnh lễ: Thêm vị lõa thể là mười một. Mười hạng đã được trình bày ở nhóm mười (*Sđd.*).

[224] [m] Họ đã yêu cầu mười một điều ước muốn: Ngài Buddhaghosa giảng rằng điều ước muốn thứ mười một là của bà Mahāpajāpati Gotamī yêu cầu việc các Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni thực hành phận sự thích hợp là sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp tính theo thâm niên (xem tr. 907 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương X, tr. 479); nhưng điều này đã bị đức Phật từ chối (*VinA*. VII. 1345).

[225] [n] Mười một sự sai trái của ranh giới: Được trình bày không liên tục ở phần thực hiện ranh giới bắt đầu với việc ấn định ranh giới quá nhỏ, v.v... Xem tr. 131 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương II, tr. 263.

2. Khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đều đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nền tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mãn, mười một điều lợi ích là điều hiển nhiên: Ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy ác mộng, được mọi người thương mến, được các phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc chất độc hoặc vũ khí không xâm phạm vị ấy, tâm được nhập định nhanh chóng, sắc mặt được an tịnh, không mê mờ khi từ trần, trong khi không thể nhập được trạng thái cao thượng [phẩm vị A-la-hán] thì đi đến thế giới Phạm thiên; khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đều đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nền tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mãn, mười một điều lợi ích này là điều hiển nhiên.

Dứt "Nhóm mười một."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Các hạng nên trục xuất, các loại giày, các bình bát, các y, lần thứ ba, các điều nên hỏi, các sự chú nguyện dùng riêng và dùng chung.

2. Lúc rạng đông, các khóa thắt lưng, các hột nút, các điều không được phép và được phép, việc nương nhờ, luôn cả các hạng không nên đảnh lễ, các điều tối đa, các điều ước muốn, các sự sai trái của ranh giới, các sự mắng nhiếc, với tâm từ là nhóm mười một đã được hoàn tất.

Dứt "Tăng theo từng bậc."

*****

TÓM LƯỢC CÁC CHƯƠNG NÀY:

1. Nhóm một, nhóm hai, luôn cả nhóm ba, bốn và nhóm năm, sáu, bảy, tám, nhóm chín, mười và nhóm mười một.

2. Vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, các điều tăng theo từng bậc không ô nhiễm đã được thuyết giảng bởi đấng Đại Hùng, bậc Hiểu Pháp như thế ấy.

--ooOoo--

CÁC CÂU VẤN ĐÁP VỀ LỄ UPOSATHA V.V...

CÁC CÂU HỎI

1. Đối với hành sự *Uposatha*, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự *Pavāraṇā*, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự chỉ dạy, ...(nt)... Đối với hành sự xua đuổi, ...(nt)... Đối với hành sự hòa giải, ...(nt)... Đối với hành sự án treo, ...(nt)... Đối với việc ban cho hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... Đối với việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... Đối với việc ban cho hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... Đối với việc giải tội, ...(nt)... Đối với hành sự tu lên bậc trên, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

2. Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với việc thu hồi hành sự chỉ dạy, ...(nt)... Đối với việc thu hồi hành sự xua đuổi, ...(nt)... Đối với việc thu hồi hành sự hòa giải, ...(nt)... Đối với việc thu hồi hành sự án treo, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

3. Đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... Đối với [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, ...(nt)... Đối với cách dùng cỏ che lấp, ...(nt)... Đối với việc chỉ định vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về sự không vi phạm tội vì xa lìa ba y, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về ngọa cụ, ...(nt)... Đối với việc chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc, ...(nt)... Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận y khoác ngoài, ...(nt)... Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận bình bát, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về gậy, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về dây, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về gậy và dây, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

Dứt các câu hỏi.

*****

CÁC CÂU TRẢ LỜI

1. Đối với hành sự *Uposatha*, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

– Đối với hành sự *Uposatha*, sự hợp nhất là đầu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự hoàn tất là kết cuộc.

2. Đối với hành sự *Pavāraṇā*, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

– Đối với hành sự *Pavāraṇā*, sự hợp nhất là đầu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự hoàn tất là kết cuộc.

3. Đối với hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

– Đối với hành sự khiển trách, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

4. Đối với hành sự chỉ dạy, ...(nt)... Đối với hành sự xua đuổi, ...(nt)... Đối với hành sự hòa giải, ...(nt)... Đối với hành sự án treo, ...(nt)... Đối với việc ban cho hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... Đối với việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... Đối với việc ban cho hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... Đối với việc giải tội, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

5. Đối với hành sự tu lên bậc trên, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

– Đối với hành sự tu lên bậc trên, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

6. Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

– Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, sự thực hành phận sự đúng đắn là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

7. Đối với việc thu hồi hành sự chỉ dạy, ...(nt)... Đối với việc thu hồi hành sự xua đuổi, ...(nt)... Đối với việc thu hồi hành sự hòa giải, ...(nt)... Đối với việc thu hồi hành sự án treo, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

– Đối với việc thu hồi hành sự án treo, việc thực hành phận sự đúng đắn là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

8. Đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

– Đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

9. Đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... Đối với [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, ...(nt)... Đối với cách dùng cỏ che lấp, ...(nt)... Đối với việc chỉ định vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về sự không vi phạm tội vì xa lìa ba y, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về ngọa cụ, ...(nt)... Đối với việc chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc, ...(nt)... Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận y khoác ngoài, ...(nt)... Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận bình bát, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về gậy, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về dây, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về gậy và dây, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

– Đối với việc đồng ý về gậy và dây, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

Dứt các câu trả lời.

Dứt các câu vấn đáp về lễ *Uposatha*, v.v...

--ooOoo--

LỜI GIẢI THÍCH VỀ ĐIỀU LỢI ÍCH

1. Đức Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, [và] nhằm sự hỗ trợ của Luật.

2. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, điều ấy nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện. Điều nào nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh pháp. Điều nào nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, điều ấy nhằm sự hỗ trợ của Luật.

3. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh pháp. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự hỗ trợ của Luật.

4. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm

ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh pháp. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm sự hỗ trợ của Luật. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy là sự tốt đẹp cho hội chúng.

5. Điều nào nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, ...(nt)... Điều nào nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, ...(nt)... Điều nào nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, ...(nt)... Điều nào nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, ...(nt)... Điều nào nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Điều nào nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ...(nt)... Điều nào nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, ...(nt).

6. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy là sự tốt đẹp cho hội chúng. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh pháp.

Một trăm ý nghĩa, một trăm pháp và hai trăm điều diễn đạt, là bốn trăm trí trong lời giải thích về các điều lợi ích.

Dứt lời giải thích về điều lợi ích.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Trước tiên là về tám câu hỏi, thêm nữa là tám về các nhân duyên, mười sáu điều này là của các vị Tỳ-khưu và cũng là mười sáu điều của các Tỳ-khưu-ni.

2. Sự trùng lặp liên tục, các phần phân tích và luôn cả phần tăng theo từng bậc một, lễ *Pavāraṇā*, các phần liên quan đến điều lợi ích là phần tổng hợp thuộc về Luật *Đại phẩm*.

DỨT ĐẠI PHẨM

--ooOoo--

SƯU TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ

1. Sau khi đã đắp y một bên vai, sau khi đã chắp tay lại, lại còn có vẻ đang mong mỏi, vì sao ngươi đi đến nơi đây?

2. Các điều đã được quy định trong hai bộ Luật được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha*, các điều học ấy là có bao nhiêu, đã được quy định ở bao nhiêu thành phố?

3. Câu hỏi của ngươi hay, ngươi đã hỏi chí lý, quả vậy Ta sẽ giảng cho ngươi; như thế ngươi sẽ được tận tường.

4. Các điều đã được quy định trong hai bộ Luật được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha*, chúng gồm có ba trăm năm mươi điều, đã được quy định ở bảy thành phố.

5. Chúng đã được quy định ở bảy thành phố nào? Ngài ơi, xin Ngài hãy nói cho con. Sau khi đã lắng nghe lời nói chỉ dạy ấy, chúng con sẽ thực hành vì lợi ích cho chúng con.

6. Chúng đã được quy định ở thành Vesālī, thành Rājagaha, rồi thành Sāvatthi, thành Āḷavī, ở thành Kosambī, trong xứ sở Sakka và luôn cả ở Bhagga nữa.

7. Bao nhiêu đã được quy định ở thành Vesālī? Bao nhiêu đã được thực hiện ở thành Rājagaha? Bao nhiêu là ở thành Sāvatthi? Bao nhiêu đã được thực hiện ở thành Āḷavī?

8. Bao nhiêu đã được quy định ở thành Kosambī? Bao nhiêu được đề cập ở xứ Sakka? Bao nhiêu đã được quy định ở xứ Bhagga? Đã được con hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

9. Mười điều đã được quy định ở thành Vesālī, hai mươi mốt điều đã được thực hiện ở Rājagaha, tất cả hai trăm chín mươi bốn điều đã được thực hiện ở thành Sāvatthi.

10. Sáu điều đã được quy định ở thành Āḷavī, tám điều đã được quy định ở thành Kosambī, tám điều được đề cập ở xứ Sakka, ba điều đã được quy định ở xứ Bhagga.

11. Các điều đã được quy định ở thành Vesālī, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Chuyện đôi lứa, mạng người, pháp thượng nhân và phụ trội, màu đen.

12. Sự thực chứng, bữa ăn được thỉnh sau, tăm xỉa răng và nước, vị đạo sĩ lõa thể, mắng nhiếc ở các Tỳ-khưu-ni, mười điều này đã được thực hiện ở thành Vesālī.

13. Các điều nào đã được quy định ở Rājagaha, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Ở Rājagaha, lấy vật không được cho và luôn cả hai chuyện bôi nhọ.

14. Và còn hai việc chia rẽ, y nội, vàng bạc, chỉ sợi, với vị phàn nàn, đồ khất thực môi giới, vật thực chung nhóm, lúc sái giờ và việc đi thăm viếng, việc tắm, chưa đủ hai mươi [tuổi].

15. Sau khi đã cho y, đang hướng dẫn sự phục vụ, các điều này đã được thực hiện ở Rājagaha, trên đỉnh núi, sự du hành, là chính ở nơi ấy, với sự trao thỏa thuận, là hai mươi mốt.

16. Các điều nào đã được quy định ở thành Sāvatthi, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Bốn *Pārājika*, các điều *Saṅghādisesa* là mười sáu.

17. Và có hai điều *Aniyata*, ba mươi bốn điều *Nissaggiya* và luôn cả một trăm năm mươi sáu điều nhỏ nhặt được nói đến.

18. Và luôn cả mười tội đáng chê trách, bảy mươi hai điều *Sekhiya*, tất cả hai trăm chín mươi bốn điều là đã được thực hiện ở thành Sāvatthi.

19. Các điều nào đã được quy định ở thành Āḷavī, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Cốc liêu, tơ tằm, chỗ nằm, về việc đào, "Thiên nhân, hãy đi đi" và các vị tưới nước có sinh vật, sáu điều này đã được thực hiện ở thành Āḷavī.

20. Các điều nào đã được quy định ở thành Kosambī, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Trú xá lớn, khó dạy, [tránh né bằng] điều khác, cánh cửa lớn và men say, không tôn trọng, theo pháp, với việc uống sữa là thứ tám.

21. Các điều nào đã được quy định ở xứ Sakka, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Các lông cừu và bình bát, luôn cả việc giáo giới, dược phẩm.

22. Kim và luôn cả ở trong rừng, sáu điều này ở thành Kapilavatthu, làm sạch sẽ với nước, việc giáo giới được nói lên ở các Tỳ-khưu-ni.

23. Các điều nào đã được quy định ở xứ Bhagga, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Sau khi đốt lửa các vị sưởi ấm, dính thức ăn, cơm cặn.

24. Bốn điều *Pārājika*, *Saṅghādisesa* là có bảy, tám điều *Nissaggiya* và các điều nhỏ nhặt là ba mươi hai.

25. Hai điều đáng chê trách, ba điều *Sekhiya*, năm mươi sáu điều học đã được quy định bởi đức Phật, vị thân quyến mặt trời, ở sáu thành phố.

26. Hai trăm chín mươi bốn [điều học], tất cả đã được thực hiện ở thành Sāvatthi bởi đức Phật Gotama, có lòng bi mẫn, có danh tiếng.

*****

BỐN SỰ HƯ HỎNG

1. Điều gì chúng tôi hỏi, Ngài đã trả lời cho chúng tôi về mỗi một điều ấy được rõ ràng không có sai lệch. Tôi hỏi Ngài điều khác. Ngài ơi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

2. Tội nặng và cả tội nhẹ, còn dư sót, không còn dư sót, xấu xa và không xấu xa, những điều [được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba.

3. [Các tội] quy định chung và riêng, các sự hư hỏng, được làm lắng dịu với những dàn xếp nào? Xin Ngài hãy nói rõ tất cả các điều này. Ngài ơi, chúng tôi đang lắng nghe lời dạy của Ngài.

4. Những điều nào là nặng gồm có ba mươi mốt, ở đây có tám điều là không còn dư sót. Những tội nào là nặng, những tội ấy xấu xa; những tội nào xấu xa, chúng là sự hư hỏng về giới.

5. Tội *Pārājika*, tội *Saṅghādisesa* được đề cập đến là "sự hư hỏng về giới." Tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya* là tương tợ.

6. Tội *Dukkaṭa*, tội *Dubbhāsita* và tội vị mắng nhiếc, có ý định đùa giỡn, điều này đây được xác định là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

7. Các vị nắm lấy quan điểm đối nghịch, tôn vinh phi Chánh pháp, có tuệ kém, bị mê mờ che phủ, chê bai đấng Toàn Giác, điều này đây được xác định là sự hư hỏng về quan điểm.

8. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị thực hành việc mai mối. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị nói rằng: "Vị [Tỳ-khưu] nào sống trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán." Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị Tỳ-khưu yêu cầu các vật thực hảo hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị Tỳ-khưu không bị bệnh yêu cầu súp hoặc cơm vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực. Điều này đây được xác định là sự hư hỏng về nuôi mạng.

9. Mười một điều [nhắc nhở] cho đến lần thứ ba, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Các vị xu hướng theo kẻ bị án treo, tám điều [được nhắc nhở] cho đến lần ba, vị Ariṭṭha và vị Ni Caṇḍakālī; những điều này đây là [được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba.

*****

LIÊN QUAN VIỆC CẮT BỚT V.V...

1. Bao nhiêu điều liên quan việc cắt bớt? Bao nhiêu điều liên quan việc đập vỡ? Bao nhiêu điều liên quan việc móc ra? Bao nhiêu điều *Pācittiya* [chỉ vì nguyên nhân ấy] không điều nào khác?

2. Bao nhiêu sự đồng ý của các Tỳ-khưu? Bao nhiêu sự đúng đắn [trong trường hợp ấy]? Bao nhiêu điều tối đa? Bao nhiêu điều "dầu biết" đã được quy định bởi đức Phật, vị Thân Quyến Mặt Trời?

3. Sáu điều liên quan việc cắt bớt. Một điều liên quan việc đập vỡ. Một điều liên quan việc móc ra. Bốn điều *Pācittiya* [chỉ vì nguyên nhân ấy] không điều nào khác.

4. Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Bảy sự đúng đắn [trong trường hợp ấy]. Mười bốn điều "tối đa." Mười sáu điều "dầu biết" đã được quy định bởi đức Phật, vị Thân Quyến Mặt Trời.

*****

ĐIỀU KHÔNG QUY ĐỊNH CHUNG V.V...

1. Hai trăm hai mươi điều học của các Tỳ-khưu được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha.*

2. Ba trăm lẻ bốn điều học của các Tỳ-khưu-ni được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha.*

3. Của các vị Tỳ-khưu có bốn mươi sáu điều học là không được quy định chung với các Tỳ-khưu-ni. Của các Tỳ-khưu-ni có một trăm ba mươi điều là không được quy định chung với các vị Tỳ-khưu .

4. Một trăm bảy mươi sáu điều là không chung cho cả hai, một trăm bảy mươi bốn điều được thực hành bình đẳng cho cả hai [hội chúng].

5. Hai trăm hai mươi điều học của các vị Tỳ-khưu được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha*, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

6. Bốn điều *Pārājika*, *Saṅghādisesa* là mười ba, điều *Aniyata* có hai, đúng ba mươi điều *Nissaggiya* và chín mươi hai điều nhỏ nhặt, bốn điều *Pāṭidesanīya*, bảy mươi hai điều *Sekhiya.*

7. Và hai trăm hai mươi điều học này của các Tỳ-khưu được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha.*

8. Ba trăm lẻ bốn điều học của các Tỳ-khưu-ni được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha*, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

9. Tám điều *Pārājika*, *Saṅghādisesa* là mười bảy, đúng ba mươi điều *Nissaggiya* và luôn cả một trăm sáu mươi sáu điều được gọi là điều nhỏ nhặt.

10. Tám điều *Pāṭidesanīya*, bảy mươi hai điều *Sekhiya*, là ba trăm lẻ bốn; các điều học này là của các Tỳ-khưu-ni, được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha.*

11. Của các Tỳ-khưu có bốn mươi sáu điều học không được quy định chung với các Tỳ-khưu-ni, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

12. Sáu điều *Saṅghādisesa*, với hai điều *Aniyata* là tám, thêm mười hai điều *Nissaggiya*, chúng với các điều ấy là hai mươi điều.

13. Hai mươi hai điều nhỏ nhặt, bốn điều *Pāṭidesanīya*, bốn mươi sáu điều này của các Tỳ-khưu là không được quy định chung với các Tỳ-khưu-ni.

14. Và của các Tỳ-khưu-ni có một trăm ba mươi điều học không được quy định chung với các Tỳ-khưu, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

15. Bốn điều *Pārājika*, mười điều lìa hội chúng, mười hai điều *Nissaggiya* và chín mươi sáu điều nhỏ nhặt, tám điều *Pāṭidesanīya*, một trăm ba mươi điều này của các Tỳ-khưu-ni là không được quy định chung với các Tỳ-khưu.

16. Luôn cả một trăm bảy mươi sáu điều là không chung cho cả hai, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

17. Bốn điều *Pārājika*, *Saṅghādisesa* là mười sáu điều và *Aniyata* là hai điều, *Nissaggiya* hai mươi bốn điều.

18. Và đúng một trăm mười tám điều được gọi là nhỏ nhặt, mười hai điều *Pāṭidesanīya* và cả thảy một trăm bảy mươi sáu điều này là không chung cho cả hai.

19. Một trăm bảy mươi bốn điều là được thực hành bình đẳng đối với cả hai, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

20. Bốn điều *Pārājika*, các điều *Saṅghādisesa* là bảy, các điều *Nissaggiya* là mười tám, đúng bảy mươi điều nhỏ nhặt, bảy mươi lăm điều *Sekhiya*, cả thảy một trăm bảy mươi bốn điều này là được thực hành bình đẳng cho cả hai.

21. Chính tám điều *Pārājika* là các điều vi phạm xấu xa, tương tợ như gốc cây thốt nốt, như chiếc lá úa vàng, như tảng đá bằng phẳng, như người đàn ông ấy có đầu đã bị chặt lìa, như cây thốt nốt đã bị chặt ngọn, chúng không còn phát triển.

22. Hai mươi ba điều *Saṅghādisesa*, hai điều *Aniyata*, bốn mươi hai điều *Nissaggiya*, một trăm tám mươi tám điều *Pācittiya*, mười hai điều *Pāṭidesanīya*.

23. Bảy mươi lăm điều *Sekhiya*, chúng được làm lắng dịu với ba cách dàn xếp: Với sự hiện diện, như đã được thừa nhận và việc dùng cỏ che lấp.

24. Bậc Chiến Thắng đã giảng giải về hai lễ *Uposatha*, hai lễ *Pavāraṇā*, về bốn loại hành sự và luôn cả năm cách tụng đọc, bốn cách cũng không khác và các nhóm tội là bảy.

25. Bốn sự tranh tụng được làm lắng dịu với bảy cách dàn xếp, với hai cách, bốn cách, ba cách, còn nhiệm vụ được làm lắng dịu với một cách.

*****

TỘI *PĀRĀJIKA* V.V...

1. Điều nào được gọi là "tội *Pārājika*", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Là kẻ đã bị chết, đã bị thua trận và đã bị té ngã, bởi vì đã bị khước từ ra khỏi Chánh pháp, ngay cả việc đồng cộng trú ở nơi ấy cũng không còn, vì thế điều này được gọi như vậy.

2. Điều nào đã được gọi là "tội *Saṅghādisesa*", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Chính hội chúng ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta* và giải cho khỏi tội, vì thế điều này được gọi như vậy.

3. Điều nào đã được gọi là "tội *Aniyata*", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. *Aniyata* là không chắc chắn, là điều học không được xác định, là một sự kiện nào đó trong ba, nên được gọi là "*Aniyata*."

4. Điều nào đã được gọi là "tội *Thullaccaya*", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Vị nào khai trình tội ở chân của vị khác và vị nào ghi nhận điều ấy, do đó, sự vi phạm được yên lặng, không còn gây hại cho vị ấy, vì thế điều này được gọi như vậy.

5. Điều nào đã được gọi là "tội *Nissaggiya*", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, đến chỉ mỗi một vị, sau khi xả bỏ rồi sám hối, vì thế điều này được gọi như vậy.

6. Điều nào đã được gọi là "tội *Pācittiya*", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Vị đánh rơi thiện pháp, đối nghịch lại Thánh đạo, có sự mê mờ của tâm, vì thế điều này được gọi như vậy.

7. Điều nào đã được gọi là "tội *Pāṭidesanīya*", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Vị Tỳ-khưu trong khi không là thân quyến, đối với vật thực của vị Ni khó nhọc mới thành đạt, sau khi tự mình nhận lãnh rồi thọ thực, được gọi "đáng chê trách."

8. Giữa những vị được mời, trong lúc đang thọ thực, nơi ấy có vị Tỳ-khưu-ni hướng dẫn theo ý thích, sau khi không ngăn cản, vị thọ thực ở đó, được gọi "đáng chê trách."

9. Sau khi đi đến gia đình có tâm tín thành, ít của cải, nghèo, vị [Tỳ-khưu], không bệnh, thọ thực ở nơi ấy, được gọi "đáng chê trách."

10. Nếu là vị đang sống ở khu rừng, có sự kinh hoàng, có sự nguy hiểm, không báo cho biết, rồi thọ thực ở nơi ấy, được gọi "đáng chê trách."

11. Tỳ-khưu-ni, trong khi không là thân quyến, đối với vật được người khác ưa thích là bơ lỏng, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá thịt, rồi luôn cả sữa tươi và sữa đông, vị Tỳ-khưu-ni yêu cầu vật ấy phạm tội đáng chê trách trong giáo pháp của đức Thiện Thệ.

12. Điều nào đã được gọi là "tội *Dukkaṭa*", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Sự việc đã bị thua trận, đã bị thất bại và đã bị lỗi lầm là tội *Dukkaṭa*.

13. Người làm điều ác ấy công khai hoặc là kín đáo, người ta tuyên bố là "*Dukkaṭa*", vì thế điều này được gọi như vậy.

14. Điều nào đã được gọi là "tội *Dubbhāsita*", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Câu nói nào là ác khẩu, được nói lên sái quấy và hoàn toàn bị ô nhiễm, điều nào các bậc Tri thức chê trách, vì thế điều này được gọi như vậy.

15. Điều nào đã được gọi là "tội *Sekhiya*", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. [Đây] là dành cho vị Hữu học, đang còn học tập, đang tiến theo con đường thẳng tắp.

16. Và sự thực hành này là việc trước tiên, đứng đầu, là sự kiểm soát và thu thúc, sự học tập như vậy là không có, vì thế, điều này được gọi như vậy.

17. Nước mưa bị văng lại ở vật đã được che đậy, không văng lại ở vật đã được mở ra. Vì thế, hãy mở ra vật đã được che đậy, như vậy, ở vật ấy, nước mưa không văng lại.

18. Núi rừng là cảnh giới của các loài thú vật, không gian là cảnh giới của các loài có cánh, biến hoại là cảnh giới của các pháp [hữu vi], Niết-bàn là cảnh giới của bậc A-la-hán.

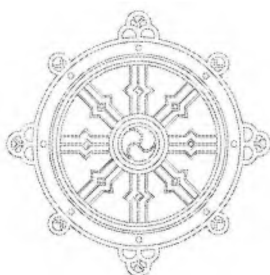
Dứt sưu tập về các bài kệ.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Ở trong bảy thành phố, điều đã được quy định và bốn sự hư hỏng, các điều quy định chung và riêng của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni, chương "Sưu tập các bài kệ" này nhằm nâng đỡ giáo pháp.

--ooOoo--



PHÂN TÍCH SỰ TRANH TỤNG

1. Bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Đây là bốn sự tranh tụng.

Bốn sự tranh tụng này có bao nhiêu cách khơi dậy?

– Bốn sự tranh tụng này có mười cách khơi dậy: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có hai cách khơi dậy, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có bốn cách khơi dậy, sự tranh tụng liên quan đến tội có ba cách khơi dậy và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có một cách khơi dậy. Đây là mười cách khơi dậy của bốn sự tranh tụng này.

2. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi thì [vị ấy] khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì [vị ấy] khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tội thì [vị ấy] khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì [vị ấy] khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp?

– Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi thì [vị ấy] khơi dậy hai cách dàn xếp. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì [vị ấy] khơi dậy bốn cách dàn xếp. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tội thì [vị ấy] khơi dậy ba cách dàn xếp. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì [vị ấy] khơi dậy một cách dàn xếp.

3. Có bao nhiêu sự khơi dậy? Vị tạo ra sự khơi dậy với bao nhiêu biểu hiện? Người khơi dậy sự tranh tụng có bao nhiêu yếu tố? Bao nhiêu người vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng?

– Có mười hai sự khơi dậy. Vị tạo ra sự khơi dậy với mười biểu hiện. Người khơi dậy sự tranh tụng có bốn yếu tố. Bốn hạng người vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng.

4. Mười hai sự khơi dậy là gì?

– Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai, hành sự cần được thực hiện lại, chưa được hoàn tất, đã được hoàn tất sai, cần được hoàn tất lại, chưa được quyết định, đã được quyết định sai, cần được quyết định lại, chưa được giải quyết, đã được giải quyết sai, cần được giải quyết lại. Đây là mười hai sự khơi dậy.

5. Vị tạo ra sự khơi dậy với mười biểu hiện gì?

– Vị khơi dậy sự tranh tụng tại chỗ đã sanh khởi, vị khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết tại chỗ đã sanh khởi, vị khơi dậy sự tranh tụng [khi đang đi] nửa đoạn đường, vị khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết [khi đang đi] nửa đoạn đường, vị khơi dậy sự tranh tụng khi đã đến nơi ấy, vị khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết khi đã đến nơi ấy, vị khơi dậy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, vị khơi dậy hành xử Luật khi không điên cuồng, vị khơi dậy [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, vị khơi dậy cách dùng cỏ che lấp. Vị tạo ra sự khơi dậy với mười biểu hiện này.

6. Vị khơi dậy sự tranh tụng có bốn yếu tố gì?

– Vị khơi dậy sự tranh tụng trong khi thiên vị vì ưa thích, ...(nt)... vì sân hận, ...(nt)... vì si mê, vị khơi dậy sự tranh tụng trong khi thiên vị vì sợ hãi. Vị khơi dậy sự tranh tụng có bốn yếu tố này.

7. Bốn hạng người nào vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng?

– Vị đã được tu lên bậc trên vào chính ngày ấy khơi dậy [sự tranh tụng] thì vi phạm tội *Pācittiya* có liên quan đến việc khơi dậy; vị vãng lai khơi dậy thì vi phạm tội *Pācittiya* có liên quan đến việc khơi dậy; vị là người chủ động khơi dậy thì vi phạm tội *Pācittiya* có liên quan đến việc khơi dậy; vị trao ra sự tùy thuận khơi dậy thì vi phạm tội *Pācittiya* có liên quan đến việc khơi dậy. Bốn hạng người này vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng.

*****

SỰ MỞ ĐẦU V.V... CỦA TRANH TỤNG

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến tội có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh cãi là sự mở đầu, có tranh cãi là sự phát sanh, có tranh cãi là sự sanh lên, có tranh cãi là sự hiện khởi, có tranh cãi là sự cốt yếu, có tranh cãi là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có khiển trách là sự mở đầu, có khiển trách là sự phát sanh, có khiển trách là sự sanh lên, có khiển trách là sự hiện khởi, có khiển trách là sự cốt yếu, có khiển trách là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến tội có

tội vi phạm là sự mở đầu, có tội vi phạm là sự phát sanh, có tội vi phạm là sự sanh lên, có tội vi phạm là sự hiện khởi, có tội vi phạm là sự cốt yếu, có tội vi phạm là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có nhiệm vụ là sự mở đầu, có nhiệm vụ là sự phát sanh, có nhiệm vụ là sự sanh lên, có nhiệm vụ là sự hiện khởi, có nhiệm vụ là sự cốt yếu, có nhiệm vụ là nguồn sanh khởi.

2. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi.

3. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

*****

ĐIỀU CĂN BẢN V.V... CỦA TRANH TỤNG

1. Bốn sự tranh tụng có bao nhiêu điều căn bản, có bao nhiêu nguồn sanh khởi?

– Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản, có ba mươi ba nguồn sanh khởi.

2. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản gì?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có mười hai điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có mười bốn điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến tội có sáu điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có một điều căn bản là hội chúng. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản này.

3. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba nguồn sanh khởi gì?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có mười tám sự việc gây ra chia rẽ là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có bốn sự hư hỏng là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến tội có bảy nhóm tội là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có bốn hành sự là nguồn sanh khởi. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba nguồn sanh khởi này.

*****

TỘI VI PHẠM LÀ DUYÊN CỦA TRANH TỤNG

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tội vi phạm hay không là tội vi phạm?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không là tội vi phạm.

Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không?

– Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội: Xúc phạm vị đã tu lên bậc trên phạm tội *Pācittiya*, xúc phạm người chưa tu lên bậc trên phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội này.

2. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng dịu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp?

– Các tội ấy được phân chia theo một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội. Được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi: Ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: Có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

3. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tội hay không là tội vi phạm?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không là tội vi phạm.

Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không?

– Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì vi phạm ba tội: Bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* không có nguyên cớ thì phạm tội *Saṅghādisesa*, bôi nhọ về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ thì phạm tội *Pācittiya*, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì vi phạm ba tội này.

4. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng dịu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp?

– Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội. Các tội nào là nặng, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, ở một nơi là ở giữa hội chúng, với hai cách dàn xếp là bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: Có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

5. Sự tranh tụng liên quan đến tội là tội vi phạm hay không là tội vi phạm?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội là tội vi phạm.

Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội không?

– Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội.

Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bốn tội: Vị Tỳ-khưu-ni trong khi biết tội *Pārājika* vẫn che giấu bị thì phạm tội *Pārājika*, có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội *Thullaccaya*, vị Tỳ-khưu che giấu tội *Saṅghādisesa* thì phạm tội *Pācittiya*, che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bốn tội này.

6. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng dịu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp?

– Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân do khẩu và do ý. Tội nào là không còn dư sót, tội ấy không được làm lắng dịu bằng sự tranh tụng nào, không ở nơi nào, không với cách dàn xếp nào. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: Có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

7. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tội vi phạm hay không là tội vi phạm?

– Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không là tội vi phạm.

Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không?

– Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì vi phạm bao nhiêu tội?

– Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni xu hướng theo vị bị phạt án treo vẫn không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba: Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*, do hai lời tuyên ngôn hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*, vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Pārājika*; các vị Tỳ-khưu ủng hộ kẻ chia rẽ [hội chúng] vẫn không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội *Saṅghādisesa*; các vị vẫn không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội *Pācittiya*. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì vi phạm năm tội này.

8. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng dịu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp?

– Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là hư hỏng về giới, có thể là hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự

tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội *Pārājika*, có thể là nhóm tội *Saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *Thullaccaya*, có thể là nhóm tội *Pācittiya*, có thể là nhóm tội *Dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân do khẩu và do ý. Tội nào là không còn dư sót, tội ấy không được làm lắng dịu với sự tranh tụng nào, không ở nơi nào, không bằng cách dàn xếp nào; tội nào là nặng, tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, ở một nơi là ở giữa hội chúng, với hai cách dàn xếp là bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: Có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

*****

CHỦ Ý CỦA SỰ TRANH TỤNG

1. Có phải sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không là sự tranh tụng liên quan đến tội, không là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Như vậy là thế nào?

– Ở đây, các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Đây là Pháp", hoặc "Đây không phải là Pháp", ...(nt)... hoặc "Tội xấu xa", hoặc "Tội không xấu xa." Ở đấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời khiêu khích, sự cãi vã, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là như thế.

2. Có phải sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không là sự tranh tụng liên quan đến tội, không là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, không là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Như vậy là thế nào?

– Ở đây, các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về quan điểm, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ở đấy, việc nào là sự khiển trách, xoi mói, buộc tội, chỉ trích, moi móc, xúi giục, khích động, việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong tranh tụng liên quan đến khiển trách, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi là như thế.

3. Có phải sự tranh tụng liên quan đến tội là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội không là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, không là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Như vậy là thế nào?

– Năm nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến tội. Trong tranh tụng liên quan đến tội, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách là như thế.

4. Có phải sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự tranh tụng liên quan đến tội?

– Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không là sự

tranh tụng liên quan đến tội. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội.

Như vậy là thế nào?

– Việc gì cần phải hoàn thành, cần phải thực thi, là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư của hội chúng; việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Trong tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội là như thế.

*****

PHẦN VẤN ĐÁP

1. Ở đâu có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ? Ở đâu có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có hành xử Luật khi không điên cuồng? Ở đâu có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? Ở đâu có thuận theo số đông, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện. Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có thuận theo số đông? Ở đâu có [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có [hành xử Luật] theo tội của vị ấy? Ở đâu có cách dùng cỏ che lấp, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có cách dùng cỏ che lấp?

2. – Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Ở đâu có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện. Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] ở đó có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, [thì] ở đó không có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó không có thuận theo số đông, ở đó không có [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, ở đó không có cách dùng cỏ che lấp.

3. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật khi không điên cuồng ...(nt)... bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(nt)... bằng hành

xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông ...(nt)... bằng hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy ...(nt)... bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp: Ở đâu có cách dùng cỏ che lấp, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện. Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] ở đó có cách dùng cỏ che lấp, [thì] ở đó không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó không có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó không có thuận theo số đông, ở đó không có [hành xử Luật] theo tội của vị ấy.

*****

PHẦN ĐƯỢC LIÊN KẾT

1. "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "hành xử Luật bằng sự ghi nhớ", các pháp này liên kết hay không liên kết? Có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này? "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "hành xử Luật khi không điên cuồng"...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhận"...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "thuận theo số đông" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "theo tội của vị ấy" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "cách dùng cỏ che lấp", các pháp này liên kết hay không liên kết? Có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này?

2. – "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "hành xử Luật bằng sự ghi nhớ", các pháp này là liên kết, không phải là không liên kết. Không thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này. "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "hành xử Luật khi không điên cuồng" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhận" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "thuận theo số đông"...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "theo tội của vị ấy" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "cách dùng cỏ che lấp", các pháp này là liên kết, không phải là không liên kết. Không thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này.

*****

SỰ MỞ ĐẦU V.V... CỦA CÁCH DÀN XẾP

1. Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Hành xử Luật với sự hiện diện có duyên khởi là sự mở đầu, có duyên khởi là sự phát sanh, có duyên khởi là sự sanh lên, có duyên khởi là sự hiện khởi, có duyên khởi là sự cốt yếu, có duyên khởi là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có duyên khởi là sự mở đầu, có duyên khởi là sự phát sanh, có duyên khởi là sự sanh lên, có duyên khởi là sự hiện khởi, có duyên khởi là sự cốt yếu, có duyên khởi là nguồn sanh khởi.

2. Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Hành xử Luật với sự hiện diện có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi.

3. Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Hành xử Luật với sự hiện diện có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ...(nt)... Hành xử Luật khi không điên cuồng ...(nt)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(nt)... Thuận theo số đông ...(nt)... Theo tội của vị ấy ...(nt)... Cách dùng cỏ che lấp có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

4. Bảy cách dàn xếp có bao nhiêu điều căn bản? Có bao nhiêu nguồn sanh khởi?

– Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản, có ba mươi sáu nguồn sanh khởi.

Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản gì?

– Hành xử Luật với sự hiện diện có bốn điều căn bản: Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có bốn điều căn bản: ...(nt)... Hành xử Luật khi không điên cuồng có bốn điều căn bản: ...(nt)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận có hai điều căn bản: Vị khai báo [tội] và khai báo đến vị nào. Thuận theo số đông có bốn điều căn bản: ...(nt)... Theo tội của vị ấy có bốn điều căn bản: ...(nt)... Cách dùng cỏ che lấp có bốn điều căn bản: Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản này.

Bảy cách dàn xếp có ba mươi sáu nguồn sanh khởi gì?

– Hành sự với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có sự thực hiện, có sự hành động, có sự đạt đến, có sự thỏa thuận, có sự chấp nhận, có sự không phản đối. Hành sự với hành xử Luật khi không điên cuồng ...(nt)... Hành sự với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(nt)... Hành sự với thuận theo số đông ...(nt)... Hành sự với [hành xử Luật] theo tội của vị ấy ...(nt)... Hành sự với cách dùng cỏ che lấp có sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối. Bảy cách dàn xếp có ba mươi sáu nguồn sanh khởi này.

*****

SỰ KHÁC BIỆT V.V... CỦA CÁCH DÀN XẾP

1. "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "hành xử Luật bằng sự ghi nhớ", các pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi? "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "hành xử Luật khi không điên cuồng" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhận" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "thuận theo số đông" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "theo tội của vị ấy" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "cách dùng cỏ che lấp", các pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi?

– "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "hành xử Luật bằng sự ghi nhớ", các pháp này vừa khác về nội dung vừa khác về hình thức. "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "hành xử Luật khi không điên cuồng" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhận" ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "thuận theo số đông"...(nt) ... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "theo tội của vị ấy"...(nt) ... "Hành xử Luật với sự hiện diện" hay là "cách dùng cỏ che lấp", các pháp này vừa khác về nội dung vừa khác về hình thức.

2. Có phải sự tranh cãi là tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh cãi không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự tranh cãi, vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi?

– Có thể sự tranh cãi là tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có thể sự tranh cãi không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự tranh cãi, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

Ở đây, sự tranh cãi nào là tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

– Ở đây, các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Đây là Pháp", hoặc "Đây không phải là Pháp", ...(nt)... "Tội xấu xa", hoặc "Tội không xấu xa." Ở đấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, cãi vã; sự tranh cãi ấy là tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Ở đây, sự tranh cãi nào không là sự tranh tụng?

– Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chị em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; sự tranh cãi này không là sự tranh tụng.

Ở đây, sự tranh tụng nào không là sự tranh cãi?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; sự tranh tụng này không là sự tranh cãi.

Ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

3. Có phải sự khiển trách là tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự khiển trách không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự khiển trách, vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách?

– Có thể sự khiển trách là tranh tụng liên quan đến khiển trách, có thể sự khiển trách không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự khiển trách, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

Ở đây, sự khiển trách nào là tranh tụng liên quan đến khiển trách?

– Ở đây, các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về quan điểm, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ở đấy, việc nào là sự khiển trách, xoi mói, buộc tội, chỉ trích, moi móc, xúi giục, khích động; sự khiển trách này là tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Ở đây, sự khiển trách nào không là sự tranh tụng?

– Mẹ khiển trách con trai, con trai khiển trách mẹ, cha khiển trách con trai, con trai khiển trách cha, anh em trai khiển trách anh em trai, anh em trai khiển trách chị em gái, chị em gái khiển trách anh em trai, bạn bè khiển trách bạn bè; sự khiển trách này không là sự tranh tụng.

Ở đây, sự tranh tụng nào không là sự khiển trách?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; sự tranh tụng này không là sự khiển trách.

Ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

4. Có phải sự vi phạm tội là tranh tụng liên quan đến tội, sự vi phạm tội không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự vi phạm tội, vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội?

– Có thể sự vi phạm tội là tranh tụng liên quan đến tội, có thể sự vi phạm tội không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự vi phạm tội, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội.

Ở đây, sự vi phạm tội nào là tranh tụng liên quan đến tội?

– Năm nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội cũng là tranh tụng liên quan đến tội; sự vi phạm tội này là tranh tụng liên quan đến tội.

Ở đây, sự vi phạm [*āpatti*] nào không là sự tranh tụng?

– Sự vi phạm vào dòng Thánh [*sota-āpatti*] và sự tự mình vi phạm [*sam-āpatti*]; sự vi phạm [*āpatti*] này không là sự tranh tụng [đây là nghệ thuật chơi chữ].

Ở đây, sự tranh tụng nào không là sự vi phạm tội?

– Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; sự tranh tụng ấy không là sự vi phạm tội.

Ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội, vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội.

5. Có phải nhiệm vụ là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, nhiệm vụ không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là nhiệm vụ, vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ?

– Có thể nhiệm vụ là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có thể nhiệm vụ không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là nhiệm vụ, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

Ở đây, nhiệm vụ nào là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?

– Ở đây, đối với hội chúng, việc nào cần phải hoàn thành, cần phải thực thi, là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư; nhiệm vụ này là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Ở đây, nhiệm vụ nào không là sự tranh tụng?

– Nhiệm vụ của thầy dạy học, nhiệm vụ của thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị có chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị có chung thầy dạy học; nhiệm vụ này không là sự tranh tụng.

Ở đây, sự tranh tụng nào không là nhiệm vụ?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; sự tranh tụng này không là nhiệm vụ.

Ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ?

– Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

Dứt phân tích sự tranh tụng.

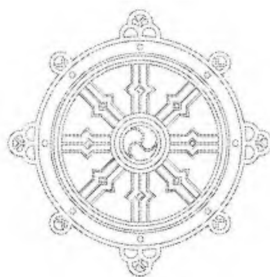
*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Tranh tụng, các sự khơi dậy, các biểu hiện, cá nhân, sự mở đầu, nhân, duyên, điều căn bản, nguồn sanh khởi, là có tội và nơi nào, được liên kết, duyên khởi, sự hiện khởi.

2. Nhân, duyên, điều căn bản, với nguồn sanh khởi, hình thức, "có phải sự tranh cãi là sự tranh tụng", điều này là ở phần Phân tích sự tranh tụng.

--ooOoo--



SƯU TẬP KHÁC VỀ CÁC BÀI KỆ

1. Việc cáo tội nhằm mục đích gì? Nhớ lại là nguyên nhân của điều gì? Hội chúng nhằm mục đích gì? Hơn nữa, hoạt động của trí óc là nguyên nhân của điều gì?

2. Việc cáo tội nhằm mục đích làm nhớ lại [tội]. Nhớ lại [tội] nhằm mục đích kiềm chế. Hội chúng nhằm mục đích phân xử. Hơn nữa, hoạt động của trí óc là cá biệt [từng vị].

3. Nếu ngài là vị xét xử, ngài chớ có nói nhanh quá, chớ có nói thô lỗ, chớ làm nảy sanh cơn giận dữ.

4. Ngài chớ nói một cách gấp gáp, lời nói gây cãi vã không liên hệ đến ý nghĩa về Giới bổn, về Luật, về bộ *Tập yếu*, về các điều quy định, về bốn pháp dung hòa.

5. Hãy suy xét về trách nhiệm và phận sự đã được bậc Giác Ngộ thiết lập một cách khéo léo, đã được quy định rõ ràng phù hợp theo các điều học, trong khi chớ có làm hủy hoại cảnh giới ngày vị lai.

6. Người tầm cầu sự lợi ích hãy thực hành đúng thời, có liên quan đến mục đích. Chớ vội vã tin theo lời phát biểu của vị bị buộc tội và của vị cáo tội.

7. Vị cáo tội đã nói "phạm tội", vị bị buộc tội đã nói "không phạm." Trong khi bỏ qua cả hai, ngài nên tiến hành phù hợp với điều được nhận biết.

8. Sự hiểu biết được thực hiện ở những người khiêm tốn, ở những kẻ vô liêm sỉ không được biết đến như thế. Kẻ vô liêm sỉ cũng có thể nói nhiều, có thể làm phù hợp với điều đã nói.

9. Hạng người vô liêm sỉ là hạng người thế nào, mà đối với hạng người ấy sự hiểu biết không tiến triển. Và tôi hỏi ngài như vậy: Hạng như thế nào được gọi là người vô liêm sỉ?

10. Kẻ cố ý vi phạm tội, kẻ giấu diếm tội vi phạm và kẻ đi đường sai trái, hạng như thế ấy được gọi là người vô liêm sỉ.

11. Tôi cũng biết sự thật, hạng như thế ấy được gọi là người vô liêm sỉ. Và tôi hỏi ngài điều khác: Hạng như thế nào được gọi là người liêm sỉ?

12. Vị không cố ý phạm tội, không giấu diếm tội vi phạm, kẻ không đi sai đường, hạng như thế ấy được gọi là người liêm sỉ.

13. Tôi cũng biết sự thật, hạng như thế ấy được gọi là người liêm sỉ. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội sai Pháp?

14. Vị cáo tội không đúng thời, với việc không thật, với lời thô lỗ, không liên hệ mục đích, có nội tâm sân hận, cáo tội thiếu tâm từ, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội sai Pháp.

15. Tôi cũng biết sự thật, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội sai Pháp. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội đúng Pháp?

16. Vị cáo tội đúng thời, với việc thật, với lời mềm mỏng, có liên hệ mục đích, có nội tâm không sân hận, cáo tội với tâm từ, vị cáo tội đúng Pháp được nói đến như thế.

17. Tôi cũng biết sự thật, vị cáo tội đúng Pháp được nói đến như thế. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội ngu dốt?

18. Vị không biết trước sau, không rành rẽ sau trước, không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc, không rành rẽ về phương thức của lối trình bày mạch lạc, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội ngu dốt.

19. Tôi cũng biết sự thật, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội ngu dốt. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội thông thái?

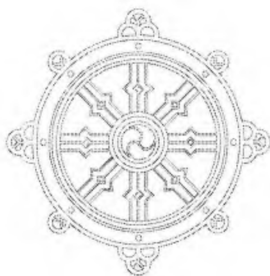
20. Vị biết việc trước sau, rành rẽ việc sau trước, hiểu biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc, rành rẽ về phương thức của lối trình bày mạch lạc, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội thông thái.

21. Tôi cũng biết sự thật, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội thông thái. Và tôi hỏi ngài điều khác: Điều gì được gọi là sự cáo tội?

22. Vị cáo tội về sự hư hỏng về giới, rồi về hạnh kiểm và về quan điểm, vị cáo tội về cả việc nuôi mạng, với điều ấy được gọi là sự cáo tội.

Dứt sưu tập khác về các bài kệ.

--ooOoo--



CHƯƠNG CÁO TỘI

SỰ THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT XỬ

1. Vị xét xử nên hỏi vị cáo tội rằng: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này, ngài cáo tội vị này về điều gì? Có phải ngài cáo tội với sự hư hỏng về giới, cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, cáo tội với sự hư hỏng về quan điểm?"

2. Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi cáo tội với sự hư hỏng về giới, hoặc là cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là cáo tội với sự hư hỏng về quan điểm." Vị ấy nên được nói như sau: "Vậy Đại đức có biết sự hư hỏng về giới, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, có biết sự hư hỏng về quan điểm không?"

3. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về quan điểm." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, vậy điều gì là sự hư hỏng về giới, điều gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về quan điểm?"

4. Nếu vị ấy nói như vầy: "Bốn tội *Pārājika*, mười ba tội *Saṅghādisesa*, đó là sự hư hỏng về giới. Tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, tội *Dukkaṭa*, tội *Dubbhāsita*, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, hữu biên kiến, đó là sự hư hỏng về quan điểm." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này, có phải ngài cáo tội do đã được thấy, cáo tội do đã được nghe, cáo tội do sự nghi ngờ?"

5. Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi cáo tội do đã được thấy, hoặc là cáo tội do đã được nghe, hoặc là cáo tội do sự nghi ngờ." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, ngài đã thấy gì, ngài đã thấy thế nào, ngài đã thấy khi nào, ngài đã thấy ở đâu? Có phải ngài đã thấy vị [ấy] đang phạm tội *Pārājika*, đã thấy vị [ấy] đang phạm tội *Saṅghādisesa*? ...(nt)... tội *Thullaccaya*? ...(nt)... tội *Pācittiya*? ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya*? ...(nt)... tội *Dukkaṭa*? Có phải đã thấy vị [ấy] đang phạm tội *Dubbhāsita*? Và ngài đã ở đâu? Và vị Tỳ-khưu này đã ở đâu? Và ngài đã làm gì? Và vị Tỳ-khưu này đã làm gì?'

6. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, tôi quả không cáo tội vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, tuy nhiên tôi cáo tội do đã được nghe." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, ngài đã nghe gì, ngài đã nghe thế nào, ngài đã nghe khi nào, ngài đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội *Pārājika*?' ...(nt)...

tội *Saṅghādisesa*?' ...(nt)... tội *Thullaccaya*?' ...(nt)... tội *Pācittiya*?' ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya*?' ...(nt)... tội *Dukkaṭa*?' Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội *Dubbhāsita*?' Có phải đã nghe từ vị Tỳ-khưu, đã nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, đã nghe từ cô Ni tu tập sự, đã nghe từ vị Sa-di, đã nghe từ vị Sa-di-ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư sĩ, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?"

7. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, tôi quả không cáo tội vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi cáo tội do sự nghi ngờ." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, ngài nghi ngờ gì, nghi ngờ như thế nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội *Pārājika*?' ...(nt)... tội *Saṅghādisesa*?' ...(nt)... tội *Thullaccaya*?' ...(nt)... tội *Pācittiya*?' ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya*?' ...(nt)... tội *Dukkaṭa*?' Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội *Dubbhāsita*?' Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu, ...(nt)... từ vị Tỳ-khưu ni? ...(nt)... từ cô Ni tu tập sự? ...(nt)... từ vị Sa-di? ...(nt)... từ vị Sa-di-ni? ...(nt)... từ nam cư sĩ? ...(nt)... từ nữ cư sĩ? ...(nt)... từ các đức vua? ...(nt)... từ các quan đại thần của đức vua? ...(nt)... từ các ngoại đạo? Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?"

8. *Điều được thấy tương tợ với điều đã được thấy, điều được thấy phù hợp với điều đã được thấy, căn cứ vào điều đã được thấy mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Uposatha với vị ấy.*

9. *Điều được nghe tương tợ với điều đã được nghe, điều được nghe phù hợp với điều đã được nghe, căn cứ vào điều đã được nghe mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Uposatha với vị ấy.*

10. *Điều được cảm nhận tương tợ với điều đã được cảm nhận, điều được cảm nhận phù hợp với điều đã được cảm nhận, căn cứ vào điều đã được cảm nhận mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Uposatha với vị ấy.*

11. Đối với sự cáo tội, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

– Đối với sự cáo tội, hành động thỉnh ý là đầu tiên, sự tiến hành là ở giữa, sự dàn xếp là kết cuộc.

12. Có bao nhiêu căn nguyên, có bao nhiêu sự việc, có bao nhiêu nền tảng của sự cáo tội? Vị cáo tội với bao nhiêu biểu hiện?

– Có hai căn nguyên, có ba sự việc, có năm nền tảng của sự cáo tội. Vị cáo tội với hai biểu hiện.

13. Hai căn nguyên của sự cáo tội là gì?

– Có nguyên cớ hoặc không có nguyên cớ. Đây là hai căn nguyên của sự cáo tội.

14. Ba sự việc của sự cáo tội là gì?

– Do đã được thấy, do đã được nghe, do sự nghi ngờ. Đây là ba sự việc của sự cáo tội.

15. Năm nền tảng của sự cáo tội là gì?

– "Tôi sẽ nói đúng thời không phải không đúng thời; tôi sẽ nói với sự thật không phải với sự không thật; tôi sẽ nói mềm mỏng không thô lỗ; tôi sẽ nói có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ đến mục đích; tôi sẽ nói với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận." Đây là năm nền tảng của sự cáo tội.

16. Vị cáo tội với hai biểu hiện gì?

– Vị cáo tội bằng thân hoặc là cáo tội bằng khẩu. Vị cáo tội với hai biểu hiện này.

*****

SỰ THỰC HÀNH CỦA VỊ CÁO TỘI V.V...

1. Vị cáo tội nên thực hành thế nào? Vị bị buộc tội nên thực hành thế nào? Hội chúng nên thực hành thế nào? Vị xét xử nên thực hành thế nào?

Vị cáo tội nên thực hành thế nào?

– Vị cáo tội nên cáo tội vị khác sau khi đã trú vào năm pháp: "Tôi sẽ nói đúng thời không phải không đúng thời; tôi sẽ nói với sự thật không phải với sự không thật; tôi sẽ nói mềm mỏng không thô lỗ; tôi sẽ nói có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ đến mục đích; tôi sẽ nói với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận." Vị cáo tội nên thực hành như thế.

Vị bị buộc tội nên thực hành thế nào?

– Vị bị buộc tội nên thực hành ở hai pháp: Ở sự chân thật và ở sự không nổi giận. Vị bị buộc tội nên thực hành như thế.

Hội chúng nên thực hành thế nào?

– Hội chúng nên biết điều gì đã được nói ra và chưa được nói ra. Hội chúng nên thực hành như thế.

Vị xét xử nên thực hành thế nào?

– Sự tranh tụng ấy được giải quyết với Pháp nào, với Luật nào, với lời dạy nào của bậc Đạo sư, vị xét xử nên giải quyết sự tranh tụng ấy theo như thế. Vị xét xử nên thực hành như thế.

2. *Lễ Uposatha vì mục đích gì? Lễ Pavāraṇā có nguyên nhân là gì? Hình phạt Parivāsa vì mục đích gì? Việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu có nguyên nhân là gì? Hình phạt Mānatta vì mục đích gì? Việc giải tội có nguyên nhân là gì?*

3. *– Lễ Uposatha nhằm mục đích hợp nhất. Lễ Pavāraṇā nhằm mục đích thanh tịnh. Hình phạt Parivāsa nhằm mục đích hình phạt Mānatta. Việc đưa về*

lại [hình phạt] ban đầu nhằm mục đích kiềm chế. Hình phạt Mānatta nhằm mục đích giải tội. Việc giải tội nhằm mục đích thanh tịnh.

4. *Vì ưa thích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì si mê và gièm pha các vị Trưởng lão, khi tan rã xác thân, kẻ trí tồi tự chôn lấy mình, có các giác quan bị hư hoại, đi địa ngục, là kẻ khờ và không tôn kính học tập.*

5. *Không nương tựa ngay cả vật chất và không nương tựa người, sau khi đã buông bỏ cả hai điều này, nên thực hành đúng theo pháp.*

*****

SỰ THIÊU ĐỐT CHÍNH MÌNH CỦA VỊ CÁO TỘI

1. *Cáu kỉnh, có sự thù hằn và ác độc, vị gièm pha vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

2. *Nói thì thầm bên tai, soi mói điều hư hỏng, bỏ qua sự xét đoán, thực hành theo đường lối sai trái, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

3. *Vị cáo tội không đúng thời, với sự không thật, với lời thô lỗ, không liên hệ mục đích, với nội tâm sân hận, vị cáo tội không có tâm từ, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

4. *Vị không biết đúng Pháp và sai Pháp, không rành rẽ về đúng Pháp và sai Pháp, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

5. *Vị không biết đúng Luật và sai Luật, không rành rẽ về đúng Luật và sai Luật, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

6. *Vị không biết điều đã nói và chưa nói, không rành rẽ về điều đã nói và chưa nói, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

7. *Vị không biết về tập quán và không phải tập quán, không rành rẽ về tập quán và không phải tập quán, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

8. *Vị không biết điều đã được quy định và không được quy định, là không rành rẽ về điều đã được quy định và không được quy định, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

9. *Vị không biết điều phạm tội và không phạm tội, không rành rẽ về phạm tội và không phạm tội, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

10. *Vị không biết về tội nhẹ hay tội nặng, không rành rẽ về tội nhẹ hay tội nặng, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

11. *Vị không biết về tội còn dư sót hay không còn dư sót, không rành rẽ về tội còn dư sót hay không còn dư sót, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

12. *Vị không biết về tội xấu xa hay không xấu xa, không rành rẽ về tội xấu xa hay không xấu xa, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

13. *Vị không biết việc trước hoặc việc sau, không rành rẽ về việc trước hoặc việc sau, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

14. *Vị không biết cách phát biểu mạch lạc, không rành rẽ về cách phát biểu mạch lạc, vu cáo là "có tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.*

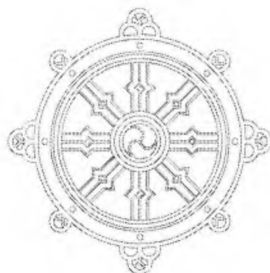
Dứt chương "Cáo tội."

****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Việc cáo tội và xét xử, việc đầu tiên, với căn nguyên, lễ *Uposatha*, đường lối ở chương Cáo tội là sự duy trì giáo pháp.

--ooOoo--



XUNG ĐỘT [PHẦN PHỤ]

SỰ THỰC HÀNH CỦA VỊ XÉT XỬ

1. Trong khi đi đến hội chúng, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột nên đi đến hội chúng với tâm nhún nhường, với tâm như là không bị cấu uế, nên khéo léo về chỗ ngồi và khéo léo khi ngồi xuống, nên ngồi xuống ở chỗ ngồi thích hợp không chiếm chỗ của các Tỳ-khưu trưởng lão, không buộc các Tỳ-khưu mới tu phải nhường chỗ ngồi, không nên là người nói linh tinh, không nên là người nói chuyện nhảm nhí, hoặc là nên tự mình nói pháp hoặc là nên thỉnh cầu vị khác [nói pháp], hoặc là không nên xem thường trạng thái im lặng thánh thiện.

2. Vị được hội chúng thừa nhận, vị xét xử, vị có ý định xét xử không nên hỏi về thầy tế độ, không nên hỏi về thầy dạy học, không nên hỏi về người đệ tử, không nên hỏi về người học trò, không nên hỏi về vị đồng thầy tế độ, không nên hỏi về vị đồng thầy dạy học, không nên hỏi về sự xuất thân, không nên hỏi về tên, không nên hỏi về dòng họ, không nên hỏi về sự truyền thừa, không nên hỏi về trú quán của gia đình, không nên hỏi về nơi sanh ra. Việc ấy là vì lý do gì?

– Trường hợp ấy có thể có sự thương hoặc là sự ghét. Khi có sự thương hoặc có sự ghét, thì có thể thiên vị vì ưa thích, có thể thiên vị vì sân hận, có thể thiên vị vì si mê, có thể thiên vị vì sợ hãi.

3. Vị được hội chúng thừa nhận, vị xét xử, vị có ý định xét xử nên xem trọng hội chúng không nên xem trọng cá nhân, nên xem trọng Chánh pháp không nên xem trọng tài vật, nên liên hệ đến mục đích, không nên thỏa hiệp với đám đông, nên xét xử đúng thời không phải sái thời, nên xét xử với sự thật không phải với sự không thật, nên xét xử với sự mềm mỏng không phải với sự thô lỗ, nên xét xử có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ mục đích, nên xét xử với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận, không nên có sự nói thì thầm vào tai, không nên nhìn đảo quanh, mắt không nên nhìn soi mói, không nên nhướng mày, không nên ngửa đầu lên, không nên làm cử động bàn tay, không nên làm hiệu bằng bàn tay.

4. Nên khéo léo về chỗ ngồi, nên khéo léo khi ngồi xuống. Vị đang theo đuổi mục đích nên ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình trong khi nhìn [phía trước] khoảng cách của cây cày và không nên từ chỗ ngồi đứng dậy, không nên bỏ qua xét đoán, không nên theo đuổi đường lối sai trái, không nên nói với sự quấy rối bằng cánh tay, không nên vội vã, không hấp tấp, không nên tỏ vẻ nóng giận bằng sự trầm tĩnh trong lời nói, nên có tâm từ với lòng thương tưởng đến lợi ích,

nên có tâm bi chăm chú đến lợi ích, nên tránh nói điều phù phiếm với lời nói có giới hạn, nên là vị trú vào không oan trái không lòng oán giận.

Nên suy xét về bản thân, nên suy xét về người khác, nên suy xét về vị cáo tội, nên suy xét về vị bị buộc tội, nên suy xét về vị cáo tội sai Pháp, nên suy xét về vị bị buộc tội sai Pháp, nên suy xét về vị cáo tội đúng Pháp, nên suy xét về vị bị buộc tội đúng Pháp, không bỏ qua điều đã được nói, không gợi lên điều không được nói, nên khéo léo suy xét những chữ và câu được nói ra, sau khi hỏi lại vị kia rồi nên hành xử theo điều đã được biết. Vị uể oải nên được khích lệ, vị sợ hãi nên được trấn tĩnh, vị giận dữ nên được răn đe, vị không trong sạch nên được làm minh bạch với sự thẳng thắn và mềm mỏng, không nên thiên vị vì ưa thích, không nên thiên vị vì sân hận, không nên thiên vị vì si mê, không nên thiên vị vì sợ hãi, nên duy trì sự công chính đối với các pháp và các hạng người. Và như vậy, vị xét xử trong khi xét xử vừa là vị thầy vừa là vị thực hành giáo pháp, là người được thương yêu, được quý mến, được kính trọng, có uy tín đối với các bậc có sự hiểu biết và các vị đồng Phạm hạnh.

5. Điều học nhằm mục đích là sự khẳng định, ví dụ nhằm mục đích là sự minh họa, ý nghĩa nhằm mục đích là sự giảng giải, câu hỏi nhằm mục đích là sự xác định, việc thỉnh ý nhằm mục đích là sự cáo tội, sự cáo tội nhằm mục đích là làm cho nhớ lại, sự làm cho nhớ lại nhằm mục đích là sự bảo ban, sự bảo ban nhằm mục đích là sự ngăn cản, sự ngăn cản nhằm mục đích là sự phán quyết, sự phán quyết nhằm mục đích là sự điều tra, sự điều tra nhằm mục đích là sự đạt đến việc có bằng cớ hay không có bằng cớ, việc có bằng cớ hay không có bằng cớ nhằm mục đích là sự kiềm chế những nhân vật ác xấu, nhằm mục đích là sự ủng hộ các Tỳ-khưu hiền thiện, hội chúng nhằm mục đích là sự đồng ý, sự đồng ý nhằm mục đích là sự tán thành, sự tán thành nhằm mục đích là sự không chán nản, các nhân vật được hội chúng thừa nhận là [những vị] có sự kiên trì, không có sự dối trá.

6. Luật nhằm mục đích là sự thu thúc, sự thu thúc nhằm mục đích là sự không vi phạm, không vi phạm nhằm mục đích là sự khoan khoái, sự khoan khoái nhằm mục đích là hỷ, hỷ nhằm mục đích là tịnh, tịnh nhằm mục đích là lạc, lạc nhằm mục đích là định, định nhằm mục đích là sự thấy biết đúng theo bản thể, sự thấy biết đúng theo bản thể nhằm mục đích là sự nhờm gớm, sự nhờm gớm nhằm mục đích là sự ly tham, sự ly tham nhằm mục đích là sự giải thoát, sự giải thoát nhằm mục đích là sự thấy biết của giải thoát, sự thấy biết của giải thoát nhằm mục đích là Niết-bàn không còn chấp thủ. Lời giảng [về Luật] là mục đích của việc này, bàn bạc [về Luật] là mục đích của việc này, sự tuần tự diễn tiến là mục đích của việc này, sự lắng tai nghe là mục đích của việc này, tức là sự giải thoát của tâm do không còn chấp thủ.

1. *Hãy suy xét về trách nhiệm và phận sự đã được bậc Giác Ngộ thiết lập một cách khéo léo, đã được quy định rõ ràng phù hợp theo các điều học, trong khi chớ có làm hủy hoại cảnh giới ngày vị lai.*

2. *Là người không rành rẽ về sự việc, về sự hư hỏng, về tội vi phạm, về duyên khởi, về sự biểu hiện, vị không biết việc trước rồi việc sau, và về việc đã làm hoặc chưa làm.*

3. *Và cũng là người không rành rẽ về hành sự, về sự tranh tụng luôn cả các sự dàn xếp, là vị bị ái nhiễm, xấu xa, ngu dốt và thiên vị vì sợ hãi, vì si mê.*

4. *Và là người không khéo léo về việc thông tin, không rành rẽ về việc dập tắt, đạt được bè phái, không hổ thẹn, có việc làm đen tối, không có tôn trọng, hiển nhiên vị Tỳ-khưu như thế ấy gọi là "không đáng trọng."*

5. *Là người rành rẽ về sự việc, về điều hư hỏng, về tội vi phạm, về duyên khởi, về sự biểu hiện, vị thông hiểu việc trước rồi việc sau và tương tợ về việc đã làm hoặc chưa làm.*

6. *Và còn là vị rành rẽ về hành sự, sự tranh tụng, luôn cả các sự dàn xếp, không ái nhiễm, chẳng xấu xa, không mê mờ, không thiên vị vì sợ hãi, vì si mê.*

7. *Là người khéo léo về việc thông tin, rành rẽ về việc dập tắt, đạt được phe nhóm, biết hổ thẹn, có việc làm trong sáng, có sự tôn kính, hiển nhiên vị Tỳ-khưu như thế ấy gọi là "đáng kính trọng."*

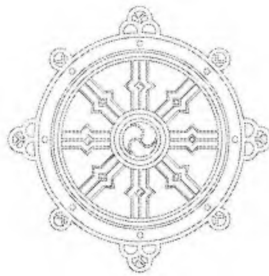
Dứt chương "Xung đột [phần phụ]."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Với tâm nhún nhường nên hỏi, là người với hội chúng có sự kính trọng, điều học nhằm mục đích là sự khẳng định và nhằm nâng đỡ Luật, phần tóm lược ở chương Xung đột [phần phụ] đã được làm thành phần đọc tụng này.

--ooOoo--



XUNG ĐỘT [PHẦN CHÍNH]

1. Vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột trong khi phát biểu nơi hội chúng nên biết về sự việc, nên biết về sự hư hỏng, nên biết về tội vi phạm, nên biết về duyên khởi, nên biết về sự biểu hiện, nên biết điều trước và điều sau, nên biết việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện, nên biết về hành sự, nên biết về sự tranh tụng, nên biết về sự dàn xếp, không nên thiên vị vì ưa thích, không nên thiên vị vì sân hận, không nên thiên vị vì si mê, không nên thiên vị vì sợ hãi, nên làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ, nên dập tắt điều cần được dập tắt, nên xem xét điều cần được xem xét, nên tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng, [nghĩ rằng]: "Ta đã đạt được đồ chúng" không nên xem thường đồ chúng người khác, [nghĩ rằng]: "Ta là người nghe nhiều" không nên xem thường vị nghe ít, [nghĩ rằng]: "Ta là vị thâm niên hơn" không nên xem thường vị mới tu sau, không nên nói về điều chưa được thành tựu, không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đúng Pháp đúng Luật, sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào theo Luật nào theo lời dạy nào của bậc Đạo sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

2. *Nên biết về sự việc:* Là nên biết về sự việc của tám điều *Pārājika*, nên biết về sự việc của hai mươi ba điều *Saṅghādisesa*, nên biết về sự việc của hai điều *Aniyata*, nên biết về sự việc của bốn mươi hai điều *Nissaggiya*, nên biết về sự việc của một trăm tám mươi tám điều *Pācittiya*, nên biết về sự việc của mười hai điều *Pāṭidesanīya*, nên biết về sự việc của các điều *Dukkaṭa*, nên biết về sự việc của các điều *Dubbhāsita*.

3. *Nên biết về sự hư hỏng:* Là nên biết về sự hư hỏng về giới, nên biết về sự hư hỏng về hạnh kiểm, nên biết về sự hư hỏng về quan điểm, nên biết về sự hư hỏng về nuôi mạng.

4. *Nên biết về tội vi phạm:* Là nên biết về tội *Pārājika*, nên biết về tội *Saṅghādisesa*, nên biết về tội *Aniyata*, nên biết về tội *Nissaggiya*, nên biết về tội *Pācittiya*, nên biết về tội *Pāṭidesanīya*, nên biết về tội *Dukkaṭa*, nên biết về tội *Dubbhāsita*.

5. *Nên biết về duyên khởi:* Là nên biết về duyên khởi của tám điều *Pārājika*, nên biết về duyên khởi của hai mươi ba điều *Saṅghādisesa*, nên biết về duyên khởi của hai điều *Aniyata*, nên biết về duyên khởi của bốn mươi hai điều *Nissaggiya*, nên biết về duyên khởi của một trăm tám mươi tám điều *Pācittiya*, nên biết về duyên khởi của mười hai điều *Pāṭidesanīya*, nên biết về duyên khởi của các điều *Dukkaṭa*, nên biết về duyên khởi của các điều *Dubbhāsita*.

6. *Nên biết về sự biểu hiện:* Là nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện, nên biết về nhóm từ sự biểu hiện, nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện, nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện, nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện.

Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: "Hội chúng này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không có [khả năng]?" Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: "Nhóm này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không có [khả năng]?" Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: "Cá nhân này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không có [khả năng]?" Nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: "Phải chăng Đại đức này cáo tội vị khác sau khi đã an trú vào năm pháp hay là chưa [an trú]?" Nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: "Phải chăng Đại đức này đã được an trú ở hai pháp là ở sự chân thật và ở sự không nổi giận hay là chưa được [an trú]?" Nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện là như thế.

7. *Nên biết điều trước và điều sau:* Là [nghĩ rằng]: "Phải chăng Đại đức này tráo trở từ sự việc [này] sang sự việc [khác], hay là tráo trở từ sự hư hỏng [này] sang sự hư hỏng [khác], hay là tráo trở từ tội [này] sang tội [khác], hay là sau khi phủ nhận rồi thừa nhận, hay là sau khi thừa nhận rồi phủ nhận, hay là tránh né điều này bằng điều khác, hay là không có?" Nên biết điều trước và điều sau là như thế.

8. *Nên biết việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện:* Là nên biết về việc đôi lứa, nên biết về việc tương xứng đối với việc đôi lứa, nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa.

Nên biết về việc đôi lứa: Là nên biết về sự kết hợp chung lại của hai người.

Nên biết về việc tương xứng đối với việc đôi lứa: Là vị Tỳ-khưu dùng miệng của mình ngậm lấy dương vật của vị khác.

Nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa: Là màu và không màu [của tinh dịch], sự xúc chạm cơ thể, sự nói lời dâm dật, sự hầu hạ tình dục cho bản thân, việc mai mối.

9. *Nên biết về hành sự:* Là nên biết về mười sáu hành sự, nên biết về bốn hành sự với lời công bố, nên biết về bốn hành sự với lời đề nghị, nên biết về bốn hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, nên biết về bốn hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

10. *Nên biết về sự tranh tụng:* Là nên biết về bốn sự tranh tụng, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến tội, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

11. *Nên biết về sự dàn xếp:* Là nên biết về bảy cách dàn xếp, nên biết về hành xử Luật với sự hiện diện, nên biết về hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nên biết về hành xử Luật khi không điên cuồng, nên biết về việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nên biết về thuận theo số đông, nên biết về [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, nên biết về cách dùng cỏ che lấp.

12. *Không nên thiên vị vì ưa thích:* Trong khi thiên vị vì ưa thích, vị thiên vị vì ưa thích như thế nào?

– Ở đây, có vị [nghĩ rằng]: "Đối với ta đây, [vị này] là thầy tế độ, hoặc là thầy dạy học, hoặc là đệ tử, hoặc là học trò, hoặc là đồng thầy tế độ, hoặc là đồng thầy dạy học, hoặc là đồng quan điểm, hoặc là thân thiết, hoặc là thân quyến đồng huyết thống" rồi do lòng thương tưởng vị ấy, do sự bảo vệ vị ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố vô tội là "phạm tội", tuyên bố phạm tội là "vô tội", tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ", tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sót", tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì ưa thích vị [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì ưa thích, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì ưa thích, vị thiên vị vì ưa thích là như thế.

13. *Không nên thiên vị vì sân hận:* Trong khi thiên vị vì sân hận, vị thiên vị vì sân hận như thế nào?

– Ở đây, có vị [nghĩ rằng]: "Hắn đã gây cho ta điều không lợi ích" rồi kết oan trái, "Hắn đang gây cho ta điều không lợi ích" rồi kết oan trái, "Hắn

sẽ gây cho ta điều không lợi ích" rồi kết oan trái. [Nghĩ rằng]: "Hắn đã gây điều không lợi ích, đang gây điều không lợi ích, sẽ gây điều không lợi ích cho người được ta thương yêu quý mến" rồi kết oan trái. [Nghĩ rằng]: "Hắn đã gây điều lợi ích, đang gây điều lợi ích, sẽ gây điều lợi ích cho người không được ta thương yêu quý mến" rồi kết oan trái. Do chín sự việc oan trái này, vị [ấy] trở nên thù hằn, ác cảm, giận dữ, bị chế ngự bởi sự cáu kỉnh rồi tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp" ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sân hận vị [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sân hận, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì sân hận, vị thiên vị vì sân hận là như thế.

14. *Không nên thiên vị vì si mê:* Trong khi thiên vị vì si mê, vị thiên vị vì si mê như thế nào?

– Vị bị ái nhiễm chịu sự sai khiến của ái dục; bị sân hận chịu sự sai khiến của sân hận; bị si mê chịu sự sai khiến của si mê; bị ô nhiễm chịu sự sai khiến của tà kiến, bị si mê, bị si mê hoàn toàn, bị chế ngự bởi si mê rồi tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì si mê, vị [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì si mê, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì si mê, vị thiên vị vì si mê là như thế.

15. *Không nên thiên vị vì sợ hãi:* Trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị thiên vị vì sợ hãi như thế nào?

– Ở đây, có vị [nghĩ rằng]: "Người này hoặc là cậy vào sự bất công, hoặc là cậy vào sự nắm giữ, hoặc là cậy vào sức mạnh, [là người] tàn bạo, thô lỗ sẽ gây nguy hiểm cho mạng sống hoặc là gây nguy hiểm cho Phạm hạnh", do sự sợ hãi của điều ấy, vị [ấy] bị hoảng sợ rồi tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như

Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố vô tội là "phạm tội", tuyên bố phạm tội là "vô tội", tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ", tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sót", tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị thiên vị vì sợ hãi là như thế.

16. *Vì ưa thích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì si mê, vị nào đối nghịch Chánh pháp, danh tiếng của vị ấy bị hủy hoại, ví như mặt trăng vào lúc hạ huyền.*

17. Thế nào là vị không thiên vị vì ưa thích?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố phi Luật là "phi Luật", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố Luật là "Luật", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều không được thực hành bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố vô tội là "vô tội", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố phạm tội là "phạm tội", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nặng là "tội nặng", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sót", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư sót", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố

tội không xấu xa là “tội không xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích. Vị không thiên vị vì ưa thích là như thế.

18. Thế nào là vị không thiên vị vì sân hận?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận; ...(nt)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận. Vị không thiên vị vì sân hận là như thế.

19. Thế nào là vị không thiên vị vì si mê?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì si mê; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì si mê; ...(nt)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì si mê; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì si mê. Vị không thiên vị vì si mê là như thế.

20. Thế nào là vị không thiên vị vì sợ hãi?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố Pháp là “Pháp”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố phi Luật là “phi Luật”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố Luật là “Luật”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là “điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là “điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là “điều không được thực hành bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã được quy định bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố vô tội là “vô tội”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố phạm tội là “phạm tội”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội nhẹ là “tội nhẹ”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội nặng là “tội nặng”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội còn dư sót là “tội còn dư sót”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội không còn dư sót là “tội không còn dư sót”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi. Vị không thiên vị vì sợ hãi là như thế.

21. *Vì ưa thích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì si mê, vị không đối nghịch Chánh pháp, danh tiếng của vị ấy được bồi đắp tợ như mặt trăng ở vào thượng huyền [được tròn dần].*

22. Thế nào là vị làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp", vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; ...(nt)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa", vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ. Vị làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ là như thế.

23. Thế nào là vị dập tắt điều cần được dập tắt?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp", vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt; ...(nt)... trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa", vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt; trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt. Vị dập tắt điều cần được dập tắt là như thế.

24. Thế nào là vị xem xét điều cần được xem xét?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", vị [ấy] xem xét điều cần được xem xét; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp" ...(nt)...; trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa" ...(nt)...; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa" ...(nt)... Vị xem xét điều cần được xem xét là như thế.

25. Thế nào là vị tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", vị [ấy] tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp" ...(nt)...; trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa" ...(nt)...; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa" ...(nt)... Vị tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng là như thế.

26. Thế nào là vị [nghĩ rằng]: "Ta đã đạt được đồ chúng" rồi xem thường đồ chúng người khác?

– Ở đây, có vị đã đạt được đồ chúng, đã đạt được tùy tùng, là vị có đồ chúng, có người thân cận [nghĩ rằng]: "Người này không đạt được đồ chúng, không đạt được tùy tùng, không là vị có đồ chúng, không là vị có người thân cận" trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp" ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Vị [nghĩ rằng]: "Ta đã đạt được đồ chúng" rồi xem thường đồ chúng người khác là như thế.

27. Thế nào là vị [nghĩ rằng]: "Ta là người nghe nhiều" rồi xem thường vị nghe ít?

– Ở đây, có vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe [nghĩ rằng]: "Người này nghe ít, kế thừa ít, ghi nhớ ít" trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp" ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Vị [nghĩ rằng]: "Ta là người nghe nhiều" rồi xem thường vị nghe ít là như thế.

28. Thế nào là vị [nghĩ rằng]: "Ta là vị thâm niên hơn" rồi xem thường vị mới tu sau?

– Ở đây, có vị là Trưởng lão, có kinh nghiệm, đã xuất gia lâu dài [nghĩ rằng]: "Người này mới tu, thiểu trí, ít nghe, ít hiểu biết việc đã được làm, lời nói của người này sẽ không được thực hiện" trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp" ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Vị [nghĩ rằng]: "Ta là vị thâm niên hơn" rồi xem thường vị mới tu sau là như thế.

29. *Không nên nói về điều chưa được thành tựu:* Là không nên đưa ra lời nói chưa được đưa ra.

30. *Không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đúng Pháp đúng Luật:* Là không nên bỏ qua sự việc đúng Pháp đúng Luật mà hội chúng đã được triệu tập lại vì sự việc ấy.

31. *Theo Pháp nào:* Là theo sự việc có thật.

Theo Luật nào: Là sau khi đã cáo tội, sau khi đã làm cho nhớ lại.

Theo lời dạy nào của bậc Đạo sư: Là với sự đầy đủ của lời đề nghị, với sự đầy đủ của lời tuyên bố. Sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào, theo Luật nào, theo lời dạy nào của bậc Đạo sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

*****

SỰ THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT XỬ

Vị xét xử nên hỏi vị cáo tội rằng: "Này Đại đức, việc ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu này, ngài đình chỉ vị ấy vì lý do gì, đình chỉ vì hư hỏng về giới, đình chỉ vì hư hỏng về hạnh kiểm, đình chỉ vì hư hỏng về quan điểm?"

Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ vì hư hỏng về giới, hoặc là đình chỉ vì hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là đình chỉ vì hư hỏng về quan điểm."

Vị ấy nên được nói như sau: "Vậy ngài có biết sự hư hỏng về giới không, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không, có biết sự hư hỏng về quan điểm không?"

Nếu vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về quan điểm."

Vị ấy nên được nói như sau: 'Này Đại đức, vậy điều gì là sự hư hỏng về giới, điều gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về quan điểm?'

Nếu vị ấy nói như vầy: "Bốn tội *Pārājika*, mười ba tội *Saṅghādisesa*, đó là sự hư hỏng về giới. Tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, tội *Dukkaṭa*, tội *Dubbhāsita*, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, hữu biên kiến, đó là sự hư hỏng về quan điểm."

Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu này, có phải ngài đình chỉ do đã được thấy, đình chỉ do đã được nghe, đình chỉ do sự nghi ngờ?"

Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ do đã được thấy, hoặc là đình chỉ do đã được nghe, hoặc là đình chỉ do sự nghi ngờ."

Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, ngài đã thấy gì, ngài đã thấy thế nào, ngài đã thấy khi nào, ngài đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy vị [ấy] đang phạm tội *Pārājika*?... tội *Saṅghādisesa*?... tội *Thullaccaya*?... tội *Pācittiya*?... tội *Pāṭidesanīya*?... tội *Dukkaṭa*? Có phải đã thấy vị [ấy] đang phạm tội *Dubbhāsita*? Và ngài đã ở đâu? Và vị Tỳ-khưu này đã ở đâu? Và ngài đã làm gì? Và vị Tỳ-khưu này đã làm gì?"

Nếu vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, tôi quả không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ *Pavāraṇā* do đã được nghe."

Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, ngài đã nghe gì, ngài đã nghe thế nào, ngài đã nghe khi nào, ngài đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội *Pārājika*?' Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội *Saṅghādisesa*?'... tội *Thullaccaya*?'... tội *Pācittiya*?'... tội *Pāṭidesanīya*?'... tội *Dukkaṭa*?' Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội *Dubbhāsita*?' Có phải đã nghe từ vị Tỳ-khưu, đã nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, đã nghe từ cô Ni tu tập sự, đã nghe từ vị Sa-di, đã nghe từ vị Sa-di-ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư sĩ, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?"

Nếu vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, tôi quả không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ *Pavāraṇā* do sự nghi ngờ."

Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, ngài nghi ngờ gì, nghi ngờ như thế nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội *Pārājika*?'... tội *Saṅghādisesa*?'... tội *Thullaccaya*?'... tội *Pācittiya*?'... tội *Pāṭidesanīya*?'... tội *Dukkaṭa*?' Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội *Dubbhāsita*?' Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ cô Ni tu tập sự, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Sa-di, nghi ngờ sau khi nghe từ vị

Sa-di-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại thần của đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo, nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?"

1. *Điều được thấy tương tợ với điều đã được thấy, điều được thấy phù hợp với điều đã được thấy, căn cứ vào điều đã được thấy mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Pavāraṇā với vị ấy.*

2. *Điều được nghe tương tợ với điều đã được nghe, điều được nghe phù hợp với điều đã được nghe, căn cứ vào điều đã được nghe mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Pavāraṇā với vị ấy.*

3. *Điều được cảm nhận tương tợ với điều đã được cảm nhận, điều được cảm nhận phù hợp với điều đã được cảm nhận, căn cứ vào điều đã được cảm nhận mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Pavāraṇā với vị ấy.*

*****

PHÂN TÍCH VỀ CÂU HỎI

1. "Ngài đã thấy gì?" là câu hỏi về điều gì? "Ngài đã thấy thế nào?" là câu hỏi về điều gì? "Ngài đã thấy khi nào?" là câu hỏi về điều gì? "Ngài đã thấy ở đâu?" là câu hỏi về điều gì?

2. *"Ngài đã thấy gì?":* Là câu hỏi về sự việc, là câu hỏi về sự hư hỏng, là câu hỏi về tội vi phạm, là câu hỏi về sự vi phạm.

Câu hỏi về sự việc: Là câu hỏi về sự việc của tám điều *Pārājika*, là câu hỏi về sự việc của hai mươi ba điều *Saṅghādisesa*, là câu hỏi về sự việc của hai điều *Aniyata*, là câu hỏi về sự việc của bốn mươi hai điều *Nissaggiya*, là câu hỏi về sự việc của một trăm tám mươi tám điều *Pācittiya*, là câu hỏi về sự việc của mười hai điều *Pāṭidesanīya*, là câu hỏi về sự việc của các điều *Dukkaṭa*, là câu hỏi về sự việc của các điều *Dubbhāsita*.

Câu hỏi về sự hư hỏng: Là câu hỏi về sự hư hỏng về giới, là câu hỏi về sự hư hỏng về hạnh kiểm, là câu hỏi về sự hư hỏng về quan điểm, là câu hỏi về sự hư hỏng về nuôi mạng.

Câu hỏi về tội vi phạm: Là câu hỏi về tội *Pārājika*, là câu hỏi về tội *Saṅghādisesa*, là câu hỏi về tội *Thullaccaya*, là câu hỏi về tội *Pācittiya*, là câu hỏi về tội *Pāṭidesanīya*, là câu hỏi về tội *Dukkaṭa*, là câu hỏi về tội *Dubbhāsita*.

Câu hỏi về sự vi phạm: Là câu hỏi về sự kết hợp chung lại của hai người.

3. *"Ngài đã thấy thế nào?":* Là câu hỏi về đặc điểm, là câu hỏi về tư thế, là câu hỏi về sự biểu hiện, là câu hỏi về sự thay đổi.

Câu hỏi về đặc điểm: Là cao, hay là thấp, hay là đen, hay là trắng.

Câu hỏi về tư thế: Là đang đi, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang nằm.

Câu hỏi về sự biểu hiện: Là hình tướng tại gia, hay là hình tướng ngoại đạo, hay là hình tướng xuất gia.

Câu hỏi về sự thay đổi: Là đang đi, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang nằm.

4. *"Ngài đã thấy khi nào?":* Là câu hỏi về thời gian, là câu hỏi về thời điểm, là câu hỏi về ngày, là câu hỏi về mùa tiết.

Câu hỏi về thời gian: Là vào lúc sáng sớm, hay là lúc nửa ngày, hay là lúc chiều tối.

Câu hỏi về thời điểm: Là vào thời điểm sáng sớm, hay là thời điểm nửa ngày, hay là thời điểm chiều tối.

Câu hỏi về ngày: Là trước bữa ăn, hay là sau bữa ăn, hay là ban đêm, hay là ban ngày, hay là nửa tháng sau, hay là nửa tháng trước.

Câu hỏi về mùa tiết: Là trong mùa lạnh, hay là trong mùa nóng, hay là trong mùa mưa.

5. *"Ngài đã thấy ở đâu?":* Là câu hỏi về nơi chốn, là câu hỏi về địa thế, là câu hỏi về không gian, là câu hỏi về khu vực.

Câu hỏi về nơi chốn: Là trên nền đất, hay là trong lòng đất, hay là ở bề mặt trái đất, hay là ở trên đất liền.

Câu hỏi về địa thế: Là ở trên đất bằng, hay là trong lòng đất, hay là trên sườn núi, hay là trên tảng đá, hay là trong tòa lâu đài.

Câu hỏi về không gian: Là không gian phía Đông, hay là không gian phía Tây, hay là không gian phía Bắc, hay là không gian phía Nam.

Câu hỏi về khu vực: Là khu vực phương Đông, hay là khu vực phương Tây, hay là khu vực phương Bắc, hay là khu vực phương Nam.

Dứt chương "Xung đột [Phần chính]."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Sự việc, duyên khởi, biểu hiện, việc trước và sau, đã làm hoặc chưa làm, luôn cả hành sự, sự tranh tụng, sự dàn xếp và thiên vị vì ưa thích.

2. Vì sân hận, vì si mê luôn cả vì sợ hãi, sự biết rõ, sự dập tắt, sự xem xét, được tin tưởng, "Ta đã có đồ chúng", đã nghe [nhiều] và vị thâm niên hơn.

3. Và chưa được thành tựu, đã thành tựu, theo Pháp, theo Luật và cả lời dạy của bậc Đạo sư, là việc làm cho hiểu rõ về chương Xung đột [Phần chính].

--ooOoo--

PHÂN TÍCH KAṬHINA

Kaṭhina không được thành tựu đến ai? *Kaṭhina* được thành tựu đến ai? Thế nào là *Kaṭhina* không được thành tựu? Thế nào là *Kaṭhina* được thành tựu?

Kaṭhina không được thành tựu đến ai?

– *Kaṭhina* không được thành tựu đến hai hạng người: Vị không làm cho thành tựu và vị không tùy hỷ. *Kaṭhina* không được thành tựu đến hai hạng người này.

Kaṭhina được thành tựu đến ai?

– *Kaṭhina* được thành tựu đến hai hạng người: Vị làm cho thành tựu và vị tùy hỷ. *Kaṭhina* được thành tựu đến hai hạng người này.

Thế nào là Kaṭhina không được thành tựu?

– *Kaṭhina* không được thành tựu bởi hai mươi bốn lý do:[1] *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn đánh dấu [về chiều dài, chiều rộng]. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn giặt. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn tính toán về y năm điều, hoặc bảy điều, hoặc chín điều, v.v... *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn cắt [theo sự đã tính toán]. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn kết chỉ tạm. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may lại theo đường chỉ lược cho chắc. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn gắn miếng vải làm dấu. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may chắc chắn. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may đường viền. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn kết lại phần giữa. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn đắp thêm một lớp nữa. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn nhuộm. *Kaṭhina* không được thành tựu do đã làm dấu hiệu [gợi ý để thí chủ dâng]. *Kaṭhina* không được thành tựu do đã thực hiện lời nói vòng vo. *Kaṭhina* không được thành tựu do đã được làm có tính cách tạm thời. *Kaṭhina* không được thành tựu với sự tích trữ. *Kaṭhina* không được thành tựu do sự phạm vào *Nissaggiya*. *Kaṭhina* không được thành tựu với sự không làm thành được phép [tức là không làm dấu hoại y]. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là y hai lớp. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là thượng y. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là y nội. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là năm điều hay nhiều hơn năm điều, không được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kaṭhina* không được thành tựu, trừ khi do sự thành tựu bởi

---

[1] Xem tr. 327 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VII, tr. 113.

cá nhân. Nếu *Kaṭhina* đã được thành tựu đúng đắn nhưng vị tùy hỷ việc ấy đứng ngoài ranh giới. *Kaṭhina* không được thành tựu là như thế.

Hành động làm dấu hiệu nghĩa là vị làm dấu hiệu rằng: "Tôi sẽ làm thành tựu *Kaṭhina* với vải này."

Lời nói vòng vo nghĩa là vị thực hiện lời nói vòng vo [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm phát sanh vải *Kaṭhina* với lời nói vòng vo này."

Đã được làm có tính cách tạm thời nghĩa là đề cập đến vật thí chưa được nhận lấy.

Sự tích trữ nghĩa là có hai sự tích trữ: Sự tích trữ do việc làm và sự tích trữ do thu gom.

Sự phạm vào Nissaggiya nghĩa là trong khi đang thực hiện thì hừng đông xuất hiện. *Kaṭhina* không được thành tựu bởi hai mươi bốn lý do này.

Thế nào là Kaṭhina được thành tựu?

– *Kaṭhina* được thành tựu bởi mười bảy lý do:[2] *Kaṭhina* được thành tựu với vải mới. *Kaṭhina* được thành tựu với vải được xem như mới. *Kaṭhina* được thành tựu với vải áo choàng cũ. *Kaṭhina* được thành tựu với vải dơ bị quăng bỏ. *Kaṭhina* được thành tựu với vải được bỏ ở trước cửa tiệm, có người nhặt lấy rồi đem dâng. *Kaṭhina* được thành tựu do đã không làm dấu hiệu [gợi ý để thí chủ dâng]. *Kaṭhina* được thành tựu do đã không thực hiện lời nói vòng vo. *Kaṭhina* được thành tựu do đã được làm không có tính cách tạm thời. *Kaṭhina* được thành tựu với sự không tích trữ. *Kaṭhina* được thành tựu do không để qua đêm. *Kaṭhina* được thành tựu với sự làm thành được phép [tức là làm dấu hoại y]. *Kaṭhina* được thành tựu với y hai lớp. *Kaṭhina* được thành tựu với thượng y. *Kaṭhina* được thành tựu với y nội. *Kaṭhina* được thành tựu với y là năm điều hay nhiều hơn năm điều, được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kaṭhina* được thành tựu do sự thành tựu của cá nhân. Và *Kaṭhina* ấy còn được thành tựu một cách đúng đắn nếu vị tùy hỷ đứng ở trong ranh giới. Như thế là *Kaṭhina* được thành tựu. *Kaṭhina* được thành tựu bởi mười bảy lý do này.

Bao nhiêu pháp được sanh lên từ sự thành tựu *Kaṭhina*?

– Từ sự thành tựu *Kaṭhina*, mười lăm pháp được sanh lên: Tám tiêu đề, hai sự vướng bận, năm điều thuận lợi. Từ sự thành tựu *Kaṭhina*, mười lăm pháp này được sanh lên.

*****

VẤN ĐÁP

Đối với sự tiến hành, các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên, là duyên thông qua tiền sanh duyên, là duyên thông

[2] Xem tr. 327 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VII, tr. 115.

qua hậu sanh duyên, là duyên thông qua đồng sanh duyên? Đối với việc làm trước, các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, ...(nt)... Đối với việc nguyện xả [y], các pháp nào ...(nt)... Đối với việc chú nguyện [y], các pháp nào ...(nt)... Đối với sự thành tựu [*Kaṭhina*], các pháp nào ...(nt)... Đối với các tiêu đề và các điều vướng bận, các pháp nào ...(nt)... Đối với sự vật,[3] các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên, là duyên thông qua tiền sanh duyên, là duyên thông qua hậu sanh duyên, là duyên thông qua đồng sanh duyên?

Đối với sự tiến hành, việc làm trước là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với việc làm trước, sự tiến hành là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự tiến hành, việc làm trước là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Đối với việc làm trước, sự nguyện xả [y] là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự nguyện xả [y], việc làm trước là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với việc làm trước, sự nguyện xả [y] là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Đối với sự nguyện xả [y], sự chú nguyện [y] là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự chú nguyện [y], sự nguyện xả [y] là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự nguyện xả [y], sự chú nguyện [y] là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Đối với sự chú nguyện [y], sự thành tựu [*Kaṭhina*] là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự thành tựu [*Kaṭhina*], sự chú nguyện [y] là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự chú nguyện [y], sự thành tựu [*Kaṭhina*] là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Đối với sự thành tựu [*Kaṭhina*], các tiêu đề và các sự vướng bận là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với các tiêu đề và các sự vướng bận, sự thành tựu [*Kaṭhina*] là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự thành tựu [*Kaṭhina*], các tiêu đề và các sự vướng bận là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Đối với sự vật, niềm mong mỏi và không mong mỏi là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y

[3] Đối với sự vật của *Kaṭhina*, nghĩa là y hai lớp, hoặc thượng y, hoặc y nội (*VinA*. VII. 1369).

chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với niềm mong mỏi và không mong mỏi, sự vật là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự vật, niềm mong mỏi và không mong mỏi là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Việc làm trước có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự nguyện xả [y] có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự chú nguyện [y] có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự thành tựu [*Kaṭhina*] có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

Các tiêu đề và các sự vướng bận có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Việc làm trước có sự tiến hành là sự mở đầu, có sự tiến hành là sự phát sanh, có sự tiến hành là sự sanh lên, có sự tiến hành là sự hiện khởi, có sự tiến hành là sự cốt yếu, có sự tiến hành là nguồn sanh khởi.

Sự nguyện xả [y] có việc làm trước là sự mở đầu, có việc làm trước là sự phát sanh, có việc làm trước là sự sanh lên, có việc làm trước là sự hiện khởi, có việc làm trước là sự cốt yếu, có việc làm trước là nguồn sanh khởi.

Sự chú nguyện [y] có sự nguyện xả [y] là sự mở đầu, có sự nguyện xả [y] là sự phát sanh, có sự nguyện xả [y] là sự sanh lên, có sự nguyện xả [y] là sự hiện khởi, có sự nguyện xả [y] là sự cốt yếu, có sự nguyện xả [y] là nguồn sanh khởi.

Sự thành tựu [*Kaṭhina*] có sự chú nguyện [y] là sự mở đầu, có sự chú nguyện [y] là sự phát sanh, có sự chú nguyện [y] là sự sanh lên, có sự chú nguyện [y] là sự hiện khởi, có sự chú nguyện [y] là sự cốt yếu, có sự chú nguyện [y] là nguồn sanh khởi.

Các tiêu đề và các sự vướng bận có sự thành tựu [*Kaṭhina*] là sự mở đầu, có sự thành tựu [*Kaṭhina*] là sự phát sanh, có sự thành tựu [*Kaṭhina*] là sự sanh lên, có sự thành tựu [*Kaṭhina*] là sự hiện khởi, có sự thành tựu [*Kaṭhina*] là sự cốt yếu, có sự thành tựu [*Kaṭhina*] là nguồn sanh khởi.

Niềm mong mỏi và không mong mỏi có sự vật [y] là sự mở đầu, có sự vật [y] là sự phát sanh, có sự vật [y] là sự sanh lên, có sự vật [y] là sự hiện khởi, có sự vật [y] là sự cốt yếu, có sự vật [y] là nguồn sanh khởi.

Sự tiến hành có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh

khởi? Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [*Kaṭhina*] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt)... Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Sự tiến hành có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [*Kaṭhina*] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt)... Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi.

Sự tiến hành có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [*Kaṭhina*] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt)... Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Sự tiến hành có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [*Kaṭhina*] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt)... Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

*****

PHẦN SỰ TỔNG HỢP

Việc làm trước được tổng hợp với bao nhiêu pháp?

– Việc làm trước được tổng hợp với bảy pháp: Với việc giặt, với việc tính toán, với việc cắt, với việc kết lại, với việc may, với việc nhuộm, với việc làm thành được phép. Việc làm trước được tổng hợp với bảy pháp này.

Việc nguyện xả [y] được tổng hợp với bao nhiêu pháp?

– Việc nguyện xả [y] được tổng hợp với ba pháp: Với y hai lớp, với thượng y, với y nội.

Việc chú nguyện [y] được tổng hợp với bao nhiêu pháp?

– Việc chú nguyện [y] được tổng hợp với ba pháp: Với y hai lớp, với thượng y, với y nội.

Việc thành tựu [*Kaṭhina*] được tổng hợp với bao nhiêu pháp?

– Việc thành tựu [*Kaṭhina*] được tổng hợp với một pháp là với sự phát lên lời nói.

Kaṭhina có bao nhiêu căn nguyên? Có bao nhiêu sự vật? Có bao nhiêu loại vật liệu?

– *Kaṭhina* có một căn nguyên là hội chúng. Có ba sự vật là y hai lớp, thượng y, y nội. Có sáu loại vật liệu: Sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố.

Đối với *Kaṭhina*, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

– Đối với *Kaṭhina*, việc làm trước là đầu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự thành tựu là kết cuộc.

Người có bao nhiêu yếu tố không thể thành tựu *Kaṭhina*? Người có bao nhiêu yếu tố có thể thành tựu *Kaṭhina* ?

– Người có tám yếu tố không thể thành tựu *Kaṭhina*. Người có tám yếu tố có thể thành tựu *Kaṭhina*.

Người có tám yếu tố gì không thể thành tựu *Kaṭhina*?

– Vị không biết về việc làm trước, không biết về việc nguyện xả [y], không biết về việc chú nguyện [y], không biết về sự thành tựu [*Kaṭhina*], không biết về tiêu đề, không biết về sự vướng bận, không biết về sự hết hiệu lực, không biết về sự thuận lợi. Người có tám yếu tố này không thể thành tựu *Kaṭhina*.

Người có tám yếu tố gì có thể thành tựu *Kaṭhina*?

– Vị biết về việc làm trước, biết về việc nguyện xả [y], biết về việc chú nguyện [y], biết về sự thành tựu [*Kaṭhina*], biết về tiêu đề, biết về sự vướng bận, biết về sự hết hiệu lực, biết về sự thuận lợi. Người có tám yếu tố này có thể thành tựu *Kaṭhina*.

Sự thành tựu *Kaṭhina* của những hạng người nào không có hiệu quả? Sự thành tựu *Kaṭhina* của những hạng người nào có hiệu quả?

– Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người không có hiệu quả. Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người có hiệu quả.

Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người nào không có hiệu quả?

– Vị đứng ở ngoài ranh giới nói lời tùy hỷ. Trong khi nói lời tùy hỷ, vị không nói lên thành câu. Trong khi nói lên thành câu, vị không làm cho người khác hiểu được. Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người này không có hiệu quả.

Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người nào có hiệu quả?

– Vị đứng ở trong ranh giới nói lời tùy hỷ. Trong khi nói lời tùy hỷ, vị nói lên thành câu. Trong khi nói lên thành câu, vị làm cho người khác hiểu được. Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người này có hiệu quả.

Bao nhiêu sự thành tựu *Kaṭhina* không có hiệu lực? Bao nhiêu sự thành tựu *Kaṭhina* có hiệu lực?

– Ba sự thành tựu *Kaṭhina* không có hiệu lực. Ba sự thành tựu *Kaṭhina* có hiệu lực.

Thế nào là ba sự thành tựu *Kaṭhina* không có hiệu lực?

– Là hư hỏng về sự vật, hư hỏng về thời gian và hư hỏng về việc làm.[4] Đây là ba sự thành tựu *Kaṭhina* không có hiệu lực.

Thế nào là ba sự thành tựu *Kaṭhina* có hiệu lực?

– Là hoàn hảo về sự vật, hoàn hảo về thời gian và hoàn hảo về việc làm. Đây là ba sự thành tựu *Kaṭhina* có hiệu lực.

1. Nên biết về *Kaṭhina*. Nên biết về sự thành tựu *Kaṭhina*. Nên biết về tháng của sự thành tựu *Kaṭhina*. Nên biết về điều hư hỏng của sự thành tựu *Kaṭhina*. Nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu *Kaṭhina*. Nên biết về hành động làm dấu hiệu. Nên biết về lời nói vòng vo. Nên biết về vật đã được làm có tính cách tạm thời. Nên biết về sự tích trữ. Nên biết về sự phạm vào *Nissaggiya*.

2. *Nên biết về Kaṭhina*: Sự tổng hợp của chính các việc ấy, sự liên kết lại, tên gọi, hành động đặt tên, hệ thống tên gọi, sự giải nghĩa, đặc tính, sự diễn tả; điều ấy tức là "*Kaṭhina*."

3. *Nên biết về tháng của sự thành tựu Kaṭhina:* Là nên biết tháng cuối cùng của mùa mưa.

4. *Nên biết về điều hư hỏng của sự thành tựu Kaṭhina:* Là nên biết về điều hư hỏng của sự thành tựu *Kaṭhina* với hai mươi bốn lý do.

5. *Nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu Kaṭhina:* Là nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu *Kaṭhina* với mười bảy lý do.

6. *Nên biết về hành động ra dấu hiệu:* Là vị làm dấu hiệu rằng: "Tôi sẽ làm thành tựu *Kaṭhina* với vải này."

7. *Nên biết về sự giảng giải [rồi kêu gọi]:* Là vị thực hiện sự giảng giải rồi kêu gọi: "Tôi sẽ làm phát sanh vải *Kaṭhina* với bài thuyết giảng này."

8. *Nên biết về vật đã được làm có tính cách tạm thời:* Là nói đến vật thí chưa được nhận lấy.

9. *Nên biết về sự tích trữ:* Là nên biết về hai sự tích trữ: Sự tích trữ do việc làm và sự tích trữ do thu gom.

10. *Nên biết về sự phạm vào Nissaggiya:* Là trong khi đang thực hiện thì hừng đông xuất hiện.

11. *Nên biết về sự thành tựu Kaṭhina:* Nếu vải *Kaṭhina* được phát sanh đến hội chúng, hội chúng nên thực hành như thế nào? Vị làm thành tựu [*Kaṭhina*] nên thực hành như thế nào? Vị tùy hỷ nên thực hành như thế nào?

---

[4] Hư hỏng về sự vật: Là y chưa được làm thành được phép [tức là chưa làm dấu y]; hư hỏng về thời gian: Là các thí chủ dâng y ngày hôm nay và hội chúng để đến ngày hôm sau mới giao cho vị Tỳ-khưu để làm thành tựu *Kaṭhina*; hư hỏng về việc làm: Là đã được cắt vào ngày hôm ấy nhưng chưa được làm xong (*VinA*. VII. 1370).

12. – Hội chúng nên trao cho vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu *Kaṭhina* bằng hành sự, có lời đề nghị đến lần thứ nhì. Vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu *Kaṭhina* ấy nên giặt, nên làm cho phẳng, nên tính toán, nên cắt, nên may, nên nhuộm, nên làm thành được phép [làm dấu y], nên làm thành tựu *Kaṭhina* nội trong ngày hôm ấy. Nếu có ý định làm thành tựu *Kaṭhina* với y hai lớp, nên nguyện xả y hai lớp cũ, nên chú nguyện y hai lớp mới, nên nói lên thành câu: "Tôi làm thành tựu *Kaṭhina* với y hai lớp này." Nếu có ý định làm thành tựu *Kaṭhina* với thượng y, nên nguyện xả thượng y cũ, nên chú nguyện thượng y mới, nên nói lên thành câu: "Tôi làm thành tựu *Kaṭhina* với thượng y này." Nếu có ý định làm thành tựu *Kaṭhina* với y nội, nên nguyện xả y nội cũ, nên chú nguyện y nội mới, nên nói lên thành câu: "Tôi làm thành tựu *Kaṭhina* với y nội này."

13. Vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu *Kaṭhina* ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, *Kaṭhina* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭhina* là đúng Pháp, xin các ngài hãy tùy hỷ." Các vị Tỳ-khưu là các vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, *Kaṭhina* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭhina* là đúng Pháp, chúng tôi xin tùy hỷ."

14. Vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu *Kaṭhina* ấy nên đi đến nhiều vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, *Kaṭhina* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭhina* là đúng Pháp, xin các ngài hãy tùy hỷ." Các vị Tỳ-khưu là các vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, *Kaṭhina* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭhina* là đúng Pháp, chúng tôi xin tùy hỷ."

15. Vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu *Kaṭhina* ấy nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, Đại đức của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭhina* là đúng Pháp, xin Đại đức hãy tùy hỷ." Vị Tỳ-khưu là vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, *Kaṭhina* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭhina* là đúng Pháp, tôi xin tùy hỷ."

Có phải hội chúng làm thành tựu *Kaṭhina*? Có phải nhóm làm thành tựu *Kaṭhina*? Có phải cá nhân làm thành tựu *Kaṭhina*?

– Hội chúng không làm thành tựu *Kaṭhina*. Nhóm không làm thành tựu *Kaṭhina*. Cá nhân làm thành tựu *Kaṭhina*.

Nếu hội chúng không làm thành tựu *Kaṭhina*, nhóm không làm thành tựu *Kaṭhina*, cá nhân làm thành tựu *Kaṭhina*, vậy có phải *Kaṭhina* không được thành tựu cho hội chúng, không được thành tựu cho nhóm, được thành tựu cho cá nhân?

Có phải hội chúng đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)? Có phải nhóm đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)? Có phải cá nhân đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?

Hội chúng không đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Nhóm không đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Cá nhân đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*).

Nếu hội chúng không đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), nhóm không đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), cá nhân đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), vậy có phải Giới bổn (*Pātimokkha*) không được đọc tụng cho hội chúng, Giới bổn (*Pātimokkha*) không được đọc tụng cho nhóm, Giới bổn (*Pātimokkha*) được đọc tụng cho cá nhân?

Do sự đọc tụng của cá nhân ở hội chúng hợp nhất, ở nhóm hợp nhất, Giới bổn (*Pātimokkha*) được đọc tụng cho hội chúng, Giới bổn (*Pātimokkha*) được đọc tụng cho nhóm, Giới bổn (*Pātimokkha*) được đọc tụng cho cá nhân.

Tương tợ y như thế, hội chúng không làm thành tựu *Kaṭhina*, nhóm không làm thành tựu *Kaṭhina*, cá nhân làm thành tựu *Kaṭhina*. Do sự thành tựu [*Kaṭhina*] của cá nhân, với sự tùy hỷ của hội chúng, với sự tùy hỷ của nhóm, *Kaṭhina* được thành tựu cho hội chúng, *Kaṭhina* được thành tựu cho nhóm, *Kaṭhina* được thành tựu cho cá nhân.

1. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến vị ra đi đã được nói đến bởi vị thân quyến của mặt trời và tôi hỏi ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bị cắt đứt trước tiên?*

2. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến vị ra đi đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Sự vướng bận về y bị cắt đứt trước tiên, với việc đi ra bên ngoài ranh giới của vị ấy, thì sự vướng bận về chỗ ngụ bị đứt.*

3. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến việc hoàn tất đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bị cắt đứt trước tiên?*

4. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến việc hoàn tất đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Sự vướng bận chỗ ngụ bị cắt đứt trước tiên, khi y được hoàn tất thì sự vướng bận về y bị đứt.*

5. *Hiệu lực của Kaṭhina do tự mình quyết định đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bị cắt đứt trước tiên?*

6. *Hiệu lực của Kaṭhina do tự mình quyết định đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Cả hai điều vướng bận [đồng thời] bị cắt đứt không trước không sau.*

7. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến việc bị mất đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bị cắt đứt trước tiên?*

8. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến việc bị mất đã được nói đến, bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Sự vướng bận chỗ ngụ bị cắt đứt trước tiên, khi y bị mất trộm thì sự vướng bận về y bị đứt.*

9. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến việc nghe tin đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bị cắt đứt trước tiên?*

10. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến việc nghe tin đã được nói đến, bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp ngài điều ấy: Sự vướng bận về y bị cắt đứt trước tiên, với việc nghe tin của vị ấy thì sự vướng bận về chỗ ngụ bị đứt.*

11. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến việc tan vỡ niềm mong ước đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bị cắt đứt trước tiên?*

12. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến việc tan vỡ niềm mong ước vì mong ước tan vỡ đã được nói đến, bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Sự vướng bận chỗ ngụ bị cắt đứt trước tiên, khi nỗi niềm mong mỏi về y bị đoạn lìa thì sự vướng bận về y bị đứt.*

13. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến vị vượt qua ranh giới đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bị cắt đứt trước tiên?*

14. *Hiệu lực của Kaṭhina liên quan đến vị vượt qua ranh giới đã được nói đến, bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Sự vướng bận về y bị cắt đứt trước tiên, đối với vị đã đi ra bên ngoài vùng ranh giới thì sự vướng bận về chỗ ngụ bị đứt.*

15. *Hiệu lực của Kaṭhina đồng thời hết hiệu lực đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bị cắt đứt trước tiên?*

16. *Hiệu lực của Kaṭhina đồng thời hết hiệu lực đã được nói đến, bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Cả hai điều vướng bận [đồng thời] bị cắt đứt không trước không sau.*

17. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* phụ thuộc vào hội chúng? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* phụ thuộc vào cá nhân? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* không phụ thuộc vào hội chúng cũng không phụ thuộc vào cá nhân?

– Có một sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* phụ thuộc vào hội chúng là sự hết hiệu lực giữa chừng.[5] Có bốn sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* phụ thuộc vào cá nhân: Liên quan đến việc ra đi, liên quan đến việc [y] đã được hoàn tất, liên quan đến việc tự mình quyết định, liên quan đến việc vượt qua ranh giới. Có sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* không phụ thuộc vào hội chúng cũng không phụ thuộc vào cá nhân: Liên quan đến việc [y] bị mất, liên quan đến việc nghe tin, liên quan đến sự tan vỡ niềm mong mỏi, sự đồng thời hết hiệu lực.

[5] Do tuyên ngôn thu hồi *Kaṭhina*. Xem điều học *Pācittiya* 30 của Tỳ-khưu-ni (ND).

18. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* bị hết hiệu lực ở trong ranh giới? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* có thể bị hết hiệu lực ở trong ranh giới, [hoặc] có thể bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới?

– Có hai sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* bị hết hiệu lực ở trong ranh giới: Sự hết hiệu lực giữa chừng, sự hết hiệu lực đồng thời. Có ba sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới: Liên quan đến việc ra đi, liên quan đến việc nghe tin, liên quan đến việc vượt qua ranh giới. Có bốn sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* có thể bị hết hiệu lực ở trong ranh giới, [hoặc] có thể bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới: Liên quan đến việc [y] đã được hoàn tất, liên quan đến việc tự mình quyết định, liên quan đến việc [y] bị mất, liên quan đến việc tan vỡ niềm mong mỏi.

19. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt cùng một lúc? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt không cùng lúc?

– Có hai sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt cùng một lúc: Sự hết hiệu lực giữa chừng, sự hết hiệu lực đồng thời. Các sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* còn lại có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt không cùng lúc.

Dứt "Phân tích *Kaṭhina*."

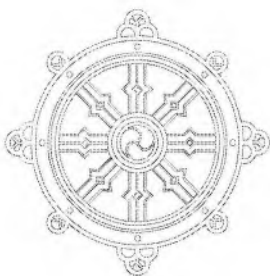
*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Đến ai, như thế nào, mười lăm, các pháp, sự mở đầu, nhân, duyên, sự tổng hợp, căn nguyên, sự khởi đầu và sự làm thành tựu, các hạng người.

2. Sự phân tích, của ba hạng, ba loại [không hiệu lực], nên biết, sự thành tựu và với việc đọc tụng [Giới bổn], sự vướng bận, sự phụ thuộc, [trong và ngoài] ranh giới, sự sanh lên và sự chấm dứt.

--ooOoo--



NHÓM NĂM VỀ UPĀLI

1. PHẨM KHÔNG NƯƠNG NHỜ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không được sống, không nương nhờ đức Thế Tôn cho đến trọn đời?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố không được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị không biết về lễ *Uposatha*, không biết về hành sự của lễ *Uposatha*, không biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), không biết về cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), chưa đủ năm năm. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị biết về lễ *Uposatha*, biết về hành sự của lễ *Uposatha*, biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), biết về cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), được năm năm hoặc hơn năm năm. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

2. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, không biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), không biết về cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), chưa đủ năm năm. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị biết về lễ *Pavāraṇā*, biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, biết về Giới bổn (*Pātimokkha*), biết về cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), được năm năm hoặc hơn năm năm. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời.

3. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, chưa đủ năm năm.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết tội xấu xa hay không xấu xa, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

4. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không có khả năng chăm sóc hoặc kiếm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, [không có khả năng] khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải khi đệ tử hay học trò có sự không hoan hỷ đã sanh khởi, [không có khả năng] phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải đúng theo pháp, khi đệ tử hay học trò có mối nghi ngờ sanh khởi, [không có khả năng] hướng dẫn Thắng pháp và Thắng luật. [a][1] Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho Sa-di phục vụ. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có khả năng chăm sóc hoặc kiếm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, [có khả năng] khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải khi đệ tử hay học trò có sự không hoan hỷ đã sanh khởi, [có khả năng] phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải đúng theo pháp khi đệ tử hay học trò có mối nghi ngờ sanh khởi, [có khả năng] hướng dẫn Thắng pháp và Thắng luật. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho Sa-di phục vụ.

5. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không có khả năng để huấn luyện học trò hay đệ tử việc học tập thuộc về phận sự căn bản, [không có khả năng] để hướng dẫn việc học tập thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, [b][2] [không có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng giới, [không có khả năng] để hướng dẫn về tăng

---

[1] [a] Theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa: Hướng dẫn về Thắng pháp là có khả năng hướng dẫn về sự phân biệt danh sắc, và hướng dẫn về Thắng luật là hướng dẫn về toàn bộ tạng Luật (*VinA.* V. 990).

[2] [b] Các điều học thuộc về phận sự căn bản tức là nói đến các phận sự trong bộ *Luật Khandhaka, Hợp phần* gồm có *Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*, còn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, là các điều học đã được quy định ở hai Giới bổn (*Sđd.*).

thượng tâm, [không có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng tuệ. [c][3] Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho Sa-di phục vụ? Với năm [yếu tố] gì? Là vị có khả năng để huấn luyện học trò hay đệ tử việc học tập thuộc về phận sự căn bản, [có khả năng] để hướng dẫn việc học tập thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, [có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng giới, [có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng tâm, [có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng tuệ. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho Sa-di phục vụ.

6. – Bạch Ngài, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

7. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về quan điểm thuộc quan điểm cực đoan, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

8. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sự đùa giỡn bằng thân, có sự đùa giỡn bằng khẩu, có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

9. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có hành vi sai trái bằng thân, có hành vi sai trái bằng khẩu, có hành vi sai trái bằng thân và khẩu, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

10. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sự gây tổn hại bằng thân, có sự gây tổn hại bằng khẩu, có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

---

[3] [c] *Adhisīla*: Tăng thượng giới là Giới bổn (*Pātimokkha*). *Adhicitta*: Tăng thượng tâm là sự tu tập các loại định hợp thế. *Adhipaññā*: Tăng thượng tuệ là sự tu tập [các tâm] Đạo siêu thế (*Sđd.*).

11. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

12. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị phạm tội đã được thực hiện hành sự [vẫn] ban phép tu lên bậc trên, [vẫn] ban cho phép nương nhờ, [vẫn] để cho Sa-di phục vụ, [vẫn] chấp nhận việc chỉ định giáo giới Tỳ-khưu-ni, [vẫn] giáo giới Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

13. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, là vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

14. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Phẩm "Không nương nhờ" là thứ nhất.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, tội vi phạm, người bệnh, phần phận sự căn bản, vị vô liêm sỉ, tăng thượng giới và sự chơi giỡn.

2. Sở hành sai trái, gây tổn hại, tà kiến và luôn cả tội vi phạm, với tội vi phạm nào, [chê bai] đối với đức Phật, phần tổng hợp về phẩm thứ nhất.

--ooOoo--

2. PHẨM KHÔNG THU HỒI

1. – Bạch Ngài, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị phạm tội đã được thực hiện hành sự [vẫn] ban phép tu lên bậc trên, [vẫn] ban cho phép nương nhờ, [vẫn] để cho Sa-di phục vụ, [vẫn] chấp nhận việc chỉ định giáo giới Tỳ-khưu-ni, [vẫn] giáo giới Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, là vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

4. Này Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, là vị gây ra các sự xích mích và không làm đầy đủ việc học tập trong các phận sự. Này Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

5. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi đi đến hội chúng?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp rồi đi đến hội chúng. Năm [pháp] gì? Này Upāli, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên đi đến hội chúng với tâm nhún nhường, với tâm như là không bị cấu uế; nên khéo léo về chỗ ngồi và khéo léo khi ngồi xuống, nên ngồi xuống ở chỗ ngồi thích hợp không chiếm chỗ của các Tỳ-khưu trưởng lão, không buộc các Tỳ-khưu mới tu phải nhường chỗ ngồi; không nên là người nói linh tinh, không nên là người nói chuyện nhảm nhí; hoặc là nên tự mình nói pháp hoặc là nên thỉnh cầu vị khác [nói pháp]; hoặc là không nên xem thường trạng thái im lặng thánh thiện. Này Upāli, nếu hội chúng thực hiện các hành sự cần được thực hiện với sự hợp nhất, này Upāli trong trường hợp ấy nếu vị Tỳ-khưu không đồng ý [điều gì] thì nên bày tỏ quan điểm và nên đạt đến sự hợp nhất. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? [Vị ấy nên nghĩ rằng]: "Ta chớ nên khác biệt với hội chúng." Này Upāli, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này rồi đi đến hội chúng.

6. – Bạch Ngài, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng?

– Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói khoa trương; là vị nói theo lời nói của người khác; không khéo léo trong sự mạch lạc của lời phát biểu; là vị cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội. Này Upāli, trong khi phát biểu ở

hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng.

Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói không khoa trương; là vị không nói theo lời nói của người khác; khéo léo trong sự mạch lạc của lời phát biểu; là vị cáo tội theo Pháp theo Luật, đúng tội; là vị hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng.

7. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói tâng bốc, là vị làm mất niềm tin, là vị nắm giữ phi Pháp, là vị chối từ pháp và nói nhiều chuyện vớ vẩn. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng.

Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không nói tâng bốc, là vị không làm mất niềm tin, là vị nắm giữ pháp, là vị chối từ phi Pháp và không nói nhiều chuyện vớ vẩn. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng.

8. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói một cách thô lỗ; là vị nói khi chưa thỉnh ý; là vị cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị không trình bày theo kiến thức. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng.

Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không nói một cách thô lỗ; là vị nói sau khi đã thỉnh ý; là vị cáo tội theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị hành xử theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị trình bày theo kiến thức. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng.

9. – Bạch Ngài, có bao nhiêu lợi ích trong sự tinh thông về Luật?

– Này Upāli, có năm lợi ích trong sự tinh thông về Luật. Thế nào là năm? Giới uẩn của bản thân khéo được gìn giữ khéo được hộ trì, là nơi nương tựa của

các vị thường hay có sự ăn năn, là vị phát biểu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo Pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh pháp. Này Upāli, đây là năm lợi ích trong sự tinh thông về Luật.

Phẩm "Không thu hồi" là thứ nhì.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Đã bị phạm tội, với điều nào và sự khen ngợi, vị vô liêm sỉ và với sự xung đột, vị khoe khoang và tâng bốc, thô lỗ, với sự tinh thông.

Sự quy định từng đôi thứ nhất.

--ooOoo--

3. PHẨM PHÁT BIỂU

1. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không nên phát biểu ở hội chúng?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội,[4] không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyết tội. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

2. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biết về cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

---

[4] Là không biết tội có sự tiến hành bằng thân hay bằng khẩu (*VinA.* VII. 1372).

3. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói một cách thô lỗ; là vị nói khi chưa thỉnh ý; là vị cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị trình bày không theo quan điểm. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không nói một cách thô lỗ; là vị nói sau khi đã thỉnh ý; là vị cáo tội theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị hành xử theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị trình bày theo kiến thức. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

4. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, không biết tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết tội xấu xa hay không xấu xa, biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

5. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về hành sự, không biết về sự thực hiện của hành sự, không biết về sự việc của hành sự, không biết về phận sự của hành sự, không biết về cách giải quyết của hành sự. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về hành sự, biết về sự thực hiện của hành sự, biết về sự việc của hành sự, biết về phận sự của hành sự, biết về cách giải quyết của hành sự. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

6. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ [trong câu], không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

7. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị vô liêm sỉ. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị có liêm sỉ. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

8. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị không khéo léo về Luật. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị khéo léo về Luật. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

9. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về lời đề nghị, không biết về việc thực hiện lời đề nghị, không biết về lời tuyên bố của lời đề nghị, vị không biết cách dàn xếp của lời đề nghị, vị không biết cách giải quyết của lời đề nghị. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về lời đề nghị, biết về việc thực hiện lời đề nghị, biết về lời tuyên bố của lời đề nghị, vị biết cách dàn xếp của lời đề nghị, vị biết cách giải quyết của lời đề nghị. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

10. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Giới bổn, không biết về điều phù hợp với Giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Giới bổn, biết về điều phù hợp với Giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

11. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Pháp, không biết về điều phù hợp với Pháp, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị

không khéo léo về việc trước và việc sau. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Pháp, biết về điều phù hợp với Pháp, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc trước và việc sau. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

Phẩm "Phát biểu" là thứ ba.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Tội vi phạm, sự tranh tụng, thô lỗ, vị biết về tội vi phạm, hành sự, sự việc, vị vô liêm sỉ, vị không khéo léo, lời đề nghị, vị không biết về điều học, giáo pháp, phần tổng hợp về phẩm thứ ba.

--ooOoo--

4. PHẨM TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM

1. – Bạch Ngài, có bao nhiêu sự trình bày quan điểm sai Pháp?

– Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai Pháp. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng không có sự vi phạm tội, vị trình bày quan điểm rằng sự phạm tội không đưa đến sám hối, vị trình bày quan điểm rằng tội đã được sám hối, vị trình bày quan điểm rằng [sám hối chung] bởi bốn năm vị,[5] vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] bằng tác ý của tâm. Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai Pháp.

Này Upāli, có năm sự trình bày quan điểm đúng Pháp. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng có sự vi phạm tội, vị trình bày quan điểm rằng sự phạm tội đưa đến sám hối, vị trình bày quan điểm rằng tội chưa được sám hối, vị trình bày quan điểm rằng không [sám hối chung] bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng không [sám hối] bằng tác ý của tâm. Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng Pháp.

2. Này Upāli, có năm sự trình bày quan điểm sai Pháp khác nữa. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị không đồng cộng trú, vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị đứng không cùng ranh giới, vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị không trong sạch, vị trình bày quan điểm rằng [sám hối chung] bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] bằng tác ý của tâm. Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai Pháp.

---

[5] Trình bày quan điểm bởi bốn năm vị: *Catūhi pañcahi diṭṭhīti yathā catūhi pañcahi diṭṭhi āvikatā hoti, evaṃ āvikaroti; cattāro pañca janā ekato āpattiṃ desentīti attho* (*VinA.* VII. 1375) = "quan điểm bởi bốn năm vị": Quan điểm đã được trình bày bởi bốn năm vị như thế nào thì vị ấy trình bày như vậy; nghĩa là bốn năm vị sám hối tội chung một lượt.

Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng Pháp. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị đồng cộng trú, vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị đứng chung ranh giới, vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị trong sạch, vị trình bày quan điểm rằng không [sám hối chung] bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng không [sám hối] bằng tác ý của tâm. Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng Pháp.

3. – Bạch Ngài, có bao nhiêu sự thọ lãnh sai Pháp?

– Này Upāli, đây là năm sự thọ lãnh sai Pháp. Thế nào là năm? Vật được cho bằng thân không được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng thân không được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân không được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân không được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng sự buông ra không được thọ lãnh bằng thân hoặc bằng vật gắn liền với thân. Này Upāli, đây là năm sự thọ lãnh sai Pháp.

Này Upāli, đây là năm sự thọ lãnh đúng Pháp. Thế nào là năm? Vật được cho bằng thân được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng thân được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng sự buông ra được thọ lãnh bằng thân hoặc bằng vật gắn liền với thân. Này Upāli, đây là năm sự thọ lãnh đúng Pháp.

4. – Bạch Ngài, có bao nhiêu vật không phải là đồ thừa?

– Này Upāli, đây là năm vật không phải là đồ thừa. Thế nào là năm? Là vật chưa làm thành được phép, việc thọ lãnh chưa được thực hiện, việc nâng lên chưa được thực hiện, đã được thực hiện ngoài tầm tay, chưa được nói rằng: "Tất cả đây là đủ rồi." Này Upāli, đây là năm vật không phải là đồ thừa.

Này Upāli, đây là năm vật là đồ thừa. Thế nào là năm? Là vật đã làm thành được phép, việc thọ lãnh đã được thực hiện, việc nâng lên đã được thực hiện, đã được thực hiện ở trong tầm tay, đã được nói rằng: "Tất cả đây là đủ rồi." Này Upāli, đây là năm vật là đồ thừa.

5. – Bạch Ngài, việc ngăn được nhận biết với bao nhiêu biểu hiện?

– Này Upāli, việc ngăn được nhận biết với năm biểu hiện. Với năm [biểu hiện] gì? Việc ăn được nhận biết, vật thực được nhận biết, đã đứng ở trong tầm tay, [thí chủ] dâng lên, việc từ chối được nhận biết. Này Upāli, việc ngăn [vật thực] được nhận biết với năm biểu hiện này.

6. – Bạch Ngài, có bao nhiêu việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp?

– Này Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp. Thế nào là năm? Vị Tỳ-khưu đã vi phạm tội *Pārājika*, trong khi bị buộc tội với tội *Pārājika* vị [ấy] thú nhận đã phạm tội *Saṅghādisesa*; hội chúng tiến

hành cho vị ấy với tội *Saṅghādisesa* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp. Vị Tỳ-khưu đã vi phạm tội *Pārājika*, trong khi bị buộc tội với tội *Pārājika* vị [ấy] thú nhận đã phạm tội *Pācittiya*, ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya*, ...(nt)... tội *Dukkaṭa*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *Dukkaṭa*, là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp.

Vị Tỳ-khưu đã vi phạm tội *Saṅghādisesa*, ...(nt)... tội *Pācittiya*, ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya*, ...(nt)... tội *Dukkaṭa*, trong khi bị buộc tội với tội *Dukkaṭa* vị [ấy] thú nhận đã phạm tội *Pārājika*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *Pārājika* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp. Vị Tỳ-khưu đã vi phạm tội *Dukkaṭa*, trong khi bị buộc tội với tội *Dukkaṭa* vị [ấy] thú nhận đã phạm tội *Saṅghādisesa*, ...(nt)... tội *Pācittiya*, ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *Pāṭidesanīya* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp. Này Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp.

Này Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp. Thế nào là năm? Vị Tỳ-khưu đã vi phạm tội *Pārājika*, trong khi bị buộc tội với tội *Pārājika* vị [ấy] thú nhận đã phạm tội *Pārājika*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *Pārājika* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp. Vị Tỳ-khưu đã vi phạm tội *Saṅghādisesa*, ...(nt)... tội *Pācittiya*, ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya*, ...(nt)... tội *Dukkaṭa*, trong khi bị buộc tội với tội *Dukkaṭa* vị [ấy] thú nhận đã phạm tội *Dukkaṭa*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *Dukkaṭa* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp. Này Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp.

7. – Bạch Ngài, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, là vị không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Này Upāli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố? Với năm [yếu tố] gì? Là vị có liêm sỉ, là vị thông thái, là vị trong sạch, là vị nói với ý định giúp cho thoát tội, là vị không có ý định loại trừ. Này Upāli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

8. – Bạch Ngài, không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ [trong câu], không

biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

9. – Bạch Ngài, có bao nhiêu lối hỏi câu hỏi?

– Này Upāli, đây là năm lối hỏi câu hỏi. Thế nào là năm? Vị có bản tánh ngu khờ, có bản tánh si mê hỏi câu hỏi; vị có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn rồi hỏi câu hỏi; vị hỏi câu hỏi do sự khinh khi; vị hỏi câu hỏi với ý muốn hiểu biết; vị hỏi câu hỏi [nghĩ rằng]: "Nếu được ta hỏi câu hỏi vị [ấy] sẽ trả lời đúng đắn, như thế việc này là tốt đẹp, nếu được hỏi câu hỏi mà vị [ấy] không trả lời đúng đắn, ta sẽ trả lời đúng đắn cho vị ấy." Này Upāli, đây là năm lối hỏi câu hỏi.

10. – Bạch Ngài, có bao nhiêu lối bày tỏ kiến thức?

– Này Upāli, đây là năm lối bày tỏ kiến thức. Thế nào là năm? Vị có bản tánh ngu khờ, có bản tánh si mê bày tỏ kiến thức; vị có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn rồi bày tỏ kiến thức; vị bày tỏ kiến thức do bị điên do bị mất trí; vị bày tỏ kiến thức với sự tự hào quá đáng; vị bày tỏ kiến thức thật có. Này Upāli, đây là năm lối bày tỏ kiến thức.

11. – Bạch Ngài, có bao nhiêu cách làm cho trong sạch?

– Này Upāli, đây là năm cách làm cho trong sạch. Thế nào là năm? Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhất. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *Saṅghādisesa*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *Saṅghādisesa*, sau khi đọc tụng hai điều *Aniyata*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. [Đọc tụng] một cách đầy đủ là cách thứ năm. Này Upāli, đây là năm cách làm cho trong sạch.

12. – Bạch Ngài, có bao nhiêu loại vật thực mềm?

– Này Upāli, đây là năm loại vật thực mềm. Thế nào là năm? Cơm, súp, bánh, cá, thịt. Này Upāli, đây là năm loại vật thực mềm.

Phẩm "Trình bày quan điểm" là thứ tư.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Việc trình bày quan điểm, những điều khác nữa, việc thọ lãnh, vật không phải là đồ thừa, việc ngăn, đã được thừa nhận, việc thỉnh ý và với sự thảo luận, câu hỏi, bày tỏ kiến thức, sự trong sạch và cả vật thực nữa.

--ooOoo--

5. PHẨM ĐÍCH THÂN KHỞI TỐ

1. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? Này Upāli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vầy: "Ta có sở hành về thân trong sạch không? Ta có sở hành về thân trong sạch không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu không có sở hành về thân trong sạch, không có sở hành về thân trong sạch không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến thân"; có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vầy: "Ta có sở hành về khẩu trong sạch không? Ta có sở hành về khẩu trong sạch không sai sót không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu không có sở hành về khẩu trong sạch, không có sở hành về khẩu trong sạch không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến khẩu"; có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vầy: "Tâm từ của ta, tức là tâm không ác cảm đối với các vị đồng Phạm hạnh có hiện khởi không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu tâm từ của vị Tỳ-khưu là tâm không ác cảm đối với các vị đồng Phạm hạnh không có hiện khởi, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên thể hiện tâm từ đến các vị đồng Phạm hạnh"; có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vầy: "Ta có phải là vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã được nghe, tích lũy điều đã được nghe không? Những pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức tương tợ như thế có được ta nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức không? Pháp ấy được tìm

thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu không phải là vị nghe nhiều, ghi nhớ được điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe. Những pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức tương tợ như thế không được vị ấy nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên học tập kinh điển"; có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vầy: "Đối với ta, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) có được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định theo từng điều học hoặc theo từng từ ngữ không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu đối với vị Tỳ-khưu, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác định theo từng điều học hoặc theo từng từ ngữ, khi [vị ấy] được hỏi như vầy: "Này Đại đức, điều này đã được đức Thế Tôn nói ở đâu?" mà không đáp được, không hiểu được, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên học tập về Luật"; có những người nói với vị này như thế. Này Upāli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét bản thân năm pháp này rồi mới nên cáo tội vị khác.

2. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên thiết lập nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? "Ta sẽ nói hợp thời, không phải sái thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận." Này Upāli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên cáo tội vị khác.

3. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? Lòng bi mẫn, sự tầm cầu lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng Luật. Này Upāli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp ấy rồi mới nên cáo tội vị khác.

4. – Bạch Ngài, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vị] ngu dốt không kinh nghiệm, không có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Này Upāli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố.

Này Upāli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vị] thông thái có kinh nghiệm, có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Này Upāli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố.

5. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố, nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có được bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố, nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có năm yếu tố. Thế nào là năm? Này Upāli, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố, nên quán xét như sau: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này là đúng thời điểm, để áp dụng việc đích thân khởi tố này hay không đúng [thời điểm]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Sái thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải đúng thời điểm", này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Đúng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải là sái thời điểm"; này Upāli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi tố này là đúng đắn hay không [đúng đắn]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là sai trái, không đúng đắn"; này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là đúng đắn, không phải sai trái"; này Upāli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi tố này là đem sự lại lợi ích hay không [đem lại sự lợi ích]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là đem lại sự vô ích, không đem lại sự lợi ích"; này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là đem lại sự lợi ích, không phải đem lại sự vô ích"; này Upāli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong

nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luật hay sẽ không [đạt được]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ không đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm, thân thiết ở trong nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luật"; này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm, thân thiết ở trong nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luật"; này Upāli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng hay sẽ không [xảy ra]?" Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng"; này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ không xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng"; này Upāli, nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upāli, việc đích thân khởi tố đã được áp dụng có năm yếu tố như thế sẽ không đem lại sự ân hận ngay cả về sau này.

6. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố là có nhiều ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là có nhiều ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có giới hạnh, sống thu thúc theo sự hạn chế của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành theo các điều học; là vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức như thế được [vị ấy] nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức; đối với vị ấy, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) đã khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được phán xét theo từng điều học, theo từng từ ngữ; vị ấy vững vàng về Luật không có bối rối; là vị có khả năng để làm cho cả hai phe đối địch của sự kiện phải tin tưởng, biết rõ, suy nghĩ lại,

thấy được, [và] hoan hỷ. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có nhiều ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, là có nhiều ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vị] thông thái có kinh nghiệm, có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có nhiều ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là có nhiều ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có nhiều ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng.

7. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố là không nên thẩm vấn?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Giới bổn, không biết về điều phù hợp với Giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là có thể thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Giới bổn, biết về điều phù hợp với Giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn.

8. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Pháp, không biết về điều phù hợp với Pháp, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc trước và việc sau. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Pháp, biết về điều phù hợp với Pháp, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc trước và việc sau. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn.

9. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ [trong câu], không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết

về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn.

10. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyết tội. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn.

11. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biết về cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn.

Phẩm "Đích thân khởi tố" là thứ năm.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sự trong sạch, hợp thời, với lòng bi mẫn và bằng sự thỉnh ý, sự đích thân khởi tố, sự tranh tụng và các điều khác nữa, sự việc, Giới bổn, giáo pháp và sự việc nữa, tội vi phạm, sự tranh tụng.

--ooOoo--

6. PHẨM VỀ PHÁP GIŨ BỎ

1. – Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở rừng?

– Này Upāli, đây là năm hạng [hành pháp] ngụ ở rừng. Thế nào là năm? Hạng ngụ ở rừng có bản tánh ngu khờ, có bản tánh si mê; hạng ngụ ở rừng có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; hạng ngụ ở rừng do điên khùng, do mất trí; hạng ngụ ở rừng [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật khen ngợi"; và cũng có hạng ngụ ở rừng chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. Này Upāli, đây là năm hạng [hành pháp] ngụ ở rừng.

2 - 12. – Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] đi khất thực? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] mặc y *paṃsukūla*? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở gốc cây? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở mộ địa? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở ngoài trời? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] mặc ba y? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] đi khất thực theo từng nhà? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] oai nghi ngồi? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ chỗ ở theo chỉ định? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] một chỗ ngồi [khi thọ thực]? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] không ăn vật thực dâng sau? ...(nt).

13. – Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát?

Này Upāli, đây là năm hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát. Thế nào là năm? Hạng thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ, do bản tánh si mê; hạng thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; hạng thọ thực trong bình bát do điên khùng, do mất trí; hạng thọ thực trong bình bát [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật ngợi khen"; và cũng có hạng thọ thực trong bình bát chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. Này Upāli, đây là năm hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát.

Phẩm "Về pháp giũ bỏ" là thứ sáu.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Vị ngụ ở rừng, khất thực, y *paṃsukūla*, cội cây, mộ địa là thứ năm, ngoài trời, chỉ ba y, theo tuần tự, oai nghi ngồi, theo chỉ định, [thọ thực] một chỗ ngồi, không vật thực dâng sau, thọ thực trong bình bát.

--ooOoo--

7. PHẨM NÓI DỐI

1. – Bạch Ngài, có bao nhiêu loại nói dối?

– Này Upāli, đây là năm loại nói dối. Thế nào là năm? Có loại nói dối đưa đến tội *Pārājika*, có loại nói dối đưa đến tội *Saṅghādisesa*, có loại nói dối đưa đến tội *Thullaccaya*, có loại nói dối đưa đến tội *Pācittiya*, có loại nói dối đưa đến tội *Dukkaṭa*. Này Upāli, đây là năm loại nói dối.

2. – Bạch Ngài, đối với vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố đang đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi" rồi nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*?

– Này Upāli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố đang đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi' rồi nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Này Upāli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này đang đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi" rồi nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*.

Này Upāli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa đang đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi" rồi nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, ngu dốt không kinh nghiệm, là vị gây nên các sự xung đột [và] gây nên các sự cãi cọ. Này Upāli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đang đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi" rồi nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*.

3. – Bạch Ngài, việc thẩm vấn không nên giao cho vị Tỳ-khưu, có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, việc thẩm vấn không nên giao cho vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị không biết tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upāli, việc thẩm vấn không nên giao cho vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, việc thẩm vấn nên được giao cho vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upāli, việc thẩm vấn nên được giao cho vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

4. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu vi phạm tội với bao nhiêu biểu hiện?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu vi phạm tội với năm biểu hiện. Với năm [biểu hiện] gì? Do sự vô liêm sỉ, do sự không biết, do sự thường xuyên sai phạm, tưởng rằng được phép trong việc không được phép, tưởng rằng không được phép trong việc được phép. Này Upāli, vị Tỳ-khưu vi phạm tội với năm biểu hiện này.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu vi phạm tội với năm biểu hiện khác nữa. Với năm [biểu hiện] gì? Do sự không thấy, do sự không nghe, do sự bị ràng buộc, [lầm] tưởng là như vậy, có sự lẫn lộn về niệm. Này Upāli, vị Tỳ-khưu vi phạm tội với năm biểu hiện này.

5. – Bạch Ngài, có bao nhiêu điều tội lỗi?

– Này Upāli, đây là năm điều tội lỗi. Thế nào là năm? Giết hại mạng sống, việc lấy vật không được cho, việc làm sai trái trong các dục, nói dối, trường hợp dể duôi đối với chất say, chất lên men và rượu mạnh. Này Upāli, đây là năm điều tội lỗi.

6. – Bạch Ngài, có bao nhiêu sự kiêng cữ?

– Này Upāli, đây là năm sự kiêng cữ. Thế nào là năm? Sự kiêng cữ việc giết hại mạng sống, sự kiêng cữ việc lấy vật không được cho, sự kiêng cữ việc làm sai trái trong các dục, sự kiêng cữ việc nói dối, sự kiêng cữ trường hợp dể duôi đối với chất say, chất lên men và rượu mạnh. Này Upāli, đây là năm sự kiêng cữ.

7. – Bạch Ngài, có bao nhiêu sự suy sụp?

– Này Upāli, đây là năm sự suy sụp. Thế nào là năm? Sự suy sụp về thân quyến, sự suy sụp về của cải, sự suy sụp vì bệnh hoạn, sự suy sụp về giới, sự suy sụp về kiến thức. Này Upāli, đây là năm sự suy sụp.

8. – Bạch Ngài, có bao nhiêu sự thành tựu?

– Này Upāli, đây là năm sự thành tựu. Thế nào là năm? Sự thành tựu về thân quyến, sự thành tựu về của cải, sự thành tựu về không bệnh, sự thành tựu về giới, sự thành tựu về kiến thức. Này Upāli, đây là năm sự thành tựu.

Phẩm "Nói dối" là thứ bảy.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Nói dối, sự áp chế, các điều khác, sự thẩm vấn, tội vi phạm, các điều khác, tội lỗi, sự kiêng cữ, sự suy sụp và luôn cả sự thành tựu, phần tổng hợp về phẩm thứ bảy.

--ooOoo--

8. PHẨM GIÁO GIỚI TỲ-KHƯU-NI

1. – Bạch Ngài, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự đối với vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Với năm [yếu tố] gì? Vị cởi ra rồi cho các Tỳ-khưu-ni thấy thân

thể, cho thấy đùi, cho thấy chỗ kín, cho thấy cả hai vai, nói chuyện và cấu kết với người tại gia. Này Upāli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy.

Này Upāli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Với năm [yếu tố] gì? Là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được lợi lộc, là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được lợi ích, là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được chỗ ở, là vị mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khưu-ni, là vị chia rẽ các Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu-ni. Này Upāli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy.

Này Upāli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự, là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Với năm [yếu tố] gì? Là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được lợi lộc, là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được lợi ích, là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được chỗ ở, là vị mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khưu-ni, là vị cấu kết các Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu-ni. Này Upāli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy.

2. – Bạch Ngài, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì?

– Vị Ni cởi ra rồi cho các Tỳ-khưu thấy thân thể, cho thấy đùi, cho thấy chỗ kín, cho thấy hai vai, nói chuyện và cấu kết với người tại gia. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố này.

Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc, là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi ích, là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được chỗ ở, là vị Ni mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khưu, là vị Ni chia rẽ các Tỳ-khưu-ni với các Tỳ-khưu. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố này.

Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc, là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi ích, là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được chỗ ở, là vị Ni mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khưu, là vị Ni cấu kết các Tỳ-khưu-ni với các Tỳ-khưu. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố này.

3. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt và không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, là vị ngu dốt không kinh nghiệm, không có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành sai trái về thân, là vị có sở hành sai trái về khẩu, là vị có sở hành sai trái về thân và khẩu, là vị mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khưu-ni, là vị sống thân cận với các Tỳ-khưu-ni với sự chung đụng không thích hợp. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, không trong sạch, là vị thường gây ra các sự xung đột và gây ra các sự cãi vã, là vị không làm đầy đủ việc học tập. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni.

4. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không nên nhận lãnh việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên nhận lãnh việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành sai trái về thân, là vị có sở hành sai trái về khẩu, là vị có sở hành sai trái về thân và khẩu, là vị mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khưu-ni, là vị sống thân cận với các Tỳ-khưu-ni với sự chung đụng không thích hợp. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên nhận lãnh việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, không nên nhận lãnh việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, không trong sạch, là vị ra đi, hoặc là vị bị bệnh. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên nhận lãnh việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni.

5. – Bạch Ngài, không nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, không nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thành tựu vô học giới uẩn, là vị không thành tựu vô học

định uẩn, là vị không thành tựu vô học tuệ uẩn, là vị không thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vị không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này Upāli, không nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thành tựu vô học giới uẩn, ...(nt)... vô học định uẩn, ...(nt)... tuệ uẩn, ...(nt)... giải thoát uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này Upāli, nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, không nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thành đạt sự phân tích về ý nghĩa, là vị không thành đạt sự phân tích về pháp, là vị không thành đạt sự phân tích về ngôn từ, là vị không thành đạt sự phân tích về diễn giải, là vị không quán xét tâm theo sự giải thoát. Này Upāli, không nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thành đạt sự phân tích về ý nghĩa, là vị thành đạt sự phân tích về pháp, là vị thành đạt sự phân tích về ngôn từ, là vị thành đạt sự phân tích về diễn giải, là vị quán xét tâm theo sự giải thoát. Này Upāli, nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Phẩm "Giáo giới Tỳ-khưu-ni" là thứ tám.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

[Hành sự] nên được thực hiện bởi chính các Tỳ-khưu-ni, với các phần khác, tương tợ như thế có hai, ba hành sự của các Tỳ-khưu-ni, không nên chỉ định, có hai nhóm hai, không nên nhận lãnh, hai điều đã được đề cập đến và có hai nhóm hai trong các việc thảo luận.

--ooOoo--

9. PHẨM ĐẠI BIỂU

1. – Bạch Ngài, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không khéo léo về ý nghĩa, là vị không khéo léo về pháp, là vị không khéo léo về ngôn từ, là vị không khéo léo về từ vựng, là vị không khéo léo về việc trước và việc sau. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị khéo léo về ý nghĩa, là vị khéo léo về pháp, là vị khéo léo về ngôn từ, là vị khéo léo về từ vựng, là vị khéo léo về việc trước và việc sau. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị cáu kỉnh [và] bị chế ngự bởi cáu kỉnh; là vị đạo đức giả [và] bị chế ngự bởi đạo đức giả; là vị dối trá [và] bị chế ngự bởi dối trá; là vị đố kỵ [và] bị chế ngự bởi đố kỵ; là vị chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó buông bỏ. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không cáu kỉnh [và] không bị chế ngự bởi cáu kỉnh; là vị không đạo đức giả [và] không bị chế ngự bởi đạo đức giả; là vị không dối trá [và] không bị chế ngự bởi dối trá; là vị không đố kỵ [và] không bị chế ngự bởi đố kỵ; là vị không chấp thủ một cách lộ liễu, không ương ngạnh, dễ buông bỏ. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nóng nảy, hiểm độc, chống đối, tạo nên sự nóng giận, là vị không nhẫn nại không nghiêm chỉnh tiếp nhận sự giáo huấn. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không nóng nảy, không hiểm độc, không chống đối, không tạo nên sự nóng giận, là vị nhẫn nại nghiêm chỉnh tiếp nhận sự giáo huấn. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

4. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vọng động không ghi nhớ; là vị phát ngôn khi chưa thỉnh ý; là vị cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị không trình bày theo kiến thức. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị ráng ghi nhớ không vọng động; là vị phát ngôn khi đã thỉnh ý; là vị cáo tội theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị hành xử theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị trình bày theo kiến thức. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

5. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị vô liêm sỉ. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị có liêm sỉ. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

6. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị không khéo léo về Luật. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị khéo léo về Luật. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

7. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Giới bổn, không biết về điều phù hợp với Giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có năm yếu tố này.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Giới bổn, biết về điều phù hợp với Giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upāli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố này.

8. Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Giới bổn, không biết về điều phù hợp với Giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, là vị không khéo léo về việc trước và việc sau. Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có năm yếu tố này.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Giới bổn, biết về điều phù hợp với Giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, là vị khéo léo về việc trước và việc sau. Này Upāli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố này.

9. Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ [trong câu], không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có năm yếu tố này.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố này.

10. Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không

biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có năm yếu tố này.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyết tội. Này Upāli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố này.

11. Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biết về cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upāli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt" có năm yếu tố này.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upāli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố này.

Phẩm "Đại biểu" là thứ chín.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Và luôn cả vị không thiện xảo về ý nghĩa, là vị [thường] cáu kỉnh, có sự giận dữ, vọng động, bị chi phối bởi ưa thích, vị không thiện xảo là tương tợ y như thế.

Về Giới bổn và về Pháp, về sự việc, về tội vi phạm và về sự tranh tụng, hai phần cho mỗi cặp, tất cả đã được giảng giải, hãy hiểu rõ phần tối và phần sáng.

--ooOoo--

10. PHẨM GIẢI QUYẾT TRANH TỤNG

1. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến

hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyết tội. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

2. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biết về cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

3. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị vô liêm sỉ. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị có liêm sỉ. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

4. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị nghe ít. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị nghe nhiều. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

5. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ [trong câu], không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

6. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị không khéo léo về Luật. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, và là vị khéo léo về Luật. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

7. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị tôn trọng cá nhân không tôn trọng hội chúng. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị tôn trọng hội chúng, không tôn trọng cá nhân. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

8. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị tôn trọng tài vật không tôn trọng Chánh pháp. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị tôn trọng Chánh pháp không tôn trọng tài vật. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

9. – Bạch Ngài, hội chúng bị chia rẽ với bao nhiêu biểu hiện?

– Này Upāli, hội chúng bị chia rẽ với năm biểu hiện. Với năm [biểu hiện] gì? Do hành sự, do sự đọc tụng [Giới bổn], trong khi phát biểu, do lời tuyên bố, do cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, hội chúng bị chia rẽ với năm biểu hiện này.

10. – Bạch Ngài, có điều nói rằng: "Sự bất đồng trong hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng." Bạch Ngài, cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng, mà không là sự chia rẽ hội chúng? Cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng?

– Này Upāli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu vãng lai là phận sự của vị vãng lai. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế,

các Tỳ-khưu vãng lai không thực hành các phận sự của vị vãng lai; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu thường trú là phận sự của vị thường trú. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế, các Tỳ-khưu thường trú không thực hành các phận sự của vị thường trú; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu ở trong nhà ăn là phận sự ở nhà ăn: Chỗ ngồi hạng nhất, nước uống hạng nhất, thức ăn hạng nhất tùy theo thâm niên, tùy theo [số lượng] đêm, tùy theo sự chính đáng. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế, các Tỳ-khưu mới tu chiếm chỗ ngồi của các Tỳ-khưu trưởng lão ở trong nhà ăn; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu ở trong chỗ trú ngụ là phận sự đối với chỗ trú ngụ: Tùy theo thâm niên, tùy theo [số lượng] đêm, tùy theo sự chính đáng. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế, các Tỳ-khưu mới tu chiếm chỗ trú ngụ của các Tỳ-khưu trưởng lão; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu ở trong ranh giới là chung lễ *Uposatha*, chung lễ *Pavāraṇā*, chung hành sự của hội chúng, chung hành sự có tính tiếp diễn. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế, ngay tại nơi ấy, ở trong ranh giới, sau khi tách riêng rẽ, sau khi kết thành nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* riêng rẽ, thực hiện lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ, thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ, thực hiện hành sự có tính tiếp diễn riêng rẽ; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Phẩm "Giải quyết tranh tụng" là thứ mười.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Tội vi phạm, sự tranh tụng, vì ưa thích, với vị nghe ít, sự việc, vị không khéo léo, cá nhân, bằng tài vật, bị chia rẽ, sự bất đồng hội chúng và sự chia rẽ hội chúng là tương tợ y như thế.

--ooOoo--

11. PHẨM KẺ CHIA RẼ HỘI CHÚNG

1. – Bạch Ngài, kẻ chia rẽ hội chúng có bao nhiêu yếu tố là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được?

– Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố]

gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã che giấu quan điểm bằng hành sự. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

2. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã che giấu quan điểm bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

3. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã che giấu quan điểm trong khi phát biểu. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

4. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã che giấu quan điểm bằng lời tuyên bố. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

5. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã che giấu quan điểm bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

6. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã che giấu điều mong mỏi bằng hành sự. ...(nt)... đã che giấu điều mong mỏi bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã che giấu điều mong mỏi trong khi phát biểu. ...(nt)... đã che giấu điều mong mỏi bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã che giấu

điều mong mỏi bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

7. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã che giấu điều khao khát bằng hành sự. ...(nt)... đã che giấu điều khao khát bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã che giấu điều khao khát trong khi phát biểu. ...(nt)... đã che giấu điều khao khát bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã che giấu điều khao khát bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

8. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã che giấu ý tưởng bằng hành sự. ...(nt)... đã che giấu ý tưởng bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã che giấu ý tưởng trong khi phát biểu. ...(nt)... đã che giấu ý tưởng bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã che giấu ý tưởng bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Phẩm "Kẻ chia rẽ hội chúng" là thứ mười một.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sau khi che giấu quan điểm bằng hành sự, với sự đọc tụng và bằng lời phát biểu, với lời tuyên bố, bằng thẻ, năm cách này phụ thuộc vào quan điểm, điều mong mỏi, sự khao khát và ý tưởng, ba phương hướng ấy là có năm phần.

--ooOoo--

12. PHẨM THỨ NHÌ VỀ KẺ CHIA RẼ HỘI CHÚNG

1. – Bạch Ngài, kẻ chia rẽ hội chúng có bao nhiêu yếu tố là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được?

– Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố

Luật là "phi Luật", đã không che giấu quan điểm bằng hành sự. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

2. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã không che giấu quan điểm bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

3. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã không che giấu quan điểm trong khi phát biểu. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

4. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã không che giấu quan điểm bằng lời tuyên bố. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

5. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã không che giấu quan điểm bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

6. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã không che giấu điều mong mỏi bằng hành sự. ...(nt)... đã không che giấu điều mong mỏi bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)...

đã không che giấu điều mong mỏi trong khi phát biểu. ...(nt)... đã không che giấu điều mong mỏi bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã không che giấu điều mong mỏi bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

7. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã không che giấu điều khao khát bằng hành sự. ...(nt)... đã không che giấu điều khao khát bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã không che giấu điều khao khát trong khi phát biểu. ...(nt)... đã không che giấu điều khao khát bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã không che giấu điều khao khát bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

8. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì?

Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật", đã không che giấu ý tưởng bằng hành sự. ...(nt)... đã không che giấu ý tưởng bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã không che giấu ý tưởng trong khi phát biểu. ...(nt)... đã không che giấu ý tưởng bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã không che giấu ý tưởng bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Phẩm thứ nhì về kẻ chia rẽ hội chúng là thứ mười hai.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sau khi che giấu quan điểm bằng hành sự, sự đọc tụng, bằng lời phát biểu, lời tuyên bố và bằng thẻ, năm cách này phụ thuộc vào quan điểm.

Còn điều mong mỏi, sự khao khát và ý tưởng, ba đường hướng ấy là có năm phần. Giống như hai mươi phương thức tương đương này ở phần tối bên dưới, tương tợ như thế ấy hãy hiểu rõ về hai mươi sự tương đương ở phần sáng.

--ooOoo--

13. PHẨM VỊ THƯỜNG TRÚ

1. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu thường trú có bao nhiêu yếu tố bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu thường trú có năm yếu tố bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, vị sử dụng vật thuộc về hội chúng như là vật dụng thuộc về cá nhân. Này Upāli, vị Tỳ-khưu thường trú có năm yếu tố này bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm.

2. Này Upāli, vị Tỳ-khưu thường trú có năm yếu tố được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, vị không sử dụng vật thuộc về hội chúng như là vật dụng thuộc về cá nhân. Này Upāli, vị Tỳ-khưu thường trú có năm yếu tố này được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm.

3. – Bạch Ngài, có bao nhiêu cách giải thích Luật sai Pháp?

– Này Upāli, đây là năm cách giải thích Luật sai Pháp. Thế nào là năm? Này Upāli, ở đây, vị Tỳ-khưu thuyết phục rằng phi Pháp là "Pháp", thuyết phục rằng Pháp là "phi Pháp", thuyết phục rằng phi Luật là "Luật", thuyết phục rằng Luật là "phi Luật", vị quy định điều chưa được quy định và hủy bỏ điều đã được quy định. Này Upāli, đây là năm cách giải thích Luật sai Pháp.

4. Này Upāli, đây là năm cách giải thích Luật đúng Pháp. Thế nào là năm? Này Upāli, ở đây vị Tỳ-khưu thuyết phục rằng phi Pháp là "phi Pháp", thuyết phục rằng Pháp là "Pháp", thuyết phục rằng phi Luật là "phi Luật", thuyết phục rằng Luật là "Luật", vị không quy định điều chưa được quy định và không hủy bỏ điều đã được quy định. Này Upāli, đây là năm cách giải thích Luật đúng Pháp.

5. – Bạch Ngài, vị sắp xếp bữa ăn có bao nhiêu yếu tố bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm?

– Này Upāli, vị sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị không biết [bữa ăn] đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Này Upāli, vị sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố này, bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm.

6. Này Upāli, vị sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị biết [bữa ăn] đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Này Upāli, vị sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố này được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm.

7. Này Upāli, vị phân bố chỗ trú ngụ ...(nt)... vị giữ kho đồ đạc ...(nt)... vị tiếp nhận y ...(nt)... vị phân chia y ...(nt)... vị phân chia cháo ...(nt)... vị phân chia trái cây ...(nt)... vị phân chia thức ăn khô ...(nt)... vị phân chia vật linh tinh ...(nt)... vị tiếp nhận y khoác ngoài ...(nt)... vị tiếp nhận bình bát ...(nt)... vị quản trị các người phụ việc chùa ...(nt)... vị quản trị các Sa-di có bao nhiêu yếu tố bị đọa vào địa ngục, tương ứng với việc đã làm như thế?

Này Upāli, vị quản trị các Sa-di có năm yếu tố bị đọa vào địa ngục, như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị không biết điều cần quản trị và điều không cần quản trị. Này Upāli, vị quản trị các Sa-di có năm yếu tố này bị đọa vào địa ngục, như thế tương ứng với việc đã làm.

8. Này Upāli, vị quản trị các Sa-di có năm yếu tố được sanh vào cõi trời, như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị biết điều cần quản trị và điều không cần quản trị. Này Upāli, vị quản trị các Sa-di có năm yếu tố này được sanh vào cõi trời, như thế tương ứng với việc đã làm.

Phẩm "Vị thường trú" là thứ mười ba.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Vị [Tỳ-khưu] thường trú, các điều giải thích, sắp xếp bữa ăn, chỗ ngụ, đồ đạc, việc tiếp nhận y và vị phân chia y.

Cháo, trái cây, vật thực khô, vật linh tinh, vị tiếp nhận tấm choàng, bình bát luôn cả người phụ việc chùa, với Sa-di và vị quản trị.

--ooOoo--

14. PHẨM THÀNH TỰU *KAṬHINA*

1. – Bạch Ngài, có bao nhiêu điều thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭhina*?

– Này Upāli, đây là năm điều thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭhina*. Thế nào là năm? Việc ra đi không phải báo, việc ra đi không mang theo [đủ cả ba y], sự thọ thực thành nhóm, [sử dụng được nhiều] y theo như nhu cầu, sự phát sanh về y tại nơi ấy sẽ là của các vị ấy. Này Upāli, đây là năm điều thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭhina*.

2. – Bạch Ngài, có bao nhiêu điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ?

– Này Upāli, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Vị [ấy] ngủ khổ sở, thức dậy

khổ sở, thấy mộng điều ác xấu, chư thiên không hộ trì, tinh dịch bị xuất ra. Này Upāli, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ.

Này Upāli, đây là năm điều lợi ích của vị có niệm đã được thiết lập, có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Vị [ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không thấy mộng điều ác xấu, chư thiên hộ trì, tinh dịch không bị xuất ra. Này Upāli, đây là năm điều lợi ích của vị có niệm đã được thiết lập, có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ.

3. – Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng người không nên được đảnh lễ?

– Này Upāli, đây là năm hạng người không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị đã đi vào trong xóm nhà không nên được đảnh lễ, vị đi ở đường lộ không nên được đảnh lễ, vị ở trong bóng tối không nên được đảnh lễ, vị không chú ý đến [sự đảnh lễ] không nên được đảnh lễ, vị đã ngủ không nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ.

4. Này Upāli, đây là năm hạng người khác nữa, không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Khi húp cháo không nên được đảnh lễ, ở trong nhà ăn không nên được đảnh lễ, vị tách riêng một mình [do oán giận] không nên được đảnh lễ, vị chú ý vào việc khác không nên được đảnh lễ, vị lõa thể không nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ.

5. Này Upāli, đây là năm hạng người khác nữa, không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị đang nhai [vật thực cứng] không nên được đảnh lễ, vị đang ăn [vật thực mềm] không nên được đảnh lễ, vị đang đại tiện không nên được đảnh lễ, vị đang tiểu tiện không nên được đảnh lễ, vị bị án treo không nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ.

6. Này Upāli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị tu lên bậc trên sau không nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước, vị chưa tu lên bậc trên không nên được đảnh lễ, vị không đồng cộng trú thâm niên hơn nói sai Pháp không nên được đảnh lễ, người nữ không nên được đảnh lễ, người vô căn không nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ.

7. Này Upāli, đây là năm hạng người khác nữa, không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị thực hành hình phạt *Parivāsa* không nên được đảnh lễ, vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không nên được đảnh lễ, vị xứng đáng hình phạt *Mānatta* không nên được đảnh lễ, vị thực hành hình phạt *Mānatta* không nên được đảnh lễ, vị xứng đáng sự giải tội không nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ.

8. – Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng người nên được đảnh lễ?

– Này Upāli, đây là năm hạng người nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị tu lên bậc trên trước nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên sau, vị không đồng

cộng trú thâm niên hơn nói đúng Pháp nên được đảnh lễ, thầy dạy học nên được đảnh lễ, thầy tế độ nên được đảnh lễ, trong thế gian tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, loài người, đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này nên được đảnh lễ.

9. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn, nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân?

– Này Upāli, vị Tỳ-khưu mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân. Thế nào là năm? Này Upāli, vị Tỳ-khưu mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn, nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên, chà xát khắp hai chân với hai lòng bàn tay, sau khi an trú với sự quý mến và kính trọng, rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân. Này Upāli, vị Tỳ-khưu mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân.

Phẩm “Thành tựu *Kaṭhina*” là thứ mười bốn.

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sự thành tựu *Kaṭhina* và giấc ngủ, khoảng giữa [đường], [húp] cháo, khi [đang] nhai, vị tu trước, vị thực hành *Parivāsa*, vị đáng được đảnh lễ, liên quan đến việc nên đảnh lễ.

Dứt “Nhóm năm về Upāli.”

*****

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY

Không nương nhờ, hành sự, lời phát biểu, với sự trình bày, sự cáo tội và các pháp giũ bỏ, dối trá luôn cả Tỳ-khưu-ni.

Đại biểu, sự tranh tụng, kẻ chia rẽ [hội chúng], điều thứ năm ở trước, vị thường trú và lễ *Kaṭhina*, mười bốn phần đã khéo được giải thích.

--ooOoo--

NGUỒN SANH KHỞI

Có loại tội vị vi phạm không có ý thức, thoát tội có ý thức. [a][1] Có loại tội vị vi phạm có ý thức, thoát tội không có ý thức. [b][2] Có loại tội vị vi phạm không có ý thức, thoát tội không có ý thức. Có loại tội vị vi phạm có ý thức, thoát tội có ý thức. Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm thiện. [c][3] Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm bất thiện. [d][4] Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm vô ký. [e][5] Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm bất thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm vô ký. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký, [f][6] thoát tội với tâm thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký, thoát tội với tâm bất thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký, thoát tội với tâm vô ký.

Tội *Pārājika* thứ nhất sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Pārājika* thứ nhất sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Tội *Pārājika* thứ nhì sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Pārājika* thứ nhì sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

Tội *Pārājika* thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Pārājika* thứ ba sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

Tội *Pārājika* thứ tư sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

---

[1] [a] Vi phạm không có ý thức, thoát tội có ý thức: Vi phạm không có sự cố ý gọi là vi phạm không có ý thức, còn trong khi sám hối là thoát tội có ý thức (*VinA*. VII. 1380).

[2] [b] Vi phạm có ý thức, thoát tội không có ý thức: Vi phạm có ý thức là có sự cố ý trong khi vi phạm, còn thoát tội không có ý thức là thoát tội do cách dùng cỏ che lấp (*Sđd.*).

[3] [c] Vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm thiện: Vị nghĩ rằng: "Ta sẽ bố thí Pháp" rồi dạy người chưa tu lên bậc trên, đọc Pháp theo từng câu là vi phạm tội với tâm thiện. Rồi trong lúc sám hối có tâm hướng thượng nghĩ rằng: "Ta đang hành theo lời đức Phật dạy" là thoát tội với tâm thiện (*Sđd.*).

[4] [d] Thoát tội với tâm bất thiện: Là có trạng thái bực bội khi sám hối (*Sđd.*).

[5] [e] Thoát tội với tâm vô ký: Trường hợp sám hối trong khi bị ngái ngủ là thoát tội với tâm vô ký (*Sđd.*).

[6] [f] Vi phạm với tâm vô ký: Ví dụ như trường hợp bị ngái ngủ, rồi vi phạm việc nằm chung chỗ ngụ với người nữ (*Sđd.*).

– Tội *Pārājika* thứ tư sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

Dứt "Bốn tội *Pārājika*."

*****

1. Tội *Saṅghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

2. Tội *Saṅghādisesa* đến vị thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

3. Tội *Saṅghādisesa* đến vị nói với người nữ bằng những lời dâm dật sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị nói với người nữ bằng những lời dâm dật sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

4. Tội *Saṅghādisesa* đến vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân, trong sự hiện diện của người người nữ sanh lên với ba nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Tội *Saṅghādisesa* đến vị tiến hành việc mai mối sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị tiến hành việc mai mối sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

6. Tội *Saṅghādisesa* đến vị bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin [vật liệu] sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin [vật liệu] sanh lên với sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Tội *Saṅghādisesa* đến vị bảo xây dựng trú xá lớn sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị bảo xây dựng trú xá lớn sanh lên với sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

8. Tội *Saṅghādisesa* đến vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* không có nguyên cớ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Sārājika* không có nguyên cớ sanh lên với ba nguồn sanh tội: ...(nt).

9. Tội *Saṅghādisesa* đến vị nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt, thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt, rồi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt, thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt, rồi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Pārājika* sanh lên với ba nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Tội *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở, đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

11. Tội *Saṅghādisesa* đến các vị Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ [hội chúng] không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến các vị Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ [hội chúng] không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

12. Tội *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu khó dạy không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu khó dạy không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

13. Tội *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu là người làm hư hỏng các gia đình không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu là người làm hư hỏng các gia đình không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

Dứt "Mười ba tội *Saṅghādisesa*."

*****

...(nt)...

Tội *Dukkaṭa* đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Tội *Dukkaṭa* đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Dứt "Các tội *Sekhiya.*"

*****

1. Bốn tội *Pārājika* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Bốn tội *Pārājika* sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

2. Mười ba tội *Saṅghādisesa* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Mười ba tội *Saṅghādisesa* sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

3. Hai tội *Aniyata* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Hai tội *Aniyata* sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

4. Ba mươi tội *Nissaggiya Pācittiya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Ba mươi tội *Nissaggiya Pācittiya* sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

5. Chín mươi hai tội *Pācittiya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Chín mươi hai tội *Pācittiya* sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

6. Bốn tội *Pāṭidesanīya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Bốn tội *Pāṭidesanīya* sanh lên với bốn nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

7. Bảy mươi lăm tội *Sekhiya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

– Bảy mươi lăm tội *Sekhiya* sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

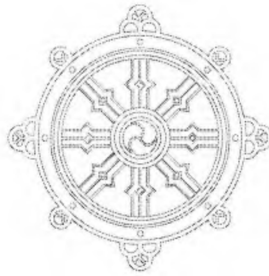
Dứt chương "Nguồn sanh khởi."

*****

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Vô ý thức, luôn cả [tâm] thiện và nguồn sanh khởi trong mọi trường hợp, hãy biết rõ về nguồn sanh khởi theo đúng Pháp có phương thức.

--ooOoo--



SƯU TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ - PHẦN HAI[1]

1. Bao nhiêu tội đã được làm do thân? Bao nhiêu đã được làm do khẩu? Bao nhiêu tội của vị đang che giấu? Bao nhiêu là do duyên xúc chạm?

2. – Sáu loại tội do thân. Sáu đã được làm do khẩu. [a][2] Ba tội của vị đang che giấu. [b][3] Năm là do duyên xúc chạm. [c][4]

3. Vào lúc rạng đông bao nhiêu tội? Bao nhiêu là đến lần thứ ba? Ở đây, bao nhiêu tội liên quan đến tám việc? Sự tổng hợp về tất cả là với bao nhiêu?

4. – Vào lúc rạng đông ba loại tội. [d][5] Hai tội đến lần thứ ba. [e][6] Ở đây có một loại liên quan đến tám việc. [f][7] Sự tổng hợp về tất cả là với một điều. [g][8]

5. Đối với Luật, có bao nhiêu căn nguyên đã được quy định bởi đức Phật? Tội nghiêm trọng ở Luật đã được nói đến là bao nhiêu? Sự che giấu về tội phạm xấu xa có bao nhiêu?

---

[1] Các câu trả lời ở Chánh Tạng chỉ được ghi ngắn gọn, nên cần phải xem lời giải thích của ngài Buddhaghosa. Nguồn trích dẫn cho các lời giải thích của ngài được cung cấp một phần do I. B. Horner, dịch giả bản Anh ngữ, còn một phần là sự đóng góp của người dịch.

[2] [a] Tội vi phạm do thân: Là tội sanh lên với nguồn sanh tội thứ tư là do thân và do ý, không do khẩu. Tội vi phạm do khẩu: Là tội sanh lên với nguồn sanh tội thứ năm là sanh lên do khẩu và do ý, không do thân (*Sđd.*). Xem chi tiết ở tr. 1175 trong tập này; *TTPV*, tập 8, *Parivāra* (*Tập yếu*) I, tr. 331.

[3] [b] Ba loại tội của vị đang che giấu: Là tội *Pārājika* thứ nhì đến vị Tỳ-khưu-ni che giấu tội lỗi [của Tỳ-khưu-ni khác], tội *Pācittiya* 64 đến vị Tỳ-khưu che giấu tội xấu xa [của Tỳ-khưu khác] và tội *Dukkaṭa* đến vị che giấu tội xấu xa của bản thân (*VinA.* VII. 1380).

[4] [c] Năm tội do duyên xúc chạm: Là tội *Pārājika* thứ nhất của Tỳ-khưu-ni, về phần của Tỳ-khưu là tội *Saṅghādisesa* thứ nhì do việc xúc chạm thân thể, tội *Thullaccaya* do việc thân chạm vào vật được gắn liền với thân, tội *Dukkaṭa* do vật được ném ra chạm vào vật được gắn liền với thân và tội *Pācittiya* 52 do việc thọt léc bằng ngón tay (*VinA.* VII. 1380-82).

[5] [d] Rạng đông ba loại tội: Là các tội *Nissaggiya Pācittiya* do cất giữ các loại vật dụng vượt quá 1 đêm, 6 đêm, 7 ngày, 10 ngày, 1 tháng, tội *Saṅghādisesa* 3 cho Tỳ-khưu-ni cư ngụ riêng rẽ qua đêm và tội *Dukkaṭa* do che giấu tội (*VinA.* VII. 1381).

[6] [e] Hai tội đến lần thứ ba: Là loại tội vi phạm do việc không dứt bỏ khi được nhắc nhở đến lần thứ ba, áp dụng cho hai hạng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni nên được tính là hai (*Sđd.*).

[7] [f] Một loại liên quan đến tám việc: Là tội *Pārājika* thứ tư đến vị Tỳ-khưu-ni làm đầy đủ tám sự việc (*Sđd.*).

[8] [g] Sự tổng hợp về tất cả là với một điều: Phần mở đầu của việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) có đoạn: "*Yassa siyā āpatti, so āvikareyya*" nghĩa là "nếu vị nào có phạm tội, vị ấy nên bày tỏ" (tr. 406 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương II, tr. 251). Với một lời đọc tụng này là sự tổng hợp, về tất cả các điều học và toàn bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) (*VinA.* VII. 1381).

6. – Đối với Luật, có hai căn nguyên [h][9] đã được quy định bởi đức Phật. Hai loại tội nghiêm trọng ở Luật đã được nói đến. [i][10] Hai sự che giấu về tội phạm xấu xa. [j][11]

7. Bao nhiêu tội ở trong làng? Bao nhiêu do duyên vượt sông? Bao nhiêu tội *Thullaccaya* về các loại thịt? Bao nhiêu tội *Dukkaṭa* về các loại thịt?

8. – Bốn loại tội trong làng. [k][12] Bốn loại do duyên vượt sông. [l][13] Tội *Thullaccaya* về một loại thịt. Tội *Dukkaṭa* về chín loại thịt. [m][14]

9. Ban đêm, bao nhiêu tội có liên quan đến khẩu? Ban ngày, bao nhiêu tội có liên quan đến khẩu? Trong khi cho có bao nhiêu loại tội? Bao nhiêu trong khi thọ nhận?

10. – Ban đêm, có hai tội liên quan đến khẩu. [n][15] Ban ngày, có hai tội liên quan đến khẩu. [o][16] Trong khi cho có ba tội. [p][17] Và bốn tội về việc thọ nhận. [q][18]

11. Có bao nhiêu tội đưa đến việc sám hối? Bao nhiêu tội đã làm có sự sửa chữa được? Ở đây, bao nhiêu tội không có sự sửa chữa đã được nói lên bởi đức Phật, vị Thân Quyến Mặt Trời?

---

[9] [h] Đối với Luật, có hai căn nguyên: Là thân và khẩu (*Sđd.*).

[10] [i] Hai loại tội nghiêm trọng: Là tội *Pārājika* và tội *Saṅghādisesa* (*Sđd.*).

[11] [j] Tội phạm xấu xa có hai sự che giấu: Vị Tỳ-khưu-ni che giấu tội *Pārājika* của vị Tỳ-khưu-ni khác thì phạm tội *Pārājika* thứ nhì, vị Tỳ-khưu che giấu tội *Saṅghādisesa* của vị Tỳ-khưu khác thì phạm tội *Pācittiya* 64 (*Sđd.*).

[12] [k] Bốn loại tội trong làng: Tỳ-khưu hẹn với Tỳ-khưu-ni hoặc với người nữ đi đường xa thì phạm *Dukkaṭa*, khi bước vào vùng phụ cận của ngôi làng khác thì phạm tội *Pācittiya* (xem điều học *Pācittiya* 27, 67), vị Tỳ-khưu-ni đi vào làng một mình có liên quan đến hai tội là tội *Thullaccaya* và tội *Saṅghādisesa* (xem điều học *Saṅghādisesa* 3 của Tỳ-khưu-ni).

[13] [l] Bốn loại tội do duyên vượt sông: Tỳ-khưu hẹn với Tỳ-khưu-ni đi chung thuyền thì phạm *Dukkaṭa* (điều *Pācittiya* 28), rồi lên chung thuyền thì phạm tội *Pācittiya*, vị Tỳ-khưu-ni vượt sang sông một mình có liên quan đến hai tội là *Thullaccaya* và tội *Saṅghādisesa* (điều *Saṅghādisesa* 3 của Tỳ-khưu-ni).

[14] [m] Tội liên quan đến mười loại thịt: Tội *Thullaccaya* đến vị thọ dụng thịt người, tội *Dukkaṭa* đối với vị thọ dụng chín loại thịt không được phép còn lại. Xem tr. 285-87 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VI, tr. 39-43.

[15] [n] Ban đêm, có hai tội liên quan đến khẩu: Vị Tỳ-khưu-ni đứng chuyện trò với người nam trong bóng tối không đèn, trong khoảng cách của tầm tay thì phạm tội *Pācittiya* 11, trường hợp ở ngoài tầm tay thì phạm tội *Dukkaṭa* (*VinA.* VII. 1381-82).

[16] [o] Ban ngày, có hai tội liên quan đến khẩu: Vào ban ngày, vị Tỳ-khưu-ni đứng chuyện trò với người nam ở chỗ được che khuất, trong khoảng cách của tầm tay thì phạm tội *Pācittiya* 12, ngoài tầm tay phạm tội *Dukkaṭa* (*Sđd.* 1382).

[17] [p] Trong khi cho có ba tội: Vị Tỳ-khưu cho thuốc độc và đã hại chết người thì phạm tội *Pārājika*, hại chết dạ-xoa và phi nhân thì phạm tội *Thullaccaya*, hại chết thú vật thì phạm tội *Pācittiya* (xem điều học *Pārājika* thứ ba của Tỳ-khưu), hoặc cho y đến Tỳ-khưu-ni thì phạm tội *Pācittiya* 25 (*Sđd.*).

[18] [q] Bốn tội về việc thọ nhận: Vị Tỳ-khưu chạm vào tay và tóc của người nữ phạm tội *Saṅghādisesa* thứ nhì, đưa dương vật vào miệng có sự đụng chạm thì phạm tội *Pārājika* thứ nhất, thọ lãnh y từ tay của vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya* 5, vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng [nhưng chưa thọ dụng] phạm tội *Thullaccaya* (xem tội *Saṅghādisesa* 5 của Tỳ-khưu-ni).

12. – Có năm loại tội đưa đến việc sám hối. [r][19] Sáu loại tội đã làm có sự sửa chữa được. [s][20] Ở đây, một loại tội không có sự sửa chữa đã được nói lên bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

13. Bao nhiêu loại tội nặng của Luật đã được nói đến có liên quan đến thân và khẩu? Bao nhiêu tội lúc sái thời có vị của lúa gạo? Bao nhiêu sự thỏa thuận với sự thông báo đến lần thứ tư?

14. – Có hai loại tội nặng của Luật đã được nói đến có liên quan đến thân và khẩu. Một tội lúc sái thời có vị của lúa gạo. [t][21] Một sự thỏa thuận với [hành sự] có lời đề nghị đến lần thứ tư. [u][22]

15. Tội *Pārājika* liên quan đến thân là bao nhiêu? Có bao nhiêu nền tảng của việc đồng cộng trú? Sự đứt đêm là của bao nhiêu hạng? Về việc hai lóng tay, đã được quy định là bao nhiêu?

16. – Tội *Pārājika* liên quan đến thân có hai điều. [a][23] Và có hai nền tảng của việc đồng cộng trú. [b][24] Và sự đứt đêm là của hai hạng. [c][25] Về việc hai lóng tay, có hai điều đã được quy định. [d][26]

17. Sau khi đánh chính mình bao nhiêu tội? Hội chúng bị chia rẽ bởi bao nhiêu cách? Ở đây, có bao nhiêu tội vi phạm ngay tức thời? Bao nhiêu do nguyên nhân của lời đề nghị?

18. – Sau khi đánh chính mình hai tội. [e][27] Hội chúng bị chia rẽ bởi hai cách. [f][28] Ở đây, có hai loại tội vi phạm ngay tức thời. [g][29] Hai loại do nguyên nhân của lời đề nghị.

---

[19] [r] Năm loại tội đưa đến việc sám hối: Là các loại tội nhẹ (*Sđd.).*

[20] [s] Sáu loại tội có sự sửa chữa: Là các tội còn lại sau khi trừ ra tội *Pārājika* là loại tội không có sự sửa chữa(*Sđd.*).

[21] [t] Một tội lúc sái thời có vị của lúa gạo: Là cháo chua có bỏ muối vào lúc sái thời. Xem tr. 277 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VI, tr. 25.

[22] [u] Một sự thỏa thuận với hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư: Là hành sự chỉ định vị Tỳ-khưu làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni (xem điều học *Pācittiya* 21 của Tỳ-khưu).

[23] [a] Tội *Pārājika* liên quan đến thân có hai: Là tội *Pārājika* về việc đôi lứa của Tỳ-khưu và tội *Pārājika* về việc xúc chạm thân thể của Tỳ-khưu-ni (*VinA.* VII. 1382).

[24] [b] Hai nền tảng của việc đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy. Xem tr. 452 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương X, tr. 335.

[25] [c] Sự đứt đêm là của hai hạng: Là vị thực hành hành phạt *Parivāsa* và vị thực hành hành phạt *Mānatta* (*VinA.* VII. 1382).

[26] [d] Về việc hai lóng tay có hai điều: Là tội *Pācittiya* 5 về việc Tỳ-khưu-ni làm sạch sẽ bằng nước sâu quá hai lóng tay và tội *Dukkaṭa* về việc Tỳ-khưu để tóc dài (*Sđd.*).

[27] [e] Sau khi đánh chính mình hai tội: Vị Tỳ-khưu-ni tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc phạm tội *Pācittiya* 20, tự đánh đấm chính mình mà không khóc phạm tội *Dukkaṭa* (*Sđd.*).

[28] [f] Hội chúng bị chia rẽ bởi hai cách: Là chia rẽ bằng cách thực hiện hành sự hoặc là bằng cách phân phát thẻ biểu quyết (*Sđd.*).

[29] [g] Hai loại tội vi phạm ngay tức thời: Là được phân theo Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni (*Sđd.* 1383).

19. Trong việc giết hại mạng sống bao nhiêu tội? Vì lời nói có bao nhiêu tội *Pārājika*? Do việc nói lời [thô tục] bao nhiêu tội được nói đến? Hoặc do việc mai mối là bao nhiêu tội?

20. – Trong việc giết hại mạng sống ba tội. Vì lời nói vi phạm ba tội *Pārājika*. [h][30] Do việc nói lời [thô tục] ba tội được đề cập đến. Hoặc do việc mai mối là ba tội. [i][31]

21. Có bao nhiêu hạng người không được tu bậc trên? Các hành sự có bao nhiêu phần tổng hợp lại? Bao nhiêu kẻ bị trục xuất được nói đến? Một tuyên ngôn cho bao nhiêu người?

22. – Có ba hạng người không được tu bậc trên. Các hành sự có ba phần tổng hợp lại. [j][32] Ba kẻ bị trục xuất được nói đến. [k][33] Một tuyên ngôn cho ba người. [l][34]

23. Về việc lấy vật không được cho có bao nhiêu tội? Bao nhiêu do duyên việc đôi lứa? Bao nhiêu tội trong khi chặt đứt? Bao nhiêu do duyên đã quăng bỏ?

24. – Về việc lấy vật không được cho có ba tội. Bốn do duyên việc đôi lứa. Ba tội trong khi chặt đứt. Năm do duyên đã quăng bỏ. [m][35]

25. Ở phần giáo giới Tỳ-khưu-ni có các tội *Dukkaṭa* và *Pācittiya*? Nơi đây có bao nhiêu nhóm chín được nói đến? Và với y của bao nhiêu hạng?

26. – Ở phần giáo giới Tỳ-khưu-ni có các tội *Dukkaṭa* và *Pācittiya*. Nơi đây có bốn nhóm chín được nói đến. [n][36] Và với y của hai hạng.

27. Và đối với các Tỳ-khưu-ni bao nhiêu tội *Pāṭidesanīya* được nói đến? Có bao nhiêu tội *Dukkaṭa* với tội *Pācittiya* vì thóc lúa chưa xay trong lúc đang thọ thực?

---

[30] [h] Vì lời nói vi phạm ba tội *Pārājika*: Nói đến tội *Pārājika* 2, 3, 4 của Tỳ-khưu-ni là che giấu tội, xu hướng theo vị bị phạt án treo và liên quan tám sự việc. Tuy nhiên, *Chú giải Kurundī* nói đến việc trộm cắp có sự bàn bạc, giết người và khoe pháp thượng nhân (*Sđd.*).

[31] [i] Do lời nói ba tội được đề cập: Do việc nói lời thô tục, vị Tỳ-khưu có thể vi phạm ba tội là tội *Saṅghādisesa*, *Thullaccaya* và tội *Dukkaṭa*; xem điều học *Saṅghādisesa* 3 của Tỳ-khưu. Cũng với ba tội trên ở điều học *Saṅghādisesa* 5 của Tỳ-khưu về việc làm mai mối (*Sđd.*).

[32] [j] Các hành sự có ba phần gộp chung lại: Là việc tiến hành tuyên ngôn hành sự gồm ba phần: Phần đầu với lời đề nghị, phần giữa với phần thông báo và phần cuối là câu kết luận (*Sđd.*).

[33] [k] Ba kẻ bị trục xuất được nói đến: Là Tỳ-khưu-ni Mettiyā (xem phần duyên khởi ở điều học *Saṅghādisesa* 8 của Tỳ-khưu), kẻ vô căn được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu rồi đã làm điều nhơ nhớp (xem tr. 105 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương I, tr. 213) và Sa-di Kantaka được nói đến ở điều học *Pācittiya* 70 của Tỳ-khưu (*VinA.* VII. 1384).

[34] [l] Một tuyên ngôn cho ba người: Là có thể tiến hành tuyên ngôn tu lên bậc trên cho hai hoặc ba vị một lượt (*Sđd.*).

[35] [m] Năm do duyên đã quăng bỏ: Do việc đổ bỏ thuốc độc và đã hại chết người, hoặc dạ-xoa, hoặc loài thú phạm tội *Pārājika*, hoặc tội *Thullaccaya*, hoặc tội *Pācittiya* (xem điều *Pārājika* thứ ba của Tỳ-khưu), làm xuất ra tinh dịch liên quan tội *Saṅghādisesa* thứ nhất và việc đổ bỏ chất thải do tiêu tiểu lên cỏ xanh phạm tội *Dukkaṭa* ở phần *Sekhiya*(*Sđd.*).

[36] [n] Bốn nhóm chín được nói đến: Là hai nhóm chín về hành sự sai Pháp và đúng Pháp ở điều học *Pācittiya* 21 của Tỳ-khưu (*Sđd.*).

28. – Và đối với các Tỳ-khưu-ni có tám tội *Pāṭidesanīya* đã bị vi phạm được nói đến. Tội *Dukkaṭa* với tội *Pācittiya* đã bị vi phạm vì thóc lúa chưa xay trong lúc đang thọ thực. [o][37]

29. Đối với vị đang đi có bao nhiêu tội? Hoặc ngay cả đối với vị đang đứng có bao nhiêu tội? Đối với vị đã ngồi xuống có bao nhiêu tội? Ngay cả đối với vị đã nằm xuống có bao nhiêu?

30. – Đối với vị đang đi có bốn loại tội. Hoặc ngay cả đối với vị đang đứng cũng có bấy nhiêu. Đối với vị đã ngồi xuống có bốn loại tội. Ngay cả đối với vị đã nằm xuống cũng có bấy nhiêu.

31. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có thể vi phạm bao nhiêu tội *Pācittiya* đồng một lượt không trước không sau?

32. – Tất cả các sự việc đều khác nhau, có thể vi phạm năm tội *Pācittiya* đồng một lượt không trước không sau. [a][38]

33. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có thể vi phạm bao nhiêu tội *Pācittiya* đồng một lượt không trước không sau?

34. – Tất cả các sự việc đều khác nhau, có thể vi phạm chín tội *Pācittiya* đồng một lượt không trước không sau. [b][39]

35. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội *Pācittiya*? Có thể sám hối tội với bao nhiêu lời nói, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời?

36. – Tất cả các sự việc đều khác nhau, có năm tội *Pācittiya*. Có thể sám hối tội chỉ với một lời nói, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

37. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội *Pācittiya*? Có thể sám hối tội với bao nhiêu lời nói, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời?

38. – Tất cả các sự việc đều khác nhau, có chín tội *Pācittiya*. Có thể sám hối tội chỉ với một lời nói, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

39. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội *Pācittiya*? Và sau khi báo điều gì thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời?

40. – Tất cả các sự việc đều khác nhau, có năm tội *Pācittiya*. Sau khi báo sự việc thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

---

[37] [o] Các vị thọ thực thóc lúa chưa xay đã vi phạm hai loại tội *Dukkaṭa* và *Pācittiya*, được đề cập đến ở điều học *Pācittiya* 7 của Tỳ-khưu-ni (*Sđd.*).

[38] [a] Vi phạm năm tội *Pācittiya* đồng một lượt: Vị Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh năm loại dược phẩm rồi trộn chung vào trong vật chứa khác nhau, hoặc trong cùng một vật chứa rồi để quá bảy ngày. Vị ấy phạm năm tội *Nissaggiya Pācittiya* khác sự vật đồng một lúc, không thể phân biệt tội nào trước tội nào sau (*Sđd.* 1385).

[39] [b] Vi phạm chín tội *Pācittiya* đồng một lượt: Vị Tỳ-khưu không bị bệnh sau khi yêu cầu chín loại vật thực hảo hạng trộn chung lại với nhau, rồi thọ thực thì phạm chín tội *Pācittiya* 39 (*Sđd.*).

41. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội *Pācittiya*? Và sau khi báo điều gì thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời?

42. – Tất cả các sự việc đều khác nhau, có chín tội *Pācittiya*. Sau khi báo sự việc thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

43. Bao nhiêu loại tội vi phạm cho đến lần thứ ba? Bao nhiêu do duyên phát biểu? Bao nhiêu loại tội trong khi nhai? Bao nhiêu do duyên vật thực?

44. – Ba loại tội vi phạm cho đến lần thứ ba. [a][40] Sáu loại do duyên phát biểu. [b][41] Ba loại tội trong khi nhai. [c][42] Năm tội do duyên vật thực. [d][43]

45. Tất cả các điều học cho đến lần thứ ba đưa đến bao nhiêu trường hợp tội? Và là tội của chính bao nhiêu hạng người? Và do sự tranh tụng của bao nhiêu hạng người?

46. – Tất cả các điều học cho đến lần thứ ba đưa đến năm trường hợp tội. [e][44] Và là tội của chính năm hạng người. [f][45] Và do sự tranh tụng của năm hạng.

47. Công việc xét xử [tội] là của bao nhiêu hạng người? Và việc giải quyết là của bao nhiêu hạng người? Sự không vi phạm tội của chính bao nhiêu hạng người? Vị chói sáng với bao nhiêu trường hợp?

48. – Công việc xét xử [tội] là của năm hạng người. Và việc giải quyết là của năm hạng. Sự không vi phạm tội của chính năm hạng. Vị chói sáng với ba trường hợp. [g][46]

---

[40] [a] Ba loại tội vi phạm cho đến lần thứ ba: Là ba loại tội được thành lập khi đã được hội chúng nhắc nhở đến lần thứ ba gồm có: Tội *Pārājika* 3 cho vị Tỳ-khưu-ni xu hướng theo Tỳ-khưu tà kiến, tội *Saṅghādisesa* 11 đến vị Tỳ-khưu ủng hộ việc chia rẽ hội chúng, tội *Pācittiya* 68 đến vị Tỳ-khưu không dứt bỏ tà kiến (*Sdd.*).

[41] [b] Sáu loại tội vi phạm do duyên phát biểu: Nói về sáu trường hợp hư hỏng vì nguyên nhân nuôi mạng đã được đề cập trước đây ở trang 1271: Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng, tội *Pārājika*. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị thực hành việc mai mối, tội *Saṅghādisesa*. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị nói rằng: "Vị [Tỳ-khưu] nào sống trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán", tội *Thullaccaya*. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị Tỳ-khưu yêu cầu vật thực hảo hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực, tội *Pācittiya*. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị Tỳ-khưu-ni yêu cầu vật thực hảo hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực, tội *Pāṭidesanīya*. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị không bị bệnh yêu cầu súp hoặc cơm vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực, tội *Dukkaṭa* (*Sdd.* 1385-86).

[42] [c] Ba loại tội trong khi nhai: Trong trường hợp nhai thịt người thì phạm tội *Thullaccaya*, nhai chín loại thịt không được phép còn lại phạm tội *Dukkaṭa*, Tỳ-khưu-ni nhai tỏi phạm tội *Pācittiya* (*Sdd.* 1386).

[43] [d] Năm tội do duyên vật thực: Ba loại tội trên thêm vào tội *Saṅghādisesa* đến vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi thọ thực và tội *Pāṭidesanīya* đến vị Tỳ-khưu-ni yêu cầu vật thực hảo hạng rồi thọ dụng; tổng cộng là năm loại tội (*Sdd.*).

[44] [e] Các điều học cho đến lần thứ ba đưa đến năm trường hợp tội: Là tội *Dukkaṭa*, tội *Thullaccaya,* tội *Pārājika* được nói đến ở điều *Pārājika* 3 của Tỳ-khưu-ni về việc xu hướng theo vị Tỳ-khưu bị án treo, thêm vào tội *Saṅghādisesa* 10 về chia rẽ hội chúng và tội *Pācittiya* 68 về việc không chịu dứt bỏ tà kiến ác của Tỳ-khưu (*Sdd.*).

[45] [f] Tội của chính năm hạng người: Tức là năm hạng người đồng đạo gồm có Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di và Sa-di-ni (*Sdd.*).

[46] [g] Vị chói sáng với ba trường hợp: Là nói đến ba nơi là ở giữa hội chúng, ở nhóm và trong sự hiện diện của cá nhân (*Sdd.* 1387).

49. Bao nhiêu về ban đêm có liên quan đến thân? Bao nhiêu về ban ngày có liên quan đến thân? Đối với vị đang nhìn chăm chú có bao nhiêu tội? Bao nhiêu do duyên đồ ăn khất thực?

50. – Hai loại về ban đêm có liên quan đến thân. Hai loại về ban ngày có liên quan đến thân. [h][47] Đối với vị đang nhìn chăm chú có một tội. [i][48] Một tội do duyên đồ ăn khất thực. [j][49]

51. – Trong khi thấy được bao nhiêu điều lợi ích rồi sám hối vì niềm tin kẻ khác? Các vị bị phạt án treo đã được nói đến bao nhiêu loại? Bao nhiêu sự thực hành đúng đắn?

52. Trong khi thấy được tám điều lợi ích rồi sám hối vì niềm tin kẻ khác. [k][50] Các vị bị phạt án treo đã được nói đến ba loại. [l][51] Bốn mươi ba việc ấy là các sự thực hành đúng đắn. [m][52]

53. Nói dối trong bao nhiêu trường hợp? Bao nhiêu được gọi là “tối đa”? Bao nhiêu tội *Pāṭidesanīya*? Và do sự thú tội là của bao nhiêu?

54. – Nói dối trong năm trường hợp. [n][53] Mười bốn được gọi là “tối đa.” [o][54] Mười hai tội *Pāṭidesanīya.* [p][55] Và do sự thú tội là của bốn hạng. [q][56]

55. Nói dối bao nhiêu chi phần? Bao nhiêu việc của lễ *Uposatha*? Bao nhiêu yếu tố của vị sứ giả? Bao nhiêu sở hành của ngoại đạo?

---

[47] [h] Hai loại tội về ban đêm có liên quan đến thân và hai loại về ban ngày có liên quan đến thân. Xem cước chú [n] và [o] của trang 275.

[48] [i] Đối với vị đang nhìn chăm chú có một tội: Vị Tỳ-khưu-ni nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh phạm tội *Dukkaṭa*. Xem tr. 921 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương X, tr. 509.

[49] [j] Một tội do duyên đồ ăn khất thực: Là nhìn vào mặt nữ thí chủ trong khi thọ lãnh vật thực phạm tội *Dukkaṭa* (*Sđd.*, chương VIII, tr. 357).

[50] [k] Trong khi thấy được tám điều lợi ích rồi sám hối vì niềm tin kẻ khác: Về điều này, ngài Buddhaghosa giải thích là ở *Kosambakakkhandhakaṃ* (*VinA*. VII. 1387). Tuy nhiên, ở chương Kosambī có đề cập đến tám điều nhưng không xác định rõ là tám điều lợi ích. Xem tr. 450-52 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương X, tr. 331-33.

[51] [l] Các vị bị phạt án treo đã được nói đến ba loại: Là ba loại hành phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác. Xem tr. 523, 533, 542 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv*. I, chương I, tr. 87, 109, 129.

[52] [m] Bốn mươi ba sự thực hành đúng đắn: Là bốn mươi ba phận sự của vị Tỳ-khưu thực thi hành sự án treo (*Sđd.*, chương I, tr. 99).

[53] [n] Nói dối trong năm trường hợp: Là nói dối có thể đưa đến việc vi phạm năm tội là *Pārājika, Saṅghādisesa, Thullaccaya, Pācittiya* và *Dukkaṭa* (*VinA*. VII. 1387).

[54] [o] Mười bốn được gọi là “tối đa”: Là các điều học có từ “*paramaṃ*” như là *dasāhaparamaṃ, māsaparamaṃ, santaruttaraparamaṃ*, v.v... tổng cộng trong hai bộ Giới bổn có tất cả là 14 điều học (*Sđd.*).

[55] [p] Mười hai tội *Pāṭidesanīya*: Nghĩa là thuộc về Tỳ-khưu có bốn điều học *Pāṭidesanīya*, còn Tỳ-khưu-ni có tám (*Sđd.).*

[56] [q] Sự thú tội là của bốn hạng: Là sự sám hối của những người do Devadatta sai đi đến giết đức Thế Tôn (xem tr. 819 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương VII, tr. 281), của người đàn bà đã quyến rũ ngài Anuruddha ở phần duyên khởi của điều *Pācittiya* 7, của Vaḍḍha Licchavi bị hành phạt úp ngược bình bát (*Sđd.*, chương V, tr. 63), việc sám hối của các vị Tỳ-khưu đến Đại đức Kassapagotta ở làng Vāsabha (xem tr. 403 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương IX, tr. 245).

56. – Nói dối tám chi phần. Tám việc của lễ *Uposatha*. Tám yếu tố của vị sứ giả. [r][57] Tám lối hành xử của ngoại đạo. [s][58]

57. Việc tu lên bậc trên có bao nhiêu lời đọc? Nên đứng dậy đối với bao nhiêu hạng người? Nên nhường chỗ ngồi cho bao nhiêu hạng người? Vị giáo giới Tỳ-khưu-ni với bao nhiêu [yếu tố]?

58. – Việc tu lên bậc trên có tám lời đọc. [a][59] Nên đứng dậy đối với tám hạng người. Nên nhường chỗ ngồi cho tám hạng người. [b][60] Vị giáo giới Tỳ-khưu-ni với tám yếu tố. [c][61]

59. Dự tính chia rẽ là của bao nhiêu vị? Tội *Thullaccaya* dành cho bao nhiêu vị? Và không phạm tội đối với cả thảy bao nhiêu vị? Có phải tất cả có chung một sự việc?

60. – Sự chia rẽ là của một vị. Tội *Thullaccaya* dành cho bốn vị. Và không phạm tội đối với cả thảy bốn vị. Tất cả có chung một sự việc. [d][62]

61. Bao nhiêu sự việc gây nóng giận? Hội chúng bị chia rẽ bởi số lượng bao nhiêu? Ở đây bao nhiêu vị phạm tội tức thời? Bao nhiêu do tác động của lời đề nghị?

62. – Chín sự việc gây nóng giận. Hội chúng bị chia rẽ bởi chín vị Tỳ-khưu. Ở đây, có chín vị phạm tội tức thời. Chín việc do tác động của lời đề nghị.

63. Bao nhiêu hạng người không nên được đảnh lễ, chắp tay và với hành động thích hợp? Tội *Dukkaṭa* là của bao nhiêu người? Cất giữ y bao nhiêu ngày?

64. – Mười hạng người không nên được đảnh lễ, chắp tay và với hành động thích hợp. [e][63] Tội *Dukkaṭa* đối với mười hạng người. [f][64] Cất giữ y mười ngày.

65. Ở đây, y nên dâng đến bao nhiêu vị đã trải qua mùa mưa? Nên dâng trong sự hiện diện của bao nhiêu vị? Không nên dâng đến bao nhiêu vị?

---

[57] [r] Tám yếu tố của vị sứ giả. Xem chú thích [k] của trang 75.

[58] [s] Tám lối hành xử của ngoại đạo. Xem tr. 89 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương I, tr. 175.

[59] [a] Việc tu lên bậc trên có tám lời đọc: Là việc tu lên bậc trên của Tỳ-khưu-ni ở hai hội chúng (*VinA*. VII. 1388).

[60] [b] Nên đứng dậy đối với tám hạng người, nên nhường chỗ ngồi cho tám hạng người: Hai điều này áp dụng cho Tỳ-khưu-ni ở trong nhà ăn (*Sđd*.).

[61] [c] Vị giáo giới Tỳ-khưu-ni với tám yếu tố: Là nên chỉ định vị Tỳ-khưu có tám chi phần làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni (*Sđd*.). Xem chi tiết ở điều học *Pācittiya* 21 của Tỳ-khưu.

[62] [d] Câu kệ này có liên quan đến việc chia rẽ hội chúng: Là nói đến trường hợp chia rẽ hội chúng có liên quan đến chín vị: Một vị là vị phân phát thẻ như trường hợp của Devadatta, bốn vị phạm trọng tội là các vị xu hướng theo như là vị Kokālika, v.v..., bốn vị nói đúng Pháp thì vô tội, việc chia rẽ hội chúng là một sự việc có liên quan đến tất cả (*Sđd*.).

[63] [e] Mười hạng người không nên được đảnh lễ: Được đề cập ở tr. 779 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương VI, tr. 179.

[64] [f] Tội *Dukkaṭa* đối với mười hạng người: Là tội *Dukkaṭa* đối với vị thực hiện các hành động chắp tay, đảnh lễ, v.v... đối với mười hạng người trên (*VinA*. VII. 1388).

66. – Ở đây, y nên dâng đến năm vị đã trải qua mùa mưa. [g][65] Nên dâng trong sự hiện diện đối với bảy vị. [h][66] Không nên dâng đến mười sáu vị. [i][67]

67. Sau khi che giấu bao nhiêu trăm tội trong thời gian một trăm đêm, vị hành *Parivāsa* có thể được tự do sau khi ngụ được bao nhiêu đêm?

68. – Sau khi che giấu một ngàn tội trong thời gian một trăm đêm, vị hành *Parivāsa* có thể được tự do sau khi ngụ được mười đêm.[j][68]

69. Bao nhiêu sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā, tất cả các việc sai Pháp là bao nhiêu?

70. – Mười hai sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. [k][69] Trong sự việc về Luật ở Campā, toàn bộ tất cả các việc đã làm đều sai Pháp.

71. Bao nhiêu sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā, tất cả các việc đúng Pháp là bao nhiêu?

72. – Bốn sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, [a][70] vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Trong sự việc về Luật ở Campā, tất cả các việc đã làm đều đúng Pháp.

73. Có bao nhiêu loại hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā, các việc đúng Pháp, sai Pháp là bao nhiêu?

74. – Có sáu loại hành sự [b][71] đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Trong sự việc về luật ở Campā, nơi ấy, một việc đã làm đúng Pháp, năm việc sai Pháp đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

---

[65] [g] Ở đây, y nên dâng đến năm vị đã trải qua mùa mưa: Là nên dâng trong sự hiện diện của năm vị đã trải qua mùa [an cư] mưa là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di và Sa-di-ni (*Sđd.*).

[66] [h] Nên dâng trong sự hiện diện đối với bảy vị: Là nên dâng đến vị nhận giùm thích hợp đối với trường hợp bảy vị là vị đi xa, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ và ba vị bị ba loại án treo (*Sđd.*).

[67] [i] Không nên dâng đến mười sáu vị: Là mười sáu vị được đề cập ở chương Y phục (xem tr. 392 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VIII, tr. 227) bắt đầu là kẻ vô căn, v.v... (*VinA.* VII. 1388).

[68] [j] Sau khi che giấu 1000 tội trong thời gian 100 đêm, vị hành *Parivāsa* có thể được tự do sau khi ngụ được 10 đêm: Trong trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội *Saṅghādisesa* nhưng mỗi một tội chỉ che giấu 10 ngày, nên chỉ chịu hành phạt *Parivāsa* là 10 ngày đêm (*Sđd.* 1389).

[69] [k] Mười hai sự hư hỏng của hành sự: Bốn loại hành sự [hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ 2, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ 4] được thực hành sai trái theo 3 cách [sai Pháp theo phe nhóm, sai Pháp có sự hợp nhất, đúng Pháp theo phe nhóm], tổng cộng lại là 12 (*Sđd.*).

[70] [a] Bốn sự thành tựu của hành sự: Là 4 loại hành sự trên được thực hành đúng Pháp có sự hợp nhất (*Sđd.*).

[71] [b] Sáu loại hành sự: Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp (*Sđd.*).

75. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā các việc đúng Pháp, sai Pháp là bao nhiêu?

76. – Bốn hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Trong sự việc về Luật ở Campā, nơi ấy, một việc đã làm đúng Pháp, ba việc sai Pháp đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

77. Các nhóm tội vi phạm đã được giảng bởi đấng Chiến Thắng Vô Biên như thế ấy, bậc Thấy Được Sự Thoát Ly, ở đây bao nhiêu tội được làm lắng dịu không với các sự dàn xếp? Hỡi vị rành rẽ về phân tích, tôi hỏi ngài điều ấy, xin hãy trả lời.

78. – Các nhóm tội vi phạm đã được giảng bởi đấng Chiến Thắng Vô Biên như thế ấy, bậc Thấy Được Sự Thoát Ly, ở đây một tội được lắng dịu không với các sự dàn xếp? [c][72] Hỡi vị rành rẽ về phân tích, tôi trả lời ngài điều này.

79. Bao nhiêu kẻ chịu khổ đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

80. – Một trăm bốn mươi bốn kẻ chịu khổ địa ngục tồn tại tròn một kiếp, là các vị chia rẽ hội chúng, đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. [d][73] Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

81. Bao nhiêu vị không phải chịu khổ đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

82. – Mười tám vị không phải chịu khổ, đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

83. Có bao nhiêu nhóm tám đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

84. – Có mười tám nhóm tám đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

85. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

---

[72] [c] Ở đây, một tội được lắng dịu không có các sự dàn xếp: Là nhóm tội *Pārājika* (*Sdd.* 1390).

[73] [d] Một trăm bốn mươi bốn kẻ chịu khổ địa ngục: Là những trường hợp của vị Tỳ-khưu với mười tám cách tuyên bố sai trái phân theo tám tình huống (*Sdd.* 1390). Xem tám tình huống ở tr. 837-41 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương VII, tr. 325-31.

86. – Có mười sáu hành sự[74] đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

87. Bao nhiêu sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

88. – Mười hai sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

89. Bao nhiêu sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

90. – Bốn sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

91. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

92. – Có sáu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

93. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

94. – Có bốn hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

95. Bao nhiêu tội *Pārājika* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

96. – Tám tội *Pārājika* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

97. Bao nhiêu tội *Saṅghādisesa* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

98. – Hai mươi ba tội *Saṅghādisesa* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

99. Bao nhiêu tội *Aniyata* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

---

[74] Xem phần "nên biết về mười sáu hành sự " ở trang 1306 (ND).

100. – Hai tội *Aniyata* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

101. Bao nhiêu tội *Nissaggiya* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

102. – Bốn mươi hai tội *Nissaggiya* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

103. Bao nhiêu tội *Pācittiya* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

104. – Một trăm tám mươi tám tội *Pācittiya* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

105. Bao nhiêu tội *Pāṭidesanīya* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

106. – Mười hai tội *Pāṭidesanīya* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

107. Bao nhiêu điều *Sekhiya* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

108. – Bảy mươi lăm điều *Sekhiya* đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

109. Khi nào còn được hỏi khéo léo bởi ngài thì sẽ còn được giải đáp rõ ràng bởi tôi. Do việc hỏi và đáp không có gì không rõ.

Dứt sưu tập về các bài kệ [phần hai].

--ooOoo--

CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT MỒ HÔI[1]

1. Vị không đồng cộng trú với các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni, không đạt được một việc thọ hưởng chung nào đó ở nơi vị ấy, sao không bị phạm tội do việc không xa lìa? [a][2] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

2. Không nên phân tán, không được phân chia, năm vật đã được nói đến bởi vị Đại Ẩn Sĩ. Sao không phạm tội trong lúc phân chia và trong lúc thọ dụng? [b][3] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

3. Tôi không đề cập đến mười hạng cá nhân, hạng thứ mười một cũng cần phải tách ra? [c][4] Tại sao lại phạm tội khi đảnh lễ vị lớn? [d][5] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

4. Vị không bị án treo và cũng không phải là vị hành *Parivāsa*, không bị chia rẽ hội chúng và cũng không thay đổi phe nhóm, là vị tồn tại trên nền tảng, cùng chung đồng cộng trú, vì sao lại có sự riêng biệt về việc học tập? [e][6] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

---

[1] Trong chương này, các câu trả lời được ghi lại theo lời giải thích ở *Aṭṭhakathā* và *Ṭīkā*. Các phần trích dẫn nhờ vào công lao của dịch giả I. B. Horner. Tuy nhiên, có một số câu hỏi vẫn còn chưa xác định được ý nghĩa (ND).

[2] [a] Câu kệ 1: Có liên quan đến đứa bé trai được người mẹ là Tỳ-khưu-ni mang thai, rồi sanh ra và nuôi dưỡng ở Ni viện (*Sdd.*, chương X, tr. 533). "Không đồng cộng trú" là không có sự cộng trú chung về các việc như là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, v.v... "Không đạt được một việc thọ hưởng chung nào đó ở nơi vị ấy" nghĩa là không đạt được sự thọ hưởng chung không được phép [với các Tỳ-khưu-ni], tuy nhiên lại được phép làm với chính người mẹ ruột và "không bị phạm tội do việc không xa rời" nghĩa là không phạm tội trong việc ngụ chung nhà (*VinA.* VII. 1391).

[3] [b] Câu kệ 2: Năm trọng vật thuộc về hội chúng không được phân tán và không được phân chia (xem tr. 788-91 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương VI, tr. 203-09). Trường hợp không phạm tội đề cập đến vị Tỳ-khưu-ni là người mẹ của đứa bé trai, do việc cô ta phải nuôi dưỡng đứa bé trai cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết (*VinA.* VII. 1391).

[4] [c] Câu kệ 3: Đề cập đến mười hạng người không nên đảnh lễ: Vị tu lên bậc trên sau, vị chưa tu lên bậc trên, vị thâm niên hơn thuộc nhóm khác nói sai Pháp, phụ nữ, người vô căn, vị bị hành phạt *Parivāsa*, vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị xứng đáng hành phạt *Mānatta*, vị thực hành hành phạt *Mānatta*, vị chưa được giải tội (xem tr. 778 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương VI, tr. 179). Hạng thứ mười một là vị Tỳ-khưu lõa thể (*VinA.* VII. 1391).

[5] [d] Tại sao lại phạm tội khi đảnh lễ vị lớn?: Ngài Buddhaghosa không giải thích câu này. Có thể là nói đến vị thâm niên nói sai Pháp ở mười hạng người không nên đảnh lễ (ND).

[6] [e] Câu kệ 4: Nói đến vị Tỳ-khưu trước đây làm nghề thợ cạo (xem tr. 748 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VI, tr. 103). Do vị này không được phép thực hành việc cạo tóc, còn các vị khác vẫn được; vì thế có sự riêng biệt về việc học tập (*VinA.* VII. 1391).

5. Vị đi đến pháp tốt đẹp, có liên hệ mục đích, trong khi đang được hỏi, không sống, không phải đã chết, không phải đã Niết-bàn, chư Phật nói về nhân vật ấy thế nào? [f][7] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

6. Tôi không đề cập đến phần trên của xương đòn, bỏ qua phần dưới rốn, do duyên việc đôi lứa vì sao lại phạm tội *Pārājika*? [g][8] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

7. Vị Tỳ-khưu tự yêu cầu rồi xây dựng cốc liêu, nền đất chưa được xác định, vượt quá kích thước, ở chỗ có sự nguy hiểm, không khoảng trống trải, không phạm tội? [h][9] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

8. Vị Tỳ-khưu tự yêu cầu rồi xây dựng cốc liêu, nền đất được xác định, theo kích thước, không có sự nguy hiểm, có khoảng trống trải, lại phạm tội? [i][10] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

9. Vị không làm hành động gì có liên quan đến thân và cũng không nói về những người khác bằng lời nói lại vi phạm tội nặng có nền tảng bị cắt rời? [a][11] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

10. Người tốt không làm điều gì ác có liên quan đến thân, khẩu, luôn cả ý, vì sao vị ấy lại bị trục xuất, còn bị trục xuất hoàn toàn? [b][12] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

11. Không chuyện trò với bất cứ người nào bằng lời và không nói câu nào với những người khác lại có thể phạm tội liên quan đến khẩu, không liên quan đến thân? [c][13] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

12. Các điều học được đức Phật vị cao quý ca ngợi, có bốn điều *Saṅghādisesa*, có thể phạm tất cả chỉ do một hành động? [d][14] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

---

[7] [f] Câu kệ 5: Câu hỏi này nói đến hình tượng đức Phật (*Sdd.*).

[8] [g] Câu kệ 6: Là thực hiện việc đôi lứa qua đường miệng với hạng phi nhân không có đầu, các con mắt và miệng thì ở trên ngực (*Sdd.*). Hạng này thấy được đề cập ở câu chuyện dẫn giải 51 của điều *Pārājika* thứ tư.

[9] [h] Câu kệ 7: Vị Tỳ-khưu tự yêu cầu rồi thực hiện cốc liêu lợp bằng cỏ thì không phạm tội (*Sdd.*).

[10] [i] Câu kệ 8: Vị làm cốc liêu toàn bằng đất sét (*Sdd.*); việc này đức Phật không cho phép. Xem câu chuyện của Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm ở phần duyên khởi của điều *Pārājika* 2.

[11] [a] Câu kệ 9: Vị Tỳ-khưu-ni che giấu tội *Pārājika* của vị Tỳ-khưu-ni khác phạm tội *Pārājika* (*Sdd.*).

[12] [b] Câu kệ 10: Đề cập đến mười một hạng người không thể tu lên bậc trên như người vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], v.v... (*Sdd.*). Xem chi tiết ở tr. 105-10 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương I, tr. 213-21.

[13] [c] Câu kệ 11: Liên quan đến phần mở đầu của Giới bổn (*Pātimokkha*) có đoạn: "... vị Tỳ-khưu nào nhớ ra mà không bày tỏ tội đã có thì vị ấy cố tình nói dối..." (*VinA.* VII. 1391). Xem chi tiết ở tr. 124 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương II, tr. 251.

[14] [d] Câu kệ 12: Liên quan đến bốn việc làm của vị Tỳ-khưu-ni ở điều *Saṅghādisesa* 3: Vào rạng sáng, vị Tỳ-khưu-ni rời khỏi nhóm, sang sông đi vào làng, khi đã sang ngày mới, vị Ni ấy phạm bốn tội *Saṅghādisesa* là đi vào làng một mình, đi sang bờ sông bên kia một mình, trong đêm trú ngụ riêng một mình, một mình tách rời ra khỏi nhóm (*VinA.* VII. 1392).

13. Cả hai [vị Ni] đã được tu lên bậc trên từ một hội chúng, vị thọ nhận y từ tay của cả hai, các tội vi phạm có thể khác nhau? [e][15] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

14. Bốn người sau khi hẹn hò trước đã lấy trộm trọng vật, ba vị phạm *Pārājika*, còn một vị không phạm *Pārājika*? [f][16] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

15. Người nữ ở bên trong và vị Tỳ-khưu là ở bên ngoài, không có lỗ hổng ở ngôi nhà, vì sao lại vi phạm tội *Pārājika* do duyên việc lứa đôi? [g][17] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

16. Dầu ăn, mật ong và cả đường, bơ lỏng, sau khi tự mình thọ lãnh rồi để riêng, khi bảy ngày chưa trải qua đối với vị thọ dụng khi có duyên cớ lại có tội? [h][18] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

17. Tội *Nissaggiya*, tội *Pācittiya* thuần túy là cùng một lần cho vị đang vi phạm? [i][19] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

18. Hai mươi vị Tỳ-khưu tụ hội làm hành sự tưởng rằng có hợp nhất, có vị Tỳ-khưu đứng xa mười hai do-tuần làm hỏng hành sự ấy vì lý do phe nhóm? [a][20] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

19. Và với vị đã nói lên bằng lời, dầu chỉ truyền đạt giữa khoảng cách của bước chân, có thể vi phạm cùng một lượt sáu mươi bốn tội, tất cả đều là tội nặng có sự sửa chữa được? [b][21] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

20. Vị đã quấn vào với y nội, đã trùm lên y *Saṅghāṭi* hai lớp, tất cả các y ấy là phạm tội *Nissaggiya*? [c][22] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

---

[15] [e] Câu kệ 13: Vị Tỳ-khưu-ni thọ nhận y từ tay vị Tỳ-khưu-ni chỉ được tu ở hội chúng, Tỳ-khưu phạm *Pācittiya* (các vị Tỳ-khưu-ni này gồm có 500 vị Tỳ-khưu-ni dòng Sakya, được tu lên bậc trên sau bà Mahāpajāpati Gotamī), từ tay vị Tỳ-khưu-ni chỉ được tu ở hội chúng Tỳ-khưu-ni phạm *Dukkaṭa* (*Sđd.*).

[16] [f] Câu kệ 14: Vị thầy dạy học và ba học trò đã trộm vật giá trị sáu *māsaka*. Vị thầy tự tay lấy trộm 3 *māsaka*, còn 3 *māsaka* kia là do sự ra lệnh, nên tội vi phạm là *Thullaccaya*; còn mỗi người học trò trộm 1 *māsaka*, nhưng liên quan đến việc ra lệnh là 5 *māsaka* nên đã phạm tội *Pārājika*. Chi tiết được đề cập ở điều *Pārājika* thứ nhì về trộm cắp (*Sđd.*).

[17] [g] Câu kệ 15: Đây là câu hỏi về vật bao bọc được làm bằng vải, được đề cập có liên quan đến việc đã được che phủ lại (*Sđd.*).

[18] [h] Câu kệ 16: Câu kệ này được đề cập có liên quan đến việc biến đổi hiện tướng (*Sđd.*).

[19] [i] Câu kệ 17: Đối với vật đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, vị thuyết phục dâng cho bản thân mình và dâng cho vị khác nữa, nên phạm luôn cả hai tội là tội *Nissaggiya* và tội *Pācittiya* thuần túy (*Sđd.*).

[20] [a] Câu kệ 18: Liên quan đến *gāmasīmā* ở các thành phố rộng 12 do-tuần như thành Bārāṇasī, v.v... (*Sđd.*).

[21] [b] Câu kệ 19: Liên quan đến việc làm mai mối. Bởi vì lời nói của vị ấy đem lại sự trả lời của sáu mươi bốn người nữ (*VinA.* III. 558-59).

[22] [c] Câu kệ 20: Liên quan đến việc bảo vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt y cũ. Trường hợp vị Tỳ-khưu đang mặc ba y và bị phân chim quạ hoặc bị lấm bùn, nên bảo vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến dùng nước rửa sạch. Các y ấy bị phạm vào *Nissaggiya* vì đã được mặc ở trên thân của vị Tỳ-khưu (*VinA.* VII. 1392)

21. Không có lời đề nghị, cũng không có tuyên ngôn hành sự và đấng Chiến Thắng đã không nói: Hãy đến, này Tỳ-khưu, vị ấy cũng chẳng có sự đi đến nương tựa [Tam quy], mà đã được tu lên bậc trên và sự tu lên bậc trên là bền vững cho vị ấy? [d][23] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

22. Giết người nữ không phải là mẹ và [giết] người nam không phải là cha, kẻ ngu giết người không phải là vị Thánh và do điều ấy phạm vào nghiệp vô gián? [e][24] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

23. Và giết người nữ là mẹ và giết người nam là cha, sau khi giết cả cha lẫn mẹ, do điều ấy lại không phạm nghiệp vô gián? [f][25] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

24. Sau khi không cáo tội, sau khi không nhắc nhở, rồi thực hiện hành sự đến vị không hiện diện. Hành sự đã được thực hiện, đã được thực hiện hoàn hảo mà vị tiến hành và hội chúng là không phạm tội? [g][26] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

25. Sau khi đã cáo tội, sau khi đã nhắc nhở, rồi thực hiện hành sự đến vị đang hiện diện, và hành sự đã được thực hiện lại trở thành chưa được thực hiện, vị tiến hành và hội chúng là phạm tội? [h][27] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

26. Vị chặt đứt phạm tội, vị chặt đứt không phạm tội, vị che đậy phạm tội, vị che đậy không phạm tội? [i][28] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

27. Trong khi nói sự thật lại tội nặng và đối với vị nói lời dối trá là tội nhẹ, trong khi nói lời dối trá là tội nặng và đối với vị nói sự thật lại tội nhẹ? [j][29] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

---

[23] [d] Câu kệ 21: Nói đến sự tu lên bậc trên của bà Mahāpajāpati Gotamī (*Sđd.* 1392-93). Bà đã trở thành Tỳ-khưu-ni do chấp nhận tám trọng pháp. Xem tr. 905 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương X, tr. 473.

[24] [e] Câu kệ 22: Có liên quan đến việc biến đổi hiện tướng: Người cha biến đổi thành đàn bà [giết người nữ không phải là mẹ] và người mẹ biến đổi thành đàn ông [giết người nam không phải là cha]; giết người không phải là vị Thánh [người nữ hay người nam ấy không phải là bậc Thánh], nên giết chết một trong hai người thì phạm vào tội vô gián (*VinA*. VII. 1393).

[25] [f] Câu kệ 23: Trường hợp cha và mẹ là loài thú nên sau khi giết họ cũng không phạm vào tội vô gián (*Sđd.*).

[26] [g] Câu kệ 24: Nói đến việc vị Ni tu lên bậc trên thông qua người đại diện (*Sđd.*). Xem câu chuyện của kỹ nữ Addhakāsī ở tr. 930-32 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương X, tr. 527-31.

[27] [h] Câu kệ 25: Nói đến việc tu lên bậc trên của các hạng người: Vô căn, v.v... (*VinA*. VII. 1393)

[28] [i] Câu kệ 26: Vị chặt đứt cây gỗ theo lối trộm cắp phạm tội *Pārājika*, vị chặt đứt dây leo, cỏ thì phạm tội *Pācittiya*, vị cắt đứt dương vật thì phạm tội *Thullaccaya*. Vị cắt tóc và móng tay không phạm tội. Vị che đậy tội vị khác phạm tội, vị che đậy mái nhà không phạm tội (*Sđd.*).

[29] [j] Câu kệ 27: Nói sự thật đề cập đến các bộ phận kín của người nữ vi phạm tội nặng, nói dối cố tình vi phạm tội nhẹ. Nói dối về pháp thượng nhân không thực chứng vi phạm tội nặng, nói sự thật về pháp thượng nhân có thực chứng vi phạm tội nhẹ (*Sđd.*).

28. Vật đã được chú nguyện để dùng riêng, đã được nhuộm bằng thuốc nhuộm, là vật đã được làm thành đúng phép, đối với vị sử dụng lại có tội? [k][30] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

29. Khi mặt trời đã lặn, vị Tỳ-khưu nhai các miếng thịt, không phải là vị bị điên và cũng không có tâm bị rối loạn, vị ấy cũng không bị thọ khổ hành hạ, tuy nhiên vị ấy không có tội và điều ấy đã được đức Thiện Thệ giảng giải. [a][31] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

30. Không có tâm nhiễm dục, hơn nữa không có ý trộm cắp, vị ấy cũng đã không nghĩ đến việc giết hại người khác, đối với vị trao thẻ thì bị cắt đứt, đối với vị nhận lấy [thẻ] thì phạm tội *Thullaccaya*? [b][32] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

31. Và cũng không phải là chỗ ở rừng được xác định có nguy hiểm, cũng không có sự đồng ý đã được hội chúng ban cho, *Kaṭhina* của vị ấy đã không được thành tựu ở ngay chỗ ấy, [vị ấy] sau khi xa lìa y rồi đi nửa do-tuần, khi rạng đông đã đến ở ngay tại nơi ấy, vẫn không phạm tội. [c][33] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

32. Có liên quan đến thân, không liên quan đến khẩu, tất cả có sự việc khác biệt, có thể vi phạm chung một lượt không trước không sau? [d][34] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

33. Có liên quan đến khẩu, không liên quan đến thân, tất cả có sự việc khác biệt, có thể vi phạm chung một lượt không trước không sau? [e][35] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

34. Không thực hiện việc đôi lứa ấy nơi ba hạng người nữ, nơi ba hạng người nam, nơi ba hạng không phải Thánh hay là kẻ vô căn và không hành việc đôi lứa ở người lưỡng căn, sao lại bị cắt đứt do duyên việc đôi lứa? [f][36] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

35. Vị xin y cho mẹ và không phải là y được dành riêng dâng đến hội chúng, do điều ấy, vị ấy phạm tội và không tội [nếu xin] ở thân quyến? [g][37] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

---

[30] [k] Câu kệ 28: Liên quan đến việc sử dụng y đã bị phạm vào *Nissaggiya* mà chưa được sám hối (*Sđd.*).

[31] [a] Câu kệ 29: Vị có tật nhai lại như trâu bò (*Sđd.*). Xem câu chuyện về vị Tỳ-khưu nọ có tật nhai lại thức ăn ở tr. 740 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương V, tr. 83.

[32] [b] Câu kệ 30: Vị Tỳ-khưu xu hướng theo kẻ chia rẽ hội chúng và nhận lấy thẻ thì phạm vào tội *Thullaccaya* (*VinA.* VII. 1393).

[33] [c] Câu kệ 31: Đề cập đến chỗ trú ngụ là cội cây của một gia đình, tương tợ như loại cây đa to lớn có thể đến 1 hoặc 2 do-tuần (*Sđd.*).

[34] [d] Câu kệ 32: Liên quan đến việc nắm ngón tay hoặc tóc của nhiều người nữ cùng một lúc (*Sđd.*).

[35] [e] Câu kệ 33: Liên quan đến việc nói lời thô tục đến nhiều người nữ, ví dụ: "Tất cả các cô đều là người bị dị căn..."

[36] [f] Câu kệ 34: Liên quan đến điều *Pārājika* của Tỳ-khưu-ni có liên quan đến tám sự việc (*Sđd.* 1394).

[37] [g] Câu kệ 35: Liên quan đến vị xin y choàng tắm mưa ngoài thời hạn cho phép (*Sđd.*).

36. Bị giận dữ lại hài lòng, bị giận dữ là đáng chê bai. Vậy điều ấy có tên là gì khiến nổi giận lại nên cười? [h][38] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

37. Được hoan hỷ rồi hài lòng, hoan hỷ là đáng chê bai. Vậy điều ấy có tên là gì khiến hoan hỷ lại đáng chê bai? Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

38. Vị phạm chung một lượt tội *Saṅghādisesa*, tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya* và tội *Dukkaṭa*? [i][39] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

39. Cả hai đều tròn đủ hai mươi tuổi, cả hai có chung vị thầy tế độ, chung thầy giáo thọ, chung tuyên ngôn hành sự, một vị được tu lên bậc trên, một vị không được tu lên bậc trên? [a][40] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

40. Chưa làm thành được phép, cũng chưa được nhuộm với thuốc nhuộm, được quấn vào với y ấy rồi có thể đi theo ý thích, không tội cho vị ấy, [b][41] và điều ấy đã được đức Thiện Thệ giảng giải. Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

41. Không cho, không thọ nhận, việc thọ nhận vì thế không được biết đến. Và do duyên thọ dụng vật ấy vi phạm tội nặng không phải nhẹ? [c][42] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

42. Không cho, không thọ nhận, việc thọ nhận vì thế không được biết đến. Và do duyên thọ dụng vật ấy vi phạm tội nhẹ không nặng? [d][43] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

43. Vi phạm tội nặng còn dư sót rồi che giấu bởi vì không tôn trọng, Tỳ-khưu-ni không phạm và không đưa đến tội? [e][44] Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

Dứt các bài kệ làm xuất mồ hôi.

*****

[38] [h] Câu kệ 36 & 37: Hai câu kệ này liên quan đến ba sự thực hành của du sĩ ngoại đạo (xem thêm chi tiết ở *Sđd.*).

[39] [i] Câu kệ 38: Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ lãnh vật thực từ tay người nam nhiễm dục vọng, trộn lẫn với thịt người, tỏi, thức ăn hảo hạng và các loại thịt không được phép rồi nuốt vào thì phạm chung một lượt năm tội đã được đề cập (*Sđd.*).

[40] [a] Câu kệ 39: Nói đến vị Sa-di không được thành tựu việc tu lên bậc trên, là vị có thần thông ngồi hỏng lên khỏi mặt đất dầu chỉ là khoảng cách của sợi tóc (*Sđd.*).

[41] [b] Câu kệ 40: Liên quan đến vị Tỳ-khưu có y bị cướp đoạt (*Sđd.*).

[42] [c] Câu kệ 41: Liên quan đến điều *Saṅghādisesa* 6 về vị Tỳ-khưu-ni xúi giục vị Tỳ-khưu-ni khác thọ nhận vật thực từ tay người đàn ông nhiễm dục vọng. Bản thân vị Ni xúi giục "không cho, không thọ nhận" và "việc thọ nhận vì thế không được biết đến" vì vị thọ nhận là vị Tỳ-khưu-ni khác. Khi vị này thọ dụng thì vị Ni xúi giục phạm tội *Saṅghādisesa* (*Sđd.* 1394-95).

[43] [d] Câu kệ 42: Liên quan đến việc phạm tội *Dukkaṭa* của vị Tỳ-khưu-ni trên, trong việc xúi giục vị Tỳ-khưu-ni khác thọ nhận nước và tăm xỉa răng từ tay người nam nhiễm dục vọng (*Sđd.* 1395).

[44] [e] Câu kệ 43: Vị Tỳ-khưu-ni vi phạm *Saṅghādisesa* dầu có che giấu hay không che giấu, không phạm thêm tội mới và chỉ phải chịu hành phạt *Mānatta* nửa tháng (*Sđd.*).

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Sự không đồng cộng trú, không được phân tán, mười [hạng] và vị không bị án treo, vị đi đến với pháp, phần trên của xương đòn, sau đó hai điều tự mình yêu cầu.

2. Và không liên quan đến thân, tội nặng, liên quan đến thân, được khéo giảng, trong khi không nói, điều học, cả hai và bốn vị.

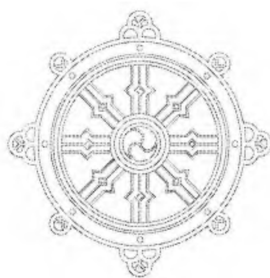
3. Người nữ, dầu ăn, tội *Nissaggiya,* các vị Tỳ-khưu, với khoảng cách bước dài đã quấn y và không điều quy định, không giết mẹ cha.

4. Sau khi không cáo tội, sau khi đã cáo tội, trong khi chặt đứt luôn cả sự thật, đã được chú nguyện, khi mặt trời đã lặn, không có tâm nhiễm dục và không phải chỗ ở rừng.

5. Liên quan đến thân, liên quan đến khẩu, ba người nữ luôn cả người mẹ, giận dữ, hài lòng, được hoan hỷ, tội *Saṅghādisesa* và cả hai.

6. Chưa làm thành được phép, vị không cho, vị phạm tội nặng, những bài kệ làm xuất mồ hôi, là những câu hỏi, đã được giải rõ nhờ các bậc Trí.

--ooOoo--



NĂM PHẨM

1. PHẨM HÀNH SỰ

1. Bốn loại hành sự: Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự này bị hư hỏng với bao nhiêu biểu hiện?

– Bốn loại hành sự này bị hư hỏng vì năm biểu hiện: Hoặc là vì sự việc, hoặc là vì lời đề nghị, hoặc là vì lời tuyên bố, hoặc là vì ranh giới, hoặc là vì tập thể.

2. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc?

– Hành sự nên được thực hiện với sự có mặt, mà thực hiện theo lối vắng mặt, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Hành sự nên được thực hiện với sự thẩm vấn, mà thực hiện không có sự thẩm vấn, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Hành sự nên được thực hiện với sự thú nhận, mà thực hiện không có sự thú nhận, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng, đến vị xứng đáng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự theo tội của vị ấy, đối với vị xứng đáng cách hành xử Luật khi không điên cuồng, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự khiển trách đối với vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị xứng đáng hành sự khiển trách, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự hòa giải đối với vị xứng đáng hành sự xua đuổi, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự án treo đối với vị xứng đáng hành sự hòa giải, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa* thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Giải tội vị xứng đáng hình phạt *Mānatta* thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên vị xứng đáng sự giải tội, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện lễ *Uposatha* không vào ngày *Uposatha* thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện lễ *Pavāraṇā*, không

vào ngày *Pavāraṇā* thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Như vậy là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc.

3. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị?

– Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, không đề cập đến lời đề nghị, xác định lời đề nghị sau. Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện này.

4. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố?

– Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, bỏ bớt phần tuyên bố, tuyên bố không đúng thời. Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện này.

5. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới?

– Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện: Thỏa thuận ranh giới quá nhỏ, thỏa thuận ranh giới quá lớn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc bị gián đoạn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc là bóng râm, thỏa thuận ranh giới không có điểm mốc, thỏa thuận ranh giới khi đứng ở ngoài ranh giới, thỏa thuận ranh giới ở sông, thỏa thuận ranh giới ở biển, thỏa thuận ranh giới ở hồ nước, gối ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ], trùm ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ]. Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện.

6. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì tập thể?

– Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện: Ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, ...(nt)... ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, ...(nt)... ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối. Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện này.

7. Ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, bốn vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, năm vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, mười vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, hai mươi vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự.

8. Bốn loại hành sự: Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự này bị hư hỏng với bao nhiêu biểu hiện?

– Bốn loại hành sự này bị hư hỏng với năm biểu hiện: Hoặc là vì sự việc, hoặc là vì lời đề nghị, hoặc là vì lời tuyên bố, hoặc là vì ranh giới, hoặc là vì tập thể.

9. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc?

– Cho tu lên bậc trên kẻ vô căn thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ đã chuyển sang ngoại đạo thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên loài thú thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết mẹ thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết cha thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết A-la-hán thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ làm nhơ nhớp Tỳ-khưu-ni, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ chia rẽ hội chúng thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ làm [đức Phật] chảy máu, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ lưỡng căn thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Như vậy là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc.

10. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị?

– Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, không đề

cập đến lời đề nghị, hoặc là xác định lời đề nghị sau. Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện này.

11. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố?

– Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, bỏ bớt phần tuyên bố, hoặc là tuyên bố không đúng thời. Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện này.

12. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới?

– Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện: Thỏa thuận ranh giới quá nhỏ, thỏa thuận ranh giới quá lớn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc bị gián đoạn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc là bóng râm, thỏa thuận ranh giới không điểm mốc, thỏa thuận ranh giới trong khi đứng ở ngoài ranh giới, thỏa thuận ranh giới ở dòng sông, thỏa thuận ranh giới ở biển cả, thỏa thuận ranh giới ở hồ nước, gối ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ], trùm ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ]. Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện này.

13. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì tập thể?

– Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện: Ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, ...(nt)... ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, ...(nt)... ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối. Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện này.

14. Hành sự với lời công bố hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự với lời đề nghị hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ

nhì hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bao nhiêu trường hợp?

– Hành sự với lời công bố hành xử năm trường hợp. Hành sự với lời đề nghị hành xử chín trường hợp. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp.

15. Hành sự với lời công bố hành xử năm trường hợp nào?

– Sự nhận vào, sự đuổi đi, [a][1] hành sự cạo tóc, hình phạt Phạm thiên [Phạm đàn] và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ năm. [b][2] Hành sự với lời công bố hành xử năm trường hợp này.

16. Hành sự với lời đề nghị hành xử chín trường hợp nào?

– Sự nhận vào, [c][3] sự mời ra, [d][4] lễ *Uposatha*, [e][5] lễ *Pavāraṇā*, sự đồng ý, [f][6] sự cho lại, [g][7] sự ghi nhận [tội], [h][8] việc dời lui [ngày lễ *Pavāraṇā*] và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ chín. [i][9] Hành sự với lời đề nghị hành xử chín trường hợp này.

---

[1] [a] Sự đuổi đi: Ngài Buddhaghosa đề cập đến trường hợp "đuổi đi" Sa-di Kantaka trong phần câu chuyện ở điều *Pācittiya* 70. Hiện nay, việc đuổi đi được áp dụng cho vị Sa-di chê bai đức Phật, chê bai Giáo pháp, chê bai Hội chúng, tuyên bố về điều không được phép là được phép, v.v... (*Sđd.* 1402-03).

[2] [b] Hành sự có sự khác biệt về tướng trạng: Ngài Buddhaghosa giải thích rằng hành sự của các Tỳ-khưu-ni đối với vị Tỳ-khưu có những hành động khiếm nhã như rảy nước, cởi ra cho thấy thân thể, cho thấy đùi, v.v... là loại hành sự này (*Sđd.* 1404-09).

[3] [c] Hành sự với lời đề nghị - sự nhận vào: Là trường hợp vị Tỳ-khưu Ācariya sau khi giảng giải về các pháp chướng ngại trong hành sự tu lên bậc trên cho giới tử, rồi gọi người ấy đi vào trong hội chúng để cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên: *"Suṇātu me bhante saṅgho, itthannāmo itthannāmassa āyasmato upasampadāpekkho, anusiṭṭho so mayā, yadi saṅghassa pattakallaṃ, itthannāmo āgaccheyyāti, 'āgacchāhī'ti vattabbo"* (*Sđd.* 1409). Xem chi tiết ở tr. 117 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương I, tr. 235.

[4] [d] Hành sự với lời đề nghị - sự mời ra: Là trong khi đang phán xét sự tranh tụng bằng lối đại biểu, các vị Tỳ-khưu dùng lời thông báo để mời ra vị Tỳ-khưu là Pháp sư nhưng kiến thức của chính vị ấy không được truyền thừa, không biết sự phân tích về Giới bổn, v.v... (*VinA.* VII. 1410). Xem chi tiết ở tr. 690 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv.* I, chương IV, tr. 407.

[5] [e] Hành sự với lời đề nghị - lễ *Uposatha*: Nói đến tuyên ngôn đọc ở lễ *Uposatha: "Suṇātu me bhante saṅgho, ajj'uposatho pannaraso. Yadi saṅghassa pattakallaṃ, saṅgho uposathaṃ kareyyā'ti."* Tương tợ cho trường hợp lễ *Pavāraṇā* (*VinA.* VII. 1410).

[6] [f] Hành sự với lời đề nghị - sự đồng ý: Là trường hợp thỉnh cầu sự đồng ý của hội chúng để hỏi và đáp về Luật trong ngày lễ *Uposatha*, v.v... (*Sđd.*)

[7] [g] Hành sự với lời đề nghị - sự ban cho: Là hành sự với tuyên ngôn cho lại y trong trường hợp sám hối tội *Nissaggiya Pācittiya* (*Sđd.*).

[8] [h] Hành sự với lời đề nghị - sự ghi nhận tội: Là trường hợp vị Tỳ-khưu đại diện hội chúng để ghi nhận tội cho vị Tỳ-khưu đã phạm tội sám hối trước hội chúng (*Sđd.*).

[9] [i] Hành sự với lời đề nghị - ở hành sự có sự khác biệt về tướng trạng: Ngài Buddhaghosa đề cập đến trường hợp sám hối tội bằng cách dùng cỏ che lấp, có tuyên ngôn của hành sự như sau: "... ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ" (*Sđd.* 1411) Xem chi tiết ở tr. 674 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv.* I, chương IV, tr. 373.

17. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp nào?

– Sự nhận vào, sự mời ra, [j][10] sự đồng ý, [k][11] sự ban cho, [l][12] sự thu hồi [*Kaṭhina*], sự xác định [nền đất], [m][13] và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ bảy. [n][14] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp này.

18. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp nào?

– Sự nhận vào, sự mời ra, sự đồng ý, sự ban cho, sự kiềm chế, sự nhắc nhở và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ bảy. [o][15] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp này.

19. Ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, bốn vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, ...(nt)... Ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, mười vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, hai mươi vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự.

Phẩm "Hành sự" là thứ nhất.

*****

[10] [j] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự nhận vào và sự mời ra: Đề cập đến trường hợp úp ngược và mở ra bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi (*VinA.* VII. 1411). Xem chi tiết ở tr. 730-33 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương V, tr. 59-67.

[11] [k] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự đồng ý: Nói về các trường hợp như sau: Sự đồng ý về ranh giới không phạm tội vì xa lìa ba y, sự đồng ý về ngọa cụ, sự đồng ý về vị phân phối chỗ trú ngụ, v.v... (*VinA.* VII. 1411).

[12] [l] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự ban cho: Nói đến trường hợp hành sự giao y *Kaṭhina* hoặc trao quyền thừa kế y của vị đã chết (*Sđd.*).

[13] [m] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự xác định [nền đất]: Liên quan đến điều *Saṅghādisesa* 6 và 7 của Tỳ-khưu về việc xây dựng cốc liêu và trú xá lớn (*Sđd.).*

[14] [n] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - ở hành sự có sự khác biệt về tướng trạng: Ngài Buddhaghosa nói về sự dàn xếp bằng cách dùng cỏ che lấp, có tuyên ngôn hành sự chung cho hội chúng sau khi hai vị Tỳ-khưu đại diện cho hai phe, đã sám hối tội của phe mình (*Sđd.* 1412). Xem chi tiết ở tr. 675 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv.* I, chương IV, tr. 375.

[15] [o] Ngài Buddhaghosa đề cập đến bảy loại hành sự, bắt đầu là sự mời ra ở các loại hành sự như là hành sự khiển trách, v.v..., sự nhận vào ở trường hợp thu hồi hành sự của các loại hành sự trên, sự đồng ý là sự đồng ý về việc giáo giới Tỳ-khưu-ni, sự ban cho là ban cho hành phạt *Parivāsa* và hành phạt *Mānatta*, sự kiềm chế là việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, sự nhắc nhở là các trường hợp nhắc nhở đến lần thứ ba được đề cập trong một số điều học và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng, là nói về hành sự tu lên bậc trên và hành sự giải tội (*VinA.* VII. 1412).

2. PHẨM ĐIỀU LỢI ÍCH

1. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

2. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

3. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

4. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các sự oán hận trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự oán hận trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

5. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các lỗi lầm trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lỗi lầm trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

6. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các sự sợ hãi trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự sợ hãi trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

7. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các pháp bất thiện trong hiện tại, nhằm trừ diệt các pháp bất thiện trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

8. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Vì lòng thương tưởng hàng tại gia, nhằm tách rời các nhóm của những kẻ ác xấu. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

9. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

10. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, nhằm sự hỗ trợ của Luật. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Phẩm "Điều lợi ích" là thứ nhì.

*****

3. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH

1. Giới bổn (*Pātimokkha*) được quy định cho các đệ tử bởi đức Như Lai vì hai điều lợi ích: ...(nt)... Sự đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) được quy định ...(nt)... Sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*) được quy định ...(nt)... Lễ *Pavāraṇā* được quy định ...(nt)... Sự đình chỉ lễ *Pavāraṇā* được quy định ...(nt)... Hành sự khiển trách được quy định ...(nt)... Hành sự chỉ dạy được quy định ...(nt)... Hành sự xua đuổi được quy định ...(nt)... Hành sự hòa giải được quy định ...(nt)... Hành sự án treo được quy định ...(nt)... Sự ban cho hình phạt *Parivāsa* được quy định ...(nt)... Sự đưa về lại [hình phạt] ban đầu được quy định ...(nt)... Sự ban cho hình phạt *Mānatta* được quy định ...(nt)... Sự giải tội được quy định ...(nt)... Sự nhận vào được quy định ...(nt)... Sự đuổi đi được quy định ...(nt)... Sự tu lên bậc trên được quy định ...(nt)... Hành sự với lời công bố được quy định ...(nt)... Hành sự với lời đề nghị được quy định ...(nt)... Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì được quy định ...(nt)... Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư được quy định ...(nt).

Phẩm "Đã được quy định" là thứ ba.

*****

4. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU CHƯA ĐƯỢC QUY ĐỊNH

1. Điều đã được quy định về điều chưa được quy định ...(nt)... Điều đã được quy định thêm ở điều đã được quy định ...(nt)... Cách hành xử Luật với sự hiện diện đã được quy định ...(nt)... Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được quy định ...(nt)... Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được quy định ...(nt)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đã được quy định ...(nt)... Thuận theo số đông đã được quy định ...(nt)... Theo tội của vị ấy đã được quy định ...(nt)... Cách dùng cỏ che lấp đã được quy định nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

2. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

3. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

4. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các sự oán hận trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự oán hận trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

5. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các lỗi lầm trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lỗi lầm trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

6. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các sự sợ hãi trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự sợ hãi trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

7. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các pháp bất thiện trong hiện tại, nhằm trừ diệt các pháp bất thiện trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

8. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Vì lòng thương tưởng hàng tại gia, nhằm tách rời các nhóm của những kẻ ác xấu. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

9. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

10. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, nhằm sự hỗ trợ của Luật. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Phẩm "Đã được quy định về điều chưa được quy định" là thứ tư.

*****

5. PHẨM CHÍN CÁCH TỔNG HỢP

1. Chín cách tổng hợp: Tổng hợp theo sự việc, tổng hợp theo sự hư hỏng, tổng hợp theo tội, tổng hợp theo duyên khởi, tổng hợp theo nhân sự, tổng hợp theo nhóm, tổng hợp theo nguồn sanh tội, tổng hợp theo sự tranh tụng, tổng hợp theo sự dàn xếp.

2. Khi sự tranh tụng sanh khởi, nếu cả hai phe đối địch của sự kiện đều đi đến, sự việc nên được cho công bố đến cả hai bên; sau khi sự việc đã được cho công bố đến cả hai bên, sự thừa nhận của cả hai bên nên được lắng nghe; sau khi đã lắng nghe sự thừa nhận của cả hai bên, cả hai bên nên được nói rằng: "Khi sự tranh tụng này của chúng ta được giải quyết, cả hai bên sẽ được hoan hỷ." Nếu cả hai bên nói rằng: "Chúng tôi sẽ hoan hỷ", hội chúng nên gánh vác sự tranh tụng ấy. Nếu tập thể là có đông kẻ vô liêm sỉ, nên giải quyết bằng đại

biểu. Nếu tập thể là có đông kẻ ngu dốt, nên tìm kiếm vị nắm vững về Luật. Sự tranh tụng ấy được giải quyết bằng Pháp nào, bằng Luật nào, bằng lời dạy nào của bậc Đạo sư thì sự tranh tụng ấy nên được giải quyết theo như thế ấy.

Cần hiểu biết về sự việc. Cần hiểu biết về thể loại. Cần hiểu biết về tên gọi. Cần hiểu biết về tội vi phạm.

3. "Việc đôi lứa" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Pārājika*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

4. "Lấy vật không được cho" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Pārājika*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

5. "Mạng sống con người" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Pārājika*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

6. "Pháp thượng nhân" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Pārājika*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

7. "Sự xuất ra tinh dịch" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

8. "Sự xúc chạm cơ thể" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

9. "Lời nói thô tục" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

10. "Tình dục cho bản thân" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

11. "Sự mai mối" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

12. "Việc cho xây dựng cốc liêu do tự mình yêu cầu [vật liệu]" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

13. "Việc cho xây dựng trú xá lớn" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

14. "Việc bôi nhọ Tỳ-khưu về tội *Pārājika* không có nguyên cớ" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

15. "Việc bôi nhọ Tỳ-khưu về tội *Pārājika* sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

16. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

17. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của các vị Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ [hội chúng]" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

18. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu khó dạy" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

19. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu là kẻ làm hư hỏng các gia đình" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. ...(nt).

20. "Việc đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "*Dukkaṭa*" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

Phẩm "Chín cách tổng hợp" là thứ năm.

*****

TÓM LƯỢC NHÓM NĂM PHẨM:

1. Lời công bố, lời đề nghị, thứ nhì và đến lần thứ tư, sự việc, lời đề nghị, lời tuyên bố, ranh giới và luôn cả tập thể nữa.

2. Hiện diện, sự thẩm vấn, sự thú nhận, vị xứng đáng về Luật, sự việc, hội chúng và cá nhân, [thiếu] lời đề nghị và lời đề nghị sau.

3. Sự việc, hội chúng, nhân sự, sự tuyên bố, sái thời, quá nhỏ và lớn rộng, bị gián đoạn, bóng râm, các điểm mốc.

4. Ở bên ngoài, dòng sông, ở biển, ở hồ nước, gối lên, trùm lên ranh giới [cũ], các nhóm bốn và năm.

5. Mười và nhóm hai mươi, không được đem lại và đã được đem lại, các vị thiết yếu với hành sự, các vị xứng đáng gởi tùy thuận, các vị xứng đáng hành sự.

6. Lời công bố có năm trường hợp, lời đề nghị có chín trường hợp, lời đề nghị đến lần thứ hai có bảy trường hợp, đến lần thứ tư có bảy trường hợp.

7. Sự tốt đẹp, sự an lạc, đối với các kẻ ác xấu, các vị hiền thiện luôn cả các lậu hoặc, sự oán hận, lỗi lầm luôn cả sự sợ hãi, điều bất thiện và đối với hàng tại gia.

8. Có ước muốn ác xấu, đối với những người không niềm tin, đã tin tưởng, việc duy trì Chánh pháp luôn cả sự hỗ trợ Luật và việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*).

9. Và về sự đình chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*), sự đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, [hành sự] khiển trách và chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải.

10. Án treo và hình phạt *Parivāsa*, từ ban đầu, hình phạt *Mānatta*, việc giải tội, việc nhận vào, việc đuổi đi, tương tợ y như thế là việc tu lên bậc trên.

11. Sự công bố, lời đề nghị, lần thứ nhì, lần thứ tư, điều chưa được quy định, điều được quy định thêm, cách hành xử Luật với sự hiện diện, sự ghi nhớ.

12. Khi không điên cuồng, được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội, cách dùng cỏ che lấp sự việc, điều hư hỏng, tội vi phạm, duyên khởi với nhân sự.

13. Và luôn cả các nhóm [tội], các nguồn sanh khởi luôn cả sự tranh tụng nữa, các sự dàn xếp luôn cả sự tổng hợp, tên và tội vi phạm là tương tợ.

TẬP YẾU ĐƯỢC CHẤM DỨT

*****

1. Sau khi hỏi đường lối của các vị thầy tiền bối ở nơi này nơi khác, bậc có đại trí tuệ tên là Dīpa, vị ghi nhớ điều đã nghe, có tầm nhìn bao quát.

2. Sau khi suy nghĩ rồi đã cho ghi lại bộ sách này, một cách chi tiết và tóm tắt, đem lại niềm an lạc cho các vị học trò với đường lối học tập về Trung đạo.

3. Tập ấy được gọi là "Tập yếu", với tất cả các sự việc, cùng với điểm đặc biệt, có ý nghĩa theo ý nghĩa ở Chánh pháp, có giáo lý theo giáo lý ở điều quy định.

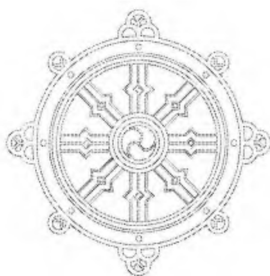
4. Vị ấy đã bao trùm lời giáo huấn, như là biển cả bao quanh xứ Jambudīpa, trong khi không hiểu được bộ *Tập yếu*, làm sao xác định pháp?

5. Điều hư hỏng, sự việc, điều quy định, điều quy định thêm, nhân vật, một [hội chúng] và luôn cả hai phái, việc quy định vì thế gian, do lỗi lầm.

6. Đối với vị nào có hoài nghi sanh khởi thì được dứt bỏ nhờ *Tập yếu*, là vị Chuyển Luân Vương ở đoàn quân vĩ đại, ví như con sư tử giữa bầy thú rừng.

7. Là mặt trời tỏa ánh hào quang, giống như mặt trăng ở nơi chòm sao, là vị Phạm thiên nơi tập thể Phạm thiên, tợ như vị lãnh đạo ở giữa tập thể; cũng vậy, Chánh pháp và Luật chói sáng nhờ bộ *Tập yếu*.

--ooOoo--



PHỤ LỤC 1

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SỐ THEO PHIÊN BẢN PĀLI TÍCH LAN

Các tập luật trong quyển này được Tỳ-khưu Indacanda dịch từ bản Pāli Tích Lan và được phổ biến trên trang nhà www.tamtangpaliviet.net. Chúng tôi giữ nguyên cách đánh số bản Việt ngữ theo hệ thống này. Lưu ý, cách đánh số các đoạn giữa bản Pāli Tích Lan, Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (CST) và Pali Text Society (PTS) cũng có sự sai khác.

2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN

Nhằm hỗ trợ việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pāli và bản Hán, bộ *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*) được sử dụng làm tài liệu chính để tham chiếu. Nguồn: http://cbeta.org/.

3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"… đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"… đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

- Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v…

- Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uẩn, ngũ căn, lục căn, lục độ, thất bảo, thất giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v…

- Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "Vô nhân luận", thuyết "Luân hồi tịnh hóa", v.v…

4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), giới (*sīla*), định (*samādhi*), tuệ (*paññā*), v.v…

4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v…

4.1.4. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền-tử, Xá-lợi-tử, v.v...

4.1.5. Các từ chỉ quả vị đặc biệt, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v… Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v…

4.1.6. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỳ-kheo, Ta nhắc các ông rằng…"

4.1.7. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,…

4.2. Danh từ riêng

4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

4.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước

ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

4.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như "đức", "bậc", "đấng", thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết.

4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành.*

4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

5.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32.

5.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú)

- Các kệ từ 108-115 được viết 108-15.
- Trang 254-256 được viết là 254-56.
- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

6.1.1. Tên tập + (số tập) + số trang.

- *S*. I. 70 (*Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70).
- *Sn*. 140 (*Suttanipāta*, trang 140).
- *J*. I. 389 (*Jātaka*, tập I, trang 389).
- *Vin*. II. 287 (*Vinaya*, tập II, trang 287).
- *Vbh*. 351 (*Vibhaṅga*, trang 351).
- *Kv*. 401 (*Kathāvatthu*, trang 401).
- *DA*. I. 41-2 (*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42).

6.1.2. Tên tập + số kệ

- *Dh*. v. 10 (*Dhammapada*, kệ số 10).
- *Sn*. v. 600 (*Suttanipāta*, kệ số 600).
- *Thag*. v. 1196 (*Theragāthā*, kệ số 1196).

6.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kinh + đoạn

- *S*. 56.25: 1 (*Saṃyutta Nikāya*, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1).

6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục.

- *GS*. II. 42 nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, p. 42.

- *PC*. 338, n. 1 nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), p. 338, note 1.

6.3. Chú thích tên bài kinh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh

Kinh Tham ái (*It*. I. I. §1) nghĩa là *Kinh Tham ái* này nằm trong *Kinh Phật thuyết như vậy*, chương I, phẩm I, kinh số 1.

Kinh Châu báu (*Sn*. II. §1) nghĩa là *Kinh Châu báu* này nằm trong *Kinh tập*, phẩm II, kinh số 1.

Kinh Bāhiya (*Ud*. I. §10) nghĩa là *Kinh Bāhiya* này nằm trong *Kinh Phật tự thuyết,* phẩm I, kinh số 10.

6.4. Chú thích tên kinh: Kết hợp ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*). Nghĩa là *Trường bộ*, kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pāli là *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta,* tên tiếng Việt là "*Kinh Đại niệm xứ.*"

- *D*. I. 113, *Soṇadaṇḍa Sutta* (*Kinh Chủng Đức*). Nghĩa là *Trường bộ*, tập I, trang 113, *Kinh Soṇadaṇḍa Sutta* bằng tiếng Pāli và *Kinh Chủng Đức* bằng tiếng Việt.

6.5. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli

Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara, S. Ābhāsvara, H. 光音天, E. The Radiant gods).

6.6. Chú thích theo Hán văn

6.6.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

6.6.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

6.6.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

6.6.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh* "Nê-hoàn phẩm" 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04, 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, "Nê-hoàn phẩm" thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

6.6.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

- *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự của "Bất đãi phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm.

Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thống nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [ ] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này.

Các chú thích có sẵn trong dịch phẩm vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ *Đại Chánh tạng* và *Nam truyền Đại tạng kinh.*

Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn dịch và tham chiếu của các cước chú.

Về từ "Pāli" (theo hệ thống Kaccāyana) hoặc Pāḷi (theo hệ thống Moggallāna) đều được sử dụng trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ*. Các nhà nghiên cứu và biên tập Tam tạng tại Tích Lan và PTS phần lớn đều dùng "Pāli" theo hệ thống đầu. Hòa thượng Thích Minh Châu cũng dùng "Pāli." Để nhất quán, chư Tôn đức Phật giáo Việt Nam sử dụng từ "Pāli" cho tất cả các bài liên hệ, riêng trong các dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda, vẫn giữ cách dùng từ "Pāḷi" của dịch giả.

Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện *TTTĐPGVN.*

Mọi sự góp ý, xin gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH

(Được sử dụng trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manorathapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-27).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36).

Jātaka, 6 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-96).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-97).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Mahāvaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-99).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-38).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17).

Milindapañha - Milinda Ṭikā, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjotikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-07).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-47).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Minayeff (London: PTS, 1888).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sāratthappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-37).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajotikā* II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18).

Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajotikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-59).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajotikā* VI), ed. by Müller, E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83).

Vibhaṅga, ed. by Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. W. (London: Trübner and Co., 1880).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Cūlavaṃsa (Translation), 2 vols., tr. by Mrs. Rickmers, C. Mabel (London: PTS, 1929-30).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethren* (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Piṭaka), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36).

The Buddhist Monastic Code (*The Pāṭimokkha Training Rules*), tr. and ex. by Ṭhānissaro Bhikkhu (Geoggrey DeGraff) (Copyright Thanissaro Bhikkhu, 1994).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1954-59).

The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, R., Rouse, W. H. D., Francis, H. T., Neil, R. A., Cowell, E. B., and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913).

The Path of Purity, 3 vols., tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Hinuber, Oskar Von, *A Handbook of Pāli Literature* (Berlin, New York: De Gruyter, 1996).

Rhys Davids, C. A. F., *A Manual of Buddhism* (London: Sheldon Press, 1932).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism: A Study of the Buddhist Norm* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism* (New York: G. P. Putnam'son, 1896).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India* (New York: G. P. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903).

Tāranātha, *History of Buddhism in India*, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations* (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).

Winternitz, M., *A History of Indian Literature*, Vol. II, tr. by Mrs. Ketkar, S. and Miss Kohn, H. (India: University of Calcutta, 1933).

Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. W. (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

D. TỪ ĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-38).

Encyclopaedia of Buddhism, 6 vols., ed. by Malalasekera, G. P., Buswell, R. E., Weeraratne, W. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. W. and Stede, William (London: PTS, 1921-25).

SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT

A

B

C

D

Đ

G

H

K

L

M

N

P

Q

R

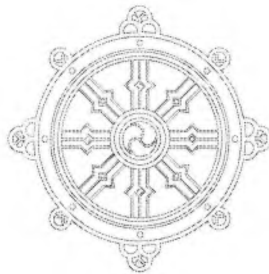
S

T

V

X

Y



SÁCH DẪN PĀLI

E

K

KH

G

GH

C

J

T

TH

D

DH

N

P

B

BH

M

Y

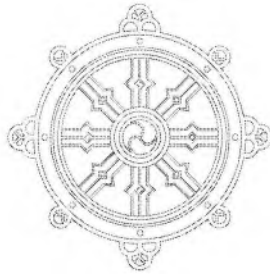
R

L

V

S

H



TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

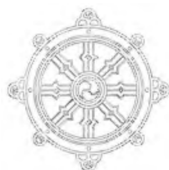
Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.
- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.
- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.
- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

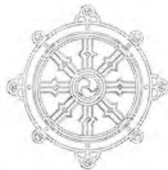
Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.



Thực hiện
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh



TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 11
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ - 11

HỢP PHẦN (KHANDHAKA)
TẬP YẾU (PARIVĀRA)

Việt dịch
TỲ-KHƯU INDACANDA

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập
Nguyễn Thị Cẩm Hồng

Sửa bản in
SC. Liên Liên, SC. Tâm Lành, SC. Liên Hiền, SC. Liên Kỉnh
Ngọc Thanh, Mỹ Hòa, Thủy Tiên, Liên Nguyệt, Hồng Anh

Trình bày & Bìa
Tống Viết Diễn, Đặng Thái Trung

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM – ĐT: 39 433 868

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3
88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38 216 009

GIAN HÀNG M01- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM
Đường Nguyễn Văn Bình, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38 238 191

Thực hiện liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In lần thứ nhất, số lượng 6.000 cuốn, khổ 19 x 27 cm, tại Công ty Cổ phần In Khuyến học phía Nam
Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, TP.HCM
XNĐKXB số: 613-2022/CXBIPH/02-47/THTPHCM
QĐXB số: 319/QĐ-THTPHCM-2022 ngày 27 tháng 5 năm 2022
ISBN: 978-604-335-727-1
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

